

Kinh Hoa Nghiêm Tịnh Hạnh Phẩm Q2



Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến, Huệ Trang và Đức Phong

---o0o---

Nguồn

<http://www.niemphat.net>

Chuyển sang ebook 02-05-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Tập 1491
Tập 1492
Tập 1493
Tập 1494
Tập 1495
Tập 1496
Tập 1497
Tập 1498
Tập 1499

Tập 1500
Tập 1501
Tập 1502
Tập 1503
Tập 1504
Tập 1505
Tập 1506
Tập 1507
Tập 1508
Tập 1509
Tập 1510
Tập 1511
Tập 1512
Tập 1513
Tập 1514
Tập 1515
Tập 1516
Tập 1517
Tập 1518

---o0o---

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm**

大方廣佛華嚴經

(十一) 淨行品

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

---o0o---

Tập 1491

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Hôm nay là ngày Nguyên Đán năm 2006. Trước hết, ở đây, tôi chúc phước mọi người *“năm mới hoan hỷ”*. Trong Phật môn, có hai câu: *“Chư ác mạc tác, niên niên như ý; chúng thiện phụng hành, tuế tuế bình an”* (Đừng làm các điều ác, năm nào cũng như ý. Vâng làm các điều thiện, năm nào cũng bình an). Chúng ta vẫn tuân thủ lời dạy của đức Phật, *“đừng làm các điều ác, vâng làm các điều*

thiện” thì mới thật sự có thể đạt được “năm nào cũng bình an, năm nào cũng như ý”. Cảm ơn mọi người!

Xin xem phần trường hàng của phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tức phần trường hàng nêu câu hỏi, xem đoạn cuối cùng, chúng tôi còn một câu chưa giảng xong. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này một lượt.

(Kinh) Vân hà ư nhất thiết chúng sanh trung vi đệ nhất, vi đại, vi thắng, vi tối thắng, vi diệu, vi cực diệu, vi thượng, vi vô thượng, vi vô đẳng, vi vô đẳng đẳng?

(經)云何於一切眾生中為第一。為大。為勝。為最勝。為妙。為極妙。為上。為無上。為無等。為無等等。

(Kinh: Làm thế nào để trong hết thấy chúng sanh sẽ là bậc nhất, là lớn, là thù thắng, là tối thắng, là diệu, là cực diệu, là thượng, là vô thượng, là vô đẳng, là vô đẳng đẳng?)

Lần trước, chúng tôi đã nói đến Diệu. Đối với Diệu và Cực Diệu, trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã giảng:

(Sớ) Diệu giả, Phiền Não Chướng tận cố. Cực diệu giả, Sở Tri Chướng tận cố.

(疏)妙者，煩惱障盡故。極妙者，所知障盡故。

(Sớ: “Diệu” là đã hết sạch Phiền Não Chướng. “Cực diệu” là đã hết sạch Sở Tri Chướng).

Hai câu này nói rất hay! Phiền Não Chướng là Kiến Tư, chúng ta gọi [Kiến Tư] là “kiến giải sai lầm, tư tưởng sai lầm”. Vì tư tưởng và kiến giải sai lầm, cho nên dẫn đến lời nói và hành vi của chúng ta sai lầm. Vì vậy, mới chuốc lấy quả báo bất thiện. Tuy Sở Tri chẳng phải là chướng, nhưng loại chướng ngại này có thể ngăn trở sự hiểu biết của chúng ta. Trên thực tế, Phiền Não và Sở Tri có quan hệ liên đới. Kinh Hoa Nghiêm chẳng nói Kiến Tư phiền não, mà nói là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”. Chấp trước là Phiền Não Chướng, vọng tưởng là Sở Tri Chướng. Kinh Hoa Nghiêm nói [như vậy] dễ hiểu! Nói cách khác, chúng ta chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, Phiền Não Chướng sẽ hết. Chư vị hãy suy nghĩ cẩn thận, khéo suy tưởng, quý vị thấy phiền não có phải là sanh từ chấp trước hay không? Nếu không chấp trước, quý vị hãy ngắm xem, có còn phiền não hay chẳng? Người thế gian gọi [chấp trước] là “thành kiến”, thành kiến là chấp trước! Luôn nghĩ chính mình là đúng, người khác sai be bét!

Trong cảm nhận của Phật, Bồ Tát, pháp nào cũng đều như nhau, mọi pháp bất nhị! Nay chúng ta có chấp trước, tà và chánh là hai pháp, thiện và ác là hai pháp, đúng và sai là hai pháp, chân và vọng là hai pháp. Nếu quý vị gặp Lục Tổ Huệ Năng, hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài sẽ dạy: *“Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”*. Đối với pháp bất nhị, tà và chánh là pháp bất nhị, tà và chánh như một. Đúng và sai như một, thiện và ác như một; do đó, mọi pháp đều là Như. Vì sao? Không chấp trước, sẽ chẳng có [những thứ đối lập ấy]. Hễ chấp trước một cái là chánh, đối lập với chánh sẽ là tà. Chấp trước một pháp là đúng, tương phản với đúng là sai, luôn rớt vào hai bên! Kinh Bát Nhã đã dạy chúng ta: *“Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng tồn tại”*. Hai bên đã không lập, hễ còn có Trung Đạo, Trung Đạo cũng là giả, chẳng phải là thật. Trung Đạo và hai bên [nếu vẫn tồn tại], chẳng phải là lại biến thành đối lập hay sao? Quý vị vĩnh viễn chẳng có đối lập, tuyệt lắm! Nhưng cảnh giới này là cảnh giới của Bồ Tát. Nếu quý vị có cảnh giới này, chúc mừng quý vị, quý vị chẳng phải là Bồ Tát, nhưng cách Bồ Tát chẳng xa, cũng là rất gần gũi!

Do vậy, đối với pháp môn Bất Nhị được nói trong giáo pháp Đại Thừa, ai sẽ nhập Bất Nhị môn? Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo nhập Bất Nhị môn. *“Nhập Bất Nhị môn”* là thoát ly lục đạo, thoát ly mười pháp giới. Bất Nhị môn ở chỗ nào? Bất Nhị môn là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Hoa Tạng, mà cũng là thế giới Cực Lạc. Do vậy, trong Tịnh Độ Tông, vị đường chủ Niệm Phật Đường thường nhắc nhở đại chúng, không gì chẳng nhằm khiến cho đại chúng cảnh giác, chớ nên có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, vị đường chủ thường nhắc nhở: *“Buông xuống thân, tâm, thế giới, nhất tâm niệm Phật”*, hoặc là như kinh Vô Lượng Thọ đã nói *“nhất hướng niệm Phật”* (một mực niệm Phật), như thế là đúng. Nếu chẳng buông thân, tâm, thế giới xuống, “chẳng buông xuống” chính là có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị còn có ưu lự, còn có vướng mắc, cho nên quý vị không buông xuống được, sẽ là phiền não, là Sở Tri, là chướng ngại!

Trong một khắc vãng sanh, chẳng thể có chướng ngại. Hễ có chướng ngại, sẽ không thể vãng sanh. Chỉ cần một niệm cuối cùng chẳng có chướng ngại, chắc chắn sẽ vãng sanh. Nhưng trong niệm cuối cùng ấy, quý vị có thể nắm chắc hay không? Niệm Phật trong thường nhật là luyện tập công phu, khi nào sẽ dùng tới? Trong một niệm cuối cùng lúc lâm chung. Hy vọng lúc bình thường sẽ niệm rất thuần thực. Do vậy có thể biết: Thông thường phải luyện tập buông xuống, lâm chung mới nắm

chắc. Lúc bình thường niệm Phật, chuyện gì cũng đều chẳng buông xuống được, quý vị nói xem: Khi lâm chung, có thể nắm chắc hay không? Chẳng đáng tin cậy! Vì thế nói: *“Người niệm Phật đông đảo, kẻ vãng sanh ít ỏi”*. Phải biết vì sao chẳng thể vãng sanh? Do hai thứ chướng ấy. Vì thế, lúc bình thường phải nhặt bớt hai thứ chướng ấy. Tuy chẳng thể đoạn, phải dừng quá mức coi trọng chúng. *“Phân biệt”*: Đối với hết thảy các pháp, sẽ phân biệt, chấp trước rất mỏng, mong sao mỗi năm một nhặt hơn, công phu sẽ có tiến bộ. Nắm vững vàng một câu Phật hiệu thì là đúng. Trừ câu Phật hiệu ra, thứ gì cũng đều là giả, thứ gì cũng đều là rỗng không. Trong hết thảy các pháp, quan trọng nhất là phải nhặt bớt [cái tâm coi trọng sự] được mất. Đạt được, không sanh tâm hoan hỷ, giống như chẳng đạt được! Mất đi, tuyệt đối chẳng áo não, giống như chẳng có. Vĩnh viễn gìn giữ sự thanh tịnh trong tâm địa, chẳng sanh một vọng niệm nào! Đây là công phu, ở đây nói là *“cực diệu”*!

Lại xem câu kế tiếp là hai câu *“vi thượng, vi vô thượng”*.

(Sớ) Thượng giả, vọng hạ vô cập cố.

(疏)上者，望下無及故。

(Sớ: “Thượng” là nhìn xuống thì chẳng có gì bằng được).

Những gì thấp hơn sẽ chẳng thể đạt đến [điều này] được! Đây là quả địa Như Lai, thấp hơn là Đẳng Giác. Dưới Đẳng Giác là Thập Địa, đều chưa đạt tới quả vị rốt ráo, cho nên gọi là Thượng. *“Vô thượng”* chính là quả vị rốt ráo, lên cao hơn nữa, chẳng có gì ở trên nữa, nó đã đạt tới tột đỉnh. Vì thế, đây là quả vị Phật quả rốt ráo. Chư vị phải biết: Quả vị Phật rốt ráo đã đoạn hết bốn mươi một phẩm vô minh. Địa vị Bồ Tát cao nhất là Đẳng Giác, Đẳng Giác Bồ Tát chỉ còn sót lại một phẩm [vô minh], gọi là *“sanh tướng vô minh”*. Quý vị suy nghĩ danh tự của loại “vô minh” này, nhìn vào tên, suy nghĩ ý nghĩa. Nếu đoạn phẩm vô minh này, tướng sẽ chẳng có nữa! Tất cả các tướng biến hiện trong vũ trụ, kể cả Nhất Chân pháp giới; Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới thảy đều chẳng có. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: *“Giác hậu không không vô đại thiên”* (Giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Đại thiên thế giới chẳng có; đại thiên thế giới là mười pháp giới. Nhất Chân pháp giới cũng chẳng có, sau khi giác ngộ, chúng sẽ rỗng không, đại thiên thế giới bèn rỗng không, chẳng có nữa. Vô thượng đấy!

Nhưng Phật, Bồ Tát đều hết sức từ bi, đã đạt đến cảnh giới này, các Ngài chẳng đoạn một phẩm vô minh tối hậu ấy. Chư vị phải hiểu: Chẳng phải là không có năng lực đoạn, không như Đẳng Giác, Đẳng Giác muốn

đoạn, nhưng chẳng đoạn được. Như Lai không đoạn, hễ Ngài muốn đoạn, xác thực là có thể đoạn. Vì sao chẳng đoạn? Đã đoạn, sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Không đoạn, gọi là “*lưu Hoặc nhuận sanh*” (留惑潤生, chừa lại phiền não để lợi lạc chúng sanh), đây là đại từ đại bi. Ngài muốn giữ lại một phẩm vô minh này, giữ lại để làm gì? Giữ lại để hiện tướng! Ngài có thể ở trong Nhất Chân pháp giới, có thể ở trong mười pháp giới đắc đại tự tại. Chúng sanh có cảm, Ngài sẽ có ứng, đáng nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Chư vị phải biết, đạt đến [địa vị] Pháp Thân Bồ Tát, sẽ chẳng có thân tướng nhất định. Các Ngài chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, lấy đâu ra thân tướng? Các Ngài hiện tướng nhằm tùy loại hóa thân (thuận theo từng loài để hóa thân giống như họ hồng thực hiện hạnh Tứ Nhiếp). Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ). Trong tâm chúng sanh mong Ngài có hình dạng như thế nào, Ngài bèn hiện hình dáng như thế ấy. Trong tâm bọn chúng sanh chúng ta nghĩ Quán Thế Âm Bồ Tát là tướng nữ, Ngài liền hiện tướng nữ. [Cho rằng] Quán Thế Âm Bồ Tát là tướng nam, Ngài bèn hiện tướng nam. Đây gọi là “*tùy tâm ứng lượng*”. Thuyết pháp cũng giống như thế, chẳng có pháp nhất định để có thể nói! Vì thế, Phật và Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, chẳng có hình tướng nhất định, chẳng có pháp nhất định để có thể nói! Nhất định phải biết điều này. Do vậy, mới là kế cơ, kế lý.

Hai câu cuối cùng là “*vô đẳng, vô đẳng đẳng*” được chú giải như sau:

(Sớ) *Vọng hạ vô trừ cố.*

(疏)望下無儔故。

(Sớ: *Do vì nhìn xuống dưới chẳng có gì cùng hàng*).

Nhìn xuống dưới thì là Đẳng Giác. Tuy là Đẳng Giác, nhưng Đẳng Giác vẫn chẳng phải là Phật quả rốt ráo viên mãn, chỉ là hết sức gần gũi. [“*Đẳng*” (等)] là bằng với, hoàn toàn chưa phải là “chính là”. Do vậy, nói thật ra, “*vô đẳng*” là chẳng thể bằng Ngài được, xác thực là còn kém hơn một bậc. “*Vô đẳng đẳng*”: Đẳng Giác Bồ Tát đồng đẳng, quý vị thấy có khá nhiều vị Đẳng Giác Bồ Tát. Những địa vị ấy có thể nói là thường ở cùng một chỗ với quả địa rốt ráo, đã hòa lẫn thành một khối, xét theo Sự, quyết định là chẳng có tầng cấp. Xét theo Lý, các Ngài mong phá một phẩm vô minh mà chẳng phá được! Như Lai xác thực là có năng lực phá

một phẩm sanh tướng vô minh ấy, nhưng chẳng phá, [đấy là] “vô đẳng đẳng”!

Câu [chú giải] kế tiếp là:

(Sớ) Sở dĩ quảng cử chư đức giả.

(疏)所以廣舉諸德者。

(Sớ: Sở dĩ nêu rộng rãi các đức).

“Quảng cử chư đức” là như trong hai mươi câu hỏi trong phần trước, hai mươi đoạn ấy.

(Sớ) Dục hiển hạnh chi thắng cố.

(疏)欲顯行之勝故。

(Sớ: Là vì muốn hiển thị hạnh thù thắng).

Đối với chữ Hạnh (行) này, cổ nhân “khuyên” (圈, chấm một vòng tròn nhỏ) bên phải, [ngụ ý] phải đọc giọng Khứ Thanh, [tức là] đọc thành Hèng (Hạnh). “Dục hiển hạnh chi thắng cố”: Hãy nên hiểu chữ Hạnh này là động từ, nhưng hiện thời, có rất nhiều người đọc là Xíng (Hành), chúng ta đọc là Hạnh. Biết chữ Hạnh này là động từ, chẳng phải là danh từ, chẳng phải là hình dung từ, biết [như vậy] là được rồi. Hiểu hạnh của chư Phật Như Lai và Bồ Tát thù thắng khôn sánh! Quý vị thấy Trí Thủ Bồ Tát hỏi nhiều vấn đề như vậy. Từ những câu hỏi ấy, quý vị sẽ hiểu Bồ Tát hạnh, nhưng Bồ Tát hạnh từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, chúng ta chẳng thể không biết!

(Sớ) Thượng lai vấn cách.

(疏)上來問竟。

(Sớ: Từ phần trước cho tới chỗ này là đã hỏi xong).

Đến đây, chúng ta đã đọc xong những câu hỏi của Trí Thủ Bồ Tát. Tiếp theo đây là phần giải đáp của Văn Thủ Bồ Tát; vì thế, đoạn lớn thứ hai là...

(Sớ) Văn Thủ đáp.

(疏)文殊答。

(Sớ: Ngài Văn Thủ trả lời).

Trong phần kinh văn giải đáp, lại chia thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất:

(Sớ) Thán vấn thành ích.

(疏)歎問成益。

(Sớ: Khen ngợi lời hỏi đã tạo lợi ích).

Tán thán Trí Thủ Bồ Tát có thể nêu ra những câu hỏi ấy, lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh. Nếu Ngài không hỏi, chúng ta nghĩ chẳng ra. Ngài vừa hỏi, chúng ta nghe xong đều gật đầu, xác thực là sẽ ca ngợi: - Hỏi hay quá! Chúng tôi thật sự muốn biết, nhưng chẳng nói lên lời, Ngài thay chúng tôi nêu ra.

Chúng ta xem kinh văn.

*(Kinh) Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cáo Trí Thủ Bồ Tát ngôn: -
Thiện tai Phật tử!*

(經)爾時文殊師利菩薩。告智首菩薩言。善哉佛子。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Trí Thủ Bồ Tát: -
Lành thay! Phật tử).*

Câu “*thiện tai Phật tử*” là tán thán. Chữ “*Phật tử*” chỉ Trí Thủ Bồ Tát.

(Kinh) Nhữ kim vị dục đa sở nhiều ích, đa sở an ổn, ai mãn thế gian, lợi lạc thiên nhân, vấn như thị nghĩa.

(經)汝今為欲多所饒益。多所安隱。哀愍世間。利樂天人。問如是義。

(Kinh: Nay ông vì muốn tạo nhiều lợi ích phong phú, nhiều an ổn, thương xót thế gian, lợi lạc trời người mà hỏi những nghĩa như vậy).

Quý vị hỏi hay lắm! Ở đây, Thanh Lương đại sư chú giải:

(Sớ) Ngôn nhiều ích giả, lợi ích dã.

(疏)言饒益者，利益也。

(Sớ: Nói “nhiều ích” tức là lợi ích).

“*Nhiều*” (饒) là hết sức phong phú, lợi ích phong phú. Lợi ích chúng sanh, lợi ích người, trời. “*An ổn*” (安隱)¹ là an lạc, hoàn toàn tương phản với xã hội hiện thời! Hiện thời, xã hội động loạn, bất an, khổ nạn rất nhiều. Do vậy, chúng ta luôn cầu an định, luôn hy vọng là khổ được vui. Trong từ ngữ “*lợi nhạo*” ở phía sau [của lời tán thán], “*nhạo*” (樂) là “hoan hỷ, yêu chuộng”; cũng có thể đọc thành “*lợi lạc*”, [nghĩa là]

“lợi ích vui sướng”, [đọc theo kiểu nào cũng] đều có thể nói xuôi tai được! Nói tóm lại, lợi và lạc thì hai mươi câu hỏi trong phần trước đã bao gồm trọn hết. Điều chúng ta mong cầu chính là tự lợi, lợi tha, cầu chính mình giác ngộ chứng quả, cũng nguyện cho hết thảy chúng sanh đoạn Hoặc, chứng Chân. Đoạn này nhằm tán thán Trí Thủ Bồ Tát có thể nêu lên nhiều câu hỏi như vậy.

Tiếp đó là đoạn thứ hai, [ngài Thanh Lương gọi đoạn này] là:

(Sớ) Chánh thù kỳ vấn.

(疏)正酬其問。

(Sớ: Chánh thức giải đáp những câu hỏi ấy).

“Thù” (酬) là đền đáp, trả lời những câu hỏi do Trí Thủ Bồ Tát đã nêu.

(Sớ) Ư trung nhị.

(疏)於中二。

(Sớ: Trong ấy có hai [tiểu đoạn]).

Trong phần trả lời có hai đoạn. Đoạn thứ nhất là...

(Sớ) Tiêu nhân thành đức, thù kỳ cử đức.

(疏)標因成德，酬其舉德。

(Sớ: Nêu ra cái nhân tạo thành đức, nhằm trả lời [câu hỏi về] các đức đã được nêu).

Trí Thủ Bồ Tát nêu câu hỏi. “Cử” (舉) là “cử vấn” (舉問, nêu lời hỏi). Nếu Ngài đã nêu câu hỏi, nhất định phải trả lời Ngài. Đoạn lớn thứ hai kế tiếp là:

(Sớ) Chỉ sự hiển nhân, thù kỳ trưng nhân.

(疏)指事顯因，酬其徵因。

(Sớ: Nêu ra sự để hiển thị cái nhân, nhằm tương ứng với những cái nhân đã được gạn hỏi).

Ngài (Trí Thủ Bồ Tát) từng hỏi vì sao. “Vì sao” là hỏi về cái nhân. Có nhân thì mới có quả; có quả, ắt có nhân. Thế gian có thể có nhiều sự tương ngàn ấy, vì sao có thể có [những sự tương ấy]? Phần kinh văn dưới đây sẽ giải đáp.

(Sớ) Sơ tiên.

(疏)初先。

(Sớ: Đoạn đầu tiên).

“Sơ tiên” là đoạn thứ nhất. “Tiên” (先) là đoạn thứ nhất. Chúng ta xem kinh văn:

(Kinh) Phật tử! Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức. Ư chư Phật pháp, tâm vô sở ngại, trụ khứ lai kim chư Phật chi đạo, tùy chúng sanh trụ, hằng bất xả ly, như chư pháp tướng, tất năng thông đạt, đoạn nhất thiết ác, cụ túc chúng thiện, đương như Phổ Hiền sắc tượng đệ nhất, nhất thiết hạnh nguyện giai đắc cụ túc, ư nhất thiết pháp vô bất tự tại, nhi vi chúng sanh đệ nhị đạo sư.

(經)佛子。若諸菩薩善用其心。則獲一切勝妙功德。於諸佛法。心無所礙。住去來今諸佛之道。隨眾生住。恆不捨離。如諸法相。悉能通達。斷一切惡。具足眾善。當如普賢色像第一。一切行願皆得具足。於一切法無不自在。而為眾生第二導師。

(Kinh: Nay Phật tử! Nếu các Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thấy công đức thù thắng nhiệm màu, trong các Phật pháp, tâm không bị chướng ngại, trụ trong đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, thuận theo chúng sanh mà trụ, thường chẳng lìa bỏ. Như các pháp tướng, thấy đều có thể thông đạt, đoạn hết thấy ác, trọn đủ các điều thiện, sẽ như Phổ Hiền sắc tượng bậc nhất, hết thấy hạnh nguyện đều được trọn đủ. Trong hết thấy các pháp, không gì chẳng tự tại, là đạo sư thứ hai của hết thấy chúng sanh).

Đoạn này nhằm trả lời Trí Thủ Bồ Tát. Đây chính là “*tiêu nhân thành đức, thù kỳ cử đức*” (nêu ra cái nhân tạo thành đức, nhằm trả lời câu hỏi về những đức đã được nêu). Trước hết, chúng ta thấy trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Tiêu tiêu kỳ nhân.

(疏)先標其因。

(Sớ: Trước hết, nêu ra cái nhân).

“Tiêu” (標) là chỉ ra, [tức là] chỉ ra cái nhân thật sự của chúng (các đức đã được nêu trong câu hỏi). Nhân là gì? Nhân là tâm.

(Sớ) *Vị thiện dụng kỳ tâm. Tâm giả, thần minh chi áo, tâm chánh, tắc vạn đức du quy.*

(疏)謂善用其心。心者，神明之奧，心正則萬德攸歸。

(Sớ: Tức là nói “khéo dùng cái tâm”. Tâm sáng suốt, thông đạt sâu thẳm. Tâm đã chánh thì muôn đức đều tụ về).

Chúng ta xem trước câu này. Câu này hết sức trọng yếu. Nếu ai hiểu, học hiểu, quyết định sẽ thành tựu trong một đời này. Khéo dùng cái tâm! Quý vị thấy Văn Thù Bồ Tát nói “*nhược chư Bồ Tát*” (nếu các Bồ Tát). “*Chư Bồ Tát*” là từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác, năm mươi hai tầng cấp. Đương nhiên là bậc Bồ Tát đã chứng quả sẽ chẳng có vấn đề, [các Ngài] đúng là “*khéo dùng cái tâm*”. Những ai [khéo dùng cái tâm]? Chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được nói trong kinh Hoa Nghiêm, các Ngài quyết định chẳng có vấn đề. Thiên Tông nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, đã minh tâm kiến tánh thì đương nhiên là khéo dùng cái tâm này.

Người sẽ gặp vấn đề trong việc “*khéo dùng cái tâm*” là ai? Kẻ chẳng minh tâm, kẻ chẳng kiến tánh. Tâm là gì? Không biết. Quý vị thấy vừa mở đầu kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã gạn hỏi ngài A Nan. Đức Phật chẳng nói chân tâm hay vọng tâm là gì; trước hết, chẳng bàn tới chân tâm hay vọng tâm, mà trước hết là hỏi “*tâm ở đâu?*” Ngài A Nan giỏi hơn chúng ta, nêu ra sáu chỗ, đều bị đức Thế Tôn phủ định; nhưng Ngài vẫn chẳng nói đến tâm, chỉ hỏi tâm ở chỗ nào! Lũ người thế gian bình phàm như chúng ta luôn nói tới tâm, tâm rốt cuộc là gì? Không biết! Tâm đang ở đâu? Cũng không biết luôn! Quý vị dùng gì vậy? Đối với tu hành, chuyện này là căn bản. Nếu quý vị không hạ thủ công phu nơi căn bản, tức là đã dùng sai cái tâm mất rồi! Tâm được nói ở đây chính là chân tâm; do vậy, trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói: “*Tâm giả, thần minh chi áo*”. “*Thần*” (神) có nghĩa là gì? Nghĩa là thông đạt, thông đạt vạn vật, kể cả hết thảy các hiện tượng (現相, tướng được biến hiện). Tánh, tướng của nó, Tánh là Thể, Tướng là hiện tượng. Lý Sự: Lý là đạo lý, vì sao nó có thể phát sanh? Sự là sự tướng. “*Nhân quả*”: Nhân quả nơi Lý, nhân quả nơi sự tướng. Chúng ta thường dùng sáu chữ này, tức “*tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả*”; thông đạt hiểu rõ [sáu khái niệm ấy]. Đây là tâm.

Giáo pháp Đại Thừa thường nói chân tâm vốn trọn đủ vô lượng trí huệ và đức tướng. Trong chân tâm của chúng ta, vốn sẵn có [những thứ ấy], chẳng phải là do bên ngoài mà có. Nho gia nói “*tánh bốn thiện*” (tánh vốn lành). Cái tánh vừa được nói ấy chính cái tâm đang nói ở đây, vốn lành! “*Vốn lành*” là nói về điều gì? Đức Phật đã nói rõ ràng, “*vốn lành*” là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, nhưng hết thảy chúng sanh và chư Phật Như Lai hoàn toàn bình đẳng, chẳng có sai

biệt. Chân tâm của chúng ta và Phật tâm chẳng khác nhau! Vì thế, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Vì sao đều là Phật? Chân tâm giống hết, trí huệ và đức tướng giống hết, chẳng sai biệt mảy may! Phật thấy như vậy đó. “*Áo*” (奧) là sâu thẳm. Chúng sanh trong mười pháp giới đã mê mất chân tâm từ vô thủy tới nay. Sau khi đã mê mất, tức là “*chẳng khéo dùng cái tâm*”. Sau khi đã mê mất, sử dụng gì? Dùng vọng tâm! Dùng vọng tâm thì sẽ bất thiện. Chân tâm mới là thiện, then chốt ở chỗ này!

Chân tâm có hình dạng như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cái tâm ấy là chân tâm. Hễ kèm theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì là vọng tâm. Chân thì là bình đẳng, còn vọng sẽ có tầng cấp sai khác, tức là do mê hay ngộ có cạn hay sâu khác nhau. Lục đạo phàm phu mê sâu nhất, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều có; [do vậy], chân tâm chẳng thể hiện tiền. Loại chúng sanh này khó giáo hóa nhất. Họ mê quá sâu, mê đã lâu, cho nên phải mất thời gian rất dài để tiếp nhận sự hun đúc của Phật pháp thì mới có một tí thiện căn. Nếu chẳng tiếp nhận sự hun đúc của Phật pháp, thiện căn sẽ không có cách nào kiến lập. [Vì thế], trong kinh đức Phật mới nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”.

Được làm thân người, vì sao là đáng quý? Nghe Phật pháp đáng quý nhất. Nghe Phật pháp, tuy quý vị chưa ngộ, nhưng trong A Lại Da đã có chủng tử Phật pháp. Đây là khởi nguyên của thiện căn, là chủng tử của thiện căn. Có chủng tử như thế, nếu gặp Phật duyên, nó sẽ có thể tăng trưởng. Tăng trưởng có thể chẳng nhanh chóng. Vì thế, để tu hành thành Phật, phải mất vô lượng kiếp là do đạo lý này. Vì phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng có khả năng đời đời kiếp kiếp đều được làm thân người, chuyện này rất khó khăn! Dẫu đời đời kiếp kiếp đều được làm thân người, chưa chắc quý vị đã đời đời kiếp kiếp đều có cơ hội nghe Phật pháp. Vì thế mới nói “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Được làm thân người, được nghe Phật pháp, chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức của quý vị mới được huân tu. Phải huân tu một thời gian rất dài thì mới thật sự biến thành thiện căn.

Giống như chúng ta gieo hạt giống thực vật trong bùn đất, cũng phải mất một khoảng thời gian nó mới đâm rễ. Phía dưới là mọc rễ, phía trên là nảy mầm, rễ bèn có sức mạnh. Hãy nghĩ tới căn cội của chúng ta trong hiện tại, chủng tử ấy có “mọc rễ” hay chẳng? Có “nảy mầm” hay chẳng? Nhìn từ chỗ này, quý vị sẽ thấu hiểu: Chúng ta có chủng tử. Phàm là các đồng học học Phật, nếu trong A Lại Da chẳng có chủng tử Phật

pháp, chắc chắn là quý vị chẳng thể tiến nhập Phật môn được! Nếu chúng tử chẳng đủ sâu, tuy đã vào cửa, sẽ lắc đầu bỏ đi. Chúng ta thấy hiện tượng ấy, trong tâm hiểu rành mạch, rõ ràng: Kẻ đó có căn cội ấy, nhưng huân tập không đủ. Nếu muốn có căn cội, tức là chúng tử dưới là bén rễ, trên là nảy mầm, theo như chúng tôi suy tưởng, nhất định là đã nhiều đời nhiều kiếp thì mới có sức mạnh ấy, Phật môn thường nói là “*thiện căn sâu dầy*”. Người ấy vừa tiếp xúc liền sanh tâm hoan hỷ, chúng tỏ chúng tử Phật trong A Lại Da Thức đã bén rễ, nảy mầm, cho nên vừa tiếp xúc bèn sanh tâm hoan hỷ. Hoặc là thấy tượng Phật, hoặc là nghe danh hiệu Phật, Bồ Tát, hoặc là tiếp xúc Phật pháp, tâm sanh hoan hỷ. Nếu tiếp xúc không lâu, mới tiếp xúc mấy tháng, nửa năm, đã dấy khởi lòng kính ngưỡng, tôn trọng, chẳng hoài nghi, hoan hỷ học tập, có thể nói người ấy có thiện căn khá sâu dầy!

Khi ấy, sẽ tùy thuộc duyên phận của người ấy. Nếu duyên thù thắng, có thể thường xuyên tiếp xúc Phật pháp, thân cận thiện hữu, ham học chẳng biết mỏi mệt, quý vị hãy chú tâm quan sát, thiện căn của người ấy có thể chín muồi trong đời này. Điều này rất có thể xảy ra. Lão hòa thượng, thiện tri thức dạy học trò, quán cơ ở chỗ nào? Chính là quan sát từ chỗ này. Trong thời kỳ Mạt Pháp, thiện tri thức, lão hòa thượng cũng là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Thời cổ có thánh nhân, chúng sanh có phước đức to lớn ngàn ấy. Phật, Bồ Tát đến ứng hóa, A La Hán đến ứng hóa, chuyện quán cơ (xem xét căn cơ) chẳng có mấy may mắn! Còn như bọn phàm phu chúng ta, chẳng đoan một phẩm thiện nào, chúng ta quán cơ phải cậy vào kinh giáo, phải nhờ vào kinh nghiệm. Do vậy, chúng ta học Phật mà có thể nắm vững, chẳng bị cảnh giới bên ngoài dẫn dụ, mê hoặc, chẳng bị dao động bởi chúng, chỉ có một cách là thâm nhập kinh tạng, chỉ có cách này! Sau đấy, sẽ niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ hòng thoát lìa. Thâm nhập kinh tạng, quý vị mới chẳng bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, giữ vững “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi*”, quý vị mới thể giữ được. Nếu chẳng thâm nhập kinh tạng, chắc chắn sẽ bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, sẽ chẳng thể giữ vững nổi! Do vậy, phải ham học!

Nếu có duyên phận, hãy nên biết, chỉ cần thật sự hiểu học, thì duyên sẽ do Phật, Bồ Tát gia trì. Đúng như kinh luận đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Một người hiểu học, Phật, Bồ Tát sẽ chiếu cố, sẽ giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị có cơ hội. Phật pháp nói “*duyên phận*”, người hiện thời gọi [duyên phận] là “*cơ hội*”. Cơ hội học tập chẳng để cho quý vị gián đoạn, nhưng hoàn cảnh học tập thường là có

sai khác: Có thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, không gì chẳng phải là hoàn cảnh để quý vị tu học! Đối với thuận cảnh, thiện duyên, chẳng sanh lòng tham ái; trong nghịch cảnh, ác duyên, chẳng sanh sân khuể. Do vậy, ở trong cảnh giới, biến hóa lẫn nhau, khiến cho quý vị học tập từ kinh giáo, sau đấy mới rèn luyện từ sự tướng. [Đấy chính là] năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử! Đó là học vấn thật sự. Trong cuộc sống hằng ngày, hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất đều là Tăng Thượng Duyên, đều nhằm rèn luyện quý vị, mài mòn tập khí phiền não của quý vị.

Cổ đại đức thường nói, đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, Mạt Pháp cũng có nghĩa là giáo dục của thánh hiền bị sa sút. Trong xã hội hiện tiền, chúng ta lãnh hội chuyện này rất sâu! Khoa học kỹ thuật phát triển, đúng là tiến bộ vùn vụt, nhưng nó đem lại những tác dụng phụ, tức là người phương Tây không tin vào tôn giáo. Vì tôn giáo luôn nói "*vạn vật trong trời đất do Chúa tạo ra*", khoa học chứng minh dường như chẳng có Chúa, [rất nhiều thứ tưởng chừng chẳng thể mà nay] con người có thể làm được. Hiện thời, có thể lữ hành, có thể hướng ra ngoài du hành trong không gian. Tôn giáo suy vi! Tại Trung Hoa, rất bất hạnh là trong hơn một trăm năm qua, xã hội động loạn, chiến tranh (Đệ Nhị Thế Chiến) đã khiến cho trật tự xã hội rối tung, cho đến hiện thời, vẫn chẳng thể khôi phục. Giáo dục luân lý, đạo đức của cổ thánh tiên hiền bị quên tuốt! Vì vậy, ác nghiệp tăng trưởng, thiện căn rất mỏng manh, yếu ớt. Kẻ có thiện căn ngày càng ít ỏi. Dẫu có đôi chút thiện căn, chẳng chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc. Chúng ta thấy một hiện tượng phổ biến là trông thấy kẻ khác làm một chuyện tốt, làm một thiện sự, thường là có kẻ khác ngăn trở, quấy phá, chẳng mong quý vị làm thành công! Người đời trông thấy cái lợi nhỏ nhoi trước mắt, chẳng biết đến lợi ích to lớn mai sau, chẳng hiểu. Họ luôn chú trọng những điều lợi vật vãnh trước mắt. Khoa học kỹ thuật đem lại nhiều điều lợi nhỏ nhặt trước mắt, còn giáo huấn của thánh hiền chính là vô lượng vô biên đại lợi ích.

Hiện thời, giáo dục ở phương Tây nảy sanh vấn đề. Vấn đề ấy khiến cho xã hội động loạn, lòng người bất an, lòng người bất bình. Đấy chính là hiện tượng xã hội trong hiện tiền. Giải quyết như thế nào? Ông Thang Ân Tử (A. J. Toynbee) đã nói rất hay: Vẫn phải cậy vào cổ thánh tiên hiền, vẫn cần nhờ vào giáo dục tôn giáo. Ông ta chỉ ra điều ấy, [nếu như] chúng ta vẫn chẳng giác ngộ, cuộc sống khổ nạn sẽ vẫn còn dài dài. Nay đã hết thời gian rồi. Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta học tập tiếp:

(Kinh) Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức.

(經)菩薩善用其心，則獲一切勝妙功德。

(Kinh: Bồ Tát khéo dùng cái tâm sẽ đạt được hết thắng các công đức thù thắng, nhiệm mầu).

Trong thời đại hiện tại, mọi người đều biết: Hoàn cảnh sống và hoàn cảnh học tập của chúng ta đều là ác duyên nhiều hơn thiện duyên, nghịch cảnh nhiều hơn thuận cảnh, chênh lệch rất lớn! Xác thực là chưa hề có trong lịch sử! Trong quá khứ, quyết định chẳng có [tình trạng này]. Vì thế, tu hành trong hiện thời xác thực là chẳng dễ gì thành tựu được! Nhưng nếu có thành tựu, chắc chắn sẽ vượt trội cổ nhân rất nhiều! Nếu người thời cổ sống trong hoàn cảnh hiện thời, tôi thấy quá nửa cũng bị đào thải! Không chịu nổi sự dẫu dổ, mê hoặc của xã hội, không chịu nổi sự khảo nghiệm của xã hội. Vì thế, thành tựu khá khó khăn!

Điều quan trọng nhất trong học tập là thân cận thiện hữu. Nếu chẳng tìm thấy thiện tri thức, làm như thế nào? Tìm cổ nhân! Người thời nay tìm không thấy, hãy tìm cổ nhân. Thầy tôi dạy tôi, hãy nương cậy Ấn Quang đại sư làm thầy. Ấn Quang đại sư lão nhân gia đã sớm vãng sanh, Văn Sao Toàn Tập còn đó. Mỗi ngày đọc sách của Ngài chính là thân cận lão nhân gia. Đọc một giờ là thân cận một giờ, đọc hai giờ là thân cận hai giờ. Khi mới học, tốt nhất là mỗi ngày chẳng thể ít hơn hai tiếng đồng hồ. Đọc mỗi ngày, chẳng thể thiếu sót công khóa một ngày nào! Quý vị theo chắc một vị thiện tri thức, hằng ngày vị thiện tri thức ấy dạy bảo quý vị. Đọc xong toàn thể Văn Sao, lại đọc từ đầu đến cuối lần nữa. Tối thiểu là phải có cơ sở năm năm, quý vị mới có thể thọ dụng. Sau đấy, đọc kinh, xem chú giải, hoặc là nghe giảng kinh, mỗi ngày tối thiểu chẳng thể ít hơn hai tiếng đồng hồ. Nếu có thời gian, mỗi ngày nghe kinh bốn tiếng đồng hồ. Nếu quý vị học theo Ấn Quang đại sư thì đối với bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, đọc Văn Sao hai tiếng đồng hồ, nghe kinh bốn tiếng đồng hồ. Học tập sáu tiếng đồng hồ là được!

Chính mình phải có thể khống chế hoàn cảnh bên ngoài, hãy tận lực xa lìa! Trong ấy, ô nhiễm nghiêm trọng nhất là TV. Chớ nên xem TV, chớ nên nghe radio, chớ nên xem nhật báo, tạp chí, nhất định phải xa lìa những thứ ấy, quý vị mới có thể đạt được cái tâm thanh tịnh. Suốt đời phải kiên trì, tôi gần như đã bốn mươi năm cự tuyệt những thứ ấy. Chớ nên tiếp xúc, hề tiếp xúc sẽ loạn, chẳng thể tiếp xúc! Hằng ngày, những gì

được tiếp xúc đều là sách vở của thánh hiền, giống như hằng ngày bầu bạn với cổ thánh tiên hiền, thân cận các Ngài. Nhập cảnh giới của các Ngài, đấy gọi là “vui thú chẳng chán những thứ ấy”, trong ấy, có sự vui sướng thật sự. Quý vị mới thật sự hiểu ba câu trong phần đầu sách Luận Ngữ, thật sự thấu hiểu. Nếu không, dẫu nói thế nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào lãnh hội! *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ! Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ! Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ!”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao! Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao! Người ta chẳng biết đến mà chẳng giận, cũng chẳng phải là bậc quân tử ư!) Chẳng dễ hiểu! Nếu quý vị chiếu theo phương pháp này của tôi để làm, mười năm, [sẽ thấy] ba câu ấy có ý vị. [Hành như vậy] hai mươi năm, ba mươi năm, tôi tin tưởng quý vị sẽ lãnh hội chẳng kém Khổng Tử cho mấy. Cảnh giới trong câu nói ấy của Phu Tử, quý vị phải huân tập hai, ba mươi năm mới có thể khế nhập, quý vị mới thật sự hiểu rõ niềm vui của Nhan Hồi là ở chỗ nào! Quay đầu nhìn lại, Thích Ca Mâu Ni Phật và một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị thiện hữu vui sướng ở chỗ nào, quý vị sẽ lãnh hội. Trong ấy, có niềm vui chân thật, thuần tịnh, thuần thiện, chẳng có ô nhiễm mảy may! Khéo dùng cái tâm đấy mà!

“Tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức” (Sẽ đạt được công đức thù thắng nhiệm mầu). *“Thắng diệu công đức”* là gì? Chúng ta chẳng thấy Thanh Lương đại sư trước đó đã chú giải ư? *“Thắng diệu công đức”* là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Cũng có nghĩa là đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với pháp thế gian, đối với Phật pháp, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỏng dần, mỗi năm một nhạt mỏng hơn. Nếu quý vị có thể hành mỗi ngày, ngày nào cũng chẳng gián đoạn. Ngày Nguyên Đán đầu năm vẫn làm y hệt, đọc kinh, niệm Phật, cùng nhau học tập, chẳng gián đoạn. Chẳng nghỉ Tết, chẳng có ngày nghỉ, vì sao? Chuyện này vui sướng! Chẳng đoạn phiền não, sẽ chẳng có sự vui sướng. Đấy là chân lạc, quý vị muốn bỏ cũng chẳng thể được! Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, tự nhiên là có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Đối với nhân quả ba đời, Lý, Sự, tánh, tướng, đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Có nhiều kẻ nói: “Thế gian này tai nạn rất nhiều. Khi quý vị nhập cảnh giới này, có còn hứng chịu tai nạn hay không?” Chẳng hứng chịu! Vì sao chẳng hứng chịu? Không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, ai sẽ hứng chịu? Lúc đó mới gọi là *“liễu sanh tử, thoát tam giới”*. Đúng như kinh Bát Nhã đã dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Chẳng có mảy may vọng

tưởng, phân biệt, chấp trước. Đấy mới là công đức thẳng diêu, khéo dùng cái tâm!

Chúng ta so sánh với Phật, Bồ Tát, chẳng thể sánh bằng! Các Ngài đã hoàn toàn kiến tánh, trí huệ và đức năng sẵn có trong bản tánh đã thấu lộ, chúng ta vẫn chưa có. Chúng ta chẳng phá vô minh, trí huệ và đức năng trong tự tánh chẳng thể hiện tiền. Nay chúng ta có thể khắc chế chính mình, hoàn toàn cậy vào giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức. Đấy là một giai đoạn ắt phải trải qua trong tu hành. Chúng ta giống như học trò Tiểu Học, nhất định phải dựa vào thầy, nhất định phải vâng giữ quy củ. Khi nào sẽ tốt nghiệp? Thời gian không nhất định! Thật sự đoạn phân biệt, chấp trước đối với hết thấy các pháp, sẽ tốt nghiệp. Hễ còn có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể tốt nghiệp. Hễ đoạn phân biệt, chấp trước, sẽ đạt tới bờ mé phá vô minh. Chỉ cần đột phá một phẩm vô minh, sẽ tốt nghiệp, sẽ thoát ra, sẽ vượt thoát mùi pháp giới. Cảnh giới ấy chính là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Vì thế, hiện thời chúng ta học Hoa Nghiêm là học trong phòng học, học trong lục đạo mười pháp giới, lục đạo mười pháp giới chính là “phòng học”. Tốt nghiệp, dẫn mình vào xã hội, rời khỏi nhà trường. Thoát lìa lục đạo và mười pháp giới giống như đã tốt nghiệp, bước vào xã hội. Phải hiểu đạo lý này! Do vậy, trong giai đoạn hiện tiền, chẳng thể rời khỏi thầy, chẳng thể rời khỏi phòng học. Nhưng đối với phòng học này, chỉ cần chẳng lìa khỏi thầy, phòng học ấy chính là phòng học chánh pháp. Tôi vừa mới nói, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều nâng cao cảnh giới của chính mình. Ví như trong phần trước tôi có nói: Trong xã hội hiện thời, làm một chuyện tốt, sẽ có rất nhiều kẻ đến gây chướng ngại, có khá nhiều kẻ hủy báng, bịa chuyện sanh sự. Họ dùng đủ mọi phương pháp hữu ý hay vô tình phá hoại, chẳng để cho quý vị thành tựu. Họ trông mong món lợi nhỏ nhất, tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Người học Phật chúng ta làm như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta, hết thấy đều là thuận thọ (順受, thuận theo để chịu đựng) mà thôi! Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, thuận theo họ! Có những người nói “tôi chịu không nổi”! Chịu không nổi thì quý vị bị đào thải!

Chịu không nổi, cũng phải chịu! Nhất định phải biết tình hình này chẳng khác gì đức Phật đã nói trong kinh. Các đồng học đều niệm kinh Vô Lượng Thọ rất nhuần nhuyễn. Trong kinh, đức Phật đã nói: “*Tiên nhân bất thiện*” (Người đời trước chẳng lành), đấy là thật. Nay kẻ ấy tạo tác hết thấy bất thiện, quý vị hỏi han cha mẹ họ, ông nội họ, tối thiểu là

ba đời. Thời đại của ông bà họ đại khái chẳng chênh lệch lứa tuổi của tôi cho mấy, giáo dục của thánh hiền đã không được coi trọng, chẳng còn học tập nữa. Chỉ cần chẳng học tập, khởi tâm động niệm sẽ đều là ích kỷ. Trên làm, dưới bắt chước theo. Thế hệ trước đã không tôn trọng giáo dục thánh hiền, thế hệ sau càng chẳng cần phải nói nữa! Đến thời đại của thế hệ thứ ba, sẽ hoàn toàn chẳng có. Đấy chính là hiện tượng xã hội trong hiện thời. Do vậy, nhất định phải biết, quý vị thấy đức Phật đã nói rất hay: *“Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức”* (Người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức). Chẳng biết chỗ tốt đẹp và tầm trọng yếu của luân lý đạo đức! Chẳng có ai dạy, không ai nói, làm sao quý vị có thể trách họ cho được?

Chúng tôi từng nghe nói, hiện thời, khắp nơi trên cả thế giới thường có những chuyện này: Con cái giết cha mẹ, thường xuyên có! Quý vị có thể trách họ hay không? Chẳng thể trách móc họ. Họ đúng là vô tri, chẳng biết tội nghiệp ấy. Hiện thời, họ được giáo dục bởi gì? Cha mẹ chẳng dạy họ, ai dạy? TV dạy họ, Internet dạy họ. Tại Mỹ, khi xưa tôi ở Mỹ, học sinh lớp Một Tiểu Học của Mỹ đã dùng computer. Vì thế, chúng nó chẳng có sách vở gì. Lên lớp, thậm chí ngay cả cặp táp cũng chẳng mang theo! Không giống như ở Trung Hoa. Tôi thấy bọn học trò tại Trung Hoa đeo cặp sách khá nặng, chứ ngoại quốc chẳng có. Cái laptop mỏng tanh đem về nhà, suốt buổi tối chẳng ngủ, cuộn mình trong mền cứ xem computer. Cha mẹ khen ngợi: “Người xem đó! Đứa nhỏ chăm chỉ quá!” Ai biết nó đang xem cái gì? Nội dung trong ấy rất phức tạp, rất đơ bản! Trẻ nhỏ hoàn toàn học theo cái xấu! Quý vị có thể trách chúng nó được chẳng? Ở trong nhà, [chúng nó] có thể giết cha mẹ, giết anh em. Trong nhà trường, có thể giết thầy, giết bạn học, thành ra thể thống chi nữa! Vì thế, chúng ta đọc kinh Phật, đọc đến đoạn này, [sẽ thấy] đức Phật dạy chúng ta chớ nên trách móc.

Tiếp đó, trong kinh đức Phật đã nói đến *“tử sanh chi thú”* (hướng theo nẻo sống chết), sau khi đã chết, họ lại có sanh. Do nghiệp lực lôi dẫn, họ sẽ đến thọ sanh trong đường nào? Là thiện đạo hay là ác đạo? Trong kinh luận, đức Phật đã dạy rất rõ ràng, nhưng người thế gian chẳng tin. Họ không tin, bảo là chẳng có chuyện ấy! Đại chúng bình phàm mê hoặc nhiều, giác ngộ ít. Người hiện thời bụng dạ đầy ắp oán khí! Tôi thường nhắc nhở các đồng học: Đối với giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục tôn giáo, giáo dục nhân quả, nếu chẳng tận lực đề xướng, tuyên dương, mười năm sau, những chuyện trái nghịch luân thường mỗi ngày sẽ có thể nghe thấy mười hoặc hai mươi lần. Hiện nay, mỗi tuần chúng ta

nghe thấy vài lần. Mười năm sau, tôi dự đoán mỗi ngày có thể nghe mười, hai mươi lần. Hai mươi năm sau, trên thế giới này, mỗi ngày có thể phát sanh một, hai trăm lần. Quý vị nói xem, làm như thế nào đây? Đáng kinh hãi quá! Đấy gọi là “*tận thế*”. Tới khi đó, tâm mỗi người đều là oán hận!

Hiện tại, có mấy vị đồng tu kể với tôi, họ nói con của họ mới tám, chín tuổi có một ngày bỗng dưng nói với họ, nói với cha mẹ nó: “Tất cả tài sản của ba má đều là của con, ba má phải biết như vậy đó nghe!” Kê làm cha mẹ đều chết lặng! Có sao con biết nói lời ấy? Ai dạy nó? Tôi chẳng biết có phải là TV hoặc trên Internet có tiết mục khiến cho nó học theo hay không? Con cái kế thừa tài sản của cha mẹ. Những đứa trẻ còn chưa đầy mười tuổi đã mở miệng đòi này đòi nọ. Đáng sợ ngàn ấy! Đối với người học Phật, có lẽ là như trong kinh Phật có nói: Đấy là đòi nợ, làm như thế nào đây? Trả lại cho nó. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: “*Oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (Oan gia hãy nên cởi gỡ, đừng nên kết buộc). Dẫu kẻ khác hủy báng, chướng ngại, thậm chí hãm hại, chúng ta hết thấy đều thuận theo để chịu đựng mà thôi, quyết chớ nên có cái tâm oán hận, quyết định chớ nên có tâm báo thù. Có thể khuyên thì sẽ khuyên hóa họ. Chẳng thể khuyên, bèn để mặc họ. Nhất định là phải dùng đức hạnh của chính mình để cảm hóa. Cổ thánh tiên hiền đã nói: “*Bị thua thiệt là phước*”, phước ở chỗ nào? Chẳng kết oán cừu cùng kẻ khác, sẽ chẳng chuốc lấy đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo trong tương lai. Quý vị nói xem: Có phải là phước hay không? Phải biết nhẫn nhục, nhún nhường, phải biết chịu thua thiệt. Trong xã hội hiện tại, nếu chẳng chịu thua thiệt, chắc chắn là oan oan tương báo. Oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong, đời đời kiếp kiếp đôi bên đều đau khổ. Sai mất rồi! Những chuyện này, nếu chẳng phải do đức Phật đã dạy trong kinh điển như vậy, chúng ta làm sao có thể biết được? Nhưng giáo huấn trong kinh điển cao vời vợi, chúng ta phải huân tu một thời gian dài mới có thể thật sự ngộ ra: “Đức Phật nói hay quá, có lý! Hãy nên y giáo phụng hành”. Do vậy, giáo dục nhân quả trọng yếu lắm!

Chuyện thế gian, bất luận chuyện lớn hay chuyện nhỏ, đều chẳng có cách nào tách rời nhân quả, thấy đều có mối quan hệ nhân quả, nhất định phải biết điều này! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Trong loài người, có rất nhiều kẻ có thể lực sang cả, làm quốc vương, làm Tổng Thống. Đấy là quả báo, họ có vận mạng tốt đẹp như vậy! Quả báo do đâu mà có? Trong kinh, đức Phật đã dạy: Đó là do trong đời quá khứ, đã gieo thiện nhân “*lễ kính Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo*”. Tam Bảo có công đức

chẳng thể nghĩ bàn, giáo hóa người, trời, công đức ấy quá to lớn! Người ấy có thể cung kính hộ trì, cho nên quả báo là quốc vương, đại thần, là bậc trưởng giả giàu có, quyền thế. Đức Phật dạy: Phát tài lớn là do bố thí mà ra. Người sống lâu, khỏe mạnh là do trì giới mà có. Chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, đều đạt được đại phước. Tướng mạo tốt đẹp, đoan chánh là do Nhẫn Nhục mà có. Trong đời quá khứ đã tạo cái nhân gì, trong đời này, quý vị nhất định sẽ chịu quả báo như thế đó. Nghiệp nhân quả báo chẳng sai suyễn mảy may!

Bởi lẽ, trong xã hội hiện thời, vì mọi người luôn nghĩ Phật pháp và tôn giáo là mê tín, bán tín bán nghi, chẳng mong thấu hiểu sâu xa, đương nhiên là họ sẽ chẳng thể phụng hành. Chẳng hiểu, chẳng hành, thấp hương, lạy Phật, không đạt được quả báo, do vậy, sẽ là như thế nào? Mê tín, đúng là mê tín. Phật pháp bị oan uổng! Trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người tiếp vật, luôn tùy thuận phiền não tập khí của chính mình. Nói cách khác, cuộc sống hằng ngày do tham, sân, si, mạn làm chủ, họ đã tạo bao nhiêu nghiệp? Chẳng cần nói đến tạo tác, đây là đã có hành vi; [dẫu] chẳng có hành vi, [hễ] khởi tâm động niệm, sẽ đều có quả báo, hưởng hồ do hành vi nơi thân và miệng, lẽ nào chẳng cảm quả báo? Những chuyện này đều bày ra ngay trước mắt chúng ta, chúng ta đã thấy, nghe, tiếp xúc. Nhưng điều quan trọng nhất, xã hội là một mặt gương, sau khi ta trông thấy, phải ngay lập tức quay lại, hồi quang phản chiếu, ta có [những lỗi lầm, sai trái ấy] hay không? Đây mới là trọng yếu! Nếu ta có, hãy ngẫm xem có cần phải sửa lỗi đổi mới hay không? Nếu chẳng thay đổi, quyết định chẳng trốn khỏi luân hồi! Chẳng thoát khỏi luân hồi, chắc chắn có phần trong tam đồ, tam đồ quá khổ!

Pháp sư Oánh Kha đời Tống biết nỗi khổ tam đồ, nên mới khẳng khái một mực niệm Phật, vãng sanh Tịnh Độ. Từ Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy có khá nhiều người niệm Phật vãng sanh. Quý vị hãy xem, nguyên nhân gì giúp cho họ thành tựu? Đều là do biết tam đồ khổ, chính mình biết đã tạo nghiệp nhân tam đồ, nếu chẳng vãng sanh, chắc chắn chẳng thoát khỏi ba ác đạo, [vì thế] mới dũng mãnh, tinh tấn, mới thật sự buông xuống vạn duyên, cho nên thành công! Sự nghiệp trong thế gian dẫu thù thắng đến mấy đi nữa, chỉ cần chẳng thể buông xuống, chắc chắn sẽ chướng ngại vãng sanh. Ngay cả vãng sanh mà còn bị chướng ngại, những hạnh môn khác chẳng cần phải nói nữa! Vì thế, nếu chính mình muốn thật sự thành tựu, không buông xuống thì làm sao được?

Vào thời cổ, trong Phật môn có câu ngạn ngữ: “Giữa người xuất gia với nhau, nếu quý vị muốn hại kẻ nào, hãy mời kẻ ấy làm Trụ Trì, hoặc mời làm Đương Gia”. Lời này có nghĩa là gì? Người ấy chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thoát khỏi luân hồi. Quản sự quá nhiều, tâm chẳng thanh tịnh. Nếu người ấy là một vị Trụ Trì tốt, là một vị Đương Gia tốt, thành tựu không ít người vãng sanh, niệם Phật thành tựu, người ấy có phước báo. Như trong phần trước đã nói, đời sau, nếu người ấy tham luyến phước báo nhân thiên, người ấy sẽ làm quốc vương, đại thần, đời sau sẽ đạt được quả báo ấy. Không nhất định là mang thân phận xuất gia, hay thân phận tại gia, sẽ luôn hộ trì Phật pháp, hoằng pháp lợi sanh, người ấy mới có thể đạt được quả báo ấy. Chúng ta phải tin tưởng điều này. Trung Hoa hay ngoại quốc đều chẳng có ngoại lệ. Người tu hạnh môn ấy rất nhiều, cõi này, phương khác, đại quốc vương, tiểu quốc vương rất đông, đến các nơi để thọ quả báo. Đây là Dị Thục Quả như chúng tôi đã nói trong phần trước!

Nhưng là người thật sự tu hành, [đối với người ấy], nghịch cảnh hay thuận cảnh đều là Tăng Thượng Duyên, như như bất động, không bị hoàn cảnh bên ngoài xoay chuyển, đó là *“khéo dùng cái tâm”*. Lúc mới học, phàm là những gì có thể ảnh hưởng chúng ta, người hay sự, hay vật, chính mình phải biết xa lìa, phải biết thân cận thiện hữu. *“Thiện hữu”* là nhất định phải đọc kinh Phật mỗi ngày. Hiện thời, tôi giảng kinh cũng rất thuận tiện, chúng tôi đều chế thành DVD, quý vị có thể nghe kinh mỗi ngày! Nghe kinh không nhất định phải nghe rất nhiều loại. Cổ nhân đề xướng hết sức hữu lý: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Ví như nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe từng lượt một. Nghe xong một lượt, lại nghe lượt khác. Trăm lần, ngàn lần, vạn lần, quý vị sẽ khai ngộ. Một ngộ, hết thấy ngộ, một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Đạt được một pháp môn, hết thấy các pháp môn khác đều chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm nói: Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một, một và nhiều chẳng hai! Đây là lời thật, chẳng giả! Điều khó có là quý vị tin tưởng, quý vị mới thật sự đạt được lợi ích. Nếu quý vị chẳng tin, quý vị mong học rộng nghe nhiều, thứ gì cũng đều học. *“Thứ gì cũng đều học”* là học loạn, học quá nhiều, chẳng thể tập trung ý chí và tinh thần. Như vậy thì những gì quý vị đạt được sẽ là da lông (bề ngoài) của Phật pháp, những gì quý vị học được sẽ là Phật học thường thức, chẳng có mảy may liên can đến tâm tánh!

Môn học vấn tâm tánh lãnh hội từ nơi đâu? Chính là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, thấu hiểu từ chỗ ấy. Bản thân quý vị hãy

ngắm xem: Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta so sánh giữa năm nay và năm ngoái, có phải là nhẹ hơn năm trước đôi chút hay chẳng? Nhìn từ chỗ này, quý vị sẽ thấy được. Năm nay có phải là có một chút trí huệ nhiều hơn năm trước hay không? “Có trí huệ” là nhìn người, nhìn sự, nhìn vật thấy rõ ràng, khi xử lý mọi chuyện rất bình tĩnh, chẳng xung động, chẳng phần nộ, mà cũng chẳng tham ái. Đây là có tiến bộ. Mỗi năm một tiến bộ hơn, ba mươi năm, bốn mươi năm, khẳng định sẽ kế hoạch nhập cảnh giới. Kế hoạch nhập cảnh giới cạn hay sâu mỗi người mỗi khác, tùy thuộc quý vị buông xuống nhiều hay ít. Quý vị buông xuống càng nhiều, sẽ kế hoạch càng sâu, càng rộng. Buông xuống chẳng nhiều cho mấy, sẽ kế hoạch nông cạn. Đạo lý là như thế đó. Dùng phương pháp này để khám nghiệm công phu của chính mình, sẽ chẳng sai lầm tí nào!

Vì thế, nay chúng ta đọc đến câu này: “*Chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm*” (Các vị Bồ Tát khéo dùng cái tâm), đúng là chẳng dễ dàng! Nay chúng ta thấy đều là sơ học, chính mình nhất định phải khẳng định điều này! Quý vị có “biết mình” thì mới có thể khiêm hư. Vì sao là sơ học? Tôi thường nói: Quý vị Ngũ Giới chưa làm được, Tam Quy chưa làm được, Thập Thiện chưa làm được, thậm chí Đệ Tử Quy chưa làm được. Học Đệ Tử Quy từ khi nào? Đúng là học từ mẫu giáo, từ lớp bé tí từ nhà trẻ, tôi đã nói chuyện này bao nhiêu lần! Thời cổ, trẻ thơ sanh ra ba, bốn ngày, [cha mẹ] liền bắt đầu dạy. Kể làm cha mẹ, bậc trưởng thượng dùng thân giáo. Trẻ nhỏ có thể xem, nghe. Ở trước mặt trẻ, nói năng, cử chỉ, thứ gì cũng đều hợp lễ, có chừng mực! Khiến cho trẻ mắt thấy tai nghe, tiếp xúc, toàn là luân lý, đạo đức đúng mực. Nó nhìn, nghe, sẽ ghi lại ấn tượng sâu đậm! Vì lúc đó, nó chưa bị ô nhiễm bởi bất cứ thứ gì. Quý vị trao cho nó toàn những thứ chánh đáng, [những thứ ấy] sẽ mọc rễ trong A Lại Da Thức của nó. Do vậy, “*thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (do huấn luyện từ nhỏ nên trở thành giống như bẩm sinh, do thói quen mà thành ra tự nhiên). Huân tập như vậy, huân tập ba năm, trẻ tròn ba tuổi sẽ có năng lực phân biệt thị phi, tà chánh. Cái nào là tốt? Cái nào là xấu? Nó sẽ phân biệt rất rõ ràng, nó rất hiểu chuyện! Vì thế, Đệ Tử Quy học từ thuở măng sữa, học từ thơ ấu, học từ lớp bé tí trong mẫu giáo. Bốn năm tuổi, trẻ vào lớp Mầm trong vườn trẻ đã học rất khá. Hiện thời, ngay cả chuyện này chúng ta còn chẳng có, còn nói gì đến Đại Thừa nữa!

Nhưng nếu chúng ta muốn thành tựu trong đời này, chẳng cam lòng đọa lạc nữa, chẳng muốn luân hồi nữa, chúng ta phải học bổ sung. Trước kia, chẳng học, nay sẽ học bù là được! Chúng ta học bổ sung Đệ Tử

Quy. Đã có Đệ Tử Quy làm cơ sở, Thập Thiện Nghiệp sẽ thực hiện được. Đã có Thập Thiện Nghiệp, Tam Quy và Ngũ Giới liền thực hiện được. Đã có Tam Quy và Ngũ Giới, Sa Di Luật Nghi cũng thực hiện được, nâng cao từng nấc một! Sa Di Luật Nghi là bậc thềm dẫn vào giới tỳ-kheo và là căn cơ của Bồ Tát giới, tiến cao hơn từng nấc. Tu học thật sự giống như Bồ Tát, thật sự giống như Phật, đương nhiên là sẽ có thành tựu, niệm Phật vãng sanh quyết định được sanh, sẽ đúng như Thiện Đạo đại sư đã nói: *“Vạn người tu, vạn người về”*. Nương theo phương pháp này, chỉ cần đạt đến Tam Quy, Ngũ Giới, vạn người tu, vạn người về, chẳng có một ai không vãng sanh, do vì có Đệ Tử Quy, có Thập Thiện Nghiệp, có Tam Quy, có Ngũ Giới.

Mấy môn công khóa này, nói khó thì chẳng khó, nói dễ cũng chẳng dễ! Hơn nữa, trong hoàn cảnh xã hội hiện tại, quý vị muốn thật sự có thể vượt qua, thật sự có thể kiên trì, thật sự hiếu học, phải biết xa lìa hết thảy ảnh hưởng bất lương, xa lìa hết thảy những thứ quấy nhiễu chẳng tốt lành, điều này rất quan trọng! Không tiếp xúc những chuyện chẳng liên quan đến chính mình, chẳng cần quen biết những kẻ chẳng liên quan đến mình. Cổ nhân nói rất hay: *“Tri sự thiếu thời, phiền não thiếu. Thức nhân đa xứ, thị phi đa”* (Biết ít chuyện, ít điều phiền não. Quen biết nhiều, lắm nỗi thị phi). Chẳng cần phải quen biết nhiều người ngàn ấy, chẳng cần phải biết rất nhiều chuyện. Biết quá nhiều chuyện, xác thực sẽ gây chướng ngại cho nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn rất khó! Mức độ thấp nhất của nhất tâm bất loạn là công phu thành phẩm. Chỉ cần quý vị đạt được công phu thành phẩm, sẽ nắm chắc sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì thế, chỗ chẳng có gì tốt đẹp, chỗ chẳng có lợi ích, chẳng cần phải đến đó.

Tôi là kẻ từ bé sanh trưởng ở nông thôn, trong cơn chiến loạn, một thân lưu lạc bên ngoài, chịu đủ mọi nỗi khổ sở. Vì thế, đối với những nơi náo nhiệt, chỗ ca múa mà bọn trẻ tuổi ưa thích, tôi chưa hề lui tới. Vì sao? Cuộc sống quá khổ, áo cơm đều trở thành vấn đề, há có tâm tình hưởng thụ nhàn nhã? Sau này, được nghe Phật pháp, hết sức hợp ý. Điều này cũng đúng như thầy Lý đã nói, chẳng phải là một đời, hai đời, ba đời, nói chung là do thiện căn đã huân tu trong đời quá khứ. Vì thế, vừa tiếp xúc, bèn sanh tâm hoan hỷ. Tôi gặp Chương Gia đại sư, thuở ấy, được tiếp xúc Phật pháp khoảng hơn một tháng, chưa đến hai tháng! Vừa mới tiếp xúc, tôi cũng có thể thốt ra câu hỏi: “Con biết Phật pháp rất thù thắng, hết sức tốt đẹp, có phương pháp nào để khiến cho con khế nhập rất nhanh hay không?” Thầy chẳng bảo tôi hỏi câu ấy quá phận, quá

đường đột, chẳng hề có! Mà là rất nghiêm túc trả lời tôi: “*Có! Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia: “Thực hiện từ chỗ nào?” “*Bố thí*”. Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí. Những điều ấy đều là gì? Đều nhằm dạy kẻ sơ học khéo dùng cái tâm. Kẻ sơ học khéo dùng cái tâm, quan trọng nhất là “*thấy thấu suốt, buông xuống*”!

Thấy thấu suốt là gì? Hiểu rõ. Hết thấy người, sự, vật cũng có đẳng cấp. Trước hết, điều đầu tiên là quý vị phải thấy lợi hại, điều gì có lợi cho chính mình? Điều gì có hại cho chính mình? Đầu tiên, quý vị phải thấy thấu suốt điều này. Sau đấy, lại thấy thấu suốt thiện ác, tà chánh, chân vọng, mỗi tầng một sâu hơn. Ngay cả lợi hại mà cũng chẳng hiểu rõ, rất đáng thương. Trong xã hội hiện thời, kẻ chẳng biết lợi hại quá ư là nhiều! Coi hại như lợi, coi lợi như hại, đối với lợi ích thật sự bèn bài xích. Cái thật sự có hại sẽ khiến quý vị đọa tam đồ, [thế mà cứ] hận chẳng thể ngay lập tức đạt được. Đúng là điên đảo, lầm loạn! Phật, Bồ Tát trông thấy, chỉ đành thương xót mà thôi, chẳng có cách nào! Kẻ ấy mê quá sâu, nghiệp chướng quá nặng!

Vì thế, đầu tiên, chúng ta phải học có năng lực phân biệt lợi hại, sau đấy, quý vị mới biết hãy nên buông xuống như thế nào? Buông xuống những gì? Sau khi buông xuống, sẽ giúp quý vị thấy thấu suốt; thấy thấu suốt sẽ giúp quý vị buông xuống, tuyệt diệu! Hai thứ này giúp nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Vì thế, tôi rất cảm kích thầy tôi, ngày đầu tiên đã đem phương pháp này truyền cho tôi. Phương pháp này vĩnh viễn dùng chẳng hết, mãi cho đến khi thành Phật. Sau khi thành Phật, vẫn dùng phương pháp này để giáo hóa hết thấy chúng sanh trong pháp giới hư không giới. Hết thấy chúng sanh nếu muốn rời lìa tam đồ lục đạo, mười pháp giới, chứng đắc viên mãn Bồ Đề, sẽ là phương pháp này. Thấy thấu suốt, Sở Tri sẽ chẳng có chướng, phá trừ Sở Tri Chướng. Buông xuống là phá Phiền Nã Chướng. Thật sự là hay khéo tốt bậc!

Câu này là Tổng Thuyết, Thanh Lương đại sư nói là “*thiện dụng*”. “*Thiện dụng*” trong câu “*thiện dụng kỳ tâm*” (khéo dùng cái tâm) chính là một trăm bốn mươi một bài kệ trong phần sau. Một trăm bốn mươi một bài kệ ấy, trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, sẽ là chuyển cảnh giới như thế nào? “*Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống Như Lai*”. Chỗ khác nhau giữa bọn phàm phu chúng ta và Phật, Bồ Tát là phàm phu không biết chuyển cảnh giới; Phật, Bồ Tát thì bất cứ cảnh giới nào cũng đều biến thành cảnh giới có lợi nhất cho chính mình, các Ngài biết

chuyển. Chúng ta hãy học từ từ! Hôm nay đã hết thời gian rồi! Chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1492

Chư vị đồng học, xin mọi người ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, bắt đầu xem từ đoạn trường hàng thứ hai trong phần trả lời của Văn Thù Bồ Tát.

(Kinh) Phật tử! Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức, ư chư Phật pháp, tâm vô sở ngại.

(經)佛子。若諸菩薩善用其心。則獲一切勝妙功德。於諸佛法心無所礙。

(Kinh: Nay Phật tử! Nếu các Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thắng công đức thù thắng, nhiệm mầu, đối với các Phật pháp, tâm chẳng bị chướng ngại).

Chúng ta đọc tới chỗ này. Câu này là Tổng Thuyết, hết sức quan trọng. Thanh Lương đại sư chú giải rất đơn giản. Ngày hôm qua, chúng ta cũng rất nghiêm túc học tập. Kinh Hoa Nghiêm đã nói tổng quát về Phật pháp rất rõ ràng: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, lại nói: “Hết thắng các pháp sanh từ tâm tưởng”. Những giáo huấn trọng yếu này, chúng ta phải thường ghi nhớ, phải thường đề khởi trong các cảnh giới hòng làm căn cứ cho chúng ta quán chiếu. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: “Hết thắng vạn pháp sanh từ tự tánh”. Tự tánh là tự tâm, là chân tâm của chính mình, tự tâm là chân Phật. Vấn đề trong hiện tại là chúng ta đã mê mất chân tâm, đúng như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã khai thị cho đại chúng. Đức Phật dạy về chân tâm và vọng tâm. Căn bản khiến cho hết thắng chúng sanh sanh tử từ vô thủy tới nay chính là do chúng ta dùng cái tâm phan duyên, coi tâm phan duyên là chân tâm, chẳng khéo dụng tâm!

Tâm phan duyên là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là tâm phan duyên. Kinh Lăng Nghiêm đã chỉ rõ [cái tâm ấy] chính là “tâm ý thức”, [tức là] A Lại Da, Mạt Na, sáu thức trước (nhãn thức, nhĩ thức v.v...), nói gộp chung là “tám thức, năm mươi một Tâm Sở”. Chúng sanh trong mười pháp giới đều coi những thứ ấy là chân tâm. Lục đạo chúng sanh hoàn toàn bất giác, tứ thánh pháp giới tuy giác, vẫn sử dụng nó (tâm ý thức). Vì sao? Dùng đã thành thói quen! Từ vô lượng kiếp đến nay đều dùng nó, biết nó là vọng tâm, vẫn chẳng có cách nào bỏ nó.

Chúng ta thường gọi chuyện này là “tập khí, thói quen”. Nhưng sau khi đã giác ngộ, sẽ dùng nó chánh đáng, chẳng dùng tà vạy. Đối với lục đạo phàm phu, nói theo tướng thì mọi người sẽ hiểu rõ. Sau đấy, hãy ngấm lại, trong cuộc sống hằng ngày, có phải là ta dùng cái tâm này hay không? Cái tâm bất thiện, bất thiện là hoàn toàn tương phản với thiện tâm. Đức Phật nói thiện và bất thiện, tiêu chuẩn là Thập Thiện Nghiệp Đạo, “*thân ba, khẩu bốn, ý ba*”. Câu này là Tổng Thuyết.

Những vị thuộc tứ thánh pháp giới sử dụng thiện tâm. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới sử dụng thiện tâm. Thượng thượng phẩm thiện tâm tương ứng với Lục Độ, từ, bi, hỷ, xả. Vì thế, các Ngài tuy chẳng phải là chân Phật, là tương tự Phật, rất giống [chân Phật]! Lục đạo phàm phu dùng cái tâm bất thiện, như chúng ta ở trong Dục Giới; nhìn khắp Dục Giới, đấy cũng là lục đạo: Chúng ta có tâm ghen ghét gây hại, hữu ý hoặc vô tình tổn thương, gây hại chúng sanh. Có tâm tà mê, mê hoặc, điên đảo. Đấy đều là gì? Chẳng khéo dụng tâm, có cái tâm ác độc; hiện thời, trong xã hội [những kẻ có cái tâm ác độc] ngày càng nhiều. Chúng ta có ganh tỵ hay không? Hãy thường phản tỉnh điều này. Có tà mê hay không? Có ý niệm hại chúng sanh hay không? Có ý niệm tổn thương, gây hại chúng sanh hay không? Dẫu là vô ý, vô ý thì vẫn là dụng tâm. Có ganh tỵ hay không? Có siểm nịnh, bợ đỡ kẻ khác hay không? Có Ngã Chấp nghiêm trọng hay không? Niệm niệm luôn suy nghĩ vì chính mình! Đấy là chuyện rất phổ biến trên thế giới trong hiện thời, chúng ta thường nói là “*ích kỷ*”. Có cái tâm cuồng vọng hay không? Có tâm khinh người hay không? Khinh rẻ người khác, cống cao, ngạo mạn. Tôi nêu mấy thí dụ đơn giản như vậy.

Đức Phật dạy phàm phu tu hành, phải trừ bỏ cái tâm bất thiện. Đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, trước hết là trừ khử sự bất thiện. Đầu tiên, hãy trừ khử điều bất thiện thứ nhất là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thêu dệt, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si; đấy là xa lìa Thập Ác. Sau đấy, xa lìa tà kiến, tà tư (suy nghĩ tà vạy), tà ngữ (lời nói tà vạy). Những gì hoàn toàn trái nghịch luân lý, đạo đức, [trái nghịch] thiện nhân, thiện quả, thấy đều phải xa lìa, tám thứ tà² được nói trong kinh Phật [đều trừ bỏ]. Có như vậy thì chúng ta mới trừ hết bất thiện. Sau khi đã trừ bỏ bất thiện, sẽ tự nhiên là thiện. Điều quan trọng nhất đối với người học Phật chính là như trong kinh đức Phật đã ngàn lời vạn lẽ thường xuyên nhắc nhở: Phải thường thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi người khác. Chẳng thấy lỗi người khác, quý vị sẽ chẳng sanh

phiền não. Thường thấy lỗi của chính mình, thừa cùng chư vị, đó là khai ngộ, ngộ gì vậy? Chính mình có lỗi lầm, có lỗi lầm thì hãy sửa đổi. Đó là tu hành, đó là *“khéo dùng cái tâm”*.

Ở đây, Thanh Lương đại sư chú giải bằng một câu nói rất hay. Ngài nói *“thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức”* (khéo dùng cái tâm sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng nhiệm mầu). *“Thắng”* (勝) là gì? *“Thắng”* có nghĩa là độc tôn. *“Diệu”* (妙) là gì? Ly tướng, cũng là như kinh Kim Cang đã nói: *“Bất thủ ư tướng, như như bất động”* (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), diệu đấy! Tâm quý vị mới thật sự trở lại thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm. Trong tâm thanh tịnh, hề có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, sẽ biến thành vọng tâm. Hễ kèm theo ba thứ ấy, sẽ là vọng tâm. Lục đạo phàm phu có cả ba thứ ấy, toàn bộ đều có, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Những vị thuộc tứ thánh pháp giới, từ A La Hán trở lên (A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát) chẳng có chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước. Kiến Tư phiền não đã đoạn! Nhưng Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn, cũng có nghĩa là họ còn có vọng tưởng, còn có phân biệt. Do chẳng có chấp trước, [phiền não] đã nhẹ rất nhiều; vì thế, họ thoát ly lục đạo, chẳng còn phải luân hồi trong lục đạo. Tuy thoát ly lục đạo, chẳng thoát ly mười pháp giới. Vì sao? Tâm vẫn chưa đủ thanh tịnh. Vẫn phải nỗ lực đoạn hết phân biệt, đối với hết thảy các pháp đều không phân biệt. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Kinh Kim Cang đã nói rất hay, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, quý vị còn phân biệt nó để làm gì?

Chẳng phân biệt, tâm là Định; hiểu rành mạch, rõ ràng, đó là Huệ, đó là Kiến Kiến. Vì thế, công phu trong Tánh Tông cũng là ba tầng cấp. Thoạt ban sơ là Quán Chiếu. Quán Chiếu là ly tướng ở mức nông cạn nhất, chẳng còn chấp trước. Giai đoạn thứ hai là Chiếu Trụ, Chiếu Trụ là đắc Định. Giai đoạn thứ ba là Kiến Kiến. Bát Nhã Tâm Kinh nói: *“Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không”*, Bồ Tát đấy! Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn và Duyên Giác là Chiếu Trụ; đạt đến Bồ Tát thì là Kiến Kiến. Kiến Kiến thì vị ấy mới có thể phá vô minh, cũng là buông xuống vọng tưởng. Hễ buông xuống vọng tưởng, sẽ thoát ly mười pháp giới. Khéo dùng cái tâm; vì thế, Ngài có thể đạt được hết thảy công đức thù thắng vi diệu.

Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã hoàn toàn dựa theo chánh kinh, cũng như để thực hiện [giáo huấn trong] kinh này, nên Ngài đã nói hết sức cụ thể:

(Sớ) Ngôn thiện dụng giả, tức hậu lịch duyên xảo nguyện, xúc cảnh nhập huyền, như thượng sở biện.

(疏)言善用者，即後歷緣巧願，觸境入玄，如上所辨。

(Sớ: Nói “khéo dùng” tức là trải qua các duyên để khéo léo vận dụng các nguyện như trong phần sau [sẽ nói], do tiếp xúc cảnh bèn nhập lẽ huyền, giống như đã nói trong phần trước).

Đây là Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, đặc biệt là ứng hóa trong lục đạo, đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, ứng cơ thuyết pháp. Phật, Bồ Tát chẳng có thân tướng, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng! Không chỉ là chẳng có tướng, mà ý niệm cũng chẳng có, đấy gọi là “*chẳng sanh một niệm*”. Nửa sau kinh Kim Cang có nói “*vô ngã kiến*”, “*kiến*” (見) ở đây là kiến giải, là ý niệm. Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến, ngay cả ý niệm cũng chẳng có, còn nói chi đến tướng! Nhưng Ngài có năng lực, đấy là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng sanh có cảm, Ngài sẽ có ứng; cảm ứng đạo giao chẳng sai sót mảy may!

Có lẽ quý vị cũng đã xem Quán Thế Âm Bồ Tát Biến Tướng Đồ, đã thấy năm trăm vị Quán Âm, tức là hóa thân của Quán Âm Bồ Tát, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp. Năm trăm thân tướng, chẳng có thân tướng nào giống nhau. Lại thưa rõ ràng cùng chư vị, nói minh bạch hơn đôi chút, Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân vô số ức trong mười pháp giới! Tuyệt đối chẳng có hai tướng giống nhau. Quý vị hỏi vì sao ư? Do nghiệp cảm khác nhau! Do nghiệp cảm khác nhau, ứng hóa đương nhiên sẽ chẳng giống nhau! Nếu chúng ta chú tâm tư duy, quan sát chuyện này, từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, quý vị thấy trong mười mấy vạn lần thí nghiệm suốt mười năm, chẳng có hai mô thức (pattern) kết tinh nước hoàn toàn giống nhau! Có những cái tương tự, nhưng chẳng có cái tuyệt đối giống nhau, cùng một đạo lý! Mỗi người chúng ta cầu Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát vì chúng ta thị hiện. Quán Âm Bồ Tát thuận theo tâm cảm của chúng ta; chúng ta có cảm, Ngài có ứng. Sự “*cảm*” của chúng ta biến hóa theo mỗi niệm, cho nên ứng thân của Ngài cũng biến hóa theo từng niệm, cực diệu! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thân là như thế, thuyết pháp cũng là như thế. Thuyết pháp ứng theo căn cơ, người thấy, kẻ nghe, chẳng có ai không được lợi ích. Chúng ta phải hiểu những Lý và Sự này!

Vì thế, tuy Thanh Lương đại sư chú giải chẳng dài, xác thực là đã cảnh tỉnh chúng ta. Mỗi người trong thế gian, quan trọng nhất là tâm

chánh. Tâm chánh ắt vạn đức sẽ hướng về, đó là điều trọng yếu nhất. Tâm phải chánh, tâm phải thanh tịnh, tâm chớ nên ô nhiễm. Chẳng ô nhiễm thì quyết định phải xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lời này thốt ra dễ dàng, nhưng thực hiện cụ thể, sẽ chẳng phải là chuyện đơn giản! Vì sao? Do tập khí từ vô lượng kiếp đến nay! Tập nhiễm quá nặng, phải thật sự từ thấy thấu suốt, từ buông xuống để nhập môn. Điều quan trọng nhất trong thấy thấu suốt và buông xuống là quý vị phải có thể xả. Chẳng thể xả, sẽ không thể được! Giáo pháp Đại Thừa gọi Xả là “bồ thí”. Hoan hỷ xả, có thể xả mình vì người khác, đấy là Bồ Tát, tuyệt đối chẳng phải là tổn người lợi mình. “Tổn người, lợi mình” tội lỗi nặng nề! Tổn người lợi mình là ác nghiệp; trong ấy, giết, đao, dâm, dối, thảy đều trọn đủ. Đấy là tạo nghiệp nặng nề. Trước mắt, có lẽ quý vị cũng ngỡ là đã đạt được một tí ngọt ngào, quả báo về sau sẽ phiền toái lắm! Đúng là sẽ bị thua thiệt, hứng chịu đau khổ to lớn! Đọc nhiều kinh Phật sẽ hiểu, đức Phật đối với hết thảy chúng sanh chẳng có câu nào là vọng ngữ, toàn là những lời chân thật. Vì thế, tâm chẳng thể không chánh.

Tiêu chuẩn của Chánh, tiêu chuẩn của Thanh Tịnh: Thanh tịnh là lìa tưởng, đấy là tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Chúng ta mới nhập môn, tiêu chuẩn thấp nhất là Thập Thiện Nghiệp, “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Đấy là tiêu chuẩn. Nay tôi khuyến khích, cổ vũ các đồng học hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, nhập môn từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy đã thực hiện được, Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó, quý vị thật sự có thể làm được. Đã có thể làm được Thập Thiện Nghiệp, Tam Quy Ngũ Giới sẽ thực hiện được, chẳng giả đâu, thật đấy! Thật sự thọ Tam Quy Ngũ Giới, chúc mừng quý vị. Quý vị thấy trong Giới Kinh, đức Phật đã nói (đức Phật nói lời này, đương nhiên chẳng phải là lời hư giả), thọ Ngũ Giới sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ giới che chở. Thọ Tam Quy, sẽ có ba mươi sáu vị thần hộ pháp che chở quý vị; bất luận quý vị ở nơi đâu, chẳng gặp tai nạn. Tam Quy Ngũ Giới thật sự, chẳng giống như thọ giới trong hiện thời, chỉ có hình thức, chẳng có thực chất, thần hộ pháp chẳng đến!

Quý vị nói đến điều thứ nhất trong Tam Quy, chúng tôi dùng cách nói trong Lục Tổ Đàn Kinh để trình bày. Lục Tổ nói “*quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh*”. Ngài dùng “*giác, chánh, tịnh*”, chẳng dùng Phật, Pháp, Tăng. “*Giác, chánh, tịnh*” chính là “*Phật, Pháp, Tăng*”; nói Phật, Pháp, Tăng thì quý vị không hiểu? Phật là gì? Phật là giác, tự tánh giác. Pháp là tự tánh chánh. Tăng là tự tánh tịnh. Thay đổi bằng một câu như thế để nói, có lẽ chúng ta sẽ hiểu rõ hơn. Quý vị khởi tâm động niệm phải

nương theo “*giác, chánh, tịnh*”. Tương phản của “*giác, chánh, tịnh*” là “*mê, tà, nhiễm*”. Chúng ta biết “*mê, tà, nhiễm*” là chằng khéo dụng tâm; “*giác, chánh, tịnh*” là khéo dùng cái tâm này. Quý vị thấy Phật từ bi lắm, quý vị vừa nhập Phật môn, Ngài đã trao cho quý vị cương lĩnh tu học cao nhất, đó là thứ vĩnh hằng bất biến. Đã trao cho quý vị, nhưng như thế nào? Quý vị chằng thể tiếp nhận! Trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người tiếp vật, quý vị vẫn là “*mê, tà, nhiễm*”. Đây là gì? Đã ban cho quý vị, quý vị chằng tiếp nhận, chằng dùng được. Đã tiếp nhận rồi mà chằng dùng được, chằng đạt được lợi ích. Chớ nên không biết điều này!

Sau đây, thực hiện “*giác, chánh, tịnh*” ở chỗ nào? Thực hiện bằng luật nghi, tức là bằng giới luật, bằng oai nghi. Thực hiện “*giác, chánh, tịnh*” hết sức cụ thể, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người tiếp vật; khởi tâm động niệm chằng lìa “*giác, chánh, tịnh*”, [đấy chính là] Tam Quy thật sự. Vì thế, đối với Tam Quy Y, năm xưa, Chương Gia đại sư bảo tôi: Giống như muốn đến nơi xa, ngồi xe lửa. Khi ấy, chúng tôi ở Đài Bắc. Từ Đài Bắc đến Cao Hùng, quý vị ngồi xe lửa. Tam Quy y giống như gì? Vé xe! Quý vị nhận tấm vé ấy, phải gìn giữ cẩn thận, trên đường sẽ thường bị xét vé, mãi cho đến trạm cuối cùng, trao trả vé xe. Chuyện này nói rõ: Từ lúc lên xe, mãi cho đến trạm cuối cùng xuống xe, chằng thể rời lìa tấm vé ấy! Trong Phật pháp, Sơ Phát Tâm là quý vị mua tấm vé ấy, cho đến quả vị rốt ráo, quý vị chứng đắc quả vị Phật rốt ráo viên mãn; đó là trạm cuối cùng. Sau đây, lão nhân gia bảo tôi, Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải tuân thủ Tam Quy Y, hướng hồ lữ sơ học chúng ta! Niệm niệm chằng lìa “*giác, chánh, tịnh*”, khéo dùng cái tâm ấy. Giác, chằng mê; chánh, chằng tà; tịnh, bất nhiễm. Đây là công phu thù thắng nhiệm mầu!

Lại xem chú giải của Thanh Lương đại sư giảng về công đức thù thắng nhiệm mầu ấy.

(Sớ) *Hiển sở thành đức.*

(疏)顯所成德。

(Sớ: *Hiển thị những đức được tạo thành [do khéo dụng tâm]).*

Đây là nêu ra những công đức được thành tựu do “*khéo dùng cái tâm*”. Kế đó, chia thành hai đoạn, đây là Tổng, phần sau sẽ là Biệt. Vì thế, có Tổng và Biệt.

(Sớ) *Vị nhất thiết thắng diệu công đức, giai nhân dụng tâm, nhất bách nhất thập môn đức, hà túc nan tựu?*

(疏)謂一切勝妙功德，皆因用心，一百一十門德，何足難就。

(Sớ: Ý nói hết thấy công đức thù thắng nhiệm màu đều do dụng tâm, một trăm mười môn đức, khó gì mà chẳng thành tựu?)

Một trăm mười môn đức, trên thực tế là một trăm bốn mươi một bài kệ trong phần sau. Ở đây chỉ nói tổng số, trong phần sau sẽ nói rất rõ ràng! “Hà túc nan tựu?” nghĩa là chẳng khó, thực hiện dễ dàng! Chỉ cần quý vị khéo dùng cái tâm, một trăm bốn mươi một điều ấy quý vị đều có thể thực hiện. Một trăm bốn mươi một điều ấy chính là những điều được Phổ Hiền Bồ Tát tu tập, từ Sơ Học cho đến Đăng Giác đều chẳng rời lia, đúng là giống như tấm vé xe khi ngồi trên xe lửa vậy. Tiếp đó...

(Sớ) Khả vị nhất ngôn tế chư, thắng vị độc tôn, diệu vị ly tướng.

(疏)可謂一言蔽諸，勝謂獨尊，妙謂離相。

(Sớ: Có thể nói một lời để bao trùm trọn hết: “Thắng” là độc tôn, “diệu” là lìa tướng).

Đây là lời giải thích về công đức thắng diệu. Tôn chỉ gì vậy? Khéo dùng cái tâm. “Diệu”: Lìa tướng sẽ thành tựu công đức chân thật, hoàn toàn tương ứng với tâm tánh, hoặc còn gọi là Pháp Tánh. Kế đó, còn có giải thích....

(Sớ) Hựu đức vô bất bị vân Thắng, chướng vô bất tận danh Diệu.

(疏)又德無不備云勝，障無不盡名妙。

(Sớ: Lại nữa, không đức nào chẳng đủ, nên gọi là Thắng. Không chướng nào chẳng hết, nên gọi là Diệu).

Lời giải thích này cũng hết sức hay. “Đức” (德) là công đức. Công đức viên mãn, không gì chẳng trọn đủ, đúng là thù thắng khôn sánh! “Chướng” (障) là phiền não, nói thông thường, sẽ là Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, chúng ta nói theo kinh Hoa Nghiêm sẽ là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”, chúng chẳng hề có, thấy đều đã hết. Đây là Diệu! Câu này là Tổng Thuyết (nói chung).

(Sớ) Thử chi tổng cú, diệc tức thù thượng thập chủng tam nghiệp chi tổng cú dã.

(疏)此之總句，亦即酬上十種三業之總句也。

(Sớ: Câu này nhằm nói tổng quát, cũng nhằm tương ứng với câu [hỏi] tổng quát về mười thứ tam nghiệp trong phần trước).

Đây là [nhắc lại] câu hỏi tổng quát trong lời hỏi của Bồ Tát. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy: Đoạn thứ nhất trong lời hỏi của Trí Thủ Bồ Tát, đoạn thứ nhất là mười món “*vân hà*” (云何, như thế nào): “*Bồ Tát vân hà đắc vô quá thất thân, ngữ, ý nghiệp? Vân hà đắc bất hại thân, ngữ, ý nghiệp?*” (Bồ Tát làm thế nào để được thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có lầm lỗi? Làm thế nào để đắc thân, ngữ, ý nghiệp, bất hại?), mãi cho đến điều thứ mười là “*vân hà đắc trí vi tiên đạo thân, ngữ, ý nghiệp?*” (làm thế nào để được trí dẫn đường cho thân, ngữ, ý nghiệp?) Hỏi một hơi mười thứ “*vân hà*”. Mười thứ “*vân hà*” toàn là thân, ngữ, ý nghiệp. Ở đây, Văn Thù Bồ Tát trả lời: “*Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thấy công đức thù thắng, nhiệm mầu*”. Đây là trả lời câu hỏi trong phần Tổng Vấn ở phía trước. Tiếp đó:

(Sớ) Ư chư Phật pháp, tâm vô sở ngại giả.

(疏)於諸佛法心無所礙者。

(Sớ: Đối với các Phật pháp, tâm chẳng bị chướng ngại).

Đây là nêu bày riêng biệt tên gọi của từng mục. Phần chánh kinh gồm chín câu, [được Thanh Lương đại sư phán định như sau]:

(Sớ) Ư chư Phật hạ cửu cú, biệt hiển, cú tuy hữu cửu, nghĩa diệc hữu thập, như thứ thù thượng thập đoạn chi đức.

(疏)於諸佛下九句，別顯，句雖有九，義亦有十，如次酬上十段之德。

(Sớ: Chín câu sau câu “trong các Phật pháp” là phần trình bày rõ rệt từng mục riêng biệt. Tuy có chín câu, cũng có mười ý nghĩa, theo thứ tự tương ứng với mười đoạn hỏi về đức trong phần trên).

[Sau câu tổng thuyết], có chín câu [biệt thuyết], ý nghĩa vẫn là mười, vì trong ấy có một câu “*đoạn hết thấy ác, trọn đủ các điều thiện*” gồm có hai ý nghĩa. “*Đoạn hết thấy ác*” là một ý nghĩa, “*trọn đủ các điều thiện*” là một ý nghĩa khác nữa. Do vậy, nói theo ý nghĩa, vẫn là mười câu. Chúng tôi chỉ ra điều này. Sau đây, xem tiếp phần chú giải sau đó.

(Sớ) Ư chư Phật pháp, tâm vô sở ngại giả.

(疏)於諸佛法心無所礙者。

(Sớ: Đối với các Phật pháp, tâm chẳng bị chướng ngại).

Chúng ta xem lời khai thị của Thanh Lương đại sư. Ngài nói đây là [công đức] thứ nhất.

(Sớ) Tức sơ đệ nhất, kham truyền pháp khí đức, niệm, huệ, giác ngộ giai cụ túc cố.

(疏)即初第一，堪傳法器德，念慧覺悟皆具足故。

(Sớ: Chính là điều thứ nhất, “có phẩm đức là pháp khí có thể truyền pháp”, vì niệm, huệ, giác ngộ thấy đều trọn đủ).

Người ấy là pháp khí, trọn đủ điều kiện để truyền thừa đại pháp. “Niệm, huệ” là Ngũ Căn và Ngũ Lực. Ngũ Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ; hễ nói đến Niệm, nói đến Huệ, thấy đều bao gồm. Trong Phật pháp, thường nói đến thiện căn và phước đức, người ấy trọn đủ chánh niệm, trọn đủ chánh huệ, trọn đủ chánh giác. “*Giai cụ túc cố*” (Thấy đều trọn đủ): Chẳng có chướng ngại đối với các Phật pháp, câu này có ý nghĩa rất sâu. Chúng ta học Phật pháp, có cần học rất nhiều hay không? Quý vị nói xem: Có cần hay không? Nếu quý vị nghe hiểu câu này, quý vị bèn hiểu minh bạch, không cần! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, một môn là được rồi. Vì sao? Một môn nếu trọn đủ niệm, huệ, giác ngộ, sẽ chẳng có chướng ngại, tám vạn bốn ngàn pháp môn toàn bộ đều thông.

Cổ đại đức thường nói: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”, chỉ sợ quý vị không thông. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc là nói vô lượng pháp môn đều là [có cùng] một cội rễ, một gốc. Chỉ cần quý vị thâm nhập căn bản, chẳng phải là toàn bộ sẽ đều thông suốt ư? Giống như một cội cây to, cành lá um tùm, cội cây to ấy rất lớn. Mỗi chiếc lá giống như mỗi pháp môn, thoạt nhìn dường như chẳng có liên quan gì với nhau! Nếu quý vị lần theo chiếc lá ấy, lá do nhánh cây sanh ra. Nhánh cây sanh từ cành cây, cành cây sanh từ thân cây, từ thân cây lần tìm xuống tận gốc, sẽ tìm được rễ. Hễ tìm được rễ, có phải là tất cả lá trên cây ấy đều do một rễ sanh ra hay không? Quý vị đã thông hiểu toàn bộ! Học một bộ kinh, vẫn chẳng thể thông hết thấy các kinh, tức là mức độ thâm nhập của quý vị chưa đủ. Do đó, bất cứ pháp môn nào, thừa cùng quý vị, đều có thể đạt tới minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là phương pháp, là những phương pháp khác nhau, nhằm tu gì? Thấy đều nhằm tu minh tâm kiến tánh, thấy đều nhằm tu “*giác, chánh, tịnh*”.

Chúng tôi giảng kinh đã nhiều năm ngàn ấy, thường thường nhắc nhở các đồng học: Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là bước khởi đầu, đến cuối cùng, chỉ còn lại ba môn! Giống như chúng ta đã đến đích, tới từ

bốn phương tám hướng, nay đã tới đích, mục đích là đại giảng đường. Đại giảng đường có ba cửa, giác môn, chánh môn và tịnh môn, ba cửa ấy sau khi bước vào đều như nhau. Ở bên ngoài là ba cửa, khi đã vào trong, chẳng có ba cửa nữa, giác, chánh, tịnh đều chẳng có. Lúc chưa vào thì có; vào rồi sẽ chẳng có. Giác, chánh, tịnh hể triển khai, sẽ thành vô lượng vô biên pháp môn, không chỉ là tám vạn bốn ngàn! Đã hiểu đạo lý này, quý vị mới hiểu cổ nhân nói rất có lý: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Vì sao đức Phật nói nhiều pháp môn ngàn ấy? Căn tánh của mỗi người khác nhau! Quý vị tu pháp môn nào? Nhất định [phải là] tu [pháp môn nào khiến cho] quý vị hoan hỷ, yêu mến, lại còn phù hợp trình độ của quý vị, sẽ chẳng cảm thấy quá khó khăn, tu dễ dàng! Căn tánh của mỗi người khác nhau, mỗi người yêu chuộng khác nhau, giống như ăn món này nọ, có người ưa ăn ngọt, có người thích ăn cay, khẩu vị của mỗi người mỗi khác! Đức Phật rất từ bi, quý vị thích gì bèn cho quý vị thứ ấy, quyết định đều có thể thông đạt. Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp!

Vì thế, đạt tới cảnh giới nhất định, cảnh giới ấy là gì? Tâm chẳng có vương mắc, bất luận học pháp môn nào, đều khéo dùng cái tâm. Hoặc là tu đạt đến “giác chứ không mê”; chỉ cần “giác chứ không mê”, đương nhiên người ấy là chánh tri chánh kiến, đương nhiên là người ấy tâm địa thanh tịnh. Hể đã nắm được giác, chánh cũng có, tịnh cũng có, thấy đều có, còn có vương mắc chi nữa? Người học Giáo thật sự đạt được chánh tri chánh kiến, chánh tri chánh kiến thì sẽ chẳng bị mê. Chánh tri chánh kiến sẽ chẳng bị ô nhiễm. Người niệm Phật chúng ta tu cái tâm thanh tịnh, chẳng phải là từ giác môn, chẳng phải là từ chánh môn, mà là từ tịnh môn, tâm địa thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh đến một mức độ nhất định, sẽ thông suốt! Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tịnh cực quang thông đạt”*! Tỏa ánh sáng, bất cứ điều gì cũng đều thông. Tự nhiên giác ngộ, tự nhiên chánh tri chánh kiến. Vì thế, một nhập thì hết thấy đều nhập, đối với các Phật pháp, tâm chẳng có chướng ngại. Người ấy là pháp khí. Đức Phật truyền pháp cho ai? Đương nhiên là truyền cho người ấy! Chẳng phải là đức Phật có cái tâm riêng tư, mà là do người ấy đã khế nhập cảnh giới, cho nên là truyền nhân của đức Phật. Chúng ta phải hiểu điều này. Vì vậy, chúng ta đều mong làm truyền nhân của đức Phật. Truyền nhân của đức Phật là gì? Hậu Bồ Phật, tức Đẳng Giác Bồ Tát.

Truyền nhân của Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Bồ Tát. Truyền nhân của A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc là Quán Thế Âm Bồ Tát. Tại Trung Hoa, Phật giáo truyền sang Trung Hoa gần hai ngàn năm, các tông

phái đều do các vị tổ sư truyền từ đời nọ sang đời kia. Đại khái là trong sự truyền thừa quá khứ, để truyền pháp còn phải có điều kiện tương đương, [tức là] tu, học, chứng quả. Vì sao Phật pháp suy vi trong hiện thời? Suy là vì hiện thời truyền pháp không tính đến điều kiện. Chỉ cần người theo ta xuất gia một thời gian đã lâu, trong tương lai, ta sẽ truyền pháp cho người! Còn như người có tu hay không ư? Có phải là hữu học hay không ư? Hiện thời, ta chẳng buồn bàn tới, chỉ cần người có thể trông nom ngôi chùa làng hoàng, rất chú ý quản lý sự việc trong chùa, giữ cho tín đồ [đông đảo], lão hòa thượng sẽ sanh tâm hoan hỷ. Phật pháp suy vi là vì lẽ này!

Xưa kia, chẳng phải là như vậy. Xưa kia phải là chân học, chân tu, phải là hữu tu, hữu chứng. Dẫu chẳng thể chứng thì cũng khai ngộ. Trong ngộ có đại ngộ và tiểu ngộ. Tích lũy tiểu ngộ thành đại ngộ, tích lũy đại ngộ thành triệt ngộ, triệt ngộ là chứng quả. Chẳng đạt đến trình độ ấy, tuy có đại ngộ, nhưng chẳng triệt ngộ, là do nguyên nhân gì? Buông xuống chẳng đủ. Nhưng ít nhiều thì đã buông xuống một mớ, vẫn khá hơn những kẻ bình phàm chẳng tu hành. Cũng có nghĩa là tuy cái tâm bất thiện chẳng đoạn, nhưng rất mỏng, đã đạt đến cảnh giới ấy, rất mỏng! Tuy phiền não có thể dấy lên, nhưng phiền não vừa hiện hành, ngay lập tức có năng lực buộc nó ngưng dứt, chẳng để cho nó tiếp tục tăng trưởng, người ấy có năng lực này. Cổ đức gọi chuyện này là “*chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chập*”. Người ấy giác nhanh chóng. Vì thế, người ấy có năng lực chế phục phiền não, tuy chẳng đoạn được, đã có năng lực chế ngự. Lại còn là chế phục nhanh chóng. Niệm phiền não thứ nhất vừa nổi lên, niệm thứ hai đã chế ngự được. Công phu kém hơn một chút, sẽ là niệm thứ ba hay niệm thứ tư mới chế ngự được. Lại kém hơn nữa, niệm thứ năm, niệm thứ sáu, niệm thứ bảy mới chế phục, [vẫn là] mạnh mẽ hơn lũ người bình phàm như chúng ta.

Người đọc sách trong thế gian, có tu dưỡng, [có khi] nổi nóng, nhưng sau khi đã nổi nóng, chẳng có chuyện gì; người ấy có tu dưỡng. Đó là gì? Sau khi đã nổi nóng, người ấy có thể khống chế, khôi phục bình thường. Chúng ta thường thấy người có công phu ấy, ý niệm mới vừa dấy lên, chưa đầy mười ý niệm, người ấy đã chế ngự được. Đó là công phu cao minh. Lũ bình phàm chúng ta vô tâm, ơ hờ, chẳng dễ gì nhận biết được! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Chư vị đồng học, xin mọi người hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp câu thứ hai trong phần kinh văn.

(Kinh) Trụ khứ lai kim chư Phật chi đạo.

(經)住去來今諸佛之道。

(Kinh: Trụ trong đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).

“Trụ” (住) là an trụ, “khứ” (去) là quá khứ, “lai” (來) là vị lai, “kim” (今) là hiện tại, đây là tam thế chư Phật. Tâm thường an trụ trong đạo của tam thế chư Phật. Đối với đạo của tam thế chư Phật, có lẽ các đồng học mới học sẽ cảm thấy có vấn đề! Quá khứ Phật, Phật đã chẳng còn tại thế, đã diệt độ, thế giới cũng trải qua “thành, trụ, hoại, không”. Nói cách khác, chẳng tìm thấy di tích của quá khứ chư Phật trên thế giới này! Vị lai chư Phật vẫn chưa giáng thế. Trên thực tế, tâm chúng ta an trụ thì chỉ có thể an trụ trong đạo của vị Phật hiện tại, đây chính là kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhưng đức Thế Tôn đã dạy, “*Phật Phật đạo đồng, Phật hiện tại chẳng khác cổ Phật, Phật hiện tại cũng chẳng khác Phật vị lai*”. Vì thế, đạo do một đức Phật truyền, [và đạo của] mười phương ba đời hết thấy chư Phật đều chẳng có hai, đều giống nhau, nên gọi là “*Phật Phật đạo đồng*”. Vì sao? Chân lý chỉ có một. Nay chúng ta thấy pháp môn tuy nhiều, đến cuối cùng là một căn cội, có cùng một điểm khởi đầu. Đây chính là đạo của mười phương ba đời hết thấy chư Phật.

Tâm chúng ta như thế nào để an trụ cụ thể? Trong lời chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Trụ khứ lai kim chư Phật chi đạo, tức thượng thành tựu chúng huệ, tam thế chư Phật, duy dĩ Phật huệ vi sở thừa cố.

(疏)住去來今諸佛之道，即上成就眾慧，三世諸佛，唯以佛慧為所乘故。

(Sớ: Trụ trong đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật chính là “trên là thành tựu các huệ”. Chư Phật trong ba đời chỉ lấy Phật huệ làm sở thừa).

Trong phần trước là điều thứ nhất, “*kham truyền pháp khí đức*” (phẩm đức do là pháp khí có thể truyền pháp). Câu thứ hai là “*thành tựu chúng huệ đức*”, chúng ta cũng hiểu rất rõ ràng: Quyết định chẳng thể lìa khỏi giáo huấn của Phật; hễ lìa khỏi giáo huấn của đức Phật, đã sai mất rồi! Chúng ta tiếp nhận giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật chính là tiếp nhận giáo huấn của hết thấy chư Phật Như Lai. Phật Phật đạo đồng, chớ nên không hiểu đạo lý này. Trong những năm qua, chúng tôi đã kết giao với khá nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới, thể nghiệm từ sự tu học của chính mình, đặc biệt là từ trong giáo pháp Đại Thừa, toàn thể vũ trụ,

hết thấy vạn vật có cùng một căn bản. Phật pháp gọi căn bản ấy là Pháp Tánh, tự tánh, hay chân tâm. Quý vị thấy đức Phật thường nói: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Mấy câu *“duy tâm sở hiện”* này quan trọng lắm. Nó chính là căn bản của căn bản.

Hết thấy vạn vật đã là do tự tánh hiện ra, tự tánh là Lý Thể của hết thấy vạn vật, triết học gọi [Lý Thể] là *“bản thể”*. Tự tánh vốn sẵn có vô lượng trí huệ, đức năng, vô lượng tướng hảo, những thứ ấy vốn trọn đủ, chẳng phải là đạt được từ bên ngoài, chẳng do tu mà có! Chuyện này đã được tiến sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm để chứng minh. Vì thế, tôi rất coi trọng các thí nghiệm của ông ta, mà cũng hết sức tán thán. Ông ta đã chứng minh vạn vật là Pháp Tánh. Vì sao Pháp Tánh biến hiện? Duy thức sở biến; Thức là gì? Thức là tâm tướng. Do vậy, đức Phật cũng thường nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng”*, *“hết thấy các pháp”* chính là nói đến tâm tướng trong vũ trụ. Vì sao có thể biến hiện? Do sanh từ tâm tướng! Vì lẽ này, trong kinh Đại Thừa, đức Phật mới nói: *“Ba đời hết thấy Phật, cùng chung một Pháp Thân”*. Nói *“ba đời”*, quý vị phải ghi nhớ là sẽ bao gồm ta, người, và kẻ khác trong ấy. Vì sao? Hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật! Do vậy, *“tam thế chư Phật”* là quý vị, ta và người khác đều ở trong ấy. Chúng ta đều là [Phật], chẳng có ai là ngoại lệ! Không chỉ là nhân loại chúng ta được bao gồm trong ấy, mà tất cả hết thấy các động vật, chúng sanh trong chín pháp giới, toàn bộ đều được bao gồm trong ấy, cùng chung một Pháp Thân. Trong phần trước, chúng ta đã đọc: *“Một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế”*, đã đọc kinh văn rồi!

Vì thế, các tôn giáo khác nhau thờ phụng các thần minh khác nhau, thật ra là một chân thần! Nói là *“một chân thần”*, mọi người đều có thể tiếp nhận! Chân thần biến hiện vô lượng vô biên hóa thân, trở thành những vị sáng lập các tôn giáo, làm thủ tổ của các dân tộc. Nói kiểu này mãi cho đến hiện thời vẫn chẳng có ai phản đối. Thoạt đầu, tôi cứ tưởng là sẽ có người phản đối, phải biện luận một phen, kết quả là chẳng có, mọi người nghe xong đều có thể hiểu ý, mỉm cười, đều có thể tiếp nhận. Vì thế, tôi nói: Tất cả các tín đồ tôn giáo trên cả thế giới, bất luận quý vị tin theo tôn giáo nào, chúng ta đều là người một nhà! Tôi thờ Thích Ca Mâu Ni Phật ở đây, quý vị thờ Gia Tô (Jesus) ở đằng kia, người khác thờ Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed) ở chỗ nọ, đều là một vị thần, là những phân thân của một vị thần, do một vị thần hóa thân! Mỗi vị thần ở trong một khu vực bất đồng, văn hóa bất đồng, phong tục thói quen bất đồng, bèn giáo hóa chúng sanh như thế nào. Chúng ta tiếp xúc nhiều, xem

nhiều, mới hoảng nhiên đại ngộ, hiểu rõ! Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn dùng thân ấy; đáng nên dùng pháp gì để dạy, bèn dùng pháp ấy. Trong ấy, chẳng có chướng ngại, chẳng có ngăn ngại, “*thành tựu chúng huệ*” mang ý nghĩa này!

Vì lẽ này, chúng ta thấy câu cuối cùng: “*Tam thế chư Phật, duy dĩ Phật huệ vi sở thừa cố*” (Chư Phật trong ba đời chỉ lấy Phật huệ để làm sở thừa), [sẽ hiểu] chúng ta nhất định chẳng thể rời lìa kinh điển của Phật giáo, chúng ta phải dựa vào kinh điển. Kinh điển giống như ngòi thuyền, chúng ta phải ngồi chiếc thuyền này thì mới có thể đến bờ kia, chẳng thể lìa khỏi chiếc thuyền ấy. Kinh phải đọc mỗi ngày. Đối với kinh điển, chọn lựa vài thứ mà chính mình ưa chuộng nhất, yêu thích nhất để suốt đời thọ trì, chớ nên thay đổi! Do đọc kinh, niệm Phật, quý vị sẽ niệm đến mức tâm chuyên nhất, nhất tâm bất loạn, sẽ đắc Định, khai Huệ. Sau khi đã khai Huệ, toàn bộ đều thông suốt, sẽ chẳng có chướng ngại. Câu thứ ba...

(Kinh) Tùy chúng sanh trụ, hằng bất xả ly.

(經)隨眾生住恆不捨離。

(Kinh: Thuận theo chúng sanh để trụ, thường chẳng lìa bỏ).

Trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Tức thượng cụ đạo nhân duyên, thành tựu chủng tánh, dục lạc, phương tiện, thường dĩ chúng sanh vi sở duyên cố.

(疏)即上具道因緣，成就種性欲樂方便，常以眾生為所緣故。

(Sớ: Tức là đầy đủ các nhân duyên tu đạo [như đã nói] trong phần trước, thành tựu chủng tánh, phương tiện, dục lạc, thường dùng chúng sanh làm đối tượng để duyên).

“*Tùy chúng sanh trụ*” chính là Bồ Tát. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát sẽ có ứng. “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. “*Hằng bất xả ly*” (Luôn chẳng lìa bỏ), chẳng bỏ người nào! Hễ có một chúng sanh duyên đã chín muồi, tuy duyên có cạn hay sâu khác nhau, chỉ cần có duyên. Duyên là gì? Người ấy có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng, bốn chữ ấy [biểu thị] duyên cạn hay sâu khác nhau. Có thể tin là cạn; có thể hiểu, sâu hơn một tầng. Có thể hành, sâu hơn một tầng nữa! Có thể chứng chính là đã chín muồi, đã viên mãn. Vì thế, chỉ cần có thể tin, Phật, Bồ Tát đều chẳng lìa bỏ, nhất định đến giúp đỡ, làm Tăng Thượng Duyên, đến giúp cho người ấy tăng tấn.

Chẳng thể tin thì sao? Chẳng thể tin, Phật cũng chẳng vứt bỏ người ấy, mà giúp cho người ấy gieo thiện căn, gieo chủng tử Phật trong A Lại Da Thức. Chúng ta phải hiểu điều này, gieo chủng tử. Như quý vị thấy người thế gian chẳng tin tưởng, trông thấy kẻ xuất gia: “Đấy là Phật giáo”, hữu ý hay vô tình, [vị xuất gia ấy] đã gieo chủng tử Phật trong A Lại Da [của kẻ đó]. Đấy là gì? Quý vị bảo kẻ đó học Phật, hẳn chẳng tin tưởng, nhưng hẳn biết có Phật; thấy tượng Phật, nghe âm thanh niệm Phật, đôi khi hữu tâm hay vô tâm còn niệm một câu A Di Đà Phật, nhưng hẳn không tin tưởng. Trong A Lại Da đã có chủng tử. Nhìn từ chỗ này, đấy là đại từ đại bi. Gieo [chủng tử Phật] cho kẻ vô duyên, giúp người đã có chủng tử tiến cao hơn. Đấy là “*cụ đạo nhân duyên*” (đầy đủ nhân duyên tu đạo). Trọn đủ nhân duyên nhập đạo, thành tựu chủng tử Phật, thành tựu chủng tánh.

“*Dục lạc*” (欲樂) là những gì họ yêu chuộng. Trong giáo pháp Đại Thừa có đến mười tông phái. Vì sao có mười tông phái? Chúng sanh có dục lạc khác nhau, cho nên Phật, Bồ Tát mở ra pháp phương tiện. “*Phương*” (方) là phương pháp, “*tiện*” (便) là tiện nghi. Nếu nói theo cách hiện thời, sẽ là phương pháp thích hợp nhất, phương pháp thích hợp với sự yêu chuộng của kẻ đó nhất. Thích tham Thiền thì có Thiền Tông. Thích học Giáo, có Hoa Nghiêm, có Pháp Hoa, có Tam Luận, có Duy Thức, tùy quý vị chọn lựa! Thích niệm Phật, có Tịnh Độ. Thích kinh chú, có Mật Tông. Mỗi người yêu thích chẳng giống nhau, bất cứ phương tiện nào cũng đều nhằm tiếp dẫn một loại chúng sanh nào đó. Đấy là như nhà Phật thường nói: “*Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Câu thứ tư...

(Kinh) Như chư pháp tướng, tất năng thông đạt.

(經)如諸法相。悉能通達。

(Kinh: Như các pháp tướng, thấy đều có thể thông đạt).

Đấy chính là...

(Sớ) Thập thiện xảo, nghĩa vô hoặc dã.

(疏)十善巧，義無惑也。

(Sớ: Mười thứ thiện xảo, mang ý nghĩa chẳng có phiến não).

Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình với quý vị [ý nghĩa của mười món thiện xảo]. Nay chúng tôi đọc danh xưng một lượt là được rồi. Thứ nhất là Uẩn Thiện Xảo, Ngũ Uẩn. Thứ hai là Xứ Thiện Xảo, Thập Nhị Xứ. Thứ ba là Giới Thiện Xảo, Thập Bát Giới, tức lục căn, lục trần và lục

thức. Thứ tư là Duyên Khởi Thiện Xảo, nói về Thập Nhị Nhân Duyên. Thứ năm là Xứ Phi Xứ Thiện Xảo, nói về nhân quả. Thiện nhân đắc thiện quả, là Xứ. Ác nhân đắc thiện quả, [sẽ là] Phi Xứ. Thiện nhân đắc ác quả, cũng là Phi Xứ. Vì sao? Nhân quả chẳng tương ứng. Thiện nhân nhất định là thiện quả, ác nhân quyết định là ác báo, đấy là Xứ! Là Xứ, chẳng sai lầm tí nào! Thứ sáu là Căn Thiện Xảo, Căn là nói đến Ngũ Căn, tức năm căn như Tín v.v... Lần trước tôi đã từng nói với quý vị, nói chung là hai mươi hai Căn³. Thứ bảy là Thế Thiện Xảo, quá khứ, hiện tại, vị lai ba đời. Thứ tám là Đế Thiện Xảo, tức Tứ Đế là pháp tu của A La Hán. Đấy là nhân quả thế gian và xuất thế gian, Khổ và Tập là nhân quả thế gian, Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian. Thiên Thai đại sư có cách nói dựa theo bốn loại Tạng, Thông, Biệt, Viên, nên có bốn loại Tứ Đế, phải biết điều này. Nói như vậy là đã bao gồm tất cả hết thảy Phật pháp. Thứ chín là Thừa Thiện Xảo, tức là hai thừa, ba thừa và năm thừa, đều là phương tiện thiện xảo để đức Phật giáo hóa chúng sanh. Điều cuối cùng chính là Hữu Vi Vô Vi Thiện Xảo.

Hiểu rõ ràng, rành mạch đại ý của mười loại thiện xảo, sẽ gọi là “*như chư pháp tướng, tất năng thông đạt*”, tức là thông đạt phương tiện môn được vận dụng trong Phật pháp. Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Thiện xảo là phương tiện môn. Vô lượng vô biên phương tiện môn, mười thứ thiện xảo là nói đại lược, giới thiệu đơn giản một chút. Câu thứ năm và câu thứ sáu là cùng một câu, nhưng có hai ý nghĩa. Thứ năm là...

(Kinh) Đoạn nhất thiết ác.

(Sớ) Tức Thất Giác, Tam Không, giản trạch khí ác, vô việt thử cố.

(經)斷一切惡。

(疏)即七覺三空，揀擇棄惡，無越此故。

(Kinh: Đoạn hết thảy ác.

Sớ: Chính là Thất Giác Chi và Tam Không, chọn lựa, phân biệt để bỏ ác, không gì vượt khỏi điều này).

Đây cũng là nêu ra một vài trường hợp. Thất Giác Chi, Tam Không là Nhân Ngã Không, Pháp Ngã Không, và Nhân Pháp Câu Không, đều chẳng thể được! Các nhà khoa học hiện thời cũng đã chứng minh, đều là nêu lên những trường hợp cụ thể để thuyết minh, ngõ hầu chúng ta có thể chọn lựa chánh pháp, xa lìa tà pháp, chọn lựa thiện pháp, xa lìa ác pháp, chọn lựa chân thật, vứt bỏ hư ngụy. Phải biết điều này! Tất cả hết thảy các pháp trong thế gian, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư*

vọng”, phải bỏ hết thấy các pháp! Giữ gì? Giữ pháp vô vi, tâm tánh thuần thiện, thuần tịnh, đấy là Chân. Tâm hiện, thức biến. Cái tâm có thể hiện là chân, vạn pháp được hiện là giả. Trong hết thấy vạn pháp, quý vị chớ nên khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có chướng ngại đối với hết thấy các pháp đã được hiện! Tánh và tướng vô ngại, tánh chẳng trở ngại tướng hiện khởi, tướng chẳng ngăn ngại tánh tịch diệt, chẳng chướng ngại pháp! Chướng ngại ở chỗ nào? Chướng ngại là do khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Hễ có những thứ ấy, sẽ có chướng ngại. Chẳng có những thứ ấy, sẽ chẳng có chướng ngại. Vì thế, phải bỏ, bỏ sạch sành sanh!

Nếu quý vị có phước báo, thật sự có cảm ứng, vì quý vị thật sự muốn học, thật sự muốn kế nhập, chư Phật, Bồ Tát sẽ giúp đỡ quý vị, sẽ làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị, phải hiểu điều này! Đạt đến thật sự bỏ sạch, trong hết thấy các pháp, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, Tánh Đức sẽ thấu lộ ra ngoài, sẽ dần dần viên mãn. Vì thế, sự giản trạch (揀擇, phân biệt chọn lựa) này, [tức là] giữ lấy điều thiện, đoạn trừ điều ác chính là phương pháp xảo diệu cùng tốt của nhà Phật. Thứ sáu...

(Kinh) Cụ túc chúng thiện.

(經)具足眾善。

(Kinh: Đầy đủ các điều thiện).

Phải trừ khử điều ác, phải trọn đủ các điều thiện. Ở đây, đại sư nói:

(Sớ) Tứ Lục Độ, Tứ Đẳng.

(疏)即六度四等。

(Sớ: Chính là Lục Độ, Tứ Đẳng).

“Tứ Đẳng” là Tứ Vô Lượng Tâm, đây cũng là nêu lên một thí dụ. Tịnh Tông chúng ta chọn lựa năm khoa, trọn đủ các điều thiện. Năm khoa ấy, thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước, thứ hai là Lục Hòa Kính, thứ ba là Giới, Định, Huệ Tam Học. Giới, Định, Huệ chính là Giác, Chánh, Tịnh. Tam Học và Tam Bảo là một Thể, Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh. Tam Học là Giới, Định, Huệ, Phật là Huệ, điều này đã được hiển thị trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Tựa đề kinh nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Vì thế, trong tựa đề kinh có Giới, Định, Huệ, trong tựa đề kinh có Phật, Pháp, Tăng, tức là Tam Huệ và Tam Bảo thấy

đều trọn đủ, Giới, Định, Huệ Tam Học. Trong sự tuyển chọn của chúng ta, có Lục Độ. Điều cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát Thập Nguyện. Năm khoa mục ấy dễ nhớ, khởi tâm động niệm trong cuộc sống hằng ngày đều có thể tương ứng với chúng.

Chúng tôi đề ra [năm khoa mục ấy] chắc là đã hai mươi năm rồi. Tôi đến Mỹ, hoảng pháp bên đó bèn đề ra. Chúng tôi còn viết một cặp câu đối: *“Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, “khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”*, viết hai mươi chữ. Nhưng đã qua nhiều năm như vậy, hiệu quả chẳng tỏ lộ. Truyền bá rất phổ biến, mọi người đều ưa thích, cũng đều có thể ghi nhớ, đều có thể nói được, nhưng chẳng làm được. Tam Học chẳng làm được, Lục Hòa Kính chẳng làm được. Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện lại càng chẳng cần phải nói tới. Chỉ là một tí hình thức, chẳng có thực chất. Do vậy, công phu thật sự của chúng ta chẳng có tiến bộ. Chuyện này khiến cho chúng tôi nghiêm túc suy nghĩ, nguyên nhân rốt cuộc ở chỗ nào? Giống như chữa bệnh, chúng ta uống thuốc, nhưng chẳng đạt được hiệu quả.

Nói theo thực tế, nói theo lý luận, sau khi uống thuốc, chắc chắn là có thể thu được hiệu quả. Vì sao chẳng thu được hiệu quả? Nói theo Trung Y, thuốc vẫn cần phải có chất dẫn thuốc! Chúng ta đã thiếu sót chất dẫn thuốc! Chất dẫn thuốc là gì? Đệ Tử Quy của Nho gia, thứ này thật sự hữu hiệu. Vì sao dẫn khởi Đệ Tử Quy của Nho gia? Trong giới kinh, đức Phật đã dạy: *“Phật tử chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử đức Phật”*. Câu này cảnh tỉnh chúng ta, chúng ta chẳng học Tiểu Thừa, làm như thế nào đây? Kinh Tiểu Thừa cũng rất nhiều, được phiên dịch rất hoàn chỉnh. Khi thầy Phương giới thiệu [Phật pháp] cho tôi, [đã nhận xét]: *“Kinh Tiểu Thừa chẳng dịch hay khéo như kinh Đại Thừa”*. Huống chi tại Trung Hoa, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng còn học Tiểu Thừa nữa, mà dùng Nho và Đạo để thay thế. Vì thế, thời cổ học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia đều có cơ sở Nho và Đạo, Khổng, Mạnh, Lão, Trang.

Hơn một ngàn năm qua, Phật giáo Trung Hoa xuất hiện nhân tài (bất luận tại gia hay xuất gia) rất nhiều, vượt trội Ấn Độ, có thành tích rất tốt đẹp. Điều này khiến cho chúng tôi nhận biết, quay lại, vẫn phải dùng đến căn cơ Nho gia. Nho gia có nhiều thứ lắm, học thứ nào đây? Vì thế, tôi tìm thứ cội rễ, cội rễ là sống động, cội rễ có thể sanh trưởng. Căn cội của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chư vị đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ hiểu; tôi cũng nói rất tỉ mỉ, căn cội của Nho gia là gia giáo! Đệ Tử Quy là tập hợp hoàn thiện của gia giáo Trung Hoa, chúng

ta phải vun quén căn cội từ đây thì mới được cứu. Nho phải vun quén căn cội từ Đệ Tử Quy, Phật thì phải vun bón căn cội Thập Thiện Nghiệp. Chẳng có Thập Thiện Nghiệp, chẳng có Đệ Tử Quy, Nho và Phật đều chẳng thể kiến lập. Dẫu dễ coi đến mấy đi nữa, sẽ giống như bình hoa, giống như bonsai, chết cứng, chẳng phải là sống động! Nếu muốn cho nó thật sự tăng trưởng, lớn mạnh, nở hoa, kết trái, nhất định là phải thực hiện từ căn bản. Vì thế, đoạn ác tu thiện đều phải thực hiện từ Thập Thiện Nghiệp, từ Đệ Tử Quy.

Hoa Nghiêm nhằm dạy Bồ Tát, căn bản đã kiên cố. Vì thế, mới nói Lục Độ, Tứ Đẳng. Chúng tôi tuyển chọn năm khoa mục ấy, chẳng chọn sai! Chúng ta đã sơ sót Đệ Tử Quy. Thuở ấy ở Đài Trung, thầy Lý dạy một nhóm học trò bọn tôi, tuy không nhắc tới Đệ Tử Quy, nhưng thầy dạy chúng tôi học Ngũ Chung Di Quy. Trong phần Đồng Mông Dưỡng Chánh (dạy những điều chánh đáng cho trẻ nít thơ dại) của Ngũ Chung Di Quy, Châu phu tử có thiên Đồng Mông Tu Tri (trẻ thơ dại cần biết), đấy chính là tiền thân của Đệ Tử Quy. Văn tự nhiều hơn Đệ Tử Quy hiện thời, chẳng có hệ thống như trong Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy đã được chỉnh lý. Đối với mỗi câu mỗi chữ trong Đệ Tử Quy, chương Đồng Mông Dưỡng Chánh đều có nói tới. Tác giả đã hội tập mười mấy tác giả, mỗi tác giả đều nói [đến những giáo huấn về đạo đức, luân lý tương tự], cũng khiến cho quý vị được nhắc đi nhắc lại mấy lượt. Vì thế, thầy Lý dạy chúng tôi dùng bộ sách ấy làm sách đọc để tu thân, thầy cũng quy định thành một môn công khóa bắt buộc phải học.

Nhưng lão nhân gia chẳng giảng giải cho chúng tôi, mà để cho chúng tôi tự đọc. Thật sự đọc, đương nhiên là được thọ dụng. Không chịu nghiêm túc đọc, sẽ chẳng được thọ dụng. Con người vẫn có tật khí biếng nhác, ắt phải có một vị thầy giỏi đốc thúc thì mới có thể đạt được hiệu quả. Thầy chẳng đốc thúc, chúng tôi liền chểnh mảng. Ở dưới tòa của thầy Lý, thầy bồi dưỡng bọn học trò chúng tôi, trọng điểm là lên đài giảng kinh. Vì thế, lên đài giảng kinh là một loạt phương pháp, cần phải chú ý chỗ nào, thầy đều dạy chúng tôi. Hai mươi người bạn học chúng tôi ai nấy đều có thể lên giảng, đều có thể đi diễn giảng, đều có hình tượng tốt đẹp. Thực chất thì sao? Thực chất có vấn đề, chớ nên không biết điều này. Giáo huấn của thánh hiền coi trọng thực chất, không coi trọng hình thức. Thực chất là phải thật sự đặt vững cơ sở nơi luân lý, đạo đức! Tiếp đó là câu thứ bảy...

(Kinh) Đương như Phổ Hiền sắc tượng đệ nhất.

(Sớ) Do thử cố đắc thập vương kính hộ.

(經)當如普賢色像第一。

(疏)由此故得十王敬護。

(*Kinh: Sẽ là hình sắc bậc nhất như Phổ Hiền.*

Sớ: Do vậy, được mười vua kính trọng, hộ trì).

Đây là nói về sự thành tựu. Nói cách khác, đến đây, kinh Hoa Nghiêm nêu ra một vị thiện tri thức để chúng ta học tập theo Ngài. Vị ấy chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát sắc tượng bậc nhất là do Ngài tu pháp môn nào? Mười nguyện Phổ Hiền. Trong kinh, đức Phật đã dạy: “Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền hạnh, chẳng thể viên thành Phật đạo”, cũng tức là chẳng thể chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Phổ Hiền hạnh là Bồ Tát hạnh viên mãn rốt ráo. Vì thế, viên mãn Phổ Hiền hạnh sẽ là Phật quả rốt ráo. Phổ Hiền Bồ Tát và những vị Đại Thừa Bồ Tát thông thường khác nhau ở chỗ nào? Sai biệt nơi tâm lượng. Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát xác thực là pháp giới, hư không giới.

Lễ kính: Đối tượng lễ kính là chư Phật, “Chư Phật” là thập phương tam thế hết thảy chư Phật. Trong tam thế chư Phật, vị lai Phật là hết thảy chúng sanh. Mười phương ba đời hết thảy chúng sanh là vị lai Phật. Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính, quý vị hãy nghĩ xem, nhiều cỡ nào? Chẳng có mấy may hạn cuộc, đây là chỗ khác biệt. Nói cách khác, không chỉ là chẳng có phân biệt và chấp trước, ngay cả vọng tưởng cũng đều bị quét sạch! Chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải biết điều này.

Xưng tán Như Lai: Như Lai là gì? Tánh Đức. Như Lai biểu thị tự tánh. Phàm những gì tương ứng với Tánh Đức, chẳng có gì không tán thán. Những gì trái nghịch Tánh Đức, sẽ chẳng tán thán. Chư vị phải hiểu, chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, ngũ luân, bát đức tương ứng với Tánh Đức, Lục Hòa, Tứ Nhiếp tương ứng với Tánh Đức, Ngũ Giới, Thập Thiện tương ứng với Tánh Đức. Phàm là tương ứng với Tánh Đức, chẳng có gì không tán thán. Những gì trái nghịch Tánh Đức, chẳng tán thán. Đối với Ngũ Nghịch, Thập Ác chẳng tán thán, nhưng có lễ kính. Lễ kính và tán thán sai biệt ở chỗ này! Trong Lục Ba La Mật của Đại Thừa Phật pháp, Bồ Tát tu bố thí, Bố Thí Ba La Mật. Phổ Hiền Bồ Tát chẳng nói “bố thí”, mà là “cúng dường”! Tức là cái tâm bố thí chân thành, thanh tịnh đạt đến tột bậc! Thấy hết thảy chúng sanh thật sự là cha mẹ trong quá khứ, là vị lai chư Phật, cho nên là cúng dường, chẳng phải là bố thí. Những điều này chúng ta đều phải học. Ba điều này là tu phước, thật sự là phước báo rất ráo viên mãn.

Điều thứ tư là sám hối nghiệp chướng. Phổ Hiền Bồ Tát còn sám hối nghiệp chướng, chúng ta có cần phải sám hối nghiệp chướng hay không? Nghiệp chướng của chúng ta quá nặng! Chúng ta phải biết. Nay chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật, thậm chí trong cuộc sống, có khá nhiều chỗ chẳng thể hoàn toàn như ý, do nguyên nhân gì? Nghiệp chướng! Chẳng có nghiệp chướng, sẽ đại tự tại. Hoàn cảnh sống không như ý, hoàn cảnh nhân sự không như ý. Ví như gia đình, trong hiện thời thường thấy, vợ chồng bất hòa, cha con bất hòa, anh em bất hòa, thấy đều là do nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng, gia hòa, vạn sự hưng. Dùng phương pháp gì? Ai nấy đều học Đệ Tử Quy, ai nấy đều học Thập Thiện Nghiệp, nghiệp chướng sẽ chẳng có, sẽ hóa giải. Chớ nên không hiểu đạo lý này! Bốn điều trên đây đều thuộc loại tự lợi, nâng cao cảnh giới của chính mình trên một mức độ to lớn. Mấy điều sau đều thuộc loại lợi tha.

Tùy hỷ công đức: Thấy người khác làm chuyện tốt, quyết định chẳng có lòng ganh tỵ, chướng ngại, hễ trông thấy, bèn sanh tâm hoan hỷ. Không chỉ là sanh tâm hoan hỷ, mà còn phải toàn tâm toàn lực giúp họ thành tựu, bỏ tiền ra sức giúp cho họ thành tựu. Người khác vượt trội chính mình bèn cổ vũ, hoan hỷ, tán thán, chúng sanh có thể hưởng phước, ta cũng nhờ lây. Họ làm chuyện tốt lợi ích chúng sanh, ta cũng là một chúng sanh, ta cũng sẽ được lợi ích, làm sao có thể chướng ngại cho được? Làm sao có thể hủy báng cho được? Hủy báng, chướng ngại, tội lỗi nặng nề, Vô Gián địa ngục đấy nhé! Nếu người ta phát tâm là đại tâm, làm chuyện này, phát đại tâm, tâm ấy, chuyện ấy lợi ích vô lượng chúng sanh. Nếu quý vị chướng ngại họ, ganh tỵ họ, tội sẽ là Vô Gián địa ngục, A Tỳ địa ngục. Chớ nên không biết điều này!

Thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, lợi ích chúng sanh thù thắng nhất, lớn nhất, không chi to bằng! Phàm là thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, từ kinh Nhân Quả chúng ta thấy: Hiện thời, những người làm quốc vương, làm Tổng Thống trong thế gian này, đời trước, họ đã tu cái nhân gì? Tu cái nhân này, hộ trì Phật pháp! Trong hộ trì Phật pháp, điều quan trọng nhất là thỉnh pháp sư giảng kinh. Thỉnh pháp sư, hộ trì pháp sư thường trụ ở nơi đây, thường chuyển pháp luân, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, quá lớn lao! Vì sao quốc vương, đại thần phải quy y Tam Bảo, hộ trì Phật pháp? Đạo lý rất đơn giản, họ mong mỗi con cháu họ đều làm quốc vương, vĩnh viễn truyền thừa. Những hoàng đế cuối mỗi triều đại chẳng nghe theo giáo huấn của tổ tông, bất kính

Tam Bảo; vì thế mới bị suy vi, mới bị vong quốc, chánh quyền mới bị chuyển dời. Đạo lý ở chỗ này, chớ nên không biết điều này!

Quý vị thấy quả báo của họ là được mười vua tôn kính, mười vua ủng hộ. Mười vị vua ấy chính là Thập Điện Diêm Vương! Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình cùng chư vị: Thập Điện Diêm Vương đều ủng hộ, hãy ngẫm xem, có lẽ nào thiên địa, quỷ thần chẳng che chở quý vị? Nếu quý vị muốn được hết thảy thiện thần trong trời đất che chở quý vị, hãy tu Phổ Hiền hạnh. Nhưng phải biết, nếu chẳng có Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp làm cơ sở, đừng nói là Phổ Hiền hạnh, các hành pháp Đại, Tiểu Thừa, quý vị đều chẳng đạt được, chớ nên không biết điều này! Vì thế, Phổ Hiền hạnh được kiến lập trên cơ sở Thập Thiện Nghiệp, kiến lập trên cơ sở Tam Quy, Ngũ Giới, kiến lập trên cơ sở Đệ Tử Quy, chớ nên không biết điều này! Nếu quý vị chẳng phát tâm tu học từ căn bản này, Phổ Hiền hạnh sẽ là hữu danh vô thực, chư vị chớ nên không lưu ý điều này! Do vậy, hiện thời chúng ta hiểu, học là học từ chỗ nào? Quyết định là từ Đệ Tử Quy, từ Thập Thiện Nghiệp, từ Tam Quy, Ngũ Giới, chẳng thể nhảy vượt cấp. Hễ nhảy vượt cấp thì sai mất rồi! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 1493

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần trả lời của Văn Thù Bồ Tát, xem từ đoạn thứ hai trong phần trường hàng. Đoạn thứ hai gồm mười câu, chúng tôi vẫn chưa nói xong. Chúng tôi đọc kinh văn trước một lượt.

(Kinh) Phật tử! Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức, ư chư Phật pháp, tâm vô sở ngại, trụ khứ, lai, kim chư Phật chi đạo, tùy chúng sanh trụ, hằng bất xả ly, như chư pháp tướng, tất năng thông đạt, đoạn nhất thiết ác, cụ túc chúng thiện, đương như Phổ Hiền sắc tượng đệ nhất.

(經)佛子。若諸菩薩善用其心。則獲一切勝妙功德。於諸佛法心無所礙。住去來今諸佛之道。隨眾生住恆不捨離。如諸法相。悉能通達。斷一切惡。具足眾善。當如普賢色像第一。

(Kinh: Nay Phật tử! Nếu các vị Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, nhiệm màu, trong các Phật pháp, tâm không bị chướng ngại, trụ trong đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, thuận theo chúng sanh để trụ, thường chẳng lìa bỏ, như các pháp

tướng, đều có thể thông đạt, đoạn hết thảy ác, trọn đủ các điều thiện, sẽ như Phổ Hiền Bồ Tát sắc tướng bậc nhất).

Lần trước chúng ta học đến chỗ này; bây giờ, chúng ta xem phần kế tiếp, câu thứ tám...

(Kinh) Nhất thiết hạnh nguyện giai đắc cụ túc.

(經)一切行願皆得具足。

(Kinh: Hết thảy các hạnh nguyện đều được trọn đủ).

Chúng ta xem câu này. Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Túc thị tiền văn, thành tựu Thập Lực, đắc Phật quả vị, phương cụ túc cố.

(疏)即是前文，成就十力，得佛果位，方具足故。

(Sớ: Chính là [tương ứng với] đoạn kinh văn trong phần trước, [tức phần câu hỏi phải làm như thế nào để] thành tựu Thập Lực, đắc quả vị Phật thì mới là trọn đủ).

Kế đó, Ngài có chú giải.

(Sớ) Cố Tấn Kinh vô thử nhất cú.

(疏)故晉經無此一句。

(Sớ: [Kinh Hoa Nghiêm] bản dịch đời Tấn không có câu này).

Tấn Kinh là Lục Thập Hoa Nghiêm⁴, Lục Thập Hoa Nghiêm chẳng có câu này, tức là câu “nhất thiết hạnh nguyện giai đắc cụ túc” (hết thảy hạnh nguyện đều được trọn đủ), mà có câu gì? “Thành tựu Như Lai Nhất Thiết Chứng Trí”. Có một câu như thế đó.

(Sớ) Tư vi thập chủng Trí Lực, định vô hoặc dã.

(疏)斯為十種智力，定無惑也。

(Sớ: Đây chính là nói về mười loại Trí Lực, chắc chắn là chẳng sai lầm vậy).

Thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí của Như Lai chính là thành tựu Thập Lực. Tuy câu văn khác nhau, ý nghĩa như nhau. Do vậy, khẳng định chỗ này là nói đến mười loại trí huệ viên mãn của đức Phật. “Mười” trong Hoa Nghiêm nhằm biểu thị pháp, biểu thị ý nghĩa “vô tận”. Trong

phần trước, do đã từng giới thiệu mười loại Trí Lực với quý vị, ở đây, chúng tôi nêu ra danh xưng là được rồi!

Thứ nhất là Thị Xứ Phi Xứ Trí Lực. Được gọi là Thị Xứ (是處) là vì nhân và quả tương ứng: Do thiện nhân, đắc thiện quả; do ác nhân, đắc ác báo. Đó là Thị Xứ. Phi Xứ (非處) là do nhân lành sẽ mắc quả ác, chẳng có chuyện này! Do nhân ác mà sẽ được quả lành, cũng không có chuyện này! Ngày hôm qua, tiến sĩ Chung Mậu Sâm thuộc đại học Côn Sĩ Lan (Queensland) đã fax một phần bài giảng cho tôi xem. Gần đây, ông ta đã dùng bài giảng ấy để diễn thuyết ở nhiều nơi. Người ta mời ông Chung đến phát biểu, giảng diễn. Nội dung là báo cáo sự nghiên cứu của người phương Tây đối với chuyện luân hồi. Ông ta nêu ra rất nhiều trường hợp nhằm nói rõ chuyện ấy là thật, chẳng giả. Có người từ loài người trong đời quá khứ sanh vào [thế giới này], có người từ súc sanh đạo sanh vào, còn có những người chẳng đến từ địa cầu, mà đến từ tinh cầu khác. [Những trường hợp ấy] đều được các khoa học gia và các chuyên gia nghiên cứu y học nổi danh dùng tinh thần khoa học, vận dụng phương pháp khoa học để chứng minh, chẳng hai, chẳng khác so với những gì Phật pháp đã nói!

Người hiện thời tin tưởng khoa học, chẳng tin tôn giáo. Những người ấy (những nhà khoa học và chuyên gia y học nói trên) vì lòng hiếu kỳ, đã bỏ ra rất nhiều tinh thần và thời gian để tìm tòi, chứng thực những chuyện này. Do vậy, hiện thời có không ít người phương Tây tin tưởng, tin vào những điều họ nói. Tôi còn thấy một bức ảnh, chụp rất rõ. Đây là ảnh của hai vị học giả chụp trong một khu rừng. Họ cũng không biết, đến khu rừng ấy chơi; trên thực tế, khu rừng ấy là nơi cư trú của tổ tiên thổ dân. Thổ dân không cho người khác vào thăm, mà hai người bạn họ cũng không biết, dẫn sao thổ dân chẳng phát hiện họ, họ đi vào trong đó. Khi vào đó, bèn chụp một tấm ảnh. Sau khi quay về, rửa ra, phát hiện bên cạnh họ có người đứng. Đây là tổ tiên của thổ dân, mang hình dạng quỷ, rất rõ nét. Tấm ảnh ấy đã biểu lộ [sự thật].

Vì vậy, dùng âm thanh, dùng [làn sóng] vô tuyến điện, có thể trao đổi, đàm thoại với những người thuộc các chiều không gian khác biệt. Mỗi lần đàm thoại, thời gian có thể kéo dài đến bốn, năm phút. [Điều này] cho thấy nhân quả báo ứng chẳng sai sót mảy may. Đối với bất cứ ai trong thế gian này, những chuyện quý vị gặp gỡ trong một đời, chắc chắn chẳng phải là đột nhiên, chắc chắn là có tiền nhân, lại còn có hậu quả trong đời sau, nhân quả vĩnh viễn tuần hoàn! Chung cư sĩ viết một lá thư gửi cho tôi, cho biết trong năm nay (2006), ông ta chuẩn bị giảng

diễn bốn mươi tám lần, giảng về chuyên đề này. Nội dung mỗi lần giảng đều được bổ sung, càng về sau, nhất định là càng hấp dẫn hơn, có quá nhiều dẫn chứng. Trong tương lai, có thể in thành sách, [ghi chép những dữ kiện do] người ngoại quốc nghiên cứu về nhân quả luân hồi; đây là sách chuyên nói về nhân quả báo ứng. Trong mười loại lực của Phật, đặt loại này (Thị Xứ Phi Xứ Trí Lực) hàng đầu, có dụng ý rất sâu!

Người hiểu rõ triệt để chuyện này là Phật, Bồ Tát. Bồ Tát hiểu rõ, Bồ Tát cũng có Thập Lực, nhưng năng lực so với Phật vẫn chênh lệch rất lớn. Đối với Thập Lực của Bồ Tát và Thập Lực của Như Lai, chúng tôi đã từng thừa trình rồi, và [chúng ta] cũng đã từng học rồi. Chuyện này là thật, chẳng giả! Sau khi hiểu rõ, [sẽ biết] bản thân chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chớ nên không cẩn thận! Đòi người trong thế gian này, nói thật ra, hết sức ngăn ngừa, tạm bợ! Trăm năm chỉ là một cái khảy ngón tay mà thôi! Giống như ngày hôm qua, tôi đã báo cáo trong hai mươi lăm phút với các vị phụ lão ở quê tôi (ngày Tết chẳng thể trở về). Tôi nói, tôi rời khỏi quê nhà đã bảy mươi năm, đúng là một cái khảy ngón tay, trong hồi ức vẫn như chuyện mới xảy ra ngày hôm qua! Thế nhưng bảy mươi năm biến hóa rất lớn! [Trong khoảng] một cái khảy ngón tay, cho thấy đời người vô thường, đời người khổ sở, ngăn ngừa; chư Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền nhắc nhở chúng ta phải chú trọng đời sau. Trong đời này, có rất nhiều người hỏi tôi, người Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều hỏi, đời người rốt cuộc có ý nghĩa gì? Rốt cuộc có giá trị gì? Tôi nghe câu hỏi này quá nhiều! Câu trả lời chung là *“con người sống trên đời, có ý nghĩa nhất, có giá trị nhất, chính là nâng cao linh tánh của chính mình”*. Nói theo Phật pháp, sẽ là *“đoạn phiền não, khai trí huệ”*, điều này là quan trọng!

Đức Phật đã dạy thật hay: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, kinh Hoa Nghiêm chép như vậy đó. *“Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Trí huệ viên mãn là bản năng (本能, năng lực sẵn có) của tự tánh, vốn sẵn trọn đủ. Đức năng viên mãn, nay chúng ta gọi *“đức năng”* là *“năng lực, tài nghệ”* cũng là bình đẳng [với Như Lai], chẳng có gì không trọn đủ! Người Hoa gọi tướng hảo là *“phước báo”*; phước báo ấy chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ là chẳng tìm thấy trong nhân gian, mà Đại Phạm Thiên chẳng thể sánh bằng, Ma Hê Thủ La Thiên chẳng thể sánh bằng, phước báo to dường ấy! Quý vị nhìn vào thế giới Hoa Tạng, nhìn vào thế giới Cực Lạc, sẽ hiểu rõ. Phước báo ấy chẳng phải do đầu tư công sức mà có, mà là do tự tánh vốn sẵn có. Chỉ cần quý vị diệt trừ chướng ngại, chúng sẽ hiện tiền.

Hiện thời, chúng ta có chướng ngại, chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho chúng ta chẳng thể chứng đắc. Luân hồi trong lục đạo, tử tử sanh sanh chẳng hết, chẳng xong. Đây là thống khổ, đây là sai lầm. Nếu chẳng có cơ duyên nghe Phật pháp, đúng là chẳng biết kiếp nào, đời nào, quý vị mới có cơ hội gặp gỡ Phật pháp, mới có thể liễu giải chân tướng sự thật này! Sau khi đã liễu giải, sẽ có hy vọng vượt thoát, chẳng còn làm chuyện ấy (sanh tử luân hồi) nữa! Trong kinh luận, thường nói về chuyện này. *“Kẻ đáng thương xót”*, đúng là đáng thương! Do vậy, trong mười loại đức năng của Phật, xếp Thị Xứ Phi Xứ đầu tiên, có dụng ý rất sâu, đã ban cho chúng ta một sự cảnh tỉnh mạnh mẽ, mà cũng là ban cho chúng ta một khái thị rất lớn! Đối với xã hội hiện thời, giáo huấn này rất hữu dụng; đây cũng chính là giáo dục nhân quả do Ấn Quang đại sư suốt đời đề xướng! Nếu con người hiểu nhân quả, khởi tâm động niệm sẽ tự nhiên thâm liễm. Có thể tin Phật, Bồ Tát, nương theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát để hành, sẽ là như năm xưa Chương Gia đại sư đã dạy tôi: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Khi đó, tôi sống hết sức khổ khổ. Thân cận đại sư, Ngài dạy tôi, giống như Viên Liễu Phàm gặp Vân Cốc đại sư. Bất quá, tôi gặp Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư dạy tôi ở một tầng cấp còn cao hơn so với Vân Cốc thiền sư dạy tiên sinh Liễu Phàm. Vì tiên sinh Liễu Phàm vẫn chẳng có pháp xuất thế, tôi được tiếp xúc [đại sư], tuy thời gian chẳng dài, theo thầy chỉ có ba năm, đã đặt vững cơ sở cho pháp xuất thế. Đây cũng là nói đến nhân quả. Nói chung là có duyên từ đời trước. Thiện tri thức có thể gặp, chứ chẳng thể cầu, đều là duyên phận trong đời quá khứ, người hiện thời nói là *“cơ hội”*. Quý vị phải nhận biết cơ hội ấy. Nếu chẳng nhận biết, chẳng thể nắm vững, cơ duyên hễ buông tay sẽ qua đi, muốn gặp lại, chẳng phải là chuyện dễ dàng như thế đâu nhé! Vì thế, người có trí huệ chẳng có gì khác, chính là nhận biết cơ hội, nắm lấy cơ hội, thì mới có thể thành tựu sự nghiệp, thành tựu công đức.

Thứ hai là Nghiệp Trí Lực, biết thiện nghiệp và ác nghiệp do chúng sanh đã tạo trong đời đời kiếp kiếp.

Thứ ba là Định Trí Lực.

Thứ tư là Căn Trí Lực. Tiếp đó là Dục Trí Lực, Giới Trí Lực, và Chí Xứ Trí Lực. Giới (界) là cảnh giới, cảnh giới của mỗi người khác nhau. Chí Xứ (至處) là trong tương lai, khi đời này đã hết, quý vị sẽ đi về đâu, đức Phật biết rất rõ ràng. Trong đời này, quý vị có thể tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, hoặc nói theo Nho gia, quý vị có luân thường, đạo đức. Luân thường đạo đức và Ngũ Giới có tác dụng như nhau. Ngũ Thường là nhân,

nghĩa, lễ, trí, tín. Nhân: Chẳng sát sanh, suy từ mình mà nghĩ đến người khác; điều gì ta không muốn, người nhân từ chẳng sát sanh, chớ làm cho người khác. Nghĩa: Không trộm cắp, Lễ: Không tà dâm. Tín: Không nói dối. Trí: Không uống rượu. Vì thế, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và Ngũ Giới của nhà Phật hết sức tương tự. Người có thể suốt đời thọ trì Ngũ Giới, chẳng trái nghịch Ngũ Thường, năm loại ấy được gọi là “*thường đạo*” (常道, đạo thường hằng), chẳng trái nghịch nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; đời sau vẫn được làm thân người, chẳng đánh mất thân người. Đời sau, quý vị vẫn sanh trong loài người.

Nếu là thượng phẩm Thập Thiện, tâm từ bi sâu nặng, thương xót hết thấy chúng sanh, thường cứu giúp chúng sanh, sẽ sanh trong Dục Giới Thiên. Vừa nhìn [đã biết] là trong đời sau, quý vị sẽ sanh làm một vị trời trong Dục Giới. Nếu tu Thiền đắc Định, bất luận tại gia hay xuất gia, quý vị tu học pháp môn ấy đắc Định, tùy thuộc công phu định lực của quý vị cạn hay sâu, sẽ sanh trong Sơ Thiên Thiên, Nhị Thiên Thiên, Tam Thiên Thiên, hay Tứ Thiên Thiên, biết quý vị sẽ sanh vào đâu. Đối với người niệm Phật vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, sẽ biết quý vị sanh vào Đồng Cư Độ, hay Phương Tiện Độ, hay Thật Báo Độ, đức Phật biết rành rẽ, rõ ràng, minh bạch. Tạo tác ác nghiệp, nhất định sẽ đọa trong ba ác đạo. Tình huống trong ba ác đạo cũng rất phức tạp, tùy thuộc quý vị tạo nghiệp gì. Vì thế, trong tương lai sẽ đến nơi đâu, đức Phật biết rất rõ. Đây là Chí Xứ Trí Lực.

Thứ tám là Túc Mạng. Túc Mạng là biết đời đời kiếp kiếp của quý vị trong quá khứ.

Thứ chín là Thiên Nhân, đây là [trí lực] thuộc về quả địa Như Lai, như trong kinh Kim Cang đã nói: “*Ngũ nhân viên minh*”. Thấy thấu triệt hư không pháp giới, chẳng cần nhờ vào bất cứ máy móc gì! Lại còn có thể thấy thấu suốt những chiều không gian khác nhau như các khoa học gia hiện thời đã nói, chẳng có mảy may chướng ngại.

Cuối cùng là Lộ Tận. Lộ Tận (漏盡) nghĩa là đoạn sạch tập khí vô minh từ vô thủy.

Quả địa Như Lai có năng lực to lớn ngàn ấy; vì thế, mười loại này đều gọi là Trí Lực, tức là trí huệ viên mãn khởi tác dụng. Những tác dụng ấy vô lượng vô biên, quy nạp thành mười điều. Chúng ta thường nói “*tự tánh vốn sẵn có trí huệ và đức năng*”. Mười điều ấy đều thuộc loại đức năng. Hoa Tạng và Cực Lạc đều thuộc về tướng hảo, là thứ “*nhà mình vốn sẵn có*”!

Kinh phải thường niệm, phải thường nghe! Niệm nhiều, nghe nhiều, sẽ dần dần thông thuộc. Khi đã thuần thục, quý vị mới có thể ngay lập tức đảm đương, hoát nhiên hiểu rõ: “Đây là quê nhà của ta, ta hãy nên trở về, chẳng nên lên đên trong lục đạo”. Thăm viếng các nơi trong lục đạo thì được, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, giống như chúng ta ra ngoài du lịch vãng cảnh, đã mệt mỏi rồi, hãy nên biết trở về nhà. Nay chúng ta đang giữa đường lạc lối, quên bằng nhà mình! Chư vị phải biết: Quê nhà của chúng ta là thế giới Cực Lạc, là thế giới Hoa Tạng. Hoa Tạng và Cực Lạc là một, không hai, cổ đại đức đã nói rất rõ ràng. Hoa Tạng giống như một thành thị, thành phố Hương Cảng này ví như Hoa Tạng. Cực Lạc là một khu vực náo nhiệt nhất, tinh hoa nhất trong Hoa Tạng, đại khái giống như đại lộ Hoàng Hậu (Queen’s Road) của Hương Cảng. Do vậy, chúng là một, không hai, sanh về Cực Lạc là sanh vào Hoa Tạng.

Sau đây, Thanh Lương đại sư còn có một đoạn chú giải:

(Sớ) Duy thử nhất đoạn.

(疏)唯此一段。

(Sớ: Nhưng đoạn này).

Đoạn này là một đoạn trong mười đoạn.

(Sớ) Vọng tiền bất thứ, dĩ nội cụ Chủng Trí, ngoại cụ sắc tướng. Thử nhị đồng tại quả viên, tiền hậu vô tại, hoặc dịch giả bất hồi.

(疏)望前不次，以內具種智，外具色相，此二同在果圓，前後無在，或譯者不迴。

(Sớ: So với những đoạn trước, [đoạn này] sẽ chẳng kém, vì trong là đầy đủ Chủng Trí, ngoài là đầy đủ sắc tướng. Hai chuyện này đều thuộc về cái quả viên mãn, nhưng các đoạn trước và sau [đoạn này] đều không có, có lẽ là do dịch giả không lặp đi lặp lại).

Trong những phần trước đã có nói, trong là đầy đủ Chủng Trí, ngoài là đầy đủ sắc tướng, có cùng ý nghĩa với đoạn này. Người Hoa đối với ngôn ngữ và văn chương tránh trùng lặp. Trong một bài văn, chẳng thể nhắc tới, nhắc lui cùng một chuyện! Trong đoạn văn này, hiển nhiên là Ngài đã nhắc lại. Bởi lẽ, hai chuyện này đều thuộc về cái quả viên mãn, tức quả địa Như Lai, nhưng chúng ta hiểu: Đức Phật ứng hóa tại Ấn Độ, phong tục Ấn Độ chẳng giống Trung Hoa. Người Hoa chú trọng đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Ngôn ngữ và văn tự luôn lấy những điều

này làm tiêu chuẩn. Phải nói đơn giản, trọng yếu, lại còn phải cặn kẽ, lại còn phải rõ ràng; đấy là khéo ăn nói, văn chương hay! Họ dùng bốn chữ ấy để làm tiêu chuẩn (*“giản, yếu, tường, minh”*), nhưng người Ấn Độ chẳng như vậy. Người Ấn Độ chẳng ngại phiền phức, lặp đi lặp lại nhiều lượt. Nói thật ra, cách ấy cũng có ưu điểm, thật sự từ bi. Vì thế, trong kinh Phật, những chỗ được lặp lại quá nhiều!

Trong kinh Hoa Nghiêm, những thứ như Thập Lục, Tứ Vô Úy, Lục Độ, Tứ Nhiếp chẳng biết đã được nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần. Đây là lòng từ bi của đức Thế Tôn. Thuở Phật, Bồ Tát trụ thế, giảng kinh, chúng ta biết các Ngài có Thường Tùy Chúng, [tức là] những học trò cố định, [như đối với Thích Ca Mâu Ni Phật], kinh nói là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị. Đây là các vị học trò cố định, luôn theo đức Phật. Đức Phật đến đâu, các Ngài theo tới đó, suốt đời chẳng lìa khỏi. Trừ những vị ấy ra, chúng ta có thể suy ra: Còn có bao nhiêu học trò *“lưu động”*, tức là những người đến cầu giáo từ bốn phương tám hướng. Họ chẳng phải là Thường Tùy Chúng, có thể theo đức Phật dăm ba ngày rồi rời đi; có người theo đức Phật một, hai tháng bèn rời đi, có tánh chất lưu động rất lớn. Đức Phật hằng ngày cùng mọi người giảng kinh, thuyết pháp, đối với những người mang tánh chất lưu động nhiều như thế, chẳng thể không chiếu cố. Vì thế, [khi giảng giải], Ngài nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Đối với Thường Tùy Chúng, được nghe lặp đi lặp lại mỗi lần, sẽ có lợi, vì họ chưa giác ngộ!

Tại Trung Hoa, cổ đại đức dạy mọi người phải nên *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. *“Lâu dài”* là lần này sang lần khác, nhiều lần, chẳng phải là một lần, huân tu lâu dài mà! Với tình trạng như vậy, quý vị mới có thể đắc Định, tâm quý vị đặt nơi giáo lý, nơi giáo nghĩa, tâm an trụ nơi ấy chính là Định. Định đến mức độ nhất định, sẽ khai ngộ, hoát nhiên đại ngộ. Do vậy, nghe càng nhiều lượt càng tốt! Càng nhiều càng hay! Quyết định chẳng thể nói “ta đã nghe bộ kinh này, chẳng cần nghe nữa”. Học thứ gì [mà có thái độ] như vậy, suốt một đời rất khó thành tựu! Trong truyện ký của cổ đức ở Trung Hoa, đã ghi chép rất nhiều: Người học Giáo nghe một bộ kinh bao nhiêu lượt. Chỗ nào có pháp sư giảng bộ kinh ấy, họ nhất định sẽ đến nghe, họ học môn ấy! Đạo Tuyên luật sư học Tứ Phần Luật, nghe giảng hai mươi lần. Số lần nghe ít ỏi sẽ không được!

Thuở trước, tôi ở Đài Trung, tham dự khóa giảng Phật pháp dành cho sinh viên đại học và chuyên nghiệp do thầy Lý tổ chức. Thầy dạy một môn là *“Phật học khái yếu thập tứ giảng”*. Tôi nghe mười một lần, nghe

nhuyễn như! Mười một lần là mười một khóa giảng, tôi đều tới tham dự. Nhất định là chẳng chán, chẳng phiền, mỗi lần nghe đều là mỗi lần có lợi ích, đều có ngộ xứ. Cho nên, nhất định phải hoan hỷ học tập, tuyệt đối chẳng thể tự cho là đúng, tự cho là đã trọn đủ! Nếu như vậy, quý vị sẽ chẳng thể tiến bộ nữa. Bất cứ pháp môn nào, bất cứ bộ kinh luận nào, vĩnh viễn nghe chẳng mệt, chẳng mỏi, chẳng chán ngán! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Có pháp hỷ! Vì thế nói là “*pháp hỷ sung mãn*”. Khổng phu tử bảo: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ!*” (Học rồi luôn tập luyện, cũng chẳng vui sao!) “*Tập*” (習) là lần này sang lần khác, trùng lặp vô số lần. Như vậy sẽ thật sự có ngộ xứ, ngộ sẽ không ngừng tăng cao hơn. Đạo lý là như thế đó, chúng ta phải hiểu! Câu kế tiếp...

(Kinh) Ư nhất thiết pháp vô bất tự tại.

(經)於一切法無不自在。

(Kinh: Trong hết thấy các pháp, không gì chẳng tự tại).

Đây là thông đạt hết thấy các pháp. Sau khi đã thông đạt, bèn vận dụng vào cuộc sống, thực hiện trong công việc, vận dụng vào đấng người tiếp vật, nhất là áp dụng vào chuyện học Giáo. Trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi; ở đây, Thanh Lương đại sư nhắc nhở...

(Sớ) Cố năng dữ vật.

(疏)故能與物。

(Sớ: Vì thế, đối với muôn vật có thể...)

Quý vị thấy Ngài không nói “*dữ nhân*”. “*Dữ nhân*” thì trong mười pháp giới, chỉ có nhân pháp giới, chín pháp giới kia chẳng có phần! [Dùng chữ] Vật (物) hay lắm! Vật có ý nghĩa rộng hơn Nhân (人). “*Vật*” bao gồm chúng sanh hữu tình trong mười pháp giới. Vì thế...

(Sớ) Cố năng dữ vật, vi y, vi cứu, vi cự, vi minh.

(疏)故能與物為依為救，為炬為明。

(Sớ: Vì thế, có thể làm chỗ nương tựa, chỗ cứu vớt, làm đuốc, làm sự sáng cho muôn vật).

Trong Phật pháp, thường nói câu này: “*Đáng nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Đáng nên dùng pháp gì để giáo hóa, bèn dùng pháp ấy*”. Đức Phật chẳng có pháp nhất định. Đức Phật cũng chẳng có hình tướng nhất định, thuận theo cái tâm của chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ có ứng, cảm

ứng đạo giao, trọn chẳng lỗ thời! Vì thế, thuyết pháp, ngay cả trong kinh điển cũng hình dung là “*hải triều âm*”. Hải triều âm là gì? Đến một lúc nhất định, thủy triều sẽ dâng cao (nước ròng), đến một thời gian nhất định, thủy triều sẽ rút xuống (nước rặc), nó rất giữ chữ Tín! Chúng sanh có cảm, Phật bèn tới, rất giữ chữ Tín. Chẳng thể nói “chúng sanh có cảm, nhưng Phật chẳng ứng”, chẳng có đạo lý ấy! Giống như nước biển, đến lúc nhất định, nước sẽ dâng lên.

Nếu chẳng tự tại nơi pháp, quý vị sẽ chẳng có năng lực ấy. Tới khi nào mới có năng lực ấy? Các đồng tu học Phật chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia, đều hy vọng đạt được. Đây là thật sự tự tại, đắc đại tự tại! Trong giáo pháp Đại Thừa đã dạy: Bồ Tát kiến tánh sẽ có [năng lực ấy]. Theo kinh Hoa Nghiêm, hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, tức là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ sẽ có năng lực ấy. Trí huệ của các Ngài xác thực là rất gần với đức Phật. Tuy chẳng viên mãn như đức Phật, nhưng lũ phàm phu trong chín pháp giới thấy các Ngài đã viên mãn tột bậc, chẳng tìm thấy mảy may khuyết hãm nào! Nhưng các Ngài tự nói “vẫn chưa viên mãn”. Sơ Trụ Bồ Tát vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, thật sự chẳng dễ dàng! Trong phần trước đã nói rất nhiều. Đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng đoạn, Vô Minh phiền não cũng đoạn. Vô minh chẳng phải là có bốn mươi một phẩm ư? Phá một phẩm. Phá một phẩm vô minh cũng đoạn. Bốn mươi phẩm sau đó là tập khí vô minh. Tập khí chẳng dễ đoạn, nhưng tập khí chẳng gây trở ngại to lớn. Bồ Tát có Định, Huệ, chế phục nó, đoạn dần dần, dần dần hướng đến viên mãn.

Chúng ta phải hiểu rõ những Lý và Sự này. Sau khi đã thật sự hiểu rõ, tôi tin tưởng quý vị nhất định sẽ chọn lựa pháp môn Niệm Phật. Vì sao? Pháp môn Niệm Phật ổn thỏa nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thành tựu nhanh chóng. Thành tựu xác thực chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, người niệm Phật đông đảo. Từ nay về sau, người niệm Phật sẽ ngày càng đông, vì pháp môn này hết sức thích hợp với chúng sanh trong hiện đại. Chúng sanh trong hiện thời hướng theo khoa học, công nghiệp hóa, cuộc sống bận rộn, giành giật từng giây phút một. Những pháp môn khác cần phải có thời gian tu học rất dài, chẳng thuận tiện. Pháp môn Tịnh Tông quá thuận tiện, chẳng trở ngại công việc của quý vị, chẳng trở ngại cuộc sống của quý vị; đi, đứng, ngồi, nằm đều có thể tương ứng.

Có thể thành tựu hay không? Vẫn là phải giải hạnh tương ứng! Chớ nên không biết lý luận được nói trong kinh điển Tịnh Tông. Không biết, có thể là quý vị sẽ nghi hoặc. “*Nghi*” là chướng ngại, chướng ngại sự vãng

sanh. Sự phải “như pháp” (đúng pháp); chẳng đúng pháp, sẽ chẳng thể vãng sanh. Để vãng sanh thế giới Cực Lạc; trong ấy, điều quan trọng nhất là một quan niệm: Nhất định phải hiểu rõ thế giới này ô nhiễm, thế giới này quá khổ, chẳng thể có mấy may lưu luyến thế giới này. Hễ có mấy may lưu luyến, quý vị sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì thế, phải triệt để buông xuống, buông xuống sạch sành sanh. Sau khi đã buông xuống sạch sành sanh, quý vị sẽ hết sức vui sướng. Vì sao? Ít phiền não! Trong thế gian này, nỗi lo âu lớn nhất của người thế gian là lo được, lo mất. Chẳng có, bèn mong mới đạt được. Sau khi đạt được, lại sợ mất đi, lo được, lo mất. Chuyện này khiến họ suốt đời bận tâm, chẳng thể buông xuống được! Nào có biết, không buông xuống được thì họ có thể thật sự đạt được hay không? Không đạt được! Ngay cả thân thể của họ còn chẳng đạt được. Con người có sống, ắt có chết; sau khi đã chết, thân thể chẳng mang theo được. Thân còn chẳng mang theo được, há quý vị có thể mang theo vật ngoài thân ư? Phải giác ngộ điều này!

Trong kinh luận, thường nói: *“Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân”* (Muôn thứ chẳng đem được, chỉ có nghiệp theo thân). Chẳng mang theo được thì phải buông xuống. Buông xuống, chẳng phải là không cần đến sự nữa. Nếu [hiểu “buông xuống” là “từ bỏ”], quý vị đã sai mất rồi. [Buông xuống là] trong tâm chớ nên vướng vấn những điều ấy! Buông xuống nỗi ưu lự và vướng mắc của quý vị, phải buông xuống! Chẳng còn bận tâm vì chuyện ấy! Nếu mang theo được, quý vị phải lưu ý, cái đem theo được là gì vậy? Thiện nghiệp, ác nghiệp. Nếu mang theo thiện nghiệp, đời kế tiếp sẽ là quả báo trong ba thiện đạo. Mang theo ác nghiệp, đời kế tiếp sẽ là quả báo trong ba thiện đạo. Mang theo ác nghiệp, đời kế tiếp sẽ là quả báo trong ba thiện đạo. Mang theo ác nghiệp, đời kế tiếp sẽ là quả báo trong ba thiện đạo. Quý vị phải coi trọng điều này! Người niệm Phật nhất định phải niệm câu Phật hiệu cho tốt đẹp, mang theo tịnh nghiệp. Quý vị thấy một câu A Di Đà Phật, chẳng có ba thiện đạo, ba ác đạo cũng chẳng có. Không chỉ là trong lục đạo chẳng có, mà trong mười pháp giới cũng chẳng có. Quả báo của cái nghiệp ấy ở nơi đâu? Quả báo ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhân như thế, quả như thế, chẳng sai sót mấy may!

Vì thế, chúng tôi đã làm như vậy nhiều năm. Tôi học tập kinh giáo, năm nay là năm 2006, tức là đã năm mươi lăm năm! Năm mươi lăm năm kể như thời gian chẳng ngắn ngủi, đã hiểu minh bạch rồi! Phước báo trong nhân gian hay cõi trời đều phải buông xuống, chớ nên có ý niệm ấy. Nếu có ý niệm ấy, sẽ phiền phức to lớn! Tu học cả đời này để đổi lấy phước báo trời người trong đời sau. Phước báo ấy sẽ có lúc hưởng hết. Hưởng hết phước báo thì sẽ như thế nào? Trong đời này, khi chúng ta

chưa học Phật, do chẳng hiểu chuyện, đã tạo tác rất nhiều ác nghiệp. Sau khi học Phật, mười năm trước, hai mươi năm trước, chưa nhập cảnh giới, ác nghiệp ít đi, nhưng vẫn có! Tạo ác nghiệp ít, thiện nghiệp dần dần nhiều hơn, chắc chắn chẳng thoát khỏi quả báo. Quý vị nói chuyện này có đáng sợ lắm không?

Học Phật sau ba mươi năm mới dần dần khế nhập cảnh giới, chẳng tạo ác nghiệp, ác niệm dần dần cũng chẳng có. Nếu chúng ta dùng công đức tu hành ấy để mong cầu phước báo cho đời sau, phiền phức sẽ xảy đến! Đời sau xác thực là có phước báo, làm đế vương, đại thần! Nếu chúng ta nhìn vào các đời, nhìn vào lịch sử, những kẻ làm đế vương, đại thần có địa vị cao như vậy, có tạo nghiệp hay không? Gần như chẳng tìm thấy một ai không tạo ác nghiệp! Một chánh sách sai lầm, bao nhiêu chúng sanh chịu khổ, quý vị có phải gánh trách nhiệm hay không? Họ làm lành dễ dàng, mà tạo ác cũng dễ dàng. Vì thế, hưởng hết phước, chẳng có ai không đọa lạc; rất ít người hưởng hết phước mà có thể tiến cao hơn, quá ít! Những sự thật ấy chúng ta đều hiểu rõ ràng, đều hiểu minh bạch. Vì thế, dứt khoát kiên quyết chẳng muốn luân hồi nữa, chẳng muốn [luân chuyển] trong mười pháp giới nữa, quyết định cầu sanh Tịnh Độ.

Có thể sanh về Tịnh Độ hay không? Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay, có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định! Quý vị có tin hay không? Quý vị có nguyện vọng ấy hay không? Nếu quý vị tin tưởng, có nguyện vọng ấy, chắc chắn được vãng sanh. Phẩm vị cao hay thấp là do trì danh sâu hay cạn! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong bốn cõi của Tây Phương, quý vị sẽ sanh vào cõi nào? Quý vị là phẩm vị gì? Đó là do công phu niệm Phật của quý vị trong thường nhật [quyết định]. Vì thế, *“vãng sanh được quyết định bởi tín nguyện có hay không”*, câu này nói quá hay! Chúng ta thật sự có tín chân thành, nguyện thiết tha, chẳng có mảy may lưu luyến đối với thế gian này, đối với thế giới Sa Bà này, đối với lục đạo, đối với mười pháp giới, khẳng định vãng sanh. Hễ còn có mảy may tham luyến, sẽ rất khó nói! Chớ nên không biết, chớ nên không cảnh giác, chớ nên không sớm chuẩn bị. A! Bây giờ đã hết thời gian rồi! Chúng tôi giảng tới chỗ này.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp câu cuối cùng, tức câu thứ mười.

(Kính) Nhi vị chúng sanh đệ nhị đạo sư.

(經)而為眾生第二導師。

(Kinh: Làm đạo sư thứ hai cho chúng sanh).

Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay. Ngài bảo:

(Sớ) Tức thị thượng văn ư chúng siêu thắng, thượng cầu đệ nhất, duy Phật nhất nhân.

(疏)即是上文於眾超勝，上求第一，唯佛一人。

(Sớ: Chính là như trong phần kinh văn trước đó [đã nói] “là bậc thù thắng siêu việt trong đại chúng”, tìm cầu một vị bậc nhất thì chỉ có mình đức Phật).

Đây là nói đến quả vị Như Lai rất ráo.

(Sớ) Kim tài phát tâm, tắc đạo á chí tôn, cố vân đệ nhị.

(疏)今纔發心，則道亞至尊，故云第二。

(Sớ: Nay mới phát tâm, nên bảo là đạo chỉ kém bậc tôn quý nhất, vì thế nói là “đệ nhị”).

Đây là rất khiêm hư, nói thật ra, cũng là sự thật; nhưng ở đây, chúng ta phải chú ý. “Kim tài phát tâm” (Nay vừa mới phát tâm), phải chú ý câu này. Nay vừa mới phát tâm, phát tâm gì vậy? Vô Thượng Bồ Đề tâm. Thật sự phát cái tâm ấy, sẽ là hạng người nào? Sơ Trụ Bồ Tát được gọi là Phát Tâm Trụ. Do vậy có thể biết, chẳng phải là địa vị như chúng ta trong hiện thời. Hiện thời, chúng ta chẳng phát Bồ Đề tâm, hiện thời là phát tâm học Phật.

Bồ Đề tâm là gì? Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy “chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm”, nói đến ba loại ấy. Chí thành tâm là Thể của Bồ Đề tâm. Đã có Thể, đương nhiên là có Dụng. Thâm tâm là Tự Thọ Dụng, hồi hướng phát nguyện tâm là Tha Thọ Dụng. Cũng là như chúng tôi thường nói, đối với chính mình, quý vị dùng cái tâm gì? Đối với đại chúng, quý vị dùng cái tâm gì? Vì thế, tác dụng của Bồ Đề tâm được nói thành hai thứ. Trong Nho gia cũng có nói [những điều này]. Trong sách Đại Học của Nho gia, đã nói hai thứ, một là Thể, thứ kia là Dụng. [Sách Đại Học] nói “thành ý chánh tâm”, “thành ý” là Thể, chúng ta nói là “chí thành tâm”. Họ gộp chung thâm tâm và phát nguyện hồi hướng tâm thành một, [gọi là] “chánh tâm”. Thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Quý vị thấy phát tâm trọng yếu lắm! Nho gia phát tâm, đấy là thánh nhân thế gian. Phát tâm trong Phật pháp là thánh nhân xuất thế gian, có sai khác, chẳng giống nhau! Phát tâm xuất

thế gian, điều kiện rất nghiêm ngặt. Nho gia phát tâm, trước đó chỉ là nói “*cách vật, trí tri*”. Đây là điều kiện tiên quyết phải hội đủ. “*Cách vật*” (格物) tương ứng với đoạn thiền nào của [nhà Phật] chúng ta. “*Trí tri*” (致知) tương ứng với phá Sở Tri Chương, có ý nghĩa này. Thế nhưng [ý nghĩa trong Nho gia] nông cạn, chẳng sâu xa như Phật pháp đã nói. Phật pháp nói đoạn Thiền Nãi Chương, đoạn Trần Sa Hoặc, đoạn Vô Minh Hoặc, nói rất sâu!

Do vậy, đoạn Kiến Tư thiền nào, xét theo địa vị Bồ Tát trong Hoa Nghiêm sẽ là địa vị Đệ Thất Tín, [địa vị này đã] đoạn Kiến Tư thiền nào. Địa vị Đệ Bát Tín, Đệ Cửu Tín đoạn Trần Sa thiền nào. Địa vị Đệ Thập Tín phá một phẩm vô minh, vượt thoát mười pháp giới, chứng địa vị Sơ Trụ. Khi ấy, chân tâm hiện tiền, chẳng còn dùng vọng tâm nữa. Khi dùng vọng tâm, chân tâm chẳng hiện tiền, Thiên Thai đại sư gọi người như vậy là Tương Tự Tức Phật, thuộc địa vị Tương Tự, chẳng phải là chân thật. Sau khi đã đoạn hết vô minh, sẽ là thật, người ấy dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Chân tâm là Bồ Đề tâm. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “*giác ngộ*”, chẳng có may mắn mê hoặc; đó là đại giác. Khi đã phát Bồ Đề tâm, sẽ là đại giác tâm!

Cổ đức giải thích kinh luận cũng chẳng dễ hiểu, cho nên chúng tôi cũng dựa theo cách nói trong kinh điển [để giải thích Bồ Đề tâm] bằng cách viết mười chữ. Chí thành tâm là Thể, chúng tôi dùng “*chân thành*”, dùng hai chữ ấy để biểu thị. Chân (真) là chẳng giả, Thành (誠) là chẳng hư ngụy. Chân thành tâm là Thể! Trong sách Trung Dung của Nho gia, quan trọng nhất là Thành, “*bất thành vô vật*” (chẳng có lòng thành, chẳng có vật gì là thật, chẳng làm được điều gì nên hồn). Trong Bút Ký Đọc Sách, ông Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ Thành rất khéo. Thành là gì? “*Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành*”. Điều này rất gần với cách nói trong Phật pháp, chẳng sanh một niệm! Nói cách khác, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài mà chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là Thành. Hễ khởi tâm động niệm, sẽ chẳng có Thành. Trước hết là khởi tâm động niệm, sau đấy mới có phân biệt, mới có chấp trước. Vì thế, có phân biệt, có chấp trước, sẽ toàn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Phải biết điều này, Thành là chẳng khởi tâm, không động niệm.

Thâm tâm là Tự Thọ Dụng. Thâm tâm chẳng dễ hiểu cho lắm. Chúng tôi nói cách khác cho mọi người dễ hiểu. Thâm tâm là gì? Đối với chính mình, sẽ là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Chúng ta lấy những điều này từ tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Trong tựa đề kinh

Vô Lượng Thọ, có *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”*. Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác là Tự Thọ Dụng! Vì thế, đối đãi chính mình phải thanh tịnh, chẳng thể có ô nhiễm, phải bình đẳng, chớ nên có cao thấp; phải giác ngộ, chớ nên có mê hoặc. Đây là thâm tâm. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm từ bi. Dùng lòng đại từ đại bi để đãi người tiếp vật. Đây là Bồ Đề tâm, là chân tâm.

Bồ Tát quyết định tương ứng với mười chữ *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”*, quyết định tương ứng, viên mãn tương ứng. Đây gọi là *“tài phát tâm”* (vừa mới phát tâm). Tâm ấy vừa phát, bèn vượt thoát mười pháp giới. Trong mười pháp giới chẳng có người như vậy; do đó, tâm vừa phát liền vượt thoát mười pháp giới. Nói theo Thiên Tông của Trung Hoa thì là gì? *“Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”*. Vì thế, mười chữ ấy là Tánh Đức; hễ kiến tánh, mười chữ ấy (*“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”*) sẽ tự nhiên lưu lộ, cũng chẳng còn có chướng ngại nữa! Chẳng kiến tánh, sẽ có chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Vô minh chướng ngại quý vị, vô minh là mê hoặc. Phải biết: Bồ Đề tâm là chân tâm của chính mình. Chân tâm của chúng sanh và chân tâm của Như Lai là một tâm, chẳng hai, chẳng khác. Chẳng phải là chúng ta không có [Bồ Đề tâm]; tuy có, nó bị chướng ngại, chẳng phát ra được! Hễ bị chướng ngại, sẽ biến thành vọng tâm. Vọng tâm là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chân thành biến thành vọng tưởng, thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo nghễ, ngã mạn, chánh giác biến thành mê hoặc, từ bi biến thành ích kỷ. Đã mê thì sẽ là như vậy đó!

Trong mười pháp giới, càng lên cao hơn, mê càng cạn hơn. Càng đi xuống, càng nghiêm trọng hơn, chúng sanh trong địa ngục là [mê hoặc] nghiêm trọng nhất. Chúng ta phải biết, phải hiểu rõ, hằng ngày hãy niệm mười chữ này. Mười chữ này do tôi viết tại Mỹ vào hai mươi năm trước, viết thành một cặp câu đối, gồm vế trên và vế dưới. Vế dưới là Bồ Tát hạnh, vế trên là Bồ Tát tâm. Bồ Tát hạnh là *“khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”*, chúng ta nương theo hai mươi chữ ấy để tu hành. Hai mươi chữ ấy là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc trong giáo pháp Đại Thừa Phật pháp. Chỉ cần nắm vững hai mươi chữ ấy, sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề.

Câu đầu tiên trong đoạn kinh văn này là *“nhược chư Bồ Tát, thiện dụng kỳ tâm”* (nếu các Bồ Tát, khéo dùng tâm này), *“chư Bồ Tát”* là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Hai mươi chữ ấy chính là *“khéo dùng tâm này”*, là điều chúng ta đang học tập trong hiện tiền. Khởi tâm động

niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể không trái nghịch hai mươi chữ ấy, chính là *“khéo dùng cái tâm”*. Chúng ta mới học Phật trong lục đạo, [những chữ ấy] có thể giúp chúng ta. Phía sau còn đặc biệt thêm vào chữ *“niệm Phật”*, có thể giúp chúng ta quyết định vãng sanh, vượt thoát mười pháp giới ngay trong đời này! Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày, phát tâm là trọng yếu, buông xuống càng trọng yếu hơn, thấy thấu suốt, buông xuống! Thấy thấu suốt là gì? Là hiểu rõ, hiểu rõ chánh xác! Tức là trí huệ Bát Nhã, biết *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, *“hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Biết lục đạo luân hồi trong hiện thời là chuyện như thế nào, lục đạo là chuyện như thế nào, mười pháp giới là chuyện như thế nào, biết rành mạch, rõ ràng, minh bạch, sẽ gọi là *“thấy thấu suốt”*. Sau khi đã thấy thấu suốt, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, há có gì chẳng buông xuống được?

Trong đời này, từ khi gặp được thầy là Chương Gia đại sư dạy tôi *“thấy thấu suốt, buông xuống”*, tôi đã thật sự làm. Buông xuống mỗi ngày, buông xuống từng chút một. Buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt là trí huệ, cái bị buông xuống là phiền não. Buông phiền não xuống, trí huệ tăng trưởng. Chẳng phải là hề buông xuống sẽ đều buông xuống trọn hết [cùng một lúc], chẳng làm được đâu nhé! Hãy buông xuống dần dần, buông xuống từng chút một! Tôi buông xuống suốt năm mươi lăm năm, mới nhập cảnh giới! Đối với thế gian này, xác thực chẳng có mảy may lưu luyến, chẳng có mảy may vướng mắc, tâm của quý vị mới được tự tại. Chẳng có ý niệm ích kỷ, nay sống trong thế gian này, hết thấy vì chúng sanh, hết thấy vì chánh pháp tồn tại lâu dài; ngoài chuyện ấy ra, chẳng có gì khác!

Tôi giảng kinh đến năm nay đã là bốn mươi tám năm, đã ở trên giảng đài bốn mươi tám năm. Nếu chư vị thường nghe tôi giảng kinh, sẽ thấy hằng năm tôi có tiến bộ. Mỗi năm giảng khác nhau! Tiến bộ do đâu mà có? Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Cùng giảng một bộ kinh, lời giảng năm trước nhất định sẽ chẳng giống lời giảng năm nay. Vì sao? Năm nay so với năm trước, phiền não lại nhẹ hơn một chút, trí huệ lại tăng trưởng một chút, làm sao giống hệt nhau cho được? Khéo sao trong khoảng hai mươi mấy năm gần đây, chúng ta giữ lại băng thâu âm, băng thâu hình. Các đồng học bảo tôi, nay họ đang chỉnh lý, đại khái là có thể bảo tồn, tới hơn một vạn năm ngàn giờ. Nếu quý vị nghe lời giảng của tôi trong quá khứ và hiện tại, [sẽ thấy] khác nhau, vui sướng ở trong ấy. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn”*. Đây là thật, là cái có thể mang đi theo được! Tiếng tăm, lợi

dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, sẽ chẳng mang theo được! Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, mang đi được. Vì thế, trong đời này, chúng ta chẳng cần mang theo phiền não, phải mang theo trí huệ. Tận hết sức vứt bỏ phiền não, trí huệ mới có thể tăng trưởng, mới có thể hiện tiền.

Phiền não và trí huệ là hai mặt sáng và tối. Tối diệt, sáng sanh; sáng diệt, tối tăng trưởng! Đạo lý như vậy đó. Công phu tu hành thật sự được kiến lập từ chỗ này, chẳng phải là do quý vị niệm kinh bao nhiêu lần, niệm Phật bao nhiêu vạn câu, không do những thứ ấy! Đó là gì? Đó là hình tượng; trong hình tượng phải có công phu chân thật. Công phu chân thật là gì? Niệm trừ hết phiền não, niệm sao cho trí huệ hiện tiền. Đây là công phu chân thật, là thực chất. Nếu hình tượng và thực chất có thể tương ứng, đây là công phu chân thật. Chỉ có hình tượng, chẳng có thực chất, hằng ngày tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật, phiền não vẫn là một đồng lớn, không buông ích kỷ xuống được, chẳng có một tí công phu nào cả! Dầu niệm nhiều đến mấy đi nữa, chẳng có công đức, chỉ có phước đức, quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo, quý vị có phước báo. Khá lắm! Có phước báo, sẽ đến đâu để hưởng phước báo? Chẳng nhất định! Phải xem quý vị đã tạo những nghiệp gì!

Nếu nghiệp của quý vị là Ngũ Giới, Thập Thiện, khá lắm, quý vị đến hưởng trong nhân gian. Nếu quý vị chẳng có Ngũ Giới, Thập Thiện, mà là ích kỷ, tham lam danh vọng, lợi dưỡng, thậm chí làm những chuyện tổn người lợi mình, quý vị sẽ đến hưởng trong súc sanh đạo. Hưởng phước gì trong súc sanh đạo? Phước báo khá lớn! Tôi tin là rất nhiều người đã thấy những kẻ phú quý nuôi các con vật cưng. Cha con trong một nhà chưa chắc đã hòa hợp, nhưng đối với con vật cưng, chẳng có gì không yêu thương, bảo vệ, chiếu cố chuyện ăn uống, sinh sống của nó hết sức chu đáo. Hưởng phước đấy! Con người đâu được bằng nó! Chúng ta vừa trông thấy liền hiểu: [Con vật đó chính là người trong] đời quá khứ đã tu phước báo to lớn. Hưởng phước trong ngạ quỷ đạo sẽ làm Thành Hoàng, thần Thổ Địa, làm sơn thần, luôn có kẻ đến cúng bái, luôn có tín đồ cúng dường, ngạ quỷ đạo đấy nhé! Do vậy, quý vị sẽ hưởng phước báo trong đường nào cũng không nhất định, nó có mối quan hệ với đức hạnh của quý vị.

Trong đức hạnh, thiếu đạo đức nhất là nóng giận, là ganh tỵ, là ngạo mạn. Ba thứ ấy phiền phức nhất! Sân khuể nặng nề, ganh tỵ nặng nề, ngạo mạn, thảy đều là vào trong ba ác đạo; nhưng do quý vị tu phước, vào trong ba ác đạo, vẫn có thể hưởng phước, vẫn có phước báo.

Nếu ai có thể đoạn sạch ba thứ tâm ấy, trong hết thủy nghịch cảnh, ác duyên, chẳng sanh sân khuể; thấy kẻ có địa vị cao hơn chính mình, hoặc là công phu tốt đẹp, có tài hoa, chẳng có lòng ganh tỵ, đối với người khác khiêm hư, chẳng có kiêu căng, ngã mạn, chắc chắn sẽ sanh lên trời. Chớ nên không biết điều này! Tầng trời càng cao, Tứ Vô Lượng Tâm từ, bi, hỷ, xả càng lớn! Do vậy có thể biết, ba thứ ấy xác thực là đã chướng ngại từ, bi, hỷ, xả. [Có] sân khuể, ghen tỵ, ngạo mạn, [thế mà] từ, bi, hỷ, xả chẳng có, những thứ ấy chướng ngại phước báo nhân thiên, chúng ta chớ nên không biết!

Đây là nói “*tài phát tâm*” (mới phát tâm), phát tâm là gì, mới phát tâm là gì, phải biết! Ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm. Nay chúng ta mới phát tâm, hiện thời, làm sao chúng ta có thể làm vị đạo sư thứ hai? Chẳng có tư cách ấy. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo được gọi là “*đệ nhị đạo sư*” thì được, chẳng phạm lỗi. Vì sao? Hiện tại, Ngài đã đạt đến địa vị Pháp Thân Bồ Tát, là địa vị Phần Chứng Phật, chẳng phải là Tương Tự. Trong địa vị ấy, có thể ứng hóa trong chín pháp giới. Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn có thể hiện thân Phật ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo để giáo hóa chúng sanh. Đến thế gian này, thị hiện thành Phật. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực này. Như Quán Thế Âm Bồ Tát đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, may may chướng ngại đều chẳng có.

Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới chẳng sánh bằng các Ngài. Các Ngài thật sự là vô chướng ngại. Vì vậy, Thanh Lương đại sư nói “*đạo á chí tôn*” (đạo chỉ kém bậc tôn quý nhất). Đây là nói đạo đức, trí huệ, thần thông, và năng lực đều kém quả vị viên mãn rất ráo (địa vị Phật) một bậc! Các Ngài là Bồ Tát! Nhưng những vị Bồ Tát ấy là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chư vị phải hiểu: Bốn mươi một địa vị đều là Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, [cho đến] Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị ấy đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, là Á Thánh. Cao hơn nữa thì sao? Trên ấy là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là đệ nhất đạo sư. Trong Phật môn có thói quen (đây là thường thức, chúng ta phải biết), chữ “*đạo sư*” để gọi đức Phật, là từ ngữ tôn xưng đức Phật. Còn có chữ “*đại sư*” cũng dùng để tôn xưng đức Phật. Chúng ta là lũ bình phàm, chẳng thể dùng cách xưng hô này. Dùng cách xưng hô này rất quá phận. Quý vị thấy những bậc cao tăng đại đức chân chánh từ thời cổ, chẳng có ai xưng là đại sư! Thông thường là sau khi các Ngài đã qua đời, người đời sau tôn xưng các Ngài là đại sư, chính các Ngài cũng không biết, chứ thuở [các

Ngài] tại thế, chẳng có! Chư vị phải hiểu chuyện này, đây là thường thức! [Lạm dụng danh xưng “đại sư” hoặc “đạo sư”] rất quá phận, mà cũng chẳng đúng pháp! “Lẽ” là có chừng mực. Chớ nên quá phận, mà cũng chớ nên quá xuề xòa!

Quý vị thấy những vị như Cưu Ma La Thập, Huyền Trang rất khó có! Chẳng xưng là đại sư, mà xưng là pháp sư. Do dịch kinh, nên gọi là Tam Tạng Pháp Sư. “*Tam Tạng*” là trình độ học vấn của Ngài bao trùm Tam Tạng, chỉ rõ Ngài đã thông đạt Phật pháp vô ngại. Tam Tạng Kinh, Luật, Luận, Ngài đều thông suốt; có điều kiện ấy thì mới có tư cách dịch kinh. Do đó, tại Trung Hoa có thói quen, quý vị thấy Thiền Tông xưng là “thiền sư”, Luật Tông xưng là “luật sư”, Giáo Hạ xưng là “pháp sư”, chẳng nghe thấy có ai xưng là đại sư hay đạo sư! Chưa nghe nói! Thời kỳ Mạt Pháp, có rất nhiều kẻ không hiểu, cứ tưởng “*đại sư, đạo sư*” là tôn xưng. Thật ra, chẳng nên dùng! Vì sao? “*Đại sư, đạo sư*” dùng để tôn xưng đức Phật, [lạm dụng những từ ngữ ấy] sẽ bộc lộ sự quá phận! Bản thân chúng ta phải hiểu. Nếu người khác gọi chúng ta là “đại sư”, phải bảo cho họ biết lý này: “Chớ nên! Hãy gọi là pháp sư!”

Trong thế gian này, danh hiệu tôn quý nhất là Hòa Thượng. Hòa Thượng còn đáng tôn trọng hơn pháp sư. Hòa Thượng (Upādhyāya) là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Giáo Sư, quan hệ khác hẳn! Ngài có thể trụ trì giáo hóa, giáo hóa một phương, vị ấy mới có thể gọi là Hòa Thượng. Vì thế, vào thời cổ, vị Trụ Trì của từng lâm hoặc tự viện, tức vị chủ tịch, được gọi là Hòa Thượng. Đây là thường thức. Những vị pháp sư xuất gia khác đều gọi là pháp sư. Tiếng Ấn Độ gọi [pháp sư] là Xà Lê (A Xà Lê), A Xà Lê (Acarya) có nghĩa là đạo đức và sự hành trì của vị ấy có thể làm khuôn phép, gương mẫu cho đại chúng. Vị này được gọi là pháp sư, chẳng gọi là Hòa Thượng. Hòa Thượng [thì trong một tự viện], chỉ có một vị được gọi là Hòa Thượng, giống như trong một ngôi trường, hiệu trưởng được gọi là Hòa Thượng, giáo viên thì gọi pháp sư. Chúng ta phải hiểu rõ những cách xưng hô này! Đây là thường thức thông thường, mà cũng là lễ tiết. Ở đây, “*cố vân đệ nhị*” (vì thế nói là thứ hai), tức đệ nhị đạo sư.

Tiếp đó, Thanh Lương đại sư cho biết:

(Sớ) Nhiên cựu kinh trung diệc vân nhị vi chúng sanh đệ nhất tôn đạo, cố tri đệ nhị, dịch giả ý dã.

(疏)然舊經中亦云而為眾生第一尊導，故知第二，譯者意也。

(Sớ: Nhưng trong bản dịch cũ của kinh Hoa Nghiêm, cũng nói là “vị hướng dẫn tôn quý bậc nhất trong chúng sanh”. Vì thế biết chữ “đệ nhị” là ý của người dịch vậy).

Trong Tấn Kinh (Lục Thập Hoa Nghiêm), đây chính là nguyên văn của kinh Hoa Nghiêm, có ý nghĩa là “*đệ nhất tôn đạo*” (vị thầy hướng dẫn đáng tôn trọng bậc nhất). “*Tôn*” (尊) là tôn trọng, “*đạo*” là đạo sư (導師, vị thầy hướng dẫn). Đây là đặc biệt tôn xưng vị ấy. Vì sao? Xác thực là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, [vì đã] vượt thoát mười pháp giới. Người đến thị hiện trong thế gian này là hạng người nào? Từ Sơ Trụ trở lên, tức là Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong mười pháp giới, [các vị ấy] thay thế đức Phật giáo hóa chúng sanh, không khác đức Phật, giống hệt như Phật. Đạo đức, hành trì, và sự thị hiện của các Ngài chẳng khác Phật; vì thế, đều gọi là “*đệ nhất tôn đạo*”. Ngài Thanh Lương nói ở đây kinh [Bát Thập Hoa Nghiêm] chép là “*đệ nhị đạo sư*” chính là ý nghĩ của người dịch. Ý nghĩa này cũng rất hay! “*Đệ nhị đạo sư*”, danh phù hợp thực. “*Đệ nhất tôn đạo*” là do đức Phật nói, [biểu thị sự] tôn kính các vị ấy. Từ chỗ này, ta thấy Phật chẳng có ghen tỵ, chẳng có ngạo mạn. Tâm Phật bình đẳng, tâm Phật thanh tịnh, Phật đối với hết thảy đại chúng đều chân thành, cung kính, gọi các vị ấy là “*đệ nhất tôn đạo*”! Đối với đoạn thứ nhất trong lời đáp của Văn Thù Bồ Tát, tức “*tiêu nhân thành đức*” (nêu ra những cái nhân tạo thành các phẩm đức [trong lời hỏi của Trí Thủ Bồ Tát]), chúng ta học tập đoạn này tới đây.

Kế đó là đoạn thứ hai.

(Sớ) Chỉ sự hiển nhân.

(疏)指事顯因。

(Sớ: Chỉ ra sự nhằm hiển lộ cái nhân).

Trả lời về những cái nhân đã được gạn hỏi trong phần trước. Vì thế, đoạn này chính là...

(Sớ) Thù kỳ trưng nhân.

(疏)酬其徵因。

(Sớ: Nhằm tương ứng với những cái nhân đã được gạn hỏi).

Chúng ta xem phần chú giải của Thanh Lương đại sư...

(Sớ) Ư trung tam.

(疏)於中三。

(Sớ: Trong phần này, có ba đoạn).

Nó được chia thành ba đoạn.

(Sớ) Sơ tổng trưng.

(疏)初總徵。

(Sớ: Thứ nhất, nêu tổng quát lời gạn hỏi).

[Trong lời đáp, Văn Thù Bồ Tát] nhắc lại lần nữa những vấn đề [do Trí Thủ Bồ Tát] đã hỏi trong phần trước, làm như vậy sẽ [khiến cho lời giải đáp] càng thêm rõ rệt. Đoạn thứ hai là...

(Sớ) Biệt hiển.

(疏)別顯。

(Sớ: Nêu rõ từng điều riêng biệt).

Đoạn thứ ba là:

(Sớ) Hậu tổng kết thành ích.

(疏)後總結成益。

(Sớ: Sau đó, tổng kết những lợi ích được tạo thành [bởi những cái nhân đó]).

Nay là đoạn thứ nhất.

(Kinh) Phật tử! Vân hà dụng tâm, năng hoạch nhất thiết thắng diệu công đức?

(經)佛子。云何用心。能獲一切勝妙功德。

(Kinh: Này Phật tử! Dụng tâm như thế nào để có thể đạt được hết thắng công đức thù thắng, mầu nhiệm?)

Trước khi trả lời, Văn Thù Bồ Tát đã tự nhắc lại câu hỏi của Trí Thủ Bồ Tát trong phần đầu lời đáp, câu này hết sức trọng yếu! Trong lời chú giải, Thanh Lương đại sư đã bảo...

(Sớ) Biệt Hiển trung, ngũ môn phân biệt.

(疏)別顯中，五門分別。

(Sớ: Trong phần Biệt Hiển, có năm môn phân biệt).

Câu này cũng là nói hết sức cặn kẽ. Đoạn thứ nhất...

(Sớ) Tổng minh đại ý, văn trung tổng hữu nhất bách tứ thập nhất nguyện.

(疏)總明大意，文中總有一百四十一願。

(Sớ: Nêu đại ý tổng quát: Trong kinh văn có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện).

Đây là [nói đến] phần kệ tụng trong phần sau. Mỗi nguyện là một bài kệ. Những bài kệ tụng ấy đều là kệ thuộc loại bốn chữ, cứ bốn chữ là một câu. Bốn câu thành một bài kệ, bốn lần bốn là mười sáu chữ. Có tất cả một trăm bốn mươi một bài kệ, tức là một trăm bốn mươi một nguyện.

(Sớ) Bồ Tát đại nguyện, thâm quảng như hải, ưng như hồi hướng, phi chỉ nhĩ dã.

(疏)菩薩大願，深廣如海，應如迴向，非止爾也。

(Sớ: Đại nguyện của Bồ Tát rộng sâu như biển, hãy nên [hiếu nguyện của Bồ Tát vô lượng vô biên] như trong phẩm Thập Hồi Hướng [đã nói], chứ không phải là chỉ có như vậy).

“Hồi hướng” ở đây là nói đến phẩm Thập Hồi Hướng [trong kinh Hoa Nghiêm]. Đến phẩm Thập Hồi Hướng, chúng ta có thể thấy đại nguyện của Bồ Tát đúng là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận, sâu rộng vô tận. Ở đây chỉ là nêu đại lược đề cương! Một trăm bốn mươi một điều ấy là đề cương, là cương lĩnh; triển khai ra, sẽ là vô lượng hoằng nguyện, chứ không chỉ là một trăm bốn mươi một nguyện này.

Đầu tiên là nêu rõ:

(Sớ) Thử cái thị ư thể thức, dư giai phỏng thử.

(疏)此蓋示於體式，餘皆倣此。

(Sớ: Ở đây nhằm nêu bày thể thức, những chỗ khác cũng đều phỏng theo cách này).

Đây là một cách thức hành văn. Trong phần sau, cách hành văn giống như vậy rất nhiều. Trên thực tế, trong những phần trước và sau [phẩm này], đều có rất nhiều cách thức hành văn như thế.

(Sớ) Hựu phi vô biểu.

(疏)又非無表。

(Sớ: Lại nữa, không gì chẳng nhằm biểu thị pháp).

Câu này trọng yếu. “*Biểu*” (表) là gì? Biểu thị pháp. Vì sao là một trăm bốn mươi mốt? Vì sao không dùng một trăm bốn mươi hai? Vì sao nhất định phải có một trăm bốn mươi mốt? Tiếp đó, Ngài nói đây là biểu thị pháp. Đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung, Hoa Nghiêm dùng “*mười*” để biểu thị pháp. Do vậy, “*mười*” chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị viên mãn, tượng trưng cho sự viên mãn. Một trăm bốn mươi mốt [nguyện] ở chỗ này cũng nhằm biểu thị đại nguyện của Bồ Tát là viên mãn.

(Sớ) Nhất bách giả.

(疏)一百者。

(Sớ: Một trăm là...)

Trước hết, nói đến một trăm, do đâu mà có một trăm?

(Sớ) Thập Tín viên dung, nhất nhất cụ thập dã.

(疏)十信圓融，一一具十也。

(Sớ: Do Thập Tín viên dung, mỗi địa vị đều có đủ mười địa vị kia).

Mỗi địa vị trong Thập Tín đều có đủ chín địa vị khác. Địa vị Sơ Tín cũng trọn đủ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu, Thập Tín, thấy đều trọn đủ. Địa vị Thập Tín cũng trọn đủ từ Sơ Tín cho đến Cửu Tín, thấy đều trọn đủ. Mười nhân với mười thành một trăm! Thâm ý được bao hàm trong ấy chính là “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, bất cứ pháp nào cũng đều trọn đủ viên mãn. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, trong Phật pháp đã nói: “*Hàng bố chẳng ngại viên dung, viên dung chẳng ngại hàng bố*”⁵. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại, [tức là] “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Vì thế, lớn và nhỏ chẳng hai, trước và sau chẳng hai, xa và gần chẳng hai. Hoa Nghiêm là nhập pháp môn Bất Nhị! Lớn, nhỏ chẳng hai, thế giới to, [chẳng hạn như] kinh nói thế giới Hoa Tạng; vi trần nhỏ bé. Trong một vi trần có trọn đủ thế giới Hoa Tạng, trong thế giới Hoa Tạng cũng trọn đủ một vi trần. Vi trần chẳng phình to, Hoa Tạng chẳng rút nhỏ. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! “*Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật thường nói chuyện ấy. Đó là thật, đó là gì vậy? Pháp Tánh. Pháp Tánh chẳng có lớn hay nhỏ, Pháp Tánh chẳng có dài hay ngắn, Pháp Tánh chẳng có đến hay đi, Pháp Tánh chẳng có trước hay sau, nghĩa là nêu rõ: Pháp Tánh chẳng có thời gian, mà cũng chẳng

có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước hay sau. Chẳng có không gian, sẽ chẳng có xa hay gần, chẳng có đến hay đi. Đây là chân lý, là chuyện ngàn muôn phần xác thực.

Chúng ta mê mất tự tánh, cho nên nầy sanh khá nhiều cảm nhận sai lầm, biến thành khá nhiều chướng ngại. Giáo huấn của đức Phật chẳng có gì khác, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta khôi phục tự tánh mà thôi! Vì thế, trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được”*. Đã đạt tới chỗ chứng đắc Phật quả rất ráo, quý vị ngỡ là thật sự có “đắc” ư? Thứ gì cũng đều chẳng có! Quý vị đạt được gì? Chính là những cái quý vị vốn sẵn có. Vì quý vị bị mê, những thứ vốn sẵn có chẳng khởi tác dụng; nay đã giác ngộ, hoàn toàn khôi phục tác dụng. Chuyện là như thế đó! Đây là thâm ý bao hàm trong *“một trăm”*.

Bốn mươi một cũng có ý nghĩa đặc biệt.

(Sớ) Tứ thập nhất giả, tức tứ thập nhất vị dã.

(疏)四十一者，即四十一位也。

(Sớ: “Bốn mươi một” chính là bốn mươi một địa vị).

Vì thế, đối với *“một trăm bốn mươi một”*, *“một trăm”* là địa vị Thập Tín. Các địa vị Thập Tín ở trong mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, có Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đó là bốn mươi, cộng thêm Đẳng Giác thành bốn mươi một. Do vậy mà có *“bốn mươi một”*. Thanh Lương đại sư nói:

(Sớ) Minh thử chư vị sở hữu Hoặc chướng.

(疏)明此諸位所有惑障。

(Sớ: Nêu rõ tất cả các Hoặc Chướng trong các địa vị ấy).

Đây là nói gộp luôn cả [các địa vị] Thập Tín trước đó, nên nói là có năm mươi một địa vị. Tất cả mê hoặc, chướng ngại thuộc năm mươi một địa vị. *“Hoặc”* (惑) là vô minh, Chướng (障) là phiền não và Sở Tri, thấy đều...

(Sớ) Do thử năng tịnh.

(疏)由此能淨。

(Sớ: Do những nguyện này mà có thể tịnh).

Quý vị có thể nương theo một trăm bốn mươi một bài kệ trong phần sau để tu hành, sẽ có thể trừ Hoặc Chướng. Quý vị chiếu theo những bài kệ ấy để tu hành, sẽ thật sự có thể đoạn hết Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh ư? Quý vị có tin hay không? Có thể, nhưng cũng chưa chắc! Nghĩa là sao? Trong phần trước có một câu tổng cương lãnh quý vị phải ghi nhớ: *“Khéo dùng cái tâm”* thì có thể, chẳng khéo dùng cái tâm ấy thì chưa chắc, mấu chốt ở ngay chỗ này! Người *“khéo dùng cái tâm”* thì tâm người ấy là chân tâm, cũng có nghĩa là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có. Quý vị hành theo một trăm bốn mươi một bài kệ trong phần sau, sẽ có thể trừ sạch tất cả các Hoặc Chướng.

Nói cách khác, Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ. Các Ngài đúng là trụ trong Vô Chướng Ngại Tịnh Độ, đúng là *“tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh”*. Những vị thừa nguyện tái lai ấy, tại Trung Hoa, trong Thần Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện có [chép tiểu sử của] các Ngài. Mọi người đều biết rõ: Tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, Hàn Sơn và Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát; hòa thượng Phong Can là [hóa thân của] A Di Đà Phật. Điều này được chép trong Quốc Thanh Tự Sơn Chí. Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là A Di Đà Phật tái lai. Gần đây nhất, mọi người đều quen thuộc, Ấn Quang đại sư là Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Thiên Thai Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, những vị ấy bộc lộ thân phận. Những vị chẳng bộc lộ thân phận thì nhiều, những vị bộc lộ thân phận là thiểu số. Các Ngài đều trụ trong Tịnh Độ, đến thế gian này, ở cùng một chỗ với bọn chúng sanh chúng ta, hòa quang đồng trần. Các Ngài thật sự thị hiện, quý vị chú tâm quan sát sự hành trì của các Ngài trong một đời, quý vị thấy có tương ứng với một trăm bốn mươi một nguyện hay không? Nguyện nào cũng đều tương ứng!

(Sớ) Sở hữu thắng hạnh do thử năng hành cố.

(疏)所有勝行由此能行故。

(Sớ: Do những nguyện ấy mà có thể hành tất cả các hạnh thù thắng).

“*Hạnh*” (行) là hành vi trong cuộc sống hằng ngày, rất thù thắng.
“*Thử*” (此) là nói tới một trăm bốn mươi một nguyện. A! Hôm nay đã hết
thời gian rồi. Chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1494

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh
thứ mười một, đoạn thứ nhất là “*chỉ sự hiển nhân*” (chỉ ra các sự để hiển
lộ cái nhân), chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

***(Kinh) Phật tử! Văn hà dụng tâm, năng hoạch nhất thiết thắng
diệu công đức?***

(經)佛子。云何用心。能獲一切勝妙功德。

***(Kinh: Nay Phật tử! Dụng tâm như thế nào để có thể đạt được hết
thảy công đức thù thắng, nhiệm mầu?)***

Đây là lời Văn Thù Bồ Tát đã nói. Văn Thù Bồ Tát gọi “*Phật tử*”
nhằm khai thị cho hết thảy đại chúng. Trong kinh Hoa Nghiêm, Trí Thủ
Bồ Tát làm đại diện, chữ “*Phật tử*” ở đây chỉ Trí Thủ Bồ Tát, Ngài đại
diện cho đại chúng. Câu gạn hỏi này rất quan trọng, [trong phần Sớ,
Thanh Lương đại sư gọi câu này là] Tổng Trưng (總徵, gạn hỏi chung).
Dụng tâm như thế nào, trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói rất
nhiều. Trong năm môn của phần Biệt Hiển, đoạn thứ nhất cũng đã nói
rồi. Hôm nay, chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai là...

(Sớ) Thông hiển văn chỉ.

(疏)通顯文旨。

(Sớ: Nêu rõ ý chỉ chung của kinh văn).

Thanh Lương đại sư bảo chúng ta...

(Sớ) Nhiên thử chư nguyện, cú tuy hữu tứ.

(疏)然此諸願，句雖有四。

(Sớ: Nhưng trong các nguyện ấy, tuy [mỗi bài kệ] có bốn câu).

Chữ “*chư*” (諸) chỉ những bài kệ tụng trong phần tiếp theo, gồm
một trăm bốn mươi một bài kệ, tức là một trăm bốn mươi một nguyện,
mỗi nguyện là bốn câu, tức là kệ tụng thuộc thể loại bốn chữ. Đại sư
nói...

(Sớ) Cú tuy hữu tứ, sự đản hữu tam.

(疏)句雖有四，事但有三。

(Sớ: Tuy [mỗi bài kệ] có bốn câu, chỉ có ba chuyện).

Trên thực tế, chỉ có ba chuyện được nói [trong một bài kệ]. Ví như, trong phần kệ tụng có bài nói: “*Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh Không, miễn kỳ bức bách*” (Bồ Tát tại gia, nguyện cho chúng sanh, biết nhà tánh Không, thoát khỏi bức bách). Câu “*đương nguyện chúng sanh*”, một trăm bốn mươi một [lời nguyện] đều có, tức là câu thứ hai chẳng có ý nghĩa⁶, chỉ là “*nên nguyện vì chúng sanh*”. Vì thế, nói đến Sự thì chỉ có ba câu, ba câu triển khai ra sẽ là sáu ý nghĩa. Trước hết, nói về ba sự.

(Sớ) Sơ cú.

(疏)初句。

(Sớ: Câu đầu tiên).

Đối với chuyện này, một trăm bốn mươi một câu [nguyện] trong phần sau đều chẳng có ngoại lệ, đều tuân theo cách thức này. Vì thế, câu đầu chính là chuyện để chúng ta nguyện. Như trong câu Tam Quy Y mà chúng ta thường nói, [điều được nguyện] cũng nằm trong câu đầu, [chẳng hạn như] “*tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh*”. “*Tự quy y Phật*” chính là...

(Sớ) Nguyện sở y sự.

(疏)願所依事。

(Sớ: Chuyện để lời nguyện dựa vào).

Đây là [phán định ý nghĩa] của câu đầu tiên. Câu thứ hai là...

(Sớ) Nguyện sở vi cảnh.

(疏)願所為境。

(Sớ: Cảnh được dùng để thực hiện nguyện).

“*Cảnh*” (境) là cảnh giới. Bản thân chúng ta quy y Phật, cũng nguyện cho hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới đều biết quy y Phật. Đây là cảnh giới để chúng ta nguyện, cảnh giới ấy là vì hết thấy chúng sanh. Hết thấy chúng sanh, không chỉ bao gồm nhân loại trong thế gian, mà còn bao gồm chín pháp giới. Phạm vi không chỉ là

thế giới Sa Bà, mà tâm lượng được mở rộng. Khấp pháp giới, hư không giới, vô lượng vô biên các cõi Phật đều là cảnh giới để chúng ta phát nguyện, tâm lượng ấy to lắm! Nhưng khi phát thì phải là thật sự phát. Nếu chỉ là niệm bài kệ này, mà tâm và miệng chẳng tương ứng, đấy chẳng phải là tu Phổ Hiền hạnh. Phổ Hiền Bồ Tát trong ngoài như một, người Hoa nói là “*biểu lý bất nhị*” (表裡不二, trong và ngoài chẳng hai). Bề ngoài và nội tâm nhất trí, như vậy thì tâm lượng mới có thể mở rộng. Chẳng khởi tâm, không động niệm thì thôi; hễ khởi tâm động niệm, đều lấy hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới làm cảnh giới. Một trăm bốn mươi một nguyện triển khai ra, sẽ là từng ly từng tí trong cuộc sống hằng ngày, chẳng sót một pháp nào! Nhất định phải hiểu đạo lý này. Đấy là Phật tâm, là Phật nguyện, là Phật hạnh.

Vì thế, chúng ta nhắc tới Phổ Hiền hạnh nguyện, những kẻ bình phàm chỉ biết là mười đại nguyện vương, [đấy chính là] mười tổng cương lãnh. Triển khai tổng cương lãnh, có thể nói một trăm bốn mươi một nguyện là Mục, tức cương mục (綱目). Triển khai mỗi câu, mỗi nguyện, sẽ đều trọn đủ viên mãn mười cương lãnh. Mỗi điều trong mười cương lãnh, ví dụ như “*lễ kính chư Phật*”, mỗi điều đều trọn đủ một trăm bốn mươi một nguyện ở nơi đây. Một hàm nhiếp nhiều, nhiều quy nạp thành một; một và nhiều chẳng hai! Nay chúng ta hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch: Một trăm bốn mươi một nguyện ấy triển khai ra, sẽ là vô lượng vô biên! Hành vi trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm từng ly, từng tí một, trùng trùng vô tận. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Do vì Tứ Thập Hoa Nghiêm chính là phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, tựa đề kinh của Tứ Thập Hoa Nghiêm là Nhập Bất Tư Nghị Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, quý vị mới thật sự hiểu cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là gì! Nó chính là “*nguyện sở vi cảnh*” (cảnh để thực hiện nguyện), chẳng thể nghĩ bàn!

Hai câu sau, tức là câu thứ ba và câu thứ tư là...

(Sớ) Nguyện cảnh thành ích.

(疏)願境成益。

(Sớ: Lợi ích được tạo thành do Cảnh và Nguyện).

[Trong mỗi bài kệ], Nguyện là câu đầu tiên, Cảnh là câu thứ hai, câu thứ ba và câu thứ tư là sự thành tựu vô lượng công đức do lời nguyện ấy. Thông thường, trong Tam Quy Y, điều thứ nhất là “*tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm*”

(tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thấu hiểu đạo cả, phát tâm vô thượng). “*Thế giải đại đạo, phát vô thượng tâm*” chính là “*nguyện cảnh thành ích*” (lợi ích được tạo thành bởi Nguyện và Cảnh). Chính mình (nguyện thuộc về chính mình) phát khởi cái tâm Vô Thượng Bồ Đề, thành tựu đại đạo là nguyện cho hết thấy chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới đều thành đạo Vô Thượng! Chính mình phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều cùng thành Phật đạo. Quý vị thấy tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi thấy đều trọn đủ!

Ba chuyện ấy nếu triển khai ra...

(Sớ) Khai vi lục giả, sơ, Sự hữu nhị.

(疏)開為六者，初事有二。

(Sớ: Tách ra sẽ thành sáu. Đầu tiên, về Sự thì có hai điều).

Trong phần Sự, có hai điều, một là “nội”:

(Sớ) Nhất giả, nội, vị Bồ Tát tự thân căn, thức đẳng. Kinh vân, Bồ Tát đẳng cố.

(疏)一者內，謂菩薩自身根識等，經云，菩薩等故。

*(Sớ: Một là bên trong, nghĩa là thân, căn, thức v.v... của chính Bồ Tát. Kinh dạy: “Bồ Tát” v.v...)*⁷.

Đây là nói theo phía trong. “*Tự thân căn*” là nói tới lục căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; đây là lục căn, Thức là nói tới sáu thức. Nay chúng ta đang là phàm phu trong mười pháp giới, luôn coi Thức, tức “tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở” là cái tâm của chính mình. Chẳng sai, đây là tâm, nhưng là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Trong mười pháp giới, thấy đều dùng vọng tâm. Càng lên cao hơn, vọng tâm càng gần với chân tâm; càng đi xuống, càng xa chân tâm. Chân tâm là tánh, tức tâm tánh! Vượt thoát mười pháp giới, hoàn toàn dùng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm. Dùng chân tâm thì là Phật.

Vượt thoát mười pháp giới, vừa mới vượt thoát, Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo được gọi là Phát Tâm Trụ. Phát tâm gì vậy? Bồ Đề tâm, cũng chính là “*chân thành tâm*” như chúng ta đang nói trong hiện thời. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Hề tâm Bồ Tát vừa động, chắc chắn là năm thứ ấy thấy đều trọn đủ! Chẳng thể nói là thiếu một trong năm thứ ấy, chẳng hề có, thấy đều trọn đủ. Năm cái tâm là năm cách nói, [thật ra], chỉ là một Bồ Đề tâm. Vì thế, chúng ta thực hiện

viên mãn mười chữ ấy (chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi), chúc mừng quý vị, quý vị không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Xét theo địa vị trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị là từ Sơ Trụ trở lên, là Pháp Thân Bồ Tát! Quý vị là Phần Chứng Phật, chân Phật, chẳng phải là giả Phật.

Nay chúng ta trước hết chiếu theo giáo huấn của đức Phật để nhận biết Bồ Đề tâm, hằng ngày niệm nó, nhưng chẳng làm được! Đối với chân thành, chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật vẫn có hư ngụy, bất quá là như thế nào? Đỡ hơn lúc chưa học Phật, có tiến bộ! Chưa học Phật thì đối nhân, xử thế, đại khái là mười phần hết chín phần là hư ngụy; nay đã học Phật, đại khái chúng ta hư ngụy chỉ có bảy phần, hoặc tám phần. Đó là có tiến bộ. Không đủ! Nếu chiếu theo giáo nghĩa của Hoa Nghiêm, chúng ta đã dùng nhiều thời gian ngàn ấy để học tập, biết Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, từ Sơ Tín cho đến Thập Tín, viên mãn cái tâm Thập Tín sẽ chứng Sơ Trụ Bồ Tát. Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín vượt thoát lục đạo. Chúng ta dùng trường hợp này để khảo sát, sẽ có thể nói chúng ta học Phật có mấy phần chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi? Nếu có thể có được một phần, chúng ta đã làm được một phần. Chúng ta có thể chia số điểm thành mười phần; làm được một phần, quý vị sẽ là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Chẳng làm được phần nào, quý vị chẳng nhập môn! Quý vị vẫn là lục đạo phàm phu, chẳng nhập môn.

Nếu làm được bảy phần, chúng ta nói là bảy phần mười. Đối với mười chữ này của Bồ Đề tâm, nếu dùng một trăm điểm để so sánh, chúng ta có thể đạt được bảy mươi điểm, sẽ là A La Hán. Có thể làm được tám mươi điểm, sẽ là Bích Chi Phật. Có thể đạt được chín mươi điểm, sẽ là Bồ Tát. Có thể đạt được một trăm điểm, sẽ là Phật trong mười pháp giới, đã mấp mé vượt thoát mười pháp giới. Lại tiến lên cao hơn, sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ Bồ Tát trụ trong Nhất Chân pháp giới, đến Hoa Tạng, đến thế giới Cực Lạc, phải biết điều này! Nếu chúng ta dùng một trăm điểm để nói, phải đạt tới mười điểm mới là Sơ Tín Bồ Tát. Ngẫm lại, có thể là hiện thời chúng ta chỉ được một hai điểm, chẳng đạt được mười điểm. Mười điểm nói theo thế gian, sẽ là thánh hiền; chẳng phải là thánh nhân thì cũng đáng gọi là hiền nhân. Hiền nhân quân tử có mấy phần thành thật đối với người khác. Tương phản với chân thành là hư ngụy. Xét theo tỷ lệ phần trăm, chúng ta luôn là hư ngụy chín mươi mấy phần trăm, chân thành chỉ có hai, ba phần trăm là đã khá lắm rồi! Quý vị sẽ dần dần kế nhập Đại Thừa. Chân thành là như thế, mà thanh tịnh cũng là như thế, bình đẳng cũng là như thế, cho đến từ bi cũng là như thế.

Chúng ta dùng Hoa Nghiêm để lãnh hội như vậy, sẽ dễ hiểu, khá dễ hiểu, mà cũng khá dễ nói. Đây là chuyện chúng ta ắt phải nghiêm túc nỗ lực, phải không ngừng nâng cao điểm số của chính mình, hy vọng tăng thêm điểm mỗi năm, mỗi tháng. Quả nhiên có thể làm như thế, tôi tin rằng quý vị nhất định đạt được pháp hỷ sung mãn, đúng như Phu Tử đã nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Quý vị sẽ sống rất vui sướng, cuộc sống rất hạnh phúc. Vì sao? Trí huệ nâng cao, trí huệ tăng trưởng, phiền não nhẹ nhàng, đây là đạo lý nhất định. Do đó, đây là lục căn và lục thức của chính mình, [nhìn] từ chỗ này của Bồ Tát, [phán định] đây là *“nội”*.

“Kinh vân, Bồ Tát đẳng cố”, *“kinh vân”* là nói tới những bài kệ tụng trong phần sau. Câu đầu tiên trong bài kệ tụng nói về Bồ Tát, chính là [bài kệ] chúng ta vừa mới đọc, *“Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh...”* Vì thế, dùng câu đầu tiên, cũng là câu đầu tiên được nói trong đoạn kinh văn thuộc phần sau [để luận định về các sự là nội hay ngoại được nêu trong bài kệ].

Thứ hai, đã có trong, ắt phải có ngoài. Ngoài là...

(Sớ) Tha thân, hoặc y chánh tư cụ đẳng.

(疏)他身，或依正資具等。

(Sớ: Thân kẻ khác, hoặc là y báo, chánh báo, hay những vật dụng cần thiết cho cuộc sống v.v...)

Giống như câu đầu tiên, *“Bồ Tát tại gia”*, tại gia thì trong nhà quý vị có cha mẹ, có anh em, có vợ, con. Ngoài tự thân thì đều là Tha, tức là kẻ khác. Hoặc là nói *“y, chánh, tư cụ”*, *“Y”* (依, y báo) là hoàn cảnh sống của chúng ta. *“Chánh”* (正, chánh báo) là hoàn cảnh nhân sự, như cha mẹ, anh em, vợ con. Đó là Chánh.

Tất cả đất đai, nhà cửa, cho đến những thứ cần dùng trong cuộc sống đều thuộc loại y báo, [đều có thể gọi là] *“tư thân chi cụ”* (資身之具, những vật dụng cần thiết cho cuộc sống). Nay chúng ta nói là hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất trong gia đình, khiến cho chúng ta sống tốt đẹp hơn!

(Sớ) Kinh vân, tại gia đẳng.

(疏)經云，在家等。

(Sớ: Kinh nói, “tại gia” v.v...)

Ngày hôm qua, tôi suy nghĩ rất lâu, vì năm nay, Cục Tôn Giáo Nhà Nước của Trung Quốc muốn mở luận đàn về Phật giáo trên thế giới, chuyện này tốt lắm! Tôn giáo của Trung Hoa ngả theo hướng thế giới. Chủ đề là *“thế giới hài hòa thực hiện từ cái tâm”*. Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh; tâm an, ắt chúng sanh an; tâm bình, ắt thiên hạ bình. Chủ đề này hay lắm! Thực hiện từ nội tâm của chính chúng ta, phải thật sự làm, chớ nên làm giả, phải tương ứng với phẩm Tịnh Hạnh. Trước đây không lâu, lão hòa thượng Mãn Thành ở Lư Giang có một nhóm người theo Ngài xuất gia, nghe nói là hơn năm mươi người. Lão hòa thượng nói với tôi về vấn đề thọ giới, tôi nghĩ rằng: Vẫn là chẳng thọ giới thì hay hơn! Hiện tại là thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta thấy cổ nhân, Ngẫu Ích đại sư, sau khi thọ giới tỳ-kheo, đã đối trước chư Phật, Bồ Tát thoái giới, trả giới tỳ-kheo lại cho Phật, Bồ Tát, chính mình suốt đời giữ giới Sa-di. Vì thế, trong rất nhiều bản chú sớ, lão nhân gia ghi là *“Bồ Tát Giới Sa-di”*. Sa-di thuộc địa vị học trò, chúng ta hy vọng sẽ thật sự thực hiện, suốt đời đều là học trò. Nếu là tỳ-kheo, tỳ-kheo là Thiên Nhân Sư, thuộc địa vị thầy. Chính chúng ta hãy suy ngẫm đức hạnh, học vấn, và tu trì của chính mình đều không đủ, vẫn khiêm hư một chút thì tốt hơn. Suốt đời làm Sa-di, vậy là đã rất cao rồi!

Lần thoái lui ấy, Ngẫu Ích đại sư lui xuống làm Sa-di, đồ đệ của Ngài [tự nhủ]: “Thầy của ta là Sa-di, ta chẳng sánh bằng thầy được”, vậy thì làm như thế nào? Thoái lui! Do vậy, học trò, tức đồ đệ của Ngài là pháp sư Thành Thời. Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập là do pháp sư Thành Thời chỉnh lý, xuất bản, lưu thông cho đời sau. Ngài Thành Thời cũng hạ thấp, hạ thấp càng nhiều hơn nữa, tự xưng là *“xuất gia ưu-bà-tắc”*, đúng là danh xứng với thực. Trong quá khứ, tôi ở Đài Loan có một con dấu, tôi cũng hạ thấp, con dấu của tôi khắc chữ *“xuất gia ưu-bà-tắc”*. Như vậy thì mới là danh xứng với thực! Vì sao? Không chỉ là hiện thời chúng ta chẳng hành được giới tỳ-kheo, mà giới sa-di cũng chẳng hành được luôn! Có thể tu Ngũ Giới tốt đẹp, khéo hành Ngũ Giới, Thập Thiện thì đã tuyệt vời lắm rồi! Suốt đời gìn giữ Ngũ Giới, Thập Thiện, chúng ta xuất gia, là xuất gia ưu-bà-tắc, danh chánh ngôn thuận, danh phù hợp thực, đó là đúng!

Ở Trung Hoa, cũng có một vị đại đức rất lỗi lạc. Tôi nói ra, các vị đều biết ngay, chính là pháp sư Hoàng Nhất. Pháp sư Hoàng Nhất tự xưng là *“xuất gia ưu-bà-tắc”*. Do vậy, đối với [danh xưng] *“xuất gia ưu-bà-tắc”*, chúng ta thấy vị thứ nhất là Thành Thời. Ngài là người sống cuối đời Minh, [tức là] cuối đời Minh đầu đời Thanh. Ta thấy vị thứ hai là

Hoàng Nhất đại sư. Nay chúng ta ngẫm lại, chúng ta kém cõi hơn Hoàng Nhất đại sư. Danh xứng với thực, nay chúng ta xác thực là giữ vững Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, yêu cầu chính mình ắt phải làm được, đây là thân phận xuất gia. Vì thế, chúng tôi muốn thoát lui Tam Đàn Đại Giới để dùng thân phận gì? Xuất gia ưu-bà-tắc. Xác thực là chúng ta làm sự nghiệp Bồ Tát, vì thế, thêm [chữ Bồ Tát] vào đằng trước, thành “*Bồ Tát xuất gia ưu-bà-tắc*”. Đây là danh chánh ngôn thuận. Tôi hy vọng những người mới thế độ xuất gia đều có thể hiểu rõ đạo lý này, chẳng dám tùy tiện tham dự thọ giới, tự cho mình là bậc đại thánh. Đeo danh xưng “*đại thánh*”, danh chẳng phù hợp thực, vậy thì quý vị phải nghĩ đến một câu ngạn ngữ của cổ nhân: “*Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông*”! Nghĩ đến câu nói ấy, run rẩy sợ hãi, lẽ nào chẳng sợ hãi? Hãy ngẫm xem bản thân chúng ta đã làm được bao nhiêu? Nhất định phải biết điều này, chớ nên không biết! Chính mình phải khiêm hạ, phải cung kính, quyết định không dám đứng trước người khác, đứng sau người khác tốt hơn, chẳng dám đứng trước người khác. Đây là nói đến Tha.

Lại xem đoạn thứ hai, là Sự.

(Sớ) Thứ Sự diệc nhị chủng.

(疏)次事亦二種。

(Sớ: Sự kế đó cũng có hai loại).

Cũng gồm có hai loại.

(Sớ) Nhất năng phát nguyện giả, nhị sở nguyện chúng sanh. Kinh vân, đương nguyện chúng sanh cố.

(疏)一能發願者，二所願眾生。經云，當願眾生故。

(Sớ: Một là người có thể phát nguyện, hai là chúng sanh được nguyện. Kinh nói “nguyện cho chúng sanh”).

Câu “*đương nguyện chúng sanh*” có lời nguyện của chính mình. “*Nguyện chúng sanh*” là cảnh giới, “*đương nguyện*” là bản thân ta phát nguyện, [đó là] người có thể phát nguyện. Khi chúng ta niệm một trăm bốn mươi một nguyện ấy có thật sự là phát nguyện hay không? Niệm hằng ngày, buổi sáng niệm một lần, buổi tối niệm một lần, tối thiểu là [niệm trong] công khóa sáng tối. Trong công khóa sáng tối đều có Tam Quy Y, ba nguyện Tam Quy Y cũng thuộc trong một trăm bốn mươi một nguyện. “*Tự quy y Phật*”, ta có quy y Phật hay không? Đây là điều thứ nhất phải chú ý, ta có quy y Phật hay không? Tôi đánh số một trăm bốn

mười một nguyện ấy từ thứ nhất đến thứ một trăm bốn mươi một. Số thứ tự của Tam Quy Y sẽ là hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, đây là thứ tự của chúng. Điều thứ hai mươi là *"tự quy y Phật"*, hai mươi một là *"tự quy y Pháp"*, hai mươi hai là *"tự quy y Tăng"*. Chúng ta có quy y hay không?

Tôi đã giảng về Tam Quy khá nhiều lần, có ghi âm lẫn ghi hình, còn có cả tập sách nhỏ mang tựa đề Truyền Thọ Tam Quy. Sáng tối đều niệm, nhưng chẳng Quy, mà cũng chẳng có Y. *"Quy"* (皈) là quay đầu. Quay đầu là bờ. Chẳng quay đầu! *"Y"* (依) là nương cậy, chúng ta chẳng nương tựa, chẳng dựa vào Phật. Chúng ta y gì? Vẫn là y (dựa vào) phiền não và tập khí của chính mình. Trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người tiếp vật, chẳng nương theo giáo huấn của đức Phật; vì thế, tôi nói là *"chẳng có quy, mà cũng chẳng có y!"* Phật là giác, quy y Phật là quy y giác. Tương phản của giác là mê. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đây là mê. Nguyện này dạy chúng ta từ mê quay về giác, giác chứ không mê, đây mới là thật sự quy y Phật. Từ tà quay về chánh, tức chánh tri chánh kiến. Từ tà tri tà kiến quay về nương cậy chánh tri chánh kiến; đây là quy y Pháp. Quy y Pháp là chánh chứ không tà. Tăng là thanh tịnh, tương phản của thanh tịnh là ô nhiễm! Nay chúng ta tinh thần ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, kiến giải ô nhiễm, hiện thời còn có sắc thân ô nhiễm. Xã hội hiện thời ô nhiễm nghiêm trọng. Chúng ta phải biết từ ô nhiễm mà quay về, nương tựa tâm thanh tịnh, nương tựa thân thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, quý vị tự nhiên khỏe mạnh, sống lâu!

Chúng ta niệm Tam Quy mỗi ngày, có thật sự quay đầu hay không? Có thật sự nương tựa Tam Bảo Giác Chánh Tịnh hay không? Nếu chẳng có, mỗi ngày chúng ta sáng niệm điều này, tối niệm điều này, có lúc tôi nói khó nghe là *"dấy vọng ngữ"*, lừa Phật, lừa Bồ Tát. Công khóa sáng tối, sáng lừa Phật, Bồ Tát một lần, tối lại lừa các Ngài lần nữa, sao mà nhẫn tâm thế? Thật sự quay đầu, thật sự có nương tựa. Thực hiện ở chỗ nào? Nay chúng tôi đề xướng phải thực hiện ở Đệ Tử Quy, thực hiện bằng Thập Thiện Nghiệp, sẽ là thật sự *"danh phù hợp thực"*, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm.

Câu thứ nhất [trong Tam Tự Quy] nói về người phát nguyện và chúng sanh được phát nguyện. Không chỉ là chính mình làm như vậy, mà còn nguyện, có ý niệm ấy, hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể quy y Tam Bảo, đều có thể thực hiện Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp. Chỉ cần chúng ta làm, làm rất tốt đẹp, nhất định sẽ ảnh hưởng đến người nhà quý vị. Lâu ngày chầy tháng, mọi người thấy quý vị là người tốt như

vậy, sẽ bị ảnh hưởng! Chúng ta chẳng có cách nào cảm động người nhà là do chính mình làm chưa đủ tốt. Chính mình thật sự làm tốt đẹp, há có lẽ nào chẳng cảm động người khác? Vì thế, cổ đại đức đã nói rất hay: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”*, [nghĩa là] chúng ta chẳng đạt được mục tiêu mong mỏi, hãy quay đầu phản tỉnh. Chẳng phải là không thể giáo hóa người khác, mà là do đức hạnh của chính mình chẳng đủ. [Hay nói rõ hơn, chẳng thể giáo hóa người khác là do] trí huệ và đức hạnh của chúng ta chẳng đủ. Nhất định là phải tăng cường trí huệ và đức hạnh của chính mình, quý vị mới mong cảm động người nhà, mới có thể cảm động láng giềng, làng xóm, cảm động hết thầy đại chúng trong xã hội, nhất định là phải thực hiện từ bản thân của chính mình.

(Sớ) Hậu sự diệc nhị.

(疏)後事亦二。

(Sớ: Chuyện sau đó cũng có hai điều).

Đây là Sự, xét theo Sự thì có thứ nhất, thứ hai và thứ ba. “Sự” thứ ba chính là:

(Sớ) Nhất giả tự ích.

(疏)一者自益。

(Sớ: Một là chính mình được lợi ích).

Chính quý vị đạt được lợi ích.

(Sớ) Do thử chư nguyện, thành tiền chư đức.

(疏)由此諸願，成前諸德。

(Sớ: Do các nguyện này mà thành tựu các đức trên đây).

Nói tổng quát là *“có thể đạt được hết thầy các công đức thù thắng, nhiệm mầu”*; do đó, quý vị phải biết dụng tâm. Biết dụng tâm như thế nào? Phật, Bồ Tát từ bi tội bậc. Ngài nêu ra nhiều thí dụ như thế, [một trăm bốn mươi một nguyện là] một trăm bốn mươi một thí dụ nhằm dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, đãi người tiếp vật, phải dụng tâm như thế nào? Nếu quý vị đúng như pháp tu hành, dụng tâm như vậy, sẽ chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát. Trong cuộc sống hằng ngày, trong đãi người tiếp vật, đức Phật dụng tâm như thế nào? Là như thế đó. Chúng ta phải khéo học, phải học hiểu! Quý vị sẽ thành tựu trí huệ và đức hạnh của chính mình!

Quý vị thấy trong phần trước đã giảng về “*thắng diệu*”, “*thắng*” (勝) là thù thắng, “*diệu*” (妙) là chẳng chấp tướng. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đã đọc rồi đó: “*Lìa hết thấy tướng, chính là hết thấy các pháp*”. Tức là hết thấy các pháp đều là công đức thắng diệu, là công đức thù thắng. Lìa hết thấy tướng, công đức nhiệm mầu! Chính là tướng mà ly tướng (tức tướng ly tướng), Ly và Túc đồng thời; đây là Bồ Tát, là Phật, chẳng phải là Nhị Thừa! Nhị Thừa lìa hết thấy tướng, các Ngài thật sự lìa; vì thế, các Ngài chẳng giáo hóa chúng sanh. Các Ngài ngại chúng sanh chẳng dễ dạy, [cho nên] không dạy. Vì thế, chẳng có Bồ Đề tâm. Trong Bồ Đề tâm có đại từ đại bi, các Ngài chỉ có thanh tịnh, chẳng có từ bi. Do vậy, Nhị Thừa ở trong tứ thánh pháp giới, chẳng trụ trong Nhất Chân pháp giới; Bồ Tát trụ trong Nhất Chân pháp giới. Đây là “*tự ích*”, tức là lợi ích chính mình, thành tựu công đức thù thắng, vì diệu cho chính mình. Điều thứ hai là...

(Sớ) Ích tha.

(疏) 益他。

(Sớ: Lợi ích người khác).

Tạo lợi ích cho kẻ khác.

(Sớ) Do thử phát nguyện, nguyện chúng sanh cố.

(疏) 由此發願，願眾生故。

(Sớ: Do vậy bèn phát nguyện, nguyện vì chúng sanh).

Nguyện ấy chẳng phải là nguyện rộng tuếch. Nói theo cách hiện thời, nguyện ấy là “*ảnh hưởng*”! Ta phát nguyện, nhất định phải làm được, tất nhiên sẽ có thể ảnh hưởng đến người và vật chung quanh ta. Con người có thể ảnh hưởng vật, vật cũng có thể ảnh hưởng con người. “*Vật*” (物) là gì? Núi, sông, đại địa, hết thấy chúng sanh! Người phát đại nguyện, phát thiện tâm, ý niệm Từ của quý vị sẽ giống như làn sóng điện từ (electromagnetic wave) phóng xạ, giống như sóng ánh sáng. Luồng sóng thiện tâm và thiện nguyện ấy trọn khắp pháp giới, hư không giới. Cường độ sóng hoàn toàn tỷ lệ thuận với cái tâm phát nguyện của quý vị, giống như tỷ dụ một trăm điểm mà chúng tôi vừa mới nói. Nay chúng ta phát nguyện, dường như chẳng có cảm ứng to tát gì! Thật ra là cảm ứng không rõ rệt! Vì sao? Làn sóng ấy phát ra quá yếu, chẳng mạnh! Tuy rất yếu, nó vẫn trọn khắp pháp giới. Nếu chúng ta có cường độ, có cường độ mười phần trăm hoặc hai mươi phần trăm, sẽ sanh ra hiệu quả rất lớn. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Hoa Nghiêm là mười phần trăm. Nhị

Tín, tức Bồ Tát thuộc địa vị Nhị Tín trong Đại Thừa Viên Giáo là hai mươi phần trăm, sự cảm ứng rất rõ rệt. Hình tượng, động tĩnh, và động tác của Ngài cũng thế, đều như đang nhập Định, đều có thể khiến cho núi, sông, đại địa bị ảnh hưởng. Đối với chuyện này, chỉ cần quý vị liễu giải thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng ở Nhật Bản, sẽ hiểu rõ!

Thiện tâm chân thành, có thể khiến cho hoàn cảnh bên ngoài đều trở thành tốt đẹp, điều ấy được diễn tả là *“cảnh chuyển theo tâm”*. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng”*. Vì thế, nay chúng ta chẳng thể cảm hóa xã hội này, chẳng thể khiến cho hoàn cảnh vật chất trở nên tốt đẹp hơn, [nguyên nhân là do] chúng ta làm chẳng đủ! Chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm thảo chuyện này! Có sao chẳng làm đủ? Dấy lòng danh lợi, vẫn là tranh danh, đoạt lợi, đối với thứ chính mình ưa thích, vẫn muốn giành lấy, vẫn có tâm tham. Tuy chính mình đã có, thấy người khác rất cần, [thế mà] ôm lòng keo kiệt, chẳng chịu bố thí. Khi thấy chính mình gặp chuyện chẳng vừa lòng, cảm thấy bực mình, ngay lập tức cáu giận, sân khuyển liền dấy lên! Khi thấy người khác tốt hơn chúng ta, bèn dấy lòng ganh tỵ. Chư vị hãy ngẫm xem, chính mình có phải là hạng người như thế hay chăng? Nếu là như vậy, sẽ chẳng có phần. Đối với Bồ Đề tâm như đức Phật đã dạy, chúng ta chẳng phải là niệm suông rồi thôi! Có [Bồ Đề tâm] ở đằng miệng, trừ miệng có [Bồ Đề tâm] ra, chẳng có gì hết, trong tâm quý vị chẳng có, nơi hành vi chẳng có, làm sao có thể thành tựu công đức thắng diệu cho được? Chúng ta học Phật kiểu đó thì vẫn có thể đạt được, [tức là] có thể đạt được hết thấy nghiệp nhân quả báo trong tam đồ lục đạo, chẳng phải là thành tựu công đức thù thắng nhiệm mầu! Những gì chúng ta đã làm vẫn là nghiệp báo của tam đồ, chớ nên không cảnh giác điều này!

Nhất là những người tuổi đã xế bóng, người Hoa thường nói từ tuổi sáu mươi trở đi là *“vãn niên”* (tuổi xế chiều). Người trẻ tuổi vẫn chẳng thể lãnh hội tầm khấn yếu của chuyện này. Từ sáu mươi tuổi trở đi, đời này đã qua, niệm niệm phải tính toán cho đời sau, đời sau ta sẽ đến nơi đâu? Dẫu trong quá khứ, sáu mươi năm trước đã tạo đủ mọi ác nghiệp, nếu sáu mươi tuổi mà thân thể khỏe mạnh thì giác ngộ, quay đầu, vẫn kịp! Kinh vãng sanh nói càng thù thắng hơn, từ bi đến mức tột bậc. Chỉ cần quý vị một hơi thở chưa dứt, sửa lỗi đổi mới, tu sám hối đều kịp. Con người chớ nên tự vứt bỏ, tự ruồng rẫy chính mình, gặp gỡ Phật pháp đúng là chẳng dễ dàng! Sau khi đã gặp gỡ, nhất định là phải hiểu rõ, nhất định là phải giác ngộ, nhất định phải thật sự quy y, y giáo phụng

hành. Pháp này đúng là ta và người cùng được lợi, tự lợi chẳng thể nghĩ bàn, lợi tha cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp phần khai thị kệ đó của Thanh Lương đại sư.

(Sớ) Thử hậu nhị cú, hoặc tiền cú thị nhân, hậu cú thị quả, như vân sở hành vô nghịch, thành Nhất Thiết Trí đấng.

(疏) 此後二句，或前句是因，後句是果，如云所行無逆，成一切智等。

(Sớ: Hai câu sau đó, hoặc câu trước là nhân, câu sau là quả. Như nói “sở hành chẳng trái nghịch, thành Nhất Thiết Trí” v.v...)

“Sở hành vô nghịch” là nhân, “thành Nhất Thiết Trí” là quả. Những trường hợp giống như vậy trong phần kệ tụng rất nhiều. Đối với câu thứ ba và thứ tư, có lúc, câu trên là nhân, câu dưới là quả. “Sở hành vô nghịch”: “Nghịch” (逆) là chống trái giáo huấn của đức Phật. Giáo huấn của đức Phật ở trong kinh luận; Tam Tạng kinh luật luận đều là giáo huấn của đức Phật. Cổ nhân đã nói rất hay: “*Kinh luận ấn tri kiến, giới luật chánh hành vi*” (Kinh luận ấn chứng tri kiến, giới luật uốn nắn hành vi). Chúng ta nói “thân, khẩu, ý”, tức là ngôn ngữ và tạo tác đều phải nương theo giới luật, khởi tâm động niệm phải nương theo kinh luận. Tam Tạng không gì chẳng nhằm dạy thân, ngữ, ý, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta thấy đều chánh đáng.

Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Tiêu chuẩn là Tánh Đức, giáo pháp Đại Thừa gọi nó là Pháp Tánh. Ba nghiệp thân, ngữ, ý đều có thể tương ứng với Pháp Tánh, chẳng trái nghịch, người ấy là Pháp Thân Bồ Tát, là chư Phật Như Lai. Nếu có trái nghịch, mức độ trái nghịch lớn hay nhỏ, cạn hay sâu, rộng hay hẹp khác nhau. Hễ trái nghịch ít, chẳng tổn hại đến điều tốt đẹp tổng quát, sẽ là những người thuộc tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, chưa thể hoàn toàn đạt đến “không trái nghịch”. Hoàn toàn đạt đến “chẳng trái nghịch” chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Sở hành của các Ngài chẳng trái nghịch, thành Nhất Thiết Trí. Nhất Thiết Trí [ở đây] bao gồm ba loại trí huệ, tức là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Dùng ba chữ ấy vì mỗi câu trong kệ tụng là bốn chữ, cho nên hễ nêu lên một, quý vị sẽ nghĩ những thứ sau trong ba thứ đều được bao gồm trong ấy. Thành tựu Nhất Thiết Trí, là từ

Sơ Trụ trở lên! Chúng tôi thường nói: Trong hết thảy các pháp, chúng ta nói là đối với người, đối với sự, đối với vật, chẳng có chấp trước, người Hoa nói là “chẳng có thành kiến”, bất cứ điều gì cũng đều tốt đẹp, chẳng còn chấp trước nữa! Đây là A La Hán.

Ví như chuyện ăn uống, tôi ở Tân Gia Ba, nghe các đồng học Tân Gia Ba kể: Người thuộc thế hệ trước, Hoàng Nhất đại sư và pháp sư Quảng Hiệp ở Tân Gia Ba là bạn bè rất thân thiết. Pháp sư Quảng Hiệp quê ở Phước Kiến, hai Ngài từng ở chung một chỗ tại Hạ Môn một thời gian. Pháp sư Quảng Hiệp hết sức tôn kính Hoàng Nhất đại sư, hết sức ngưỡng mộ, vị này thật sự là một người xuất gia có đức hạnh. Do vậy, Hoàng Nhất đại sư nhận lời mời của Sư, sang Mã Lai và Nam Dương hoằng pháp, trụ tại tinh xá của Sư, tức Chiêm Bồ Viện⁸. Tôi đã đến nơi đó, cơ sở không lớn, có một dãy nhà nhỏ. Một cụ già kể với tôi, pháp sư Hoàng Nhất sống rất đơn giản, chăm sóc Ngài rất dễ dàng. Đối với chuyện ăn ở, cho gì Ngài ăn nấy, Ngài chẳng có phân biệt. Có những món ăn nấu mặn chát, có người hỏi: “Thưa pháp sư! Có phải là mặn quá hay không?” Ngài đáp: “Mặn có cái ngon của mặn”. Nấu quá nhạt, “Nhạt có cái ngon của nhạt”. Chẳng có gì không tốt, đây là hiện thân thuyết pháp.

Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy chúng ta: Tùy duyên, chứ không phan duyên. Tùy duyên thì bất cứ điều gì cũng được! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đi khát thực, cho gì ăn nấy, chắc chắn là chẳng có phân biệt. Chẳng thể nói: Mỗi lần đi [khất thực], nhà kẻ giàu có sẽ cúng dường chư Tăng thức ăn rất ngon, hằng ngày đến nhà họ khát thực. Chẳng có chuyện ấy! Mặt khác, nhà người nghèo khó, [thực phẩm] ăn rất tẻ. Tâm Phật, Bồ Tát là bình đẳng. Vì thế, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, tu ở chỗ nào? Tu ngay trong cuộc sống, tu ngay trong nhân sự, tu trong hoàn cảnh, quý vị mới thật sự tu thành công! Tu gì vậy? “*Sở hành vô nghịch*”, quyết định tuân thủ giáo huấn của đức Phật, quý vị chớ nên kén chọn, món này ngon, món kia dở, chớ nên!

Vì thế, một bát cơm đức Phật dùng, do rất nhiều người bố thí, chẳng phải là một nhà. Cơm ấy được gọi là “*Ca-sa*”. Áo chúng ta mặc gọi là áo ca-sa. Ca-sa là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là gì? Hỗn tạp! Y phục ấy là đỏ, vàng, xanh, trắng, đen, năm màu ấy được gọi “*chánh sắc*”. Đức Phật nhuộm y, hòa chung năm màu đó, nhuộm thành màu ấy, nên gọi là áo Ca-sa. Ăn cơm là xin từ từng nhà do người ta cúng dường. Đức Phật dạy các đệ tử khát thực, chỉ được xin từ bảy nhà, tức là từ bảy gia đình. Nếu bảy nhà đều không cúng dường, quý vị chẳng thể đến xin nhà thứ tám, hãy trở về, ôm bát rỗng. Quay về như thế nào? Chia sót từ bát của các

đồng học xin được nhiều. Khất thực chẳng phải là sau khi xin được, quý vị có thể vừa đi vừa ăn, chẳng thể được! Phải về đến chỗ cư trú của chính mình, dưới cội cây, mọi người đã đều trở về cả rồi, mới cùng nhau ăn cơm. Rất có quy củ, có trật tự, chẳng phải là mỗi người xin được liền ăn phần của mình, chẳng phải vậy! Sau khi trở về, nói chung là đem tất cả cơm trộn lẫn với nhau, quý vị có thể ăn bao nhiêu, bèn lấy bấy nhiêu. Đó là bình đẳng.

Do vậy, một bát cơm ngàn nhà! Quý vị liễu giải ý nghĩa này, chẳng giả! Thuở ấy, một ngàn hai trăm năm mươi lăm đồ đệ của Ngài, mọi người đi khất thực. Sau khi trở về, trộn lẫn cơm với nhau, chẳng phải là một bát cơm ngàn nhà ư? Điều này chẳng giả, mà là thực tại. Điều là hỗn hợp, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cơm và thức ăn ở cùng một chỗ, nuôi nấng sắc thân này. Phải luôn ghi nhớ, hết thầy đều tùy duyên, đừng phan duyên, hết thầy cũng chẳng cần làm phiền kẻ khác! Phật pháp là *"từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa"*, nói chung, chẳng khiến cho người khác khó xử, điều này rất quan trọng! Vì thế, trong kinh luận, đức Phật thường nói: Bồ Tát ở đâu cũng sẽ khiến cho hết thầy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, chớ nên khiến cho họ sanh phiền não. Hễ sanh phiền não, sẽ chẳng phải là Bồ Tát.

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, luôn lợi ích chúng sanh, chẳng nhằm lợi ích chính mình. Vì sao chẳng lợi ích chính mình? Lợi ích chính mình thì sẽ luân hồi trong lục đạo! Vì sao lợi ích chính mình sẽ luân hồi trong lục đạo? Cái nhân thứ nhất gây nên luân hồi trong lục đạo là chấp trước có Ngã, coi thân này là ta. Kinh Kim Cang nói *"ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng"*. Chỉ cần có Ngã, nhất định là sẽ có chúng sanh, sẽ có thọ giả, trọn đủ bốn tướng. Đây là cái nhân của sự luân hồi trong lục đạo. Vì thế, đức Phật dạy mọi người: Nếu quý vị muốn lìa khỏi lục đạo, trước hết, phải phá Ngã Chấp, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả. Ngã còn chẳng có, đương nhiên là ngã sở hữu càng giả! Vô ngã, vô ngã sở, quý vị mới có thể rời lìa lục đạo! Chấp trước kiên cố ngã và ngã sở, ngay cả niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Những trường hợp như vậy rất nhiều. Quý vị thấy trong Phật môn có quá nhiều văn tự ghi chép chuyện này, nghiệp nhân quả báo đấy!

Có những kẻ tu hành, bất luận tại gia hay xuất gia, cũng khá lắm, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng coi trọng duyên thế gian, nhưng coi Phật pháp quá trọng, thấy thân rất nhẹ, thấy Phật pháp rất nặng. Ví như thấy pháp vật, kinh sách rất nặng, còn trọng hơn sanh mạng. Quá coi trọng tượng Phật, chấp trước kiên cố. Trong quá khứ,

thuở còn trẻ, tôi rất yêu sách, rất coi trọng sách, xác thực là vượt xa tất cả hết thầy [những thứ khác]. Về sau, khi thầy Lý giảng kinh, đã bảo chúng tôi: “Hễ có ham mê, trong tương lai, sau khi đã chết, quý vị niệm niệm chẳng lìa khỏi chúng. Nếu quá coi trọng kinh sách, sẽ như thế nào? Trong sách có loại bọ giấy. Bọ giấy là những kẻ đòi trước yêu sách, không nỡ rời khỏi quyển sách. Sau khi đã chết, sẽ sanh làm bọ giấy trong sách”. Thầy Lý dạy chúng tôi như vậy đó. Tôi đã thấy có những kẻ đặc biệt thích cất giữ tượng Phật, tượng lớn, tượng bé, vàng, bạc, đồng, sắt, chuyên môn thích sưu tập tượng Phật, yêu chuộng tượng Phật, là Phật tử kiên thành. Trong tương lai, khi người ấy vãng sanh, sẽ đến nơi đâu? Tôi từng thấy trong tượng Phật bằng gỗ khắc có chuột, tôi hoảng nhiên đại ngộ! Họ chẳng lìa khỏi tượng Phật. Trong tượng Phật có chuột, có gián, có kiến, họ đến đầu thai trong các loài đó. Trong tự miếu chẳng có nam nữ hôn phối, họ bèn đầu thai vào đó. Vì thế, đối với bất cứ vật phẩm gì, chỉ cần có ham chuộng, đều sẽ đem lại phiền phức rất lớn cho quý vị.

Kinh Bát Nhã dạy rất hay: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, đức Phật nói lời này có nghĩa là gì? Dạy quý vị thầy đều buông xuống, chớ nên chấp trước. Tôi học Phật đến mười năm, hai mươi năm, mới thật sự buông xuống, bất cứ gì cũng đều có thể [buông xuống], chẳng còn làm những việc ấy nữa! Phải sưu tập một ít sách vở, vì sao? Giảng kinh. Giảng kinh thì cần phải tham khảo tài liệu, cho nên chẳng thể không cất giữ sách vở. Cất giữ sách như thế nào? Trước kia cứ cho là của chính mình, chính mình rất quý tiếc; hiện thời đều tặng cho thư viện. Thời cổ, chùa chiền có tàng kinh lâu (lầu chứa kinh), hãy nên giao hết về tàng kinh lâu, giao cho thường trụ. Hiện thời, chúng tôi chẳng có lầu tàng kinh. Tôi ở Úc có Tịnh Tông Học Viện, học viện cũng giao cho những người trẻ tuổi. Trong học viện có một thư viện quy mô khá, toàn bộ sách vở của tôi đều trao cho thư viện. Ở bên cạnh tôi là một ít tài liệu để tham khảo, tôi cũng chẳng chấp trước những tài liệu ấy. Ngày nào tôi không cần nữa, sẽ đều quyên tặng cho tự viện hoặc biểu tặng cho các trường. Hiện thời, vẫn chưa quyên tặng, trong tâm đã sớm quyên tặng rồi! Chớ nên có mấy may vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thân còn chẳng phải là ta, há có vật ngoài thân!

Đã xuất gia, quý vị lại muốn xây dựng một căn nhà, chẳng phải là lại trở về nhà ư? Chẳng phải là quý vị lại có nhà ư? Dựng một ngôi chùa to, [tức là] bỏ căn nhà nhỏ nhoi thuộc về gia đình của mình để tìm một căn nhà to! “Ngôi chùa này là của ta, là tài sản của ta, thuộc về ta!” Chỉ

cần là “của ta”, phiền phức sẽ kéo tới. Ấn Quang đại sư suốt đời không râu đồ đệ, không truyền giới, không lập tự miếu, là do đạo lý nào? Chúng ta phải suy nghĩ cho nhiều, phải liễu giải cho nhiều. Chẳng tạo nghiệp! Chẳng có lỗi lầm! Suốt đời Ngài làm một chuyện là in kinh bố thí. Mười phương cúng dường, Ngài liền làm một chuyện ấy. Dùng những khoản cúng dường để lo liệu Hoàng Hóa Xã tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, nay chúng ta gọi [Hoàng Hóa Xã] là Phật Kinh Lưu Thông Xứ, chuyên môn ấn tống kinh điển và thiện thư. Ngay cả sự nghiệp từ thiện cứu tế thông thường, Ngài cũng chẳng làm. Do nguyên nhân gì?

Người làm sự nghiệp từ thiện cứu tế rất nhiều! Sự từ bi cứu tế ấy là “trị đẳng ngộ”, chư vị phải hiểu điều này. Người ta chẳng có ăn, tặng lương thực cho họ; chẳng có mặc, bèn tặng quần áo cho họ. Đây là trị đẳng ngộ! Giúp cho kẻ khác giác ngộ, giúp người ta tin nhân quả, giúp người ta đoạn ác tu thiện. Đây là trị tận gốc. Đạo lý này sâu xa. Suốt một đời, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài đã làm gì? Từ thiện cứu tế. Ngài biết khổ nạn của hết thảy chúng sanh do đâu mà có? Từ mê hoặc, điên đảo mà có! Quý vị đã mê, nên mới tạo nghiệp. Quý vị tạo tác nghiệp bất thiện, sẽ có quả báo ác hiện tiền. Nếu quý vị đã giác ngộ, chẳng tạo ác nghiệp. Dẫu có ác nhân, đã đoạn ác duyên, quả báo bất thiện sẽ chẳng hiện tiền. Quý vị làm nhiều chuyện tốt, tạo nhiều thiện nhân, do điều thiện trong đời quá khứ, điều thiện trong đời hiện tại, có nhân, có duyên, quả báo thảy đều hiện tiền. Vì thế, đây mới là từ bi cứu thế thật sự.

Suốt một đời, Thích Ca Mâu Ni Phật làm công tác từ thiện cứu tế, chẳng tốn một đồng, hoàn toàn sử dụng giáo dục. Trong thời kỳ Mạt Pháp, tổ Ấn Quang đã vì chúng ta thị hiện điều này. Nếu chúng ta có thể thấu hiểu, lãnh hội ý Ngài, sẽ có thể hiểu giáo huấn của đức Phật. Chúng ta phải nên học theo Phật như thế nào? Học theo tổ sư như thế nào? Nói theo kinh này, sẽ là *“phải dụng tâm như thế nào thì chúng ta sẽ có thể đạt được hết thảy công đức thắng diệu”*. Công đức thắng diệu ấy là người khác nói, chứ tự mình có [nhận thấy chính mình có công đức thắng diệu] hay không? Chẳng có. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng có, công đức ấy mới thật sự là thắng diệu. Trong ấy, hễ xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, công đức sẽ chẳng thắng, mà cũng chẳng diệu. Diệu là phải ly tướng. Đây là nói trong bài kệ có nhân, có quả. Câu thứ ba là nhân, câu thứ tư là quả, nhưng cũng không nhất định.

Tiếp đó, [đại sư] nói:

(Sớ) Hoặc nhị câu thị nhân.

(疏) 或二俱是因。

(Sớ: Hoặc cả hai câu đều là nhân).

Câu thứ ba và câu thứ tư đều là nhân. Ví như trong kinh này nói:

(Sớ) Xảo sự sư trưởng, tập hành thiện pháp đẳng.

(疏) 巧事師長，習行善法等。

(Sớ: “Khéo thờ sư trưởng, tu tập pháp lành” v.v...)

“Đẳng” (等) có nghĩa là [những bài kệ] thuộc loại này, [tức là] cả hai câu [ba và bốn] đều là nhân. “Xảo sự sư trưởng” là câu thứ ba, “tập hành thiện pháp” là câu thứ tư. Cả hai câu đều là nhân. “Xảo” (巧) là thiện xảo, “sự” (事) là phụng sự sư trưởng. “Xảo sự sư trưởng” quyết chẳng phải là hằng ngày chăm sóc chuyện ăn, mặc, ở, đi lại, hầu hạ thầy rất chu đáo. Thầy không cần những điều ấy. Thầy cần học trò làm gì? Cần học trò y giáo phụng hành, cần học trò phiền não tập khí mỗi ngày giảm nhẹ, trí huệ và phước đức mỗi ngày một tăng trưởng, thầy thấy vậy sẽ hoan hỷ. Bởi lẽ, quý vị thật sự đạt được “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”. Đây là thật sự “xảo sự”. Vì thế, câu kế tiếp là “tập hành thiện pháp”. Phương tiện thiện xảo thầy đều thực hiện trong học tập. Học tập trong cuộc sống, học tập trong xử sự, đãi người tiếp vật, học tập hành thiện! Như kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói: “Thường niệm thiện pháp, tu duy thiện pháp, quan sát thiện pháp”, thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có gì bất thiện.

Một ý nghĩa khác, “xảo sự sư trưởng” là đối với hai mươi bốn môn oai nghi, thiện xảo phương tiện trong Sa Di Luật Nghi thầy đều thực hiện, đều làm được. Đây là Sự. “Xảo” có nghĩa là gì? Quý vị làm những chuyện ấy đều là giáo dục. Vì sao? Có nguyện ở trong ấy. Ta làm cho người khác thấy, nêu gương tốt cho những người ấy, nhắc nhở họ. Đây là Xảo. Phải hiểu, chẳng có gì không phải là giáo dục. Chẳng có gì không nhằm lợi ích và giáo hóa chúng sanh. Tự hành vốn là dạy người khác, dạy người khác vốn là tự hành. Tự hành và dạy người khác chẳng hai. Chúng ta lễ kính sư trưởng; dẫu sư trưởng chẳng cần, chúng ta phải làm đúng lý, đúng pháp, làm cho người khác thấy. Hiện thời, rất nhiều kẻ chẳng biết tôn kính thầy, chẳng biết hiếu thuận cha mẹ. Chúng ta phải nêu gương hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy cho người khác nhìn vào.

Đây là Xảo. Nói cách khác, đều là diễn tuồng! Cha và con diễn tuồng cho người khác xem, diễn cho những kẻ cha con bất hòa, cha con có mâu thuẫn trông thấy, nhằm khuyên dạy họ. Đối với những kẻ chẳng tôn trọng thầy, thầy và trò diễn tuồng, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật và các học trò của Ngài, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, diễn tuồng, diễn cho chúng ta xem. Đây là “*xảo sự*”.

Hoặc là...

(Sớ) Nhị câu Phật quả.

(疏)二俱佛果。

(Sớ: Cả hai đều là Phật quả).

Câu ba và câu bốn đều là quả. Quý vị thấy trong phần trước, câu ba và câu bốn đều là nhân; ở chỗ này, hoàn toàn đều là quả. Ví như trong lời nguyện đã nói, “*vĩnh ly phiền não*” và câu thứ tư là “*cứu cánh tịch diệt*” đều là quả. Vĩnh viễn rời lìa phiền não là quả, rốt ráo tịch diệt cũng là quả. Rốt ráo tịch diệt chính là Đại Niết Bàn! Tu học Phật pháp, chẳng có gì khác! Nói thật ra, tám chữ ấy cũng là pháp môn Đại Tổng Trì, đã nói trọn hết. Phật pháp tu gì vậy? Chính là đoạn phiền não. Phiền não là gì? Nói thô thiển thì là thất tình ngũ dục, thất tình là mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn; ngũ dục là tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ. Những thứ ấy thời thời khắc khắc dẫn khởi tham, sân, si, mạn, hai mươi sáu món phiền não được nói trong Bách Pháp, những thứ ấy đều dẫn dụ quý vị!

Vĩnh viễn lìa phiền não, những thứ ấy ở bên ngoài, tâm quý vị thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, đó là “*ly phiền não*”. Ly phiền não chẳng phải là một hai lúc, mà là vĩnh viễn lìa phiền não. Mở đầu của việc lìa phiền não là Nhẫn, nhẫn nhục, nhẫn nại. Nhẫn lâu ngày, sẽ đắc Định. Định có thể chế phục phiền não. Công phu định lực càng sâu, thời gian chế phục càng dài, vẫn chưa vĩnh viễn lìa khỏi. “*Vĩnh ly*” là gì? Do Định, khai trí huệ. Sau khi trí huệ đã khai, chuyển phiền não thành Bồ Đề, tức là chuyển biến phiền não thành Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng có phiền não! Người ấy là ai? Chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Kinh luận Đại Thừa thường nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vĩnh viễn lìa phiền não*”. Trong mười pháp giới, thuộc về Định, đã chế phục phiền não, chưa chuyển. Người ấy vừa chuyển, sẽ thoát lìa mười pháp giới. Thoát lìa mười pháp giới, người ấy sẽ đến Hoa Tạng, tức là Nhất Chân pháp giới. Người niệm Phật do công phu như vậy, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh vào cõi Thật Báo Trang

Nghiêm. Hễ sanh vào nơi ấy, sẽ là *“hoa nở thấy Phật”*. Người ấy chẳng phải là sanh vào Phạm Thánh Độ, chẳng phải là sanh vào cõi Hữu Dư, vì người ấy đã vĩnh viễn lìa phiền não. Chế phục phiền não, chế phục sâu xa, sanh vào Phương Tiện Độ. Chế phục nông cạn, vừa mới chế phục, sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

“Cứu cánh tịch diệt” chính là Phật quả rất ráo, còn cao hơn Đẳng Giác một tầng. Đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là Phật quả rất ráo. Trong thứ tự được sắp đặt trong Hoa Nghiêm, sẽ là địa vị thứ bốn mươi hai, cao nhất! Bốn mươi địa vị trước đó là Pháp Thân Bồ Tát, địa vị bốn mươi một là Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị bốn mươi hai chính là tịch diệt rất ráo. Vì thế, vĩnh viễn lìa phiền não là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, *“tịch diệt rất ráo”* chính là địa vị thứ bốn mươi hai, tức Phật quả rất ráo. Thủy đều là quả báo.

Nay chúng ta muốn tu, chẳng phải là cao như thế! Nay chúng ta muốn học là chế phục phiền não. Muốn chế phục phiền não, chẳng thể không có trí huệ. Trí huệ từ đâu mà có? Đọc kinh, nghe giảng, xem chú giải của các bậc đại đức xưa nay. Từ những chỗ ấy mà đạt được một chút trí huệ. Ta biết bao nhiêu, bèn làm bấy nhiêu, như vậy thì mới hữu dụng. Tuy biết mà làm không được, vô dụng! Vì thế, chẳng thể học quá nhiều. Vì sao? Học quá nhiều, chắc chắn là quý vị chẳng làm được. Cổ nhân dạy học, đối với Phật pháp lẫn pháp thế gian, đều chẳng có ngoại lệ. Thầy luôn luôn là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Học một thứ, trò do chuyên chú mà được lợi ích. Chớ nên học nhiều, chớ nên học tạp. Học Phật, từ lúc mới phát tâm cho đến tám mươi tuổi, chín mươi tuổi, cũng chớ nên không tuân thủ quy củ này! Nhất định phải là một môn, chớ nên học tạp, chớ nên học nhiều, quý vị sẽ có thành tựu. Huống chi trong kinh, đức Phật thường dạy: *“Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông”*. Hiểu một pháp môn, môn nào cũng đều hiểu rõ!

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nêu một khuôn mẫu tốt nhất. Thông một môn, hết thấy đều thông. *“Một môn”* của Ngài chính là kinh Kim Cang do Ngũ Tổ đã giảng. [Ngũ Tổ] có giảng trọn hết kinh Kim Cang hay không? Chẳng có! Tổ giảng đến câu *“ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, Ngài bèn hiểu, liền thông đạt, nhưng phần sau [Ngũ Tổ] chẳng cần phải nói nữa. Quý vị thấy đó, đại khái là một phần ba kinh Kim Cang. Ngài đã thông suốt một kinh, hết thấy đều thông. Khi Ngài lánh nạn, đầu tiên là gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị này suốt đời thọ trì kinh Niết Bàn. Kinh Niết Bàn rất dài, bà ta niệm rất thuộc, chẳng hiểu ý nghĩa trong ấy. Lần ấy, gặp Huệ Năng đại sư, hoan hỷ khôn cùng, cầu Huệ Năng

đại sư giảng giải đại ý của kinh. Huệ Năng đại sư không biết chữ, bảo: “Bà hãy niệm cho tôi nghe”. Bản kinh ấy bà ta đã niệm rất nhiều năm, niệm nhuyễn như, bèn đọc thuộc lòng cho Tổ nghe. Sau khi nghe xong, Huệ Năng đại sư giảng giải cho bà ta, bà ta khai ngộ. Khi đó, Huệ Năng đại sư mới hai mươi bốn tuổi. Suốt một đời Ngài, dưới tòa có bốn mươi ba người khai ngộ, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng là người đầu tiên. Đây là gì? Đã thông! Cho đến lúc ấy, Tổ chưa hề nghe kinh Niết Bàn!

Quốc sư Pháp Đạt thọ trì ba ngàn bộ Pháp Hoa. Mỗi ngày niệm một lần, ba ngàn bộ đại khái cần mười năm để đọc một bộ kinh. Cứ ngỡ mình ghê gớm lắm, kiêu căng, ngã mạn, khi gặp Lục Tổ đại sư, lúc lễ bái, đầu chẳng chấm đất. Lục Tổ thấy vậy bèn hỏi: “Người lễ bái đầu chẳng sát đất”, nói theo cách hiện thời, “nhất định là người có gì đáng để kiêu ngạo phải không?” Tổ hỏi Sư: “Người có chỗ nào đáng nên kiêu ngạo?” Sư bèn thưa rõ: “Con đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa”. Đây là cái tâm thường hằng, nghị lực rất khó có! [Thế nhưng] chẳng hiểu ý nghĩa và chỉ thú của kinh Pháp Hoa, cầu Lục Tổ giảng giải. Lục Tổ nói: “Được!” Kinh Pháp Hoa Ngài chưa hề tiếp xúc, trước nay chưa từng nghe, còn nói chi thấy! Ngài không biết đọc, bảo: “Người niệm cho ta nghe”. Ba ngàn lần, đã niệm thật thuộc, bèn niệm cho Lục Tổ nghe. Niệm đến phẩm thứ hai, chúng ta biết kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói: “Chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu toàn bộ. Những điều được nói trong kinh ấy chính là nhân quả Nhất Thừa”. Tổ khai thị cho Sư, Sư mới hoảng nhiên đại ngộ, lại lạy, đầu áp sát đất!

Sự thị hiện này nhằm nói rõ ràng, rành mạch: *“Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông”*. Ngũ Tổ giảng giải kinh Kim Cang cho Lục Tổ. Đã đại triệt đại ngộ kinh Kim Cang, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều ngộ, tất cả hết thấy các kinh đều thông suốt, chẳng có gì không thông suốt. Có sao con người hiện thời chẳng ngộ? Vì sao chẳng thông? Chẳng có nguyên nhân nào khác! Tu tập tạp loạn, thứ gì cũng đều muốn học, kết quả là thứ gì cũng đều chẳng hiểu. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư, Ngài thứ gì cũng chẳng mong học, kết quả là thứ gì Ngài cũng đều hiểu. Căn bệnh hiện thời của chúng ta là ở chỗ nào? Đổ bệnh là vì thứ gì cũng đều muốn học, chính mình gây tạp loạn cho chính mình. Học suốt một đời, một khiếu cũng chẳng thông! Chẳng thể trách ai khác, chẳng thể trách Phật, Bồ Tát, chẳng thể trách tổ sư đại đức, người ta đã nói rõ ràng ngàn ấy, nói minh bạch ngàn ấy, nhưng chính quý vị đâu thềm tin, vậy là chẳng có cách nào cả!

Kể ra, đời này tôi rất may mắn, tôi muốn học, thầy chẳng đáp ứng. Ba vị thầy của tôi đều dạy tôi *“thâm nhập một môn, chẳng thể học tạp”*. Nhất là tôi được học Giáo với thầy Lý. Thuở ấy, thầy Lý mở một lớp, hơn hai mươi đồng học, điều kiện là một, *“chỉ có thể học một bộ, chẳng thể học hai bộ”*. Học đồng thời hai bộ, thầy chẳng dạy quý vị, quý vị chẳng thể tham dự lớp học kinh của thầy được. Tham dự lớp học kinh, chính quý vị chọn một bộ kinh; vì thế, thầy để cho quý vị tự chọn. Chọn từ đâu? Nhất định là chọn từ Đại Tạng Kinh. Đại Tạng Kinh là tiêu chuẩn của chánh pháp, chẳng có tà pháp ở trong ấy. Quý vị chọn một bộ từ chánh pháp. Thầy còn xét trình độ và căn tánh của quý vị. Nếu quý vị chọn một bộ quá sâu, hoặc chọn một bộ quá lớn, thầy lắc đầu: “Không được! Con chọn bộ này sẽ chẳng thể tiếp nhận được, chọn lại đi”. Có thể là chọn tới ba lượt, cả ba lượt thầy đều lắc đầu: “Thôi! Ta chọn thay cho con”. Thầy chọn thay cho quý vị. Vì thế, chúng tôi được giáo dục toàn là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*.

Trong thời đại này, mấu chốt thành hay bại là thiện tri thức. Nhưng gặp gỡ thiện tri thức, bản thân quý vị phải *“thọ giáo”*, điều này có nghĩa là quý vị phải tiếp nhận giáo huấn của thiện tri thức. Nếu quý vị chẳng có tín tâm đối với thiện tri thức, chẳng có lòng tôn kính, ngoài mặt tuân phụng, trong lòng chống trái, sẽ chẳng có thành tựu. Ấn Quang đại sư nói rất hay: Học trò có một phần cung kính đối với thầy, sẽ được một phần lợi ích. Có hai phần cung kính, được hai phần lợi ích. Có mười phần cung kính, được mười phần lợi ích. Tôn sư trọng đạo, chẳng phải là thầy yêu cầu học trò tôn kính chính mình, [nếu hiểu là thầy muốn như thế], sai mất rồi. Thầy đòi hỏi học trò phải tôn trọng chính mình, chắc chắn chẳng phải là một vị thầy tốt. Nhưng tôn sư trọng đạo, nói thật ra là để thầy quan sát căn tánh của học trò, cũng là như tổ Ấn Quang đã nói: Xét xem cái tâm cung kính của kẻ ấy có được mấy phần, liền biết đứa học trò ấy trong tương lai sẽ có thể đạt được bao nhiêu. Thầy dạy cho trò, trò có thể tiếp nhận bao nhiêu, có thể tiêu hóa bao nhiêu.

Do vậy có thể biết: Nếu [quý vị] mười phần cung kính thầy, thầy chẳng dạy quý vị mười phần, sẽ có lỗi với quý vị. Vì sao? Quý vị có thể tiếp nhận mười phần, thầy chỉ dạy chín phần, thầy vẫn còn tiếc pháp, còn có một phần chẳng dạy cho quý vị, sai mất rồi! Nếu quý vị chỉ có một phần tâm cung kính, thầy dạy quý vị hai phần là đủ. Hai phần đã là nhiều quá rồi! Quý vị vẫn chưa thể tiếp nhận hoàn toàn. Thầy quán cơ (觀機, quan sát căn cơ) của học trò, đấy là nhân tố trọng yếu nhằm quan sát trong tương lai học trò có thành tựu hay không? Vì thế, tôn sư trọng đạo

là từ trong gia đình cha mẹ bảo dạy quý vị. Hiếu thuận cha mẹ là do thầy dạy cho trò. Một người có thể thành tựu là do cha mẹ và thầy phối hợp chặt chẽ, mới dạy dỗ người ấy thành công. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập.

Đoạn kế tiếp nói:

(Sớ) Hoặc câu thông nhân quả.

(疏)或俱通因果。

(Sớ: Hoặc đều nói nhân và quả).

Câu thứ ba và câu thứ tư vừa có nhân vừa có quả, nhân và quả thấy đều có. Ví như trong kệ tụng đã nói: “*Dĩ pháp tự ngu, liễu kỹ phi thật*” (Dùng pháp để tự vui, biết ca múa chẳng thật), trong mỗi câu đều có nhân và quả. Quý vị thấy đó, thật sự khế nhập Phật pháp, pháp hỷ sung mãn. Pháp hỷ sung mãn là quả, tu học khế nhập Phật pháp là nhân. Trong câu này, trọn đủ nhân và quả, hết sức viên mãn! “*Liễu kỹ*”: Kỹ (妓) ở đây là ca múa, biểu diễn, tức biểu diễn trên sân khấu. Những kẻ bình phàm thích ca múa, tuồng hát. Hiểu rõ những thứ ấy chẳng thật sự tồn tại, chẳng phải là thật, người thế gian coi những thứ ấy là vui, người hiểu rõ sẽ chẳng mặn mòi với chúng, có nhân, có quả. Người thế gian hoàn toàn chẳng biết đến pháp lạc. “*Dĩ pháp tự ngu*” (Dùng pháp để tự vui) chính là học rồi thường tập luyện, cũng chẳng vui sao! Kẻ bình phàm chẳng học, chẳng nhập cảnh giới này, chẳng đạt được niềm pháp hỷ ấy.

Câu sau nhằm nói đến sự ca múa trong pháp thế gian, kể cả dàn nhạc giao hưởng như thường nói trong hiện thời, đều thuộc loại này. Đức Phật cho biết [niềm vui do xem nghe những thứ âm nhạc, ca vũ ấy] đều chẳng phải là chân lạc. Chúng ta biết rất nhiều kẻ trong thế gian mê đắm thứ này, mê khiêu vũ, mê ca hát, mê hí kịch, mê tuồng tích. Lãng phí thời gian suốt cả một đời trong những thứ ấy, chẳng thành tựu điều gì! Vì thế, nêu ra thí dụ này, trong ấy có nhân và quả. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1495

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một. Chúng ta xem tiếp lời Sớ của Thanh Lương đại sư từ phần trước, tức phần Biệt Khai Nghĩa Loại (別開義類, phân loại theo từng nghĩa lý riêng biệt). Phần này có “*tam sự*” (ba sự),

thứ nhất là “*nguyện sở y sự*” (sự để nguyện nương vào [mà phát khởi]), thứ hai là “*nguyện sở vi cảnh*” (cảnh để thực hiện nguyện). Trong phần trước, tôi đã nói về “*nguyện sở vi cảnh*”, hôm nay, chúng ta xem tiếp đoạn văn ấy.

(Sớ) Nhị, nguyện sở vi cảnh, kỳ nhất nhất nguyện, tận cai pháp giới nhất thiết hữu tình, bất đồng Quyền Tiểu, đàm hữu tàng vô cố. Hựu nguyện tức hạnh, thành hồi hướng cố, nhất nhất giai thành sở hành thanh tịnh thiện nghiệp hạnh cố, như vân “tri gia tánh Không”, tất Bồ Tát chi tâm, tất nghệ Không hỷ.

(疏)二願所為境，其一一願，盡該法界一切有情，不同權小，談有藏無故，又願即行，成迴向故，一一皆成所行清淨善業行故，如云知家性空，則菩薩之心，必詣空矣。

(Sớ: Hai là “cảnh để thực hiện nguyện”. Mỗi một nguyện đều bao trùm trọn vẹn hết thảy hữu tình trong pháp giới, chẳng giống như Quyền Giáo, Tiểu Thừa, tuy nói là có, vẫn ẩn chứa cái không. Lại nữa, nguyện chính là hạnh, vì thành tựu hồi hướng, nên mỗi một [nguyện] đều thành tựu thiện nghiệp hạnh thanh tịnh đã hành. Như nói “biết nhà tánh Không” chính là tâm của Bồ Tát ắt hướng đến Không vậy).

Đoạn khai thị này do Thanh Lương đại sư nói ra. “*Nguyện sở vi cảnh*” (Cảnh để thực hiện nguyện) có nghĩa phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện, cảnh giới của mỗi nguyện đều là trọn khắp pháp giới hư không giới. Từ chỗ này, chúng ta mới biết: Vì sao đức Phật phải nói “*Bồ Tát chẳng tu hạnh Phổ Hiền, không thể viên thành Phật đạo*”? Từ chỗ này, chúng ta bèn hiểu rõ. Phổ Hiền Hạnh và Đại Thừa Bồ Tát hạnh khác nhau ở chỗ nào? Ở chỗ tâm lượng khác nhau! Đại Thừa Bồ Tát vẫn chẳng có tâm lượng to ngàn ấy, tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, hết thảy cảnh duyên, khởi tâm động niệm đều vì hết thảy chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới, đây là cảnh giới để Ngài duyên vào. Tâm lượng ấy bằng với hư không pháp giới, do tự tánh viên mãn lưu lộ. Chỗ này hết sức đáng cho chúng ta học tập theo. Chúng ta phải mở rộng tâm lượng, thật sự có thể lìa hết thảy khổ, được hết thảy vui. Hết thảy nỗi khổ thế gian và xuất thế gian đều là do tâm lượng quá nhỏ, phải mở rộng tâm lượng. Vì thế, chẳng giống với Quyền Giáo và Tiểu Thừa, “*đàm hữu tàng vô*” (tuy nói là có, vẫn ẩn chứa cái không)⁹, nói chung là chẳng thể trọn khắp pháp giới, hư không giới!

Tiếp đó, [đại sư] lại nói: Nguyên chính là hạnh, hạnh chính là nguyện, nên thành tựu hồi hướng. Đối với hồi hướng, trong phần trước đã có nói hồi hướng ba chỗ. [Thứ nhất là] mỗi nguyện, mỗi hạnh đều thành tựu *“hồi hướng Thật Tế”*. Thật Tế (實際) là tự tánh, là Pháp Tánh. Nói cách khác, tương ứng viên mãn với Pháp Tánh. Pháp Tánh là gì? Chớ nên không biết điều này. Hễ biết, quý vị sẽ kiến tánh, sẽ thành Phật. Chớ nên không biết, nhưng chúng ta cũng rất khó hiểu rõ. Bậc Bồ Tát kiến tánh có thể liễu giải, chứ chúng ta chưa kiến tánh, chỉ có một khái niệm mơ hồ. Nhưng nó có một nguyên tắc mà chúng ta có thể lãnh hội, đó là *“thuần tịnh, thuần thiện, lià hết thủy tướng”*. Lià hết thủy tướng, chúng ta nắm giữ một cương lĩnh, *“lià vọng tướng, phân biệt, chấp trước”* là được rồi. Trong ấy, chắc chắn chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng có khởi tâm động niệm. Đây là tương ứng với tự tánh.

Thứ hai là *“hồi hướng Bồ Đề”*, điều này dễ hiểu hơn! Chúng ta tu học nhằm cầu điều gì? Cầu trí huệ. Bồ Đề là trí huệ, triệt để giác ngộ, cầu điều này. Quyết định chẳng phải là cầu phú quý trong đường trời, người, chẳng phải là cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng phải cầu phước báo trong đường trời người, phải biết điều này! Vì sao? Những thứ đó là giả, chẳng thật. Kinh Bát Nhã đã nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, nhất định phải hiểu rõ điều này. Đức Phật dạy chúng ta cầu cái chân thật, chẳng cầu cái giả. *“Chân”* là vĩnh hằng bất biến, cầu trí huệ! Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ do cái tâm thanh tịnh mà có. Quý vị thấy kinh Kim Cang đã dạy rất hay: *“Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng”*. Tâm chúng ta thanh tịnh đến một mức độ nhất định, trí huệ Thật Tướng sẽ hiện tiền.

Trí huệ Thật Tướng khởi tác dụng là *“không gì chẳng biết”*. Nói cách khác, bất cứ vấn đề gì cũng đều chẳng có! Nếu chúng sanh trong chín pháp giới đều nêu ra câu hỏi, quý vị có thể nhất nhất giải quyết giúp họ được. Đây là trí huệ. Điều chúng ta mong cầu, dùng một câu trong kinh Phật để diễn tả, sẽ là *“A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”*. Mục tiêu mong cầu của chúng ta là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Câu nói ấy có ba cấp bậc, đầu tiên là mong cầu Chánh Giác. Chánh Giác do đâu mà có? Trong kinh luận, đức Phật đã nói rất rõ ràng, đã dạy rất nhiều, lại còn lặp đi lặp lại chẳng ngừng, từ bi đến mức tột cùng! Thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, nhất định là phải buông xuống hết thủy các chấp trước đối với các pháp thế gian và xuất thế gian. Phải hiểu chấp trước là Kiến Tư phiền não! Buông xuống hết thủy chấp trước, Chánh Giác sẽ hiện tiền.

Phải biết: Hết thấy chúng sanh vốn có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là như Tam Tự Kinh đã nói: *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (Con người thoát đầu tánh vốn lành), bản tánh của chúng ta vốn lành. *“Thiện”* là gì? Trong thiện có vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo. Thiện! Vốn là thiện! Hết thấy chúng sanh bình đẳng, chẳng sai biệt mảy may! *“Thiện”* của chúng ta đã đi đâu rồi? Thiện của chúng ta bị phiền não chướng ngại; vì thế, nó chẳng thể hiện tiền. Chướng ngại đầu tiên là chấp trước. Chỉ cần quý vị có chấp trước, bất luận đối với pháp nào, đối với chuyện nào, chỉ cần có chấp trước, trí huệ sẽ chẳng thể hiện tiền, Chánh Giác sẽ chẳng thể hiện tiền! Buông xuống chấp trước, Chánh Giác hiện tiền. Đấy chẳng phải là trí huệ viên mãn, mà là một phần của nó lưu xuất.

Nếu công phu tăng cao hơn, phân biệt đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian cũng đoạn hết, chẳng phân biệt, trí huệ lại thấu lộ thêm một tầng nữa, được gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Cuối cùng, khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Chẳng khởi tâm, không động niệm đối với hết thấy các pháp, sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật dạy chúng ta chân tướng sự thật, lại dạy chúng ta phương pháp tu hành chứng quả của Ngài. Phương pháp chẳng có gì khác, buông xuống mà thôi! Buông xuống rất quan trọng, buông xuống là công phu thật sự. Đức Phật đã triệt để buông xuống, chúng ta phải hiểu điều này, phải nghiêm túc nỗ lực học tập. Hễ buông xuống, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ hiện tiền, hiện tiền viên mãn. Khi ấy, sẽ giống như chư Phật Như Lai, quý vị sẽ nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*. Vì thế, hồi hướng Bồ Đề là tự lợi.

Thứ ba, *“hồi hướng chúng sanh”* chính là lợi tha. Hôm trước, khi trò chuyện trong nội bộ các đồng tu, chúng tôi cũng có đề cập, con người đến thế gian này để làm gì vậy? Đức Phật đã trả lời, có hai chuyện:

1) Kẻ bình phàm đến thế gian này để *“thù nghiệp”* (đền trả nghiệp). *“Nhân sanh thù nghiệp”* (Đời người nhằm đền trả nghiệp), *“thù”* (酬) là đền trả, *“nghiệp”* (業) là nghiệp nhân do quý vị đã tạo trong quá khứ. Trong đời quá khứ, quý vị tạo thiện nghiệp, đời này quý vị đến hưởng phước, quý vị đến đây để làm gì? Đến hưởng phước. Nếu trong quá khứ đã tạo ác nghiệp, bất thiện nghiệp, quý vị đến nhân gian để làm gì? Đến chịu quả báo. Nghiệp nhân quả báo chẳng sai suyển mảy may. Nếu quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật này, trong đời này, bất luận quý vị sống cuộc đời như thế nào, sẽ chẳng còn oán trời,

chẳng còn hờn người. Chẳng oán trời, chẳng hờn người, thật thà an phận giữ mình, đó là đúng! Đến [lãnh nhận cái quả] hòng tiêu trừ nghiệp báo! Nghiệp có thiện, ác, quả có khổ, lạc. Đây là những kẻ bình phàm!

2) Một loại khác là Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này để thị hiện, các Ngài làm gì? Chính là như trong loại hồi hướng thứ ba mà chúng tôi đã nói! Hồi hướng chúng sanh. Hồi hướng chúng sanh thì chẳng thể nói suông, phải có hành động thực tế! Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ có ứng. Phật, Bồ Tát đến thị hiện trong thế gian này, cảm ứng đạo giao. Các Ngài đến để làm gì? Các Ngài đến giáo hóa chúng sanh. Như thuở ấy Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ chính là để nêu gương cho chúng ta thấy. Ba mươi tuổi thành đạo, thành đạo là gì? Vào lúc ba mươi tuổi, Ngài mới triệt để buông xuống, như chúng tôi vừa mới nói, chẳng còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, chẳng còn khởi tâm động niệm đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, triệt để buông xuống; chân tâm, tự tánh hiện tiền viên mãn. *"Hiện tiền viên mãn"* là hiển thị vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo.

Đại khái là đối với trí huệ và tài nghệ, chẳng có vấn đề gì. Vì sao? Chúng ta thấy đức Phật đã dạy kinh điển nhiều ngàn ấy, đức Phật thật sự có trí huệ và tài nghệ. Tướng hảo là phước báo! Như Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời sống bằng cách khổ thực, giữa trưa ăn một bữa, nghỉ đêm dưới cội cây. Người hiện thời thấy [cuộc sống ấy] khổ sở chẳng thể nói nổi, há có phước báo ư? Quý vị chú tâm quan sát, sẽ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật có ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, phước báo được tỏ lộ qua tướng mạo. Lại quan sát cẩn thận, thuở ấy, những vị quốc vương, đại thần, long thiên thiên thần, chúng sanh trong chín pháp giới quy y thọ giáo [với đức Phật], quý vị nói xem, đây có phải là phước báo hay không? Đúng vậy! Quý vị hãy nhìn kỹ từ chỗ này!

Bọn phàm phu chúng ta chẳng thấy Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng đôi khi đức Thế Tôn cũng hiện ra, dùng thần lực của Ngài để hiển hiện cho mọi người thấy. Có một đôi lần, mọi người hoài nghi báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, núi, sông, đại địa đột nhiên nẩy sanh biến hóa, giống hệt như thế giới Cực Lạc. Phật và Pháp Thân Bồ Tát, trên thực tế, trụ trong Tịnh Độ, nhưng bọn phàm phu chúng ta trụ trong uế độ. Giống như hiện thời chúng ta xem TV, hai băng tần khác nhau, chúng ta chẳng có cách nào xem hai băng tần khác nhau cùng một lúc, nhưng Phật và Pháp Thân Bồ Tát đã đột phá toàn bộ các giới hạn băng tần; vì thế, chỗ các Ngài trụ được gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới trọn đủ vô lượng

vô biên pháp giới, chẳng có chướng ngại. Điều này chính là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*” được nói trong phần cuối kinh Hoa Nghiêm. Nói cách khác, cảnh giới giải thoát là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Thật vậy, “*chẳng thể nghĩ bàn*” là không khởi tâm, chẳng động niệm, đã đột phá. Các chiều không gian như các nhà khoa học đã nói là có thật, chẳng phải là không có!

Phật pháp chẳng nói “các chiều không gian”, mà nói là “pháp giới”, nói đến mười pháp giới, nói đến vô lượng vô biên pháp giới. “Pháp giới” như nhà Phật đã nói và “các chiều không gian” như các nhà khoa học đã nói là cùng một chuyện! Đức Phật biết các chiều không gian do đâu mà có; chỉ cần quý vị buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có các chiều không gian nữa! Chúng chẳng phải là thật. Vì thế, chúng ta mới hiểu chiều không gian biến hiện từ vọng tưởng, phân biệt, và chấp trước của chúng sanh. Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng sẽ chẳng có! Vì thế, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là đã vạy vẹo Nhất Chân. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nhiều lần thưa trình chuyện này, vạy vẹo đấy nhé! Giống như nước phản chiếu cảnh giới. Trong kinh, đức Phật thường dùng nước để tỷ dụ cái tâm, [kinh dùng chữ] “*tâm thủy*”. Khi tâm thủy thanh tịnh, giống như nước trong hồ, một chiếc hồ nhỏ, khi gió yên sóng lặng, nước giống như một tấm gương, chiếu soi cảnh sắc bên ngoài rành mạch, đẹp đẽ khôn xiết! Nhưng nếu nước gợn sóng, gió thổi khiến sóng cuộn lên, cảnh sắc núi non chiếu sáng ngời trong hồ bị vỡ nát. Sóng càng lớn, hình ảnh [phản chiếu] càng mơ hồ!

Do vậy có thể biết, từ Pháp Thân Bồ Tát trở lên, [tức là] từ Sơ Trụ trở lên, tâm vĩnh viễn là bình lặng, an tĩnh; vì trong cảnh giới, Ngài sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là mười pháp giới, bốn thánh pháp giới trong mười pháp giới, chúng ta thường nói là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, các Ngài vẫn khởi tâm động niệm, nhưng các Ngài chẳng có phân biệt, chấp trước, [chỉ] có khởi tâm động niệm. Thoát khỏi mười pháp giới, khẳng định là chẳng khởi tâm, không động niệm. Nếu khởi tâm động niệm, các Ngài sẽ chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Vì sao? Mười pháp giới do chính mình biến hiện. Hễ khởi tâm động niệm thì có [mười pháp giới]; chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ chẳng có.

Vì thế, hồi hướng chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật nhất định sẽ có ứng. Trong ấy có duyên, duyên rất trọng yếu; vì thế, Phật pháp thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Nói như vậy, dường như là tâm từ bi của Phật chẳng viên mãn, vì sao? Không có duyên, Ngài sẽ

chẳng độ! [Thật ra], không có duyên, Phật vẫn độ. Nói *“Phật chẳng độ chúng sanh vô duyên”*, quý vị phải liễu giải ý nghĩa thật sự của câu nói ấy. Duyên của chúng sanh ấy còn chưa trọn đủ, Phật sẽ chẳng thể giúp được! Ví như kẻ ấy vẫn chẳng buông xuống chấp trước, đối với người ấy, đức Phật chẳng làm sao được cả! Ngài có dạy người ấy hay không? Có chứ! Chỉ cần người ấy có thiện căn, *“thiện căn”* có nghĩa là người ấy có thể tin, có thể hiểu. Kẻ có thể tin, có thể hiểu, Phật nhất định sẽ dạy kẻ ấy. Khi nào người ấy thật sự đoạn hết chấp trước, đó là gì? Duyên đã chín muồi! Duyên A La Hán đã chín muồi, đức Phật nhất định sẽ giúp người ấy chứng quả A La Hán. Đó là *“độ”* người ấy, duyên đã chín muồi rồi! Quý vị hoàn toàn chẳng buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp, đức Phật chẳng có cách nào giúp quý vị thành quả A La Hán. Đó gọi là *“chẳng độ kẻ vô duyên”*. Nếu chúng sanh ấy không chỉ buông xuống chấp trước, mà phân biệt cũng buông xuống, đó là duyên Bồ Tát đã chín muồi, đức Phật nhất định sẽ giúp người ấy thành Bồ Tát. Vị Bồ Tát ấy là Quyền Giáo Bồ Tát, trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy từ ngữ *“Quyền Tiểu”*, *“Tiểu”* là A La Hán, *“Quyền”* là Bồ Tát, Quyền Tiểu Bồ Tát. Nếu trong hết thảy các pháp, người ấy thật sự không khởi tâm, chẳng động niệm, cái duyên thành Phật của người ấy đã chín muồi, nhất định phải giúp người ấy vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới là thành Phật.

Trong phần trước, tôi đã có nói, các đồng học phải chú tâm lãnh hội, [vì những điều ấy] rất khó giảng. Có chú tâm lãnh hội thì quý vị mới có thể dần dần hiểu rõ, đấy chính là Sơ Trụ Bồ Tát được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Từ Sơ Trụ cho đến quả vị rốt ráo, tổng cộng là bốn mươi hai địa vị, những người thuộc bốn mươi hai địa vị đều chẳng khởi tâm, không động niệm đối với hết thảy các cảnh giới. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Vì thế, cảnh giới ấy là pháp giới bình đẳng. Nhất Chân pháp giới là pháp giới bình đẳng. Đã là bình đẳng, vì sao còn nói bốn mươi hai tầng cấp? Phải hiểu điều này: Thật sự bình đẳng, nhưng tập khí vô thỉ vô minh chẳng đoạn. Do nói theo tập khí vô thỉ vô minh, cho nên nói “còn có bốn mươi hai đẳng cấp”. Chẳng dễ hiểu! Vì thế, trong lần trước, nói về chuyện này, tôi đã dùng bình rượu để tỷ dụ.

Chúng tôi không nói nhiều, chúng tôi dùng ba bình rượu để tỷ dụ. Ba bình rượu ấy đều đã đổ hết sạch rượu, xác thực là chẳng có [rượu trong ấy], bên trong đã lau chùi sạch sẽ, nhưng ngửi thì vẫn còn có mùi rượu! Bình thứ nhất, chẳng hạn như tôi đã đổ hết rượu từ hai tuần

trước, mở nắp bình, ngửi xem thì thấy có mùi. Cái bình thứ hai mở nắp từ tuần trước, cũng lau chùi sạch sẽ. Bình thứ ba đổ hết rượu ngày hôm nay, chẳng còn chút rượu nào, sạch sành sanh. Ngửi thử xem, cả ba bình đều có mùi rượu, nhưng mùi rượu của từng bình đậm nhạt khác nhau! Cái bình vừa mới đổ hết rượu hôm nay, hơi rượu rất nồng. Ngửi cái bình [đổ hết rượu] một tuần trước, [hơi rượu] nhẹ hơn. Cái bình đổ [hết rượu] từ hai tuần trước, [hơi rượu] càng nhẹ hơn nữa. Quý vị suy nghĩ thí dụ này, sẽ lãnh hội ý nghĩa của bốn mươi hai tầng cấp, thấy đều là sạch sành sanh, chẳng nhiễm mảy trần, nhưng hương vị nồng hay nhẹ khác nhau. Đức Phật chia sự nồng hay nhẹ ấy thành bốn mươi hai tầng cấp, gọi là *“bốn mươi hai địa vị Pháp Thân đại sĩ”*. Đối với bốn mươi hai tầng cấp, quý vị nhìn từ hình tướng, chắc chắn sẽ chẳng nhìn ra, hoàn toàn giống hệt như nhau!

Khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên là chẳng có phân biệt, chấp trước, đấy là đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, có trước sau! Đến khi nào giống như bình rượu, ngửi thử thì thấy hoàn toàn chẳng có mùi gì nữa! Có thể là phải đến hai, ba tháng, chẳng cần phải dùng sức, cứ để cho nó [phai nhạt] tự nhiên. Vì thế, đức Phật dạy: Để tập khí vô thỉ vô minh hoàn toàn chẳng còn, cần tốn thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Nhà Phật nói *“thành đạo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp”* là nói về chuyện này, chẳng phải là nói về chuyện tu hành bình phàm, mà là bắt đầu từ ngày phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cũng là như tôi vừa mới nói: Đoạn trừ khởi tâm động niệm đối với hết thấy các pháp, chẳng còn khởi tâm động niệm. Kể từ ngày hôm ấy, giống như cái bình đổ sạch rượu, lau chùi sạch sẽ, bắt đầu từ lúc ấy. Khi nào nó sẽ chẳng còn hơi hương nữa? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là tự nhiên [đoạn hết tập khí], chẳng tốn một tí công sức nào, trong giáo pháp Đại Thừa gọi [chuyện này] là *“vô công dụng đạo”*. Nếu quý vị muốn dùng một tí sức, chẳng phải là quý vị lại động tâm, lại khởi tâm động niệm đó sao? Vì thế, gọi là *“vô công dụng đạo”*, tự nhiên!

Trong thời gian dài như thế, vị [Pháp Thân Bồ Tát] ấy làm gì? Nói thật ra, [chính là] hồi hướng! Những việc Pháp Thân Bồ Tát đã làm đều nhằm nêu gương cho chúng sanh, giáo hóa bằng ba nghiệp thân, ngữ, ý! Trong kinh, đức Phật chẳng nói là “giáo hóa bằng ba nghiệp”, mà nói là *“tam luân giáo hóa”*, vì các Ngài chẳng còn tạo nghiệp. *“Luân”* (輪) là chữ Luân trong pháp luân (法輪). Tam luân là thân, ngữ, ý, vĩnh viễn chẳng

bị gián đoạn. Chúng sanh ở nơi nào hữu duyên, hữu duyên là có tín tâm đối với Ngài, Ngài sẽ đến giúp kẻ ấy. Vì thế, xưa kia, khi chúng tôi mới học Phật, thầy thường dạy chúng tôi phải kết pháp duyên với chúng sanh. Thầy dạy: “Nếu các con chẳng kết pháp duyên, trong tương lai, khi thành Phật, chúng sanh chẳng tin tưởng các con. Các con sẽ chẳng có cách nào độ chúng sanh được! Có vị Phật kết duyên rộng rãi, độ chúng sanh đông đảo, giáo hóa nhiều. Có những vị Phật pháp duyên chẳng thù thắng như vậy, độ chúng sanh ít ỏi!” Quý vị thấy giữa Di Lặc Bồ Tát và Thích Ca Mâu Ni Phật, pháp duyên chẳng giống nhau. Pháp duyên của Thích Ca Mâu Ni Phật thù thắng hơn Di Lặc Bồ Tát.

Do vậy, chúng ta biết: Trong chư Phật Như Lai, vị kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh thù thắng nhất chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật kết duyên viên mãn khắp pháp giới, hư không giới, có thể nói là “*chẳng sót một chúng sanh nào*”. Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta như vậy, chúng ta nhất định phải khởi thiện tâm đối với hết thảy chúng sanh, điều này quan trọng lắm! Chớ nên có lòng ghét bỏ, chớ nên có kẻ “ta không ưa, ta chán ghét”. Chớ nên có những điều ấy! Ý niệm ấy khiến cho [bản thân ta] chẳng có duyên với chúng sanh. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Kết hoan hỷ duyên*”. Trong hoan hỷ, chẳng có tham, sân, si; sự hoan hỷ ấy được gọi là Pháp Hỷ. Có tham, sân, si, có tình cảm trong ấy, sai mất rồi! Cái duyên ấy sẽ biến thành lục đạo, sanh sanh tử tử cùng nhau làm quyến thuộc. Chuyện này rất phiền phức, đúng là có thể kéo dài nhiều kiếp số, dây dưa mãi chẳng xong, rất phiền toái!

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta phải dùng trí huệ, biến tình thành trí, lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tình sẽ chuyển biến thành trí. Tình và trí là một Thể, hai thứ tác dụng, [tức là] hai khía cạnh của một Thể. Chúng ta là phàm phu, thật sự biến trí huệ trong tự tánh thành cảm tình, cảm tình là phiền não. Người tu hành chứng quả, lại chuyển biến phiền não thành trí huệ, tức là chuyển biến cảm tình và phiền não thành trí huệ, chuyển thức thành trí! Khi chúng tôi mới học Phật, nghe đoạn khai thị này trong kinh Phật, nghĩ đến khi ấy bản thân chúng tôi tự cho mình là thành phần trí thức, dường như có thể diện lắm, đáng để kiêu ngạo. Sau khi nghe đoạn khai thị này, mới hoảng nhiên đại ngộ: Tri thức là sai mất rồi, chúng ta đã biến cái Tri (biết) thành Thức, đấy là phàm phu. Phải nên làm như thế nào? Chuyển trở lại, chuyển Thức thành Trí. Đấy chính là Pháp Thân Bồ Tát.

Vì thế, đối với hồi hướng, loại hồi hướng thứ ba là hồi hướng chúng sanh. Phải phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh, thành tựu hết

thấy chúng sanh. Do vậy, tôi nói đây là hạng người thứ hai, hạng người thứ hai chính là bậc thừa nguyện tái lai. Nói theo kiểu hiện thời, hạng người thứ hai vì nhân dân mà phục vụ. Vì nhân dân mà phục vụ thì chính là Bồ Tát! Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian, vì chúng sanh giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, vì chúng sanh phục vụ! Phạm vi “*vì chúng sanh*” to lớn, phạm vi “*vì nhân dân*” nhỏ bé. “*Vì nhân dân*” thì trong mười pháp giới chỉ có nhân pháp giới, những pháp giới khác đều chẳng có phần! “*Vì chúng sanh*” thì mười pháp giới thấy đều bao gồm, quý vị nói điều này có to lớn hay không? To lớn đến mức chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó, [Thanh Lương đại sư] nói: “*Nhất nhất giai thành sở hành thanh tịnh thiện nghiệp hạnh cố*” (Mỗi mỗi đều thành tựu nghiệp hạnh tốt lành, thanh tịnh đã hành), thiện nghiệp thanh tịnh! Hai chữ “*thanh tịnh*” rất quan trọng! “*Thanh tịnh*” là lừa tướng. “*Thiện nghiệp*” là hành vi có ích cho hết thấy chúng sanh. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quyết định sẽ hữu ích cho hết thấy chúng sanh. “*Hữu ích*” là không chấp tướng, tức là như tôi vừa mới nói, Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là “*thanh tịnh*”. Khởi tâm động niệm sẽ chẳng thanh tịnh; phân biệt, chấp trước sẽ còn tệ hơn nữa!

Tiếp đó, [đại sư] trích dẫn kinh văn trong phần sau để giảng giải, “*như vân tri gia tánh Không, tất Bồ Tát chi tâm, tất nghệ không hỹ*” (như nói “biết nhà tánh Không”, tâm Bồ Tát ắt đều hướng đến Không). “*Tri gia tánh Không*” là bài kệ thứ nhất trong phần kệ tụng [của phẩm Tịnh Hạnh]. Bồ Tát biết tánh của nhà là Không, Ngài có còn chấp trước nhà nữa hay không? Có còn phân biệt hay không? Có còn khởi tâm động niệm hay không? Hoàn toàn chẳng có! Vậy thì có còn cần cái nhà ấy hay không? Nhà vẫn cần, nhất định sẽ là có thể khiến cho gia đình viên mãn hơn bất cứ nhà nào, thật sự làm được “*gia hòa, vạn sự hưng*”. Vì sao? Nêu gương, làm khuôn phép cho hết thấy chúng sanh. Chẳng phải là nói “*biết nhà tánh Không*” bèn chẳng cần [gia đình] nữa! Hễ không cần, quý vị đã chấp Không. Vì sao? Không hay Có thì quý vị đều còn có chướng ngại. Chẳng có chướng ngại, quý vị mới có thể thật sự giúp đỡ và lợi ích người khác.

Vì lẽ ấy, tại Trung Hoa, đối với cổ thánh tiên hiền, sau khi chúng tôi học Phật, [đã suy nghĩ]: “Nói theo Lý, cổ thánh tiên hiền có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay không? Những vị như Văn Vương, Vũ Vương, Châu Công, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Khổng, Mạnh, Lão, Trang, có phải là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay không?” Tôi đã từng thảo luận vấn đề này với

thầy Lý, thầy Lý bảo: “Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng nơi Sự thì chẳng có chứng cứ”. Đúng thế! Nói theo Lý thì thông suốt, nơi Sự chẳng có chứng cứ, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Có phải là như thế hay không? Rất có thể là như vậy. Căn cơ ở Trung Hoa xác thực là chẳng bằng Ấn Độ! Người Ấn Độ có trình độ giác ngộ cao hơn Trung Hoa, người Hoa còn chưa đạt đến mức độ ấy. Vì thế, tại Trung Hoa, [cổ thánh tiên hiền] đặc biệt nhấn mạnh luân lý, đạo đức. Những vị đại thánh nhân dùng luân lý đạo đức để giáo hóa chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh sống cuộc đời thật sự hạnh phúc mỹ mãn, an hòa, lợi lạc trong hiện tiền. Đấy chính là Bồ Tát đạo! Sau đó mới dần dần bồi dưỡng căn tánh của họ, giúp họ tăng tấn cao hơn. Tâm từ bi được biểu hiện tại chỗ này, có thể thấy được từ chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật lại còn biểu hiện rất tuyệt, trong kinh luận Đại, Tiểu Thừa, quý vị thấy Ngài dạy con người hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Hai câu đầu trong Tịnh Nghiệp Tam Phước đã dạy như thế đó!

Nếu quý vị đọc kỹ càng giới luật, [sẽ thấy] cảnh giới trong mỗi điều giới luật đều chẳng thể nghĩ bàn! Giới luật như nhau. Ví như Ngũ Giới, Thập Thiện, mọi người đều biết, nhưng cảnh giới của mỗi người chẳng giống nhau. Đối với người tu Phổ Hiền Hạnh thì cảnh giới Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ đều là khắp pháp giới, hư không giới; Phổ Hiền Bồ Tát tu tập chẳng hề rời khỏi [những điều ấy]. Đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn tu những điều ấy, nhưng cảnh giới khác hẳn, quá sâu, quá rộng, rộng thì chúng ta có thể lý giải, chứ sâu thì chẳng thể lý giải, không có cách nào tưởng tượng được! Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy: Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, thế giới có vi trần, vi trần tụ tập mới thành thế giới. Trong vi trần có thế giới, ai có thể vào đó? Phổ Hiền Bồ Tát. Thế giới chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, nói rõ chuyện gì? Lớn và nhỏ chẳng hai, vì sao? Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ; vì thế, gọi là Nhất Chân. Hễ có lớn và nhỏ thì lớn và nhỏ là hai pháp, lớn và nhỏ đối lập. Chẳng có đối lập!

Huệ Năng đại sư hiểu rõ, Ngài đắc pháp lúc hai mươi bốn tuổi, Ngài hiểu rõ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có đối lập. Vì thế, Ngài đến Quảng Châu, ẩn náu trong đoàn thợ săn mười lăm năm, suy nghĩ thấy cái duyên hồng pháp đã chín muồi, bèn lìa khỏi đoàn thợ săn đến Quảng Châu, nay là chùa Quang Hiếu. Gặp đúng lúc pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh, Ngài đến nghe, xen lẫn trong thính chúng. Trong thính chúng, có hai người dấy lên tranh luận, vì ở ngoài giảng đường, tức là bên ngoài đại điện có treo lá phan. Gió thổi lá phan, lùa qua lá phan

khiến cho phan bị lay động. Có kẻ nói “lá phan bị động”, kẻ kia phản bác “chẳng phải là lá phan động, mà là gió động”. Hai người tranh cãi với nhau, chẳng ai chịu nhường ai! Ngài ở giữa, nói chen vào một câu: “*Thưa nhân giả!*”, “*nhân giả*” (仁者) là tiếng để tôn xưng người khác, rất khách sáo, rất khiêm hư, “*chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động, mà là cái tâm của nhân giả động!*”. Sau khi Ngài thốt ra câu ấy, khiến cho mọi người đều cảm thấy kinh ngạc. Sau khi giảng kinh xong, sư Ấn Tông bèn gặp Ngài. Sau đấy, Ngài mới bộc lộ thân phận, Sư biết Ngài là vị Tổ đời thứ sáu.

Tâm động! Chỉ cần tâm chẳng động, vạn pháp sẽ bất động. Vì thế, đúng là “*cảnh chuyển theo tâm, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Sau khi Bồ Tát thật sự giác ngộ, tâm Ngài như như, nhưng Ngài chẳng trở ngại quý vị động. Động và tĩnh chẳng hai; chúng ta động, Phật, Bồ Tát bất động. Chúng ta động mà có thể phù hợp quy luật, đấy là thiện. Chệch khỏi quy luật, sẽ có tội lỗi, sẽ mắc tai nạn. Thuận theo Pháp Tánh, sẽ tốt đẹp; trái nghịch Pháp Tánh, sẽ [vướng phải] những cái được gọi là “*thiên tai, nhân họa*”. Trái nghịch Pháp Tánh, trái nghịch quy luật thiên nhiên, đấy là sai lầm. Vì thế, Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, giúp đỡ những kẻ chệch khỏi trật tự, dạy họ làm như thế nào để quay về, nhất định phải tuân theo quy tắc tự nhiên, chẳng còn chệch khỏi trật tự nữa. Người có đạo làm người, trời có đạo làm trời, súc sanh có đạo súc sanh. Vì thế, mười pháp giới được gọi là “*thập đạo*”. Quý có quý đạo, địa ngục có địa ngục đạo. Có chánh đạo thì quý vị mới có thể có ngày ngoi đầu ra được. Nếu quý vị đi vào tà đạo, sẽ phiền toái lắm, quý vị mê càng sâu, càng làm càng sai!

Do vậy, mười pháp giới sanh từ tâm tưởng của chính mình. Hết thấy khổ lạc do nghiệp thiện ác của chính mình chiêu cảm. Còn như Phật, Bồ Tát đã hiểu rõ ràng, rành rẽ, giúp đỡ hết thấy chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ được vui. Vì thế, Bồ Tát thị hiện tại gia, thị hiện làm người, thị hiện [thân phận] tại gia, thị hiện theo đuổi đủ mọi sự nghiệp, đều nhằm nêu tấm gương tốt nhất, khuôn phép tốt nhất cho đại chúng trong xã hội. Có ý nghĩa như thế đó. Chúng ta phải hiểu! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp phần khai thị của Thanh Lương đại sư. Tiếp theo đó là phần thứ ba:

(Sớ) Tam, nguyện sở vi cảnh thành lợi ích trung, do nguyện ư tha thành chủng chủng đức, tự hoạch như tiền sở thuyết công đức.

(疏)三願所為境成利益中，由願於他成種種德，自獲如前所說功德。

(Sớ: Ba là trong những lợi ích được tạo thành từ các cảnh để thực hiện nguyện, do nguyện cho kẻ khác thành tựu các thứ đức giống như công đức mà chính mình đã đạt được như trong phần trước đã nói).

“*Như tiền sở thuyết công đức*” nghĩa là như đã nói trong phần kinh văn trước đó, [sẽ] “*năng hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (có thể đạt được hết thảy công đức thù thắng, nhiệm màu). Công đức thù thắng, nhiệm màu toàn là do các hạnh tự lợi và lợi tha mà đạt được. Tự lợi và lợi tha có ý nghĩa rất sâu. Lợi tha xác thực là các thứ công đức. Tự lợi là gì? Nói thật ra, tự lợi là do từ hạnh lợi tha mà thành tựu “chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước” nơi chính mình; đấy là tự lợi. Tự lợi là ly tướng! Ly tướng chẳng phải là điều gì cũng đều không làm! Điều gì cũng không làm, quý vị đã sai bét mất rồi, nhất định phải hiểu đạo lý này! “*Thành tựu chúng sanh*” tức là đối với hết thảy các pháp, “*tự lợi*” là lìa hết thảy tướng, nghĩa là [tuy thực hiện] vô lượng vô biên chuyện nhằm lợi ích hết thảy chúng sanh, nhưng chính mình chắc chắn là chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự lợi, chúng ta phải nên hiểu đạo lý này!

Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác, không vị nào chẳng phải là không khởi tâm, chẳng động niệm, tập khí vô minh dần dần tiêu trừ! Nếu các Ngài còn có khởi tâm động niệm, làm sao có thể tiêu hết những tập khí vô minh ấy cho được? Suốt ba đại A-tăng-kỳ kiếp, không khởi tâm, chẳng động niệm. Sau khi đã thành Phật, chẳng cần nói là sau khi đã thành Phật [rốt ráo], mà là sau khi đã chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ vĩnh viễn không khởi tâm động niệm. Hễ khởi tâm động niệm, không thoát khỏi mười pháp giới, vĩnh viễn chớ nên khởi tâm động niệm. Những lý sự này chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch, trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta có thể tu Phổ Hiền Hạnh hay không? Có thể. Vừa mở đầu [lời chú giải] kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã chỉ rõ mười loại đương cơ của kinh Hoa Nghiêm, loại cuối cùng là phàm phu. Phàm phu như thế nào sẽ có thể tu Phổ Hiền Hạnh ([có thể hiểu thô thiển, Phổ Hiền Hạnh được cụ thể hóa bằng]

phẩm Tịnh Hạnh mà nay chúng ta đang học)? Đại tâm phàm phu. Đại tâm là gì? Chính là như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Tâm bao thái hư, lượng châu pháp giới”*. Nếu nói minh bạch hơn một chút, [sẽ là] chẳng có cái tâm ích kỷ, chẳng có tâm tổn người lợi mình, người ấy có thể học theo Phổ Hiền Bồ Tát, tức là có thể tu Phổ Hiền Hạnh. Người ấy đối với hết thảy chúng sanh bình đẳng, bình đẳng tôn trọng, bình đẳng yêu kính, bình đẳng từ bi, bình đẳng lợi ích. Vì thế, thành tựu các thứ đức, đây là thật!

[Dẫu] thành tựu các thứ đức, người ấy có ý niệm *“thành tựu các thứ đức”* hay không? Thừa cùng quý vị, chẳng có! Quyết định là chẳng có! Nếu còn thật sự có *“thành tựu hết thảy công đức thù thắng, nhiệm mầu”* giống như kinh đã nói, người ấy sẽ là công đức gì cũng chẳng có! Vì sao? Người ấy chấp tướng, chẳng lìa khỏi vọng tướng, phân biệt, chấp trước, có công đức chi nữa? Chẳng lìa khỏi vọng tướng, phân biệt, chấp trước, người ấy thành tựu phước đức. Phải phân biệt rõ ràng phước đức và công đức; phước đức chỉ có thể thọ báo trong ba thiện đạo thuộc lục đạo. Nếu quý vị đã gieo khá nhiều phước đức, quý vị sẽ đến [ba thiện đạo để] hưởng phước, phải biết điều này!

Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời đã nêu gương cho chúng ta thấy! Suốt bốn mươi chín năm, dạy học hằng ngày, mỗi ngày giúp đỡ hết thảy chúng sanh giải quyết nghi nan tạp chứng, giải đáp các vấn đề. Ngày hôm qua là thứ Sáu, do ống dẫn nước trong tòa cao ốc này bị trục trặc, chúng tôi chẳng thể lên lớp, ngừng một hôm, đến trưa hôm nay họ mới sửa xong, xin mọi người thứ lỗi. Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người giải quyết vấn đề, bất cứ lúc nào cũng đều có người từ bốn phương tám hướng đến, [nêu ra các thứ] nghi nan tạp chứng xin lão nhân gia giúp đỡ. Từ trước đến nay, Ngài chưa hề cự tuyệt. Từ chỗ này, có thể thấy thân thể đức Phật khỏe mạnh, thể lực cường tráng, chẳng mệt, chẳng chán, tức là Ngài không mệt mỏi, mà cũng chẳng chán ngán. Ngài làm cho chúng ta thấy, đó là *“thành chứng chúng đức”* (thành tựu các thứ đức). Ngài có nghĩ thành tựu các thứ đức hay không? Chẳng có!

Xác thực là chúng ta có thể lãnh hội: Phật, Bồ Tát trụ thế bất luận bao nhiêu năm, bất luận dùng phương thức gì để giáo hóa chúng sanh, trước nay chưa hề khởi tâm động niệm. Nếu chúng ta hỏi: Các Ngài đã là không khởi tâm, chẳng động niệm, từ đâu mà có pháp để các Ngài nói? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tự tánh lưu lộ! Do lưu xuất như vậy, các Ngài chẳng cần chuẩn bị. Hiện thời, bọn phàm nhân chúng ta giảng kinh hay lên lớp đều phải chuẩn bị; các Ngài chẳng có, chẳng hề chuẩn bị,

toàn là do tự tánh lưu lộ. Nếu quý vị nhìn Ngài, sẽ thấy đúng là Ngài suốt ngày từ sáng đến tối ở trong Định. Khi chẳng có ai hỏi Ngài, đức Phật chẳng nói một câu nào. Phật tâm thanh tịnh, ngôn ngữ rất ít, những điều này đều là giáo dục, đều nhằm chỉ dạy. Vì thế, “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Đức Phật thường ở trong Định, chẳng có lúc nào không định), nói ít, chẳng lắm lời! Quý vị chẳng hỏi Ngài, Ngài chẳng ham nói. Quý vị hỏi Ngài, Ngài sẽ giải đáp. Sau khi giải đáp xong, lại trở vào Định. Ngay cả trong khi giải đáp, vẫn chẳng có khởi tâm động niệm, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, đấy mới gọi là “*thắng diệu công đức*”. Nếu chẳng độ chúng sanh, không giúp đỡ người khác, đối với hai chữ “*thắng diệu*”, Ngài chỉ có Diệu, chẳng có Thắng. Nói thật thà, nếu chẳng có Thắng, Diệu cũng chẳng có! Vì Tự và Tha là một Thể, chẳng tách rời! Có Thắng thì mới có Diệu, có Diệu thì mới có Thắng. Thắng và Diệu là hai mặt của một Thể. Phải nên thấu hiểu ý nghĩa này!

Tiếp đó, [đại sư] nói:

(Sớ) Nhiên hữu nhị nghĩa, nhất Thông, nhị Biệt. Thông tác tùy nhất nhất nguyện, thành thượng chư đức, tư vi chánh ý.

(疏)然有二義，一通，二別，通則隨一一願，成上諸德，斯為正意。

(Sớ: Nhưng có hai nghĩa, một là Thông, hai là Biệt. Thông là tùy theo mỗi một nguyện mà thành tựu các đức trên đây, đấy là ý nghĩa chánh yếu).

Một trăm bốn mươi một nguyện, triển khai ra sẽ là vô lượng hạnh nguyện của Phật, Bồ Tát. Chư vị thường nghe kinh Phật nói là “*pháp môn vô lượng*”, hạnh và nguyện cũng vô lượng! Một trăm bốn mươi một nguyện này là nói quy nạp. Nhằm thuận tiện nói năng trong dạy học, bèn quy nạp thành một trăm bốn mươi một [nguyện]. Vì sao là một trăm bốn mươi một? Trong phần trước đã có nói, [chuyện này] mang ý nghĩa biểu thị pháp. Do vậy, bất cứ nguyện nào cũng đều thành tựu công đức viên mãn thắng diệu. Vì sao? Chân tâm là viên mãn, tự tánh là viên mãn!

Giống như chúng ta đã học trong phần trước: Trong vi trần có thế giới, trong mỗi vi trần đều có thế giới. Chẳng phải là một hạt vi trần đặc thù nào! [Chẳng phải là] ở trong [hạt vi trần] ấy có thế giới, trong những vi trần khác chẳng có thế giới! Chẳng phải vậy! Mỗi vi trần [đều là như thế], chẳng có một [vi trần nào] là ngoại lệ. Bao nhiêu thế giới? Chẳng có cách nào tính toán! Huống hồ đối với mỗi thế giới trong vi trần, trong thế giới ấy lại có vô lượng vi trần, trong mỗi vi trần lại có thế giới, trùng

trùng vô tận! Nhà Phật nói sâu xa, rộng thì dễ biết, chứ sâu khó biết, rất khó lý giải, trùng trùng vô tận mà! Đối với những thế giới trong vi trần ấy, chúng ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có cách nào tưởng tượng. Như trong phần đầu của kinh Hoa Nghiêm, đối với những điều đã nói trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Trụ, mỗi vi trần đều trọn đủ viên mãn [những điều ấy], chẳng thiếu khuyết mảy may nào, trọn đủ viên mãn. Trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, chẳng có ngần mé! Vì thế, rộng sâu khó biết!

Chư Phật, Bồ Tát là như thế, đặc biệt là Pháp Thân Bồ Tát. Chúng sanh trong chín pháp giới có cảnh giới này hay không? Khẳng định là có! Sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ chúng ta không biết! Tuy có mà không biết; các Ngài có, biết rất rõ ràng. Đấy chẳng phải là chuyện giác hay mê ư? Các Ngài giác, chúng ta mê, chỉ có giác hay mê sai khác. Trừ điều này ra, chẳng có gì sai khác! Nhất Chân pháp giới là gì? Hoa Tạng là gì? Cực Lạc là gì? Chính là ở chỗ này! Nhưng chúng ta do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã biến nó thành nông nổi này! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước có năng lực to ngàn ấy ư? Có chứ! Xem báo cáo về thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bốn Thắng, sẽ hoảng nhiên đại ngộ! Khởi tâm động niệm của chúng ta vốn có tác dụng to tát như vậy! Quý vị thấy đó, dấy lên thiện niệm, nước kết tinh đẹp đẽ lắm! Dấy lên ác niệm, ngay lập tức, [kết tinh của nước] trở nên rất xấu xí.

Vì thế, cảnh giới bên ngoài, núi, sông, đại địa, có linh khí hay không? Phong Thủy tốt đẹp, nơi ấy bèn có linh khí. Linh khí là gì? Nơi nào có người thiện tâm, có người chánh tâm, người ấy ở chỗ nào, chỗ đó sẽ biến thành có linh khí, biến thành nơi tốt đẹp nhất. Nếu người sống ở nơi ấy là kẻ rất ác, rất hung hãn, hiếu sát, người khác đến nơi ấy sẽ nói nơi ấy có sát khí, sát khí khá nặng! Tâm địa hơi thanh tịnh đôi chút, người ấy sẽ cảm nhận điều này. Người Hoa gọi là Khí, người ngoại quốc nói là "*từ trường*", từ trường chỗ này rất ôn hòa, rất đẹp đẽ! Từ trường chỗ kia gây cho người ta cảm giác chẳng thoải mái. Trong và ngoài nước đều như nhau. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hãy khéo vun bồi thiện tâm và thiện ý của chính mình. Thiện tâm là tâm yêu thương, thiện ý là cảm ơn!

Kế đó là phần Biệt Hiển. Trong phần Biệt Hiển, đã nêu nhiều thí dụ, dường như là nêu ra mười một điều, tức là mười một đoạn. Điều thứ nhất...

(Sớ) Như nguyện ư tha đắc kiên cố thân, tâm vô sở khuất, tắc tự tất thành thập chủng tam nghiệp ly quá thành đức chi đức dã.

(疏)如願於他得堅固身，心無所屈，則自必成十種三業離過成德之德也。

(Sớ: Như nguyện cho người khác có thân kiên cố, tâm không thoái khuất, ắt sẽ thành tựu mười đức thuộc loại các phẩm đức do ba nghiệp lìa lỗi mà thành tựu đức hạnh vậy).

Đoạn kinh văn này hết sức hay! Quý vị thấy “*như nguyện ư tha*” [nghĩa là] hy vọng người khác, mong mỗi người khác có được tấm thân kiên cố. “*Kiên cố thân*” là thân Kim Cang Bất Hoại, nay chúng ta nói [cho dễ hiểu] là “*khỏe mạnh, sống lâu*”. Chính mình nhất định sẽ thành tựu mười thứ “*ba nghiệp lìa lỗi*”, đây chính là đoạn thứ nhất trong lời hỏi của Trí Thủ Bồ Tát, chính là điều được nói trong đoạn kinh văn thứ nhất. Ngài hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: “*Bồ Tát vân hà đắc vô quá thất thân, ngữ, ý? Vân hà đắc bất hại thân, ngữ, ý?*” (Bồ Tát làm thế nào để đắc thân, ngữ, ý chẳng làm lỗi? Bồ Tát làm thế nào để đắc thân, ngữ, ý bất hại?), mãi cho đến câu cuối cùng là câu thứ mười: “*Vân hà đắc trí vi tiên đạo thân, ngữ, ý?*” (Làm thế nào để được trí làm người dẫn đường cho thân, ngữ, ý?), mười câu ấy! Trong những phần trước, chúng tôi cũng đã thừa trình cận kê: Mười câu ấy chính là tự tánh đại viên mãn. Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có, nhưng đến khi tập khí vô thỉ vô minh đã đoạn hết, Ngài phóng quang bèn viên mãn. Tuy Sơ Trụ Bồ Tát đã chứng đắc, vẫn còn có tập khí. Tập khí ấy chính là tập khí vô minh, phải để cho nó tự dần dần biến mất. Ở đây, chẳng dùng sức, hoàn toàn là tự nhiên tiêu mất.

Vì thế, sau khi đã chứng đắc Pháp Thân, sẽ là hai chuyện: Một chuyện là thượng cầu Phật đạo. Hoàn toàn chẳng có cái tâm mong cầu, khẳng định là đến mười phương cúng dường chư Phật, nghe chư Phật Như Lai giảng kinh, thuyết pháp. Đây là gì? Làm Ảnh Hưởng Chúng cho hết thấy chúng sanh, khiến cho chúng ta thấy những bậc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ còn ngồi nghe kinh thính pháp do pháp sư giảng, khiến cho hết thấy chúng sanh mới học Phật cảm nhận: “Người thấy đó, họ còn ngồi nghe, chúng ta càng phải nghiêm túc, nỗ lực!” Có ý nghĩa ấy. Vì thế, [các vị thiện tri thức nghe pháp] có tác dụng xướng suất. Đây là công đức thẳng diệu!

Thứ hai, nhằm phục vụ hết thấy chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, [chư Phật, Bồ Tát] sẽ tự nhiên có ứng, chẳng hề có khởi tâm động niệm. Ngàn muôn phần chớ nên cho rằng: “*Chúng sanh có cảm, ta*

bèn ngay lập tức ứng". Bọn phàm phu chúng ta luôn khởi tâm động niệm, các Ngài chẳng có, tự nhiên! Chẳng có khởi tâm động niệm, làm sao có thể cảm ứng? Ông Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm với nước, đã viết báo cáo khoa học. Chúng ta khởi tâm động niệm, nước có cảm ứng. Nước có khởi tâm động niệm hay không? Chẳng có! Chẳng có khởi tâm động niệm, tự nhiên sẽ có cảm ứng. Vật chất còn như thế (đấy là khoáng vật), há Phật, Bồ Tát chẳng làm được hay sao? Phải hiểu đạo lý! Chúng ta lại còn phải học. Nghe nói "*phải học điều này*", mọi người nhất định sẽ nghĩ đến chuyện gì? Tham Thiền, nhập Định. Chẳng sai! Người niệm Phật, niệm Phật là Thiền, niệm Phật là Định. Nay quý vị chẳng có Thiền, cũng chẳng có Định, vấn đề là gì? Quý vị chẳng biết niệm! Trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã nói, đấy chẳng phải lời lẽ do những kẻ bình phàm nói ra, "*trì danh niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiền*". Chẳng phải do đức Phật nói ra, ai có thể tin tưởng? Đức Phật nói thì chúng ta mới tin tưởng, vô thượng thâm diệu Thiền đấy nhé!

Do vậy có thể biết, chúng ta hằng ngày niệm Phật mà chẳng biết niệm. Biết niệm thì sẽ niệm theo cách nào? Niệm cho hết chấp trước của chính mình! Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vừa mới có ý niệm chấp trước, chính mình nhận biết ngay, "*nhận biết*" chính là giác! Cổ đại đức thường nói: "*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*", nhất định là niệm sẽ dấy lên, phàm phu mà! Không khởi niệm, chẳng phải là đã thành Phật rồi ư? Phàm phu và Phật khác biệt ở chỗ này! Phật là trong hết thấy cảnh duyên, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, hiểu rõ ràng, rành mạch, quyết định chẳng có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước, đương nhiên là chẳng có, phải biết điều này. Bọn phàm phu chúng ta sáu căn tiếp xúc cảnh giới bèn khởi tâm động niệm, phải biết điều này. Năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, [có lúc] chẳng tiếp xúc, ban đêm nằm ngủ sẽ chẳng tiếp xúc, đang ngủ mà! Ý Căn vẫn tiếp xúc. Vì thế, ban đêm quý vị nằm mộng, nằm mộng chính là Ý Căn khởi tác dụng! Cũng có nghĩa là năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có lúc gián đoạn, gián đoạn trong khi ngủ, chứ Ý Căn chẳng gián đoạn, rất phiền phức!

Do vậy, từ Ý Căn cũng có thể khám nghiệm công phu của chính mình. Ví như chúng tôi trước khi học Phật, gần như hằng ngày đều bị ác mộng. Vì chúng tôi sanh nhằm thời Kháng Chiến, lánh nạn, trong giấc mộng cũng thường mơ thấy người Nhật đang đuổi theo sau, hoảng sợ đến nỗi chạy lung tung khắp nơi, kinh hãi đến nỗi toàn thân đầm mồ hôi lạnh, kinh hoảng tỉnh giấc. Đó gọi là "*ngày nghĩ gì, đêm mộng đó*". Không

ngiht cũng có mộng! Sau khi học Phật, đại khái là mười năm đầu còn có những cơn ác mộng ấy. Sau mười năm, ác mộng ít đi, mỗi năm ngẫu nhiên một đôi lần mộng thấy, ít hẳn đi! Ba mươi năm, bốn mươi năm, chẳng có, vẫn nằm mộng, nhưng chẳng có ác mộng. Tỉnh thoảng cũng mộng thấy Phật, Bồ Tát. Chuyển biến từ chỗ này, xét xem công phu của chính mình có tiến bộ hay không? Nhưng nếu nói đến mộng thấy Phật sự, mộng thấy Phật, Bồ Tát, mộng thấy cảnh giới Phật, chớ nên sanh lòng hoan hỷ! Nhất định phải ghi nhớ lời dạy trong kinh Kim Cang: *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, “phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Không quan tâm là được rồi; chớ nên phân biệt, chấp trước nơi ấy!

Ngay cả giấc mộng mà cũng phân biệt, chấp trước, quý vị thấy phiền phức lắm! Khá nhiều đồng tu hể có tình hình ấy bèn đến hỏi tôi, “ngày hôm qua tôi nằm mộng, vài hôm trước tôi nằm mộng, mộng thấy như thế này, như thế nọ”, đến kể lể với tôi. Hãy buông xuống! Hết thấy đều phải buông xuống. Đối với ác mộng, chớ nên kinh hoảng, chớ nên sợ hãi. Mộng thấy Phật, Bồ Tát cũng chẳng cần hoan hỷ. Nói chung, quý vị giữ gìn cái tâm thanh tịnh của chính mình, gìn giữ chính mình như như bất động. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề, dạy ngài Tu Bồ Đề là nhằm dạy chúng ta, ngài Tu Bồ Đề đại diện chúng ta! Quý vị thấy đức Phật nói tuyệt diệu lắm: *“Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động”*, ngoài chớ nên chấp tướng, trong đừng nên động tâm. Đây là Thiền! Chúng ta niệm Phật là tu Thiền; vừa mới khởi tâm động niệm, chúng ta liền giác ngộ. Sau khi đã giác ngộ bèn *“A Di Đà Phật”*, hoặc *“nam-mô A Di Đà Phật”*, giần ép ý niệm ấy xuống. Chuyển biến, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, thấy đều chuyển thành A Di Đà Phật. Đó là *“giác”*.

Quý vị thấy giác kiểu này dễ hơn phương pháp của Thiền Tông. Niệm nào cũng đều là A Di Đà Phật, niệm nào cũng là giác, *“chẳng để mấy may bất thiện xen tạp”*. Tất cả hết thấy các ý niệm, thiện niệm hay ác niệm thấy đều chế phục, đều ngăn chặn nó bằng một câu Phật hiệu. Vì thế, dùng một câu Phật hiệu để đối trị tất cả hết thấy các ý niệm. Chư vị hãy ngắm xem, đấy chẳng phải là Thiền thì là gì? Do đó, đức Phật nói: Đó là Vô Thượng Thâm Diệu Thiền.

Chúng ta mong cho người khác có thân thể khỏe mạnh, thân tâm khỏe mạnh, sống lâu. Để có thể khuyên người khác, đương nhiên là chính mình phải có thành tựu. Giống như mười thứ *“ba nghiệp là lỗi”*

như đã nói trong phần trước. Ba nghiệp thân, ngữ, ý chẳng có mảy may làm lỗi thì mới thật sự đạt được công đức thù thắng nhiệm màu!

Điều thứ hai...

(Sớ) Nguyên ư tha cụ túc thành mãn nhất thiết thiện pháp, tắc tự thành tựu kham truyền pháp khí.

(疏)願於他具足成滿一切善法，則自成就堪傳法器。

(Sớ: Nguyên cho người khác thành tựu viên mãn trọn đủ hết thấy các thiện pháp, ắt chính mình sẽ thành tựu là “căn khí xứng đáng để truyền pháp”).

Chúng ta xem phần Biệt Hiển, đối với mười câu hỏi trong phần trước, [sẽ thấy] là “*niệm niệm hồi hướng thành đức, niệm niệm chẳng bỏ chúng sanh*”! Chúng ta phải học điều này, nguyện cho người khác (“*người khác*” là hết thấy chúng sanh) thành tựu trọn đủ viên mãn, “*thành mãn*” (thành tựu viên mãn) hết thấy các thiện pháp. Thực hiện bằng cách nào? Thừa các đồng học, hãy thực hiện bằng Đệ Tử Quy, bằng Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy rõ ràng, minh bạch: “*Bồ Tát có một pháp, có thể làm hết thấy các nỗi khổ trong thế gian*”. “*Hết thấy thế gian*” là nói tới mười pháp giới. Đây là pháp gì vậy? Đức Phật dạy: “*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quan sát thiện pháp*”, lại dạy: “*Chẳng để cho mảy may bất thiện xen tạp*”, như vậy thì mới có thể thành tựu trọn đủ viên mãn! Thật sự thành tựu viên mãn trọn đủ hết thấy thiện pháp (tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo) là ai? Như Lai! Bồ Tát và Thanh Văn trọn đủ, chẳng dám nói là “*viên mãn*”. Những thứ này phải thật sự làm! Danh phải phù hợp thật!

Vì thế, hiện nay, trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người tiếp vật, làm được Đệ Tử Quy. Quý vị phải thật sự làm thì mới hiểu sự tốt lành và phẩm đức của nó! Trước hết là học Đệ Tử Quy, sau đó học Thập Thiện Nghiệp. Chẳng có Đệ Tử Quy và Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng thể thành tựu! Đệ Tử Quy là căn bản của căn bản, Thập Thiện Nghiệp nhất định lấy Đệ Tử Quy làm cơ sở thì mới có thể kiến lập. Sau đây, từ trên Thập Thiện Nghiệp, mới có thể kiến lập giới luật và oai nghi. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước có nói: “*Trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Tất cả giới luật và oai nghi đều được kiến lập trên cơ sở Thập Thiện Nghiệp! Chẳng có Thập Thiện Nghiệp, chắc chắn sẽ chẳng làm được.

Thập Thiện Nghiệp lấy Đệ Tử Quy làm cơ sở, chớ nên không biết điều này, chẳng thể không làm! Lại tiến cao hơn, sẽ là Phổ Hiền Hạnh. Nếu chúng ta muốn tu Phổ Hiền Hạnh, nếu muốn tu phẩm Tịnh Hạnh, quý vị chẳng có cơ sở ấy thì làm sao được? Chẳng có cơ sở ấy, sau khi chúng ta đã đọc một trăm bốn mươi mốt nguyện này, đều chẳng làm được, không có cách nào thực hiện. Huống hồ nguyện nào của Ngài cũng đều là có cảnh giới “*khấp hư không, trọn pháp giới*”, làm sao chúng ta có thể làm được? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, tâm lượng của chúng ta trở nên rất nhỏ, tâm lượng chẳng có cách nào mở rộng!

Kinh dạy rất hay, trọn đủ thành tựu viên mãn hết thảy các thiện pháp, chính mình mới là “*kham truyền pháp khí*”. Quý vị thấy đó, thành tựu chúng sanh chính là thành tựu chính mình. Bốn chữ “*kham truyền pháp khí*” có ý nghĩa rất trọng! Có ý nghĩa gì? Là truyền nhân của chư Phật. Chẳng phải là một vị tổ sư nào truyền pháp cho quý vị, chẳng phải là một pháp quyến¹⁰ nào, hoặc là một sự chứng minh nào, chẳng phải vậy! Quý vị truyền pháp của chư Phật; nếu quý vị chẳng thể trọn đủ hết thảy thiện pháp, làm sao có thể truyền pháp cho được? Tôi thường nói điều này để khuyên lơn, cổ vũ các đồng tham đạo hữu chúng ta: - Vì sao thánh nhân xưa nay trong ngoài nước giáo huấn có thể cảm hóa nhiều người ngàn ấy, sức ảnh hưởng cả trăm ngàn năm chẳng suy? Nhưng chúng ta nói những điều ấy, chẳng có ai tin tưởng, do nguyên nhân gì vậy? Người khác làm được, sau đấy mới nói, lẽ nào thánh chúng chẳng tin tưởng? Điều này có nghĩa là chính người ấy đã thành tựu hết thảy các thiện pháp, người ấy nói ra, mọi người đều tin tưởng. Chúng ta chẳng có thành tựu; nói ra, chẳng ai thêm tin!

Quý vị thực hiện trọn hết Đệ Tử Quy, giảng Đệ Tử Quy sẽ chẳng có ai không tin tưởng! Quý vị làm được Thập Thiện Nghiệp, giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chẳng có ai không tin tưởng, đạo lý là như thế đó! Ta chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, ta giảng kinh ấy, ai tin tưởng? Chẳng có ai tin cả! Vì thế, cổ đại đức khích lệ người khác: “*Tiên hành kỳ ngôn*” (Hành trước những điều sẽ nói), đấy là thánh nhân. Trước hết là làm được rồi mới nói, đấy là thánh nhân. Sau khi đã nói, quyết định có thể làm được, ta thường gọi hạng người ấy là hiền nhân. Nói rồi chẳng làm được, sẽ là gạt người! Gạt người thì làm sao người ta có thể tiếp nhận cho được? Làm sao có thể tin tưởng cho được? Vì thế, câu “*kham truyền pháp khí*” rất trọng. Điều ấy [có nghĩa] là quý vị có điều kiện, có tư cách truyền thừa đại pháp của chư Phật Như Lai.

(Sớ) Tam nguyện ư tha thâm nhập kinh tạng.

(疏)三願於他深入經藏。

(Sớ: Ba là nguyện cho người khác thâm nhập kinh tạng).

Đây là câu thứ hai trong Tam Quy Y: “*Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải*”¹¹. Chúng ta nguyện cho người khác thâm nhập kinh tạng.

(Sớ) Tắc tự thành chúng huệ.

(疏)則自成眾慧。

(Sớ: Sẽ thành tựu các thứ huệ cho chính mình).

Chính quý vị nhất định có thể thành tựu vô lượng trí huệ. Vì sao? Thường nghĩ giúp đỡ người khác thâm nhập kinh tạng, Pháp Bồ Thí đấy! Quả báo của Pháp Bồ Thí là trí huệ. Giúp người khác thâm nhập kinh tạng, phương pháp rất nhiều, thành tựu trí huệ cạn hay sâu khác nhau! Giới thiệu người khác học Phật chính là ý nghĩa này, nguyện họ sẽ thâm nhập kinh tạng. Giới thiệu người khác đọc kinh Phật hay thệnet thư, cũng là ý nghĩa này, in tặng kinh luận, thệnet thư.

Khi chúng tôi mới học Phật, cuộc sống của chính mình rất vất vả, rất gian nan. Thầy dạy tôi học bố thí. Trước khi biết thầy, chúng tôi rất keo kiệt, vì sao? Cuộc sống quá khổ, đúng là kiếm tiền chẳng dễ dàng, lại còn quá ít, ngay cả cuộc sống của chính mình toàn là gắng gượng chống chọi, há có dư thừa để bố thí? Sau khi được thầy dạy dỗ, chúng tôi mới hiểu. Vì sao bần cùng? Trong đời quá khứ keo kiệt, không chịu bố thí, cho nên đời này bị quả báo bần cùng! Cứu vãn bằng cách nào? Cải thiện như thế nào? Học bố thí! Tài Thí là nhân, của cải là quả; Pháp Thí là nhân, thông minh, trí huệ là quả; Vô Úy Bồ Thí là nhân, khỏe mạnh, sống lâu là quả. Chương Gia đại sư dạy tôi điều này. Do vậy, tôi hiểu: Hãy nên thay đổi vận mạng của chính mình, phải rất nghiêm túc nỗ lực. Khi đó ở Đài Loan, có người đề xướng in kinh, mọi người góp tiền để in một quyển kinh sách. Phân lượng cũng chẳng lớn, chúng tôi là kẻ chẳng có tiền, bèn bỏ ra một, hai đồng, tận tâm tận lực. Người ta phóng sanh là chuyện tốt, chúng tôi cũng bỏ ra một, hai đồng. Nếu như gặp chuyện gì tốt lành trong đạo tràng, chúng tôi luôn tùy hỷ công đức, hoan hỷ! Cuộc sống của chính mình càng tiết kiệm hơn, bớt ăn bớt dùng để cúng dường bố thí nhiều hơn một tí. Vẫn thật sự hữu hiệu, càng thí tài, càng có nhiều!

Lúc mới học Phật, khi đó, một năm tôi làm những chuyện tốt như đã nói trên đây, tức là tùy hỷ công đức làm những chuyện tốt, đại khái chỉ có một, hai trăm đồng tiền Đài Loan. Tính ra, chưa được năm đô la của Mỹ, một năm có thể làm [như vậy mà thôi]! Suốt đời làm chuyện này; từ đây về sau, cúng dường ngày càng nhiều. Càng nhiều, càng thí, chính mình chẳng cần chừa tiền lại. Tiền là vật lưu động, phải lưu thông, càng lưu thông càng nhiều! Đối với lời thầy đã dạy tôi, tôi nghiêm túc thực hiện, quả báo hoàn toàn đúng như thầy đã dạy. Thí tài được của cải; thí pháp được thông minh, trí huệ; thí vô úy được khỏe mạnh, sống lâu. Ba thứ ấy tôi đều đạt được! Tôi nói với các đồng học: “Tôi hoàn toàn chẳng mong cầu, chẳng mong cầu chi cả, tự nhiên!” Suốt đời, giữ vững nguyên tắc này: “Có tiền, tiền nhiều bèn làm nhiều, tiền ít thì làm ít. Chẳng có tiền, không làm!” Đương nhiên tốt nhất là không làm, chính mình chẳng có chuyện gì, vui sướng lắm! Nhưng có khá nhiều đồng tu tặng tiền, không thay họ làm chuyện tốt, sai mất rồi! Khi họ quyên tặng, chúng ta làm thay cho họ, hồi hướng cho họ, hòng thành tựu phước đức và công đức cho bọn họ. Nếu họ lìa tướng, chính là công đức. Nếu họ chẳng lìa tướng, sẽ là phước đức, phải thật sự làm! Công đức và phước đức xét theo sự tướng, chẳng có sai biệt, nhưng nơi ý niệm thì có sai biệt. Một đặng là lìa tướng, một đặng là chấp tướng. Ly tướng là diệu, “*diệu*” là công đức. Vì thế, thành tựu các huệ cho chính mình; đây chính là trí huệ viên mãn.

Phật pháp thù thắng khôn sánh, tôi đã thể nghiệm điều ấy trong suốt một đời này. Càng học, càng hoan hỷ, càng học, càng thù thắng, xác thực là pháp hỷ sung mãn. Pháp hỷ giống như suối phun trào, vĩnh viễn chẳng ngưng cạn. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1496

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tư thuộc phần Biệt Hiển trong lời chú giải của Thanh Lương đại sư. Khoa đề của đoạn trước là “*nguyện vi sở cảnh thành ích*” (những lợi ích được tạo thành bởi cảnh để thực hiện nguyện). Ở đây là đoạn thứ tư trong phần Biệt Hiển. Chúng tôi đọc lời Khai Thị của Thanh Lương đại sư một lượt để quý vị đối chiếu đúng chỗ.

(Sớ) Tứ, nguyện ư tha, cụ chư phương tiện, đắc tối thắng pháp, tắc tự thành tựu cụ đạo nhân duyên.

(疏)四願於他具諸方便得最勝法，則自成就具道因緣。

(Sớ: Bốn là nguyện cho người khác đầy đủ các phương tiện, đắc đạo tối thắng, sẽ thành tựu nhân duyên tu đạo đầy đủ cho chính mình).

Đoạn này cũng chính là như thế tục thường nói, “*tạo sự thuận tiện cho người khác, chính mình sẽ được thuận tiện*”. Vì thế, đoạn này rất quan trọng, chớ nên coi thường, sơ sót! Ở đây, đức Phật bảo chúng ta, “*nguyện ư tha*” (nguyện cho người khác), chúng ta phải hiểu rõ chữ “*tha*” (他) như trong phần trước đã nói: “*Cảnh giới*” là hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, chúng ta đều hy vọng họ có thể trọn đủ hết thảy các phương tiện. Mục tiêu của hết thảy các phương tiện là ở chỗ nào? Đắc pháp tối thắng! Điều này rất trọng yếu. “*Phương*” (方) là phương pháp, “*tiện*” (便) là tiện nghi. Nếu giải thích hai chữ “*phương tiện*” theo cách dễ hiểu nhất, nông cạn nhất, sẽ là phương pháp thỏa đáng nhất, thích hợp nhất, thù thắng nhất, đó là phương tiện. Do vậy có thể biết, mục tiêu của phương tiện là gì? Phương pháp thù thắng nhất, phương pháp tốt nhất, phương pháp thích đáng, tốt lành nhất. Người hiện thời nói đến chuyện gì? Kiếm tiền! Sai mất rồi! Kiếm tiền thì sao? Tăng trưởng tham, sân, si. Các đồng học chúng ta học Phật trong thời gian đã lâu, kế nhập Phật pháp, đều biết: Quả báo của tăng trưởng tham, sân, si là ba ác đạo. Đấy chẳng phải là pháp thù thắng nhất, mà là pháp tệ hại nhất, hoàn toàn tương phản với pháp thù thắng này, sẽ vào trong ác đạo. Pháp thù thắng nhất chính là phương pháp thành Phật, vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, đấy mới gọi là pháp thù thắng nhất. Phương tiện này chẳng phải là phương tiện bình phàm, mà xác thực là “*trọn đủ các phương tiện*”.

Điều thứ nhất trong các phương tiện là phải gạt gỡ thiện tri thức. Chúng ta thường nói: Thật sự là một vị thầy tốt, hay bạn học tốt, đều là phương tiện. Đạo tràng học tập đúng pháp đều là “*phương tiện*”. Ngạn ngữ thường nói: Những chuyện này có thể ngộ, chứ chẳng thể cầu, đến nơi đâu để cầu? Hy vọng duy nhất khi dạy học của thầy là mong có người truyền thừa, truyền pháp. Nếu chẳng có kẻ truyền thừa, pháp ấy bị đứt đoạn. Người Hoa nói “*vô hậu vi đại*” (không có người thừa kế là chuyện lớn). “*Hậu*” (後) là người truyền thừa! Gia đình thì có người nối tiếp nếp nhà, pháp thì có người truyền thừa pháp môn. Chẳng có người truyền thừa, sẽ bị đoạn tuyệt. Thầy mong tìm kẻ truyền thừa, đến đâu để tìm?

Có thể gặp, chẳng thể cầu! Học trò muốn tìm một vị thầy tốt, cũng là “có thể gặp, chẳng thể cầu!” Thuở trước, thầy Lý từng nói với tôi, thầy bảo: “*Thầy tìm được trò tốt, còn khó hơn trò tìm được thầy tốt*”. Lời ấy là thật, chẳng giả tí nào! Vì thế, thầy trò là duyên phận. Chẳng phải là một đời này, mà là do duyên phận đã tích tập trong đời trước, đời này gặp gỡ, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ. Vì thế, Phật pháp bảo: “*Hết thấy là do duyên sanh*”, chuyện này rất có lý. Quý vị thấy đối với nhân, duyên, quả, đức Phật chẳng nói “*nhân sanh*” vì nhân phải gặp duyên thì mới kết quả. Đức Phật chẳng nói nhân, mà nói duyên, duyên là phương tiện. Vì thế, chẳng thể trọn đủ hết thấy phương tiện, sẽ khá khó khăn, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có ngoại lệ!

Gặp duyên, có thể thành tựu hay không? Tùy thuộc quý vị có nhận biết hay không! Người hiện thời gọi Duyên là gì? “*Cơ hội*”, trong Phật pháp bảo là Duyên. Quý vị có nhận biết cơ hội hay không? Quý vị có thể nắm vững cơ hội hay không? Đấy chính là điều then chốt để quý vị thành hay bại trong một đời! Ngạn ngữ thường nói: Kẻ có tâm, thật sự có tâm tăng tấn, sẽ có thể nhận biết, có thể nắm bắt [cơ hội], đương nhiên là sẽ có thành tựu. Chẳng có cái tâm tăng tấn, cứ bị cuốn theo sóng gió, khó lắm! Cơ duyên hiện tiền mà chẳng nhận biết, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Quý vị ngẫm xem, một vị thiện tri thức cả đời dạy được bao nhiêu người? Chúng ta lấy cổ nhân làm gương. Đọc Đản Kinh, sẽ thấy Lục Tổ tự nói sự từng trải của chính Ngài, tức là chương thứ nhất trong Đản Kinh.

Ngài đến Hoàng Mai thân cận hòa thượng Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Thuở ấy, môn đình của tổ sư hưng vượng, từ trên xuống dưới có hơn một ngàn người. Môn đình của tổ sư mà! Người cầu pháp từ bốn phương tám hướng tụ tập ở đạo tràng ấy. Thầy thù thắng, đồng học cũng thù thắng, đạo tràng cũng thù thắng, [thế mà] chẳng thể thành tựu, quý vị chẳng thể trách móc duyên được! Những duyên ấy là phương tiện, thừa cùng quý vị, thấy đều thuộc loại Tăng Thượng Duyên, đều trọn đủ. Quý vị chẳng thể thành tựu, lỗi lầm ở chỗ nào? Đức Phật nói bốn duyên sanh pháp, quý vị hãy ngẫm xem, đối với bốn duyên ấy, quý vị đã thiếu loại nào? Thân Nhân Duyên thì mọi người bình đẳng, quyết định là chẳng thiếu! Tăng Thượng Duyên thù thắng dường ấy, chẳng thiếu, vậy thì vấn đề nhất định ở nơi Sở Duyên Duyên và Vô Giáns Duyên. Đúng vậy, chẳng sai tí nào! Sở Duyên Duyên là giúi mài chẳng bỏ, cổ đức thường nói “*thâm nhập một môn*”, thâm nhập một môn là Sở Duyên Duyên. “*Trùng thời huân tu*” là Vô Giáns Duyên, vấn đề xuất hiện ở chỗ này! Vì thế, vẫn chẳng thể thành tựu.

Quý vị thấy đúng là Ngũ Tổ cũng khó có, trong đời Ngũ Tổ đã gặp Huệ Năng. Huệ Năng ở Hoàng Mai, nói cách khác, Sở Duyên Duyên và Vô Gian Duyên của Ngài (Lục Tổ) trọn đủ. Quý vị ngẫm xem, bốn duyên đã trọn đủ, *“cụ chư phương tiện, đắc tối thắng pháp”* (đủ các phương tiện, đắc pháp thù thắng nhất). Vì thế, Ngũ Tổ truyền cho Lục Tổ. Thần Tú theo Ngũ Tổ đã nhiều năm như thế, lại còn là đệ tử thượng thủ trong tự viện vào thuở đó, giống như Ca Diếp và A Nan, thông thường có thể thay đức Phật thuyết pháp, Thần Tú cũng thường thay Ngũ Tổ giảng giải, vấn đề ở ngay chỗ này! Chúng ta suy ngẫm vấn đề này, nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, vì nếu chúng ta gặp gỡ [một vị thầy giỏi], có thể cũng xuất hiện khuyết điểm! Khuyết điểm chính là như Ấn Quang đại sư đã dạy: *“Tâm thành kính chẳng đủ!”* Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng nói rất nhiều và cũng nói rất thấu triệt, rất minh bạch. Đúng là một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích.

Tuy Thần Tú ở trong hội của Ngũ Tổ đã nhiều năm như vậy, chẳng có tâm thành kính. Ngài đối với Ngũ Tổ rất cung kính! Có sao nói là “chẳng có thành kính”? Rất cung kính là chúng ta nhìn thấy, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát thấy [Thần Tú] chẳng có thành ý. *“Thành ý”* là gì? *“Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành”*. Quý vị hiểu câu ấy, sẽ hiểu rõ! Quý vị thấy Ngũ Tổ bảo mọi người làm kệ, Thần Tú vẫn phải suy nghĩ mất bốn ngày. Suy nghĩ là gì? Suy tưởng lung tung, chẳng có lòng Thành! Lại xem Huệ Năng, Huệ Năng có lòng Thành, vì sao? Chẳng phải suy nghĩ! Tâm Thần Tú xáo động, phập phều. Tâm Huệ Năng là định, định chính là Thành. Xáo động phập phều là chẳng Thành, sai biệt ở chỗ này! Quý vị chẳng có lòng Thành, Sở Duyên Duyên và Vô Gian Duyên của quý vị chẳng đắc lực! Vì thế, tôi nói là Thân Nhân Duyên và Tăng Thượng Duyên là *“đầy đủ các phương tiện”*, Ngài (Thần Tú) đều có những điều ấy (Thân Nhân Duyên và Tăng Thượng Duyên), cho nên Ngài chẳng có vấn đề gì! Vấn đề [của ngài Thần Tú là] ở chỗ Sở Duyên Duyên và Vô Gian Duyên chẳng đắc lực. Chẳng đắc lực là vì lòng thành kính [chẳng trọn đủ].

Đây lại là chuyện như thế nào? Vì sao Sở Duyên và Vô Gian chẳng đắc lực? Tu hành đã nhiều năm ngàn ấy, vì sao lòng chân thành vẫn chẳng thể hiện tiền? Chúng tôi nói toạc ra, nói minh bạch, [nguyên nhân là vì] chẳng buông xuống! Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói điều này, khuyên nhủ, cổ vũ các đồng học: Lòng ích kỷ chưa buông xuống, tiếng tăm lợi dưỡng chẳng buông xuống, ngũ dục lục trần chẳng

buông xuống, tham, sân, si, mạn chẳng buông xuống. Điều này rất rõ rệt, nếu như buông tham, sân, si, mạn xuống, Huệ Năng đại sư đặc pháp, chẳng ai có thể cướp lấy, đoạt y bát đem về được! Các vị hãy ngẫm xem, kinh thường nói đến phân biệt, chấp trước; chưa buông phân biệt, chấp trước xuống được! Cũng có thể nói là đều ở trong câu “*đầy đủ các phương tiện*”; vì thế, ngài Thần Tú chẳng có cách nào đặc pháp tối thắng!

Nay chúng ta học Phật, câu này quan trọng lắm, phải hiểu rõ ràng, minh bạch! Nếu chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta nói pháp tối thắng là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì “*đoạn phiền não, chứng Bồ Đề*” chẳng phải là chuyện dễ dàng, đời này chắc chắn là chúng ta chẳng thể làm được! Chỉ có cầu đời nghiệp vãng sanh, đấy là hy vọng duy nhất của chúng ta. Nhưng quý vị phải hiểu, nếu quý vị chẳng thể buông xuống phân biệt, chấp trước, vẫn là có chướng ngại. Tôi nói mười sáu chữ, nói rất nông cạn, rất rõ ràng, chớ coi trọng quá đổi mười sáu chữ ấy! Chẳng thể hoàn toàn buông xuống, hãy nhặt bớt, chớ nên quá chấp chặt. Đừng nên coi trọng lợi ích trước mắt, phải biết những gì trước mắt đều là giả, thứ gì cũng đều là trống không. Nhà Phật nói “*vạn pháp đều là Không*”, kẻ bình phàm chẳng thể lãnh hội, nhưng nếu quý vị lắng lòng đôi chút, sẽ dần dần thấu hiểu!

Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần đầu. Thời gian lần đó cũng dài nhất, giảng liên tục suốt bốn tháng. Người xuất gia ở Hương Cảng thuở ấy tôi đều quen biết. Ở đó, suốt bốn tháng, thường là đến thăm hỏi vị này, thăm viếng vị kia, những vị pháp sư ấy tôi đều đến thăm. Lúc mới đến, chào hỏi những vị có vai vế tại địa phương, các vị cư sĩ nhiệt tâm đi cùng với tôi. Năm nay là năm 2006, vừa khéo ba mươi năm, tôi nói với các vị đồng học, người Hoa nói ba mươi năm là một đời. Quý vị thấy chữ Thế (世) là ba chữ Thập (十) [ghép lại]. Hơn nửa số đó (những vị xuất gia tôi quen biết tại Hương Cảng) đã mất rồi, đã đi cả rồi! Quý vị nghĩ đến hiện tượng này, đức Phật nói là vô thường, chẳng thật, giả trất, phải giác ngộ. Chẳng đem theo được, chớ nên so đo, chớ nên riết róng. Đối với những gì mang theo được, phải nghiêm túc, phải khéo nắm vững. Những gì mang theo được? Quý vị mang theo “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” được. Mang theo thiện tâm, thiện hạnh được! Mang theo công đức đã tích lũy được, những thứ chẳng mang theo được đều phải buông xuống, chớ nên so đo. Hãy khéo đọc sách thánh hiền, mang theo thứ ấy. Nương theo giáo huấn của thánh hiền để đoạn ác tu thiện, thứ này mang theo được. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mang theo được! Phải coi chuyện này là đại sự bậc nhất trong đời này!

Đối với công đức thù thắng, quý vị thấy kinh này đã nói: Lợi ích người khác mới là công đức thù thắng. Một trăm bốn mươi một nguyện, nguyện nào cũng đều là nguyện cho chúng sanh. “*Đương nguyện chúng sanh*” chẳng phải là một lời nói suông, phải có hành động, tức là phải thật sự dùng hành động để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, tận tâm tận lực, sức hữu hạn, tâm vô hạn. Quý vị thấy cái tâm, đối tượng của khởi tâm động niệm, kinh Phật gọi [đối tượng ấy] là “cảnh giới”, [cảnh giới ấy chính là] hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, tâm lượng to cỡ đó! Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Xét theo Sự, thì về Sự, mỗi cá nhân có phước báo khác nhau, năng lực chẳng giống nhau. Ta có năng lực nhỏ nhoi, hãy tận hết sức lực nhỏ bé ấy. Năng lực to bèn tận hết phần sức mạnh to lớn ấy. Giúp cho hết thảy chúng sanh đạt được pháp tối thắng, pháp tối thắng là học Phật. Quý vị giúp họ như thế nào? Để giúp đỡ người khác, trước hết, chính mình phải thành tựu. Chính mình chẳng thành tựu, làm sao quý vị có thể giúp người khác cho được? Vì thế, nửa câu sau [trong lời Sớ] bèn nói: “*Tắc tự thành tựu cụ đạo nhân duyên*” (Sẽ thành tựu nhân duyên tu đạo trọn đủ cho chính mình). Bản thân quý vị chẳng thành tựu, sẽ chẳng thể giúp đỡ người khác, người khác chẳng tin tưởng. Đây là chính mình nhất định phải nghiêm túc, nỗ lực, y giáo tu hành, phô bày thành quả và thành tích tu hành của ta cho họ thấy. Họ trông thấy, sẽ sanh khởi tín tâm, sanh lòng mến mộ, cũng phát tâm muốn học theo. Vì thế, tự hành mới là hóa tha thật sự. Tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện!

Cái hay trong sự tu hành Phật pháp là quả báo đều biểu hiện nơi thân, chẳng ở nơi nào khác. Chúng ta phải hiểu rõ điều này! Quý vị thấy thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài dùng gì để [biểu lộ] cho người khác thấy? Ngài chẳng dựng đạo tràng, chẳng có tự, viện, am, đường, buổi trưa ăn một bữa, qua đêm dưới cội cây, phô bày điều gì cho người khác thấy? Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, Ngài phô bày những điều ấy. Tuy sống gian khổ như vậy, đây là cái nhìn của người thế gian, chứ đức Phật hết sức vui sướng. Đức Phật đứng chung một chỗ với mọi người, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chẳng ai có sắc tướng sánh bằng Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta đã biết, hãy nên khéo học tập.

Đức Phật thường nói: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Chúng ta hằng ngày tưởng Phật, bất tri bất giác tướng mạo của chúng ta sẽ giống như một vị Phật, sanh từ tâm tưởng mà! Tướng mạo giống tướng Phật, thân thể cũng giống như thân Phật. Tướng Phật từ bi, tốt

lành, thiện lương, hết thảy các thiện pháp thảy đều trọn đủ [được thể hiện] nơi tướng mạo, thân thể khỏe mạnh, sống lâu. Người thể gian tán thán *“kim cang bất hoại thân”*. Vì thế, bảo dưỡng thân thể, chẳng cần rất nhiều đồ bổ, chẳng phải vậy. Những kẻ ăn những thứ đồ bổ, quá coi trọng thức ăn, thường đổ bệnh. Chư Phật, Bồ Tát sống rất đơn giản, chẳng có mảy may nào chú trọng, tùy duyên chứ không phan duyên. Vì các Ngài không khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, cho gì ăn nấy, chẳng có mảy may phân biệt. Sự dinh dưỡng ấy chẳng khác gì sự kết tinh đẹp đẽ trong thí nghiệm về nước của tiến sĩ Giang Bốn Thắng, đạo lý hoàn toàn giống nhau. Người thể gian nghĩ thứ này giàu dinh dưỡng, thứ kia chẳng có dinh dưỡng, thứ này hương vị ngon lành, thứ kia hương vị dở ẹt, hoàn toàn rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hại thân thể, chẳng phải là dưỡng thân thể. Dưỡng thân thể là tâm thanh tịnh; có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm sẽ không thanh tịnh.

Vì thế, câu *“cụ đạo nhân duyên”* bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận, chúng ta phải nên lãnh hội. *“Đạo”* ở đây là Phật đạo, Vô Thượng Bồ Đề. *“Nhân duyên”* rất nhiều, hết sức phức tạp, vô lượng, vô biên, hãy nắm lấy cương lĩnh! Cương lĩnh là gì vậy? Chính là đôi câu đối do chúng tôi đã viết từ hai mươi mấy năm trước, gồm hai mươi chữ: *“Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”*. Điều gì cũng đều tùy duyên; tùy duyên là chẳng dấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thứ gì cũng đều tốt, chẳng có thứ gì không tốt. Kinh điển đã dạy hai câu: *“Ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt”*, đức Phật nói *“tùy duyên”*. Trong các buổi giảng, tôi nói nối đuôi thêm hai câu: *“Ai nấy đều là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt”*. Chỉ cần quý vị không khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ lập tức là [như vậy đó]! Triển hiện hình tượng như vậy, hình tượng ấy tốt đẹp, hình tượng ấy khiến cho người khác bị thuyết phục, khiến cho người khác sanh tâm hoan hỷ, có thể nhiếp thọ hết thảy chúng sanh.

Các chứng bệnh của chúng ta, đúng là bệnh, toàn là do tập khí, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng buông xuống được! Người ta cũng biết nói như vậy, nhưng vẫn chấp trước, vẫn phân biệt. Phật và Tổ đã giảng rõ ràng như thế. Cầu Phật, Bồ Tát gia trì giúp ta buông xuống. Phật, Bồ Tát đã sớm gia trì, hằng ngày gia trì quý vị, nhưng quý vị chẳng buông xuống được. Bởi lẽ, chẳng mở rộng tâm lượng của chính mình, niệm niệm chẳng quên chính mình! Chỗ nhiệm màu của kinh Hoa Nghiêm, [thường gọi là] *“thắng diệu công đức”*, *“diệu”* là quên mất chính

mình, chỉ có chúng sanh, chẳng có chính mình. Nguyên cho chúng sanh, chẳng có chính mình, “*diệu*” là diệu ở chỗ này! Một trăm bốn mươi một nguyên đều là “*nguyên cho chúng sanh*”. Chúng ta phát hiện những nỗi phiền phức của chính mình rất dễ dàng. Phiền phức là do chẳng chịu vứt bỏ chính mình! Nếu quên mất chính mình, chính mình sẽ thành tự, thành tự trọn đủ nhân duyên tu đạo!

Lại xem câu kế tiếp, tức câu thứ năm:

(Sớ) Nguyên ư tha ngữ nghiệp mãn túc, xảo năng diễn thuyết, tắc tự thành tự thập thiện xảo đức.

(疏)願於他語業滿足巧能演說，則自成就十善巧德。

(Sớ: Nguyên cho người khác ngữ nghiệp trọn đủ, có thể khéo diễn nói, sẽ thành tự mười đức thiện xảo của chính mình).

Trong phần trước, tôi đã trình bày về mười thứ thiện xảo, [chúng ta] đã học tập rồi! “*Nguyên ư tha ngữ nghiệp mãn túc*”, “*mãn*” (滿) là viên mãn, “*túc*” (足) là trọn đủ. Viên mãn trọn đủ là gì? Nói thật ra, cũng là “*thân ngữ ý nghiệp*” như trong lời hỏi nơi phần trước. Trong thân ngữ ý nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh ngữ nghiệp, chúng ta phải chú tâm lãnh hội dụng ý này. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật cũng xếp ngữ nghiệp đầu tiên, chẳng giống các kinh luận thông thường. Kinh luận thông thường đều nói là “*thân, ngữ, ý*”. Trong phần trước, Trí Thủ Bồ Tát đã nêu câu hỏi: “*Vân hà đắc vô quá thất thân ngữ ý?*” (Làm thế nào để được thân ngữ ý chẳng lầm lỗi?) Cả mười câu đều là thân, ngữ, ý, đó là Tổng Thuyết. Ở đây là Biệt Hiển, đặc biệt nêu ra ngữ nghiệp!

Nói năng dễ tạo nghiệp nhất! Do đó, Khổng phu tử giáo học có bốn khoa mục. Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, cũng là ngữ nghiệp! Thường nói là “*bệnh tụng khẩu nhập*”, quý vị ăn uống này nọ chẳng cẩn thận, sẽ ngã bệnh! “*Họa tụng khẩu xuất*”, do nói năng mà vô tình hay hữu ý gieo rắc họa căn, mai sau phải chịu quả báo. Vì thế, đối với chuyện nói năng, quý vị thấy những bậc thánh nhân Trung Hoa, Ấn Độ, không chỉ riêng ở Trung Hoa và Ấn Độ, có thể nói là cổ thánh tiên hiền của mỗi quốc gia, mỗi sắc dân trên toàn thế giới, chẳng có vị nào không coi trọng ngôn ngữ. Kinh Vô Lượng Thọ xếp chuyện này hàng đầu: “*Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*” (Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác), nói rất rõ ràng, nói rất minh bạch. Quyết định chớ nên nói lỗi của người khác. Nói lỗi của người khác, sẽ là hữu ý hay vô ý kết oán cừu với người ta, chớ nên không cẩn thận! Sau

khi đã kết oán cừ, sẽ kéo dài đến đời sau, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong! Quý vị nói có đáng sợ lắm không? Chúng ta xem bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, trong phần đầu, Đế Quân đã tự thuật: Ngài nói Ngài làm sĩ phu mười bảy đời! Quý vị xem đoạn tự thuật của Ngài, kết oán cừ với kẻ khác, oan oan tương báo, báo đền rất thâm, mỗi đời một nghiêm trọng hơn. Về sau, thật sự là do quy y Tam Bảo mới hóa giải được!

“Nguyện ư tha ngữ nghiệp mãn túc xảo năng diễn thuyết” (Nguyện cho người khác ngữ nghiệp trọn đủ, có thể khéo diễn nói). *“Xảo”* (巧) là thiện xảo. Câu tiếp theo đã nói rõ ràng. Câu ấy đã hiển thị mình bạch cho chúng ta: Do tu hành cái nhân trong phẩm Tịnh Hạnh, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, có thể bao dung, chẳng ganh tỵ, chẳng có chướng ngại, mong thành tựu người khác. Chính vì tâm thái, thiện tâm, thiện hạnh như vậy mà chính mình thành tựu mười đức thiện xảo. Nói cách khác, nếu chính mình chẳng có mười đức thiện xảo, sẽ chẳng tránh khỏi “thấy người khác vượt trội chính mình, bèn có những phiền não như ganh tỵ, sân khuể”, tập khí dấy lên hiện hành rất dễ dàng! Hễ dấy lên hiện hành thì là tạo nghiệp; hễ tạo nghiệp, sẽ bị phiền phức khá lớn. Vì quý vị chướng ngại thiện pháp của người khác, đặc biệt là sự nghiệp hồng pháp lợi sanh. Nếu quý vị chướng ngại sự nghiệp ấy, kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo đã nói về [quả báo ấy] rất rõ ràng!

Những điều đức Phật đã nói trong kinh đều là sự thật, chẳng giả! Có hai vị pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, giảng khá lắm, thính chúng rất đông, người quy y, cúng dường cũng lắm. Người xuất gia khác thấy vậy, trong tâm khó chịu, dấy lòng ganh tỵ. Bịa chuyện nói hai vị pháp sư ấy chỉ biết nói, chứ không thể làm, bản thân họ chẳng có đức hạnh, phá giới, phạm giới. [Những lời bịa đặt, bôi nhọ ấy] khiến cho những người nghe kinh hiểu lầm pháp sư, không nghe kinh nữa, xa lìa họ! Những gã pháp sư bịa chuyện sanh sự đó đọa trong địa ngục, thọ tội trong địa ngục. Đầu tiên là địa ngục Bạt Thiệt (拔舌, kéo lưỡi), tính theo thời gian trong nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Đây là thời gian tính theo nhân gian. Thời gian trong nhân gian và địa ngục có chênh lệch. Ở trong địa ngục, cảm thấy chẳng biết là bao nhiêu kiếp! Chúng ta cũng có thể thấu hiểu điều này! Khi một người đang chịu khổ nạn, đúng là *“sống một ngày như sống cả năm”*. Cuộc đời chẳng dễ sống! Sống một ngày bằng một năm. Một ngàn tám trăm vạn năm trong nhân gian, chẳng biết là bao nhiêu năm trong địa ngục, đều luận định theo kiếp. Tạo tội nghiệp nặng nề ngàn ấy, sao lại khổ sở làm vậy?

Vì sao là tạo tội nghiệp? Nói thật thà, do phạm lỗi không nghe kinh! Đọc tụng và nghe kinh quan trọng dường ấy! Nếu quý vị không đọc kinh, không nghe kinh, tức là chẳng có ai thường xuyên nhắc nhở quý vị. Phiền não, tập khí ai nấy đều có. Quý vị ngắm xem, tập khí ganh tỵ, tập khí sân hận, tập khí chẳng thể bao dung nhẫn nại, có thứ nào không có? Bản thân chúng tôi ngắm lại chính mình, khi chưa học Phật thì có. Rất nghiêm trọng! Sau khi đã học Phật, chính tôi có kinh nghiệm: Học Phật mười năm đầu còn có những tập khí ganh tỵ, chướng ngại. Học hai mươi năm, tập khí ấy phai bớt. Có hay không? Vẫn còn có, nhưng rất nhẹ! Thấy người khác đạt được tiếng tăm lợi dưỡng, hễ nghe thấy, trong lòng tôi sẽ rất khó chịu, nhưng mấy phút thì chẳng còn nữa! Thật sự đến lúc những tập khí ấy chẳng còn nữa, chẳng dấy lên nữa, bèn sanh tâm hoan hỷ, đối với bản thân tôi là ba mươi năm sau [mới đạt được như vậy]. Sau ba mươi năm, chẳng có lòng ganh tỵ, thấy người khác có chuyện tốt đẹp bèn sanh lòng hoan hỷ. Sanh lòng hoan hỷ là công đức, sanh lòng ganh tỵ là giảm phước! Hằng ngày nghe kinh, hằng ngày đọc tụng; nói cách khác, Phật, Bồ Tát hằng ngày nhắc nhở chúng ta. Chẳng nhắc nhở mỗi ngày, chúng ta sẽ chẳng thể đoạn tập khí được. Chúng ta đọc Hoa Nghiêm mới hiểu rõ.

Pháp Thân Bồ Tát sau khi đã đoạn vô minh, tập tánh vô minh chẳng đoạn! Đoạn tập khí vô minh như thế nào? Phải giáo hóa chúng sanh. Vì thế, *“giáo học tương trợ”* (dạy và học giúp nhau tăng trưởng). Hằng ngày khuyên lon người khác, khuyên người khác đồng thời cũng khuyên chính mình. Vì thế, vẫn phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Khắp pháp giới, hư không giới, nơi nào có duyên, bèn đến thị hiện nơi đó. Như thế thì tập khí vô thỉ vô minh mới thật sự đoạn sạch sành sanh, thành tựu Phật quả viên mãn rất ráo. Vì thế, chúng tôi nói *“dung công”*; dung công ở chỗ nào? Dung công ở chỗ này, vận dụng ngay trong cuộc sống thường ngày. Làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Thấy người khác có chuyện tốt đẹp, bèn chấp tay, tán thán, hoan hỷ. Khi chính mình có sức, bèn tận tâm tận lực giúp đỡ, thành tựu người ấy, chẳng có mảy may ganh tỵ, chẳng có mảy may chướng ngại. Chính mình chẳng có năng lực, chẳng giúp được, bèn hoan hỷ tán thán. Nói về phía chính mình, đấy chính là tích lũy công đức. Nếu tâm lượng nhỏ nhoi, chẳng thể bao dung, nhẫn nại; nói thật ra, phước báo do chính mình đã tu tập trong đời quá khứ là hữu hạn. Do tâm lượng nhỏ nhoi, phước sẽ bị chiết giảm! Một chuyện chẳng thể bao dung, nhẫn nại, phước sẽ bị chiết giảm không ít! Nếu gặp gỡ người khác, lại chẳng thể bao dung, nhẫn nại; nói cách khác, mỗi năm quý vị bị chiết giảm bao nhiêu phước? Tâm lượng nhỏ nhoi,

chưa đầy mấy năm, thiện căn và phước đức do quý vị đã tu tập trong đời trước đã bị chiết khấu hết sạch. Đã bị chiết khấu hết sạch, tình cảnh tuổi già sẽ rất khổ. Hưởng hết phước báo, phước báo đã bị chiết giảm hết! Chớ nên không biết điều này! Chuyện này có mối quan hệ thiết thân với chúng ta trong hiện tiền. Vì thế, tâm lượng nhất định phải to lớn, nhất định phải là có thể bao dung!

Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, lễ kính, tán thán, rất thù thắng! Lễ kính, tán thán, cúng dường mà nếu chẳng chấp tướng, sẽ là công đức thắng diệu. Chấp tướng thì có thắng, chứ chẳng có diệu! Không chấp tướng, giáo pháp Đại Thừa gọi [không chấp tướng] là “*tam luân thế không*”. Ví như bố thí, không chấp trước ta có thể bố thí, cũng không chấp trước ta bố thí những gì, mà cũng không chấp trước, không nghĩ tới người nào sẽ tiếp nhận ân huệ của ta, thấy đều không chấp trước, tâm địa thanh tịnh. Làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm, làm hằng ngày mà như hằng ngày chẳng làm, chẳng chấp trước, gìn giữ tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đây gọi là “*thắng diệu công đức*”. A! Đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp câu thứ sáu:

(Số) Lục, nguyện ư tha đắc thiện ý dục, tẩy trừ hoặc cấu, tất tự thành Thất Giác, Tam Không.

(疏)六願於他得善意欲洗除惑垢，則自成七覺三空。

(Số: Sáu, nguyện người khác được thiện ý dục, gột rửa các nhơ phiền hoặc, tất tự thành Thất Giác, Tam Không).

Nguyện này hay lắm, giống như trong Luận Ngữ, Phu Tử đã nói: “*Tư vô tà*” (Chẳng nghĩ tà vạy). Ngài nói về kinh Thi: “*Thi tam bách thiên, nhất ngôn dĩ tế chi, viết tư vô tà*” (Kinh Thi gồm ba trăm bài, có thể nói chung bằng một câu là “chẳng nghĩ tà vạy”). Vì thế, “*tư vô tà*” biến thành nguyên tắc cao nhất chỉ đạo sự diễn xuất truyền thống (nay chúng ta nói là “*văn nghệ*”) từ xưa tới nay của Trung Hoa. Thời cổ, ca múa, tuồng hát, kể cả các môn biểu diễn tạp nghệ¹² nói chung, đều phải tuân thủ [nguyên tắc] “*tư vô tà*”, khiến cho người thấy kẻ nghe đều là thiện ý, tuyệt đối chẳng khiến cho người ta có các phiền não tham, sân, si, mạn. [Nếu dấy lên phiền não] thì sai mất rồi! Nguyện này có ý nghĩa như vậy đó.

Vì vậy, “*nguyện u tha*” (nguyện cho người khác), [“*tha*” là] hết thấy chúng sanh, nguyện cho chúng sanh “*đắc thiện ý dục*” (có được mong muốn tốt lành). Hết thấy chúng sanh chẳng lìa khỏi mười pháp giới, đều có dục vọng; trong dục vọng có thiện và ác. Tiêu chuẩn của thiện và ác là gì? Tiêu chuẩn có hai loại, một loại là tương đối, loại kia là tuyệt đối. Tiêu chuẩn tuyệt đối là tương ứng với Pháp Tánh. Đó là Thiện. Trái nghịch Pháp Tánh thì là Ác. Đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Nhưng chúng sanh trong mười pháp giới, tầng cấp khác nhau; do vậy, tiêu chuẩn thiện ác trong mỗi pháp giới cũng khác nhau. Trong nhân đạo, thiện là luân thường bát đức, người Hoa nói là “*ngũ luân, ngũ thường, bát đức*”; đây là tiêu chuẩn của thiện. Tất cả hết thấy dục vọng của quý vị có thể tương ứng với điều này, chẳng trái nghịch luân thường, bát đức, đó là thiện, là thiện ý dục. Trong Phật pháp, tiêu chuẩn tuyệt đối, thừa cùng quý vị, chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật đã dạy: Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề, cho đến thiện pháp nhân thiên, thấy đều nương vào Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở, làm căn bản. Vì thế, nó là tiêu chuẩn tuyệt đối, mà cũng là tiêu chuẩn tương đối. Tiêu chuẩn tương đối có cùng danh xưng, nhưng cảnh giới trong ấy có cạn, sâu, rộng, hẹp khác nhau.

Chúng ta thấy tượng Phật được vẽ, vẽ theo kiểu này rất nhiều. Trên đỉnh đầu đức Phật có viên quang, có vẽ viên quang. Trên đỉnh viên quang, đề ba chữ. Ba chữ ấy có lúc dùng tiếng Hán để viết, đa số dùng tiếng Phạn, hoặc dùng tiếng Tây Tạng. Ba chữ ấy là Án, A, Hồng (唵阿吽, Aum, Ah, Hūm). Đây là âm tiếng Phạn, đọc theo âm tiếng Phạn, có nghĩa là thân, khẩu, ý. Nói thật ra, ý nghĩa của ba chữ ấy chính là đoạn thứ nhất trong lời hỏi của Trí Thủ Bồ Tát ở đây, từ “*vân hà đắc vô quá thất thân ngữ ý nghiệp?*” (làm thế nào để được thân ngữ ý nghiệp không làm lỗi?) mãi cho đến “*vân hà đắc trí vi tiên đạo thân ngữ ý nghiệp?*” (làm thế nào để được trí làm người hướng dẫn thân ngữ ý nghiệp?), cả mười câu. Hoàn toàn đạt được, chẳng có mảy may thiếu khuyết, sẽ là Phật. Quý vị thấy từ Sơ Phát Tâm cho đến thành Phật, chẳng lìa khỏi mười thứ thân ngữ ý nghiệp này. Vì thế, Sơ Phát Tâm tu pháp môn này, Thập Trụ Bồ Tát cũng tu pháp môn này. Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, tu gì? Thấy đều tu pháp môn này. Quý vị mới biết vô lượng vô biên pháp môn, thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*” là tu gì vậy? Tu điều này! Bởi lẽ đó, Thập Thiện Nghiệp sâu rộng chẳng có ngần mé, chẳng thể xem nhẹ! Cơ sở là nó, mà viên mãn cũng là nó. Đây là đức “*thiện ý dục*” thật sự.

Chúng ta nguyện cho người khác thiện, tâm địa của chính mình nhất định là thiện lương, thiện tâm, thiện hạnh. Không chỉ là nguyện cho người khác đắc hết thấy thiện, đắc pháp Thập Thiện, mà còn “*tấy trừ Hoặc cấu*”; “*Hoặc cấu*” là gì? Thập Ác, chúng tôi nói như vậy, quý vị cũng hiểu rất rõ, và cũng biết phải nên học tập như thế nào! Phải đoạn Thập Ác, tập khí của Thập Ác chúng ta đều có. Chẳng có tập khí của Thập Ác, sẽ không ở trong lục đạo. Trong ba ác đạo của lục đạo, tập khí Thập Ác nặng nề nhất. Nhân đạo nhẹ hơn một tí, thiên đạo càng nhẹ hơn. Càng lên cao hơn, càng nhẹ! Đến khi nào tập khí Thập Ác sẽ hoàn toàn chẳng có? Để hoàn toàn chẳng có mười ác nghiệp thì phải đạt tới đoạn Kiến Tư phiền não, cũng có nghĩa là: Đoạn hết thấy các chấp trước đối với pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng tạo nghiệp ấy. Quý vị khởi tâm động niệm sẽ tạo Thập Thiện, toàn là thiện ý dục, chẳng có ác ý. Chẳng có ác ý, ác niệm, ác tâm, sẽ là hạng người nào vậy? Từ A La Hán trở lên. Nhưng A La Hán tuy chẳng có ác niệm, ác tâm, ác ý, Ngài còn có tập khí. Tập khí chẳng dễ đoạn! Phải hiểu điều này!

Chúng ta muốn học tập, phải biết thực hiện từ chỗ nào? Học tập, thật sự dụng công trong cuộc sống hằng ngày, đều [vận dụng] trong tiếp xúc đại chúng. Trong tiếp xúc, phải hiểu điều quan trọng nhất là quan hệ nhân sự, [tức là] mối quan hệ giữa người và người với nhau. Quan hệ giữa người và người với nhau quyết định có duyên phận từ đời trước, đời quá khứ. Vì sao người xa lạ này ta chưa từng gặp, lần đầu tiên gặp gỡ bèn có hảo cảm; còn có những người cũng là lần đầu tiên gặp mặt, trước nay chưa từng gặp gỡ, lần đầu tiên gặp mặt đã chẳng thích? Chư vị ngẫm xem, nếu chẳng có kiếp trước, sẽ giải thích hiện tượng ấy chẳng suông! Làm sao có thể sanh ra hiện tượng ấy được? Kiếp trước có thiện duyên với quý vị, hễ gặp mặt bèn hoan hỷ. Kiếp trước có chuyện đụng chạm, oan gia, vừa thấy mặt, liền cảm thấy đáng ghét. Gặp nhau không khí sẽ chẳng êm đẹp, lần đầu tiên [gặp mặt], trước nay chưa từng gặp gỡ! Từ chỗ này, mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm này. Từ chỗ này, quý vị sẽ biết, con người có ba đời, có quá khứ, có hiện tại, có vị lai.

Người chẳng học Phật, hoặc là học Phật mà chẳng khế nhập cảnh giới, luôn thuận theo [nghiệp], đó gọi là “*lưu chuyển theo nghiệp*”, quý vị chẳng có cách nào hóa giải. Học Phật, sau khi đã khế nhập Phật pháp, sau khi đã khế nhập cảnh giới, sẽ hiểu, sẽ có thể như thế nào? Trong tùy duyên mà thành tựu cả ta lẫn người, giống như một trăm bốn mươi một nguyện ở đây. Trong quá khứ, bất luận là có thiện duyên hay có ác duyên [với kẻ khác], chỉ cần có duyên, sẽ có thể thân cận [người ấy]. Thân cận,

quý vị nhất định phải giúp người ấy đoạn ác tu thiện. Dẫu là oán thân trái chủ, chúng ta phải hóa giải oán kết. Người ấy có kèm theo tập khí! Ví như trong quá khứ chúng ta có vướng phải chuyện thiếu nợ, người ấy sẽ tham lợi, suy nghĩ phương cách để lừa gạt hoặc trộm cắp của quý vị, hoặc dùng thủ đoạn lòng gạt hồng đoạt lấy tài vật của quý vị. Sau khi học Phật, chúng ta chẳng có tâm sân khuể. [Không chỉ là] chẳng sân khuể, mà còn đối với người ấy rất hoan hỷ. Vì sao? Chúng ta biết có nhân, có quả, đại khái là đời trước chúng ta thiếu nợ họ, đời này phải nghĩ [bị họ lòng gạt, chiếm đoạt chính là] trả nợ! Cho người khác mượn tiền, phải ghi nhớ, từ nhỏ cha mẹ tôi đã dạy: “Cho người khác mượn tiền, quyết định chẳng cần đòi nợ”. Họ tự động trả lại quý vị, tốt lắm! Dẫu kẻ đó chẳng trả lại, chớ nên hỏi nữa. Khi hỏi, bằng hữu sẽ biến thành oán cừu, đạo lý này rất sâu. Tiền tài chẳng là gì cả, chúng ta có thể có được một người bạn tốt, điều này rất khó có!

Dẫu kẻ khác tổn thương quý vị, hủy báng, lăng nhục, tổn hại quý vị sau lưng, đều nên nghĩ là trả nợ, bản thân chúng ta tâm địa sẽ bình lặng. Người khác mách lại: “Kẻ nào đó ở sau lưng nói này nọ, phê phán quý vị”, chúng ta phải biết lập tức ngăn chặn, không cho họ mách leo: “Người ấy thường ngày kết giao với tôi rất tốt, làm sao có thể hủy báng tôi cho được?” Dẫu hủy báng, ta cũng phủ nhận: “Người ấy chẳng nói trước mặt tôi”. Bị nói ngay trước mặt, nếu người khác hỏi đến, [luôn trả lời]: “Hiểu lầm đấy mà! Hoặc là người ấy có điều gì gây xúc động nhất thời, quyết chẳng phải là thật”. Nói chung phải nghĩ ra biện pháp viên mãn để giải quyết hài hòa! Hiện thời, trên thế giới đang hóa giải xung đột! Dùng trí huệ, dùng thành ý, sẽ hóa giải được! Sau khi đã hóa giải, đối phương cảm ơn quý vị, chớ nên không hiểu đạo lý này! Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, oan gia nhiều, ân nhân ít, là do nguyên nhân nào? Nếu quý vị tư duy cẩn thận, sẽ chẳng khó hiểu! Chúng ta đời đời kiếp kiếp qua lại với người khác, kết ân huệ ít ỏi, chứ hữu ý hay vô ý làm mất lòng kẻ khác, kết oán nhiều lắm!

Đặc biệt là trong một thế kỷ gần đây, có thể nói một thế kỷ là ba thế hệ. Trong xã hội chẳng nói tới luân lý, đạo đức. Chẳng nói tới luân lý đạo đức, mọi người qua lại với nhau, cơ hội kết oán nhiều, kết ân huệ ngày càng ít. Vì thế, trong xã hội này, chúng ta nhìn từ nhân quả, [sẽ biết] xã hội từ nay về sau ngày càng loạn. Nguyên nhân là do giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục tôn giáo, giáo dục tín ngưỡng nhân quả chẳng có, ngày càng mỏng manh, phai nhạt! Ai nấy đều tùy thuận tập khí phiền não của chính mình, tạo tác hết thảy ác nghiệp, chẳng biết có quả báo. Chuyện

này phiền phức hơn bất cứ gì khác, đấy chính là nghiệp nhân thật sự khiến cho xã hội động loạn. Nay chúng ta đề xướng giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả, và giáo dục tôn giáo để cứu những thứ ấy, chẳng phải là [cứu vãn] từ căn cội, mà là dụng công nơi duyên. Cái nhân thật sự là chính mình phải giác ngộ, chẳng tạo ác nghiệp; đấy là [dụng công] từ cái nhân, nhân mới là căn bản.

Chúng ta suốt đời đối xử tốt với người khác, gặp phải kẻ đối xử với ta chẳng ra gì, ta vẫn đối xử tốt đẹp đối với họ, oán kết mới có thể hóa giải. Sau khi đã hóa giải, nếu đời sau mà thế giới này động loạn, chúng ta sẽ chẳng bị sanh vào thế giới này. Vì sao? Nghiệp khác nhau. Chúng ta là tâm địa thuần tịnh thuần thiện, chẳng có ác niệm, chẳng có oan gia đối đầu, quý vị sẽ sanh sang một thế giới tương ứng, thế giới ấy có thể là thiên đạo! Nhân gian loạn lạc, thiên đạo vẫn chưa loạn, hướng hồ cõi trời có rất nhiều tầng cấp. Kinh Phật nói hai mươi tám tầng trời, tùy thuộc tâm hạnh của chính chúng ta, trong tương lai tương ứng với thiên đạo nào, sẽ tự nhiên đi vào đó. Vì thế, lục đạo luân hồi chẳng có ai làm chúa tể, mà là do nghiệp cảm. Thiện nghiệp cảm thiện xứ, ác nghiệp cảm ác xứ, đạo lý là như thế đó. Người thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch nhân quả, bất luận ở trong hoàn cảnh nào, tâm sẽ định, chẳng loạn. Tâm địa là thanh tịnh, tâm địa là từ bi, trong tâm địa tuyệt đối chẳng có mảy may oán hận, đúng là “*tẩy trừ hoặ c cấu*” (gột rửa bụi như mê hoặ c). “*Hoặ c*” (惑) là mê hoặ c, “*cấu*” (垢) là phiền não, đương nhiên là như vậy sẽ đắ c “*thiện ý dục*”. Vì dục vọng đều là thiện, đều là thanh tịnh, cho nên chính mình thành tựu “*Thất Giác, Tam Không*”. Câu thứ bảy...

(Số) Thất, nguyện ư tha sở tác giai biệ n, cụ chư Phật pháp, tắc tự thành mẫ n Bồ Đề hạnh đức.

(疏)七願於他所作皆辦具諸佛法，則自成滿菩薩行德。

(Số: Bảy là nguyện cho người khác các việc làm đều hoàn thành, đầy đủ Phật pháp, sẽ thành tựu viên mãn hạnh đức Bồ Đề của chính mình).

Mười câu này đúng là chúng ta xử sự, đắ i người tiếp vật, là mười điều nguyện tắc ắ t phải tuân thủ. Niệm niệm nguyện cho hết thảy chúng sanh “*sở tác giai biệ n*” (việc làm đều hoàn thành), nay chúng ta nói là “*mọi sự như ý*”. Chuyện này tốt lắm! Sau đấy còn có “*cụ chư Phật pháp*” (đầy đủ các Phật pháp), mọi chuyện đều là thiện sự, quyết định chẳng có ác hạnh. Quyết định chẳng có hành vi ác, vì đắ “*cụ chư Phật pháp*”. “*Cụ*” (具) là trọn đủ, Phật pháp là gì? Phật pháp là pháp “*giác, chánh, tịnh*”;

giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Nói cách khác, chư Phật nói theo giáo tướng sẽ là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị ấy đều là Phật. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, Sơ Trụ là thành Phật.

“*Cụ chư Phật pháp*”, mọi chuyện như ý, trong pháp thế gian, bất luận trong cuộc sống hằng ngày, sống ở nhà, quý vị làm bất cứ nghề nghiệp gì trong xã hội. Qua năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài ở cuối kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy năm mươi ba vị thiện tri thức, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều có, biểu thị điều gì? Biểu thị trong xã hội hiện thực, bất luận quý vị là thân phận gì, bất luận quý vị theo đuổi nghề nghiệp gì, chỉ cần quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, sẽ là Bồ Tát, là Phật. Đây là “*cụ chư Phật pháp*”. Có thể nguyện như vậy hướng về hết thấy chúng sanh, lẽ nào chính mình chẳng thể thành tựu? Chính mình nhất định sẽ thành mãn, [tức là] không chỉ thành tựu, mà còn [thành tựu] viên mãn! “*Bồ Tát hạnh đức*”: Bồ Tát hạnh là Lục Độ, Tứ Nhiếp. Viên mãn Lục Độ, Tứ Nhiếp, quý vị sẽ thấy thành tựu viên mãn. Thành tựu viên mãn Bồ Tát hạnh, sẽ “*nhập Trụ vị*”, tức là dự vào hàng Sơ Trụ. Viên mãn hạnh Thập Tín bèn nhập Sơ Trụ, Sơ Trụ là thành Phật. Đối với Thập Tín Bồ Tát, trong phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều, chư vị phải ghi nhớ.

Các đồng học Tịnh Tông, chúng ta tu học năm khoa mục, đúng là “*giản, yếu, tường, minh*”, [nghĩa là] đơn giản, trọng yếu ngắn gọn, mà cũng rất đầy đủ, rành mạch, rất dễ nhớ! Tịnh Nghiệp Tam Phước, Lục Hòa Kính, Tam Học Giới Định Huệ, Lục Độ, mười nguyện Phổ Hiền, xét theo hạnh môn chính là hạnh đức của Tịnh Tông, bao gồm năm khoa mục ấy! Năm khoa mục ấy trọn đủ Bồ Tát hạnh, học từ chỗ nào? Từ Tịnh Nghiệp Tam Phước, từ Lục Hòa Kính, thực hiện từ chỗ này! Tịnh Nghiệp Tam Phước hoàn toàn là đối với chính mình, nhằm thành tựu “*tự đức*” (自德, đức hạnh của chính mình). Lục Hòa Kính là sống chung với mọi người, cư xử với đại chúng, chúng ta nói là “*chung sống hòa thuận*”. Cơ sở để chung sống hòa thuận nhất định là đối đãi bình đẳng; bất bình đẳng sẽ chẳng có hòa thuận. Vì thế, người Hoa nói “*hòa bình*”, Hòa là quả, Bình là nhân. Người Nhật nói tương phản với người Hoa. Người Hoa nói hòa bình, người Nhật nói Bình Hòa, có lý lắm. Họ đã đặt nhân ở trước, quả ở đằng sau, còn người Hoa nói quả ra trước, nhân ở sau, là vì mọi người thích cái quả, lại còn hết sức coi trọng. Quý vị thấy cái quả tốt đẹp, lại nói với quý vị về cái nhân, Phật pháp cũng là như thế. Trong những điều đức Phật đã nói, nhất định là trước hết nói về quả, sau đó nói

về nhân. Ví như nói Tứ Đế, Khổ là quả báo, Tập là nhân, chính là nhân quả thế gian. Diệt là quả, Đạo là nhân, xuất thế gian. Do vậy, thường là đức Phật nói điều gì, nhất định là nói quả trước, sau đó nói đến nhân.

Do vậy, đối với cách nói của người Nhật, tôi thấy vậy cũng rất hoan hỷ. Họ nói Bình Hòa, [hàm ý] có bình đẳng thì mới có hòa thuận; chẳng có bình đẳng, chắc chắn là chẳng có cư xử hòa thuận. Trước hết, chúng ta phải dùng tâm bình đẳng để nhìn hết thấy người, sự, vật; sau đấy, sẽ tự nhiên cư xử hòa thuận. Bình đẳng quan trọng lắm, trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói điều này quá nhiều! Thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chỗ sâu thẳm trong nội tâm. Hóa giải sự đối lập với hết thấy mọi người từ chỗ sâu thẳm trong nội tâm của chính mình. Đối với sự đối lập cùng hết thấy sự, đối lập cùng hết thấy vạn vật, hãy hóa giải đối lập, đấy là công phu, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền. Chỉ cần đối lập với một pháp, tâm bình đẳng sẽ chẳng thể hiện tiền. Tâm bình khí hòa mà! Hễ có đối lập, tâm sẽ chẳng bình, khí sẽ chẳng hòa, đấy là công phu. Chư Phật, Bồ Tát tu điều này, hết sức nghiêm túc tu tập môn công khóa này!

Trong Pháp Tướng Tông có nói “tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở”, đương nhiên quan trọng nhất là tám thức, chúng được gọi là Bát Tâm Vương. A Lại Da được gọi là Tạng Thức, [vì nó] chứa đựng chủng tử, điều này rất khó hiểu! Rốt cuộc A Lại Da Thức ở chỗ nào? A Lại Da, Mạt Na, Ý Thức đều chẳng có hình tướng, chẳng phải là vật chất, nhưng chúng thật sự có. Có ở chỗ nào vậy? Quý vị chẳng tìm thấy, chẳng nhìn thấy, chẳng nghe thấy, mà cũng chẳng lắng nghe thấy, cũng chẳng sờ thấy, nhưng nó là thật sự có. Mỗi cá nhân, nói thật ra, A Lại Da Thức là một, lại có sai khác, thứ này lạ lùng thay! Nói chung là một Thể, “*sai biệt*” là mỗi người đều có. A Lại Da giống như một cái kho tài liệu. Cái kho tài liệu ấy là một, nhưng trong kho tài liệu, mỗi cá nhân đều có hồ sơ riêng! Chúng ta đời đời kiếp kiếp khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác thấy đều có ghi chép. Những ghi chép ấy là gì? Chúng ta thường nói là “*ấn tượng*”. Như mấy năm trước, chúng ta đã làm chuyện gì đó, quý vị có còn ấn tượng hay không?

Giống như mấy hôm nay, do chúng tôi biểu tặng Đại Tạng Kinh, tôi nghĩ đến giảng đường Quang Minh ở phố Lam Đường. Ba mươi năm trước, năm 1977, tôi đến đó giảng kinh Lăng Nghiêm hai tháng, pháp duyên hết sức thù thắng. Tôi đã ở đó hai tháng, phải nên tặng họ một bộ Đại Tạng Kinh. Tôi cậy người đến đó hỏi ý pháp sư Đăng Duyệt, họ cho tôi biết, pháp sư Đăng Duyệt đã khuất núi chín năm rồi, chúng tôi chẳng biết chút gì! Tuổi Sư chẳng chênh lệch với tôi cho mấy. Những vị xuất gia

ở Hương Cảng vào ba mươi năm trước, những bạn bè cũ, một nửa đã khuất bóng! *“Thế gian vô thường, quốc độ mong manh”*, đức Phật dạy như vậy! Nghĩ lại Hương Cảng ba mươi năm trước và các đồng tu ba mươi năm trước, ấn tượng rất sâu đậm, tưởng tượng giống như ngày hôm qua. Đây là gì? Lôi [hồ sơ] từ trong kho tài liệu của A Lại Da Thức ra, hiện tượng ấy lập tức nổi lên ngay trước mặt. Nó thật sự có; nếu chẳng phải là như vậy, làm sao quý vị có thể nhớ chuyện ba mươi năm trước? Vậy thì A Lại Da rốt cuộc ở chỗ nào?

Phật pháp nói khắp pháp giới, hư không giới là một A Lại Da, một Mạt Na, một ý thức, điều này chẳng dễ hiểu! Nếu chúng ta hỏi, hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, quý vị có biết trong hư không có bao nhiêu sóng điện? Rất nhiều! Trong sóng điện có bao nhiêu tài liệu? Ngẫm ra, vô lượng vô biên. Quý vị thấy cái computer, nối vào Internet, quý vị nhấn một nút, thứ này thứ nọ sẽ hiện ra, rốt cuộc tàng trữ ở nơi đâu? Trong hư không! Khoa học có thể giúp chúng ta lý giải rốt cuộc A Lại Da là gì. Kho tài liệu ấy giống như toàn thể hư không, toàn thể hư không là một. Hết thầy chúng sanh có cùng một A Lại Da, nhưng mỗi cá nhân có tài liệu riêng, tài liệu là cá biệt. Tài liệu ấy chẳng lìa khỏi hư không.

Vì thế, người đắc Lục Thông, người có công phu cao minh, có thể nhận tài liệu của quý vị, trong Cao Tăng Truyện có chép chuyện này. Xác thực là có người có năng lực như vậy, có thể lôi hồ sơ của quý vị ra, hay khéo tốt bậc! Những văn tự do quý vị đã viết, đều chẳng còn nữa, đã quên tuốt, người ấy có cách lấy những văn tự ấy cho quý vị xem. Xác thực là do quý vị viết, quý vị đã học hành từ bao nhiêu năm đã viết ra. Chính mình chẳng có bản thảo, có sao người ấy có thể lấy ra? Người ấy đã lấy hồ sơ từ trong A Lại Da Thức của quý vị, giống như computer hoặc máy fax trong hiện thời, hạ tải (download) văn tự của quý vị. Hiện thời, còn tinh vi hơn nữa, toàn thể sắc tướng và văn tự đều có thể lấy ra!

A Lại Da, Mạt Na, ý thức là hư không, không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta khởi tâm động niệm có nên cẩn thận hay không? Quý vị dấy lên thiện niệm, sẽ lưu trong hồ sơ. Dấy ác niệm, cũng lưu lại. Đức Phật dạy: *“Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân”*, những thứ ấy có thể mang theo được, đời đời kiếp kiếp chẳng lìa bỏ quý vị. Trong A Lại Da Thức, chủng tử của mười pháp giới thầy đều trọn đủ. Vì thế, đối với Thân Nhân Duyên, ai nấy đều như nhau. Những thứ khác, tức Sở Duyên Duyên, Vô Giáns Duyên, và Tăng Thượng Duyên, mỗi người mỗi khác! Thân Nhân Duyên là như nhau, hoàn toàn ở trong A Lại Da, ở ngay trong hư không

pháp giới. Hư không pháp giới to cỡ nào, A Lại Da to cỡ đó. Vì sao? Hư không pháp giới do chính A Lại Da biến ra. Hiện thời, chúng ta dùng sóng điện từ, quý vị thấy trên thế giới có bao nhiêu địa chỉ Internet. Những thứ ấy, sóng điện từ đều ở trong hư không. Quý vị chỉ cần nối vào địa chỉ ấy, sẽ có thể hạ tải tài liệu của nó. Hãy suy nghĩ từ chỗ này, rất gần gũi!

Khi quý vị đã biết, cái tâm của chúng ta, chân tâm và vọng tâm của chúng ta to như nhau! Chân tâm là giác chứ không mê, vọng tâm là mê mà bất giác, sai biệt ở ngay chỗ này. Chân và vọng chẳng hai. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát có năng lực hạ tải tài liệu từ trong A Lại Da Thức của chúng ta. Các tài liệu từ vô thủy kiếp tới nay, các Ngài đều có thể hạ tải, các Ngài biết quý vị đời đời kiếp kiếp đã làm những gì. Vì thế, chẳng có gì mà hòng có thể giấu giếm, che đậy khiến cho kẻ khác chẳng biết! Chẳng có lẽ ấy! Trong tương lai, khi chúng ta đào thải hết sạch tập khí phiền não, sẽ khôi phục năng lực ấy. Đối với tài liệu trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh khắp pháp giới, hư không giới, chúng ta cũng có thể bất cứ lúc nào rút ra toàn bộ để xem. Trong ấy, chẳng có bí mật, mà cũng chẳng có quyền uy đặc biệt nào! Ai có năng lực mở cánh cửa ấy, sẽ đều thấy toàn bộ. Chỉ cần diệt trừ chướng ngại, chướng ngại là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị diệt trừ một ái, sẽ thấy một phần. Điều thứ nhất là chấp trước. Nếu chẳng có chấp trước, quý vị đã mở được cửa, sẽ thấy được một phần, trong kinh đức Phật đã dạy như vậy. Năng lực của A La Hán có thể biết năm trăm năm trong quá khứ, năm trăm năm trong vị lai. Nói cách khác, đối với chuyện năm trăm năm trong quá khứ của ta, A La Hán có thể thấy hồ sơ ấy. Chuyện trong năm trăm năm vị lai, Ngài cũng biết, nhân quả tuần hoàn!

Bất quá ở đây là trong định số có biến số, biến số ấy luôn luôn biến đổi, cộng, trừ, nhân, chia! Do điều gì vậy? Gặp duyên bất đồng. Gặp Phật pháp, thiện biến thành nhiều, ác biến thành ít. Chẳng gặp Phật pháp, thiện giảm ít, ác biến thành nhiều. Cộng, trừ, nhân, chia; do vậy, gặp gỡ Phật pháp có tầm trọng yếu dường ấy! Duyên ấy rất khó gặp, trong kinh, đức Phật thường nói: *"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe"*. Thật sự gặp duyên phật tốt như vậy, *"bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ"* (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ) là lời thật, chớ nên khinh thường, bỏ lỡ! Hãy nghiêm túc nỗ lực học tập, nhất định phải thành tựu, thành tựu thẳng diệu công đức ngay trong một đời này, như vậy thì chúng ta sẽ chẳng luống uổng một đời này!

Thẳng diệu công đức, hiện tiền quý vị có thể hưởng thụ, hưởng thụ gì? Diện mạo từ bi, an lành, thân thể khỏe mạnh, quý vị sẽ sống hết sức

vui sướng. Chẳng cần phải giàu có, kẻ giàu có tuy giàu nhưng chẳng vui. Chẳng cần giàu có, [cần] vui sướng. Thân thể nhất định khỏe mạnh, Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày ăn một bữa, cũng chẳng chọn lựa gì, đi khát thực, cho gì ăn nấy, thân thể càng ăn càng khỏe, dung mạo ngày càng sáng ngời. Đạo lý gì vậy? Trong quá khứ, tôi ở Đài Trung theo thầy Lý mười năm, thầy mỗi ngày ăn một bữa, ở một mình trong căn nhà nhỏ. Căn nhà ấy tại Đài Loan rộng mười lăm Bình, một Bình (坪) là ba thước vuông. Mười lăm Bình là bốn mươi lăm mét vuông, rất nhỏ, sống một mình. Giặt quần áo, nấu cơm, đều là tự mình, chẳng có ai hầu hạ. Cụ cũng cụ tuyệt, chẳng cần ai chăm sóc. Chín mươi lăm tuổi, cụ mới phát từ bi tâm, cho phép hai học trò chăm sóc cụ. Trước lúc chín mươi lăm tuổi, toàn là tự mình nấu cơm, tự mình giặt quần áo, vui sướng! Chứng tỏ điều gì? Thân thể khỏe mạnh, chín mươi lăm tuổi vẫn có thể giặt quần áo, vẫn có thể nấu cơm.

Cụ ăn uống rất đơn giản. Một cái nồi nhỏ, đem theo một chiếc nồi nhỏ. Cơm và thức ăn đựng chung với nhau, nồi là nó, mà chén cũng là nó, chẳng cần phải rửa cái thứ hai. Nấu xong xuôi, ăn xong, rửa một cái nồi là sạch sẽ rồi! Sạch sẽ gọn gàng, đơn giản lắm thay! Suốt đời cụ ăn rau xanh, đậu hủ, thân thể khỏe mạnh, chẳng ai có thể sánh bằng! Tôi theo học với cụ, cũng bắt chước ăn một bữa. Tôi ăn suốt năm năm, giống như cụ, hoàn toàn học theo cụ. Nhưng tôi ăn nhiều hơn cụ, mỗi bữa, tôi ăn nhiều hơn cụ. Mỗi bữa của cụ hai đồng là đủ rồi, mỗi bữa của tôi phải tốn ba đồng. Vui sướng lắm! Kẻ bình phàm chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này. Đấy gọi là *"Khổng Nhan chi lạc"* (niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi). Xưa kia, người đọc sách thường nói đến niềm vui của Khổng phu tử và Nhan Hồi là ở chỗ nào? *"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hử?"* Người thế gian chẳng thấu hiểu niềm vui ấy, người thế gian coi điều gì là lạc? Ngũ dục lục trần là lạc. Ngũ dục lục trần tiêu hao tinh lực, giảm thiểu phước báo. Niềm vui của Phật, Bồ Tát và các vị thánh hiền mới là chân lạc; chẳng nhập cảnh giới ấy, sẽ không có cách nào tưởng tượng được!

Từ chỗ này, chúng tôi nghĩ cổ nhân đã nói: *"Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất"*, đấy là chân lý! Nếu quý vị muốn khỏe mạnh, ăn uống càng thanh tịnh, càng đơn giản càng hay. Đấy là khỏe mạnh nhất, nhưng tâm càng [cần phải] thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, quý vị sẽ làm không được, chớ nên không hiểu đạo lý này! Thân thể con người là một cỗ máy, cỗ máy cần năng lượng để hoạt động. Ăn uống là bổ sung năng lượng. Thân thể mỗi cá nhân có kẻ thì tiêu hao năng lượng, có kẻ

thì tiết kiệm năng lượng. Nói chung, người tu hành rất tiết kiệm năng lượng. Đối với chuyện tiêu hao năng lượng, tôi đã thảo luận vấn đề này với thầy Lý, tôi nêu ý kiến, thầy đồng ý, ấn chứng cho tôi! Tôi cho rằng tiêu hao năng lượng, chín mươi phần trăm là bị tiêu hao bởi vọng niệm. Nói cách khác, vọng niệm càng ít, tiêu hao năng lượng càng ít. Vì thế, thầy ăn một bữa đủ rồi. Người tu hành ăn một bữa. Chư vị phải biết: A La Hán bảy ngày ăn một bữa, Bích Chi Phật nửa tháng ăn một bữa, tức là mười bốn ngày ăn một bữa. Vì sao? Ngài tiêu hao ít ỏi! [Dầu ăn ít] vẫn đủ! Ăn một bữa, có thể no suốt tuần, tiêu hao năng lượng ít! Kẻ bình phàm ngày ăn ba bữa vẫn chẳng đủ, vẫn phải ăn mấy thứ lót dạ. Đó là gì? Lượng tiêu hao quá lớn; nếu họ chẳng bổ sung, sẽ ngã bệnh. Quý vị chớ nên không hiểu đạo lý này!

Lượng tiêu hao ấy, phải là chín mươi lăm phần trăm bị tiêu hao nơi vọng niệm. Người tu hành tâm thanh tịnh, chẳng có vọng niệm, cho nên lượng tiêu hao rất ít. Công việc không tiêu hao [năng lượng] nhiều lắm! Tôi nhìn vào thầy Lý, tôi cẩn thận quan sát lão nhân gia, khi tôi theo Ngài, lão nhân gia đã bảy mươi một tuổi, đã vào khoảng hơn bảy mươi tuổi. Lượng công việc của cụ bằng với khối lượng công việc của năm người bình phàm! Quý vị đến Đài Trung, muốn gặp cụ, nhất định là phải liên lạc trước đó một tuần, cụ sắp xếp thời gian để tiếp kiến quý vị. Chứ quý vị đột ngột đến tìm cụ, tuyệt đối sẽ chẳng tìm thấy, thời gian của cụ đầy ắp. Bận rộn ngần ấy, mỗi ngày ăn một bữa! Tôi quan sát từ chỗ này, mới hiểu năng lượng không tiêu hao do công việc. Công việc tiêu hao năng lượng chẳng nhiều cho mấy, vọng niệm tiêu hao quá nhiều. Tôi nêu lên cách nhìn này, thầy gật đầu: “Đúng!” Ấn chứng cho tôi, cách nhìn ấy chánh xác. Vì thế, chúng ta hãy tận hết sức giảm thiểu vọng tưởng, ăn một bữa sẽ ăn rất thoải mái, lại còn ăn hết sức đơn giản. Thầy Lý là người Sơn Đông, thích ăn mì. Mỗi bữa cơm nấu một bát canh, thức ăn và canh nấu chung, thành một chén, [kèm thêm] hai cái mạn đầu (bánh bao không nhân). Tôi cũng học theo cụ, nhưng tôi phải ăn ba cái mạn đầu, hai cái không đủ, cho thấy tâm tôi chẳng thanh tịnh như cụ. Lượng công việc của cụ nhiều hơn tôi, cụ ăn ít hơn tôi! Hiểu đạo lý này, quý vị sẽ không thấy lạ lùng!

Ăn uống ít, chẳng phải cầu cạnh ai, cuộc sống dễ dàng, đơn giản! Cổ nhân đã dạy: “*Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao*” (Con người đạt đến mức không mong cầu, phẩm hạnh tự cao), chẳng cầu cạnh người ta. “*Ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu*” (Chẳng tranh giành với người khác, chẳng cầu cạnh cõi đời), đây là sự hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời. Có cầu,

có tranh, vất vả quá, lắm nỗi bận lòng, mệt lắm! Đòi người khổ sở, ngăn ngui, làm chuyện ấy để làm chi? Toàn làm những thứ ở ngoài thân, chẳng mang theo được gì! Vì thế, nhất định phải giác ngộ, chẳng giác ngộ sẽ sai mất rồi. Do đó, nguyện cho chúng sanh mọi chuyện như ý, đều có thể tương ứng với giáo huấn của đức Phật, Bồ Tát hạnh của chính mình sẽ có thể thành tựu. Cũng chỉ có Bồ Tát hạnh thành tựu thì mới có tâm lượng ấy. Tụ và Tha xác thực là một, chẳng hai! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1497

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ ba trong phần chú giải của Thanh Lương đại sư, “*nguyện sở vi cảnh thành lợi ích*” (願所為境成利益, các lợi ích được tạo thành từ các cảnh để thực hiện nguyện). [Xin xem] câu thứ tám trong phần Biệt Hiển. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Sớ) Nguyện ư tha xá chúng tụ pháp, thành Nhất Thiết Trí, tắc tụ thành tựu Như Lai thập chủng trí lực.

(疏)願於他捨眾聚法成一切智，則自成就如來十種智力。

(Sớ: Nguyện cho người khác bỏ các tụ pháp, thành Nhất Thiết Trí, nên chính mình thành tựu mười thứ trí lực của Như Lai).

Ba chữ “*nguyện ư tha*” (nguyện cho người khác) ở đằng trước [câu Sớ trên đây] chính là câu “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh) trong một trăm bốn mươi một nguyện. Câu thứ hai trong mỗi nguyện hoàn toàn giống nhau, [tức là câu] “*đương nguyện chúng sanh*”. Cảnh giới [của mỗi nguyện đều] là hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Đây là “*nguyện ư tha*”. Bỏ các tụ pháp thì mới có thể thành Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Trí là nói đến điều gì? Đây là kiến thức thông thường trong Phật học, chúng ta nhất định phải hiểu minh bạch, hiểu rõ ràng. Trong chữ Phật, bao hàm ba loại trí và ba loại giác. Vì thế, chữ Phật chẳng dễ phiên dịch, chỉ đành dùng cách phiên âm. Đây là [từ ngữ thuộc loại] “*do chứa đựng nhiều nghĩa, nên không dịch*”. Nếu chúng ta dịch thành Trí, hoặc dịch thành Giác, cố nhiên là không sai, nhưng chữ Trí trong tiếng Hán chẳng có ý nghĩa ấy, chẳng có ba loại ý nghĩa ấy. Chữ Giác trong tiếng Hán cũng chẳng có ba loại ý nghĩa ấy. Vì thế, chẳng thể không dùng cách phiên âm. Ba thứ trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chúng Trí, và Nhất Thiết Chúng Trí. Trong chữ Phật Đà có ba loại trí

ấy. Ba thứ giác là tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn. Trí và Giác trong tiếng Hán đều chẳng có ba ý nghĩa ấy!

Nhất Thiết Trí là biết bản thể của các pháp. Phật pháp nói đến Tổng Tướng, Tổng Tướng là gì? Tổng Tướng là Không. Vì vậy, *“thành Nhất Thiết Trí”* là biết hết thấy các pháp rốt ráo đều là Không. Trong Phật môn thường nói *“vạn pháp giai Không”* (muôn pháp đều là Không), chữ Vạn này chẳng phải là một con số, mà Vạn là *“hết thấy các pháp”*. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian “Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không”. Kinh Bát Nhã đã giảng đạo lý này hết sức thấu triệt! Tổng kết của kinh Bát Nhã là như trong kinh Kim Cang đã nói rất hay. Người Hoa rất quen thuộc kinh này, bất luận học Phật hay không học Phật, người đọc sách xưa kia, chẳng có ai nói “tôi chưa từng đọc kinh Kim Cang”. [Nếu có], những người như vậy rất ít! Người đọc sách tối thiểu là trong đời này cũng đã đọc mấy thiên! Kinh Kim Cang dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, đây là Nhất Thiết Trí. Sau đây, [trong phần sau của kinh Kim Cang] có bốn câu kệ hết sức nổi tiếng; đây cũng là tổng kết của kinh Bát Nhã: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán”* (Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như vậy). Đây là những điều đức Phật dạy bảo hàng Bồ Tát. Pháp hữu vi là pháp có sanh, có diệt. Chư vị hãy ngắm xem, có pháp nào chẳng sanh diệt? Nay chúng ta nói đến động vật, động vật có sanh, lão, bệnh, tử. [Nói đến] thực vật thì thực vật có sanh, trụ, dị, diệt. Núi, sông, đại địa cũng có thành, trụ, hoại, không. Hiện thời, tri thức của chúng ta về vấn đề này càng phong phú. Từ viễn vọng kính của thiên văn, ta thấy các tinh cầu trong vũ trụ xác thực là có sanh diệt. Diệt thì quá nửa là bùng nổ. Trông thấy một luồng chớp sáng lòa; sau đấy, chẳng còn nữa! Ngôi sao ấy chẳng còn nữa. Sao sanh ra, tức tinh cầu mới [xuất hiện], vốn nơi ấy chẳng có, đột nhiên phát hiện. Có một luồng ánh sáng, quan sát cẩn thận, sẽ thấy có ngôi sao mới xuất hiện, chứng tỏ thế giới *“thành, trụ, hoại, không”* như đức Phật đã dạy trong kinh. Những thứ ấy thấy đều là vô thường, đều là pháp hữu vi! Tất cả các hiện tượng tự nhiên đều chẳng vĩnh hằng, đều biến hóa trong từng sát-na. Đây là pháp hữu vi.

“Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, chẳng thật, cho thấy: “Tướng có, Tánh không, Thể chẳng có”. Vì thế, nhìn từ Lý Thể của vạn pháp, sẽ là Nhất Thiết Trí. Người nào đã chứng đắc? A La Hán chứng đắc. A La Hán có Nhất Thiết Trí, chẳng có Đạo Chứng Trí, Ngài biết muôn pháp đều là Không. Nhưng hiện tượng thì có, vì sao nó

có? A La Hán không biết! A La Hán chỉ biết những hiện tượng ấy là giả, chẳng thật! Nhưng vì sao có giả tượng ấy? Giả tượng biến huyền vô cùng, rốt cuộc là chuyện như thế nào? Loại trí huệ ấy được gọi là Đạo Chung Trí, Đạo (道) là đạo lý, Chung (種) là “*chủng chủng*” (種種, các thứ), “*chủng chủng*” chính là vạn pháp. Vạn sự vạn pháp trong vũ trụ, các thứ ấy do đạo lý gì mà hình thành? Vì sao có chúng? Trí huệ ấy (trí huệ hiểu rõ những đạo lý ấy) được gọi là Đạo Chung Trí. Bồ Tát có Đạo Chung Trí. Do vậy, Bồ Tát cao minh hơn A La Hán. Không và Có là một, không hai, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng có cách nào dung hội thấu suốt đạo lý này. [Trí huệ do] đức Phật đã chứng đắc được gọi là Nhất Thiết Chung Trí, Nhất Thiết là Nhất Thiết Trí, Chung Trí là Đạo Chung Trí. Nhất Thiết Chung Trí là nói rõ “*Không và Có là một, chẳng hai*”. Vì thế, đây là ba thứ trí do đức Phật đã chứng, Không và Có là một, không hai.

Giác tức là ba thứ giác. Tự giác: Trong bốn mươi một nguyện, câu đầu tiên là tự giác, câu thứ hai là giác tha, câu ba và bốn đúng là giác hạnh viên mãn. Những câu ấy đều tương ứng với ba loại trí và ba loại giác. Nếu quý vị muốn thành tựu trí huệ, “*xả chúng tụ pháp*” (bỏ các tụ pháp), quý vị phải buông xuống! “*Chúng tụ pháp*” (眾聚法) là hết thảy các pháp, [“*xả chúng tụ pháp*” nghĩa là] hết thảy các pháp đều phải buông xuống. Buông xuống, ở chỗ này phải chú ý, chẳng phải là nói “mọi sự đều buông xuống, chuyện gì cũng đều chẳng muốn làm”. [Nếu hiểu] như vậy, quý vị đã sai mất rồi, đã hiểu lầm mất rồi! Nếu chuyện gì cũng đều buông xuống, Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, Ngài cũng chẳng cần phải dành ra bốn mươi chín năm để giảng kinh, thuyết pháp cho mọi người. Vì mọi người giảng kinh là Sự, nói theo phía chúng ta, cần gì phải vất vả, khổ sở như thế cơ chứ?

Thuở đức Phật tại thế, giảng kinh, thuyết pháp chẳng dễ dàng, chẳng giống như chúng ta trong hiện thời. Theo kinh điển ghi chép, lão nhân gia mỗi ngày giảng kinh mấy tiếng đồng hồ? [Tính theo] thời gian hiện thời là tám tiếng đồng hồ! Vào thuở ấy, tại cổ Ấn Độ, thuở đức Phật tại thế, người Ấn Độ chia một ngày đêm thành “*lục thời*”, tức là chia thành sáu thời thần, ngày ba thời, đêm ba thời. Đối với [các thời thần thuộc] ban ngày, họ gọi là “*sơ nhật phần, trung nhật phần, hậu nhật phần*”. Đây là ba thời thần ban ngày. Ban đêm cũng là ba thời thần, tức “*sơ dạ phần, trung dạ phần, hậu dạ phần*”, chia thành ba thời như vậy. Vì thế gọi là “*lục thời*”. Kinh Phật thường nói “*lục thời*”, chư vị phải hiểu, “*lục thời*” là nói theo [cách phân chia thời gian của] Ấn Độ. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, người Ấn Độ nói đến “*thời thần*” thì “*lục thời*” là

một ngày đêm. Hiện thời, chúng ta chia một ngày đêm thành hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ là cách chia giờ theo người phương Tây. Người Hoa chia [một ngày đêm] thành mười hai “*thời thần*” (時辰), tức Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. “*Thời*” của Ấn Độ lớn, “*thời*” của Trung Hoa nhỏ.

Hiện tại, người phương Tây dùng hai mươi bốn giờ; do vậy, chúng ta gọi nó (“*giờ*” của phương Tây) là “*hai mươi bốn tiểu thời*”. Do như vậy mà có [từ ngữ] “*tiểu thời*”, nó nhỏ hơn “*thời*” của Trung Hoa [thời cổ]. Một “*thời thần*” của Trung Hoa bằng hai giờ hiện thời. Một “*thời thần*” của Ấn Độ bằng hai “*thời*” của Trung Hoa, tức là bốn giờ hiện thời. “*Hai thời*” giảng kinh tức là tám giờ hiện thời. Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày giảng tám giờ cho mọi người, quá khó có, rất khó có! Thầy giáo ở trường nào sẽ sắp xếp thời khóa biểu mỗi ngày dạy học tám tiếng đồng hồ? Ngài cũng chẳng có ngày nghỉ cuối tuần, cũng chẳng có nghỉ phép. Hiện thời mà giảng suốt tuần, bảy lần tám là năm mươi sáu giờ, tìm khắp cả thế giới không thấy! Từ chỗ này, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật yêu nghề, quý vị thấy được tinh thần yêu nghề của Ngài. Khởi đầu từ ba mươi tuổi cho đến bảy mươi chín tuổi vãng sanh, giảng kinh, thuyết pháp chưa từng gián đoạn. Không chỉ có ngôn giáo, quan trọng hơn là thân giáo. Nói năng, cử chỉ, đi, đứng, ngồi, nằm, đều nêu gương cho chúng sanh, thật sự danh phù hợp thực. “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (Học làm thầy người, hành là khuôn mẫu cho đời); ngôn ngữ, cử chỉ của Ngài là khuôn phép cho người thế gian chúng ta, là bậc thiên nhân sư.

Do vậy, phải buông xuống. “*Buông xuống*” là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này đã được nói quá nhiều, các đồng học phải ghi nhớ. Chẳng phải là buông bỏ công việc! Buông bỏ công việc tức là quý vị đã hiểu lầm Phật pháp, sai lầm mất rồi! Đức Phật dạy chúng ta, người sống trên cõi đời đương nhiên là nhất định phải có chuyện phải làm, chẳng thể ngồi không hưởng nhàn được! Quý vị nhất định phải có công việc. Trong xã hội, công việc được phân công hết sức phức tạp; nhất là trong hiện tại, phân công càng cặn kẽ hơn. Quý vị theo đuổi một nghề nghiệp, một công việc nào đó, quý vị phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện, thực hiện tốt đẹp bổn phận và công việc của chính mình, phối hợp với đại chúng trong xã hội. Đây là sự cống hiến của quý vị dành cho xã hội, xã hội sẽ đáp tạ quý vị. Đó là điều mà bất cứ người nào trong thế gian cũng đều chẳng thể bỏ qua được! Đức Phật đã dạy chúng ta điều này!

Nhưng trong tâm thì phải buông xuống, phải đạt được cái tâm thanh tịnh. Chúng ta làm bất cứ nghề nghiệp gì, đều phải có quan niệm: “Ta phục vụ hết thầy chúng sanh trong xã hội”. Mình vì mọi người, mọi người vì mình! Hỗ trợ hợp tác cùng hết thầy chúng sanh trong toàn thể thế gian, thế giới này mới tốt đẹp, cuộc sống của hết thầy chúng sanh sẽ có thể đạt được hạnh phúc mỹ mãn! Đức Phật dạy chúng ta điều này, tuyệt đối chớ nên chằng gánh trách nhiệm. Học Phật là học trí, học giác, là học ba loại trí, học ba loại giác ấy, giác chứ không mê. Vì thế, chính mình mới có thể thành tựu mười loại trí lực nơi quả địa Như Lai. Trong phần trước, chúng tôi đã từng thừa bày điều này. Trong phần sau, sẽ còn nhắc đến.

Mười loại là biểu thị pháp, “mười” biểu thị viên mãn. Nói cách khác, quý vị mới có thể thành tựu hết thầy tài nghệ. Tuy có trí huệ, có năng lực, quý vị vẫn phải nêu gương cho đại chúng trong xã hội. Tuy quý vị lắm tài, nhiều nghề, vẫn khuyên quý vị “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, quý vị mới có thành tựu kiệt xuất. Vì sao? Thời gian và tinh lực cả một đời tập trung vào một chỗ, người ấy sẽ có thành tựu. Nếu làm nhiều thứ, có những người mà chúng ta thấy phước báo thế gian rất lớn, có rất nhiều sự nghiệp. Sau khi có nhiều sự nghiệp thì như thế nào? Chẳng có trí huệ! [Mong] thành tựu Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí, chắc chắn là chẳng thể làm được! Quý vị hãy nói xem, vì sao vậy? Tâm bị phân tán.

Đương nhiên là khi có nhiều sự nghiệp, chính mình chẳng có cách nào đích thân làm từng sự nghiệp được, chẳng thể nào! Quý vị nhất định phải ủy nhiệm khá nhiều vị kinh lý, vị kinh lý nào sẽ quản trị một ngành nghề nào đó. Giống như các công ty đa quốc gia hiện thời, trong thế gian này, chúng ta thấy quá nhiều [công ty như vậy], tại mỗi quốc gia đều có công ty chi nhánh, quý vị thấy chủ nhân có lắm nỗi bận tâm. Cái tâm của họ làm sao thanh tịnh cho được? Tâm chẳng thanh tịnh, tâm chẳng bình đẳng, sẽ chẳng có trí huệ. Làm thế nào để đạt được tâm địa thanh tịnh, bình đẳng? Đó là chuyện quá khó khăn! Vì thế, thật sự dễ thành tựu thì suốt đời quý vị làm một chuyện, chớ nên đổi việc làm, làm một thứ đến cùng, nhất định là sẽ có thể thành công. Tương ứng với Phật pháp, khi chuyên tâm một thứ, “*chuyên tâm*” là Định, Định đến một mức độ nào đó, trí huệ sẽ khai. Trí huệ đã khai, nghề nghiệp của quý vị sẽ có thể đạt đến tột đỉnh trên toàn thế giới, đã đạt thành tựu rồi!

Vì thế, đức Phật hy vọng ai nấy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nhưng đức Phật cũng chẳng chướng ngại ai! Quý vị có phước báo,

tạo sự nghiệp rất lớn, đức Phật cũng chẳng ngăn trở quý vị! Vì sao đức Phật chẳng ngăn trở quý vị? Nếu đức Phật ngăn trở quý vị, tức là đức Phật khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lão nhân gia thấy đều buông xuống. Quý vị tiếp nhận giáo huấn của Ngài, Ngài hoan hỷ. Quý vị chẳng tiếp nhận, Ngài cũng hoan hỷ. Vì sao? Ngài chẳng có tâm phân biệt, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Người ta đã nhập cảnh giới ấy, đấy là trí huệ chân thật. Trí huệ và năng lực của đức Phật đều viên mãn, nhưng Ngài chẳng làm theo kiểu ấy. Suốt đời, Ngài đã vì chúng ta thị hiện, một môn thôi! Tức là giảng kinh, đấy là giáo học. Suốt đời làm chuyện ấy, chẳng làm chuyện thứ hai, ngay cả tạo lập đạo tràng cũng chẳng có!

Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có đạo tràng. Trong kinh Phật, có nói đến những nơi như Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên, hoặc Trúc Lâm Tinh xá; đó là những nơi do hàng cư sĩ dâng cúng, chẳng phải do Ngài đích thân kiến tạo. Cư sĩ có những khu vườn rừng ấy, thỉnh đức Phật và các đệ tử của Ngài đều cùng đến đó giảng kinh, thuyết pháp. Họ cung cấp hoàn cảnh cư trụ, chủ quyền nơi đó thuộc về chủ nhân. Chủ quyền của Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên là thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Tu Đạt Đa, [khu vườn ấy] là của họ. Đức Phật ở nơi đó, cư trụ trong ấy, tôi thường nói: “Đức Phật ở đó bao nhiêu ngày là có quyền sử dụng bấy nhiêu ngày. Phật, Bồ Tát cần quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu”. Vì thế, tâm các Ngài thanh tịnh. Hiện thời, chúng ta bị phiền phức ở chỗ nào? Thứ gì cũng đều phải là “ta sở hữu”, phiền phức bèn xảy ra! Chỉ cần có “ta sở hữu”, tâm chẳng thanh tịnh. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo đều chẳng thể hiện tiền; vì sao? Phiền não chướng ngại tự tánh, chướng ngại Tánh Đức. Vì thế, trí huệ và đức năng chẳng thể hiện tiền, chớ nên không hiểu rõ đạo lý này. Do vậy, phải buông xuống, nhiệt tâm nỗ lực làm việc. Sau khi làm xong, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm quý vị thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hoàn toàn chẳng trở ngại công việc. Nói thật ra, công việc cũng chẳng trở ngại cái tâm thanh tịnh, chỉ cần quý vị biết dụng tâm.

Trong phần trước của kinh này, [có câu] “*Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm*” (Bồ Tát khéo dùng cái tâm). Câu này rất quan trọng. Khéo dùng cái tâm như thế nào? Vì quý vị khéo dùng cái tâm, quý vị mới có thể đạt được hết thảy các công đức thù thắng, nhiệm màu! Những thí dụ được nêu trong phẩm kinh này chính là [những thí dụ cụ thể về cách] Bồ Tát khéo dùng cái tâm, [nhằm] dạy chúng ta học theo! Làm bất luận công việc nào, khởi tâm động niệm, [đều là] “*đương nguyện chúng sanh*”, đấy

là khéo dùng cái tâm! Niệm nào cũng đều vì hết thấy chúng sanh, chẳng vì chính mình. Chư vị phải biết: Chẳng vì chính mình mới là thật sự vì chính mình. Chính mình chẳng rời khỏi chúng sanh, chính mình và chúng sanh là một Thể! Kẻ mê chẳng biết, có *“quý vị, ta, kẻ khác”*, phân chia rành mạch! Người giác ngộ chẳng phải vậy! Người giác ngộ biết hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, trên cùng với chư Phật Như Lai, dưới cùng với hết thấy chúng sanh là một Thể. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói theo kiểu thuận tiện cho mọi người dễ hiểu hơn, chúng tôi thường nói là *“một sanh mạng cộng đồng thể”*, mọi người sẽ dễ hiểu!

Nhưng có phải thật sự là một sanh mạng cộng đồng thể hay không? Đúng vậy, nhưng rất khó thấu hiểu ý nghĩa thật sự trong ấy! Kẻ bình phàm nghe xong, chỉ có một khái niệm mơ hồ, rất khó lãnh hội ý nghĩa này! Chúng tôi bắt buộc dĩ, dùng tỷ dụ để nói. Ví như thân thể của chúng ta, chúng ta biết thân thể do vô số tế bào hợp thành. Các tế bào hợp thành các khí quan, các khí quan hợp thành thân thể này! Quý vị nói xem, mỗi tế bào có phải là có cùng một sanh mạng cộng đồng thể với thân thể này hay chẳng? Rõ ràng đúng là như vậy. Nói *“sanh mạng cộng đồng thể”* là còn xa lắm, trên thực tế thì sao? Trên thực tế là một Thể, há có cộng đồng? Là một Thể! Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân”* (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân). Nếu là lúc đã khế nhập, sẽ đổi *“cộng đồng”* (共同) thành *“tự thị”* (就是, chính là). *“Thập phương tam thế Phật, tự thị nhất Pháp Thân”*. Quý vị mới có thể lãnh hội đôi chút, Tự và Tha chẳng hai, Tánh và Tướng như một. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo vốn có trong tự tánh của quý vị thấy đều hiện tiền. Do vậy, thành tựu mười thứ trí lực của Như Lai.

Thành tựu mười thứ trí lực của Như Lai, chư vị phải biết là hạng người nào? Tầng cấp thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Nói theo Thiền Tông của Trung Hoa, sẽ là *“phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, kiến tánh thành Phật”*, sẽ là cảnh giới ấy! Trong cảnh giới ấy, chẳng có lục đạo, cũng chẳng có mười pháp giới. Nói cách khác, vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, mới đạt được mười thứ trí lực. Đây là thật sự vào nhà Phật, thành Phật, vào nhà Phật. Từ nay trở đi, sẽ đoạn tập khí, trong phần trước, đã nói rất nhiều, rất khó lý giải điều này! Đoạn tập khí phải tốn thời gian rất dài, sẽ tự nhiên đoạn!

Trong thời gian dài ngàn ấy, nói thật sự theo Phật pháp, sẽ là vô lượng kiếp! Chẳng có hạn lượng, thật sự là vô lượng kiếp. Làm chuyện

gì? Giáo hóa chúng sanh, thực hiện Tứ Hoàng Thệ Nguyễn đã phát trong khi tu nhân. Thời thời khắc khắc biểu diễn Tứ Hoàng Thệ Nguyễn cho những chúng sanh chưa quay đầu trông thấy. Tức là chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Hiện thân thì không nhất định hiện thân Phật, hoặc thân Bồ Tát. Phẩm Phổ Môn nói ba mươi hai ứng thân, ba mươi hai ứng thân đều là nói về hữu tình chúng sanh. Ngoài những thân ấy ra, còn hiện thân vô tình chúng sanh, [chẳng hạn như] núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, hiện những loại thân ấy!

Cớ sao biết? Từ sách vở trong Phật môn, nhất là từ sử sách, chúng ta sẽ thấy càng rõ hơn! Không nhất định là tại gia hay xuất gia, cũng chẳng nhất định vào lúc nào, trông thấy nước chảy, người ấy khai ngộ, hoặc nghe tiếng nước chảy bèn khai ngộ. Đó là gì? Tiếng nước chảy là do Phật, Bồ Tát thị hiện, đúng ngay cơ duyên ấy, một phút, một giây cũng chẳng sai lệch! Một giây trước, người ấy chẳng khai ngộ; một giây sau, người ấy cũng chẳng thể khai ngộ! Thị hiện ngay trong lúc cốt yếu nhất, thành tựu chúng sanh. Trông thấy hoa bay, lá rụng, đó là hiện tượng tự nhiên! Vì thế, Phật, Bồ Tát cũng hiện thân thành hiện tượng tự nhiên. Thân gì cũng đều hiện, đúng là đáng nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy; đáng nên dùng phương pháp gì để giác ngộ, các Ngài bèn dùng phương pháp ấy. Quy nạp lại, nói chung, chẳng ngoài mười loại đại trí lực ấy. Vì thế, chính mình thành tựu mười thứ trí lực của Như Lai, chính mình đã là Pháp Thân đại sĩ, quý vị mới thật sự có nguyện giúp đỡ người khác như vậy.

Nay chúng ta niệm kinh này, chỉ là làm chuyện dự bị ở nơi đây. Trên thực tế, chẳng có cách nào thực hiện, nhưng phải có nguyện tâm ấy, ta hy vọng có thể làm được trong đời này, cũng là có thể làm được! Muốn thật sự làm được, nhất định là phải phát Bồ Đề tâm, phải buông xuống chấp trước, phải buông xuống phân biệt, phải buông xuống khởi tâm động niệm, mới có thể thành tựu trong đời này. Chúng tôi đã nói điều này rất nhiều! Buông xuống hết chấp trước, chúng ta niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, sẽ ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu lại cũng có thể buông xuống sự phân biệt đối với hết thảy các pháp, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đối với hết thảy các pháp không khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Niệm Phật mà có điều gì chẳng buông xuống được, sẽ [chỉ là] kết pháp duyên với A Di Đà Phật, chẳng thể vãng sanh trong đời này. Hạn độ thấp nhất để vãng sanh là phải buông chấp trước xuống, vãng sanh mới chẳng bị chướng

ngại. Càng chấp trước kiên cố, sẽ càng phiền phức, ngay cả vãng sanh cũng bị chướng ngại, huống hồ những chuyện khác ư? Niệm Phật là đạo dễ hành, Lý và Sự đều phải hiểu rõ.

Lại xem tiếp câu thứ chín kể đó:

(Sớ) Cứu nguyện ư tha.

(疏) 九願於他。

(Sớ: Chín là nguyện cho người khác).

Mở đầu mỗi câu [nguyện] đều là “nguyện ư tha” hoặc “nguyện tha”.

(Sớ) Giai như Phổ Hiền đoan chánh nghiêm hảo, tắc tự thành tựu thập vương kính hộ.

(疏) 皆如普賢端正嚴好，則自成就十王敬護。

(Sớ: Đầu đoan chánh, trang nghiêm, tốt đẹp như ngài Phổ Hiền, bèn tự thành tựu “mười vua kính mến, bảo vệ”).

“Tự thành tựu” là chính mình thành tựu Phổ Hiền hạnh, nguyện hết thảy chúng sanh đều biết tu Phổ Hiền pháp. Thông thường, hễ chúng ta nói đến Phổ Hiền, mọi người nhất định đều nghĩ tới mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Mười đại nguyện vương đã được xếp vào công khóa sáng tối, những người tu hành trong các tự viện am đường đều niệm mỗi ngày, kinh văn đều rất thông thuộc! Có ý nghĩa gì? Người có thể thật sự lý giải chẳng nhiều lắm! Vậy thì phải đọc kinh Hoa Nghiêm. Không chỉ là phải đọc kinh Hoa Nghiêm, mà còn phải đọc chú giải của Thanh Lương đại sư, quý vị mới thật sự liễu giải Phổ Hiền hạnh nguyện. Mỗi nguyện trong hạnh nguyện của Ngài đều bao gồm hết thảy các pháp môn của Bồ Tát, chẳng sót một môn nào!

Cương lĩnh tu học được dạy trong kinh Hoa Nghiêm chẳng có gì khác, [chỉ là] Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát, tức là sau Lục Độ có thêm Phương Tiện, Nguyện, Lực và Trí, hợp thành Thập Độ! [Đó là] Thập Ba La Mật. Ba La Mật (Pāramitā) dịch sang nghĩa tiếng Hán sẽ là “viên mãn”. Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát nhằm nâng cao Thập Ba La Mật của Văn Thù Bồ Tát đến mức rốt ráo viên mãn. Sự viên mãn rốt ráo ấy chính là cảnh giới sâu rộng thù thắng vô tận. Học Hoa Nghiêm, chớ nên không biết [điều này], mà học Tịnh Độ, cũng chớ nên không biết! Vì sao? Tịnh Độ là pháp môn của Phổ Hiền, chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập của Hạ lão cư sĩ, phẩm thứ hai là Đức Tuân

Phổ Hiền. Phẩm thứ hai thuộc Tự Phần, chưa đến phần Chánh Tông! Vừa mở đầu, giới thiệu đại chúng dự hội, cuối cùng là giới thiệu hàng Bồ Tát tại gia, “*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ), đây là các vị Bồ Tát tại gia. Mười sáu vị tại gia Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, có địa vị hoàn toàn giống như Văn Thù và Phổ Hiền, [nhưng các Ngài là] tại gia Bồ Tát. Quý vị xem tiếp câu mở đầu là “*hàm công tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ), [nghĩa là] mỗi vị đều tu Phổ Hiền hạnh nguyện, lại còn đều là thành tựu viên mãn. Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, mới hiểu thế giới Cực Lạc là Phổ Hiền pháp giới. Chẳng tu Phổ Hiền hạnh, làm sao đến đó được?

Do vậy, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã ghép phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Tôi nghĩ có những vị đồng học đã trông thấy bản ấy. Khi xưa, Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh đã in bản này dưới dạng sách khâu gáy bằng chỉ, đặt tựa đề là Tịnh Độ Tứ Kinh. Tịnh Độ vốn chỉ có ba kinh, ông ta (Ngụy Mặc Thâm) ghép thêm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Vì sao ghép thêm? Chính là vì kinh Vô Lượng Thọ đã nói “*hàm công tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Trong thời Dân Quốc, chúng ta biết Hoàng Nhất đại sư, mọi người đều rất quen thuộc vị này. Lão nhân gia suốt đời thọ trì, công khóa sáng tối của Ngài là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, suốt đời Sư thọ trì bộ kinh này. Ngụy Mặc Thâm là người sống trong niên hiệu Hàm Phong [nhà Thanh]. Đến thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư ghép chương Đại Thế Chí Viên Thông trong phần hai mươi lăm phép Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Các đồng học Tịnh Tông chớ nên không biết nguồn gốc này!

Đức Thế Tôn giới thiệu ba kinh, tức là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, ba kinh! Hai thứ sau đó, như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện [chẳng hạn] là chuyện như thế nào? Phải biết có sao Đại Thế Chí Viên Thông Chương [được ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh], biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh! Nói thật ra, do năm kinh ấy, kinh điển Tịnh Tông đã viên mãn, biên tập hay lắm. Tôi đã nhiều lần giảng Đại Thế Chí Viên Thông Chương, tôi nói chương kinh ấy chính là Tâm Kinh của Tịnh Tông, [phân lượng] so với Bát Nhã Tâm Kinh còn ít chữ hơn! Bát Nhã Tâm Kinh là hai trăm sáu mươi chữ, Đại Thế Chí Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, đây là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Tuy văn tự không nhiều lắm, đã bao gồm trọn hết áo nghĩa (nghĩa lý sâu thẳm) của Tịnh Tông. Do vậy, năm kinh một luận của Tịnh

Tông, tổng cộng là sáu thứ, phân lượng cũng không nhiều. Chỉ cần thọ trì một thứ, suốt đời y giáo phụng hành, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có ai không vãng sanh!

“Giai như Phổ Hiền đoan chánh nghiêm hảo” (Đều đoan chánh, trang nghiêm, tốt đẹp như Phổ Hiền), *“nghiêm”* (嚴) là trang nghiêm, *“hảo”* (好) là diệu hảo (tốt đẹp nhiệm màu). Vì sao tán thán Phổ Hiền Bồ Tát như vậy? Phổ Hiền hạnh là viên mãn, chúng ta thường nói là *“thuần tịnh, thuần thiện”*. Xác thực là chẳng có mảy may bất thiện xen tạp, chẳng có mảy may bất tịnh xen tạp. Vì thế, Ngài đoan chánh, nghiêm hảo chẳng khác gì Như Lai là bậc đã đạt đến quả địa rất ráo. Đấy cũng là như trong bộ đại kinh này, đức Thế Tôn đã tán thán Bồ Tát, Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền hạnh, sẽ không thể viên thành Phật đạo, là do đạo lý này! Bồ Đề tâm viên mãn hiện tiền. Nay chúng ta nói tới Bồ Đề tâm, chúng tôi nói theo kiểu phương tiện là *“chân thành tâm”*, chân thành đạt tới viên mãn, đối với hết thảy người, đối với hết thảy sự, đối với hết thảy vật, cõi này, phương khác, quá khứ, vị lai, chẳng có mảy may hư ngụy!

Trong Phổ Hiền hạnh, điều thứ nhất là *“lễ kính chư Phật”*. Trong lễ kính, chẳng có mảy may hư ngụy. Chúng tôi nêu thí dụ: Chúng ta lễ kính Phật, lễ kính Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ kính Tỳ Lô Giá Na Phật, thực hiện chân thành viên mãn. Chúng ta lễ kính người khác, chúng ta lễ kính muối, trùng, lễ kính kiến, có sai khác hay không? Nếu có sai khác, đấy chẳng phải là Phổ Hiền hạnh! Phổ Hiền hạnh là bình đẳng, quyết định chẳng có sai biệt, khó lắm! Thật sự khó khăn! Không chỉ là bình đẳng đối với hữu tình chúng sanh, mà đối với vô tình chúng sanh cũng bình đẳng. Vì thế, mười nguyện Phổ Hiền niệm thì dễ dàng, nhưng quý vị muốn đạt tới cảnh giới của Ngài, mong thực hiện như Phổ Hiền Bồ Tát, thật sự chẳng dễ đâu nhé! Lễ kính, tán thán, cúng dường, sám trừ nghiệp chướng, tùy hỷ, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế.

Bố thí: Trong bố thí, trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền. Thập Ba La Mật, trong mỗi điều thảy đều trọn đủ. Trong bố thí, lại có Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí, chẳng có gì không trọn đủ. Trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền mới gọi là Phổ Hiền hạnh, quả báo là *“đoan chánh, nghiêm hảo”*, trong thế gian này, thường nói [đoan chánh, nghiêm hảo] là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Nói theo giáo pháp Đại Thừa, thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Đấy là gì? Đấy là nhân quả! Quý vị đã gieo cái nhân Phổ Hiền, kết thành cái quả Như Lai. Như Lai chính là quả viên mãn rất ráo. Do nói đến Như Lai, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có thể gọi là Như Lai, phải hiểu điều này!

Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có thể gọi là chư Phật Như Lai. Nói đến Như Lai rốt ráo viên mãn thì chỉ có địa vị Diệu Giác, chẳng phải là địa vị Đẳng Giác, mà là địa vị Diệu Giác.

Chính mình thành tựu, quý vị mới có thể được mười loại vua kính trọng, hộ trì. Mười loại vua ấy chính là vua trong cõi Âm; trong phần trước, tôi đã nói với quý vị rồi đó! Chúng tôi thường nói những vị ấy là Thập Điện Diêm Vương trong miếu Thành Hoàng. Thập Điện Diêm Vương kính trọng quý vị, Thập Điện Diêm Vương hộ trì quý vị; đấy là nói đến điều gì vậy? Do đức hạnh của quý vị cảm ứng, ngay cả Thập Điện Diêm Vương cũng đều cung kính và hộ trì, những loại [quỷ thần] khác chẳng cần phải nói nữa! Long thiên hộ pháp, các thiện thần trên cõi trời và nhân gian, hễ trông thấy [quý vị], toàn bộ đều tôn kính, đều hộ trì quý vị. Vì sao chẳng làm? Nhập môn từ chỗ nào? Nhập môn từ một trăm bốn mươi một nguyện này! Chúng ta phải nghiêm túc học tập, tận tâm tận lực thực hiện. Thật sự phát cái tâm ấy, chúng ta tin tưởng lời Phật là thật. Phật chẳng có vọng ngữ! Quyết định cảm được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần phù trợ quý vị.

Nhất là trong thế gian hiện thời, tai nạn rất nhiều, quý vị có chư Phật hộ niệm, có long thiên thiện thần phù trợ, thân tâm của quý vị sẽ đều an ổn. Ngạn ngữ Trung Hoa thường nói: *“Phùng hung hóa cát, ngộ nạn thành tường”* (Gặp dữ hóa lành, gặp tai nạn trở thành tốt đẹp). Chúng ta có thể tin tưởng điều này, thậm chí khoa học có thể chứng minh đấy chẳng phải lời giả. Đó là gì? Sự thuần tịnh thuần thiện có thể biến đổi hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất, cảnh chuyển theo tâm. Oán thân trái chủ trong quá khứ và hiện tiền của quý vị, đó là những kẻ đối đầu! Gặp quý vị, họ đều bội phục, tôn kính quý vị, chẳng còn xuống tay [trả thù, quấy rối], chẳng còn làm phiền quý vị nữa. Họ vốn muốn đến hại quý vị, trông thấy quý vị [thuần tịnh, thuần thiện như vậy], sẽ chẳng nỡ làm hại. Đấy là gì? Đấy chính là quý vị cảm ứng, tức là sự cảm ứng do thuần tịnh thuần thiện, sẽ hóa giải hết tai nạn, thật sự có thể, chẳng phải là không thể nào! Nay người trên địa cầu ai nấy đều tu Phổ Hiền hạnh, tai nạn gì cũng đều chẳng có! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp câu thứ mười:

(Sớ) Nguyên u tha thống lý đại chúng nhất thiết vô ngại, tắc tự thành nhiều ích vi y cứu đức.

(疏)願於他統理大眾一切無礙，則自成饒益為依救德。

(Sớ: Nguyên cho người khác thống lý đại chúng hết thấy vô ngại, sẽ thành tựu đức “nhiều ích, làm chỗ nương về, làm chỗ cứu vớt” cho chính mình).

Đối với chữ “vi” (為) [trong đoạn này], phải biết cách đọc như thế nào! “Vi y, vi cứu chi đức”! Câu này chính là câu cuối cùng trong Tam Quy Y, “tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại”. Câu này có nghĩa là gì? Có thể nói là trong xã hội, lãnh đạo của các tầng lớp xã hội đều được bao gồm trong ấy! Trong gia đình thì là gia chủ, trong công ty, hãng, xưởng, thì là chủ nhân. Thậm chí, trong các đại công ty, còn chia thành rất nhiều bộ môn, mỗi bộ môn cũng có người lãnh đạo, đều hãy nên học câu này. Quý vị nói xem, phạm vi của nó to cỡ nào? Nói theo phương diện càng rộng hơn, sẽ là quốc vương, hay thiên vương, vì họ đều thống lý đại chúng. Thống lý đại chúng cần phải có những điều kiện nào? Ở đây, nói rất rõ ràng: “Vi y, vi cứu”. Bản thân quý vị là người lãnh đạo của đoàn thể, đối với đại chúng được lãnh đạo trong đoàn thể ấy, quý vị là người để họ nương tựa. Quý vị chính là người cứu giúp, bảo vệ họ. Vì thế, tiếp đó mới có câu “nhất thiết vô ngại” (hết thấy vô ngại). Nếu quý vị không thể làm chỗ nương cậy cho họ, mà cũng chẳng thể cứu họ, làm sao họ nghe theo quý vị cho được? Đương nhiên là đoàn thể ấy sẽ có vấn đề, sẽ chẳng thể hòa thuận, sẽ chẳng thể đoàn kết.

Đối với đức “vi y, vi cứu”, trong phần trước, tôi đã nói; trong phần sau, sẽ còn giảng cặn kẽ. Quý vị phải biết yêu thương, che chở người khác, phải biết chiếu cố người khác, quý vị còn phải biết thành tựu người khác. “Cứu” có ý nghĩa sâu lắm! Cứu giúp, che chở đến mức rất ráo, sẽ là quý vị làm như thế nào để có thể giúp đỡ người khác vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát mười pháp giới, giúp họ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo viên mãn. Đấy mới là “công đức viên mãn”. Không chỉ là do cuộc sống vật chất trong hiện thời có khó khăn, hoặc là công việc gặp khó khăn, quý vị đến giúp đỡ họ. Giúp đỡ họ là chuyện nhỏ, là chuyện vặt vãnh không đáng kể! Đại sự là phải làm như thế nào để giúp họ thoát lìa lục đạo luân hồi.

Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức đều dạy chúng ta; nói thật ra, [các Ngài] thật sự là chỗ quy y cho chúng ta. Chúng ta phải nương cậy Tam

Bảo. Chỉ có Tam Bảo có thể cứu chúng ta, có thể giúp đỡ chúng ta. Vì thế, câu này thuộc về Quy Y Tăng. “*Tăng*” ở đây hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp! Tăng có nghĩa là gì? Tăng là đoàn thể. Trong Phật pháp, bốn người được gọi là Chúng (眾). Một Chúng là một đoàn thể, tức là bốn người kết hợp thành một đoàn thể. Trong gia đình, vợ chồng có hai đứa con, như vậy là gia đình của quý vị là một đoàn thể. Như thế nào thì gọi là Tăng? Bốn người ấy đều có thể thi hành Lục Hòa Kính thì gọi là Tăng đoàn. Tăng đoàn là đoàn thể cư xử hòa thuận; vì thế, được gọi là Chúng Trung Tôn (眾中尊), Chúng là đoàn thể. Trong tất cả các đoàn thể, [Tăng đoàn] đáng được mọi người tôn kính nhất. Vì sao? Họ hòa thuận. Điều thứ ba trong Tam Quy Y có ý nghĩa này!

Chúng ta lại suy nghĩ: Đoàn thể của chúng ta có hòa thuận hay không? Nếu chẳng hòa thuận, [nguyên nhân là do] đức hạnh của chúng ta không đủ, sự chiếu cố, sự quan tâm, và lòng yêu thương đại chúng của chúng ta chẳng đủ, hãy khéo tu học! Đối với mỗi cá nhân trong đoàn thể, đoàn thể của chúng ta là đoàn thể rộng mở, thỉnh chúng từ các nơi đến, còn có những vị đến cộng tu niệm Phật, lòng chúng ta yêu thương, quan tâm, chớ nên bỏ sót một ai! Đoàn thể như vậy được gọi là “*Tăng đoàn*”, mới là đoàn thể được chư Phật hộ niệm, được thiên long quỷ thần tôn kính. Chẳng cần nhiều, năm người là đã có thể thành tựu một đoàn thể như vậy!

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật vừa mới thành đạo, ba mươi tuổi, ở Lộc Dã Uyển, hướng dẫn năm người. Năm người ấy đều quy y Ngài. Một thầy, năm trò. Trong năm vị tỳ-kheo ấy, tôn giả Kiều Trần Như là người thành tựu trước hết trong nhóm người đó. Tăng đoàn hòa hợp, Lục Hòa Kính đều làm được! Thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, nay chúng ta gọi là “*thành lập nhận thức chung*”. Đây là điều kiện cơ bản để hòa hợp. Tư tưởng và kiến giải của mọi người đều nhất trí, chuyện này rất khó, nhưng phương pháp của đức Phật đúng là quá khéo, thật sự khiến cho mọi người đều bội phục năm vóc sát đất! Chúng ta làm thế nào để có thể đạt đến cách nghĩ, cách nhìn nhất trí đối với vũ trụ và nhân sinh? Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, đấy chính là nhất trí. Tôi có cách nhìn của tôi, bạn có cách nhìn của bạn, [như vậy là] chẳng nhất trí. Mỗi người đều bỏ cách nghĩ và cách nhìn của chính mình, chẳng phải là đã nhất trí rồi ư? Cách này cao minh đến tột bậc. Quý vị thấy kinh Bát Nhã đã dạy: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, quý vị còn chẳng buông xuống ư? Buông

xuống bèn nhất trí. Đấy chính là nói: Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ nhất trí, kiến giải hoàn toàn như nhau.

Khi tôi học Phật, học đến đoạn kinh văn này, bội phục đức Thế Tôn năm vóc sát đất. Tuyệt đối chẳng phải là đức Thế Tôn bảo cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta sai lầm, phải vâng theo Ngài, chẳng phải là nói theo kiểu đó. Nói kiểu đó, sẽ chẳng có ai phục! Ai có thể phục quý vị? Buông xuống thành kiến của chính chúng ta, chẳng phải là nhất trí ư? Ai nấy nghe như vậy, đều tâm phục, khẩu phục. Bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật cũng buông xuống, mỗi cá nhân thấy đều buông xuống. Hễ buông xuống, sẽ minh tâm kiến tánh. Quý vị xem kinh giáo, các đồng học đã lâu đều biết rành: Buông xuống chấp trước đối với hết thảy người, sự, vật trong thế gian và xuất thế gian, sẽ chứng A La Hán, sẽ thành A La Hán, tức Chánh Giác. Nếu buông xuống hết thảy phân biệt, chấp trước đối với thế gian và xuất thế gian, sẽ thành Chánh Đẳng Chánh Giác, tức Bồ Tát. Nếu khởi tâm động niệm cũng buông xuống, [sẽ là] Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quý vị có còn chấp những danh tướng ấy hay không? Chẳng chấp trước! Nếu quý vị chấp trước, tức là chẳng buông xuống! Quý vị còn phân biệt, tức là chẳng buông xuống! Nếu quý vị phân biệt, “ta là Chánh Đẳng Chánh Giác, kẻ đó là Chánh Giác, kẻ đó thấp hơn ta một bậc”, quý vị chẳng buông xuống chi hết! Người thật sự buông xuống, mọi người ở chung một chỗ, ba loại người ấy ở chung một chỗ, [tức là] A La Hán, Bồ Tát và Phật ở chung một chỗ, thấy đều chẳng có phân biệt, tâm địa thật sự thuần tịnh, thuần thiện, nhưng tịnh và thiện vẫn có sai khác! Tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm. Quý vị nói xem, Kiến Hòa Đồng Giải có cao minh hay không? Mọi người nghe xong còn nói gì được nữa? Đó là điều đầu tiên trong Lục Hòa Kính.

Điều thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu. Đối với cuộc sống trong đoàn thể, từ bốn người trở lên, sẽ là cuộc sống trong đoàn thể, luôn luôn là phải như pháp, luôn luôn là phải có quy củ. Quy củ ấy là gì? Nay chúng ta nói là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là quy củ, Đệ Tử Quy là giới luật, là giới luật cơ bản, [ai nấy] đều phải tuân thủ. Ai nấy đều tuân thủ, có ai chẳng hòa thuận? Phải vâng giữ Đệ Tử Quy, phải giữ Thập Thiện Nghiệp, phải giữ Tam Quy, phải giữ Ngũ Giới; đó là giới điều cơ bản trong đoàn thể của chúng ta, do đức Phật chế định, chẳng thể vi phạm. Đấy là một đoàn thể hòa thuận, đúng pháp. Đoàn thể như vậy, đạo tràng Phật giáo là một đoàn thể. Nếu quý vị kinh doanh, buôn bán, mở tiệm, chủ nhân và nhân viên đều áp dụng Lục Hòa Kính, tiệm của quý vị là một Tăng đoàn, sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần phù trợ giống y hệt!

Thuở trước, tôi có mấy người bạn già rất thân tại Hương Cảng, hiện thời đều đã khuất bóng cả rồi! Pháp sư Tây Trần, hẳn nói tới Sư, ai ở Hương Cảng cũng đều biết, Sư qua lại rất mật thiết với tôi, Sư cũng rất phát tâm. Tôi đã từng khuyên Sư, vì Sư là lãnh tụ của Phật giáo tại Hương Cảng; khi đó, tôi vừa mới ra giảng kinh, thuyết pháp. Tôi liền thỉnh Sư, tôi nói: “Ngài hãy dẫn đầu, chúng ta sát cánh phối hợp, tìm năm người thật sự xuất gia, thật sự phát đại tâm để tổ chức một Tăng đoàn tu Lục Hòa Kính”. Sư rất hoan hỷ, nhưng sau khi quay về Hương Cảng, lại chẳng nhắc tới nữa, chẳng dễ gì làm được! Nếu trong thế gian này thật sự xuất hiện một Tăng đoàn, chẳng cần nhiều! Cả thế giới xuất hiện một [Tăng đoàn], tai nạn nhất định sẽ giảm nhẹ! Thành viên trong Tăng đoàn ấy, ai nấy đều phải thật sự hy sinh dưng hiến thì mới có thể thực hiện được! Triệt để buông xuống, sẽ làm được. Chính mình có lòng ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, sẽ chẳng làm được! Năm người, chẳng dễ dàng!

Nếu khi đó pháp sư Tây Trần dẫn đầu thật sự thực hiện, tôi tin là vẫn có thể thực hiện được. Đáng tiếc là khi bàn bạc tuy rất hoan hỷ, nhưng chẳng có quyết tâm và nghị lực thật sự thực hiện. Hiện thời muốn làm, so với thuở ấy đã khó hơn quá nhiều, sai lệch ba mươi năm mà! Thuở ấy, người xuất gia còn thật sự có tấm lòng tốt đẹp, nay thì hầu như đều tiêm nhiễm nghiêm trọng tiếng tăm, lợi dưỡng, ai chịu buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng? Ai chịu buông xuống hưởng thụ ngũ dục, lục trần? Chẳng dễ dàng! Nếu thật sự có năm người giống như tôi và pháp sư Tây Trần bàn luận vào thuở ấy, năm vị tỳ-kheo hoàn toàn sống theo lối sống thời Thích Ca Mâu Ni Phật, khát thực. Có người phụng hiến thì được, chúng ta sẽ có một đạo tràng, nhưng chúng ta học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ cần có quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu. Sản nghiệp là của thí chủ, chúng ta sử dụng, họ cho chúng ta mượn dùng. Khi chúng ta chẳng dùng, trả lại cho họ. Chúng ta sống cuộc đời đi khát thực, rất có ý vị! Giữa trưa ăn một bữa, đại khái là chẳng thể qua đêm dưới cội cây. Nếu chúng ta thật sự thực hiện, Hương Cảng có rất đông tín đồ, chắc chắn sẽ có nơi cúng dường chúng ta.

Công việc hằng ngày của chúng ta là gì? Chúng ta chẳng cần làm pháp hội, chẳng cần làm kinh sám, hằng ngày cùng nhau thảo luận kinh giáo, hoằng pháp lợi sanh. Giảng kinh thì bất cứ chỗ nào cũng đều có thể giảng. Tín đồ có chỗ cho chúng ta mượn, năm người thay phiên nhau giảng kinh, hằng ngày chẳng gián đoạn. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng suốt một đời, mỗi ngày giảng tám giờ. Nay tinh thần lẫn thể lực của chúng ta

đều thua kém Ngài, mỗi ngày giảng hai giờ, nếu có năm người luân lưu giảng, khẳng định là pháp duyên thù thắng. Chỉ cần có một đoàn thể như thế xuất hiện, năm người ấy tâm địa thanh tịnh, chẳng có mấy may ô nhiễm, xác thực là có thể giảm nhẹ tai nạn trên cả thế giới. Tôi suốt đời rất lưu ý, chẳng tìm được một ai! Ai nấy nghe nói đều sanh tâm hoan hỷ, đều gật đầu, cười hề hề, chẳng chịu làm!

[Sở dĩ] chẳng thể [chính là vì như] tôi thường nói mười sáu chữ “*tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, phải thật sự buông xuống mười sáu chữ ấy, quý vị mới có thể làm “*vi y, vi cứu*”. Nếu có mười sáu chữ ấy, quý vị đều chẳng cứu được chính mình, làm sao có thể cứu người khác? Chớ nên sợ hãi! Kẻ mới học Phật sợ nhất là sau khi ta thật sự thấy đều buông xuống, cuộc sống ngày mai của chúng ta sẽ ra sao? Mỗi người đều mang nỗi bận tâm ấy, đấy là gì? Chẳng tín nhiệm đức Phật! [Thiên hạ luôn tự nhủ]: “Đức Phật nói nghe êm tai lắm, chưa chắc là thật, ngày mai ta đói rét thì làm thế nào đây? Ai sẽ quan tâm ta? Vẫn là phải tự mình nghĩ cách tự nuôi sống chính mình”. Đấy là chẳng có tín tâm đối với Phật! Suốt đời này, tôi có thể đạt được thành tựu như trong hiện thời, thừa cùng chư vị, chẳng có gì khác, tôi có tín tâm đối với đức Phật. Đức Phật dạy như thế nào, tôi tin tưởng, tôi chẳng sợ hãi!

Năm xưa, khi tôi còn trẻ, tôi nhớ lúc tôi bốn mươi lăm tuổi. Bốn mươi lăm tuổi là thọ mạng đã đến rồi. Năm ấy, kết hạ an cư tại chùa Thập Phương Đại Giác ở Cơ Long, Đài Loan. Lão hòa thượng là Linh Nguyên, Ngài cũng là vị tôn chứng hòa thượng khi tôi thọ giới. Ngài mời tôi giảng kinh Lăng Nghiêm trong ba tháng an cư. Tôi giảng chừng một tháng, tức là giảng tháng thứ nhất, tôi nhớ là giảng xong ba quyển liền bị bệnh. Trong tâm nghĩ “thọ mạng đã đến rồi”, bèn niệm Phật cầu vãng sanh. Tôi cũng chẳng tìm thầy thuốc, cũng không uống thuốc, vì tâm nghĩ “thầy thuốc chỉ có thể trị bệnh, chẳng thể trị mạng!” Thọ mạng đã tới rồi, còn nói gì được nữa? Khi tôi giảng kinh, khuyên mọi người phải tin Phật, đừng sợ cuộc sống bấp bênh. Giảng đường ở ngay sau điện thờ Vi Đà Bồ Tát. Phía sau [giảng đường] là [điện thờ] Vi Đà Bồ Tát. Tôi bảo đại chúng: “Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp. Nếu chúng ta hằng ngày giảng kinh, hằng ngày học Phật, hằng ngày niệm Phật, chẳng làm kinh sám Phật sự, chẳng làm pháp hội, chẳng cần qua lại với tín đồ, mà nếu chúng ta đói rét, Vi Đà Bồ Tát sẽ bị triệt chức, điều tra, Ngài quản chuyện gì vậy?”

Khi ấy, [những người] nghe tôi giảng kinh, kết hạ an cư, đều là người xuất gia, có khoảng bốn, năm chục người xuất gia, họ nghe tôi nói lời ấy đều hoảng hồn! [Nói động tới] Vi Đà Bồ Tát đấy nhé! Tôi nói tôi cũng tin Ngài. Cuộc sống khổ sở một chút chẳng sao cả, nhất định là có thể sống qua ngày thì được rồi, bận tâm làm gì? Ngài trông nom chuyện này, tôi tin tưởng Ngài, chẳng có một tí hoài nghi nào! Vì thế, đời này tôi chẳng hóa duyên kẻ khác một đồng nào! Dầu khổ sở, chết đói, tôi cũng sẽ chẳng xòe tay xin ai một đồng nào, chẳng thể có chuyện ấy! Sống cuộc đời như vậy rất tốt, đúng là càng học càng tự tại, đúng là *“tâm tưởng sự thành”*.

Lúc tôi mới học Phật mấy năm, vì chẳng dễ gì có được kinh sách. [Thuở ấy], lưu thông quá ít, không ai in kinh sách. Vì thế, pháp sư Trí Khai đã giúp tôi rất nhiều. Khi đó, chúng tôi chưa quen biết, tôi viết thư gửi Ngài. Tôi là kẻ mới học Phật, nên gọi Ngài là lão pháp sư. Sau này, đến Hương Cảng gặp mặt, [mới biết] hai người chúng tôi cùng tuổi. Ở nơi đây, Sư lập Hương Cảng Phật Kinh Lưu Thông Xứ, tôi nhờ cậy Sư, tôi muốn loại kinh sách nào, Sư sẽ tìm giùm tôi. Khi đó, từ Đại Lục có kinh sách cũ lưu thông đến Hương Cảng, giá tiền cũng không quá đắt, sách thuộc loại khâu gáy bằng chỉ, Sư thay tôi sưu tập. Rất nhiều năm tôi đều trông cậy Sư. Sư đối với tôi rất tốt. Khi đó, tôi mới xuất gia, rất nghèo, chẳng có tiền. Sư gửi sách cho tôi, ghi sổ, khi nào có tiền, sẽ trả cho Sư. Sư cũng chẳng thúc giục, mà cũng chẳng ép tôi phải trả tiền, giúp đỡ rất lớn! Suốt đời giảng kinh, tôi niệm niệm chẳng quên chuyện này. Vì vậy, mong cầu kinh sách, đúng là *“tâm tưởng sự thành”*, muốn tìm sách nào, Sư đều có thể tìm được cho tôi! Tôi ở Đài Trung, theo thầy Lý học Phật, tôi dùng sách tham khảo, thầy Lý trông thấy rất kinh ngạc. Thầy hỏi: “Lạ thật! Làm sao con có nhiều thứ hay như vậy?” Tâm tưởng sự thành, mong gì bèn có nấy. Vì thế, tuy cuộc sống vật chất rất khổ, cuộc sống tinh thần pháp hỷ sung mãn! Điều tôi mong cầu đích xác là chánh đạo mà!

Khi tôi giảng kinh ở Cơ Long, có một vị pháp sư nay chẳng còn nữa, tuổi cũng chẳng kém tôi cho mấy là pháp sư Đức Dung. Khi tôi giảng kinh Địa Tạng, Sư hằng ngày đều đến nghe, nghe tôi nói đến chuyện *“hữu cầu tất ứng”*. Ngày hôm đó, sau khi tan buổi giảng, Sư đến tìm tôi nói: “Thưa pháp sư Tịnh Không! Có cầu ắt ứng là giả, chẳng thật!” Tôi nói: “Vì sao là giả?” [Sư đáp]: “Tôi cầu Phật cho một cái tủ lạnh chạy điện, cầu đã ba năm, chẳng có ai tặng cho tôi!” Tôi nói: “Đạo tràng của thầy có bao nhiêu người ở?” Sư đáp: “Chỉ có một mình tôi”. “Một người thì cần gì tủ lạnh? Cầu chẳng đúng pháp!” Tôi nói: “Tôi có sự cảm ứng ấy. *‘Có cầu*

ắt ứng' là do Chương Gia đại sư dạy tôi, tôi tin tưởng lời thầy. Huynh thấy đó, tôi cầu những kinh sách, chẳng có lần nào thất bại. Chỉ có khi tôi cầu một bộ Trung Quán Luận Số, mong cầu bộ sách ấy [là hơi lâu]. Bộ sách ấy phải mất thời gian rất dài, pháp sư Trí Khai mất nửa năm mới tìm được cho tôi, mất thời gian sáu tháng. Thông thường, Sư tìm sách cho tôi, đại khái là chưa tới hai tháng là có thể tìm được giùm tôi rồi. Bộ sách ấy mất sáu tháng. Chẳng hề không có cảm ứng, tôi đối với lời Phật, đối với lời thầy, chẳng hoài nghi tí nào!" Đúng lý, đúng pháp để cầu, Chương Gia đại sư dạy tôi chuyện này! Quý vị chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, sẽ chẳng thể cảm ứng. Đúng lý, đúng pháp, thật sự tu học, xác thực là cần thiết, chẳng có lẽ nào không cảm ứng!

Lão nhân gia dạy tôi bố thí. Tôi thật sự bố thí sạch sành sanh. Hễ có, liền thí. Học Phật chưa hề nghĩ chúng tôi nghiễm nhiên có năng lực bố thí Đại Tạng Kinh, chẳng thể nghĩ bàn! Bố thí bao nhiêu bộ Đại Tạng Kinh? Tôi tính toán sơ lược, vượt quá năm ngàn năm trăm bộ! Lịch đại đế vương trong quá khứ cũng chưa từng in nhiều Đại Tạng Kinh như vậy, đúng là có cầu ắt ứng! Hiện thời, đối với Tạng Kinh của chúng ta, khi xưa, tôi đã in hai lần, in chung với người ta, in chung với thư cục. Một ngàn bộ thì tôi [chịu tiền in] bốn trăm bộ, thư cục in sáu trăm bộ. Chúng tôi làm hai lần, tức là tám trăm bộ. Tôi còn mua một số, sớm nhất là trong nước có người hướng về tôi xin Đại Tạng Kinh, chỉ cần tôi có đủ tiền, sẽ mua tặng cho họ. Đại khái là cũng đã mua chừng hai, ba chục bộ. Sau này, được cúng dường nhiều hơn, tôi bèn in Đại Tạng Kinh. Năm trước, các đồng tu chúng ta tích góp một món tiền, phát tâm in bốn ngàn bộ. Trước tiên là in hai ngàn bộ, vào năm kia và năm ngoái đã in xong, biểu tặng toàn thể thế giới. Năm nay, nghe nói một ngàn bộ đã in xong, sang năm còn có một ngàn bộ nữa; tổng cộng là đã hơn năm ngàn năm trăm bộ. Chẳng thể nghĩ bàn, Pháp Bố Thí đấy nhé! Vì thế, muốn có sách, bất luận là kinh Phật hay sách vở thế gian, đều có thể đạt được!

Sách vở lớn nhất trong thế gian là Tứ Khố Toàn Thư, [hoặc dạng rút gọn của nó là] Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu, nhất là bộ Hội Yếu. Tôi có một bộ Toàn Thư để ở Úc. Tôi nhớ, tính thử, trước sau đã mua tất cả bốn mươi chín bộ Hội Yếu. Lúc đầu là lẻ tẻ, có tiền thì mua, mua tặng cho Trung Quốc Đại Lục. Mỗi tỉnh, thành thị đặc biệt, khu tự trị, tôi chọn lựa một trường đại học để tặng [mỗi nơi] một bộ. Khi đó, đã tặng cho Trung Hoa tất cả là ba mươi hai bộ. Trong ba mươi hai bộ ấy, Bắc Kinh được hai bộ. Thư viện Bắc Kinh xin tôi một bộ, nên thành phố ấy có hai bộ. Thượng Hải có hai bộ, thư viện Thượng Hải cũng xin tôi tặng một bộ. Tại

Thượng Hải là đại học Phục Đán, tại Bắc Kinh là trường Bắc Đại (đại học Bắc Kinh). Tặng lần lượt nhiều như vậy, tôi làm chuyện ấy. Tôi chẳng dùng khoản tiền ấy để dựng đạo tràng, chẳng có! Tôi không làm chuyện ấy!

Đạo tràng đều là do thính chúng cảm thấy rất cần thiết, chính họ tính toán kiểm tiền dựng đạo tràng, tôi chẳng quan tâm tới. Tôi chưa hề hỏi đến chuyện này, không nghe, không hỏi tới, tâm mới thanh tịnh. Trong tâm quý vị có những chuyện ấy, làm sao có thể thanh tịnh cho được? Ngay cả sách vở, tôi cũng đều quyên hiến toàn bộ cho thư viện. Ở Úc, chúng tôi có Tịnh Tông Học Hội, đấy là đạo tràng tạo lập cho những vị trẻ tuổi [có pháp hiệu] mang chữ Ngô, có lập một thư viện. Tất cả những sách vở tôi đã thu thập đều để ở đó. Tôi dùng thì có thể mượn dùng; dùng xong sẽ trả lại, quý vị nói có phải là tự tại lắm hay không? Buông xuống thì mới được, vấn đề ở chỗ không chịu buông xuống! Hễ buông xuống, thật sự là có cầu ắt ứng. Quý vị vì mọi người, mọi người vì quý vị; do vậy, điều kiện để “*thống lý đại chúng*” là tâm yêu thương, quan hoà, hỗ trợ hợp tác, ai nấy đều phải học. Giữa mọi người với nhau, phải nương tựa lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Vì thế, hiệp trợ chính là ý nghĩa của chữ Cứu.

Câu cuối cùng...

(Sớ) Nguyên tha đắc đệ nhất vị, nhập bất động pháp, tắc tự thành tựu siêu thắng đệ nhất đức.

(疏)願他得第一位入不動法，則自成就超勝第一德。

(Sớ: Nguyên cho người khác đạt được địa vị đệ nhất, nhập pháp bất động, sẽ thành tựu phẩm đức siêu thắng bậc nhất của chính mình).

Nguyên này chính là nguyên cho chúng sanh thành tựu Phật quả rất ráo viên mãn. “*Đệ nhất vị*” chính là địa vị Diệu Giác. “*Nhập bất động pháp*”: Bất động pháp chính là đại Niết Bàn, thanh tịnh tịch diệt. “*Tịch diệt*”: “*Diệt*” (滅) là diệt tập khí vô minh từ vô thỉ. Khi đạt đến địa vị Diệu Giác, chẳng có tập khí vô thỉ vô minh, diệt điều này. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo hiện tiền viên mãn. Vì thế, gọi là Viên Tịch (圓寂), là Tịch Diệt. “*Tịch*” (寂) là thanh tịnh, đoạn hết tập khí vô minh. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn; vì thế, chẳng thể nói là địa vị Tịch Diệt rất ráo. Nhất định phải là địa vị Diệu Giác thì mới thật sự đạt đến địa vị Tịch Diệt rất ráo!

Chúng ta đọc câu này, nhất định phải hiểu: Đây là mục tiêu chung cực trong việc học Phật của chúng ta. Cuối cùng, chúng ta mong mỗi đạt được quả vị này. Cao hơn Đẳng Giác, Đẳng Giác là địa vị thứ hai, còn đây là địa vị Diệu Giác. Thế nhưng mục tiêu là ở chỗ này, tu học vẫn theo thứ tự. Giống như chúng ta cầu học, nguyện vọng là trong tương lai sẽ giành được học vị cao nhất, tức là giành được học vị Tiến Sĩ; nhưng học hành thì vẫn phải học từ Tiểu Học, từ Trung Học, từ Đại Học, từ Cao Học, tiến theo thứ tự, chẳng có cách nào vượt cấp. Mong nhảy qua một cấp, chẳng thể được! Phải hiểu đạo lý này! Đối với địa vị của chúng ta trong hiện tiền, ngay cả địa vị Sơ Tín Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm nói năm mươi một tầng cấp, từ Sơ Tín cho đến Diệu Giác là năm mươi một tầng cấp; ngay cả tầng cấp đầu tiên (tức Sơ Tín), giống như lớp Một của Tiểu Học, chúng ta còn chưa đạt được. Hiện thời, phải làm thế nào để vào học lớp Một Tiểu Học? Mục tiêu của chúng ta là học vị cao nhất, tức Phật Đà. Phải học từ địa vị Sơ Tín, chớ nên không biết điều này!

Sơ Tín Bồ Tát học từ chỗ nào? Phải biết, [học] từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Nhập môn từ chỗ này, thực hiện từ chỗ này, quý vị mới có thể tiến nhập, mới có thể đạt được địa vị thứ nhất, giống như chúng tôi nói *"[vào học] lớp Một Tiểu Học"*. Tuy địa vị không cao, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng hết sức tôn quý. Vì sao? Chúng đấng địa vị Sơ Tín Bồ Tát, vị [Bồ Tát] ấy sẽ chẳng thoái chuyển. Tuy ở trong lục đạo, quyết định chẳng đọa vào ba ác đạo. Quý vị muốn hỏi vì sao ư? Vì vị ấy tu học chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tham, sân, si là cái nhân của ba ác đạo. Tuy trong A Lại Da Thức, xác thực là có tham, sân, si nghiêm trọng từ đời quá khứ, đó là nghiệp nhân của ba ác đạo. Nhân phải gặp duyên thì mới có thể dấy lên hiện hành. Đời này học Phật, đoạn dứt cái duyên tham, sân, si. Chẳng tham là chẳng có duyên của ngã quý đạo, quý vị sẽ chẳng đọa trong ngã quý đạo. Chẳng sân, duyên của địa ngục đạo bị đoạn dứt, quý vị sẽ chẳng đọa vào địa ngục đạo. Chẳng si là duyên trong súc sanh đạo bị đoạn dứt, quý vị sẽ chẳng đọa làm súc sanh. Vì thế, Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giác vĩnh viễn chẳng đọa vào ba ác đạo, đạo lý ở chỗ này.

Từ vị trí này, dần dần tiến lên cao hơn, lên tới địa vị Thất Tín, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi. Xét theo công phu đoạn chứng của hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín, Kiến Tư phiền não thấy đều đoạn sạch. Chư vị phải biết, Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín và Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu

Thừa đoạn thiền nào giống như nhau, tức là đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới. Những điều tôi vừa mới nói là nói một cách đơn giản, nhưng có cùng một đạo lý. Đã đoạn tham, sân, si, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có tham, sân, si, chính là Tiểu Thừa Sơ Quả, [trương ứng với] Sơ Tín của Đại Thừa. Nếu tiến cao hơn, đoạn Tư Hoặc, đạt đến địa vị Thất Tín. Đoạn hết Tư Hoặc, tức là đoạn sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc trong tam giới. Chứng quả vị như vậy, trong Tiểu Thừa là địa vị A La Hán, còn quả vị trong Đại Thừa là địa vị Thất Tín Bồ Tát. Các Ngài đến nơi đâu? Tứ thánh pháp giới. Địa vị Thất Tín là A La Hán; địa vị Bát Tín là Bích Chi Phật; địa vị Cửu Tín là Bồ Tát; địa vị Thập Tín là Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, tông Thiên Thai gọi [địa vị ấy là] Tạng Giáo Phật, còn tông Hiền Thủ gọi [địa vị ấy] là Tiểu Giáo Phật. Ngũ giáo theo tông Hiền Thủ là Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên. Tiểu Giáo Phật chưa kiến tánh, Ngài thuộc địa vị Phật, là tốt đỉnh trong mười pháp giới. Nếu lại tăng cao hơn một tầng, sẽ là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân; đó là chân Phật.

Trong Hoa Nghiêm đã giảng chuyện này rất rõ ràng. Từ đây trở đi, thấy đều là đoạn tập khí vô thỉ vô minh, cũng tức là Sơ Trụ Bồ Tát. Đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, cũng có thể nói là “*nhập bất động pháp*”. Trong pháp bất động có đẳng cấp [là vì tuy đã] thật sự nhập pháp bất động, nhưng tập khí vô minh của vị ấy vẫn còn. Tập khí có gây trở ngại về mặt Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự, nhưng vẫn phải đoạn trừ nó. Vì thế, bốn mươi một giai cấp trong thế giới Hoa Tạng chẳng thể nói là “có”, mà cũng chẳng thể nói là “không có”. Nếu quý vị bảo là “có”, xét theo hình tượng thì hoàn toàn bình đẳng, chẳng có! Nếu quý vị bảo là “chẳng có”, bốn mươi một địa vị Bồ Tát ấy kèm theo tập khí nhiều hay ít xác thực là chẳng giống nhau. Đạo lý là như vậy đó. Nhất định [là phải đạt] đến địa vị Diệu Giác, tức địa vị thứ bốn mươi hai, thì mới là hoàn toàn chẳng có, tức là chẳng có tập khí vô thỉ vô minh. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Nay chúng ta đang là sơ học, thuộc bước khởi đầu, Thập Thiện Nghiệp trọng yếu, Tam Quy, Ngũ Giới trọng yếu! Tam Quy là “*giác, chánh, tịnh*”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay, Ngài dạy rất minh bạch. Ngài chẳng nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, chẳng phải vậy! Ngài nói “*quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh*”. Ngài nói đến “*giác, chánh, tịnh*”. “*Giác, chánh, tịnh*” là Tự Tánh Tam Bảo,

là Tự Tánh Bốn Giác của chúng ta. Tự tánh vốn giác, tự tánh vốn chánh, tự tánh vốn thanh tịnh; đấy mới là chỗ quy y thật sự của chúng ta. Quy y, nói cách khác, sẽ là “trở về tự tánh”. Trụ Trì Tam Bảo có hữu dụng hay không? Nói theo phía người thật sự tu hành thì hữu dụng, vì sao? Trụ Trì Tam Bảo nhắc nhở quý vị! Trông thấy tượng Phật, bèn nghĩ đến Bốn Giác nơi tự tánh của chúng ta. Như tôi vừa mới nói, vốn trọn đủ tam trí, tam giác viên mãn, tự tánh của ta là như vậy. Trông thấy Pháp Bảo, thấy kinh sách, lập tức nghĩ đến “chánh chữ không tà”. Tâm chánh, “tâm” ở đây là nói đến dụng tâm, xử sự, đãi người tiếp vật, tâm quý vị là chánh, chẳng tà. Trông thấy người xuất gia, chẳng quan tâm người ấy trì giới hay phá giới, thấy đều chẳng liên quan đến ta. Trông thấy người ấy, sẽ nhắc nhở [chính mình] sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, chính mình phải đạt đến sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Người ấy nhắc nhở ta, mặc loại y phục ấy nhằm nhắc nhở chúng ta. Do vậy, người ấy chính là thiện tri thức của ta. Chẳng có người ấy nhắc nhở, ta sẽ thường quên bẵng!

Đối với sự tu hành của chúng ta, Tự Tánh Tam Bảo thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị, công đức ấy quá to. Như đối với một người xuất gia, chẳng quan tâm hạnh nghiệp của chính người ấy, ai có nhân quả nấy, ai nấy tự chịu trách nhiệm, nhưng hình tướng của người ấy khiến cho hết thấy chúng sanh gieo thiện căn. Người ấy đi một vòng bên ngoài, quý vị thấy bao nhiêu người nhìn thấy, vừa thấy người đó, [bèn nghĩ đến] “Phật”. Hữu ý hay vô tình, đã in Phật vào trong A Lại Da Thức [của họ], chẳng phải là đã gieo thiện căn ư? Người thế tục chẳng có công đức ấy! Mặc quần áo thông thường, quý vị la cà trên đường phố suốt cả ngày, cũng chẳng có ai trông thấy quý vị bèn nghĩ đến chữ Phật, chẳng có! Nhưng người xuất gia vừa đi ra ngoài, kẻ khác trông thấy, [liền nghĩ đến] “Phật”, trong A Lại Da đã có Phật, đã gieo chủng tử! Đấy là công đức của người ấy, hình tướng đấy nhé!

Vì thế, có cần Trụ Trì Tam Bảo hay không? Cần chứ! Tượng Phật, kinh sách, người xuất gia, cần lắm! Chẳng có, sẽ không được! Lúc không có, [người đời] sẽ quên tuốt luốt. Họ thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, chúng ta phải tôn kính họ, phải cúng dường họ. Đối với sự tán thán, Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy chúng ta: Nếu người ấy thật sự hữu tu, hữu học, có đức hạnh, bèn tán thán. Nếu chẳng có đức hạnh, chẳng tu trì, sẽ chẳng tán thán, [nhưng vẫn] lễ kính và cúng dường. Vì sao phải cúng dường? Hình tướng của họ thường nhắc nhở ta, họ có lợi cho ta, ta chẳng thể không cúng dường họ! Họ lại còn gieo thiện căn cho hết thấy chúng sanh,

đương nhiên là ta phải cúng dường. Vì thế, chẳng thể thiếu lễ kính và cúng dường được! Tán thán hay không tán thán, tùy thuộc người ấy có đức hạnh hay không! Chẳng có đức hạnh, chớ nên tán thán! Kinh Hoa Nghiêm đã dạy điều này rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta phải y giáo phụng hành.

Vì thế, biết địa vị hiện tiền của chúng ta hãy nên học tập như thế nào? Khế nhập cảnh giới thuộc địa vị Thập Tín như thế nào? Sau khi đã khế nhập, làm thế nào để từng bước tiến cao hơn? Khi ấy, quý vị sẽ là pháp hỷ sung mãn, tức là như thầy Phương đã nói: “*Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, quý vị mới thật sự lãnh hội, thật sự có thể đạt được. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1498

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem tiếp tiết khai thị cuối cùng thuộc đoạn thứ ba của phần Biệt Hiển (別顯) trong lời chú giải của Thanh Lương đại sư. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

(Sớ) Dĩ tư thập nhất, phối thượng đáp trung tổng biệt thập nhất đoạn, văn tịnh khả tri, thông biệt giao lạc, ưng thành tứ cú, vị “nhất thiết nguyện thành nhất đức, nhất thiết nguyện thành nhất thiết đức” đẳng, dĩ nhân nguyện nhất đa tương tức, cố thành đức diệc nhất đa dung dung.

(疏)以斯十一，配上答中總別十一段，文並可知，通別交絡，應成四句，謂一切願成一德，一切願成一切德等，以因願一多相即，故成德亦一多鎔融。

(Sớ: Dùng mười một đoạn ấy để phối hợp với mười một đoạn Tổng và Biệt trong lời đáp trên đây, [có thể dễ dàng đối chiếu để] nhận biết kinh văn [tương ứng với nhau như thế nào]. Thông và Biệt đan xen với nhau, đáng nên hợp thành bốn câu, tức là “hết thấy nguyện thành một đức”, “hết thấy nguyện thành hết thấy đức” v.v... Bởi lẽ, do nguyện là “một chính là nhiều, nhiều chính là một”; vì thế, đức được tạo thành [bởi các nguyện ấy] cũng là một và nhiều dung hợp).

Chúng ta xem đoạn này. Mười một đoạn thuộc phần Biệt Hiển trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi, biết [phải nên] học tập như thế nào. Ở đây là tổng kết mười một đoạn ấy, phối ứng câu trả lời của Văn Thù Bồ Tát với [những câu hỏi của] Trí Thủ Bồ Tát trong phần trên. Mười một đoạn ấy phối hợp với kinh văn rất rõ ràng; nhưng câu quan

trọng nhất vẫn là câu trả lời đầu tiên của ngài Văn Thù: *“Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức”* (Nếu các vị Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thắng công đức thù thắng, nhiệm màu). Chúng ta phải nhớ kỹ câu này! Then chốt trong sự học Phật là ở chỗ quý vị có biết dụng tâm hay không? *“Khéo dùng cái tâm”* là gì? Mười một câu ấy đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Mười câu trong phần Biệt Hiển và một câu trong phần Tổng Hiển, tổng cộng là mười một câu.

Bồ Tát từ bi, chỉ sợ chúng ta chẳng có cách nào thực hiện *“khéo dùng cái tâm”*, tức là trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, xử sự, đãi người tiếp vật, dụng tâm như thế nào? Tâm là đại Bồ Đề tâm. Nay nhằm thuận tiện, chúng tôi diễn tả đại Bồ Đề tâm bằng năm câu, chẳng phải là ba câu. Trong kinh luận đều nói bằng ba câu, nói thông thường là *“ba tâm”*. Trong Phật môn thường nói *“tam tâm viên phát”* chính là ý nghĩa này. *“Viên”* (圓) là viên mãn, ba tâm ấy phát xuất viên mãn. Đó là hạng người nào? Chính là Sơ Trụ Bồ Tát, [hoặc còn gọi là] Phát Tâm Trụ. Ba tâm thật sự phát xuất viên mãn, không chỉ là chẳng ở trong lục đạo, chẳng ở trong mười pháp giới, mà người ấy đã đạt đến Nhất Chân pháp giới, đến thế giới Cực Lạc. Các đồng học niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ phải biết, vì sao? [Điều này] có liên quan đến chuyện quý vị có thể vãng sanh trong tương lai hay không!

Kinh Vô Lượng Thọ đã dạy minh bạch. Quý vị xem hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân, [sẽ thấy] giảng rõ ràng lắm! Bất luận là thượng bối, trung bối, hay hạ bối, cho đến nhất tâm tam bối, hay tu học những pháp Đại Thừa khác thì điều kiện để vãng sanh là tám chữ: *“Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*. Quý vị chỉ biết *“nhất hướng chuyên niệm”* (một mục chuyên niệm), chẳng phát Bồ Đề tâm, trong tương lai đến khi lâm chung, chẳng thể vãng sanh, cũng đừng nên trách Phật, Bồ Tát, cũng đừng trách móc kinh điển, người ta đã giảng rõ ràng! Đối với tám chữ, quý vị chỉ thọ trì bốn chữ, chẳng có *“phát Bồ Đề tâm”*, chẳng được rồi! Bồ Đề tâm là gì, chớ nên không hiểu rõ ràng. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng *“chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm”*; trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát giảng là *“trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”*. Hợp chung kinh luận lại để xem, sẽ thấy rất rõ ràng!

Chúng tôi vẫn sợ các đồng học mới học chẳng thể liễu giải minh xác những ý nghĩa được bao hàm trong Bồ Đề tâm; vì thế mới bắt đầu nói thành năm thứ tâm. Chúng tôi gọi chí thành tâm và trực tâm là chân

thành tâm. Thâm tâm chẳng dễ hiểu! Thâm tâm là tự lợi, có nghĩa là quý vị dùng cái tâm gì để đối đãi chính mình, [đấy chính là] “*khéo dùng cái tâm*”! Hễ khéo dùng cái tâm để đối đãi chính mình thì là thâm tâm. Chúng tôi nói ba cái tâm ấy, mọi người sẽ dễ hiểu! Ba tâm ấy chẳng phải là nói tùy tiện! Trong tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ đấy nhé, quý vị nói xem [ba tâm ấy] quan trọng cỡ nào? Tựa đề kinh nêu ra “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Đối đãi chính mình thì phải biết tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là quyết định chẳng ô nhiễm. Quý vị nghĩ xem, hễ có ý niệm ích kỷ, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Quý vị còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có ngũ dục, lục trần, còn có tham, sân, si, mạn, thấy đều chẳng thanh tịnh! Vì thế, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, thấy đều phải buông xuống, chúng ta mới có thể đạt được cái tâm thanh tịnh. Đấy là đối với chính mình.

Tâm bình đẳng: Tâm bình đẳng thì quý vị chẳng có ngạo mạn, đối đãi hết thấy chúng sanh đều giống như đối đãi chư Phật. Trong Đại kinh (kinh Đại Thừa) thường nói: “*Sanh Phật bình đẳng*”, [nghĩa là] chúng sanh và Phật bình đẳng. Chúng ta lễ kính chư Phật như thế nào, sẽ lễ kính chúng sanh như thế ấy, làm sao có thể giải đãi, khinh mạn cho được? Phổ Hiền Bồ Tát chính là pháp tối thượng thừa. Đối với giác, tôi thêm vào một chữ [Chánh, thành] Chánh Giác, giác chứ không mê. Đấy là đối với chính mình. Hiện thời nói thì dễ lắm, thực hiện rất khó khăn. Thực hiện như thế nào? Đọc tụng Đại Thừa. Nếu có cơ hội nghe kinh, sẽ càng tốt hơn. Kinh chẳng thể không nghe! Kinh chẳng thể không đọc! Nếu quý vị chẳng nghe kinh, chẳng đọc kinh, sẽ thoát lìa Phật. Thoát lìa một ngày, quý vị đã bị xã hội, đấy là một cái vò nhuộm lớn, quý vị đã bị nó ô nhiễm một ngày. Hai ngày không nghe kinh, quý vị đã bị ô nhiễm hai ngày. Ô nhiễm nghiêm trọng, trong là tập khí phiền não rất nặng, ngoài là hoàn toàn ô nhiễm. Chớ nên không biết điều này!

Phương pháp hiệu quả nhất để phòng ngừa ô nhiễm là đọc tụng Đại Thừa, ta hằng ngày tiếp cận Phật, Bồ Tát. Đối với sự ô nhiễm trong xã hội hiện tại, ô nhiễm nghiêm trọng nhất là TV và điện ảnh. Đối với âm nhạc và nhảy múa trong hiện thời, quý vị hãy ngắm xem, có gì chẳng phải là ô nhiễm? Ngay cả quảng cáo thương nghiệp, chúng ta ra phố, quý vị nhìn thấy thứ này, thứ nọ, quý vị có thể chẳng bị ô nhiễm hay không? Người chẳng bị ô nhiễm chính là thánh nhân. Thánh nhân là người đã hiểu minh bạch. Quý vị còn bị ô nhiễm, tức là kẻ hồ đồ! Người minh bạch là giác, người ấy chẳng bị ô nhiễm, chẳng tiếp xúc. Người ấy hằng ngày tiếp xúc thánh hiền; tiếp xúc kinh điển chính là tiếp xúc thánh hiền. Đọc

sách thánh hiền trong thế gian và xuất thế gian, có niềm vui trong ấy, đối với chính mình là đã khéo dùng cái tâm để đối đãi chính mình. Khéo dùng cái tâm đối đãi người khác thì gọi chung là từ bi, đại từ đại bi. [Lòng từ bi ấy] chẳng có điều kiện, thấy người khác bị khổ bèn giúp đỡ họ. Dẹp khổ là bi tâm. Giúp cho người khác được vui là từ tâm. Vì thế, ý nghĩa của hai chữ “từ bi” là “cứu khổ, giúp cho người khác được vui”, là khổ được vui. Giúp họ là khổ là bi tâm; giúp họ được vui là từ tâm. Phải là khổ rất ráo, đạt được niềm vui rất ráo. Đây là chân từ bi.

Thoát là nỗi khổ rất ráo, nỗi khổ trong lục đạo, nỗi khổ trong tam đồ. Quý vị làm thế nào để có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh thoát là lục đạo luân hồi, giúp đỡ hết thảy chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, giúp đỡ chúng sanh viên thành Phật đạo? Đây chính là đạt đến niềm vui rất ráo. Những chuyện này thực hiện từ nơi đâu? Nhất định là phải làm bắt đầu từ bản thân. Chúng ta còn chưa đọc đến phần kệ tụng, nhưng đọc lời vấn đáp giữa Trí Thủ Bồ Tát và Văn Thủ Bồ Tát trong đoạn trước. Đoạn văn ấy cũng khá dài, chúng tôi cũng đã nói rất chi tiết, rất nghiêm túc học tập. Bồ Tát từ bi, vấn đáp toàn là dạy chúng ta phải thực hiện từ chính bản thân! Do vậy, tu trì trong Phật pháp không ở bên ngoài, mà ở nơi chính mình, đã tự độ rồi, sau đây mới có thể độ kẻ khác! Nếu chính mình chưa đắc độ mà mong độ kẻ khác, chẳng có lẽ ấy! Lời này do chính đức Phật dạy. Muốn độ chúng sanh, trước hết phải độ chính mình.

Chúng ta hy vọng hết thảy chúng sanh đạt được tâm thanh tịnh, chính mình phải đạt được cái tâm thanh tịnh trước đã, chính mình phải chẳng bị ô nhiễm trước đã. Chúng ta muốn giúp chúng sanh đạt được cái tâm bình đẳng, bản thân chúng ta phải đoạn tham, sân, si, mạn trước! Đoạn chẳng được, trước hết là phải chế phục chúng, tức là phải nguội bớt tham, sân, si, mạn, phải giảm nhẹ. Mỗi năm một nhẹ hơn, tức là công phu của chúng ta có tiến bộ, đây là chuyện tốt đẹp. Chẳng thể nói là đã học bao nhiêu năm, tham, sân, si, mạn vẫn chẳng biến đổi một phần nào, vẫn y như cũ, chẳng có tí xíu tiến bộ nào! Nếu tham, sân, si, mạn mỗi năm một tăng trưởng, vậy thì quý vị thứ gì cũng chẳng học được. Nói theo Phật pháp, quý vị mỗi năm một thụt lùi, làm sao có thể đạt thành tựu cho được?

Hiện thời, Phật pháp khó khăn, khó ở chỗ quý vị không buông xuống được. Quý vị buông xuống được, sẽ chẳng khó. Nhưng có chịu buông xuống hay không, vấn đề này chính là giác hay mê! Người mê chẳng chịu buông xuống, người giác mới buông xuống. Vì thế, giác là thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt, sẽ tự nhiên buông xuống. Buông xuống

lại giúp cho quý vị thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt từng tầng một, buông xuống từng tầng một, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai là năm mươi hai tầng cấp thì mới có thể thành tựu. Học Phật, các đồng học Tịnh Tông đều biết, thuận tiện nhất, ổn thỏa nhất, cũng như tốc độ nhanh nhất, thù thắng nhất, không gì hơn nổi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Khai thị trọng yếu nhất trong niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là *“phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*. Kinh Vô Lượng Thọ dạy như vậy; điều cuối cùng trong Tịnh Nghiệp Tam Phước của Quán Kinh, *“phát Bồ Đề tâm, đọc tụng Đại Thừa”*, trong ấy còn có một câu *“tin sâu nhân quả”*, tức là *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa”*, câu sau đó là *“vi người khác diễn nói”*. *“Diễn”* (演) là gì? Biểu diễn. Ta dùng gương tu hành của chính mình để biểu diễn cho mọi người thấy; đây là Diễn. Sau khi kẻ khác trông thấy, sẽ hướng về quý vị thỉnh giáo, quý vị lại giảng cho họ. Họ sẽ hiểu rõ, cũng mong bắt chước, cũng mong học theo quý vị. Bản thân quý vị chẳng có thành tựu, người ta sẽ không hỏi, không học theo quý vị. Bản thân quý vị phải nêu ra được thành tích tu học! Trong phần trước đã nói về điều này rất nhiều, trong phần sau sẽ còn nói đến.

Trong lời tổng kết, *“nhất thiết nguyện thành nhất đức, nhất thiết nguyện thành nhất đức”* (hết thảy nguyện thành một đức, hết thảy nguyện thành hết thảy đức). Đây chính là như kinh Hoa Nghiêm thường nói: *“Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều chẳng hai”*. Hết thảy các nguyện thành một đức, một nguyện thành hết thảy các đức, đây mới là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại như Thanh Lương đại sư đã nói. *“Nhất đa tương tức”* (Một và nhiều chính là lẫn nhau); sau đây, Ngài nói: *“Dĩ nhân nguyện nhất đa tương tức”*, [có nghĩa là] một chính là nhiều, nhiều chính là một, trong một nguyện bao hàm hết thảy các nguyện, hết thảy các nguyện bao hàm một nguyện. Vì thế, *“thành đức”* (成德, đức được thành tựu bởi nguyện) cũng là “một và nhiều”. Trong một đức, trọn đủ hết thảy các đức; trong hết thảy các đức có một đức. *“Nhất đa dung dung”* (Một và nhiều hòa nhập lẫn nhau), đây chính là chân tướng sự thật.

Bọn phàm phu chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng cảnh giới *“nhất đa dung dung”*, mà cũng chẳng thể diễn tả được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm đã thấu lộ một chút tin tức, trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó. Đối chiếu với khoa học kỹ thuật cao cấp trong hiện thời để xem xét, [sẽ thấy] các nhà khoa học cũng nói như vậy. Đại vũ trụ và tiểu vũ trụ chẳng hai, chẳng khác; lớn và nhỏ chẳng hai! “Nhỏ” tức là “một” như được dùng ở đây. “Lớn” thì ở đây nói là “nhiều”.

“Nhiều” là “lớn”. “Một” là “nhỏ”. Một và nhiều chính là lẫn nhau, tức là chẳng có lớn, nhỏ. Nhà Phật nói “nhỏ”, nhỏ đến mức như một vi trần, vi trần là thứ nhỏ nhất trong vật chất, chẳng có gì nhỏ hơn thứ này! Nhà Phật gọi nó bằng danh từ “*cực vi chi vi*”. Trong một hạt vi trần ấy có thể giới, chúng ta nói là “*khấp pháp giới hư không giới*” đều ở trong vi trần ấy. Vi trần chẳng phóng to, hư không pháp giới chẳng rút nhỏ; nghiêm nhiên ở trong ấy có thể giới, có pháp giới. Pháp giới ấy lại chẳng khác gì pháp giới bên ngoài, tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được! Chúng ta rất khó thấu hiểu!

Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy, ai có thể vào tham quan pháp giới ấy? Phổ Hiền Bồ Tát, Ngài có thể vào. Vì thế, khi tôi giảng kinh, thường nhắc nhở mọi người, đối với pháp giới trong vi trần thì trong pháp giới ấy có vi trần hay không? Đương nhiên là có vi trần. Trong các hạt vi trần ấy, có pháp giới hay không? Đương nhiên là có pháp giới. Trong vi trần có pháp giới, trong pháp giới có vi trần, trùng trùng vô tận. Phật pháp thường nói “*thâm quảng*” (rộng sâu), “*quảng*” thì chúng ta dễ hiểu, chứ “*thâm*” chẳng dễ hiểu! Những điều này là “*thâm*”, sâu chẳng có đáy, rộng chẳng có chùng ngăn. Đấy chính là gì? Tánh Đức, tự tánh vốn là như vậy.

Vì sao có thể hiện cảnh giới này? Cảnh giới là hư vọng, chẳng phải là chân thật! Nhất định phải hiểu đạo lý này: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Hư vọng thì làm sao có thể hiển lộ cảnh giới? Vậy thì tôi phải hỏi quý vị, quý vị có nằm mộng hay không? Rất nhiều người sẽ gật đầu, “có chứ, tôi có nằm mộng”. Cảnh giới trong giấc mộng của quý vị có phải là hư vọng hay không? Vậy thì vì sao quý vị có thể thường nằm mộng? Quý vị có nghiên cứu vì sao có thể nằm mộng hay chẳng? Mộng từ đâu mà có? Sau khi đã tỉnh giấc, mộng đi về đâu? Quý vị tham cứu thấu triệt những chuyện này, quý vị cũng sẽ tham cứu thấu triệt các “*hiện tướng*” (現相, các tướng được hiện ra) trong hiện thực. Vĩnh Gia đại sư đã nói rất khéo: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành sáu thú, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Câu này nói lên điều gì? Bảo rõ đó là huyền tướng, chẳng phải là chân thật. Đã là huyền tướng, quý vị cần gì phải chấp chặt? Chấp chặt chính là chấp trước, quý vị cần gì phải chấp trước? Cần gì phải phân biệt? Quý vị cần gì phải khởi tâm động niệm đối với các hiện tướng? Khởi tâm động niệm là mê, chẳng có giác nữa!

Phật pháp dạy người ta tu hành, chẳng có chi khác, [có thể] nói xuyên suốt bằng một câu: “Dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, sáu

căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, chỉ cần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, người ấy chính là vị Phật rốt ráo viên mãn, người ấy là Pháp Thân Bồ Tát”. Chúng ta chẳng giống người ấy! Ở trong cảnh giới, bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt, chấp trước. Đức Phật nói: Quý vị còn khởi tâm động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị chính là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có phân biệt, chấp trước. Quý vị chẳng có chấp trước, còn có phân biệt, quý vị là A La Hán. Chư vị hiểu A La Hán đã vượt thoát lục đạo, còn Bồ Tát vượt thoát mười pháp giới, sai biệt ở ngay chỗ này!

Nay chúng ta chẳng thành A La Hán là vì lẽ nào? Chẳng chịu buông xuống chấp trước! Chẳng biết buông xuống chấp trước thì sẽ tự tại dường ấy. Buông xuống phân biệt, càng tự tại hơn. Buông xuống vọng tưởng, chẳng còn khởi tâm động niệm, sẽ đắc đại tự tại! Chúng ta không cách nào tưởng tượng sự đại tự tại ấy. Nói thật thà, sự tự tại của Bồ Tát, sự tự tại của Thanh Văn, chúng ta cũng chẳng tưởng tượng được! Nếu chúng ta có thể thật sự lãnh hội, quý vị sẽ thật sự mong làm, quý vị chẳng mong đọa lạc nữa. Chấp trước, đọa lạc; phân biệt, đọa lạc. Trừ khử phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ tiến lên cao hơn. Vì thế, trong một có hết thảy, vi trần dẫu nhỏ cách mấy, nó có trọn đủ hư không pháp giới, chẳng hề khiếm khuyết mảy may! Vì sao? Nó là Tánh Đức, là chân tánh!

Kinh Kim Cang đã nói rất hay, những hiện tượng trong vũ trụ là gì? Chính là nhất hiệp tướng. *“Như Lai thuyết nhất hiệp tướng, tắc phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng”* (Như Lai nói một hiệp tướng chẳng phải là một hiệp tướng, bèn gọi là một hiệp tướng), lời này rất có ý vị. *“Một”* chính là vi trần nhỏ nhất, các nhà khoa học gọi nó là *“vật chất cơ bản”*. Hiện thời, họ nói đến nguyên tử, điện tử, lạp tử (particles). Hiện thời còn phát hiện thứ nhỏ hơn lạp tử, gọi là khoa-khắc (quark, lượng tử). Đấy có phải là vi trần được nói trong kinh Phật hay không? Phải biết là trong [các loại] vi trần cũng có đẳng cấp, nhỏ nhất là cực vi chi vi. [Loại hạt nhỏ nhất do] các nhà khoa học phát hiện trong hiện thời có phải là cực vi chi vi hay không? Theo tôi nghĩ, các nhà khoa học đã phát hiện, nhưng vẫn chưa có cách nào chứng minh. Hạt được phát hiện trong hiện tại, tức là khoa-khắc (lượng tử), vẫn chưa phải là cực vi chi vi. Đó chính là loại vi trần được nhà Phật gọi là *“sắc tụ cực vi”*, có thể là họ đã phát hiện thứ này. Hiện thời, cực vi chi vi chỉ có trên lý luận, phải biết là từ Toán Học suy luận ra thứ này, nhưng vẫn chưa thật sự phát hiện.

Chúng tôi xem một bản báo cáo của tổng cục không gian Mỹ (NASA); bản báo cáo ấy nói “vật chất chẳng phải là thật”. Vật chất do đâu mà có? Từ trong Không mà sanh ra Có, điều này rất gần với cực vi chi vi. Vì Phật pháp gọi cực vi chi vi là Lân Hư Trần (鄰虛塵), [nghĩa là] “gần với hư không”, chỉ cách đôi chút, nó chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Tách nó ra, sẽ là hư không. Các nhà khoa học nói theo kiểu ấy, chúng tôi cảm thấy cách nói ấy và kiểu nói “cực vi chi vi” trong Phật pháp hoàn toàn giống nhau. Từ trong Không sanh ra Có; vì thế, vật chất chẳng phải là thật. Cái từ trong Không sanh ra ấy, biến hiện vật chất, tức là hiện tượng, tức vật chất. Thời gian nó tồn tại rất ngắn, ngay lập tức chẳng còn, đúng là giống như tia chớp, sáng lòa một chút rồi chẳng có! Nhưng nó có tương tục tương (tương liên tục), không ngừng lóe sáng. Do nó lóe sáng không ngừng, chúng ta thoát nhìn, sẽ thấy là một vầng quang minh.

Tôi nghĩ các đồng học đều hiểu đạo lý này. Ví như nay chúng ta dùng đèn chiếu sáng, ánh sáng của ngọn đèn chỉ là không ngừng lóe sáng. Vì thế, chúng ta thấy nó là tương tục, tốc độ lóe sáng của nó quá nhanh. Do vậy, chúng ta chẳng có cách nào phân biệt là sự lóe sáng ấy có gián đoạn. Hiện tượng vật chất cũng giống như thế. Đối với tất cả hết thấy hiện tượng vật chất, đức Phật bảo là “*Tướng có, Thế không*”. Vì thế, bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được, kể cả thân thể của chính chúng ta. Quý vị tham cứu thấu triệt chân tướng sự thật này, sẽ chứng quả A La Hán. A La Hán là như thế nào? Trong phần trước, chúng tôi đã từng thưa trình: “*Biết hết thấy là Không*”. Đấy chính là Nhất Thiết Trí. Nhất Thiết Trí là biết vạn pháp đều Không. Chẳng phải là không có vạn pháp, vạn pháp là “*Tướng có, Thế không*”, do vậy, trọn chẳng thể được! Chẳng thể được mà quý vị mong được, [tức là] quý vị đang dấy vọng tưởng. Muốn được thì sai mất rồi! “Trọn chẳng thể được” mà quý vị cứ nhất định muốn đạt được. Vậy là quý vị chấp trước, chẳng thể nào!

Do vậy, quý vị phải nghĩ thấu suốt, nghĩ thấu suốt chính là “*thấy thấu suốt*” (看破, khán phá) như Chương Gia đại sư đã dạy tôi. Đã hiểu rõ, trong hết thấy các pháp sẽ chẳng còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, chẳng còn khởi tâm động niệm. Vì sao? Tất cả đều là giả, khởi tâm động niệm là sai lầm. Biết các hiện tượng trong toàn thể vũ trụ là chuyện như thế nào, đức Phật đã nói tuyệt diệu: “*Tự tánh khởi tác dụng*”. Ngài nói câu này tốt cùng hay khéo! Các hiện tượng trong toàn thể vũ trụ chính là gì? Tự tánh khởi tác dụng. Tự tánh có Thế, có Tướng, đương nhiên là có tác dụng. Tướng chẳng phải là thật, là giả, cho nên nó có thể

nấy sanh biến hóa thuận theo cái tâm của chúng sanh. Đấy chính là như đức Phật thường nói, chính là nói với chúng sanh trong lục đạo: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Thiện pháp sanh từ tâm tưởng, ác pháp cũng sanh từ tâm tưởng. Vì thế, hễ tâm là thiện, chẳng có gì bất thiện! Thiện tâm là gì? Hoàn cảnh nhân sự tốt lành, hoàn cảnh vật chất cũng tốt lành, mưa hòa gió thuận. Nếu tâm bất thiện, hoàn cảnh nhân sự sẽ bất thiện, hoàn cảnh vật chất cũng bất thiện, thiên tai, nhân họa. Đấy là đức Phật nói về hiện tượng trong lục đạo chúng sanh, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Vì thế, giáo dục quá trọng yếu.

Đối với mục đích giáo dục, chúng tôi đã nói rất nhiều, làm như thế nào để khiến cho con người gìn giữ ý niệm tốt lành. Vì tánh con người vốn lành, *“nhân chi sơ, tánh bản thiện”*, làm thế nào để có thể giữ gìn bản tánh? Nếu ai nấy đều có thể gìn giữ, thế giới này sẽ là thế giới Hoa Tạng, là thế giới Cực Lạc. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm địa của mỗi cá nhân đều thiện, hành vi đều thiện, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc. Vì thế, mục tiêu thứ nhất của giáo dục ở ngay chỗ này. Mục tiêu thứ hai là làm thế nào để khuếch đại thiện tâm và thiện hạnh, hòa lẫn cùng hết thấy chúng sanh, dung hợp thành một Thể. Đấy là sự giáo dục của đức Phật.

Xã hội hiện thời biến thành nông nổi này là do phương hướng giáo dục sai lầm! Nó chẳng nhằm dạy con người tốt lành, mà nhằm dạy họ thành kẻ bất thiện! Dạy con người những gì? Dạy người ta cạnh tranh, dạy người ta đấu tranh, dạy người ta ích kỷ, dạy người ta tổn người lợi mình. Ai nấy đều có cái tâm như vậy, xã hội rối loạn! Hiện thời, mức độ rối loạn đã đến mức khiến cho mọi người mắt ngó sững, lòng kinh hoảng! Có rất nhiều đồng tu nói với tôi: “Hiện thời, con cái chẳng nghe lời cha mẹ. Không chỉ là chẳng vâng lời, lại còn thường xuyên đấu khẩu, cãi lầy với cha mẹ là chuyện rất bình thường. Nhà nào cũng đều có thể thấy chuyện này!” Hiếu thuận là gì, chẳng có ai hiểu! Không chỉ là trẻ nhỏ không hiểu, kẻ làm cha mẹ cũng chẳng biết luôn! Vì sao biến thành nông nổi này? Hiện thời là ong óng cãi vả, đấu khẩu; mười năm sau, chỉ sợ rằng hằng ngày đánh nhau; đánh nhau ắt sẽ dùng đến dao, đến súng. Tôi hình dung chuyện này là gì? Giáo dục khủng bố! Hiện thời, nói đến phần tử khủng bố, phần tử khủng bố là do dạy dỗ mà ra! Hiện thời, mỗi gia đình đều dạy dỗ theo kiểu như vậy; trong tương lai, con cái của quý vị đều biến thành phần tử khủng bố. Khủng bố đối với ai? Đối với cha mẹ, đối với anh em trai, đối với chị em gái, đối với người trong họ, gia đình sẽ biến thành nơi chốn khủng bố. Trong xã hội, lại càng chẳng cần phải

nói nữa, đáng kinh hãi quá! Thế giới này còn có thể duy trì được chăng? Đó gọi là “*ngày tàn của thế giới*”.

Vì thế, trong hiện thời, nếu chẳng cứu vãn giáo dục luân lý đạo đức, quý vị hãy nghĩ: Trong tương lai, vấn đề xã hội sẽ nghiêm trọng dường ấy. Cứu như thế nào? Hãy học Đệ Tử Quy, những ai [cần phải] học? Nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, mọi người cùng học, xã hội mới được cứu, mới có thể quay đầu. Trẻ nhỏ học, người lớn chẳng học, chẳng thu được hiệu quả! Người lớn học, trẻ nhỏ không học, cũng chẳng thu được hiệu quả. Giáo dục toàn dân, chẳng phải là giáo dục toàn thể dân chúng của một quốc gia, mà là giáo dục toàn thể nhân dân trên thế giới. Chúng ta phải có sự nhận thức này, phải có tấm lòng từ bi này, thúc đẩy mở rộng sự giáo học này. Đây là “*tự cứu, cứu người khác*”. Cứu người khác thật sự là cứu chính mình! Một mình ta niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, muốn trốn tránh trách nhiệm, quý vị có thể trốn thoát hay không? Vì sao chẳng trốn được? Chưa chắc quý vị đã có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc! Quý vị hỏi vì sao ư? Quý vị chẳng có tâm từ bi. Chẳng có tâm từ bi, [tức là] trong Bồ Đề tâm đã thiếu một [yếu tố] là từ bi. Quý vị thấy đó, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, sau đó chẳng có từ bi, Bồ Đề tâm của quý vị sẽ chẳng viên mãn, chỉ sợ thế giới Cực Lạc chẳng thu nhận quý vị.

Phải có tâm từ bi! Tâm từ bi là bỏ mình vì người, toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác! Giúp người thì chớ nên chấp tướng, chớ nên có phân biệt, chấp trước. Quý vị giúp đỡ người mà vẫn là “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” y như cũ, sẽ luôn tiến cao hơn. Nếu quý vị có phân biệt, chấp trước, chuyện này sẽ khó lắm. Bồ Đề tâm của quý vị đã bị biến chất, chẳng phải là Bồ Đề tâm thật sự. Hãy nhớ, đức Phật đã dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Tâm đã biến chất, toàn bộ những việc làm của quý vị đều bị biến chất. Cứ ngỡ chính mình là thiện, trên thực tế là bất thiện, vì tâm biến chất. Trong quá khứ, thầy Lý thường dạy chúng tôi, Ngài nêu một tỷ dụ: Một chén đề-hồ, kinh Phật nói đề-hồ là một thứ đồ uống ngon lành nhất. Bỏ thêm vào đấy một giọt độc dược, toàn thể sẽ biến thành thuốc độc! Tỷ dụ ấy có ý nói: Trong thiện tâm, chớ nên xen tạp mấy may ý niệm bất thiện nào. Hễ xen tạp, toàn thể thiện tâm sẽ biến thành xấu xa! Quý vị nói “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*”, mà chẳng có từ bi, những điều trước đó toàn là giả! Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác đều chẳng có! Chân thành biến thành hư ngụy, thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình

đăng biến thành kiêu căng, ngã mạn, chánh giác biến thành mê hoặc. Năm điều là một, một chính là năm!

Trong chân thành, chắc chắn sẽ hàm nhiếp viên mãn *“thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”*. Trong từ bi, quyết định có *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác”*. Một và nhiều dung hợp lẫn nhau, đây mới là viên mãn, là thuần thiện! Thiện tâm thật sự chính là *“nhân chi sơ, tánh bốn thiện”*, cái bốn thiện ấy [chính là thiện tâm]. Nay chúng ta làm như thế nào để có thể từ bất thiện quay về bốn thiện, sẽ có niềm vui sướng to lớn trong ấy. Các đồng học ở đây, ai nấy thiện căn sâu dày! Nếu chẳng phải là thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp, quý vị sẽ chẳng thể nào đến giảng đường này nghe kinh Hoa Nghiêm suốt hai tiếng đồng hồ. Bài kệ Khai Kinh có câu: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”* (Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp gỡ). Quý vị thấy Hương Cảng có bao nhiêu người? Đừng nói Hương Cảng, trong tòa cao ốc này có bao nhiêu người, có mấy ai bước vào giảng đường để nghe kinh Hoa Nghiêm? Quý vị bèn hiểu [lý do vì sao] Phật, Bồ Tát hết sức cảm thán: *“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”*. Được làm thân người, chẳng biết nghe Phật pháp, luống uổng đời này! Quý vị có thể thấu hiểu tầng [ý nghĩa] này, mới hiểu làm thân người thì điều đáng quý nhất là gì? Nghe Phật pháp. Sau khi đã nghe Phật pháp, làm sao người ấy có thể bỏ qua cho được? [Sẽ là] giùi mài chẳng bỏ!

Trong nhân gian, điều gì sung sướng nhất? Nghe pháp là sung sướng nhất. Quý vị mới hiểu câu đầu tiên do Khổng lão phu tử đã nói trong Luận Ngữ: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) *“Duyệt”* (悅) là vui sướng. Trong thế giới này, trong nhân gian, trên cõi trời, chẳng có điều nào vui sướng bằng chuyện này. Tuyệt đối chẳng phải là niềm vui do ăn uống thỏa thích như người thế gian đã nói. Ăn uống thỏa thích thì trong tương lai phải vào tam đồ, phải đến đó chịu khổ! Hơn nữa, để ăn uống thỏa thuê trong hiện tiền, quý vị phải đổi bằng cái giá cỡ nào? Quý vị suy ngẫm, [sẽ thấy] chẳng đáng giá! Phải trả cái giá gì vậy? Bản tánh bị ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng. Đây là cái giá quý vị phải trả. Đối với thân thể này, thân thể sống theo kiểu đó, kiểu sống ấy bất bình thường, chính là lối sống chẳng lành mạnh, quý vị sẽ mắc phải đủ thứ bệnh tật, giảm sút tuổi thọ trên một mức độ rộng lớn.

Lúc tôi còn trẻ, thầy có nói với chúng tôi, thầy là một vị thầy lang rất giỏi, [tôi đang nói về] thầy Lý. Thầy bảo tôi, suốt đời thầy xem bệnh, chẳng có lần nào xem bệnh lầm lẫn. Thầy bảo: “Ta nắm chắc chuyện

này!” Thầy cũng từng làm quan tòa. Thầy nói: “Làm quan tòa xét các vụ án, nếu chẳng lưu ý, sẽ khiến kẻ khác bị oan uổng”. Thầy nói: “Chuyện ấy có thể có, chứ chẩn bệnh, dùng thuốc, trong đời này, quyết định chẳng phạm sai lầm!” Lời ấy có dụng ý rất sâu! Thầy nói theo lý luận của y học Trung Hoa, [tức là dựa theo] những điều được nói trong chương Linh Xu của Hoàng Đế Nội Kinh, phần luận định về thọ mạng của con người. Con người là một cỗ máy. Cỗ máy ấy vận hành, quý vị phải khéo bảo dưỡng nó. Yêu thương, bảo dưỡng nó, sẽ có thể dùng đến hai trăm năm. Tức là nói cỗ máy ấy thông thường có thể sử dụng tới hai trăm năm. Dùng chẳng lâu như thế, tức là bản thân quý vị chẳng biết dùng, đã phá hư nó. Cụ nói lời ấy rất hợp lý.

Vì thế, Phật môn đề xướng ăn chay; khi đó, tôi đã nghĩ, đạo dưỡng sanh trong nhà Phật là viên mãn nhất. Người trong xã hội chỉ biết vệ sinh, “sinh” là sinh lý. Đạo Hồi biết “vệ tánh”, đối với thức ăn, họ có chọn lựa. Phàm những gì có tánh chất bất hảo, thấy đều không ăn. Phật giáo chọn lựa ăn chay, chính là “vệ từ bi tâm”, tức là bảo vệ cái tâm từ bi. Vì thế, cách ăn uống của Phật giáo là vệ sinh, vệ tánh, tức là tánh tình rất thiện lương, lại còn vệ tâm, tức là “vệ từ bi tâm”. Đây là viên mãn! Tôi hiểu rõ đạo lý này, chọn lựa ăn chay, ba phương diện đều quan tâm. Đây là cách sống lành mạnh nhất. Người trong thế gian chẳng hiểu, tưởng ăn chay có công đức chi đó! Tôi chẳng phải là xuất phát từ chỗ ấy, mà là do thông đạt lý luận! Đây là sự chọn lựa lành mạnh nhất, tốt đẹp nhất, vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp đoạn thứ tư kể đó.

(Sớ) Đối biện thành lệ.

(疏) 對辨成例。

(Sớ: Đối chiếu để biện định, lập thành các thể lệ).

Ngài Thanh Lương đã giải thích đơn giản.

(Sớ) Vị nhược dĩ sơ hậu nhị sự tương đối biện lệ, lược hữu thập lệ.

(疏) 謂若以初後二事相對辨例，略有十例。

(Sớ: Nghĩa là đối chiếu hai chuyện trong câu đầu tiên và câu sau của mỗi bài kệ để biện định các thể lệ thì đại lược có mười thể lệ).

“*Sơ hậu*” là nói đến các bài kệ tụng trong phần sau, cứ mỗi bài kệ là bốn câu, xem xét đối chiếu câu đầu tiên và câu cuối cùng. Câu đầu tiên đều là nói về Sự, câu cuối cùng là nguyện. Vì thế, [mỗi bài kệ] đều có Sự và nguyện. Tiếp đó, Ngài cũng nêu các thể lệ rất rõ ràng. Ngài đã nêu ra mười thể lệ. Thể lệ thứ nhất chính là...

(Sớ) Hội sự đồng lý.

(疏)會事同理。

(Sớ: Hội quy Sự đồng nhất với Lý).

Đây là một thể lệ. Mười thể lệ này cũng là cương lĩnh. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, nếu quý vị đã hiểu rõ, có thể nói là thấy đều vận dụng [những thể lệ ấy] vào cuộc sống, vận dụng vào xử sự, đãi người tiếp vật. Như trong phần trước đã nói “*Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm*” (Bồ Tát khéo dùng cái tâm), chúng ta phải học từ chỗ này.

Hễ học hiểu, sẽ sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát. Hiện tiền, trong thế gian này, sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, trong ấy, thật sự có niềm vui thú, thật đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Chẳng áp dụng vào kinh Hoa Nghiêm, câu nói ấy sẽ rất khó lãnh hội, sự hưởng thụ cao nhất trong đời người mà! Có thể tịnh hạnh, có thể thực hiện, chúng ta thi hành (“*hành*” là hành vi), khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thấy đều đạt đến thanh tịnh. Trong Phật pháp thường nói: “*Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”. Tịnh bằng cách nào? Phẩm Tịnh Hạnh đã cung cấp phương pháp tốt nhất, những điển hình tốt nhất, người có tâm hãy nên học tập. Tâm tịnh, hành thiện, tịnh và thiện chẳng tách rời, niệm Phật có lẽ nào chẳng vãng sanh!

Nay chúng ta xem thể lệ thứ nhất, tức là “*hội Sự đồng Lý*”.

(Sớ) Như Bồ Tát tại gia, Sự dã. Tánh Không, Lý dã.

(疏)如菩薩在家，事也；性空，理也。

(Sớ: Như “Bồ Tát tại gia” là Sự, “tánh Không” là Lý).

Đây là bài kệ tụng đầu tiên trong phần sau: “*Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh Không, miễn kỳ bức bách*” (Bồ Tát tại gia, nguyện cho chúng sanh, biết nhà tánh Không, thoát khỏi bức bách). [Nói về] tại gia Bồ Tát. Tại gia tu hành [vẫn có thể] thành Phật giống hệt [như bậc xuất gia]. Xuất gia mà nếu chẳng biết tu hành, sẽ chẳng bằng tại

gia! Tại gia và xuất gia là một, chẳng hai, quý vị sẽ nhập pháp môn Bất Nhị. Đó là cảnh giới cao nhất trong Phật pháp.

Chúng ta xem kinh văn [nói về] Bồ Tát tại gia. Mở kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ [ra xem], nghiêm nhiên đức Thế Tôn đã nói tới mười sáu vị tại gia Bồ Tát, “*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*” (mười sáu vị Chánh Sĩ như Hiền Hộ v.v...), đây là hàng tại gia Bồ Tát, thuộc địa vị gì? Thừa cùng quý vị, Đẳng Giác Bồ Tát! Các Ngài chứng đắc địa vị chẳng hai, chẳng khác Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền! Ngài Hiền Hộ đứng đầu các vị tại gia Bồ Tát, giống như trong một đoàn thể, Ngài là trưởng nhóm, trong Phật pháp thì gọi là Thủ Tọa (首座). Ngài có đức hiệu là Hiền Hộ, trong ấy bao hàm ý nghĩa rất sâu. “*Hiền*” (賢) là nói về sự thành tựu của chính Ngài. Sự thành tựu của Ngài chẳng khác Phổ Hiền. “*Hộ*” (護) là hộ pháp. Hộ trì chánh pháp, chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, hộ trì chúng sanh ít tai, ít nạn, hộ trì người tu hành được hết thấy những điều thuận tiện. Quý vị thấy ý nghĩa [trong danh hiệu Hiền Hộ] sâu cỡ nào, tại gia Bồ Tát đấy nhé!

Phật pháp có thể tồn tại lâu dài trong thế gian hay không, thừa cùng chư vị, chẳng phải là trách nhiệm của hàng xuất gia Bồ Tát, mà là [trách nhiệm của] tại gia Bồ Tát. Người tại gia có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ có ứng; kẻ tại gia chẳng cảm, Phật, Bồ Tát sẽ không đến. Thế nhưng chúng sanh đang mê, họ làm sao có thể biết chuyện này cho được? Giống như trong Thích Ca Phổ có chép: Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, ban đêm thấy sao Mai, đại triệt đại ngộ, đức Thích Ca thành Phật. Sau khi thành Phật, sự nghiệp của Ngài là phổ độ chúng sanh. Độ chúng sanh thì nhất định phải có chúng sanh đến khái thỉnh. Người thế gian chẳng biết chuyện này, cũng chẳng có ai đến khái thỉnh. Nếu lúc đó chẳng có ai đến khái thỉnh, đức Phật sẽ thị hiện nhập Niết Bàn, Ngài ra đi. Người thế gian chẳng biết, chư thiên Tịnh Cư trông thấy. Tịnh Cư Thiên ở đâu? Ngũ Bát Hoàn Thiên trong Tứ Thiên Thiên được gọi là Tịnh Cư Thiên.

Tứ Thiên là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đệ Tứ Thiên có phước báo lớn nhất, chẳng có đại tam tai. Vì thế, Tứ Thiên là phước điền. Thánh nhân ở trong ấy. “*Thánh nhân*” là hàng thánh nhân thuộc Tam Quả, cũng tu hành ở nơi đó. Tam Quả là A Na Hàm. Các Ngài chẳng đến nhân gian, chẳng tới Dục Giới, mà tu hành ở nơi đó. Từ nơi ấy, nếu vượt lên cao hơn, sẽ thoát khỏi lục đạo. Chứng quả A La Hán, sẽ vượt khỏi lục đạo, đây là thánh nhân. Các Ngài trông thấy [đức Phật thị hiện thành đạo], các Ngài có Thiên Nhân, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề, chẳng có ai đến khái thỉnh. Các Ngài vội giáng xuống; đã giáng

xuống, bèn biến thành thân người, đối trước Thích Ca Mâu Ni Phật đánh lễ, thỉnh lão nhân gia trụ thế, hoằng pháp lợi sanh. Những vị Tịnh Cư Thiên đã thay chúng ta khải thỉnh. Nếu chẳng có các vị ấy khải thỉnh, sẽ chẳng có bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp của đức Thế Tôn! Ngài thành Phật, nhập Bát Niết Bàn, chẳng có ai biết!

Vì sự khải thỉnh ấy, đức Phật mới trụ thế. Do vậy, chư thiên Tịnh Cư hóa thân làm người cầm đầu thỉnh đức Phật thuyết pháp. Các Ngài đến nghe kinh đầu tiên, lắng nghe Phật pháp. Dần dần, do thấy có người đang nghe, Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh, có mấy người đang ngồi nghe tại đó, kẻ khác tò mò, cũng đến. Những người như vậy kéo đến ngày càng nhiều. Nghe đức Phật giảng, đức Phật giảng kệ cơ, kệ lý. Trừ phi quý vị chẳng tiếp xúc, hễ quý vị tiếp xúc, chẳng có ai không sanh lòng hoan hỷ. Quý vị có vấn đề nghi nan gì nêu ra, đức Phật đều giải đáp cho quý vị. Đã kéo đến, thỉnh chúng ngày càng đông; về sau, hình thành Tăng đoàn. Sự nghiệp giáo học từ đấy bèn triển khai. Vì thế, đối với chuyện chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, hàng tại gia Bồ Tát khởi tác dụng to cỡ nào!

Hiện thời, chánh pháp chẳng tỏa rạng, vấn đề xuất hiện ở chỗ nào? Hàng tại gia Bồ Tát chẳng nghe kinh, hàng tại gia Bồ Tát chẳng nghiêm túc tu hành! Họ bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh xã hội! Hiện thời, có khá nhiều vị tại gia Bồ Tát cầu phước, tu phước báo. Đến đạo tràng, chùa miếu thắp nhang, đến dựng chùa, đến tạo kim thân Phật, tạo tượng Phật. Tất cả đều là những chuyện thuộc về tu phước, chẳng mở mang trí huệ. Họ chẳng hiểu trong chánh pháp thật sự có huệ, trong huệ nhất định là có phước. Trong phước, chẳng có huệ. Người có trí huệ, há chẳng có phước báo? Há có lẽ ấy! Người có trí huệ, nhất định sẽ đặt tu huệ hàng đầu, phước là thứ kèm theo. Phước báo là thứ kèm theo, đấy là chẳng sai! Chỉ chú trọng tu phước, sơ sót tu Huệ, sai lầm mất rồi!

Chuyện này khiến cho chúng tôi nghĩ đến thuở Đạt Ma Tổ Sư sang Trung Hoa. Có người tiến cử Ngài lên Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế là Phật tử kiên thành, nghe nói có một vị cao tăng Ấn Độ đến [Trung Hoa], ngay lập tức triệu kiến. Chúng ta biết Vũ Đế hộ trì Phật pháp nổi tiếng trong lịch sử, [nhà vua] suốt đời dựng chùa. Theo sách sử ghi chép, [nhà vua đã] dựng bốn trăm tám mươi ngôi tự miếu am đường lớn nhỏ. Độ tăng, vua ưa thích người xuất gia; đối với người xuất gia, nhà vua đều tu cúng dường, mùi mẫn vạn người. Đấy là bậc đại hộ pháp trong Phật môn. Bản thân nhà vua cũng cảm thấy rất tự hào, tiếp kiến Đạt Ma Tổ Sư, Lương Vũ Đế bèn hướng về Tổ thỉnh giáo: “Trẫm làm nhiều chuyện như

thế, công đức của trăm có lớn hay không? Trăm có công đức to cỡ nào?" Đạt Ma Tổ Sư trả lời nhà vua bằng một câu: "*Tịnh vô công đức*" (Hoàn toàn chẳng có công đức), nhà vua làm những việc ấy chẳng có công đức chi cả! Lương Vũ Đế nghe vậy rất cụt hứng. Nói năng chẳng hợp ý, bèn đuổi Tổ đi. Nếu Lương Vũ Đế hỏi: "Phước đức của ta to cỡ nào?" [Tổ sẽ trả lời] "phước đức to khôn cùng!" Đó là chuyện thuộc về phước đức, chẳng phải là công đức. Công đức là gì? Công đức là tu "*thanh tịnh, bình đẳng, giác*", đấy là công đức.

Do đó, phước đức và công đức chẳng giống nhau, làm nhiều chuyện như vậy, chấp tướng. Hễ chấp tướng, sẽ là phước đức; ly tướng là công đức. Sự là như nhau, làm nhiều chuyện như thế, nếu [coi như] chẳng có chuyện ấy, làm mà không làm, không làm mà làm, đó là công đức! Nhất định phải phân biệt rõ ràng giữa công đức và phước đức. Nói cách khác, tâm thanh tịnh làm hết thấy việc thiện thì đều là công đức. Tâm ô nhiễm, có cái tâm ích kỷ, [muru cầu] tiếng tăm lợi dưỡng xen lẫn vào, làm bất cứ thiện sự gì, đều là phước đức. Vì thế, nhìn theo sự tướng, sẽ chẳng nhìn ra! Nhìn từ tâm địa, sẽ hiểu rõ ràng rành. Đản Kinh đã nói rất hay: "*Thử sự phước bất năng cứu*" (Chuyện này phước chẳng cứu được). "*Thử sự*" chính là đại sự sanh tử. Nếu muốn thực hiện đại sự vượt thoát lục đạo luân hồi, [cậy vào] phước đức sẽ chẳng làm được. Phước đức là đòi sau quý vị sẽ đạt được phước báo nhân thiên. Chúng ta hiểu, những chuyện Lương Vũ Đế đã làm thuộc về phước báo nhân thiên; hơn nữa, [do phước báo mà sanh vào] thiên đạo thì cũng chỉ giới hạn trong Dục Giới Thiên. Nhưng đối với Dục Giới Thiên, chúng ta thường thấy là [sanh vào] Tứ Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên, chứ [do phước báo mà mong sanh vào] Dạ Ma Thiên, e rằng chẳng được! [Để sanh vào] Dạ Ma Thiên, phải tu Định, nhà vua chẳng có công phu ấy. Vì thế, sẽ sanh vào Dục Giới Thiên, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Tại gia Bồ Tát hộ pháp thì phải nên vượt trội Lương Vũ Đế, chẳng cần phải làm nhiều chuyện như vậy. Những chuyện ấy là phước báo. Chúng ta chẳng có phước báo to như vậy, nhưng chúng ta tận tâm tận lực thực hiện, phước báo sẽ viên mãn. Người ta có một vạn đồng, bỏ ra một ngàn đồng để làm chuyện tốt, một phần mười; ta chỉ có một trăm đồng, ta đem trọn một trăm làm chuyện tốt. Tỷ lệ của ta là một trăm phần trăm, phước báo của ta vượt trội người đó. Cho thấy: Chẳng phải là người nghèo không thể làm chuyện tốt. Tu phước hoặc tu tập tích lũy công đức, chẳng phân biệt giàu hay nghèo, ai nấy đều có thể làm được viên mãn. Chỉ cần cái tâm của quý vị thanh tịnh viên mãn, không có gì

chẳng viên mãn! Phật pháp nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của câu nói ấy. Tâm quý vị viên mãn, phước đức và công đức của quý vị sẽ viên mãn. Có mong cầu được báo đền, cầu phước cho đời sau, sẽ đạt được *“phước đức”*. Chẳng mong cầu báo đền, ta cầu sanh Tịnh Độ, đây là công đức! Trọn chẳng cầu đời sau làm quan, phát tài, chẳng có ý niệm ấy. Tu tập hết thấy các việc thiện, vì chúng sanh, chẳng vì chính mình, mà vì chánh pháp tồn tại lâu dài thì mới có thể thoát lìa tam giới lục đạo. Những điều ấy là Sự.

Bồ Tát biết tánh Không, *“Sự có, Tánh không”*. Do vậy, tánh Không là Lý. Quý vị thấy đó, đối với Lý và Sự, biết tánh Không. Vì sao người ấy không chấp trước? Vì sao chẳng cầu phước báo? Trong Phật môn có nói, trong kinh điển có nói, người thế gian làm quốc vương hay làm Tổng Thống trong hiện thời, làm đại thần, hiện thời nói là bộ trưởng, hoặc làm tỉnh trưởng, phước báo tu từ chỗ nào? Nói theo Phật pháp, đều là do trong đời quá khứ đã cúng dường Tam Bảo mà đạt được, phước báo đầy! Nếu quý vị tu Tài Bố Thí, đời này quý vị sẽ đạt được của cải. Hộ trì Tam Bảo, phước báo là đế vương, chức vụ đứng đầu bá quan, là bậc quý nhân quyền uy, vinh hiển, đều là do tu phước nơi Tam Bảo. Nếu chuyên tu Tài Bố Thí, đời này người ấy sẽ được giàu to, chẳng có địa vị, nhưng phát tài to lớn. Chuyên môn chỉ hành Pháp Bố Thí, người ấy thông minh, trí huệ. Hiện thời, những vị được gọi là chuyên gia, học giả, các giáo sư nổi tiếng, đều là do đời trước đã tu Pháp Bố Thí mà đạt được quả báo.

Tu Vô Úy Bố Thí, sẽ được khỏe mạnh, sống lâu; chuyện này cũng chẳng phân sang hèn! Chúng ta thấy rất nhiều người nghèo, là người ở nông thôn, sống hơn trăm tuổi, thân thể rất khỏe mạnh. Tôi ở Úc, tại Úc có một thôn toàn là người già, đều trường thọ, tám mươi tuổi là người trẻ nhất. Chín mươi, hơn trăm tuổi vẫn làm việc, động tác rất linh hoạt. Hỏi đến tuổi tác, đã ngoài chín mươi! Chúng ta chẳng thể không tôn kính. Cuộc sống khá nghèo khổ, [họ rất khỏe mạnh, sống lâu là do] trong đời quá khứ đã tu Vô Úy Bố Thí, [nghèo khổ là vì chẳng tu Tài Bố Thí]. Chúng ta thấy vậy, trong tâm cũng hiểu rất rõ, mong chính mình đạt được. Nếu ta muốn sống lâu, phải tu Vô Úy Bố Thí. Nếu muốn thông minh, trí huệ, ta phải tu Pháp Bố Thí. Nếu muốn đạt được của cải, tiền bạc tiêu dùng chẳng thiếu thốn, ta phải tu Tài Bố Thí. Tu ba thứ bố thí, sẽ đạt được ba thứ quả báo ấy, nhưng chẳng phải là làm quan lớn, chẳng phải là người lãnh đạo trong các tầng lớp xã hội, chẳng phải vậy! Người lãnh đạo nhất định đối với Tam Bảo, điều trọng yếu nhất là hộ pháp, hoằng pháp và hộ pháp.

Trong việc hoằng pháp và hộ pháp, cũng có rất nhiều người xuất gia, tu hành rất khá, hoằng pháp lợi sanh, nhưng tham luyến phú quý thế gian! Trông thấy đế vương, thấy Tể Tướng, rất hâm mộ, được rồi, đời sau ra sao? Đời sau sẽ giống như họ, làm đế vương, làm Tể Tướng, tu được [quả báo ấy]. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu tám gương tốt nhất cho chúng ta. Ngài sanh vào nhà đế vương, là vương tử, vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ vinh hoa phú quý, nêu gương tốt nhất. Quý vị muốn làm một vị đế vương, tuyệt đối chẳng phải là tu phước trong Phật môn một đời! Chúng ta ngẫm xem, phước báo đế vương tối thiểu là mười đời! Quý vị thấy Ngô Đạt quốc sư, mười đời tu hành, Ngài chẳng mong làm hàng tại gia, mười đời đều là xuất gia. Ngài đạt đến địa vị quốc sư. Hoàng Thượng tôn Ngài làm thầy, làm quốc sư, khiến cho chúng ta liên tưởng: Nếu Ngài luyến mộ phú quý nhân gian, do mười đời tu hành, nếu chẳng làm Hoàng Thượng, tối thiểu cũng làm Tể Tướng, nhưng hễ hưởng phú quý, sẽ mê hoặc. Đã mê hoặc thì nếu do một chánh sách sai lầm, quý vị đã hại bao nhiêu người, phước đức tu hành trong mười đời đều bị chiết giảm hoàn toàn. Điều này đáng sợ lắm! Rất có thể xảy ra!

Chúng ta thấy khá nhiều đế vương vào cuối triều đại, đừng nhìn vào những vị vua khai quốc. Bậc khai quốc rất thông minh, có trí huệ. Đó là gì? Họ tu hành mười mấy đời, chẳng bỏ tu huệ, cho nên chẳng hồ đồ. Nếu tu phước trong Phật môn, tu đại phước báo mà sơ sót tu huệ, tức là sơ sót đối với phương diện nghe kinh, nghe pháp, y giáo tu hành, chỉ chú trọng chăm sóc Tăng đoàn, giúp đỡ đại chúng tu hành. Đây là sơ sót tu huệ! Phước báo trong tương lai của họ là làm vua cuối triều đại. Họ chẳng có trí huệ, nhưng có đại phước báo; do có quyền thế như vậy, họ làm rất nhiều chuyện sai quấy, tạo rất nhiều tội nghiệp. Nhân quả nói ra sẽ rất phức tạp, hãy chú tâm lãnh hội. Hưởng hết phước, nghiệp báo hiện tiền, phải đọa trong tam đồ, kinh Phật gọi là “*tam thế oán*”. Đời thứ nhất tu phước, có đại phước báo, làm đế vương vào cuối triều đại, làm đế vương đều là đại phước báo. Nói chung là do đã tu phước trong nhiều đời nhiều kiếp, nhưng luôn thiên trọng phước, thiếu sót tu huệ. Nhân như thế nào, sẽ có quả như thế ấy! Bậc đế vương khai quốc, mấy đời vua đầu, nhất định đều là phước huệ song tu. Vì thế, họ chẳng hồ đồ, chẳng điên đảo. Chẳng thể nói là không có chánh sách sai lầm! [Vẫn có], ít thôi! Vẫn đúng là nhiều thiện sự, ít chuyện bất thiện. Sau khi đã chết, vẫn chẳng mất phước báo nhân thiên, dư phước đấy! Nhưng chẳng lớn như phước báo trước đó! Vì thế, có thể hiểu: “Sự có, Tánh không, Tướng có, Lý không”. Hiểu đạo lý này, quý vị sẽ không chấp trước.

Câu thứ hai...

(Sớ) Xử nhiễm phiền nhiễm lệ.

(疏)處染翻染例。

(Sớ: Thể lệ ở trong nhiễm mà biến đổi nhiễm).

Thể lệ này cũng rất hay!

(Sớ) Như nhược đắc ngũ dục, nhiễm dã, bạt trừ dục tiến.

(疏)如若得五欲，染也，拔除欲箭。

(Sớ: Nếu như đạt được ngũ dục, đấy chính là nhiễm, bèn nhổ trừ mũi tên dục).

“Dục tiến” là tử dục.

(Sớ) Phiên nhiễm dã.

(疏)翻染也。

(Sớ: Đó là biến đổi nhiễm).

Điều này có nghĩa là gì? Ở trong ô nhiễm mà chẳng nhiễm, công phu chân thật! Bồ Tát chẳng lìa nhà, ở nhà thì ngũ dục, lục trần, thứ gì cũng đều trọn đủ, nhưng Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, biến gia đình thành đạo tràng, coi thân quyến như pháp lữ, coi như đồng tham đạo hữu, tu tâm thanh tịnh trong ấy, cao minh thay! Đấy là “*xử nhiễm nhi bất nhiễm*” (ở trong cảnh ô nhiễm mà chẳng nhiễm). Ngài hoàn toàn chẳng lìa ô nhiễm, nhưng có thể bất nhiễm, đấy là có công phu bậc khá, phải có gia giáo rất khá! Thời cổ, chẳng ít người có công phu và sự thành tựu ấy, hiện thời chẳng có. Dẫu trong đời quá khứ, quý vị có thiện căn sâu dày, nhưng trong đời này, quý vị từ nhỏ chẳng được chăm sóc kỹ càng, chẳng có ai dạy quý vị. Hằng ngày xem TV, hằng ngày tiếp xúc xã hội hiện tại, dần dần quý vị sẽ bị chúng huân tập, thiện căn bị mai một, thiện căn chẳng thể hiện tiền. Sau khi quý vị đã dưỡng thành tập khí không tốt, dưỡng thành tập tánh bất thiện, làm sao quý vị có thể thành tựu cho được?

Do vậy, chúng ta thấy các vị đế vương khai quốc nhà Châu, tức Thái Công, Vương Quý, Văn Vương, đã tích lũy công đức trong bao nhiêu đời! Trong gia đình sanh ra thánh nhân. Phu nhân của Thái Công là Thái Khương, phu nhân của Vương Quý là Thái Nhậm. Thái Nhậm là mẹ của Văn Vương, Thái Khương là bà nội của Ngài, đều rất hiểu cách dạy trẻ. Dạy trẻ nhỏ ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ bản tánh của chúng, bản tánh

vốn lành. *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”*, làm thế nào để có thể bảo vệ tánh vốn lành, không cho trẻ bị ô nhiễm. Đặc biệt là Thái Nhậm, tức là mẹ của Văn Vương, khi hoài thai bèn *“thai giáo”*. *“Mục bất thị ác sắc, nhĩ bất văn âm thanh, khẩu bất xuất ngạo ngôn”* (Mắt chẳng nhìn ác sắc, tai chẳng nghe tiếng âm, miệng chẳng nói lời kiêu ngạo), đối với thân, ngữ, ý như nhà Phật đã nói, bà đều giữ thanh tịnh, thiện lương. Tâm địa thanh tịnh, hành vi thiện lương, ảnh hưởng thai nhi. Còn chưa sanh ra, còn đang mang thai mà đã dạy như vậy, dụng tâm như vậy. Văn Vương được sanh ra, chúng ta có thể suy ra mà biết mẹ Ngài sẽ giáo dưỡng như thế nào!

Do vậy, thánh nhân là do dạy dỗ mà ra, hiền nhân là do dạy dỗ mà ra, người tốt cũng là do dạy dỗ mà ra. Hiện thời, mọi người nói đến phần tử khủng bố, tôi cũng nói “phần tử khủng bố cũng là do dạy dỗ mà ra!” Tùy thuộc quý vị dạy như thế nào! *“Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên”* (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Đối với quốc gia, giáo dục được xếp hàng đầu; đối với gia đình, [giáo dục] cũng được xếp hàng đầu. Quý vị làm cha mẹ, dạy dỗ con cái theo kiểu nào? Nếu quý vị chẳng khéo dạy con, cả hai vợ chồng đều có cuộc sống bận rộn, giao con cho người hầu. Người hầu chuyện gì cũng chẳng biết, họ chỉ mong trẻ nhỏ ngoan ngoãn, chẳng làm phiền họ, sẽ cho trẻ xem TV! Trẻ coi say sưa, sẽ ít làm phiền kẻ hầu. Trẻ sẽ học gì từ TV? Học bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, chẳng phải là quý vị dạy trẻ làm phần tử khủng bố ư? Nó lớn lên, chẳng cần nói là rất lớn. Hiện thời, tôi nghe nói, các đồng học có kể cho tôi biết, trong những kẻ phạm tội, lứa tuổi phạm tội nhỏ nhất là cỡ tuổi nào? Hai tuổi, bốn, năm tuổi đã giết người!

Ở Mỹ, chúng tôi thấy một đứa học trò nhỏ giết bạn học, giết thầy, [thế mà cái tin ấy] chẳng phải là tin tức nóng sốt, thường xuyên có [chuyện như vậy] mà! Chuyện ấy chẳng coi ra gì ư? Quý vị dạy chúng nó thành phần tử khủng bố, quý vị đã đào tạo [chúng nó] đấy! Phần tử khủng bố ở nơi đâu? Trong gia đình, chúng nó chẳng biết hiếu thuận cha mẹ, chẳng biết tôn trọng bậc tôn trưởng. Từ nhỏ, đã trả treo với người lớn. Chuyện này chẳng phải là chuyện nhỏ, chớ nên coi thường! Nếu lớn hơn một chút, nó sẽ cùng quý vị cãi cọ. Lại lớn hơn chút nữa, nắm đấm của nó lợi hại hơn quý vị. Nó sẽ đánh đấm; hễ đánh đấm bèn khua dao, rút súng! Vì thế, phần tử khủng bố từ trong nhà quý vị dạy ra, quý vị nói có đáng sợ lắm hay không? Nếu quý vị muốn một nhà hòa thuận, phải dạy dỗ [con cái] bằng sự giáo dục của thánh hiền, TV lẫn Internet đều chớ nên xem!

Khi tôi ở Mỹ, lúc đó, cháu nội của Hàn quán trưởng học lớp Một Tiểu Học. Lớp Một của Mỹ đã dùng computer để dạy học, trẻ đã học rành cách dùng computer. Trong computer có những tiết mục gì, người lớn chẳng biết! Buổi tối, thấy trẻ nhỏ đã khuya lác khuya lơ vẫn còn đang coi computer, người làm cha mẹ nói: “Quý vị thấy con tôi chăm chỉ ghé chưa? Đã khuya như vậy mà nó vẫn còn làm bài, vẫn chưa ngủ”. Nó đang xem gì? Xem tình dục, xem bạo lực, quý vị cũng không biết, quý vị cứ tưởng nó đang làm bài tập. Há nó có làm bài tập như vậy ư? Học trò Tiểu Học há có bài tập phải làm đến nửa đêm, làm tới một, hai giờ sáng vẫn chưa xong. Chẳng có lẽ ấy! Người lớn chẳng cảnh giác, còn khen ngợi, chẳng có tánh cảnh giác, chẳng biết dạy trẻ nhỏ! Như vậy là đời sau trong gia đình của quý vị chẳng xuất hiện thánh nhân, chẳng sanh ra hiền nhân, mà sẽ sanh ra phần tử khủng bố, quý vị chớ nên không biết! Trẻ nhỏ xác thực là có thiện căn, cần được người khác dạy bảo, chớ nên không biết điều này. Cháu nội của Quán Trưởng vẫn khá lắm, vì bà nội thường dạy nó, kèm cặp nó cho đến mười hai tuổi. Coi như là có một chút căn cội, có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác, điều này chẳng dễ dàng!

Vì thế, kể làm cha mẹ trong hiện thời không biết cách dạy dỗ. Ở Mỹ, chúng tôi đã gặp một thầy giáo Tiểu Học là Long Khắc Lạp Khắc (Ron L. Clark), hiện thời, [ông ta] rất nổi tiếng tại Mỹ. Trong học đường, thầy Ron dạy Tiểu Học, chuyên môn dạy những đứa trẻ ương bướng, những đứa trẻ cứng đầu, những thầy giáo khác chẳng thể dạy bèn giao cho thầy Ron dạy, thầy đều đạt được hiệu quả rất tốt đẹp. Thầy dùng phương pháp gì để dạy? Phương pháp của thầy Ron vốn là do bà nội dạy thầy từ nhỏ, phải biết làm người như thế nào, xử thế như thế nào, do bà nội dạy cho thầy. Thầy Ron viết thành một tập sách nhỏ gồm năm mươi lăm điều nhằm dạy người khác, thu được hiệu quả rất tốt. Đệ Tử Quy gồm có một trăm mười ba điều, nội dung phong phú hơn năm mươi lăm điều ấy quá nhiều! Nếu cha mẹ đều hiểu đạo lý này, dựa theo Đệ Tử Quy để dạy con cái, con cái trong tương lai sẽ là thiện nhân, là hiền nhân. Tiến cao hơn, sẽ là thánh nhân. Trong gia đình chẳng xuất hiện nhân tài, cha mẹ có trách nhiệm! Quý vị phải nghiêm túc, phải học, khéo dạy dỗ con! Đặc biệt là trong xã hội hiện tại, do hết thầy ô nhiễm, hết thầy những thứ bất thiện đã qua trung gian của TV và Internet mà ngấm vào tận gia đình của quý vị. Vì thế, câu này ở nơi đây chính là công phu tu hành đặc lực, có năng lực ở trong ô nhiễm mà chẳng tiếp nhận ô nhiễm, biến đổi nhiễm thành tịnh.

Câu thứ ba là...

(Sớ) Tương tự loại đồng lệ. Như nhược hữu thí, linh nhất thiết năng xả đẳng.

(疏)相似類同例。如若有施，令一切能捨等。

(Sớ: Thế lệ “những điều tương tự sẽ xếp thành cùng loại”. Như nếu có bố thí, sẽ có thể khiến cho hết thấy đều có thể xả).

Bất luận là chính mình, bất luận là thấy người khác, khi thí xả, khi hành bố thí, người khác trông thấy bèn nảy sanh ý niệm. Đối với chính mình mà nói, hết thấy đều có thể bỏ, chẳng có gì không thể xả. Trong tương lai, khi đọc đến phần sau của bộ đại kinh này, chúng ta sẽ thấy, những thứ ngoài thân, [ngay cả] quốc gia, ngôi vua đều có thể bố thí, quý vị nhường cho người khác. Đó là Thí, thí xả! Vợ con đều có thể bố thí, chẳng có gì không thể bỏ, bỏ sạch sành sanh!

Ở Mỹ, tôi đã thấy một trường hợp, rất lạ lùng. Khi đó, ngay cả Hàn quán trưởng cũng cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. Tại thành phố Phượng Hoàng (Phoenix), tiểu bang Á Lợi Tang Na (Arizona), con trai bà ta là Cao Quý Vũ có quen một người bạn Mỹ, rất thân thiết. Người bạn Mỹ ấy kết hôn cũng đã vài năm, chẳng có con cái. Vợ anh ta rất thích một người bạn của chồng, người bạn ấy cũng rất thích vợ anh ta. Anh ta rất khảng khái, ly hôn vợ để vợ lấy người bạn ấy, lại còn đến tham dự hôn lễ! Anh ta nói với người khác: “Tôi yêu vợ tôi, bạn tôi càng yêu nàng hơn tôi, chăm sóc nàng chu đáo hơn tôi”. Anh ta nói: “Sống với người ấy, nhất định là nàng sẽ hạnh phúc hơn sống với tôi”. Có thể xả! Chẳng có tâm riêng tư, đó là thật sự yêu thương! Người thế gian nói yêu là gì? Yêu là chiếm hữu. Chiếm hữu chẳng phải là yêu, mà là ích kỷ. Thật sự yêu thương là hy vọng cô ta sống cuộc đời thật sự hạnh phúc. “Có người có thể cho nàng cuộc sống sung sướng hơn ta”, quý vị nói xem, có nên xả hay không? Nếu quý vị chẳng xả, tức là chẳng yêu thương cô ta! Ở Mỹ, nghiêm nhiên có chuyện như thế, rất nhiều người Hoa chẳng có cách nào lý giải chuyện này, nhưng trong Phật pháp thì có. Vì thế, chẳng có gì không thể bỏ. Cuối cùng là đến những gì? Đầu, mắt, não, tủy. A La Hán gặp một người nói: “Này La Hán! Mắt tôi bị hỏng, ông có thể tặng mắt cho tôi hay không?” La Hán đáp: “Được, ta tu Bồ Thí Ba La Mật”, liền móc mắt cho người ấy. Người ấy nói: “Ông móc trật rồi! Tôi muốn mắt phải, chẳng cần mắt trái!” La Hán nói: “Sao ông không nói sớm? Ông nói sớm, tôi sẽ bố thí con mắt ấy cho ông. Nay tôi mù rồi, cả hai mắt đều mù”. Sau khi người ấy có được con mắt, bèn vứt toẹt xuống đất, chun mũi: “Không

được! Con mắt của ông chẳng thể dùng được!” A La Hán bèn nghĩ: “Hành Bồ Tát đạo khó quá, thôi đi, ta vẫn làm A La Hán thì tốt hơn”. Người đến thử thách là một vị trời, coi thử tâm địa của người ấy có phải là chân thành, thanh tịnh hay không? A La Hán công phu vẫn chưa đủ mức, chẳng thể chịu nổi khảo nghiệm, vẫn lui về làm Tiểu Thừa. Bồ Đề đạo khó hành!

Bồ Tát phải tu Nhẫn Nhục Ba La Mật! Bồ Thí là tu phước, Nhẫn Nhục là thành tựu. Chỉ có bồ thí, chẳng thể nhẫn nhục, đối với công đức và phước đức, chắc chắn là chẳng thể thành tựu công đức, phước đức sẽ đợi đến đời sau để hưởng. Vì thế, chúng ta đọc kinh Kim Cang, trong kinh Kim Cang nói về Lục Ba La Mật, đặc biệt nhấn mạnh hai điều này, tức là Bồ Thí và Nhẫn Nhục. Hết thấy các pháp do Nhẫn mà thành tựu. Cũng giống như vậy, chúng ta thấy người có thể xả tài, biết hết thấy các tài vật ngoài thân đều có thể bỏ, đó là ngoại tài, thân thể là nội tài, chẳng có gì không xả được! Hễ xả, tâm sẽ thanh tịnh; đã bỏ thì “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác” sẽ hiện tiền. Hễ xả, tâm đại từ bi sẽ tràn trề nẩy sanh, tự nhiên sanh khởi. Đừng nói là phát, phát là do người khác khuyến, có khuyến cũng chẳng phát ra được. Vì sao? Có chướng ngại! “Chẳng thể xả” là chướng ngại. Sau khi đã bỏ, sẽ chẳng có chướng ngại; cho nên, tự nhiên hiện tiền. Tài có thể xả, pháp có thể xả, vô úy bồ thí, khiến cho hết thấy chúng sanh được an lạc là vô úy bồ thí.

Trong ăn uống, ăn thịt có hai nhân tố:

1) Một là quá khứ nó đã ăn quý vị, hiện thời quý vị ăn nó, đàng này báo đền đàng kia. Kinh Phật có nói: *“Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân”* (Người chết làm dê, dê chết làm người).

2) Loại khác là đời trước chẳng có oán hận sâu xa với nó như vậy. Đời này quý vị mổ xẻ và ăn thịt nó, sẽ kết thành oán hận. Oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong. Loại khác nữa là đối phương đã giác ngộ. Quý vị ăn nó, nó chẳng hận quý vị. Vì sao? Đền trả nghiệp báo. Nó đã hiểu rõ, sau khi nó giác ngộ, chẳng còn nghĩ báo thù, nó liền siêu thăng. Hoặc là sanh vào nhân đạo, hoặc là sanh trong thiên đạo, đã vượt thoát, cũng có kẻ niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Quan hệ trong lục đạo rất phức tạp, chớ nên không biết. Hãy đọc kinh cho nhiều, nương theo kinh giáo để tu học, dần dần quý vị sẽ thông hiểu. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1499

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ tư, tức phần Đối Biện Thành Lệ (對辯成例) trong lời chú giải của Thanh Lương đại sư. Câu thứ tư là:

(Sớ) Thế đồng xuất thế lệ, như thượng thăng lâu các, nguyện thăng chánh pháp lâu đảnh.

(疏)世同出世例，如上升樓閣，願升正法樓等。

(Sớ: Thế lệ trụ trong thế gian mà giống như đã xuất thế, như “lên trên lầu gác, nguyện lên lầu chánh pháp” v.v...)

Những điều này đều là [chuyện thường thấy] trong cuộc sống hằng ngày, nhất là chúng ta sống tại đô thị, đô thị hiện thời toàn là cao ốc, mỗi ngày đều phải lên xuống. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, trong khi chúng ta lên cao ốc, hiện thời bất luận là trèo cầu thang hay đi thang máy đều giống hệt nhau, quý vị không ngừng tiến lên cao hơn! Khi ấy, trông thấy hiện tượng ấy, sẽ nghĩ “*đương nguyện chúng sanh, thăng chánh pháp lâu*” (nguyện cho chúng sanh, lên lầu chánh pháp). Quý vị thấy các vị Bồ Tát, đã là Bồ Tát sẽ niệm niệm chẳng quên chánh pháp, thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình. Đây là [lý do] vì sao các Ngài chẳng mê mất chính mình, đạo lý ở ngay chỗ này. Chúng ta thời thời khắc khắc quên bằng chánh pháp, chẳng có cách nào nâng cao chính mình. Nói chung, sức cảnh giác của chúng ta chẳng đủ.

Nói thật ra, sống trong xã hội hiện thời, nếu chẳng có lòng cảnh giác kha khá, trong tương lai nhất định sẽ bị thua thiệt, bị thua thiệt rất lớn! Nhưng người hiện thời xác thực là đã mê hoặc, mê quá sâu, chẳng biết tầm nghiêm trọng của những vấn đề xã hội ở ngay trước mắt. Những vấn đề gì vậy? Sơ sót giáo dục luân lý đạo đức. Giáo dục luân lý đạo đức nhằm dạy chúng ta làm người, dạy chúng ta hiểu rõ quan hệ giữa con người với nhau. Trước hết, phải hiểu rõ các mối quan hệ, quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ anh em, quan hệ giữa người lãnh đạo và kẻ được lãnh đạo, quan hệ bạn bè. Ngoài bốn mối quan hệ ấy ra, tất cả hết thấy mọi người đều là bằng hữu. Người trong bốn biển đều là bằng hữu! Nay chúng ta nói “nhân loại trên cả thế giới đều là bằng hữu”. Bằng hữu giao du với nhau, một nguyên tắc quan trọng nhất là “*thành tín*”, [tức là] chân thành, giữ chữ Tín; đây là nguyên tắc cơ bản. Sau khi đã hiểu rõ các mối quan hệ, sẽ dạy chúng ta đối xử với người khác như thế nào, cha con đối xử với nhau như thế nào, vợ chồng đối xử với nhau như thế nào, vua tôi, anh em, bạn bè đối xử với nhau như thế nào. Sau

khi đã hiểu rõ, thấy đều có thể thực hiện, gia hòa, vạn sự hưng, xã hội hài hòa, quốc gia hài hòa, thế giới hài hòa.

Hiện thời, chủ tịch Hồ Diệu Bang đề ra *“thế giới hài hòa”*, quý vị hãy ngẫm xem, thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chính bản thân chúng ta. Thực hiện từ bản thân ta như thế nào? Chuyện này cần phải có trí huệ, phải tu dưỡng, phải thông đạt chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Sau khi đã thông đạt chân tướng, quý vị sẽ biết phải đối xử như thế nào thì sẽ chẳng nảy sinh sai lầm. Thánh nhân dạy dỗ người khác, sự linh cảm, trí huệ và phương pháp do đâu mà có? Chẳng phải là do chính mình dấy lên vọng tưởng; chúng ta biết thánh nhân chẳng có vọng tưởng! Thánh nhân chẳng nằm mộng vì các Ngài chẳng có vọng tưởng. Do đâu mà có? Từ quy luật và sự vận hành trong thiên nhiên mà các Ngài được khải thị, phỏng theo pháp tắc tự nhiên. Thiên nhiên là hài hòa, vũ trụ là hài hòa, tất cả hết thảy sinh vật là hài hòa, con người đối xử với nhau hài hòa, từ chỗ này mà đạt được khải thị.

Bất hòa nảy sinh như thế nào? Bất hòa nảy sinh từ Ngã Chấp, *“chấp”* là chấp trước, chúng ta thường nói *“ích kỷ thì sẽ bất hòa”*. Ai nảy đều ích kỷ, đều vì lợi ích của chính mình, toan xâm phạm lợi ích của kẻ khác, làm sao có thể hòa cho được? Tổn người lợi mình, ai nảy đều có ý niệm *“tổn người, lợi mình”*, phiền phức to lớn. Ta mong chiếm tiện nghi của kẻ khác, kẻ khác toan chiếm tiện nghi của ta, các vị ngẫm xem, kết quả là gì? Kết quả là đấu tranh, kết quả là chiến tranh, sẽ bất hòa, phá hoại sự hài hòa của vũ trụ, sự hài hòa của địa cầu cũng bị phá hoại. Tình trạng tệ hại này rất nghiêm trọng! Hiện thời trên cả địa cầu, tình trạng suy vong đã đạt tới tình trạng hết sức nghiêm trọng!

Giáo huấn của cổ thánh tiên hiền và kinh điển của mỗi tôn giáo đều dạy chúng ta đối xử hòa thuận với nhau, phải khiêm nhượng đối với nhau. Người khác thiếu thốn, hễ ta có, nhất định phải chủ động giúp đỡ họ, bỏ mình vì người khác. Đây là pháp tắc tự nhiên trong vũ trụ; pháp tắc tự nhiên của vũ trụ được gọi là *“đạo đức”*. Đạo đức chẳng có gì khác! Đạo đức là hiện tượng vận hành tự nhiên trong vũ trụ. *“Vô đạo đức”* chính là trái nghịch hiện tượng tự nhiên, phá hoại sự hài hòa. Thời gian đức Phật tại thế để dạy học khá dài, cho nên sách vở để giáo hóa hết sức phong phú, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm. Năm xưa, lúc tôi mới học, thầy Phương đã giới thiệu bộ kinh này, bảo tôi đây là khái luận của triết học Phật giáo. Tôi theo học Triết Học với thầy, khái luận của triết học Phật giáo là bộ kinh điển này. Tôi vừa mới xem đôi chút, hôm nay tôi giảng đến tập 1.499, ngày mai sẽ là tập 1.500. Mỗi tập là hai tiếng đồng hồ,

ngày mai sẽ là kinh Hoa Nghiêm giảng đến giờ thứ ba ngàn! Ba ngàn giờ đã có thể nhập kinh văn rồi, duyên rất thù thắng!

Kinh này to lớn, mọi phương diện đều được nói hết sức tỉ mỉ, nhất là phẩm kinh này thuộc cùng một loại với Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, và Sa Di Luật Nghi. Loại này được gọi là “*hành kinh*” (行經, kinh để thực hiện, kinh để hành trì). Đối với kinh điển, cổ đại đức đã phân tích thành bốn loại, tức Giáo, Lý, Hành, Quả. Có “*giáo kinh*”, có “*lý kinh*”, giảng về lý luận; “*hành kinh*” nói về cuộc sống hằng ngày, “*quả kinh*” nói về cảnh giới nơi quả địa. Kinh Hoa Nghiêm thấy đều trọn đủ [bốn loại ấy]; nhất là bộ phận này (phẩm Tịnh Hạnh) và phẩm Phạm Hạnh thuộc về hành kinh. Sau khi chúng ta học xong, phải vận dụng vào cuộc sống, sống cuộc đời của Phổ Hiền Bồ Tát, sống cuộc đời của chư Phật Như Lai. Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Vì thế, mỗi đồng học chúng ta hãy nghiêm túc nỗ lực học tập hòng cải thiện phẩm chất của cuộc sống, cải thiện khá nhiều quan niệm sai lầm của chúng ta. Sau khi đã học, phải nghiêm túc sám hối, nghiêm túc sửa đổi, cơ hội trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, chớ nên coi nhẹ, dễ dãi bỏ qua! Phải nghiêm túc học tập, thấy đều là trong cuộc sống hằng ngày.

Khi chúng ta lên cầu thang, khi đi thang máy, phải nghĩ đến nguyện này. Nguyện cho hết thấy chúng sanh đều có thể nghe chánh pháp, đều có thể mỗi năm, mỗi tháng đều nâng cao sự tu học chánh pháp của chính mình. Đây là “*thế đồng xuất thế*”, nghĩa là ở trong thế gian mà giống như đã xuất thế gian. Nói thật ra, thế gian và xuất thế gian là một, không hai, tùy thuộc quý vị dụng tâm [như thế nào]. Khéo dụng tâm, pháp thế gian và xuất thế gian là một; chẳng khéo dụng tâm, sẽ là hai. Văn Thù Bồ Tát nói hay quá! Tổng cương lãnh là phải “*khéo dùng cái tâm*”, phải dùng cái tâm chánh đáng. Khéo dùng cái tâm, nói chung, quyết định sẽ tương ứng với Đại Bồ Đề tâm, là thực hiện Đại Bồ Đề tâm; đây là “*khéo dùng cái tâm*”. Đối với người, đối với sự, đối với vật, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, chúng ta đều phải thực hiện thì mới được. Chẳng thể thực hiện, sẽ là tạo tội nghiệp!

Quý vị thấy đó, tương phản của chân thành là hư ngụy, tương phản của thanh tịnh là ô nhiễm. Quý vị có thị phi, nhân ngã, quý vị có tham, sân, si, mạn, quý vị có tiếng tăm, lợi dưỡng, đã ô nhiễm mất rồi! Tương phản với bình đẳng là cao thấp, luôn cảm thấy chính mình cao hơn kẻ khác, luôn cảm thấy kẻ khác chẳng bằng ta, kiêu căng, ngã mạn, khi dễ kẻ khác. Ngay cả đối với con người mà còn khi dễ, huống hồ

những động vật và thực vật khác, quý vị chẳng để vào mắt! Nếu quý vị liễu giải nhân duyên quả báo trong ấy, tôi tin rằng quý vị sẽ nhất định nghiêm túc sửa lỗi, quả báo quá đáng sợ! Quý vị có thái độ khinh mạn người khác, chẳng để ai vào mắt như vậy, quả báo trong tương lai của quý vị sẽ là bị người khác khinh thường, rẻ rúng! Nói cách khác, chẳng có ai coi trọng quý vị, chẳng có ai tôn kính quý vị, vĩnh viễn thuộc vào địa vị thấp hèn. *“Một hóp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là đã được định sẵn”*. *“Đã định sẵn”* là do chính mình tạo tác. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi, chẳng có gì không có quả báo. Một ý niệm dẫu vi tế, nhỏ nhặt đến mấy, đều chẳng trốn khỏi quả báo! Cái nhân do chính mình tạo ra, chính mình nhất định phải hứng chịu cái quả, chẳng có ai có thể thay thế được. Những đạo lý và sự thật này, không chỉ là đức Phật đã nói rất rõ ràng trong kinh, mà trong sách vở của những tôn giáo khác cũng như rất nhiều sách vở thế gian đều nói đến; [đó chính là] giáo dục nhân quả!

Ngạn ngữ thường nói, trong Phật môn có câu: *“Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”* (Muôn pháp đều là không, nhân quả chẳng không). Vì sao nhân quả chẳng không? Vì báo ứng chẳng không! Chúng ta thường nói đến ba thứ: *“Chuyển biến bất không, tương tục bất không, tuần hoàn bất không”*. *“Tuần hoàn”* là báo ứng, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Một người thật sự thông minh, có trí huệ, sẽ trong một đời này tuyệt đối chẳng kết oán cừu với một chúng sanh nào. Như vậy thì kể như là quý vị đã giác ngộ. Không chỉ là chẳng kết oán với người khác, mà đối với súc sanh cũng chớ nên kết oán. Không chỉ là đừng nên kết oán với súc sanh, mà đối với thực vật cũng đừng nên kết oán. Quý vị đừng thấy thực vật dường như là chẳng đáng kể! Ngày hôm qua, cư sĩ Trần Hiếu Húc¹³ nghe kinh ở chỗ chúng tôi, hôm nay cô ta đã về Bắc Kinh. Cô ta có kể cho tôi nghe chuyện đã xảy ra trong nhà mình vào mấy năm trước. Có một đêm, hai vợ chồng cô về đến nhà, cảm thấy từ trường trong nhà rất khó chịu. Kế bình phàm thường nói là “có thể có quỷ hồn ở trong ấy”, cả hai vợ chồng đều cảm nhận được.

Cô ta liền nói, cô cũng là một Phật tử kiên thành; cô nói: “Nếu thật sự có linh quỷ ở trong nhà tôi, quý vị hãy làm cho đèn điện chớp lóe”. Đèn điện làm sao có thể chớp lóe cho được? Nói xong lời ấy, năm phút sau, quả nhiên đèn chớp nhoang nhoáng, hai người đều sững sờ! Cô ta nói: “Làm như thế nào đây? Chúng ta thuộc hai cõi Âm và Dương khác nhau, chẳng có cách nào trao đổi”. Cô ta bảo: “Như thế này thì sẽ được, ban đêm tôi ngủ, quý vị sẽ báo mộng cho tôi biết”. Tối hôm đó đi ngủ,

thật sự mộng thấy một đám trẻ nhỏ đến cầu cứu: “Cầu bà cứu giúp chúng tôi. Chúng tôi sắp chết khô, chúng tôi cần nước lắm, sắp chết khô cả rồi!” Chúng nó còn nói rất nhiều lần: “Chúng tôi là thảo mộc trong sân nhà bà”, tức là cỏ nhỏ mọc trên mặt đất. “Chúng tôi là cỏ cây trong sân nhà bà”. Nói vài lượt, rất thận trọng.

Sáng sớm hôm sau, cô ta tỉnh giấc, ra sân xem, cỏ trong sân đã khô cả rồi! Đại khái là đã rất lâu chẳng có ai tưới nước. Vốn trong sân có trồng hoa, ông bố trông nom, hằng ngày tưới hoa, chứ không tưới cỏ. Quý vị thấy thảo mộc, thần thảo mộc là trẻ thơ, giống như trẻ nít. Cô ta thấy tình hình ấy, vội vã lấy nước phun lên chỗ đất trồng cỏ. Cha cô ở bên cạnh nói: “Chẳng cần lo cho nó, chúng ta tưới hoa, chẳng cần tưới cỏ”. Cô cũng không nói gì, có chuyện như thế ấy. Chuyện này đã chỉ rõ: Cỏ cây là sống động, có “*linh*”. Chẳng phải là cỏ cây [có tác dụng biến hóa như thế ấy], mà là do có những vong linh ở trên thảo mộc. Giống như trẻ nhỏ, sau khi trẻ thơ đã chết, chúng nó sẽ không chọn cây to, mà chọn cỏ nhỏ, hoặc chọn hoa cỏ [để nương gá]. Vì thế, thần thảo mộc cũng như thần cây là do có linh hồn bám vào cây ấy. Nếu năm tháng đã lâu mà họ vẫn chẳng rời khỏi, sẽ có thể tác quái, họ có thể biến hóa. Họ cũng tu hành ở nơi đó, nhưng rốt cuộc là chánh pháp hay tà pháp, cũng rất khó nói. Gặp chánh pháp quá ít; hễ gặp tà pháp, sẽ biến thành yêu ma quỷ quái, đều thuộc loại này. Do vậy có thể biết, chúng ta đều phải tôn kính cỏ cây, đừng nên xem chúng là cỏ nhỏ. Cô ta kể cho tôi nghe chuyện này. Hai vợ chồng họ kể với tôi, chẳng giả, cô ta không bịa đặt chuyện này để gạt tôi, mà là chuyện thật!

Vì thế, trong Giới Kinh, đức Phật đã dạy người xuất gia: “*Thanh tịnh tỳ-kheo, bất đạp sanh thảo*” (Tỳ-kheo thanh tịnh, chẳng giẫm lên cỏ tươi). Cỏ mọc xanh tươi, quý vị chớ nên đạp lên chúng mà đi. Trừ phi nơi ấy chẳng có đường, ắt đành phải đi qua đó. Đi như vậy gọi là “*khai duyên*”. Nếu có đường lộ [hẳn hoi], quý vị chớ nên đi đường tắt, nhất định phải đi trên con đường ấy, chẳng thể đạp lên chỗ đất có cỏ. Trong Giới Kinh, đức Phật dạy người xuất gia, người xuất gia phải nên học, mà kẻ tại gia cũng nên học. Chúng ta đối với hết thầy người, sự, vật, đều chân thành, cung kính, quý thần sẽ đều cung kính chúng ta. Nếu quý vị được thiên địa quý thần tôn kính, sẽ ít gặp phải những tai nạn. Vì thế, thành kính đối với hết thầy người, sự, vật; đó là chuyện tốt, rất quan trọng, chớ nên không nghiêm túc học tập. Cũng phải nguyện cho hết thầy chúng sanh có cơ duyên gặp gỡ chánh pháp, thời thời khắc khắc

tăng cao cảnh giới tu học, tâm lượng của chúng ta sẽ mở rộng, lòng ghen tỵ và chướng ngại của chúng ta sẽ tự nhiên được hóa giải.

Lại xem câu thứ năm:

(Sớ) Dĩ nhân đồng quả lệ, như chánh xuất gia thời, nguyện đồng Phật xuất gia đẳng.

(疏)以因同果例，如正出家時，願同佛出家等。

(Sớ: Thể lệ nhân giống như quả, như khi xuất gia, nguyện xuất gia giống như Phật v.v...)

“Đẳng” (等) là những trường hợp giống như vậy, trong phần sau sẽ có rất nhiều! Xuất gia chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, Xuất có bốn loại, Gia cũng có bốn loại, phải hiểu điều này!

1) Xuất thì có *“thân xuất, tâm không xuất”*, tức là thân đã xuất gia, nhưng niệm niệm vẫn lưu luyến hưởng thụ ngũ dục, lục trần, vẫn chẳng thể buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng. Thân xuất, tâm chẳng xuất. Đây là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai, *“tâm xuất, thân chẳng xuất”*, đang là tại gia, nhưng tâm xuất gia. Đây là hàng tại gia cư sĩ tốt lành, tu hành đúng pháp. Chúng ta thấy phần đầu của kinh Vô Lượng Thọ có nói *“Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ”* (mười sáu vị Chánh Sĩ như Hiền Hộ v.v...). Các Ngài chính là những người *“tâm xuất, thân chẳng xuất”*, là hàng tại gia. Cư sĩ Duy Ma cũng thị hiện tấm gương tốt nhất cho chúng ta, tâm xuất, thân chẳng xuất. Ngài Duy Ma thuộc địa vị Phật, Ngài chẳng phải là Bồ Tát, mà là Phật. Vì thế, học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là các vị đại đệ tử như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Ca Diếp, gặp cư sĩ Duy Ma, đều đánh lễ ba lạy, nhiều theo chiều bên phải ba vòng, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp Phật. Đây là gì? Làm cho chúng ta thấy. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm một vị Phật xuất gia, ngài Duy Ma thị hiện làm tại gia Phật, cảnh giới tu chứng của các Ngài hoàn toàn giống nhau, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như kinh đã nói. Đối với sự thành tựu của các Ngài, làm sao có thể coi thường cho được?

Hàng tại gia tu hành thành tựu, họ cũng có thể chứng quả A La Hán y hệt, có thể chứng quả vị Bồ Tát, chúng ta chớ nên không biết điều này. Vì thế, chớ nên khinh mạn người tu hành tại gia. Rất nhiều vị xuất gia không hiểu, đặc biệt là những người trẻ tuổi mới xuất gia chưa được bao lâu! Chúng ta chớ nên không biết điều này! Vừa khoác bộ quần áo ấy vào,

cứ ngỡ chính mình ghê gớm lắm! Hàng tại gia cư sĩ đều phải cung kính ta, bản thân người ấy ngạo nghễ, ngã mạn. Đây là tạo tội nghiệp. Họ chẳng hiểu trong hàng tại gia cư sĩ có rất nhiều vị chứng quả, có những vị tu hành khai ngộ chứng quả, thật đấy, chẳng giả! Đó là loại thứ hai.

3) Loại thứ ba, *“thân lẫn tâm đều xuất”*. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện nêu gương cho chúng ta. Những vị đệ tử theo đức Phật thuở ấy, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, thầy đều là *“thân lẫn tâm đều xuất”*.

4) Loại thứ tư, *“thân lẫn tâm đều chẳng xuất”*. Là hạng người nào vậy? Tại gia cư sĩ. *“Thân lẫn tâm đều chẳng xuất gia”* chẳng phải là nói tới người bên ngoài đâu nhé! Kể bên ngoài không tính, ở đây là nói tới đệ tử Phật, tức là đệ tử tại gia và xuất gia của đức Phật, chẳng kể đến người ngoài! Hạng người này cũng thọ Tam Quy, Ngũ Giới, thậm chí còn thọ Bồ Tát Giới, nhưng hoàn toàn chẳng hiểu, hoàn toàn chẳng thể thọ trì. Hàng cư sĩ thân đã chẳng xuất, đối với sự tu học trong Phật pháp chẳng biết một điều gì, tâm cũng chẳng xuất. Thân lẫn tâm đều chẳng xuất.

Đây là bốn loại Xuất! Gia cũng có bốn loại.

1) Loại thứ nhất gọi là Điền Trạch Chi Gia (田宅之家, nhà phòng ốc, ruộng nương). Tức là nói theo hiện thời, quý vị có nhà cửa, có ruộng đất, có đất đai, có phòng ốc. Quý vị đã xuất gia, bỏ sạch những thứ ấy. Đây là khái niệm xuất gia theo thể tục. Hạng xuất gia này hoàn toàn chẳng thể liễu sanh tử, mà cũng chẳng thoát khỏi tam giới; đây là xuất gia nơi hình tượng. Đây là loại Gia thứ nhất.

2) Loại thứ hai, Phiền Nã Gia. Phiền nã là nhà. Chẳng đoạn phiền nã, quý vị sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Phiền nã là nhân, luân hồi là quả; do vậy, phiền nã là nhà. Buông xuống phiền nã, xuất phiền nã gia, quý vị chẳng xuất Điền Trạch Chi Gia, làm tại gia cư sĩ, chẳng phải là hàng xuất gia, chẳng sao hết, quý vị đã đoạn phiền nã! Đây chính là gì? Tâm xuất, thân không xuất, người ấy có thành tựu! Vì thế, Phiền Nã Gia trọng yếu hơn Điền Trạch Chi Gia!

3) Loại thứ ba, Tam Giới Chi Gia, chính là lục đạo. Tam giới lục đạo là nhà, thật sự là nhà. Quý vị thấy chúng ta đời đời kiếp kiếp đều đang luân hồi trong lục đạo, chẳng thể xuất ly! Đây là nhà, nói theo quả! Xuất Phiền Nã Chi Gia là nói theo nhân.

4) Loại cuối cùng cao hơn nữa, *“xuất Vô Minh gia”*. *“Xuất vô minh gia”* là gì? Không chỉ vượt thoát lục đạo, mà mười pháp giới cũng vượt

thoát. Do vậy, xuất Vô Minh Gia, hạn độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo theo kinh Hoa Nghiêm, chính là Phần Chứng Tứ Phật. Ngài là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Ngài dụng tâm thật sự là Bồ Đề tâm. Do vậy, Sơ Trụ Bồ Tát được gọi là Phát Tâm Trụ, phát cái tâm gì vậy? Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là chân tâm, Bồ Đề tâm mới là bản tánh vốn lành, hoàn toàn trở về bốn thiện. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh”*. Hễ phát Bồ Đề tâm, quý vị trở về Phật Tánh. Chúng tôi đã nói rất nhiều, Thập Trụ Bồ Tát và quả vị rất ráo chẳng hai, chẳng khác, sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ [Thập Trụ Bồ Tát] vẫn còn vô minh. Bốn mươi một địa vị là do tập khí vô minh cạn hay sâu khác nhau. Trừ điều này ra, sai biệt gì cũng đều chẳng có.

Do vậy, thế giới hài hòa, thế giới bình đẳng là ở chỗ nào? Ở trong Hoa Tạng, trong thế giới Cực Lạc. Nếu chúng ta muốn sanh vào Hoa Tạng, sanh vào thế giới Cực Lạc, quý vị phải hiểu hài hòa rất trọng yếu. Trước hết, tự mình phải điều chỉnh sao cho thân tâm của chính mình hài hòa, làm từ nơi ta! Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói lời này hơn một ngàn lần, nói thường xuyên, thường xuyên nhắc nhở các vị đồng học. Mỗi lần tôi nhắc nhở mọi người đều là một lần nhắc nhở chính mình. Vì thế, chính mình rất có thọ dụng. Số lần [nhắc nhở] quá nhiều, cho nên rất có thọ dụng. Chắc chắn là phải đối với nội tâm của chính mình, chúng tôi nói tới chỗ sâu thẳm trong nội tâm, phải buông xả ý niệm đối lập đối với người, sự, vật. Ý niệm ấy chính là cội nguồn chống trái hết thấy hài hòa. Người khác đối lập với ta, đó là chuyện của họ. *“Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt”*. Đối với chuyện ấy, chúng ta không có cách nào! Điều cần thiết là chúng ta chẳng đối lập với họ. Ta chẳng đối lập với người khác thì sự đối lập của người khác đối với ta cũng chẳng thể dấy lên được! Hai bên đối lập nhau thì mới có thể sanh khởi sự đối lập. Một bên chẳng đối lập, giống như dấm vào khoảng không, quý vị dấm rồi chẳng có phản ứng chi hết! Phải hiểu rõ đạo lý này!

Do vậy, chẳng đối lập với hết thấy mọi người, chẳng đối lập với hết thấy sự vật, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Chỉ cần chẳng đối lập, thừa cùng chư vị, sẽ chẳng có tâm hoài nghi hết thấy chúng sanh, chẳng còn hoài nghi nữa! Chúng ta nói là *“chẳng có ngờ vực, lo âu”*, chẳng có mâu thuẫn, chẳng có xung đột, quý vị nói có sung sướng lắm hay chẳng? Quý vị hãy nghĩ xem, dấy có phải là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người hay chẳng? Từ chỗ này, quý vị có thể thấu hiểu lạc thú của Nhan Hồi, lạc thú của Khổng Tử, lạc thú của chư Phật, Bồ Tát, quý vị

mới có thể lãnh hội đôi chút! Nếu quý vị chẳng buông xuống ý niệm đối lập với hết thầy người, sự, vật trong chốn sâu thẳm của nội tâm, sẽ chẳng thể lãnh hội, chẳng thấu hiểu ý vị trong niềm lạc thú của các bậc thánh hiền! Nói chung, quý vị phải tự mình buông xuống; thật sự buông xuống thì mới có thể lãnh hội. *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?), quý vị sẽ hiểu câu nói ấy! Nếu quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy, có giảng giải cho quý vị, quý vị vẫn nghe mà chẳng hiểu! Quý vị chẳng hiểu [niềm lạc thú ấy] là chuyện như thế nào, vì trong nội tâm của chính quý vị có chướng ngại!

Do vậy, trước hết phải hóa giải các chướng ngại trong nội tâm, sau đấy mới giúp đỡ người khác. Nếu họ cũng hiểu đạo lý này, cũng đỡ công dốc sức nơi ấy, quá tốt đẹp, cảnh giới của họ sẽ được nâng cao nhanh chóng. Nếu họ chẳng hiểu, căn tánh rất độn, tập khí phiền não rất nặng, làm như thế nào đây? Thánh nhân đã có giáo huấn, hãy trì giới! Trì giới thì hạng căn tánh trung hạ sẽ được lợi ích rất nhiều, còn hạng thượng thượng căn thì sao? Bậc thượng thượng căn cũng trì giới. Vì sao? Làm cho kẻ trung hạ căn trông thấy. Chẳng thể nói là bậc thượng thượng căn không trì giới, [nếu bậc thượng căn không trì giới], kẻ trung hạ căn thấy vậy, [sẽ tự nhủ]: “Họ chẳng trì giới, vì sao ta phải trì giới?” Do vậy, đức Phật luôn trì giới. Trong cuộc sống hằng ngày, Thích Ca Mâu Ni Phật xử sự, đãi người tiếp vật, chẳng có điều gì không phù hợp giới luật, có nghĩa là Ngài thấy đều thực hiện viên mãn! Chắc chắn là quý vị chẳng tìm thấy Ngài có chuyện gì trái nghịch giới luật, tức là chẳng hề phạm giới, dầu là giới luật lớn hay nhỏ, chắc chắn là chẳng tìm thấy! Ngài nêu gương cho mọi người thấy, đó gọi là *“đại từ đại bi, dùng thân giáo để thị hiện”*. Thân giáo thì phải làm đến khi nào? Chẳng có lúc nào xong! Vì sao? Chúng sanh chưa độ hết. Chỉ cần còn có chúng sanh, Ngài sẽ làm như vậy, nêu gương tốt nhất. Gương mẫu tốt nhất là trì giới; làm cho người khác thấy, lợi ích đại chúng, lợi ích xã hội, từ bi đến tột bậc! Giới nhỏ nhặt cũng chẳng bỏ, từ bi đến tột cùng!

Do vậy, trong quá khứ, xuất gia chẳng dễ dàng! Quý vị ngắm xem, xuất Thiền Nãi Gia, xuất Tam Giới Gia, xuất Vô Minh Gia, thật sự khó khăn! Trong xã hội hiện tiền, càng khó hơn. Nếu chỉ có hình thức xuất gia, tập khí phiền não chẳng đoạn mấy may; đó là bất hảo, quả báo rất khổ. Đấy cũng là như ngạn ngữ đã nói: *“Địa ngục môn tiền, tăng đạo đa”* (Trước cửa địa ngục, có lắm tăng sĩ và đạo sĩ). Vì sao? Vì sao họ xuất gia, tu đạo, mà đọa địa ngục? Họ chẳng thật sự tu hành đúng pháp! Do tội danh gì mà họ đọa địa ngục? Phá hoại hình tượng của Phật đạo. Phật đạo

là thánh hiền, có sao người lại phá hoại hình tượng của thánh hiền? Nay học Phật, xuất gia, khoác y phục của người xuất gia; đối với kẻ tại gia, người ta biết quý vị là đệ tử tại gia học Phật của Phật môn, nếu ngay cả Tam Quy, Ngũ Giới và Thập Thiện mà quý vị đều chẳng làm được, người ta sẽ phê bình: “Người phá giới, người làm ác (tương phản của Thập Thiện là Thập Ác). Kẻ học Phật mà luôn làm ác thì [người khác] cần gì phải học Phật nữa!” Vì quý vị làm ác, người ta phê bình toàn thể Phật giáo, quý vị đã phá hoại toàn thể hình tượng của Phật pháp. Tội ấy nặng nề, bằng với tội phá hòa hợp Tăng, [sẽ phải đọa vào] A Tỳ địa ngục. Vậy thì vì lẽ nào quý vị phải khổ sở làm như thế? Xuất gia, cơ duyên bị kẻ khác chê cười càng nhiều hơn! Tại gia, nếu [kẻ khác] chẳng quen biết, sẽ không biết quý vị học Phật, họ chẳng chê trách quý vị. Nếu họ biết quý vị học Phật, sẽ hủy báng quý vị. Đạo lý ở chỗ này!

Từ chỗ này, chúng ta có thể thấu hiểu [vì sao] suốt đời lão pháp sư Ấn Quang chẳng thu nhận đồ đệ xuất gia, không thể độ cho người khác, đại từ đại bi đấy! Quý vị hãy nghĩ xem vì sao? Thế độ một người là đưa một người đến địa ngục, thế độ hai người là đưa hai người đến địa ngục. Tâm tổ sư hiểu rất rõ, Ngài chẳng nhẫn tâm! Do vậy, Ngài chỉ nhận thu nhận đồ đệ tại gia, truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới cho người khác. Lão nhân gia suốt đời chẳng thu nhận đồ đệ xuất gia, suốt đời chẳng truyền giới, vì sao? Truyền giới, kẻ thọ giới chẳng làm được, toàn là phá giới, toàn là phạm giới, tội ấy khôn cùng! Chẳng làm chuyện xấu ấy! Quý vị thấy Ngài suốt đời chẳng làm Trụ Trì, chẳng làm Đương Gia, suốt đời chẳng cất chùa, lưu lại tấm gương rất tốt cho chúng ta, chúng ta hãy nên học tập lão nhân gia. Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*nhìn vào tấm gương của lão nhân gia, bèn mong được bằng*”, “*mong được bằng*” chính là học tập. Ngài nêu gương tốt cho chúng ta, là một vị tổ sư gần thời chúng ta nhất. Nói cách khác, vào lúc này, ở chỗ này, chúng ta hãy nên học tập theo Ngài!

Ngài là một vị cao tăng đại đức, tín đồ tại gia đông đảo, cúng dường nhiều. Đối với hết thảy những thứ cúng dường nhận được, Ngài chẳng tự mình hưởng thụ, mà hoàn toàn lần lượt dùng làm công đức thay cho họ. Làm công đức thù thắng nhất, đáng gọi là “*trăm điều lợi, chẳng có điều tệ nào*” chính là công đức nào vậy? In kinh! Ngài gom góp những khoản cúng dường ấy để thành lập Hoàng Hóa Xã. Hoàng Hóa Xã ở Tô Châu được thành lập bởi tiền cúng dường của đệ tử tổ Ấn Quang, là Phật Kinh Lưu Thông Xứ (nơi phát hành kinh Phật). Ngài tự mình in kinh sách, in thiện thư, kết duyên khắp mọi nơi. Thuở ấy, đó là phương

pháp tốt nhất, dùng những sách vở ấy để phổ độ chúng sanh. Trong hiện tại, trừ sách vở ra, còn có những thứ hiện thời thấy khá nhiều, có băng thu âm, có CD, có VCD, những thứ này còn thuận tiện hơn văn tự. Vì thế, chúng ta phải biết lợi dụng những thứ khoa học kỹ thuật ấy để giới thiệu chánh pháp với quảng đại quần chúng; trong ấy, chắc chắn chẳng có lỗi lầm. Nếu quý vị dựng đạo tràng, trong thời kỳ Mạt Pháp, nếu người xuất gia chẳng buông xuống cái tâm danh lợi, “*thân xuất, tâm chẳng xuất*”, họ sẽ tranh đoạt tài sản trong chùa, phá hoại hình tượng Phật giáo. Tổ sư thấy rõ ràng, thấy rành rẽ, [do vậy, Ngài] chẳng làm chuyện này. Chúng ta phải quan sát cẩn thận, chú tâm hiểu rõ, nghiêm túc học tập chuyện này.

Đạo tràng đúng pháp nhất, chúng ta chú tâm quan sát thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị sẽ thấy: Những đạo tràng do cư sĩ cúng dường, mọi người đều biết rõ, như Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, Trúc Lâm Tinh xá, đều là những nơi mọi người rất quen thuộc. Ở những nơi ấy, đức Phật đã giảng chẳng ít kinh; tài sản ở những nơi ấy là của cư sĩ, đức Phật chẳng tiếp nhận. Chẳng phải là tặng cho đức Phật, đức Phật chẳng tiếp nhận, [vì] đức Phật đã xuất gia, mà là gì vậy? Cho mượn! Họ cung cấp nơi chốn để giảng kinh, tu hành. Đức Phật và các đệ tử chẳng dùng nữa thì “*vật quy nguyên chủ*” (vật trả về chủ nhân), [những cơ sở ấy] là của bọn họ. Mượn để sử dụng có kỳ hạn, [cơ sở] vẫn là của họ. Nhà cửa bị hư hại, cần phải sửa chữa là chuyện của họ. Đức Phật và những vị xuất gia ấy quyết định chẳng nghe, chẳng hỏi tới, tâm địa thanh tịnh. Trước kia, những vị lão hòa thượng đã bảo chúng tôi: Thuở đức Phật tại thế, nhà cửa bị đốt, các Ngài bèn né chỗ ấy, đến chỗ khô ráo để tĩnh tọa. Thật sự chẳng thể ở nữa, chẳng thể ở nữa thì các Ngài sẽ ra đi. Sửa chữa phòng ốc là chuyện của chủ nhân các phòng ốc ấy. Các Ngài vẫn sống cuộc đời đi khất thực, mỗi ngày ăn một bữa Ngọ, sống cuộc đời đơn giản nhất, gìn giữ thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chẳng có mảy may ô nhiễm. Đó là thật sự xuất gia, thân lẫn tâm đều xuất. Các Ngài đã thật sự thoát khỏi Phiền Não Gia, ra khỏi Tam Giới Gia, ra khỏi Vô Minh Gia.

A La Hán xuất Tam Giới Gia, Pháp Thân Bồ Tát xuất Vô Minh Gia, sơ học xuất Phiền Não Gia, đoạn phiền não từng bước một! Phiền não tập khí của chúng ta mỗi năm một ít hơn, quý vị mỗi năm “*xuất gia*” thêm một chút, đấy là thật sự thực hiện, là công phu thật sự. Tuyệt đối chẳng phải là nói quý vị đã tụng thuộc bao nhiêu kinh điển, đọc lâu lâu bao nhiêu kinh điển, có thể giảng bao nhiêu kinh điển, [dẫu có thể làm

như thế] mà chẳng đoạn phiền não thì chẳng có một tí tác dụng nào cả!
À! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp câu thứ sáu kể đó:

(Số) Xả nguy quy chân lệ, như trước anh lạc, nguyện đáo chân thật xứ đẳng.

(疏)捨偽歸真例，如著瓔珞，願到真實處等。

(Số: Thế lệ bỏ nguy trở về với chân, như “[khi] đeo anh lạc, nguyện đạt đến chốn chân thật” v.v...)

Đây là một loại thế lệ nữa. Vào thời cổ, “anh” (瓔) quá nửa là những món trang sức buộc vào hai bên mũ đội đầu; “lạc” (珞) là những thứ đeo trên thân. Những món anh lạc ấy đều là vật trang sức. Người đời coi chúng là đẹp, hiện thời, quý vị thấy trong các tiệm kim hoàn, giá cả của những món anh lạc rất đắt. Những thứ này cũng chẳng thật sự tồn tại, Phật pháp đã dạy chúng ta: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, thứ gì là thật? Đạo đức là thật. Quý vị đeo đồ quý báu lánh lánh khắp thân, người khác trông thấy rất hâm mộ, quý vị có lăm của cải ngần ấy. Nói thật ra, chẳng bằng chính mình tu dưỡng đạo đức. Đạo đức có thể cảm động lòng người, có thể giúp cho kẻ khác đoạn ác tu thiện, giúp kẻ khác phá mê khai ngộ. Đây là “*chân thật xứ*”.

“*Chân thật xứ*” thực hiện như thế nào? Trong phẩm kinh này, một trăm bốn mươi một nguyện là chân thật xứ, quý vị đều phải nên thực hiện hết. Những năm qua, chúng tôi cực lực đề xướng Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là chân thật xứ. Một người, bất cứ là ai, nếu có thể thật sự thi hành Đệ Tử Quy, thừa cùng chư vị, người ấy chắc chắn chẳng đọa vào ba ác đạo, đời sau nhất định có thể giữ được thân người. Đã thế, cuộc sống sẽ thù thắng hơn đời này, cũng có nghĩa là phước báo to hơn đời này. Đây là đạo lý nhất định, vì Đệ Tử Quy là thực hiện luân lý đạo đức. Luân lý đạo đức chẳng phải là rỗng không, xác thực là trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta quyết định chớ nên sơ sót. Trước hết, phải đọc thuộc lòng sách ấy, có thể nhớ kỹ càng. Chúng ta lại chia thành từng đoạn, có tất cả một trăm mười ba điều, có khi một câu là một điều, tối đa là có trường hợp bốn câu là một điều, tám câu là một điều, đều nói về cùng một chuyện. Hai câu nhằm nói

về cùng một chuyện là [những trường hợp] phổ biến nhất. Nhất định phải làm được, đây là thực hiện đến chỗ chân thật.

Ví như chúng ta chia tất cả một trăm bốn mươi mốt nguyện trong phần sau thành mười đoạn. Đoạn thứ nhất là *“Bồ Tát tại gia”*, chính là tại gia tu hành. Chẳng phải là sơ học, mà là Bồ Tát. Bồ Tát tại gia mới có thể phát đại nguyện như thế, rất gần gũi với hai mươi bốn điều trong phần Nhập Tắc Hiếu của Đệ Tử Quy. Gộp chung lại để xem, sẽ biết chúng ta phải nên tu như thế nào. Đệ Tử Quy có câu: *“Phụ mẫu hô, ứng vật hoãn”* (Cha mẹ gọi, hãy thưa ngay, chớ chần chừ), trong Hoa Nghiêm, chư Bồ Tát biết: *“Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ của ta trong quá khứ, là vị lai chư Phật”*, cảnh giới của các Ngài chẳng giống kẻ khác. Đệ Tử Quy dạy khi cha mẹ ruột gọi quý vị, quý vị phải ngay lập tức đáp lời, chớ nên chần chừ! Trong giáo pháp Đại Thừa, nhất là kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa giáo. Trong quá khứ, tôi cũng đã giới thiệu với quý vị: Trong Phật pháp, kinh điển Nhất Thừa chỉ có ba bộ. Hoa Nghiêm là một bộ, Pháp Hoa là một bộ nữa, bộ kia là kinh Phạm Võng. Kinh Phạm Võng chẳng được truyền toàn bộ sang Trung Hoa. Truyền sang Trung Hoa chỉ có một phần là phẩm Tâm Địa Giới trong kinh Phạm Võng gồm hai quyển. Kinh ấy thuộc về Nhất Thừa giáo.

Nhất Thừa là gì? Nhất Thừa là trực tiếp thành Phật. Sự tu học ấy lấy Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm tiêu chuẩn, đây là Nhất Thừa giáo. Nếu lấy Chánh Đẳng Chánh Giác làm tiêu chuẩn, sẽ là giáo pháp Đại Thừa. Nếu dùng Chánh Giác làm tiêu chuẩn, sẽ là giáo pháp Tiểu Thừa. Vì thế, tiêu chuẩn của A La Hán và Bích Chi Phật là Chánh Giác, chúng ta gọi là Tiểu Thừa. Nếu các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ là Đại Thừa. Nhất Thừa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chia như vậy cũng rất dễ hiểu rõ, quý vị chẳng bị mê hoặc tí nào! Trong giáo pháp Đại Thừa, chẳng cần nói là Nhất Thừa, giáo pháp Đại Thừa đều là như vậy: Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ. Quý vị xem Đại Thừa Bồ Tát Giới Kinh, [sẽ thấy dạy] *“hết thấy nam tử là cha ta, hết thấy nữ nhân là mẹ ta”*. Trong Bồ Tát Giới Kinh [đã dạy như vậy]. Nói cách khác, bất cứ ai gọi quý vị, quý vị đều phải trả lời, lại còn phải đều cung kính. Ở Trung Hoa, vào đời Châu, nhằm thời đại của Châu Văn Vương; cách hiện thời hơn ba ngàn một trăm năm, là thời của Châu Văn Vương. Từ sử sách, chúng ta thấy mẹ của Văn Vương (chẳng cần phải bàn cãi chi nữa, [bà ta] thật sự là thánh nhân) là bà Thái Nhậm. Khi có mang, [bà Thái Nhậm] đã *“thai giáo”*. [Tức là] trong khi mang thai, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chú tâm, cẩn thận, quyết định chẳng có những chuyện “phản

diện”, nghĩa là bà ta tránh xa những chuyện bất thiện. Những điều bất thiện, mắt chẳng nhìn, tai chẳng nghe, miệng trọn chẳng nói, [sợ những thứ bất thiện ấy] ảnh hưởng thái nhi. Vì thế, từ những điều được ghi chép trong sách vở của Trung Hoa, ta thấy bà Thái Nhậm đã thai giáo, đưa con được [bà ta] sanh ra chính là Châu Văn Vương.

Trong kinh Thư có chép, hôm Ngài (Châu Văn Vương) hạ sanh, có một con chim màu đỏ. “*Xích trước*” (赤雀) là một con chim sặc sỡ đỏ, mỏ ngậm một vật giống như cái được gọi là tấm cạc (card, thẻ nhỏ) trong hiện thời. Mỏ chim ngậm tấm thẻ. Con chim ấy bay tới nhà Châu Văn Vương, ngậm một tấm thẻ, bỏ lại tấm thẻ ấy rồi bay mất. Trên tấm thẻ có ghi chữ; vì thế, mọi người nói “đấy chính là điềm lành cho biết thánh nhân hạ sanh!” Trên tấm thẻ ghi những chữ gì? Câu thứ nhất là “*kính thắng đãi tắc cát, đãi thắng kính tắc diệt*” (cung kính chiếm phần lớn thì sẽ tốt lành, đãi duôi chiếm phần lớn thì sẽ diệt vong), còn dài lắm! Nay chúng tôi thấy chuyện này, đã nghĩ câu đầu tiên [có nghĩa là] “*cung kính hết thảy*”. Quý vị thấy điều thứ nhất trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền hạnh nguyện là “*lễ kính chư Phật*”. “*Chư Phật*” là hết thảy chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Không chỉ là hết thảy mọi người, mà hết thảy động vật, ngay cả muỗi, kiến cũng đều có Phật tánh, quý vị phải kính trọng chúng. Trong phần trước, tôi đã báo cáo cùng quý vị, đối với cây cối hoa cỏ đều phải lễ kính, kính đấy nhé! Tương phản với Kính là “*giải đãi*”. Giải đãi là chẳng cung kính. Nếu chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật, lòng kính trọng vượt trội sự giải đãi, [sẽ là] đại cát đại lợi, quả báo là tốt lành. Nếu ngược lại, chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật bằng sự giải đãi, qua loa có lệ, chẳng rất coi trọng, chẳng có mảy may ý nghĩ cung kính, quả báo sẽ là diệt, tức là chữ “diệt” trong “diệt vong”.

Trong xử sự, đãi người tiếp vật, hai câu tiếp đó nói rất hay. “*Nghĩa*” (義) là đạo nghĩa. Nếu quý vị đạo nghĩa nhiều hơn dục vọng, người khác sẽ nghe lời, phục tùng quý vị, quý vị có thể làm một người lãnh đạo. Bí quyết ở ngay chỗ này. Quý vị rất coi trọng đạo nghĩa, xem rất nhẹ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của chính mình, quý vị sẽ là một người lãnh đạo rất tốt. Nếu ngược lại, quý vị rất coi trọng dục vọng, coi đạo nghĩa rất nhẹ, quả báo sẽ là hung hiểm! Điều đó tương phản với cát lợi, nên quả báo là hung! Hung đến mức độ nào? Tùy thuộc quý vị làm như thế nào! Khi nghiêm trọng, sẽ là mọi người chống đối, người thân xa lìa, mọi người chẳng thèm ngó ngang tới quý vị, chẳng có ai muốn qua lại với quý vị. Vì sao? Con người quý vị chẳng có đạo nghĩa, chỉ là ích kỷ, có

ai muốn qua lại với quý vị? Vì thế, “*thụy tướng*” như cổ nhân đã nói chẳng phải là mê tín

Nhưng vật được con chim ngậm tới cũng là một tấm thẻ màu đỏ, nên gọi là “*đan thư*” (丹書, sách son), trên đó có viết chữ. Chuyện này được gọi là “truyền thuyết” vì đã quá xa, thời gian đã quá lâu. Chúng ta thấy [chuyện này được chép] vào đời Hán [trong bộ] Sử Ký do Tư Mã Thiên trước tác. Tư Mã Thiên sống sau Châu Văn Vương hơn một ngàn năm, đại khái là khoảng hơn một ngàn hai trăm năm. Do vậy, có người nói truyền thuyết ấy chưa chắc đã đáng tin, nhưng chúng ta không khảo chứng chuyện này. Chúng ta cảm thấy giáo huấn ấy rất trọng yếu, chúng ta coi trọng lời giáo huấn trong ấy. Trong lời giáo huấn ấy, Kính rất trọng yếu. Quý vị thấy câu đầu tiên trong sách Lễ Ký là “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ nói “không có gì chẳng kính”); nguyện thứ nhất trong Phổ Hiền hạnh nguyện là “*lễ kính chư Phật*”. Chúng ta thấy khá nhiều nghi thức sám hối hoặc sám sám trong Phật môn, quý vị thấy có những câu như “*nhất thiết cung kính, nhất tâm đảnh lễ*” rất nhiều! Học Phật, học thánh, học hiền, thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ lễ kính. Đối với người, đối với sự, đối với vật, phải có kính ý. “*Kính ý*” là chân thật, chẳng hư ngụy; cho nên thành kính. Cổ nhân nói thành kính là “*nhập đức chi môn*” (cửa ngõ để đạt tới đức hạnh), quý vị học tập như thế nào? Khế nhập cảnh giới đạo đức như thế nào? Quý vị phải có thành, có kính, thành ở bên trong, kính biểu hiện ra ngoài. Bên trong có sự chân thành, tự nhiên bên ngoài là cung kính. Phải nên học tập điều này; đây là pháp chân thật.

Câu kế tiếp...

(Sớ) Dĩ nhân đồng pháp lệ, như kiến bệnh nhân, nguyện ly quai tránh.

(疏)以人同法例，如見病人，願離乖諍。

(Sớ: Thế lệ “nhân và pháp tương đồng”, như thấy người bệnh, nguyện là chống trái, tranh chấp).

Trong xã hội hiện thời, chúng ta phải đặc biệt nhận biết và học tập câu này. Vì sao? Xã hội hiện thời có quá nhiều bệnh tật! Các hình thức, các chủng loại [bệnh tật] đều có! Bệnh do đâu mà có? Cổ nhân có câu: “*Bệnh tùng khẩu nhập*”, [ý nói] ăn uống không cẩn thận, tham ăn, thích ăn ngon, ăn đến nỗi đổ bệnh! Nhất là người Hoa thích tắm bổ, chẳng phải là thể chất của người nào cũng thích hợp với đồ bổ! Thể chất chẳng thích ứng, chẳng thể tắm bổ mà quý vị cứ thường tắm bổ, sẽ ngã bệnh! Ở Bắc

Kinh, tôi có gặp lang y họ Lưu. Thầy lang họ Lưu đã chẩn bệnh cho tôi vài lần, đôi ba lần nhắc nhở tôi. Ông ta nói: “Pháp sư à! Thân thể thầy chớ nên tắm bổ. Tất cả hết thầy thuốc bổ thầy đều chẳng thể dùng được!” Đây cũng là chuyện tốt. Vì sao? Bình thường! Chẳng cần tắm bổ là chuyện bình thường, chẳng phải vì chỗ nào đó có thiếu thốn; hễ thiếu thốn thì mới cần phải bổ sung, chẳng cần tắm bổ!

Do vậy, có rất nhiều đồng học tặng thuốc bổ cho tôi, tôi chẳng thể không thu nhận, nhất định phải thu nhận. Không nhận, họ sẽ phiền lòng, nhất định phải nhận lấy. Nhận lấy rồi làm sao đây? Chính mình lại chẳng thể dùng, tôi dùng chúng làm quà tặng để cúng dường người khác, tu phước cho họ, triển chuyển cúng dường! Có những vị lão pháp sư, đại đức cư sĩ cần dùng, tôi liền triển chuyển cúng dường. Trong cuộc sống hằng ngày, không thể chẳng chú ý, thực phẩm hiện thời rất đáng khiến cho mọi người lo lắng. Tôi không xem báo chí, cũng chẳng đặt mua báo, nhưng hàng xóm thì có. Sáng sớm đi ăn sáng, lúc đi có trông thấy báo còn chưa nhặt vào, đặt ở bậc cửa, tôi có nhìn lướt qua đầu đề. Họ nói hạt dưa năm mươi lăm phần trăm đều có chất độc, khiến cho chúng tôi nghĩ Tết Âm Lịch sắp đến. Ngày Tết, phải giao tiếp khá nhiều. Những món ăn vặt như hạt dưa, đậu phộng nói chung là chẳng tránh được. Năm mươi lăm phần trăm hạt dưa có độc, còn dám mua hạt dưa nữa hay không? [Điều này] khiến cho chúng tôi liên tưởng tất cả những thứ ăn vặt sợ rằng đều chẳng đáng tin tưởng.

Những kẻ làm kinh doanh hiện thời chẳng giống như xưa kia. Những kẻ kinh doanh xưa kia có đạo đức, dẫu nhằm kiếm tiền, họ chẳng hại người, người hiện thời khác hẳn! Tôi đã lấy tiền của quý vị, còn muốn hại mạng quý vị. Đáng sợ quá! Quý vị ăn những thứ có chất độc ấy vào, sẽ bị nhiễm bệnh, khá nhiều căn bệnh như ung thư này nọ đều từ đó mà ra. Vì thế, đối với chuyện ăn uống trong hiện thời, phải đặc biệt cẩn thận. Khi xưa, lúc thầy Lý còn tại thế, tôi hoàng pháp ở ngoại quốc, mỗi lần về thăm thầy, lão nhân gia đều căn dặn: “*Chớ ăn cơm ở tiệm!*” Thầy nói câu ấy tối thiểu hơn mười lần, tạo ấn tượng hết sức sâu đậm cho tôi. Trong tiệm ăn không sạch sẽ, dễ dàng sanh bệnh.

Thầy nói lời ấy gần như ba mươi năm trước. Ba mươi năm trước xã hội còn tốt đẹp hơn một chút, hiện thời chẳng giống ba mươi năm trước. [Điều này] khiến cho chúng tôi nghĩ tới câu nói của cổ nhân “*tổn người, lợi mình*”. Trước kia, câu ấy dường như là nói vậy thôi, nói hơi quá lỗ, nhưng áp dụng câu ấy vào xã hội hiện thời, sẽ là hoàn toàn chính xác. Vì lợi ích của chính mình, chẳng sợ tổn thương người khác, dẫu cho

kẻ khác trúng độc mất mạng, họ cũng chẳng bận tâm, chỉ cần chính mình kiếm lợi là được rồi! Quý vị nghĩ xem, quý vị kiếm lợi được mấy đồng? Một bao hạt dưa bán được mấy đồng? Quý vị khiến cho người ăn vào nhiễm bệnh, cái tâm sao mà tàn nhẫn thế! Đại khái là vì hiện thời chẳng có tâm, cho nên họ cũng đâu có tàn nhẫn! “*Chẳng có tâm*” tức là chẳng có lương tâm, còn biết làm thế nào được nữa!

Chúng tôi thấy một tin như vậy, nghĩ tới lúc Tết nhất, tốt nhất là chúng ta đừng dùng những thứ ấy, vẫn là một chén trà thanh đạm cúng dường. Cổ nhân nói: “*Đạo nhân lai đáo đạo nhân gia, nhất chú thanh hương, nhất trản trà*” (Đạo nhân đến chỗ đạo nhân, một nén hương thơm, một chén trà). Tiếp đãi như thế là được rồi. Chúng ta phải quan tâm đến sự an toàn và sức khỏe, điều này quan trọng lắm! Những thứ vật vãnh không quan trọng, phải chú ý sức khỏe của mọi người, thân tâm khỏe mạnh, điều này là trọng yếu! Vì thế, tôi cảm thấy để làm quà tặng cho năm mới, [dùng] quyển Kiện Khang Chi Đạo (健康之道, đường lối để khỏe mạnh) do Vương lão tiên sinh đã in. Sách ấy hay lắm, làm quà tặng được lắm! Ngoài ra, ở chỗ chúng ta có quyển sách nhỏ là Diên Thọ Dược Ngôn (延壽藥言), còn có quyển sách nhỏ nữa là Thánh Hiền Thị Giáo Xuất Lai Đích (聖賢是教出來的, thánh hiền là do dạy dỗ mà thành). Tôi cảm thấy ba thứ ấy dùng làm quà tặng trong dịp Tết tốt hơn bất cứ thứ gì khác. Không cần biếu tặng những thứ ăn vật, những thứ ấy chẳng đáng tin cậy cho lắm. Chúng ta tặng ba quyển sách ấy, thật sự giúp cho người khác thân tâm đều khỏe mạnh.

Trông thấy người bệnh, “*nguyện ly quai tránh*”, “*quai*” (乖) là trái nghịch pháp độ, “*tránh*” (諍) là tranh luận, những thứ này bất lợi đối với thân thể nhất. Nổi cáu, trong Phật môn có nói: “*Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*” (Một niệm sân tâm dấy, trăm vạn cửa chướng mở). Trong quá khứ, tôi ở Tân Gia Ba, cư sĩ Hứa Triết bảo tôi, mỗi lần nổi nóng đại khái chỉ có dăm ba phút, ba ngày sau vẫn chưa thể khôi phục. Vì thế, nóng giận tổn thương thân thể nhất. Quý vị một phen nổi nóng, tôi thường nói là chỉ tổn thương người khác ba phần, đối với chính mình thì sao? Đối với chính mình, sẽ bị tổn thương bảy phần. Ai bằng lòng nóng giận? Kẻ ngu si! Người thông minh chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy! Quý vị gây tổn thương cho người khác thì ít, tổn thương chính mình quá lớn. Quý vị chẳng hiểu đạo lý này! Tổn thương thân thể nhất chính là tức giận. Huống hồ kẻ thường nổi nóng lại còn gieo cái nhân địa ngục! Nghiệp nhân bậc nhất của địa ngục là sân khuể. Tham dục đọa ngạ quỷ, ngu si đọa súc sanh, sân khuể đọa địa ngục. Do vậy, một

người muốn khỏe mạnh, sống lâu, chẳng đọa vào tam đồ, hãy thường xuyên giữ sao cho tâm bình khí hòa. Đây chính là tu dưỡng.

Làm việc, đối đãi kẻ khác, chẳng nhất định phải nóng giận thì mới có thể làm tốt công việc được! Quá ít! Thật sự là một người lãnh đạo tốt, người ấy đối với thuộc hạ, trong sự nghiêm khắc có sự ôn hòa, nồng hậu, khiến cho cấp dưới vừa kính vừa sợ quý vị. Nghiêm khắc khiến họ sợ quý vị, lại hết sức cảm tạ, ưa thích quý vị, quý vị sẽ thành công. Cứ một mực oai nghiêm, thường đòi hỏi nghiêm ngặt, hễ động đến thường nổi nóng, thuộc hạ tuy sợ quý vị, tâm họ chẳng phục. Đây chính là như Đệ Tử Quy đã nói: *“Thế phục nhân, tâm bất nhiên. Lý phục nhân, phương vô ngôn”* (Dùng oai thế để khuất phục người khác, tâm họ chẳng cho là đúng. Dùng lý khuất phục người khác, đối phương chẳng nói gì được nữa). Quý vị phải dùng lý để khuất phục người khác. Lý là gì? Lòng yêu thương, che chở.

Lúc tôi còn trẻ, cũng đã làm việc trong cơ quan chánh phủ, lượng công việc cũng chẳng nhiều. Sau khi làm xong việc, bèn xem báo, đọc sách. Có một hôm, tôi thấy có cái ghế bành, bèn ngồi ngửa ra sau, giở hống hai chân trước lên, chúng tôi cảm thấy nằm ở đó rất thoải mái. Cấp trên của tôi từ phía sau tiến đến, vỗ vào vai tôi. Tôi vừa thấy ông ta, ngay lập tức đứng lên. Ông ta chẳng quở trách câu nào, bảo tôi: “Anh ngồi như vậy, ghế dễ bị hư. Nếu chân ghế bị gãy, anh sẽ ngã chổng kèn”. Một lời bộc lộ sự quan tâm, yêu thương, tôi suốt đời sửa đổi tật xấu ấy. Từ đấy trở đi, chẳng còn ngồi theo kiểu đó nữa! Vì quý vị vừa toan ngồi kiểu đó, lập tức nghĩ đến lời khuyên bảo đầy yêu thương của ông ta. Thành công đấy! Vì thế, chẳng cần phải ngay lập tức đập bàn, trừng mắt, giáo huấn quý vị một trận! Nếu ông ta giáo huấn tôi một trận, sau khi ông ta bỏ đi, tôi vẫn chứng nào tật nấy! Vì sao? Chẳng phục! Do vậy, một người lãnh đạo thành công là vì người ấy có đạo lý. Từ kinh nghiệm của bản thân, chúng tôi đã học được những điều ấy. Đối đãi với người khác luôn nồng hậu, thường xuyên *“quan ái”*, tức là quan tâm, yêu thương, sẽ khiến cho kẻ khác tâm phục, khẩu phục.

Do chổng trái, tranh luận là *“trí bệnh căn nguyên”* (nguồn cội gây nên bệnh); *“trí”* (致) ở đây chẳng phải là đối trị, mà là cội nguồn đem lại bệnh tật cho quý vị. Tham, sân, si gọi là Tam Độc; trong có Tam Độc, ngoài có dụ hoặc, há lẽ nào chẳng sanh bệnh? Đã trừ khử Tam Độc ở bên trong, dầu bên ngoài có vi trùng gây bệnh, quý vị chẳng dễ bị nhiễm bệnh. Năm nay, tổ chức y tế thế giới có thông báo: Mùa Đông năm nay có thể có bệnh dịch, tức là bệnh cúm gà, họ dự đoán sẽ rất nghiêm trọng. Vì

từ mùa Đông năm nay kéo dài sang mùa Xuân năm sau, trong y học Trung Hoa cũng có cách nói ấy: Bệnh dịch kéo dài từ mùa Đông sang mùa Xuân sẽ hết sức nghiêm trọng. Tổ chức y tế thế giới dự đoán người mắc bệnh sẽ lên đến một ức người, tỷ lệ tử vong trên thế giới là một phần hai. Nói cách khác, số người tử vong vì trận dịch này sẽ là hơn năm ngàn vạn người!

Rất nhiều người nghe tin tức này, kinh hoảng! Tôi bảo họ, kinh hoảng là sai mất rồi! Vì sao? Quý vị nhất định sẽ bị nhiễm bệnh. Vì sao? Kinh Phật dạy: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, ôn dịch còn chưa phát tác, hằng ngày quý vị đều nghĩ đến nó, [bệnh dịch] bị quý vị tưởng thành, sai mất rồi! Chúng ta phải nghĩ đến Phật, phải nghĩ đến giáo huấn của đức Phật, đừng nên nghĩ đến bệnh tật. Dẫu cho bệnh tật bộc phát ở vùng này, quý vị chẳng nghĩ tới nó, sẽ không bị lây nhiễm. Quý vị tin tưởng lời Phật, *“hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, quyết định chẳng run sợ, chẳng kinh hoảng. Mắc bệnh thì một phần hai, tức là còn có một phần hai chẳng bị tử vong, còn có thể chữa lành. Chỉ cần chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi, gìn giữ tâm bình khí hòa, sẽ chẳng bị lây nhiễm!

Trong chuyện lây nhiễm, điều trọng yếu vẫn là ăn uống. Nếu nói theo nhân quả, [bệnh dịch là do] sát nghiệp quá nặng! Ăn thịt dễ bị nhiễm bệnh, ăn chay chẳng dễ bị nhiễm bệnh. Vì sao? Ăn chay quanh năm, chẳng kết oán cừu với các động vật. Nói thật thà, trận ôn dịch này vẫn là do những loài động vật ấy [gây ra], Phật pháp nói là “thần thức”, thế gian gọi là “linh hồn”, linh hồn của động vật đến báo cừu, chúng nó tới báo oán. Chúng nó bị chết, chẳng cam lòng tình nguyện, đấy là nhìn theo nhân quả! Vì thế, chọn cách ăn chay sẽ là tốt đẹp hơn!

Câu thứ tám...

(Sớ) Dĩ cảnh thành hạnh lệ, như kiến dũng tuyền, nguyện thiện căn vô tận đẳng.

(疏)以境成行例，如見湧泉，願善根無盡等。

(Sớ: Thế lệ dùng cảnh để tạo thành hạnh, như thấy suối trào, nguyện thiện căn vô tận v.v...)

Đây là thế lệ thứ tám. Từ trong cảnh giới, quý vị trông thấy cảnh giới ấy, bèn hồi quang phản chiếu, thành tựu công hạnh và công phu của quý vị. [Lời Sớ] đã nêu thí dụ, quý vị trông thấy nước suối, nước suối từ [mạch nước ngầm] dưới đất từ từ tuôn trào ra ngoài, [đấy gọi là] *“dũng tuyền”* (湧泉). Thấy cảnh giới ấy, hãy mong cho chính mình, mong cho

hết thủy chúng sanh, hy vọng thiện căn của hết thủy chúng sanh sẽ giống như suối trào, không ngừng hiển lộ ra ngoài, chẳng ngừng tăng trưởng, thiện căn vô tận! Vì thế, bậc Đại Thừa Bồ Tát học từ nơi đâu? [Lãnh hội] Phật pháp từ chỗ nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng có gì không phải là Phật pháp. “*Dũng tuyên*” là nước, nước ngầm, nước ngầm trong sạch, chẳng bị ô nhiễm. Nếu nước suối tuôn ra nhiều, sẽ hình thành một cái ao nhỏ. Nếu ở chỗ cao, sẽ tạo thành một cái thác nhỏ tuôn xuống, chảy quanh năm chẳng ngừng. Do nó là nguồn nước luôn chảy, thường là vào tiết Đông cũng chẳng bị đóng băng, vì nước ngầm nóng ấm, nó có độ ấm. Quý vị nhìn vào hiện tượng tự nhiên ấy, bèn nghĩ hết thủy chúng sanh đều có thiện căn. Thiện căn giống như nước suối nơi tâm địa, hy vọng nó cũng giống như nước suối bên ngoài, vĩnh viễn chẳng gián đoạn lưu lộ ra ngoài, thành tựu hết thủy các thiện pháp. Vì thế, đối với kẻ biết học, sáu căn và sáu trần đều là tài liệu giảng dạy! Đấy gọi là gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, thật sự là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Tất cả hết thủy người, sự, vật, khi quý vị tiếp xúc, sẽ đều có thể cảm thọ, đều biết “*khéo dùng cái tâm*”. Trông thấy thứ gì, cũng đều có thể hồi quang phản chiếu, đều có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, đều có thể khiến cho thiện căn của chính mình phát hiện.

Câu thứ chín...

(Sớ) Dĩ vọng quy chân lệ, như kiến Bà-la-môn, nguyện ly ác đẳng.

(疏)以妄歸真例，如見婆羅門，願離惡等。

*(Sớ: Thế lệ đem vọng quy về chân, như thấy Bà-la-môn, nguyện
lìa ác v.v...)*

Bà-la-môn giáo thời cổ chính là tiền thân của Hưng Đô giáo (Hinduism, Ấn Độ giáo) hiện thời. Hiện nay, không gọi là Bà-la-môn (Brahmanism), mà gọi là Hưng Đô giáo. Tôi qua lại rất mật thiết với họ. Nói theo Phật giáo, họ cũng rất lỗi lạc; nói về lục đạo luân hồi sớm nhất chính là do họ nói. Họ bảo họ có lịch sử đã hơn một vạn năm. Người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, cho nên chẳng ghi chép cận kề, chân xác, đời đời tương truyền. Theo tương truyền, [Bà-la-môn giáo] đã lâu hơn một vạn năm. Trong giới học thuật trên thế giới, họ thừa nhận [đạo Bà-la-môn] đã tồn tại hơn tám ngàn năm trăm năm. Tám ngàn năm trăm năm thì cũng sớm hơn lịch sử Phật giáo năm ngàn năm; thế giới thừa nhận Phật giáo đã tồn tại hai ngàn năm trăm năm. Vì thế, nó (Ấn Độ giáo) có lịch sử lâu hơn Phật giáo.

Họ tu Định, tu Thiên Định thế gian, cho nên chẳng thoát khỏi lục đạo, nhưng công phu định lực của họ có thể lên đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên, tức là tột đỉnh của Vô Sắc Giới. Họ đến đó rồi chẳng thể lên cao hơn được nữa; do vậy, hiểu lầm nơi ấy là Niết Bàn rất ráo. Đây là sai lầm! Nói theo Phật pháp, họ ngộ đó là Phật quả rất ráo; nhưng họ [trụ trong cảnh giới ấy] là do công phu định lực duy trì, môn Định ấy sâu lắm. Sau tám vạn đại kiếp, Định lực của họ mất đi; sau khi đã bị mất đi, họ liền đọa lạc xuống dưới. Khi ấy, họ sẽ hủy báng thánh hiền, cho rằng: “Có một loại đại Niết Bàn bất sanh bất diệt như cổ thánh tiên hiền đã nói, ta đã chứng đắc, vì sao còn có sanh diệt? Lời của cổ thánh tiên hiền chẳng đáng tin cậy, giả trá, chẳng thật!” Đó là vọng ngữ, đại vọng ngữ, hủy báng chánh pháp. Vì thế, quá nửa là đọa lạc vào A Tỳ địa ngục. Đây gọi là “trèo cao, té nặng”, lên đến nơi cao nhất, ngã xuống sẽ là đọa vào địa ngục. Do vậy, đức Phật chẳng coi [chuyện sanh lên Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên] là thiện pháp, vẫn thuộc loại ác pháp, vì kết quả vẫn bị đọa lạc.

Họ phát hiện lục đạo; tuy đã phát hiện, đúng như người Hoa đã nói “*tri kỳ đương nhiên, nhi bất tri kỳ sở dĩ nhiên*” (biết đó là chuyện đương nhiên, nhưng chẳng biết cội nguồn vì sao mà có chuyện ấy). Vì sao có lục đạo? Lục đạo hình thành như thế nào? Có thể thoát lìa lục đạo hay không? Họ hoàn toàn không biết chuyện ấy. Đến khi đức Phật xuất hiện trong cõi đời, mới giảng đạo lý và nguyên có rõ ràng, minh bạch. Đối với hai mươi tám tầng trời trong tam giới, nghiệp nhân và quả báo của mỗi tầng trời đức Phật đều nói rõ ràng. Bởi lẽ, Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, Dục Giới có sáu tầng, Sắc Giới có mười tám tầng, Vô Sắc Giới có bốn tầng, [tổng cộng là] hai mươi tám tầng trời. Tu học thì Dục Giới Thiên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo, thượng phẩm Thập Thiện. Dục Giới có sáu tầng trời, bốn tầng phía trên, nói đến bốn tầng phía trên trong Dục Giới, [để sanh về đó], còn phải tu Định. Tu Định chưa thành công, gọi là “*chưa đắc Định*”. Đương nhiên cũng là mỗi tầng [đòi hỏi Định lực] phải sâu hơn, giống như đi thi, phải đạt tiêu chuẩn là sáu mươi điểm. Kẻ chỉ được hai mươi điểm, ba mươi điểm, chẳng trúng tuyển, gọi là “*chưa đắc Định*”. Trong “*chưa đắc Định*”, cũng có cạn hay sâu. Dạ Ma Thiên là cạn nhất, sâu hơn một chút là Đâu Suất, sâu hơn nữa là Hóa Lạc, sâu hơn nữa là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Lên cao hơn nữa, Định đã đạt tiêu chuẩn, đủ điểm số, đủ điểm bèn vượt thoát Dục Giới, lên đến Sắc Giới.

Do Sắc Giới là Tứ Thiên, [bao gồm] Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên, bốn tầng cấp ấy. Tứ Không Thiên cũng tu Định, cũng

là bốn đẳng cấp, gọi gộp chung [Tứ Thiên và Tứ Không] là Tứ Thiên Bát Định. “*Tứ Thiên*” là nói về một mình Sắc Giới Thiên, “*Bát Định*” là nói gộp chung Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Chẳng phải là nói ngoài Tứ Thiên có tám món Định! Trong Bát Định bao gồm Tứ Thiên, đấy là Thiên Định thế gian. Thiên Định thế gian chẳng chân thật, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Do vậy, ở đây nói là “*dĩ vọng quy chân*” (dùng vọng trở về chân). Bà-la-môn ngữ Tứ Thiên Bát Định là chân thật, đức Phật bảo chúng chẳng phải là chân thật, [tu tập] những pháp ấy chẳng thoát khỏi lục đạo. “Chân thật” thì còn phải tu lên cao hơn, tức là Đệ Cửu Định, nói theo danh từ Phật học sẽ là Cửu Thứ Đệ Định, sẽ vượt thoát lục đạo, đấy là sở chứng của A La Hán. A La Hán chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định. Bát Định nếu lên cao hơn, sẽ thoát khỏi tam giới, đấy là chân thật. Vì thế, trông thấy Bà-la-môn, hãy nghĩ ta phải tu pháp chân thật. Ta chớ nên tu đến chỗ cao nhất rồi vẫn phải đọa lạc xuống dưới, vẫn phải luân hồi y như cũ, sai mất rồi! Chúng ta phải thật sự tu pháp thượng thượng thừa.

Nhưng nương theo phương pháp tu Định ấy, nói thật ra, pháp môn nào cũng đều là tu Định, pháp môn Niệm Phật cũng là tu Định. Tám vạn bốn ngàn loại hình thức bất đồng, phương pháp bất đồng, thấy đều là tu Định. Nếu chẳng phải là tu Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Tổng nguyên tắc và cương lĩnh của Phật pháp là Tam Học Giới, Định, Huệ, “*nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ*”, “*khai Huệ*” là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ thành tựu. Do vậy, đức Phật tuyệt đối chẳng rời khỏi Tam Học. Chúng ta rời khỏi Tam Học mà mong thành tựu, đấy chẳng phải là Phật pháp, mà là tà môn ngoại đạo, trong Phật pháp gọi [hạng người như vậy] là “*môn nội ngoại*” (門內外, ngoại đạo ở trong Phật môn). Nhìn bề ngoài là thờ phụng Phật, nhưng sự tu học bên trong chẳng phải, trái nghịch Tam Học Giới, Định, Huệ! Chớ nên không hiểu điều này, vì trong thời kỳ Mạt Pháp, hiện tượng này ngày càng phổ biến, chúng ta phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch!

Học Phật quyết định là nhập môn từ trì giới, quý vị sẽ chẳng sai! Trì giới nhất định phải thực hiện bằng Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là giới luật, quy củ! Chẳng thể không học, đó là cơ bản của cơ bản. Hiện thời, vì sao chúng ta không thể thực hiện giới luật được? Vì chẳng có Đệ Tử Quy! Hễ có Đệ Tử Quy, học giới luật sẽ không khó! Vì thế, trong kinh Phật Tạng, Phật Tạng là danh xưng của một bộ kinh, chẳng phải là nói đến Đại Tạng Kinh của nhà Phật, tên gọi của kinh ấy là Phật Tạng Kinh. Trong Phật Tạng Kinh, đức Thế Tôn đã nói một câu như thế này: “*Chẳng học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật*”. Đấy là

dạy chúng ta, học Phật không thể nhảy vượt cấp, phải tiến lên cao từng bước một, đó là đúng!

Tại Trung Hoa, từ giữa đời Đường trở về sau, chẳng học Tiểu Thừa. Không học Tiểu Thừa mà học Đại Thừa, có thể thành tựu hay không? Có thể! Dựa vào gì vậy? Dựa vào Nho. Vì thế, trong quá khứ, người Hoa bất luận là xuất gia hay tại gia, đều đọc sách của Khổng Tử. Đã có cơ sở từ Nho gia và Đạo gia, dùng cơ sở Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa. Nay chúng tôi nói là “*căn cội Nho gia*”, căn cội của Nho gia chính là Đệ Tử Quy; vì thế, chúng tôi chọn lựa môn “*cơ sở của cơ sở*” này để làm căn bản cho chúng ta. Từ cơ sở này bèn kiến lập Thập Thiện Nghiệp Đạo; lại từ trên cơ sở Thập Thiện Nghiệp Đạo, [hành trì] Tam Quy Ngũ Giới sẽ chẳng có vấn đề gì! Lại tiến cao hơn, sẽ có thể tiến nhập giới Sa Di của hàng xuất gia. Từ giới Sa Di tiến lên giới tỳ-kheo, tiến lên từng bước một.

Hiện thời, chúng ta chẳng học tập Đệ Tử Quy, điều gì cũng đều thất bại, thứ gì cũng đều chẳng thể thành tựu, chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không dụng công thực hiện từ chỗ này. Nếu không, suốt cả đời này, không chỉ là xuất gia học Phật chẳng thể thành tựu, mà tại gia cũng chẳng thể thành tựu, chớ nên không biết chuyện này [để rồi] học Phật tối đa là chỉ tu một chút phước báo trong nhân gian mà thôi! Lại nói lời chân thật, đã tu phước báo rồi, chưa chắc đã hưởng trong nhân gian! Nếu quý vị chẳng có Thập Thiện, Ngũ Giới, do những phước đã tu, quý vị có thể đến hưởng [phước báo] trong súc sanh đạo hay ngạ quỷ đạo, còn có ma đạo nữa, có thể sẽ đến hưởng phước trong loài yêu ma quỷ quái. Như thế là sai mất rồi. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1500

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, câu cuối cùng của đoạn thứ tư, tức đoạn Đối Biện Thành Lệ trong phần chú sớ của Thanh Lương đại sư. Chúng ta xem câu cuối cùng, tức câu thứ mười.

(Sớ) Dĩ cận đồng viễn lệ, như thọ Hòa Thượng giáo, nguyện đáo vô y xứ đẳng.

(疏)以近同遠例，如受和尚教，願到無依處等。

(Sớ: Thế lệ do chỗ gần mà liên tưởng đến chỗ xa, như nghe Hòa Thượng dạy, bèn nguyện đạt đến chỗ vô y v.v...)

Tiếp nhận sự dạy bảo của Hòa Thượng là gần, là chuyện trước mắt, “đạt đến vô y xứ” là xa. “Vô y xứ” (無依處) chính là quả địa Như Lai rất ráo, cũng là địa vị Diệu Giác, xác thực là rất xa xôi. Đối với câu này, chúng tôi cần giới thiệu danh từ Hòa Thượng. Tuy trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất nhiều, nhưng có những đồng học mới đến, chưa hề nghe. Đây là một điều thường thức quan trọng trong Phật pháp ắt cần phải hiểu.

Hòa Thượng (Upādhyāya) là phiên âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Giáo Sư (親教師). Vị thầy đích thân dạy chúng ta thì học trò gọi Ngài là Hòa Thượng, đích thân dạy bảo! Trong nhà trường hiện thời, chúng ta phải hiểu, đối với người đích thân dạy chúng ta, đối với vị thầy trực tiếp dạy chúng ta, chúng ta có gọi họ là Hòa Thượng hay không? Không gọi! Vì họ là người chấp hành, chẳng phải là người thật sự phụ trách việc chỉ dạy, hướng dẫn; người thật sự phụ trách dạy bảo chúng ta là Hiệu Trưởng của nhà trường. Vì thế, chỉ có Hiệu Trưởng mới có thể gọi là Hòa Thượng. Mỗi trường chỉ có một Hiệu Trưởng, tức là mỗi ngôi trường có một Hòa Thượng. Hòa Thượng chưa chắc trực tiếp lên lớp dạy chúng ta, nhưng chương trình học do Hiệu Trưởng hoạch định, giáo viên do Hiệu Trưởng mời đến. Thấy vị thầy nào có sự thấu hiểu, có tâm đắc về một môn học nào, bèn mời vị ấy đảm nhiệm [môn học ấy]. Vì thế, người hoạch định toàn thể chương trình học là Hiệu Trưởng. Người chịu trách nhiệm toàn thể về giáo dục chính là Hiệu Trưởng. Giáo dục thành công, quốc gia khen thưởng Hiệu Trưởng, chẳng khen thưởng giáo viên. Nếu giáo dục thất bại, có vấn đề, trừng phạt thì cũng là trừng phạt Hiệu Trưởng. Chúng ta phải hiểu điều này; đây là ý nghĩa của chữ Hòa Thượng.

Vị phụ trách lên lớp giảng dạy, trong tiếng Phạn gọi là A Xà Lê (Ācārya). Nói cách khác, ngoài Hòa Thượng ra, người thật sự chịu trách nhiệm giảng dạy đều gọi là A Xà Lê. A Xà Lê dịch sang nghĩa tiếng Hán (chữ này cũng là phiên âm từ tiếng Phạn), sẽ là Quỹ Phạm Sư (軌範師). [Hàm nghĩa] đạo đức và học vấn của vị ấy đều có thể làm khuôn phép, nêu gương mẫu cho bọn sơ học chúng ta, chúng ta hãy nên học tập theo vị ấy. Vì thế, nay chúng ta thường gọi vị thầy ấy là “*pháp sư*”, trong nhà trường thì gọi là “*giáo viên*” (giáo sư các cấp tiểu học và trung học), hoặc “*giáo thọ*” (giáo sư đại học), trong Phật pháp gọi theo danh từ tiếng Phạn là Xà Lê (gọi tắt của A Xà Lê), chúng ta phải nên hiểu rõ.

Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ hiểu Phật pháp là giáo dục. Nói thật ra, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Nhưng hiện thời chúng ta phải biết, Phật pháp hiện tại đã bị biến chất thành tôn giáo. Quý vị nói nó chẳng phải là tôn giáo, trên hình thức, đã hoàn toàn là tôn giáo, giáo dục chẳng thấy đâu nữa! Thời cổ, [Phật giáo] là giáo dục. Vào đời Thanh, đại khái là các đời Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long chẳng cần phải nói, chúng ta thấy mãi cho đến các đời Gia Khánh, Đạo Quang, cho đến Đồng Trị, càng về sau, [Phật giáo] dần dần bị biến chất, đã bị biến chất sau thời Đạo Quang, Hàm Phong, Đồng Trị. Tốc độ biến chất cũng khá mau, đúng là mỗi thế hệ sau đều kém hơn thế hệ trước! Vì sao biến chất nhanh chóng như vậy? Trung Hoa có một câu ngạn ngữ là “*thượng hành, hạ hiệu*” (trên làm, dưới bắt chước theo). “*Thượng*” là thế hệ trước, “*hạ*” là thế hệ sau. Thế hệ trước làm như thế nào, thế hệ sau nhất định phỏng theo thế hệ trước. Thế hệ trước làm rất tốt, thế hệ sau học theo điều tốt đẹp, có tiến bộ, có tiến bộ mạnh mẽ. Nếu thế hệ trước sơ sót, thế hệ sau nhất định sẽ suy thoái nhanh chóng hơn. Chúng ta hãy ngắm xem, từ Hàm Phong, Đồng Trị cho đến hiện thời gần hai trăm năm. Vì thế, giáo dục Phật giáo ngày nay suy yếu đến tận đáy, người thật sự nghiêm túc tu học theo kinh điển quá ít ỏi!

Thuở tôi còn trẻ, lúc mười mấy, hai mươi tuổi, tôi rất bài xích Phật giáo, cứ nghĩ Phật giáo là mê tín, đâm ra chẳng bằng Cơ Đốc giáo, chẳng bằng đạo Thiên Chúa¹⁴. Quê tôi có nhà thờ Cơ Đốc, có nhà thờ Thiên Chúa, lúc tôi mười mấy tuổi, làm học trò, còn đến nhà thờ lễ bái, nghe linh mục hoặc mục sư giảng đạo. Trong Phật giáo, chẳng có ai giảng kinh, toàn là pháp hội, kinh sám Phật sự, gây ấn tượng cho đại chúng bình phàm trong xã hội: “Phật giáo là để phục vụ người chết, chẳng liên quan gì đến người sống cả!” Đây là một quan niệm rất sai lầm. Đạo Thiên Chúa, đạo Cơ Đốc còn giảng giải đạo lý, còn dạy quý vị làm người tốt như thế nào. Khi đó, chúng tôi tiếp xúc họ, rất tôn trọng các tôn giáo ấy!

Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, tôi theo học tại Nam Kinh. Tôi ở nhà một bạn học gần như một năm, tức là hai học kỳ. Trong nhà người bạn học ấy, hiện thời nói “*đa nguyên văn hóa*”, lão thái thái (bà nội) tin Phật, cha người bạn học của tôi là tín đồ đạo Hồi, tức đạo Y Tư Lan (Islam), mẹ thì theo Cơ Đốc giáo. Vẫn là mẹ lợi hại hơn, con cái đều theo mẹ đi nhà thờ. Tôi cũng đã vài lần theo cha người ấy đến “*thanh chân tự*” (清真寺, giáo đường Hồi giáo), Hồi giáo cũng giảng đạo. A Hoanh¹⁵ cũng giảng kinh. Nhưng Phật giáo thì chỉ có ăn chay, niệm kinh, hằng ngày lạy

lục, van vái trước Phật! Tuy tôi rất tôn kính bà cụ, nhưng chẳng có cách nào tin tưởng, chẳng có cách nào tiếp nhận!

Mãi cho đến khi tôi ở Đài Loan thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, theo lão nhân gia học Triết Học. Thầy giới thiệu Triết Học trong kinh Phật, tôi mới biết trong Phật giáo có thứ tốt đẹp, những tôn giáo khác chẳng sánh kịp! Thầy Phương bảo tôi: *“Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, đến đâu để học? Học từ kinh điển. Lời ấy đã chỉ cho tôi một con đường sáng, học tập từ kinh điển. Chuyện này cần phải gặp thiện tri thức thật sự, thông Tông, thông Giáo. Kể ra, tôi rất may mắn, được thầy Phương chỉ dạy khoảng hơn một tháng; chưa đến hai tháng, tôi liền quen biết Chương Gia đại sư. Từ đấy về sau, đối với phương diện Phật pháp, được Chương Gia đại sư dạy bảo. Chương Gia đại sư lập chương trình học cho tôi, khiến cho tôi kính nể. Những bộ sách đầu tiên Ngài dạy tôi xem là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ. Thời đó, chẳng mua những sách ấy được, đến đâu để tìm? Trong chùa miếu có Đại Tạng Kinh, đến đó sao chép lại. Vì thế, thuở đó, chúng tôi có bản sao chép tay. Sao chép một lần, ấn tượng hết sức sâu đậm! Sau khi đọc xong sách ấy, hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào, thật sự khiến cho những kẻ trẻ tuổi như chúng tôi bội phục năm vóc sát đất.

Thích Ca Phật chẳng có một tí tâm riêng tư nào! Suốt đời Ngài chưa hề nghĩ về chính mình, niệm nào cũng đều nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn trong thế gian, làm thế nào để có thể giúp họ lìa khổ được vui. Lão nhân gia hiểu rành rẽ, hết thấy chúng sanh khổ, vì đâu mà khổ? Do mê gây ra, mê hoặc, điên đảo đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Vì thế, đối với vũ trụ và nhân sinh, họ thấy sai, nghĩ sai, nói sai, làm cũng sai luôn, hoàn toàn trái nghịch chân tướng sự thật, đem lại thiên tai nhân họa. Giúp đỡ họ như thế nào? Giáo dục! Phải giáo học, dạy họ giác ngộ. Đã giác ngộ, sẽ liền thoát lìa, sẽ vui sướng. Khổ và lạc là quả báo, giác hay mê mới là cái nhân thật sự. Đã mê bèn có khổ, đã giác sẽ có lạc. Vì thế, đức Thế Tôn suốt một đời dạy học, dạy gì vậy? Giúp đỡ hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ. Đối với nền giáo dục Phật pháp, nếu quý vị thật sự lý giải, sẽ tuyệt đối không thể nói “chẳng tiếp nhận”, quý vị sẽ nghiêm túc nỗ lực tu học. Vì sao? Có kẻ nào chẳng hy vọng lìa khổ được vui? Nỗi khổ trong thế gian quá nhiều, nói chẳng tận! Đối với những nỗi khổ chẳng thể nói trọn hết ấy, Phật pháp đều giúp quý vị xa lìa. Vì thế, mục tiêu của Phật pháp là khiến cho hết thấy chúng sanh *“lìa nỗi khổ rất ráo, đạt được niềm vui rất ráo”*, đại lạc viên mãn rất ráo trong Phật

pháp. Một nền giáo dục tốt đẹp như thế, nếu chúng tôi chẳng được thầy giới thiệu, sẽ luống uổng đời này!

Tài liệu dạy học của đức Thế Tôn là ở chỗ nào? Thừa cùng chư vị, cổ thánh tiên hiền cũng là những người có lòng, cũng thật sự có trí huệ, các Ngài đã sưu tập, biên soạn thành một bộ tàng thư, tức là Đại Tạng Kinh. Đây là tài liệu dạy học của Thích Ca Mâu Ni Phật thuở Ngài tại thế, nội dung quá phong phú. [Những kinh điển nhà Phật] được truyền sang Trung Hoa là một bộ phận, chẳng phải là truyền sang toàn bộ. Quý vị hãy ngắm xem, trong bốn mươi chín năm, Ngài đã giảng bao nhiêu? Hằng ngày đều chẳng gián đoạn, quá phong phú. Vào thời ấy, chưa phát minh ra công cụ biên chép. Người Ấn Độ không có giấy, viết bằng gì? Viết lên lá cây Bối Đa La. Viết lên lá cây, tức lá cây Bối. Hiện thời, chúng ta vẫn nghe nói có Bối Diệp Kinh, đây chính là kinh văn chép trên lá cây.

Lá cây ấy hơi giống lá chuối, phiến lá rất lớn, có thể cắt thành từng mảnh, hai đầu xoắn lại, dùng dây khâu lại. Quý vị nghĩ xem, là một thứ công kênh như thế đó. Một phiến lá cũng cắt to nhỏ chẳng giống nhau. Lớn thì đương nhiên là viết được nhiều hơn một chút, nhỏ thì viết ít hơn một chút, hoàn toàn chẳng có quy cách nhất định. Vì thế, kích cỡ cũng chẳng đều cho lắm. Một bộ sách, như kinh Hoa Nghiêm [chẳng hạn], bộ kinh ấy xưa kia dùng lụa, ngựa chở đến. Chở kinh thì chỉ sợ rằng một bộ kinh cũng phải dùng rất nhiều thớt ngựa mới có thể chở đến nơi đây. Sau đây, quý vị hãy nghĩ vận chuyển gian nan đường ấy, nếu dây buộc bị đứt, toàn thể các phiến lá sẽ xoắn tung ra. Quý vị khâu lại, có khi khâu nhầm số trang, người Hoa gọi chuyện này là “*thác giản*” (錯簡). Kinh Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng có tình hình ấy.

Trong quá khứ, kỹ thuật ấn loát chẳng phát triển cho lắm. Kỹ thuật ấn loát tại Trung Hoa đến đời Tống mới phát minh, tức là thuật khắc ván. Đến thời Nguyên, Minh mới khá phát triển. Đại Tạng Kinh cũng được biên tập vào đời Tống. Nói theo phương diện này, người hiện thời thuận tiện hơn cổ nhân, nhưng chẳng có phước báo như cổ nhân. Cổ nhân tuy rất gian nan, vất vả mới có được [kinh điển], nhưng họ hết sức nghiêm túc học tập, đều được thọ dụng. Hiện thời, kỹ thuật ấn loát tiến bộ quá nhiều, kinh điển được lưu thông hết sức phong phú, chỗ nào cũng đều có thể trông thấy, chẳng có ai học tập! Người hiện thời chẳng muốn đọc sách, người thích đọc sách ngày càng ít! Chuyện này là như thế nào? Thế hệ trước không đọc sách, trẻ nhỏ thuộc thế hệ sau chẳng có hứng thú đối với sách vở, thế hệ sau nữa càng chẳng có hứng thú, suy vi!

Chúng ta bảo lưu bằng cách nào? Để bảo lưu, phải cậy vào học tập. Kinh điển được phiên dịch tại Trung Hoa toàn dùng văn chương Văn Ngôn, nhưng cần phải biết đây là văn chương Văn Ngôn đơn giản, dễ hiểu nhất. Những vị đại đức dịch kinh thuở ấy nhận biết văn tự trong Phật pháp chẳng thể quá sâu, càng đơn giản càng hay. [Văn tự dùng trong kinh Phật] cũng chính là văn Bạch Thoại thuở ấy. Trong văn học, loại văn này được gọi là Biến Văn (變文), tức là chữ Biến trong Biến Thể hoặc Biến Hóa, được gọi là Biến Thể Văn. Vì thế, đem so với Tứ Thư Ngũ Kinh, quý vị thấy [văn tự trong] kinh Phật đơn giản, dễ hiểu hơn. Quý vị lại xem cổ văn, quý vị mở cổ văn ra, hiện thời thường thấy nhất là bộ Cổ Văn Quán Chỉ, mọi người vẫn thường đọc, [sẽ thấy] văn tự trong ấy sâu hơn¹⁶ kinh Phật. Do vậy, người hơi có đôi chút cơ sở tiếng Hán, đọc kinh Phật sẽ chẳng khó, đọc cổ văn [sẽ cảm thấy] khá khó khăn. Chúng ta không thể chẳng cảm tạ dụng tâm của các bậc đại sư dịch kinh thuở ấy, luôn nghĩ cho người đời sau!

“Thọ Hòa Thượng giáo” là tiếp nhận sự giáo huấn của thầy. Hòa Thượng là vị thầy truyền pháp, chúng ta học những thứ này nọ từ một vị thầy, vị đó chính là Hòa Thượng của ta. Hòa Thượng có mối quan hệ thân thiết với ta nhất, còn thân hơn cha mẹ. Thân thể có từ cha mẹ, [đó là] thân mạng; huệ mạng của chúng ta do thầy mà có. Chẳng có thầy dạy dỗ, chúng ta sẽ chẳng mở mang trí huệ. Vì thế, Hòa Thượng là thân giáo sư, giống như đối với người xuất gia, [vị Thân Giáo Sư] thân thiết hơn vị Hòa Thượng thế độ, mà cũng thân thiết hơn vị Hòa Thượng truyền giới. Chúng ta có vị thầy thế độ, vị thầy thế độ được gọi là Thế Độ Sư, thường gọi là “sư phụ”. Khi thọ giới, sẽ có Giới Sư Phụ, tức Đắc Giới Hòa Thượng, nhưng [những vị ấy] đều chẳng thân thiết như Thân Giáo Sư. Đó là hình thức, như thường nói *“sư phụ dẫn vào cửa”*; vị Hòa Thượng thế độ dẫn quý vị vào cửa, vị thầy truyền giới cũng dẫn quý vị vào cửa. *“Tu hành tại cá nhân”*, nếu quý vị thân cận một vị thiện tri thức nào đó, đắc pháp từ vị đó, vị đó có mối quan hệ thân thiết nhất với quý vị trong suốt một đời! Vị ấy chính là Đắc Pháp Hòa Thượng của quý vị, quý vị là pháp tử của Ngài, có mối quan hệ rất thân thiết.

Đắc pháp, quý vị thấy vậy bèn nghĩ *“nguyện nhất thiết chúng sanh đáo vô y xứ”* (nguyện cho hết thảy chúng sanh đạt đến chỗ không nương tựa). *“Vô y xứ”* là Đại Niết Bàn, Vô Dư Y Niết Bàn, là sự thân chứng (親證, đích thân chứng đắc) nơi quả địa Như Lai. Đây là Niết Bàn rốt ráo. Chúng ta vừa tiếp nhận Phật giáo, liền mong mỏi hết thảy chúng sanh ai nấy đều thành Phật. Cái tâm ấy to cỡ nào, nguyện ấy sâu cỡ nào, niệm nào

cũng đều nhằm lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh thật sự là lợi ích chính mình, Tự và Tha là một, không hai. Nghĩ đến hết thấy đại chúng, luôn giúp họ tăng tấn, dùng phương pháp gì để giúp đỡ? Trước hết là chính mình nêu gương tốt, điều này quan trọng nhất! Bản thân quý vị chẳng có hình tượng tốt đẹp, làm sao có thể ảnh hưởng đại chúng cho được? Mỗi người, chúng tôi giảng kinh thường nói, [mỗi người đều là] tấm gương tốt nhất cho tất cả hết thấy mọi người trong thế gian, đạo tràng là gương mẫu tốt cho tất cả hết thấy các đạo tràng trong thế gian, quý vị mới có thể danh phù hợp thật, nguyện của quý vị mới chẳng là nguyện suông, nguyện của quý vị mới thực hiện được!

Do vậy, điều khẩn yếu là các đồng tu chúng ta, bất luận là ở trong đạo tràng, là người làm việc cho đạo tràng, hoặc là thường lui tới học tập trong đạo tràng, cho đến người từ bên ngoài tới, là kẻ thỉnh thoảng đến tham học, đều phải hiểu đạo lý này: *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (Học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Hai câu ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được đầu tiên, dẫn đầu! Chư Bồ Tát, A La Hán là học trò của Ngài, theo sát, lịch đại tổ sư qua nhiều thế hệ ngàn ấy đã nêu gương tốt, chúng ta phải học tập các Ngài. Đó gọi là *“hộ pháp”*.

Học Phật thì phải thường nghĩ: “Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của ta có giống một vị Phật hay không? Có giống một vị Bồ Tát hay không?” Nay chúng ta đọc quyển kinh này, hôm nay chúng tôi giảng kinh đã đến tập thứ một ngàn năm trăm, mỗi tập là hai tiếng đồng hồ, ba ngàn giờ rồi đấy! Kinh Hoa Nghiêm có ba mươi chín phẩm, chúng tôi giảng đến phẩm thứ mười một. Phía sau còn có ba phẩm rất dài, một phẩm là phẩm Thập Địa, phẩm kia là phẩm Ly Thế Gian. Dài nhất là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, trong Bát Thập [Hoa Nghiêm Kinh, phẩm này được] gọi là phẩm Nhập Pháp Giới, có đến bốn mươi quyển kinh văn. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm có tất cả là chín mươi chín quyển! Đối với chín mươi chín quyển, chúng ta nhất định phải hiểu rõ, tu học trong một đời. Ở đây, chúng ta học tập, cùng học tập với mọi người chính là chuyện cả đời! Vì phẩm Tịnh Hạnh thuộc quyển thứ mười bốn, chín mươi chín quyển mà chúng tôi mới giảng đến quyển thứ mười bốn, phần kệ tụng ở phía sau quyển mười bốn vẫn chưa giảng đến, đã tốn mất ba ngàn giờ rồi!

Đương nhiên là trong quá khứ, tổ sư đại đức từ xưa chẳng giảng theo kiểu như chúng tôi, tốc độ tiến triển nhanh chóng. Chúng tôi dùng cách giảng như thuở trước có được hay không? Các đồng học yêu cầu,

“không được, chẳng đạt được thọ dụng!” Chúng tôi vẫn giảng kinh văn, nghĩa lý, giáo huấn, nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta vận dụng vào cuộc sống hiện thực như thế nào thì mới là hữu dụng. Giúp chúng ta sống cuộc đời thật sự hạnh phúc, giúp chúng ta làm việc, giúp chúng ta học tập, xử sự, đãi người tiếp vật, thật sự nêu gương, làm điển hình cho đại chúng trong xã hội. [Đấy mới là] chẳng phí uổng công sức học môn này! Mục tiêu của bản thân chúng ta là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “Vô y xứ” là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta cũng niệm niệm hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể đạt đến Vô Y Xứ. Người khác vượt trước chúng ta, quyết định chẳng ghen tỵ, chúng ta chỉ hoan hỷ, tán thán. Đấy là đúng! Chúng tôi giới thiệu mười thể lệ trong phần Đối Biện tới đây.

Kế tiếp là đoạn thứ năm, Chánh Thích Kinh Văn. Đấy là phần chánh thức giải thích kinh văn.

(Sớ) Trường phân vi thập.

(疏)長分為十。

(Sớ: Phân tổng quát thành mười đoạn).

Đây là nói về một đoạn lớn. Kinh văn trong phẩm này được chia thành mười đoạn lớn. Ở đây, trước hết là nêu ra tiêu đề của mười đại đoạn. Đoạn lớn thứ nhất.

(Sớ) Sơ.

(疏)初。

(Sớ: Thứ nhất).

Tức là đoạn lớn thứ nhất.

(Sớ) Hữu thập nhất nguyện.

(疏)有十一願。

(Sớ: Có mười một nguyện).

Toàn phẩm có tổng cộng một trăm bốn mươi một nguyện, phần đầu là mười một nguyện.

(Sớ) Minh tại gia thời nguyện.

(疏)明在家時願。

(Sớ: Nói về các nguyện lúc tại gia).

Quý vị thấy Bồ Tát tại gia phát những nguyện gì. Hiện thời, tại gia Bồ Tát rất nhiều. Vì thế, chúng ta học tập thì phần này đương nhiên là trọng điểm, tại gia Bồ Tát mà! Đoạn lớn thứ hai...

(Sớ) Hữu thập ngũ nguyện, xuất gia thọ giới thời nguyện.

(疏)有十五願，出家受戒時願。

(Sớ: Có mười lăm nguyện, là những nguyện khi xuất gia thọ giới).

Các đồng học xuất gia phải hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập phần này. Nếu không, quý vị sẽ chẳng phải là xuất gia thật sự. Mục đích xuất gia của quý vị lại là ở chỗ nào? Quý vị xuất gia hy vọng thành tựu điều gì? Chẳng thể sai lầm may may! Theo Phật giáo sử, xác thực là có rất nhiều người xuất gia tu học rất khá, trì giới, tu phước, thông Tông, thông Giáo, cuối cùng chẳng thoát khỏi tam giới. Vì sao? Tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng buông xuống, đối với sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần chẳng buông xuống. Coi như vẫn còn khá, do trì giới, đời sau chẳng mất thân người, quá nửa là đến nơi đâu? Đời sau sẽ sanh về đâu? Quá nửa là đi làm quan! Do làm quan, theo hầu đế vương, thường nói là “*tướng tướng*” (將相)¹⁷, hiện thời gọi là tỉnh trưởng, thị trưởng, huyện thị trưởng, quá nửa đều là do tu phước huệ trong Phật môn. Đối với phước, họ có phước báo to ngàn ấy; về Huệ, họ thông minh, trí huệ, chẳng buông xuống chút nào! Theo sách sử ghi chép, Tô Đông Pha đời trước là người xuất gia, tức là hậu thân của hòa thượng Ngũ Tổ Giới. Đây là một chi phái trong Thiền Tông, Sư là tổ sư đời thứ năm trong chi phái ấy¹⁸, [Ngũ Tổ Giới ở đây] chẳng phải là sư phụ của Huệ Năng đại sư, chẳng phải là vị ấy. Vị ấy (Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn) đã vượt thoát mười pháp giới. Không chỉ là vượt thoát lục đạo, [mà còn] vượt thoát mười pháp giới, đã thật sự thành tựu. Do đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, vị ấy (Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn) thật sự thành tựu.

Nhưng có rất nhiều người xuất gia còn hâm mộ phú quý, cũng mong đời sau làm quan to, nguyện ấy thật sự thành tựu. Nguyện thành Phật, thành Bồ Tát rất khó, tu phước báo nhân thiên trong Phật môn rất dễ dàng! Nhưng quý vị phải ghi nhớ, vào thuở đó, chẳng có đạo tràng chánh pháp nào mà chẳng siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si. Tuy tham, sân, si chẳng thể diệt mất, nói chung là tham, sân, si đã giảm thiểu mấy phần, điều này là khẳng định. Vì thế, người ấy mới có phước báo to ngàn ấy. Nhưng chư vị nhất định phải biết, con người chớ nên hưởng phước. Hễ hưởng phước, sẽ như thế nào? Mê hoặc, quên sạch những thiện nhân đã tu tập, tích lũy trước đó, sẽ tùy thuận tham, sân, si,

mạn trong hiện tiền. Tham, sân, si, mạn mỗi năm một tăng trưởng, phiền phức to lớn! Hưởng hết phước báo, nghiệp báo hiện tiền, nghiệp bất thiện hiện tiền, sẽ phải đọa lạc xuống thấp hơn so với hiện tại. Đức Phật đã từng nói về chuyện này, chẳng phải là không nói. Đức Phật gọi chuyện này là “tam thế oán”. Đời thứ nhất, quý vị hộ trì Phật pháp trong Phật môn, hoặc là giảng kinh, thuyết pháp, tu phước, tu huệ. Đời sau hưởng phước, đời sau làm quan để hưởng phước. Hưởng hết phước rồi, tội nghiệp do quý vị đã tạo trong đời này, tội nghiệp do quý vị đã tạo trong đời quá khứ thảy đều hiện tiền, quả báo là đi vào tam đồ! Đức Phật đã cảnh cáo nghiêm ngặt người tu hành: Chớ nên tham cầu phú quý thế gian, hãy nên chẳng quên Tam Học Giới, Định, Huệ, mong mỗi đời đời kiếp kiếp tăng thượng Tam Học, quý vị sẽ chẳng mê hoặc.

Có người phát nguyện đời đời kiếp kiếp được làm thân người, học Phật pháp, hoằng pháp lợi sanh. Có người phát nguyện ấy, thật sự học, thật sự hành; trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng! Từ trong lịch sử, qua Từ Bi Thủy Sám, chúng ta thấy một thí dụ rõ rệt nhất là Ngô Đạt quốc sư đã phát nguyện này. Mười đời chẳng mất thân người; sau khi chết đi, sang đời sau, lại đầu thai vào nhân gian, quả nhiên chẳng trái nghịch nguyện vọng. Ngài lại xuất gia, tiếp tục tu hành. Đến đời thứ mười, đương nhiên là mỗi đời càng thông minh hơn, tích lũy quá nhiều mà! Tam Học Giới, Định, Huệ tích lũy quá nhiều; đạo đức, tu trì và học vấn của quý vị mỗi đời một cao hơn, đến đời thứ mười sẽ ảnh hưởng rất lớn. Đế vương nghe râu, sau khi triệu kiến, bội phục Sư năm vóc sát đất, bái Sư làm thầy, Sư trở thành quốc sư¹⁹.

Cũng may, làm quốc sư cũng may, vẫn chưa bị mê. Tới khi hoàng thượng biểu Sư một tòa báu bằng trầm hương, trước kia gọi là “thái sư y” (太師椅, ghế thái sư) chạm trổ bằng trầm hương, quá danh giá, quý báu. Sư liền dấy lòng hoan hỷ, cảm thấy ngạo mạn đôi chút: “Kẻ xuất gia trong thiên hạ, ai có thể sánh bằng ta?” Ý niệm ấy vừa sanh khởi, thần hộ pháp bỏ đi, Sư đọa lạc, nấy sanh phiền não, chẳng sanh trí huệ. Ý niệm kiêu căng, ngã mạn vừa nẩy sanh, tự cho mình là đúng, tự cho mình là lỗi lạc, lập tức bị đọa lạc! Oán thân trái chủ ngay lập tức dựa vào cơ hội này tìm đến, Sư bị ghẻ mặt người, gần như mất mạng! Rốt cuộc là tu hành cả mười đời chẳng uống công, tôn giả Ca Nặc Ca là một vị A La Hán, Ngài có thần thông, giúp đỡ Sư hóa giải kiếp nạn ấy, dạy Sư sám hối, dạy Sư phải nghiêm túc tu hành thì mới có thể tăng tấn. Nếu không, quý vị [tuy có] công phu tu hành mười đời, đời sau vừa chuyển thân liền đọa lạc. Quý vị nói có đáng sợ lắm hay chẳng?

Chúng ta thấy người hiện thời, khi có một tí lợi ích hiện tiền đã lộ vẻ kiêu ngạo! Ngô Đạt quốc sư lộ vẻ kiêu ngạo, liền bị ghẻ mặt người, cao tăng mười đời đấy nhé! Công đức tu học trong đời quá khứ của chúng ta chẳng bằng Ngài, phước huệ đều chẳng bằng Ngài, [chỉ vì] một chút chuyện nhỏ nhặt trong hiện thời mà đã kiêu ngạo rồi, đời sau chúng ta sẽ sanh về đâu? Quý vị hãy nghĩ kỹ đi, tự mình sẽ biết, chẳng cần phải hỏi ai khác! Chư vị nghĩ kỹ xem, vấn đề này nghiêm trọng lắm! Do vậy, người xuất gia phải đặc biệt chú ý, vì quý vị xuất gia, sẽ chẳng làm việc, cuộc sống của quý vị là do mười phương cúng dường. Cổ đại đức đã nói rất hay: *“Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn”* (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, đeo lông, đội sừng đèn)! Quý vị xuất gia, tín đồ cúng dường quý vị, họ mong mỗi điều gì? Mong quý vị sẽ thành đạo, họ sẽ được phước. Nếu quý vị chẳng thành đạo, họ cũng chẳng ủng công cúng dường quý vị, đời sau quý vị phải đền trả mà! Đó gọi là *“ăn của người khác tám lượng, quý vị phải trả họ nửa cân”*, phải đền nợ! Vì thế, người xuất gia tu hành trong đời này chẳng thể thành tựu, quý vị sẽ là kẻ mắc nợ! Đời này quý vị mắc nợ bao nhiêu người, đều phải trả đủ! Những lời này đều là lời thật.

Nhưng hiện thời có lắm kẻ chai lì, bất nhân, họ cũng biết nói, nhưng vẫn cứ làm. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là con đường tắt để thành Phật, họ cũng chẳng nghiêm túc hành, đến khi sắp chết mới ôm chân Phật. Có được hay không? Bao nhiêu kẻ xuất gia lúc lâm chung, người hiện thời nói là “mắc bệnh lú lẫn tuổi già”, thôi rồi! Bị mất trí nhớ vì tuổi già, trợ niệm cho người ấy vô dụng. Người ấy đã si ngốc, hoàn toàn chẳng ăn khớp với Phật pháp được!

Người ta chết đi, người thế gian đều nói, người Hoa nói Ngũ Phước thì phước cuối cùng là chết an lành. Khi chết sáng suốt, tỉnh táo, người như vậy không học Phật cũng chẳng đọa ác đạo. Chư vị ngắm xem, có người nào đầu óc tỉnh táo sẽ đi làm súc sanh, sẽ đi vào ngạ quỷ? Chẳng thể nào! Đầu óc tỉnh táo, chắc chắn là phước báo nhân thiên! Kẻ nào sẽ vào tam đồ? Kẻ hồ đồ, mê hoặc, điên đảo, kẻ đó sẽ vào tam đồ. Ai có thể đảm bảo quý vị trong phút lâm chung cuối cùng đầu óc sẽ sáng suốt, tỉnh táo? Đấy là đại phước báo. Vì thế, người học Phật tu hành, sống trên thế gian, phước báo gì cũng không cần, ta đều chẳng hưởng, ta chỉ hy vọng khi lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, quý vị mới có thể niệm Phật vãng sanh, đó là chuyện chắc chắn đáng tin cậy. Đừng để phước báo khiến cho

quý vị đầu óc mê muội, đừng để phước báo khiến cho tuổi già bị mất trí nhớ, vậy là hỏng hết mất rồi!

Vì thế, xuất gia chẳng phải là một chuyện dễ dàng. Thật sự phát tâm, thân cư sĩ vẫn có thể hoằng pháp y hệt, nhất định là phải y giáo phụng hành. Xác thực là chẳng dễ gặp thầy tốt, nhưng tìm cố nhân, làm tư thực đệ tử của cố đại đức, chắc chắn là sẽ có thể thành tựu. Trong đời này, chúng ta làm thật hay làm giả, vẫn là như chúng tôi thường nói mười sáu chữ! Nhất định là phải thường ghi nhớ mười sáu chữ ấy, quyết định chẳng thể vi phạm, ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, phải xa lìa! Hễ quý vị còn ích kỷ, chắc chắn sẽ tạo nghiệp! Quý vị còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, còn tham cầu ngũ dục, hưởng thụ lục trần, quý vị quyết định có tham, sân, si, mạn. Nói cách khác, cho dù quý vị giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh, cũng chẳng thể vãng sanh, những gì quý vị đã tu chính là phước báo cho đời sau. Có phước báo mà nếu quý vị chẳng được làm thân người, sẽ đến đâu để hưởng? Súc sanh, ngựa quý đều có phước! Hưởng phước trong ngựa quý đạo, [làm] sơn thần, thổ địa.

Trong quá khứ, chúng ta đã nghe lão pháp sư Đàm Hư kể: Ngài có một vị sư huynh, tức là đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân. Vị ấy tham Thiền mà trở thành thần Thổ Địa. Tại thiền đường Kim Sơn, vị hòa thượng thủ tọa có địa vị rất cao, chỉ kém Phương Trượng, sau khi chết bèn thành thần Thổ Địa. Đấy là có phước báo, hưởng phước trong quỹ đạo, chẳng được làm thân người! Hưởng phước trong súc sanh đạo, tức là súc sanh hưởng phước. Hiện thời, rất nhiều kẻ phú quý nuôi thú cưng, tức là [những chúng sanh ấy] hưởng phước trong súc sanh đạo, quý vị có bằng lòng hay không? Chẳng mong như vậy, hãy nghiêm túc học tập, chớ nên dính líu ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đầu óc phải sáng suốt, những thứ ấy hại chết người đấy nhé! Phật pháp là ĐỀ HỒ, những thứ đó là độc dược. Người học Phật hễ dính một chữ [trong những chữ trên đây; hễ dính phải], ĐỀ HỒ đã bị xen lẫn thuốc độc, chớ nên không cẩn thận. Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu thứ ba kể đó:

(Sớ) Hữu thất nguyện, tựu tọa Thiền Quán thời nguyện.

(疏)有七願，就坐禪觀時願。

(Sớ: Có bảy nguyện, chính là những nguyện khi ngồi Thiền quán tưởng).

Điều này nói về sự tu học, Thiền và Quán đã bao gồm trọn hết sự giáo học trong Phật giáo. Dụng công trong Tông Môn (Thiền Tông) gọi là Thiền, dụng công trong Giáo Hạ gọi là Quán. Dùng hai chữ này ý nghĩa sẽ có ảnh hưởng sâu đậm hơn *“kinh giáo”* rất nhiều, vì *“kinh giáo”* thì chưa chắc đã có công phu trong ấy, chưa chắc có thành tựu. Thiền Quán chính là công phu chân thật, khác hẳn! Kinh Kim Cang đã nói về ý nghĩa của Thiền rất khá, Đản Kinh của Lục Tổ đại sư hoàn toàn căn cứ trên những gì kinh Kim Cang đã dạy. Tổ giảng càng rõ hơn, càng nói rành rẽ hơn. Kinh Kim Cang dạy *“chẳng chấp lấy tướng”* là Thiền, *“như như bất động”* là Định; đấy là Thiền Định. Hoàn toàn chẳng bảo quý vị khoanh chân xếp bằng tĩnh tọa nhìn vách, chẳng phải vậy. Đó là Thiền Định sơ cấp, vừa mới khởi đầu thì dùng phương pháp ấy để tu. Thiền Định thật sự là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chúng ta thường nói là *“không chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, không động niệm”*. Đó là Thiền, nhất quyết chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Trong thì như như bất động, người Hoa gọi đó là Định. Cũng có nghĩa là *“ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm”*; đấy là Thiền. Vì thế, nói: *“Đi, đứng, ngồi, nằm đều là Thiền”*.

Thuở ấy, Huệ Năng đại sư đến Hoàng Mai tham học; khi đó, Ngài hai mươi bốn tuổi, rất trẻ! Ngũ Tổ bảo Ngài đến làm việc trong phòng xay xát, bửa củi, giã gạo. Vì đạo tràng người ăn cơm đông đảo, hơn một ngàn người ăn cơm, gạo phải giã, củi phải chẻ, Ngài làm việc nặng nhọc suốt tám tháng. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, tu gì vậy? Ngài thật sự tu Thiền Quán. Ngũ Tổ biết rõ, người khác chẳng hiểu rõ ràng! Huệ Năng đại sư tự hiểu rõ, Ngũ Tổ hiểu rõ, kẻ khác nhìn chẳng ra, Ngài thật sự đang tọa Thiền. *“Tọa”* là dùng tư thái ngồi trong chuyện đi, đứng, ngồi, nằm để tỷ dụ. *“Tọa”* là bất động, chẳng phải là bảo quý vị thật sự ngồi nơi đó. Ngài ở Hoàng Mai hằng ngày giã gạo, hằng ngày bửa củi, làm sao có thể ngồi mà giã cho được? Làm sao có thể ngồi mà bửa củi cho được? Chẳng thể nào! *“Tọa”* là tỷ dụ cái tâm bất động; thân động, tâm bất động. Tâm bất động là không có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm, thấy hết thấy mọi người bên ngoài đều là Phật, Bồ Tát, đều đáng để tôn kính. Huệ Năng đại sư ở Hoàng Mai tám tháng, chẳng khinh rẻ một ai, đối với bất cứ ai cũng đều khiêm hư, tôn kính, đều xưng tán. Tuy không ở trước mặt Ngũ Tổ, nhưng nhất cử nhất động của Huệ Năng, Ngũ Tổ đều biết rành rẽ, rõ ràng: Đấy là pháp khí, đấy là kẻ sẽ truyền pháp. Đó là Thiền.

Giáo Hạ thì tu Quán, bất luận là Thiên Thai hay Thiền Thủ, hai giáo phái lớn ấy, Pháp Tướng, cho đến Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông có phải là tu Quán hay không? Đúng vậy, chẳng sai, chính là tu Thiền Quán. Cổ đại đức thường nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*. Giác là Quán. Phàm phu và Phật, Bồ Tát sai khác ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ Phật và Pháp Thân Bồ Tát sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm; vì thế, các Ngài thường ở trong Thiền Định. Đi, đứng, ngồi, nằm, không gì chẳng phải là Thiền! Ứng hóa khắp mười phương, chỗ nào chúng sanh có cảm, Ngài sẽ hiện thân đến đó giáo hóa chúng sanh, vẫn ở trong Thiền Định. Hiện thân mà chẳng khởi tâm động niệm, giáo hóa chúng sanh cũng chẳng khởi tâm động niệm. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương tốt cho chúng ta thấy: Đi, đứng, ngồi, nằm đều là Thiền. Đấy gọi là sự giáo học chân chánh, là công phu chân thật! Giáo Hạ nói đến Chỉ và Quán, Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt!

Thuở trước, khi tôi mới học Phật, nếu Chương Gia đại sư nói với tôi về Chỉ Quán, tôi sẽ chẳng hiểu, sẽ thật sự khiến cho tôi bị hồ đồ. Lão nhân gia có phương tiện thiện xảo, Ngài không nói Chỉ Quán, mà nói là *“thấy thấu suốt, buông xuống”* tôi hiểu điều này dễ dàng, rất dễ tiếp nhận! *“Thấy thấu suốt, buông xuống”*, buông xuống là Chỉ, thấy thấu suốt là Quán, gộp chung lại sẽ là Thiền, tôi rất được lợi ích. Lão nhân gia thâm nhập sâu xa Phật pháp, diễn tả nông cạn, có thể khiến cho tôi nghe hiểu, có thể tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, sự giáo học ấy chính là *“Lý Cơ song khế”* (vừa khế Lý vừa khế Cơ), giáo học thành công!

Dứt hết thầy ác, tu hết thầy thiện, [thường nói gọn là] *“chỉ ác, tu thiện”* thì phải ly tướng. Nếu chẳng ly tướng, sẽ là Thiền Định thể gian, tu đến mức cao nhất, sẽ là Sắc Giới Thiên, hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thể vượt thoát [tam giới]. Vì thế, Chỉ Quán đều chẳng thể chấp tướng. Kinh Bát Nhã dạy chúng ta: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Tuy là hư vọng, ác phải dứt. Tuy dứt, chẳng ghim trong lòng, giống như chẳng có chuyện ấy. Thiện nhất định phải tu, tuy tu thiện, vẫn chẳng ghim trong lòng. Đó gọi là *“làm mà không làm, không làm mà làm”*. *“Không làm”* là hằng ngày đều làm, làm rất nghiêm túc, quyết định chẳng chấp tướng, giữ cho cái tâm thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm mảy may! Hễ chấp “ta hôm nay đã làm bao nhiêu chuyện tốt, ta hôm nay đã ngưng dứt”, chúng ta nói là *“đoạn”*, nhà Phật thường nói là Đoạn, “hôm nay ta sẽ bắt đầu đoạn phiền não, đoạn những phiền não nào”. Quý vị có ý niệm ấy. Kẻ sơ học có [ý niệm, đối với họ], “chẳng có ý niệm” quá khó khăn! Nếu công phu dần dần tăng tấn, tăng tấn tới mức “dứt ác mà chẳng có ý

niệm dứt ác”, chẳng có ý niệm ấy, tu thiện mà không dấy khởi ý niệm tu thiện, công phu ấy đã khá rồi, chúng ta thường nói là “*công phu đắc lực*”, đã đắc lực! Nếu thường xuyên vương vấn “ta làm bao nhiêu chuyện tốt”, chẳng được rồi! Đấy là công phu chẳng đắc lực.

Tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa; trước mặt Tổ, Lương Vũ Đế khoe khoang công đức hộ trì Phật pháp của chính mình: Vua đã độ bao nhiêu người xuất gia, dựng bao nhiêu ngôi chùa, tạc bao nhiêu tượng Phật. Thuở ấy, kinh phải chép tay. Vua đã thỉnh người sao kinh, sao được bao nhiêu bộ kinh sách, rất đặc ý! Đối với chuyện hộ trì Phật pháp của hàng đế vương trước ông ta, chẳng có ai làm nhiều bằng nhà vua. Vua làm thật sự nhiều! Nói theo mặt công đức, người khác có thể làm ít hơn mà vẫn có công đức. Nhà vua làm nhiều ngàn ấy mà chẳng có công đức! Nhà vua hỏi công đức của ông ta có lớn hay không? Đạt Ma tổ sư nói lời thật thà: “*Tịnh vô công đức*” (Hoàn toàn chẳng có công đức). Nhà vua đã làm những chuyện như thế nào? Nói theo Phật môn, sẽ là “*phước đức trung sự*”, [tức là] ông ta đã tạo phước đức, chẳng phải là công đức! Xét theo Sự thì giống như nhau, đoạn ác, tu thiện. Sự giống nhau, nhưng chấp tướng thì sẽ là phước đức, lìa tướng thì là công đức. Chư vị phải hiểu rõ ràng! Chấp tướng sẽ có quả báo; hễ thiện thì là quả báo trong ba thiện đạo, còn ác thì là quả báo trong ác đạo, quý vị chấp tướng mà! Đoạn ác tu thiện, nhưng chẳng chấp tướng. Chẳng chấp tướng, sẽ chẳng có quả báo trong lục đạo. Quả báo ở chỗ nào? Nhất định là vượt thoát lục đạo, đấy gọi là “*công đức*”. Công đức có thể giúp đỡ quý vị tăng tấn, vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát mười pháp giới.

Người nào làm được “đoạn ác tu thiện mà chẳng để trong tâm”? A La Hán làm được. Vì thế, A La Hán thoát khỏi lục đạo luân hồi, vượt thoát tam giới lục đạo. Chúng ta chớ nên không biết điều này! Đối với người niệm Phật chúng ta, niệm Phật xác thực là pháp môn hết sức thù thắng, thuận tiện. Ta đoạn ác, tu thiện, ta vẫn chẳng ly tướng, ta còn chấp trước, có thể vãng sanh hay không? Có thể chứ! [Sanh vào] cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đoạn ác tu thiện mà chẳng chấp tướng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà tối thiểu là cõi Phương Tiện Hữu Dư, khác hẳn! Cõi Phương Tiện Hữu Dư là nơi A La Hán, Bích Chi Phật vãng sanh. Quý vị chỉ cần đoạn ác, tu thiện, chẳng chấp tướng, sẽ giống như các Ngài. Nếu đoạn ác tu thiện mà chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, [phẩm vị của] quý vị sẽ rất cao, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của thế giới Cực Lạc. Cõi Thật Báo

Trang Nghiêm là đạo tràng tu học của Pháp Thân Bồ Tát; quý vị đến nơi đó, đây là công phu chân thật.

Vì thế, có bảy nguyện ấy, đây là sự giáo học chân thật và tu hành chân thật trong Phật pháp. Dùng hai chữ Thiên Quán hay lắm! Chúng tôi thường nói *“Thiên là Phật tâm”*. Thiên là chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng có khởi tâm động niệm, là Phật tâm. Giáo: Kinh giáo là Phật ngôn, tức là lời nói của Phật. Giới luật là tâm hạnh của Phật, tức sự hành trì của Phật nơi thân, khẩu, ý. Thiên là Phật tâm, thân, khẩu, ý! Trong một phẩm kinh này, vừa mở đầu, Trí Thủ Bồ Tát đã nói mười câu về ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Đó là hình tượng nơi quả địa Như Lai rất ráo. Thân, ngữ, ý nghiệp thuần tịnh, thuần thiện, còn cao hơn địa vị Đẳng Giác một tầng. Vì thế, câu này là nói về khi dụng công cầu học.

Tiếp đó, từ đoạn thứ tư cho đến đoạn thứ mười đều là nói về cuộc sống hằng ngày. Tuy trong [phần kinh văn dạy về] cuộc sống hằng ngày đều là nói về cuộc sống thường nhật của hàng xuất gia, hàng tại gia đều có thể tu học giống hệt, phải hiểu tinh thần của nó. Chẳng cần câu nệ hình thức, hình thức là sống động, đức Phật không có pháp nhất định để có thể nói, nhưng quan trọng nhất là tinh thần. Người hiện thời nói là *“học sống động, vận dụng sống động”*. Thứ tư là...

(Sớ) Hữu lục nguyện, minh tương hành phi quải thời nguyện.

(疏)有六願，明將行披挂時願。

(Sớ: Có sáu nguyện, nói về những nguyện thuộc về chuyện ăn mặc lúc sắp ra đi).

Đây là ra khỏi cửa. *“Tương hành”* (將行, sắp đi), *“hành”* là ra khỏi cửa. Ra ngoài, nhất định phải mặc y phục chỉnh tề, nay chúng ta gọi *“phi quải”* (披掛) là ăn mặc. Do thuở ấy tại Ấn Độ, vào thời đại ba ngàn năm trước, người Ấn Độ mặc áo là quấn một tấm vải lên người. Hiện thời, các vị thấy những vị pháp sư Tiểu Thừa sẽ hiểu rõ, quần áo thông thường của họ là như vậy, một tấm vải quấn lên người, chẳng giống như Trung Hoa. Trung Hoa xác thực là phải may cắt; y phục có cổ, có tay áo. Thời cổ, Trung Hoa cũng chẳng mặc quần, [mà mặc một thứ] gọi là *“y thường”* (衣裳). *“Thường”* (裳) là gì? Chính là cái váy. Nam nữ đều mặc váy. Cổ Ấn Độ cũng giống như vậy, phía dưới quấn váy, là một tấm vải, đó chính là *“y thường”*.

Vì thế, hiện thời quý vị thấy tượng Phật, tượng Bồ Tát, chẳng thấy mặc quần, tuyệt đối chẳng có, thấy đều là váy. Đó gọi là *“phi quải”*: Thứ

khoác ở trên thì gọi là “*phi*” (披), váy quần ở dưới thì gọi là “*quải*” (掛). Ra khỏi cửa, nhất định phải chú trọng “*phục trang*” (服裝, ăn mặc, trang điểm) như chúng ta nói trong hiện thời. Phục trang cũng nhằm biểu thị thân phận của một người, tiện cho việc hành lễ. Vì thế, gọi là “*lễ phục*”. Trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, đệ tử Phật “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn phép cho cõi đời). Nhất cử nhất động của người ấy đều là nêu gương, làm khuôn phép cho đại chúng trong xã hội. Vì thế, tuy quần áo của người ấy không lộng lẫy, nhưng chỉnh tề, sạch sẽ, nhằm nêu gương tốt cho đại chúng. Phần này có sáu nguyện; trong tương lai, khi xem đến kinh văn, chúng ta sẽ có thể thấy.

(Sớ) Ngũ hữu thất nguyện.

(疏) 五有七願。

(Sớ: Đoạn thứ năm gồm bảy nguyện).

Chúng ta xem những điều kinh đã dạy bèn hiểu: Những nguyện ấy được phát ra khi rửa ráy, súc miệng, tắm gội. Những nguyện ấy đều là cuộc sống hằng ngày. Chúng ta rửa mặt bèn phát nguyện gì, chúng ta súc miệng bèn phát nguyện gì, chúng ta tắm rửa bèn phát nguyện gì. Đó gọi là “*luyện tâm qua sự việc*”. Người ta học điều gì cũng đều vận dụng hoàn toàn từng ly từng tí trong cuộc sống, chẳng luống uổng một ngày nào! Phải nghĩ lại bản thân chúng ta, ngày nào cũng luống uổng, tu kiểu nào cũng chẳng có cách nào sánh bằng họ. Họ từ sáng đến tối, nói cách khác, chẳng có giây phút nào bỏ phí, nghĩ lại bản thân chúng ta đã bỏ phí thời gian quá nhiều! Ngoài tụng kinh, lạy Phật, đến lớp nghe giảng kinh, bèn được tương ứng mấy phần ra; trừ những lúc ấy ra, toàn là suy nghĩ loạn xạ, thấy đều dẫn đến phiền não dấy lên hiện hành. Nếu quý vị suy ngẫm cẩn thận, dùng tỷ lệ để tính toán, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ta thật sự gởi tâm nơi đạo được mấy giờ? Tâm chẳng đặt nơi đạo, thuận theo thói tục, lại là bao nhiêu giờ? So sánh đôi chút giữa hai đảng, bên nào nhiều hơn? Bên nào nhiều hơn, trong tương lai sẽ hướng đến đó. Bên Phật pháp nhiều, quý vị sẽ tăng tấn; bên thế tục nhiều, quý vị sẽ đọa lạc xuống dưới. Quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không?

Thuở trước, Hoàng Nhất đại sư chọn kinh này làm kinh nhật tụng, có lý lắm! Ngài dùng hai phần, tức là phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Vì thế, chúng ta chỉ biết là Ngài coi trọng giới luật, giới luật thực hiện như thế nào? Giới luật được thực hiện trong phẩm Tịnh Hạnh. Vì thế, nói thật ra, phẩm Tịnh Hạnh chính là Đệ Tử Quy của hàng

Bồ Tát, Bồ Tát chẳng thể không học. Không học, sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới, thầy đều phải thực hiện bằng phẩm Tịnh Hạnh. Một trăm bốn mươi một nguyện là cuộc sống hằng ngày, hằng ngày đều là như vậy.

Kế đó là đoạn thứ sáu:

(Sớ) Hữu ngũ thập ngũ nguyện, minh khát thực, đạo hành thời nguyện.

(疏)有五十五願，明乞食道行時願。

(Sớ: Có năm mươi lăm nguyện, nói về những nguyện khi khát thực, đi đường).

Khất thực là một môn công khóa, người hiện thời nói là “*cơ hội giáo dục*”. Đức Phật coi trọng cơ hội giáo dục nhất, hễ gặp người khác bèn khuyên dạy họ, Không nhất định là dạy học trong giảng đường, chẳng phải vậy, [mà là] dạy học mỗi khi có cơ hội. Quý vị mỗi ngày đi khất thực, gặp người khác, gặp chuyện nào đó, gặp những vật chi đó, đối với chính mình mà nói, người, sự, vật chẳng có gì không nhằm biểu thị pháp, khái thị cho quý vị. Người hiện thời nói là “*linh cảm*”, giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đối với hết thầy người, sự, vật, chúng ta phải dùng tâm thái gì để đối đãi, [phần này] có đến năm mươi lăm nguyện. Trong mười đoạn, phần này chiếm nhiều nhất, quá nửa, gần như là một nửa. Có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện, phần này chiếm tới năm mươi lăm nguyện, chúng ta phải coi trọng tỷ lệ này!

Chúng ta phải ghi nhớ, đối đãi với hết thầy chúng sanh, người, sự, vật, phải nắm lấy cơ hội giáo dục, quyết định đừng bỏ lỡ! Đối với chính mình, sẽ tăng cao cảnh giới; đối với người khác, sẽ là giúp họ phá mê khai ngộ, quý vị phải thật sự có cái tâm này! Hiện thời, khó khăn ở chỗ nào? Khó ở chỗ chúng ta chẳng có cái tâm này, chẳng có nguyện này! Thật sự có tâm nguyện này, người ấy sẽ chẳng bỏ lỡ cơ hội, bất luận ở nơi nào! Ví như khất thực, hoặc là đi đường, gặp gỡ trên đường, gặp gỡ trên đường có hai loại, một loại là đi cùng chiều với chúng ta, loại kia là đi ngược chiều, phải chào hỏi. Đi cùng đường, đi một đoạn đường, có thể nói mấy câu, dài ngắn đều chẳng nhất định, vì mỗi người có phương hướng, mục tiêu riêng. Đôi khi gặp gỡ, chúng ta có thể cùng đi một đoạn đường.

Khất thực là đến nhà người khác, đây là quy củ; thí chủ tài cúng dường cho quý vị. “*Tài*” ở đây là một bát cơm, hoặc cho quý vị một vốc

cơm, chẳng đủ một bát, quý vị lại đến nhà người khác khát thực. Quy củ nhà Phật nhất định là khát thực bảy nhà, khát thực cho đủ ăn. Vì thế, chẳng phải là một nhà. Trước kia, trong nhà người ta không nấu cơm nhiều như vậy, chẳng dư nhiều như vậy. Vì thế, cho quý vị chút ít, chẳng nhiều lắm. [Cơm xin từ] bảy nhà góp lại, quý vị có thể ăn một bữa. Nếu nhà ấy là đại gia tộc, là nhà phú quý, [xin từ] một nhà đã đầy một bát, quý vị chẳng cần phải đến nhà thứ hai. Xin từ một nhà chẳng đủ, quý vị lại xin nhà khác, [xin từ] hai nhà đã đủ ăn, chẳng đến nhà thứ ba. Tối đa là không thể vượt quá bảy nhà!

Sau khi đã khát thực xong, chẳng phải là khát thực xong là có thể ăn ngay. Không thể, phải về đến tịnh xá cùng ăn với đại chúng. Đức Phật cũng là như thế, chẳng phải là khát thực xong, có thể bất cứ lúc nào, đến ngồi ở nơi đâu bèn ăn ngay tại đó, không được! Nhất định phải trở về. Trở về ăn cơm cũng có quy củ, vì chắc chắn là có người ngày hôm ấy đi khát thực chẳng xin được gì, xin cả bảy nhà đều chẳng được! Có dư thì phải chia sẻ cho họ. Còn có những người xin được nhiều, trở về ăn cơm, mọi người đều trộn cơm chung với nhau, gọi là “*ca-sa*”, bình đẳng mà! Quý vị xin được bát cơm cùng thức ăn rất ngon, cơm của người khác rất tệ, phải trộn chung lại để chia đều, bình đẳng đấy! Phật môn thật sự làm được. Cơm ăn trong bữa ấy còn dư, sẽ bố thí cho súc sanh, tức là những loài chim thú, cúng dường chúng, chẳng để hư nát. Chắc chắn là không được giữ cơm lại để ăn vào hôm sau, không thể! Hôm nay ta xin nhiều một chút, ngày mai chẳng cần đi, không thể được! Đấy là gì? Đấy là chú trọng vệ sinh. Xứ Ấn Độ trời nóng, đồ ăn để đến hôm sau sẽ bị hư, biến đổi hương vị; vì thế, chẳng thể để đến hôm sau. Những điều này được quy định trong giới luật, cuộc sống hằng ngày đấy nhé!

Trước kia, ở quê nhà chúng tôi, tuy chẳng phải là phương Bắc, chúng tôi thuộc miền Trung của Trung Hoa, khí hậu lạnh lẽo hơn ở nơi đây, mùa Hè cũng rất nóng. Vì thế, cuộc sống của người ở nông thôn, khi đó chẳng có tủ lạnh, thức ăn đều phải coi xem có bao nhiêu người ăn, phải nấu cho vừa khít. Thức ăn luôn luôn là chẳng nấu nhiều, chỉ có thể ít hơn một tí. Chẳng thể [nấu nướng] nhiều, hễ dư ra sẽ bị hư hoại. Thức ăn không đủ thì như thế nào? Thức ăn không đủ thì có những món rau củ muối chua, những thứ ấy chẳng bị hư. Vì thế, cơm cũng ít, mà đồ ăn cũng ít. Khi ăn không đủ, sẽ bổ sung bằng các thứ ăn độn, bằng các loại rau muối mặn, nhất định phải ăn hết sạch như vậy, chẳng thể để thừa lại, luôn theo cách ấy. Như hiện thời nhà nào cũng có tủ lạnh, buổi trưa ăn còn dư thì có thể ăn vào buổi tối, buổi tối còn thừa thì ngày mai có thể

ăn. Quý vị phải hiểu xưa kia, khi chẳng có những thiết bị ấy, họ có phương pháp [để giữ đồ ăn được lâu]. Trong bất cứ nhà nào ở quê tôi cũng đều muối dưa, vì rau dưa đã thu hoạch không thể giữ mãi, chỉ có cách đem muối chua là có thể giữ lâu được! Ấn Độ càng nóng hơn chúng ta, họ mặc ba món quần áo là đủ rồi, [xứ ấy] thuộc khu vực nhiệt đới, chắc chắn chẳng thể giữ lại thức ăn.

Kể đó là đoạn thứ bảy.

(Sớ) Hữu nhị thập nhị nguyện, minh đáo thành khát thực thời nguyện.

(疏)有二十二願，明到城乞食時願。

(Sớ: Có hai mươi hai nguyện, nói về những nguyện khi vào thành khát thực).

Phần trước là nói về chuyện khát thực trên đường, đi đường, bây giờ là chuyên nói về lúc đã đến thành thị, đó là chỗ đông người. Thuở tại thế, đức Thế Tôn qua đêm dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, đại khái là cách hương trấn, hương thôn, hoặc thành thị đều chẳng quá xa. Nói theo khoảng cách hiện thời, đại khái là khoảng hai cây số, người trước kia nói là “ba dặm”, ba dặm đường. “Dặm” (里, lý) xưa kia nhỏ hơn hiện thời, một cây số bằng hai dặm Tàu. Vì thế, xưa kia quê tôi nói là “năm mươi dặm”, trên thực tế là hai mươi lăm cây số trong hiện thời. Một trăm dặm bằng năm mươi cây số trong hiện thời. Từ quê chúng tôi đến Hợp Phi²⁰ là một trăm hai mươi dặm. Hiện thời, lái theo đường xa lộ, sẽ là bảy mươi cây số. Do vậy, khát thực thuở ấy khoảng cách chẳng thể quá xa. Quá xa thì thời gian đi về sẽ quá lâu! Do vậy, đức Thế Tôn chọn rừng cây, hoặc là tinh xá do người khác cung cấp cách thành thị hoặc nơi cư trú thông thường đại khái chẳng thể xa hơn năm dặm đường. Năm dặm đường là hai cây số rưỡi trong hiện thời, khát thực thuận tiện. Kinh điển phần nhiều nói là “ba dặm”, ba dặm là một cây số rưỡi, thuận tiện cho quý vị khát thực.

Chúng ta phải hiểu, thuở ấy, dân cư trên thế giới ít ỏi, chẳng đông như hiện thời. Vào thành, “thành” (城) là nơi có nhiều người cư trú. Nếu là đô thành, sẽ là nơi để vương cư trú. [Những nơi ấy] đều là chỗ để người tu hành khát thực, là nơi tăng tấn cảnh giới cho người tu hành, đều khiến cho người tu hành phát hoằng nguyện chân thật. Nguyện cho những người ấy giác ngộ, nguyện những người ấy chớ nên lưu luyến phú quý trong thế gian; vinh hoa phú quý của thế gian, những thứ ấy chẳng

lâu dài. Thường xuyên có cái tâm ấy, sẽ chẳng mê mất tự tánh, thật sự gìn giữ sự cảnh giác cao độ, chẳng bị mê mất bởi cảnh giới bên ngoài, chẳng bị chuyển dời bởi cảnh giới bên ngoài.

(Sớ) Bát hữu ngũ nguyện, minh hoàn quy tẩy dục thời nguyện.

(疏)八有五願，明還歸洗浴時願。

(Sớ: Đoạn thứ tám có năm nguyện, nói về những nguyện khi trở về tắm rửa).

Quý vị mỗi ngày đều đi ra ngoài; nói thật ra, ra khỏi cửa cũng là vận động rất tốt. Tu hành, vận động, khát thực, hoằng pháp lợi sanh, thủy đều có, chẳng uống công đi ra ngoài. Đi ra ngoài thì phải quay về; sau khi khát thực, phải quay về. Khi trở về, quý vị xem kinh Kim Cang có thể thấy được đôi chút. Sau khi quay về phải rửa chân. Vì quý vị đi ra ngoài, chư vị phải hiểu, người thuở ấy chẳng đi giày, đều là để chân trần. Quý vị thấy hình tượng vẽ hoặc tạc của Phật, Bồ Tát đều chẳng mang giày, phải biết điều này! Đi đường xa như vậy, quay về, nhất định là phải rửa chân trước đã. Nếu khi đi, chảy mồ hôi, có thể tắm rửa. Chẳng đổ mồ hôi thì không cần tắm rửa; nếu đổ mồ hôi thì cần phải tắm rửa. Trong đoạn này có năm nguyện.

(Sớ) Cửu hữu thập nguyện, minh tập tụng toàn lễ thời nguyện.

(疏)九有十願，明習誦旋禮時願。

(Sớ: Đoạn thứ chín gồm mười nguyện, nói về các nguyện khi tu tập, tụng niệm, đi nhiễu, lễ bái).

Đây là sau khi ăn xong bèn tụng kinh. Nay chúng ta gọi “toàn lễ” (旋禮) là “nhiễu Phật”. Sau khi dùng cơm, xác thực là như người Hoa thường nói “dùng cơm xong, bách bộ”, khi vừa mới ăn xong, không nên ngồi hay nằm, rất chẳng hợp phép vệ sinh. Ăn xong, nhất định làm gì? Nhất định là đi kinh hành. Trong chùa miếu đều là như vậy, đại chúng cùng nhau thọ trai xong, tối thiểu phải nhiễu Phật nửa giờ, giúp cho sự tiêu hóa. Sau đấy, quý vị sẽ ngồi xuống, tham Thiền, làm chuyện chi đó, tốt lắm! Chẳng thể vừa ăn xong liền làm ngay, không nên! Ăn xong, cũng chớ nên đi ngủ. Vì thế, phần tu tập, tụng niệm, nhiễu Phật có mười nguyện.

Cuối cùng...

(Sớ) Hữu tam nguyện.

(疏)有三願。

(Sớ: Có ba nguyện).

Khi ngủ, khi nghỉ ngơi; chư vị hãy suy ngẫm nội dung của phẩm kinh này, sẽ hiểu rõ cuộc sống trong một ngày của đệ tử Phật. Các vị hãy ngẫm xem, có phải là rất tương tự Đệ Tử Quy hay không? Đệ Tử Quy hoàn toàn là [những quy củ trong cuộc sống] của người tại gia, mục đích là làm một người tốt thật sự. Một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh nhằm dạy [chúng ta] làm một đệ tử tốt thật sự của đức Phật, là học trò ngoan của Phật, Bồ Tát. Vì thế nói “*giống*” tức là giống Bồ Tát, giống Phật. Nếu quý vị chẳng làm theo như vậy, sẽ chẳng đoạn nổi phiền não, cái tâm thanh tịnh của quý vị sẽ chẳng thể hiện tiền.

Năm nay, nhà nước sẽ tổ chức luận đàn Phật giáo thế giới tại Châu Sơn, chủ đề là “*xã hội hài hòa khởi đầu từ tâm*”, nêu ra ba câu “*tâm tịnh ắt cõi nước tịnh, tâm an ắt chúng sanh an, tâm bình ắt thiên hạ bình*”. Làm thế nào để tâm tịnh? Làm thế nào để tâm an? Làm thế nào để tâm bình? Phẩm Tịnh Hạnh là tài liệu dạy học tốt nhất. Thật sự thực hiện một trăm bốn mươi một điều này, mỗi ngày đều có thể làm được, ba mục tiêu ấy sẽ thành tựu viên mãn. Tâm tịnh, cõi nước tịnh. Tâm an, chúng sanh được bình an. Tâm bình, thiên hạ thái bình. Lời nói này có một tầng ý nghĩa sâu hơn nữa, tức là như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Chư vị nghĩ xem có đúng hay không? Nếu muốn thanh tịnh, nếu mong an toàn, nếu mong bình đẳng, sự hòa thuận ở ngay trong ấy. Người Hoa nói “*hòa bình*”, “*đối xử hòa thuận, đối đãi bình đẳng*”, đối xử hòa thuận là quả, bình đẳng là nhân. Đối với người ngoài mà bất bình đẳng, chắc chắn chẳng có hòa thuận!

Do vậy, đức Phật dạy các đệ tử, bất luận tại gia hay xuất gia, chẳng thể không học Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là quy phạm cho cuộc sống trong đoàn thể. Đệ tử Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia, quý vị không thể rời khỏi đoàn thể. Đoàn thể nói theo Phật pháp, sẽ là bốn người ở chung với nhau, phải hiểu Lục Hòa Kính. Nếu quý vị là một gia đình, hai vợ chồng cùng với hai đứa con sẽ là bốn người. Có thể tu Lục Hòa Kính, gia đình của quý vị là Tăng đoàn, rất tuyệt diệu! Tăng đoàn nhất định được chư Phật gia trì, chư Phật Như Lai hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, gia đình quý vị hạnh phúc, chẳng có bất cứ tai nạn gì, thật sự là “*gia hòa, vạn sự hưng*”.

Trong trình độ hiện tiền, phải biết học tập Kiến Hòa Đồng Giải như thế nào? Học Đệ Tử Quy, học Thập Thiện Nghiệp, học phẩm Tịnh Hạnh, kiến giải của chúng ta sẽ gần gũi, cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta sẽ gần gũi, chẳng nẩy sanh lăm nổi khác biệt! Đối với câu Kiến Hòa Đồng

Giải, người hiện thời nói là “*thành lập nhận thức chung*”. Đây là nhân tố cơ bản trong đối xử hòa thuận. Nếu cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta đối với hết thầy người, sự vật khác nhau, chắc chắn chẳng thể nói tới chuyện đối xử hòa thuận được, quý vị sẽ thường tranh luận. Vì thế, đây là điều kiện tiên quyết để đối xử hòa thuận, chúng ta có cách nhìn và cách nghĩ chung. Tức là phải tuân theo giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, giáo huấn của Phật, Bồ Tát, vấn đề này mới có thể giải quyết.

Thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu. Giới của người Hoa là Đệ Tử Quy, ai nấy đều vâng giữ Đệ Tử Quy, có lẽ nào gia đình ấy chẳng tốt đẹp? Vì thế, Thân Đồng Trụ, Khẩu Vô Tránh, người một nhà hòa khí, chẳng có tranh luận. Ý Đồng Duyệt, gia đình đầy ấp thơm thảo, tràn đầy yêu thương, đúng là một gia đình hạnh phúc. Điều cuối cùng là Lợi Hòa Đồng Quân, hưởng thụ cuộc sống vật chất và hưởng thụ tinh thần trong gia đình hoàn toàn như nhau, bình đẳng. Gia đình ai nấy đều là như vậy, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng hình thành như thế nào? Chẳng có gì khác! Ai nấy đều tu Lục Hòa Kính, ai nấy đều tu Thập Thiện Nghiệp, ai nấy đều tu phẩm Tịnh Hạnh. Mười một điều trong phần đầu của phẩm Tịnh Hạnh là tại gia, phần sau là xuất gia. Chúng ta có thể học tập, có thể hấp thụ cuộc sống tinh thần và những thứ tốt đẹp của người xuất gia, vận dụng vào phạm trù học tập của tại gia, thầy đều có thể hấp thụ. Chỉ là trên hình thức thì khác nhau, biểu hiện chẳng giống nhau, nhưng tinh thần là nhất trí; đây là giáo huấn của đức Phật.

Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học kinh văn. Trong phần kế tiếp, chữ “*Phật tử*” là [danh xưng do] Văn Thù Bồ Tát [dùng để] gọi ngài Trí Thủ, gọi Ngài là Phật tử. Trí Thủ đại diện cho mọi người chúng ta. Nói với Trí Thủ là nói với chúng ta, chúng ta mở quyển kinh ra, phải thẳng thừng gánh vác. Văn Thù Bồ Tát dạy ta, chẳng phải là dạy ai khác! Phật tử là ta, quý vị mới thật sự học được thứ này thứ nọ. Nếu quý vị nói “*Phật tử là Trí Thủ Bồ Tát, chẳng phải là ta, chẳng phải là nói với ta*”, vậy thì thứ gì quý vị cũng đều chẳng học được! A! Hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này!

---o0o---

Tập 1501

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống, xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một. Xem từ bài kệ tụng thứ nhất.

(Kinh) Phật tử! Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh Không, miễn kỳ bức bách.

(經)佛子。菩薩在家。當願眾生。知家性空。免其逼迫。

(Kinh: Nay Phật tử! Bồ Tát ở nhà, nguyện cho chúng sanh, biết nhà tánh Không, khỏi bị bức bách).

Trong một trăm bốn mươi một bài kệ ấy, mỗi bài là một đại nguyện. Mười một bài đầu nói về người học Phật tại gia. Các đồng học tại gia học Phật chiếm tuyệt đối đại đa số. Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, đối tượng giáo hóa chủ yếu là tại gia Bồ Tát. Số lượng xuất gia Bồ Tát ít ỏi. Đó là “*tục Phật huệ mạng*” (nối tiếp huệ mạng của Phật), truyền thừa Phật pháp trải các đời phải cậy vào họ. Vì thế, họ là khuôn mẫu cho trời, người; đúng là “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Họ có thân phận là thầy, hàng tại gia Bồ Tát đều là học trò. Chúng ta có thể nhìn theo kiểu này: Xuất gia là người chuyên môn đảm nhiệm, họ có chức trách dạy học, suốt đời tiến hành công tác giáo dục. Tại gia Bồ Tát học tập tốt đẹp, có đức hạnh, có học vấn, cũng có thể kiêm nhiệm công tác hoằng pháp lợi sanh.

Thuở đức Phật tại thế, đã có một khuôn mẫu rất tốt về chuyện này: Cư sĩ Duy Ma là tại gia Bồ Tát, Ngài cũng là cổ Phật tái lai. Trên thực tế, hoằng truyền Phật pháp thì tại gia hay xuất gia chẳng khác gì nhau. Vì thế, hai vị Phật đồng thời xuất hiện trên thế gian. Thích Ca Thế Tôn là xuất gia Phật, cư sĩ Duy Ma là tại gia Phật. Phạm nhân trong thế gian chẳng hiểu rõ cho lắm, nhưng những người học Phật đều hiểu rất rõ ràng, đều hiểu rất minh bạch. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thuyết pháp, giáo học, các đồ đệ của Thích Ca Mâu Ni Phật như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, tôn giả Ca Diếp, A Nan v.v... mọi người rất quen thuộc những vị ấy. Các Ngài nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, giữ lễ tiết hoàn toàn giống như thấy Phật. Cũng là đánh lễ tam bái, nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, cung kính nghe thầy dạy học. Phật pháp là sư đạo; trong giáo học, thầy có địa vị cao nhất. Tuy Ngài (cư sĩ Duy Ma) mang thân phận tại gia cư sĩ, khi Ngài thăng tòa, chính là thay Phật thuyết pháp, chẳng khác đức Phật. Vì thế, những vị đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn, thân phận đều là đại A La Hán, thấy cư sĩ Duy Ma chẳng khác gì thấy đức Phật.

Phật pháp phải cầu từ cung kính. Căn bản của Phật pháp được kiến lập trên cơ sở hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Nhìn từ kệ tụng, bài thứ nhất là tổng thuyết: Tại gia phải

nên dùng tâm thái như thế nào để học tập. Câu thứ hai là *"hiếu sự phụ mẫu"* (phụng sự cha mẹ với lòng hiếu thảo). Hiếu đạo được xếp hàng đầu. Hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, chẳng khác gì nền giáo học truyền thống, giáo học luân lý đạo đức năm ngàn năm của Trung Hoa. Từ đoạn này, chúng ta đều có thể nhìn thấy [những điều ấy]. Trong Ngũ Luân, quan trọng nhất là *"phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt"* (cha con có tình thân, vợ chồng có trách nhiệm khác biệt). Vì thế, bài kệ thứ ba là *"thê tử tập hội"* (vợ con tụ hội). Nền giáo dục Ngũ Luân truyền thống của Trung Hoa hoàn toàn được bao gồm trong ấy.

Kinh này từ Ấn Độ truyền sang. Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ một ngàn năm, Phật giáo truyền đến Trung Hoa. Vào thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật và cổ thánh tiên hiền chưa hề gặp gỡ, cũng chẳng hề trao đổi tin tức, nhưng những gì các Ngài thấy, nghe, học tập, dạy bảo, nghiệm nhiên hoàn toàn tương đồng. Đấy chính là như ngạn ngữ Trung Hoa thường nói: *"Anh hùng sở kiến đại lược tương đồng"* (Nói chung, anh hùng có cách nhìn giống nhau), các Ngài hoàn toàn [có cách nhìn] giống nhau. *"Anh hùng"*, người nào là anh hùng? Có trí huệ và kiến thức vượt trội người bình phàm. Chuyện người bình phàm chẳng làm được, người ấy có thể làm được, người ấy được gọi là *"anh hùng"*. Thích Ca Mâu Ni Phật là anh hùng; vì thế, người đời sau dựng chùa miếu thờ phụng Thích Ca Mâu Ni Phật, chỗ [thờ phụng] tạc tượng Ngài được gọi là *"Đại Hùng bảo điện"* (大雄寶殿). Chư vị phải biết Đại Hùng chính là đại anh hùng. Gọi [chỗ thờ Phật] là *"điện báu của bậc đại anh hùng"* nhằm ca ngợi Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị thấy đại điện thờ phụng Khổng Tử ở Trung Hoa được gọi là Đại Thành Điện (大成殿), tức là điện đường cư trú của bậc có thành tựu to tát, [Đại Thành nghĩa là] đại thành tựu. *"Đại thành tựu"* có cùng ý nghĩa với *"đại anh hùng"*. Chúng ta phải hiểu, phải có thể lý giải những danh từ, thuật ngữ này.

Gia đình là cơ sở của tổ chức xã hội, là tổ chức cơ bản nhất. Đấy là gia đình. Nói theo người bình phàm, gia đình là chỗ *"tham ái hệ phược"* (tham ái buộc ràng) như kinh Phật đã dạy, hãy bồi dưỡng từ chỗ này. Đó là cái ổ. Ổ gì vậy? Cái ổ tham ái, là chỗ tham ái trói buộc! Nếu chẳng thấy thấu suốt, chẳng buông xuống được, đời đời kiếp kiếp quý vị chẳng lìa khỏi nhà! Nhưng chúng ta biết *"nhà"* là vô thường, chẳng phải là vĩnh hằng, mà là vô thường; cái tâm tham luyến vô thường hết sức kiên cố. Nói cách khác, đối với bất luận đường nào trong lục đạo, hễ quý vị khế nhập đường ấy, quan niệm đầu tiên sẽ là tìm một cái *"nhà"*. Vì thế, cái

nhà ấy là nhà hình thức, là vô thường, “*nhà*” trong A Lại Da Thức vĩnh viễn chẳng thể đoạn! Đấy chính là lý do vì sao con người đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi!

Do vậy, bài kệ thứ nhất trong phẩm Tịnh Hạnh dạy chúng ta phải thấy thấu suốt “*nhà*”. “*Thấy thấu suốt nhà*” chẳng phải là không cần đến nhà nữa! Vẫn cần, xét theo hình thức, thì luân lý đạo đức còn được thực hiện viên mãn hơn, thù thắng hơn kẻ bình phàm. Trong phẩm kinh này, câu đầu tiên Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta là “*Bồ Tát khéo dùng cái tâm*”, Ngài nói lời này hay quá! Khéo dùng cái tâm, sẽ có thể thành tựu hết thảy công đức “*thắng diệu*”. “*Thắng*” (勝) là thù thắng nhất. Gia đình thù thắng nhất, “*gia hòa, vạn sự hưng*”. Quý vị thấy thế giới này, thịnh hay suy nhìn từ chỗ nào? Từ gia đình, từ con người, mỗi cá nhân đều có thể khéo dùng cái tâm, mỗi gia đình đều là thù thắng. Thù thắng mà chẳng diệu, cho nên công đức của người ấy chẳng viên mãn. Nếu nói theo lời tổ sư Đạt Ma, sẽ là “*hoàn toàn chẳng có công đức*”. Đó là gì? Phước đức, chẳng phải là công đức. Có diệu, phước đức ấy sẽ chuyển biến thành công đức, mấu chốt ở ngay chỗ này! “*Diệu*” là gì? Diệu là tuy rất thù thắng, đã thấy thấu suốt, trong tâm chẳng có mảy may chấp trước đối với cái nhà ấy. Trên hình thức, còn thực hiện viên mãn hơn kẻ bình phàm. Trong tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó là Diệu! Diệu (妙) là chẳng chấp tướng. Nhìn từ chỗ này, quý vị mới hiểu pháp thế gian và Phật pháp là một pháp, chẳng phải là hai pháp.

Do vậy, trong thế giới Hoa Tạng, từ kinh Hoa Nghiêm, ta thấy thế giới Hoa Tạng, từ kinh Vô Lượng Thọ, sẽ thấy thế giới Cực Lạc, quý vị thấy loại y báo và chánh báo trang nghiêm ấy, nhân gian và cõi trời đều chẳng thể sánh bằng. Cổ nhân đã nói một câu rất hay: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, sẽ không biết sự phú quý trong nhà Phật*”. Nơi nhân gian hay trên cõi trời, kẻ phú quý trong nhân gian là đế vương! Sự phú quý của các đế vương trên khắp thế giới, nói chung là chẳng bằng [sự phú quý của các đế vương] Trung Hoa. Sáu trăm năm trước, vào những năm đầu khai quốc của nhà Minh, Trịnh Hòa đã xuống vùng Tây Dương bảy lần, đội thuyền của ông hết sức to lớn. Hiện thời, người phương Tây đã hiểu rõ, cũng nói lời xuất phát từ lương tâm: “Người phát hiện quả địa cầu này là người Hoa!” Trịnh Hòa và hạm đội đã đến nước Mỹ, đến Phi Châu, đến Úc, gần như mỗi nơi trên thế giới, người Hoa đều tới trước. Người ngoại quốc phát hiện những tân đại lục trễ hơn Trịnh Hòa và hạm đội hai, ba trăm năm. Người Hoa phát hiện toàn bộ thế giới. Vì thế, có khá nhiều vị lãnh đạo quốc gia được Trịnh Hòa mời đến Trung Hoa du lịch,

ngoạn cảnh. Họ thấy đại diện của đế vương Trung Hoa (hoàng cung) đều hết sức kinh ngạc. Không chỉ là ở ngoại quốc chẳng có, mà đúng là ngay cả nằm mộng cũng không tưởng tượng được, mới thấy sự phú quý của đế vương Trung Hoa [đến cỡ nào]!

Nhưng kinh Phật dạy, đế vương trong nhân gian nếu so sánh với Đạo Lợi Thiên, Đạo Lợi Thiên đáng xưng là vương, đế vương nhân gian sẽ biến thành lũ ăn mày! Đạo Lợi Thiên đem so với Đại Phạm Thiên, sẽ lại chẳng bằng. Đại Phạm Thiên so với Ma Hê Thủ La Thiên, lại là đuổi theo hít bụi chẳng kịp! Sự phú quý của Ma Hê Thủ La thiên vương đem so với Hoa Tạng, so với Cực Lạc, sẽ giống như trong kinh Phật đã tỷ dụ: Hoa Tạng, Cực Lạc là hoàng cung, Ma Hê Thủ La thiên vương là gã ăn mày! Làm sao có thể so sánh cho được! Vậy thì có cần phú quý hay không? Cần chứ! Phú quý do đâu mà có? Chính là quả báo của việc đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. Quả báo của tạo tác ác nghiệp là tam đồ địa ngục, chúng ta phải hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này. Ai nấy mong hưởng phước, ai nấy mong phú quý, phải biết thực hiện như thế nào? Đoạn ác, tu thiện. *“Chư ác mạc tác, tuế tuế bình an; chúng thiện phụng hành, vạn sự như ý”* (Đừng làm các điều ác, năm nào cũng bình an; vâng làm các điều thiện, mọi chuyện đều như ý), chẳng có điều gì không như ý! Nhân quả báo ứng là thật, là chân lý! Ngay cả *“vạn pháp đều là Không”* như Phật pháp đã dạy, nhân quả chẳng không!

Do vậy, tôi quy nạp nền giáo dục truyền thống của Trung Hoa thành bốn thứ:

1) Thứ nhất là giáo dục luân lý, dạy chúng ta về mối quan hệ giữa con người với nhau: Quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ anh em, quan hệ bạn bè, quan hệ vua tôi. Trong nhân gian, có thể nói là trong cõi người và trên cõi trời, quan hệ giữa chúng ta và hết thảy chúng sanh chẳng ngoài năm loại lớn ấy. Phải hiểu rõ quan hệ, phải biết đối xử như thế nào, phước đức ở ngay trong ấy. Vì thế, giáo dục là dạy những thứ này, chẳng phải là điều gì khác.

2) Thứ hai là giáo dục đạo đức. Giáo dục đạo đức chú trọng cách đối xử trong các mối quan hệ khác nhau như thế nào, giữa con người với nhau, giữa con người và thiên nhiên, giữa con người với các chiều không gian khác nhau. Phật pháp gọi [các chiều không gian khác nhau] là *“mười pháp giới”*. Chúng ta cư xử như thế nào để những mối quan hệ ấy được tốt đẹp. Đây chính là giáo dục đạo đức.

3) Thứ ba là giáo dục nhân quả, vô cùng quan trọng!

4) Thứ tư chính là cái được gọi là “*giáo dục tôn giáo*” trong hiện thời. Giáo dục tôn giáo thiên trọng xuất thế gian. Xuất thế và thế gian là một, chẳng hai. Đó gọi là “*xuất thế thật sự*”. “*Cực cao minh nhi đạo trung dung*” (Tốt bậc cao minh, nhưng theo đường lối trung dung), chúng ta chớ nên không hiểu.

Vì thế, bốn loại giáo dục ấy chính là nội dung của nền giáo dục truyền thống Trung Hoa. Dùng phương pháp gì, thực hiện như thế nào, để có thể khôi phục sự an định và hòa bình trong xã hội, hóa giải hết thảy xung đột, mâu thuẫn? Phải cậy vào giáo dục. Là khỏi giáo dục, [nhờ vào] những thứ khác, sẽ chẳng thể thực hiện được! Vì thế, từ năm ngàn năm kinh nghiệm của Trung Hoa, luôn nói là “*tu thân vi bản, giáo học vi tiên*” (tu thân làm gốc, giáo học làm đầu).

Ông Thang Ân Tử (A. Toynbee) của nước Anh đã có viễn kiến, có trí huệ, cho rằng: “*Để giải quyết những vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp*”. Chuyện này tuyệt đối chẳng phải là người Hoa tự mình khoe khoang. Chẳng phải vậy, mà là do người ngoại quốc nói, hết sức khách quan! Văn hóa chẳng có quốc tịch. Văn hóa là tài sản trí huệ chung của toàn thể nhân loại, bất cứ ai [cũng đều] có thể học tập, sẽ có thể khế nhập cảnh giới thù thắng nhiệm màu. Cảnh giới thù thắng nhiệm màu là như trước kia tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: “*Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Vì thế, thầy dạy tôi, người ta không thể một ngày chẳng đọc sách thánh hiền. Đọc sách thánh hiền mới là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Sự hưởng thụ ấy chẳng liên quan gì đến cuộc sống vật chất. Từ sách vở, chúng ta thấy cuộc sống vật chất của Khổng lão phu tử chẳng giàu có, dư dả. Nói theo kiểu hiện thời, phu tử thuộc loại trung lưu hạng xoàng, có thể sống qua ngày, chẳng giàu có, dư dả. Trong các học trò, cuộc sống nghèo khổ nhất là Nhan Hồi. Kinh Thư đã chép: “*Nhất đan thực, nhất biều ẩm, cư lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu*” (Một giỏ cơm, một cái bầu đựng nước uống, sống trong ngõ nghèo cùng, người khác chẳng thể chịu đựng nổi vất vả ấy). Những kẻ bình phàm sẽ cảm thấy chịu không nổi cuộc sống ấy, quá khổ sở! “*Hồi dã bất cải kỳ lạc*” (Nhan Hồi cũng chẳng thay đổi niềm vui ấy). Khổng phu tử thấy Nhan Hồi hằng ngày luôn hết sức vui sướng, ông ta vui vì điều gì? Cuộc sống tinh thần phong phú đã khóa lấp [những nỗi nhọc nhằn trong] cuộc sống vật chất. Do vậy, nói thật ra, cuộc sống vật chất chẳng cần phải coi trọng, phải coi trọng cuộc sống tinh thần. Đây là kẻ đọc sách hiểu lý vậy!

Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự là khó có. Ngài đã đạt được phú quý, đáng nên hưởng thụ. Thích Ca Mâu Ni Phật đã đạt được [vinh hoa, phú quý], Khổng Tử và Nhan Hôi chẳng đạt được. Thích Ca Mâu Ni Phật đã đạt được; đã đạt được rồi thế mà Ngài buông xả, sống cuộc đời như thế nào? Sống cuộc đời của Nhan Hôi, còn khổ hơn Khổng lão phu tử! Lại phải nói là so với Nhan Hôi, chỉ có [khổ nhọc] hơn, chẳng hề kém! Nhan Hôi còn có cái ngõ nghèo hèn để ở, Thích Ca Mâu Ni Phật nghỉ đêm dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, hằng ngày ra ngoài khát thực, buổi tối tìm một cội cây to, ngồi xếp bằng tĩnh tọa nghỉ ngơi đôi chút. Suốt đời Ngài sống như vậy.

Những người theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập được gọi là tỳ-kheo. Tỳ-kheo (Bhikṣu) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khất Sĩ. Khất (乞) là người ăn xin, Sĩ (士) là có đạo đức, có học vấn. Nhóm người ăn xin ấy có đạo đức, có học vấn. Họ có [của cải, địa vị, danh vọng], nhưng đã buông xả, chuyện này quá khó có, đã ban cho chúng ta một khả thi rất to lớn. Vì sao các Ngài phải làm như vậy? Làm như vậy có ý nghĩa gì? Thừa cùng chư vị, kẻ bình phàm chẳng biết trong ấy có niềm vui thú, có sự sung sướng. Thật sự là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng ở nơi vật chất, mà là gì? Chính là chẳng có phiền não! Hễ có nhà, sẽ có phiền não! Nhất là trong xã hội hiện thời, quý vị có một cái nhà, quý vị sẽ có rất nhiều nỗi phiền não! Xuất gia là thật sự xuất gia hay giả xuất gia? Giả trất, chẳng thật! Ra khỏi cái nhà nhỏ của quý vị, bèn dựng một ngôi chùa to! Cái nhà nhỏ của quý vị chỉ có cha, mẹ, anh em mấy người; dựng một ngôi chùa to là tạo ra rất nhiều tín đồ, đồ đệ, mấy chục người, mấy trăm người cùng sống với nhau, càng mệt hơn! Chẳng hề xuất gia! [Chỉ là] ra khỏi một cái nhà nhỏ, để đổi lấy một cái nhà to, vẫn là chuyện khổ sở! Thật sự xuất gia thì phải như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Đó là thật sự xuất gia.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, các vị tổ sư đại đức cũng sống trong tự viện tùng lâm, các Ngài làm như thế nào? Các Ngài xác thực là khéo dùng cái tâm, công đức thù thắng, nhiệm màu, chẳng giống như chúng ta trong hiện thời. Đây là do đại hoàn cảnh tại Trung Hoa và Ấn Độ khác nhau! Trung Hoa có giáo huấn *"hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy"*. Hơn nữa, từ niên đại xa xôi, [luôn luôn là] tôn sư trọng đạo! Đức Phật là thầy của chúng ta, làm sao có thể để cho thầy đi xin ăn? Nếu thầy làm kẻ ăn xin, học trò cũng đứng ngồi không yên, đáng ngại quá! Xã hội cũng chửi bới, phê bình họ! Vì thế, nhất định phải xây cất cung điện cho thầy ở! Hoàng đế ở trong cung điện, hoàng đế là học trò! Học trò sống

trong cung điện, nói chung là chẳng thể để thầy ở trong nhà cửa xoàng xĩnh, tâm hoang để bất an. Vì thế, tự, miếu am, đường, đều phải xây cất theo kiểu kiến trúc của hoàng cung. Chư vị phải biết kiến trúc của hoàng đế là trên nóc lợp ngói màu vàng, chỉ có nhà đế vương mới dùng, dân gian chẳng được dùng! Chùa miếu đều dùng ngói vàng. Điều này biểu lộ lòng hiếu kính của đệ tử đối với thầy. Những vị xuất gia ở nơi ấy, tâm thái chẳng giống như chúng ta trong hiện thời. Đạo tràng là do quốc gia xây dựng, là do các vị trưởng giả đại phú dựng lên, là đạo tràng thập phương, tuyệt đối chẳng phải là sản nghiệp riêng tư của người xuất gia nào. Chẳng phải vậy! Giống như khách sạn trong hiện thời, phải hiểu đạo lý này.

Tuy hoàn cảnh cư trụ rất tốt, quyết định chẳng có tâm tham luyến. Thật sự thấy thấu suốt, buông xuống, vẫn là có thể tuân thủ giới luật do Thích Ca Mâu Ni Phật chế định cho người xuất gia. Người xuất gia chẳng có tài sản, vẫn là “ba y, một bát” y như cũ. Vì thế, người xuất gia đến quái đơn trong tự viện, hành lý rất đơn giản, ba y một bát. Khí hậu Trung Hoa khác Ấn Độ. Ấn Độ là xứ nhiệt đới, đúng là ba y một bát đã đủ. Người Hoa còn phải có quần áo giữ ấm lúc Xuân, Thu. Trong hoàn cảnh ấy, giới luật thông dung, có cho phép, đó gọi là “*khai duyên*”. Bởi lẽ, những thứ quần áo giữ ấm chẳng thể không có. Nói thật ra, hành lý vẫn rất đơn giản, chẳng hề dư thừa, đủ dùng là được rồi. Quyết định chẳng coi tự viện là tài sản của chính mình, chẳng có quan niệm ấy. Nếu coi nó là tài sản của chính mình, coi các đồ đệ là quyến thuộc của chính mình, người [xuất gia] ấy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, hỏng bét! Phải nên như thế nào? Phải nên giống như mười một bài kệ trong phần đầu của phẩm kinh này đã nói! Những người ấy đều có gia quyến, giống như hiện thời chúng ta có tự, viện, am, đường, chẳng chấp trước. Tại gia hay xuất gia, hễ là Bồ Tát, là người tu hành thật sự, hoàn toàn chẳng vứt bỏ gia nghiệp, tâm địa chẳng nhiễm. Công phu ấy thuần thực; nói thật ra, còn cao hơn cảnh giới của người xuất gia.

Chúng ta mở kinh Vô Lượng Thọ ra. Phần đầu, kinh văn giới thiệu những vị Thượng Thủ của đại chúng tham dự pháp hội. Trước hết là giới thiệu chúng tỳ-kheo, rồi đến Bồ Tát chúng. Trong hàng Bồ Tát, sau khi giới thiệu mấy vị như Văn Thù Bồ Tát, tiếp đó, lại giới thiệu mười sáu vị Chánh Sĩ như ngài Hiền Hộ. Mười sáu vị Bồ Tát ấy chính là hàng tại gia Bồ Tát. Quý vị thấy tại gia Bồ Tát có đến mười sáu vị, xuất gia Bồ Tát chỉ nhắc đến bốn vị. Những vị tại gia Bồ Tát toàn là thân phận Đẳng Giác Bồ Tát. Các Ngài có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế

Chí. Thành tựu của hàng tại gia, ngài Duy Ma là tại gia Phật, bình đẳng với Thích Ca Mâu Ni Phật, là Phật quả viên mãn rất ráo. Đây là Đại Thừa Phật pháp, là Nhất Thừa Phật pháp, khích lệ các đồng học tại gia chớ nên tự khinh, chớ nên tự mình cam lòng đọa lạc. [Hễ cam lòng đọa lạc là] sai mất rồi! Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa to lớn trong Phật pháp, liễu giải trạng huống sự thật.

Trong Phật pháp, có nói *“Thật Tướng của các pháp”*, hãy biết nghi thức ứng hóa chúng sanh của Phật, Bồ Tát: *“Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân phận như thế ấy để giúp đỡ, giáo hóa chúng sanh”*. Giáo hóa là dạy những gì? Nói chung, sẽ là giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui. Như vậy thì quý vị mới biết niềm vui của Phật, Bồ Tát là gì? Niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hồi là gì? Quý vị có thể lãnh hội. Thật sự là như ba câu đầu trong Luận Ngữ, đó là cảnh giới của bậc thánh nhân. *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Sự vui sướng bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, chẳng có niềm vui nào sánh bằng, chính là đọc sách. Chẳng nhập cảnh giới ấy, sẽ không biết! Họ làm sao hiểu được? Đã khổ nhập cảnh giới ấy thì mới biết được. *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”*. *“Duyệt”* là hỷ duyệt, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Sự hỷ duyệt ấy chẳng từ sự kích thích bên ngoài, mà do từ trong nội tâm phát ra, giống như nước suối, tức *“dũng tuyến”*, vĩnh hằng chẳng ngừng! Sự hỷ duyệt chính là sự bổ dưỡng tốt nhất đối với thân thể của chúng ta. Ngạn ngữ có câu: *“Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng”* (Người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái). Người vui sướng, toàn thân [đều cảm thấy] vui sướng. Hiện thời, tiến sĩ Giang Bốn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước và đã chứng minh được điều này. Chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ. Khi người ta đang vui sướng, phản ứng nơi tế bào trên toàn thân là kết tinh đẹp đẽ nhất, chẳng thứ gì có thể sánh bằng. Tiến sĩ Giang Bốn Thắng kể với tôi chuyện này. Ông ta đã làm thí nghiệm mấy chục vạn lần trong mười năm. Bất cứ thiện niệm nào, cũng chẳng thể sánh bằng hai ý niệm “yêu thương” và “cảm ơn” đối với phản ứng kết tinh của nước. Ông ta nói hai ý niệm ấy có thể là cốt lõi của vũ trụ, tôi bảo ông ta nói chẳng sai! Cốt lõi của vũ trụ xác thực là “yêu thương”.

Từ năm ngàn năm trước, quý vị đã thấy [cổ nhân] phát hiện, nhận biết Ngũ Luân, họ cũng nghiêm túc học tập, thực hiện. *“Cha con có tình thân”*, thân ái đấy! Nói theo Phật pháp, sẽ là đại từ đại bi. Từ bi trọn khắp pháp giới, đấy là chân tâm. Chân tâm, nói theo giáo pháp Đại Thừa, sẽ là

Bồ Đề tâm, chân thành. Chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi, bình đẳng từ bi, chánh giác từ bi. Lòng từ bi ấy trọn khắp hư không pháp giới, trọn khắp hết thấy chúng sanh. Đấy là ai? Là con người thật sự của chính mình, được gọi là tự tánh, hay bản tánh. Tam Tạng Kinh là sách dạy trẻ vỡ lòng, câu đầu tiên là *“nhân chi sơ, tánh bốn thiện”* (con người thoạt đầu, tánh vốn lành). Lòng từ bi, yêu thương chính là bốn thiện, bản tánh vốn lành, ai nấy đều là như vậy. Quý vị thấy vũ trụ hài hòa như thế đó, chúng sanh đáng yêu như thế đó, nay vì sao biến thành nông nổi này? Đức Phật dạy, [nguyên nhân là] do chúng sanh mê mất tự tánh. Mê như thế nào? Hễ mê, bèn biến Ái thành tình, biến thành tham, sân, si, mạn, nghi, biến thành mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, biến thành thất tình ngũ dục, biến chất. Cái Thể thì sao? Thể vẫn là nó. Vì thế, vô lượng vô biên phiền não, thất tình, ngũ dục, bản chất của chúng là bản tánh vốn lành.

Đối với sự giáo dục ấy, mục tiêu giáo dục chung cực của Phật giáo là ở chỗ nào? Nhằm dạy chúng ta hãy từ những tập tánh, tập khí phiền não ấy mà quay trở lại, trở về bản tánh. Đấy là mục tiêu chung cực của giáo dục. Nho gia nói *“tánh con người vốn lành”*, *“nhân chi sơ, tánh bốn thiện”*, Phật pháp nói là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bốn Thiện là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Giác bèn vui sướng, mê liền hồ đồ, có khổ. Giác là lạc. Vì thế, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui; khổ và lạc là nói theo quả. Lìa khổ như thế nào? Phải giác ngộ, phải phá mê. Nếu quý vị muốn đạt được lạc, phải giác ngộ, phải khai ngộ. Hễ phá mê khai ngộ, quý vị sẽ lìa khổ được vui. Thật sự phá mê khai ngộ; sau đấy, mới nói với quý vị một câu thật thà, *“tâm tương sự thành”*. Ý niệm vừa mới dấy lên, toàn thể vũ trụ sẽ nẩy sanh biến hóa theo ý niệm của quý vị, giống như tiến sĩ Giang Bốn Thắng đã làm thí nghiệm với nước vậy: Chúng ta khởi tâm động niệm, nước lập tức nẩy sanh biến hóa. Ý niệm thiện, ý niệm bất thiện, trong tâm hoan hỷ, hoặc trong tâm ưu lự, thấy đều có phản ứng. Đáng tiếc là nhục nhãn của chúng ta chẳng trông thấy sự phản ứng ấy, phải dùng kính hiển vi, trông thấy từ kính hiển vi.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sẽ hiểu phản ứng mật thiết nhất đối với tâm tình của chúng ta là gì? Chính là mỗi tế bào trên thân thể chúng ta; chúng tùy thuận sự mừng, giận, buồn, vui của chúng ta mà nẩy sanh phản ứng. Vì thế, người thường sanh tâm hoan hỷ, thân thể khỏe mạnh. Người thường sầu khổ, sẽ rất dễ suy lão, mà cũng lắm bệnh. Già, bệnh do từ ưu lự sanh ra. *“Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng”* (Người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái), chánh xác, chẳng sai chạy tí nào! *“Ưu năng sử*

nhân lão” (Lo âu khiến cho con người già nua). Người lẩm nổi ưu lự, sẽ lão hóa rất nhanh, do nguyên nhân nào? Vì ý niệm ấy khiến cho các tế bào trên toàn thân, khí quan trên toàn thân đều nảy sinh phản ứng. Chuyện này chứng tỏ lời đức Phật đã dạy trong kinh: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*; điều này chẳng sai!

Vì thế, chẳng thể không cần nhà, chẳng thể không yêu thương. Quý vị cần, yêu thương, nhưng chớ nên chấp trước. Đó gọi là công phu, đó gọi là giác hay mê. Người giác chỉ có lạc, chẳng có khổ, chỉ có những điều chánh đáng, chẳng có phản diện. Đấy mới gọi là *“chân lạc”*. Phàm phu thì có sự vui sướng thù thắng nơi gia đình. Họ có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước; do vậy, niềm vui thuần chánh, thuần tịnh, thuần thiện bị biến chất. Sự biến chất ấy chắc chắn là lạc ít, khổ nhiều. Quý vị thường bận lòng, thường lo nghĩ, nay chúng ta nói là *“bận tâm quá nhiều chuyện”*, sai lầm mất rồi! Vì thế, nếu quý vị thật sự tham cứu thấu triệt đạo lý này, [sẽ hiểu] mục tiêu chung cực của Phật pháp là nhằm thành tựu ai? Thành tựu hàng tại gia Bồ Tát!

Xuất gia Bồ Tát là sơ học, là đang học tập; tại gia Bồ Tát là đã thành công. Cũng giống như nói xuất gia Bồ Tát là còn đang theo học trong nhà trường, chưa tốt nghiệp; tại gia Bồ Tát đã tốt nghiệp, họ tạo lập sự nghiệp trong xã hội. Quý vị thấy hàng xuất gia Bồ Tát dần dần chứng đắc A La Hán, giống như nắm được học vị Học Sĩ (Cử Nhân). Đạt đến Bồ Tát, thì giống như giành được Thạc Sĩ, thành Phật giống như giành được mảnh bằng Tiến Sĩ. Sau khi đã nắm được, sẽ như thế nào? Vì đại chúng trong xã hội mà phục vụ. Vì đại chúng trong xã hội phục vụ chính là *“chúng sanh vô biên thế nguyện độ”*. Dùng phương pháp gì? *“Độ”* (度) là phục vụ. Phục vụ bằng phương pháp gì, bằng hình thức gì? Chẳng có phương pháp nhất định, chẳng có hình thức nhất định. Đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. Từ ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị liền hiểu rõ. Vì thế, trình độ của tại gia Bồ Tát cao hơn xuất gia quá nhiều! Ai hiểu đạo lý này? Vì thế, các đồng học tại gia đừng coi thường chính mình, đương nhiên là cũng chớ nên ngạo mạn. Ngạo mạn là đại phiền não, là chướng ngại trọng đại. Hãy khéo nêu gương tại gia học Phật, quý vị là Bồ Tát thật sự!

Người nhà, quyến thuộc, cha con, anh em có duyên phận thân thiết nhất, gần gũi nhất. Nói cách khác, đấy là những người ưu tiên được độ trước nhất. Quý vị phải dạy họ như thế nào? Ở ngay trong thế gian mà xuất thế gian, đấy là Phật pháp viên mãn rất ráo, là mục tiêu chung cực của Phật pháp, mới có thể nói là *“phổ độ chúng sanh”*. Nhưng không trái

qua sự tu học giống như xuất gia, mà mong thật sự thực hiện một gia đình Bồ Tát, vẫn là một câu quen thuộc “*chẳng có lẽ ấy!*” Chư vị thấy Nam Truyền Phật Giáo, giống như Thái Lan là xứ tôi đã đến thăm, ai nấy, kể cả quốc vương và vương tử, tối thiểu là trong đời cũng phải xuất gia ba tháng! Kể bình phàm, thời gian [xuất gia] càng dài hơn, có thể hoàn tục bất cứ lúc nào, có thể xuất gia bất cứ lúc nào! Xuất gia để tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật và Bồ Tát. Phật và Bồ Tát có nghĩa là gì? Phật là thánh nhân, Bồ Tát là hiền nhân. Tiếp nhận sự giáo dục của Phật và Bồ Tát chính là tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền. Nay chúng ta nói tới chuyện tiếp nhận nền giáo dục thánh hiền, mọi người đã nghe rất quen tai, chẳng hoài nghi chút nào. Nghe nói “*tiếp nhận sự giáo dục của Phật, Bồ Tát*” sẽ chẳng hiểu, ngỡ đó là chuyện mê tín. Phật, Bồ Tát là tiếng Ấn Độ, “*thánh hiền*” là tiếng Hán, có cùng một ý nghĩa. Tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền! Tại gia sống cuộc đời thánh hiền, [đời sống của] tại gia sẽ viên mãn.

Giáo dục thánh hiền và phú quý, bần tiện chẳng liên quan với nhau. Chẳng phải là giáo dục thánh hiền [sẽ dẫn đến] đại phú, đại quý; [nếu hiểu như vậy], quý vị đã sai mất rồi, hoàn toàn lầm mất rồi! Phú quý và bần tiện là nhân quả. Nếu giáo dục thánh hiền là đại phú, đại quý, vậy thì Khổng Tử và Nhan Hồi lẽ ra phải phú quý. Đây là những bậc thánh nhân! Thánh nhân cũng có vị rất túng quẫn, phải biết điều này. Do nghèo, giàu, sang, hèn là mạng, trong mạng của quý vị chẳng có, quý vị đến đâu để cầu? Có cầu, cũng chẳng cầu được! Vì thế, Phu Tử nói: “*Nếu phú quý có thể cầu, ta cầm roi ngựa cho kẻ khác, chẵn ngựa cho kẻ khác, ta cũng bằng lòng*”. Nếu chẳng cầu được, cần gì cứ phải [truy cầu khổ khổ]! Chẳng cần chầu chực kẻ khác như vậy, chẳng cầu được! Bởi lẽ, điều này [phải là] trong mạng có, [thì mới hòng cầu được]. “*Trong mạng có*” là như thế nào? Trong đời quá khứ đã tu cái nhân, cái nhân của sự phú quý là bố thí. Do tài bố thí, đạt được của cải, quý vị phát tài to. Do pháp bố thí, được thông minh, trí huệ. Do vô úy bố thí, được khỏe mạnh, sống lâu. Trong hiện thời, những kẻ làm quan, làm đế vương, làm Tổng Thống, làm bộ trưởng, làm tỉnh trưởng, làm huyện thị trưởng, tức là những kẻ lãnh đạo, đều là quả báo đạt được do đã thực hiện chuyện hộ pháp hoặc hoằng pháp trong Phật môn. Quả báo ấy thù thắng khôn sánh. Tuy “*thắng*”, chẳng diệu! Vì họ chấp tướng, chẳng lìa tướng. Nếu lìa tướng, họ sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, thành A La Hán. Chẳng lìa tướng, quả báo của họ là phước báo nhân thiên. Chuyện là như thế đó, học Phật chớ nên không biết [chuyện này]. Nay thời gian đã hết rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp bài kệ thứ nhất.

(Kinh) Phật tử! Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh Không, miễn kỳ bức bách.

(經)佛子。菩薩在家。當願眾生。知家性空。免其逼迫。

(Kinh: Nay Phật tử! Bồ Tát tại gia, hãy nguyện chúng sanh, biết nhà tánh Không, thoát khỏi bức bách).

Trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã bảo:

(Sớ) Kim sơ tại gia hữu thập nhất nguyện, sơ nhất.

(疏)今初在家有十一願，初一。

(Sớ: Nay trước hết, hàng tại gia có mười một nguyện, điều đầu tiên).

Tức là bài kệ thứ nhất.

(Sớ) Tổng cử tại gia, dĩ gia thị tham ái hệ phược sở cố. Nhược liễu tánh Không, tắc tuy xử cư gia, gia bất năng bách.

(疏)總舉在家，以家是貪愛繫縛所故。若了性空，則雖處居家，家不能迫。

(Sớ: Nêu chung về tại gia. Bởi nhà chính là chỗ trói buộc bởi tham ái. Nếu hiểu rõ tánh [của nhà] là Không, tuy ở tại nhà, nhà chẳng thể bức bách [hành nhân]).

Tuy chú giải không nhiều, đã nêu rõ ý nghĩa. Học Phật thì các đồng học tại gia vẫn chiếm đa số, hãy nên học tập như thế nào? Nói thật ra, hiện thời, xuất gia và tại gia chẳng có gì phân biệt! Vì sao? Cái tâm thật sự xuất gia chẳng tồn tại! Trong phần trước, tôi đã thừa bày cùng chư vị, có bốn loại “gia”. Đến đoạn sau nói về “xuất gia”, chúng tôi sẽ lại thừa trình cặn kẽ cùng quý vị, có điền Trạch gia, có phiền não gia, có tam giới gia, có vô minh gia. Tại gia có trọn đủ bốn loại “gia” ấy! Nói cách khác, quý vị có tài sản vật chất, gia nghiệp, và gia sản. Đương nhiên là trong gia đình, phiền não cũng nhiều! Ngạn ngữ thường nói: “*Gia gia hữu bốn nan niệm đích kinh*” (Nhà nào cũng có một quyển kinh vốn khó đọc). Chuyện này là sự thật; do vậy, khổ sở và phiền lụy vì nhà! Bồ Tát và phàm phu khác nhau, phàm phu mê chứ bất giác, vọng niệm và tà niệm rất nhiều! Tà chứ chẳng chánh, tập khí phiền não rất nặng. Đây là nhiễm ô, nhiễm

chứ không tịnh. Bồ Tát giác ngộ, hoàn toàn tương phản với phàm phu. Bồ Tát giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Gia đình Bồ Tát là gia đình khuôn mẫu cho thế gian.

“*Thế gian*” có phạm vi rất lớn. “*Thế*” (世) là nói về thời gian; tam thế, có quá khứ, hiện tại, tương lai. “*Gian*” (間) là nói về không gian. Do vậy, “*thế gian*” và “*thế giới*” có ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Nói theo khoa học hiện thời, thời gian và không gian, [hay còn gọi tắt là] Thời Không. Phạm vi của thời gian và không gian quá lớn! Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung (quá khứ không có khởi đầu, tương lai chẳng có kết thúc), đây là nói về thời gian. Đối với không gian, nay chúng ta nói là “*vũ trụ*”, chẳng có ngăn mé! Phật pháp quen nói là “*thập phương tam thế*”. Chư vị nên hiểu: Trong “*thập phương tam thế*” có bao nhiêu thế giới, nói theo danh từ khoa học hiện thời, [sẽ là] có bao nhiêu tinh hệ (galaxy). Đại tinh hệ, hiện thời thường gọi là “*đại tinh hệ*”. Hiện thời, Ngân Hà (hệ Ngân Hà) được gọi là “*đại tinh hệ*”. Còn có những đại tinh hệ lớn hơn nữa do vô số hệ Ngân Hà hợp thành hay chẳng? Khoa học vẫn chưa phát hiện, trong kinh Phật đã có [đề cập]. Trong kinh Phật có đại thế giới, do các hệ Ngân Hà làm cơ sở để hợp thành. Hãy còn có thế giới lớn hơn nữa! Chúng ta đã đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu trong những phần trước, thế giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm so với những phát hiện và hiểu biết trong khoa học hiện thời, chẳng biết lớn hơn bao nhiêu lần, rộng sâu chẳng có ngăn mé! Thế giới và thế gian như thường nói đều được gồm trọn trong ấy!

Ở trong ấy, có bao nhiêu chúng sanh? Chúng ta chỉ có thể dùng [các từ ngữ] “*vô lượng, vô biên*” và “*vô số, vô tận*” để hình dung. Tâm lượng Bồ Tát “*đương nguyện chúng sanh*”, nguyện cho tất cả chúng sanh trong hết thảy các thế giới trọn khắp pháp giới hư không giới. Tâm lượng ấy to rộng, chúng ta phải học tập. Một trăm bốn mươi một nguyện, câu thứ hai trong mỗi nguyện đều là “*đương nguyện chúng sanh*”, đều là tâm lượng to ngàn ấy. Vì vậy, nói thông thường, đọc kinh Hoa Nghiêm thì mức thu hoạch thấp nhất sẽ là tâm lượng to hơn một chút. Có thể to hơn một chút, chứ [thật sự] đạt đến mức độ ấy (mức độ tận hư không khắp pháp giới) rất khó! Nếu thật sự đạt đến mức độ ấy, quý vị sẽ chẳng phải là phàm phu, mà tối thiểu là Pháp Thân Bồ Tát. Quý vị là Phần Chúng Túc Phật.

“*Tri gia tánh Không*”, câu này trọng yếu nhất! “*Gia*” là một vài chúng sanh hữu duyên với chúng ta. Cũng phải nói rõ cùng quý vị về chúng sanh. Hai chữ “*chúng sanh*” xét theo nghĩa gốc, [sẽ là] hiện tượng

được sanh khởi do các duyên hòa hợp, bèn gọi là “*chúng sanh*”. Chúng ta hãy ngẫm xem, có pháp nào trong thế gian chẳng phải là chúng sanh? Động vật là do các duyên hòa hợp mà sanh, sanh ra hiện tượng như thế ấy. Thực vật cũng là do các duyên hòa hợp mà sanh. Khoáng vật, núi, sông, đại địa, vẫn là do các duyên hòa hợp mà sanh. Bất cứ hiện tượng nào trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, ngay như chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, cái thân do các Ngài đã hiện cũng là do các duyên hòa hợp mà sanh. Danh tướng và ý nghĩa được bao hàm trong [từ ngữ] “*chúng sanh*” quá sâu, quá rộng, sâu rộng chẳng có ngần mé!

Trong quan niệm của người bình phàm hiện thời, hễ thấy chữ “*chúng sanh*”, luôn nghĩ đến rất nhiều người. Thật ra, đấy chẳng phải là nghĩa gốc của “*chúng sanh*”. Nghĩa gốc của “*chúng sanh*” là “*hiện tượng được sanh khởi do tất cả hết thảy các duyên hòa hợp*”. Đương nhiên là chúng ta đọc kinh, phải xem phần kinh văn trước và sau đó! Câu “*đương nguyện chúng sanh*” trong văn tự ở đây đã bao hàm cảnh giới rất sâu. Nó bao gồm động vật, thực vật, và khoáng vật. Vì sao nói [từ ngữ “*chúng sanh*”] bao quát nhiều đến thế? Động vật chẳng cần phải nói; hết thảy các chúng sanh đều có nhà. Thực vật thì như cây cối, hoa cỏ, tôi tin là chư vị đã từng nghe nói có thần cây, thần thảo mộc, cũng là do các duyên hòa hợp mà sanh ra những thứ ấy. Đối với khoáng vật, quý vị thấy có thần núi, thần biển (biển cả có hải thần), sông ngòi có thần sông, có Hà Bá. Đào một cái giếng, trong giếng cũng có thần. Khoáng vật cũng được bao gồm [trong từ ngữ “*chúng sanh*”]. Đông đảo các chúng sanh như vậy đều chưa khai ngộ. Chỉ cần chưa khai ngộ, họ sẽ tìm một “*gia*”, họ đều có gia tộc! Thần cây có gia tộc, thần thảo mộc cũng có gia tộc của họ. Súc sanh lại càng chẳng cần phải nói nữa! Kiến có gia tộc của kiến, ong mật có gia tộc của ong mật, cọp có gia tộc của nó. Mỗi động vật đều có ổ của nó, phạm vi to ngàn ấy! Không chỉ là mong mỗi gia tộc của loài người giác ngộ, [mà còn mong mỗi] gia tộc của súc sanh cũng giác ngộ, gia tộc của quỷ thần cũng sẽ giác ngộ, gia tộc của thiên thần cũng sẽ giác ngộ. Chúng sanh trong chín pháp giới thảy đều giác ngộ, đều sẽ “*tri gia tánh Không*”. Người “*biết tánh của nhà là Không*” chính là Bồ Tát.

Có cần “*gia*” hay không? Cần chứ! Cuộc sống trong gia đình hết sức tốt đẹp. Vì sao? Người một nhà là quyến thuộc Bồ Tát, là gia đình Bồ Tát. Ngũ luân bát đức như đã nói trong nền giáo học truyền thống chính là giáo dục nhân quả và tôn giáo. Mỗi cá nhân đều đạt tới viên mãn, đấy là gia đình Bồ Tát. Chỉ cần trong ấy có một vị Bồ Tát, vị ấy sẽ biết cách dạy

bảo người nhà. *“Tu thân vi bốn, giáo học vi tiên”* (Tu thân làm gốc, giáo học làm đầu). Giáo học thì dạy từ nơi đâu? Dạy từ người nhà! Dạy người nhà chẳng tốt, tức là quý vị tu thân chưa tốt. Chính mình thật sự tu thân tốt đẹp, quý vị sẽ có thể cảm hóa người một nhà; đấy là đạo lý nhất định.

Khuôn phép tốt nhất tại Trung Hoa vào thời cổ là vua Thuấn. Chư vị đọc những ghi chép lịch sử, [sẽ thấy] thời đại Nghiêu Thuấn cách hiện thời gần như bốn ngàn năm. Hoàn cảnh sống của nhà vua vốn rất tốt đẹp, rất bất hạnh là mẹ mất sớm. Cha lại cưới dì ghẻ, dì ghẻ cũng sanh con thơ. Dì ghẻ bất công, đối xử với nhà vua rất tệ, luôn mong diệt trừ ông ta. Phụ thân là kẻ chẳng có trí huệ, nghe lời vợ, cho nên cha cũng đối xử rất tệ với ông ta. Trong một gia đình như vậy, ai cũng mong hại nhà vua, lại còn luôn muốn đẩy nhà vua vào chỗ chết. Sống trong hoàn cảnh ấy, xã hội hiện thời sẽ bảo là *“ngược đãi nhi đồng”*. Đúng là người nhà đã ngược đãi vua Thuấn đến mức cùng cực!

Nhưng vua Thuấn luôn hiếu thuận, tuyệt đối chẳng nghĩ cha mẹ phạm lầm lỗi. Đúng như một vị Bồ Tát được nói trong Phật pháp, chỉ thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi của kẻ khác. Vua Thuấn đối với cha, đối với dì ghẻ, đối với em trai do dì ghẻ sanh ra, thật sự chẳng thấy lỗi lầm của họ. Đọc hai câu này từ kinh Phật, chúng ta vẫn chưa lãnh hội sâu xa. Đọc chuyện vua Thuấn, chúng ta sẽ lãnh hội rất ư là sâu! Nhà vua xác thực là chẳng thấy [lỗi của kẻ khác], chỉ thấy lỗi của chính mình: “Bản thân chưa làm đủ tốt, cho nên cha, mẹ, em trai không ưa ta!” Hằng ngày nghĩ đến lỗi lầm của chính mình, hằng ngày sửa đổi khuyết điểm của chính mình. Ba năm sau, do sửa đổi hằng ngày, thật sự biến thành người hoàn mỹ, chẳng có lầm lỗi. Nhà vua đã thành công, thật sự trở thành thánh nhân.

Nay chúng ta chẳng trở thành thánh nhân, lầm lỗi ở chỗ nào? Hoàn toàn tương phản với vua Thuấn, chẳng biết lầm lỗi của chính mình, chuyên môn thấy lầm lỗi của kẻ khác! Vì thế, quý vị vĩnh viễn chẳng giác ngộ, tâm thuật của quý vị vĩnh viễn bất chánh! Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, đọa lạc trong *“mê, tà, nhiễm”*, chẳng thoát ra được! Gặp phải người, sự, vật chẳng vừa ý, luôn oán trời hờn người, làm sao chẳng khổ cho được? Chuyện này trước hết phát sanh từ chỗ nào? Trong gia đình của chính quý vị. Kẻ làm cha mẹ trong hiện thời thấy con cái chẳng nghe lời, thấy lầm lỗi của chúng nó. Con cái hằng ngày thấy khuyết điểm của cha mẹ, anh em dòm ngó lỗi lầm của nhau, đều chẳng biết chính mình có lầm lỗi. Vì vậy, gia đình trong hiện thời khổ nhiều, vui ít! Khi chưa thành gia lập nghiệp thì hâm mộ, mong mỏi thành gia lập nghiệp. Khi đã thành gia

lập nghiệp, hối hận chẳng kịp! Vì thế, chúng ta hãy nên học Phật, nghe nhiều, xem nhiều, nhất định là phải đọc sách thánh hiền cho nhiều. Chẳng đọc sách thánh hiền, sẽ không được. Sách thánh hiền hướng dẫn chúng ta đi theo nẻo chánh.

Những điều thuần chánh nhất, thù thắng nhiệm mầu nhất nằm trong sách vở thánh hiền của Nho và Phật, hễ đọc, nhất định phải hiểu ý nghĩa của chúng. Sau khi đã đọc, nhất định phải vận dụng [những giáo huấn ấy] vào cuộc sống hằng ngày của chính mình. Có như vậy, chúng ta mới thật sự đạt được lợi ích. Chỗ tốt đẹp trong chuyện đạt được lợi ích được biểu hiện bằng *“pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ”*, biểu hiện thành bụng dạ rộng rãi, chẳng có gì không thể bao dung, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Người ấy lẽ nào chẳng vui sướng? Chính mình đã thành tựu, đương nhiên là chính mình sẽ giúp đỡ người nhà. Đây là đạo lý nhất định! Quyết định sẽ ảnh hưởng người nhà, hằng ngày sống cùng nhau, lẽ đâu chẳng bị ảnh hưởng! Lâu ngày chầy tháng, dẫu là kẻ tối tăm, ương bướng, chậm lụt, cũng sẽ dần dần bị cảm động.

Chúng ta thấy vua Thuấn tốn ba năm để cảm động cha, mẹ, người nhà. Thuở ấy là thời đại thượng cổ, nói chung là phong tục xã hội và lòng người thuần phác, [thế mà] phải tốn thời gian ba năm! Nay trong xã hội hiện tiền, ba năm chẳng được, phải mất bao lâu? Phải là ba mươi năm. Ba mươi năm sẽ khiến cho người nhà quý vị quay đầu, người một nhà sấm hối, ôm nhau đau xót khóc ròng! Trong quá khứ đã cư xử sai quấy, [hiện thời] quay đầu là bờ, người nhà quý vị đã giác ngộ! Vì sao? Ai nấy đều có lương tâm, bản tánh vốn lành; vì quý vị mê đã lâu, mê quá sâu, chẳng dễ quay đầu! Vì thế, nhất định là phải giáo dục sâu thêm để cảm hóa rất sâu, họ sẽ giác ngộ, sẽ hiểu rõ, quay đầu là bờ! Cảm hóa sâu đậm phải tốn thời gian lâu dài. Chẳng tốn thời gian lâu dài, sẽ không được!

Hiện thời, chúng ta tiếp nhận giáo dục, tức là tiếp nhận giáo huấn của Khổng Mạnh và giáo huấn của đức Phật hun đúc trong nhiều năm, chúng ta mới thật sự giác ngộ. Đây chính là kinh nghiệm học tập của bản thân tôi. Từ lúc hai mươi sáu tuổi, thầy dạy tôi những thứ ấy! Trong cuộc sống, tôi đã tìm được một con đường, tìm được mục tiêu. Năm mươi lăm năm giùi mài chẳng bỏ, hằng ngày huân tập theo một mục tiêu, một phương hướng ấy. Công phu dần dần tiến bộ, chẳng phải là thành tựu trong một thời gian ngắn ngủi! Thật sự quay lại, rất tự nhiên, thầy dạy *“thấy thấu suốt, buông xuống”*, tôi làm rất tự nhiên, [phải mất thời gian] ba mươi năm! Mười năm đầu là miễn cưỡng, tốc độ tiến triển rất chậm. Sau mười năm, chỉ cần quý vị chẳng thoái chuyển, chỉ cần quý vị tiếp tục

nỗ lực, tiến bộ cũng dần dần nhanh hơn. Sau ba mươi năm, tiến bộ giống như cấp số nhân²¹, cứ nhân gấp bội lên! Khi ấy, mới thật sự thấu hiểu *“học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Nói cách khác, mới hiểu được ý vị trong câu nói ấy của Khổng Tử, cũng có nghĩa là quý vị chẳng khế nhập cảnh giới ấy, sẽ chẳng hiểu ý vị trong câu nói ấy!

“Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?” (Có bạn từ xa đến, cũng chẳng vui sao?) *“Bằng”* (朋) là gì? [Những người] chí đồng đạo hợp, đều học tập đạo thánh hiền, từ nơi xa đến đây tụ hội. Cổ nhân nói là *“dĩ văn hội hữu, dĩ đạo hội hữu”* (dùng văn chương để nhóm bạn, dùng đạo để nhóm bạn), cao siêu ngàn ấy! *“Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ?”* (Người khác chẳng biết đến mà không tức giận, chẳng phải là bậc quân tử ư?) Chính mình đạo đức và học vấn thành tựu, chẳng có ai biết. Không có ai biết thì sao? Vẫn vui sướng, quyết định chẳng giảm bớt niềm vui (niềm vui sướng trong tâm). *“Không ai biết”* là chẳng có duyên. Nói cách khác, *“chẳng có duyên”* tức là quý vị chẳng có cơ hội phục vụ đại chúng; có phải là chuyện tốt hay không? Chuyện tốt, chẳng phải vất vả ngàn ấy! Phục vụ đại chúng thì có duyên bền làm; chẳng có duyên, sẽ không làm! Suốt một đời, Chương Gia đại sư đã dạy tôi, *“tùy duyên, đừng phan duyên”*. Có duyên thì phải nên làm. Không làm, sẽ có lỗi với người khác. Chẳng có duyên, không bắt buộc phải làm! Do vậy, suốt một đời tùy duyên, chẳng phan duyên, quý vị sẽ tự tại, sẽ giảm bớt rất nhiều khổ não.

Giống như chúng tôi hiện thời lập một trung tâm giáo dục văn hóa tại quê nhà nhằm bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp Nho và Phật. Cũng là có duyên, làm chuyện này thành công. Nếu chẳng có duyên, hễ chẳng có duyên, thì sẽ không làm! *“Biết nhà tánh Không”*, tuyệt đối đừng nên ghim chuyện này trong lòng, tâm phải thanh tịnh, tâm phải giác ngộ. Có duyên, hãy nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Sau khi thực hiện có thành tích, khiến cho mọi người giác ngộ. Đây là chuyện tốt, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh lìa khổ, được vui, có thể hóa giải khá nhiều tai nạn trong thế gian này. Chuyện khó có là các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh, chứng tỏ những đạo lý do đức Phật đã dạy: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, cảnh chuyển theo tâm”*. *“Cảnh”* là hoàn cảnh vật chất. Sự cân bằng sinh thái trên địa cầu chuyển biến theo ý niệm của con người. Mọi người có ý niệm thiện, núi, sông, đại địa đều biến thành thiện, Phong Thủy tốt đẹp! Lòng người bất hảo, toàn thể Phong Thủy hư

hoại! Phong Thủy nảy sanh biến hóa theo lẽ thiện ác trong tâm con người!

Giáo dục của thánh hiền, Phật, Bồ Tát chẳng có chi khác! Không gì chẳng nhằm dạy mọi người làm một người thuần tịnh, thuần thiện. Còn như giàu sang, nghèo hèn, Nho nói rất ít, Phật nói rất nhiều. Vì thế, có rất nhiều người nghe nói: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Lời này là thật, chẳng giả! Trong Phật pháp, có rất nhiều điều là giáo dục nhân quả. Do vậy, nếu quý vị muốn cải thiện cuộc sống, muốn cuộc sống vật chất khá hơn, dư dả hơn một chút, chẳng phải là không thể làm được, làm được chứ! Quý vị hãy tu cái nhân! Ấn Quang đại sư đã đề xướng hai thứ là Liễu Phàm Tứ Huấn và Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký. Bài [Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký] được in kèm vào sau sách Liễu Phàm Tứ Huấn. Ngoài bộ sách ấy ra, suốt đời lão nhân gia đề xướng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và An Sĩ Toàn Thư. Ba thứ ấy là tài liệu giảng dạy tốt nhất trong sự giáo dục nhân quả.

Nếu chúng ta muốn thay đổi quả báo, hãy sửa từ cái nhân. Khổ là do cái nhân bất thiện cảm vời. Lạc là do cái nhân lành chiêu cảm. Muốn lìa khổ, đối với tất cả hết thảy những điều bất thiện, phải nên biết chúng ta chớ nên làm nữa! Nếu muốn được vui, chúng ta phải nỗ lực làm lành, sẽ có thể đạt được quả báo *“lìa khổ, được vui”*. Tiên sinh Liễu Phàm đã làm cho chúng ta thấy, tiên sinh Du Tịnh Ý cũng làm cho chúng ta thấy; đây là những tấm gương rõ rệt nhất. Trong lịch sử Trung Hoa, người làm theo phương pháp ấy, chẳng có một ai không thành công. Tôi thưa cùng quý vị, tôi cũng là hiện thân thuyết pháp. Vì sao? Tôi cũng tu như thế, cải thiện hoàn toàn cuộc sống của chính mình. Nhất định phải biết làm từ nhân, đừng nên hâm mộ quả báo của người khác, đừng nên hâm mộ vinh hoa, phú quý. Phải biết người ấy tu cái nhân gì, ta cũng làm được. Huống hồ nhân quả lại thông ba đời; trong đời quá khứ chẳng tu, đời này vẫn còn kịp.

Tôi từ lúc hai mươi sáu tuổi tiếp xúc Phật pháp, tiếp xúc những tài liệu giảng dạy nhân quả báo ứng ấy, tôi mới bắt đầu học tập. Sau hai mươi năm, nghiệp báo của chính mình được cải thiện trên một mức độ lớn. Từ bốn mươi tuổi, bắt đầu chuyển biến rõ rệt; từ đấy về sau, mỗi năm một thù thắng hơn! Nhà Phật nói *“pháp duyên”*, pháp duyên lúc tuổi già hết sức thù thắng. Có pháp duyên vì xã hội, vì chúng sanh, vì thế giới, làm một ít chuyện tốt. Hiện thời, khá nhiều quốc gia tìm tôi, hy vọng tôi có thể giúp đỡ họ làm những công tác gì? Hóa giải xung đột, khôi phục xã hội an định, hòa bình, phồn vinh, hưng vượng. Tôi hoan hỷ làm!

Tôi biết gốc bệnh ở chỗ nào, dùng phương pháp gì để trị liệu. Gốc bệnh ở chỗ mê mất tự tánh. Đã mê mất tự tánh, chỉ cần quý vị tìm được gốc bệnh, sẽ biết làm như thế nào! Phương pháp cứu vớt là gì? *“Tu thân làm gốc, giáo học làm đầu”*! Phải nhờ vào giáo học, khiến cho ai nấy đều biết tu thân. Quý vị hy vọng phát tài, mong mỗi có trí huệ, mong mỗi khỏe mạnh, sống lâu, có cầu ắt ứng. Quý vị phải hiểu đạo lý, phải hiểu phương pháp, thì mới có thể thu được hiệu quả, chẳng thể làm càn, làm quấy! Nếu trái nghịch lý luận và phương pháp, chắc chắn là quý vị chẳng cầu được!

Mọi người nhất định phải làm người tốt, phải giữ tấm lòng tốt, phải nói lời tốt, phải làm chuyện tốt, làm người tốt. Người tốt đương nhiên có quả báo tốt. Tiêu chuẩn của người tốt là luân lý đạo đức của Nho gia, nhân lành, quả lành, nhân ác, báo ác! Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy, Ngũ Giới của Phật pháp là cơ sở, các đồng học học Phật tại gia phải chú trọng dốc lòng thực hiện. Nếu các đồng học xuất gia chẳng làm được, sẽ chẳng phải là xuất gia thật sự. Thật sự xuất gia thì nhất định là có cơ sở tu học tại gia, cơ sở sâu dày. Lại còn học tập Sa Di Luật Nghi; đó là một vị Bồ Tát xuất gia thật sự. Giáo dục của nhà Phật hy vọng ai nấy đều làm Bồ Tát. *“Làm Bồ Tát”* là ai nấy đều giác ngộ, ai nấy đều trọn đủ chánh tri, chánh kiến; ai nấy đều có thể thanh tịnh chẳng nhiễm. Chuyện này cần cậy vào giáo dục! Quý vị chẳng nghiêm túc học tập, làm sao hiểu được!

Xã hội hiện thời là một cái vò nhuộm to. Từ khi có lịch sử, xưa nay, trong ngoài nước, chưa hề tìm thấy một cái vò nhuộm lớn như thế; nay nó đã xuất hiện, [đại chúng] đọa lạc trong ấy! Nếu nói là chẳng bị nhiễm đấm, người ấy chẳng phải là phạm nhân, mà là Phật, Bồ Tát tái lai thì mới có thể chẳng nhiễm. Đối với chúng sanh trong chín pháp giới, [ngay cả] A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát thả chiếc bè Từ, đến nơi đây giáo hóa chúng sanh, cũng khó tránh khỏi chẳng bị nhiễm ô. *“Nhiễm ô”* là thoái chuyển, quá nghiêm trọng! Những người thiện căn sâu dày ấy, có thể chẳng bị ô nhiễm trong xã hội hiện thời, chỉ là do dựa vào sự tinh tấn chẳng lười nhác, sẽ chẳng bị ô nhiễm.

Trong sự tinh tấn chẳng lười nhác, chính tôi đã có kinh nghiệm. Năm xưa, tôi thường nói, rất nhiều đồng học hỏi tôi, vì sao tôi có thể chẳng nhiễm? Chính quý vị phải sáng suốt tự biết mình! Nếu tôi tham Thiền, chẳng được, vẫn chẳng tránh khỏi nhiễm ô. Nếu tôi niệm Phật, vẫn chẳng được, đều chẳng chống nổi ảnh hưởng từ xã hội! Tôi dùng phương pháp gì? Giảng kinh, [phương pháp này] đối với tôi rất thích

hợp. Vì sao? Mỗi ngày khuyên người khác, [chính là] mỗi ngày khuyên chính mình. Tôi giảng bốn mươi tám năm, người khác được lợi ích ít, tôi được lợi ích nhiều! Mỗi ngày đều khuyên chính mình, tự nhiên trở thành thói quen, dưỡng thành thói quen ấy. “Thói quen ấy” là thiện, là tốt. Nếu chẳng giảng kinh, chỉ là chính mình đọc kinh, sẽ chẳng được, chẳng đủ sức mạnh, chẳng có cách nào chống lại cảnh giới bên ngoài. Giảng mỗi ngày, khuyên kẻ khác mỗi ngày, ít nhiều gì thì lương tâm của chính mình phát hiện. Khuyên kẻ khác mà chính mình chẳng làm được, sẽ là chuyện mất mặt, tức là quý vị hằng ngày đối gạt người khác! Thoạt đầu, chẳng làm được; dần dần chính mình làm được, lương tâm phát hiện mà! Chuyện này chẳng thể gián đoạn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sẽ sanh ra sức mạnh. Tôi đi theo con đường như vậy!

Vì vậy, tôi hết sức cảm kích thầy. Tiên sinh Phương Đông Mỹ tiếp dẫn, Chương Gia đại sư giúp tôi đặt vững cơ sở. Thầy Lý dạy dỗ mười năm thành tựu tôi! Chính tôi có thể giữ vững suốt đời giảng kinh hằng ngày! Khi ấy, tôi mới vừa rời khỏi Đài Trung đến Đài Bắc giảng kinh, có người kể với thầy Lý: “Pháp sư Tịnh Không giảng kinh ở Đài Bắc, mỗi ngày đều giảng!” Thuở ấy, mỗi tối giảng một tiếng rưỡi; lúc ban đầu giảng kinh theo kiểu ấy. Thầy nghe kể, rất vui vẻ. Thầy chúng tôi giảng kinh ở Đài Trung mỗi tuần hai lần, mỗi lần một tiếng đồng hồ. Thầy còn phải tốn một giờ để dịch sang Đài ngữ. Vì vậy, trên thực tế là [giảng kinh chỉ có] một giờ. [Thầy giảng] hai giờ mỗi tuần, còn tôi mỗi tuần được mười mấy giờ. Nếu chẳng phải là như vậy mà nói là trong thế giới này, tôi có thể chẳng thoái chuyển, tôi chẳng thể tin được! Bản thân tôi đi theo con đường này, theo kinh nghiệm của bản thân tôi, hết sức hữu hiệu đối với loại căn cơ giống như tôi! Giùi mài chẳng bỏ, sau khi đã khế nhập, sẽ có niềm vui thú trong ấy. Niềm pháp hỷ do nỗi vui thú ấy sẽ duy trì quý vị, khiến cho quý vị có thể dũng mãnh, tinh tấn, khiến cho quý vị có thể chẳng thay đổi phương hướng, giùi mài chẳng bỏ! Niềm vui thú đã khiến cho quý vị giữ vững. Người bình phàm thường nói là “*Tam Bảo gia trì*”, Tam Bảo gia trì là như thế đó. Nếu quý vị chẳng nhập cảnh giới, sẽ chẳng đạt được pháp hỷ. Chẳng đạt được pháp hỷ, sẽ chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì.

“*Biết nhà tánh Không*” chính là chẳng nhiễm đấm, mà là gì vậy? Lợi dụng gia đình để phổ độ chúng sanh, để hoằng dương Đại Thừa. Quý vị khiến cho gia đình tốt đẹp, sẽ khiến cho những người xóm giềng nhìn vào, [thắc mắc] có sao gia đình của quý vị tốt đẹp ngần ấy? Thuở trước, tôi ở Mỹ, từng ở thành phố Phượng Hoàng (Phoenix), từng sống tại Khố

Bách Đế Nặc (Cupertino) ở Gia Châu (California), sống ở hai nơi ấy. Hàng xóm thường thấy người sống trong nhà ấy, bất cứ lúc nào cũng đều thấy mặt mũi tươi cười, đều rất hoan hỷ, họ ngấm ngấm dò hỏi: “Bọn họ làm gì? Vì sao vui sướng dường ấy?” Đáng tiếc là chúng tôi trọn chẳng lập đạo tràng tại đó, chẳng thường trụ nơi đó. Nếu chẳng rời khỏi nơi ấy, thường trụ mười năm, hoặc tám năm, một vùng sẽ bị cảm hóa. Một nhà đã thấy, sẽ có thể truyền qua nhà khác, mọi người đều biết, tự nhiên sẽ mong đến học tập quý vị. Học gì? Vì sao các vị vui sướng ngần ấy, họ học điều này!

Tôi lập đạo tràng ở Đức Châu (Texas). Ngày đầu tiên thành lập đạo tràng, hôm khai mạc đầu tiên, mời hàng xóm (hàng xóm ở mấy con đường [chung quanh]) đến dùng điểm tâm để tiếp đãi họ. Phát thiệp mời mọc, họ đều đến. Hãy xem đạo tràng Phật giáo mới này, giới thiệu với họ chúng ta sẽ làm gì ở đây. Họ thấy chúng tôi thờ Tây Phương Tam Thánh, [thắc mắc] có ý nghĩa gì vậy? Tôi nói: “Thế giới Cực Lạc là thế giới vui sướng”. Họ nói: “Chúng tôi muốn học điều ấy”. Họ hỏi: “Quý vị dạy điều gì?” “Chúng tôi dạy thanh tịnh, Tịnh Độ, tâm địa thanh tịnh!” [Họ nói]: “Chúng tôi cần điều ấy, chúng tôi muốn được vui sướng, khỏe mạnh, sống lâu, những điều ấy chúng tôi đều cần”. Tôi nói với họ: “Được lắm! Chúng tôi sẽ đặc biệt mở một khóa học cho quý vị vào thứ Bảy (họ được nghỉ làm vào ngày thứ Bảy), các vị đều có thể đến học tập. Chủ Nhật, quý vị đi nhà thờ, theo Thượng Đế. Thượng Đế là cha, là chúa của quý vị. Đức Phật là thầy, chẳng xung đột!” Họ nghe nói, hết sức hoan hỷ. Vì thế, người ở nơi ấy đều dần dần tụ đến.

Chỉ là rất đáng tiếc, thuở ấy, chúng tôi do quán trưởng làm Đương Gia. Thường là có khi bà sống ở nơi đó, có lúc phải đến nơi khác. Do vậy, chúng tôi là những người phụ tá phải cùng đi theo bà ta. Từ đầu đến cuối, chẳng thể ở mãi một nơi được! Xưa kia, thầy Lý đã dạy tôi, thường lưu động bên ngoài thì chỉ có thể kết pháp duyên với mọi người, chẳng thể độ chúng sanh. Tôi hỏi thầy vì sao? [Thầy đáp]: “Há có kẻ nào nghe kinh vài lần đã khai ngộ?” Tôi suy nghĩ, thấy rất có lý. Nhất định là phải giáo học tại một chỗ trong một thời gian dài. Đối với căn cơ của người hiện thời, tối thiểu từ mười năm trở lên, mới có thể đặt vững nền tảng. Chẳng có mười năm giáo học, sẽ chẳng thể vun quén căn cội! Đây là gia đình có thể hoằng dương Đại Thừa Phật pháp. Trước hết là “gia hòa” có thể cảm hóa xã hội, có thể nêu gương tốt cho xã hội!

Biết tánh của Nhà là Không, đối với nhà, bất luận là người nhà quyến thuộc, tất cả hết thảy tài sản, đều chẳng chấp trước, chẳng phân

biệt. Tất cả hết thảy mâu thuẫn tranh chấp đều từ đây mà ra. Quý vị đều có thể thấy thấu suốt, có thể buông xuống, lẽ nào gia đình bất hòa, chẳng vui sướng cho được? Chẳng có bức bách! Chẳng thể nào có chuyện ấy! Gia đình vui sướng, người một nhà vui sướng, phải hướng đến mục tiêu ấy, phải tiến theo phương hướng ấy. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1502

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống, xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ tụng thứ hai.

(Kinh) Hiếu sự phụ mẫu, đương nguyện chúng sanh, thiện sự u Phật, hộ dưỡng nhất thiết.

(經)孝事父母。當願眾生。善事於佛。護養一切。

(Kinh: Hiếu thảo cha mẹ, nguyện cho chúng sanh, khéo phụng sự Phật, hộ trì, phụng dưỡng hết thảy).

[Đối với người] tại gia, [Văn Thù Bồ Tát] nói tất cả mười một chuyện, tức là mười một bài kệ tụng. Ở đây, kệ tụng thuộc loại bốn chữ, [tức là] mỗi câu có bốn chữ, mỗi bài gồm bốn câu. Trong phần trước, bài kệ thứ nhất dạy chúng ta hãy nhận biết chân tướng của “gia”. Bồ Tát tại gia phải biết chân tướng của nhà. Đức Phật thường dạy chúng ta, vạn pháp sanh từ nhân duyên. “Nhân” là nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, có vô ký nghiệp. Vô ký là gì? Chính là chẳng thể nói là thiện hay ác, bèn gọi là “vô ký” (無記). Vì thế, nghiệp có thể tổng quy nạp thành ba loại lớn ấy. Thiện nghiệp nhân (chuyện đã tạo trong đời quá khứ biến thành cái nhân, nói theo đời này, nên gọi là “nghiệp nhân”), sẽ cảm quả báo thiện. Ác nghiệp nhân sẽ cảm quả báo bất thiện, nhưng để nghiệp cảm biến hiện quả báo, điều kiện quan trọng nhất là Duyên. Nếu chẳng có duyên, duyên khuyết thiếu, trong đời này, quả báo sẽ chẳng hiện tiền. Vì thế, Phật pháp chẳng nói là “nhân sanh”, mà nói là “duyên sanh”. Nói cách khác, đức Phật có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chẳng có cách nào giúp đỡ nơi nhân, mà chẳng có cách nào giúp đỡ nơi quả, [chỉ có thể giúp đỡ nơi duyên]. Phật pháp thường nói: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”. Chúng sanh tạo nghiệp, mê hoặc, điên đảo, [đến lúc] quả báo hiện tiền bèn sợ hãi! Bồ Tát hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch chuyện này. Vì thế, quả báo hiện tiền, Ngài chẳng sợ. Vì sao? Tự làm, tự chịu, sợ cũng chẳng có tác dụng gì! Tuy sợ, vẫn phải chịu! Bồ Tát tạo tác rất cẩn thận, quyết định chẳng tạo ác nghiệp, mà sẽ là tạo

thiện nghiệp. Bồ Tát sợ nhân, Ngài đã hiểu rõ. Trong xã hội hiện thời, mọi người chẳng hiểu đạo lý này, thật sự có thể nói là làm càn, làm quấy, quả báo hiện tiền, hối hận chẳng kịp!

Bài kệ thứ nhất [nhằm dạy chúng ta] phải nhận biết bản chất của nhà, nó là *“duyên tụ, duyên tán”*. Người một nhà có duyên, trong đời quá khứ đã có duyên, hễ duyên tụ thì ở cùng nhau. Duyên đã tận, duyên sẽ có lúc tận. Khi duyên đã tận, sẽ tan đàn xẻ nghé, mọi người ly tán. Vô lượng kiếp trong quá khứ, chẳng phải là một đời, hai đời, mà là vô số đời! Đời đời kiếp kiếp chúng ta đã kết duyên với bao nhiêu người, bao nhiêu chúng sanh. Chư vị phải ghi nhớ, kết duyên có thiện, có ác, có vô ký. Những thứ ấy đều biến thành chủng tử trong A Lại Da Thức. Thuật ngữ trong kinh Phật là *“chủng tử”*. Chủng tử chính là nghiệp nhân. Đức Phật đã dạy rành rành, bất cứ ai, bất cứ chúng sanh nào, thấy đều trọn đủ chủng tử của mười pháp giới. Nói cách khác, chúng ta có cái nhân làm Phật. Nếu đời này chúng ta dùng Phật duyên, nhân và duyên tiếp xúc, chắc chắn sẽ thành Phật. Quý vị có chủng tử Phật, trong kinh, đức Phật thường diễn tả chủng tử ấy như sau: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh”*. Phật Tánh là cái nhân thành Phật, tức là chủng tử Phật. Quý vị phải hiểu điều này, bồi dưỡng nó. Cách bồi dưỡng là như thế nào? Niệm! Hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tưởng Phật, quý vị sẽ thành Phật. Quý vị có hiểu đạo lý này hay không? Có tin tưởng hay không?

Thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bốn Thắng đã cho chúng ta một chứng minh khoa học rất hay. Ông ta dùng nước làm thí nghiệm, nước là khoáng vật. Hằng ngày chúng ta dùng tình yêu mến, dùng ái tâm, dùng thiện ý đối với nước, nước sẽ phô bày sự kết tinh đẹp đẽ nhất. Chúng ta chẳng có ý niệm ấy, nó lại biến đổi, chẳng kết tinh như thế nữa! Chúng ta dấy lên ý niệm, nó lại biến thành kết tinh đẹp đẽ, niệm gì biến thành đó. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, quý vị phải ghi nhớ câu này! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng! Vì thế, hằng ngày niệm Phật, quý vị sẽ thành Phật; hằng ngày niệm Bồ Tát, quý vị sẽ thành Bồ Tát. Đạo lý là như thế đấy! Niệm Thập Nhị Nhân Duyên, sẽ biến thành Bích Chi Phật. Niệm Tứ Đế, niệm Khổ, Tập, Diệt, Đạo, sẽ thành A La Hán. Niệm từ, bi, hỷ, xả, niệm Thập Thiện Nghiệp, sẽ sanh thiên. Do vậy, cái nhân của mười pháp giới chẳng có một ai bị thiếu khuyết! Giống như trong cái kho, hạt giống gì cũng đều có, quý vị muốn thứ gì sanh trưởng, có thể lấy hạt giống ấy ra để khéo vun bồi. Ví như cái kho của chúng ta, bất cứ loại hạt giống của ngũ cốc hoặc các thứ lương thực nào cũng đều có, ta muốn có gạo, bèn lấy hạt giống gạo

(thóc giống) ra, cày cấy, vun trồng kỹ lưỡng, nó sẽ sanh trưởng thành gạo. Trong cái tâm của ta, trong cái kho A Lại Da có chủng tử Phật, ta khéo vun bồi nó, lẽ nào đời này ta chẳng làm Phật? Há có đạo lý ấy!

Phật pháp giảng lý luận rành mạch, rõ ràng, nhưng người hiện thời đều chẳng hiểu! Họ có chủng tử tốt nhất, chẳng lấy ra gieo; họ muốn lấy chủng tử xấu nhất, hư nát nhất để gieo. Vậy là hỏng hết mất rồi! Hư nát nhất là tham, sân, si! Tham thì thứ gì cũng đều tham, chẳng có gì không tham! Chủng tử tham là ngạ quỷ. Trong tâm quý vị có chủng tử tham, hiện thời lại có tâm tham, thứ gì cũng đều tham. Đó là duyên! Thôi rồi! Chủng tử tham của quý vị lại cộng thêm ý niệm tham và hành vi tham, cái duyên ấy đã kết! Vậy thì quả báo trong đời sau sẽ là gì? Đi vào ngạ quỷ đạo. Chủng tử sân hận ư? Có chứ! Hiện thời thường nổi giận, có cái tâm ghen tỵ, có tâm ngạo mạn, thấy điều gì cũng chẳng thuận mắt, đấy là duyên. Chủng tử sân khuấy tiếp xúc duyên này, đời sau sanh vào địa ngục. Sân khuấy là cái nhân của địa ngục, ngu si là cái nhân của súc sanh. Ngu si là đúng sai chẳng biện định, tà chánh không phân biệt được. Trước kia, chúng ta nói là “hồ đồ”, kẻ hồ đồ sẽ biến thành súc sanh.

Quý vị thấy đó, từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đã từng niệm Phật, từng niệm Bồ Tát. Đó gọi là *“một phen thoáng qua tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo”*. Vì thế, lời đức Phật dạy chẳng sai tí nào! Trong tám thức của nội tâm, tức là trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh, chủng tử của mười pháp giới thấy đều trọn đủ. Tùy thuộc đời này quý vị muốn gieo chủng tử nào? Muốn gieo chủng tử ấy, quý vị tạo duyên cho nó. Ví như thực vật, quý vị có hạt giống, nó cần đất đai, cần phân bón, cần nước, cần ánh sáng mặt trời, cần không khí, hết thảy các điều kiện đều rất tốt, nó sẽ tăng trưởng rất nhanh, tăng trưởng hết sức tốt đẹp. Đạo lý này trọn chẳng khó hiểu, vì sao chúng ta chẳng khéo vun bồi chủng tử Phật, Bồ Tát trong tâm địa, mỗi ngày vẫn muốn tạo tác tội nghiệp vậy?

Đến đạo tràng để làm gì? Chẳng học Phật, chẳng học Bồ Tát, mà cũng chẳng học làm nhân thiên, đến đạo tràng vẫn là tạo nghiệp. Lời này là thật, chẳng giả! Đến đạo tràng mà còn đeo theo tập khí tham, sân, si, mạn. Không chỉ là có tập khí, mà còn thường phát tác ở nơi ấy, vậy thì quả báo của những gì quý vị đã tạo là gì? Quả báo trong tam đồ! Đạo tràng là phước địa thanh tịnh trang nghiêm, quý vị tạo tác tam ác nghiệp trong ấy, tạo tham, sân, si, đã phá hoại hình tượng của đạo tràng. Quý vị chẳng phải là đến tu phước, mà là hy vọng ngay lập tức sẽ vào địa ngục A Tỳ! Sai mất rồi! Ở nơi đây, chúng ta mong mỗi thành tựu phước báo, tối thiểu là đời sau chẳng mất quả báo nhân thiên. Quý vị muốn làm người,

phải thực hiện Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là nhân đạo. Thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, chắc chắn là quý vị chẳng đọa tam đồ, đời sau có thể làm thân người. Nếu tiến cao hơn một bước, quý vị khéo tu Thập Thiện Nghiệp, tu từ, bi, hỷ, xả, đời sau quý vị sẽ sanh thiên. Quý vị đến đạo tràng này, phải biết phương hướng và mục tiêu của chính mình là gì? Hy vọng đời sau quý vị chẳng đánh mất thân người, chẳng đọa vào ba ác đạo, hy vọng đời sau sẽ sanh lên trời!

Đương nhiên, hy vọng viên mãn nhất của chúng ta là mong cho đời sau quý vị sẽ thành Phật. Để đời sau thành Phật, quý vị phải tu phẩm Tịnh Hạnh. Một trăm bốn mươi một nguyện ấy quý vị đều có thể làm được, đời sau chắc chắn sẽ thành Phật. Đến làm Phật nơi đâu? Đến làm Phật trong thế giới Cực Lạc. Người có thể thực hiện mỗi điều trong một trăm bốn mươi một nguyện này, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa cùng chư vị, chẳng phải là sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chẳng phải là sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà sẽ sanh vào đâu? Người ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Theo kinh Vô Lượng Thọ sẽ là *“thượng bối vãng sanh”*, thượng bối đấy nhé! Trung bối sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, hạ bối sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Thượng bối đến thế giới Cực Lạc, [sẽ là] hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh, rất mau chóng, [nghĩa là] sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Đây là niềm kỳ vọng chân thật của chúng ta đối với mọi người, đối với hết thảy chúng sanh.

Trong các bài kệ tụng, câu thứ hai trong mỗi bài là *“đương nguyện chúng sanh”*, nguyện vọng của chúng ta là ở chỗ này! Nguyện nào cũng đều hy vọng quý vị giác ngộ, giác chứ không mê. Trong ấy, chẳng có một nguyện nào dạy quý vị tạo tội nghiệp, chẳng có! Do vậy, quý vị phải liễu giải chân tướng của các pháp. Đầu tiên, dạy quý vị hãy liễu giải chân tướng của nhà, gia đình của quý vị sẽ hòa thuận. *“Bức bách”* (逼迫) là gì? Nay chúng ta gọi *“bức bách”* là xung đột. Vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, ở đây gọi là *“bức bách”*. Nếu biết thể tánh của nhà là không tịch, người một nhà của chư vị nhất định sẽ đối xử hòa thuận. Vì sao? Biết trong đời quá khứ, chúng ta có thiện duyên, trong đời này mới có thể tụ tập cùng một chỗ. Dẫu trong đời quá khứ chẳng thuận thảo, nay đã giác ngộ, kể như xong! Chẳng cần tính toán nợ cũ, đừng nghĩ tới quá khứ, chuyện quá khứ một nét bút xóa sạch! Trong kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta: *“Bất niệm cựu ác, bất tưởng ác nhân”* (Chẳng nghĩ tới điều ác cũ, chẳng ghét kẻ ác). Tất cả hết thảy những khúc mắc, chuyện chẳng thoả mái trong quá khứ, đời trước, kiếp trước của chúng

ta, gặp gỡ lần này sẽ toan báo đền, oan oan tương báo, [hiện thời] đã giác ngộ, bèn giác ngộ [ân oán với mọi người] coi như đã xong, chẳng còn báo đền nữa! Chẳng báo đền nữa, sẽ đối xử hòa thuận, khéo cùng nhau tu hành, gia đình là đạo tràng!

Tu Lục Hòa Kính trong gia đình, tu Đệ Tử Quy và Thập Thiện Nghiệp trong gia đình, công đức chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị tu tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng thân thích, bằng hữu của quý vị. Thân thích, bằng hữu thấy người một nhà của các vị hạnh phúc mỹ mãn dường ấy, chẳng có ai không tán thán, chẳng có ai không hâm mộ, mọi người sẽ học tập theo quý vị. [Gia đình của] quý vị là gia đình Bồ Tát. Láng giềng, làng nước của quý vị sau khi trông thấy, sẽ dần dần đều bị cảm hóa. Sự cảm hóa ấy chính là phổ độ chúng sanh. Vì thế, độ chúng sanh thì điều quan trọng nhất là bằng thân giáo, tôi làm cho quý vị thấy. Cá nhân là gương mẫu, khuôn phép cho mọi người. Gia đình ta là gia đình gương mẫu trong các gia đình. Đạo tràng, tôi đã nói điều này mấy chục năm qua, phải là đạo tràng khuôn mẫu cho tất cả các đạo tràng trong thiên hạ, là đạo tràng đúng pháp. Quý vị nói công đức này có nhiều hay không?

Một đạo tràng thôi, chẳng cần nhiều! Trên thế giới này, chỉ cần có một đạo tràng, [nếu như] tất cả đại chúng trong đạo tràng ấy, tứ chúng đồng học xuất gia và tại gia đều có thể thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, thực hiện Thập Thiện Nghiệp một trăm phần trăm, thực hiện Lục Hòa Kính một trăm phần trăm; đạo tràng ấy sẽ được chư Phật tán thán, long thiên thiện thần bảo vệ, nơi ấy chẳng gặp tai nạn. Quý vị nói xem, công đức to cỡ nào, thật sự tu phước báo! Nếu quý vị chẳng cầu vãng sanh, mà cầu phước báo nhân thiên, đời sau quý vị sẽ là thiên vương. Sanh vào nhân gian, quý vị sẽ là một vị quốc vương có oai quyền nhất trong nhân gian, hưởng thụ phú quý trong cõi trời người. Nhưng quý vị không hiểu, ở trong đạo tràng phá hoại Lục Hòa Kính, hủy diệt đạo tràng ấy, quả báo trong tương lai sẽ là A Tỳ địa ngục, là địa ngục khổ nhất trong các địa ngục. Có gì quý vị cứ phải đến nơi này để tạo nghiệp ấy? Có gì quý vị cứ phải làm chuyện ấy? Hiện thời, thậm chí còn nói: “Hết thấy những chuyện không tốt đừng cho lão pháp sư biết”. Quý vị không cho tôi biết, chẳng phải là tôi không biết, tôi không nói đó thôi! Quý vị cho tôi biết, tôi sẽ nói tới; không cho tôi biết, tôi không đề cập; nhưng như thế nào? Tôi nhìn trừng trừng thấy quý vị đọa lạc trong địa ngục A Tỳ, đáng thương thay! Đức Phật gọi những người ấy là *“kẻ đáng thương xót”*! Vì sao? Khuyên lớn mà họ chẳng nghe!

Những đạo tràng khác không giảng kinh, còn đạo tràng này giảng kinh hằng ngày. Một đạo tràng như vậy, quý vị tìm khắp cả thế giới, chẳng tìm thấy một chỗ thứ hai! Đạo tràng giảng kinh chắc là có, nhưng giảng mỗi ngày, một năm ba trăm sáu mươi ngày chẳng ngừng, chẳng hề có! Sau đấy, quý vị mới biết đạo tràng này thù thắng, thù thắng ở chỗ nào? Giảng kinh nhằm hiểu lý, liễu giải chân tướng sự thật. Quý vị nghiêm nhiên dùng ác tâm và ác niệm phá hoại đạo tràng, tạo tội nặng cỡ nào! Quý vị làm chuyện xấu kiểu nào trên cả thế giới, tội ấy đều chẳng nặng. Phá hoại đạo tràng này, tội của quý vị nặng lắm! Quý vị có suy nghĩ kỹ càng hay chưa?

Điều thù thắng nhất của đạo tràng là mọi người cùng nhau học Phật pháp, nhất là học kinh điển thù thắng bậc nhất trong Phật giáo, tức là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Quý vị đến nơi này, chẳng học cùng mọi người, lại phá hoại ở nơi đây! Người ta đang nghe kinh ở đây, quý vị kéo người ấy ra ngoài làm chuyện khác. Quý vị chẳng để cho người ấy nghe buổi giảng kinh này, hành động ấy cũng gây nghiệp rất nặng. Quý vị phải hiểu [nghiệp ấy] nặng nề đến mức nào! Trong quá khứ, chúng tôi đã từng giảng bộ Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh, có giảng ký. Quý vị trở về hãy đọc cho kỹ, sẽ hiểu quý vị đã phạm tội gì, trong tương lai sẽ mắc quả báo gì. Phá hoại cơ duyên nghe pháp của người khác, quả báo của chính quý vị trong tương lai sẽ là đời đời kiếp kiếp ngu si! Vì sao làm chuyện ấy? Quý vị có thể thành tựu một người, dẫn một người bạn, hoặc một ai đó đến nghe kinh, công đức ấy cũng rất ư to lớn, đời đời kiếp kiếp được thông minh, trí huệ. Quý vị giúp đỡ kẻ khác khai ngộ, tức là giúp đỡ người ấy kết duyên với Phật! Do vậy, tôi cứ thường khuyên lơn, khích lệ: Khi chúng tôi giảng kinh, tất cả hết thấy mọi người trong đạo tràng thấy đều nghe kinh, bất cứ chuyện gì cũng đều tạm thời buông xuống, chẳng làm việc trong hai giờ ấy. Có chuyện gì xảy đến, đợi sau khi chúng tôi giảng kinh xong, quý vị sẽ lo liệu. Nhân duyên ấy trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, còn có chuyện gì lớn hơn chuyện này khiến cho quý vị phải bận lòng? Nghe kinh nhiều năm ngàn ấy, ngay cả ý nghĩa này mà còn chẳng nghe hiểu, cho thấy điều gì? Về căn bản, quý vị chẳng nghe kinh! Căn bản là chẳng hiểu Phật pháp là gì! Điều rất khó có là nay chúng tôi giảng phần kinh văn này!

Bài kệ thứ hai nói về vấn đề nhân sự (mối quan hệ giữa mọi người với nhau) trong nhà. Quý vị xem câu đầu, *“hiếu sự phụ mẫu, đương nguyện chúng sanh, thiện sự ư Phật, hộ dưỡng nhất thiết”* (hiếu thảo cha mẹ, nguyện cho chúng sanh, khéo phụng sự Phật, hộ trì, phụng dưỡng

hết thầy). Chúng ta xem phần chú giải của Thanh Lương đại sư, hãy đọc chú giải một lượt.

---o0o---

(Sớ) Thứ nhất.

(疏)次一。

(Sớ: Điều kế tiếp).

Đây là bài thứ hai.

(Sớ) Tại gia hành hiếu nguyện, dĩ thị chí đức hạnh bốn, cố thủ nhi minh chi.

(疏)在家行孝願，以是至德行本，故首而明之。

(Sớ: Nguyện tại gia thực hiện hiếu thảo, do hiếu chính là cội gốc của đức hạnh cao tột, nên nêu ra đầu tiên).

Chúng tôi nói câu này trước. Phật pháp là sư đạo, nhất định phải biết điều này. Phật pháp là giáo dục, là sư đạo. Sư đạo nhất định phải kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Chẳng có hiếu đạo, lấy đâu ra sư đạo? Vì thế, đức Phật dạy dỗ chính là thầy dạy học trò. Từ xưa tới nay, thầy dạy trò là dạy gì? Dạy trò hiếu thuận với cha mẹ, chẳng dạy chi khác! Năm ngàn năm giáo hóa đều nhằm dạy luân lý đạo đức; trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nhắc tới chuyện này rất nhiều! Giáo dục của Trung Hoa chẳng rời khỏi Ngũ Luân, Bát Đức. Ngũ Luân là giáo dục luân lý; về luân lý thì dạy điều gì? [Chính là như] trong các buổi giảng, [tôi thường nói] quan hệ giữa người và người với nhau. Giữa con người với nhau, phải nên đối xử với nhau như thế nào. Quý vị nói xem vấn đề này to lớn cỡ nào!

Xã hội hiện thời loạn đường ấy, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng có ai biết mối quan hệ giữa con người với nhau! Con cái giết cha, giết mẹ mà coi như không có chuyện gì xảy ra, do không hiểu mối quan hệ đấy mà! Tôi nghe cư sĩ Thái Lễ Húc giảng Đệ Tử Quy, có trích dẫn một câu chuyện. Tại Tứ Xuyên ở Trung Hoa, cũng là vào một hai năm trước, có một đứa nhỏ mười mấy tuổi đã hạ độc vào thức ăn giết chết cả cha lẫn mẹ! Nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích lãnh tiền bảo hiểm [nhân mạng] của cha mẹ để mua một cái điện thoại di động! Do một cái điện thoại di động bèn có thể giết chết cha mẹ! Trên thực tế, tiền bảo hiểm của cha lẫn mẹ mới được một món tiền hơn một vạn nhân dân tệ! Về sau, khi phá án, lúc bị quan tòa thẩm vấn, nó tỉnh bơ như không có chuyện gì. Về căn bản

là chẳng hiểu, chẳng hiểu mối quan hệ đối với cha mẹ, căn bản là không biết giết cha mẹ là có tội! Có sao con người biến thành như vậy? Vào thời cổ tại Trung Hoa, có một câu cửa miệng là “*thất giáo*” (失教). “*Giáo*” là giáo dục, [“*thất giáo*”] nghĩa là chẳng được giáo dục, “*thất giáo*” [nghĩa là như vậy đó]. Nếu một người chẳng tiếp nhận giáo dục, cổ thánh tiên hiền bảo kẻ ấy chẳng khác gì súc sanh. Thậm chí còn chẳng bằng súc sanh! Cọp, sói là mãnh thú, chẳng ăn thịt con cái của chính mình. Vì thế, nói là “*ngay cả cầm thú cũng chẳng bằng*”!

Nếu chúng ta nghiên cứu là do nguyên nhân nào ư? Vì sao tạo thành như vậy? Chúng ta suy ngẫm cặn kẽ, [sẽ thấy] là do chẳng có giáo dục luân lý đạo đức. Chẳng có giáo dục luân lý, sẽ chẳng hiểu mối quan hệ với người khác. Chẳng có giáo dục đạo đức, sẽ chẳng biết phải nên đối xử với người khác ra sao. Chẳng có giáo dục nhân quả, sẽ không biết làm những chuyện ấy là sai lầm! Tuổi nhỏ, mới mười mấy tuổi, nếu quý vị đòi cha mẹ cho tiền mua điện thoại di động, nhất định là cha mẹ chẳng ưng thuận. Chẳng được ưng thuận, làm thế nào đây? Hại chết họ! Tôi thấy tình hình này trong xã hội hiện thời rất lo lắng, sợ nó sẽ trở thành trào lưu, đáng ngại lắm!

Năm trước, tôi ở Ba Lê và Luân Đôn, những đồng học bên đó đã kể: Hai tuần trước, ở Ba Lê nước Pháp đã xảy ra chuyện đứa em trai giết anh. Thằng em mới mười bốn tuổi, cũng coi như không có chuyện gì hết, [nó coi chuyện sát nhân] giống như gì? Giống như giỡn chơi. Coi chuyện giết người như chuyện chẳng đáng kể chi hết! Lúc ấy, tôi nghe chuyện đó, bảo những đồng học bên ấy: “*Đấy là điềm báo cho hiện tượng tận thế của thế giới này, chẳng phải là chuyện nhỏ nhoi, chẳng thể bỏ qua, coi nhẹ được!*” Vì sao? Hiện thời, mỗi tuần đều nghe thấy chuyện ấy. Cha con, cha mẹ, vợ chồng giết nhau, mỗi tuần có thể nghe thấy vài lượt, sẽ nghe tin tức ấy [đăng tải] vài lần trên cả thế giới. Mười năm sau, mỗi ngày có thể nghe [chuyện ấy] mấy chục lần. Hai mươi năm sau, mỗi ngày tối thiểu có thể nghe tin ấy một hai trăm lượt. Tôi nói điều ấy được gọi là “*tận thế*”, đáng sợ lắm, đáng kinh hãi lắm!

Phần tử khủng bố là do dạy dỗ mà ra. Tôi đã nói rất nhiều: Phật, Bồ Tát là dạy dỗ mà ra, thánh hiền là do dạy dỗ mà ra, người tốt do dạy dỗ mà ra, kẻ xấu cũng là do dạy dỗ mà ra, phần tử khủng bố vẫn là do dạy dỗ mà thành! Quý vị dạy họ như thế nào? Hiện thời, đối với sự giáo dục, mọi người đã quên bằng trách nhiệm! Vào thời cổ, tại Trung Hoa, bất cứ ai cũng có sứ mạng “*quân, thân, sư*”. “*Quân*” (君) là lãnh đạo, cầm đầu. Quý vị phải hướng dẫn người khác tốt đẹp, lãnh đạo địa phương tốt

đẹp, chớ nên nêu gương xấu. “*Thân*” (親) là thân ái, quý vị phải yêu thương, che chở họ. “*Sư*” (師) là thầy, quý vị phải khéo dạy bảo họ. Dạy luân lý đạo đức, dạy nhân quả báo ứng, khiến cho họ trong đời này thật sự trưởng thành tốt đẹp, làm một người tốt trong thế gian, sống cuộc đời thật sự hạnh phúc mỹ mãn.

Giáo dục hiện thời là gì? Trong nền giáo dục hiện thời, ai nấy đều chẳng dạy, quốc gia chẳng dạy. Trước kia, quốc gia chịu trách nhiệm giáo dục, người làm đế vương là “*kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Quốc gia chọn lựa, đề bạt nhân tài, nay nói là “*tuyển chọn cán bộ*”. Những người có học xưa kia, hễ ưu tú đều được chọn làm quan. “*Học nhi ưu tắc sĩ*” (Học vấn giỏi giang bèn làm quan). Chế độ ấy do Hán Vũ Đế kiến lập, lập ra vào đời Hán. Tuyển chọn, chọn lựa đề bạt nhân tài ưu tú để làm cán bộ cho nước nhà. Ai tuyển chọn? Chẳng phải là do dân chúng tuyển chọn, mà là do quan viên địa phương chọn lựa. Điều kiện là gì? Hai điều kiện: Một là hiếu, hai là liêm. Kẻ ấy có thể hiếu thuận với cha mẹ, sẽ có thể tận trung vì nước nhà, vì xã hội. Nếu kẻ ấy liêm khiết, sẽ chẳng tham ô. Vì thế, xưa kia, quan viên địa phương đi khắp nơi dò hỏi, xem xét những đứa trẻ nào vừa hiếu thuận với cha mẹ, lại chẳng tham tiền, bèn chọn lấy để quốc gia vun bồi, quốc gia bồi dưỡng. Trong tương lai, nó sẽ trở thành quan viên hoặc cán bộ cho nước nhà!

Điều kiện chọn lựa, đề bạt ấy hay lắm, đã đơn giản lại còn dễ hiểu, [các quan viên địa phương] ngấm ngấm điều tra, thăm dò. Ở trong nhà, nó có hiếu thuận với cha mẹ hay không? Gộp hai điều kiện ấy lại để chọn ra. Thời cổ, trường học ít, mỗi huyện chỉ có một trường, học trò được chọn lựa như vậy. Sau khi đã nhập học [trường huyện], học phí hoàn toàn do đất nước trả, hết thảy các thứ chi phí cấp dưỡng trong cuộc sống đều do quốc gia cấp phát. Vì thế, gia đình của chính đứa trẻ ấy chẳng cần phải bận lòng. Người cùng khổ cũng vậy, chỉ cần con cái được nhập học, sẽ được một phần lương bổng của quốc gia, được quốc gia vun vén cho. Chế độ ấy hay lắm, mãi cho đến đời Thanh đều là như vậy. Qua nhiều đời, chế độ tuyển cử hiếu liêm chẳng phế bỏ. Đến thời Dân Quốc mới bị gạt bỏ, đúng là đáng tiếc!

Vì thế, đối với chữ Hiếu ở đây, Ngài (Thanh Lương đại sư) bảo là “*chí đức*”, là “*hạnh bổn*”. Đối với chữ Chí Đức và Hạnh Bổn, trong lời Sao còn có chú giải, chúng ta đọc lời Sao một lượt, rất hay!

(Sao) Dĩ thị chí đức đẳng giả.

(鈔)以是至德等者。

(Sao: “Chí đức” v.v... chính là).

Lời Sao giảng về câu “chí đức hạnh bốn, cố thủ nhi minh chi” (là đức tốt cùng, là cội gốc của hạnh, nên nêu ra đầu tiên), giảng giải câu ấy.

(Sao) *Tức ngoại điển ý.*

(鈔)即外典意。

(Sao: Ý nghĩa từ sách vở ngoài nhà Phật).

“Ngoại điển” nghĩa là chẳng phải kinh điển của Phật giáo, mà là sách vở của Nho gia. Ý nghĩa ấy xuất phát từ sách vở của Nho gia. Tiếp đó, nêu ra [cụ thể].

(Sao) *Cổ Hiếu Kinh, Phu Tử ngữ Tăng Tử viết.*

(鈔)故孝經夫子語曾子曰。

(Sao: Bởi trong Hiếu Kinh, Khổng Tử bảo Tăng Tử).

Khổng phu tử nói với học trò của Ngài là Tăng Tử.

(Sao) *Tiên vương hữu chí đức yếu đạo, dân dụng hòa mục, thượng hạ vô oán, nhữ tri chi hồ?*

(鈔)先王有至德要道，民用和睦，上下無怨，汝知之乎。

(Sao: Tiên vương có đạo trọng yếu, đức tốt cùng, khiến cho dân chúng hòa thuận, người trên kẻ dưới chẳng oán hờn nhau, ông có biết hay chẳng?)

Quý vị xem mấy câu này, [đó chính là điều] cần thiết cấp bách cho xã hội hiện thời! Xã hội hiện thời bất hòa, người trong xã hội hiện thời đầy ắp oán hận. Ai mà chẳng không hy vọng nhân dân đối xử hòa thuận, kẻ trên người dưới chẳng oán hận nhau? Hiện thời, kẻ trên oán dân đến không nghe lời, không tuân thủ pháp tắc, kỷ cương. Nhân dân ở phía dưới thì chẳng vừa lòng đối với cấp lãnh đạo, nay thường nói là “dân oán”. Trong những vấn đề khiến dân chúng oán hận, chuyện dễ nảy sinh nhất chính là sự mất quân bình giữa người giàu và kẻ nghèo! Nghèo và giàu vốn chẳng quân bình, vì sao? Nghiệp báo của mỗi cá nhân khác nhau, trong đời quá khứ đã tạo nghiệp khác nhau! Nhưng nếu là người thật sự hiểu lý, người giàu có thể giúp đỡ kẻ nghèo, sẽ chẳng có oán hận. Người giàu có chỉ lo hưởng phước, không chịu giúp đỡ kẻ nghèo, sẽ là như ngôn ngữ đã nói: “Một nhà no ấm, ngàn nhà oán”. Một nhà quý vị

sống đời phú quý, ngàn nhà đều oán hận, quý vị có dễ sống hay chẳng? Chẳng dễ sống!

Năm trước, tôi sang thăm Ấn Nê (Indonesia). Indonesia có vài lần biến loạn bài trừ người Hoa, người Hoa cũng bị tổn hại khá nặng! Tôi nói với các bằng hữu Hoa Kiều: “Họ oán hận các vị, các vị hãy nên tìm cách hóa giải. Ở đây, quý vị kiếm rất nhiều tiền, mà chẳng biếu tặng họ. Nếu quý vị bỏ ra một phần mười thu nhập để bố thí, giúp đỡ người nghèo, tuyệt đối sẽ chẳng có những cuộc động loạn ấy, người dân nhất định sẽ ưa thích, yêu mến quý vị. Không chỉ là chẳng tổn hại, mà sẽ còn giúp đỡ quý vị. Quý vị chẳng ban tặng, đương nhiên là sẽ bị oán hận, sẽ có những sự kiện như vậy nảy sinh”. Tôi nói: - Tôi chẳng phải là người dân Indonesia, nhưng tôi hết sức quan tâm đến chuyện giáo dục. Vì sao? Giáo hóa họ tốt đẹp hơn! Tôi tặng học bổng cho đại học Indonesia. Đối với sáu thành phố lớn của Indonesia, tại mỗi thành phố, tôi chọn ra một trường đại học, hằng năm trao học bổng. Tôi chẳng cầu mong gì, tôi không mong di dân đến định cư tại Indonesia. [Tôi làm như vậy vì] đây là chuyện chúng ta phải nên làm. Hiện thời đất nước họ xã hội động loạn, nguyên nhân là ở chỗ nào? Cần phải bồi dưỡng nhân tài. Bởi lẽ, giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Tôi lập quỹ học bổng tại sáu ngôi trường, người Indonesia có cái nhìn đối với tôi như thế nào? Chính họ kể điều ấy với tôi: “Thưa pháp sư, người Indonesia nói, pháp sư Tịnh Không còn yêu mến Indonesia hơn người Indonesia”. Tôi đã dùng bao nhiêu tiền? Quá ít. Tâm chân thành quan tâm, giúp đỡ họ, điều này quan trọng lắm! Chúng ta hy vọng xã hội an định, hy vọng nhân dân đều có thể đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận.

Quốc gia Indonesia thừa nhận năm tôn giáo²², năm tôn giáo hết sức hòa thuận, tôi cùng họ cư xử rất tốt. Họ tặng tôi học vị Tiến Sĩ danh dự, tôi rất hoan hỷ tiếp nhận. Đây là một nước Hồi giáo lớn bậc nhất trên thế giới, toàn quốc là hai ức ba ngàn vạn người. Người theo đạo Hồi (Y Tư Lan giáo, Islam), chiếm đến tám mươi sáu phần trăm, gần như là hai ức người! Vì thế, đại học đạo Hồi có thể làm như vậy, tôi cũng rất cảm động. Nơi ấy an định, toàn thể châu Á sẽ an định. Chúng ta xem xét vấn đề, hãy nhìn vào toàn thể thế giới, đừng nên nhìn vào một quốc gia, một vùng, mà hãy nhìn vào toàn thể thế giới. Giúp đỡ toàn thể thế giới hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình, đây là một chuyện tốt đẹp. *“Dân chúng hòa thuận, kẻ trên người dưới không oán hận”*, nguyên nhân là gì? Như trong phần trước đã nói, *“chí đức yếu đạo”*. Đức đạt tới đỉnh cao nhất thì gọi là *“chí đức”*.

Quý vị xem phần kinh văn kế tiếp...

(Sao) Chú vân.

(鈔)注云。

(Sao: Chú giải rằng).

Dưới đó có chú giải.

(Sao) Chí đức giả, hiếu để dã.

(鈔)至德者，孝悌也。

(Sao: “Chí đức” là hiếu để).

“Chí đức” là gì? Hiếu để, phải dạy! “Hiếu” là con cái phụng sự cha mẹ, tức là biết mối quan hệ đối với cha mẹ, biết phải đối đãi với cha mẹ như thế nào. Hiếu đấy! “Để” (悌) là đối đãi tôn trọng, đối với những người tuổi tác lớn hơn ta, phải nên dùng tâm thái như thế nào để đối đãi. [Ai nấy] đều biết hiếu, đều biết kính, thiên hạ sẽ thái bình. Vì thế, giáo dục luân lý của Trung Hoa là hiếu để. Đối với giáo dục đạo đức, phần tiếp đó là nói về “hạnh bốn”.

(Sao) Yếu đạo giả.

(鈔)要道者。

(Sao: Đạo trọng yếu).

“Chí đức” là hiếu để, “yếu đạo” tức là đạo trọng yếu nhất chính là gì?

(Sao) Lễ nhạc dã.

(鈔)禮樂也。

(Sao: Là lễ nhạc).

Dùng lễ để ép hành vi của chúng ta vào khuôn khổ. Căn bản của lễ, thừa cùng quý vị, chính là Đệ Tử Quy. “Nhạc” là âm nhạc, ca múa. Dùng lễ để điều hòa cái thân, ngôn ngữ, cử chỉ, động tác của chúng ta phải hợp lễ, trong Đệ Tử Quy đều có! Nhạc nhằm điều hòa cái tâm, tức là [điều hòa] tình tự, ổn định tâm tình của chúng ta. Khổng tử “*san Thi Thư, định lễ nhạc*” (san định kinh Thi và kinh Thư, ấn định lễ nhạc). Quý vị xem kinh Thi, thời cổ gọi [bộ sách ấy] là Kinh Thi. Những bài thơ trong kinh Thi đều có thể phổ nhạc để ca hát. Trong khi nhảy múa, có thể biểu diễn. Đây là ca múa, [những bài thơ trong kinh Thi] là ca từ (lời ca). Chúng có tiêu chuẩn, Phu Tử đã định ra tiêu chuẩn: “*Nhất ngôn dĩ tế chi, viết tư vô tà*”

(Có thể nói gộp chung bằng một lời, chẳng nghĩ tà vạy). Nay chúng ta nói là “*biểu diễn văn nghệ*”, biểu diễn văn nghệ vào thời cổ có tiêu chuẩn là “*tư vô tà*”. Quý vị tham dự những cuộc tụ hội văn nghệ, những gì quý vị được xem, được nghe, được tiếp xúc, tuyệt đối sẽ chẳng khiến cho quý vị nảy sanh ý niệm bất hảo. Nghệ thuật của Trung Hoa [thời cổ] là như thế đấy!

Quý vị thấy hát tuồng trong quá khứ, người hiện thời đã không thích xem nữa. Bình Kịch, Côn Khúc²³, các loại tuồng từng vùng rất nhiều, nội dung của chúng là gì? Đều chẳng ngoài trung, hiếu, tiết, nghĩa, giáo dục điều này. Chúng chính là giáo dục. Trong ấy, đặc biệt nhấn mạnh, “*thiên có thiên báo*”, người lành nhất định có kết quả tốt đẹp. “*Ác có ác báo*”, kẻ ác đến cuối cùng nhất định bị trừng phạt, biểu diễn những điều ấy. Thời cổ, trường học chẳng nhiều như vậy, chẳng phát đạt như vậy, nhân dân được tiếp nhận giáo dục bằng lễ nhạc. Lễ biểu diễn ở chỗ nào? Trong cúng tế. Trong gia đình, cúng bái tổ tiên đều có lễ tiết. Tế Khổng Tử là đại tế điển (cuộc lễ trình trọng với quy mô lớn), đám cưới, đám ma, dựng vợ gả chồng, thầy đều có lễ tiết nhất định. Học lễ từ trong ấy. Từ các tiết mục văn nghệ, đã học được lễ nhạc. Có thể nói là hiếu lễ, lễ nhạc thầy đều biểu diễn, nhân dân tiếp nhận sự giáo dục từ chỗ này. Vì thế, vào dịp Tết, ngay cả nông thôn cũng đều có biểu diễn các tuồng hát, dùng loại phương thức này để giáo học phổ cập, “*giáo học làm đầu!*” Người học tập “*tu thân vi bản*”. Chúng ta chớ nên không biết chí đức yếu đạo, hiện thời thì sao? Hiện thời đúng là rất ít người biết!

Các tiết mục giải trí hiện thời, quý vị xem TV, xem phim ảnh, xem Internet, tôi suốt bốn mươi năm chưa tiếp xúc, dứt tuyệt duyên với những thứ ấy, ngay cả báo chí tôi cũng chẳng xem! Hằng ngày, tôi xem kinh Phật, xem sách vở của thánh hiền. Trong căn phòng nhỏ của tôi có Đại Tạng Kinh, có Tứ Khố Toàn Thư, tôi mỗi ngày đọc những thứ ấy. Làm bằng hữu với cổ nhân, tương đối cách xa người hiện thời đôi chút, nhưng cũng không [hoàn toàn] xa cách! Hằng ngày giảng kinh, dạy học ở đây, tiếp xúc cùng hiện tại. Trong ấy, có niềm vui thú, toàn là chánh diện, chẳng có thứ gì phản diện. Vì thế, mới thấu hiểu sâu đậm lời Phu Tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Trong ấy, có chân lạc. Đối với chí đức yếu đạo, nếu quý vị chẳng thật sự thâm nhập cảnh giới của thánh hiền, sẽ chẳng hiểu nổi! Sau khi đã hiểu, quý vị có thể y giáo phụng hành thực hiện, xác thực là có lạc trong ấy. Đó là chân lạc, chẳng phải là giả lạc. Lạc ấy chẳng phải do sự kích thích từ bên ngoài, mà là sự hỷ duyệt sanh từ trong nội tâm,

pháp hỷ sung mãn. Phật pháp thường nói là “*thường sanh tâm hoan hỷ*”. Người thường sanh lòng hoan hỷ, như trong phần trước đã nói, mỗi tế bào trên toàn thân đều là kết tinh đẹp đẽ nhất. Đó là khỏe mạnh, sống lâu, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, chẳng có phiền não, thân tâm thanh tịnh! Nay thời gian đã hết rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem phần chú giải tiếp theo.

(Sao) Cổ thượng chí thiên tử, hạ chí thứ nhân, giai đương hành hiếu, vô thí chung dã.

(鈔)故上至天子，下至庶人，皆當行孝，無始終也。

(Sao: Vì thế, trên là cho đến thiên tử, dưới là cho đến thường dân, đều thực hành hiếu, chẳng có khởi đầu hay kết thúc).

Mấy câu này hết sức trọng yếu! Bất luận là thiên tử sang cả bên trên, cho đến dưới là bá tánh bình dân, ai nấy đều phải nên tận hiếu. “Hiếu” là căn bản để làm người, cho nên lịch đại đế vương Trung Hoa không ai chẳng dùng hiếu để trị thiên hạ. Bản thân đế vương nêu gương cho nhân dân thấy, nhân dân tất nhiên là “*trên làm, dưới bắt chước theo*”. Thấy bề trên nêu gương, tự nhiên họ học tập theo; đấy là giáo học. Vì thế, đế vương đã thật sự thực hiện ba chữ “*quân, thân, sư*”. Đấy là sứ mạng, là chức trách của họ. “*Quân*” là lãnh đạo, hướng dẫn nước nhà đạt đến giàu, mạnh, an vui, hướng dẫn luân lý, đạo đức. Đấy là lãnh đạo. “*Thân*”: Thân là phải nuôi nấng dân chúng, phải thực hiện đường lối cai trị rất tốt, khiến cho cuộc sống của nhân dân có thể sống rất tốt đẹp, chẳng thiếu hụt. Đó là trách nhiệm về Thân. Thân là phải dưỡng dân. Nếu chỉ có dưỡng, cuộc sống rất giàu có, dư dả, cơm áo có thể ăn no, mặc ấm, sống rất thoải mái, nhưng nếu không dạy dỗ, người và cầm thú chẳng khác nhau cho mấy! Sở dĩ con người khác cầm thú là do giáo dục. Vì thế, quốc gia kiến lập giáo dục, nếu muốn thu được hiệu quả tốt đẹp, vua một nước nhất định phải dẫn đầu học tập, nêu gương tốt cho nhân dân.

Theo lịch sử Trung Hoa ghi chép, sớm nhất là thời Nghiêu Thuấn. Vào thời Nghiêu Thuấn, [nước nhà] mới thiết lập cơ cấu chuyên môn xúc tiến giáo dục. Sách chép điều này như sau: “*Sử Khế*” (sai ông Khế), Khế (契) là tên người²⁴, “*vi Tư Đồ*” (làm Tư Đồ). Tư Đồ (司徒) là một chức quan, là danh xưng của một viên chức, chủ quản giáo dục. Vì thế, cũng

giống như là nói chánh phủ có cơ cấu chuyên môn dạy học. Về sau, diễn biến thành bộ Lễ. Dưới Tế Tướng có sáu bộ, bộ thứ nhất là giáo dục, giáo học làm đầu mà! Trong sáu bộ, sắp xếp tên gọi bộ trưởng, giáo dục được xếp hàng đầu. Lễ Bộ Thượng Thư chính là bộ trưởng bộ giáo dục trong hiện thời. Nếu Tế Tướng chẳng thể trông nom sự việc, Lễ Bộ liền thay thế. Có thể thấy mọi người tôn trọng giáo học ngàn ấy! Đế vương và đại thần cùng nhau học tập.

“Vô thi chung”, câu này nói hay lắm! Chúng ta học luân lý đạo đức, có lúc tốt nghiệp hay không? Chẳng có! Có nói lứa tuổi nào mới bắt đầu hay không? Chẳng có! Học từ tấm bé! Trong phần trước, tôi đã nhiều lần thừa trình cùng chư vị về chuyện này. Giáo dục tại Trung Hoa là từ bé sanh ra được ba, bốn ngày bèn bắt đầu. Quyết chẳng phải là như hiện thời nói đến “độ tuổi đi học”: Tới lúc ba, bốn tuổi thì học mẫu giáo, sáu, bảy tuổi có thể vào Tiểu Học. Chẳng có tuổi nhập học, tại Trung Hoa chẳng có! Tại Trung Hoa, học là *“chẳng có khởi đầu hay kết thúc, sống đến già, học đến già”*, vẫn học chẳng xong! Đây là quan niệm giáo học của Trung Hoa, chẳng có ai không học, trên là từ thiên tử, dưới là cho đến thường dân, hằng ngày đều học! Chẳng thể nói là đã già rồi [không học nữa]! Năm nay, tôi đã tám mươi tuổi, vẫn học, hằng ngày đọc sách, chẳng có ngày nào không đọc sách. Nếu không đọc sách, ngày ấy sẽ rất khó chịu, toàn thân chẳng thoải mái. Đọc sách bèn rất thoải mái. Đây là lời chân thật. Có những người tuổi tác đã cao, sáu mươi, bảy mươi: “Sáu, bảy mươi tuổi rồi còn đọc sách làm chi nữa?” Quan niệm ấy sai rồi! Do vậy, người hiện thời có quan niệm sai lầm đông lắm, người thật sự hiểu biết quá ít!

Hành hiếu đạo rất khó khăn, nhưng nhất định là phải học, phải thi hành Đệ Tử Quy. Phải biểu hiện lòng hiếu trong cuộc sống hằng ngày. Cha mẹ dạy, ngay lập tức phải vâng. Đây là lễ tiết, là chuyện nên làm. Cha mẹ bảo quý vị làm việc, phải ngay lập tức sốt sắng thực hiện. Nhưng vấn đề ở chỗ nào? Quý vị thấy Đệ Tử Quy dạy: *“Thân sở háo, lực vi cù”* (Điều gì cha mẹ ưa thích, hãy tận lực lo liệu). Kẻ làm cha mẹ hiện thời đều tham tài, “con hãy tận hết sức kiếm tiền về cho ta”, chuyện này khó quá! Quý vị làm như thế nào? Vì thế, thường ngày trong nhà, bản thân quý vị chẳng thể không đọc sách thánh hiền! Gia đình là một luận đàn, thường xuyên cùng người nhà, cha mẹ, vợ con thảo luận ý nghĩa luân lý đạo đức, những sự thật về nhân quả báo ứng, thường thảo luận những chuyện ấy, khiến cho quan niệm của người nhà thay đổi, chớ nên thuận theo thế tục. Thế tục đã khiến cho chúng ta lầm lạc!

Vì sao lòng người hiện thời bất thường? Xã hội hướng dẫn sai lầm, hướng dẫn lầm lạc nghiêm trọng. Chúng tôi từ bé, trước lúc lên mười, đã tiếp nhận một tí giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả từ miếu Thành Hoàng; hiện thời mọi người chẳng tin, nhưng tôi tin tưởng! Tôi suốt đời chẳng thay đổi, thiện có thiện báo, ác có ác báo. Xem tướng đoán mạng, tôi cũng tin tưởng. Từ nhỏ, lúc rất nhỏ tôi không biết, chẳng nhớ được, chứ khi hai mươi hai tuổi, tôi đến Đài Loan, khi đó, đã hiểu chuyện rồi, được tiếp xúc những người đoán mạng coi tướng, xem tướng cho tôi. Cũng rất khó có, họ cũng không giấu giếm, nói mạng của tôi rất khổ. Họ nói trong mạng của tôi, cung Tài rỗng tuếch, suốt đời chẳng có tiền. Bất luận làm chuyện gì, cũng đều chẳng thể kiếm tiền. Trong mạng chẳng có quan ấn, anh cũng chẳng làm quan được. Ngay cả làm những vị chủ quản, anh cũng chẳng có phần! Sau này, tôi xuất gia, xuất gia thì anh cũng chẳng có mạng làm Trụ Trì. Trụ Trì, Đương Gia, những địa vị ấy đều là có quyền lực, anh đều chẳng có phần. Suốt đời này, anh chỉ có thể làm thanh chúng, trong mạng chẳng có! Chẳng có thì cầu chẳng được!

Trong quá khứ, tôi đã từng thấy một vị tướng quân, làm Thiếu Tướng, được thăng chức lên Trung Tướng. Mệnh lệnh còn chưa công bố, nhưng tin tức đã lộ ra, ông ta biết tin rất vui vẻ, bày một bàn tiệc rượu mời các bạn thân đến ăn mừng. Mệnh lệnh vẫn chưa được công bố. Khi đang uống rượu, chẳng biết là như thế nào, do uống quá nhiều hay là như thế nào đó, chết ngỏm, chết ngay trên bàn tiệc! Bằng hữu liền nói: “Ông ta chẳng có mạng ấy. Mạng ông ta chỉ có một sao. Hai sao đè ông ta chết tươi!” Chúng tôi nghe nói vậy, [cảm thấy] có lý quá. Người chẳng thể tranh đua với mạng, trong mạng có thì nhất định sẽ có. Trong mạng chẳng có, không cần tranh! Giáo dục nhân quả khiến cho chúng ta suốt đời tâm bình khí hòa. Tuy cuộc sống hết sức khổ sở, chúng ta vẫn chẳng oán trời hờn người!

Lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng tôi quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Thuở ấy, có lẽ tôi khoảng hai mươi lăm tuổi, còn chưa học Phật. Tôi đã đọc một hơi quyển sách ấy ba mươi lần, đại khái là hơn ba mươi lần trong hơn một tháng, hết sức cảm động! Các tập khí ác lúc trẻ của tiên sinh Liễu Phàm tôi thấy đều có. Ông ta còn có một chút phước báo, tôi thua kém ông ta. Ông ta còn có thể đậu Tú Tài, tôi ngay cả Tú Tài trong mạng cũng chẳng có! Ông ta còn có thể làm huyện trưởng, mạng tôi chẳng có huyện trưởng, chẳng bằng ông ta. Đọc sách ấy, rất cảm động. Lời khai thị của thiền sư Vân Cốc khiến cho chúng tôi hiểu, những gì thầy bói xem tướng đã đoán chính là định số, định số là tiền định. Đời trước, quý vị chẳng tu,

đời trước chẳng tu tài bố thí, há quý vị có của cải? Đời trước nhất định là rất keo kiệt, vắt cổ chày ra nước, cho nên đời này túng quẫn. Đời trước chẳng tu vô úy bố thí, đời này đoản mạng. Người ta coi bói cho tôi, không chỉ một người, mà rất nhiều người đều nói tôi sống không quá bốn mươi lăm tuổi, tôi rất tin tưởng. Cũng may là đời trước chắc là có một chút pháp bố thí, có nghĩa là còn có một chút thông minh, trí huệ, từ nhỏ đã được luân lý, đạo đức, nhân quả un đức, còn có một chút lương tâm, chẳng dám làm chuyện thương thiên hại lý, chẳng dám làm chuyện tổn người lợi mình. Đây là giáo dục nhân quả.

Sau khi được thiền sư Vân Cốc khai thị, hướng dẫn, chúng tôi mới hiểu trong định số có biến số. Biến số là mỗi ngày có cộng, trừ, nhân, chia. Quý vị làm chuyện tốt, bèn cộng thêm điểm, làm chuyện xấu, bèn bớt điểm. Quý vị làm chuyện tốt to lớn, bèn nhân lên; làm chuyện xấu to lớn, bèn chia ra! Hằng ngày bị cộng, trừ, nhân, chia, mỗi năm đều cộng, trừ, nhân, chia. Chúng tôi bèn hiểu rõ, những khuyết điểm, tập khí của chính mình đều phải sửa đổi, nghiêm túc sửa, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, sửa đổi vận mạng! Tiên sinh Liễu Phàm đại khái sửa đổi trong bốn, năm năm, tôi cũng gần như là như vậy. Do sửa đổi, mạng vận về sau chẳng tương ứng [với những lời đoán định trước đó]. Nhưng lúc bốn mươi lăm tuổi, tôi vẫn bị bệnh một trận, tôi nghĩ rằng mình sẽ phải ra đi! Tôi hoàn toàn chẳng cầu trường thọ, mà cũng chẳng cầu phú quý, điều gì tôi cũng không cầu. Sau khi đã học Phật, chỉ cầu niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Trong lúc ngã bệnh, niệm A Di Đà Phật, cầu đức Phật đến tiếp dẫn. Niệm suốt một tháng, lành bệnh! Đời này, tôi rất ít khi bị bệnh!

Có một năm, tôi gặp Cam Châu Hoạt Phật. Vị này là bạn đã lâu, Ngài lớn hơn tôi mười mấy tuổi, cũng là học trò của Chương Gia đại sư. Vì thế, chúng tôi có tình sư huynh sư đệ, Ngài là lớp đàn anh của tôi! Khi gặp tôi, Sư rất hoan hỷ, bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không ơi! Sau lưng ông, chúng tôi thường bàn luận về ông đấy”. Tôi hỏi: “Bàn luận chuyện gì về tôi vậy?” Sư đáp: “Người rất thông minh, khá lắm, đáng tiếc là chẳng có phước báo, lại đoản mạng”. Tôi đáp: “Không cần nói sau lưng, cứ nói ngay mặt tôi, tôi có thể tiếp nhận, chẳng kiêng dè chi hết”. Sư bảo: “Trong mấy năm nay, ông hằng ngày giảng kinh, thuyết pháp, đã biến đổi rồi”. Tôi nói: “Biến đổi ra sao?” “Không chỉ là trong tương lai ông có đại phước báo, mà thọ mạng còn rất dài!” Rất đáng tiếc là năm sau, sư Cam Châu vãng sanh. Đây là một vị thượng sư tốt trong Mật Tông, rất khó có!

Trong những năm qua, chúng tôi đoạn ác tu thiện càng nghiêm túc, càng nỗ lực. Tuy gặp rất nhiều nỗi vui dấp, bị người ta hiểu lầm, hủy

báng, lãng nhục, chướng ngại, thậm chí hãm hại, chúng tôi chẳng may ô m lòng oán hận. Không chỉ là chẳng oán hận, trả thù, mà tôi còn lập trường sanh lộc vị cho họ. Hằng ngày, chính tôi tụng kinh, niệm Phật, đều hồi hướng cho họ. Họ đều là thiện tri thức của tôi, nhắc nhở tôi, giúp tôi tiêu nghiệp chướng. Dẫu trong đời này chẳng tạo ác nghiệp, tôi biết là đời đời kiếp kiếp trước đã tạo ác nghiệp quá nhiều. Vì thế, tôi nghĩ những hành vi của họ đối với tôi đều giúp cho tôi tiêu nghiệp chướng; do vậy, tôi cảm ơn. Những kẻ bình phàm thấy vậy, đều cảm thấy rất lạ lùng. Họ chẳng hiểu *“oan gia nên tháo gỡ, chẳng nên buộc”*. Họ chướng ngại, hủy báng tôi, tôi nghĩ: Chắc là đời trước, ta đã chướng ngại, hủy báng họ, ăn miếng trả miếng đó mà! Nay họ đối với tôi như vậy, tôi tiếp nhận, chẳng hề hủy báng, chẳng hề oán hận, đã giải quyết xong xuôi! Từ nay về sau là bạn tốt. Vì thế, tôi thường chúc phước cho họ, hy vọng họ khỏe mạnh, sống lâu, phước huệ tăng trưởng. Đây là tâm thái đã học Phật và chưa học Phật khác nhau, hành vi khác hẳn! Trong đời này, tham, sân, si, mạn, những nổi ghen tỵ, oán hận thấy đều hóa giải, thân tâm yên ổn, pháp hỷ sung mãn. Đối với giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền, chúng tôi đều có thể thực hiện trong cuộc sống và trong công việc.

Công việc của tôi là giảng kinh, giáo học. Trừ chuyện này ra, tôi chẳng có công việc chi khác. Vì thế, trong mạng chẳng có tiền, tôi không bận tâm. Trong mạng chẳng có quan ấn, tôi không dựng chùa miếu, chẳng lãnh chúng. Chư vị biết các đạo tràng trước kia là do Hàn quán trưởng lập ra, đại khái là trong mạng bà ta có quan ấn, có phước báo, bà ta có thể lãnh chúng, những người ấy đều nghe lời bà ta. Sau khi bà đã mất, tôi lập một đạo tràng ở Đờ Văn Ba (Toowoomba) nhằm ổn định những đồng học xuất gia do bà ta thu nhận mà lập đạo tràng ấy, giao đạo tràng cho họ. Tôi cùng chánh phủ địa phương, các trường, cũng như cư dân địa phương của Úc có mối quan hệ hết sức tốt đẹp; vì thế, các đồng học muốn tôi đứng tên để làm việc cho tiện. Tôi nói: “Được! Đứng tên đã ba năm rồi, năm nay sẽ không đứng tên nữa”. Vào tháng Ba, bên kia có pháp hội, tức là dịp kỷ niệm chín năm Hàn quán trưởng vãng sanh, tôi thừa dịp pháp hội ấy, chẳng cần danh xưng ấy nữa, cũng chẳng đứng tên nữa, giao hết cho họ. Tôi nói, quý vị chừa cho tôi một căn phòng là được rồi. Nếu tôi nghỉ phép sang đó, có chỗ để ở, tôi đã hết sức mãn ý. Tôi xuất gia, thầy đặt tên cho tôi là Tịnh Không, suốt đời này, tôi phải làm sao cho danh phù hợp thực: “Có thanh tịnh, điều gì khác cũng đều chẳng có, danh tương xứng với thực!” Tốt lắm! Chẳng vướng mắc, chẳng ưu lự, chẳng có gì thừa thãi, vướng bận, chẳng có phiền não!

Vì thế, trong thời đại hiện tại, như Đệ Tử Quy đã dạy: *“Thân sở háo, lực vi cụ, thân sở ác, cần vi khử”* (Điều gì cha mẹ ưa thích, hãy tận lực lo tròn; điều gì cha mẹ ghét, hãy kính cần trừ bỏ). Chuyện này khó làm! Vì sao? Thế hệ làm cha mẹ, thậm chí thế hệ làm ông bà, đều đã sơ sót giáo dục luân lý đạo đức. Vì nhằm thời kỳ chiến tranh, loạn lạc, hằng ngày lo tỵ nạn, đúng là lo thân còn chẳng xuể! Vì thế, đã sơ sót chuyện chăm nom, dạy bảo con cái. Đời loạn mà! Mọi người đều rất coi trọng cuộc sống vật chất. Nếu yêu cầu quý vị làm chuyện không hợp lý, chúng ta chẳng thể chống trái, nhưng cũng chẳng thể làm theo. Vậy thì bình thường cần phải giảng giải về nhân quả luân lý đạo đức cho nhiều, kể nhiều chuyện xưa, người già thường thích nghe chuyện xưa. Kể những chuyện nhân quả báo ứng khiến cho họ hiểu: “Trong mạng có thì mới có; trong mạng chẳng có, chẳng thể cưỡng cầu”. Chẳng cưỡng cầu, chúng ta an bản lạc đạo, cuộc sống trong gia đình sẽ rất viên mãn, rất hạnh phúc. Khổng lão phu tử cũng sống rất nghèo túng, chẳng giàu có, dư dật. Nhan Hồi nghèo túng, ai nấy đều biết, nhưng cuộc sống rất vui sướng. Vui với đạo, *“ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu”* (chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời), chuyện này quan trọng lắm!

Nếu muốn cải thiện cuộc sống vật chất của chính mình tốt hơn, đức Phật dạy chúng ta, quý vị phải tin tưởng. Tài do đâu mà có? Bồ thí. Chương Gia đại sư dạy tôi điều này, tài bồ thí. Tôi chẳng có tiền của, thuở đó, tôi mỗi tháng kiếm được năm, sáu chục đồng Đài Loan mới²⁵, tự mình nuôi thân rất miễn cưỡng, lấy đâu ra tiền? Chương Gia đại sư bảo tôi: “Một đồng, hai đồng thì có thể bớt ra được chứ?” “Dạ được!” Mỗi tháng bớt ra năm đồng, mười đồng vẫn được, vẫn không khó, vậy là được rồi! Tài Bồ Thí đây! Khi ấy, tôi cũng thường đến chùa miếu. Trong chùa miếu, có người phóng sanh, mọi người đến quyên tiền, tôi cũng bỏ ra hai, ba đồng. Có người in kinh, quyên mộ ở đó, tôi cũng có thể quyên tặng dăm ba đồng. Hoan hỷ làm! Thường là hề gặp những chuyện ấy, bèn thường làm, càng làm càng nhiều! Vì thế, làm đến hiện thời, chính mình nghĩ lại, [cảm thấy] chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi tặng Đại Tạng Kinh, số lượng cũng rất đáng kể! Ngày hôm qua, tôi tính thử, hai mươi năm qua, chúng tôi đã biếu tặng Đại Tạng Kinh trên khắp thế giới, trước kia, tôi tính theo số lượng từng bộ Đại Tạng là năm ngàn năm trăm bộ, [không ngờ] trong đó đã bỏ sót một ngàn bộ, nay nhớ ra, đã vượt hơn sáu ngàn năm trăm bộ, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng ngờ được! Vì thế, tài thí càng thí càng nhiều. Pháp bồ thí, càng thí càng có trí huệ. Vô úy bồ thí, càng thí càng khỏe mạnh, càng trường thọ.

Vô úy bố thí thì thoát đầu là ăn chay. Ăn chay là vô úy bố thí. Chẳng ăn thịt chúng sanh, yêu thương, che chở chúng sanh, chẳng còn tổn thương, tàn hại chúng sanh nữa! Phóng sanh là tích cực cứu vớt, bảo vệ chúng sanh, quan tâm người già, quan tâm người tàn tật. Tôi đều vui vẻ giúp đỡ họ. Trong thế giới hiện thời, ai nấy lo âu xã hội bất an, phần tử khủng bố. Vì thế, tôi tham gia nhà trường, tham dự khá nhiều hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tận tâm tận lực giúp đỡ họ, làm thế nào để hóa giải xung đột, xúc tiến an định, hòa bình. Những điều này thuộc loại vô úy bố thí.

Nếu quý vị hỏi thông thường tôi làm những chuyện gì, tôi làm ba chuyện ấy, tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, vĩnh viễn chẳng có chừng hạn, chẳng cầu quả báo. Tuy không cầu quả báo, chi phí trong cuộc sống hằng ngày chẳng thiếu thốn, luôn có khá nhiều đồng tu biểu tặng, đồ ăn thứ mặc đều dùng không hết. Quần áo mặc không hết, thực phẩm cũng ăn không hết, đến khắp nơi tặng lại cho người khác, tặng cho người cần thiết. Tuy chẳng có nhà cửa, hoàn cảnh cư trú vẫn khá lấm. Tôi cảm thấy cách sống này, [đúng như] thuở trước thầy tôi đã nói, là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người! Vì thế, phải dạy cha mẹ, dạy người nhà, để họ biết nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mảy may, đừng mê muội lương tâm mà tổn hại người khác, sai mất rồi! Ngạn ngữ thường nói “*tổn người, lợi mình*”, chẳng thể làm chuyện này! Tổn người, chắc chắn sẽ hại chính mình, chẳng phải là lợi lạc chính mình. Lợi người mới thật sự là lợi lạc chính mình. Trong các buổi giảng, tôi đã nói lời này rất nhiều lần, nhất định phải thông hiểu!

Cầu tài, nghĩ trọn mọi phương pháp để kiếm tiền, quý vị bán những món đồ giả để lừa gạt người khác. Như hôm trước chúng tôi xem báo, tôi đã có nói với quý vị rồi đó. Trên báo có đăng tin với tiêu đề về hạt dưa. Tết nhất, hạt dưa là thứ bán theo thời vụ. Nghiễm nhiên có tới năm mươi lăm phần trăm [hạt dưa] có chất độc, thứ này còn có thể ăn được hay chẳng? Bán hạt dưa, quý vị nói có thể kiếm được bao nhiêu tiền? Đó là thứ có chất độc, chẳng sợ kẻ khác bị bệnh, không màng đến sự sống chết của người khác, cái tâm ấy bất hảo! Quý vị buôn bán để kiếm tiền, nếu trong mạng quý vị mỗi năm có thể kiếm được một trăm vạn; quý vị rắp tâm bất nhân, chẳng có lòng nhân từ, chẳng có đạo đức, chẳng đoái hoài người khác chết sống ra sao, bán những thứ có chất độc, có hại cho sức khỏe, đại khái là năm nay quý vị chỉ có thể kiếm tiền được năm mươi vạn! Nửa kia đâu rồi? Đã bị chiết giảm một nửa! Quý vị vẫn tưởng chính mình giỏi giang lắm, rất có tài, năm nay ta kiếm được không

ít. Chẳng biết năm nay của cải trong mạng quý vị lẽ ra phải nhiều gấp đôi, đã bị chiết giảm rồi! Nếu quý vị làm việc đúng lương tâm, hàng thật, giá thật, chẳng tăng giá, lúc nào cũng có thể nghĩ thay cho người khác, lúc nào cũng tạo thuận tiện cho người khác, trong mạng quý vị năm nay kiếm được một trăm vạn, có thể là năm nay kiếm được hai trăm vạn, tăng thêm! Thêm điểm! Người thế gian chẳng hiểu đạo lý này, cứ xử luôn khiến cho phước báo của chính mình bị giảm bớt. Quý vị nói xem, rất đáng tiếc!

Toàn bộ những chuyện này đều là giáo dục, là do lỗi chẳng đọc sách, do lỗi chẳng hiểu học. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều bất thiện, kẻ ấy mong tưởng đạt được thiện báo, há có lẽ ấy? Vì thế, thiện phước trong mạng do tu tập trong đời quá khứ đều chẳng thể hưởng viên mãn trong đời này, đều bị chiết giảm rất lớn! Rất đáng tiếc! Oan uổng quá! Vì thế, tại gia mà cha mẹ tuy có những đòi hỏi chẳng hợp lý, mong mỗi quý vị kiếm tiền bằng cách nào đó, dùng thủ đoạn như thế nào đó, chớ nên tiếp nhận, hãy nói cho rõ ràng! Nếu làm như vậy, chắc chắn là sẽ chiết giảm phước báo trong mạng của chính mình. Đúng lý, đúng pháp, chắc chắn đạt đại lợi ích, chớ nên không biết điều này!

Chúng ta lại xem tiếp lời chú giải kế đó.

(Sao) Ngôn hạnh bốn giá.

(鈔)言行本者。

(Sao: Nói là “cội gốc của hạnh”).

“Hạnh” là hành vi, “bốn” là căn bản, “hạnh bốn” là căn bản của hành vi.

(Sao) Tục điển dĩ hiếu vi bách hạnh chi bản.

(鈔)俗典以孝為百行之本。

(Sao: Sách vở thế tục coi hiếu là cội gốc của trăm hạnh).

Đây gọi là “bách thiện, hiếu vi tiên; vạn ác, dâm vi thủ” (trăm điều thiện, hiếu đứng đầu; muôn điều ác, dâm cầm đầu). Hiện thời, người trong thế gian này bất hiếu, dâm đứng đầu, đích xác là xếp hàng đầu, họ chẳng biết đó là căn bản của ác! Muôn điều ác, dâm đứng đầu! Vì thế, kẻ tạo tác hết thấy những điều bất thiện, vẫn làm quan lớn, vẫn hưởng phước báo rất lớn, chúng ta biết là kẻ ấy trong đời quá khứ đã tích lũy phước đức sâu dày như thế đó! Nếu kẻ ấy có thể khéo dùng cái tâm, giống như Văn Thù Bồ Tát ở đây đã dạy chúng ta, thành tựu hết thấy

công đức thù thắng, nhiệm màu, phước báo của người ấy có thể kéo dài mười mấy đời, hai mươi mấy đời, phước báo quá lớn! Đời đời kiếp kiếp hưởng chẳng hết! Nhưng kẻ ấy sơ sót giáo dục luân lý đạo đức, chỗ nào cũng dùng tâm hạnh bất thiện để đổi nhân xử thế, phước báo [đáng lẽ hưởng trong] mười đời, hai mươi đời, đã bị hưởng hết sạch ngay trong đời này! Nếu phước báo chẳng đủ sâu, đại khái là năm, sáu mươi tuổi đã hưởng hết, lúc về già sẽ rất thâm thảm. Công ty đóng cửa, sự nghiệp thất bại, đó là chiết giảm, suy hụt, ngay cả lúc tuổi già trong đời này cũng không thể chống chọi nổi! Tu tập, tích lũy sâu dày, có thể sẽ truyền được mười đời, hai mươi đời, vì tâm hạnh bất thiện [mà bị] chiết giảm. Quý vị có thể hưởng một đời, đời sau đã hết, chẳng có nữa! Cổ nhân thường nói “*phú bất quá tam đại*” (chẳng giàu hơn ba đời), đầy đều là do chính mình đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy rất sâu, rất dày. Chớ nên không biết những sự thật và đạo lý này!

Hiếu đễ là căn bản, là điều kiện tiên quyết để chẳng bị mất thân người! Lễ nhạc là căn bản để tu thân. Vì thế, trong mấy năm gần đây, chúng tôi đặc biệt coi trọng chuyện học tập Đệ Tử Quy, học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, học tập Liễu Phàm Tứ Huấn. Nếu chúng ta có những cơ sở ấy, sẽ có thể học tập phẩm Tịch Hạnh. Chẳng có cơ sở ấy, sẽ chẳng tiến nhập phẩm Tịch Hạnh được! Chúng ta niệm niệm cùng nhau nghiên cứu thảo luận, gieo chủng tử vào trong A Lại Da Thức, chủng tử của phẩm Tịch Hạnh [chính là] chủng tử kim cang bất hoại! Khi nào nó mới có thể nảy mầm? Mới có thể đâm nhánh, trở hoa, kết quả? Khi nào quý vị thực hiện Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi một trăm phần trăm, chủng tử ấy sẽ đâm chồi, quá trọng yếu! Vì thế, Phật pháp được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo, Phật đạo lấy hiếu đạo làm căn cơ. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, chúng ta đọc thấy câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”:

(Kinh) Hiếu sự phụ mẫu.

(經)孝事父母。

(Kinh: Hiếu thảo cha mẹ).

Kế đó là:

(Kinh) Đương nguyện chúng sanh.

(經)當願眾生。

(Kinh: Nguyện cho chúng sanh).

Nhất định phải biết cảnh giới này. “*Chúng sanh*” ở đây chính là hết thấy chúng sanh trong hết thấy các cõi Phật trọn khắp pháp giới, hư không giới. Thật sự vô lượng vô biên, vô số vô tận, quý vị thấy tâm lượng to ngàn ấy!

(Kinh) Thiện sự ư Phật, hộ dưỡng nhất thiết.

(經)善事於佛。護養一切。

(Kinh: Khéo phụng sự Phật, hộ trì, phụng dưỡng hết thấy).

Vì sao phải “*thiện sự ư Phật*”? Dùng cái tâm hiếu thuận cha mẹ để hiếu thuận với Phật giống hệt như vậy. Phải hiếu chỗ này! Ân đức của Phật lớn như ân đức của cha mẹ, Phật là thầy! Cổ thánh tiên hiền đã xem thầy ngang hàng với cha mẹ. Trong cổ lễ, quý vị nhìn vào cách gọi tên: Vào thời cổ, nam tử hai mươi tuổi trưởng thành, cử hành quan lễ, tức là lễ đội mũ. Chưa trưởng thành thì là đồng tử (童子, thiếu niên), đã đội mũ thì là người lớn. Thiếu niên thì ai nấy đều có thể gọi tên, quý vị là một đứa trẻ mà. Đội mũ là người đã trưởng thành, phải tôn trọng quý vị, chẳng thể gọi thẳng tên. Hễ gọi thẳng tên tức là thiếu lễ phép đối với quý vị. Vì thế, sau khi hành quan lễ, những người cùng hàng, anh em, bạn bè tặng cho quý vị tên tự. Do vậy, có tên thật, có tên chữ (tự). Kể từ ngày ấy trở đi, mọi người chỉ gọi [quý vị] bằng tên chữ (tự), chẳng gọi tên thật, [thể hiện] sự tôn kính đối với quý vị. Ngay cả vua cũng gọi quý vị bằng tên tự, không gọi tên thật, cung kính mà!

Chỉ có hai người có thể gọi quý vị bằng tên, suốt đời gọi tên quý vị, hai người nào vậy? Thứ nhất là cha mẹ, cha mẹ suốt đời gọi quý vị bằng tên. Người thứ hai là thầy, thầy to như cha mẹ, suốt đời thầy gọi quý vị bằng tên. Nhìn vào tang lễ, quý vị cũng có thể nhìn ra. Con cái giữ đạo hiếu ba năm, để tang ba năm, mặc hiếu phục (孝服, đồ tang). Học trò để tang thầy cũng ba năm, gọi là “*tâm tang*”, không mặc đồ tang, sai khác ở chỗ này! [Để tang] cha mẹ thì có hiếu phục, đối với thầy, chẳng mặc hiếu phục, giữ tâm tang suốt ba năm. Điều này cho thấy thầy có địa vị bình đẳng với cha mẹ. Vì sao? Chúng ta có thân mạng từ cha mẹ, cha mẹ có ân dưỡng dục. Trừ thân thể ra, chúng ta còn có trí huệ, huệ mạng do thầy mà có. Thầy dạy dỗ, chúng ta mới mở mang trí huệ. Vì thế, đối với hai cái mạng, huệ mạng do thầy ban cho, đức Phật là thầy. “*Thiện sự ư Phật*” chính là báo ân thầy! Tiếp đó...

(Sao) Dẫn Phật giáo chứng, Bồ Tát Giới diệc vân, hiếu dưỡng sự tăng phụ mẫu, hiếu danh vi giới, diệc danh chế chỉ.

(鈔)引佛教證，菩薩戒亦云，孝養師僧父母，孝名為戒，亦名制止。

(Sao: Dẫn lời Phật dạy để làm chứng thì Bồ Tát Giới cũng nói: “Hiếu dưỡng sự, tăng, cha mẹ, hiếu gọi là Giới, cũng gọi là ngăn dứt”).

Trích dẫn mấy câu ấy, cũng chớ nên không biết điều này. Chúng ta quay lại xem những điều được nói trong phần Sớ.

(Sớ) Đại Tập kinh vân, thế nhược vô Phật, thiện sự phụ mẫu, sự phụ mẫu giả, tức thị sự Phật.

(疏)大集經云，世若無佛，善事父母，事父母者，即是事佛。

(Sớ: Kinh Đại Tập dạy: “Nếu cõi đời chẳng có Phật, khéo phụng sự cha mẹ. Phụng sự cha mẹ chính là phụng sự Phật”).

Nói lời này rất hay. Hiện thời, đức Phật chẳng trụ trong thế gian, chúng ta chỉ cần có thể hiếu thuận với cha mẹ, sẽ giống như hiếu thuận với Phật. Phật và cha mẹ bình đẳng.

(Sớ) Phụ mẫu ư ngã vi tiên giác cố.

(疏)父母於我為先覺故。

(Sớ: Cha mẹ là người giác ngộ trước chúng ta).

Chúng ta giác ngộ sau cha mẹ, cha mẹ [giác ngộ] trước.

(Sớ) Kim phiên lệnh sự Phật giả, sanh trưởng Pháp Thân cố.

(疏)今翻令事佛者，生長法身故。

(Sớ: Nay bảo đối sang phụng sự Phật, vì để sanh trưởng Pháp Thân vậy).

Tôi vừa mới nói, đức Phật dạy bảo chúng ta, Pháp Thân huệ mạng của chúng ta do Phật mà có. Thân mạng do cha mẹ mà có, Pháp Thân huệ mạng có được từ nơi Phật. Đây là nói rõ vì sao phải hiếu thuận với Phật, Bồ Tát, đạo lý ở chỗ này!

Tiếp đó là nói:

(Sớ) Hộ dưỡng nhất thiết giả.

(疏)護養一切者。

(Sớ: Hộ trì, phụng dưỡng hết thảy).

Kinh Phật nói điều này là...

(Sớ) Nhất thiết chúng sanh giai ngã tử, cố hộ chi.

(疏)一切眾生皆我子，故護之。

(Sớ: Hết thảy chúng sanh đều là con của ta, cho nên phải bảo vệ).

Quý vị thật sự phát Bồ Đề tâm, quý vị sẽ hiểu hết thảy chúng sanh và chúng ta có mối quan hệ gì! Hết thảy chúng sanh đời đời kiếp kiếp lần lượt làm cha con, làm anh em với chúng ta, quan hệ hết sức mật thiết! Vì thế, nói là “ái hộ” (愛護, yêu thương, bảo vệ). Có ai mà chẳng yêu thương, bảo vệ con cái? Quý vị coi hết thảy chúng sanh như con cái của chính mình để yêu thương, che chở giống y hệt, đấy là “cố hộ chi” (vì thế, bảo vệ).

(Sớ) Nhất thiết nam nữ giai ngã phụ mẫu, cố dưỡng chi.

(疏)一切男女皆我父母，故養之。

(Sớ: Hết thảy nam nữ đều là cha mẹ ta, cho nên phụng dưỡng).

Đây cũng là như Bồ Tát Giới Kinh đã nói: “Hết thảy nam tử đều là cha ta, hết thảy nữ nhân đều là mẹ ta”. Có phải phụng dưỡng cha mẹ hay không? Phải phụng dưỡng. Vì thế, đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm phụng dưỡng, có hạnh phụng dưỡng. Đối với hết thảy chúng sanh, ắt phải có lòng yêu thương, che chở.

(Sớ) Sanh sanh vô bất tùng chi thọ thân, cố bình đẳng kính chi, Pháp Thân Phật cố.

(疏)生生無不從之受身，故平等敬之，法身佛故。

(Sớ: Đời đời chẳng có ai là ta không thọ thân từ họ; vì thế, bình đẳng cung kính, vì họ chính là Pháp Thân Phật vậy).

Đây là nói rõ hết thảy chúng sanh đều là Pháp Thân Phật. Vì thế, Phật pháp nói: “Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”. Chúng ta cùng hết thảy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới, hư không giới có mối quan hệ gì? Đấy là như tôi thường nói, một sanh mạng cộng đồng Thể, mối quan hệ này mật thiết lắm! Làm sao chẳng kính cho được? Lẽ nào chẳng hiếu cho được? Làm sao có thể không yêu thương, bảo vệ cho được? Làm sao có thể không phụng dưỡng cho được? Không liễu giải thì chẳng có cách nào! Sau khi đã hiểu rõ, sẽ khác hẳn, tâm thái hoàn toàn thay đổi. Quý vị đối với kẻ khác một lòng thành kính, một lòng

hiếu thuận, một lòng cung kính, toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác, giải quyết những nỗi khổ nạn của người khác. Có ai mà chẳng ưa thích tiếp nhận? Chẳng có lẽ ấy!

Do vậy, trong những năm qua, tôi tiếp xúc những quốc gia, nhân dân khác nhau, tiếp xúc các tôn giáo khác nhau, đều được hoan nghênh. Quý vị hỏi về nguyên nhân, nhiều người đã hỏi tôi, “thầy dùng phương pháp gì vậy?” Tôi đáp: Hết sức đơn giản, chính là “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi quan tâm chiếu cố”, tự nhiên sẽ được hồi đáp hết sức tốt đẹp. Chúng ta cư xử hòa hợp, thật sự có thể kính yêu lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây!

---o0o---

Tập 1503

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ tụng thứ ba.

(Kinh) Thê tử tập hội, đương nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh ly tham trước.

(經)妻子集會。當願眾生。怨親平等。永離貪著。

(Kinh: Vợ con nhóm họp, nguyện cho chúng sanh, oán thân bình đẳng, mãi lìa tham chấp).

Bồ Tát tại gia có tất cả mười một nguyện, cũng là mười một bài kệ trong kinh văn. Nguyện thứ nhất mong chúng ta “*tri gia tánh Không*” (biết tánh của nhà là Không), tức là liễu giải chân tướng sự thật, chẳng đến nỗi mê đắm gia đình. Chuyện này hết sức trọng yếu! Có cần “*gia*” (gia đình) hay không? Cần thiết, nhưng chớ nên mê! Đối với chuyện hôn nhân, thuở tôi còn trẻ, bốn mươi mấy tuổi, giảng kinh ở Đài Bắc, tại Đài Trung có một vị đồng học đã lâu nghe tôi giảng kinh cũng đã mấy năm. Có một hôm, viết thư cho tôi, [cho biết] ông ta quen biết một cô gái tại Đài Trung, tính kết hôn, hỏi tôi có nên hay không? Ông ta cũng là một Phật giáo đồ rất kiên thành. Tôi nhận được phong thư ấy, gửi bưu thiếp cho ông ta, chỉ viết một chữ, [tức là chữ] Hôn (婚), gửi cho ông ta. Sau khi nhận được, ông ta chẳng kết hôn. Ông ta chỉ hiểu ý tôi một nửa, chẳng hoàn chỉnh. Chữ Hôn (婚) ấy là gì? Do nó gồm chữ Nữ (女) và chữ Hôn (昏) [ghép lại], [ông ta bèn nghĩ tôi có ý nói] “*trông thấy nữ nhân, đầu óc tối tăm*”, chẳng phải là ý nghĩa ấy hay sao? Ông ta hiểu ý nghĩa theo kiểu ấy; vì thế, chẳng kết hôn, suốt đời cũng chẳng kết hôn. Hiện thời, ông ta chắc cũng đã bảy mươi mấy tuổi, nhỏ hơn tôi mấy tuổi.

Văn tự chữ Hán là phù hiệu trí huệ, khiến cho quý vị trông thấy những chữ ấy liền lãnh hội ý nghĩa. Đấy có phải là bảo quý vị đừng kết hôn hay không? Chẳng phải vậy, mà chính là bảo quý vị cứ lấy vợ gả chồng, nhưng đừng hôn ám! Đó là đúng. Nam nữ có thể kết hôn, nhưng quý vị chẳng mê, đầu óc vĩnh viễn sáng suốt, tỉnh táo; đó là lý trí, chẳng phải là cảm tình. Đấy là đúng, đấy mới là lãnh hội hoàn chỉnh ý nghĩa. Vị cư sĩ ấy chỉ lãnh hội một nửa, nhưng vẫn là khá lắm, vẫn có thể hiểu ý nghĩa của chữ này. Biết *“tánh của nhà là Không”*, quan trọng lắm!

Thứ hai, trong gia đình, điều quan trọng nhất là hiếu đạo. Trong phần trước, tôi đã thừa bày cùng chư vị: Phật pháp là sư đạo, sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở. Ở trong nhà bất hiếu với cha mẹ, làm sao có thể tôn trọng thầy cho được? Quý vị thấy *“Tịnh Nghiệp Tam Phước”*, Tịnh Nghiệp Tam Phước không chỉ là nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất cho các đồng học Tịnh Tông, mà là toàn thể Phật pháp. Bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển giáo, Mật giáo, nó (Tịnh Nghiệp Tam Phước) đều là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói ba câu, câu đầu tiên là *“hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*. Đó là điều đầu tiên. Điều này là gì? Điều này chính là *“thế gian thiện”*, [hay còn gọi tắt] là *“thế thiện”*, làm người tốt, làm thiện nhân trong thế gian. Hiếu đứng đầu trăm điều thiện!

Vào thời cổ, quốc gia tuyển chọn, đề bạt nhân tài, nay chúng ta nói là *“bồi huấn cán bộ”* (bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ). Quốc gia cần rất nhiều người quản lý, [vì thế phải] bồi dưỡng những cán bộ quốc gia thuộc các tầng lớp. Tiêu chuẩn để tuyển chọn, đề bạt là gì? Chính là hai chữ *“hiếu liêm”*. Ai tuyển lựa, đề bạt? Người lãnh đạo thuộc chánh phủ trung ương, trước kia là hoàng thượng. Hoàng thượng ủy thác chuyện này cho quan viên địa phương; hiện thời nói là huyện thị trưởng, trước kia là huyện lệnh (縣令, quan huyện). Vì thế, họ thường cải trang, ngấm ngầm nghe ngóng, [tức là] chẳng mặc quan phục, mà mặc y phục thông thường để đi ra ngoài nghe ngóng. Nghe ngóng xem trẻ con nhà nào hiếu thuận cha mẹ. Biết hiếu thuận với cha mẹ, nó sẽ trung thành với quốc gia; hễ liêm khiết, nó sẽ chẳng tham ô. Quý vị thấy từ trước tới nay, từ đời Hán, Trung Hoa đã thành lập chế độ này, mãi cho đến đời Thanh đều chẳng thay đổi. Tuy có những kẻ [làm quan] tham ô, hủ bại, nhưng chẳng nhiều cho lắm, rốt cuộc vẫn là thiểu số. Từ lịch sử, chúng ta thấy những người thật sự vì nước, vì dân rất nhiều. Vì thế, hai điều Hiếu và Liêm chính là căn cội.

“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”. Đây là căn bản của Phật pháp, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiển Giáo hay Mật Giáo, đều phải lấy chuyện này làm căn cội. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã nói rất hay, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, pháp nhân thiên, thầy đều dùng chuyện này làm gốc, lấy chuyện này làm cơ sở. Lìa khỏi căn cội này, lìa khỏi cơ sở này, sẽ chẳng có Phật pháp! Bản thân chúng ta phải thường xuyên cảnh tỉnh chuyện này. Chúng ta có làm được hay không? Nếu chẳng làm được, hàng tại gia ngay cả Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện đều làm không được, hàng xuất gia ngay cả Sa Di Luật Nghi làm không được, xuất gia cần phải có Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Sa Di Luật Nghi thì mới được coi là một người xuất gia [thật sự]. Đây là căn bản!

Nếu chẳng có những thứ ấy, vậy thì ở trong Phật môn, điều này là do thầy Lý đã dạy chúng tôi trước kia, *“quý vị sẽ làm chuyện Phật học, chẳng phải là học Phật”!* *“Làm chuyện Phật học”* chính là coi Phật giáo như một môn học thuật thế gian để nghiên cứu. [Nghiên cứu] triết học trong kinh Phật chính là *“làm chuyện Phật học”*. *“Làm chuyện Phật học”* sẽ chẳng dính dáng gì đến chuyện hành trì! Học Phật là nguyện vọng của ta, ta mong học giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật. Đó gọi là *“học Phật”*. Đức Phật là tấm gương tốt đẹp cho chúng ta. Học Nho, chúng ta học giống như Khổng Tử, học theo Mạnh Tử, phải học rất giống. Khổng Mạnh là mô hình, là gương mẫu cho chúng ta. Đây gọi là *“học Phật”*. Vì thế, học Phật và Phật học là hai chuyện, chẳng phải là một chuyện, chúng ta phải hiểu rõ ràng.

Hiện thời, tôi đã nói chuyện này quá nhiều! Hàng tại gia chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp. Chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp, vậy thì Tam Quy, Ngũ Giới càng chẳng cần phải nhắc tới nữa! Giả trá! Người xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, do nguyên nhân nào? Chẳng có căn cội! Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là chúng ta *“đã sơ sót đối với sự giáo dục cơ sở”*. *“Giáo dục cơ sở”* là gì? Trong kinh Phật Tạng, đức Thế Tôn đã dạy: *“Không học Tiểu Thừa trước, sau là học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật”*. Học một thứ gì đó, chẳng thể vượt cấp! Vượt cấp là thiên tài, thiên tài trăm ngàn năm mới xuất hiện một người. Lúc tôi mới học Phật, rất thích đọc Đàn Kinh, nhất là bản Tiên Chú của cư sĩ Đinh Phước Bảo. Thầy tôi thấy vậy bèn cảnh cáo tôi chẳng thể học thứ ấy. Ba vị thầy của tôi đều nói như vậy, có thể thấy [đúng như] cổ nhân đã nói *“anh hùng đại lược có cách nhìn giống nhau”*. Tiên sinh Phương

Đông Mỹ, Chương Gia đại sư, và lão cư sĩ Lý Bình Nam đều nói như vậy. Họ nói chẳng thể học thứ ấy! Tôi thưa: “Con xem [sách ấy] rất hứng thú. Trước Huệ Năng đại sư chẳng có một ai, sau Huệ Năng đại sư cũng chẳng xuất hiện một Huệ Năng thứ hai”. Phương tiên sinh nói càng ý vị hơn: *“Đó là bậc thiên tài, một bước lên trời. Ngài đã thật sự lên được. Anh chẳng có bản lĩnh ấy! Hề anh chẳng lên được, sẽ ngã nhào, tan xương nát thịt. Đó là Đốn Giáo! Chúng ta chẳng phải là căn cơ thượng thượng thừa, Ngài chẳng phải là căn tánh Đại Thừa, mà là căn tánh thượng thượng thừa”*.

Nói thật ra, chúng ta là căn tánh trung hạ. Căn tánh trung hạ thì như thế nào? [Giống như] trèo thang lầu, trèo lên từng bậc một, phải tiến hành từng bước, giống như đi học vậy. Từ Mẫu Giáo, Tiểu Học, Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp, cấp hai), Cao Trung (Trung Học đệ nhị cấp, cấp ba), Đại Học, [cho đến] Cao Học, quý vị học như vậy là đúng, chẳng sai! Chẳng thể nói “Mẫu Giáo, Tiểu Học, Trung Học ta đều không học! Ta muốn vào Cao Học”, chẳng có lẽ ấy! Xưa nay, trong ngoài nước đều chẳng tìm thấy. Đây là chẳng thể vượt cấp, phải học theo đúng thứ tự. Quý vị học như vậy thì mới vững vàng, chắc thật. Kinh Phật Tạng đã dạy, *“trước hết là học Tiểu Thừa”*; nay chúng ta chẳng học Tiểu Thừa.

Thế nhưng khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, đúng là trước hết học Tiểu Thừa, sau đó học Đại Thừa. Kinh luận Tiểu Thừa, tức Tứ A Hàm, đã được phiên dịch rất khá, dịch rất kỹ. Đối chiếu với kinh tạng Tiểu Thừa bằng tiếng Pāli, họ đại khái chỉ có nhiều hơn chúng ta khoảng năm mươi bộ. Kinh Tiểu Thừa chẳng dài, quý vị hiểu là chúng ta đã phiên dịch hết sức đầy đủ. Vào thời Tùy - Đường, Tiểu Thừa có hai tông phái là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Vì sao về sau chẳng học Tiểu Thừa nữa, hai tông ấy chẳng còn? Từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Hoa dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa, hay lắm! Bởi lẽ, bất luận hàng tại gia hay xuất gia học Phật, đều có căn cơ Nho gia và Đạo gia, Khổng, Mạnh, Lão, Trang, như vậy thì được! Hơn một ngàn năm qua, quý vị thấy Phật giáo xuất hiện bao nhiêu nhân tài. Nếu so sánh với Ấn Độ, xác thực là chỉ hơn, chứ không kém, xuất hiện rất nhiều vị tổ sư đại đức.

Nhưng hiện thời xuất hiện phiền phức là vì lẽ nào? Chẳng có Khổng, Mạnh, Lão, Trang, Tiểu Thừa cũng chẳng học, ngay lập tức tiến nhập kinh điển Đại Thừa (lời Phật dạy nói chung là vì bọn [phàm phu độn căn như] chúng ta). Vì lẽ ấy, ngay cả Thập Thiện Nghiệp cũng làm không được, Tam Quy, Ngũ Giới cũng chẳng làm nổi. Tam Quy là quy y *“giác, chánh, tịnh”*. Quý vị xem Lục Tổ Đàn Kinh, [sẽ thấy] Lục Tổ truyền

trao Tam Quy, Ngài chẳng nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*” như chúng ta trong hiện thời. Ngài chẳng nói kiểu ấy, lão nhân gia dạy: “*Quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh*”, “*Phật là giác, Pháp là chánh, Tăng là tịnh*”. “*Quy y Phật*” là giác chứ không mê, “*quy y Pháp*” là chánh chứ không tà, “*quy y Tăng*” là tịnh chứ chẳng nhiễm; vì thế, gọi là Phiền Tà Tam Quy (翻邪三皈, quy y nhằm sửa trừ tà vạy). Tà là gì? “*Mê, tà, nhiễm*” chính là tà! Ngược lại là “*giác, chánh, tịnh*”; giác chứ không mê là quy y Phật. Nay chúng ta đã thọ Tam Quy Y, vẫn mê hoặc, điên đảo, chẳng giác ngộ, vẫn là tà tri, tà kiến, chẳng phải là chánh tri, chánh kiến, tâm vẫn ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, vẫn là “*mê, tà, nhiễm*” y hệt như cũ. Vì thế, Tam Quy [của chúng ta] giả trá, chẳng thật! Chẳng giữ Ngũ Giới được! Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu, không vọng ngữ, chẳng làm được điều nào! Không sát sanh, nhưng còn có ý niệm hại người, ý niệm ấy vẫn thuộc về sát sanh. Không trộm cắp, nhưng còn có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác. Đấy là cái tâm trộm cắp! Vì thế, toàn bộ đều là giả! Do nguyên nhân nào? Chẳng có Tiểu Thừa!

Vì vậy, trong những năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chính là giáo học truyền thống của Nho gia, là căn cội! Căn cội của Nho gia là Đệ Tử Quy, phải ghi nhớ điều này. Căn cội của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp. Như vậy thì chúng ta hiểu Thập Thiện Nghiệp là [cơ sở chung của] Đại Thừa và Tiểu Thừa, nhưng nhất định là phải có cơ sở Đệ Tử Quy, chúng ta sẽ là từ Tiểu Thừa học Đại Thừa. Trước kia, chẳng học, nay phải học bổ sung, cấp tốc bổ sung! Ất phải chú trọng thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo một trăm phần trăm, chúng ta sẽ có căn cội. Đối với văn hóa truyền thống, chúng ta có căn cội, đối với Phật pháp Đại và Tiểu Thừa, chúng ta cũng có căn cội. Căn cội là sống động, nó sẽ nảy mầm, đâm tược, sẽ đơm bông, kết trái. Chẳng có căn cội, những kẻ học đại kinh, đại luận, những kẻ học Tứ Thư Ngũ Kinh, hoặc mười ba kinh của Nho gia, có hữu dụng hay không? Chẳng hữu dụng! Chẳng thể thực hiện, sẽ biến thành Nho học, chẳng phải là học Nho! Học khá nhiều kinh luận Đại Thừa, [chỉ là] Phật học, chẳng phải là học Phật. Phải hiểu rõ ràng chuyện này! Nếu làm chuyện thuộc về Nho học hay Phật học, sẽ chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể khai trí huệ, nhất định là phải nghiêm túc học Phật.

Học Phật thì quý vị chẳng thể không nương theo Giới, Định, Huệ. Đệ Tử Quy là Giới, là giới căn bản, là căn bản của căn bản. Thập Thiện Nghiệp là Giới. Dùng điều này làm cơ sở, vậy thì Tam Quy, Ngũ Giới, các

giới, oai nghi, sẽ chẳng có vấn đề! *“Trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, chẳng khó khăn! Chúng ta chẳng dưỡng thành thói quen. Hiện tại, chúng ta toàn là tập khí ác, chứ tập khí tốt hay tập khí thuận theo Pháp Tánh chẳng được dưỡng thành. Phải dùng Đệ Tử Quy, phải dùng Thập Thiện Nghiệp để bồi dưỡng, chúng ta mới có thể thật sự noi theo Phật đạo, tức là con đường thành Phật!

Do vậy, học Phật, nói thật ra, Phật pháp thường nói *“nhân duyên sanh”*, [nghĩa là] Phật pháp do nhân duyên mà sanh. Duyên đúng là rất quan trọng. Một duyên quan trọng nhất trong các duyên là thầy. Quý vị gặp được thầy là một vị thiện tri thức thật sự, vị ấy sẽ hướng dẫn quý vị đi theo nẻo chánh. Nếu chẳng phải là một vị thiện tri thức thật sự, đường lối của vị ấy sẽ mắc sai lầm, sẽ nảy sanh vấn đề! Chuyện này chỉ có thể gặp, chẳng thể cầu; không phải là bất cứ ai cũng đều có thể gặp gỡ [cơ hội này] trong một đời! Sau khi đã gặp, bèn giữ gìn mài chẳng bỏ, nhất định phải nắm chặt cơ hội ấy, chúng ta mới có thể thành tựu trong đời này. Nói chung là quyết tâm mong thành tựu trong một đời, đừng đợi đến đời sau. Nếu quý vị nghĩ *“hãy đợi sang đời sau”*, đời sau hễ đọa lạc, bị mê khi cách ăm, rất phiền toái! Hễ đọa lạc, tuyệt đối chẳng phải là đọa một đời, mà có thể là đọa lạc khá nhiều đời, khá nhiều kiếp, quý vị mới lại gặp cơ hội này. Chuyện này chính là như trong kinh điển đức Phật thường nói: *“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”*. Vì thế, điều quan trọng nhất là *“nhận biết cơ hội, nắm chặt cơ hội, nỗ lực học tập”*.

Điều thứ hai, quý vị thấy Phật pháp nói về hiếu đạo, hiếu thuận cha mẹ. Quý vị có thể hiếu thảo với cha mẹ thì mới có thể tôn trọng đạo, mới có thể *“thiện sự ư Phật”* (khéo phụng sự Phật). Phật là thầy. Sư đạo được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Chẳng có hiếu đạo, lấy đâu ra sư đạo? Kẻ chẳng biết hiếu thuận với cha mẹ mà có thể hiếu thuận với thầy, nhất định là có mưu đồ, chẳng phải là chuyện tốt. Chẳng có lẽ ấy! Đó là gì? Chẳng thuận theo Pháp Tánh, chẳng thuận theo quy tắc tự nhiên. Bởi lẽ, hiếu thảo với cha mẹ thì mới có thể tôn trọng thầy! Một người có thể trở thành bậc đội trời đạp đất là do cha mẹ và thầy hợp tác chặt chẽ dạy dỗ mà ra. Cha mẹ dạy con cái tôn trọng đạo, thầy dạy trò hiếu thuận cha mẹ. Cả hai phương diện cùng dạy như vậy thì mới dạy dỗ thành công!

Trong truyền thống năm ngàn năm của Trung Hoa, điều đáng ca ngợi nhất là giáo dục. Tôi đi tuyên dương khắp nơi trên quốc tế. Đúng là bất cứ quốc gia hay dân tộc nào cũng đều chẳng có, đấy là trí huệ của tổ

tiên. Kế đó, tôi tuyên dương y dược. Trung Y có lịch sử và kinh nghiệm năm ngàn năm, Tây Y bắt quá mới ba trăm năm, làm sao có thể sánh bằng? Hiện thời, người phương Tây sang Trung Hoa, sang Ấn Độ để tìm kiếm những thứ quý báu. Đường lối của họ đã bị trục trặc, đã nảy sinh vấn đề, họ tính sang phương Đông cầu cứu. Đó là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu! Phương Đông có một thứ để cứu họ, chính là *“tu thân làm gốc, dạy học làm đầu”*. Khá nhiều vấn đề phức tạp trên thế giới hiện thời, xác thực là phải nhờ vào giáo học thì mới có thể thu được hiệu quả, mới thật sự có thể hóa giải.

Bài kệ thứ ba nói đến chuyện *“thê tử tập hội”* (vợ con tụ họp). Tôi đọc bài kệ này, nghĩ đến giảng đường Quang Minh của lão hòa thượng Thọ Dã trên đường Lam Đường (Blue Pool Road). Ba mươi năm trước, tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm hai tháng tại giảng đường ấy vào năm 1977. Năm nay là 2006, vừa khít ba mươi năm! Trong Phật đường của Ngài, có một cặp câu đối nói về chuyện này, [vế trên là]: *“Phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo”* (Vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, oan oan tương báo). Vế dưới là *“nhi nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai”* (con cái là nợ, có đòi nợ, có đền nợ, không nợ chẳng đến). Đôi câu đối ấy hay quá! Đôi câu đối ấy nói về chuyện *“thê tử tập hội”*. Người trong thế gian chẳng thể tránh né chuyện này, phải hiểu vì sao người trong một nhà có thể trở thành cùng một nhà? Trong hiện tại, gia đình có vấn đề chiếm đa số. Hiện thời, người một nhà hòa thuận, vui vẻ, hết sức hiếm hoi! Quý vị thấy trên toàn thế giới, tỷ lệ ly hôn cao ngần ấy. Vì sao họ ly hôn? Do vợ chồng xung đột!

Vì thế, ngày nay nói đến xung đột trên thế giới, xung đột khủng bố, hóa giải xung đột bằng cách nào? Nguồn cội của xung đột là gì? Căn cội ở ngay trong nhà, chẳng phải là ở bên ngoài. Quý vị hãy ngẫm xem, trong nhà quý vị có hòa thuận hay không? Cha con trong một nhà có xung đột hay không? Vợ chồng có xung đột hay không? Anh em có xung đột hay không? Nếu đều có thể đối xử hòa thuận, quý vị có thể nói đến hòa bình, có thể nói đến chuyện hóa giải xung đột. Nếu gia đình của chính quý vị có vấn đề, chẳng thể giải quyết được, làm sao quý vị có thể giúp đỡ đại chúng trong xã hội hóa giải xung đột, xúc tiến hòa bình? Chuyện này chẳng làm được. Quý vị có nói ra, chẳng có ai tin tưởng! Tôi đã tham gia rất nhiều hội nghị hòa bình quốc tế, phát biểu trong hội nghị, bảo cho mọi người biết căn nguyên của xung đột. Sau đấy, tôi mới nói sâu hơn một tầng. Đấy vẫn chưa phải là căn nguyên, căn nguyên thật sự ở chỗ

nào? Căn nguyên thật sự chính là mâu thuẫn trong nội tâm của quý vị. Chính mình xung đột với chính mình, tức là từ trong nội tâm của chúng ta, đối lập với người khác, đối lập với sự việc, đối lập với vật. Hễ có đối lập, sẽ nảy sinh xung đột. Nghi lự và hoài nghi sẽ tạo thành mâu thuẫn, đối lập tạo thành xung đột, từ nội tâm mà ra! Vì thế, tiến hành công tác hòa bình, [hãy ghi nhớ] *“gia hòa, vạn sự hưng”*. Vua Thuấn vào thời cổ là một tấm gương tốt nhất. Vua Thuấn làm như thế nào? Hóa giải từ nội tâm, đối với người, đối với sự, đối với vật, hóa giải sự đối lập. Chẳng có đối lập, chẳng có nghi lự, chẳng có mâu thuẫn, chẳng có xung đột. Vì thế, trong thời gian ba năm, nhà vua có thể cảm hóa cả nhà, có thể cảm hóa người sống trong cùng một vùng với Ngài!

Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại chính mình). Câu này đúng lắm, vấn đề chắc chắn chẳng ở bên ngoài, mà là trong nội tâm của chính mình. Quý vị chỉ có cách phản tỉnh sâu xa, mới có thể giải quyết vấn đề, mới có thể khai trí huệ. Đức Phật dạy rất hay: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Mắt đức Phật thấy chúng sanh trong chín pháp giới đều bình đẳng, ai nấy đều có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Nay chúng ta gọi *“tướng hảo”* là *“phước báo”*. Vì sao hiện thời chẳng có những thứ ấy? Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc”*. Kinh Hoa Nghiêm đã nói minh bạch. Vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Nếu chúng ta nói bằng những danh từ Pháp Tướng ấy, tức là nói đến vô minh, nói đến Kiến Tư, nói đến Trần Sa, kẻ sơ học chẳng dễ hiểu! Kinh Hoa Nghiêm nói hay lắm, [kinh dùng thuật ngữ] *“vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”*. Đâm ra quý vị nghe xong, dường như đã hiểu, tuy chưa chắc quý vị đã thật sự hiểu, nhưng quý vị có thể tiếp nhận khái niệm ấy. Vì đối với những thứ ấy, vọng tưởng là gì? Chính là khởi tâm động niệm. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, khởi tâm động niệm, còn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước. Đó gọi là *“vô minh”*.

Chư vị hiểu, chân tâm là tịch tĩnh. Chẳng khởi tâm, không động niệm, đấy chính là chân tâm hiển lộ, đó là Phật. Bồ Tát chẳng đoạn vô minh. Nói cách khác, Bồ Tát vẫn còn khởi tâm động niệm, nhưng Ngài chẳng có chấp trước và phân biệt, nên Ngài có trí huệ cao hơn chúng ta. A La Hán, đây là nói đến những vị thuộc tầng cấp thành tựu thấp nhất, Ngài có khởi tâm động niệm, có phân biệt, nhưng chẳng chấp trước, đã

đoạn Kiến Tư thiền não, chứng quả A La Hán, vượt thoát lục đạo luân hồi. Chúng ta học Phật, phải nắm lấy nguyên lý và nguyên tắc cao nhất này, rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Đó gọi là “tu”. “Tu” (修) là “tu chánh” (修正, sửa đổi cho đúng), “hành” (行) là hành vi. Trong quá khứ, chúng ta quen thói chấp trước, toàn là phân biệt, toàn là khởi tâm động niệm. Nay chúng ta uốn nắn chúng, chẳng còn chấp trước đối với hết thảy người, sự, vật. “Chẳng chấp trước” là buông xuống Kiến Tư thiền não. “Chẳng phân biệt” là buông xuống Trần Sa thiền não. “Chẳng khởi tâm, không động niệm” là buông xuống Vô Minh thiền não. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*. Đấy là đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng khởi tâm, không động niệm, Pháp Thân Bồ Tát đấy!

Trong kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ Trụ trở lên, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, bốn mươi một tầng cấp ấy đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Rốt cuộc, các Ngài còn có giai cấp hay không? Nói thật thà, chẳng có giai cấp! Các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới. Vì sao đức Phật vẫn nói có bốn mươi một tầng cấp? Bốn mươi một tầng cấp ấy do đâu mà có? Tập khí vô thỉ vô minh chẳng đoạn. Vô minh đã đoạn, tập khí chưa đoạn. Dùng phương pháp gì để đoạn tập khí? Chẳng có phương pháp nào! Tập khí cần thời gian rất dài để dần dần tự nhiên chẳng còn nữa. Vì thế, cổ đại đức thường nói: *“Thử xứ dụng bất đắc lực”* (Ở chỗ này, không thể dùng sức được). Hễ quý vị dùng sức, quý vị lại có phân biệt, chấp trước; chỗ này không dùng sức được! Do vậy, bọn phàm phu chúng ta, tức là những kẻ ở trong mười pháp giới, nhìn vào Nhất Chân pháp giới, chắc chắn là quý vị chẳng thấy bốn mươi một giai cấp chi hết! Nhìn không ra! Đấy là pháp giới bình đẳng, thật sự là pháp giới bình đẳng, nhưng công phu xác thực là có cạn hay sâu khác nhau.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: Để thành Phật, cần phải tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nhất định phải biết ba đại A-tăng-kỳ tính từ đâu, chính là kể từ ngày *“phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*. Nói cách khác, hóa ra *“ba đại A-tăng-kỳ kiếp”* là nói về thời gian đoạn sạch tập khí vô thỉ vô minh sẽ dài như thế đó, chẳng có bất cứ phương pháp chi cả! Cổ nhân đã tỷ dụ rất hay, vì chúng ta chẳng dễ gì lãnh hội chuyện này. Cổ nhân dùng bình rượu để tỷ dụ. Bình rượu chứa rượu, đã đổ sạch rượu, xác thực là chẳng còn rượu nữa. Lau chùi sạch bóng bên trong, ngửi thử, vẫn thấy có mùi. Đó gọi là *“tập khí”*, dùng chuyện này để sánh ví tập khí. Khi nào tập khí hoàn toàn chẳng còn nữa?

Quý vị mỗi ngày ngửi nó, [sẽ thấy] đúng là ngày càng nhạt hơn. Đại khái phải mất hai, ba tháng mới ngửi thấy hoàn toàn chẳng còn mùi! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sẽ thấu hiểu hàng Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới tu như thế nào, chẳng thế tu!

Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới [tối thiểu] là Sơ Trụ Bồ Tát. Các Ngài có năng lực này, thuận theo cái tâm mà ứng với khả năng tiếp nhận [của kẻ đờng hóa độ]. Nơi nào có cảm, các Ngài sẽ ứng. Cảm ứng đạo giao, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Chẳng có thân hình nhất định, chẳng có pháp nhất định để có thể nói. Ất phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí vô minh ấy hoàn toàn chẳng còn. Do hoàn toàn chẳng còn nữa, Ngài bèn chứng đắc địa vị Diệu Giác. Chúng tôi dùng bình rượu làm tỷ dụ, quý vị sẽ có thể tưởng tượng ra: Bình rượu ấy đúng là lau chùi cách nào cũng chẳng được, nó vẫn có mùi. Bỏ mặc ở đó, để ở đó, mở toang nắp bình, phải mất hai, ba tháng mới hoàn toàn chẳng còn mùi. Đó gọi là “*vô công dụng đạo*”. Vì thế, trong mười pháp giới thì có tu, có học; trong Nhất Chân pháp giới chẳng có. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Hoa Nghiêm thuộc về cảnh giới này, thuộc loại ứng hóa. Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, biết rành rẽ, rõ ràng Ngài đến để làm gì? Ngài đến giúp đỡ chúng sanh, thay chúng sanh giải quyết vấn đề. Vấn đề của chúng sanh là gì? Khổ! Giúp họ lìa khổ được vui. Để lìa khổ được vui thì phải lìa khổ như thế nào, được vui như thế nào? Dạy học, phá mê khai ngộ. Khổ do đâu mà có? Do mê, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, trong Phật pháp nói là “*tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả*” hoàn toàn không biết, thuận theo vọng tưởng của chính mình mà tạo tác vô lượng vô biên nghiệp. Nghiệp tuy có thiện nghiệp và ác nghiệp, chẳng thoát khỏi lực đạo luân hồi. Do thiện nghiệp, thọ sanh trong ba thiện đạo; do ác nghiệp, thọ sanh trong ba ác đạo, quý vị chẳng thoát khỏi! Chỉ có giác ngộ, giác ngộ như thế nào? Chẳng tạo nghiệp. Trong cuộc sống thường ngày, có tạo hay không? Vẫn tạo tác, tạo tác gì vậy? Tịnh nghiệp. Đây là Bồ Tát thị hiện cho chúng ta.

Một trăm bốn mươi mốt bài kệ ở đây nhằm dạy chúng ta cương lĩnh tu học này: “Bồ Tát khéo dùng cái tâm”. Khéo dùng cái tâm, đối với Sự, có thể vẫn làm, nhưng tâm địa thật sự chẳng nhiễm mảy trần, cũng là “*lìa hết thấy các tướng, chính là hết thấy các pháp*”. Chuyện gì đều có thể trải qua, giống như trong phần cuối kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử đã nêu gương cho chúng ta thấy: Trong năm mươi ba lần tham học, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay

không? Chẳng có! Thông qua sự khảo nghiệm trong tham học, sẽ thấy quý vị còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không? Hễ thật sự chẳng có, tức là thật sự thành tựu! Đó là công đức chân thật. Trong phần trước, Văn Thù Bồ Tát dạy ngài Trí Thủ, bảo: *“Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, thành tựu nhất thiết thắng diệu công đức”* (Bồ Tát khéo dùng cái tâm, thành tựu hết thảy công đức thù thắng, nhiệm màu). *“Thắng”* (勝) là thù thắng. *“Thù thắng”* (殊勝) là chẳng lìa khỏi thế gian. *“Diệu”* (妙) là gì? Diệu là lìa thế gian, trong tâm địa chẳng ô nhiễm mảy may, biết hết thảy các pháp giống như kinh Kim Cang đã nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, “hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Đối với hết thảy các pháp, Ngài chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng có vọng tưởng. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là Diệu! Chẳng lìa khỏi chúng sanh trong chín pháp giới, [đó là] thù thắng, [nói gộp chung lại, sẽ là] *“thắng diệu công đức”*. Thật sự là *“làm mà không làm, không làm mà làm”*, tam luân thể không. Quý vị nói có vui sướng lắm không? Đấy chính là như khi giới thiệu Phật pháp cho tôi, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã bảo [học Phật là] *“sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Quý vị chẳng nhập cảnh giới này, sẽ chẳng biết. Cảnh giới này mới là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người!

Giá trị không gì sánh bằng của Phật pháp ở ngay chỗ này, chỉ đáng tiếc là người hiện thời không chịu học. Chẳng biết bảo bối tốt đẹp dường ấy, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Đây là một chuyện rất đáng tiếc! Chúng ta đã biết, phải có trách nhiệm, có nghĩa vụ tuyên truyền rộng rãi, lắng xê rộng rãi, ngõ hầu ai nấy đều giác ngộ “người nào cũng đều có Phật tánh”. Phật pháp là gì? Phật pháp là Tánh Đức của chính mình, chẳng phải là ở bên ngoài, hoàn toàn vốn có sẵn trong tự tánh, như Tam Tự Kinh đã nói: *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”*, [nghĩa là] bản tánh vốn là thiện. Điều thật sự khó có là đức Thích Ca Thế Tôn đã vì chúng ta giảng thấu triệt, giảng rõ ràng ngần ấy, khiến cho bọn căn tánh trung hạ như chúng ta đều có thể thọ dụng. Chúng ta cảm tạ đức Phật đã từ bi thị hiện ở nơi đây.

Chúng ta đã biết cái nhân của chuyện *“thê tử tập hội”* chẳng phải là vô duyên vô cớ, mà đều là do có mối quan hệ trong đời quá khứ. Nếu đời quá khứ có ân, gia đình ấy sẽ khá tốt đẹp, vợ chồng êm ấm, trăm năm giai lão, có thể sống hạnh phúc suốt đời. Nếu là báo oán, oán thân, nếu như là trả oán, sẽ hằng ngày cãi nhau, hằng ngày bất hòa. Do những [tình cảnh như vậy] đều có tiền nhân (cái nhân từ trước), những quả báo mà quý vị trông thấy trong hiện tại đều có tiền nhân. Đôi câu đối của lão hòa thượng Thọ Dã hay quá, *“oan oan tương báo”*. Vậy thì hóa giải oan oan

tương báo như thế nào? Phải giác ngộ! Sau khi đã giác ngộ, [những nỗi ân oán] trong đời quá khứ đều một nét bút xóa sạch, coi như xong, chẳng báo oán nữa! Vì thế, vợ con là căn cội ái dục, hãy chuyển biến họ thành quyến thuộc trong đạo pháp. Chúng ta là đồng học, đồng tham đạo hữu, gia đình là đạo tràng, hãy khéo học tập Phật pháp, làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp nhận giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, y giáo phụng hành, hóa giải những oán kết trước đây. Chớ nên bị trói buộc bởi ân ái! Chúng đều là giả, chẳng thật, biến thành quyến thuộc trong đạo pháp như vậy. “*Vĩnh ly tham trước*” (Vĩnh viễn là tham chấp): “*Tham*” (貪) là nói về kẻ thân, “*trước*” (著) là chấp trước, là nói về kẻ oán. Vì thế, san bằng oán thân, chẳng có oán thân nữa, biến thành quyến thuộc trong đạo pháp.

Câu thứ hai trong kinh văn trọng yếu hơn bất cứ chi khác, ngàn muôn phần chớ nên sơ sót, chớ nên quên bẵng! “*Đương nguyện chúng sanh*”. Nguyện này không chỉ là san bằng nỗi bất bình trong nhà của ta, [mà còn] mong mỏi cho “*chúng sanh*”, tức là hết thảy chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới, hư không giới. Quý vị nói tâm lượng ấy to cỡ nào! Đúng là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, hy vọng mọi nhà đều có thể hòa hợp, mọi nhà đều hóa giải oán kiếp trong bao đời quá khứ và hiện tiền. Thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ bản thân, thực hiện từ gia đình ta. Gia đình của chính ta thực hiện tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng đến xóm giềng, ảnh hưởng thân thích bằng hữu. Vì sao? Nhà họ bất hòa, thấy nhà quý vị có sao hòa thuận dường ấy? Có sao người trong một nhà hoan hỷ, vui sướng ngàn ấy? Đó là gì? Đấy chính là hóa tha!

Phải nêu gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh. Cá nhân ta tu học phải làm mẫu, nêu gương tốt cho hết thảy mọi người. Gia đình của ta là gia đình gương mẫu cho gia đình của chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi Phật trọn khắp pháp giới, hư không giới. Chẳng phải là gương mẫu cho Hương Cảng, hay gương mẫu của Trung Hoa, chẳng phải là gương mẫu trên địa cầu, mà là gương mẫu của khắp pháp giới, hư không giới. Nếu tâm lượng chẳng được như vậy, sẽ chẳng tương ứng với lời dạy của Phổ Hiền Bồ Tát. Lời của Phổ Hiền Bồ Tát chính là tổng cương lĩnh, mọi người nhất định phải ghi nhớ. “*Nhược chư Bồ Tát, thiên dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (Nếu các Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, nhiệm mầu). Câu ấy là tổng thuyết (nói tổng quát). Câu ấy chính là câu thứ hai trong một

trăm bốn mươi một bài kệ tụng, [tức câu] “*đương nguyện chúng sanh*”, quý vị mới biết dụng tâm.

Vậy thì chúng ta có muốn học làm một người tốt hay không? Có muốn học làm một người giác ngộ hay không? Có muốn làm một người quang minh chánh đại hay không? Có muốn làm một người thanh tịnh, quyết định chẳng ô nhiễm hay không? Tam Quy Y là ba nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong tu hành, “*giác, chánh, tịnh*” làm cho ai xem? Làm cho người trong thiên hạ xem. Người trong nhà quý vị đều đạt được “*giác, chánh, tịnh*”, làm cho hết thấy các gia đình khác nhìn vào. Đạo tràng này, tất cả các đồng học trong đạo tràng, kể cả những vị làm công quả, đều có thể thực hiện “*giác, chánh, tịnh*”, làm gương mẫu tốt đẹp cho hết thấy các đạo tràng trong khắp pháp giới, hư không giới. Đấy mới là “*công đức thắng diệu*”, được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần, chẳng có vị nào không tán thán. Đó gọi là “*học Phật*”.

Vì thế, học Phật và Phật học là hai chuyện, chớ nên không phân biệt rõ ràng! Học Phật thì quý vị mới có thể khai trí huệ. Trí huệ hiện tiền, bất cứ nghi nan tạp chứng thế gian và xuất thế gian nào đưa đến trước mặt quý vị, thấy đều có thể hóa giải. Quý vị hãy nghĩ xem, học Phật tốt đẹp hay Phật học tốt hơn? Phải hiểu rõ ràng! Thật sự muốn học Phật, quý vị phải ghi nhớ: Chẳng thực hiện từ Đệ Tử Quy, quý vị sẽ chẳng làm được! Vì thế, đối với kinh thì có thể nghe [bất cứ kinh điển nào phù hợp], nhưng hành thì phải hành Đệ Tử Quy. Hy vọng thực hiện Đệ Tử Quy một năm. Quý vị thực hiện trọn hết thiên văn tự ấy. Kinh văn trong Đệ Tử Quy chỉ có ba trăm sáu mươi câu, mỗi câu ba chữ; từng câu, từng chữ đều làm được! Đã có cơ sở ấy, Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề, khẳng định là có thể làm được. Làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy Ngũ Giới sẽ là thật, chẳng giả. Trong Phật môn, quý vị là tại gia Bồ Tát, thật sự là Bồ Tát Ưu Bà Tắc. Vị Bồ Tát ấy “*đương nguyện chúng sanh*”, có cái tâm to lớn ấy thì chính là Bồ Tát, tức là Đại Bồ Đề tâm. Ta y giáo phụng hành, chẳng vì chính mình, mà vì hết thấy chúng sanh. Nay ta thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, ta biểu diễn, ta làm cho hết thấy chúng sanh trông thấy. Đấy là Bồ Tát. Nếu vì chính bản thân ta, ta học hay không, chẳng sao cả! Nếu nhằm nêu gương tốt cho toàn thể xã hội, quý vị sẽ chẳng thể không học. Đó là Bồ Tát. Vì chính mình thì là Tiểu Thừa. Nhất là vì hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, sẽ là Đại Bồ Đề tâm, chính là Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là hàng Bồ Tát bình phàm!

Do vậy, phải hiểu “*vĩnh ly tham trước*”. “*Tham*” là lìa kẻ thân, [tức là] những kẻ có ân trong đời quá khứ. “*Trước*” là chẳng còn chấp trước. Đối với chuyện oán hận, trong quá khứ có chuyện xích mích, tức là đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán. Bất luận là đòi nợ hay trả nợ, báo thân (報親, báo đáp những người có tình thân với mình), hay báo oán, đời này chúng ta gặp gỡ, hãy giác ngộ, bình đẳng, đối xử bình đẳng, đối xử hòa thuận, đó là đúng pháp. Coi gia đình như đạo tràng. Gia đình có gia nghiệp, chẳng trở ngại! Hằng ngày đi làm, làm việc xong, khi trở về, học tập trong gia đình. Gia đình là trường học, gia đình là đạo tràng! Chẳng cần xem TV, chẳng cần đọc nhật báo, tạp chí. Những thứ đó toàn là ô nhiễm. Đối với những sách vở xuất bản trong thế gian này, lại còn có các báo cáo khoa học, ta cứ thường xem, không được rồi! Những thứ đó làm sao có thể sánh bằng kinh Phật! Đừng lãng phí thời gian! Hãy nhất tâm hướng về đạo, một phương hướng, một mục tiêu, chẳng có ai không thành tựu. A! Đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xem tiếp bài kệ thứ tư:

(Kinh) Nhược đắc ngũ dục, đương nguyện chúng sanh, bạt trừ dục tiền, cứu cánh an ổn.

(經)若得五欲。當願眾生。拔除欲箭。究竟安隱。

(Kinh: Nếu được ngũ dục, nguyện cho chúng sanh, nhổ mũi tên dục, rốt ráo an ổn).

Trong rất nhiều kinh điển, đức Phật đã vô số lần cảnh giác chúng ta. “*Tài, sắc, danh, thực, thù; địa ngục ngũ điều căn*” (Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ; chính là năm cái gốc của địa ngục). Người đọc [những câu ấy] rất đông, trong những trước tác của bậc cổ đại đức đều trích dẫn những câu này, có mấy ai thật sự giác ngộ? Phàm và thánh sai khác ở chỗ mê hay ngộ, mà cũng là do nhiễm hay tịnh. Nhiễm là phiền não, thanh tịnh là trí huệ. Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Tín tâm thanh tịnh, tất sanh Thật Tướng*” (Tín tâm thanh tịnh bèn sanh ra Thật Tướng), Thật Tướng là Bát Nhã. Phiền não và trí huệ là một Thể, một Thể có hai mặt, chúng ta nói là “chánh diện” và “phản diện”. Chánh diện là giác, phản diện là mê. Giác là Phật, Bồ Tát; mê thì là phàm phu. Phàm phu và Phật, Bồ Tát là một, chẳng hai! Nói xuyên suốt, phàm phu và Phật là do chính bản thân của quý vị [mê hay giác]. Tự tánh giác, quý vị sẽ thành Phật. Tự tánh mê, sẽ là phàm phu, quý vị sẽ đọa lạc. Làm thế nào

để gìn giữ “giác chứ không mê”? Quý vị hạ thủ công phu ở chỗ này, mới thật sự có thể quay đầu, có thể thật sự trở về tự tánh. Phàm phu chẳng có chi khác, từ vô lượng kiếp đã mê mất tự tánh. Chúng tôi thường nói: Mê mất tự tánh từ vô lượng kiếp đến nay, thời gian mê muội đã quá lâu, mê đã quá sâu, rất khó quay đầu. “*Rất khó quay đầu*” là cách nói nhằm hình dung, hoàn toàn chẳng phải là lời thật, sợ điều gì? Sợ là quý vị bất giác. Thật sự là một niệm giác, phàm phu bèn thành Phật.

Khi tôi mới bắt đầu học Phật, tuổi trẻ chưa hề tiếp xúc Phật pháp, trông thấy những tự viện, am, đường, có khi đến đó ngoạn cảnh, trông thấy toàn là pháp hội kinh sám Phật sự. Vì thế, đã tạo thành một quan niệm nơi tôi: “Phật giáo nhằm phục vụ người chết”! [Đối với Phật giáo], chẳng có hảo cảm, [có thành kiến]: Đâm ra [Phật giáo] chẳng bằng Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Đây là những chuyện tôi được tiếp xúc khi còn là học trò, học Tiểu Học, học Sơ Trung (cấp hai), tôi rất tôn kính họ. Vì sao? Họ giảng đạo, có khi tôi đến nghe giảng, cảm thấy vẫn là hết sức có lý! Nhưng trong Phật pháp, chẳng có ai giảng đạo, chuyện này tạo thành nỗi hiểu lầm rất lớn trong xã hội. Do hiểu lầm bèn phản cảm, chê Phật giáo là mê tín. Nói thật ra, chẳng thể trách người khác. Bản thân chúng ta chẳng nói rõ ràng, nói rành mạch giáo huấn của đức Phật. Nếu nói rõ ràng, nói minh bạch, nói sâu hơn, nói rộng hơn những tôn giáo khác, nói rạch ròi, không chỉ là những kẻ bình phàm có thể tiếp nhận, mà tín đồ của các tôn giáo khác cũng có thể tiếp nhận.

Đối với những tín đồ các tôn giáo khác, tôi luôn cố vũ, khích lệ họ học Phật. Vì sao? Phật giáo là giáo dục. Quý vị đến học nhằm mở mang trí huệ. Trí huệ đã khai, quý vị sẽ có thể giảng giải kinh điển của tôn giáo chính mình càng hay hơn, có trí huệ mà! Phật giáo nhất quyết chẳng ép buộc quý vị vứt bỏ những tôn giáo ấy để học Phật giáo. Đức Phật chẳng có ý nghĩ ấy. Đức Phật chẳng làm chuyện thiếu đạo đức ấy, chúng ta phải biết điều này! Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm có Bà La Môn. Bà La Môn chẳng phải là Phật giáo, mà chính là Ấn Độ giáo hiện thời, tức Hưng Đô giáo (Hinduism). [Trong kinh Hoa Nghiêm] có ngoại đạo. “*Ngoại đạo*” là những tôn giáo khác, đều dùng danh từ này để nói khái quát! Đức Phật hoàn toàn chẳng dạy họ bỏ tôn giáo của chính mình để học theo Ngài. Vì sao? [Nếu dạy vứt bỏ như vậy], sẽ là dạy người khác bất hiếu với cha mẹ, há có lẽ ấy! Phật giáo là giáo dục, chẳng mâu thuẫn với tôn giáo.

Ở Mỹ, tôi có nói với những người hàng xóm, họ phần nhiều là giáo đồ Cơ Đốc, hoặc tín đồ Thiên Chúa giáo, chúng tôi lập một đạo tràng tại đó. Sau khi thành lập đạo tràng, trước ngày khai mạc, tôi phát thiệp mời

hàng xóm ở mấy con đường lân cận, chúng tôi có tiệc trà chiều dài, tiếp đãi họ đến thăm viếng, báo cho họ biết chúng tôi làm những gì ở đây. Những người ấy rất hoan hỷ. Chúng tôi nói, Tịnh Độ Tông thờ phụng Tây Phương Tam Thánh. Họ hỏi tôi: “Tông chỉ của Tịnh Độ Tông là gì?” Tôi đáp: “Giáo học Tịnh Độ Tông nhằm dạy chúng ta học sung sướng. Thế giới Cực Lạc là [một thế giới] sung sướng”. Họ nói chúng tôi cần chuyện ấy, họ muốn sung sướng. Vô lượng thọ, trường thọ, họ nói điều này cũng muốn. Họ chẳng muốn đoản mạng, họ mong trường thọ. Điều thứ ba là thanh tịnh, họ nói những điều ấy chúng tôi đều cần! Ở đây, chúng tôi học vui sướng, học vô lượng thọ, học thanh tịnh. Đây là đặc điểm của Tịnh Độ Tông. Mọi người đều rất hoan hỷ. Tôi nói: “Được lắm! Hoan nghênh các vị! Thứ Bảy tôi sẽ đặc biệt mở lớp dành cho quý vị. Quý vị đến đây học Phật pháp với tôi, tức là học vui sướng, học thanh tịnh, học vô lượng thọ. Ngày Chủ Nhật, quý vị đi nhà thờ, học tôn giáo của quý vị. Phật giáo là giáo dục. Trong trường có thầy, ở nhà có cha mẹ, còn trong tôn giáo thì Thượng Đế là cha, là phụ mẫu, là Chúa của quý vị. Ở nhà có cha mẹ, có Chúa, ở trường có thầy, chẳng xung đột!” Họ nghe nói rất vui thích, thứ Bảy đều đến, ngày Chủ Nhật thì đi nhà thờ.

Nếu quý vị chẳng thể lìa khỏi sự ô nhiễm của thế tục, ngũ dục là ô nhiễm, có cần tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ hay không? Cần chứ! Vừa phải mà thôi, chớ nên có tâm tham trong đó. Hễ quý vị có tâm tham, sai lầm mất rồi! Vì thế, ở chỗ này, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như thế nào? Tôi đã thừa trình cùng các đồng học rất nhiều lần: Lúc tôi mới học Phật, ngày đầu tiên đến bái phỏng Chương Gia đại sư. Khi ấy, thầy Phương đã giới thiệu Phật giáo, giới thiệu Triết Học trong kinh Phật cho tôi hơn một tháng. Chưa đến hai tháng, tôi bèn có duyên phận thân cận đại sư. Lúc ấy, tôi hai mươi sáu tuổi. Tôi liền thưa: “Nay con đã biết chỗ tốt đẹp và thù thắng trong Phật giáo, thỉnh giáo đại sư, có phương pháp gì để khiến cho con kế nhập rất nhanh chóng hay không?” Kẻ trẻ tuổi tánh tình nóng vội. Chương Gia đại sư thấy tánh tình chúng tôi bộp chộp, Ngài bèn dùng phương pháp rèn giũa. Toàn là giáo dục. Ngài nghe xong, nhướng mắt nhìn tôi, tôi nhìn Ngài, nhìn nhau hơn nửa tiếng đồng hồ, chẳng thốt ra câu nào! Nửa giờ khiến cho cái tâm tôi được định, vì sao? Do chờ Ngài mở miệng nói năng! Suốt cả một đời, trước nay tôi chưa hề gặp cách giáo dục ấy!

Nửa giờ rồi Ngài nói một chữ Có, tôi cũng rất chú ý nghe. Chẳng có phần sau, Ngài lại chẳng nói chi hết! Lần này, thời gian chẳng lâu như vậy, đại khái là năm phút. Sau năm phút, Ngài nói sáu chữ, “*khán đắc*”

phá, phóng đắc hạ” (thấy thấu suốt, hãy buông xuống). Ngài nói chẳng mau như tôi nói, Ngài nói rất chậm. Nói từng chữ một, nói sáu chữ ấy! Tôi có thể lãnh hội *“thấy thấu suốt, buông xuống”*. Tôi tiếp tục thỉnh giáo lão nhân gia, thực hiện từ chỗ nào? Lần này thời gian im lặng chẳng dài, Ngài bảo tôi: *“Bố thí”*. Thực hiện từ bố thí, bố thí là buông xuống.

Về sau, sau khi chúng tôi đã khế nhập giáo pháp Đại Thừa, mới hiểu sáu chữ do lão nhân gia ban cho tôi trong ngày đầu tiên, thực hiện bằng cách buông xuống, chính là bí quyết tu học cao nhất trong Đại Thừa Phật giáo từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai! *“Thấy thấu suốt”* là gì? Trí huệ. Buông xuống, tâm sẽ thanh tịnh. *“Buông xuống”* thuộc về Giới và Định, *“thấy thấu suốt”* là Tam Học Giới, Định, Huệ. Nếu Ngài nói Tam Học Giới, Định, Huệ, sẽ khiến cho tôi là kẻ sơ học trở nên hồ đồ. Đây là gì? Thật sự có trí huệ, phương tiện thiện xảo, lập tức có thể nhiếp thọ người khác. Thấy thấu suốt giúp buông xuống, buông xuống giúp thấy thấu suốt. Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi xem sách, chẳng phải là kinh điển. Ngài bảo tôi đọc Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Thuở ấy, chẳng có sách, Ngài dạy tôi hãy đến chùa miếu tìm trong Đại Tạng Kinh để sao chép. Do vậy, thuở đầu tôi học kinh điển nhà Phật, sao chép kinh. Những kinh sách nhà Phật chẳng thể mua ngoài chợ sách được, đều phải đến tự miếu mượn kinh để sao chép lại. Kinh điển lại chẳng thể mượn về. Chỉ đành lợi dụng thứ Bảy, Chủ Nhật, hoặc buổi tối tan sở, chẳng có chuyện gì bèn đến tự miếu, có thể sao chép, một, hai giờ!

Chuyện này có nghĩa là gì? Chẳng phải là quý vị học Phật ư? Học Phật thì phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị chẳng biết gì về Ngài cả, cái tâm cung kính, kính ngưỡng đối với Ngài sẽ chẳng thể nảy sinh được! Giống như quý vị đối với lịch sử uyên nguyên của gia đình chẳng biết chút gì, cái tâm yêu thương đối với gia đình sẽ không thể sinh khởi được! Đạo lý giống như nhau! Sự liễu giải của quý vị càng khắc sâu, tự nhiên quý vị sẽ thật sự quan tâm, sẽ yêu thương nó! Do vậy, Ngài chỉ dạy tôi phương pháp: “Trước hết, con phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật!” Những tác phẩm đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật, do người đời Đường viết. Sau khi đọc xong, bội phục [đức Phật] năm vóc sát đất! Người thế gian truy cầu ngũ dục, không gì chẳng hưởng dụng đến mức tột cùng. Thích Ca Mâu Ni Phật đã đạt được toàn bộ ngũ dục, mang thân phận vương tử. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, Ngài nhất loạt trọn đủ, [thế mà dứt khoát] buông bỏ! Mười chín tuổi lìa khỏi gia đình, tầm sư phỏng đạo. Ngài muốn vì chính mình, vì chúng sanh giải quyết một vấn đề. Vấn đề gì vậy? Vấn đề sanh, lão, bệnh, tử! Đây là đại sự

trong đời người, thật sự là *“lìa khổ, được vui”*. Nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, nếu nói rộng ra, sẽ là tám khổ: Cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, Ngũ Ấm lòng lầy. Các nỗi khổ ấy là như thế nào? Khổ do đâu mà có? Vì sao có khổ? Làm thế nào để lìa khổ? Lìa khổ hòng được vui. Đây là nói đến động cơ (motivation) của đức Phật!

Ngài biết danh lợi, ngũ dục là căn bản của khổ, phải trừ bỏ căn bản ấy. Suốt cả đời, Ngài đã vì chúng ta mà thị hiện: Thật sự chẳng có tâm tham. Đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng, xác thực là chẳng có mấy may tâm tham! Thật sự buông xuống! Chúng ta học Phật, quý vị phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Trước hết, quý vị phải buông xuống những thứ ấy. Vì sao? Những thứ ấy không chỉ chướng ngại sanh tử, chướng ngại giải thoát, mà còn chướng ngại quý vị khai ngộ. Chỉ cần quý vị dính dáng những thứ ấy, chắc chắn là quý vị sẽ chẳng thể khai ngộ ngay trong đời này! Quý vị học Phật, đọc kinh, nghiên cứu, tôi thường nói tỷ dụ: Quý vị đọc kinh, hằng ngày đọc kinh, niệm Phật chính là *“miệng có, tâm không”*. Giống như chúng ta ăn cơm, quý vị xem thực đơn vậy! Kinh sách ví như thực đơn. Quý vị coi xong, nghiêm túc học tập, nghiên cứu, thảo luận, thậm chí quý vị còn viết khá nhiều luận văn. Nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, nhưng quý vị chẳng làm được! Vậy là giống như đồ ăn đã dọn ra bàn, quý vị vẫn chẳng ăn, mùi vị gì cũng chẳng biết! Quý vị chẳng đạt được pháp hỷ, vẫn mừng, giận, vui, buồn, vẫn sống cuộc đời của người thế gian, chẳng sống cuộc đời của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu quý vị biến đạo lý trong kinh giáo thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chính quý vị; tức là quý vị đã nuốt thức ăn rồi, có thể biết hương vị, cũng có được chất bổ dưỡng, mới thật sự đạt được lợi ích nơi pháp. Quý vị chẳng thể làm được, thứ ấy sẽ là của người khác, chẳng phải là của quý vị.

Vì thế, sự chỉ dạy của thầy có mối quan hệ quá lớn. Trước hết là dạy quý vị nhận biết, tôi tôn kính Phật, lẽ nào chẳng tôn kính những vị đại sư truyền bá Phật giáo? Kính Pháp, đương nhiên là quý vị sẽ kính Tăng. Tôi chẳng biết chút nào về Phật pháp, cái tâm cung kính đối với những vị thầy truyền pháp làm sao sanh khởi cho được? Do vậy, hiện thời, sự truyền thừa ấy đã bị mất đi, [đại chúng] chẳng hiểu những đạo lý này, chẳng có thiện tri thức thật sự, phương pháp tiếp dẫn sai lầm. Vì thế, tôi cảm thấy chính mình hết sức may mắn, suốt năm mươi lăm năm học Phật, chẳng đi theo đường lối oan uổng. Ba vị thầy đều là thiện tri thức thật sự, ngạn ngữ nói *“chuyện này có thể gặp, chứ không thể cầu”*!

Trông thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đã đạt được sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, Ngài có thể bỏ sạch sành sanh như vậy, chuyện này đáng cho chúng ta tư duy sâu xa! Vì sao Ngài sống cuộc đời “*giữa trưa ăn một bữa, qua đêm dưới cội cây*”, sống cuộc đời khát thực? Đức Phật đề xướng “*lià khổ, được vui*”, chúng ta thấy cuộc sống ấy quá khổ! Đó là “*lià vui, được khổ*”! Quý vị thấy người thế gian bảo ngũ dục là lạc, địa vị là quốc vương, nói theo thời cổ sẽ là “*quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (thiên tử sang cả, giàu có đầy ắp bốn biển). Tất cả hết thảy chúng sanh đều theo đuổi mục tiêu này! [Thế mà] đức Phật đã đạt được, lại vứt bỏ, sống cuộc đời khổ sở ngần ấy. Chúng tôi đọc xong, suy nghĩ rất nhiều bữa, vẫn nghĩ không thông! Không nghĩ ra, xếp vấn đề để đó. Chuyện này được gọi là “*nghi tình*” trong Phật pháp. Tiểu nghi có tiểu ngộ, đại nghi có đại ngộ! Về sau, dần dần kế nhập kinh điển, mới hoảng nhiên đại ngộ, hiểu rõ trong ấy có chân lạc!

Niềm vui này khiến cho chúng tôi nghĩ đến Nho gia. Quý vị thấy các vị đại đức trong Nho gia xưa kia thường nói “*Khổng Nhan chi lạc*” (niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hồi), [đấy chính là điều] Nho gia mong cầu, nhưng rất ít người làm được. Vì sao chẳng làm được? Chẳng thể buông xuống ngũ dục, lục trần. Tiếng tăm, lợi dưỡng cũng không buông xuống được! Do vậy, họ chẳng thể thấu hiểu! Quý vị thấy Nhan Hồi, “*cur lậu hạng, nhất đan thực, nhất biểu ẩm*” (sống trong ngõ nghèo hèn, một giỏ cơm, một bầu nước uống). Phu Tử tán thán ông ta. Nếu kẻ bình phàm sống cuộc đời như vậy, sẽ là “*nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc*” (kẻ khác chẳng thể kham nỗi lo âu ấy, Nhan Hồi cũng chẳng thay đổi niềm vui)! Nhan Hồi suốt ngày từ sáng đến tối vui thích khôn cùng, sung sướng khôn cùng, sống cuộc đời như vậy đó! Nhưng cuộc sống của Thích Ca Mâu Ni Phật còn khổ hơn ông ta. Ông ta còn có cái ngõ hẻm nghèo nàn để ở, Thích Ca Mâu Ni Phật nghỉ đêm dưới cội cây. Lại nữa, đối với cội cây lại còn quy định “*chẳng thể hằng ngày đều ở dưới cội một cái cây*”, phải thường xuyên thay đổi. Vì sao? Chẳng khởi tâm tham đối với gốc cây ấy. Nếu một cội đại thụ rợp bóng mát mẻ, được lắm chớ, rất thoải mái, ta dấy lòng tham! [Vì thế, để đối trị lòng tham, phải] đổi chỗ hằng ngày!

Những đệ tử theo học với Ngài, từ trong kinh, chúng ta thường thấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Những vị này là Thường Tùy đệ tử, sống cuộc đời giống hệt Thích Ca Mâu Ni Phật, đi khát thực hằng ngày! Khát thực chính là “*phương tiện vi môn*” (phương tiện làm cửa). Bởi lẽ, khi khát thực, chẳng phải là nói “*nay ta ăn chay* [chỉ

nhận thức ăn chay]”. Người ta cho gì ăn đó, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, bình đẳng! Trong giáo pháp có dạy “không sát sanh”. Vì thế, chúng ta phải hiểu: Khi đức Phật khát thực ở bên ngoài, chẳng kiêng kỵ đồ mặn! Đây là “*phương tiện làm cửa*”, chẳng gây thêm phiền phức cho đại chúng. Quý vị ăn thứ gì bèn bố thí [cho người xuất gia khát thực] thứ đó!

Ăn chay là do Lương Vũ Đế của Trung Hoa đề xướng. Lương Vũ Đế đọc kinh Lăng Già, trong kinh, đức Phật xác thực đã nói: “*Bồ Tát từ bi, chẳng nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh*”. Lương Vũ Đế thấy vậy, hết sức cảm động. Do đó, bèn ăn chay. Nhà vua vốn là đại hộ pháp của Phật môn. Phong trào ăn chay là do lão nhân gia đề xướng. Phong trào này được triển khai rất nhanh chóng, Phật môn hưởng ứng. Về sau, dần dần các cư sĩ cũng hưởng ứng. Vì thế, chư vị phải biết: Ăn chay trong Phật giáo chỉ có tại Trung Hoa. Quý vị sang Nhật Bản, Đại Hàn đều chẳng có. Sang bên đó, [người xuất gia] sống cũng chẳng thuận tiện cho lắm. Nhưng hiện thời, họ cũng biết người xuất gia Trung Hoa ăn chay, cho nên đặc biệt chuẩn bị thức ăn chay cho quý vị. Trong món chay còn có hương vị của đồ mặn, [vì] nồi chẳng sạch [hết mùi vị đồ mặn]. Quý vị phải hiểu họ đã tận tâm tận lực, đừng gây phiền toái, phải hiểu chuyện này! Ăn chay xác thực là có lợi, rất hữu ích cho sức khỏe thân tâm.

Đối với chuyện ăn chay thì cũng là khi tôi hai mươi sáu tuổi, tiếp xúc Phật pháp chưa đầy nửa năm bèn chọn cách ăn chay. Vì sao? Tôi đã hiểu rõ. Trước khi tôi học Phật, tôi ưa thích, tôn kính đạo Hồi nhất. Vì thế, hiện thời, trên quốc tế, tôi quan hệ cùng đạo Hồi thân thuộc như thế là có duyên nguyên. Thuở ấy, sách vở đạo Hồi không nhiều lắm. Tôi đi học trong trường, khi đang học Sơ Trung (cấp hai), bạn học của tôi là tín đồ đạo Hồi. Tôi cũng đến giáo đường đạo Hồi nghe giảng đạo. Họ có những sách báo, tôi cũng rất hoan hỷ xem. Về sau, tôi mới hiểu, đạo Hồi tại Trung Hoa có văn hóa của Nho, Thích, Đạo trong ấy, chẳng giống với đạo Hồi ở ngoại quốc. Đạo Hồi tại Trung Hoa nói “*ngũ công, ngũ điển*”. “*Ngũ công*”²⁶ là do kinh Cổ Lan nói. “*Ngũ điển*” là luân lý của Trung Hoa, họ thêm vào. Vì thế, trong [giáo thuyết của đạo Hồi tại Trung Hoa] đã dung hợp văn hóa Nho, Thích, Đạo, tôi rất ưa thích. Trong ấy có nói “*hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy*”, nói những điều này; đó là luân lý đạo đức.

Đối với chuyện ẩm thực, họ có chọn lựa. Chư vị đều biết, họ chẳng ăn thịt lợn, thịt chó. Những người ngoài đạo không hiểu, chế giễu họ. Trên thực tế, họ chọn lựa những món ẩm thực theo cách vệ tánh, còn cách ăn uống thông thường của chúng ta là “*vệ sinh*”. “*Sinh*” là sinh lý

(生理, physiology), sức khỏe sinh lý, còn “tánh” (性) là tánh tình. Có rất nhiều loại thực phẩm chẳng tốt cho tánh tình. Sau khi quý vị ăn vào, sinh lý sẽ bị ảnh hưởng. Ví như trong Phật môn, đức Phật cấm ăn ngũ tân. Những thứ như hành, tỏi, hẹ v.v... là ngũ tân. Khất thực thì không quản, cho gì ăn nấy, chẳng chọn lựa. Nhưng thông thường, đức Phật dạy mọi người đừng ăn những thứ ấy. Vì sao? Không tốt cho tánh tình, chúng có tánh chất không tốt. Ăn sống sẽ vượng hỏa nơi gan, sẽ nóng giận. Nếu tánh tình của quý vị chẳng mềm mỏng, thường ăn những thứ ấy, sẽ thường xuyên nổi giận, sẽ làm mất lòng kẻ khác. Vì thế, quý vị phải hiểu vì sao đức Phật ngăn cấm. Ăn những thứ ấy đã nấu chín, nó dễ giúp cho quý vị sanh ra hormone (nội tiết tố), dẫn khởi những sự xung động trong tánh tình. Đạo lý là như thế đó, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng. Người học Phật chúng ta phải thường gìn giữ cái tâm thanh tịnh, gìn giữ tánh tình rất tốt đẹp, hiền lành. Do vậy, chúng ta tránh không ăn những thứ ấy. Nhưng dùng làm thuốc thì không kể, hễ thuốc men cần phải dùng những thứ ấy thì được phép. Do vậy, mỗi giới điều đều có khai duyên. Đối với “*khai, giá, trì, phạm*”, nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch.

Không ăn động vật nhằm bảo vệ cái tâm từ bi. Do vậy, đối với thực phẩm, đạo Hồi biết vệ sinh và vệ tánh, bảo vệ tánh tình tốt đẹp, rất có lý. Sau này, tôi thấy trong Phật giáo còn hoàn thiện hơn nữa, bảo vệ cái tâm từ bi. Phật giáo bảo vệ ba điều, vệ sinh, vệ tánh, lại còn vệ tâm. Cách ăn uống như vậy mới là viên mãn. Tôi hiểu rõ điều này, chẳng mê tín chút nào. Tôi phải chọn lựa cách ăn uống tốt nhất hòng bảo vệ thân thể của chính mình. Vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm; vì lẽ này, dường như là sau khi đã tiếp xúc Phật pháp sáu tháng, tôi bèn chọn lựa cách ăn chay. Khi đó, tôi còn đi làm trong công sở, bếp ăn tập thể cũng được lắm, họ chiếu cố rất chu đáo. Chúng tôi ăn chay, họ chỉ cho chúng tôi một món. Người ăn chay không nhiều lắm! Do vậy, phải hiểu vì sao phải bỏ [ăn mặn], đối với thân thể chúng ta, những thứ ấy chẳng có lợi cho lắm!

Phải bỏ tiền tài, vì sao? Hễ tham tài, quý vị sẽ tạo rất nhiều ác nghiệp. Vì sao suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dựng đạo tràng? Các tín đồ cúng dường, mọi người đều biết, cúng dường [những nơi] như Trúc Lâm tinh xá, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Quý vị phải thấy cho rõ: Sản quyền (產權, quyền sở hữu tài sản), chủ quyền vẫn thuộc về họ, giống như nói như thế nào? Đức Phật mượn dùng! Khi ta không dùng, sẽ trả lại quý vị. Đây là đúng, thật sự chẳng có tài sản. Chẳng có tài sản sẽ không vướng mắc, chẳng phải lo sầu! Trong hàng tín đồ, chẳng có ai tranh chấp,

chẳng có thứ gì để tranh giành, quý vị thấy cái tâm của quý vị thanh tịnh lắm chứ! Hiện thời, chánh phủ đề xướng “*tâm tịnh, tâm an, tâm bình*”, đức Phật đã làm được. Chỉ cần quý vị có tài sản, sẽ có kẻ tranh chấp. Những thứ ấy phiền phức lắm! Quý vị còn lo âu, vướng mắc! Quý vị phải tham cứu thấu triệt những đạo lý này, sau đấy mới hiểu chính mình phải học tập như thế nào!

Đời này, tôi học Phật đã năm mươi lăm năm, bắt đầu từ lúc hai mươi sáu tuổi, đã năm mươi lăm năm rồi! Giảng kinh, dạy học bốn mươi tám năm, tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có nơi cư trú. Đạo tràng là của người khác, chỗ ở là được cho mượn sử dụng. Tôi vừa mới nói đó, sản quyền, quyền sở hữu thuộc về người khác. Chỗ tôi đang ở hiện thời tại Hương Cảng là của bà cụ Trần. Bà cúng dường, bắt lượn tôi ở bao nhiêu ngày, bà đều hoan hỷ. Tôi chẳng ở, sẽ trả lại bà ta. Thanh tịnh, tự tại! Chẳng phải là của tôi. Nhà của bà cho tôi ở, chỉ trao chìa khóa cho tôi. Đóng thuế nhà chi đó là chuyện của bà ta, tôi đều chẳng biết, ngay cả điện nước, tiền điện thoại đều do bà ta trả, tôi chẳng phải bận tâm mảy may. Đấy là gì? Đức Phật dạy chúng tôi, thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ tại Trúc Lâm tinh xá, hoặc trụ tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, có tánh chất như vậy. Như thế thì có thể tiếp nhận. Chứ nếu bà ta tặng căn nhà này cho tôi, đã hại tôi rồi! Tôi xuất gia, bà lại tặng cho tôi một cái nhà, tôi phải bận tâm cỡ nào? [Nếu tôi nhận cái nhà ấy], mắc lừa mất rồi! Quý vị sẽ khổ sở!

Thầy Phương dạy tôi “*học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời*”, tôi suốt đời cảm kích thầy đã vạch ra một con đường tốt đẹp như thế. Không ai có thể nêu ra, thầy dạy tôi, tôi tiếp nhận. Suốt đời quý vị chẳng bận lòng, chẳng có một tí chuyện gì phải quan tâm, cái tâm thanh tịnh lắm, cái tâm vui sướng lắm! Trong tâm chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, chẳng có vướng mắc, chẳng có gánh nặng, thân lẫn tâm đều chẳng có gánh nặng. Do vậy, thật sự giải thoát. Việc làm mỗi ngày là đọc kinh, dạy học, quý vị nói có vui sướng lắm hay không! Suốt ngày từ sáng đến tối đều là dạy học, ai tới nói chuyện với tôi cũng đều là dạy học. Hai người trò chuyện với nhau đều là dạy học, đều là khuyên nhủ, bảo ban, chẳng dính dáng tiếng tăm, lợi dưỡng!

Cận đại, chúng ta thấy một tấm gương, thầy Lý thường muốn tôi học tập theo vị ấy. Học Phật phải tìm một tấm gương; trong thời cận đại, thầy dạy tôi học theo Ấn Quang đại sư. Hành trạng cả đời của Ấn Quang đại sư thật sự giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, là một gương mẫu thật tốt cho chúng ta. Học theo Ngài như thế nào? Từ Văn Sao! Hiện thời đã

có in toàn tập. Hằng ngày đọc sách của Ngài, hằng ngày nghe giáo huấn của Ngài, đó là đúng. Hằng ngày đọc [Văn Sao] là hằng ngày theo Ngài, tôi chẳng có ngày nào rời khỏi Ngài. Hằng ngày đọc kinh, chẳng rời Phật. Hằng ngày đọc Văn Sao, chẳng rời khỏi thầy. Trong ấy có nhiều nỗi vui sướng; niềm vui ngũ dục, lục trần làm sao có thể sánh bằng!

Người thế gian mê luyện ở nơi đây, cho nên “*đương nguyện chúng sanh, bạt trừ dục tiến*” (nguyện cho chúng sanh, nhổ bỏ mũi tên tham dục). Ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng; đây là những thứ bên ngoài, là những thứ hết sức bất hảo, có thể dẫn khởi tập khí phiền não tham, sân, si, mạn trong A Lại Da của quý vị. Bên trong đã có chủng tử, tức là có chủng tử của tập khí phiền não; những thứ bên ngoài là ngoại duyên. Chúng là duyên bất thiện, duyên phiền não. Chủng tử và duyên kết hợp, bèn dấy lên hiện hành. Hễ hiện hành, sẽ rất đau khổ. Quý vị chẳng dẹp trừ những thứ ấy, tâm làm sao có thể an cho được? Lẽ đâu có thể thanh tịnh cho được? Lẽ nào có thể bình đẳng cho được? Quý vị phải nghiêm túc dẹp trừ nó; sau đấy, quý vị mới thấu hiểu niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hồi, niềm vui của đức Thế Tôn. Đoàn thể của đức Thế Tôn to như vậy, đại chúng có niềm vui, niềm vui ấy là gì? Trong Luận Ngữ có một câu nói rất hay: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Rất khó thấu hiểu được! Giống như chúng tôi vừa nêu tỷ dụ. Quý vị thật sự ăn món ăn ấy, mới biết hương vị của nó. Chẳng ăn, sẽ không hiểu, chỉ nhìn sẽ không được!

Hiện thời đang làm chuyện Phật học, Phật học là quý vị nhìn, chứ không nếm! Cổ nhân nói là “*kể chuyện ăn, đếm của báu*”, chính mình chẳng có phần! Nhất định là phải khế nhập; trong khế nhập, sẽ có rất nhiều nỗi vui sướng. Sự vui sướng vì đạo ấy chẳng thể diễn tả được, kể khác chẳng có cách nào thấu hiểu! Vì thế, sau khi tôi đã khế nhập cảnh giới, mới hiểu được câu nói “*học nhi thời tập chi*” trong Luận Ngữ! “*Học*” (學) là học hỏi, “*tập*” (習) là thực hiện, “*tập*” là làm được. Toàn bộ những gì quý vị đã học đều làm được, vui sướng lắm!

Chư vị đồng học, nay tôi khuyên mọi người học Đệ Tử Quy. Nếu học được Đệ Tử Quy, sẽ vui sướng khôn sánh! Bản thân quý vị vui sướng, cả nhà quý vị hòa thuận, khẳng định là quý vị sẽ cảm hóa người trong nhà. Nếu quý vị lại có thể thấu hiểu Phật pháp, người trong nhà quý vị rất khó buông xuống ngũ dục, quý vị có gia đình, phải làm như thế nào? Hãy nhạt bớt, giảm thiểu, chớ nên quá nồng đậm! Phải giảm thiểu ngoại duyên, trong kinh văn thuộc phần sau có nói đến chuyện này. Ví

như nhà nào trong hiện thời cũng đều có TV, đối với các tiết mục TV, phải chọn lựa! [Những tiết mục có tánh chất] bạo lực, tình dục, quyết định không xem. Chuyện này quan trọng lắm! Những thứ chánh đáng thì có thể xem, bớt xem những thứ như tin tức. Vì sao? Cổ nhân nói: “*Biết chuyện ít, ít điều phiền não. Quen nhiều người, lắm nỗi thị phi*”. Chẳng cần thiết, quý vị mong biết nhiều như thế để làm gì?

Tôi đã hơn bốn mươi năm chẳng xem TV, chẳng nghe radio, nhật báo, tạp chí thấy đều không tiếp xúc, hơn bốn mươi năm! Vì thế, đối với cuộc sống trên thế giới, người khác hỏi đến, [tôi đều thưa]: “Thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì”. Do không biết, nên chẳng có chuyện gì, thiên hạ thái bình. Họ hằng ngày tiếp xúc, suốt ngày từ sáng đến tối bận lòng, sống cuộc đời nhọc nhằn quá! Tôi ở Cát Long Ba (Kuala Lumpur), ông Mã Cáp Địch (Mahathir) hỏi tôi một câu cũng rất thú vị. Ông ta hỏi: “Thầy điều gì cũng chẳng tiếp xúc, thứ gì cũng chẳng xem, dường như là chuyện gì thầy cũng biết?” Tôi đáp: “Đúng thế, chuyện trọng yếu thì tôi biết”. “Biết bằng cách nào?” Rất nhiều đồng học đến kể cho tôi biết. Vì thế, tôi có những tin tức từ chỗ này! Các đồng học không nói với tôi, tôi sẽ không biết. Nhưng số lượng những điều tôi biết rất ít. Một tuần thỉnh thoảng có mấy lần như thế, chẳng phải là hằng ngày đều có. Đôi khi suốt cả tuần, chẳng có chuyện chi hết!

Vì thế, ở đây, tôi phải trình trọng thưa cùng các đồng học, xin mọi người hãy thứ lỗi. Chư vị đừng nên viết thư cho tôi, tôi không trả lời thư. Các vị cũng đừng nên gọi điện thoại, tôi không nghe điện thoại. Tâm của quý vị mới có thể thanh tịnh. Quý vị đến chỗ này thăm hỏi, nhất định là tôi sẽ tiếp kiến quý vị, nhưng thời gian tiếp kiến cũng có hạn. Đây là quý vị phải thường xuyên bảo vệ “*giác, chánh, tịnh*” của chính mình. Đối với những ngoại duyên, các duyên bất hảo ấy, quý vị phải biết tránh né như thế nào, kể cả chuyện ăn uống, sinh hoạt của chính mình.

Tôi suy ngẫm, hiện thời đối với chuyện ăn uống, sinh hoạt, nói thật thà, vẫn là “giữa trưa ăn một bữa” là tốt nhất. Một là bớt việc, hai là có lợi cho sức khỏe của thân thể. Thầy thuốc kiểm tra, thân thể tôi chẳng có bệnh tật gì, đặc biệt nhắc nhở tôi: “Pháp sư à! Thân thể thầy chẳng thể tầm bổ, hễ tầm bổ là hỏng!” Vì thế, tôi mong mọi người đừng nên tặng thuốc bổ cho tôi. Tặng các thứ thuốc bổ, tôi đều dùng làm quà để tặng lại cho người khác. Chư vị phải biết điều này. Ngoài chuyện ăn uống thông thường ra, tôi không ăn những thứ lặt vặt. Trong quá khứ uống nước, hiện thời uống chút trà, nhưng trà cũng rất nhiều, các nơi đều biểu tôi

trà. Trà uống không hết, tôi đều dùng làm quà biếu lại người khác. Cuộc sống hết sức đơn giản!

Suốt đời tôi giữ cho *“danh tương xứng thực”*. Khi xuất gia, sư phụ đặt cho tôi pháp danh Tịnh Không. Tôi thường suy gẫm, ta có thanh tịnh hay không? Ta có phải là Không hay chẳng? Danh và thực phải tương xứng. Danh và thực chẳng tương xứng, người ta gọi tên quý vị chính là chửi quý vị đấy. Vì sao? Quý vị chẳng làm được. Cái tên ấy hay lắm! Thứ gì cũng đều phải buông xuống, buông xuống mới tự tại, buông xuống thì trí huệ sẽ hiện tiền. Trí huệ của con người là bình đẳng. Do hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, [cho nên] bình đẳng. Có sao có trí huệ chênh lệch chẳng đều? Nguyên nhân là do [mỗi người] buông xuống nhiều hay ít khác nhau! Kẻ hoàn toàn chẳng buông xuống được thì chính là ngu si! Chẳng có trí huệ! Nhưng người thế gian có phước báo, chúng ta thấy rất rõ ràng, chẳng có trí huệ. Họ có phước báo là do tu từ đời trước. Ngay cả kinh Cổ Lan (Q'uran) của đạo Hồi cũng nói: *“Chân Chúa (Allāh) dựa theo tiền định để sáng tạo vạn vật”*. Allāh sáng tạo người này, người này suốt đời hưởng phước. Tạo ra kẻ khác, kẻ khác suốt đời chịu tội. Vậy thì chẳng phải là Allāh rất thiếu công bằng ư? Chẳng phải vậy! Allāh đã nương theo tiền định, *“tiền định”* chính là nghiệp do quý vị đã tạo trong đời quá khứ! Trong đời quá khứ tạo điều thiện, Allāh bèn cho quý vị hưởng phước. Trong đời quá khứ đã làm chuyện bất thiện, Allāh bèn cho quý vị chịu tội. Rất có lý! Nói kiểu ấy khiến cho chúng ta thật sự tâm phục, khẩu phục. Allāh lại khích lệ chúng ta, trong một đời này, nhất định phải đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, chẳng khác lời đức Phật dạy! Vì vậy, quý vị quan sát kỹ càng kinh điển của thánh hiền, [sẽ thấy] những chỗ mâu thuẫn rất ít, chỗ dung thông quá nhiều. Những quan điểm trọng yếu đều dung thông.

Tôi thường nói *“tôn giáo là một nhà, tất cả các tôn giáo là người một nhà”*. Ở Nhật Bản, tôi đã nói điều này với những vị nhân sĩ thuộc giới tôn giáo tại Nhật Bản. Những người tôi được tiếp xúc đều là các vị Phương Trượng, Trụ Trì của các chùa miếu, đều là những vị lãnh đạo tôn giáo rất có địa vị, tôi khuyên họ: *“Các tông phái Phật giáo bất đồng hãy đối xử hòa thuận với nhau, người một nhà mà!”* [Phật giáo] Nhật Bản có mười ba tông phái, kinh điển để căn cứ của mỗi tông phái đều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại. Giống như một cặp cha mẹ sanh dưỡng mười ba đứa con. Nếu con cái bất hòa, quý vị nói xem cha mẹ thương tâm cỡ nào? Mười ba tông phái chẳng qua lại với nhau, Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày ứa lệ, các vị có biết hay không?

Sai mất rồi! Anh em phải tương thân tương ái, phải hỗ trợ hợp tác. Tôi khích lệ họ [như thế đó]! Đối với các tôn giáo bất đồng thì sao? Tôi nói các tôn giáo bất đồng là anh em bên nội bên ngoại của chúng ta, có phải chiếu cố hay không? Phải chiếu cố! Làm sao có thể chảng qua lại cho được? Làm sao có thể bài xích cho được? Quý vị chảng học thông suốt!

Tôi qua lại cùng các tôn giáo bất đồng, tôi nói với họ: - Tôi có lý luận cơ sở. Cơ sở là gì vậy? Tôi đọc kinh của quý vị còn nghiêm túc hơn các vị nữa. Tôi mở Kinh Thánh ra, tôi là tín đồ Cơ Đốc hoặc tín đồ Thiên Chúa giáo kiên thành. Tôi thật sự học theo quý vị, rất tôn kính quý vị, thì tôi mới học được điều này lẽ nọ. Nếu nói “đây là ngoại đạo, tham khảo nó”, ngay cả những điều hơi hợt bề ngoài quý vị cũng chảng học được! Tôi đọc kinh Cổ Lan, tôi là tín đồ đạo Hồi kiên thành, tuyệt đối chảng khác gì đọc kinh Phật, tôi mới có thể thâm nhập, mới có thể thấu hiểu, mới có thể đối xử với họ dung hợp như thế ấy. Tôi có thể giảng kinh điển của quý vị, tôi có thể giảng chỗ nào cũng hợp đạo, tôi có thể giảng khiến cho quý vị cũng gật đầu, cũng sanh lòng hoan hỷ. Đại học Hồi giáo tặng tôi học vị Tiến Sĩ chảng uống công!

Thật sự làm, thật sự học, sau đấy mới hiểu thông suốt hoàn toàn pháp thế gian và xuất thế gian. Cổ đại đức thường nói: *“Một kinh đã thông, hết thấy các kinh đều thông”*. Không chỉ là thông suốt hết thấy các kinh trong Phật môn, mà [kinh điển của] tất cả các tôn giáo đều thông. Vì sao? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, hết thấy chúng sanh và hết thấy vạn vật trong hư không pháp giới, [đều là] do tâm hiện thức biến. *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Cái tâm tánh “có thể hiện” (năng hiện) là một, cái thức “có thể biến” (năng biến) cũng là một, cho nên *“mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*, há lẽ nào chảng thông? Vì thế, vũ trụ là hài hòa, vốn là hài hòa. Tinh hệ là hài hòa, địa cầu là hài hòa, vạn vật là hài hòa. Vì sao bất hòa? Đã mê thì sẽ bất hòa, giác thì sẽ hài hòa; chỉ là do liên quan đến giác hay mê. Vì thế, giáo dục Phật giáo, giáo dục tôn giáo chảng có chi khác, đều nhằm giúp cho hết thấy chúng sanh phá mê, khai ngộ. Người ta chỉ cần giác ngộ, mối quan hệ giữa con người với nhau sẽ là cư xử hết sức tốt đẹp, thật sự là tương thân tương ái, tôn kính lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, mâu thuẫn nấy sanh ở chỗ nào?

Vì thế, tổ tiên trong năm ngàn năm của Trung Hoa đã rất thông minh, đúng là thánh nhân, biết lấy *“giáo học làm đầu”*. Bất luận là gia đình, bất luận là dòng họ, gia đình lấy giáo học làm đầu, dòng họ lấy giáo học làm đầu, xã khu lấy giáo học làm đầu, huyện thị lấy giáo học làm đầu, quốc gia lấy giáo học làm đầu, giáo học được xếp hàng đầu. Đòi hỏi học

trò phải thực hiện từ chính bản thân mình. Nhất định phải làm từ chính mình! Vì thế, cổ thánh tiên hiền nói: *“Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bổn”* (Từ thiên tử cho đến thường dân, nhất loạt lấy chuyện tu thân làm gốc). Giáo học đòi hỏi mọi người phải biết tu thân làm gốc, thiên hạ sẽ thái bình, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc, thế giới này sẽ là thế giới Hoa Tạng. Hoa Tạng, Cực Lạc chẳng hai, chẳng khác với Sa Bà. Quý vị phải hiểu khác biệt ở chỗ nào, chẳng khác biệt ở chỗ nào, phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch. *“Rốt ráo an ổn”* chính là thế giới Hoa Tạng. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1504

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem bài kệ thứ năm.

(Kinh) Kỹ nhạc tụ hội, đương nguyện chúng sanh, dĩ pháp tự ngu, liễu kỹ phi thật.

(經)妓樂聚會。當願眾生。以法自娛。了妓非實。

(Kinh: Kỹ nhạc tụ hội, nguyện cho chúng sanh, dùng pháp tự vui, liễu nhạc chẳng thật).

Nay chúng ta gọi Kỹ (妓) là biểu diễn, ca múa, biểu diễn hí kịch trên quy mô lớn. Nhạc (樂) là âm nhạc. Chúng ta hiểu *“tụ hội”* (聚會) giống như dạ tiệc văn nghệ trong hiện thời, có quy mô lớn. Nhạc theo quy mô lớn, được gọi là “nhạc giao hưởng”, một nhạc đoàn hay nhạc đội lớn có từ mười mấy đến mấy chục người. Từ xưa tới nay, tại Trung Hoa, đã dùng chuyện này để giáo học. Cổ thánh tiên vương dụng tâm hết sức chu đáo. Vì lãnh thổ quá rộng, dân cư đông đúc, vào thời cổ chẳng có trường học, những trường học do quốc gia sáng lập rất hữu hạn. Mỗi quận huyện lập một trường, [việc học hành] thật sự trở thành quy chế là vào đời Hán.

Trước nhà Hán, giáo dục tại Trung Hoa là giáo dục trong gia đình, nhưng chẳng phải là giáo dục trong xã hội không được biết đến! Quốc gia biết, những người thuộc các tầng lớp lãnh đạo đều biết, những người già đều hết sức coi trọng. Đó gọi là *“ngụ giáo ư nhạc”* (寓教於樂, ngầm dùng nhạc để dạy, hoặc những ý nghĩa giáo dục đều được chứa đựng trong nhạc). Do vậy, cổ nhân nói *“tiên vương chí đức yếu đạo”* (đức tột cùng, đạo trọng yếu của tiên vương). Trong phần trước, chúng ta đã đọc

điều này, đã trích dẫn. Thanh Lương đại sư đã trích dẫn. “*Chí đức*” (至德) là giáo dục luân lý, “*yếu đạo*” (要道) là giáo dục đạo đức. Phương thức giáo dục đạo đức quan trọng nhất là dùng phương thức gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng lễ nhạc, dùng phương cách như thế nào? Chính là cái được chúng ta gọi là “*biểu diễn văn nghệ, dạ tiệc văn nghệ*” trong hiện thời, dùng phương pháp này! Vì thế, gặp dịp lễ Tết, mừng lễ, do mọi người đoàn tụ trong những dịp ấy, tạm thời ngưng làm việc để xem biểu diễn. Phương thức biểu diễn quá nhiều, bao gồm cả những trò tạp kỹ trong ấy. Thế loại diễn xướng nghệ thuật tại Trung Hoa rất nhiều, là loại nghệ thuật nhân gian. Soạn lời ca, phổ nhạc đều là những văn sĩ, xác thực là họ đã đều được giáo dục đảng hoàng. Vì thế, quý vị thấy những lời ca, cũng như những câu đối thoại, những lối diễn xướng trong các tuồng hát đều hết sức văn nhã. Lại còn có ý nghĩa giáo dục rất sâu trong ấy, dùng phương thức này để giáo hóa thính chúng. Thính chúng từ xưa tới nay, cho đến đầu thời Dân Quốc cũng giống như thế. Người dân ở nông thôn không biết chữ, nhưng họ hiểu đạo lý làm người. Họ biết “*hiếu, đễ, lễ, nhạc*”, họ học từ chỗ nào? Học từ những chỗ này, chúng ta nói là “*nghệ thuật dân gian*”, học từ những chỗ này. Đó gọi là giáo dục xã hội.

Nghệ thuật dân gian đủ màu đủ vẻ rất nhiều. Từ xưa tới nay, nó có một nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, tức là “*tư vô tà*” (思無邪, chẳng nghĩ tà vậy) như Khổng Tử đã nói. Bất luận dùng phương thức biểu diễn nào, cũng chẳng thể khiến cho thính chúng có tà tư, tà niệm; [hễ có tà tư, tà niệm] thì sai mất rồi! Nguyên tắc chỉ đạo này xác thực đã được thực hiện hơn hai ngàn năm tại Trung Hoa, đến một trăm năm gần đây mới suy thoái, dần dần biến chất, phong thái ngày càng đi xuống. Chúng ta học theo Âu Tây, [nghệ thuật biểu diễn của] Âu Tây xác thực là giải trí, chẳng có ý nghĩa giáo dục trong ấy, [nội dung toàn là] cuồng hoan, đáng ngại quá! Phong khí xã hội hiện thời bại hoại, ai phải chịu trách nhiệm? Đương nhiên là do quốc gia sơ sót, chẳng tận hết chức trách, chẳng chế định pháp luật nghiêm ngặt để hạn chế. Chuyện này cũng có nỗi phiền phức! Hiện thời, dân chủ tự do cởi mở, nhân dân từ trên xuống dưới đúng là chỉ mong cầu lợi, toàn nhìn vào mục tiêu lợi lộc, luân lý đạo đức đã chẳng còn, ai còn nghĩ đến luân lý đạo đức?

Người hiện thời nghĩ tưởng lợi ích cá nhân của chính mình, tuyệt đối chẳng nghĩ đến lợi ích của kẻ khác, xác thực là “*tổn người, lợi mình*”. Nếu [là kẻ] có lương tâm, gây tổn thất cho người khác còn có chừa mực. Vì sao? Chẳng hại người khác. Hiện thời, tiêu chuẩn này chẳng còn nữa! Trong sự gây tổn thất cho người khác, ắt sẽ hại người, thậm chí hại

mạng. Đáng kinh hãi quá! Rõ rệt nhất là thuốc men. Trong giới y dược bèn bán thuốc giả, thuốc giả sẽ khiến cho người ta mất mạng! Quý vị bán thuốc kiếm được bao nhiêu tiền, nhưng uống thuốc ấy vào, tối thiểu là chẳng trị hết bệnh, cũng đừng nên hại người, như vậy thì vẫn còn có một tí lương tâm. Hiện thời, chẳng có đạo đức, “tôi bán cho quý vị thuốc giả, quý vị uống vào sống hay chết, chẳng ăn nhằm gì đến tôi! Miễn sao tôi kiếm được tiền!” Quý vị nói xem xã hội kiểu ấy còn làm sao được nữa! Phong khí ấy đã hình thành, từ nay về sau, chúng tôi chẳng thấy có dấu vết cải thiện, chẳng trông thấy. Nếu còn phát triển như vậy, đáng kinh hãi quá, rất đáng sợ! Mười năm sau, không chỉ là thuốc men, sợ rằng ngay cả thức ăn cũng đều trở thành vấn đề. Thế giới này còn có thể sống được nữa hay chẳng? Người trong thế giới này còn có thể sống sót nữa hay chẳng?

Khi xưa, nói chung là ba bốn mươi năm trước, khi tôi thân cận thầy Lý để học Phật. Tôi thân cận lão nhân gia lúc ba mươi một, ba mươi hai tuổi, hơn bốn mươi năm trước. Thuở ấy, lão nhân gia thường bảo chúng tôi: “Người hiện thời đáng thương, ba bữa cơm đâu có phải là ăn cơm! Ba bữa cơm là uống thuốc độc”. Gạo luôn xen tạp những chất hóa học. Gạo đẹp mắt, nhìn rất đẹp đẽ. Người hiện thời chỉ nhìn bề ngoài. Rau dưa trông rất đẹp mắt, tống vào đó cả đồng thuốc sát trùng. Tôi nghe người bán rau nói với bạn thân “rau này chẳng thể ăn”, ăn rau gì? Chính họ tự trồng rau cho chính mình ăn, trồng tách biệt hẳn. Rau họ bán cho người ngoài đều tưới đẫm thuốc sát trùng, còn họ ăn rau không tưới thuốc. Đó là giữ tấm lòng gì vậy? Vì thế nói *“ba bữa cơm đều là uống thuốc độc”!* Ăn chay cũng chẳng thể tránh khỏi! Do đó, trong xã hội hiện thời, có khá nhiều căn bệnh kỳ quái, bệnh do đâu mà có? Bệnh từ miệng vào. Chúng ta uống nước, biết là trong nước máy ở thành thị luôn có các chất thuốc hóa học [để khử trùng]. Vì thế, tiêu độc sát khuẩn, độc bị tiêu, vi khuẩn bị giết, nhưng bản thân nó (nước máy) cũng là chất độc, chẳng phải là nước thanh khiết thật sự! Hiện thời, rất khó uống được nước thật sự thanh khiết. Các nhà khoa học ngoại quốc đã báo cáo, mấy năm nữa, có thể là trong không khí cũng có chất độc. Quý vị nói xem, làm sao sống được cơ chứ!

Chúng ta xem bài kệ này, liên tưởng đến rất nhiều vấn đề. Có ai chẳng hy vọng sống cuộc đời rất hạnh phúc, rất vui sướng? Thông thường, công việc rất vất vả, vào dịp lễ Tết, ngày nghỉ, tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, trong tôn giáo có rất nhiều ngày lễ, trong phong tục dân gian, khi tụ hội trong lễ lạc tôn giáo thông thường, trước

kia quá nửa là đều hát tụng tạ thần (cúng tạ thần) đã phù hộ cho nơi ấy bình an. Nói thật ra, chánh phủ không chỉ chẳng ngăn cấm, mà còn rất tôn trọng, cũng rất ra sức giúp đỡ. Vì sao? [Những hoạt động ấy có tác dụng bổ trợ] thúc đẩy giáo dục xã hội, nhờ vào cơ hội ấy khiến cho đại chúng từ trong sự giải trí, vui chơi, có thể học được “hiếu, lễ, trung, tín”, có thể học được “lễ, nghĩa, liêm, sỉ”, có thể học được “thiện ác báo ứng”. Đây là chuyện tốt. Trung Hoa từ xưa tới nay, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, và giáo dục tôn giáo, đều dùng phương thức này để thúc đẩy. Vì thế, kẻ không biết chữ vẫn hiếu lễ, biết làm người, biết làm như thế nào để thành một người tốt. Hiện thời, tuy khoa học kỹ thuật phát triển, trường học mở ra san sát khắp nơi; trên thực tế, đâm ra hiệu quả chẳng bằng cổ nhân. Chuyện này đáng khiến cho chúng ta suy nghĩ sâu sắc.

Bồ Tát thấy sự tụ hội ấy, bèn phát đại tâm, “*đương nguyện chúng sanh, dĩ pháp tự ngu, liễu kỹ phi thật*” (nguyện cho chúng sanh, dùng pháp để tự vui, hiểu rõ kỹ nhạc chẳng thật). Trong ấy có ý nghĩa rất ư là sâu! Người giác ngộ, người học Phật, hiểu điều gì? Biểu thị pháp. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thành tựu viên mãn trong một đời, Ngài tu như thế nào? Thừa cùng chư vị, Ngài tu phẩm Tịnh Hạnh. Một trăm bốn mươi một nguyện này đều được thực hiện hoàn toàn trong cuộc sống hằng ngày, Ngài hiểu cách biểu thị pháp. Kỹ nhạc, tụ hội là biểu thị pháp, phải như thế nào? Người giác ngộ thưởng ngoạn trong ấy. Người khác thưởng ngoạn nội dung mừng, giận, buồn, vui trong ấy, thấy những điều ấy; còn người tu đạo thưởng ngoạn, sẽ tu gì? “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, học “*Không Hữu bất nhị, Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không*”, họ tu những điều ấy. Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, họ biết: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Cùng thưởng ngoạn ca múa như nhau, cùng xem nghe một vở tuồng như nhau, quý vị thấy mỗi người cảm nhận khác nhau. Phàm phu có sự cảm nhận của phàm phu, đạo nhân (người tu đạo) có sự cảm nhận của đạo nhân, chẳng giống nhau!

Từ năm mươi ba lần tham học cuối kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy những vị đại thiện tri thức đại diện cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức là hàng Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới, thuần chân, vô vọng, thuần tịnh, vô nhiễm. Nhất Chân pháp giới ở nơi đâu? Ở ngay tại nơi đây, là xã hội hiện thực của chúng ta. Vì sao chúng ta sống trong thế giới Sa Bà Kham Nhẫn nhằm đời ác ngũ trược? Thật ra, hoàn cảnh ô trược ở chỗ nào? Chẳng hề ô trược! Do ý

niệm của quý vị ô trược, tâm quý vị ô trược, hoàn cảnh bên ngoài biến thành vụn vẹo. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nhắc tới đạo lý này rất nhiều. Nếu tâm địa của quý vị thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, cảnh giới của quý vị sẽ là thứ đẹp đẽ nhất. Giống như từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, từ chỗ này, có thể đạt được sự chứng minh bằng khoa học. Ta dùng cái tâm thanh tịnh đối với một chén nước, nó sẽ hiển lộ kết tinh hết sức tốt đẹp. Giống như vậy, hai người chúng ta ở cùng một chỗ, quý vị dùng cái tâm ô nhiễm, tâm oán hận đối với nó, nó sẽ phản ứng bằng cách hiện ra kết tinh cũng rất xấu xí. Nước chẳng có tâm!

Nếu quý vị hiểu đạo lý này, thế giới này là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có Bồ Tát trụ trong thế gian này, cũng có A La Hán trụ trong thế gian này. Tại Trung Hoa, chư vị đọc Tam Muội Thủy Sám sẽ biết, tôn giả Ca Nặc Ca là A La Hán, trụ tại Tứ Xuyên. Quý vị đọc truyện ký của Pháp Chiếu đại sư, sẽ thấy Sư ở núi Ngũ Đài thấy Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát. Ở nơi đó, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Sư còn hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo (thuở ấy đã bước vào thời Mạt Pháp). Thời kỳ Mạt Pháp, căn tánh của con người ngày càng độn, tu pháp môn gì tốt nhất? Văn Thù Bồ Tát dạy Sư tu pháp môn Niệm Phật. Cách niệm Phật như thế nào? Văn Thù Bồ Tát còn niệm mấy tiếng cho Sư nghe. Sư học hiểu, về sau, không tham Thiền nữa, đổi sang niệm Phật, trở thành tổ sư của Tịnh Độ Tông, là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông. Trong Tịnh Độ Tông, Sư được gọi là Ngũ Hội Pháp Sư. Ngũ Hội Niệm Phật là do Văn Thù Bồ Tát dạy cho Sư, nhưng thật ra, Ngũ Hội Niệm Phật đã bị thất truyền!

Trong thời Dân Quốc, có những vị pháp sư biên soạn Ngũ Hội Niệm Phật Phổ. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh, đã trông thấy [nhạc phổ ấy]. Ở Trung Hoa Phật Giáo Thư Quán có vài bản. Tôi thỉnh một quyển đem về Đài Loan in lại, có thể phối hợp với nhạc phổ để xướng tụng, rất êm tai. Tôi nghe xong, bảo: - Đây chẳng phải là [cách niệm Phật] do thiền sư Pháp Chiếu truyền lại. Vì sao? Âm điệu niệm Phật do Bồ Tát truyền dạy nhất định là có thể nhiếp tâm, khiến cho quý vị nghe xong, chính quý vị niệm, sẽ có thể niệm đến mức đạt được cái tâm thanh tịnh. Ngũ Hội Niệm Phật kiểu này chẳng phải, nó thuộc loại âm nhạc hiện thời, nghe hay lắm, rất sướng tai, nhưng chẳng thể đạt được cái tâm thanh tịnh. Có lợi ích hay chẳng? Có chứ! Lợi ích ở chỗ nào? Tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Có nghĩa là trong các dịp lễ lạc, ăn mừng, có thể dùng để biểu diễn nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Người không học Phật

nghe thấy, nhất định là sẽ rất hoan hỷ. Vì thế, dùng nó để tiếp dẫn, được lắm. Nếu chúng ta thật sự tu niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, xoang điệu ấy chẳng dùng được! Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, phải biện định rõ ràng! Tôi cũng cho làm rất nhiều đĩa Ngũ Hội Niệm Phật nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ.

“*Dĩ pháp tự ngu*” (Dùng pháp để tự vui), quý vị thật sự hiểu ý nghĩa biểu thị pháp. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, không có gì chẳng phải là biểu thị pháp. Nếu quý vị hiểu toàn bộ ý nghĩa biểu thị pháp, sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Sáu căn tiếp xúc tướng sáu trần sẽ chẳng mê. Chẳng mê là khai ngộ. Chẳng tà, sẽ đắc chánh tri chánh kiến. Chẳng nhiễm, sẽ tăng trưởng cái tâm thanh tịnh, thanh tịnh tăng thượng! Phải là người như thế nào thì mới hiểu thấu sự biểu thị pháp? Phương pháp tốt nhất là đọc nhuần nhuyễn kinh Hoa Nghiêm; thật đấy, chẳng giả tí nào! Người đọc nhuần nhuyễn kinh Hoa Nghiêm sẽ hiểu! Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần xú, quý vị đều có thể chuyển biến cảnh giới, sẽ giống như ở đây. Có thể tham gia các cuộc tụ hội vui chơi hay không? Có thể tham gia! Ca hát, khiêu vũ nhảy đều có thể tham gia. Trong giới kinh, đức Phật ngăn cấm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni chẳng được tham dự. Vì sao? Họ chẳng hiểu sự biểu thị pháp, chẳng đủ Định Huệ, tình chấp rất nặng. Ở những nơi chốn giải trí, họ chẳng sanh trí huệ, mà sanh phiền não. Phiền não gì vậy? Mừng, giận, buồn, vui, nấy sanh những thứ ấy. Vì thế, đức Phật phải ngăn cấm.

Đối với Đại Thừa Bồ Tát thì không ngăn cấm; trong năm mươi ba lần tham học ở phần sau, đều có [những trường hợp Thiện Tài vào chốn tụ hội, ăn chơi]²⁷. Chẳng ngăn cấm hàng Đại Thừa Bồ Tát, vì sao? Đại Thừa Bồ Tát biết “*liễu kỹ phi thật*” (hiểu rõ kỹ nhạc chẳng thật). Ngài biết “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”; vì thế, quyết định chẳng bị ô nhiễm. Ở trong ấy, Ngài nâng cao Tam Học Giới, Định, Huệ của chính mình. Giới, Định, Huệ được thành tựu từ chỗ này. Từ năm mươi ba lần tham học trong phần sau, quý vị sẽ thấy. Biết như thế nào? Nhiễm và tịnh chẳng hai, chân và vọng như một. Ở trong cảnh giới ấy, thật sự nhập pháp môn Bất Nhị. “*Nhập pháp môn Bất Nhị*” chính là hàng Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, vượt trỗi Nhị Thừa, vượt trỗi Quyền Giáo. Nói cách khác, vượt trỗi mười pháp giới, làm sao có thể giống họ cho được? Huống hồ Hoa Nghiêm lại là pháp Nhất Thừa, vượt trỗi Đại Thừa. Không chỉ là [vượt xa] Tiểu Thừa, mà còn vượt trỗi Đại Thừa, là pháp Nhất Thừa, là pháp thượng thượng thừa.

Chúng ta vừa mới nói *“Tam Học Giới, Định, Huệ tăng thượng”*. Giới dạy chúng ta *“chớ nên xem nghe ca múa, những thứ tụ hội”*, là nói về chuyện này. Vì sao Bồ Tát tham gia, chẳng phải là Ngài đã phá Bồ Tát giới ư? Chẳng có! Quý vị nói theo Luật Nghi Giới thì dường như Ngài chẳng tuân thủ Luật Nghi Giới. Nhị Thừa có Định Cộng Giới, Bồ Tát có Đạo Cộng Giới. Vì quý vị còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đức Phật chế định khá nhiều giới luật: Điều nào có thể làm, điều nào chẳng thể làm. Chẳng thể làm, [thường gọi là] *“chỉ trì”* (止持), quyết định cấm ngặt! Điều nhất định phải làm, sẽ gọi là *“tác trì”* (作持). Quý vị ngắm xem, Đại Thừa Bồ Tát vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn, Ngài còn cần những thứ ấy hay sao? Ngài chẳng phạm thứ gì, vì sao? Kinh Kim Cang đã nói rất hay, *“vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*. Thử hỏi ai phạm giới? Ai trì giới? Trì và phạm đều chẳng có! Đó gọi là *“trì giới viên mãn”*. Quý vị còn có trì và phạm, nếu phỏng theo cách nói của Lục Tổ đại sư, sẽ là trì giới và phạm giới là hai pháp. *“Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”*. Lục Tổ nói sai rồi ư? Chẳng sai! Như vậy là gì? Đó là nói về những vị mà ta thường gọi là *“bậc đắc đạo”*, họ đã phá tứ tướng và tứ kiến. Kinh Kim Cang nói: *“Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến”*. Tâm họ đạt tới *“giác, chánh, tịnh”*, quyết định là thanh tịnh bất nhiễm, quyết định là chánh tri, chánh kiến, quyết định là giác chứ không mê. Phải hiểu rõ đạo lý này!

Chúng ta có thể học hay không? Phải tùy thuộc công phu của chính mình. Nếu thấy những thứ ấy mà còn dấy động cảm tình; *“dấy động cảm tình”* là gì? Nó sẽ dẫn khởi tập khí phiền não trong A Lại Da Thức; sau khi xem xong, sẽ khiến cho tham, sân, si bùng lên. Vậy là chẳng được rồi, quý vị phải né tránh. Chúng ta là kẻ sơ học, chẳng chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc, chỉ có cách xa lìa. Đây là chánh xác, thánh hiền thế gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta như vậy. Bản thân chúng ta biết căn tánh của chính mình chẳng phải là bậc thượng thượng thừa, cũng chẳng phải là bậc thượng thừa. Tôi liễu giải chính mình là căn tánh trung hạ; vì thế, thầy dạy tôi phương pháp ngắm ra rất có lý: *“Chẳng đọc nhật báo, không xem tạp chí, không xem TV, không nghe radio”*. Những thứ ấy là gì? Đều thuộc loại kỹ nhạc. Xa lìa chúng! Như vậy thì cái tâm sẽ thanh tịnh.

Kế đó, câu thứ ba là *“dĩ pháp tự ngu”* (dùng pháp để tự vui). Câu này nhằm nói với ta. Cảnh giới của ta rất thấp, chẳng cao! *“Pháp”* ở đây là Phật pháp, pháp của thánh hiền. Mỗi ngày đọc sách thánh hiền, mỗi ngày niệm kinh, mỗi ngày cùng các đồng tu đạo hữu thảo luận Phật

pháp, đàm luận, tôi coi chuyện ấy là vui. Đúng như ba câu trong đoạn thứ nhất ở phần đầu Luận Ngữ: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?); đây chính là *“dùng pháp để tự vui”*. *“Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?”* (Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) Đây cũng là *“dùng pháp để tự vui”*. Giống như trong cuộc tụ hội hai tiếng đồng hồ ngày hôm nay, có đồng tham đạo hữu đồng đạo ngàn ấy tụ hội ở chỗ này để học tập phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm, *“dùng pháp để tự vui”*. Căn tánh trung hạ nhất định phải đi theo đường này.

Đến khi cảnh giới của chúng ta đã tăng tấn, chúng ta có nên đi xem, thưởng thức hay không? Phật pháp nói đến duyên. Ví như hiện thời giao thông nhanh chóng, thuận tiện, sự nghiệp du lịch phát triển. Trước kia chẳng có, hiện thời hết sức phổ biến. Chúng ta tổ chức một đoàn sang ngoại quốc du ngoạn, trong khi ngắm cảnh, viếng thăm, có lúc cũng phải đến những chỗ vui chơi. Lần đầu tiên tôi đến Mỹ theo Vạn Quốc Đạo Đức Hội, vầy đoàn với họ. Họ xin visa cho tôi, tôi đi với họ. Vạn Quốc Đạo Đức Hội mở đại hội đại biểu lần thứ ba tại Lạc Sơn Cơ (Los Angeles), mời tôi làm cố vấn, tôi đi theo đoàn của họ. Trong chương trình của họ có tiết mục đến Lạp Tư Duy Gia Tư (Las Vegas), là chỗ sòng bài của Mỹ, [đến thăm] sòng bài nổi tiếng. Tôi chẳng thể nói không đi, đành đi cùng với họ, đến thăm sòng bài. Họ đi chơi bài, tôi chẳng chơi, đứng xem họ [chơi bài]. Trong ấy có ca múa, biểu diễn, tôi cũng cùng họ thưởng thức tại đó. Đó là *“tùy duyên, không phan duyên”*. Nếu bản thân chúng ta thường ưa thích những thứ đó, quý vị sai mất rồi! Quý vị đi theo đoàn thể, chẳng thể tách rời đoàn thể, ở trong những trường hợp ấy, quý vị phải ghi nhớ *“dĩ pháp tự ngu”* (dùng pháp để tự vui sướng). Nhưng nhìn vào [những nơi chốn ấy], sẽ có lợi cho việc hoằng pháp lợi sanh của chúng ta. Vì sao? Liều giải trạng huống xã hội trong hiện thời. Xem nhiều, nghe nhiều, liều giải nhiều hồng nghiên cứu cách đối trị như thế nào!

Chúng dạy điều gì? Xác thực là “giết, trộm, dâm, dối”. Chúng ta liều giải trạng huống xã hội, sẽ hiểu, giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục tôn giáo, giáo dục nhân quả đều trọng yếu hơn bất cứ gì khác! Trước kia, đối với sự trọng yếu [của ba loại giáo dục ấy], thấy cổ đại đức nói như thế, cái tâm cảnh giác của chính mình chẳng đủ; trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư thường đề cập. Quý vị phải đích thân nhìn thấy, mới hiểu chúng thật sự quan trọng, mới nghĩ đến kinh giáo, mới suy nghĩ thấy giáo huấn của tổ sư đại đức có dụng ý quá sâu, mới có thể cảm nhận được! Nếu không, sẽ chẳng thể cảm nhận! Thấy, nghe, rất sơ lược lướt qua, chẳng ghim

trong lòng. Quý vị đích thân thấy đủ loại, đủ vẻ, mới biết cội nguồn động loạn của xã hội này! Sòng bài tạo tội rất nặng, nó khiến cho bao nhiêu người khuynh gia bại sản. Vì sao người ta mê cờ bạc ngàn ấy? Đó là tâm lý gì thế? Nó được tạo thành như thế nào? [Điều này] khiến cho chúng ta suy nghĩ cặn kẽ, [sẽ thấy nguyên do là vì] con người có cái tâm “ưa nhàn nhả, ghét nhọc nhằn”. Nếu đánh bạc mà thắng, sẽ kiếm tiền quá dễ dàng, dễ dàng hơn bất cứ loại kinh doanh nào! Nhưng họ cũng biết “mười người đánh bạc, chín người thua”; họ cứ ngỡ họ thuộc loại may mắn! [Dẫu đúng là] “mười người đánh bạc, chín người thua”, họ sẽ thắng! Có cái tâm lý cầu may như thế đó. Đến cuối cùng, chẳng có ai không thất bại. Sự tai hại của tâm lý cầu may, hy vọng “chẳng tốn công mà được hưởng”, tuyệt đối chẳng thua tham, sân, si. Chúng ta nói “giết, trộm, dâm”, [cái hại do tâm lý cầu may gây ra] tuyệt đối chẳng thua giết, trộm, dâm.

Nói cách khác, trong sòng bài, “giết, trộm, dâm” thấy đều đầy ắp, hết sức đáng sợ! Một mình chúng tôi, nói thật thà, tôi không dám bước vào. Tôi đi theo đoàn thể gồm bốn, năm chục người đến ngoạn cảnh, ngắm nhìn. Tôi vào thăm hai sòng bài, thứ nhất là sòng bài ở Las Vegas nước Mỹ, quy mô rất lớn. Thứ hai là sòng bài Vân Đỉnh ở Mã Lai, quy mô khá nhỏ, cũng là do các đồng tham đạo hữu khi tổ chức đoàn du lịch đã dẫn tôi đi xem. Ở trong gia đình, hiện thời những thứ kỹ nhạc tụ hội gần như nhà nào cũng có, chính là TV. Mỗi tối, ngồi trước máy TV xem phim nhiều tập, hoặc là xem [truyền hình trực tiếp những] dạ hội liên hoan, các tiết mục ca múa âm nhạc. Quý vị xem xong, xem nghe kỹ càng, nội dung trong ấy là gì? Có tương ứng với nguyên tắc chỉ đạo của Khổng lão phu tử hay không? Nguyên tắc của phu tử là “*tư vô tà*” (chẳng nghĩ tà vậy).

Những thứ ấy có ý nghĩa giáo dục luân lý đạo đức chánh đáng hay không? Hay là phản diện, hoàn toàn phá hoại giáo dục luân lý đạo đức? Nếu quý vị nói nó chẳng phải là giáo dục, sai mất rồi. Nó chính là giáo dục! TV là giáo dục, Internet là giáo dục, nhật báo tạp chí thấy đều thuộc loại giáo dục xã hội. Quý vị thấy chúng có nội dung giáo dục là gì; sau đấy, quý vị mới hiểu vì sao thế giới hiện thời rối loạn dường ấy? Do dạy dỗ mà ra. Quý vị dạy họ những gì? Nếu luôn có thể tuân thủ nguyên tắc chỉ đạo của Khổng phu tử, xã hội sẽ chẳng nảy sinh các vấn đề! “*Tư vô tà*”: Ngôn từ nhất định chẳng tà, hành vi nhất định cũng chẳng tà, xác thực là chánh tri chánh kiến. Ngôn hạnh, cử chỉ đều là chánh ngôn, chánh hạnh. Xã hội sẽ tốt đẹp ngàn ấy. Vì thế, giáo dục luân lý đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục xã hội đã khiến cho quốc gia dân tộc cư xử

hòa thuận trong suốt năm ngàn năm. Cư xử hòa thuận là do dạy dỗ mà ra! Hiện thời, toàn thể xã hội động loạn cũng là do dạy dỗ mà ra! Tùy thuộc quý vị dạy theo cách nào, quý vị dùng thứ gì để dạy.

Chúng ta học Phật, nếu muốn trong một đời này, thật sự sống cuộc đời thanh tịnh, hạnh phúc, có thể đạt được hay không? Câu trả lời là khẳng định, có thể đạt được! Quý vị ắt phải giữ vững giáo huấn của thánh hiền, phải tin sâu nhân quả báo ứng. Hai điều kiện ấy quan trọng hơn bất cứ gì khác. Tin sâu giáo dục nhân quả, quý vị sẽ tâm bình, khí hòa, biết phú quý, cùng quần, hanh thông trong một đời đều là mạng. Trong mạng có, sẽ tự nhiên đạt được. Trong mạng không có, đừng cưỡng cầu. Thật sự có thể *“chẳng tranh với người, chẳng mong cầu nơi cõi đời”*, tâm quý vị sẽ bình lặng lắm! Cuộc sống với cái tâm bình lặng để sống lắm.

Khi xưa, tôi có lần giảng kinh ở Đài Bắc, sau khi giảng xong, lúc trở về, ngồi xe taxi. Người tài xế taxi nói với tôi: “Hiện thời rất khó sống!” Tôi bảo ông ta: “Tôi thấy chẳng khó sống”. Ông ta hỏi: “Sao vậy?” Tôi nói: “Chỉ cần ông chẳng tranh giành với người khác. Ông hãy nghĩ xem, một bộ quần áo, mặc cẩn thận thì tối thiểu là có thể mặc mười năm. Trong nhà ông mua tủ lạnh, ông dùng cẩn thận thì cũng có thể dùng mười năm”. Ông ta suy nghĩ thấy cũng đúng. “Không nên thấy những kiểu dáng mới mẻ [mà ham muốn mua sắm], mỗi năm đều có kiểu dáng mới. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, cứ ba tháng sẽ ra một kiểu dáng mới. Kiểu dáng mới ra đời, [bèn nghĩ] những thứ kiểu cũ trong nhà chúng ta đáng nên đào thải. Tuy chúng nó còn có thể tiếp tục sử dụng rất nhiều năm, ông chẳng cần nữa, mua thứ mới. Kiểu cọ quần áo cũng chẳng đúng, không hợp trào lưu mới, ông phải chạy theo thời trang. Như vậy là ông sẽ khổ sở, hằng ngày phải liều mạng kiếm tiền. Nếu về căn bản, ông không màng tới nó, ta dùng những thứ gia cụ đã có từ lâu. Ta dùng đến khi không thể dùng được nữa mới thay đổi, chẳng phải là ông sẽ rất tự tại ư? Ông làm việc một ngày có thể nghỉ ngơi hai ngày”. Ông ta suy ngẫm thấy có lý lắm!

Bản thân quý vị phải biết sống cuộc đời vui sướng, chớ nên học đời người khác. Người ta nói “những món đồ của tôi lỗi thời, người ta sẽ cười tôi!” Tôi thường nói: “Cười quý vị ư? Cười chết người thì kẻ bị cười chết là họ, chứ quý vị đâu có bị chết. Họ cười người khác, cười chết luôn. Họ chết, ta chẳng chết”. Sau khi quý vị đã thông hiểu đạo lý này, cái tâm sẽ an. Tâm an lý đắc, đã hiểu rõ đạo lý rồi, cuộc đời rất dễ sống. “Ông lái xe taxi, mỗi tháng chỉ cần lái mười ngày, có thể dùng cả tháng. Cần gì vất

vả như vậy? Hoặc là ông siêng năng lái suốt năm, làm một năm xong, tối thiểu là ông có thể nghỉ một năm. Ông nói xem có vui sướng lắm hay không?” Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đòi. Con người phải biết tiết kiệm, phải biết tiếc phước; điều này rất quan trọng! Hiện thời, dễ sống hơn xưa kia. Mỗi ngày tranh đua với kẻ khác, hằng ngày cạnh tranh với kẻ khác, quý vị sẽ khổ không thể nói nổi, sai mất rồi! Từ trên cõi trời sanh xuống đây, chẳng phải là để cạnh tranh với kẻ khác, chẳng phải là để cho quý vị ganh đua với kẻ khác. Vì thế, quý vị đã hiểu, sẽ sống cuộc đời rất sung sướng, hết thảy tùy duyên, chẳng phan duyên. Nếu quý vị hiểu đạo lý Phật pháp đôi chút, hiểu giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đôi chút, sẽ vui sướng khôn sánh! Đối với của cải, hãy bố thí cho nhiều, càng thí càng nhiều. Pháp Bố Thí được thông minh, trí huệ. Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Ba thứ ấy quý vị đều có thể cầu được; có sao không cầu? Vì sao hằng ngày cứ phải ganh đua, tranh chấp với kẻ khác? Sai mất rồi! A, bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp bài kệ thứ sáu kể đó.

(Kinh) Nhượng tại cung thất, đương nguyện chúng sanh, nhập u thánh địa, vĩnh trừ uế dục.

(經)若在宮室。當願眾生。入於聖地。永除穢欲。

(Kinh: Nếu ở trong cung điện, hoặc nhà cửa, nguyện cho chúng sanh, được vào thánh địa, vĩnh viễn trừ khử uế dục).

“Cung” (宮) là cung điện. Cung và điện thường được nói gộp chung, nhưng cung và điện có sai khác. “Điện” (殿) là nơi làm việc, là chỗ để lo việc công, là chỗ họp hành. “Cung” là chỗ ở của cá nhân. Quý vị thấy hoàng cung ở Bắc Kinh, phía trước là điện phủ, chính là nơi để đế vương và các đại thần làm việc. Đại điện, như điện Thái Hòa, điện Trung Hòa, điện Bảo Hòa²⁸ đều là nơi nhóm họp, mở cuộc họp. “Cung” ở bên trong, là chỗ ở riêng tư của đế vương, được gọi là Cung. Vì thế, chỗ ở của vương hầu đều gọi là Cung. Nay chúng ta gọi Cung là căn nhà lớn, phòng ốc rất nhiều, giàu có, lộng lẫy, nguy nga. Chỗ ở của hàng bình dân được gọi là “thất” (室), nhà của dân chúng bình phàm gọi là Thất. Hiện nay đang nhằm thời đại dân chủ, cho nên có thể nói nhà của kẻ giàu có đều có thể nói là thuộc loại cung điện, sang trọng, lộng lẫy, nguy nga!

Ở những chỗ ấy, tâm thái Bồ Tát chẳng giống chúng ta. Các Ngài có thể thấy cảnh giới ấy mà quay về tự tánh. “*Cung thất*” là chỗ ở riêng tư của cá nhân, trong ấy, có người nhà, quyến thuộc. Nói dễ nghe hơn, trong ấy có ân, có ái; nhưng quý vị phải hiểu phản diện của ân ái là oán hận. Xưa nay, trong ngoài nước đều chẳng thể tránh khỏi, nhất là nơi cung thất của vương hầu. Thời cổ, phi tần rất đông, Trung Hoa hay ngoại quốc đều như nhau. Nói theo kiểu bây giờ, vương hầu theo quy chế “một chồng, nhiều vợ”. Hoàng đế có tam cung, lục viện²⁹, còn có bảy mươi hai phi tần. Một nam nhân sống chung với nhiều nữ nhân ngàn ấy, nếu chẳng nảy sanh oán hận, sẽ là chuyện chẳng thể nào có! Ghen tỵ, oán hận khó lòng tránh khỏi! Vì thế, Bồ Tát biết nơi ấy chẳng phải là nơi chốn sạch sẽ, [mà là chốn] “*uế dục*”. Trông thấy điều này, chúng ta nghĩ đến “*thánh địa*”. Thánh địa là tự viện am đường trong tôn giáo, hoặc chỗ cư trụ của bậc thánh hiền, chỗ giáo học của bậc thánh hiền. Những nơi ấy đều là thánh địa. Đây là tánh cảnh giác rất cao, hễ trông thấy điều uế ác, bèn liên tưởng đến thứ đối lập với chúng là thánh giáo. Đúng như cổ đại đức đã nói “*chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Vì thế, người ấy có thể gìn giữ “*tịnh chứ chẳng nhiễm, chánh chứ không tà, giác chứ không mê*”, quý vị thấy người ấy đã vận dụng Tam Quy, thật sự quy y!

Chúng ta vào những chỗ ấy, ví như hiện thời đến Bắc Kinh ngắm cảnh, nhất định là sẽ đến du ngoạn tại Tử Cấm Thành, viếng Cố Cung. Quý vị có giống như Bồ Tát “*đương nguyện chúng sanh, nhập ư thánh địa, vĩnh trừ uế dục*” hay không? Quý vị có nghĩ đến câu ấy hay không? Thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác; không nhất định là khi đang xem hoàng cung. Thông thường mỗi ngày về nhà, quý vị đều phải nghĩ đến. Người Hoa thường nói “*mỗi nhà đều có một bản kinh vốn khó niệm*”, quyển kinh khó niệm ấy chính là “*uế dục*” đang nói ở đây, cũng có nghĩa là nó dễ dẫn phát phiền não nhất. Chỗ vĩnh viễn bồi dưỡng tập khí phiền não chính là “*cung thất*”. Chư vị nghĩ xem có đúng hay không? Do vậy, từ nơi phản diện, hãy nghĩ đến đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm. Thánh địa là đạo tràng, là chỗ thánh nhân trụ, là nơi chốn giáo học của thánh nhân.

Thời cổ, chẳng có nhiều trường học ngàn ấy. Từ bút ký của cổ nhân, chúng ta đã thấy rất nhiều, tuyệt đại đa số người đọc sách đến đâu để đọc sách? Đều đến tự miếu. Trong tự miếu có tàng kinh lâu, hoặc tàng kinh các, tức là “*thư viện*” như ta thường gọi trong hiện thời. Không chỉ là có kinh Phật, mà sách vở của ba nhà Nho, Thích, Đạo đều được sưu tập, tàng trữ rất phong phú. Những tài liệu, sách vở để tham khảo mà người đọc sách cần đến [thì trong tàng kinh lâu] đều có hết. Vì thế, [nho

sĩ] thuở trước đều đến tự miếu để đọc sách. Không nhất định là kẻ học Phật, mà đa số mọi người đều thích đến chùa miếu đọc sách, hoàn cảnh thanh tịnh mà! Trước kia, quả thực là những người xuất gia có học vấn thật sự, Nho, Thích, Đạo họ đều thông. Quý vị đọc sách, có thắc mắc, thỉnh giáo họ, họ đều bằng lòng giúp đỡ quý vị. Có mở lớp dạy mọi người hay không? Chuyện này chúng ta không biết, rất hiếm có văn bản ghi chép rõ ràng, nhưng quý vị thỉnh giáo họ, họ nhất định sẽ rất sốt sắng giảng giải. Những vị cao tăng ấy Nho, Thích, Đạo đều thông. [Giảng giải cho người khác] xét theo Phật giáo, chính là hành Pháp Bồ Thí. Trước kia, thông thường là những người đọc sách, như Tú Tài chẳng hạn, sau khi đã đậu Tú Tài, chuẩn bị đi thi Cử Nhân, hoặc thi Tiến Sĩ, đều chọn cách cư ngụ tại chùa miếu, hoàn cảnh thanh u. Đọc sách ở nơi ấy, đợi đến kỳ thi sẽ tham gia khảo thí. Đó là “*nhập ư thánh địa*”, thanh tịnh vô nhiễm. Những điều này đều nói về cuộc sống hằng ngày. Nhưng hiện thời chùa miếu thanh tịnh vô nhiễm chẳng nhiều. Vì sao? Mở rộng cửa cho khách du lịch ngoạn cảnh; [trào lưu này] do thời đại hình thành, chẳng có cách nào tránh được!

Tôi ở hải ngoại trong một thời gian rất dài. Năm đầu tiên trở về, tại Bắc Kinh đến thăm cụ Triệu Phác Sơ, được cụ coi trọng, cụ tiếp đãi tôi cũng hết sức lễ độ, thân thiết. Lần đầu tiên gặp mặt, thời gian chúng tôi gặp mặt là hơn bốn tiếng đồng hồ. Cụ mời tôi dùng cơm, phái đoàn của tôi có đến mười mấy người, cụ đều mời cả. Trong hội Phật giáo, bày hai cái bàn, cụ cùng vợ, còn có thư ký của cụ, chúng tôi đàm luận rất vui vẻ. Khi ấy, tôi bàn với cụ về vấn đề tự, viện, am, đường. Tôi nói: Hiện thời nhà nước mở rộng du lịch ngoạn cảnh, những đạo tràng ấy đều là những kiến trúc đã lâu ngàn năm, trăm năm, nhất định là khách du lịch muốn đến [ngoạn cảnh]. Nói cách khác, những tự viện, am, đường ấy còn có thể tu đạo hay không? Chẳng thể! Đã là chẳng thể, sẽ chuyên môn làm địa điểm để du lịch tham quan! A! Sẽ mang lại một khoản thu nhập cho nhà nước, khoản thu nhập ấy cũng kha khá. Nhưng phải bồi dưỡng, huấn luyện chúng thường trụ trong chùa miếu thành hướng dẫn viên du lịch, vì du khách giới thiệu, giới thiệu Phật pháp cho khách viếng thăm. Họ đến nơi ấy, trước hết, quý vị giới thiệu lịch sử của nơi ấy. Người ngoại quốc thấy vậy cũng rất lấy làm lạ, lịch sử của họ chẳng lâu xa như chúng ta. Sau đấy mới giới thiệu Phật pháp. Phật là gì, giới thiệu những vị Bồ Tát và sự biểu thị pháp của các vị Bồ Tát, khiến cho họ hiểu rõ: Phật giáo chẳng phải là đa thần giáo, chẳng phải là tôn giáo cấp thấp, mà là giáo dục, là biểu thị pháp.

Tôi nêu ra một thí dụ để nói. Ví như quý vị bước vào sơn môn. Thiên Vương Điện là kiến trúc đầu tiên, chính giữa điện là Di Lạc Bồ Tát (Bồ Đại hòa thượng) đối diện với cửa chính. Quý vị vào cửa, sẽ thấy Ngài trước tiên. Đây là gì? Bài học đầu tiên khi vào cửa Phật. Di Lạc Bồ Tát bụng rất to, cười toe toét, biểu thị điều gì? Sanh tâm bình đẳng, thành tướng hỷ duyệt! Con người đối xử với nhau bằng một bầu hoan hỷ, vẻ mặt phải tươi cười tiếp đãi người khác, nhân duyên của quý vị mới tốt đẹp. Bản mặt lạnh tanh, chẳng thèm quan tâm đến ai, ai muốn quan tâm quý vị nữa? Xã hội cần hài hòa, gia đình cần hòa thuận, vẻ mặt tươi cười đón tiếp người khác. Chuyện này quan trọng hơn bất cứ điều chi khác, Ngài dạy quý vị chuyện này. Bụng to biểu thị điều gì? Bao dung. Chuyện gì cũng đều phải bao dung. Chớ nên so đo quá lỗ. So đo thì dù là người nhà cũng sẽ kết thành nổi oán hận, hướng hồ người ngoài! Vì thế, khá nhiều người chẳng biết những nổi oán cừu do đâu mà kết thành. Do nói năng hoặc thái độ cố ý hay vô ý, khiến cho kẻ khác mất lòng! Mất lòng bậc quân tử thì chẳng sao. Họ hiểu lý, sẽ chẳng để trong bụng. Mất lòng phường tiểu nhân, sẽ rất phiền phức! Kẻ tiểu nhân ghi hận, nói chung là sẽ có một ngày họ sẽ báo thù, quý vị sẽ bị phiền phức to lớn. Trong lịch sử, những trường hợp như vậy rất ư là nhiều!

Do vậy, thầy dạy chúng tôi. Trong quá khứ, tôi ở Đài Trung. Thầy Lý mở một lớp học kinh tại đó. Tôi tham dự, có hơn hai mươi người theo học. Có những người thật sự muốn học, nghe lời, thầy đối với họ có đánh, có chửi, bày ra bản mặt khó ưa đối với họ. Còn những kẻ chuộng mặt mũi, có lòng tự tôn rất cao, thầy Lý đối với loại học trò như vậy hết sức khách sáo, chưa bao giờ thốt ra câu nói nào quá đáng! Thuở ấy, tôi mới học, cảm thấy rất lạ lùng. Thầy bảo tôi theo vào phòng, đóng cửa bảo (nhằm dạy tôi): “Người thật sự muốn học, nếu anh không dạy họ, sẽ có lỗi với họ. Kẻ chuộng thể diện, chẳng thể tiếp nhận, anh chớ nên làm mất lòng họ, hãy khách sáo. Vì sao? Họ trọn chẳng muốn học, hoàn toàn chẳng phải là thật sự đến học, cần gì phải kết oán cừu với họ?” Tôi mới hiểu rõ, đối với học trò, quý vị cũng phải quan sát. Đúng như Ấn Quang đại sư đã dạy, người ấy có một phần thành kính, quý vị sẽ dạy một phần, chẳng cần dạy hai phần. Người ấy có mười phần thành kính, quý vị sẽ dạy mười phần. Quý vị chẳng thể dạy chín phần! Nếu quý vị dạy chín phần, sẽ có lỗi đối với người ấy.

Thầy quan sát căn cơ của trò, trò thuộc hạng người như thế nào thì dùng thái độ như thế ấy. Chúng tôi mới hiểu rõ, hằng ngày quan sát thầy suốt mười năm. “Quan sát” là học tập theo thầy. Đạo lý ấy rất dễ

dàng, vài ngày là đã hiểu rõ rồi. Nhưng thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người tiếp vật, chẳng phải là chuyện dễ dàng như vậy. Phải quan sát một thời gian dài, rèn luyện một thời gian dài, quý vị mới hiểu được. Vì thế, có những kẻ ăn nói nghe chối tai, hễ nói có lý thì ta tiếp nhận; nói điều vô lý, ta không màng tới, chẳng cần phải ghim trong lòng, không ghi nhớ cừu hận. Nhưng chúng ta nói cho người khác nghe, quý vị phải quan sát, người ấy có thể tiếp nhận bao nhiêu, có thể nín nhịn bao nhiêu, nhất định phải biết. Hễ vượt qua mức độ bao dung, nhẫn nại của họ, sẽ sanh oán, sẽ nảy sanh oán hận, phiền toái sẽ xảy đến. Kết oán rất dễ dàng, hữu ý hay vô tình kết oán. Hóa giải niềm oán hận cũng chẳng phải là chuyện dễ! Rất ít người biết đạo lý này!

Vì thế, trong thế giới hiện thời, vì sao oán khí nhiều dường ấy? Tôi cũng thường nói: Chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật, bố thí ân đức nhiều, hay là vẫn hữu ý, vô tình làm mất lòng kẻ khác nhiều hơn? Quý vị sẽ hiểu, trong tương lai, khi quý vị cư xử trong cõi đời, người tôn kính, yêu mến quý vị là nhiều hay ít, người oán hận, tìm cách làm phiền quý vị sẽ nhiều hay ít, quý vị sẽ hiểu rõ. Trong một đời này, chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật, bố thí ân đức ít, kết oán nhiều, vậy thì oán thân trái chủ của quý vị sẽ nhiều. Trong tương lai, kẻ báo ân rất ít, chẳng có mấy ai! Quý vị nói có phiền phức hay không? Quý vị chẳng giác ngộ, trên thế giới hiện thời, chẳng có ai dạy quý vị. Trừ kinh Phật ra, quý vị đến nơi đâu để học? Quý vị chẳng học được! Phật tổ, tổ sư đại đức, không vị nào chẳng dạy chúng ta nhất quyết đừng kết oán cừu với người khác. Không chỉ là chẳng thể kết oán cừu đối với con người, mà đối với súc sanh cũng chớ nên kết, đối với quỷ thần cũng chớ nên kết, toàn thể sẽ gây phiền phức, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mấy may! Chớ nên không hiểu đạo lý này!

Đối với bài học đầu tiên trong Thiên Vương Điện, quý vị thật sự hiểu rõ, hãy giới thiệu điều ấy với khách du lịch văn cảnh, họ sẽ hiểu Phật giáo chẳng phải là mê tín. Dùng gì vậy? Dùng nghệ thuật để dạy quý vị phải bao dung, phải khoan hồng độ lượng đối với người khác, phải tươi cười đón tiếp người ta. Sự giáo dục ấy hay quá! Hai bên [tượng Di Lặc Bồ Tát] là Tứ Đại Thiên Vương. [Vị thứ nhất là] Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương (Dhṛtarāṣṭra, Đề Đầu Lại Tra). Sự biểu thị pháp của Ngài là biểu thị sự tận hết chức trách, “*trì quốc*” (持國, duy trì, gìn giữ đất nước). Trong xã hội, quý vị lập thân như thế nào, chúng ta nói là “đứng ở chỗ chẳng thất bại”. Quý vị phải biết giữ bốn phận, chịu trách nhiệm. Trong xã hội, quý vị theo đuổi nghề nghiệp nào, hãy thực hiện rất

tốt đẹp những chuyện thuộc về bốn phận của chính mình, cùng mọi người hỗ trợ hợp tác, quý vị sẽ thành công. Chuyện chẳng thuộc về bốn phận của chính mình chẳng cần hỏi đến, chẳng liên quan gì đến ta. Ai nấy đều thực hiện tốt đẹp chuyện thuộc về bốn phận của chính mình, nhưng nhất định phải biết hợp tác với mọi người. Giống như trong thân thể của chúng ta, mắt chỉ quản thấy, chẳng quản nghe, quản bốn phận của chính mình. Tai chỉ quan tâm nghe, chẳng bận tâm thấy. Nếu mắt còn muốn xen vào nghe, thứ gì cũng đều muốn quản, sẽ nảy sinh rắc rối! Trong xã hội, chúng ta có một công việc, hãy làm tốt công việc của chính mình, giống như trong một thân thể, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, mỗi thứ có phạm vi công năng [chuyên biệt], nhưng chúng có sự hợp tác mật thiết, chẳng phải là không hợp tác, mà là hợp tác mật thiết, chịu trách nhiệm, tận hết chức trách.

Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương (Virūdhaka, Tỳ Lưu Lạc Xoa), biểu thị sự tiến bộ như chúng ta đã nói trong hiện thời. Hằng ngày đều phải có tiến bộ, mỗi ngày một mới hơn. Nói theo Phật pháp, sẽ là *“tinh tấn không ngừng”*. Không chỉ là đạo đức của quý vị phải tiến bộ, học thuật phải tiến bộ, thậm chí cuộc sống vật chất cũng phải tăng cao hơn. Nói như vậy có lý lắm! Như thế nào thì mới có thể hoàn thành hai chuyện này? Làm thế nào để đạt được? Hai điều ấy (trì quốc và tăng trưởng) là mục tiêu của chúng ta. Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa, Tỳ Lô Bác Xoa) và Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương (Vaiśravaṇa, Tỳ Sa Môn) nhằm dạy quý vị cách làm như thế nào? Hãy xem nhiều, nghe nhiều, chẳng dạy quý vị nói nhiều! “Xem nhiều” là như chúng tôi thường nói: *“Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường”*, đến khắp nơi tham học. Tăng trưởng trí huệ của chính mình, tăng trưởng kỹ thuật và năng lực của chính mình, quý vị mới thật sự có thể gánh vác trách nhiệm, tận hết chức trách. Quý vị thấy một bài học hay như thế đó, lấy đâu ra mê tín? Nếu quý vị có thể giới thiệu [bài học ấy] cho du khách. Du khách đến nơi đây là đã đóng học phí, thật sự học được thứ gì đó để đem về, họ sẽ rất hoan hỷ!

Trong Phật giáo, mỗi vị Phật, Bồ Tát, mỗi vị thần hộ pháp đều có ý nghĩa biểu thị pháp, đều nhằm dạy người. Các Ngài chẳng phải là thần minh, chúng ta phải hiểu điều này. Tôi nói với cụ Phác Sơ [như vậy], cụ Phác Sơ nghe nói rất vui thích. Tôi nói tất cả tự viện, am, đường thầy đều trở thành địa điểm du lịch, thật sự tu hành ở chỗ nào? Tạo lập cái mới, lập đạo tràng, xây dựng mới thì chẳng cần phải xây theo hình thức chùa miếu. Vì thuở ấy, tôi ở Mỹ, tôi bèn nói với cụ: Những viện đại học ở Mỹ

rất đáng để bắt chước. Hiện thời, giao thông thuận tiện, chẳng bế tắc giống như trước kia. Hiện thời, do giao thông tiện lợi, mỗi một tông, tức tám tông phái Đại Thừa và hai tông phái Tiểu Thừa đều có thể khôi phục. Mỗi tông lập một đạo tràng là đủ rồi. Trong mỗi đạo tràng, chia thành hai bộ phận: Một là học hội, bộ phận kia là học viện. Phải dùng danh từ mới, chẳng dùng chữ “*tự, viện, am, đường*”, không dùng danh từ cũ, dùng chữ mới.

“*Học hội*” là đạo tràng tu hành, “*học viện*” là đạo tràng học tập, nghiên cứu các kinh giáo. Ví như Tịnh Độ Tông của chúng ta có Tịnh Tông Học Viện và Tịnh Tông Học Hội. Tịnh Tông Học Hội là chỗ để mọi người cộng tu, Tịnh Tông Học Viện là nơi nghiên cứu kinh giáo. Mỗi tông đều tập trung vào một chỗ. Người học theo tông ấy có thể đến đó, chỗ ấy sẽ dần dần hình thành một thành thị. Thành thị này được gọi là Tịnh Độ Tông, là Tịnh Độ Thành; chỗ kia được gọi là Hoa Nghiêm Thành, chỗ nọ là Thiên Thai Thành. Để Phật giáo thật sự hưng vượng, hoàn toàn tạo dựng theo hình thức trường học, chẳng cần theo kiểu cung điện, hoàn toàn thoát khỏi hình thức ấy. Những chỗ cũ đều để làm du lịch, ngắm cảnh, chỗ mới dùng để khôi phục nền giáo dục của đức Phật. Cụ Phác Sơ nghe nói rất vui thích. Rất đáng tiếc, khi ấy, [chánh sách] tôn giáo [tại Hoa Lục] vẫn chưa hoàn toàn cởi mở, đồng thời cụ tuổi tác đã quá cao rồi! Chúng tôi gặp mặt lần đầu, nói chuyện hơn bốn tiếng đồng hồ. Tôi trở về Hương Cảng. Các đồng học ở Hương Cảng đều hết sức kinh ngạc. Cụ Phác Sơ thông thường tiếp khách đều chẳng quá nửa tiếng. [Họ cho rằng] chúng tôi là đồng hương, [cho nên được cụ Phác Sơ tiếp đón] khác hẳn! Từ sau khi quen biết, mỗi lần đến Bắc Kinh, chúng tôi đều gặp mặt.

Năm xưa, ở trong nước, tôi có hai vị hộ pháp. Cụ Triệu Phác Sơ là một, hiểu rõ tôi. Vị thứ hai là lão hòa thượng Minh Sơn³⁰, đây là một vị pháp sư giảng kinh, hết sức yêu thương tôi. Hiện thời, cả hai vị đều khuất bóng cả rồi! Đòi người tri kỷ khó gặp, chỉ có hiểu biết nhau sâu đậm, yêu thương cũng sâu đậm. Mỗi lần, gặp mặt, cụ Phác Sơ đều khuyên tôi: “Hãy trở về, lá rụng về cội”. Tôi nhận lời, tôi nói: “Sớm muộn gì nhất định tôi sẽ quay về, nói chung là tùy thuộc duyên phận”. Thuở ấy, Chương Gia đại sư dạy tôi “*tùy duyên, đừng phan duyên*”. Đó là đúng. Nếu phan duyên, nhất định phải làm như thế này, như thế nọ, quý vị sẽ rất khổ. Hết thầy đều nghe theo sự an bài của Phật, Bồ Tát, tôi cũng rất tự tại. Cả đời tôi đều tùy duyên, quyết định chẳng phan duyên. Điều này (bài kệ này) nhằm nói bất luận ở nơi đâu, đều hiểu ý nghĩa biểu thị pháp.

Do tự viện, am, đường hiện thời đều biến thành đạo tràng du ngoạn, thậm chí còn có nhiều nơi tôi nghe nói lấy chuyện kinh sám pháp hội làm chánh yếu, là một đạo tràng như vậy đó. Đạo tràng thật sự cùng nhau cộng tu, tham Thiền, niệm Phật, hoặc nghe kinh, nghe pháp ít lắm! Chúng tôi cũng liễu giải tình hình này; không chỉ là riêng tại Trung Hoa, mà trên cả thế giới cũng đều như thế, ở Đài Loan cũng chẳng phải là ngoại lệ! Do vậy, chúng tôi nghĩ nhất định phải lợi dụng kỹ thuật cao cấp [để truyền bá Phật pháp]. Phương pháp này cũng chẳng phải do chúng tôi nghĩ ra, mà là do tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi. Cụ bảo công cụ khoa học chẳng có thiện hay ác, chẳng có đúng hay sai, thứ công cụ tốt như vậy phải nên dùng để dạy học. Nếu nội dung các tiết mục được phát hình là tình dục, là bạo lực, là giết, trộm, dâm, dối, khiến cho toàn thể xã hội rối ren; vì sao chẳng dùng thiết bị tốt đẹp như thế để hoằng dương giáo dục luân lý đạo đức? Thầy Phương nói với tôi lời ấy, tôi có ấn tượng ấy. Nhưng chuyện này cũng phải có duyên. Giàn thiết bị ấy cần chẳng ít tiền; thuở ấy, tôi vừa mới xuất gia không lâu, một đồng còn chẳng có, đâu dám nghĩ đến những thứ ấy! Muốn có một cái quạt điện còn chưa dám mong. Dường như thuở ấy tại Đài Loan, mua một cái quạt điện phải mất ba, bốn trăm đồng, chẳng dám mong mới! Làm sao dám nghĩ đến giàn thiết bị ấy?

Nhưng tôi giảng kinh ở Đài Loan hai mươi năm, suốt hai mươi năm mới có một đạo tràng, tức là Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Đại khái cũng to cỡ giảng đường của chúng ta trên tầng mười một. Ở Đài Loan, [Đồ Thư Quán] rộng năm mươi Bình, là một chỗ hẹp như vậy đó. Chúng tôi giảng kinh tại đó chẳng lâu, đại khái là hai, ba tháng, tại Nữ Ước có một Hoa kiều đến đó gặp tôi, nghe kinh vài lần, nghe rất hoan hỷ, hỏi ý tôi, muốn mời tôi sang Nữ Ước giảng kinh. Đạo tràng của chúng ta mới thành lập chẳng lâu, nếu tôi đi, [mọi việc] sẽ phải đình lại. Tôi nói “duyên chưa chín muồi”, đồng thời, ra ngoại quốc thì tôi cũng chẳng có chi phí nhiều ngàn ấy. Ông ta nói: “Nếu chẳng được vậy thì con có thể đem băng thâu âm và thâu hình sang Mỹ”. Tôi nói: “Vậy thì được, nhưng tôi chẳng có thiết bị”. Bọn họ cũng rất khó có. Sau khi quay về, bèn gửi cho tôi hai vạn Mỹ Kim, giúp đỡ chúng tôi lắp đặt một bộ thiết bị như vậy. Vì thế, chúng tôi đổi Đồ Thư Quán thành Thị Thính (視聽, nghe, nhìn), thêm chữ Thị Thính, thành Hoa Tạng Phật Giáo Thị Thính Đồ Thư Quán, [nguyên do] là như thế đó.

Từ Nhật Bản gửi về một giàn máy. Thời đó, đài Hoa Thị (華視, đài truyền hình Trung Hoa) lắp đặt cho tôi. Chủ nhiệm phân bộ tin tức của

đài Hoa Thị khi đó là bạn học của tôi. Ông ta chọn mua một giàn máy từ Nhật Bản, cũng thuận tiện mua giùm tôi một bộ. Thời ấy, giá cả đắt lắm, dường như một giàn máy khoảng ba mươi vạn đồng Đài Loan. Khi ấy mới có một giàn thiết bị như thế, từ đây, bắt đầu thu hình. Băng thu hình và thu âm chuyên cung cấp cho Nữ Ước, Hoa Kỳ, gửi băng thu hình giảng kinh sang đó. Duyên khởi cội nguồn của việc thu âm và thu hình là như thế đó. Nếu chẳng phải là do người ta đến tìm chúng tôi, chúng tôi chẳng dám nghĩ đến. Suốt đời, chúng tôi chẳng hóa duyên, chẳng hướng về ai xin tiền, chẳng nghĩ chính mình phải làm như thế này, như thế nọ. Chẳng hề có! Đều là duyên chín muồi, chuyện ấy sẽ được thực hiện tốt đẹp. Duyên chẳng chín muồi, chuyện ấy sẽ chẳng dễ thực hiện! Tôi vừa mới nói trật rồi, một giàn máy thu ấy tính bằng tiền Đài Loan, giá mấy chục vạn đồng Đài Loan. Tiền Đài Loan mấy chục vạn, chứ tiền Mỹ chẳng nhiều như thế. Thuở ấy, họ biếu tặng chúng tôi dường như tất cả là hơn hai vạn Mỹ Kim. Món tiền hơn hai vạn đồng cũng rất có giá trị, ở Đài Loan rất có giá. Đây là lần đầu tiên có thiết bị ấy. Vì thế, đạo tràng hiện thời phải nên kiến lập trên không trung thì mới có thể sanh ra hiệu quả.

Thầy Lý dạy tôi suốt đời phải học theo pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang suốt đời chẳng thu đồ đệ xuất gia, chẳng truyền giới, chẳng lập đạo tràng. Tôi cảm thấy lão nhân gia thị hiện hết sức có lý. Vì sao? Thu nhận đồ đệ, dựng đạo tràng phải bận tâm, tâm chẳng dễ gì thanh tịnh được. Huống hồ bản thân chúng tôi chẳng có phước báo! Kể chẳng có phước báo, đâu có cầu cạnh người ta, người ta cũng không quan tâm đến quý vị! Vì thế, suốt một đời, Chương Gia đại sư dạy tôi đi theo con đường giảng kinh, giáo học. Trừ chuyện giảng kinh, giáo học ra, hết thầy chẳng nghe, chẳng hỏi tới. Lập đạo tràng ở Đài Bắc là do Hàn quán trưởng ra mặt, bà ta đứng ra phụ trách, chịu trách nhiệm quản lý. Tôi nói: “Được lắm! Các vị thực hiện, tôi chỉ cần có chỗ để giảng kinh là được rồi”. Đạo tràng được thành lập như vậy đó, quy mô rất nhỏ. Đến khi tôi rời khỏi Đài Loan, đạo tràng của chúng ta phát triển, nếu theo cách tính diện tích của Đài Loan, thì là hai trăm năm mươi Bình. Chúng ta chiếm trọn một tầng [làm giảng đường], mua lại những phòng ốc ở tầng dưới để làm liêu phòng, làm phòng ngủ cho khách, nhà bếp, phòng ăn, mới có quy mô như thế ấy, hai trăm năm mươi Bình. Một Bình nếu nói theo mét vuông trong hiện thời, sẽ là bốn mét vuông. Một Bình là bốn mét vuông. Nói cách khác, tổng diện tích là một ngàn mét vuông. Phát triển đến cuối cùng, thành một chỗ to chừng đó. Vì thế là một đạo tràng rất nhỏ.

Nhưng do chúng tôi dùng băng thâu hình; thuở ấy, chúng tôi lưu thông băng thâu hình, lưu thông băng thâu âm, dần dần sanh ra ảnh hưởng. Vì thế, hiệu quả giảng kinh được khuếch đại. Chúng tôi không phải là chỉ có sách vở, hằng năm không ngừng in kinh, lưu thông toàn thế giới. Hơn nữa, khi đó chúng tôi có băng thâu âm, tức là băng thâu âm giảng kinh, có băng thâu hình, lưu thông sớm nhất tại Đài Loan và ở ngoại quốc. Mọi người sau khi được tiếp xúc đều rất hoan hỷ. Về sau, duyên ở ngoại quốc chín muồi, thường nghe thấy có những đồng học mời mọc tôi. Do vậy, chúng tôi cũng thừa dịp này đi xem thử để mở rộng tầm mắt, mọi người nên hiểu nguyên do như vậy. Nhất là trong hiện thời, đã phát triển đến Internet, vệ tinh, là những chuyện chẳng thể ngờ được! [Đăng tải những video giảng kinh trực tiếp] trên Internet đến nay đã tám năm, [phát sóng chương trình truyền hình] vệ tinh đã tròn ba năm, khởi sự từ năm 2003. Chuyện gì tôi cũng đều không biết, ai phát tâm thực hiện tôi cũng không biết, nhưng nghe nói hiệu quả cũng được lắm. Hiện thời, khắp toàn cầu có thể đồng loạt tiếp sóng nghe được. [Phát qua vệ tinh] thì do họ phải đánh phụ đề (caption) lên màn hình, nên ước chừng bị chậm trễ một, hai tháng. Sau khi đã gắn phụ đề rồi mới truyền ra ngoài. Đây là nói đến “*thánh địa*”. Thánh địa, thanh tịnh địa trong hiện thời là ở trên không trung, chẳng ở trên mặt đất. Tuy nhục nhãn của chúng ta chẳng trông thấy, nhưng có thiết bị tiếp sóng, bất cứ lúc nào cũng đều có thể cùng nhau học tập, thuận tiện hơn! Lại xem bài kế tiếp là bài thứ tám.

(Kinh) Thượng thăng lâu các, đương nguyện chúng sanh, thăng chánh pháp lâu, triệt kiến nhất thiết.

(經)上昇樓閣。當願眾生。昇正法樓。徹見一切。

(Kinh: Lên trên lầu gác, nguyện cho chúng sanh, lên lầu chánh pháp, nhìn thấu hết thấy).

Thời cổ, lầu gác ít ỏi. Thật sự là hàng vương hầu, kẻ phú quý mới có thể dựng lầu, thường dân chẳng có. Hiện thời, lầu rất cao. Những tòa cao ốc mấy chục tầng, cổ nhân đâu nằm mơ cũng chẳng dám nghĩ tới. Đây là thuận theo khoa học kỹ thuật, văn minh vật chất tăng tiến. Hiện thời, trên thế giới đã có cao ốc cao hơn một trăm tầng. Ở Hương Cảng, đại khái những nơi cư trú thường là [cao ốc] từ ba bốn chục tầng trở lên. “*Thượng thăng lâu các*”, chẳng biết hằng ngày phải lên xuống bao nhiêu lượt, có hồi quang phản chiếu, nghĩ chúng ta phải “*thăng chánh pháp lâu*” hay không? “*Chánh pháp lâu*” (Lầu chánh pháp) là gì? Tăng tấn cảnh

giới của chính mình. Cũng có nghĩa là nâng cao đạo đức, học vấn, kỹ năng của chính mình, đó gọi là *“thăng chánh pháp lâu”*. Vì quý vị đứng ở chỗ cao mới có thể thấy xa. Trong thơ của cổ nhân có câu: *“Dục cùng thiên lý mục, cánh thượng nhất tầng lâu”* (Muốn thấy trọn ngàn dặm, lên thêm một tầng lầu). Vì thế, quý vị ở tầng cao nhất trong mấy chục tầng mới có thể nhìn rất xa, *“triệt kiến nhất thiết”* (thấy thấu triệt hết thảy). Đây là quý vị có trí huệ, có đạo đức, có học vấn, mới có thể thấy các tầng lớp khác nhau trong toàn thể xã hội, nhất là trong xã hội hiện đại, thật sự rất cần bậc đại đức nhìn xa trông rộng!

Trong xã hội hiện thời, ai nấy thường nói đến xung đột, đúng vậy, xung đột quá ư là nhiều. Tôi thường nói đến sự xung đột trong gia đình, vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, xung đột trong vòng bạn bè, gần như chẳng có gì không xung đột. Vua tôi cũng xung đột, chủ nhân và công nhân viên chức xung đột, thành ra xã hội gì vậy? Cứu vãn bằng cách nào? Pháp luật chẳng cứu được! Dầu pháp luật quy định nghiêm ngặt đến mấy đi nữa, bao nhiêu kẻ thông minh vẫn tìm được kẽ hở pháp luật. Báo thù chẳng thể giải quyết, hội nghị cũng chẳng thể giải quyết. Chúng tôi đã đến khắp nơi trên toàn thế giới để xem xét, đã tham gia các hội nghị quốc tế, khiến cho chúng tôi quay lại ngẫm nghĩ: Tổ tiên chúng ta có năng lực gì để duy trì một dân tộc đông như thế, một bản đồ quốc gia rộng ngàn ấy trong suốt năm ngàn năm, khiến cho nhân dân đối xử hòa thuận, dùng phương pháp gì vậy? Đạo lý gì vậy? Chú tâm phản tỉnh, quan sát, tư duy, sẽ thấy tổ tiên đã dạy mọi người: *“Tu thân làm gốc, giáo học làm đầu”*, chúng tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Nhu cầu bức thiết trong xã hội hiện thời chính là tám chữ ấy! Tám chữ ấy có thể giúp chúng ta hóa giải tất cả xung đột, nhất định là phải lấy *“tu thân làm gốc”*.

Vì thế, trong những năm qua, chúng tôi đến khắp nơi tặng chữ Ái trên toàn thế giới. Tôi có giải thích đơn giản: Tặng chữ Ái thì điều quan trọng nhất là yêu thương chính mình! Chính mình chẳng yêu thương chính mình, quý vị chẳng thể yêu thương người khác được! Đầu tiên là quý vị phải học sao cho biết yêu thương chính mình. Yêu thương chính mình là gì? Sách dạy vỡ lòng cho trẻ là Tam Tự Kinh mở đầu bằng câu: *“Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”*. Nếu quý vị có thể yêu thương chính mình, tức là yêu cái bổn thiện của quý vị! Bản tánh của ta vốn thiện, chẳng có mảy may tà ác. Ta còn có tà ác, [tức là đã] trái nghịch bổn thiện, chẳng biết yêu thương chính mình. Kẻ yêu thương chính mình, nhất định sẽ có thể quán triệt luân lý, nhất định sẽ có thể tuân thủ đạo đức, nhất định có thể tin sâu nhân quả. Đó là yêu thương chính mình. Đã yêu thương chính

mình, sau đấy mới có thể yêu kẻ khác, mới có thể yêu xã hội, mới có thể yêu thương quốc gia, mới có thể yêu hết thầy chúng sanh. Lên lầu chánh pháp, thấy thấu triệt hết thầy. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1505

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mọi người hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, bài kệ thứ bảy³¹ trong phần mười một bài kệ nói chung của hàng tại gia. Hôm qua, chúng tôi đã bỏ sót, hôm nay chúng tôi [giảng] bổ sung bài kệ ấy.

(Kinh) Trước anh lạc thời, đương nguyện chúng sanh, xả chư ngụy sức, đáo chân thật xứ.

(經) 著瓔珞時。當願眾生。捨諸偽飾。到真實處。

(Kinh: Khi đeo anh lạc, nguyện cho chúng sanh, bỏ trang sức giả, đến chỗ chân thật).

Trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã chú thích.

(Sớ) Tại cảnh viết anh, tại thân viết lạc, lạc dĩ trì y, anh dĩ hệ quan.

(疏) 在頸曰瓔，在身曰珞，珞以持衣，瓔以繫冠。

(Sớ: Nơi cổ gọi là Anh, nơi thân gọi là Lạc. Lạc để buộc áo, Anh để buộc mũ).

Đây là giới thiệu về Anh Lạc thời cổ. Chúng ta đọc xong, bèn hiểu Anh (瓔) là dây buộc mũ. Thời cổ, hễ đội mũ thì hai bên có dây để buộc, [sợi dây] đó gọi là Anh. Lạc (珞) là thứ để đeo trên thân. Ví như người xuất gia chúng ta đeo chuỗi tràng hạt, coi như là Lạc. Cái vòng móc áo casa cũng coi như là Lạc. Thời cổ, nam nữ đều đeo Anh Lạc; hiện thời, đàn ông đội mũ không nhiều lắm. Dẫu đội mũ, cũng không có dây buộc. Trừ phi vào lúc tiết Đông rất lạnh, ở phương Bắc dường như còn có, những nơi khác thường là rất hiếm thấy. Nói chung, những thứ ấy đều là vật trang sức, là vật trang sức để đeo trên thân thể.

Đức Phật dạy chúng ta: Trông thấy những vật trang sức ấy, hoặc khi chính chúng ta đeo những vật trang sức ấy, phải biết phát nguyện, “đương nguyện chúng sanh, xả chư ngụy sức” (nguyện cho chúng sanh, bỏ các thứ trang sức hư ngụy). Những thứ trang sức ấy đều chẳng thật. Không chỉ là trang sức chẳng thật, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường

dạy chúng ta: Ngay cả thân thể này cũng chẳng thật. Không chỉ là thân thể chẳng thật, mà vạn sự vạn vật trên thế giới này cũng chẳng thật, phải biết điều này! Trên thân có đồ trang sức, trong các kiến trúc có những vật trang sức. Hiện thời, vào dịp lễ Tết, Tết Âm Lịch sắp đến, chúng ta thấy khá nhiều nơi có rất nhiều vật trang trí vào dịp Tết. Phàm là trông thấy những thứ ấy, phải dấy lên nguyện này, “*đương nguyện chúng sanh, xả chư ngụy súc, đáo chân thật xứ*” (nguyện cho chúng sanh, bỏ các thứ trang sức hư giả, đạt đến chỗ chân thật).

Cảnh giới trong câu thứ hai có phạm vi rộng lớn vô lượng. “*Chúng sanh*” không chỉ là nói về chúng ta trong hiện tiền, cũng không chỉ là nói về chúng ta trên quả địa cầu này, hoặc trong thế giới Sa Bà này, mà là như đã nói trong các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Trụ trong phần đầu kinh Hoa Nghiêm: Tất cả hết thảy chúng sanh trong vô lượng vô biên vô tận vô số các cõi Phật khắp pháp giới, hư không giới. Tâm lượng ấy to cỡ nào! Đây là tâm lượng của Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana) đại biểu cho mỗi chúng sanh, Tỳ Lô Giá Na Phật là ai? Là Pháp Thân của chính hết thảy chúng sanh, Lô Xá Na Phật (Locanā) là Báo Thân của chính mình. Khắp pháp giới, hư không giới là một Thế. Chúng ta nói là “*một sanh mạng cộng đồng thể*” hãy còn xa lắm! Nếu nói chân thật, [sẽ là] một Thế. Toàn thể vũ trụ là một Thế, tâm lượng của quý vị mới có thể mở rộng.

“*Xả chư ngụy súc*” (Bỏ các thứ trang sức hư ngụy): Câu này có ý nghĩa quá sâu, quá rộng, trong ấy bao hàm ý nghĩa sâu xa (nghĩa thú rất sâu), nhằm dạy chúng ta, chúng ta cũng nguyện cho tất cả hết thảy chúng sanh, giống như lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói: “*Phải thật sự làm, chớ nên làm giả!*” Hiện thời, đồ trang sức giả rất nhiều, người ta thường thích đồ giả. Khi tôi ở Mỹ, có một đồng tu chuyên làm những món châu báu giả bán khắp thế giới. Quả thật, chúng được làm hết sức đẹp đẽ. Nếu chẳng phải là người thông thạo, sẽ chẳng có cách nào phân biệt những món đồ do người ấy [chế tạo] là những món châu báu giả. Người ngoại quốc thích những món giá rẻ. Vào thuở ấy, châu báu thật sự phải là mấy vạn hoặc mấy chục vạn Mỹ kim. Những món châu báu giả của ông ta chỉ cần năm đồng, đại khái là đắt nhất cũng không hơn mười đồng! Nói chung là từ mười đồng trở xuống. Vì thế, người ta thích mua. Đeo lên nhìn cũng rất đẹp; có mất đi cũng chẳng đau lòng, thật sự làm rất khéo. Công xưởng ấy có quy mô rất lớn; tôi đến tham quan, đúng là lóng lánh chói mắt!

Tôi xem xong, được mở mang rất nhiều. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy, sự khai phát lớn nhất là trong kinh chúng ta thường đọc thấy là tỷ dụ của cổ nhân: *“Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim”* (Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Tỷ dụ này đã coi vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ giống như các món vật dụng khác nhau, lóng lánh chói mắt. Thế là Pháp Tánh; sánh ví vàng như Pháp Tánh. Kinh Hoa Nghiêm đã nói hết thấy vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới, *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Cái có thể hiện (năng hiện) là tâm tánh, sánh ví tâm tánh như vàng, ví vạn vật như các món đồ. Vì thế, nhìn ngắm mọi vật ở nơi đó (công xưởng ấy), đối với tỷ dụ ấy, có ấn tượng hết sức sâu đậm. Cũng khéo sao, ở đây, chúng ta đọc đến bài kệ này, [nhận biết] chúng ta phải bỏ hư ngụy. Thứ gì cũng đều là hư vọng! Kinh Kim Cang nói rất hay: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, chẳng có gì là chân thật. Tôi đã tổng kết kinh Đại Bát Nhã bằng bốn câu, [tổng kết] sáu trăm quyển Đại Bát Nhã như sau: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được”*. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự hiểu rành rẽ, quý vị có muốn buông xuống hay không? Buông xuống gì vậy? Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ là Pháp Thân Bồ Tát. Phàm phu và Bồ Tát sai biệt ở ngay chỗ này.

Nhưng hết thấy chúng sanh từ vô thủy kiếp tới nay, dễ phạm nhất là sát giới. Dễ phạm tội giết chóc nhất! Nhất là đối với những thứ côn trùng bay, bò, động đậy như muỗi, ruồi, kiến, hễ trông thấy bèn muốn giết. Cố ý hay vô tình giết chúng, ăn thịt chúng sanh, ngộ đó là chuyện nên làm, chẳng biết đấy là sai lầm! Vì thế, dễ phạm nhất là Sát. Khó đoạn nhất là dâm! Đối với dâm, dẫu quý vị đã đoạn dâm nơi thân, có thể là khởi tâm động niệm hãy còn có ý niệm [dâm]. Đoạn ý niệm thì mới có thể liễu sanh tử, thoát tam giới; chẳng đoạn ý niệm sẽ không được! Chư vị hãy ngắm xem, khó khăn ngàn ấy! Vì sao khó khăn ngàn ấy? Quý vị chấp trước cái thân là chính mình, chấp trước vạn sự vạn vật là thật sự có. Điều ấy gọi là Ngã Chấp và Pháp Chấp, hai thứ tình chấp, chẳng biết chúng thật sự là hư vọng. Biết là hư vọng, quý vị sẽ có thể bỏ. Biết chúng là hư vọng, gọi là *“thấy thấu suốt”*. Có thể bỏ là *“buông xuống”*. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt sâu hơn một tầng. Thấy thấu suốt và buông xuống giúp nhau thành tựu kể từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến địa vị Như Lai.

Quý vị nói Bồ Tát dùng công phu gì để chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo? Chính là thấy thấu suốt và buông xuống. Nếu dùng danh từ Phật giáo [để diễn tả], sẽ là Chỉ Quán. Quán (觀) là thấy thấu suốt, Chỉ

(止) là buông xuống; đây là danh từ trong Phật học. Nhưng nói Chỉ Quán thì chẳng dễ hiểu cho lắm! Thay đổi danh từ thành “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, mọi người sẽ dễ hiểu. Giống như đức Thế Tôn [đã làm như vậy] trong kinh Hoa Nghiêm. Từ kinh luận Đại Tiểu Thừa, quý vị thấy Ngài nói “*Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não*”, đối với kẻ mới học [những thuật ngữ ấy] rất khó hiểu! Danh từ [được sử dụng] trong kinh Hoa Nghiêm là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Chúng ta nghe những danh từ ấy [sẽ cảm thấy] dường như chẳng khó hiểu. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Ý nghĩa hoàn toàn giống hệt như nhau, [chỉ là] thay đổi danh từ! Những điều này đều thuộc về phương tiện giáo học, là phương tiện để độ chúng sanh trong Phật pháp.

Từ những chỗ này, chúng ta phải thấu hiểu: Đức Phật chẳng có pháp nhất định để có thể nói, Ngài ứng cơ thuyết pháp. Do ứng cơ (應機, thuận theo căn cơ của từng đối tượng được hóa độ), chẳng có hình tướng nhất định, đáng nên dùng thân gì để đặc độ bèn hiện thân ấy. Thuyết pháp, chẳng có pháp nhất định để có thể nói, nhưng Ngài có một nguyên tắc: “*Giúp quý vị khai ngộ, giúp quý vị quay đầu*”. Quý vị từ mê hoặc, điên đảo quay lại, chẳng thể làm giả, phải thật sự làm! “*Thật*” là gì? Tương ứng với Tánh Đức là thật, trái nghịch Tánh Đức thì là giả. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Tông Môn đã nói rất hay, nếu (bất luận là tại gia hay xuất gia học Phật) chẳng thể y giáo phụng hành, đó gọi là “*nói được, chẳng làm được*”, có nghĩa là “*miệng lành, tâm chẳng lành*”. Nói khá lắm, nhưng chẳng có cái tâm ấy! Đó là hư ngụy; giống như đeo anh lạc khắp người, chưa chắc đã thật sự phú quý! Chúng ta phải hiểu rõ ràng ý nghĩa của tử dụ này. Thật sự làm, nhất định là y giáo phụng hành. Nếu “*miệng đúng, tâm sai*”, vậy là chúng ta lạy Phật, tụng kinh, niệm Phật hằng ngày đều vô dụng! Cổ nhân bảo chuyện này là “*hãm phá hầu lung diệc uổng nhiên*” (hét toạc cuống họng vẫn uổng công), chẳng tương ứng!

Thật sự làm từ nơi đâu? Chúng ta học Tịnh Độ, phải ghi nhớ Thích Ca Mâu Ni Phật khi nhập diệt đã dạy: Khi đức Phật tại thế, đức Phật là thầy. Đức Phật khuất bóng, dựa vào gì? Đức Phật dạy chúng ta “*lấy Giới làm thầy*”, bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiền Giáo hay Mật Giáo, Đại Thừa hay Tiểu Thừa, thầy đều phải tuân thủ điều này. Do vậy, quý vị chẳng thể nào không trì giới! Phật pháp là gì? Giới, Định, Huệ là Phật pháp, “*giác, chánh, tịnh*” là Phật pháp. Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, “*giác, chánh, tịnh*” được nói thành “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh

tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ. Tam Học và Tam Bảo vốn là một Thể. *“Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ”*, đây là con đường ắt phải trải qua để từ phàm phu tu thành Phật đạo của hết thầy chư Phật trong quá khứ, hiện tại, tương lai, là con đường để thành Phật. Nếu chúng ta lìa khỏi con đường này, nói là sẽ tìm được một con đường khác để có thể thành Phật, vậy thì quý vị cứ tìm đi! Mười phương chư Phật đều noi theo con đường này, lẽ nào quý vị có thể không coi trọng giới luật cho được? Cổ đức dạy rất hay: *“Chẳng có Giới, sẽ chẳng có Phật. Phật ấy là giả, là đồ trang sức rỗng, chẳng thật!”* *“Nếu chẳng có lễ, sẽ chẳng có Nho!”* Trong sự hành trì của Nho gia, lễ nghĩa có công hiệu giống như giới luật trong nhà Phật.

Nay chúng ta hãy quan sát, phản tỉnh: Người học Phật chẳng ít! Tại Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều không ít, người thành tựu không nhiều lắm, do nguyên nhân gì vậy? Kẻ tại gia học Phật chẳng làm được Thập Thiện, chẳng làm được Tam Quy, Ngũ Giới. Kẻ xuất gia học Phật thì Sa Di Luật Nghi chẳng làm được. Đây chẳng phải là *“đồ trang sức rỗng”* ư? Chẳng phải là đồ giả ư? Vì sao chẳng làm được? Rất mong làm, vì sao chẳng làm được? Phải biết điều này. Nói theo phương diện giáo học, chúng ta đã sơ sót cơ sở, chẳng học tập theo thứ tự, đã sơ sót sự giáo dục cơ sở. Kinh Phật Tạng nói rất hay: *“Chẳng trước là học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật”*. Đức Phật dạy chúng ta tu học Phật pháp phải làm theo thứ tự. Tiểu Thừa là Tiểu Học trong Phật giáo, Đại Thừa là Đại Học của Phật giáo. Trong Đại Học cũng có thứ tự. Nhà Phật nói *“tam thừa”*, tức là Tiểu Thừa, Trung Thừa, và Đại Thừa. Thanh Văn là Tiểu Thừa, Duyên Giác là Trung Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa, làm theo từng bước, tiến cao hơn từng bước một. Đức Phật dạy chúng ta điều ấy, [hãy tuân theo] thứ tự.

Phật giáo truyền đến Trung Hoa, phương pháp tu học này cũng được truyền sang. Vào thời đại Nam Bắc Triều và Tùy - Đường, phong khí dịch kinh đạt tới tột đỉnh trong lịch sử. Kinh luận Tiểu Thừa được phiên dịch khá đầy đủ; từ Đại Tạng Kinh chúng ta có thể thấy điều này. Đồng thời, vào thuở ấy, cũng thành lập hai tông phái [Tiểu Thừa], tức Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Thật sự là *“trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa”*, nhập môn từ chỗ này. Trung Hoa có mười tông phái, Đại Thừa có tám tông, nhưng từ giữa đời Đường trở đi, người học Phật tại Trung Hoa chẳng học Tiểu Thừa, hai tông phái ấy (Thành Thật Tông và Câu Xá Tông) cũng chẳng còn nữa. Hai tông phái đến đời Tống hoàn toàn biến mất, tại Trung Hoa chỉ còn tám tông phái, tức là tám tông phái Đại

Thừa. Vì sao? Vì sao chẳng tuân thủ lời đức Phật dạy? Chẳng phải là không tuân thủ! Các vị tổ sư đại đức đã hiểu rất rõ ràng: Khổng, Mạnh, Lão, Trang của Trung Hoa, tức là sự tu học Nho gia và Đạo gia đã đủ sức để có thể thay thế Tiểu Thừa. Vì thế, từ Khổng, Mạnh, Lão Trang tiến nhập Phật môn còn thuận tiện hơn học Tiểu Thừa. Trung Hoa đã có cơ sở tốt đẹp ngàn ấy. Do đó, trong hơn một ngàn năm qua, trải qua các đời, bất luận xuất gia hay tại gia, người thành tựu đều chẳng ít! Có thể nói là thành tựu vượt trội Ấn Độ.

Nhưng hiện thời nầy sanh vấn đề, Trung Hoa đã trải qua một trăm năm động loạn. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội chưa hề có ngày nào an định. Nhà Mãn Thanh mất, quân phiệt cát cứ³²; kế đó là chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản, khiến cho trật tự trong toàn thể xã hội rối loạn, chúng ta sơ sót cách giáo học truyền thống, mãi cho đến hiện tại, vẫn chẳng thể khôi phục. Vì thế, kẻ trẻ tuổi trong hiện thời chẳng biết Nho, người học Phật chẳng biết Tiểu Thừa, cho nên mới tạo thành [tình trạng] người tại gia lẫn kẻ xuất gia học Phật đều chẳng đạt được thành tựu. Giống như thầy thuốc chữa bệnh, nay chúng ta biết gốc bệnh ở đâu; do vậy, trong những năm qua, chúng tôi dốc toàn lực đề xướng Đệ Tử Quy, đề xướng Thập Thiện Nghiệp Đạo, đề xướng Sa Di Luật Nghi. Những thứ ấy là cột trụ, là khóa trình bắt buộc tất phải tu tập. Ngoài ra, còn chọn lựa những tác phẩm do Ấn Quang đại sư lão nhân gia đề xướng như Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn của Đạo gia, Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng, bỏ các thứ trang sức hư ngụy. Đây là giáo dục nhân quả.

Hiện thời, nếu chúng ta lìa khỏi giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, chắc chắn là quý vị chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Có cơ sở như vậy, quý vị học Đại Thừa, bất luận là tông phái nào, tôi tin là quý vị đều có thể đạt thành tựu. Nếu chẳng có cơ sở ấy, cơ sở ấy chẳng phải là quý vị đã từng học, từng đọc, nhớ rất lâu lâu, kiểu đó vô dụng, [để hữu dụng thì] quý vị phải làm được! Biến lý luận trong sách vở thành tư tưởng của chính mình, biến giáo huấn trong sách vở thành hành vi sinh hoạt của chúng ta. Như vậy thì mới có tác dụng, quý vị mới có thể siêu phàm nhập thánh. Đây là “*đáo chân thật xứ*” (đạt đến chỗ chân thật), phải thật sự làm! Chúng ta niệm Phật vãng sanh cũng phải kiến lập trên cơ sở này. Quý vị mới nắm chắc vãng sanh, mới thật sự ra đi.

Quý vị lại chú tâm quan sát người niệm Phật vãng sanh, thật sự vãng sanh. Quý vị quan sát họ khi còn sống; [sẽ thấy] những người ấy

chẳng phải là một thiện nam tử, thiện nữ nhân thật sự ư? Cũng có nghĩa là những người ấy chẳng trái nghịch luân lý, đạo đức, nhân quả, và giáo huấn của thánh hiền, thật sự làm theo. [Thật sự làm theo] hoặc nhiều hay ít, mỗi người mỗi khác. [Làm theo] nhiều hay ít, sẽ ảnh hưởng đến phẩm vị vãng sanh trong tương lai của người ấy. Người ấy làm nhiều, phẩm vị sẽ cao. Người ấy làm ít, phẩm vị sẽ thấp hơn một chút. Nếu hoàn toàn chẳng làm, rất khó vãng sanh! Nhưng có kẻ hoàn toàn chẳng làm theo, mà cũng có trường hợp vãng sanh Tịnh Độ. Đó là gì? Suốt đời tạo tội nghiệp, giống như ông Trương Thiện Hòa đời Đường, làm đồ tể giết trâu, khi lâm chung, thấy rất nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Khi đó, ông ta kinh hoàng, sợ hãi, bèn cầu cứu, đáng sợ thay! Khá nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Ông ta khi lâm chung đầu óc sáng suốt, chẳng hồ đồ, thấy cảnh giới ấy bèn lớn tiếng kêu cứu. Duyên khéo phù hợp, có một vị xuất gia đi ngang cửa, nghe tiếng ông ta gọi, bước vào, hỏi han chuyện gì? “Rất nhiều kẻ đầu trâu đòi mạng tôi”. Vị xuất gia thắp một nắm hương, bảo ông ta cầm lấy, ngay lập tức niệm A Di Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Ông ta suốt đời chẳng học Phật, được vị xuất gia ấy giảng giải, ngay lúc đó, ông ta nghe xong, tin tưởng, chẳng hoài nghi, ngay lập tức cầm hương niệm “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”. Niệm mấy tiếng, bảo mọi người: “Những kẻ đầu trâu chẳng còn nữa! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi”. Ông ta vãng sanh. Đây là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện, “*khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh*”. Đó chính là sám hối vãng sanh. Suốt đời tạo tác ác nghiệp vẫn được, nhưng ở trong ấy có ý nghĩa rất sâu, quý vị ắt phải hiểu, chớ nên cầu may!

[Quý vị cứ nghĩ] “Trương Thiện Hòa lâm chung vẫn có thể vãng sanh, nay ta làm chuyện xấu nhiều hơn một tí cũng chẳng sao! Lâm chung niệm Phật vẫn có thể [vãng sanh] mà!” Chẳng sai! Trương Thiện Hòa lâm chung đầu óc sáng suốt, quý vị có dám chắc lâm chung đầu óc rất tỉnh táo hay không? Nếu hồ đồ thì thôi rồi! Quý vị đã bị nghiệp lực lôi đi mất rồi! Vì thế, đối với chuyện này, chẳng thể cầu may được! Trương Thiện Hòa có duyên tốt đẹp, nhân cũng tốt! Trong đời quá khứ, nhất định đời đời kiếp kiếp đều là người niệm Phật. Nếu không, lâm chung bảo ông ta niệm Phật, lẽ nào ông ta chẳng hoài nghi? Làm sao có thể tiếp nhận, thật sự làm theo được? Chẳng đơn giản, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên! Trong đời quá khứ đã gieo cái nhân, khi lâm chung mới gặp duyên. Nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may, phải biết điều này!

Nay chúng ta gặp gỡ duyên này, phải trân quý, phải nắm chặt, chắc chắn là chẳng thể buông lỏng, quyết định chớ nên cầu may. “May mắn” chính là đồ trang sức hư ngụy, nhất định phải nghiêm túc hành trì, coi chuyện này là đại sự trọng yếu nhất phải thực hiện trong một đời này.

Trên thế gian này, thứ gì cũng là giả. Quý vị thấy con người mất đi, đem theo được gì? Đức Phật dạy chẳng sai tí nào! *“Muôn thứ không mang được, chỉ có nghiệp theo thân”*. Người bình phàm trong thế gian suốt đời tạo thiện nghiệp, ác nghiệp. Suốt đời làm việc thiện, đời sau hưởng phước báo trong cõi nhân thiên, lâm chung có thụy tướng tốt lành, rất cát tường, chẳng đọa trong ba ác đạo. Suốt đời tạo tác bất thiện, khi lâm chung, đáng vẻ chẳng dễ coi. Sẽ đến nơi đâu? Đi vào tam đồ! Kê vào trong tam đồ đông lắm, [người sanh trong] đường nhân thiên rất ít, chẳng nhiều, chớ nên không biết. Do vậy, cổ đại đức bảo chúng ta, dầu ở một mình, chẳng thể không thận trọng. Chỉ niệm suông đăng miệng, chẳng thể được! *“Miệng có, tâm không”*! Bề ngoài làm ra rất dễ coi, bên trong chẳng lìa khỏi ích kỷ, chẳng buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần y hệt như cũ! Đó là giả trất, chẳng thật! Dùng sự hư ngụy, giả thiện, hiện thời gọi là *“chân thiện, chân tu giả mạo”* để gạt người thì được, quý vị có thể dối gạt Phật ư? Quý vị có thể lừa dối chính mình ư? Chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm chuyện này!

Thấy người khác chẳng phải là chân tu, chẳng cần phải phê bình. Nếu quý vị phê bình, giáo huấn người ấy, sẽ làm mất lòng người ta, kết thành oán cừu với người ấy, vậy là sai mất rồi! Thấy kẻ khác không tốt, hãy quay lại hồi quang phản chiếu, [tự xét] ta có [phạm những lỗi ấy] hay không? Đây là người thật sự tu hành! Cảnh giới bên ngoài là một tấm gương. Kẻ bình phàm, tức là phạm nhân, phạm phu trong thế gian, chỉ thấy lỗi của kẻ khác, chẳng thấy lỗi của chính mình. Thấy lỗi của chính mình quá ư là khó! Trong Phật môn, thường nghe nói *“khai ngộ”*, khai ngộ là gì vậy? Thấy lỗi của chính mình là khai ngộ. Ngộ rồi sẽ bắt đầu tu, có thể sửa đổi những lỗi lầm của chính mình; đó gọi là *“tu hành”*. Nếu ta một ngày chẳng thấy lỗi của chính mình, sẽ là một ngày chẳng biết sửa đổi cho tốt đẹp hơn! Thấy lỗi của chính mình thật khó!

Do vậy, đức Phật dạy các đệ tử, bất luận tại gia hay xuất gia, vì sao bảo quý vị đọc tụng kinh luận hằng ngày? Kinh luận là một tấm gương. Quý vị đọc xong, sẽ tùy văn nhập quán. Đức Phật dạy ta không sát sanh, hôm nay ta có làm được điều ấy hay không? Đức Phật dạy ta không trộm cắp, có làm được điều này hay không? Chuyện đức Phật dạy Bồ Tát

không sát sanh bao hàm vô lượng vô biên ý nghĩa sâu rộng! Chúng ta đối với một người, đối với một tiểu động vật, hễ có ý niệm bất thiện, đều gọi là sát sanh. Vì sao? Có ý niệm sát sanh, tuy chẳng làm, hãy còn có ý niệm ấy. Ta chán ghét hẳn, ta không ưa hẳn, [những ý niệm ấy] đều thuộc về sát tâm! “Trộm cắp” là gì? Ta chẳng tính ăn trộm kẻ khác, nhưng ta có ý niệm chiếm tiện nghi của người ta. Ý niệm ấy chính là cái tâm trộm cắp. Tuy nay quý vị chẳng có hành vi trộm cắp, nhưng quý vị chẳng đoạn cái tâm trộm cắp, rất vi tế!

Mười điều trong Thập Thiện Nghiệp Đạo bao gồm khái quát hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian. Tương phản [của Thập Thiện] là Thập Ác như giết, trộm, dâm, dối v.v... cũng bao gồm khái quát vô lượng vô biên ác nghiệp của hết thảy chúng sanh! Phật, Bồ Tát tu Thập Thiện. Quý vị thấy kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói hay quá: “*Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề*” thuộc về Tiểu Thừa, “*cho đến Vô Thượng Bồ Đề*”, đây là Đại Thừa. Đức Phật còn nói thêm, còn bao gồm pháp nhân thiên, [nghĩa là] quý vị làm cách nào [để đời sau được sanh] làm thân người! Quý vị sanh thiên như thế nào? Thấy đều dùng Thập Thiện Nghiệp làm cơ sở. Ngài đã sánh ví rất hay! Thập Thiện Nghiệp giống như đại địa, có thứ nào có thể rời khỏi đại địa mà sanh tồn hay chẳng? Tiểu Thừa giống như cây nhỏ, Đại Thừa giống như cây to, đều phải nương cây đại địa. Chẳng có đại địa, quý vị sẽ chẳng thể sanh tồn! Tỷ dụ hay quá. Quý vị mới hiểu tầm trọng yếu [của Thập Thiện Nghiệp]. Lìa khỏi Thập Thiện, quý vị sẽ tu Thập Ác. Nghiệp nhân của Thập Ác là tam đồ, tức ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, quý vị chớ nên không biết! Nguyên này nhắc nhở chúng ta: Hễ thấy các món trang sức, biết chúng đều là giả, đều chẳng thật. Trong mắt người tu hành, biết “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, đồ trang sức hư vọng! Chúng tôi nói bài kệ này tới đây. Chúng ta lại xem bài kế tiếp. Bài thứ tám hôm qua đã nói rồi, bỏ sót bài kệ [thứ bảy] này. Chúng ta xem bài thứ chín.

(Kinh) Nhượng hữu sở thí, đương nguyện chúng sanh, nhất thiết năng xả, tâm vô ái trước.

(經)若有所施。當願眾生。一切能捨。心無愛著。

(Kinh: Nếu có bố thí, nguyện cho chúng sanh, bỏ được hết thảy, tâm chẳng yêu chấp).

Quý vị thấy người tu xả thí, nay chúng ta nói là “làm chuyện tốt”. Thí xả vào thời cổ, ở đây là nói về cổ Ấn Độ, người Ấn Độ đều biết, đó là tập tục của họ. Đối với người tu hành, không chỉ là Phật môn, đa số

những người tu hành trong các tôn giáo khác đều khát thực, đều là “*ăn một bữa giữa trưa*”. Do vậy, ăn một bữa giữa trưa chẳng chỉ giới hạn trong Phật môn, mà rất nhiều tôn giáo đều là như vậy. Dân chúng bình phàm đều rất cung kính những vị tu hành ấy, đều biết bố thí. Thí gì vậy? Thí một chút thức ăn, thực phẩm, đấy là chuyện thông thường nhất. Lại còn thí cũng chẳng nhiều! Do vậy, người tu hành đi khát thực, một bát cơm phải xin từ vài nhà. Quý vị biết là [thí chủ] bố thí chẳng nhiều cho lắm!

Trong nhà người ta, xét ra cơm ăn ngày hôm nay còn có thể dư ra, sẽ bố thí cho quý vị. Tùy thuộc số lượng dư ra, có dư nhiều, sẽ cho quý vị nhiều hơn. Số lượng ít thì cho quý vị ít hơn. Quý vị chẳng đủ, lại sang xin nhà người khác ở cách vách. Do đức Phật quy định khát thực [tối đa] là bảy nhà, [nếu] cả bảy nhà đều chẳng xin được, bèn ôm bát rỗng quay về. Làm như thế nào? Đại chúng có người xin được nhiều, sẽ chia sót cho quý vị. Do vậy, khát thực chẳng phải là xin xong là chính mình có thể ăn, chẳng phải vậy! Nếu làm vậy sẽ khó coi, oai nghi sẽ chẳng đẹp cho lắm! Sau khi xin xong, quay về tinh xá, trở về đạo tràng, những thứ xin được thấy đều cùng tập hợp một chỗ, gom hết lại để phân chia lần nữa, dựa theo sức ăn của mỗi cá nhân nhiều hay ít để chia ra. Nếu còn dư, sẽ thí cho chúng sanh, cho những loài chim, thú. Đấy là quy củ trong Phật môn. Người khác trông thấy sẽ tôn kính, [đoàn thể tăng sĩ ấy] có trật tự, có lễ tiết, chẳng rối loạn tí nào, có quy củ. [Đối với đoàn thể ấy], đại chúng mới có thể sanh khởi cái tâm cung kính.

Đối với người tu hành, tín chúng thực hiện Tài Bố Thí (bố thí các vật phẩm), còn người tu hành đối với họ (tín chúng) là Pháp Bố Thí. Nhất định là nếu họ (tín chúng) có câu hỏi gì, hễ nêu ra, sẽ giải đáp cho họ. Đấy là Pháp Bố Thí. Chẳng có câu hỏi, sẽ chú nguyện cho họ, chúc phước cho họ, cũng là vì họ thuyết pháp. Nói năng chẳng nhiều, thời gian không dài, mấy câu khuyến khích, khích lệ họ, dặn dò họ. Vì thế, thí chủ tài thí, pháp sư [đáp tạ bằng] pháp thí. Chẳng thể ăn không! [Phải thuyết pháp hoặc chú nguyện để đáp tạ], đó là Pháp Cúng Đường. Thí chủ tài cúng đường cho quý vị, quý vị đối với họ bèn hành Pháp Cúng Đường. Đấy là nêu ra một thí dụ.

Bất luận là người khác bố thí cho chính mình, hoặc thấy người khác đang thí xả, người khác đang phụng hiến, chúng ta thấy, nghe, tiếp xúc, đều phải nên phát nguyện, “*nguyện cho chúng sanh, có thể xả hết thấy*”. Chẳng có gì không thể buông xuống, “*tâm vô ái trước*” (tâm chẳng yêu mến, chấp trước). Thanh Lương đại sư đã chú giải rất đơn

giản.

(Sớ) Nhất thiết tất xả, diệc xả tâm dã.

(疏)一切悉捨，亦捨心也。

(Sớ: Hết thấy đều xả, mà cũng xả cái tâm).

Xả tâm gì vậy? Xả vọng tâm, quý vị chẳng có cách nào xả chân tâm! Xả trừ vọng tâm, chân tâm hiển lộ. Vọng tâm là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chân tâm sẽ hiện tiền. Ngay cả cái tâm cũng phải xả, huống hồ vật ở ngoài tâm, có thứ gì chẳng thể xả ư? Chúng ta hãy ngắm xem, người học Phật tại gia hay xuất gia, vì sao học vất vả ngần ấy? Học khó khăn dường ấy? Chính là do chẳng liễu giải chân tướng sự thật, [cho nên] hết thấy đều không buông xuống được! Hễ không buông xuống được, quý vị sẽ có Khổ Thọ.

“Tâm vô ái trước”: “Ái” (愛) là tham ái, là ngu si, là vọng tưởng. “***Trước***” (著) là chấp trước, tức Ngã Chấp và Pháp Chấp. Kinh Hoa Nghiêm nói ***“phân biệt, chấp trước”***. “***Trước***” là chấp trước, Ái là vọng tưởng; đây chính là tham, sân, si. “***Tâm vô ái trước***” tức là trong tâm chẳng có tham, sân, si. Xả trừ tham, sân, si là đúng. Đối với hết thấy các pháp, đều hiểu rõ ràng, minh bạch; đây là Huệ. Đối với thuận cảnh chẳng tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng sân khuể, quý vị thật sự buông xuống. Cảnh duyên có trở ngại sự hay không? Chẳng trở ngại sự. Kinh Hoa Nghiêm nói ***“Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”***. Cái thật sự gây ra chướng ngại chính là gì? Tham, sân, si, mạn là chướng ngại, chướng ngại nghiêm trọng. Chỉ cần có những thứ ấy, toàn thể hoàn cảnh và hết thấy các pháp đều bị vụn vẹo, biến Nhất Chân pháp giới thành mười pháp giới, biến Pháp Thân thanh tịnh thành thân trong mười pháp giới lục đạo. Tuy là biến, [chỉ là] tướng biến, tánh chẳng thay đổi! Đạo lý này rất ư là sâu! Nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Bài kệ thứ chín nói về bố thí, ***“nhất thiết năng xả”*** (hết thấy đều có thể bỏ). Lời giáo huấn này của đức Phật dành cho chúng sanh có ý nghĩa rất sâu trong ấy. Mê chứ không giác, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, có kẻ nào chẳng mong tiền tài, chẳng cầu thông minh, trí huệ, chẳng cầu khỏe mạnh, sống lâu? Đức Phật chẳng cấm mọi người chớ nên mong cầu. Đức Phật chẳng hề ngăn cấm, mà ngược lại còn dạy mọi người đạo lý và phương pháp để

cầu. Đức Phật chỉ là dạy [những điều ấy], thật sự là vì [khiến cho hành nhân] thật sự phát tâm tu hành, giác ngộ. Mục đích của Ngài [là giúp cho chúng sanh] chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa. Muốn vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới, phải xả những thứ ấy.

Đối với chuyện phú quý, cùng quẫn, hanh thông, cát, hung, họa, phước trong suốt một đời của lục đạo phàm phu, không ai là chẳng đã định sẵn, thường nói là “*định số*”. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Nhất sanh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân*” (Suốt đời đều do mạng, chẳng nửa điểm do người). Người thời cổ hiểu nhân quả, tin tưởng vận mạng. Do vậy, dẫu gặp cảnh nghèo túng, gặp cảnh khổ nạn, họ cũng chẳng oán trời, chẳng hờn người. Vì sao? Trong mạng phải nên xảy đến [những chuyện như vậy], làm sao quý vị có thể trốn khỏi? Đó gọi là “*sanh tử hữu mạng, phú quý do thiên*” (sống chết có mạng, phú quý do trời), chính mình chẳng thể làm chủ được! Niềm tin và tư tưởng ấy được gọi là Túc Mạng Luận (宿命論). Đức Phật có nói đến Túc Mạng hay không? Nói chớ! Đức Phật cũng nói. Vì sao? Đây là một hiện tượng tự nhiên, xác thực là tồn tại trong vũ trụ, nhưng Phật pháp còn có một chiêu quý vị ắt phải thấu hiểu: Túc Mạng là định số, ngoài định số còn biến số. Chư vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết, Khổng tiên sinh đoán mạng cho ông Liễu Phàm, [những gì ông Khổng đã tiên đoán chính là] định số. Quý vị thấy ông ta đã đoán [vận hạn] lưu niên³³ cho Viên Liễu Phàm; nói ông Viên là người đọc sách, làm quan, suốt đời phải nên theo đuổi nghề nghiệp nào, cũng là do trong mạng đã định sẵn. Quý vị làm sai nghề, sẽ càng vất vả!

Định số do đâu mà có? Do ai định? Do những nghiệp mà chính mình đã tạo tác trong đời quá khứ cảm vời quả báo trong đời này, do chính mình định, chẳng phải do ai khác định đoạt cho quý vị! Người khác định cho quý vị, nếu bảo là do Thượng Đế định, hay do Phật, Bồ Tát định, vậy thì vì sao Phật, Bồ Tát cho kẻ này phú quý, cho người kia nghèo hèn? Như vậy là rất thiếu công bằng! Dựa vào đâu? Vì thế, phải là do nghiệp lực của chính mình chiêu cảm, chẳng phải do người khác định cho chúng ta. Phật môn có một câu ngạn ngữ rất hay: “*Dục tri tiền thế nhân*”, [nghĩa là] nếu chúng ta muốn nghĩ xem trong đời quá khứ đã tạo cái nhân gì, “*kim sanh thọ giả thị*”, những gì quý vị đã hứng chịu trong một đời này, khổ, lạc, ưu, hỷ, phú quý, bần tiện, cát, hung, họa, phước, đều do nghiệp đã tạo trong kiếp trước quyết định. “*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*”: Nếu quý vị muốn nghĩ xem đời sau có quả báo như thế nào, vậy thì trong đời này, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chính là tạo

cái nhân trong đời này, cảm vùi quả báo trong tương lai. Đây là chân lý, là chân tướng sự thật trong lục đạo.

Định số có thể sửa, chẳng phải là không thể sửa. Vì sao? Trong định số có cộng, trừ, nhân, chia, chớ nên không hiểu đạo lý này! Nếu quý vị làm lành, do tâm thiện và hạnh thiện, sẽ được cộng thêm; trong định số của quý vị được cộng thêm. Nếu quý vị tạo ác, sẽ bị trừ bớt, sẽ bị giảm thiểu. Hằng ngày đều có cộng, trừ, nhân, chia. Đại thiện bèn nhân lên, đại ác bị chia ra. Tiểu thiện liền cộng vào, tiểu ác bèn trừ đi. Hằng ngày đều có cộng, trừ, nhân, chia! Nhưng đối với kẻ bình phàm, mức độ “cộng, trừ, nhân, chia” chẳng lớn. Vì thế, xem bói vẫn còn khá chuẩn xác. Chẳng thể chuẩn xác một trăm phần trăm, nhưng có mức chuẩn xác khá cao. Đạo lý ở chỗ này! Nếu quý vị hiểu đạo lý này, sẽ chuyên làm việc thiện, chẳng còn tạo ác nữa. Do vậy, sẽ từ cộng biến thành nhân. Nếu quý vị chẳng hiểu đạo lý này, chẳng tin nhân quả, chẳng tin báo ứng, không điều ác nào chẳng làm, sẽ là từ trừ biến thành chia, sự tổn thất ấy quá lớn!

Chư vị đọc Tứ Huấn của tiên sinh Liễu Phàm, đọc Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký (bài ký về chuyện ông Du Tịnh Ý gặp ông Táo), quý vị sẽ hiểu rõ: Vận mạng do chính mình kiến lập, chính mình có thể biến đổi, chính mình có thể sáng tạo. Chỉ cần quý vị hiểu đạo lý này, hiểu phương pháp này, y giáo phụng hành, trong một đời này, vận mạng của quý vị từ nay trở đi đều thay đổi! Cổ nhân đã có rất nhiều trường hợp như vậy, người hiện thời cũng không phải là ngoại lệ. Chỉ cần hiểu được đạo lý và phương pháp này, chẳng có ai không thể thay đổi [vận mạng]. Trong những bạn bè tôi quen biết, còn có mấy người cuộc sống rất vất vả, thậm chí toan tự sát, gặp tôi, tôi đưa Liễu Phàm Tứ Huấn cho họ xem. Tôi nói: “Bạn thấy đó, tôi nương theo phương pháp này, tôi sửa được! Bạn cũng có thể sửa đổi, thấy đều có hiệu quả, lại còn có hiệu quả hết sức thù thắng!”

Thí tài được của cải. Trong mạng chẳng giàu có cho lắm, hãy bố thí. Khi bố thí, chẳng cầu mong gì, tốt lắm! Nếu chẳng cầu gì, lợi tức sẽ rất sâu dày. Nếu có mong cầu, tuy có lợi tức, rất mỏng, chẳng nhiều cho mấy! Cũng có nghĩa là: Trong mạng quý vị đã có, dẫu vút đi, cũng chẳng vút được. Trong mạng chẳng có, dẫu cầu, cũng chẳng cầu được! Nhưng chẳng trụ tướng (chấp vào tướng) để bố thí, bố thí vô điều kiện, quả báo của sự thí xả ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Cầu thông minh, trí huệ, hãy tu Pháp Bố Thí. Pháp Bố Thí có phạm vi rất rộng, phải hiểu điều này! Ta hiểu, người khác chẳng hiểu, nhưng họ chịu học, ta bằng lòng dạy họ. Đây là Pháp Bố Thí. Dạy họ may quần áo là Pháp Bố Thí. Quý vị dạy họ

nấu nướng cũng là Pháp Bố Thí, nhiệt tâm dạy bảo họ. Đương nhiên thù thắng nhất là Phật pháp. Đối với Phật pháp, quý vị biết một câu, sẽ nói với họ một câu. Quý vị biết hai câu, sẽ nói với họ hai câu, đều là Pháp Bố Thí. Thật sự chẳng biết nói, gặp họ bèn khuyên họ niệm một câu A Di Đà Phật, họ niệm theo quý vị. Đấy cũng là Pháp Bố Thí. Chẳng thể xem văn tự, chẳng biết chữ, hiện thời đĩa CD giảng kinh, dạy học rất nhiều, quý vị tặng cho họ, bảo họ tự nghe, đều là Pháp Bố Thí. Đạo tràng giảng kinh, quý vị báo cho họ biết tin tức ấy, khuyên họ đến nghe. Phương pháp để thực hiện Pháp Bố Thí quá nhiều! Sách Phật, thiện thư khuyên làm lành, hãy tặng cho nhiều! Toàn bộ đều là Pháp Bố Thí. Do Pháp Bố Thí, sẽ được thông minh, trí huệ. Quý vị chướng ngại Pháp Bố Thí, quả báo sẽ là ngu si. Chướng ngại kẻ khác đến nghe kinh, chướng ngại người khác học Phật, quả báo là ngu si. Chướng ngại kẻ khác làm lành, sai mất rồi!

Trong Vô Úy Bố Thí, tốt nhất là quý vị biết chẳng kết oán cừu với chúng sanh nữa! Thực hiện từ chỗ nào? Hãy từ chẳng ăn thịt chúng sanh, thực hiện từ chỗ này. Chẳng kết oán cừu với chúng sanh, quả báo sẽ là khỏe mạnh, sống lâu. Người trong thế gian hiện thời có một quan niệm sai lầm, cứ nghĩ “chỉ có ăn thịt thì mới có chất bổ, đồ chay chẳng có chất dinh dưỡng”. Sai mất rồi! Sai lầm đặc biệt to tát! Quý vị thấy người xuất gia trong Phật môn ăn chay, rất nhiều vị tại gia cư sĩ ăn chay, thân thể họ rất khỏe mạnh. Tôi ăn chay đã năm mươi lăm năm, mọi người đều thấy chuyện này. Tôi ăn rất đơn giản, tất cả hết thấy đồ bổ gì đi nữa, tôi nhất loạt chẳng dùng. Tôi cũng ăn rất ít, thân thể rất khỏe! Toàn thân chẳng có bệnh tật gì! Vào tháng Mười Một năm ngoái, tôi ở Bắc Kinh ngã bệnh vài ngày. Cuối cùng, thầy lang họ Lưu chẩn mạch, bảo tôi: “Nguyên nhân khiến thầy bị bệnh là do ruột và dạ dày có virus”. Sau khi tôi uống thuốc Bắc bốn ngày, thầy lang nói virus hoàn toàn chẳng còn nữa, thân thể rất tốt. Thầy lang bảo tôi có thể ăn uống bình thường. Vì trong lúc bị bệnh chỉ có thể ăn cháo, ăn dưa muối, một giọt dầu cũng chẳng thể ăn; nay ăn uống bình thường như cũ. Vì thế, ăn chay chẳng kết oán cừu cùng chúng sanh. Đấy là Vô Úy Bố Thí.

Quyết định chớ nên có tâm sát hại chúng sanh. Không chỉ là [chớ nên] giết, mà cái tâm tổn hại chúng sanh cũng chớ nên có. Tâm niệm đã chẳng có, đương nhiên là quý vị sẽ chẳng có hành vi. Tôi thường nói: Mùa Hè muỗi đốt chúng ta, quý vị phải biết vì sao nó tới đốt ta? Vẫn chẳng phải là vì đói, muốn kiếm chút gì để ăn ư? Ăn no, nó sẽ không có chuyện gì nữa! Nếu chúng ta hoan hỷ bố thí, cúng dường nó một bữa ăn, cho nó ăn no, nó sẽ đi. Nếu chẳng muốn bố thí cho nó, đuổi nó đi là được

rồi. Đập nó một phát chết tươi, sai lầm! Đây là sát sanh, quý vị đã kết oán cừu với nó. Những tiểu động vật thường thấy trong nhà như gián, kiến, thấy đều có sanh mạng, đều phải yêu thương. Chúng quá nhiều, nhiều loạn chúng ta, có thể thương lượng với chúng, xin chúng chớ nên quấy nhiễu. Chúng nó rất nghe lời, có thể trò chuyện, chẳng phải là không thể trò chuyện! Những trường hợp như vậy trong nhiều năm qua chúng tôi đã làm rất nhiều. Rất nhiều vị tại gia cư sĩ đều học biết [phương pháp], có thể trao đổi cùng những tiểu động vật ấy: Chúng ta đôi bên sống với nhau cùng một chỗ, an ổn vô sự, chẳng nhiễu loạn lẫn nhau. Chúng nó muốn tìm thứ gì ăn, ta để ở ngoài cửa để cúng dường chúng nó. Đối với những động vật như gián, chuột, ta để những thức ăn còn dư ở bên ngoài, để ở chỗ cố định, chúng nó sẽ tới đó ăn, sẽ không bò lung tung khắp nơi. Vì thế, phải hiểu đạo lý, phải biết phương pháp, tâm nhất định phải là tâm yêu thương, che chở hết thấy chúng sanh, quyết định chớ nên tổn hại!

Thí tài, thí pháp, thí vô úy, quả báo là như vậy đó, quý vị mới có thể đạt được của cải, được thông minh, trí huệ, được khỏe mạnh, sống lâu. Đức Phật dạy bọn chúng sanh trong lục đạo, câu nào cũng đều là chân thật. Nếu quý vị muốn xuất ly lục đạo luân hồi, có phải làm những chuyện ấy hay không? Phải làm! Phải làm, nhưng đừng cầu quả báo. Ta thí tài, không cầu tài. Thí pháp cũng chẳng cầu thông minh, trí huệ. Thí vô úy, ta cũng không cầu khỏe mạnh, sống lâu. Ta chỉ cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, há có chuyện chẳng làm được ư? Có thể xả hết thấy, xả sạch sành sanh, người ấy sẽ thành Phật.

Xả, chư vị phải ghi nhớ, chẳng phải là xả nơi Sự. Hết thấy sự tướng, vạn vật đều là giả, chẳng thật! Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Hư vọng thì phải xả, phải biết điều này, nhưng quan trọng nhất chính là xả sự yêu mến và chấp trước trong tâm! Phải bỏ sạch thứ này! Đối với điều gì thuận theo ý mình, chẳng có tâm tham. Bỏ sạch tham ái, chẳng có tham ái. Điều gì chẳng thuận theo ý mình, đừng sân khuể, khiến cho tâm quý vị khôi phục "*giác, chánh, tịnh*". "*Giác, chánh, tịnh*" là chân tâm của chính mình, là Phật tánh. Quý vị có thể bỏ sạch tham, sân, si, mạn, thị phi, nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chúc mừng quý vị! Quý vị cách Phật chẳng xa. Nếu quý vị mong liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng quả vị Phật, Bồ Tát, chẳng khó! Vì sao những kẻ bình phàm học Phật khó khăn ngàn ấy? [Nguyên nhân là do] người ấy (người học Phật) chẳng chịu xả, không buông xuống được! Đối với những thứ ấy, người ấy

hết sức chấp trước, sai mất rồi! Tích lũy công đức, đoạn ác tu thiện; nói thật ra, trong Phật môn, có thể tu, công đức thù thắng khôn sánh!

Tu trong Phật môn như thế nào? Trong Phật môn, nhất định phải tu Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là có thể xả, hết thấy đều có thể xả. Quý vị thấy điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải. Chúng ta đối xử với kẻ khác, bản thân chúng ta có ý kiến, có thành kiến, phải bỏ chúng đi, thuận theo người khác. Chúng ta chẳng có ý kiến, chẳng có thành kiến, hãy bỏ! Nếu không bỏ, mỗi người có một cách nhìn riêng, ai nấy có cách nghĩ riêng, sẽ đấu tranh, chẳng nhường nhịn lẫn nhau, sự hòa thuận sẽ bị phá hoại, sẽ bất hòa. Vì thế, từ kinh điển, chúng tôi đọc thấy Kiến Hòa Đồng Giải trong Phật pháp, đúng là bội phục từ trong nội tâm. Đức Phật chẳng nói tri kiến của quý vị đều là sai lầm, [tri kiến của] ta là chánh xác, các vị nhất định phải theo tôi! Đức Phật chẳng nói kiểu đó, đức Phật nói như thế nào? Mọi người hãy bỏ sạch những thành kiến đi, [tri kiến] sẽ giống hệt như nhau! Quý vị nói xem, nói kiểu đó mọi người có phục hay không? Chẳng bàn cãi chi nữa! Tâm thanh tịnh! Trong cái tâm thanh tịnh, chẳng có một tạp niệm; đấy mới thật sự là Kiến Hòa Đồng Giải.

Tâm không thanh tịnh, chỉ có cách dùng giới luật. Mọi người cùng ở chung một chỗ, ấn định một công ước, ấn định một chương trình, cùng nhau tuân thủ. Đấy là lâm thời, tạm thời. Khi thật sự đạt đến hòa kính, tức là tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, Lục Tổ Đàn Kinh đã nói rất hay: *“Bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”* (Vốn chẳng có một vật, chỗ nào vướng bụi trần). Đó là nói đến minh tâm kiến tánh. Tâm xác thực đạt đến thanh tịnh, tịch diệt; do vậy, *“Phật Phật đạo đồng”*, mới thật sự là đạt đến Kiến Hòa Đồng Giải. Quyết định chớ nên xung đột với đại chúng, chớ nên có ý kiến về người khác. Trong một đạo tràng, hãy nghe theo ai? Đạo tràng có Trụ Trì, hãy nghe theo vị ấy. Ý kiến bất đồng cũng phải buông xuống, vẫn nghe theo vị ấy, chớ nên thuận theo ta. Hễ “ta có ý kiến, người có ý kiến”, quốc gia sẽ loạn tưng phèo! Vì thế, trong một tự viện, am, đường nghe theo vị Trụ Trì, một trường học nghe theo hiệu trưởng, một công ty, hãng, tiệm nghe theo chủ nhân, một gia đình nghe theo gia trưởng, một quốc gia nghe theo người đứng đầu đất nước; đấy là chánh xác. Nhất định phải hiểu đạo lý này!

Điều thứ hai là Giới Hòa Đồng Tu, quý vị phải trì giới. Trì giới thì phải xả! Ví như Ngũ Giới, [điều đầu tiên là] “không sát sanh”, chúng ta phải bỏ sạch ý niệm và hành vi sát sanh. Đối với [giới điều] “không trộm cắp”, chúng ta phải bỏ sạch hành vi và ý niệm trộm cắp. Chớ nên như thế nữa, thấy đều phải bỏ sạch! Sau đấy mới có thể *“thân đồng trụ, khẩu vô*

tránh, ý đồng duyệt, lợi đồng quân” (thân cùng ở, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến, lợi lộc cùng chia đều). Thứ gì cũng đều bỏ sự ham muốn của chính mình, bỏ tập khí của chính mình, có thể cư xử hòa thuận cùng đại chúng. Nếu chính mình cứ nhất định khăng khăng phải như thế này, như thế nọ, quý vị sẽ chẳng thể thuận thảo với đại chúng được. Nhất định phải hiểu đạo lý này!

Kinh văn chỉ có bốn câu, gồm mười sáu chữ, bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận. Triển khai ra, muôn sự muôn pháp thấy đều ở trong mười sáu chữ ấy. Đây là như kinh Hoa Nghiêm thường nói: *“Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một”*. Một bài kệ là hết thấy các kinh, hết thấy các kinh là một bài kệ, viên dung lẫn nhau vô ngại. Chúng ta lại xem bài kệ thứ mười:

(Kinh) Chúng hội tụ tập, đương nguyện chúng sanh, xả chúng tụ pháp, thành Nhất Thiết Trí.

(經) 眾會聚集。當願眾生。捨眾聚法。成一切智。

(Kinh: Chúng hội tụ tập, nguyện cho chúng sanh, bỏ các tụ pháp, thành Nhất Thiết Trí).

Ý nghĩa của bài kệ này khá khó hiểu. Thanh Lương đại sư chú giải cũng rất đơn giản:

(Sớ) Liễu tụ vô tánh, thành Phật trí dã.

(疏) 了聚無性，成佛智也。

(Sớ: Hiểu rõ Tụ chẳng có tánh, đó là cái trí để thành Phật vậy).

Câu này bao hàm ý nghĩa rất sâu. “Tụ” (聚) là tụ hội. Trên cõi trời, hay trong nhân gian, cho đến ngựa quý, súc sanh, có ai chẳng thích tụ hội? Luận Ngữ còn nói: *“Hữu bằng tị viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?”* (Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) Do vậy, đây là điều thường tình của con người. Nhất là vào dịp Tết, người nhà, quyến thuộc đoàn tụ, bạn bè thân thiết đoàn tụ. Trong xã hội hiện thời, mối quan hệ giữa con người với nhau rất chặt chẽ. Đồng nghiệp tụ hội, bạn học tụ hội, những người cùng nghề tụ hội, rất nhiều! Đối với những sự tụ hội ấy, nếu nói thật ra, quý vị phải liễu giải chân tướng sự thật của nó. Chân tướng là tụ tán. Quý vị thấy duyên tụ, hôm nay lần tụ hội này rất đông người. Mấy giờ sau, duyên tán, chẳng còn nữa. Quý vị có thể thấy *“duyên tụ thì có, duyên tán thì không”*. Có và Không là một, chẳng hai. Do vậy, nó chẳng có thể tánh. “Tánh” [được nói trong bài kệ này] là *“thể tánh”*, có nghĩa là nó

(sự tụ hội ấy) chẳng chân thật. Từ chỗ này, có thể dễ thấy nhất. Nếu quý vị lại có thể liên tưởng tất cả hết thấy các pháp, [hãy suy nghĩ] hết thấy các pháp được hình thành như thế nào? Duyên tụ bèn hiện tướng, tướng bèn sanh khởi. Duyên tán, tướng liền diệt. Hết thấy các pháp sanh, diệt, tụ, tán vô thường, [điều này chính là] sự khai phát rất lớn đối với chính mình, [giúp cho chính mình] liễu giải chân tướng sự thật của toàn thể vũ trụ.

Không chỉ mười pháp giới là như thế, Nhất Chân pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ. Vì thế, gọi là “*thành Phật trí dã*” (chính là cái trí để thành Phật). Đức Phật hiểu điều này quá rõ ràng, quá minh bạch. Do vậy, trong hết thấy các sự tụ hội, không chỉ là người, sự, vật thấy đều có, mà núi, sông, đại địa cũng là “*duyên tụ, duyên tán*”, mới thật sự thấu hiểu hết thấy các pháp “*vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được*”. Trong hoàn cảnh nhân sự bèn bao hàm vật, [tức là] bao hàm vạn vật, xác thực là vạn vật; động vật, thực vật, và khoáng vật đều được bao hàm. Núi có sơn thần, cây có thụ thần. Đệ tử Phật phải biết tùy duyên thí giáo, phải giúp đỡ họ, giúp họ giác ngộ, giúp họ hiểu lý, sự tụ hội ấy sẽ chẳng luống uổng! Chúng ta tham gia tụ hội để góp phần náo nhiệt, vậy là chẳng có ý nghĩa chi hết! [Sự tụ hội ấy] chẳng cần thiết!

Đệ tử Phật tham gia tụ hội, nhất định phải giới thiệu giáo huấn của đức Phật với mọi người, thật sự giúp đỡ đại chúng phá mê, khai ngộ, là khổ, được vui; sự tụ hội ấy sẽ có ý nghĩa, có giá trị. Tuy chính mình làm những chuyện ấy, phải hiểu ý nghĩa trong hai câu kệ này: “*Chẳng chấp tướng, làm mà không làm, không làm mà làm*”. Giúp đỡ hết thấy chúng sanh, tam luân thế không, chính mình quyết định chẳng cảm thấy “ta hôm nay làm chuyện tốt, đã dạy rất nhiều người ngàn ấy”. [Nếu nghĩ như vậy], quý vị đã chấp tướng. Chẳng nghĩ chính mình đã làm, vong ngã! Hễ đạt được “*vong ngã, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, đúng rồi! Đó là đã thành Phật trí, đấy mới là thật sự tương ứng với vô tánh, chẳng có mảy may phân biệt, chấp trước nào! “*Làm mà không làm, không làm mà làm*”, đạo lý này quá sâu.

Nếu quý vị còn có phân biệt, chấp trước, hãy ngẫm xem, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm có ô nhiễm, thân sẽ không thanh tịnh, hoàn cảnh sẽ không thanh tịnh, là do đạo lý này. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói đạo lý này rất nhiều. Hễ nhắc tới, chư vị đều có thể lý giải cuộc sống ấy chẳng dễ sống! Vì thế, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông xuống ích kỷ, buông xuống hết thấy tạo tác. [Hãy chú ý, tuy nói là “buông xuống”], hết thấy tạo tác vẫn làm y như cũ, vẫn làm, chẳng

phải là không làm! “*Buông xuống*” [hết thấy các tạo tác] là gì? Trong tâm ta còn nghĩ “ta phải làm điều này, điều nọ”, phải buông xuống ý niệm ấy, chớ nên có! [Hết còn có ý niệm] “ta đã làm chi đó”, “ta còn muốn làm chuyện gì đó”, sẽ chẳng thể được! Chớ nên có ý niệm ấy, đó là vọng tưởng. Chư vị nghĩ đến chỗ này, sẽ thấy ý nghĩa sâu xa.

Tụ hội là duyên. Sự tụ hội ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp! Tụ hội với người khác là duyên, tụ hội với sự việc cũng là duyên, tụ hội với vạn vật trong trời đất vẫn là duyên, do nhân duyên mà tụ hội. Tăng tấn chính mình như thế nào? Giúp đỡ chúng sanh như thế nào? “*Chúng sanh*” cũng được hiểu theo nghĩa rộng. Đấy gọi là Phật pháp. “*Thành Nhất Thiết Trí*”: Trong Phật pháp thường nói ba loại trí. Nhất Thiết Trí có thể bao hàm viên mãn ba loại trí huệ. Chúng ta thấy câu này, chẳng thể nói Ngài (Văn Thù Bồ Tát) chỉ nói đến Nhất Thiết Trí, chẳng nói tới Đạo Chung Trí, mà cũng chẳng nói Nhất Thiết Chung Trí. Nói một trí đã bao gồm hết thấy [các loại trí] trong ấy, trí huệ chân thật mà!

1) Nhất Thiết Trí là biết Không, muôn pháp đều là Không, trọn chẳng thể được. Trí huệ ấy được gọi là Nhất Thiết Trí.

2) Đạo Chung Trí là biết hết thấy vạn sự vạn vật, tức là biết các hiện tượng (現相, các tướng được biến hiện), do đạo lý nào mà sanh ra những hiện tượng ấy? [Đó là] Đạo! “*Chủng*” (種) là các thứ, là nhiều. Hết thấy vạn sự vạn vật do đạo lý nào mà có những thứ ấy, do đâu mà có chúng? Diễn biến như thế nào? Kết quả trong tương lai là gì? Quý vị đều thông đạt những điều ấy thì gọi là Đạo Chung Trí.

3) Loại thứ ba là Nhất Thiết Chung Trí. Nhất Thiết là trí thể, Đạo Chung là trí tướng. Hiện tượng và lý thể là một, không hai; đấy gọi là Nhất Thiết Chung Trí. Hợp hai trí lại. Nguyên lai, thâm la vạn tượng “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”, quý vị còn có thể khởi tâm động niệm ư? Quý vị còn có thể phân biệt, chấp trước ư? Đương nhiên là sẽ buông xuống; đấy chính là cảnh giới của Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát, là trí huệ của Phật, Bồ Tát. Nếu chúng ta sống trong cảnh giới ấy, sẽ rất vui sướng, thật sự vui sướng. Sự vui sướng ấy chẳng phải là lạc như trong khổ lạc của thế gian. Chẳng phải vậy! Chẳng có cách nào hình dung, chẳng có cách nào tưởng tượng! Vì thế, kinh Phật thường nói là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Cảnh giới ấy chúng ta chẳng thể tưởng được, mà cũng chẳng có cách nào diễn tả được. Chỉ khi nào quý vị khế nhập cảnh giới thì mới hiểu được! Vì thế, thường nói ví von là “*như nhân ẩm thủy, lãnh*

noãn tự tri” (như người uống nước, nóng lạnh tự biết). Giống như quý vị uống một chén nước, nước nóng hay lạnh, chỉ có nếm thử, bản thân quý vị sẽ biết, chẳng có cách nào diễn tả được! Có nói ra, cũng là mơ hồ. Tôi nói lạnh, lạnh đến mức độ nào, không biết! Tôi nói nóng, nóng tới cỡ nào, cũng chẳng biết. Lại xem bài kệ cuối cùng:

(Kinh) Nhược tại ách nạn, đương nguyện chúng sanh, tùy ý tự tại, sở hành vô ngại.

(經)若在厄難。當願眾生。隨意自在。所行無礙。

(Kinh: Nếu gặp ách nạn, nguyện cho chúng sanh, tùy ý tự tại, việc làm vô ngại).

Tại gia, nói thật ra, xuất gia cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chẳng thể tránh khỏi tai nạn! Tai nạn là do những nghiệp bất thiện đã tạo tác trong đời đời kiếp kiếp từ vô thủy kiếp tới nay cảm vờ, phải biết điều này! Biết chuyện này, vậy thì trong đời này, hãy cẩn thận, chú ý, đừng tạo ác nghiệp. Trong quá khứ, khi chúng tôi mới học Phật, thầy thường ra rả căn dặn, chớ nên kết oán cừu với chúng sanh! Thầy trích dẫn khá nhiều câu chuyện lịch sử để bảo ban: Do vô tình hay cố ý làm mất lòng kẻ khác, trong tương lai họ sẽ đều phục hận! Cố ý làm mất lòng kẻ khác, trong tương lai, họ sẽ báo thù trực diện. Do vô tình làm mất lòng người khác, trong tương lai người ta cũng sẽ vô tình gây tổn hại cho quý vị. Nhân quả báo ứng đúng là chẳng sai duyên mảy may!

Ngôn ngữ và thái độ rất quan trọng. Đây là một môn đại học vấn! Khổng Tử giáo học, môn thứ nhất là đức hạnh, môn thứ hai là ngôn ngữ, xếp chuyện “làm người như thế nào” vào hàng đầu! Giáo dục là nhằm dạy những gì? Chính là dạy quý vị biết làm người, dạy quý vị làm một người tốt, dạy quý vị làm một người có đức hạnh. Sau đấy mới dạy quý vị làm việc (辦事, biện sự). Nay chúng ta gọi “*biện sự*” là chức nghiệp hoặc nghề nghiệp. Các ngành nghề, học thuật, chức nghiệp đều xếp vào sau [đức hạnh], Nho gia gọi [những thứ nghề nghiệp] bằng từ ngữ “*chánh sự*” (政事). Đức hạnh, ngôn ngữ, chánh sự, cuối cùng là văn học. Chánh sự, nói theo ngôn từ hiện thời, chính là trong một đời này, quý vị học được một loại kỹ thuật hoặc năng lực chi đó để làm bản lãnh kiếm sống trong đời này. Cổ nhân rất coi trọng kiểu giáo dục này. Trong xã hội, quý vị làm một người hữu dụng, bản thân quý vị có năng lực kiếm sống độc lập. Thời cổ, phân chia thành các loại sĩ, nông, công, thương; hiện thời, phân loại càng nhiều, càng phức tạp hơn, giống như trong đại học mở ra khá nhiều khoa hệ (academic department). Quý vị học môn

nào, trong tương lai theo đuổi nghề nghiệp nào, điều ấy thuộc loại Chánh Sự.

Căn bản là đức hạnh và ngôn ngữ, cuối cùng mới là văn học. Quý vị có đức hạnh, có học vấn, có năng lực, đối với cuộc sống tinh thần và vật chất trong thế gian này, quý vị đều chẳng phải lo nghĩ; sau đấy mới nâng cao phẩm chất cuộc sống của chính mình, giống như cái hiện thời gọi là “*văn nghệ*” (文藝, văn học nghệ thuật) được xếp vào cuối cùng. Nếu cuộc sống vật chất của quý vị gặp khó khăn, còn nói tới văn nghệ chi nữa? Làm sao nói tới chuyện hưởng thụ về mặt tinh thần cho được? Do vậy, tuy Phu Tử nói đơn giản là bốn khoa, nói thật ra, bốn khoa ấy chính là tổng cương lĩnh của tất cả học thuật trong xã hội hiện đại. Nhưng hiện thời học thuật nảy sinh vấn đề, những vấn đề ấy do đâu mà xuất hiện? Do chẳng có đức hạnh và ngôn ngữ đứng trước! Do chẳng có những thứ ấy, nên đã tạo thành sự động loạn trong xã hội. Toàn thể xã hội bất an, quý vị phải biết nguyên nhân là ở chỗ nào!

Nếu nay chúng ta muốn khôi phục trật tự bình thường, ngoài việc khéo học giáo dục luân lý đạo đức ra, chẳng có cách nào khác! Học từ chỗ nào? Hãy bắt đầu học từ *Đệ Tử Quy*. Trong *Đệ Tử Quy* có đức hạnh, lại còn có ngôn ngữ. Đây là tối thiểu, mức độ thấp nhất, tầng cấp thấp nhất. Chẳng vun quén căn cội vững vàng ở chỗ này, mai sau, tai nạn càng nhiều hơn! Tai nạn do đâu mà có? Chính là do trong cuộc sống thường ngày, quý vị đã hữu ý hay vô tình kết oán cừu với người khác. Nếu nghiêm trọng, quả báo sẽ ở ngay trong đời này. Khi quý vị đã lớn tuổi, sẽ thấy quả báo hiện tiền. Đối với quý vị, kẻ trẻ tuổi chẳng có lòng cung kính, chẳng tôn trọng, khinh dễ quý vị. Quý vị bị khổ nạn, chẳng có ai giúp đỡ quý vị. Trong đời này, khi tuổi tác đã lớn đôi chút, quý vị sẽ cảm nhận được. Cổ nhân nói hay lắm: “*Ái nhân giả, nhân hằng ái chi, kính nhân giả, nhân hằng kính chi*” (Yêu thương người, người sẽ luôn yêu mến. Kính người, người sẽ luôn kính trọng ta). Ta chẳng yêu thương người khác, ai sẽ yêu thương quý vị? Chẳng kính trọng người khác, người ta sẽ kính trọng quý vị ư? Chẳng có lẽ này!

Vì thế, đối với người, đối với sự, đối với vật, hãy giữ lòng yêu kính. Điều quan trọng nhất là khiêm hư, đối xử hòa thuận, vẻ mặt hòa hoãn, tươi vui. Oan gia hãy nên cởi gỡ, chớ nên thắt buộc. Phải biết là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, có lúc gặp gỡ thiện duyên, học được rất nhiều thứ, ít tạo ra rất nhiều nghiệp. Đương nhiên là cũng có rất nhiều đời nhiều kiếp chẳng có duyên phận ấy, bèn tùy thuận tập khí phiền não của chính mình gây tạo khá nhiều nghiệp chướng. Trong đời này, dẫu chúng

ta làm việc thiện, thuần tịnh, thuần thiện, vẫn gặp khá nhiều chướng ngại. Những chướng ngại ấy do đâu mà có? Nói theo phía chính mình, [đó là do] nghiệp chướng hiện tiền. Nói theo phương diện xã hội, [sẽ là] chúng sanh chẳng có phước. Nếu chúng sanh có phước, quý vị sẽ làm những việc tốt lợi ích chúng sanh. Dẫu chính mình có nghiệp chướng, nghiệp chướng ấy cũng sẽ tạm thời chẳng hiện tiền. Vì sao? Quý vị thay chúng sanh làm chuyện tốt, oán thân trái chủ tạm thời chẳng tìm đến quý vị. Tạm thời không tìm đến, chứ hoàn toàn chẳng tiêu trừ. Ngày nào quý vị chẳng làm chuyện tốt, họ sẽ đến tìm quý vị.

Cổ nhân giáo huấn người khác, mỗi cừu hận sâu nhất là “*sát phụ chi cừu bất cộng đố thiên*” (mối thù giết cha chẳng đội trời chung), kẻ làm con chẳng thể không báo nỗi oán cừu ấy! Nhưng công việc của cừu nhân hiện thời là làm việc thay cho đại chúng trong xã hội. Ví như người ấy làm quan, làm một huyện thị trưởng, hiện thời kẻ ấy làm khá lắm, vì muôn dân trong huyện thị ấy phục vụ, quý vị sẽ chẳng thể báo cừu, một vị quan tốt mà! Nhân dân đều hưởng phước từ người ấy. Quý vị giết kẻ ấy, tức là người trong cả huyện ấy sẽ không có phước. Vì thế, lúc này chẳng thể báo. Đợi cho đến khi nào? Đợi cho đến khi kẻ đó cáo lão hoàn hương mới báo thù. Chỉ cần vì nhân dân, vì xã hội, vì đại chúng toàn tâm toàn lực làm chuyện tốt, oán thân trái chủ trọn chẳng dám đụng tới. Người học Phật hiểu đạo lý này, sẽ đem công đức của những việc này hằng ngày hồi hướng cho oán thân trái chủ, hy vọng trong tương lai, khi ta từ chức chẳng làm nữa, họ sẽ chẳng báo thù. Hóa giải oán kết ấy, dùng tâm chân thành hồi hướng, dùng tâm chân thành chia sẻ công đức này cho họ. Người học Phật hiểu điều này, kẻ chẳng học Phật chẳng hiểu, quan hệ cũng rất lớn. Cừu hận thường là nhiều đời nhiều kiếp chẳng thể hóa giải, oan oan tương báo, càng báo càng phiền phức, càng báo càng nghiêm trọng. Vì thế, nhất định là phải hiểu cách hóa giải, dùng ân huệ đối xử với họ, chớ nên khiến cho họ oán hận. Có oán hận, đôi bên đều cùng đau khổ. Không chỉ là một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp đau khổ, đáng thương quá! Đúng là đáng thương, kinh Phật thường cảm thán hạng người này là “*kẻ đáng thương xót!*” Lời này là thật, chẳng giả. Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

---o0o---

Tập 1506

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, bài kệ cuối cùng trong phần nói chung về hàng tại gia là bài kệ thứ mười một:

(Kinh) Nhược tại ách nạn, đương nguyện chúng sanh, tùy ý tự tại, sở hành vô ngại.

(經)若在厄難。當願眾生。隨意自在。所行無礙。

(Kinh: Nếu gặp ách nạn, nguyện cho chúng sanh, tùy ý tự tại, việc làm vô ngại).

Tại gia hay xuất gia, bất luận nam, nữ, già, trẻ, cũng chẳng luận phú quý hay nghèo hèn, trong suốt một đời người, nói chung, đều chẳng tránh khỏi bệnh tật, tai nạn. “Ách nạn” (厄難) cũng bao gồm cả bệnh tật. Nói thật ra, người đời chẳng biết nghiệp nhân. Do vậy, khi gặp tai nạn, không ít kẻ oán trời hờn người: “Vì sao trời cao khiến cho tôi khổ sở đường này? Bị tai nạn nhiều ngàn này?” Chẳng biết những ách nạn ấy đều có tiền nhân (前因, cái nhân từ trước)! Những chuyện gặp gỡ của tất cả hết thảy chúng sanh trong một đời, tuyệt đối chẳng thể có một chuyện nào, dầu là chuyện nhỏ nhặt đến mấy đi nữa, mà chẳng có cái nhân từ trước, tuyệt đối chẳng có [chuyện nào không có cái nhân trước đó]. Ngạn ngữ Trung Hoa thường nói: “Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định” (Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định sẵn). Chuyện dầu nhỏ nhặt đến mấy vẫn là tiền định. Đạo Hồi dạy mọi người tin vào tiền định: “Allāh dựa theo tiền định để sáng tạo vạn vật”, bao gồm cả con người, nhân loại cũng được gộp trong ấy. Vì sao Thượng Đế tạo ra người này được hưởng phước? Tạo ra người kia khiến cho họ chịu tội? Chẳng phải là Allāh không công bằng, chẳng phải là Allāh cố ý làm như thế, thấy đều là dựa theo tiền định. Phật pháp nói càng rõ ràng hơn. Ba nhà Nho, Thích, Đạo tại Trung Hoa đều nói rất minh bạch: “Tạo thiện nhân nhất định được thiện quả, tạo ác nghiệp quyết định có ác báo”. Giáo dục nhân quả hết sức trọng yếu. Nhưng trong xã hội hiện tiền, vì khoa học kỹ thuật phát triển, tạo thành sức tấn công rất lớn đối với luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Sức mạnh ấy đã khiến cho nền văn hóa truyền thống bị phá hoại nghiêm trọng.

Người hiện thời chẳng biết luân lý đạo đức là gì. Khoa học đem lại cho con người cuộc sống ham muốn hưởng thụ vật chất, sống cuồng hoan, phóng túng, xem nhẹ lòng yêu thương hoàn cảnh tự nhiên. Con người hiện thời dựa vào khoa học để chinh phục tự nhiên. Nói thật ra, “chinh phục tự nhiên” chính là phá hoại hoàn cảnh sinh thái tự nhiên, có thể là [triệt hạ] toàn thể rừng rậm. Chúng tôi đến Trường Giang, năm 2000 chúng tôi đến chơi Trường Giang, [trông thấy] toàn bộ rừng rậm nguyên thủy hai bên bờ Trường Giang đều bị chặt trụi. Hiện thời, dùng

máy móc [để tiêu diệt rừng rậm] quá dễ dàng! Con người muốn chinh phục nó, muốn lợi dụng cuộc đất ấy, nào có biết đã tạo thành gì? Tạo thành ngập lụt, lụt lội, chẳng thể gìn giữ đất, đá. Đây là sự phản kháng của thiên nhiên đối với nhân loại. Thiên tai, nhân họa, thủy tai, hạn hán, bão tố, động đất, nguyên nhân đều là do con người gây ra.

Quý vị thấy thời cổ có cần sử dụng khoa học kỹ thuật hay không? Cần chứ! Từ mấy ngàn năm trước đã bắt đầu dùng, nhưng con người [thuở ấy] có luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo ràng buộc. Khoa học kỹ thuật chỉ cần áp dụng vào cuộc sống thường ngày vừa đúng mức bèn thôi, chẳng phá hoại hoàn cảnh sinh thái. Mọi người đối xử với nhau bằng lễ nghĩa; đối với thiên nhiên, tức là đối với động vật, thực vật, và thiên nhiên đều có tâm kính sợ. Trong Phật pháp, từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có thần cây, thần núi, thần sông, thần biển, hà bá. Đây là gì? Đây là kính sợ thiên nhiên, chúng ta tôn trọng họ, chẳng dám dễ người phá hoại!

Người hiện thời chẳng tin tưởng, cho đó là giả. Người học Phật chúng ta hiểu rõ ràng! Tại Đờ Văn Ba (Toowoomba) ở Úc, chúng tôi còn gặp chuyện này. Chúng tôi mua một căn nhà cạnh Học Viện. Căn nhà ấy đã quá lâu đời, chúng tôi đập bỏ để xây một căn mới. Trong lúc công trình đang thi công, nơi cổng có mấy cái cây cần phải chặt đi thì xe chở vật liệu mới có thể vào được. Chúng tôi vâng theo quy củ trong Phật môn, đúng như giới luật đã dạy: Ba ngày trước đó đã tụng kinh, niệm chú, cúng tế thần cây, xin ông ta chuyển nhà. Đức Phật dạy chúng tôi làm, chúng tôi liền làm theo. Ba hôm sau, chúng tôi đến chặt cây ấy. Trong học viện, có một đồng học mấy hôm sau nằm mộng, mộng thấy thần cây nói với người ấy: “Sau này quý vị chặt cây, tối thiểu là báo cho tôi biết trước bảy ngày”. [Chỉ báo trước] ba ngày, họ chuyển nhà quá vội vàng, hy vọng là bảy ngày. Vị đồng học đó kể cảnh mộng ấy với tôi, tôi nói: “Thật đấy! Người Úc làm gì cũng đều rất chậm, cứ tà tà. Đại khái là thần cây ở Úc cũng giống như người Úc, động tác cũng hết sức thông thả, cần phải bảy ngày [để dọn nhà], [phải báo] trước bảy ngày”. Vì thế, tôi bảo mọi người: “Sau này quý vị muốn chặt cây, [phải nhớ] cây cao bằng thân người sẽ có thần cây [ngự trên đó]”.

Cũng có lẽ [quý vị] sẽ hỏi: “Rất nhiều người chặt cây, vì sao thần cây chẳng tìm họ?” Đúng vậy! Đối với kẻ ấy, thần cây chẳng làm thế nào được, có tìm kẻ ấy cũng vô dụng. Tìm chúng ta sẽ hữu dụng, chúng ta tin tưởng, tôn trọng, kính yêu họ. Vì thế, họ vui lòng giao tiếp với chúng ta. Chúng ta phải hiểu: Thần cây thường theo sát bên cạnh những kẻ ấy.

Ngày nào đó, kẻ ấy vận suy, thần cây liền báo thù kẻ ấy. Vì thế, thiên, địa, quỷ thần, thiên thần, tất cả hết thảy thực vật và khoáng vật trên mặt đất đều có thần. Quý vị tin tưởng, họ sẽ tìm quý vị. Quý vị chẳng tin, họ sẽ báo thù quý vị!

Ở Bắc Kinh, chúng tôi có một đạo hữu, đồng tham đạo hữu, cô ta cũng được quỷ thần báo mộng vào buổi tối. Những quỷ thần ấy giống như trẻ nhỏ, là trẻ nít, phát ra tiếng trẻ nít cầu cứu. Họ nói: “Chúng tôi sắp chết khô”. Nói khá nhiều lần, “tôi là thần cây cỏ trong nhà bà, tôi là thảo mộc trong nhà bà. Đã rất lâu không được tưới nước, chúng tôi sắp chết khô nên đến cầu cứu”. Sáng sớm ngày hôm sau, cô ta đích thân ra sân xem. Đúng là như thế! Sân có rất nhiều hoa, cha cô mỗi ngày tưới hoa, không tưới cỏ. Cỏ mọc trên mặt đất ông cụ không tưới, những cây nhỏ mọc bên cạnh cũng không được tưới. Cô ta thấy tình hình như vậy, vội vã tưới nước. Cha cô bảo: “Không cần! Tưới hoa thôi! Cỏ cây cứ mặc kệ chúng!” “Chúng đến báo cho con biết!” Quý vị có thể giúp đỡ chúng nó, chúng nó sẽ đến cầu xin quý vị, giống như con người vậy! Quý vị thấy người nào mà khi quý vị có tai nạn sẽ nghĩ tìm tới người đó! Kẻ nào chẳng quan tâm đến quý vị, ắt quý vị chẳng tìm đến kẻ đó. Con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này. Động vật, thực vật, quỷ thần, cũng đều chẳng ra ngoài lệ ấy! Đấy chẳng phải là nói “hễ tin thì có, chẳng tin thì không”. Chẳng phải vậy! Họ luôn có, tin hay không tin, họ đều có. Đó là chân tướng sự thật. Hễ tin thì sẽ như thế nào? Tin thì họ sẽ qua lại cùng quý vị. Không tin, họ chẳng qua lại với quý vị. Do vậy, “có hay không” là “có qua lại hay không”! Quý vị tin tưởng, tôn trọng họ, họ sẽ qua lại, sẽ đến tìm quý vị. Quý vị chẳng tin, chẳng tôn trọng họ, họ chẳng qua lại với quý vị, vì qua lại với quý vị chẳng có tác dụng gì! Đạo lý là ở chỗ này!

Vì sao người học Phật, người thiện tâm, nói theo Phật pháp là “*người thiện căn sâu dày*” thường có những chuyện này, quý vị thường có thể gặp gỡ? Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng, có thể giảng cho họ nghe. Đấy là sự thật, chẳng phải là mê tín. Quý vị hoàn toàn chẳng liễu giải chân tướng sự thật này mà tin tưởng thì là mê tín, nhưng chẳng tin thì cũng là mê tín. [Nguyên nhân là vì] chưa hiểu rõ ràng. Phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch. Đọc sách thánh hiền thì ít nhiều cũng liễu giải đôi chút. Nếu thật sự tu hành, tâm địa thanh tịnh, người ấy sẽ nhận biết chuyện này, càng thâm nhập hơn!

Vì lẽ ấy, trong hoàn cảnh hiện thời, nếu quý vị lắng lòng quan sát kỹ, [sẽ thấy] đối với những tai họa trong thiên nhiên, cũng có thể nói

[nguyên nhân là do] quý vị xung đột với người khác, quý vị xung đột với hoàn cảnh thiên nhiên, quý vị xung đột với quý thần. Quý thần rất đông, trong không trung có, trong hư không có [quý thần]. Xung đột với họ như thế nào? Quý vị thấy hằng ngày trên không trung có bao nhiêu máy bay phản lực? Những chất khí thải được phun ra đều có chất độc, không khí bị ô nhiễm. Ô nhiễm nghiêm trọng, trong tương lai, chắc chắn sự sanh tồn của con người trên địa cầu sẽ gặp phải sự trả thù [của thiên nhiên]. Các nhà khoa học cũng cảnh cáo: Hiện thời, khí quyển bị ô nhiễm, những thứ vật chất có chất độc đang trôi bồng bềnh trong khí quyển. Nếu có một ngày nào đó, trọng lượng của những chất trôi nổi ấy vượt quá điểm bão hòa, chúng nó sẽ rơi xuống. Hễ rơi xuống đất, một cõi đại địa đều tử vong. Đừng nói là động vật chẳng thể sống sót, cỏ cây cũng chẳng thể sống sót. Có người nói đó chính là ngày tàn của thế giới.

Có rất nhiều cách nói về tận thế, ở đây là một cách, tức là khí quyển bị ô nhiễm, hết sức đáng sợ! Khoa học kỹ thuật hiện thời cũng chẳng có cách nào cứu vớt! Trừ phi toàn thể nhân loại giác ngộ, chẳng còn phá hoại hoàn cảnh tự nhiên, tuân thủ quy tắc luân lý, đạo đức, đoạn ác, tu thiện, thế giới này mới được cứu! Vấn đề trong hiện thời là toàn thể thế giới, toàn thể nhân loại chối bỏ luân lý, đạo đức, tin tưởng khoa học. Chẳng phải là khoa học không tốt, nhưng khoa học chẳng phải là vạn năng. Khoa học có thể giúp đỡ con người trong những phương tiện cục bộ, nhưng nó có tác dụng phụ. Nếu chẳng biết ngăn ngừa những tác dụng phụ ấy, khoa học có thể hủy diệt nhân loại. Tôi tin tưởng là hiện thời mọi người đều biết như vậy.

Nay chúng ta mắt thấy, tai nghe, được tiếp xúc, đều có cảm xúc ô nhiễm nghiêm trọng! Hiện thời, kẻ bình phạm cũng ý thức sự vật bị ô nhiễm nghiêm trọng, nước bị ô nhiễm dường ấy! Chúng ta chú trọng [bảo vệ] những ao nước, sông ngòi trong vùng phụ cận, có thể giải quyết vấn đề hay không? Chẳng thể giải quyết! Vì sao? Biển cả bị ô nhiễm, khí quyển bị ô nhiễm, toàn thể nhân loại đều chẳng cứu được. Đây là tai nạn chưa hề có tiền lệ trong lịch sử.

Nhưng các nhà khoa học cho biết: Trên địa cầu đã có chuyện tuần hoàn giống như vậy. Trong quá khứ đã xảy ra vài lần. Tôi đã từng xem một báo cáo nói là hơn một vạn năm trước, trên địa cầu đã xuất hiện một nền văn minh khoa học kỹ thuật cao, tức Á Đạc Lan Đê Tư (Atlantis). Do vì nhân dân theo đuổi hưởng thụ vật chất, không gì chẳng làm, hoàn toàn mất sạch luân lý, đạo đức, tạo thành sự biến hóa trên lớp vỏ của toàn bộ địa cầu, đại lục bị chìm xuống đáy biển. Nơi ấy nay chính

là Đại Tây Dương. Vì sao gọi là Đại Tây Dương (Atlantic Ocean)? Thuở ấy, quốc gia có nền khoa học kỹ thuật phát triển nhất được gọi là Đại Tây Quốc (Atlantis). Do toàn thể lớp vỏ trái đất nẩy sanh biến hóa, lục địa chìm xuống, đất đai mới nổi lên, tức là địa đò như trong hiện thời.

Chúng tôi ở Mỹ, tức là mười mấy năm trước khi ở Mỹ, đã thấy một tấm bản đồ. Bản đồ ấy nói rõ, từ năm 2000 cho đến năm 2100, toàn thể thế giới sẽ nẩy sanh biến hóa, cũng gần giống như Á Đặc Lan Đề Tư thuở ấy, khá nhiều lục địa bị chìm xuống biển, trong biển cũng có không ít lục địa nổi lên. Khí hậu nẩy sanh biến hóa rất lớn, nhiệt đới biến thành hàn đới, hàn đới biến thành nhiệt đới, trục tâm của địa cầu thay đổi. Do sự biến hóa ấy, chúng ta biết là những sinh vật trên địa cầu chẳng thể sống sót. Do nhiệt đới đột nhiên biến thành hàn đới, [các sinh vật thuộc nhiệt đới] chẳng thể thích ứng; hàn đới biến thành nhiệt đới, cũng chẳng thể thích ứng³⁴. Đại ách nạn, là ách nạn chưa từng có, chẳng phải là tiểu tai nạn, làm như thế nào đây?

Do vậy, trong hiện thời, tôi thường nói với những đồng học khá thân cận: Chúng ta phải tận toàn tâm toàn lực, phải nghiêm túc tu trì, trì giới niệm Phật, hồi hướng công đức ấy cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đừng nghĩ sức của chúng ta quá yếu mỏng, [cứ hồi hướng], sẽ dấy lên tác dụng. Thứ nhất là đối với chính mình, chính mình phải có cái tâm cảnh giác cao độ. Tai nạn xảy đến, chớ hoảng sợ, chớ kinh hãi. Liễu giải rõ ràng đây là do cộng nghiệp của chúng sanh trên địa cầu cảm vờ, chúng ta có nơi tốt lành để đến, đến thế giới Cực Lạc, đến các cõi Phật. Những kẻ theo tôn giáo không tin những điều này, họ có thể lên cõi trời. Chẳng đoan dực! Dực Giới có sáu tầng trời, hoàn cảnh sống trong [các tầng trời] Tứ Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất đều tốt hơn địa cầu quá nhiều, quý vị có thể sanh vào thiên đạo. Đây gọi là “*tùy ý tự tại, sở hành vô ngại*”. Nếu quý vị chẳng có sự nhận biết này, chẳng chuẩn bị cho chuyện này, mai sau, sẽ bị phiền toái. Tai nạn hiện tiền, trở tay không kịp, tâm ý hoảng loạn, nhất định sẽ đọa vào tam đồ, sai mất rồi! [Ách nạn được nói] trong bài kệ này bao gồm những bệnh tật nhỏ nhỏ, những trở ngại nhỏ nhỏ của cá nhân cho đến [những tai nạn ảnh hưởng tới] toàn thể nhân loại, tức là “*ngày tận thế*” như các tôn giáo ngoại quốc thường nói. Chúng ta chớ nên không biết.

“*Đương nguyện chúng sanh*” ở chỗ này, tối thiểu là câu “*đương nguyện chúng sanh*” của chúng ta phải khái quát toàn thể nhân loại, tức là toàn thể nhân loại trên địa cầu, còn phải bao gồm tất cả các sinh vật trên địa cầu, tất cả chúng sanh sống trên quả địa cầu này. Đọc kinh Hoa

Nghiêm, chúng ta chớ nên có nghi vấn. Trong những phần trước, chúng ta đã đọc thấy quá nhiều. Trong bộ kinh này, đức Phật đã nói hơn ba mươi loại chúng sanh, chúng ta hãy nên tin tưởng lời Phật. Chỗ thù thắng nhất trong cảnh giới do đức Phật đã nói chính là đức Phật trọn chẳng dạy chúng ta chỉ tin Ngài là đúng, chẳng phải vậy! Chỉ tin Ngài, sẽ biến thành tôn giáo, sẽ biến thành mê tín! Đức Phật chẳng như vậy. Đức Phật dạy chúng ta hãy chứng minh lời Ngài dạy là sự thật. Giáo huấn kiểu này cao minh tột cùng. Vì thế, Phật pháp nói *“tín, giải, hành, chứng”*. Cuối cùng nhất định là quý vị phải tự mình chứng minh, quý vị mới thật sự được thọ dụng. Nếu bản thân quý vị chẳng thể đích thân chứng, chỉ dừng lại ở chỗ tin tưởng lời Phật dạy, quý vị chẳng khai ngộ, chẳng thể chứng quả. Chỉ có thể coi quý vị vẫn là một Phật tử kiền thành, nhưng quý vị cũng đạt được lợi ích. Vì sao? Quý vị có thể y giáo phụng hành, khẳng định là quý vị sẽ đoạn ác, tu thiện, sẽ tích lũy công đức. Lợi ích chính là quý vị chẳng đọa tam đồ, chẳng bị đọa trong ác đạo, đời sau còn có thể hưởng phước báo nhân thiên. Thế giới này hủy diệt thì sao? Thế giới hủy diệt, trong thế giới khác có nhân đạo, quý vị sẽ di dân đến thế giới khác, đời sau không nhất định ở trong thế giới này.

Trên quả địa cầu này, nếu như có phước, lòng người hướng thiện, hết thảy sẽ đều có chuyển biến tốt đẹp, quý vị có phước báo, sẽ sanh vào chỗ này. Trên quả địa cầu này không thích hợp, hoàn cảnh chẳng thích hợp cho quý vị cư trụ, tức là chẳng có phước, do phước báo của quý vị vượt trội hoàn cảnh, quý vị sẽ chẳng thọ sanh ở nơi đây. Đức Phật nói: Thế giới vô lượng vô biên, những tinh cầu có người cư trụ chẳng biết là bao nhiêu! Quý vị tùy ý tự tại vãng sanh, sở hành vô ngại. Nhưng đối với thế giới Sa Bà, Sa Bà là một đại thế giới, tức là tam thiên đại thiên thế giới. [Trong một tam thiên đại thiên thế giới], những tinh cầu có người sống cũng hết sức nhiều. Hoàn cảnh trong thế giới này không tốt, đã bị con người phá hư, quý vị sẽ đến chỗ có hoàn cảnh tốt đẹp.

Nói thật ra, đến thọ sanh trong một đường nào của lục đạo, cũng chẳng phải là do quỷ thần ấn định, chẳng phải vậy. Do điều gì quyết định? Do nghiệp lực quyết định, quý vị sẽ sanh về một nơi nào đó, nhất định là tương ứng với nghiệp lực của quý vị. Tâm của quý vị thiện, sẽ chẳng đến chỗ những kẻ ác tụ hội, sẽ chẳng thể đến đoàn thể ấy, vì sao? Quý vị chẳng thích họ, họ cũng không ưa quý vị. Quý vị đến chỗ nào, chỗ ấy nhất định là tương ứng. Quý vị rất thích đoàn thể ấy, đoàn thể ấy thấy quý vị cũng có thể tiếp nhận, rất ưa chuộng, vậy là sẽ đến đó. Xả thân, thọ thân trong lục đạo là chuyện như vậy đó! Chẳng phải là do Thượng

Để làm chủ tế, chẳng phải là do Diêm Vương làm chủ tế, chẳng phải là do thần tiên làm chủ tế, mà cũng chẳng phải là do Phật, Bồ Tát làm chủ tế. Vì thế, Phật pháp nói hay quá: “*Nghiệp lực lôi dắt*”. Cái nghiệp dẫn đến thọ sanh trong đường nào được gọi là “*dẫn nghiệp*” (引業), hướng dẫn quý vị thọ sanh. Những chuyện này và sự thật chân tướng này được Phật pháp giảng thấu triệt nhất, giảng viên mãn nhất, mới thật sự có thể giúp cho quý vị giải quyết vấn đề, thật sự giúp quý vị giác ngộ, giúp quý vị là khổ, được vui.

Huống hồ Phật pháp lại hoàn toàn chẳng giới hạn trong giai đoạn này, hy vọng quý vị lấy điều này làm cơ sở để không ngừng tiến cao hơn. Tiến lên tới Chánh Giác, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ, sẽ chứng đắc. Đối với trạng huống của lục đạo mười pháp giới như đức Phật đã dạy, quý vị đích thân chứng, thông đạt, hiểu rõ “tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả” trong ấy. Chứng đắc chẳng rốt ráo thì là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả trong Tiểu Thừa. Nếu tính cả Tứ Hướng, sẽ là bảy tầng cấp, [tầng cấp] thứ tám là A La Hán, hoàn toàn chứng đắc viên mãn. Sự chứng đắc ấy chính là liễu giải mười pháp giới. Ngoài mười pháp giới, các Ngài sẽ không biết. Những vị ấy hoàn toàn hiểu rõ [những chuyện] thuộc trong mười pháp giới. Trong Đại Thừa, cảnh giới giống như vậy chính là Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Hoa Nghiêm. Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch tam giới lục đạo và mười pháp giới. Tầng cấp đoạn chứng của Ngài và A La Hán bằng nhau, nhưng trí huệ [của Thất Tín Bồ Tát] cao hơn A La Hán quá nhiều. Đức hạnh cũng cao hơn quá nhiều, A La Hán chẳng thể sánh bằng! Ất cần phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân; khi ấy, quý vị sẽ có thể thông đạt trọn khắp pháp giới hư không giới.

Vì thế, đức Phật dạy quý vị tin, đã tin rồi phải liễu giải. Quý vị chẳng lý giải, niềm tin ấy chẳng thể coi là chân tín được. Sau khi đã liễu giải, vẫn chưa được, còn phải thực hiện được. [Thực hiện] trong cuộc sống hằng ngày, rèn luyện trong xử sự, đãi người tiếp vật, trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm. Quý vị thấy những gì quý vị tin và hiểu trong sự thật có phải là đúng như vậy hay không, hãy chứng minh nó. Tín, giải, hành, chứng mà! Phật làm gì có mê tín? Chuyện gì cũng đều phải do quý vị đích thân chứng đắc; đấy là chỗ thù thắng khôn sánh trong sự giáo dục của đức Phật. Những điều đức Phật đã nói là do Ngài đích thân chứng đắc. Những gì quý vị đã học, nhất định là sẽ có thể chứng đắc! Chứng và liễu giải trạng huống của toàn thể vũ trụ, vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Tánh là lý thể, vạn sự vạn vật do đâu mà có? Căn nguyên chung là

“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Đến tầng cấp nào thì mới có thể chứng đắc hai câu ấy? Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ chứng đắc. Vừa mới tiếp xúc, vừa mới thấy, đích thân chứng, sẽ hiểu rõ ràng hay không rõ ràng? Chẳng rõ ràng! Mơ hồ, vẫn chưa rõ ràng cho lắm! Vì sao? Tập khí phiền não vô thỉ vô minh quá nặng. Vì thế, quý vị thấy chân tướng của toàn thể vũ trụ dường như có, dường như không, mơ hồ, nhưng khẳng định là đã có tín tâm đối với giáo huấn của đức Phật, chẳng chống trái, giống như kinh Kim Cang đã nói, cũng tức là tín tâm đã kiên định, quyết định chẳng bị dao động. Vì sao? Quý vị đã mơ hồ thấy cảnh tượng ấy, nhất định sẽ y giáo tu hành. Ở trong cảnh giới ấy, năng lực gần như khôi phục. Năng lực ấy chính là năng lực của lục căn, tức Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, Thần Túc, Lưu Tận, quý vị khôi phục toàn bộ. Lưu Tận là chẳng có phiền não, hoàn toàn đoạn chấp trước. Tập khí chấp trước cũng chẳng có. Hoàn toàn đoạn phân biệt, tập khí phân biệt cũng chẳng có. Đoạn vô minh, tập khí vô minh chẳng đoạn, ở trong cảnh giới như thế đó. Vì thế, vị ấy đúng là tùy ý tự tại.

“Tùy ý tự tại” nghĩa là như thế nào? Từ vô lượng kiếp xa xưa đến nay, đã từng qua lại, từng có quan hệ với tất cả hết thảy lục đạo chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Mỗi quan hệ ấy bất luận là thiện hay ác, nói chung là có quan hệ. Có quan hệ, tức là chúng sanh có duyên đắc độ, người ấy có duyên với ta. Duyên bất luận là thiện duyên hay ác duyên, người ấy và ta có duyên. Người ấy có cảm, ta sẽ có ứng. Vì thế, Bồ Tát, tức là bậc Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh thì là Pháp Thân Bồ Tát, phần chúng Như Lai, hễ mười phương chúng sanh có cảm, quý vị sẽ tự nhiên có ứng. *“Đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy”*. Khi ấy, thần thông rộng lớn, khắp pháp giới có cảm, khắp pháp giới đồng thời có ứng. Điều này chẳng thể nghĩ bàn, tự tại vô ngại. Nếu chỗ này có cảm, quý vị bèn ứng, chỗ kia lại có cảm, quý vị chẳng có cách nào ứng; vậy là quý vị chẳng tự tại, có chướng ngại!

Do vậy, phải hiểu: Đừng nói là A La Hán, A Na Hàm tức Tam Quả trong Tiểu Thừa đã có Thần Túc Thông. Thần Túc Thông là có năng lực biến hóa. Từ trong Đại Tạng Kinh, chúng ta xem những câu chuyện trong Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện, những câu chuyện ấy đều là thật, chẳng giả. Có một vị pháp sư đến từ Ấn Độ, hoằng pháp ở Trung Hoa. Khi tuổi đã cao, lão nhân gia muốn trở về. Tín đồ rất đông, mọi người đều hy vọng mở tiệc tiễn hành pháp sư, mời pháp sư dùng cơm để cúng dường. Rất nhiều người mời cùng một ngày, pháp sư thấy đều đáp ứng. Đương

nhiên là hễ mời thì ước hẹn từ vài bữa trước, [sẽ đãi đằng] vào hôm trước ngày Ngài khởi hành. Đại khái là pháp sư đều chấp thuận. Đến lúc đó, theo kinh điển ghi chép, năm trăm nhà Ngài đều đến ứng cúng toàn bộ. Đương nhiên là phàm phu không biết, đều rất hoan hỷ: “Hôm nay pháp sư đến nhà ta, ta hết sức hoan hỷ, Ngài rất coi trọng ta”. Ngày hôm sau tiễn đưa, tiễn đến trường đình mười dặm³⁵, ai nấy đều rất hoan hỷ, [khoe khoang] “ngày hôm qua pháp sư ở nhà của tôi. Tôi cúng dường, Ngài đến ứng cúng”. Kẻ khác nói: “Chẳng đúng! Tại nhà của tôi chớ!” Kẻ khác lại nói: “Ở nhà của tôi chớ!” Nói qua nói lại, mới biết vị pháp sư ấy có thuật phân thân. Cùng một lúc, Sư có thể đến ứng cúng tại năm trăm nhà, quý vị nói đây có phải là “*tùy ý tự tại, sở hành vô ngại*” hay không? Đây là tiểu thần thông, chẳng phải là [thần thông] của A La Hán hoặc thánh nhân Tam Quả.

Trước kia, tôi học Giáo với thầy Lý ở Đài Trung. Thầy Lý bảo tôi: “Người Hoa có phước báo. Từ xưa tới nay, triều đại nào cũng đều có rất nhiều vị cao tăng đại đức toàn là bậc chứng quả thừa nguyện tái lai”. Những vị theo đuổi việc dịch kinh điển, thầy Lý bảo tôi, đều là từ Tam Quả trở lên, tức là như tôi vừa mới nói, từ A Na Hàm trở lên. Vì thế, dịch kinh điển chẳng phạm sai lầm, dịch hay như thế. Những vị ấy cũng hiểu rất rõ ràng, rất rành rẽ: Trong tương lai, kinh điển tiếng Phạn sẽ biến mất. Lưu truyền về sau, lưu truyền tới đời Mạt Pháp có thể là kinh điển bằng tiếng Hán. Vì thế, kinh điển được phiên dịch hay khéo, chẳng sai lệch tí nào! Văn tự còn bóng bẩy, đẹp đẽ hơn Phạn văn. Những vị ấy biết quá khứ, biết vị lai. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là chín ngàn năm, có lẽ nào các vị ấy không biết? Đương nhiên là biết rõ ràng. Chúng ta đọc những sách ấy, những sách ấy tuyệt đối chẳng giả, có tên họ, có địa chỉ, hạnh nghiệp cả đời được chép trong Cao Tăng Truyện. Trong Cao Tăng Truyện, trong mỗi đời gần như có đến mấy trăm vị có thần thông!

Đây là ghi chép vào thời cổ, có kể lại hoài nghi: “Cổ nhân nói thì chưa chắc đã đáng tin! Người hiện thời có [thần thông đạo hạnh như vậy] hay không?” Tôi biết có một vị như thế trong hiện thời. Thời đầu Dân Quốc, trong thời Kháng Chiến, vị ấy còn tại thế. Có lẽ cũng có những vị đồng tu biết Ngài, Kim Sơn Hoạt Phật, tức là pháp sư Diệu Thiện chùa Kim Sơn tại Trấn Giang, tỉnh Giang Tô. Vị Diệu Thiện này chẳng phải là sư Diệu Thiện ở Phổ Đà Sơn. Ngài Diệu Thiện của Phổ Đà Sơn thuộc thế hệ sau; vị này có trước, tên hiệu giống nhau! Chúng ta biết Ngài là do pháp sư Lạc Quan và pháp sư Chủ Vân giới thiệu. Pháp sư Chủ Vân đi

thăm hỏi khắp nơi, hỏi han những sự tích truyền kỳ về pháp sư Diệu Thiện, viết ra bộ Kim Sơn Hoạt Phật. Nhưng pháp sư Lạc Quan đã từng ở chung một chỗ với Ngài, có hai lần, lần lâu nhất gần như là bốn tháng. Đương nhiên là [những chuyện do pháp sư Lạc Quan kể lại] chẳng giả tí nào! Có rất nhiều điều thần dị khiến cho kẻ khác chẳng thể lường được!

Dựa theo hình dung của Ngài, pháp sư Diệu Thiện thuộc loại nhân vật có đôi chút giống như Tể Công Hoạt Phật được nói trong lịch sử. Quý vị thấy Ngài suốt ngày từ sáng đến tối lôi thôi, nhếch nhác, chẳng câu nệ hình tích, dở điên, dở khùng, nhưng Ngài có rất nhiều chỗ khiến cho kẻ bình phàm chẳng có cách nào lý giải được! Ngài cũng chẳng ở trong chùa miếu, sống trong nhà cư sĩ. Hàng cư sĩ đều rất thích Ngài, nhân duyên rất tốt. Trong chùa miếu có chuyện gì, Ngài mới quay về giúp đỡ. Quý vị thấy Ngài điên điên, khùng khùng, một năm suốt bốn mùa mặc một bộ quần áo, khoác một cái áo dài, cũng chưa hề giặt, suốt đời chưa hề giặt giũ! Bộ quần áo ấy một năm suốt bốn mùa luôn khoác trên thân. Cổ áo đóng hờm rất dày, bẩn thỉu, nhưng quý vị nghĩ thấy thơm tho, lại còn có thể trị bệnh! Người nào mắc bệnh lạ, đến nghĩ cái áo ấy một lượt, bệnh đã khỏi hẳn! Ngài chữa bệnh cho kẻ khác cũng thế, chà đất trên thân và thành một viên cho người ta uống. Thật sự khỏi bệnh! Gần như chẳng khác truyện Tể Công cho mấy! Cúng dường Ngài, người ta cúng dường tiền, Ngài nuốt luôn. Quý vị nói xem, tiền bẩn lắm, bao nhiêu người sờ vào, mọi người đều biết tiền rất mất vệ sinh, Ngài ăn tuốt. Đi đường, trông thấy đồng nát, sắt vụn vứt trên mặt đất, Ngài nhặt lấy ăn luôn, coi như chẳng có chi cả!

Có một lần, có tín đồ cúng dường, rất nhiều tín đồ rất hoan hỷ, bưng một chén cơm đến cúng dường lão hòa thượng. Lão hòa thượng rất hoan hỷ, ăn ngay. Người khác lại dâng một chén, Ngài ăn hết. Kết quả tính ra là hai mươi mấy chén, Ngài ăn toàn bộ. Ngày hôm ấy, pháp sư Lạc Quan có mặt. Pháp sư Lạc Quan bèn hỏi Ngài: “Chẳng phải là thầy đã ăn quá nhiều ư? Làm sao thầy có thể chịu được?” Pháp sư Diệu Thiện đáp: “*Không Hữu bất nhị*”, Ngài nói một câu như vậy. Vài ngày không ăn cũng chẳng sao! Hễ ăn, bèn nuốt mấy chục chén cũng chẳng sao! Khác người mà! Người khác trong tâm nghĩ chuyện gì, Ngài đều biết. Trong tâm quý vị dấy vọng tưởng, Ngài đều biết. Đây là chuyện vào thời đầu Dân Quốc. Lạc Quan và Chủ Vân đều là bạn tốt của tôi, tôi tin họ chẳng thể bịa chuyện lừa gạt chúng ta! Sách Hoạt Phật Truyền Kỳ Lục rất phổ biến tại Đài Loan. Hiện thời, hai vị pháp sư viết sách đã chẳng còn, đó là [chuyện thần dị của bậc cao tăng] thời cận đại. Cận đại còn có thì chúng ta có thể

suy ra: Những điều được ghi chép trong Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện quyết định đáng tin, chúng ta chẳng có lý do gì để hoài nghi!

Phật pháp dạy chúng ta “*thân chứng*” (親證, đích thân chứng nghiệm); trong khi giảng kinh, chúng tôi thường nói [để thân chứng], quý vị chỉ cần buông xuống chấp trước. Vì sao? Lục Thông là bản năng (本能, năng lực sẵn có) của quý vị! Kinh nói rất hay: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Vì thế, chỉ cần quý vị buông chấp trước xuống, năng lực của quý vị sẽ khôi phục một phần. Quý vị là A La Hán, quý vị có thể đạt được Chánh Giác, Túc Mạng Thông của quý vị có thể biết năm trăm đời quá khứ và năm trăm đời vị lai. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta “*thân chứng*”. Chứng bằng cách nào? Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thành Phật. Chẳng buông xuống vọng tưởng, chẳng buông xuống phân biệt; trước hết, hãy buông xuống chấp trước. Có thể buông xuống chấp trước tám phần, chín phần, sẽ đắc quả Tam Quả A Na Hàm, quý vị sẽ có năng lực phân thân. Nay chúng ta chẳng có cách nào phân thân, [nếu] đạt đến trình độ này, quý vị sẽ có thể phân thân. Nếu nói về Thiên Nhân và Thiên Nhĩ thì Sơ Quả đã có. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong kinh Hoa Nghiêm có hai thứ thần thông là Thiên Nhân Thông và Thiên Nhĩ Thông, hai thứ này dễ đạt nhất. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta cầu chứng. Đạt tới tầng cấp này, năng lực của quý vị sẽ khôi phục. Đây là năng lực sẵn có, chẳng có gì lạ lùng. Nay ta gọi [những năng lực ấy] là “*công năng đặc dị*”. Vì sao quý vị không làm? Nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem đoạn thứ hai, [lời Sớ chú giải]:

(Sớ) Xuất gia thọ giới thời, hữu thập ngũ nguyện.

(疏)出家受戒時，有十五願。

(Sớ: Khi xuất gia thọ giới, có mười lăm nguyện).

Phẩm Tịnh Hạnh chủ yếu vẫn là nói với người xuất gia. Vì thế, đối với người xuất gia, [kinh] nói khá nhiều, đối với hàng tại gia Bồ Tát chỉ nói mười một điều, tức là mười một nguyện. Trong cuộc sống hằng ngày, đối với những đại nguyện của người xuất gia, hàng tại gia cũng đều có thể học tập. Chúng ta xem bài kệ thứ nhất:

(Kinh) Xả cư gia thời, đương nguyện chúng sanh, xuất gia vô ngại, tâm đắc giải thoát.

(經)捨居家時。當願眾生。出家無礙。心得解脫。

(Kinh: Khi lìa bỏ nhà, nguyện cho chúng sanh, xuất gia vô ngại, tâm được giải thoát).

“Xả cư gia” cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Vì sao sẽ có chướng ngại? Xác thực là chướng ngại rất nhiều. Thứ nhất là nếu quý vị có cha mẹ, cha mẹ không đồng ý, quý vị sẽ chẳng thể xuất gia. Nếu quý vị có vợ con, vợ con không đồng ý, cũng chẳng thể xuất gia. Đây là nêu ra hai thí dụ; do vậy, chướng duyên xuất gia rất nhiều. Làm sao quý vị có thể khiến cho mọi người đều hoan hỷ, tán thành? Đương nhiên là quý vị tu học tại gia rất khá, người nhà quý vị đều hiểu rõ: Sau khi [quý vị] xuất gia, đối với người nhà, cũng như đối với tổ tông, đều có đại lợi ích. Trong gia đình có một người tu hành chứng quả, ngôn ngữ nói là “*nhất tử thành Phật, cửu tổ thăng thiên*” (một đứa con thành Phật, tổ tiên chín đời đều sanh lên trời). “*Thành Phật*” là thành Phật kiểu nào? Thừa cùng chư vị, chỉ cần chứng đắc quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, hoặc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Đại Thừa, một nhà quý vị người sống lẫn người đã khuất đều tăng phước. “Người đã khuất” là tổ tiên trong quá khứ, “người sống” là quyến thuộc người nhà trong hiện tại, đều được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần che chở. Điều này là khẳng định. Nếu quý vị xuất gia mà chẳng thật sự tu hành, những chuyện tốt đẹp ấy đều chẳng có, cũng có thể là người nhà quyến thuộc của quý vị bị phiền phức lây! Hai cực đoan ấy, một thiện, một ác, chớ nên không hiểu!

Vì thế, trước hết là phải hiểu rõ vấn đề xuất gia! Vì sao quý vị xuất gia? Phát cái tâm gì? Nếu nói, ta cảm thấy xuất gia rất tốt, bèn mong xuất gia. Chẳng thể được! Xuất gia sẽ có sự nghiệp xuất gia, sự nghiệp ấy là gì? Khi Huyền Trang đại sư xuất gia, thuở ấy, trải qua khảo thí, vị quan trách nhiệm khảo hạch Ngài đã hỏi Sư: “Người xuất gia có chí nguyện và hy vọng là gì?” Sư nói tám chữ: “*Viễn thiệu Như Lai, cận quang đại pháp*” (Xa là nối tiếp Như Lai, gần là rạng rỡ đại pháp). Viên quan khảo thí lập tức chấm đậu, lý do này chánh xác! “*Thiệu*” (紹) là nối tiếp. Nói theo phương diện xa xôi, ta mong kế thừa sự nghiệp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Sự nghiệp của đức Phật là gì? Hoằng pháp, lợi sanh. Nói theo hiện tiền, ta phải hoằng dương Phật giáo rạng ngời; đấy chính là “*cận quang đại pháp*”. Kế thừa di giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật, hoằng dương Phật pháp rạng ngời trong thời đại này. Nếu quý vị có tâm nguyện như vậy,

đương nhiên là chẳng có vấn đề gì. Đấy là gì? Thật sự phát tâm làm Phật, biến Tứ Hoằng Thệ Nguyện của đức Phật thành nguyện vọng của chính mình. Thứ nhất là *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, thứ hai là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”*. Xuất gia phải trọn đủ đại tâm đại nguyện.

Quý vị làm từ chỗ nào? Hãy bắt đầu thực hiện từ đoạn phiền não. Đoạn phiền não như thế nào? Trì giới. Quý vị không trì giới, làm sao có thể đoạn phiền não cho được? Chúng ta phải thông đạt, hiểu rõ chuyện này. Do vậy, thật sự mong xuất gia, trước hết là phải học tập, trước hết là phải làm như thế nào? Tại gia học Phật. Tại gia học Phật làm được Ngũ Giới, Thập Thiện, quý vị sẽ thật sự là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* danh phù hợp thực! Quý vị phát tâm xuất gia có đại hoằng nguyện như vậy, sẽ có thể làm được. Do vậy, trước hết là điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, tại gia học Phật: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*. Giữ được “chẳng sát sanh”, từ trong nội tâm, tôn trọng sanh mạng, yêu mến, bảo vệ, quý vị mới có thể thực hiện điều thứ nhất. Quả thật, Phật giáo Trung Hoa đã làm được viên mãn. “Ăn chay”, chẳng còn kết oán cừu với chúng sanh, quý vị mới đạt được tư cách xuất gia!

Điều thứ hai là “không trộm cắp”. Tôi thường nói là “quyết định chẳng có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác, chớ nên lợi dụng kẻ khác, chớ nên lợi dụng tiện nghi từ xã hội, lợi dụng tiện nghi của quốc gia càng chẳng thể!” Lợi dụng tiện nghi của quốc gia là gì? Ví như hiện thời [quốc gia] thu thuế, [kẻ đóng thuế] luôn hy vọng có thể nộp thuế ít hơn! Kiếm được nhiều tiền hơn, đóng thuế ít hơn; cái tâm ấy là tâm trộm cắp! Trong Anh Lạc Giới Kinh, đức Phật đã dạy: *“Bất lậu quốc thuế, bất phạm quốc chế”* (Không trốn thuế của quốc gia, chẳng trái phạm luật lệ quốc gia). *“Quốc chế”* (國制) là pháp luật của quốc gia. Quyết định chẳng trái phạm pháp luật của quốc gia, quyết định chẳng trốn thuế. Đối với người, đối với vật, chỉ hoan hỷ thí xả, quyết định chẳng có hành vi và ý niệm xâm phạm tài vật của kẻ khác. Tại gia học Phật làm được, sẽ là căn bản để xuất gia.

Đã phát tâm xuất gia, xuất gia không chỉ là chẳng tà dâm, [mà còn là] đoạn sạch dâm dục. Trong kinh Phật và cổ đại đức thường nói, từ vô lượng kiếp đến nay, hết thảy chúng sanh đã tạo tác các ác nghiệp, kết thành oán hận đối với hết thảy chúng sanh, nặng nề nhất là hai chuyện. Thứ nhất là giết. Giết dễ phạm nhất! Đối với chuyện ẩm thực, ăn thịt là

dễ phạm nhất. Những tiểu động vật, như muỗi, kiến, gián, ruồi, hễ trông thấy bèn muốn giết nó, hữu ý hay vô tình [mà sát hại] đều là sanh mạng, đều là nghiệp đã tạo bởi cái tâm sát. Khó đoạn nhất là dâm dục, đức Phật đã dạy rất rõ ràng: Dâm dục là căn bản gây luân hồi sanh tử trong lục đạo. Nhà Phật thường nói: *“Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà”*. Luân hồi trong lục đạo của thế giới Sa Bà thì nhân tố đầu tiên là gì? Ái dục! Ái dục là nhân tố thứ nhất của lục đạo luân hồi. Do vậy, xã hội hiện thời chẳng cần luân lý, đạo đức, không tin nhân quả, phóng túng dục vọng, cuồng hoan, đó là chuyện gì vậy? Năm cái rễ của địa ngục! Năm cái rễ chính là ngũ dục, tức tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Đây là năm cái rễ của địa ngục. Quý vị thấy năm điều tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều đầy đủ, hễ có một điều trong năm điều, nó sẽ kéo quý vị vào địa ngục. Hiện thời, năm sợi dây thừng ấy thấy đều lôi kéo quý vị, quý vị chạy đằng nào? Nhất định phải cảnh giác cao độ chuyện này!

Quý vị có tin “lục đạo luân hồi” hay không? “Tôi không tin!” [cứ nghĩ] “tôi không tin sẽ chẳng có!” Được rồi! Đối với Phật cũng không tin tưởng. Không tin vẫn có! Bất luận quý vị có tin những điều ấy hay không, chúng là sự thật! Chúng tôi quen một người bạn. Người bạn ấy quen biết tôi cũng đã mấy năm, hoàn cảnh sống cũng rất khá. Những đĩa CD giảng kinh của tôi, người ấy cũng nghe đôi chút, nhưng không quy y. Năm ngoái, chúng tôi ở Bắc Kinh còn gặp mặt vài lần. Sau khi tôi rời khỏi Bắc Kinh, đại khái là chưa được mười hôm, bạn bè ở Bắc Kinh gọi điện thoại báo cho tôi biết ông ta đã qua đời. Chúng tôi nghe tin cũng rất áy náy! Sau đấy, chưa đầy một tháng, tại Thẩm Quyển, có một vị đạo trưởng cũng có thông linh, chúng ta thường nói là *“công năng đặc dị”*. [Vị đạo trưởng ấy] có đôi chút công năng đặc dị như vậy đó. Ông ta (người bạn đã khuất) đến chỗ vị đạo trưởng, thỉnh đạo trưởng báo tin cho tôi để nhận sai: “Quen tôi đã nhiều năm như thế, chẳng học Phật đàng hoàng!” Ông ta nói thở ấy nửa tin nửa ngờ; nay biết là thật sự, hối hận chẳng kịp! Vì qua đời còn chưa đến bốn mươi chín ngày, chúng ta thường thấy là thuộc giai đoạn Trung Âm, tập khí còn rất nặng. Ông ta chẳng có tiền dùng, muốn chúng tôi đốt cho một ít tiền giấy. Lúc sống, thích hút thuốc bằng tẩu, vẫn mong chúng tôi đốt cho ông ta một ít sợi thuốc! Sau khi vị đạo trưởng ấy báo tin, chúng tôi tin đấy là sự thật, nói rất giống. Vì thế, chúng tôi cũng đốt tiền giấy và đốt sợi thuốc cho ông ta. Tôi còn lập cho ông ta một bài vị ở đây: “Ông đã hối hận, nay đã biết, hãy khéo nghe kinh, cùng niệm Phật với chúng tôi trong Niệm Phật Đường, cầu sanh Tịnh Độ”. Chuyện này chẳng giả, trong Học Hội có rất nhiều vị đồng tu đều biết.

Do vậy, xuất gia thì phải đoạn tập khí phiền não. Thân nghiệp giết, trộm, dâm phải đoạn, chớ nên tạo [thì mới] trọn đủ điều kiện xuất gia. Đối với khẩu nghiệp, chẳng vọng ngữ. Nói cách khác, dấu hữu ý hay vô tình, đều chớ nên gạt người! *“Không lưỡng thiệt”*: Lưỡng thiệt (兩舌) là thêu dệt thị phi. Bất luận là trước mặt hay sau lưng, đừng nên nói lỗi lầm của kẻ khác. Lục Tổ đại sư thường dạy chúng ta: *“Nếu ai thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian”*. Chính Ngài nói với người khác, Ngài nói: *“Ta chỉ thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi của người khác”*. Giáo huấn này hết sức trọng yếu. *“Không ý ngữ”*: Ý ngữ (綺語) là hoa ngôn xảo ngữ, đều nhằm lừa gạt chúng sanh. Ăn nói rất êm tai, chẳng phải là sự thật. *“Không ác khẩu”*: Ác khẩu (惡口) là ăn nói rất thô lỗ, khiến cho kẻ khác nghe xong rất khó chịu. Đây là ác khẩu; đó là gì? Khẩu nghiệp dễ phạm nhất, là giới trọng yếu trong Thập Thiện. Thập Thiện là điều kiện phải trọn đủ trước khi thọ Tam Quy. Chẳng có điều kiện này, sẽ chẳng thể thọ Tam Quy. Đó gọi là *“khẩu tứ”*, tức là bốn thứ làm lỗi [nơi khẩu nghiệp]. Ý là khởi tâm động niệm, không tham, không sân, không si. Đây là Thập Thiện Nghiệp. Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng tham luyến. Đối với chuyện chẳng vừa ý, bất luận là người, sự, hay vật, chẳng sân khuể. Hiểu rành mạch, hiểu rõ ràng lý sự, chẳng còn mê hoặc. Đó gọi là *“không si”*. Trọn đủ điều kiện như vậy thì mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới.

Hiện thời, chúng ta truyền trao Tam Quy Ngũ Giới, có yêu cầu như vậy hay không? Chẳng có! Vì thế, trong hiện thời, sau khi thọ Tam Quy Ngũ Giới, hãy khuyên họ học, phải nghiêm túc học. Học một điều, quý vị sẽ đạt được một điều. Trước kia, Chương Gia đại sư đã dạy tôi chuyện này. Ngài nói: *“Thọ giới chẳng thật, trì giới là thật. Có thể thọ giới”*. Khi thọ giới, đừng nghĩ chính mình đã đắc giới; đó là sai lầm! Sau khi đã thọ giới, hãy khéo học giới. Học một điều, sẽ đạt được một điều. Học hai điều, sẽ đạt được hai điều. Ví như Ngũ Giới, quý vị có thể làm được một, hai điều, [sẽ là] Thiếu Phần Ưu Bà Tắc. Có thể làm được ba, bốn điều, thì là Đa Phần Ưu Bà Tắc. Nếu cả năm điều đều làm được, Thập Thiện Ngũ Giới thảy đều làm được, sẽ là Cụ Túc Ưu Bà Tắc. Đây đều là những thuật ngữ trong Phật học, cho phép quý vị thọ một điều. Thập Thiện là Phật pháp, là cơ sở và căn bản để học Phật. Nếu chẳng có mười điều ấy, sẽ là giả, chẳng thật, vậy thì quý vị học Phật sẽ là như thầy Lý thường nói: *“Quý vị làm chuyện thuộc về Phật học, chẳng phải là học Phật”*. Học Phật thì phải thật sự mong làm Phật, thật sự mong làm học trò của Phật, ta học tập theo thầy, bắt đầu từ chỗ này.

Chúng ta quan sát cẩn thận xã hội hiện thời, [sẽ thấy] hàng tại gia học Phật chẳng làm được Thập Thiện. Thập Thiện chẳng làm được, vậy thì Tam Quy Ngũ Giới chẳng cần phải nói nữa! Tam Quy Ngũ Giới được kiến lập trên cơ sở Thập Thiện. Xuất gia học Phật, hạn độ thấp nhất là Sa Di Luật Nghi. Sa Di Luật Nghi chẳng làm được, chẳng phải là người xuất gia. Sau đấy, quý vị nhìn lại những chướng ngại như kinh đã dạy, quý vị mới hiểu chẳng làm được những điều ấy (Thập Thiện, Sa Di Luật Nghi) thì sẽ bị chướng ngại! Trong hàng tục gia, quý vị chẳng đoạn trừ những tập khí phiền não ấy. Đó là những điều kiện ắt phải trọn đủ nếu muốn xuất gia. Hiện thời, vì sao những năm qua chúng tôi đề xướng Đệ Tử Quy? Vì cơ sở của Thập Thiện Nghiệp Đạo là Đệ Tử Quy. Vì sao quý vị chẳng làm được Thập Thiện? Do chẳng học tập Đệ Tử Quy! Vì vậy, phải thực hiện từ căn bản của căn bản là Đệ Tử Quy.

Chẳng phải là bảo quý vị niệm Đệ Tử Quy mỗi ngày, chẳng phải là bảo quý vị học giảng. Dẫu niệm thuộc lâu đến mấy đi nữa, dù giảng hay đến mấy đi nữa, quý vị chẳng làm được, đều vô dụng! Quý vị phải làm sao để biến nó thành cuộc sống hằng ngày, biến thành tư tưởng hành vi của chính quý vị, quý vị sẽ có căn cội. Có căn cội ấy, [tức là] có căn cội Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ không khó, rất dễ thực hiện. Từ đây mới hiểu hiện thời chúng ta chẳng làm được, là do chẳng được tiếp nhận giáo dục cơ sở. Giáo dục Nho gia chính là nền giáo dục truyền thống ngàn năm của Trung Hoa, là cơ sở của cơ sở, là căn bản của căn bản, quý vị nói xem nó quan trọng cỡ nào! Ngàn muôn phần chớ nên sơ sót! Thuở trẻ chúng ta đã sơ sót, hiện thời gần như đều thuộc lứa tuổi trung niên trở lên, ba mươi, bốn mươi vẫn phải học bổ sung. Chẳng vun quén căn cội ở chỗ này, sẽ chẳng thể thành tựu, mà niệm Phật vãng sanh cũng chẳng nắm chắc!

Niệm Phật thật sự có thể vãng sanh, xác thực là do thiện căn sâu dày trong đời quá khứ. Đời này tuy có tập khí, khi lâm chung, sức mạnh của một niệm Phật hiệu có thể khống chế tập khí phiền não thì có thể vãng sanh. Chẳng thể khống chế được, sẽ không thể vãng sanh. Vì thế, một niệm lâm chung hết sức trọng yếu. Do đó, nói: Công đức trợ niệm chẳng thể nghĩ bàn! Trợ niệm là khi lâm chung, giúp đỡ nhắc nhở người ấy, có thể vãng sanh hay không là do một niệm cuối cùng của chính mình. Một niệm cuối cùng khi tắt hơi là "*A Di Đà Phật*", khẳng định sẽ vãng sanh. Trong bốn mươi tám nguyện, trong nguyện thứ mười tám đã có nói [khi lâm chung, mười niệm hay một niệm đều có thể vãng sanh], điều quan trọng nhất là một niệm ấy (một niệm trong khi lâm chung),

then chốt là ở chỗ này. Niệm Phật lúc bình thường giống như luyện binh, một niệm lâm chung là đánh giặc. Một niệm cuối cùng hết sức chuẩn xác, chúng ta chớ nên không biết điều này! Bình thường chúng ta niệm Phật thành thói quen, chính mình chớ nên không đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, tu phước báo. Phước báo chẳng cần hưởng trong hiện tại, sẽ hưởng khi nào? Khi lâm chung sẽ hưởng phước, hưởng gì? Khi lâm chung, sáng suốt, tỉnh táo, chẳng điên đảo mà cũng chẳng lằm loạn chút nào. Một câu Phật hiệu đi theo Phật; đấy là phước báo thù thắng khôn sánh. Đời này quý vị đi làm Phật!

Vì thế, chẳng cần hưởng phước báo trong hiện tiền! Học Phật phải buông xuống. Có hai điểm chớ nên không biết, chớ nên không làm. Đó là gì? Khi đức Thế Tôn nhập diệt, đã dạy người đời sau: Thứ nhất là trì giới, thứ hai là chịu khổ. Khi lão nhân gia sắp ra đi, các đệ tử hướng về Ngài thỉnh giáo: “Lão nhân gia tại thế, chúng con nương vào Ngài làm thầy. Ngài là thầy của chúng con. Sau khi Ngài diệt độ, chúng con nương cậy ai để làm thầy?” Đức Phật liền dạy hai câu: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Do vậy, nếu quý vị muốn thành tựu, nhất là xuất gia, ắt quý vị phải chuẩn bị tâm lý. Điều thứ nhất là phải trì giới, điều thứ hai là phải chịu khổ. Nếu quý vị chẳng giữ giới, lại chẳng chịu khổ, tại gia học Phật sẽ tốt hơn, [vấn đạt] thành tựu giống y hệt, cần gì phải xuất gia?

Thân phận của hàng xuất gia là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người. Không chỉ là thầy của hết thảy mọi người trong nhân gian (thầy là bậc nêu gương mẫu), tư tưởng, lời nói và hành vi của quý vị đáng cho người khác học tập theo. Quý vị đại diện Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp nối huệ mạng của Phật, đó là “*viễn thiệu Như Lai*”. Hãy ngẫm xem chính mình có thể làm được hay không? Thật sự có thể làm được, tốt lắm, rất khó có! Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật hoan hỷ, mà hết thảy chư Phật đều hoan hỷ, long thiên thiện thần có vị nào chẳng che chở quý vị. Nhưng làm chẳng được, Phật sẽ chẳng hộ niệm quý vị, thiện thần cũng không thể phù hộ quý vị, sẽ có những quỷ thần hoặc yêu ma quỷ quái tìm đến, giúp quý vị làm ác, tiếp dẫn quý vị vào ba ác đạo. [Hể lọt vào] ba ác đạo, quá nửa sẽ là địa ngục đạo! Những ác quỷ tà thần ấy hộ trì quý vị, khiến cho quý vị tạo nghiệp, cuối cùng là đưa quý vị vào địa ngục A Tỳ. Tôi tin tưởng những ác quỷ tà thần ấy đều là oan nghiệt do chính mình đã kết thành trong đời quá khứ, toàn là oan gia trái chủ. Đấy chính là quý vị tuy xuất gia, lại bị chướng ngại, chẳng có cách nào học tập tốt đẹp, chẳng có cách nào đoạn ác tu thiện, đâm ra xa lìa thiện pháp, không điều ác nào chẳng làm, sẽ bị phiền phức to lớn.

Cổ đức thường nói, Xuất có bốn loại, Gia cũng có bốn loại, đều phải hiểu rõ ràng! Sau khi quý vị đã hiểu minh bạch, nếu ta không thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, hãy học Phật tại gia! Tại gia xuất gia (thân tại gia mà tâm hạnh giống hết như người xuất gia) sẽ là tốt đẹp. Cư sĩ Duy Ma đã nêu gương cao đẹp cho chúng ta, tại gia xuất gia đấy! Gia có bốn loại:

1) Thứ nhất là Điền Trạch Gia. Người hiện thời, thông thường hễ nói đến “nhà”, [có nghĩa là] quý vị có tài sản, có đất đai, có nhà cửa, có sự nghiệp, có vợ con. Đấy là Gia, tức thế tục gia! Người bình phàm hễ nói “*xuất gia*”, tức là lìa nhà kiểu này. Loại Gia này hoàn toàn không quan trọng.

2) Trọng yếu hơn, đức Phật nói đến Phiền Nã Gia. Chúng tôi vừa mới nhắc tới Thập Thiện, Thập Thiện tương phản với Thập Ác. Thập Ác là Gia. Quý vị đoạn sạch Thập Ác, từ nay về sau, khởi tâm động niệm, lời nói và việc làm đều tương ứng với Thập Thiện, tức là quý vị đã vượt thoát Thập Ác gia, đã thoát ra. Điều này tốt đẹp lắm, xuất Phiền Nã Gia!

3) Loại thứ ba là Tam Giới Gia. Tam Giới Gia là lục đạo luân hồi. Tam giới là nói tới Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới; đó là nói tới lục đạo. Tam giới là lục đạo, lục đạo là tam giới. Vượt thoát lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là Gia. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay, chẳng có cách nào vượt thoát! Nếu quý vị phát đại tâm như vậy, mong thoát khỏi tam giới lục đạo gia, phải hiểu tam giới lục đạo được hình thành như thế nào? Nay chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, hy vọng có thể thật sự thoát ly lục đạo, vãng sanh Tịnh Độ ngay trong một đời này. Hãy ghi nhớ hai câu nói của cổ nhân: “*Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà; niệm chẳng nhất, chẳng sanh Tịnh Độ*”. Quý vị phải bỏ sạch ái dục, nhất tâm niệm Phật. Niệm không chuyên nhất, chẳng thể sanh Tịnh Độ. Đấy là xuất Tam Giới Gia.

4) Sau đấy, còn có một nhà rất khó xuất, tức là Vô Minh Gia. Thoát khỏi Vô Minh Gia, quý vị sẽ thoát khỏi mười pháp giới. Quý vị thấy: Đoạn một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ thoát khỏi mười pháp giới. Vì thế, Vô Minh Gia là mười pháp giới, còn to hơn lục đạo. Vượt thoát lục đạo, thường nói là [thuộc trong] tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, [và Phật]. Quý vị thuộc vào địa vị này, chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Vì thế, Gia cuối cùng khá to lớn, tức là mười pháp giới, phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thoát ly mười pháp giới, sanh vào Nhất Chân pháp giới. Sanh vào Hoa Tạng, sanh vào Cực Lạc, đều là thoát khỏi mười pháp giới.

Quý vị thấy Gia có bốn loại ấy, quý vị có hiểu rõ là xuất cái gia nào hay không? Quan trọng nhất chính là ba loại sau, trọng yếu lắm! Điền Trạch Gia trong phần trước không quan trọng!

Xuất cũng có bốn loại:

1) Thứ nhất là *“thân xuất, tâm không xuất”*. Thân xuất, quý vị thật sự lìa khỏi gia đình, quý vị rời lìa cha mẹ, vợ con, đến ở trong chùa miếu, hiện tướng xuất gia. Nhưng trong tâm, niệm niệm là ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng buông xuống, vẫn muốn làm những thứ ấy. Vậy thì tâm quý vị chẳng xuất! Thân xuất, tâm chẳng xuất, chướng ngại của quý vị sẽ to lớn. Không chỉ là chẳng giải thoát, quý vị tạo tội nghiệp cũng nặng nề! Cổ đại đức bảo chuyện này là *“khẩu tụng, bất năng hành”* (miệng tụng, chẳng thể hành). Niệm kinh, niệm Phật, niệm đượ, chẳng làm đượ! Bề ngoài ra vẻ là một bậc thiện nhân, chẳng phải là thật sự thiện. Nói khó nghe hơn một chút, sẽ là *“lừa mình, dối người”*. Có thể gạt người, chẳng thể lừa gạt Phật, Bồ Tát, chẳng gạt nổi quỷ thần, có nghĩ đến hay chẳng? Thân xuất, tâm chẳng xuất, nếu quý vị thật sự liễu giải, hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, sẽ chẳng dám xuất gia! Ai bằng lòng tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy?

2) Loại thứ hai là *“tâm xuất, thân không xuất”*, như cư sĩ Duy Ma. Những vị đại đức tại gia học Phật, tuy là tại gia, họ chẳng có mấy may lưu luyến đối với *“gia”* (gia đình, gia sản và gia nghiệp), tâm hạnh chẳng khác Phật, Bồ Tát. Tại gia cư sĩ tu hành ở nhà, bất luận tu pháp môn nào, học Giáo, học Thiền, học Mật, niệm Phật, thấy đều có thành tựu. Có phải là hàng tại gia thành tựu thua kém người xuất gia đôi chút hay không? Chẳng có, bình đẳng! Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy, vừa mở đầu bèn liệt kê các vị thượng thủ. *“Thượng thủ”* biểu thị pháp, bậc thượng thủ trong hàng tại gia cư sĩ, *“Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ”* (mười sáu vị chánh sĩ như Hiền Hộ v.v...) toàn là Đẳng Giác Bồ Tát. Địa vị do các Ngài chứng đắc bình đẳng với các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Trong hàng thượng thủ, nghiêm nhiên là nhiều tới mười sáu vị. Điều này bao hàm ý nghĩa rất sâu: Người tại gia có thể thành Phật, có thể thành Bồ Tát; bởi lẽ, tâm họ thật sự xuất, tuy thân chẳng xuất. Đây là loại thứ hai.

3) Loại thứ ba là *“thân và tâm đều xuất”*. Thân lẫn tâm đều xuất sẽ thật sự giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, lịch đại tổ sư đại đức đã thị hiện. Thân và tâm đều xuất, tức là thân xuất gia, tâm cũng xuất gia. Xác thực là như Huyền Trang đại sư đã nói: *“Viễn thiệu Như Lai, cận quang đại pháp”* (Xa là kế tục Như Lai, gần là làm cho đại pháp rạng

ngời), dùng thân phận của bậc xuất gia để nối tiếp huệ mạng của Phật, hồng pháp lợi sanh.

4) Loại thứ tư là “*thân lẫn tâm đều chẳng xuất*”. Nói tới hạng người nào vậy? Chẳng phải là nói tới những kẻ bình phàm ở ngoài [đạo Phật], chẳng phải vậy, [mà là nói về] hàng tại gia cư sĩ. Tại gia học Phật hữu danh vô thực, thân chẳng xuất gia, trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối vẫn là thế tục, chẳng có đạo tâm. Đây là thân và tâm đều chẳng xuất, là kẻ tại gia học Phật chẳng có thành tựu, [nguyên nhân là do] thân và tâm đều chẳng xuất đó mà!

Xuất có bốn loại, Gia có bốn loại. Quý vị xuất gia thuộc loại nào? Phải hiểu rõ ràng. Đối với chúng ngại, quý vị chẳng cần phải hỏi ai khác. Trong tâm của chính mình hiểu rất rành rẽ! Vì thế, xuất gia thì quan trọng nhất là chí hướng! Hiện thời, trong hoàn cảnh này, dầu đã phát tâm, phát tâm xuất gia thuần chánh, đến nơi đâu để học pháp? Nơi nào có đạo tràng chân chánh? Đạo tràng này là thật hay giả? Vì sao? Trong xã hội hiện tại, nguy hiểm chẳng ít, giả thiện, chẳng thật! Bề ngoài thấy rất tốt đẹp, trên thực tế, chẳng phải là như vậy. Trong quá khứ, tôi có một người bạn xuất gia ở Lạc Sơn Cơ (Los Angeles), là pháp sư, nhỏ hơn tôi vài tuổi. Ở Lạc Sơn Cơ, ông ta gặp một vị Nhân Ba Thiết (Rinpoche) người Tây Tạng, hết sức tôn kính, theo học Phật với vị ấy. Khi Nhân Ba Thiết quay về Tây Tạng, ông ta đi theo, đại khái là đi chừng hơn ba tháng. Trở về Mỹ, bảo tôi [gã đó là] giả! Tôi nói: “Giả như thế nào?” Ông ta đáp: “Thằng đó chẳng phải là Nhân Ba Thiết! Nó là người Tây Tạng ở Ni Bạc Nhĩ (Nepal). Vì nghe nói bên ngoài cúng dường người xuất gia rất nhiều, nó giả mạo làm Nhân Ba Thiết đến Mỹ. Sau khi thu được một món cúng dường lớn, nó bèn quay về, mới biết nó chẳng phải là [Nhân Ba Thiết]. Thằng đó là một tại gia cư sĩ, thông hiểu Phật pháp, các nghi thức cũng biết rất nhiều, nên giả mạo Nhân Ba Thiết đến Mỹ. Hễ đến Mỹ, đều có thể kiếm được một vài món cúng dường, quay về, có thể sống thoải mái mấy năm”. Trong xã hội hiện tại, không chuyện lạ lùng nào chẳng có! Trong Phật môn đã có, mà các tôn giáo khác cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng có [những chuyện ấy]. Điều này nói lên điều gì? Tu đạo khó khăn, quý vị đến đâu để tìm được một vị thiện tri thức thật sự, tìm một đạo tràng tốt đẹp? Chẳng dễ dàng!

Cũng chính vì mối quan hệ này, cho nên thầy chúng tôi, những vị ấy là thiện tri thức thật sự, cũng biết hoàn cảnh trong hiện tiền. Thầy của tôi, một là Chương Gia đại sư, hai là lão cư sĩ Lý Bình Nam, hai vị ấy có hoàn cảnh đặc thù, chúng tôi không có cách nào theo họ suốt cả đời. Hơn

nữa, Chương Gia đại sư dạy tôi ba năm, Ngài ra đi. Tôi theo Ngài lúc hai mươi sáu tuổi, khi ấy, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi. Ngài mất lúc sáu mươi tám tuổi, tôi theo thầy ba năm. Thầy Lý có hoàn cảnh đặc thù, tôi cũng chẳng thể thân cận thầy lâu dài. Vì thế, thầy Lý dạy tôi học theo Mạnh Tử, học theo Ngẫu Ích đại sư. Điều này có ý nghĩa gì? Mạnh Tử và Ngẫu Ích đại sư đều là *"tư thực đệ tử"* của cổ nhân, tức là người đời nay thờ cổ nhân làm thầy. Mạnh Tử thờ Khổng phu tử làm thầy. Khổng Tử đã qua đời, chẳng còn tại thế, [Mạnh Tử] đọc sách Khổng Tử, học theo Khổng Tử. Chỗ nào không hiểu bèn thỉnh giáo học trò Khổng Tử, thật sự học giống như Khổng Tử. Quý vị thấy tại Trung Hoa, phu tử được gọi là Chí Thánh, còn Mạnh Tử là Á Thánh. Đạo của phu tử đã được truyền cho Mạnh Tử, chẳng phải là truyền cho người khác. Mạnh Tử thật sự hoàn toàn đạt được, lưu lại gương tốt cho người đời sau. Ngẫu Ích đại sư là người sống vào cuối đời Minh, Ngài nương cậy Liên Trì đại sư làm thầy. Liên Trì đại sư đã vãng sanh, trước tác của Liên Trì đại sư vẫn còn. Ngài nương theo trước tác của Liên Trì đại sư để học tập, học hết sức giống. Liên Trì đại sư là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông, Ngẫu Ích là tổ sư đời thứ chín, nương theo cổ nhân!

Thầy giới thiệu một vị cổ nhân cho tôi là Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư đã khuất, Văn Sao của Ấn Quang đại sư vẫn còn, trước tác của Ngài còn tồn tại. Hiện thời, Ấn Quang Đại Sư Toàn Tập đã ấn hành. Hằng ngày đều đọc, hằng ngày nghe, lý giải và thực hành giáo huấn của Ngài, sẽ là đệ tử của Ấn Quang đại sư. Cách này hay lắm. Trong bất cứ hoàn cảnh gian nan, khốn khổ, chướng ngại nào, quý vị đều có thể thân cận thiện tri thức, sẽ đều có thể thành tựu. Nhất là bộ Văn Sao của Ấn Quang đại sư phân lượng không nhiều lắm, nhưng quan trọng nhất. Thuở ấy, tôi học tập còn chưa có Toàn Tập, chỉ có hai bộ là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Chánh Biên và Tục Biên, hai bộ sách để tu hành. Như thế thì quý vị mới thật sự *"xuất gia vô ngại, tâm đắc giải thoát"*. Tôi nói bốn câu truyền pháp chân ngôn của Ấn Quang đại sư là *"đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, giảm bớt tà vạy, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ), mười sáu chữ, lão nhân gia đã suốt đời thật sự truyền dạy. A! Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi nói tới đây.

---o0o---

Tập 1507

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, bài kệ thứ hai trong phần Xuất Gia Thọ Giới:

(Kinh) Nhập tăng già-lam, đương nguyện chúng sanh, diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp.

(經)入僧伽藍。當願眾生。演說種種。無乖諍法。

(Kinh: Vào tăng-già-lam, nguyện cho chúng sanh, diễn thuyết các thứ pháp chẳng tranh chấp).

Chúng ta xem chú giải của Thanh Lương đại sư:

(Sớ) Tăng-già-lam giả, thử vân Chúng Viên. Chúng hữu Lục Hòa pháp, tắc Sự Lý nhất vị, cố vô tránh dã.

(疏)僧伽藍者，此云眾園，眾有六和法，則事理一味，故無諍也。

(Sớ: “Tăng già-lam”, cõi này dịch là Chúng Viên. Chúng có pháp Lục Hòa, tức là Sự và Lý một vị. Vì thế, chẳng tranh cãi).

Đoạn khai thị này rất đơn giản, hết sức trọng yếu. Trước hết, chúng ta phải liễu giải chánh xác ý nghĩa của chữ Tăng Già. Chữ Tăng Già (Saṃghā) trong hiện thời, vốn là Tăng-già-lam, gọi tắt là Tăng Già, còn gọi là Tăng. Đại chúng bình phàm trong xã hội, hễ thấy chữ Tăng liền nghĩ là nói đến người xuất gia, nay đã trở thành thói quen. Cũng có thể nói như vậy, đây là [thói quen] trong xã hội Trung Hoa. Trên thực tế, ý nghĩa trong tiếng Phạn không phải là chuyên nói về người xuất gia, mà là nói về đoàn thể. Chữ này nói về đoàn thể. Bất quá, đoàn thể ấy chẳng giống các đoàn thể thông thường cho lắm. Vì sao? Nhất định là mỗi thành viên đều phải tuân thủ Lục Hòa Kính, đoàn thể ấy mới được gọi là Tăng đoàn.

Do vậy, Tăng già-lam (Saṃghārāma) là nơi chốn cư trú của Tăng đoàn. Lam (Ārāma) là nơi chốn. Nay chúng ta gọi [Tăng-già-lam] là “đạo tràng”. Dịch theo ý nghĩa gốc, sẽ là Chúng Viên (眾園, khu vườn của đại chúng). Quý vị thấy chữ này chẳng phải là “tinh xá” (精舍), chẳng phải là tự, viện, am, đường, vì sao? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giáo học, chẳng có bất cứ kiến trúc nào, toàn là ở dưới cội cây, bên cạnh chỗ có nước. Đức Phật ngồi xuống nơi ấy, tứ chúng đồng học vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta nói “tịch địa nhi tọa” (trái chiếu trên đất để ngồi), còn trái cái chiếu, chứ thuở ấy chẳng có chiếu. Chư vị phải biết, đối với người xuất gia hiện thời, cái được người Hoa gọi là Cụ (Niṣadana,

tấm ni-sư-đàn, tọa cụ), hiện thời dùng để làm gì? Dùng trong lúc lay Phật, trải xuống dưới cái đệm để quỳ lên. Xưa kia, bất luận ngồi xuống chỗ nào, bèn lót [tọa cụ] xuống dưới. [Tọa cụ] là một tấm vải để lót xuống dưới, hòng ngồi xuống đất nghe đức Phật thuyết pháp, cũng tức là nghe thầy dạy học. Bởi lẽ, Ngài chẳng có phòng ốc, cũng chẳng có bàn ghế. Chử Tăng Viên (僧園) đã miêu tả hoàn toàn trạng huống giáo học thuở ấy của đức Thế Tôn. Bắt đầu giáo học ở chỗ nào, chỗ ấy được gọi là Tăng-già-lam.

Điều trọng yếu là chúng ta còn gọi Tăng-già-lam là “*Tăng đoàn*”, tức là “*đoàn thể*”. Đối với ý nghĩa của chữ Tăng, đối với ý nghĩa gốc, nếu nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*đoàn thể*”. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, từ bốn người trở lên tụ tập cùng một chỗ, tuân thủ Lục Hòa Kính, đoàn thể ấy là Tăng đoàn, chẳng phân biệt tại gia hay xuất gia! Tại gia, nếu nhà quý vị có bốn người, từ bốn người trở lên; hiện thời, cũng thường có thể thấy, hai vợ chồng, có một con trai, một con gái, thành bốn người. Nếu bốn người tu Lục Hòa Kính, gia đình ấy là Tăng đoàn. Điều quan trọng nhất là pháp Lục Hòa; bởi lẽ, “*Chúng*” có pháp Lục Hòa. Trong pháp Lục Hòa, có Lý và Sự. Điều thứ nhất là Lý, tức Kiến Hòa Đồng Giải. Điều này là Lý. Tăng đoàn thời đức Thế Tôn tại thế, đức Phật yêu cầu đại chúng mỗi người đối với phân biệt, chấp trước của chính mình, vọng tưởng chẳng cần bàn tới, đối với phân biệt và chấp trước thấy đều buông xuống, đối với người, đối với sự, đối với vật, đều chẳng có phân biệt, đều chẳng có chấp trước. Đấy chính là hòa thuận.

Nguyên nhân gây nên bất hòa là gì? Ai nấy có ý kiến riêng, ai nấy có cách nghĩ và cách nhìn riêng, vậy là đôi bên bất đồng. Đấy là nhân tố căn bản gây nên bất hòa. Vì sao bất hòa? Ý kiến của tôi và quý vị khác nhau. Cách nhìn và cách nghĩ của tôi chẳng giống quý vị. Quý vị chẳng giống tôi, đôi bên chẳng nhường nhau. Ai cũng chẳng chịu khuất phục. Vì sao tôi phải nghe theo quý vị? Vì sao quý vị phải nghe theo tôi? Do vậy, phương pháp của đức Phật đúng là trí huệ bậc cao để xử trí vấn đề này: Chúng ta thấy đều buông xuống thành kiến, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, đoàn thể ấy sẽ hòa thuận. Người có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, sẽ thật sự được chư Phật gia trì. Chư Phật chẳng có thời khắc nào không gia trì hết thấy chúng sanh! Vấn đề là quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, [do vậy] tạo thành sự kháng cự, chẳng thể tiếp nhận! Tuy Phật gia trì, chẳng thể gia trì được, [bởi lẽ], quý vị chẳng có cách nào tiếp nhận. Nếu buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại ấy sẽ chẳng còn nữa!

Sự gia trì của Phật là gì? Chính là trí huệ và đức tướng trong tự tánh [khởi tác dụng] như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước nên chẳng thể chứng đắc”*. Do quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị mới biến thành chúng sanh khổ não. Trong mắt Phật, quý vị vốn là Phật, hiện thời quý vị vẫn là Phật, hoàn toàn chẳng thay đổi. Vì thế, Phật tôn kính chúng sanh, nhưng chúng sanh chẳng tôn kính Phật. Vì sao Phật tôn kính chúng sanh? Đức Phật thấy rất rõ ràng, rất minh bạch chân tướng sự thật.

Quý vị là một vị Phật, về căn bản, chẳng khác hết thấy chư Phật! Sai biệt ở chỗ nào? Nay quý vị vô cớ dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng thật. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: *“Bốn Giác vốn có”*, [nghĩa là] hiện thời quý vị có trí huệ và đức tướng (đức năng và tướng hảo) giống như hết thấy chư Phật Như Lai hay không? Có chứ! Quý vị chẳng mất đi tí nào, chỉ là do chính quý vị vô cớ dấy lên những phiền não gây chướng ngại, khiến cho trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh của quý vị thấy đều bị biến chất, biến đổi, biến thành nông nổi như trong hiện thời! Vì thế, đức Phật thấy chúng sanh đáng gọi là *“kẻ đáng thương xót”*, thật sự đáng thương! Nếu quý vị chẳng có trí huệ và đức tướng của Như Lai, hiện thời quý vị trở thành tình trạng như thế này, đức Phật chẳng thể nói quý vị đáng thương. Nói quý vị đáng thương, lời đức Phật sẽ chẳng thích hợp, sẽ trở thành lời lẽ châm chọc! Do quý vị và Ngài hoàn toàn giống hệt như nhau, nay quý vị mê hoặc, điên đảo. Vì thế, cổ nhân có tỷ dụ, phàm phu giống như kẻ uống rượu say mềm. Quý vị vốn giống hệt người bình thường, nhưng sau khi say rượu, do say bết nhè, bèn nói năng quàng xiên, tất cả oai nghi đều mất sạch, có ý nghĩa như thế đó!

Vì thế, đức Phật dạy mọi người hãy buông xuống. Buông xuống những gì? Buông xuống chấp trước; người Hoa nói là *“buông xuống thành kiến”*. Ai nấy đều buông xuống thành kiến, thế giới này sẽ thái bình, chẳng có tranh chấp, tự nhiên là cư xử hòa thuận, đối đãi bình đẳng. Đây là chân tướng sự thật. Dấy lên phân biệt, chấp trước, sẽ biến chân tướng thành vọng tưởng, biến thành huyễn tướng, là giả tướng, chẳng phải là chân tướng. Chân và giả là một, không hai. Quý vị đã giác ngộ, giả là chân. Hễ mê, chân là giả. Chân và giả chẳng hai! Vì thế, cách dạy này của đức Phật cao minh tột bậc, khiến cho đại chúng chẳng còn bàn cãi chi nữa. Chẳng có chút tâm riêng tư nào, mảy may thiên vị cũng chẳng có, quyết định là bình đẳng.

Nhưng lời này nói dễ dàng, thực hiện chẳng dễ dàng, ai chịu buông xuống? Trong Tăng đoàn của đức Thế Tôn vào thuở ấy, quý vị muốn gia nhập Tăng đoàn của Ngài, nếu quý vị chẳng buông xuống, sẽ không thể gia nhập Tăng đoàn ấy! Nhất định là quý vị phải buông xuống. Chẳng hoàn toàn buông xuống, không sao cả! Trước hết, hãy buông xuống Ngã Chấp, buông xuống dần dần từng bước một. Buông xuống Thân Kiến, nay chúng ta gọi Biên Kiến là thiên kiến hoặc thành kiến, tức là trong năm thứ Kiến Hoặc, nay chúng ta gọi Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến là thành kiến. Thành kiến có hai loại, một loại là thành kiến đối với nhân, loại kia là thành kiến đối với quả. Loại cuối cùng là tà kiến, tức là hết thấy các kiến giải bất chánh, trái nghịch chân tướng sự thật đều thuộc về tà kiến, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Trước hết, quý vị hãy buông thứ này xuống.

Hễ buông xuống thứ ấy, trong Tiểu Thừa sẽ là Sơ Quả, mới tiến nhập Phật môn. Đức Phật thấy rất rõ ràng, quý vị thật sự muốn học, hay là giả vờ muốn học. Thật sự muốn học, thật sự mong buông xuống, Ngài sẽ dạy quý vị. Trong quá trình dạy dỗ, học tập, gọi là Sơ Quả Hướng (初果向), [nghĩa là] quý vị chưa đạt tới Sơ Quả, nhưng quý vị đã tiến theo phương hướng của Sơ Quả. Sơ Quả giống như lớp Một; quý vị đang học lớp dự bị để có thể vào lớp Một. Trong Đại Thừa, [người như vậy] được gọi là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Địa vị Sơ Tín và Tiểu Thừa Sơ Quả giống nhau, hễ chưa đạt tới Sơ Quả bèn chậm rãi học, cũng là một phương hướng, một mục tiêu như vậy. Nhưng Đại Thừa thông minh hơn Tiểu Thừa, thật vậy đó! Người Tiểu Thừa chấp trước khá nặng; Đại Thừa ngộ tánh cao hơn, nghe xong, họ hiểu rõ, dần dần buông xuống, buông xuống từng bước một, chẳng phải là ngay lập tức buông xuống!

Quý vị thấy kinh này đã dạy: Đã buông xuống Kiến Hoặc, chúng ta gọi [Kiến Hoặc] là thành kiến, buông xuống kiến giải, chẳng còn nữa, đã buông xuống rồi. Đây là Sơ Quả, chính thức trở thành một thành viên trong Tăng đoàn. Sau đấy, mới lại buông xuống tư tưởng sai lầm. Kiến Hoặc là kiến giải sai lầm. Tư tưởng sai lầm là tham, sân, si, mạn, nghi, năm điều ấy! Năm điều ấy chính là sai lầm về tư tưởng. Người thế gian hoài nghi, há có hoài nghi nhiều ngàn ấy ư? Căn bản là chẳng có! Lục Tổ nói *“vốn chẳng có một vật”*, quý vị nghi nỗi gì? Kinh Bát Nhã đã nói: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được”*, quý vị nghi gì? Thân, tâm, thế giới, *“Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không”*, quý vị còn nghi nỗi gì?

Cái tâm nghi của bọn chúng sanh chúng ta chính là căn bản phiền não; sau tham, sân, si, mạn là nghi. Các điều này (Tur Hoặc) có tất cả tám mươi một phẩm thuộc tam giới. Tam giới có chín địa, mỗi địa có chín phẩm. Do tam giới có chín địa, cho nên có tám mươi một phẩm (chín lần chín là tám mươi một, [thành ra] tám mươi một phẩm), chín địa mà! Quý vị buông xuống sáu phẩm đầu tiên, sẽ chứng Nhị Quả, tức là tham, sân, si, mạn, nghi nghiêm trọng chẳng có, nhẹ nhàng thì còn có. Nặng nề thì chẳng có, nhẹ nhàng thì còn có. Đó là Nhị Quả, là lớp Hai. Khi đến lớp Ba, sẽ lại buông xuống một tí. Lớp Ba sẽ không sanh trong thế gian này; thánh nhân Tam Quả đến tu hành ở nơi đâu? Đến Tứ Thiên Thiên. Trong Tứ Thiên Thiên có Ngũ Bất Hoàn Thiên. Tứ Thiên Thiên có chín tầng, bốn tầng đầu là phàm phu thiên, năm tầng trên là thánh nhân. Thánh nhân Tam Quả tu hành trong ấy. Đến cuối cùng, thật sự đoạn sạch những tư tưởng sai lầm ấy (tức là tham, sân, si, mạn, nghi), Ngài hãy còn có tập khí. Tập khí chẳng sao hết! Chứng quả A La Hán, bèn vượt thoát lục đạo. Đã vượt thoát lục đạo, chúng ta biết ngoài lục đạo còn có bốn pháp giới, [tức là] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Các Ngài đạt đến Thanh Văn bèn đến pháp giới ấy. Đoạn hết tập khí, tức là tập khí của Kiến Tu phiền não, chẳng có tập khí về kiến giải và tư tưởng, bèn tiến cao hơn một tầng, tương ứng với Duyên Giác và Bồ Tát. Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, Ngài thuộc tầng cấp Duyên Giác. Nếu phát Bồ Đề tâm, sẽ là Bồ Tát, dần dần tiến cao hơn!

Hiện thời, chúng ta có rất nhiều tập khí phiền não, chính mình phải cảnh giác, hy vọng mỗi năm một nhẹ hơn! Bảo quý vị đoạn, chẳng thể nào! Đã đoạn được, quý vị sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, là Bồ Tát thật sự, chẳng phải là giả Bồ Tát! Giả Bồ Tát, hữu danh vô thực, sẽ mắc tội lỗi. Vì sao? Quý vị chẳng phải là Bồ Tát, giả mạo Bồ Tát, quý vị nói xem, chính mình có tội hay không? Trước kia, thầy chúng tôi dạy, chẳng phải là Bồ Tát mà xưng là Bồ Tát, [đó là] giả mạo, giả mạo làm Bồ Tát! Giống như người trong thế gian, chẳng phải là vương tử, giả mạo làm vương tử, tức là hoàng tử của hoàng đế xưa kia. Kẻ ấy chẳng phải là hoàng tử, giả mạo, chính là phạm pháp, danh và thực phải tương xứng. Nhưng người thế gian gọi [quý vị] là “Bồ Tát” cũng có cái hay. Hay ở chỗ nào? Quý vị nghe một tiếng Bồ Tát, ta phải thật sự làm Bồ Tát, có thể khiến cho quý vị có tâm cảnh giác. Do quý vị thật sự muốn làm Bồ Tát, thường khiến cho người ta gọi quý vị, nhắc nhở quý vị, đến cuối cùng, bất tri bất giác quý vị thật sự trở thành Bồ Tát, như vậy thì được! Bởi lẽ, Phật pháp thông tình đạt lý. Nhưng quý vị hoàn toàn chẳng muốn làm Bồ Tát, muốn có cái danh Bồ Tát, hoàn toàn chẳng phải là thật sự tu tập, chẳng thể

đoạn phiền não, cũng chẳng nghĩ “ta phải đoạn phiền não”, cũng chẳng nghĩ “ta phải sửa đổi tập khí xấu, những thói hư tật xấu”, như vậy thì quý vị hoàn toàn là giả mạo, sẽ có tội lỗi. Danh và thực phải tương xứng, phải tương ứng.

Quý vị thấy Ngẫu Ích đại sư sau khi đã thọ giới, vì sao Ngài muốn thoái giới? Đấy chính là nêu gương cho người đời sau, quý vị chẳng làm được! Quý vị làm không được, vậy thì quý vị xưng là “tỳ-kheo” chính là dối gạt người khác. Đó là gì? Chính là vọng ngữ, lừa người! Vì thế, sau khi đã thọ giới, Ngài thoái lui giới tỳ-kheo. Giới Sa Di Ngài có thể làm được, cho nên suốt đời lão nhân gia xưng là Bồ Tát Giới Sa Di. Người thật sự phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm hành Bồ Tát đạo, người ấy là Bồ Tát, tại gia cũng là Bồ Tát. Do vậy, Tăng đoàn chẳng phân biệt tại gia hay xuất gia.

Tại gia cư sĩ kiến lập đạo tràng, giống như Ấn Quang đại sư lão nhân gia đề xướng Niệm Phật Đường kiểu mẫu nhỏ, số người chẳng vượt quá hai mươi người, tốt lắm! Thanh tịnh lắm! Hai mươi người dễ dàng duy trì sinh hoạt. Hơn nữa, niệm Phật đến công phu nhất định, cái tâm sẽ định. Ví như nói Niệm Phật Đường của quý vị, chớ nên để số người thường xuyên biến động, chuyện này chẳng tốt! Rất khó thành tựu! Số người trong Niệm Phật Đường cố định. Quý vị thấy thuở đức Thế Tôn tại thế, học trò theo Ngài là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, cố định! Viễn công đại sư (tổ Lư Sơn Huệ Viễn) vào thời Đông Tấn, khi kinh Vô Lượng Thọ đã được phiên dịch; thuở ấy, Quán Kinh và kinh Di Đà còn chưa được dịch ra, kinh Tịnh Tông được dịch sớm nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Ngài xem kinh, hoan hỷ, y giáo tu hành. Tại Lư Sơn, Giang Tây, Tổ mời một trăm hai mươi ba người chí đồng đạo hợp, phát tâm ở tại đó, chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ để tu hành, đọc tụng, giảng giải, nghiên cứu, niệm Phật. Một bộ kinh thôi! Đấy là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Một trăm hai mươi ba người ai nấy đều vãng sanh, thật là tuyệt diệu!

Chí nguyện bất đồng, không thâm nạp! Quý vị đến chỗ chúng tôi thăm viếng, chúng tôi tiếp đãi quý vị. Quý vị muốn gia nhập đoàn thể này, [chúng tôi] chẳng tiếp nhận! Quý vị thấy thuở đó, ông Tạ Linh Vận là một văn học gia rất nổi tiếng trong lịch sử, muốn nhập hội. Viễn công đại sư cự tuyệt. Lý do cự tuyệt là gì? Ông Tạ là văn nhân, chẳng buông xuống tập khí văn nhân, thích làm thơ, chuộng soạn văn. Chẳng buông xuống tập khí ấy. Tập khí gì cũng đều phải buông xuống! Quý vị còn đeo theo các tập khí, sẽ ảnh hưởng đến sự tu hành của người khác, cũng có nghĩa

là quý vị chẳng thể chuyên ròng, sẽ tạp loạn. Cho nên, [Lư Sơn liên xã] chẳng cần ông Tạ. Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) là một người rất đức hạnh, Viễn công rất hoan nghênh ông Đào tham gia, nhưng ông ta chẳng đến tham gia, chẳng tham dự. “*Tiếp nạp*” (接納, tiếp nhận, dung nạp) là có điều kiện, chẳng phải là bất cứ ai cũng đều có thể đến. Vì thế, đạo tràng chuyên tu là ai nấy đều có thành tựu.

Trong quá khứ, chúng ta thấy một đạo tràng nhỏ nhất, [chính là đạo tràng của] Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Sau khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, Ngài tiết lộ tin tức. Trong thế giới Cực Lạc, danh hiệu của Ngài là như vậy. Trước khi vãng sanh, đạo tràng của Ngài chỉ có mười hai người. Mười hai người cùng nhau tu hành, ai nấy đều thành tựu. Buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật. Đây là đạo tràng Lục Hòa Kính thật sự. Trên thế giới có một đạo tràng như thế xuất hiện, [sẽ được] chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, công đức chẳng thể nghĩ bàn! Chứ đi khắp nơi, cái tâm tán loạn, rất khó định được!

Nếu chư vị học kinh giáo, học để trong tương lai hoằng pháp lợi sanh, hôm qua trong khi trả lời câu hỏi, tôi đã thưa cùng chư vị, chư vị hỏi khi nào tôi sẽ lập Phật học viện? Tôi đã lập Phật học viện rất nhiều năm, nhưng quý vị chẳng nhìn ra! Trong mấy chục năm qua, những kinh luận được giảng có đến mấy chục loại. Hiện thời còn lưu lại băng âm, băng thâu hình, đĩa CD, những thứ ấy đều là tài liệu giảng dạy. Quý vị thật sự mong học, hãy chọn lựa một thứ mà chính mình yêu thích để thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị sẽ có thành tựu. Có thể thật sự thành tựu hay không? Đức hạnh hàng đầu! Nếu chẳng có cơ sở đức hạnh, sự thành tựu của quý vị chẳng chân thật. Vì sao? Trong tương lai, một mai khi tiếp xúc xã hội, do tập khí phiền não ích kỷ, ham hố tiếng tăm, lợi dưỡng dấy lên hiện hành, những công đức đã tu học của quý vị đều bị phá hoại. Chớ nên không ngăn ngừa chuyện này, đức hạnh chiếm bậc nhất!

Chuyện này hết sức khó khăn! Các vị xem Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, [sẽ thấy] Ngô Đạt quốc sư đã thị hiện cho chúng ta. Ngài mười đời trì giới tinh nghiêm (精嚴, chuyên ròng, nghiêm ngặt), nghiêm trì giới luật suốt mười đời; chẳng phải là một đời, mà là mười đời. Công đức mười đời tu hành, đại phước báo hiện tiền, [trở thành] quốc sư, tức là thầy của hoàng thượng. [Làm thầy của hoàng đế], chẳng phải là do một đời, hai đời, mà là do mười đời tu thành. Làm quốc sư, nay chúng ta nói là “*lãnh tụ của giới Phật giáo*”. Hoàng Thượng dâng biểu Sư một tòa báu bằng trầm hương, chúng ta gọi là “*thái sư y*” (太師椅, ghế thái sư). Chiếc

ghế thái sư ấy chạm khắc bằng trầm hương, hết sức nổi tiếng, quý báu. Sau khi Sư tiếp nhận, ý niệm ngạo mạn hiện tiền, cảm thấy gì? Đây là ân ngộ (恩遇, sự đãi ngộ đầy ân tình) của hoàng đế đối với ta, tự mình cảm thấy hết sức vẻ vang, hết sức vinh diệu. Kẻ xuất gia nào trong thiên hạ cũng đều chẳng bằng ta!

Vừa sanh ý niệm ấy, thần hộ pháp bỏ đi. Thần hộ pháp hộ trì đạo đức của quý vị. Hiện thời, quý vị thiếu khuyết đạo đức, có sao quý vị dấy lên ý niệm ngạo mạn? Sau khi thần hộ pháp bỏ đi, oán thân trái chủ của Sư bèn tìm tới bên thân. Sư mọc một mụn ghẻ mặt người, bất cứ thầy thuốc nào cũng đều chẳng có cách nào trị liệu, gần như mất mạng. Rốt cuộc, do căn cơ sâu dày, Phật, Bồ Tát chiếu cố Sư. Vì thế, tôn giả Ca Nặc Ca (vị này là A La Hán) giúp đỡ, cứu mạng Sư, điều giải với oán thân trái chủ của Sư. Oán thân trái chủ cũng đồng ý tiếp nhận. Tôn giả siêu độ kẻ đó, Sư khỏi bệnh. Quý vị bèn hiểu: Đạo đức chẳng thể thiếu khuyết mảy may! Hiện thời, chúng ta chẳng học những thứ ấy. Nếu quý vị học kinh giáo mà chẳng nắm vững kinh giáo, sẽ giống như xây nhà trên cát, chẳng có nền móng! Chư vị chớ nên không hiểu điều này!

Có thể học kinh giáo, đồng thời vun quén căn cội. Vun quén căn cội ở chỗ nào? Như tôi thường nói với chư vị, hãy thực hiện Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi một trăm phần trăm. Lại còn phải thường đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư và Cảm Ứng Thiên Vựng Biên. Những thứ ấy đều do Ấn Quang đại sư dạy. Ba loại sách ấy chính là giáo dục nhân quả và đức hạnh đều cùng được bao gồm trong ấy. Vì thế, luân lý, đạo đức, nhân quả, [cộng thêm] kinh giáo chính là [giáo dục] tôn giáo. Học tập đồng thời bốn thứ giáo dục, phải vun quén vững vàng căn cội thì mới có thể thành tựu trong một đời này. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều chẳng bị ảnh hưởng. Quý vị biết dụng tâm, sẽ là phẩm Tịnh Hạnh. Sau khi đã học phẩm Tịnh Hạnh, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, quý vị đều có thể chuyển đổi cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: *“Nếu có thể chuyển cảnh, ắt đồng Như Lai”*. Vì thế, đây là quan niệm cơ bản, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Sau đây, quyết định tuân thủ giới luật tức là giữ quy củ.

Điều thứ hai trong Lục Hòa Kính là Giới Hòa Đồng Tu. Đây cũng là [nói theo] nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Đối với giới luật do đức Phật răn dạy, chúng ta phải tuân thủ. Thập Thiện phải tuân thủ, Ngũ Giới phải tuân thủ, Tam Quy phải tuân thủ. Nếu quý vị muốn làm Bồ Tát, phải tuân thủ Bồ Tát Giới. Bồ Tát Giới có hai loại: Một loại là Bồ Tát giới theo Anh Lạc Kinh, gồm sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh. Loại kia là

Phạm Võng Bồ Tát Giới, gồm mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Thông thường, các tại gia cư sĩ đều thọ Anh Lạc Giới, do các giới điều ít. Hàng xuất gia nhất định thọ Phạm Võng Bồ Tát Giới. Quý vị phải thật sự làm; học điều nào, làm điều đó. Nghiêm túc, quyết định thật sự làm, danh xứng hợp thực.

Đối với giới luật, khi tôi mới học, thầy dạy tôi *“coi trọng thực chất, đừng coi trọng hình thức”*. Chương Gia đại sư dạy tôi điều này! *“Thực chất”* là gì? Quý vị học, học rồi thì phải làm được. Ví như Thập Thiện Nghiệp Đạo, đối với *“không sát sanh”* ta đã làm được điều này, tức là quý vị đạt được điều ấy, quý vị đã đắc giới. *“Không trộm cắp”*: Ta học điều này, ta làm được, quý vị cũng đạt được điều này, đắc giới! Nếu quý vị thọ theo hình thức, chẳng làm được. Đó là giả, chẳng thật! Vì thế, lão nhân gia dạy tôi: *“Phật pháp trọng thực chất, không coi trọng hình thức”*, điều này hết sức hợp lý. Vì có rất nhiều người chẳng có duyên phận này, chẳng tiếp xúc những bậc xuất gia, chẳng có nơi để thọ giới, nhưng họ đều làm được, đức Phật thấy đều thừa nhận. Người thế gian chúng ta chẳng thừa nhận, Phật thừa nhận!

Người thế gian thừa nhận điều gì? Quý vị thọ giới, có giới điệp, có chứng thư. Họ thừa nhận những thứ ấy; bản thân quý vị có làm được hay không, họ chẳng cần biết! Do đó, chư Phật, Bồ Tát, thiên, long, quỷ thần trọng thực chất, không coi trọng hình thức. Giới điệp, điệp quy y, các vị ấy đều chẳng màng tới những thứ đó, các vị ấy quan tâm quý vị có thật sự làm được hay không? Ta chẳng có điệp quy y, chẳng có giới điệp, nhưng ta thật sự đạt được *“giác, chánh, tịnh”*, thật sự là khởi tâm động niệm đều có thể hướng theo phương hướng và mục tiêu ấy để nỗ lực học tập. *“Tịnh chứ chẳng nhiễm, chánh chứ không tà, giác chứ không mê”*, quý vị đã làm được Tam Quy, chẳng cần dùng đến điệp quy y, đã thật sự quy y Tam Bảo. Ngũ Giới *“không sát sanh, không trộm cắp, xuất gia không dâm dục, tại gia không tà dâm, không nói dối, không uống rượu”*, quý vị làm được, Ngũ Giới đã toàn vẹn, Phật, Bồ Tát thừa nhận, long thiên thiện thần thừa nhận. Các Ngài tôn kính và ủng hộ quý vị. Vì thế, coi trọng thực chất, không coi trọng hình thức.

Trừ điều này ra, đối với pháp luật của quốc gia, có phải tuân thủ hay không? Phải! [Những thứ ấy] đều thuộc về giới luật. Có phải tuân thủ những thứ luân lý đạo đức, phong tục, tập quán thông thường trong xã hội hay không? Phải! Chư vị phải biết, người khác không tuân thủ là chuyện của họ, ta phải tuân thủ. Phải coi trọng quan hệ Ngũ Luân. [Đó chính là] quan hệ giữa con người với nhau, bản thân ta nhất định phải

làm được. Nguyên tắc yêu cầu, trong giáo học truyền thống của Trung Hoa, Nho gia nói *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình"*. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quyết định chẳng trái phạm những điều ấy, thấy đều thuộc loại giới luật. Giống như đạo tràng, tự, viện, am, đường đều có quy củ. Trong các tự, viện, am, đường, thông thường là có công ước thường trụ, mọi người họp lại, chế định những quy định, khuôn mẫu cho cuộc sống, quý vị ắt phải tuân thủ, chẳng thể vi phạm. Vì thế, Tăng đoàn Lục Hòa Kính ấy có cần ai cai quản hay không? Chẳng cần! Ai nấy đều là người tốt, họ sẽ không vi phạm quy củ, sẽ chẳng phạm pháp. Đối với những chế định của đức Phật, họ sẽ chẳng trái phạm. Đối với những quy định của quốc gia và những tập tục thông thường trong xã hội, họ thấy đều chẳng trái phạm. Đây chính là sự trì giới trong điều thứ hai, tức Giới Hòa Đồng Tu.

Những điều kể đó biến thành sự tướng, hãy nên [thực hiện] trong cuộc sống hằng ngày. Thân Hòa Đồng Trụ. Hai mươi người ấy, nay chúng ta chọn lựa giáo huấn của Ấn Quang đại sư. Đông người sẽ phức tạp; hễ phức tạp, cái tâm của quý vị bị loạn, tâm chẳng thanh tịnh. Ví như hai mươi người ấy, trong số đó có một, hai người vãng sanh, hễ vãng sanh thì số người hạn định sẽ bị trống hai chỗ, lại có thể bổ sung hai người khác vào đó, vĩnh viễn duy trì [số người hạn định] là hai mươi người. Chỉ có thể ít, chẳng cần nhiều; đây là đạo tràng thật sự đúng pháp.

Đối với chuyện học Giáo, ngày hôm qua, tôi đã giới thiệu với mọi người: Chúng ta nương cậy A Di Đà Phật làm thầy, chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, học kinh A Di Đà, chuyên tu, suốt đời chẳng thay đổi. Hằng ngày, quý vị cùng mọi người giảng giải, hai mươi đồng học giảng hằng ngày. Giảng từng lần một, mỗi lần đều khác nhau. Càng giảng càng thú vị, càng giảng càng sâu, càng giảng càng rộng, nghĩa lý trong kinh điển sâu rộng vô tận! Như vậy thì quý vị mới có thể thật sự sanh tâm hoan hỷ. Quý vị thấy kinh Vô Lượng Thọ, trong quá khứ, tôi đã giảng mười một lần, lần thứ mười một còn chưa giảng xong, tôi vẫn tìm thời gian để giảng tiếp. Kinh Hoa Nghiêm, chiếu theo cách giảng hiện thời, quá tốn thời gian. Giảng cạn kẽ thì mọi người sẽ được lợi ích. Vì thế, tôi nói: Hội đầu bèn giảng cạn kẽ, hội thứ hai cũng giảng cạn kẽ. Hội thứ hai là Thập Tín, Thập Tín thì phải giảng cạn kẽ. Từ hội thứ ba trở đi, chúng tôi chỉ giảng đại ý, sẽ chẳng giảng cạn kẽ. Tôi dự đoán làm theo kiểu ấy, chúng tôi có thể giảng viên mãn kinh Hoa Nghiêm trong năm năm. Tôi cũng dự đoán còn phải mất ba, bốn ngàn giờ nữa, gần như là năm năm, tối đa là bảy năm, sẽ không lâu hơn bảy năm, có thể giảng viên mãn bộ kinh này.

Tôi dự đoán là từ sáu ngàn giờ cho đến bảy ngàn giờ, điều này rất khó có! Nếu sau này, tôi hãy còn thọ mạng, tôi rất hy vọng sẽ giảng Tịnh Độ Ngũ Kinh một lần nữa. Nếu còn có thời gian, tôi sẽ giảng kinh Pháp Hoa một lần, giảng kinh Lăng Nghiêm một lần, như vậy là đủ lắm rồi! Tôi suốt đời làm chuyện này. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện thứ hai!

Nếu trong tương lai hữu duyên, tôi có thể trở lại Trung Hoa, đó gọi là *“lá rụng về cội”*. Tôi mong nhà nước cho tôi một đạo tràng nhỏ, hai mươi người. Đạo tràng nhỏ ấy chọn lựa quy củ của Viễn công đại sư, *“kết giới”* (結界), [tức là] hoạt động của chúng ta có phạm vi, chẳng rời khỏi giới tuyến. Huệ Viễn đại sư lấy Hồ Khê làm giới hạn. Khách đến viếng, tiễn khách không ra khỏi Hồ Khê. Nơi ấy có chiếc cầu nhỏ, đưa chân tới đó bèn dừng. Tổ tông lưu lại quy củ, nếu chúng ta có thể lý giải, phải bắt chước, phải thực hiện. Hai mươi người cộng tu như vậy, tốt lắm, vừa học Giáo, vừa niệm Phật. Cái tâm sẽ định. Sau khi cái tâm đã định, thân tâm khỏe mạnh, sẽ bớt ăn uống. Chư vị thường xuyên nghe kinh, phải nên thấu hiểu điều này: Vì sao có thể giảm ít? Vọng tưởng ít! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít đi, quý vị sẽ tiêu hao [năng lượng] ít. Sau khi vọng tưởng giảm thiểu, mỗi ngày ăn một bữa là được rồi! Hai mươi người cùng nhau tu hành, thân tâm thanh tịnh. Năm thứ nhất, [mỗi ngày] ăn ba bữa. Năm thứ hai có thể không cần bữa tối. Năm thứ ba có thể không cần bữa sáng. Sau ba năm, chắc chắn là có thể ăn mỗi ngày một bữa giữa trưa. Bản thân tôi đã thực hiện nhiều năm, [hiểu] rất rõ, nhưng từ đầu đến cuối, chẳng có cơ hội. Nếu có cơ hội, chúng ta có một đạo tràng nhỏ như thế, kết giới an cư, chẳng có một ai không thành tựu!

Thân Đồng Trụ, Khẩu Vô Tránh: Miệng niệm Phật, tụng kinh, làm sao còn có thể tranh luận cho được? Chắc chắn là chẳng có. Ý Hòa Đồng Duyệt, pháp hỷ sung mãn. Lợi Hòa Đồng Quân: Lợi Hòa Đồng Quân là cuộc sống vật chất bình đẳng, chẳng có người nào là ưu việt, ăn uống, sinh hoạt hoàn toàn bình đẳng. Phật, Tổ đã lập ra những quy củ ấy, chúng ta có thể y giáo phụng hành; đấy là Tăng đoàn *“danh phù hợp thực”*. Hiện thời, tuy có tinh xá, hoặc là có tự, viện, am, đường, vẫn phải chiếu theo quy củ ấy để thực hiện.

Chẳng có tranh chấp, sẽ chẳng có xung đột. Trên khắp thế giới trong hiện thời, có bao nhiêu người suy nghĩ làm như thế nào hòng có thể hóa giải xung đột? Hễ xung đột bèn tranh luận! Chẳng tranh cãi, quý vị nghĩ xem có còn xung đột, còn có đối lập, còn có mâu thuẫn hay không? Toàn bộ đều chẳng có! Đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận, mới có thể thực hiện một trăm phần trăm, thật sự thực hiện viên mãn. Các

đồng học hãy đặc biệt chú ý chỗ này, Tăng-già-lam là danh xưng của một đoàn thể Lục Hòa Kính, chẳng phân biệt tại gia hay xuất gia, [đoàn thể] từ bốn người trở lên. Trước kia, sống trong lều tranh nhỏ, bốn, năm người trụ trong lều tranh nhỏ tu Lục Hòa Kính, nó cũng là một đạo tràng danh phù hợp thực, là Tăng đoàn, nhất định được chư Phật hộ niệm, long thiên thiên thần ủng hộ. Những ý nghĩa kể đó trong bài kệ này vẫn chưa được nói đến, nay đã hết thời gian rồi. Giờ sau, chúng tôi sẽ cùng chư vị học tập hai câu kệ.

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp nguyện thứ hai trong phần Xuất Gia Thọ Giới:

(Kinh) Nhập tăng-già-lam, đương nguyện chúng sanh, diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp.

(經)入僧伽藍。當願眾生。演說種種。無乖諍法。

(Kinh: Vào tăng-già-lam, nguyện cho chúng sanh, diễn thuyết các thứ pháp chẳng tranh chấp).

Chư vị đã hiểu ý nghĩa của Tăng-già-lam; bởi lẽ, nó có phạm vi hết sức rộng rãi. Chỉ cần là một đoàn thể từ bốn người trở lên tu Lục Hòa Kính, sẽ đều được gọi là Tăng Đoàn. Trong Tam Quy Y, [có câu] “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”. Khi truyền trao Tam Quy, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng. Quy y Tăng chẳng phải là quy y một người xuất gia nào đó. Nếu nói là “quy y một người xuất gia nào đó”, như vậy là sai mất rồi, hoàn toàn sai lầm! [Quy y Tăng] là quy y Tăng đoàn, vị Tăng ấy đại diện cho Tăng đoàn. Vì sao Tăng đoàn là Chúng Trung Tôn? “*Chúng*” (眾) là đoàn thể, tất cả hết thảy các đoàn thể. [Các đoàn thể] trong xã hội quá nhiều, gia đình cũng được coi là một đoàn thể, là một đoàn thể nhỏ nhất, cơ bản nhất. Công ty, hãng xưởng, cửa hiệu cũng là đoàn thể. Trong hết thảy các đoàn thể, Tăng đoàn là [đoàn thể] đáng được mọi người tôn kính nhất [nên gọi là Chúng Trung Tôn]. “*Tăng đoàn*” không nhất định là người xuất gia, mà là gì? Đoàn thể tu Lục Hòa Kính. Bất luận là tại gia hay xuất gia, cũng chẳng cần biết quý vị làm nghề gì, thậm chí tất cả các thành viên trong gia đình quý vị đều tu Lục Hòa Kính, vâng theo sự chỉ dạy của đức Phật, đều tu Lục Hòa Kính, Tăng đoàn ấy đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận, quý vị nói xem, có đáng cho kẻ khác tôn kính hay chẳng? Đạo lý là như thế đó!

Nếu các thành viên trong đoàn thể của quý vị bất hòa, ai sẽ tôn kính quý vị? Chẳng có ai tôn kính quý vị cả! Nói đi, nói lại, nói đến cuối cùng, vẫn là hòa thuận! Hiện thời, Trung Hoa đề xướng xã hội hài hòa; Lục Hòa Kính chính là xã hội hài hòa. Mỗi đoàn thể đều có thể tu Lục Hòa Kính, đều có thể thực hiện hài hòa, thế giới này chính là thế giới Cực Lạc, thế giới này chính là thế giới Hoa Tạng! Mỗi người xác thực là chân Bồ Tát, chẳng phải là giả Bồ Tát. Bồ Tát là người, chẳng phải là thần tiên, mà là bậc giác ngộ, là người tu Lục Hòa Kính, là người đã buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Người như vậy được gọi là Bồ Tát. Vì thế, Bồ Tát chẳng phải là thần tiên.

Xuất gia, đương nhiên là sẽ tiến nhập Tăng đoàn. Nhập Tăng đoàn, *“nhập Tăng-già-lam”* là gia nhập Tăng đoàn, nay chúng ta thường nói là *“nhập tự miếu”*. Nói thật ra, sẽ là *“nhập tự viện”*, chẳng thể nói là *“tự miếu”*. Miếu và tự khác nhau! Miếu: Chỗ thờ cúng quý thần thì gọi là Miếu (廟). Tự (寺) là nơi chốn để đệ tử Phật tu học, được gọi là Tăng-già-lam, là nơi chốn để tu học. Vì thế, nó hoàn toàn khác với Miếu. Hiện thời, Tự và Miếu bị nhập chung, khiến cho kẻ khác mê hoặc. [Danh xưng] Tự và Miếu được coi giống như nhau; đấy là sai lầm, đã hạ thấp sự giáo dục của đức Phật thành tôn giáo mê tín. Do vậy, chúng ta chớ nên không biết [điều này], người trong xã hội chẳng hiểu rõ ràng. Nếu các đồng học vẫn chẳng hiểu rõ, sai mất rồi! Chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng!

Vào tự viện, nguyện này bèn sanh khởi, *“đương nguyện chúng sanh, diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp”* (nguyện cho chúng sanh, diễn thuyết các pháp chẳng hề trái nghịch). Đối với hai câu cuối trong nguyện này, quý vị thấy Tăng-già-lam để làm gì? Trường học! Do vậy, sau khi tôi tiếp xúc Phật pháp, đã liễu giải Phật pháp là giáo dục, tức là nền giáo dục của đức Phật, là nền giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nho gia là nền giáo dục của Khổng Tử. Trong sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt bốn mươi chín năm, Ngài hằng ngày giảng kinh, dạy học, chẳng dựng trường học; nhưng mỗi ngày lên lớp chính là lên lớp ở đâu? Lên lớp ở ngoài đồng. Sau này, chúng ta lập trường học; tự, viện, am, đường chính là trường học. Trong ấy, phải *“diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp”*, tức là như chúng ta nói đến toàn thể Phật pháp trong hiện thời, hiện tại [Phật pháp] đã được biên tập thành một bộ Đại Tạng Kinh. Trong Đại Tạng Kinh, chẳng có bộ kinh nào dạy người ta tranh chấp, chẳng hề có! Thật sự là *“vô quai tránh pháp”* (pháp chẳng chống trái). *“Quai”* (乖) là trái nghịch. Những điều đức Phật dạy tuyệt

đổi chẳng trái nghịch Tánh Đức. Các vị hãy ngắm xem, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất: “*Chẳng trái nghịch Tánh Đức*”.

Tánh Đức được người Hoa nói là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thuở đầu tánh vốn lành). Bản tánh vốn lành, quyết định chẳng trái nghịch bản tánh vốn lành; đây là “*vô quai*” (chẳng trái nghịch). Thực hiện trong thực tế, [sẽ là] đối với người, đối với sự, đối với vật, quyết định chẳng tranh giành. Quý vị nhìn vào sáu điều mục tu tập của Bồ Tát, [sẽ thấy điều đầu tiên là] bố thí, tức Xả, tranh giành ở chỗ nào? Trì giới, giữ quy củ, nhẫn nhục lại càng chẳng tranh! Do vậy, suốt một đời, trong hơn ba trăm hội, đức Thế Tôn đã dạy những gì? Chính là dạy pháp “*vô quai tránh*”, quyết định chẳng trái nghịch Tánh Đức, chẳng trái nghịch luân lý, chẳng trái nghịch đạo đức, chẳng trái nghịch nhân quả, chẳng tranh với người, chẳng tranh với đời, chẳng tranh với hết thảy vạn vật. Đây là Phật pháp.

Trong đạo tràng, trong Tăng đoàn, hằng ngày diễn thuyết, “*diễn*” (演) là gì? Thực hiện, biểu diễn. Lục Hòa Kính ai nấy đều làm được, chẳng phải chỉ là như thế! Thập Thiện Nghiệp Đạo thảy đều làm được. Sa Di Luật Nghi, trong quá khứ, tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới, chẳng có một điều nào họ không làm được. Vì thế, tôi mới nói: Các bậc thánh nhân đã làm được rồi mới nói. Thầy là người đã làm được; học trò là hiền nhân, sau khi nghe xong, ai nấy cũng đều làm được, thật sự học Phật. Ai nấy đều học rất giống đức Phật. Điều kể đó là “*nghệ đại tiểu sư*” (đến chỗ các vị thầy lớn nhỏ), “*đại sư*” là thầy, là Phật, “*tiểu sư*” là học trò của đức Phật gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, là tiểu sư, các Ngài đều làm được. “*Đại sư*” là bậc đã làm rồi mới nói, “*tiểu sư*” là bậc sau khi đã học, bèn thật sự làm được!

Chúng ta học phẩm Tịnh Hạnh, nếu gặp người hỏi, “*rốt cuộc Phật giáo là nói về điều gì?*” Dùng tám chữ này để giải đáp, sẽ hết sức hoàn thiện, Phật giáo là nói “*diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp*”. Không chỉ là ngôn giáo, mà còn có thân giáo. “*Diễn*” (演) là biểu diễn, làm cho kẻ khác thấy, xác thực là đã nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh. Nói theo Phật pháp, sẽ là “*nhân thiên sư phạm*” (人天師範, bậc thầy gương mẫu của trời và người). Đức Phật là “*nhân thiên sư phạm*”, đệ tử đức Phật cũng là “*nhân thiên sư phạm*”. Vì thế, chúng ta đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, phải suy nghĩ: Ý niệm, cách nói, và cách làm của ta có thể làm gương cho trời và người hay chẳng? Ý niệm ấy chính là Giác. Cổ đức thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác*”

chậm". Ý niệm vừa dấy lên, bèn suy nghĩ, có thể nêu gương tốt cho hết thầy chúng sanh hay không?

Trong hết thầy chúng sanh, kể cả quỷ thần, kể cả chư thiên, ở chỗ không có ai, ở chỗ không trông thấy, vẫn có quỷ thần. Nho gia nói "*thận độc*" (慎獨, cẩn thận khi chỉ ở một mình). Dầu chẳng có ai thấy, quý vị vẫn rất cẩn thận, vẫn rất giữ quy củ, chẳng dám buông lung, chẳng dám tùy tiện. Không phải là chẳng có ai thấy, ta có thể tùy tiện đôi chút, lơ lửng đôi chút, chẳng thể được! Người thời cổ tu hành cẩn thận như vậy. Quý vị thấy trong Đệ Tử Quy, cương mục quan trọng nhất chính là "*nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín*" (ở trong nhà bèn hiếu thảo, ra ngoài bèn đối xử hòa thuận, nhường nhịn, cẩn thận, giữ chữ tín), quý vị thấy Cẩn được xếp sau Hiếu và Lễ, xếp vào địa vị thứ ba. Quý vị nói [Cẩn] có quan trọng hay không? Làm người, suốt đời phải cẩn thận. Cẩn thận là chú tâm, nghiêm túc, chẳng dám buông lung, chẳng dám tùy tiện, chẳng dám qua quít. Chẳng cần biết kẻ khác trông thấy hay không, dầu không thấy, vẫn luôn chú tâm, cẩn thận, nghiêm túc tròn trách nhiệm! Đức hạnh, học vấn, và đạo nghiệp đều do cơ sở này mà thành tựu.

Vì thế, trong hiện thời, bất luận đạo tràng lớn hay nhỏ, bất luận số người nhiều hay ít, đạo tràng nhỏ nhất, đức Phật nói là từ bốn người trở lên. Chẳng có đến bốn người, ba người cũng là một Chúng. Người Hoa cứ ba người bèn kêu là Chúng. Vì thế, cách viết của chữ Chúng (眾) chính là ba người (do ba chữ Nhân (人) ghép lại). Mỗi ngày cùng nhau sống, cùng nhau học tập, nghiên cứu, thảo luận, quyết định chẳng thể tránh khỏi! Giảng kinh, thuyết giáo, ba người có thể thay phiên nhau. Nếu ba người, một người là thầy, hai người kia là học trò. Thầy dạy mỗi ngày, trò phải giảng lại. Trò phải nêu ra báo cáo tâm đắc trong học tập, người bạn học kia nghe, thầy cũng nghe, sống cùng với nhau. Nói theo phía chính mình, sẽ là như Luận Ngữ đã nói: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Pháp hỷ sung mãn! Đối với đại chúng cùng nhau học tập, sẽ là "*hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*" (có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) Bất luận đạo tràng ấy sống ba người hay năm người, cho đến hai mươi người, đều là từ các nơi đến, chúng ta tụ hội cùng một chỗ, chí đồng đạo hợp, lẽ nào chẳng vui sướng?

Trong đạo tràng này có "*chức viên*" (職員, những người có chức trách), có "*nghĩa công*" (義工, những người làm thiện nguyện, làm công quả), có đại chúng thông thường, tụ hội ở nơi đây, cùng học tập chung

với nhau, cũng chẳng vui sướng ư? Vì sao lại xung đột? [Nguyên nhân là do] chẳng diễn nói các pháp không chống trái! Chuyện này giống như khi tôi xuất gia vào năm thứ hai hay năm thứ ba, tức là khi đã xuất gia được hai, ba năm chi đó. Có một năm, vào dịp Tết Âm Lịch, tôi đến Cao Hùng tham học, trụ tại chùa Hưng Long ở Tả Doanh. Đây là đạo tràng của tỳ-kheo-ni, do pháp sư Thiên Ất trụ trì. Chúng tôi cũng coi như là sư huynh, sư đệ, ni sư tiếp đãi tôi. Tôi ở đó ba ngày, giảng cho họ ba hôm. Mỗi ngày giảng hai giờ, giảng cho họ ba ngày. Ni sư hỏi tôi một câu, bà nói mình đối xử với người khác rất nồng hậu, chăm sóc rất chu đáo. Dường như bà ta có năm đạo tràng, cũng là Nam Bắc bốn ba! Năm đạo tràng cũng rất vất vả! Bà ta hỏi tôi: “Vì sao tôi đối xử với kẻ khác tốt đẹp như thế, mà chẳng giữ được họ? Người ta ở đó hai, ba tháng bèn muốn bỏ đi. Vì sao chẳng giữ được họ? Vì sao vào thời cổ, đại chúng trụ trong đạo tràng, sư phụ xua đuổi vẫn không đi?” [Bà ta] hỏi tôi đây là do nguyên nhân nào? Khi ấy, tôi thưa với bà: “Người ta đến nơi này là muốn đến cầu đạo. Đạo tràng thời cổ thật sự có đạo, có học; do vậy, rất lôi cuốn kẻ khác. Nói theo kiểu hiện thời, thỏa mãn nhu cầu học hỏi của họ, thỏa mãn cuộc sống tinh thần của họ, lẽ nào họ có thể dễ dãi lìa khỏi? Lão hòa thượng dùng đủ mọi thủ đoạn bức bách họ, họ vẫn chẳng rời là!”

Chúng ta đã đọc thấy điều này trong Thiên Lâm Bảo Huấn. Lão hòa thượng đối với người ấy mặt mũi chăm vằm, chẳng khách sáo tí nào, đuổi thẳng cánh, [người ấy kiên quyết] không đi! Chỉ là đi ra ngoài chùa, khi thầy lên lớp giảng kinh, người ấy ở ngoài cửa nghe, do chẳng thể bước vào giảng đường bèn ở ngoài cửa. Tan học, bèn trốn tránh. Lão hòa thượng biết người ấy thật sự dụng công, thật sự tu tập. Có một hôm, lão hòa thượng bắt gặp, đang lúc rửa chân, rửa chân vừa xong, tạt luôn chậu nước rửa chân lên thân người ấy. Người ấy vẫn chẳng tức giận, vẫn chẳng chịu bỏ đi. Vài hôm sau, lão hòa thượng truyền pháp, nhường lại địa vị, truyền pháp cho ai? Tìm người ấy đến, truyền cho người ấy! Đại chúng mới vỡ lẽ: Lão hòa thượng hoàn toàn khảo thí người ấy, xem người ấy có phải thật sự là có đức hạnh, thật sự có thể nhẫn nhục, thật sự đạt đến “*vô quai tránh*” hay không? Người ấy là pháp khí, chẳng phải là kẻ bình phàm. Kẻ bình phàm mới nói mấy câu, [đã tự nhủ] “sớm chuồn mất mới là thượng sách!” [Chuyện này] được chép trong Thiên Lâm Bảo Huấn. Nói cách khác, nếu thầy coi trọng quý vị, sẽ giữ bản mặt khó ưa đối với quý vị! Vì sao? Rèn luyện, thành tựu quý vị. Nếu chẳng mong thành tựu quý vị, thấy quý vị chẳng có thành tựu, cứ cùng tu với đại chúng là được rồi, lão hòa thượng sẽ đối xử với quý vị rất khách sáo!

Thuở trước, chúng tôi cầu học với thầy Lý ở Đài Trung, thầy đối xử với đồng học giống như vậy. [Học trò nào] được thầy thật sự nhìn trúng, sẽ có đánh, có chửi, mặt mũi quạu quọ! Nếu thầy nhận thấy đứa học trò nào trong tương lai chẳng thể thành tựu, sẽ đối xử với nó rất khách sáo. Khi ấy, tôi mới học, tiếp xúc Phật pháp rất nông cạn, chẳng hiểu chuyện này! Thầy dạy tôi, giải thích: “Kẻ chịu tiếp nhận, có đánh, chửi cũng không đi, người ấy trong tương lai sẽ thành tựu, phải nên thành tựu người ấy! Kẻ nào mới nói mấy câu, mặt đã đỏ phừng phừng, chẳng thể tiếp nhận. Chớ nên nói nữa, hãy khách sáo. Vì sao? Chớ nên kết oán cừu với kẻ đó!” Tôi nghe xong, hoảng nhiên đại ngộ, mới hiểu rõ! Đối đãi mỗi người thật sự có chừng mực, có thể thành tựu thì thành tựu người ấy. Đối với kẻ chẳng thể thành tựu, bèn khách sáo, quyết chớ nên kết oán cừu! Tự lại vui vẻ thì chia tay cũng vui vẻ, chớ nên làm mất lòng người ta! Trong khóa học, thầy có thái độ đối với học sinh như vậy đều nhằm dạy bảo chúng ta!

Chúng tôi rời khỏi thầy, dẫn mình vào xã hội, lại còn theo đuổi công việc giảng kinh, dạy học, lại chẳng có đạo tràng cố định, có tánh chất lưu động rất lớn, tiếp xúc rất nhiều người, đối với sự giáo dục ấy, rất có thọ dụng! Tôi giữ vững một nguyên tắc: “Đối với bất cứ ai, cũng đều khách sáo, khiêm hư, nhẫn nại, nhường nhịn, quyết định chẳng kết oán với kẻ khác”. Dẫu bị khuất nhục, nhất định phải biết nhẫn nại, phải hiểu nhân quả ba đời. Tôi đối xử tốt đẹp với họ, họ còn oan uổng tôi, vẫn muốn hủy báng tôi, thậm chí còn nghĩ ra những phương cách hãm hại tôi. Tôi biết đó là do trong đời quá khứ, nhất định là tôi xử tệ với người ấy. Đời này gặp gỡ, phải bị trả đũa! Phải nên tiếp nhận sự báo thù ấy, chớ nên oán hận, mà hãy giải quyết, kết thúc món nợ ấy! Đời sau gặp gỡ, sẽ là bạn tốt, chẳng có xích mích! Nếu chẳng chịu nổi ủy khuất, quý vị vẫn có tâm oán hận, còn có tâm báo thù, sẽ bị phiền phức to lớn. Đời sau ta sẽ báo thù kẻ đó, khi ta mạnh hơn kẻ đó, sẽ khinh dễ, lấn áp kẻ đó. Khi kẻ đó mạnh hơn ta, nhất định sẽ coi rẻ, lấn áp ta. Đời đời kiếp kiếp, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Hễ báo đền, tuyệt đối chẳng phải là vừa khít, mà nhất định sẽ lỗ hơn một tí. Mỗi đời một lỗ hơn, đến cuối cùng, sẽ hết sức thâm! Chớ nên không biết điều này!

Vì thế, người thật sự hiểu lý, dẫu bị ủy khuất, dẫu bị tổn hại to tát cỡ nào, vẫn chẳng có tâm sân khuể. Trong kinh Phật, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn làm Bồ Tát, trước khi Ngài thành Phật, đã tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Thuở ấy, Ngài có hiệu là Nhẫn Nhục tiên nhân. Đó là Bồ Tát, [có hiệu] là Nhẫn Nhục tiên nhân. Quý vị thấy Ngài gặp phải vua Ca Lợi,

đúng là vô duyên vô cớ, vua Ca Lợi nổi giận giết Ngài. Lại còn chẳng cho Ngài chết tử tế, mà lăng trì xử tử, tức là dùng dao nhỏ xẻo thịt trên thân, xẻo từng miếng một, xẻo cho đến chết! Nhẫn Nhục tiên nhân đúng là bị oan uổng, bị tổn thương to lớn dường ấy, [nhưng Ngài] chẳng oán hận, chẳng báo thù, lại còn phát nguyện: *“Trong tương lai, khi ta thành Phật, sẽ độ người đầu tiên!”* Ngài bị vua Ca Lợi cắt xẻo thân thể, do Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn, cho nên chẳng hận nhà vua, lại còn cảm kích, nói: *“Chẳng phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật của ta đã thật sự đạt đến rốt ráo ư?”* Nếu gặp phải hoàn cảnh ấy mà còn có một niệm oán hận, [tức là] Nhẫn Nhục Ba La Mật vẫn chưa đến nơi đến chốn, vẫn còn phải tu. Ngài coi vua Ca Lợi như một vị thầy đến khảo thí, đến khảo hạch Ngài, Ngài vượt được thử thách ấy, Lục Ba La Mật đều cùng viên mãn một lượt!

Nhẫn Nhục tiên nhân là tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hậu thân của vua Ca Lợi là tôn giả Kiều Trần Như. Bồ Tát nói được, làm được, Ngài thành Phật, người thứ nhất đắc độ chính là Kiều Trần Như. Ngài ở Lộc Dã Uyển vì năm người ấy thuyết pháp. Tăng đoàn vừa mới thành lập, một người hướng dẫn năm người. Một thầy năm trò, vì họ giảng kinh, thuyết pháp. Kiều Trần Như khai ngộ đầu tiên, chứng quả A La Hán. Đó là nêu gương cho cõi đời, làm khuôn mẫu cho chúng ta. Chúng ta học Phật, chẳng thể không học chỗ này! Hứng chịu tí tẹo ủy khuất, trong tâm khó chịu, đấy là phàm phu, chẳng có tí ti công phu nào! Công phu là dần dần nâng cao, đặc biệt rèn luyện trong hoàn cảnh nhân sự, rèn đến mức giống như Nhẫn Nhục tiên nhân: Xác thực là quý vị chẳng có tí tẹo lỗi lầm nào, người ta cứ từng đao xẻo thịt quý vị cho đến chết. Quý vị chẳng có tâm oán hận, chẳng có tâm báo thù, còn có thể cảm ơn. Vậy là quý vị thành Phật chẳng xa!

Quý vị nghe điều này, chắc là cảm thấy thành Phật khó quá, rất chẳng dễ dàng! Đúng vậy, thoát nhìn, phàm phu [sẽ cảm thấy] thật khó, chẳng dễ dàng, vì nguyên nhân nào? Chấp trước kiên cố; chẳng thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được. Vì sao Nhẫn Nhục tiên nhân có thể làm tự tại dường ấy? Vô ngã! Kinh Kim Cang nói *“vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*. Cũng có nghĩa là quý vị tổn thương vị ấy, vị ấy đã buông xuống thân thể, thân thể này chẳng phải là ta! Thân thể giống như một bộ quần áo, quần áo hư hoại chẳng sao cả! Lại thay một bộ khác! Nếu quý vị muốn đoạt lấy thân thể này bèn cho quý vị, [giống như cởi bỏ quần áo cũ], lập tức thay đổi một bộ [mới]. Hễ thay đổi, nhất định là sẽ thù thắng hơn [thân thể] này. Vì sao? Công đức, trí huệ từng giai đoạn đều cao hơn. Do đó, càng thay

đổi, càng tốt đẹp hơn. Bỏ thân La Hán, được thân Bồ Tát; bỏ thân Bồ Tát, được thân Phật. Càng thay đổi, càng thù thắng hơn!

Bất luận là đạo tràng lớn hay nhỏ, số người nhiều hay ít, chẳng thể không giảng kinh, thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp là lên lớp. Tự viện, am, đường là trường học. Lê đầu trường học chẳng dạy học? Vì thế, tôi nói với pháp sư Thiên Ất: “Năm đạo tràng của bà thiếu dạy học. Ở đây, quý vị chẳng giảng kinh, chẳng thuyết pháp, mà cũng chẳng nghiêm túc tu hành. Tu hành cho tới thời đại hiện tại, xét theo hình thức chỉ có hai loại: Một là Niệm Phật Đường, hai là Thiền Đường. Tuy ở đây quý vị có Thiền Đường, có cái tiếng, nhưng chẳng có ai tọa Thiền, cho nên bà chẳng giữ được người ta! Để thật sự giữ được người, phải lên lớp!” Ai sẽ lên lớp? Nhất định phải là do chính quý vị cầm đầu. Chính mình tu dưỡng kinh giáo chẳng đủ, quý vị có thể mời thầy! Quý vị là hiệu trưởng, hiệu trưởng thì không nhất định phải đích thân đứng lớp, mà mời mọc giáo viên. Đạo tràng này cần gì? Ta học pháp môn nào? Ta cần kinh luận nào? Mời người đến giảng, mời người đến dạy, người ta sẽ chẳng bỏ đi! Đạo lý ở ngay chỗ này!

Vì lẽ này, cứ sao đạo tràng phải là chí đồng đạo hợp? Đức Phật mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, căn tánh của mỗi người không giống nhau, chí thú không giống nhau, trình độ không giống nhau. Do vậy, nhất định là phải kế cơ, đương nhiên là kế lý, tức là thích hợp với trình độ và sự hứng thú, yêu thích của mấy người bọn ta; đây là “*chí đồng đạo hợp*”. Sự hình thành của đoàn thể ấy chẳng đơn giản. Nói xa xôi, sẽ là do đã gieo nhân trong đời quá khứ. Nếu trong đời quá khứ chẳng có nhân, đời này dẫu gặp gỡ, cũng chẳng hợp nhau! Trong đời quá khứ đã gieo nhân, đời này do có duyên, mới có thể tụ hội cùng một chỗ, chung sức học tập, lấy đâu ra chuyện ngẫu nhiên? Nhưng duyên có dài lâu hay tạm bợ khác nhau! Có trường hợp duyên phận chỉ có vài ngày, đều là duyên phận. Giống như chúng ta ra ngoài du hành, ở trong khách sạn. Nhân viên phục vụ trong khách sạn gặp chúng ta cũng rất hợp duyên, rất khách sáo. Chúng ta đón nhận sự tiếp đãi của họ. Ở hai, ba hôm bèn ra đi, [tức là] trong đời quá khứ, cái duyên ấy là hai, ba ngày. Có đồng tham lão hữu trụ một chỗ suốt ba năm, năm năm, tức là họ có duyên ba năm, năm năm. Trụ mười năm, hai mươi năm là do họ có duyên mười năm, hai mươi năm. Chẳng có duyên, sẽ không thể được! Nếu quý vị hiểu duyên phận thuộc về nhân quả, [sẽ biết] nhân quả thông khắp ba đời, quý vị sẽ chẳng chấp trước. Khi duyên tụ bèn hoan hỷ, khi duyên tán cũng chẳng khổ não tí nào! Vì sao? Chuyện bình thường.

Nhưng đạo tràng, đặc biệt là đạo tràng trong hiện tại, đều chẳng phải là ở lại lâu dài, mà đều là ngắn ngủi, tạm bợ. Như chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm chẳng giống cách giảng của tổ sư đại đức, nguyên nhân ở chỗ nào? Mỗi buổi giảng đều có đồng học mới đến nghe lần đầu. Mỗi ngày đều có [những người như vậy], thính chúng có tánh chất lưu động quá lớn. Từ các nơi đến, có rất nhiều người đến Hương Cảng để nghe kinh, nghe pháp, ở lại một tuần. Giấy thông hành Hương Cảng có kỳ hạn tối đa là hai tuần, họ phải rời khỏi. Vì thế, chúng tôi chẳng ngại lặp đi lặp lại, chẳng ngại nói cặn kẽ, hy vọng quý vị đến nghe một lần, sẽ được thọ dụng một lần, đến nghe vài ngày cũng liên tục được như vậy. Đây là vì nhu cầu của đại chúng trong hoàn cảnh hiện thực. Nếu chẳng giảng theo kiểu ấy, sẽ có lỗi đối với đại chúng. Họ từ những nơi rất xa trong ngoài nước đến đây tham học, nếu chúng ta chẳng nói lời thật với họ, không báo cáo những thứ thật sự để họ dùng làm tham khảo, lẽ nào quý vị chẳng có lỗi với người ta? Do vậy, cách giáo học hoàn toàn chẳng giống như cách dạy dành cho những học sinh cố định.

Nếu chúng ta có một đạo tràng nhỏ, hai mươi người cùng nhau cộng tu, hy vọng suốt đời đều ở chung với nhau, giống như Đông Lâm Liên Xã tại Lư Sơn của Viễn Công thuở trước. Hễ gia nhập liên xã, trong tương lai, sẽ vãng sanh tại đó, sẽ hoàn toàn khác hẳn! Nhất định là hằng ngày kinh luận sẽ [giúp cho chúng ta] nâng cao cảnh giới của chính mình, hằng ngày giúp hóa giải phiền não tập khí nơi bản thân. Nay chúng ta hiểu, thuở ấy Viễn Công bẩm thừa một bộ kinh Vô Lượng Thọ, đúng là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Vì thế, người đông ngàn ấy, ai nấy đều thành tựu! Chúng ta hiểu rõ về mặt lý luận, dẫu là xét theo cách chứng minh của khoa học, cũng có thể khẳng định sự thành tựu của họ!

Rốt cuộc có thể giới Cực Lạc hay không? Tổ sư đã chứng minh tốt nhất cho chúng ta biết! Người vãng sanh trong liên xã chẳng đồng thời, có người trước kẻ sau, như nhóm ông Lưu Di Dân vãng sanh sớm. Lúc Viễn Công đại sư vãng sanh, họ đều theo A Di Đà Phật cùng đến nghênh tiếp. Những người tới đón ấy còn nói giỡn với Viễn Công: *“Viễn công! Thầy độ chúng con, chúng con đến trước, thầy đến sau”*. Chuyện này được ghi chép. Trong một đời, Viễn công đã từng ba lượt thấy thế giới Cực Lạc. *“Ba lượt”* chính là ba lần trong khi Chỉ Tĩnh vào lúc niệm Phật, Ngài đã trông thấy ba lượt, chẳng hề kể với ai! Cuối cùng, khi vãng sanh, đây là lần thứ tư. Sau khi trông thấy lần thứ tư, Tổ mới bảo mọi người: *“Thế giới Cực Lạc hiện tiền, đức Phật đến tiếp dẫn ta. Những người trong liên xã đã vãng sanh trước ta, ta đều trông thấy, họ theo Phật cùng đến,*

nay ta phải đi rồi". Lúc ấy, Tổ mới nói trong quá khứ đã từng ba lượt thấy cảnh giới ấy. Các đồng tu đang hiện diện bèn hỏi: "Thầy thấy tình hình trong thế giới Cực Lạc như thế nào?" Lão nhân gia nói: "*Hoàn toàn tương ứng với những gì kinh đã dạy, cảnh giới ấy là thật*". Nếu chẳng tương ứng với những điều kinh đã dạy, sẽ chẳng phải là thật! Vì thế, sự tu trì của Huệ Viễn đại sư và thành tựu của các vị trong liên xã chính là chứng minh có lợi nhất cho sự tu học Tịnh Tông. Đấy chính là Tác Chứng Chuyển trong "*tam chuyển pháp luân*"³⁶ như nhà Phật đã nói! Đã là như vậy mà chúng ta chẳng tin tưởng, sẽ chẳng có cách nào cả! Vẫn phải tiếp tục luân hồi, tùy thuộc khi nào tín tâm của quý vị có thể sanh khởi thì [mới hòng liễu thoát!].

Trong thế giới hiện thời, tôi thường nhắc nhở và khuyến cáo đồng học, hãy so sánh từng mười năm một! Từ kinh nghiệm đích thân của chính mình, tám mươi năm! Mười năm đầu là mười tuổi, mười năm thứ hai là hai mươi tuổi, [rồi lần lượt là] ba mươi tuổi, bốn mươi tuổi, cứ lấy mười năm làm một giai đoạn để so sánh, quý vị sẽ thấy rất rõ ràng. Thế giới mỗi năm loạn lạc tệ hại hơn! Tôi nói "*năm*" [ở đây] với ngụ ý mười năm. Mười năm thứ hai chẳng bằng mười năm thứ nhất. Mười năm thứ ba lại không bằng mười năm thứ hai. Phát triển theo kiểu đi xuống như thế, nhân loại có thể sống bình an hết thế kỷ hai mươi mốt hay không? Thế kỷ hai mươi mốt là đến khi nào? Cho đến năm 2100! Nếu quý vị hỏi tôi có lòng tin [con người sẽ sống sót] hay không? Tôi xin thưa là tôi chẳng có tín tâm! Sợ là ngày tàn của thế giới như phương Tây đã nói sẽ thật sự xuất hiện.

Tôi ở châu Âu, ở Mỹ, đối với chuyện này từ mấy năm trước, tôi đã bảo các bạn đồng học. "*Tận thế*" là do người phương Tây khởi xướng. Tôi bảo họ: Chẳng phải là địa cầu bị hủy diệt, cũng chẳng phải là chiến tranh nguyên tử. Cách nhìn của tôi là gì? Chính là do lòng người trái nghịch, vứt bỏ luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo, càng ngày càng xa! Ba, bốn chục năm sau, trái nghịch một trăm tám mươi độ, xã hội sẽ đúng như nhiều người đã nói: "*Sợ rằng loài người ngay cả súc sanh vẫn chẳng bằng*". Ai nấy ngập tràn oán hận, oán trời hờn người! Nghe mấy câu chẳng quen tai, liền động dao, động súng! Quý vị thấy trong xã hội hiện thời, con cái giết cha mẹ, cha mẹ giết con cái, anh em tàn sát lẫn nhau, trong trường thì trò giết thầy, [những chuyện như vậy] đã chẳng còn là những tin tức nóng hổi nữa! Những trường hợp như vậy quá ư là nhiều! Hiện thời, trong một tuần, có thể nghe thấy [những chuyện như thế] vài lượt. Tôi bảo họ, mười năm sau, mỗi tuần quý vị có thể nghe thấy mười

mấy, hai mươi lần. Hai mươi năm sau, có thể là mỗi ngày sẽ nghe một, hai trăm lần, thế giới này sẽ trở thành thế giới như thế nào? Đó gọi là Tận Thế.

Muốn cứu vãn, ắt phải cậy vào tất cả hết thầy cư dân trên địa cầu giác ngộ. Giác ngộ bằng cách nào? Nhất định là phải khôi phục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Có thể khôi phục bốn loại giáo dục ấy, sẽ có thể hóa giải tận thế, sẽ có thể tồn tại lâu hơn. Hiện thời, chúng ta phạm sai lầm là quá mức coi trọng khoa học, vật chất, hoàn toàn chẳng có cuộc sống tinh thần, con người và động vật chẳng khác gì nhau! Nhưng động vật ăn no, sẽ chẳng xen vào chuyện của người khác. Con người chẳng như vậy, dẫu chính mình đã ăn no đầy, vẫn muốn tổn hại kẻ khác! Kẻ ăn chẳng no càng chẳng cần phải nói nữa, còn làm sao được nữa!

Vài ngày nữa, tôi sẽ sang Ấn Nê (Indonesia) để tham dự một hội nghị. Hội nghị ấy gồm có đại biểu từ các tôn giáo thuộc mười sáu quốc gia tại Á Châu, chủ đề thảo luận là hòa bình, làm thế nào để giúp đỡ thế giới hóa giải xung đột, xúc tiến hòa bình. Họ mời tôi, tôi tuổi tác cao ngàn ấy, đây là một chuyện lớn, tôi đến dự, sẽ nêu ra những gì chính mình đã thấy, đã nghĩ để mọi người tham khảo. Từ nay về sau, tôi không muốn tham gia những loại hội nghị như vậy nữa! Năm nay, Trung Quốc còn muốn cử hành một luận đàn Phật giáo thế giới, nghe nói cũng mời mọc khá nhiều đại biểu các quốc gia trên thế giới tham dự. Tôi chánh thức nhận được thiệp mời; đây là lần đầu tiên nước nhà tổ chức, đưa tôn giáo hướng ra thế giới, tiếp cận đường lối của thế giới, đây là một chuyện tốt đẹp. Vì thế, tôi nhận lời tham dự hội nghị lần này, hy vọng lần hội nghị này chính là lần cuối cùng tôi theo đuổi hoạt động quốc tế trong đời này!

Từ nay về sau, nguyện vọng của tôi là có duyên phận, sẽ ở trong phòng thâm hình tại Hương Cảng, thật thà giảng viên mãn kinh Hoa Nghiêm. Muôn duyên khác đều buông xuống! Ở trong nước, thành lập những trung tâm văn hóa cũng thế, mà các trường học trong tương lai cũng thế, sẽ do những người trẻ tuổi làm. Tôi chỉ đề xướng một phen, chẳng quản những chuyện ấy! Tôi có thể dùng sức ảnh hưởng của chính mình để giúp đỡ họ, hy vọng có thể thực hiện tốt đẹp những chuyện ấy, tạo lợi ích cho chuyện hóa giải xung đột, xúc tiến hòa bình. Nhất định là phải nâng cao giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục tôn giáo, thì mới có thể thật sự thực hiện! Nếu không, hòa bình là hô khẩu hiệu, chắc chắn sẽ chẳng thể hóa giải xung đột! Chúng ta phải hiểu rõ những sự lý này! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1508

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem bắt đầu từ bài kệ thứ ba trong phần Xuất Gia Thọ Giới.

(Kinh) Nghệ đại tiểu sư, đương nguyện chúng sanh, xảo sự sư trưởng, tập hành thiện pháp.

(經)詣大小師。當願眾生。巧事師長。習行善法。

(Kinh: Đến chỗ các vị thầy lớn, nhỏ, nguyện cho chúng sanh, khéo phụng sự sư trưởng, tu tập các thiện pháp).

Bài kệ này hết sức trọng yếu. Câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy chúng ta “hiếu dưỡng phụ mẫu”, kế đó, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”. Từ chỗ này, chư vị sẽ có thể thấy rất rõ ràng, Phật pháp chính là hiếu đạo, là sư đạo. Nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở, kiến lập sư đạo từ trên hiếu đạo. Nếu nói kẻ bất hiếu với cha mẹ mà có thể tôn kính thầy, trong ấy sẽ có vấn đề. Vì sao? Đối với người đáng nên thân thiết mà kẻ ấy lơ là, bất hiếu với cha mẹ mà có thể hiếu thuận với thầy, nhất định là có mưu đồ. Vì đây là một hiện tượng khác thường! Ở nhà hiếu thảo với cha mẹ, ở trường phụng sự thầy; đây là bình thường. Chúng ta phải hiếu đạo lý này! Hiếu đạo và sư đạo là căn bản. Không chỉ là cổ nhân hết sức coi trọng, người thật sự có học thức trong thế gian hiện thời cũng cảm thấy tầm quan trọng của việc giáo dục trẻ thơ. Tôi đã nghe các học giả, chuyên gia đàm luận, [họ nói] đức hạnh và nhân cách của mỗi người được tạo lập trước khi tròn năm tuổi. Ai kiến lập cho kẻ ấy? Mẹ kiến lập cho kẻ ấy. Vì thế, chức trách của người mẹ hết sức vĩ đại. Có người mẹ tốt lành thì mới có con cái tốt lành!

Trong những phần trước, chúng tôi đã nói nhiều lần: Phật, Bồ Tát là do dạy dỗ mà ra, bậc thánh hiền cũng là do dạy dỗ mà ra. Người Hoa khéo dạy học nhất, cũng rất giỏi dạy học, có kinh nghiệm dạy học hết sức phong phú. Vào thời đại thượng cổ, tổ tiên người Hoa đã hiểu rõ đạo lý này! Lại còn nghiêm túc thực hiện. Đương nhiên là chẳng thể thực hiện phổ biến, chúng ta có thể lý giải chuyện này! Quốc gia này quá đông dân, lãnh thổ cư trú cũng hết sức rộng lớn, vào thời cổ, giao thông chẳng thuận tiện. Do vậy, giáo học phổ cập rất khó! Nhưng ảnh hưởng của giáo dục rất lớn. Một thôn trang, một tiểu trấn (hương trấn) có thể có một hai nhà biết cách giáo dục, sẽ ảnh hưởng cả một vùng. Toàn thể vùng ấy đều

sẽ bắt chước, sẽ đều học tập theo. Đây là chuyện tốt đẹp. Từ các sách cổ, chúng ta thường thấy chuyện này. Cổ nhân thường nói: Trong một trăm người, có một vị thiện nhân, sức ảnh hưởng của vị thiện nhân ấy sẽ có thể cảm hóa chín mươi chín người kia. Mức độ cảm hóa khác nhau, vì căn tánh của mỗi người khác nhau, nghiệp chướng tập khí khác nhau, lại còn do hoàn cảnh sống của mỗi người cũng có sai biệt. Những điều ấy đều ảnh hưởng đến nhân cách và đức hạnh của mỗi người.

Giáo dục bắt đầu từ khi nào, chúng ta phải biết điều này! Đối với cổ nhân, người phụ trách công tác giáo dục là người vợ, tức bà chủ gia đình. Chức trách của bà ta được đại chúng trong xã hội khẳng định, là hiền mẫu. Chức trách của bà ta là bồi dưỡng thế hệ kế tục. Đối với thế hệ kế tục, trong gia đình của quý vị có nẩy sanh nhân tài hay không? Quốc gia và xã hội có xuất hiện nhân tài hay không? Sứ mạng ấy luôn do bà chủ gia đình [đảm nhiệm]. Sự giáo dục của người phụ nữ trong gia đình là do ai dạy cho bà ta? Do thế hệ trước dạy, đời đời truyền cho nhau. Bà ta thông hiểu, biết sứ mạng của chính mình vĩ đại khôn sánh. Vì thế, bà nuôi dạy thế hệ kế tiếp hết sức cẩn thận. Trẻ thơ sanh ra ba, bốn ngày đã có thể thấy, có thể nghe, tuy nó chẳng thể nói năng, nhưng nhất cử nhất động của người lớn nó thấy rõ ràng. Nói theo Phật pháp, sẽ là “*đều in vào trong A Lại Da Thức*”. Vì thế, kẻ làm cha mẹ, làm người lớn, ở trước mặt trẻ thơ, nói năng, cử chỉ, toàn là những điều chánh đáng, quyết định chẳng có những điều phản diện!

Tiêu chuẩn là gì? Nay mọi người cùng nhau học tập Đệ Tử Quy, đây là tiêu chuẩn. Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa để dạy trẻ nhỏ, chẳng phải vậy, mà là kẻ làm cha mẹ, làm người lớn sẽ giáo dục trẻ thơ bằng thân giáo, làm cho trẻ nhỏ trông thấy, cho trẻ thơ nhìn thấy. Nó nhìn suốt ba năm, đưa trẻ ba tuổi ấy hiểu chuyện. Nó biết hành vi nào là đúng, hành vi nào là sai lầm, nó hiểu biết, có năng lực phân biệt đúng, sai, thiện, ác, có năng lực ấy. Đó gọi là “*gia giáo*”, gia giáo là giáo dục căn cơ.

Đối với sự hưng khởi của nền giáo dục Trung Hoa, cũng chính là “khởi nguồn của sự giáo dục” như chúng ta nói trong hiện thời, vì sao có sự giáo dục trong gia đình? Đây cũng là do quan niệm luân lý đã được tổ tiên lưu truyền, “*phụ tử hữu thân*” (父子有親, cha con có tình thân). Chuyện này chẳng phải do con người sáng chế, mà là tự nhiên, thiên nhiên. Quý vị thấy cha mẹ đối với con thơ thân ái dường ấy, hoàn toàn dốc trọn tấm lòng chăm sóc trẻ thơ. Suốt ba năm, thời thời khắc khắc luôn bận tâm, chỉ sợ chăm sóc chẳng chu toàn! Kẻ làm con mà chẳng biết

ân đức của cha mẹ, đến khi chính kẻ ấy dưỡng dục con cái, mới biết tấm lòng yêu thương, nỗi nhọc nhằn của người làm cha mẹ. Giáo dục được hưng khởi từ chỗ này! Mục đích của giáo dục là hy vọng tình thân ái “*phụ tử hữu thân*” được gìn giữ vĩnh viễn, suốt đời chẳng bị biến chất. Đây là mục tiêu thứ nhất trong nền giáo dục của Trung Hoa từ xưa tới nay. “*Cha từ, con hiếu*”, suốt đời chẳng biến đổi!

Mục tiêu thứ hai là phát huy rộng rãi tình yêu thương ấy, tức là do tình thân ái giữa cha và con, kẻ ấy sẽ biết yêu thương anh em, yêu thương gia tộc, yêu thương làng xóm láng giềng, yêu xã hội, yêu quốc gia, yêu thương hết thảy chúng sanh, mở rộng! Chư vị phải hiểu: Nền giáo dục truyền thống năm ngàn năm của Trung Hoa nói theo kiểu hiện thời chính là “*giáo dục yêu thương, giáo dục thân ái*”. Vì thế, tuy dân tộc này rất đông đúc, do được giáo dục từ nhỏ như vậy, đã dưỡng thành hòa bình, lễ nghĩa, nhân nhượng, chẳng có cạnh tranh. Đây cũng là chứng tỏ cho người hiện thời thấy, chẳng cạnh tranh cũng có thể sống rất tốt đẹp, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, quý vị nói thế giới này, xã hội này tốt đẹp dường ấy. Hiện thời, Trung Hoa đề xướng “*xã hội hài hòa, thế giới hài hòa*”; nền giáo dục truyền thống năm ngàn năm của Trung Hoa chính là để thực hiện chuyện này.

Xã hội hài hòa, thế giới hài hòa được thực hiện bằng cách nào? Nhất định là phải dựa vào quan niệm giáo dục thì mới có thể thật sự thực hiện. Trong phần trước, chúng ta đã học “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”; chỗ này dạy chúng ta khéo phụng sự sư trưởng. Câu đầu tiên là “*nghe đại tiểu sư*”, “*nghe*” (詣) hàm nghĩa “*thân cận*”. Nói theo Phật môn, Phật là đại sư, “*chúng sở tôn cố*” (眾所宗故, do được mọi người tôn sùng). Đệ tử Phật có Bồ Tát, có A La Hán, [những vị ấy] được gọi là “*tiểu sư*”. Nếu nói theo hàng Bồ Tát, Bồ Tát là đại sư, A La Hán là tiểu sư. [Nếu nói theo các vị A La Hán], A La Hán là đại sư, hòa thượng bình phàm gọi là tiểu sư. Chúng ta phải hiểu rõ ràng mối quan hệ trong cách xưng hô này. Phật, Bồ Tát, La Hán [gọi là “*đại sư*”]; nói chung chẳng có vấn đề, nhưng hòa thượng [xưng là “*đại sư*”] thì có vấn đề. Vì sao? Người hiện thời chẳng biết Hòa Thượng là gì, cứ tưởng hễ xuất gia thì người ấy sẽ làm Hòa Thượng. Do đó, nảy sanh hiểu lầm.

Hòa Thượng (Upādhyāya) là tiếng Phạn, phiên âm từ tiếng Ấn, có nghĩa là Thân Giáo Sư. Ngài Thanh Lương chú giải cũng hay lắm, chú giải khéo lắm.

(Sớ) Thân sở giáo cố.

(疏)親所教故。

(Sớ: Vì được Ngài đích thân dạy dỗ).

Chúng ta học Phật, tiếp nhận sự dạy dỗ của thầy. Nói theo phía chúng ta, vị thầy ấy được gọi là Hòa Thượng, tức là Thân Giáo Sư (親教師). Ngài chẳng trực tiếp dạy chúng ta, sẽ chẳng có cách xưng hô ấy, vì chẳng có mối quan hệ ấy. Giống như hiện thời học hành trong nhà trường, ai dạy quý vị? Quý vị nhất định phải hiểu: Chẳng phải là giáo viên dạy quý vị, mà là hiệu trưởng dạy quý vị. Vì sao? Chương trình học do hiệu trưởng ấn định, giáo viên do hiệu trưởng mời, mời vị ấy đến thay cho hiệu trưởng chấp hành nghĩa vụ giáo học. Hiệu trưởng quy hoạch toàn thể việc giáo học. Vì thế, đối với giáo dục, ông ta làm chủ tể, giữ vai trò chủ đạo, còn giáo viên là người chấp hành. Quý vị nhất định phải hiểu điều này.

Quý vị học thành tựu trong nhà trường, phải cảm tạ hiệu trưởng; đương nhiên cũng chẳng thể quên mất vị thầy đã vì chúng ta lên lớp. Vị thầy đứng lớp không gọi là Hòa Thượng, mà gọi là A Xà Lê (阿闍梨, Ācārya). A Xà Lê cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là Quỹ Phạm Sư (軌範師). Quý vị thấy Hòa Thượng được gọi là Thân Giáo Sư. Quỹ Phạm Sư: Quỹ (軌) là quỹ đạo (軌道, Orbit), Phạm là mô phạm (模範, khuôn mẫu). Đức hạnh và học vấn của vị thầy ấy có thể làm khuôn phép, làm gương mẫu cho chúng ta, chẳng gọi Ngài là Hòa Thượng. Vì thế, một đạo tràng chỉ có một vị Hòa Thượng. Nói thông thường, vị trụ trì đạo tràng được gọi là Hòa Thượng, những vị khác đều gọi là Xà Lê. Theo thói quen trong hiện thời, những vị khác đều được gọi là pháp sư, đúng lắm! Gọi “*pháp sư*” là đúng! Trong một ngôi chùa, có rất nhiều pháp sư, nhưng Hòa Thượng chỉ có một, chẳng phải ai nấy đều là Hòa Thượng. Trong hiện tại, giống như trường đại học có vị giáo thọ (教授, giáo sư) chỉ đạo, vị giáo sư chỉ đạo thì có thể gọi là Hòa Thượng. Quá nửa những vị thầy chỉ đạo của các nghiên cứu sinh thuộc các lớp trong chương trình Thạc Sĩ hoặc Tiến Sĩ đều có thể gọi là Hòa Thượng.

Từ ý nghĩa của cách xưng hô theo địa vị này, quý vị bèn hiểu Phật pháp là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo, chẳng có kiểu xưng hô như Thân Giáo Sư, Quỹ Phạm Sư, chẳng có những cách xưng hô ấy. Quý vị thấy trong các tôn giáo bình phàm, sẽ gọi là Mục Sư (牧師)³⁷, hoặc Thần Phụ (神父, linh mục), chẳng gọi là Thân Giáo Sư, Quỹ Phạm Sư. Chẳng xưng hô kiểu ấy! Quan hệ của họ là tuân theo Thần (Chúa) hoặc Thượng Đế, có mối quan hệ ấy, trong Phật giáo chẳng có! Trong

Phật giáo, chúng ta học Phật sẽ nảy sinh quan hệ với Phật. Phật là ai vậy? Phật là đại sư, Thân Giáo Sư. Đại sư, hoặc gọi là Đại Đạo Sư, hoặc gọi là Đạo Sư (導師). Đạo Sư, Đại Sư, Đại Đạo Sư, đều là tôn xưng đức Phật, Bồ Tát chẳng dùng cách xưng hô này. Chúng ta tôn xưng Bồ Tát là Đại Sĩ, chữ Sĩ (士) trong Sĩ Nông Công Thương, như Quán Âm đại sĩ, Văn Thù đại sĩ. Bồ Tát còn gọi là Khai Sĩ (開士), chữ Khai trong khai ngộ, nhằm nêu rõ Ngài đã khai ngộ. Sĩ là người đọc sách, là người có đạo đức, có học vấn. Người có đạo đức, có học vấn, lại khai ngộ, cho nên gọi là Khai Sĩ.

Từ những cách xưng hô này, quý vị liền liễu giải: Tự, viện, am, đường là nơi chốn để dạy học. Trong phần trước, có nói đến *“Tăng-già-lam”*, tiếng Phạn gọi là Tăng-già-lam, nay chúng ta gọi là Đạo Tràng, là cơ sở để dạy học. Quý vị thấy trong bài kệ *“nhập tăng-già-lam”* ấy, những câu kế tiếp là *“diễn thuyết chủng chủng, vô quai tránh pháp”* chính là giáo học. Đạo tràng nhà Phật là để dạy học. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài lên lớp mỗi ngày. Giảng kinh, thuyết pháp chính là lên lớp. Hiện thời gọi là “lên lớp”, thuở ấy, gọi là “giảng kinh, thuyết pháp”. Chúng ta thân cận thầy là vì muốn học tập thầy, muốn học làm người tốt, trong kinh Phật thường gọi [người tốt] là *“thiện nhân”*. Mở kinh điển ra, chư vị luôn có thể trông thấy [từ ngữ] *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*. Mục tiêu đầu tiên, mục tiêu gần nhất trong việc học Phật của chúng ta là mong làm một thiện nhân. Tiêu chuẩn của thiện nhân là Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Do vậy, học Phật thì học khởi đầu từ chỗ nào? Chúng ta chọn Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Quán Kinh làm nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất, tuân theo ba điều dạy bảo ấy để nghiêm túc nỗ lực học tập. Điều thứ nhất gồm bốn câu: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, chúng ta thực hiện hai câu này bằng Đệ Tử Quy. Thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, hai câu ấy sẽ được thực hiện. Hai câu kế tiếp là *“tù tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*, hai câu này thực hiện bằng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Qua bốn câu kinh ấy, đức Phật đã chỉ ra hai bộ kinh điển, hai bộ kinh điển ấy đều là giới luật căn bản. Thật sự làm được, sẽ đạt được tiêu chuẩn *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*. Hai thứ ấy chẳng làm được, sẽ chẳng phải là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* như kinh đã nói. Đấy chẳng phải là như kinh đã gọi; nói cách khác, kinh này chẳng dành cho quý vị học tập, [nguyên do là vì] quý vị chẳng đủ trình độ! Vì thế, đối với hết thảy các kinh điển Đại Tiểu Thừa, quý vị đều phải đạt được tiêu chuẩn này trước hết thì mới có thể nhập học.

Không chỉ là Đại Thừa, Tiểu Thừa cũng nhập môn từ chỗ này. Có cơ sở như vậy, quý vị mới có thể thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Tam Quy Ngũ Giới lấy *"hiếu thân, tôn sư"* (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy) và Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Chẳng có cơ sở ấy, sẽ chẳng thể thọ Tam Quy Ngũ Giới. Vì thế, trước khi thọ Tam Quy Ngũ Giới, phải học [những điều cơ sở này]. Hiện thời, chẳng chú trọng, người nào đến quy y cũng chẳng cần ắt phải trọn đủ những điều kiện ấy, cứ thọ quy y. Quy y kiểu ấy, Phật môn gọi là Danh Tự Quy Y, hữu danh vô thực! *"Quy"* (皈) là trở về, *"y"* (依) là nương cậy, trong phần sau, chúng tôi sẽ nói đến. Tức là trong đoạn này, [quy y] sẽ thuộc về ba nguyện thứ chín, thứ mười, thứ mười một trong đoạn thứ hai, tức phần Xuất Gia Thọ Giới: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quý vị mới hiểu quy y Phật, Phật là giác chứ không mê. Nói cách khác, từ mê hoặc mà quay lại, nương cậy Tự Tánh Giác; đấy là *"quy y Phật"*. Chúng ta thọ Tam Quy Y, có từ mê hoặc, điên đảo quay lại hay không? Chẳng quay về, [tức là] quý vị chẳng quy! Nếu quý vị chẳng nương tựa Tự Tánh Giác, quý vị chẳng y! Quy và Y đều chẳng có, chỉ là làm chuyện hình thức một phen! Hình thức ấy đức Phật chẳng thừa nhận, thần hộ pháp cũng chẳng thừa nhận.

Thật sự quy y, thật sự quy y Tam Bảo, trong giới kinh đã nói rất rõ ràng, sẽ có ba mươi sáu vị thần hộ giới che chở quý vị. Nghe nói chuyện tốt đẹp này, [có đến] ba mươi sáu vị thần hộ giới hộ trì ta, ta vội vã quy y. Nếu quý vị là [quy y] hình thức, chẳng phải là thực chất, chẳng có thần hộ pháp hộ trì quý vị đâu nhé! Quý vị phải có [Tam Quy Y] thật sự! Thật sự có thực chất, chẳng quy y theo hình thức, chẳng sao hết, người thế gian không thừa nhận quý vị, Phật thừa nhận quý vị, thần hộ pháp thừa nhận quý vị, long thiên thiện thần thừa nhận quý vị! Do vậy, quý vị biết điệp quy y không quan trọng, giới điệp cũng chẳng quan trọng. *"Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức"*, lúc chúng tôi mới học Phật, thầy đã dạy tôi điều này, Chương Gia đại sư dạy tôi. Ngài dạy tôi học Giới, chẳng dạy tôi thọ giới! Đối với Giới, quý vị học một điều, làm được một điều, tức là thật sự đạt được một điều, được gọi là *"đắc giới"*. Quý vị làm được hai điều, sẽ đạt được hai điều. Giới kinh nói cứ đắc một giới điều, sẽ có năm vị thần hộ giới bảo vệ quý vị; quý vị đắc hai giới điều, sẽ có mười vị thần hộ giới bảo vệ quý vị.

Các đồng học tại gia thọ Ngũ Giới, Ngũ Giới đều đạt được. Đạt được gì vậy? Làm được; chẳng phải là làm được ngay một lúc. Suốt một đời, bất luận trong hoàn cảnh nào, cũng đều chẳng trái phạm, quý vị đã thật sự đạt được. Thật sự đạt được Ngũ Giới, sẽ có hai mươi lăm vị thần

hộ giới ngày đêm gia hộ quý vị, chẳng là khỏi quý vị. Nhưng quý vị phải thật sự làm, thật sự thực hiện được. Do vậy, đối với ý nghĩa của giới luật, quý vị phải thật sự hiểu, phải nghiêm túc học tập, chẳng phải là thọ theo hình thức, [thọ theo hình thức] sẽ chẳng có tác dụng! Nhưng thầy Lý vẫn cổ vũ, khích lệ chúng ta thọ giới, bất luận là tại gia hay xuất gia. Thầy Lý cổ vũ, khích lệ: Sau khi quý vị đã thọ Tam Quy, thầy cổ vũ, khích lệ quý vị thọ giới, nhưng trọn chẳng cưỡng ép. Vì sao cổ vũ, khích lệ quý vị? Thầy chẳng tùy tiện cổ vũ, khích lệ kẻ khác. Thầy xem xét người ấy là hạng người như thế nào, có những kẻ thầy về căn bản sẽ hoàn toàn chẳng cổ vũ, khích lệ. Thầy cổ vũ, khích lệ quý vị sau khi đã thọ giới, hãy khéo học giới. Đây là đúng, tấm lòng ấy rất từ bi, rất khó có. Sau khi đã thọ giới, hãy nghiêm túc học giới. Đặc biệt là đối với giới xuất gia, đã thọ mà chẳng học, đeo cái tiếng xuất gia, chẳng có thực chất, sai lầm mất rồi!

Chúng tôi cũng thường xuyên nhắc đến, trong Phật giáo Trung Hoa, đã có điển hình, gương mẫu rất tốt đẹp: Ngẫu Ích đại sư. Sau khi Ngẫu Ích đại sư thọ tam đàn đại giới, Ngài biết chẳng làm được giới tỳ-kheo, chẳng thể mang danh xưng là tỳ-kheo. Vì thế, Ngài đối trước Phật, Bồ Tát thoái giới. Thoái giới rất dễ dàng, chỉ cần đối trước Phật, Bồ Tát, thưa với Phật, Bồ Tát: “Con chẳng thể trì giới này, con thoái giới, lui xuống”. Thọ giới, tam sư thất chứng rất phiền phức; thoái giới rất dễ dàng. Vì thế, Ngài thoái lui giới tỳ-kheo. Giới Sa Di Ngài có thể làm được; do vậy, lão nhân gia suốt đời xưng là Sa Di, chẳng xưng là tỳ-kheo, tức Bồ Tát Giới Sa Di, nêu gương rất tốt cho người đời sau. Học trò của Ngài, thế tục gọi là “đồ đệ”, “đồ đệ” (徒弟) trong thời cổ là học sinh trong hiện thời. Hiện thời gọi là học sinh, tức là pháp sư Thành Thời. Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập do pháp sư Thành Thời biên tập, khắc ván lưu thông. Thầy xưng là Sa Di, trò chẳng dám xưng là Sa Di, Ngài xưng là Xuất Gia Ưu-bà-tắc. Tôi hết sức tôn kính Ngài, Ngài đã nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Chẳng làm được giới Sa Di, sẽ như thế nào? Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Ngài làm được, danh và thực tương xứng. Vì thế, gọi là Xuất Gia Ưu-bà-tắc. Ưu-bà-tắc là cư sĩ tại gia, nhưng Ngài là người xuất gia, có thể nói là bậc cư sĩ xuất gia!

Hiện thời, thân phận của chúng ta là tại gia, nếu thật sự nỗ lực đạt đến xuất gia cư sĩ là đã khá rồi! Đối với bậc cư sĩ xuất gia, nay chúng tôi nêu ra ba điều kiện: Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy Ngũ Giới thật sự có thể thực hiện, như vậy thì quý vị là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” danh phù hợp thực như kinh điển Đại Tiểu Thừa đã nói. Quý vị có thể đảm nhận [danh hiệu ấy] mà chẳng hổ thẹn. Mở kinh điển ra, kinh

do đức Phật nói với chúng ta, chẳng phải là nói với ai khác, ta là hàng đương cơ, sẽ khác hẳn!

Nay chúng ta thực hiện những điều này. Đối với “đại sư”, chúng ta tu Tịnh Độ, trong phần trước, tôi cũng đã giới thiệu cùng chư vị, đại sư là A Di Đà Phật. Vì sao chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta quy y A Di Đà Phật³⁸, chúng ta nghe lời, Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt đối chẳng trách móc. Ngài dạy chúng ta quy y A Di Đà Phật, chúng ta bèn quy y A Di Đà Phật, nhất định là Ngài sẽ hết sức hoan hỷ. Nếu chúng ta không chịu quy y A Di Đà Phật, chúng ta thích quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định là Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ bảo: “Đứa học trò này chẳng vâng lời”. Quý vị hãy ngắm xem có đúng hay không? Chẳng vâng lời! Dạy quý vị quy y A Di Đà Phật là do ý nghĩa nào? Dạy quý vị thành Phật ngay trong một đời! Nếu quý vị chẳng quy y A Di Đà Phật, chẳng thể thành tựu ngay trong một đời này, phải tiến dần dần. Chứng A La Hán, chư vị phải hiểu: Sau khi đã chứng đắc Sơ Quả, phải qua lại cõi trời và nhân gian bảy lần rồi mới chứng quả A La Hán. Thọ mạng trong nhân gian không dài, thọ mạng trên cõi trời chẳng ngắn. Bảy lần qua lại, quý vị phải biết là bao nhiêu năm! Nhưng nếu quý vị quy y A Di Đà Phật, thành tựu trong một đời, thành tựu quá thù thắng. Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi, Ngài chẳng có tri kiến môn hộ, giới thiệu, đề cao A Di Đà Phật với học trò của chính mình. Kẻ nào tiếp nhận, kẻ ấy sẽ thành tựu trong một đời, thù thắng khôn sánh!

Do vậy, trong hiện thời, đại sư của chúng ta là A Di Đà Phật, là kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta nương theo kinh Vô Lượng Thọ, nương theo kinh A Di Đà để tu hành. Đấy chính là “*thân cận đại sư*”. Kinh điển niệm một lượt chính là thân cận đại sư, nghe giáo huấn của đại sư, cung kính, đọc, tụng, thọ, trì, tiếp nhận giáo huấn của đức Phật [một lượt]. Sau khi tiếp nhận, nhất định sẽ y giáo phụng hành. “*Tiểu sư*” là vị thầy nay ta đang thân cận. Thầy Lý giới thiệu Ấn Quang đại sư cho tôi, Ấn Quang đại sư ở nơi đâu? Ngài lưu lại Văn Sao, ta mỗi ngày đọc và học Văn Sao, [đấy chính là] “*thân cận tiểu sư*”. Đại sư và tiểu sư đều chẳng ở trước mặt ta, nhưng đại sư lẫn tiểu sư chưa hề rời khỏi ta, chẳng phải là ở ngay nơi đây, mà cũng chẳng lìa khỏi. Nếu quý vị học như vậy, chắc chắn sẽ thành tựu ngay trong một đời này!

Quy y và thọ giới theo hình thức, tôi không phản đối, đáng nên tiếp nhận Tam Quy, tiếp nhận Ngũ Giới. Vì sao? Sau khi đã tiếp nhận, quý vị hãy nghiêm túc phụng hành; đấy chính là làm cho đại chúng trong xã hội thấy được bộ mặt thật của Phật giáo. Quý vị đang hoằng pháp lợi sanh,

tạo một hình tượng tốt đẹp cho Phật giáo, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chúng ta thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, mà làm không được, chúng ta đã phá hoại hình tượng. Đại chúng trong xã hội nhìn vào người đó, sẽ thấy hình tượng của người học Phật [tồi tệ như thế đó]. Do vậy, họ sẽ chẳng chửi quý vị, mà chửi toàn thể Phật giáo! Tội nghiệp ấy rất nặng! Ai đã khiến cho kẻ ấy tạo tội nghiệp? Do bản thân chúng ta chẳng làm tốt, khiến cho họ gây tạo tội nghiệp. Họ bị đọa lạc, chúng ta sẽ bị liên lụy! Vì ta làm không được, họ mới hủy báng, mới lãng nhục Tam Bảo, ta biến thành kẻ đầu sỏ gây tội, chẳng trốn thoát trách nhiệm được, [sẽ phải hứng chịu] khổ báo trong tam đồ! Nhất định phải hiểu điều này! Nhưng trước khi thọ Tam Quy Ngũ Giới, tốt nhất là học Đệ Tử Quy trước đã. Có cơ sở ấy, quý vị sẽ có thể thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, sẽ chẳng khó! Quý vị có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo; đã hiểu rõ, thông hiểu, quý vị sẽ nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Đây là đặt vững căn cơ cho Phật pháp. Chẳng có căn cơ ấy, niệm Phật vẫn chẳng thể vãng sanh! Chư vị nhất định phải biết điều này.

Chúng ta còn biết có những người về căn bản là chẳng quy y Tam Bảo. Tôi nhớ trước kia đã có nhắc đến vài lần. Thuở trước, tôi ở Mỹ, tại Hoa Thịnh Đốn có một vị là Châu tiên sinh, tên là Châu Quảng Đại, mở tiệm bánh mì tại đó. Suốt đời ông ta chẳng tin tưởng tôn giáo, nhưng là người tốt, chẳng có tín ngưỡng tôn giáo! Khi lâm chung, ông ta bị bệnh ung thư, bác sĩ đã ngừng trị liệu. Người trong nhà đúng là *“gặp chuyện mới ôm chân Phật”*, tìm đến đạo tràng Phật giáo, xem có cách nào cứu được hay không? Ở Hoa Thịnh Đốn, chúng tôi có một Tịnh Tông Học Hội ở đó. Khi ấy, chẳng gọi là Tịnh Tông Học Hội, mà gọi là Hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn, tôi còn mang danh là hội trưởng nơi đó. Các đồng tu kể với tôi, họ (người nhà của ông Châu) tìm đến đó.

Các đồng tu rất phát tâm, đến thăm ông ta, thấy ông ta xác thực là không xong rồi! Những vị đồng tu ấy cũng rất khó có, cũng thường nghe kinh, hiểu biết một ít đạo lý, bèn khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ: “Thế gian này quá khổ, chẳng đáng để lưu luyến!” Châu tiên sinh là người có thiện căn, nghe xong, cảm thấy rất hữu lý, liền bảo vợ con: “Các người thấy đều niệm Phật giúp đỡ ta vãng sanh. Đừng mong ta lành bệnh, mà hãy giúp ta vãng sanh”. Cả nhà và một số đồng học thuộc hội Phật giáo giúp ông ta trợ niệm. Trợ niệm ba ngày, ông ra đi. Khi đi, thụy tướng hết sức tốt lành, các đồng học bên kia gọi điện thoại kể với tôi. Đó là gì? Ngay cả nghi thức Tam Quy cũng đều chẳng có, ông ta thật sự vãng sanh. Chẳng có hình thức, ông ta có thực chất, thật sự quay đầu, thật sự

nương cây A Di Đà Phật! A Di Đà Phật là Tự Tánh Phật. Câu Phật hiệu là Tự Tánh Pháp. Nhiều bạn bè như vậy trợ niệm cho ông ta; đấy là thanh tịnh Tăng, Tam Bảo trọn đủ. Ông ta nương cây vào đó, ba ngày ba đêm niệm Phật không gián đoạn, vãng sanh!

Có rất nhiều người hỏi: “Vì sao ông ta có thể vãng sanh?” Ông ta có thể vãng sanh là do thiện căn từ các đời trước. Khổng định là người này đã nhiều đời nhiều kiếp tu Tịnh Độ, nhưng lâm chung luôn bị chướng ngại, chẳng thể vãng sanh! Đời này, trong khi lâm chung, gặp pháp môn Tịnh Tông. Nghe xong bèn tin tưởng, tiếp nhận, chẳng phải là do thiện căn sâu dày trong đời quá khứ, sẽ chẳng làm được! Vì thế, chúng tôi giải thích với các đồng học: Đó là do thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp hiện hành khởi tác dụng lúc lâm chung. Đó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Do vậy, những điều kinh dạy chẳng giá!

Cơ duyên như vậy rất khó có, vì sao? Ông ta ắt phải trọn đủ ba điều kiện:

1) Điều kiện thứ nhất, khi lâm chung đầu óc sáng suốt. Điều kiện này hết sức khó được! Nếu đầu óc chẳng tỉnh táo, quý vị nói với kẻ ấy, kẻ ấy chẳng hiểu, chẳng có một tí biện pháp nào cả! Đầu óc rất tỉnh táo! Phàm là người lâm chung đầu óc sáng suốt, dẫu chẳng học Phật, người ấy sẽ chẳng đọa trong ác đạo. Chư vị nghĩ xem, có kẻ nào đầu óc sáng suốt mà đi đầu thai trong súc sanh, ngạ quỷ? Chẳng thể nào! Vì thế, hễ lâm chung mà mê hoặc, sẽ phiền phức! Do mê hoặc, điên đảo, mới vào trong ác đạo! Người đầu óc tỉnh táo, sẽ không [đi vào đó]! Chúng ta học Phật, hằng ngày dụng công, hằng ngày tu phước để làm gì? Chính là vì cầu khi lâm chung, tâm không điên đảo, sáng suốt, tỉnh táo, đương nhiên là quý vị có thể niệm Phật! Như vậy thì lẽ đâu chẳng vãng sanh? Do đó, quý vị hãy ngẫm xem, ai có thể nắm chắc khi lâm chung đầu óc sáng suốt? Rất ư là khó, phải biết điều này. Có phước báo, chẳng cần hưởng trong hiện tại, hãy hưởng khi lâm chung. Lâm chung đầu óc sáng suốt, đó là đại phước báo, [tự mình] quyết định đời sau của quý vị, quan trọng hơn bất cứ điều nào khác.

2) Điều kiện thứ hai, gặp thiện hữu thân chánh khuyên quý vị niệm Phật vãng sanh; [đấy là] điều kiện thứ hai! Khi lâm chung, có một người như thế đến khuyên quý vị niệm Phật vãng sanh. Chuyện này cũng chẳng dễ dàng, gặp gỡ vừa khéo!

3) Điều kiện thứ ba, quý vị nghe xong, lập tức tiếp nhận, chẳng nghi hoặc mảy may.

Quý vị nghĩ xem, ba điều kiện ấy khó khăn lắm! Ông Châu Quảng Đại đã trọn đủ ba điều kiện ấy!

Từ Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy trong thời cổ, vào đời Đường, Trương Thiện Hòa giết trâu. Khi lâm chung, những kẻ đầu trâu đến đòi mạng, ông ta kêu gào cứu mạng. Vừa gào “cứu mạng”, khéo sao có một vị xuất gia đi qua cửa, bước vào gặp ông ta, [hỏi han] chuyện gì thế? [Ông ta thưa], “rất nhiều gã đầu trâu đòi mạng con!” Vị xuất gia ấy thắp một nắm hương đưa cho ông ta, [dạy] “hãy ngay lập tức niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ”. Ông ta niệm mấy chục câu A Di Đà Phật, nói: “Kẻ đầu trâu chẳng còn nữa, A Di Đà Phật đến rồi!” Ông ta vãng sanh. Trường hợp này chính là ba điều kiện trên đây đều trọn đủ. Vì thế, chẳng thể cầu may! Nếu chúng ta cầu may, mong mỗi làm chuyện xấu nhiều hơn vẫn chẳng sao, khi lâm chung vẫn còn kịp! Chỉ sợ lúc lâm chung, mê hoặc, điên đảo, hiện tại nói là “chứng lãng trí tuổi già” (Alzheimer’s). Tuổi già bèn mê hoặc, điên đảo [mà mong] lâm chung niệm Phật vãng sanh, chẳng thể trông cậy được đâu nhé! Vì thế, [tích lũy] phước, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, hy vọng khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, chánh niệm hiện tiền thì mới có thể vãng sanh. A! Nay đã hết thời gian rồi. Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp hai câu sau trong bài kệ thứ ba.

(Kinh) Xảo sự sư trưởng, tập hành thiện pháp.

(經)巧事師長。習行善法。

(Kinh: Khéo phụng sự sư trưởng, tu tập thiện pháp).

Hai câu này đã được biểu hiện viên mãn trong đoạn cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong phẩm Nhập Pháp Giới. Hết sức khó có, Thiện Tài là một người học tập Đại Thừa, thầy dạy vỡ lòng của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Dưới tòa của Văn Thù Bồ Tát, Ngài đắc Căn Bản Trí, đã trọn đủ điều kiện tham học. Chẳng đắc Căn Bản Trí, sẽ chẳng có tư cách tham học. [Thiện Tài đã] đắc Căn Bản Trí, Văn Thù Bồ Tát bảo Ngài đi tham học, đồng thời khai thị cho Ngài. Những lời khai thị tuy rất nhiều, cương lĩnh là tám chữ này, đặc biệt dạy Thiện Tài phải biết “xảo sự sư trưởng” (khéo phụng sự sư

trưởng). “*Xảo sự*” (巧事) là gì? Tôn sư trọng đạo! Chỉ thấy ưu điểm, chẳng thấy khuyết điểm của thầy; đó gọi là “*xảo sự*”.

Chư vị phải biết: Khá nhiều kẻ cầu học cầu đạo trong thế gian, gặp thiện tri thức thật sự, do không biết “*xảo sự*”, cuối cùng đều thất bại. Vì sao thất bại? Không chịu học theo thầy! Vì thế, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đã biểu diễn chuyện này hết sức cặn kẽ, Ngài làm cho chúng ta thấy! Quý vị thấy có kẻ nào hủy báng Ngài hay không? Có chứ! Bên ngoài hủy báng không tính, bên ngoài là lục sư ngoại đạo, có ganh tỵ, chướng ngại, hủy báng Thích Ca Mâu Ni Phật, quá nhiều! Những kẻ ấy vẫn không kể tới, người ngoài mà! Bên trong thì Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là anh em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật, là người một nhà, lại xuất gia theo Thích Ca Mâu Ni Phật học pháp. Quý vị thấy đó, vừa là thân thích, vừa là đệ tử, có thể nào chẳng tin tưởng [những lời lẽ của] kẻ hủy báng ấy? Quý vị thấy chuyện này nghiêm trọng lắm! Bởi lẽ, chắc chắn là có nhiều người mong học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, do nghe lời lẽ của Đề Bà Đạt Đa, đều ngã lòng! Đây là gì? Thiện căn, phước đức, nhân duyên quá mỏng; chẳng phải là không có. Nếu không có, họ sẽ chẳng thể dấy lên ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, tức là có thiện căn, phước đức, nhân duyên; nhưng do nghe người ta thêu dệt, ly gián, tín tâm bị chôn vùi, chẳng còn học tập nữa. Đây chính là do thiện căn, nhân duyên chẳng đủ sâu dày! Quý vị thấy kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Cùng một đạo lý như nhau, chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà hồng thân cận thiện tri thức được!

Thuở đức Phật tại thế đã có lắm kẻ hủy báng ngàn ấy; bên trong hủy báng, bên ngoài hủy báng. Trong là do Đề Bà Đạt Đa cầm đầu, lục quần tỳ-kheo³⁹ chẳng nghe lời đức Phật giáo huấn, vi phạm giới luật. Nói cách khác, họ cũng làm rất nhiều chuyện xấu. Đức Phật thật sự là trí huệ và đạo đức quá cao, quá lớn! Do vậy, những người sáng suốt trong xã hội vẫn theo đức Phật học tập, vẫn tôn đức Phật làm thầy. Trong những kẻ tại gia và xuất gia ấy, hàng tại gia có quốc vương, đại thần, hàng tại gia còn có trưởng giả, cư sĩ, rất khó có; đây là làm cho chúng ta thấy. Vì sao đức Phật phải làm như vậy? Chuyện như vậy về sau ngày càng nhiều, triều đại nào, nơi chốn nào mà có một vị thiện tri thức không bị kẻ khác hủy báng?

Khi tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư, rất nhiều kẻ nói thẳng vào mặt tôi: “Cớ sao người lại học theo ông? Ông là hòa thượng

chánh trị mà”⁴⁰. Người trong giới Phật giáo hủy báng, người ngoài giới Phật giáo cũng hủy báng. Chúng tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, nghe thấy khá nhiều lời phê bình chẳng tốt đẹp, chúng tôi còn có thể thân cận hay chẳng? Nhưng thuở ấy trong tâm tôi hiểu rất rõ, tôi thân cận vị lão nhân ấy. Vị lão nhân ấy lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi. Khi tôi thân cận Ngài, Ngài đã sáu mươi lăm tuổi, tôi hai mươi sáu tuổi. Vị lão nhân ấy từ bi, hiền lành, từ tốn, oai nghi, tôi vừa thấy, chẳng thể nào không [kính ngưỡng, khâm phục] năm vóc sát đất! Những kẻ hủy báng Ngài, ai có thể sánh bằng Ngài? Đương nhiên là tôi chẳng tiện biện bác, tuổi trẻ, vừa mới học Phật mà! Mặc kệ quý vị ở trước mặt tôi nói Ngài không ra gì, mỗi tuần, tôi vẫn đến nghe Ngài giáo huấn, chẳng chịu lia bỏ. Đối với bạn bè rất thân thiết, tôi mới nói với họ: “Những kẻ hủy báng đều chẳng thân cận đại sư. Chúng tôi thường thân cận, [mới có thể] liễu giải những kẻ bên ngoài đang bịa chuyện, đặt điều!”.

Sau này, đọc Hoa Nghiêm mới thấy, nguyên lai đức Phật đã sớm biết chuyện này. Thời Mạt Pháp sẽ có những chuyện như vậy nảy sanh, Xảo là xảo ở chỗ này! Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử đối với thiện tri thức phải cung kính. Đúng là *“một phần thành kính, được một phần lợi ích; mười phần thành kính, được mười phần lợi ích”*. Thiện tri thức phạm lầm lỗi, quyết định chẳng ghim trong lòng. Lầm lỗi ấy chưa chắc đã là thật, vì sao? Vị ấy tiếp xúc rất nhiều người, giáo hóa chúng sanh có đủ mọi phương tiện, chẳng phải là một phương pháp. Từ năm mươi ba lần tham học, chúng ta đã thấy: Khi đáng chửi thì phải chửi, khi đáng đánh thì phải đánh. Có phải là tính tình thầy nóng nảy hay chẳng? Chẳng phải vậy, hoàn toàn là một bầu từ bi, chỉ là dùng những kỹ xảo khác nhau! Người nào đáng nên dùng phương pháp nào để trị bệnh [bèn vận dụng phương pháp ấy], thiện xảo phương tiện mà! Vận dụng trí huệ chân chánh vào cuộc sống chính là phương tiện thiện xảo, sống động, chẳng chết cứng. Quý vị chớ nên không hiểu đạo lý này!

Tôi thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, đây là một vị thiện tri thức tại gia. Tuy cụ học Phật, chẳng có hình thức học Phật. Cụ cũng chưa hề quy y, mà cũng chưa từng thọ giới, hằng ngày xem kinh Phật! Trong nhà trường, khi giảng dạy, cụ đã hoàn toàn trích dẫn Phật pháp. Đến những năm về già, rõ ràng là trong nhà trường cụ đã mở những lớp dạy về Phật pháp, mở các lớp Đại Thừa Phật Học, Phật Học thời Ngụy - Tấn, Phật Học thời Tùy - Đường, cụ dùng những chủ đề ấy để giảng dạy. Sau này, rời trường đại học Đài Loan, nghỉ hưu, đại học Phụ Nhân mời cụ, đại học Phụ Nhân là đại học tư, họ mời cụ dạy Triết Học Kinh Hoa Nghiêm

cho chương trình tiến sĩ, chân thiện tri thức đẩy nhé! Có kẻ hủy báng cụ, những ai vậy? Đồng hương từ quê nhà Đồng Thành, thật sự toàn là những người cùng quê với chúng tôi. Quê tôi ở Lư Giang, là huyện lân cận với Đồng Thành, khoảng cách rất gần. Nói theo hiện thời, chỉ vào khoảng ba mươi cây số. Vì thế, rất gần! Người cùng quê hủy báng cụ, nói cụ sai trái này nọ. Tôi nghe xong, chẳng bị ảnh hưởng. Vì sao? Chúng ta ắt cần phải hiểu, trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật đã dạy chúng ta: *“Bất niệm cụ ác, bất tưởng ác nhân”* (Chẳng nghĩ đến điều ác cũ, chẳng ghét kẻ ác). Quý vị nói cụ xấu xa như thế nào đó, đây là chuyện quá khứ, ở quê nhà cụ. *“Sĩ biệt tam nhật, quát mục tương khán”* (Cách biệt kẻ sĩ ba ngày, dụi mắt mà nhìn). Nay tôi thân cận cụ, những hành trạng ác hèn như quý vị đã nói, tôi chẳng thấy tí ti nào! Huống chi, cụ đã lìa xa quê hương lâu ngàn ấy, dạy học bên ngoại quốc. Nếu quý vị nghe những lời ấy bị ảnh hưởng, đánh rất nhiều dấu hỏi đối với thầy, sự học tập của chúng ta sẽ bị chiết giảm to lớn. Dầu quý vị vẫn theo học với thầy, cái tâm cung kính đã bị suy thoái, quý vị sẽ chẳng đạt được điều gì!

Pháp thế gian và Phật pháp có cùng một đạo lý. Quý vị thật sự học được bao nhiêu thứ từ chỗ thầy, chẳng phải là do thời gian quý vị thân cận thầy dài hay ngắn, chẳng phải do điều này, [mà là do] quý vị đối với thầy tâm cung kính được mấy phần! Mười phần cung kính, quý vị sẽ được mười phần, tám phần cung kính, quý vị sẽ được tám phần, năm phần cung kính, quý vị sẽ được năm phần, hai phần cung kính, quý vị sẽ được hai phần. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã nói lời này rất nhiều! Chẳng sai tí nào! Cũng may là tôi chẳng bị dao động, suốt đời luôn cung kính thầy. Trước mỗi buổi giảng kinh, tôi nhất định lạy thầy trước. Không chỉ là lạy thầy, tôi còn lạy hộ pháp: *“Hòa-nam thầy, Hộ Pháp Bồ Tát”*. Trước khi tôi giảng kinh sẽ lạy, sau khi giảng xong lại lạy. Niệm niệm chẳng quên ân đức thầy và ân đức của hộ pháp.

Tôi ở Đài Trung, thân cận thầy Lý mười năm. Người chửi thầy Lý rất nhiều, hủy báng, bịa chuyện, sanh sự, luôn mong sao tôi rời bỏ thầy, chẳng học theo thầy nữa! Chúng tôi không làm. Một vị thầy giỏi như vậy, rất nhiệt tâm dạy quý vị, có thể gặp, chẳng thể cầu, quý vị đến chỗ nào để tìm? Đã gặp, quyết định chẳng bỏ lỡ, chúng ta mới có thể đạt thành tựu. Trong mấy năm qua, đúng là trong ngoài nước hủy báng bản hội tập của Hạ Liên Cư, tức bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ. Trên tạp chí, trên nhật báo, gọi thẳng tên tôi ra chửi bới. Tôi nói rõ với các đồng học: “Bản hội tập vốn do thầy truyền cho tôi. Nếu tôi bỏ đi, chọn bản của người khác, chứng tỏ tôi chẳng tin tưởng thầy. Kẻ khác sẽ lại gán tội danh cho tôi,

pháp sư Tịnh Không phản thầy nghịch đạo. Đâm ra là có đủ cả mọi thứ tiếng xấu!” Vì thế, tôi có thái độ hết sức kiên định. Tôi nói với mọi người: “Người trên khắp thế giới đều phản đối, đều không tin tưởng, tôi chẳng phản đối, vẫn y giáo phụng hành. Vì sao? Thầy dạy tôi, chẳng dạy quý vị, mà là dạy tôi”. Tôi có tín tâm kiên định, quyết chẳng dao động, mà cũng chẳng phản bác. Chửi chán chê, họ sẽ hết chửi. Vì thế, hiện thời chẳng có chuyện chi nữa!

Đối với những chuyện này, trong cách nhìn của tôi, những người ấy đều là người tốt, đều rất khó có, họ đã thay tôi tiêu trừ nghiệp chướng. Họ đến khảo hạch tôi, xem tôi có định lực hay không? Coi tôi có phải là “*xảo sự sư trưởng, tập hành thiện pháp*” (khéo phụng sự sư trưởng, tu tập thiện pháp) hay không? Thành tựu từ chỗ này. Đối với thầy, đối với đồng học, đối với hết thầy đại chúng, trong một đời này, tôi chẳng có một ác niệm đối với kẻ khác, cũng chẳng dùng lời ác hủy báng người ta. Lòng tôi rất yên, hết sức bình an! Suốt đời chẳng có tâm hại người, chỉ tận tâm tận lực giúp đỡ kẻ khác. Có lúc thấy người khác khó khăn, nhưng sức không đủ, sức trí huệ chẳng đủ, cổ nhân nói là: “*Tâm có thừa, mà sức chẳng đủ*”. Chưa hề nghĩ vì chính mình!

Cho tới hiện thời, người khác đều có đại đạo tràng, tôi ngay cả một căn nhà để ở cũng chẳng có. Tôi có thể kiến tạo một đạo tràng, nhưng tôi cảm thấy không cần thiết! Vẫn là chẳng có gì sẽ tốt hơn, tâm địa thanh tịnh, chẳng bị vướng mắc, chẳng ưu lự, ngoài cái thân ra, chẳng có vật gì cả! Nhưng sống trong cõi đời này, bất luận cuộc sống vật chất hay cuộc sống tinh thần, đều chẳng khuyết thiếu. Điều này đúng là rất khó có! Nói theo kẻ bình phàm trong thế gian, đời này, tôi hết sức may mắn, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng chẳng thiếu thốn thứ gì! Nhà cửa để ở cũng được lắm. Chẳng có nhà cửa, nhưng vẫn có nhà để ở. Chẳng có xe, nhưng đến bất cứ nơi đâu đều có xe đưa đón. Tuy chẳng có tiền, ăn, mặc, ở, đi lại đều chẳng thiếu thốn, rất khó có! Những điều này do Tam Bảo gia trì, do thầy dạy bảo, làm sao có thể quên ơn thầy cho được? Chẳng thể quên ơn hộ pháp.

Dẫu cho những vị hộ pháp sau khi hộ trì một giai đoạn, tâm biến đổi, chẳng hộ trì quý vị nữa, lại còn hủy báng, chúng ta hiểu vì sao họ thay lòng đổi dạ? Nghe lời kẻ khác, kẻ khác đặt điều đồn đại, chính họ chẳng điều tra cặn kẽ, tin ngay. Vì thế, nảy sinh những hiện tượng ấy. Tôi vẫn tôn kính họ, vẫn mỗi ngày niệm Phật, tụng kinh hồi hướng, chúc phước cho họ sống lâu tăng thọ, phước huệ tăng trưởng. Đây là điều chúng ta phải nên làm. Nếu họ biết, sẽ hồi tâm chuyển ý: “Pháp sư Tịnh

Không chẳng phải là người xấu”. Chẳng có ngày nào không hồi hướng cho họ. Hành vi của họ chúng ta đều lý giải, đặc biệt là trong thời đại này, tôi cảm thấy hành vi như vậy là lẽ đương nhiên. Hiện thời có ai tán thán người khác? Ai có thể nói lời tốt đẹp về người khác? Toàn là hủy báng, ganh tỵ, toàn là chướng ngại. Do vậy, chúng ta hiểu rõ ràng, thấy như vậy vẫn điềm nhiên, chẳng trách móc!

Trong số đó, cũng có kẻ rất thông minh. Người thông minh tuy nhất thời nghe xong, cảm thấy khó chịu, họ sẽ điều tra. Điều tra đến cuối cùng, [phát hiện] kẻ ấy nói lời giả dối, xác thực là vu cáo, là hủy báng, thế là thái độ của người đối với ta cũng chuyển thành tốt đẹp; đó là chuyện tốt! Trái qua điều tra, họ khẳng định ta là thật, chẳng giả, họ chẳng xử sự theo cảm tình. Bất luận tại gia hay xuất gia, học Nho hay học Phật, bị chướng ngại, hủy báng khắp nơi, khắp chốn, chắc chắn sẽ chẳng thể tránh được. Phải ghi nhớ: *“Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá”* (Người ta chẳng phải là thánh hiền, ai có thể không phạm lầm lỗi). Câu nói này có thể áp dụng vào chính mình. Vì thế, nghe người khác hủy báng, phê bình, chớ nên trách móc người khác, hãy quay lại nghiêm túc phản tỉnh: Ta có [lỗi lầm ấy] hay không? Hễ có bèn sửa. Hễ không, càng thêm gắng sức [giữ mình tốt đẹp]. Đối với những kẻ hủy báng, đơm đặt, sanh sự, hãy sanh tâm cảm ơn. Vì sao? Họ nhắc nhở ta, những gì họ nói nếu là thật, ta thật sự phạm lỗi lầm ấy, hãy ngay lập tức sửa chữa. Nếu họ không nhắc nhở ta, ta sẽ không biết. Nếu phản tỉnh, mà thấy [chính mình] chẳng có [những điều sai trái ấy], hãy gắng sức, quyết định chớ nên phạm những lầm lỗi ấy. Vì thế, toàn là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu. Khi tôi rời khỏi Đài Loan, đã viết sáu câu: *“Vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn”*. Lìa khỏi Tân Gia Ba, tôi viết một cặp câu đối, [hàm ý] bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều phải gìn giữ cái tâm thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô, quý vị mới có thể phước huệ song tu, cảnh giới mới không ngừng tăng cao, sẽ chẳng bị chúng ảnh hưởng. Vì thế, điều này rất quan trọng!

“Tập hành thiện pháp” càng quan trọng hơn nữa! Những gì thầy đã dạy, quý vị đã hiểu, thật sự đã hiểu. Sau khi đã hiểu, quý vị phải thực hiện, phải làm được, phải tin tưởng giáo huấn trong kinh điển, từng câu, từng chữ đều là chân thật. Sau khi đã kế nhập, quý vị mới hiểu trí huệ của Phật, hạnh của Bồ Tát, [đáng cho] kẻ khác kính phục năm vóc sát đất! Nói theo cách hiện thời, *“Phật, Bồ Tát hoàn toàn hy sinh, dâng hiến”*. Đó là người thế gian chúng ta nói, chứ bản thân Phật, Bồ Tát chưa hề khởi tâm động niệm, chưa từng có phân biệt, chấp trước, đáng nên dùng

thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (Thuận theo cái tâm của chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ), chẳng lưu lại dấu vết. Người thế gian chấp tướng, nói các Ngài thật vĩ đại, hy sinh, dâng hiến! Các Ngài cũng chẳng có ý niệm vĩ đại, mà cũng chẳng có ý niệm hy sinh, dâng hiến. Những điều các Ngài đã làm, đã thực hiện hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Từ bộ kinh này, chúng ta thấu hiểu. *“Tập”* (習) là luyện tập, không ngừng học tập. *“Hành”* (行) là thực hiện bằng hành vi. Trong hành vi, có tư tưởng; tư tưởng và ý niệm là hành vi nơi ý nghiệp. Ngôn ngữ là hành vi nơi khẩu nghiệp. Động tác là hành vi nơi thân nghiệp. Quý vị phải vận dụng những gì đã học vào hành vi, đấy mới thật sự là *“thiện pháp”*. Nếu chẳng thực hiện qua hành vi, chẳng thể coi là thiện pháp! Kinh là thiện, ngôn ngữ là thiện, [thế mà] tâm hạnh của quý vị bất thiện. Do vậy, phải hiểu điều này.

Then chốt trong sự tu học, then chốt của sự thành bại chính là thầy. Ngoài thầy ra là đồng học, phải có tín tâm đối với đồng học giống hệt như thầy. Thấy đồng học phạm lỗi lầm, [nếu xét thấy] có thể khuyên răn, hãy khuyên lớn. Thầy có lỗi lầm, đúng là *“mạc trặc cao thâm”* (cao sâu chẳng thể lường), chẳng biết thầy có dụng ý gì. Có khi thầy nói cho quý vị biết, có khi chẳng nói, phải hiểu điều này! Nói chung, hết thầy các sự thị hiện đều bao hàm nghĩa thú giáo huấn rất sâu trong ấy, tùy thuộc mỗi người lãnh hội. Lại xem bài kệ tiếp theo là bài thứ tư.

(Kinh) Cầu thỉnh xuất gia, đương nguyện chúng sanh, đắc bất thoái pháp, tâm vô chướng ngại.

(經)求請出家。當願眾生。得不退法。心無障礙。

(Kinh: Cầu thỉnh xuất gia, nguyện cho chúng sanh, đắc pháp bất thoái, tâm chẳng có chướng ngại).

“Cầu thỉnh xuất gia” chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong ấy, phải hội đủ ba thứ duyên, nhân duyên tụ hội. Duyên không đủ, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế, có rất nhiều người tìm tôi, muốn theo tôi xuất gia, nhưng duyên chẳng đủ!

1) Điều thứ nhất là quý vị phải có duyên với pháp sư, đấy là điều thứ nhất. Có nghĩa là quý vị đối với vị pháp sư ấy phải nhận thức, khẳng định, pháp sư đối với quý vị cũng nhận thức, cũng khẳng định. Đó là duyên đầu tiên.

2) Duyên thứ hai, quý vị phải quen thuộc với đại chúng trong đạo

tràng ấy. Đại chúng sống trong đạo tràng ấy khẳng định quý vị, bằng lòng tiếp nhận, bằng lòng dung nạp quý vị. Quý vị đối với đại chúng của đạo tràng ấy hoan hỷ, bằng lòng cùng với mọi người cùng học, cùng tu. Nếu thầy đáp ứng [cho phép] quý vị xuất gia, những người ở dưới chẳng thể tiếp nhận quý vị, dẫu được thế độ (剃度, xuống tóc), quý vị chẳng dễ sống [trong đạo tràng ấy]! Do vậy, thật sự mong xuất gia tại một đạo tràng, tối thiểu là phải phục vụ tại đạo tràng đó ba năm. Hiện thời nói là “làm công quả”. Mọi người đều có thể cư xử rất tốt đẹp, ai nấy đều rất tôn kính quý vị, thật sự là một người tốt. Vì sao? Quý vị có thể thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Thập Thiện Nghiệp. Kẻ tại gia nếu đã thọ Tam Quy Ngũ Giới, thầy đều có thể làm được.

3) Điều kiện thứ ba là có duyên với đạo tràng.

Trọn đủ ba điều kiện ấy, sẽ có thể thỉnh cầu xuất gia. Nêu ra nguyện vọng xin xuất gia, sẽ thuận buồm xuôi gió.

Nếu ba điều kiện chẳng trọn đủ, quý vị thật sự mong xuất gia, hãy khéo vun bồi! Đối với thầy, đạo tràng, và đồng tham đạo hữu, hãy chọn lựa một khoảng thời gian, có thể thân cận mấy vị pháp sư nhiều hơn, thân cận mấy đạo tràng, quan sát trong ấy, pháp sư nào, đạo tràng nào tương ứng với nguyện vọng của ta. Như vậy thì mới trở thành chí đồng đạo hợp được. Tại Trung Hoa, vào thời cổ, đạo phong của mỗi tự, viện, am, đường đều chẳng hoàn toàn giống nhau. Tuy là cùng một tông, [vẫn là] đại đồng tiểu dị! Tông phái khác nhau, sai biệt càng to hơn nữa! Do vậy, nhất định phải thân cận, tiếp xúc cho nhiều, liễu giải nhiều hơn!

Xuất gia để làm gì? Xuất gia nhằm hoằng pháp lợi sanh, nối tiếp huệ mạng của đức Phật, vì điều này, chẳng vì điều nào khác! Chính là vì thật sự mong giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài [trong thế gian]. Nếu quý vị có thể có chí nguyện ấy, phát tâm như vậy, chừa Phật hộ niệm, long, thiên, thiện thần ủng hộ, xuất gia là chánh xác. Nếu chẳng phải là hoằng nguyện như vậy, tại gia học Phật có thành tựu giống hệt. Xuất gia quyết định là phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai. Gia nghiệp của Như Lai chẳng có chi khác, chỉ là hoằng pháp lợi sanh. Do vậy, quý vị phải nghĩ thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, suốt bốn mươi chín năm đều gìn giữ “giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây”. Chẳng có nhà, hằng ngày dạy học, chẳng có ngày nào buông lỏng, lười nhác, bốn mươi chín năm đều như một ngày. Ba mươi tuổi thị hiện thành đạo liền bắt đầu giáo học, bảy mươi chín tuổi viên tịch, suốt bốn mươi chín năm! Đây là gia nghiệp của Như Lai.

Hiện thời, mức độ thấp nhất của chúng ta là phải kiến lập chánh pháp, đúng lý, đúng pháp. Lý và pháp đều ở trong kinh điển; hãy nương theo giáo huấn trong kinh điển, đúng lý và đúng pháp tu học. Đó là đúng. Đây là sự chỉ đạo của bậc đại sư. Đối với tiểu sư, quý vị thấy thầy dạy tôi học theo Ấn Quang đại sư. Chúng ta phải tôn trọng sự chỉ dạy của Ấn Quang đại sư. Lão nhân gia nói khẳng định, trong thời đại này, chẳng cần lập đạo tràng to, hãy lập đạo tràng nhỏ. Số lượng đồng tu cùng nhau tu tập chớ nên quá hai mươi người, có lý! Ít người, sẽ ít thị phi. Cổ nhân thường nói: *“Tri sự đa thời, phiền não đa; thức nhân đa xú, thị phi đa”* (Biết nhiều chuyện, nhiều điều phiền não; biết nhiều người, lắm nỗi thị phi). Nhiều người thì sẽ có nhiều thị phi. Hai mươi người là vừa khéo, cùng nhau học tập, cùng nhau nghiên cứu, cùng nhau niệm Phật. Đạo tràng như vậy chẳng ra khỏi cửa mà hoàng dương khắp thiên hạ. Vì sao? Đạo phong và học phong của quý vị, người ta nghe được, không ai chẳng hâm mộ, chẳng có ai không tán thán.

Ít người, tiền chi dùng ít, chẳng cần phải bận lòng vì cuộc sống của thường trụ. Nhất định phải nghiêm túc. Ngày hôm qua, tôi đã nói cùng mọi người, nghiêm túc tu học, tâm của quý vị định. Tâm định đến một mức độ nhất định, quý vị sẽ ít tiêu hao năng lượng hơn. Năng lượng tiêu hao ít, quý vị sẽ giảm bớt ăn uống. Do vậy, hai mươi người thật sự cùng nhau tu hành, mọi người kết giới, chẳng rời khỏi đạo tràng, tâm hoàn toàn định, phỏng theo đạo tràng thuở trước của Viễn công đại sư. Chúng thường trụ là một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều thành tựu. Lấy Hồ Khê làm giới hạn, hoạt động của họ chẳng ra ngoài giới tuyến Hồ Khê. Suốt đời là một đạo tràng, một bộ kinh, nương cậy một vị thầy là Huệ Viễn đại sư. Một vị thầy, một bộ kinh, một pháp môn, ai nấy đều thành tựu. Tịnh Độ Tông Sơ Tổ! Ngài đã nêu gương tốt đẹp dường ấy, chúng ta phải nên học theo. Một trăm hai mươi ba người, lỗi lạc thay! Phải là bậc đại trí huệ, đại phước báo thì mới có thể thống lý đại chúng. Tổ Ấn Quang thấy rất rõ ràng, những vị xuất gia trong số chúng sanh thời Mạt Pháp, quý vị có thể cai quản hai mươi người là đã rất lỗi lạc! Chẳng cần kiến lập một đạo tràng to dường ấy, rất có lý! Tôi suốt đời hâm mộ.

Tôi chẳng có đạo tràng; trong tương lai, có đạo tràng, tôi nhất định tuân thủ lời tổ Ấn Quang đã dạy. Đồng tham đạo hữu không hơn hai mươi người, sẽ thật sự thành tựu. Nhiều người khó lắm, khó quản trị, chẳng dễ gì quản trị được! [Đối với] tiêu chuẩn để chọn lựa hai mươi người ấy, quý vị thấy trong kinh doanh hiện thời, tiêu chuẩn để chọn lựa nhân viên đều là Đệ Tử Quy. Nếu chẳng từng học tập Đệ Tử Quy, họ sẽ

chẳng muốn. Đặt ra tiêu chuẩn đầu tiên để trúng tuyển là Đệ Tử Quy. Chúng ta muốn thành lập một đạo tràng nhỏ, bất luận đồng học tại gia hay xuất gia, nhất định cũng dùng tiêu chuẩn này. Thậm chí có thể dùng điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, tức là Đệ Tử Quy và kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kẻ chẳng thể thực hiện hai thứ ấy, sẽ không thể tiếp nhận. Có thể thực hiện hai thứ ấy, thật sự là “*chí đồng đạo hợp*”. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm Di Đà, chẳng có ai không thành tựu, chẳng có ai không vãng sanh. Tổ Ấn Quang đã vạch ra cho chúng ta con đường này. Đặc biệt là trong hoàn cảnh xã hội hiện thời, hoàn cảnh xã hội là đại hoàn cảnh, là toàn thể thế giới.

Trong nhiều năm trong quá khứ, chỉ có Âu Châu là tôi chưa đến, những chỗ khác tôi đều đi qua. Năm trước, tôi viếng thăm Âu Châu, toàn thể thế giới đều đến đó. Họ bài xích tôn giáo, bề ngoài rất khách sáo, trong thực tế, họ thâm nghĩ quý vị đều là phường mê tín. Tại Liên Hiệp Quốc, Phật giáo cũng có đại biểu tham dự. Tổng bộ của tổ chức Giáo Dục Văn Hóa Khoa Học (UNESCO) của Liên Hiệp Quốc đặt tại Ba Lê. Đại biểu của Phật giáo là một vị pháp sư người xứ Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka). Ngày đầu tiên, vị pháp sư ấy đến gặp tôi, mặc quần áo thông dụng của người tại gia. Tôi trông thấy, cảm thấy rất lạ. Ông ta bảo mình là người xuất gia, đầu cạo trọc, đi giày da, mặc y phục phương Tây. Ông ta mới bảo tôi, vì ông ta làm việc cho UNESCO, mặc y phục xuất gia bất tiện, quý vị mới vỡ lẽ. Tôi đến tham dự một yến tiệc của đảng Cộng Hòa tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, cũng rất đông người. Có một người đến trước mặt tôi chấp tay hành lễ, mặc quần áo phương Tây lịch lãm, đầu cạo láng o, còn tôi vẫn mặc y phục xuất gia. Ông ta cho biết mình là người xuất gia, sư phụ là người Nhật Bản, xuất gia cũng đã lâu, hôm nay đến tham dự bữa tiệc ấy. Tôi hỏi: “Cớ sao thầy mặc loại quần áo này?” Ông ta đáp: “[Y phục xuất gia] chẳng thuận tiện”! Tôi liền hiểu rõ.

Bởi lẽ, ở bên đó, có rất nhiều [trường hợp giống như vậy]. Các đồng tu cho biết: “Thưa pháp sư! Đại khái là trong những hoàn cảnh [tiệc tùng] giống như vậy, chúng con chỉ thấy có hai người không thay đổi y phục”. Tôi hỏi: “Hai người nào vậy?” [Họ đáp]: “Một là Đạt Lại (Dalai Lama), vị kia chính là thầy. Các vị trong bất cứ trường hợp nào cũng đều chẳng thay đổi y phục”. Điều này cho thấy, trong sự cảm nhận của người đời, tôn giáo chẳng kiến lập một lập trường thật sự, mọi người đều có cái nhìn hoài nghi đối với quý vị! Do nguyên nhân nào? Chẳng trì giới. Cổ đại đức thường nói: “*Chẳng có giới luật; bất luận tại gia*

hay xuất gia nếu chẳng trì giới, sẽ chẳng có Phật! Chẳng có lễ, không nói đến lễ, chẳng tuân thủ lễ, sẽ chẳng có Nho”.

Chúng ta thấy người học Phật trong xã hội hiện thời, người học Phật thật sự chẳng ít, người học Nho cũng chẳng ít, [thế nhưng] người học Nho chẳng tuân thủ lễ, người học Phật chẳng trì giới, làm sao người khác coi trọng quý vị cho được? Đối với những chuyện này, chúng ta phải phản tỉnh thật sâu, chẳng thể trách móc ai khác! Hãy trách chính mình chẳng làm tốt! Tôi không nói: “Chẳng làm đủ!” Vì sao? Căn bản là đâu có làm! Do vậy, hiện thời phải nâng cao [cách nhìn của xã hội đối với] các tín đồ tôn giáo. Bất luận là tôn giáo nào, [để] nâng cao thân phận, địa vị, nâng cao cách nhìn của người bình phàm đối với các tín đồ tôn giáo, nhất định là quý vị phải trì giới, giữ quy củ, phô ra một hình tượng tốt đẹp cho người khác [trông thấy], người ta sẽ tự nhiên tôn kính. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, vì sao Ngài được nhiều người tôn kính ngần ấy? Các vị tổ sư đại đức xưa kia giáo hóa chúng sanh, đối với đại chúng trong xã hội, trên là từ đế vương, đại thần, dưới cho đến kẻ bán rong, gã chạy việc vặt, đều tôn kính người xuất gia ngần ấy là do đạo lý nào? Trì giới, có hình tượng tốt đẹp! Hễ nói ra, đều thật sự làm được.

Nay ngẫm lại, đối với Phật pháp cơ bản, tức là đối với Thập Thiện Nghiệp, hãy thường xuyên phản tỉnh, phải tự hỏi chính mình có làm được hay không? “*Không sát sanh*” có làm được hay không? Chẳng giết người, nhưng có giết súc sanh hay không? Có ý niệm tổn thương người khác hay không? Tuy chẳng có hành vi, nhưng đôi khi vẫn có ý niệm tàn nhẫn. Ý niệm là ý nghiệp, tâm của quý vị không thanh tịnh, quý vị còn có ý niệm giết chóc. Vì thế, quý vị có ý niệm gây tổn thương, tàn hại người khác, chẳng đoạn sát tâm! Quý vị có ý niệm chiếm tiện nghi của kẻ khác, tức là chẳng đoạn cái tâm trộm cắp! Nay không chỉ là nói “*chẳng đoạn ý nghiệp*”, mà thân và khẩu cũng chẳng đoạn! Hàng xuất gia và tín đồ tôn giáo như vậy, làm sao có thể khiến cho đại chúng trong xã hội tôn trọng, kính ngưỡng? Khó lắm! Nói khó nghe là “chúng ta đang hành trì chuyện phá hoại hình tượng của Phật giáo”. Nói thông tục một tí, sẽ là kẻ đã vứt bỏ Thích Ca Mâu Ni Phật! Học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật trong xã hội đã hành xử theo kiểu ấy. Sự hành trì của chúng ta khiến cho người khác tạo khẩu nghiệp. Những nghiệp do kẻ khác đã tạo đều do chúng ta gây nên, ta dẫn phát họ tạo nghiệp. Quả báo của chúng ta chẳng ở trong tam đồ, chẳng ở trong địa ngục, thì sẽ là ở đâu đây? Nhất định phải biết điều này!

Vì thế, trước hết là phải học. Học cho đến khi thật sự có tâm đắc, rồi mới xuất gia. Sau khi xuất gia, sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, thật sự biểu hiện hình tượng tốt đẹp của Phật pháp trong xã hội. “*Vị nhân diễn thuyết*” (Vị người khác diễn nói): “*Diễn*” (演) là biểu diễn. Ta thật sự làm được, làm cho mọi người thấy. “*Thuyết*” (說) là giải thích, vì người khác diễn nói. Quý vị thấy kinh Kim Cang đã nói rất nhiều, “*thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn thuyết*”. Đệ tử xuất gia của đức Phật làm gì? Chính là suốt đời thực hiện câu này! Thọ, trì, đọc, tụng, vì người khác diễn thuyết! “*Diễn*” là biểu diễn, nêu ra hình dáng cho mọi người thấy. “*Thuyết*” là giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, hằng ngày vì người khác diễn thuyết. Diễn thuyết chính là giáo học. Diễn là thân giáo, Thuyết là ngôn giáo, người xuất gia làm chuyện này! Không giảng kinh, không thuyết pháp thì ở trong tự viện làm hộ pháp. Hộ pháp là biểu diễn, họ diễn tại đó, nêu gương tốt nhất cho mọi người thấy, [họ sẽ cảm nhận] đây là sự tu trì trong Phật môn, tâm cung kính, tâm bắt chước làm theo sẽ tự nhiên sanh khởi. Đây mới thật sự là đệ tử của Phật môn, chánh pháp tồn tại trong cõi đời. À! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

---o0o---

Tập 1509

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ năm⁴¹ trong phần kệ tụng Xuất Gia Thọ Giới:

(Kinh) Thoát khứ tục phục, đương nguyện chúng sanh, cần tu thiện căn, xả chư tội ách.

(經)脫去俗服。當願眾生。勤修善根。捨諸罪軛。

(Kinh: Cởi bỏ áo đời, nguyện cho chúng sanh, siêng tu căn lành, bỏ các tội ách).

Đây là xuất gia thế độ. Bài kệ trước đó là Cầu thỉnh Xuất Gia. Tôi cũng đã thưa bày cận kề với quý vị: Xuất gia là một đại sự; tại gia thì lập gia đình là một đại sự, tuyệt đối chẳng phải là chuyện đùa bỡn của trẻ con! Nhưng hiện thời, đối với chuyện lập gia đình, cũng là kết hợp rất cầu thả. Tình hình ấy đã tạo thành tỷ lệ ly hôn khá cao. Trong xã hội xưa kia, rất ít nghe nói đến chuyện ly hôn. Thuở ấy, hễ nghe nói đến chuyện vợ chồng nào đó ly dị, đúng là một tin sốt dẻo, hiếm nghe thấy! Hiện thời quá nhiều! Chúng ta phải lắng lòng quan sát cận kề chuyện này, sau đây

mới thật sự thấu hiểu nguyên nhân chân chánh gây nên sự an nguy và động loạn trong xã hội là ở chỗ nào. Quý vị mới có thể phát hiện tình trạng nguy ngập nghiêm trọng trong xã hội hiện thời, [thấy rõ] nguồn cội của tình trạng nguy ngập ấy, cũng như nguyên nhân gây ra tình trạng nguy ngập ấy là ở chỗ nào!

Trong quá khứ, xuất gia cũng hết sức thận trọng. Không chỉ là giữa thầy và trò thật sự có sự chọn lựa rất nghiêm túc, nghiêm ngặt. Đồ đệ chọn lựa thầy, thầy chọn lựa đồ đệ, nhất định chẳng phải là rất tùy tiện, rất dễ dãi, qua quýt! Đã thế, [để hội đủ tư cách xuất gia], còn phải trải qua sự khảo thí của nước nhà! Ở đây, tôi phải nói rõ thêm về điểm này. Vào thời cổ, xuất gia chẳng phải là tùy tiện xuất gia. Đạo tràng do quốc gia quản lý; vì rất nhiều đạo tràng là do quốc gia kiến tạo, chẳng phải do tư nhân xây dựng. Nếu chư vị nhìn vào rất nhiều đạo tràng có quy mô rất lớn tại Trung Hoa, sẽ thấy trên hoành phi có ghi “*sắc kiến*”. “*Sắc kiến*” (敕建) nghĩa là do hoàng đế hạ lệnh xây dựng. Có những ngôi chùa do quốc khố bỏ tiền xây cất, có những ngôi chùa do chính quyền địa phương bỏ tiền xây dựng. Chùa miếu như vậy thì làm sao quốc gia chẳng quản lý cho được? Trong số ấy, cũng có những ngôi chùa do một số ít trưởng giả, cư sĩ kiến lập.

Đạo tràng [thời cổ] đều là đạo tràng thập phương, chẳng thuộc về một cá nhân nào, nhằm cung cấp [nơi chốn] cho người xuất gia tu hành an tâm học tập nơi đó. Người xuất gia có nhu cầu sinh hoạt rất đơn giản; vì thế, chăm sóc họ cũng chẳng khó. Họ chẳng có nhu cầu xa xỉ gì, đúng là “*thô trà, đạm phạn*” (trà dỏ, cơm nhạt). Chánh phủ và nhân dân cũng vui lòng cúng dường họ. Họ có cống hiến gì đối với xã hội và quốc gia? Quý vị đọc bài Ung Chánh Hoàng Đế Thượng Dụ (huấn dụ của hoàng đế Ung Chánh) sẽ biết, nhà vua đã viết rất nhiều bài huấn dụ về tôn giáo và giáo dục. Trong [bản in] kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, [chúng tôi] có [sao lục] một bài, nguyên văn [của bài ấy] và những phần trích lục [từ những bài khác] đều được ấn hành. Chư vị hãy xem nhé! Vua Ung Chánh nói rất hay. Những vị xuất gia tu trì tốt đẹp, hằng ngày hồi hướng cho quốc gia và xã hội, người ngoại quốc nói là “*kỳ đảo*” (祈禱, cầu nguyện), chúc phước. Chuyện này có hiệu quả hay không? Khẳng định là có hiệu quả. Người thuở trước tin tưởng, người hiện thời chẳng tin. [Đối với chuyện] “*do những lời cầu nguyện, chúc phước của quý vị, Thượng Đế sẽ nghe lời quý vị*”, họ nẩy sanh hoài nghi! Trên thực tế, sự kiên thành cầu nguyện và chúc phước chẳng liên quan gì đến Thượng Đế cả! Hiệu quả là ở chỗ nào? Từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bốn Thắng, ta đã có chứng

minh khoa học! Thiện tâm chúc phước, nhất là có rất nhiều người đồng thời [làm như vậy], không nhất định là ở cùng một chỗ, mà là cùng một lúc cầu nguyện, chúc phước, sẽ sanh ra phản ứng nhất định. Điều khó có là các nhà khoa học đã chứng minh [chuyện này]. Chuyện này thuộc về phương diện tinh thần. Trên thực tế, hành vi của những vị xuất gia ấy đã nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, gương gì vậy? “*Ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu*” (Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời), khiến cho những người hằng ngày cạnh tranh trong xã hội sẽ lắng lòng phản tỉnh đôi chút. Vì thế, người xuất gia tu hành đúng pháp sẽ có cống hiến rất lớn đối với xã hội.

Lúc còn trẻ, tôi thích đọc lịch sử. Sách sử của mỗi triều đại đều có Ấn Dật Truyện. Trong phần liệt truyện⁴², có một thiên như vậy. Lúc còn trẻ, tôi chẳng liễu giải. Đối với những thiên sách ấy, tôi thường suy nghĩ, những người ấy có đạo đức, có học vấn, có năng lực, chẳng ra làm việc phụng sự xã hội và quốc gia, lại ẩn cư; vì sao còn viết truyện (viết tiểu sử) về họ? Những bài truyện ấy được lưu truyền thiên cổ, họ có công lao, có cống hiến gì đâu? [Ôm ấp] nổi nghi hoặc ấy nhiều năm chẳng thể giải quyết được! Về sau, do học Phật, thân cận thầy Lý, tôi nêu ra chuyện này: Thưa thầy, con có niềm nghi vấn ấy. Thầy giải thích, những người đó có công đức “*tiềm di mặc hóa*” (潛移默化, ngấm ngấm biến đổi, chuyển hóa đại chúng), có ảnh hưởng. Họ có đức hạnh, có năng lực, có học vấn, có thể ra làm quan, nhưng họ không làm! Có ai mà chẳng mong tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng? Họ (những người ẩn dật ấy) dạy mọi người “chẳng cần tranh, cuộc sống của tôi thoải mái lắm, tự tại lắm!” Quý vị nói xem, đức hạnh, năng lực, và học vấn của tôi chẳng kém quý vị. Họ đã ban cho đại chúng trong xã hội quan niệm “*chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời*”. Ai nấy đều có quan niệm ấy, xã hội sẽ an định, sẽ hòa bình. Vì thế, họ dấy lên tác dụng rất lớn đối với sự an định và hòa bình trong xã hội, [cho nên] các sử gia đã chép truyện ký của họ. Tôi nghĩ [cách giải thích] ấy rất hợp lý. Những vị ẩn dật có ảnh hưởng to lớn ngàn ấy đối với xã hội, người xuất gia tu hành sẽ có ảnh hưởng càng to hơn nữa! Vì sao? Họ giáo hóa chúng sanh bằng thân giáo và ngôn giáo, vì hết thầy đại chúng cõi gỡ những nghi nan tạp chúng.

Những chuyện này đều do Thích Ca Mâu Ni Phật lưu lại. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chư vị biết lão nhân gia giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Quý vị thấy trong Đại Tạng Kinh có khá nhiều bộ kinh; đó là gì? Giống như Học Phật Vấn Đáp trong hiện thời. Chúng sanh bất luận là trong cuộc sống hay trong công việc, hễ xử sự,

đãi người tiếp vật gặp khó khăn, chẳng biết cư xử như thế nào, bèn gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, hướng về Ngài nêu câu hỏi. Đức Phật sẽ giải đáp. Ngài giải đáp hợp lý, có phương pháp, làm theo lời đức Phật sẽ có hiệu quả. Sau khi đức Phật diệt độ, [những lời dạy ấy] được ghi chép thành kinh điển. Do vậy, trong Đại Tạng Kinh có khá nhiều kinh rất ngắn, số chữ đại khái từ hai ba trăm chữ cho đến mấy trăm chữ, chẳng vượt quá một ngàn chữ. [Những kinh như vậy] rất nhiều, đều nhằm giải đáp các nghi nan tạp chứng. Vì lẽ này, Tạng Kinh được gọi là Pháp Bảo.

Xã hội hiện thời càng phức tạp hơn, vấn đề càng nhiều, có thể tìm câu trả lời trong Đại Tạng Kinh hay không? Có thể chứ! Bất luận chuyện lớn hay việc nhỏ! Toàn thể vấn đề xã hội trong hiện thời, cho đến những vấn đề chánh trị, các vấn đề về cuộc sống của nhân dân, hay vấn đề giáo dục, đều có trọn hết! Xã hội hiện thời xáo động, rối loạn, lòng người bất an, làm thế nào để có thể khiến cho xã hội khôi phục an định, khôi phục hòa bình, hóa giải hết thảy các xung đột đối lập? Trong kinh Phật có rất nhiều đạo lý và phương pháp, cao minh hơn những cách suy nghĩ và thảo luận của các bậc học giả và chuyên gia trong hiện thời quá nhiều! Đối với các ý kiến do những vị học giả, chuyên gia nổi tiếng trên thế giới đề ra trong hiện thời, chúng ta nghe kỹ, suy nghĩ cặn kẽ, [sẽ thấy những cách thức ấy] còn để lại hậu quả [chẳng tốt]. Có nghĩa là phương pháp tốt đẹp, nhưng còn kèm theo tác dụng phụ, chẳng phải là tận thiện, tận mỹ. Phương pháp của đức Phật là tận thiện, tận mỹ, là kho báu trí huệ của nhân loại.

Trí huệ do đâu mà có? Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta: *“Hết thảy chúng sanh vốn có trí huệ ấy”*. Trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện đã nói rất hay! *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Do vậy, xét về trí huệ, hết thảy chúng sanh và chư Phật, Bồ Tát bình đẳng, đức năng cũng bình đẳng, phước báo cũng bình đẳng. Có sao có mười pháp giới sai biệt quá lớn như vậy? Đức Phật dạy, *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Bọn lục đạo phàm phu chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều trọn đủ; vì thế, quý vị chẳng thể chứng đắc. Quý vị hoàn toàn chẳng đánh mất, [chỉ là] chẳng thể chứng đắc. Buông xuống chấp trước, quý vị sẽ chứng đắc chút phần, trí huệ đã mở mang nhưng chẳng viên mãn! Phân biệt cũng buông xuống, quý vị sẽ chứng nhiều phần, [sự chứng đắc ấy được gọi là] Chánh Đẳng Chánh Giác, vẫn chưa phải là viên mãn! Vọng tưởng cũng ắt phải buông xuống, quý vị sẽ chứng đắc viên mãn. Trí huệ

viên mãn, đức năng và tướng hảo trong tự tánh thủy đều hiện tiền. Đức Phật dùng lời thật dạy chúng ta, chẳng lừa dối chúng ta.

Hiện thời, chúng ta rất tệ hại. Nghe lời Phật dạy, đọc kinh Phật, [thế mà] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng buông xuống. Đây là gì? Học trò chẳng nghe lời. Học khá lắm, chẳng chịu làm. Do vậy, quý vị chẳng đạt được lợi ích và công đức thù thắng trong Phật pháp! Lợi ích và công đức thù thắng là gì? Trí huệ, đức năng, và tướng hảo. Quý vị chẳng hề tăng trưởng, tiến bộ trong ba phương diện ấy! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị nhẹ đi, trí huệ và đức tướng sẽ tăng trưởng, chúng tiêu trừ tăng trưởng lẫn nhau. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề, sẽ chẳng có trí huệ và đức tướng. Nói thật ra, trí huệ và đức tướng vẫn tồn tại, nhưng đã bị biến thành phiền não, tập khí. Phiền não, tập khí chính là tương phản của trí huệ và đức tướng. Ngàn kinh vạn luận, Phật, Tổ chẳng nói gì khác, không gì chẳng nhằm khuyên dạy chúng ta buông xuống mà thôi!

“Chẳng tranh với người, chẳng cầu nơi đời” chính là buông xuống. Do điều kiện này, học Phật sẽ hết sức tốt đẹp. Nếu quý vị còn có tranh, còn có cầu, sẽ khó khăn lắm! Tại gia học Phật thì còn được, chứ xuất gia học Phật sẽ chẳng được. Do vậy, xuất gia học Phật nhất định phải buông xuống! Trước kia, thầy chọn lựa học trò, sẽ xét xem học trò có thể buông xuống hay không? Có phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi năm một nhạt mỏng hơn hay không? [Nếu đúng là như thế], đây là một đứa học trò tốt, là đối tượng đáng nên tuyển chọn. Có tâm đại từ bi hay không? Có thể bỏ mình vì người [hay không]? [Hễ đều có thể], đây chính là căn tánh Đại Thừa. Căn tánh Đại Thừa là bỏ mình vì người, trọn chẳng so đo cho chính mình, niệm nào cũng đều nghĩ đến phước lợi của chúng sanh. Kẻ ấy sẽ tiếp nhận giáo huấn Đại Thừa chẳng khó khăn!

Xưa kia, [để thanh lọc những kẻ muốn xuất gia], quốc gia phải tổ chức thi cử. Những người ấy đều có học, những khoa mục sát hạch gần như chẳng khác những khoa thi Cử Nhân hoặc Tiến Sĩ thông thường cho mấy. Quý vị đã có cơ sở ấy, thật sự có học thức. Đó là yêu cầu xưa kia của đế vương đối với người xuất gia. Vì người xuất gia có thân phận và địa vị là thầy, là *“thiên nhân sư”* (thầy của trời lẫn người), được đế vương tôn trọng. Đế vương muốn đề xướng hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy. Do vậy, đặc biệt coi trọng người xuất gia, nói chung, quý vị phải có chút gì đó khiến cho họ kính phục! Vì thế, khi khảo thí, đối với những thứ học thuật thông thường, gần như chẳng khác [những đề mục khảo hạch trong khoa thi] Tiến Sĩ cho mấy. Lại còn khảo hạch các kinh luận Phật

giáo. Đương nhiên quý vị là một người xuất gia, ắt phải thông hiểu [kinh luận], cho nên phải khảo hạch. Sau khi đã đạt tiêu chuẩn, chứng thư do hoàng thượng cấp phát được gọi là “*độ điệp*” (度牒, giấy chứng nhận thế độ), nay chúng ta gọi là “*chứng thư*” (證書). Quý vị đã thi đậu, cũng giống như là hoàng thượng tiếp nhận quý vị: “Ông có thể làm thầy của tôi, có thể giúp tôi giáo hóa đại chúng bình phàm trong xã hội”. Lẽ nào nhà vua chẳng tôn trọng quý vị, [bởi lẽ] chẳng phải là có thể xuất gia tùy tiện được! Do vậy, xuất gia thì phải luôn tìm một nơi [thích hợp]. Ngày hôm qua tôi đã thưa cùng chư vị: Quý vị phải có duyên với pháp sư, phải có duyên với đại chúng trong đạo tràng ấy. Vì thế, tối thiểu là quý vị phải trụ ở đó ba tháng, nửa năm. Thậm chí có người phải trụ hai, ba năm, đôi bên cư xử thân thuộc với nhau. Quý vị xin thế độ, vị thầy ấy nhất định sẽ trước hết xét văn bằng, chứng thư, độ điệp của quý vị. Quý vị chẳng có độ điệp, thầy sẽ chẳng dám cho quý vị xuống tóc. [Cho quý vị] xuống tóc là phạm pháp! Nghiêm ngặt như thế đó!

Rất bất hạnh là chế độ quốc gia khảo thí bị vua Thuận Trị nhà Thanh phế trừ. Nhà vua là hoàng đế đầu tiên của nhà Thanh, là cha của Khang Hy, vừa mới “*nhập quan*” (入關, vào Trung Nguyên)⁴³. Nhà vua phế trừ vì hảo tâm. Sau này, có truyền thuyết chính vua Thuận Trị cũng xuất gia, do đã thấy thấu suốt hồng trần. Chẳng phải vì nguyên nhân ấy, vua xuất gia chẳng có ai cấp độ điệp cho, nhà vua liền ngay lập tức phế trừ [quy chế ấy]! Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư có vài bài phê bình chuyện này. Thuở ấy, đó là chuyện tốt. Vì sao? Người xuất gia thật sự đều có trình độ ấy, [không khảo thí mà cho phép xuất gia thì vẫn được], nhưng di chứng về sau rất phiền toái. Đến thời hiện tại, kẻ không biết chữ, chưa từng được giáo dục, đều xuất gia, cũng được thế độ, cũng thọ tam đàn đại giới. Tố chất của người xuất gia đọa lạc ngàn trượng!

Từ sách cổ, chúng ta thường thấy: Bậc quý nhân, quan chức hiển đạt, như những người lãnh đạo tại địa phương, Thái Thú thời cổ tương đương tỉnh thị trưởng trong hiện thời, hễ gặp những nỗi khó khăn bèn đến thỉnh giáo lão hòa thượng trong chùa miếu trên núi. Những vị xuất gia giống như cổ vấn của họ, xác thực là thật sự có năng lực. [Các vị ấy] tâm địa thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Quốc gia đại sự cũng chẳng phải là ngoại lệ, Hoàng Thượng gặp chuyện khó khăn, cũng hướng về người xuất gia thỉnh giáo. Do vậy có thể biết, xưa kia, đạo đức, học vấn, và trí huệ của người xuất gia xác thực là khiến cho kẻ khác tôn kính. Đế vương đã tôn kính, đương nhiên là văn võ bá quan chẳng có ai không tôn kính người xuất gia. Các

tầng lớp lãnh đạo quốc gia đều tôn kính người xuất gia, dân chúng bình phàm có lẽ nào chẳng tôn kính? Điều này sanh ra hiệu quả rất lớn đối với sự trị an trong xã hội.

Vì lẽ ấy, nó xác thực là giáo dục xã hội, dạy mọi người an phận, giữ bốn phận, dạy mọi người liễu giải nhân quả ba đời. Của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu là mục tiêu hâm mộ và theo đuổi của hết thảy chúng sanh; quý vị có thể cầu được hay không? Chẳng cầu được! Những thứ này đã được định sẵn trong mạng, vận mạng của mỗi cá nhân khác nhau. Đời trước đã gieo những cái nhân khác nhau, nếu như đời này hưởng thụ quả báo giống hệt như nhau, sẽ là chuyện chẳng thể nào thực hiện được! Chuyện ấy thật sự trái nghịch định luật nhân quả, trái nghịch Tánh Đức, há có lẽ ấy? Khẳng định là sẽ sanh ra những chuyện rối loạn! Phải làm như thế nào thì mới thỏa mãn mong cầu và ước nguyện của đại chúng? Nhà Phật có phương pháp, dạy quý vị tu nhân. Của cải là quả báo, nhân [của nó] là gì? Thông minh, trí huệ là quả báo, nhân là gì? Khỏe mạnh, sống lâu cũng là quả báo, nhân là gì? Dạy quý vị tu nhân. Đã có nhân rồi thì sau đây sẽ có quả!

Hiện thời, các vị thấy chuyện đề xướng Liễu Phàm Tứ Huấn trong những năm vừa qua cũng có một ít hiệu quả, người xem rất nhiều. Hiện thời, Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký cũng bắt đầu lưu thông. Đây chính là nhằm dạy quý vị, quý vị mong cầu ba thứ ấy, hãy xem người ta cầu như thế nào? *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Chẳng phải là không cầu được! Cầu đúng lý, đúng pháp, thì quý vị mới có thể cầu được. Nếu sự mong cầu của quý vị trái nghịch lý luận, mà cũng trái nghịch phương pháp, làm sao quý vị cầu cho được? Quý vị sẽ tự chuốc lấy khổ! Quý vị thật sự hiểu những điều này thì mới thấu hiểu chỗ tốt đẹp trong giáo dục tôn giáo. Xưa nay, trong ngoài nước, con người rất khó thoát khỏi giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo thật sự có thể đem lại cuộc sống hạnh phúc, thỏa mãn lòng mong cầu, thỏa mãn những mong cầu của quý vị. Nếu chẳng có những điều tốt đẹp ấy, lẽ đâu chúng ta đi theo con đường này? Cụ Phương Đông Mỹ đã giới thiệu với tôi: *“Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Tôi rất hâm mộ câu nói ấy, sự hưởng thụ cao nhất trong đời người! Tôi bèn hạ quyết tâm đi theo con đường ấy!

“Thoát khứ tục phục” (Cởi bỏ y phục thế tục) chính là đổi sang áo ca-sa, bèn phát nguyện: *“Đương nguyện chúng sanh, cần tu thiện căn, xả chư tội ách”* (Nguyện cho chúng sanh, siêng tu căn lành, bỏ các tội ách). Đây chính là quý vị thật sự phát tâm xuất gia làm đệ tử Như Lai. Việc đầu

tiên cần làm chính là quý vị phải buông xuống những tội nghiệp. Tội nghiệp gì vậy? Thập Ác, tức giết, trộm, dâm, nói dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si. “*Xả chur tội ách*” là nói đến những thứ ấy. “*Cần tu thiện căn*” (Siêng tu thiện căn) là tương phản với Thập Ác, tức Thập Thiện. Do vậy, hai câu này chính là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Từ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta thấy đức Phật nói Thập Thiện Nghiệp Đạo là Thanh Văn Bồ Đề. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “giác ngộ”. Sự giác ngộ của A La Hán, sự giác ngộ của Bích Chi Phật và sự giác ngộ của Bồ Tát được kinh ấy [lần lượt] gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, tức là sự giác ngộ của Phật, Bồ Tát. Sau đó, còn có một câu “*nãi chí nhân thiên pháp*” (cho đến pháp nhân thiên). Quý vị làm như thế nào để đời sau chẳng mất thân người, hoặc là đời sau có thể sanh lên trời, thấy đều dùng những điều này làm cơ sở. Nếu chúng ta không tu Thập Thiện, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và tạo tác sẽ tương ứng với Thập Ác, quý vị biết là đời sau sẽ chẳng có phần nơi nhân đạo! Chẳng có phần trong loài người, sẽ đến nơi đâu? Ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, đến những chỗ đó, tức ba ác đạo.

Bản thân chúng ta phát tâm xuất gia, nguyện vọng là gì? Trong phần trước đã nói, chẳng phải là nói “ta thoát khỏi phiền trạch gia”. Chẳng phải là nói về điều ấy, [mà là] chúng ta phải thoát khỏi phiền não gia. Thập Ác là phiền não. Phải cởi gỡ thứ ấy, phải thoát khỏi tam giới gia, phải thoát khỏi vô minh gia, đó là đúng. Hoằng nguyện như vậy được thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì thế, theo nghi thức, trước khi thế độ (剃度, xuống tóc), phải cử hành Tam Quy Y. Khi thế độ, trước khi thọ giới, cũng phải cử hành Tam Quy Y. Trước khi thọ giới Sa Di, cũng phải cử hành Tam Quy Y. Trước khi thọ giới tỳ-kheo, thọ Bồ Tát Giới, thấy đều phải cử hành Tam Quy Y. Những điều này đều đã chỉ rõ Tam Quy Y là tổng cương lĩnh, tức là tổng cương lĩnh và tổng nguyên tắc trong học tập. Tam Quy được gọi là Phiền Tà Tam Quy (翻邪三皈, Tam Quy nhằm chuyển đổi tà vạy). Thập Ác là tà, Thập Thiện là chánh, chuyển tà về chánh. Nếu quý vị chẳng thể buông xuống Thập Ác, làm sao có thể thành tựu cho được? Bất luận quý vị tu học trong Phật pháp như thế nào đi nữa! Nếu nói theo cách hiện thời, [sự tu hành ấy] thuộc loại Phật học, chẳng phải là học Phật.

Đối với Phật học, trước kia, thầy Lý thường bảo chúng tôi: “Quý vị đạt được mấy chục học vị Tiến Sĩ Phật học, trong tương lai, khi chết,

đáng chết như thế nào thì vẫn chết y hệt như thế ấy, vô dụng! Những thứ ấy là giả, chẳng thật!” Vì thế, nếu phát tâm học Phật, nhất định phải học giống như Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng thể giống hoàn toàn, cũng phải là chẳng sai kém cho lắm thì mới được. Học giống như Ngài, quý vị sẽ thành Phật. Học chẳng sai khác cho mấy, quý vị sẽ thành Bồ Tát, hoặc thành A La Hán. Đây là sai kém chẳng nhiều cho lắm! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch sự thật này, hãy thật sự hành!

Đối với các vấn đề trong hiện tại, chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, tư duy. Vì sao chẳng làm được Thập Thiện? Đối với chúng ta mà nói, Thập Thiện rất ơ hờ, Thập Ác quá thân thuộc! Trong đời quá khứ, tuy có thiện căn, nhưng trong xã hội hiện thời, duyên bên ngoài chẳng tốt đẹp. Duyên là gì? Hết thấy các duyên, những gì quý vị đã thấy, đã nghe, đã đón nhận, đã tiếp xúc, thấy đều lôi kéo, dẫn dắt chủng tử của mười ác nghiệp trong A Lại Da Thức, khiến cho quý vị dấy lên tham, sân, si, mạn, khiến cho quý vị tạo giết, trộm, dâm, dối. Nay chúng ta gặp phải hoàn cảnh như thế đó, gần như chẳng có hoàn cảnh chánh đáng, hoàn cảnh tốt lành! Nửa thế kỷ trước còn có đôi chút, hiện thời hoàn toàn chẳng có!

Những năm xưa, chúng tôi ngồi máy bay. Trên máy bay có tạp chí, tôi ngồi trên những chiếc máy bay mới khá nhiều. Trong tạp chí còn có một, hai bài văn hay, thuộc loại đảng hoàng có thể xem được. Trong thời gian gần đây nhất, trong tạp chí chẳng hề có [những bài như vậy]. Do vậy, khi đi máy bay, chúng tôi cầm theo kính để xem. Nhật báo, tạp chí, radio, TV toàn là ô nhiễm, chúng khuyên quý vị làm gì? Khuyên quý vị làm chuyện giết, trộm, dâm, dối. Có một lần tôi thấy một quảng cáo trên báo, đăng trọn cả trang. Toàn thể trang báo là một quảng cáo. Nội dung là gì? *“Tham lam là chánh xác”!* Họ viết một câu như thế đó! Nói cách khác, tham lam chẳng có tội! Tham lam là chuyện tốt, con người phải nên có tâm tham. Do tâm tham mới có thể thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Nếu con người chẳng có lòng tham, xác thực là kinh tế chẳng thể tăng trưởng! Vì tăng trưởng kinh tế mà cổ vũ, khích lệ lòng tham của hết thấy mọi người! Đáng ngán thay! Nói theo Phật pháp, tâm tham đọa ngã quý. Nói cách khác, cổ vũ, khích lệ mọi người trong tương lai đều vào quỹ đạo, chuyện là như vậy đó!

Chúng ta có mong tương lai thành quý hay chẳng? Loài người rất khổ, nhưng thành quý còn khổ hơn làm người nữa! Khổ hơn quý là địa ngục. [Đọa] địa ngục là do sân khuể và sát hại. Đây là nghiệp nhân của

địa ngục. Giết, trộm, dâm, dối nghiêm trọng, sẽ là nghiệp nhân của địa ngục. Trong kinh, đức Phật đã nói rất nhiều, *“tài, sắc, danh, thực, thù, địa ngục ngũ điều căn”* (tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngũ nghề là năm cái rễ của địa ngục). Nếu quý vị dấy lòng tham nghiêm trọng đối với ngũ dục, dốc trọn sức truy cầu, chẳng nề hà thủ đoạn, chắc chắn là quý vị sẽ tạo nghiệp đi vào địa ngục! Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, có sao trong một đời ngắn ngủi như thế này, lại tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy? Đúng là *“thiên đường có nẻo, vì sao không đi? Địa ngục chẳng có cửa, sao cứ liều mạng rúc vào?”* Đây chính là điên đảo! Trong kinh, đức Phật thường gọi hạng người ấy là *“kẻ đáng thương xót”!*

Phật, Bồ Tát thấy vậy, tâm từ bi tràn trề nẩy sanh, luôn mong giúp họ, khuyên họ quay đầu. Trong quá khứ, nhiều người tiếp nhận, [cho nên] có nhiều người quay đầu. Trong thời đại hiện tại, người tiếp nhận rất ít. Họ tin tưởng khoa học, chẳng tin nhân quả, chẳng tin có ba đời, [cứ ngỡ] *“con người chỉ có một đời này, hễ chết rồi thì thứ gì cũng chẳng còn nữa. Nếu chẳng ráo riết truy cầu khoái lạc trong một đời này, chẳng phải là đã uống phí một đời ư?”* Tà tri tà kiến! Tri kiến sai lầm, cách nghĩ và cách nhìn sai lầm, lầm lạc một đời, đánh mất cơ duyên đắc độ trong một đời! Quý vị nói xem có đáng tiếc hay chẳng?

Hai mươi năm trước, tôi hoằng pháp tại Mỹ, các đồng học đều hết sức tốt đẹp. Họ đã sưu tập những tin tức liên quan đến nhân quả báo ứng và luân hồi tại Âu Mỹ cho tôi xem. Họ bảo tôi: *“Người ngoại quốc hiện thời cũng tin. Nhưng người tin tưởng vẫn là thiểu số, chẳng phải là đa số”*. Họ đưa cho tôi một tấm bản đồ do một nhà tiên tri vẽ ra, họ đưa cho tôi xem! Tận thế! Tận thế sẽ phát sanh vào năm nào? Năm 1999 cho đến năm 2000. Nghe nói hiện thời tấm bản đồ ấy chẳng còn bán, vì năm 2000 đã qua rồi, mọi người chẳng tin có chuyện này! Trong tay tôi có một tấm cũng tặng cho người khác, nhưng các đồng học có làm lại một tấm cho tôi, nay chúng tôi đặt ở tầng mười. Hễ chư vị lên đó, sẽ trông thấy. Có thể [tận thế] hay không? Nếu quý vị thật sự tin tưởng *“y báo chuyển theo chánh báo”* như kinh luận đã dạy, quý vị sẽ tin tưởng!

Vì sao thế giới này biến thành tình trạng như vậy? Do lòng người! Lòng người đều có thể *“siêng tu thiện căn, bỏ các tội ác”*, thế giới này sẽ dần dần biến thành thế giới Cực Lạc, biến thành thế giới Hoa Tạng. Nếu lòng người chẳng biết tu thiện căn, chẳng biết tu Thập Thiện, vẫn không ngừng tiếp tục tạo tác mười ác nghiệp; đã thế, mười ác nghiệp mỗi năm một tăng trưởng, tấm bản đồ ấy sẽ có thể là thật, chẳng giả! Do vậy, chúng tôi đặt nó ở nơi đây, khiến cho các đồng học trông thấy, mọi người

đều cảnh giác. Bản đồ ấy chẳng phải do người Hoa vẽ, mà là do người ngoại quốc vẽ.

Trong lời nguyện “*thoát khứ tục phục*” này, đã dùng chữ Tục (俗) để tỷ dụ sự ô nhiễm trong thế gian. Bản thân chúng ta phải giác ngộ, nguyện cho lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới thảy đều có thể giác ngộ, tu thiện, đoạn ác, phải buông xuống những điều ác ấy. Thay đổi, trừ bỏ “*tục phục*” (俗服, y phục thế tục), tức là buông xuống quần áo thế tục, khoác áo ca-sa. Ca-sa biểu thị Thập Thiện, nguyện vọng là như thế đó. Chúng ta hằng ngày lúc mặc quần áo, cởi quần áo, đều phải nghĩ đến nguyện này. Cởi ra, nhất định phải buông tội nghiệp xuống. Mặc vào, nhất định phải siêng tu thiện pháp. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem bài kệ tiếp theo là bài kệ thứ sáu.

(Kinh) Thế trừ tu phát, đương nguyện chúng sanh, vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt.

(經) 剃除鬚髮。當願眾生。永離煩惱。究竟寂滅。

(Kinh: Cạo bỏ râu tóc, nguyện cho chúng sanh, mãi lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt).

Người thế tục gọi râu ria, đầu tóc là “*phiền não ty*” (煩惱絲, to phiền não). Nói kiểu ấy, cũng bao hàm ý nghĩa hết sức sâu xa, nói rõ: Người sống trên đời, tập khí phiền não nhiều, dày rậm như râu tóc. Theo quy chế nhà Phật, hình tượng xuất gia cũng nhằm biểu thị pháp. Phải hiểu ý nghĩa này. Trước hết là phải cạo bỏ râu tóc, nhằm biểu thị [ý nghĩa trong] hai câu kế tiếp: “*Vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt*” (Vĩnh viễn lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt), biểu thị ý nghĩa ấy. Do đó, trong giới kinh, đức Phật dạy các đệ tử hằng ngày sáng tối phải sờ đầu. Sờ đầu có ý nghĩa gì? [Xét xem] những thứ phiền não, ưu lự, vướng mắc ta có buông xuống hay không? Sự biểu thị pháp về mặt hình tượng nhằm nói lên ý nghĩa này. Trong và ngoài phải như một, có thật sự buông xuống hay không? Biểu thị ý nghĩa ấy!

Người xuất gia tại Trung Hoa trừ chuyện ấy ra, trên đỉnh đầu còn “*niên hương*” (燃香, đốt hương). Vào thời cổ, thông thường là đốt mười hai lọn hương. “*Mười hai*” là một con số biểu thị sự viên mãn. Tôi thọ giới ở Đài Loan thuộc vùng nhiệt đới, đối với khí hậu nhiệt đới mà đốt

mười hai lọn hương, sợ có hại cho thân thể. Những vị lão hòa thượng cùng nhau thương lượng: Hương vẫn phải đốt, nhưng đốt ba lọn. Do vậy, chúng tôi đốt ba lọn hương. Nhưng cũng có người đốt sáu lọn, chín lọn, mười hai lọn, tùy thuộc ý nguyện của mỗi người. Tại Đài Loan, đốt ba lọn chiếm đại đa số, đốt chín lọn hoặc mười hai lọn tuy có, nhưng là thiểu số. Tôi được Chương Gia đại sư giáo huấn, vì Tạng truyền Phật giáo (Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng) không “*nhiên hương*” (đốt hương trên đỉnh đầu khi thọ giới). “*Nhiên hương*” là quy củ đặc biệt tại Trung Hoa, giống như ăn chay vậy. Phật giáo trên toàn thế giới chẳng ăn chay, chỉ riêng Trung Hoa là ăn chay. Trung Hoa ăn chay, đốt hương, Phật giáo ở ngoại quốc chẳng có! [Những chuyện ấy] toàn là biểu thị pháp.

Trong kinh Phật, đức Phật thường bảo: “*Nhiên thiêu tự kỷ, chiếu diệu biệt nhân*” (Đốt cháy chính mình, rọi sáng người khác). Nói theo kiểu hiện thời, câu này có ý nghĩa “*vì xã hội, vì đại chúng mà hy sinh, hiến dâng*”. Chẳng phải là quý vị thật sự đốt hương. Thật sự đốt cháy rụi thân thể, quý vị lấy gì để phục vụ xã hội? Đây là một công cụ. Đốt hương mang ý nghĩa này. Công cụ này không vì chính mình, mà phải vì hết thảy chúng sanh, phải vì xã hội, thực hiện chuyện “*bỏ mình vì người, hy sinh hiến dâng*”, có ý nghĩa như thế đó! Ý nghĩa này hay lắm, viên mãn lắm! Các vị đại đức Trung Hoa cảm nhận điều này rất sâu, sợ chính mình sẽ quên bằng lời giáo huấn trọng yếu của đức Thế Tôn, bèn thật sự đốt mấy lọn hương trên đỉnh đầu, khiến cho quý vị hằng ngày trông thấy, tự nhắc nhở chính mình: Chúng ta phát nguyện thiêu đốt thân thể nhằm cúng dường chúng sanh. Quý vị đã phát nguyện ấy thì phải thực hiện. Chọn lựa ăn chay chính là thật sự thực hiện “không sát sanh” rất ráo viên mãn, chẳng ăn thịt chúng sanh. Nếu đối với chúng sanh còn có tâm oán hận, còn có tâm gây tổn hại, quý vị đã sai mất rồi, quý vị đã uống công ăn chay!

Mọi sự mọi vật chẳng có chuyện gì không có ý nghĩa biểu thị pháp trong ấy. Nếu quý vị hiểu sự biểu thị pháp được nói trong Phật môn, quý vị mới thật sự hiểu Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng đã nói [điều này] bao nhiêu lượt! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ở nơi đâu? Chẳng phải là trong kinh bốn, mà là vạn sự vạn vật được bao hàm trong vũ trụ hiện thực. Đây là chân tướng của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Những hiện tướng (現相, tướng được biến hiện) ấy thiên biến vạn hóa; vì sao có thể thiên biến vạn hóa? Kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với

khả năng lãnh hội của họ). Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa như thế, mà tất cả hết thấy phàm phu chúng sanh sống trong thiên nhiên cũng là như thế! Tâm chúng sanh tốt lành, sẽ mưa hòa, gió thuận, quốc thái dân an, cảm ứng đầy mà! Hoàn cảnh chuyển biến theo lòng người. Tâm chúng sanh bất thiện, thiên tai, nhân họa sẽ liên tiếp xảy ra. Đạo lý là như thế đó. Do vậy, có thể chuyển biến hoàn cảnh kém hèn hay không? Có thể chuyển! Mỗi người đều có thể chuyển hoàn cảnh của chính mình. Nhiều người thì sẽ có thể chuyển hoàn cảnh thế giới.

Hiện thời, xã hội nói đến chuyện *“bảo vệ môi trường”*. Điều này trọng yếu lắm! Ba mươi năm trước, tôi đến Hương Cảng để giảng kinh; thuở ấy, rất hiếm nghe nói đến hai chữ *“hoàn bảo”* (環保, bảo vệ môi trường). Chẳng nghe nói tới! Bảo vệ môi trường là chừng hai mươi năm gần đây mới có. Hiện thời, nó ngày càng được đại chúng trong xã hội coi trọng. Vì sao? Hoàn cảnh ô nhiễm quá nghiêm trọng. Ba mươi năm trước tuy có ô nhiễm, vẫn chẳng rõ ràng; hiện thời quá hiển nhiên, ai nấy đều cảm nhận được. Vì thế, bảo vệ môi trường hết sức quan trọng. Có phương pháp nào để có thể thật sự thực hiện tốt đẹp hay không? Rất khó! Bất luận dùng phương pháp gì để bảo vệ hoàn cảnh, sẽ luôn luôn có thói tệ nảy sanh! Làm như thế nào để có thể thực hiện tốt đẹp chuyện bảo vệ môi trường? Quý vị thấy trong kinh đức Phật dạy chúng ta, vừa đơn giản, vừa dễ hiểu, lại triệt để, thật sự có hiệu quả! Đức Phật dạy nguyên lý *“cảnh chuyển theo tâm”*, hoàn cảnh chuyển theo lòng người, tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh!

Núi, sông, đại địa trong hiện thời là cõi Phật. Thế giới Sa Bà này là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài giáo hóa chúng sanh trong lãnh thổ ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật có chết hay không? Chẳng hề có! Ngài ở nơi đâu? Không ở trên quả địa cầu này, Ngài ở tinh cầu khác, sang nơi khác. Khu vực giáo hóa quá lớn. Khu vực giáo hóa là tam thiên đại thiên thế giới. Trước kia, khi chúng tôi mới học Phật, cứ tưởng một đơn vị thế giới là một Thái Dương Hệ. Nói chung là khó hiểu rõ ràng đơn vị thế giới như kinh Phật đã nói [là như thế nào]. Lần đầu tiên, tôi về Bắc Kinh, đến thăm truyền nhân của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, học trò của cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng tôi gặp nhau hết sức hoan hỷ! Chúng tôi có nhân duyên về mặt pháp mạch. Thầy của cụ là ngài Hạ Liên Cư, thầy của tôi là ngài Lý Bình Nam. Sư phụ của thầy Lý cũng là một vị cư sĩ tại gia, tức cụ Mai Quang Hy. Cụ Mai Quang Hy và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, là đồng tham đạo hữu hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là học trò của cụ Hạ Liên Cư, ngang vai vế với thầy tôi. Nói theo Phật

môn, cụ có vai vế cao hơn tôi một bậc, tuổi tác thì đại khái cũng chỉ lớn hơn tôi mười tuổi. Chúng tôi đều cùng truyền thừa kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Vào thời gian ấy, ở hải ngoại chỉ có mình tôi giảng [kinh Vô Lượng Thọ], trong nước Trung Hoa, chỉ có mình cụ giảng. Kể như hai người chúng tôi cụng đầu nhau!

Nói đến đại thiên thế giới, cụ Hoàng bảo tôi: Một đơn vị thế giới như kinh Phật đã nói chẳng phải là một Thái Dương Hệ. Tôi hỏi: “Vậy là gì”? Cụ đáp: “Hệ Ngân Hà”. Tôi suy nghĩ thấy rất hữu lý. Tôi thưa: “Vậy thì quá to!” Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức! Mười ức hệ Ngân Hà đấy nhé, [hợp thành] khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật ở chỗ nào? Đúng như đã nói *“thiên xứ kỳ cầu, thiên xứ ứng”* (ngàn chỗ nguyện cầu, ngàn chỗ ứng). Đức Phật ở chỗ nào? Phật chẳng có thân tướng. Phật là Pháp Tánh, tức Chân Như bản tánh, chẳng có hình tướng. Thừa cùng chư vị, Phật chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng Ngài có thể cảm ứng đạo giao với hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Đáng nên hiện thân gì để đắc độ, Ngài bèn hiện thân ấy. Vì thế, đức Phật hiện thân thuyết pháp trong thế gian này, đã nêu một tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Suốt đời tu hành và giáo học đều nhằm nêu gương cho chúng ta thấy, mong chúng ta sẽ học tập theo Ngài!

Hiểu sự biểu thị pháp, [sẽ nhận biết] khắp pháp giới hư không giới là một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh thật sự, không chỉ là đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới như [đã được diễn tả] trong phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới chỉ là một tí xíu. Trong pháp giới hư không giới, có vô lượng vô biên khu vực giáo hóa giống như vậy, chẳng có cách nào tưởng tượng, mà cũng chẳng ai có thể diễn tả được! Quý vị thấy vũ trụ to cỡ nào! Đức Phật dạy: Đấy chính là bản tánh, là chân tâm của chúng ta. Hễ giác ngộ, tất cả các cảnh giới đều là cõi nước Phật. Do đã mê nên mới có tam đồ, lục đạo, mười pháp giới. Phật và chúng sanh chẳng có sai biệt, sai biệt là do giác hay mê.

Đức Phật lập bày đủ mọi chuyện vì nhằm một sự: Giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Ngoài chuyện ấy ra, chẳng có pháp nào để có thể được! Vì thế, chúng ta phải hiểu nghĩa thú của sự biểu thị pháp trong hết thảy các pháp. Nếu quý vị thật sự hiểu, thật sự giác ngộ, sẽ như Thiên Tông đã nói: *“Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên”* (Chuyện gì cũng là đạo, ở nơi đâu cũng dễ dàng thấu hiểu cội nguồn), sẽ nhập cảnh giới ấy. *“Đạo”* (道) chính là Bồ Đề đại đạo, *“nguyên”* (源) là Chân Như tự tánh. Lấy bất cứ một pháp nào, có pháp nào chẳng phải là [tự tánh]? Đúng thế! Pháp

nào cũng đều viên mãn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Trong các buổi giảng, [chúng tôi] thường xuyên nêu lên điều này. Vì sao phải thường nêu lên? Chúng ta chẳng khế nhập; do vậy, phải thường nêu ra, thường xuyên nói đến, hy vọng mọi người được nghe nhiều lượt. Do nghe nhiều, sẽ dần dần huân tập thành một loại chủng tử. Chủng tử ấy sẽ sanh ra sức mạnh; trong cuộc sống hằng ngày, khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, nó có thể dấy lên tác dụng. Do dấy lên tác dụng, sẽ chẳng mê!

“Chẳng mê” là gì? Quý vị chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Đây là thành tựu, đây chính là “*cứu cánh tịch diệt*”, là “*vĩnh ly phiền não*” (vĩnh viễn lìa phiền não). Râu ria, đầu tóc làm sao có thể sánh ví số lượng phiền não cho được? Xét tới cùng, râu ria, tóc tai rất hữu hạn, phiền não có số lượng vô lượng vô biên. Kinh Phật nói “*tám vạn bốn ngàn phiền não*”. Đức Phật thật sự nói ra tám vạn bốn ngàn, chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải nói theo kiểu hình dung, đức Phật xác thực nói tám vạn bốn ngàn. Thế nhưng, tám vạn bốn ngàn vẫn là một con số cố định. Trên thực tế, “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*” như đã nói trong Tứ Hoàng Thệ Nguyện mới là lời chân thật! Vì thế, dùng “*thế trừ tu phát*” (cạo bỏ râu tóc) nhằm biểu thị quý vị đã hạ quyết tâm, vĩnh viễn lìa phiền não.

Có quyết tâm lìa phiền não như vậy, và cũng có nguyện vọng nhất tâm nhất ý theo đuổi sự tịch diệt rất ráo. “*Cứu cánh tịch diệt*” (Tịch diệt rất ráo) chính là quả địa Như Lai. “*Diệt*” (滅) là diệt phiền não, “*tịch*” (寂) là thanh tịnh. Đây là gì? Đây chính là hình trạng của chân tâm. Dùng hai chữ ấy để hình dung chân tâm, hình dung bản tánh. Bản tánh là thanh tịnh tịch diệt. “*Diệt*” là trong tâm tánh chẳng có gì cả, đúng như Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh: “*Bốn lai vô nhất vật*” (Vốn chẳng có một vật). Đó là Diệt! Vốn chẳng có một vật. Cái tướng sau khi đã diệt được hình dung bằng chữ Tịch, tịch tịnh. “*Tịnh*” là chữ Tịnh trong “*thanh tịnh*”, [nên gọi là] “*tịch tịnh*” (寂淨). Chúng ta thường nói cái Tịnh ấy (nói khá thông tục) là “*chẳng khởi tâm, không động niệm*”, vào lúc nào? Ngay trong hiện tiền. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, đối với cảnh giới bên ngoài, xác thực là chẳng có khởi tâm động niệm. Cảnh giới ấy chính là tịch diệt rất ráo!

Chúng ta có [cảnh giới tịch diệt rất ráo ấy] hay không? Có chứ! [Tuy] chúng ta có, hiện thời thì sao? Chẳng chú ý! Quý vị từ nhà đến đạo tràng, đã đi qua rất nhiều thứ. Tôi hỏi quý vị nhé: “Trên đường đi, quý vị đã thấy gì?” “Chẳng thấy, không chú ý! Cứ một mực đi thẳng tới đây”. Trên đường có rất nhiều cảnh giới, chẳng chú ý. Đó là đã mấp mé tịch

diệt rớt ráo ròi đấy! Có ai đó hỏi quý vị, ngay lập tức quý vị sẽ khởi tâm động niệm, thanh tịch tịch diệt lập tức chẳng còn nữa! Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày, chẳng phải là bọn phàm phu chúng ta không có, thường xuyên có, nhưng thời gian [tịch diệt thanh tịnh] quá ngắn. Hễ khởi tâm động niệm, tướng tịch diệt ấy chẳng còn nữa! Chẳng khởi tâm, không động niệm, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền.

Do vậy, chư vị phải biết: Khi quý vị ngủ nghê vào buổi tối, nếu đã nhập cảnh giới ấy, chẳng khởi tâm, không động niệm, chắc chắn sẽ không nằm mộng, sẽ chẳng có mộng cảnh. Nếu còn nằm mộng, tức là khi quý vị đang ngủ, ý thức vẫn khởi tâm động niệm, ý thức sẽ lôi kéo, dính dáng năm thức trước. Như vậy thì sẽ biến thành cảnh trong mộng. Cảnh trong mộng là do quý vị đang nằm ngủ, mắt, tai, mũi, lưỡi đều nghỉ ngơi, thân thể nghỉ ngơi, nhưng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị chẳng chịu nghỉ, chúng vẫn tiếp tục hoạt động. Tôi nghĩ rất nhiều đồng học có kinh nghiệm về chân tướng sự thật này! Hễ có hiện tượng ấy, [sẽ là] chúng sanh trong lục đạo. Lại thừa cùng chư vị, trong lục đạo, chúng sanh trong Dục Giới có tập khí phiền não nặng nề ngàn ấy! Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều cao minh hơn chúng ta. Sắc Giới và Vô Sắc Giới có công phu định lực. Công phu định lực dấy lên tác dụng, họ đã buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bất quá sự “buông xuống” ấy chính là tạm thời buông xuống, chẳng phải là buông xuống vĩnh hằng. Hễ buông xuống vĩnh hằng, họ sẽ thành Phật, thành Pháp Thân Bồ Tát, [chúng sanh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới chỉ] tạm thời buông xuống! Đối với thứ tự trong tầng cấp tu học của chúng ta, nhất định là trước hết sẽ tạm thời buông xuống. Thời gian “*tạm thời*” ấy phải càng ngày càng dài, công phu định lực của quý vị phải càng ngày càng sâu, trí huệ phải không ngừng tăng trưởng. Chẳng có trí huệ, sẽ không được! Chẳng có trí huệ, công phu Định lực ấy sẽ chẳng phải là rớt ráo. Vì thế, trong ấy nhất định phải có trí huệ, Định Huệ đẳng học (Định và Huệ học cân bằng). Lúc mới học, chuyện này nhằm tiếp dẫn sơ cơ. Kẻ sơ học chẳng thể lìa khỏi kinh giáo. Sau khi đã kế nhập cảnh giới, chẳng cần kinh giáo nữa. Kinh giáo là gì? Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới đều là kinh giáo. Đấy chính là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt sẽ giống như Như Lai*”.

Vì thế, đã đạt đến địa vị Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài dùng công phu gì? Các vị cổ đại đức bảo, sự tu hành hằng ngày của các vị ấy (các vị Pháp Thân Bồ Tát) được gọi là “*vô công dụng đạo*”. Cảnh giới ấy chẳng có cách nào diễn tả được, [đành gọi] là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*”.

Bọn chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng, mà cũng chẳng có cách nào mô tả được! Các Ngài cảm ứng đạo giao với hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới, không đâu chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng thuyết pháp, hòa quang đồng trần với hết thấy chúng sanh. Trên Thật Tế lý địa, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Quý vị nói xem, diễn tả cảnh giới ấy bằng cách nào đây? Tùy loại hóa thân, [tức là] có tướng, có động; nhưng trong hết thấy các cảnh giới, chẳng khởi tâm động niệm, bất động. Đây là động và tĩnh chẳng hai! Đối với bọn phàm phu chúng ta, quý vị nói động bèn có thể hiểu, nói tĩnh cũng có thể hiểu, [nhưng nói] “động và tĩnh là một, chẳng hai”, sẽ chẳng có cách nào lý giải. Tánh và Tướng như một.

Nói thật thà, Phật là như thế, mà có chúng sanh nào chẳng phải là như thế, có gì khác nhau đâu! Rốt cuộc sai khác ở chỗ nào? Khác biệt ở chỗ trong cuộc sống thường nhật trong thế gian, chư Phật, Bồ Tát chưa hề khởi tâm động niệm, chưa hề phân biệt chấp trước. Bọn phàm phu chúng ta khác biệt ở chỗ nào? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sai biệt ở chỗ này. Trừ điều ấy ra, chẳng có mấy may sai biệt nào! Chớ nên không hiểu rõ chân tướng sự thật này! Chúng ta học gì? Chính là hy vọng trong tương lai cũng có thể nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát như vậy. Trong cảnh giới như vậy, vĩnh viễn lìa phiền não, hoàn toàn chẳng lìa khỏi thế gian. Quý vị thấy người thế gian phiền não bao nhiêu! Phật, Bồ Tát chẳng có phiền não, đã rốt ráo tịch diệt. Trong tịch diệt rốt ráo mới hiển hiện trí huệ viên mãn và đức tướng viên mãn. Ẩn và hiện chẳng hai.

Đây chính là pháp môn Bất Nhị được nói trong Nhất Thừa giáo. Các Ngài kế nhập cảnh giới ấy. Bất Nhị là một, một là thật, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới là một, không hai. Quý vị khởi tâm động niệm, sẽ chẳng thấy chân tướng, chẳng thấy tướng Nhất Chân. Chẳng khởi tâm, không động niệm, chân tướng sẽ hiện tiền. Các vị đại đức trong Tông Môn thường nói, “*tầm sư phỏng đạo cầu khai ngộ*”, đó chính là “*đạp phá thiết hài vô mịch xứ*” (đi nát giày sắt chẳng tìm thấy), chẳng tìm ra! “*Đắc lai toàn bất phí công phu*” (Tìm được, hoàn toàn chẳng tốn công), nó vốn chính là [ở ngay trong hiện tiền]. Khi ngộ bèn hoảng nhiên đại ngộ [chân tâm] vốn là [ở ngay trong hiện tiền]. Ở đây diễn tả tướng ấy bằng câu “*vĩnh ly phiền não, cứu cánh tịch diệt*” (vĩnh viễn lìa phiền não, rốt ráo tịch diệt), [chân tâm, khai ngộ] vốn là [ở ngay trong hiện tiền]. Chỉ cần quý vị có phiền não, sẽ mê mất

Nhất Chân. Nhất Chân ở ngay trước mặt quý vị, Nhất Chân chưa hề là khỏi chúng ta.

Thời gian và không gian do Nhất Chân biến hiện; do vậy, thời gian và không gian cũng chẳng thật. Pháp Tướng Duy Thức đã giải thích chuyện này rất rõ ràng! Trong Bách Pháp Minh Môn, thời gian và không gian được xếp vào Bất Tương Ứng Hành Pháp. Bất Tương Ứng là chúng chẳng tương ứng với Sắc Pháp, chúng chẳng phải là Sắc Pháp. Chúng cũng chẳng tương ứng với Tâm Pháp, cũng chẳng tương ứng với Tâm Sở Pháp, nhưng xác thực là có hiện tượng này. Hiện tượng cũng chẳng phải là thật. Vì thế, người hiện thời gọi Bất Tương Ứng Hành Pháp là *“khái niệm trừu tượng”*. Thời gian và không gian thuộc về khái niệm trừu tượng. Quý vị chẳng thể nói chúng là có, mà cũng không thể nói chúng chẳng có. Bởi lẽ, Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không, chúng ta phải hiểu điều này! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã thường nói [như vậy]!

Bọn phàm phu chúng ta đáng thương, đáng thương ở chỗ nào? Chẳng thoát ly phiền não! Nay chúng ta thật sự hiểu rõ, đã giác ngộ, hy vọng chúng ta có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là giả, chẳng thật, chúng là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện. Gì là thật? Nhất Chân pháp giới là thật. Chúng ta từ mê trở về giác ngộ, chẳng thể không nương theo con đường ấy của Phật, Bồ Tát để tiến bước. Con đường ấy tuyệt đối chánh xác, *“mười phương ba đời Phật, một đường Niết Bàn môn”*. Lại xem bài kệ tiếp theo là bài kệ thứ bảy.

(Kinh) Trước ca-sa y, đương nguyện chúng sanh, tâm vô sở nhiễm, cụ đại tiên đạo.

(經) 著袈裟衣。當願眾生。心無所染。具大仙道。

(Kinh: Đắp y ca-sa, nguyện cho chúng sanh, tâm chẳng nhiễm đấm, trọn đạo Đại Tiên).

“Đại Tiên đạo” chẳng phải là dạy quý vị thành tiên! *“Đại tiên”* là Phật, [*“cụ đại tiên đạo”* là] trọn đủ Phật đạo viên mãn. *“Ca-sa”*: Cái áo chúng tôi đang mặc hiện thời được gọi là Ca-sa (Kāṣāya). Quý vị thấy nó gồm từng miếng một [may chằm lại]. Mỗi miếng chằm lớn nhỏ khác nhau, chia thành ba bậc. Trong chú giải, ngài Thanh Lương đã viết:

(Sớ) Ca-sa giả, bất chánh sắc y dã, diệt vãn nhiễm sắc, biểu tâm nhiễm ư pháp, yếu vô sở nhiễm, phương viết Nhiễm dã. Nhiên Nhị Thừa

chi nhiễm, diệp phi chân nhiễm, tất tâm nhiễm Đại Thừa, cố vân “cụ đại tiên đạo”.

(疏)袈裟者，不正色衣也，亦云染色，表心染於法，要無所染，方曰染也；然二乘之染，亦非真染，必心染大乘，故云具大仙道。

(Sớ: Ca-sa là áo chằng có màu thuộc loại chánh sắc, còn gọi là “nhiễm sắc”, biểu thị tâm nhiễm pháp. Phải là chằng đẫm nhiễm gì thì mới gọi là Nhiễm. Nhưng sự tiêm nhiễm của Nhị Thừa chằng phải là Nhiễm thật sự, tâm ắt phải nhiễm Đại Thừa, cho nên nói là “trọn đủ đạo của bậc Đại Tiên”).

Ngài Thanh Lương đã chú giải nhiều ngàn ấy! Trước hết, chúng ta phải hiểu hai chữ Ca-sa có nghĩa là gì. Đây là tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là Tạp Nhiễm (雜染). Vì người thế gian chằng thích màu sắc ấy! Người đời thích chánh sắc. “Chánh sắc” (正色) là gì? Năm màu đỏ, vàng, xanh, trắng, đen, năm màu ấy. Năm màu đều thuộc loại chánh sắc. Đức Phật dạy quý vị chớ nên tham luyện những thứ chánh sắc trong thế gian, mà hãy hòa hợp năm màu, nhuộm thành một màu. Màu nhuộm ấy được gọi Ca-sa. Do vậy, Ca-sa có nghĩa là hỗn hợp rất nhiều thứ với nhau. Trong quá khứ, người xuất gia đi khát thực, bát cơm xin được cũng gọi là “ca-sa phạn” (cơm ca-sa). Vì sao? Chằng phải do một gia đình tặng cho, mà là xin từ mấy nhà. Cơm do mỗi nhà cho đều cùng đựng trong một bát. Do vậy, cái bát ấy cũng gọi là Tạp Nhiễm, đều mang ý nghĩa này. Nói theo kiểu hiện thời, điều này biểu thị chuyện gì? Biểu thị văn hóa đa nguyên, xác thực là có ý nghĩa này.

Nhất là y phục, Thanh Lương đại sư chỉ giảng về “nhiễm sắc”, vẫn chưa nói về [ý nghĩa của] các mảnh vải [ghép thành áo ca-sa]. Vì sao có nhiều miếng chằng như thế? Trước kia, người xuất gia chúng ta cũng không biết [ý nghĩa thật sự] của những miếng chằng ấy! Các vị lão hòa thượng thuộc thế hệ trước, đại khái cũng là từ đời này truyền cho đời kia, truyền dạy chúng tôi: Những miếng chằng ấy nhằm biểu thị [y ca-sa] giống như thửa ruộng. Đó là Phước Điền Y. Mặc y phục ấy, do cư sĩ tại gia bố thí, cúng dường, gọi là “chủng phước điền” (種福田, gieo trồng ruộng phước). Chúng tôi chấp nhận cách giải thích ấy cũng chằng ít năm. Mãi cho đến năm 1999, tôi tham gia lễ mừng năm mươi năm ngày lập quốc⁴⁴ của nhà nước do cục Tôn Giáo Quốc Gia mời. Khi ấy, viện bảo tàng lịch sử triển lãm một số văn vật khai quật từ Thanh Châu⁴⁵, triển lãm tại đó, toàn là tượng Phật. Những tượng Phật ấy được khắc hoặc đắp vào thời đại Nam Bắc Triều, khai quật từ Thanh Châu. Diệp cục trưởng và Trương

cục trưởng của cục Quốc Gia Văn Vật cùng đi xem triển lãm với tôi. Tôi đến xem, thấy trong ấy có ba bức tượng Tỳ Lô Giá Na Phật, đắp y ca-sa có hai mươi lăm điều, giống như cái y tôi đang đắp. Xem kỹ cái y Ngài đắp, trong mỗi điều (條, miếng chằm) đều có hình vẽ. Tôi xem kỹ hơn, [nhận thấy] phía trên vẽ tượng Phật, phía dưới vẽ Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến tận cùng là địa ngục, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ!

Mỗi miếng chằm biểu thị điều gì? Biểu thị pháp giới bất đồng. Mười pháp giới, trong mỗi pháp giới lại trọn đủ mười pháp giới, thành một trăm giới. Trí Giả đại sư giảng kinh Pháp Hoa có nói Bách Giới Thiên Như, [nghĩa là] mỗi giới trong trăm giới lại có mười pháp giới, [thành ra] một ngàn pháp giới. Do điều này, quý vị quan sát cận kề, tư duy, [sẽ nhận ra, những miếng chằm của y ca-sa biểu thị] pháp giới vô lượng vô biên⁴⁶, biểu thị ý nghĩa này! Thấy đều đắp trên thân quý vị, pháp giới bình đẳng, thật sự hoàn toàn tương ứng với văn hóa đa nguyên như chúng tôi đang thực hiện tại ngoại quốc trong hiện thời. Coi như là chúng tôi đã hiểu rõ ý nghĩa của từng miếng chằm. Toàn thể tám y là Nhất Chân pháp giới, mỗi miếng chằm chính là mỗi pháp giới. Mỗi pháp giới chẳng rời khỏi Nhất Chân, Nhất Chân chẳng lìa khỏi mười pháp giới. Ý nghĩa này quá hay!

Do vậy, toàn thể vũ trụ là một Thể. Kinh Đại Thừa nói “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Nói cách khác, nói “*mười phương ba đời Phật*” rất hay! Vì trong ba đời có đời vị lai, [chư Phật trong] đời vị lai chính là hết thảy chúng sanh trong hiện tiền. Hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật! Quá khứ Phật đã thành tựu, đối với hiện tại Phật thì đức Phật đã giới thiệu rất nhiều. Vị lai Phật là hết thảy chúng sanh trong hiện tại. Do vậy, chúng ta phải tôn kính hết thảy chúng sanh, chớ nên giải đãi, khinh mạn, họ chính là vị lai Phật. Nói thật đấy! Liễu giải chân tướng sự thật, tự nhiên sẽ tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, do biết chúng ta là cùng một Thể. Đã hiểu rõ mối quan hệ, chớ nên phân biệt, chấp trước nữa! Tự và Tha chẳng hai, phàm và thánh như một! Chúng ta thường đọc thấy kinh dạy: “*Sanh Phật bất nhị*”, “*sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật! Chúng sanh và chư Phật là một, không hai. Do vậy, mỗi miếng chằm biểu thị ý nghĩa này!

Nhiễm sắc, ngoài những màu ấy ra thì không phải là chánh sắc, khiến cho chúng ta dứt bỏ sự tham luyến, tham ái đối với chánh sắc. Ngoài những điều ấy ra, nhiễm [sắc] còn có một ý nghĩa biểu thị pháp khác, nó biểu thị điều gì? Tâm chúng ta chẳng nhiễm thể pháp (pháp thể gian), chẳng nhiễm phiền não, mà nhiễm gì vậy? Nhiễm Phật pháp. Vì

thế, nói là “*vô sở nhiễm*” (chẳng nhiễm gì cả). Trong ấy thêm vào ba chữ, ý nghĩa cũng rất rõ ràng. “*Yếu ư thế tục vô sở nhiễm, phương viết nhiễm ư chánh pháp dã*” (Phải là “chẳng nhiễm thế tục” thì mới gọi là “nhiễm chánh pháp”). Vì thế, ý nghĩa của ba chữ được thêm vào ấy rất rõ ràng. Chẳng bị nhiễm thế tục, quý vị nhiễm chánh pháp. Trong Phật pháp thường nói là “*huân tập*”.

Nay chúng ta rất phiền toái, hiện thời bị nhiễm thế pháp. “*Thế pháp*” là gì vậy? Tôi thường nói là nhật báo, tạp chí, TV, radio, ca múa, hý kịch. Ngay như trong hiện thời, hễ ra khỏi cửa, bèn thấy quảng cáo khắp mọi nơi, nội dung của chúng là gì? Xác thực đều chẳng lia khỏi giết, trộm, dâm, dối! Chúng ta thấy tiệm ăn ở Hương Cảng nhiều lắm, bao nhiêu là tiệm ăn bán hải sản! Đó là sát! Cờ bạc là trộm, tình dục là dâm. Giết, trộm, dâm, dối! Hễ quý vị đi ra ngoài, sáu căn toàn tiếp xúc những cảnh giới ấy, đáng sợ quá! [Kết quả của] sự ô nhiễm ấy chính là tiến đến ba ác đạo.

Nay chúng ta ở trong đạo tràng, hằng ngày học tập kinh giáo, niệm Phật trong Niệm Phật Đường; đấy là nhiễm chánh pháp. Nhị Thừa là nhiễm chánh pháp, chẳng phải là thật sự nhiễm. Đấy là Tiểu Thừa, chẳng tốt ráo; do vậy, chẳng phải là thật sự nhiễm. Ất phải là tâm nhiễm Đại Thừa! Hoa Nghiêm là pháp Nhất Thừa, còn cao hơn Đại Thừa một bậc, thật sự là đại pháp tốt ráo, [đấy là] “*tâm nhiễm Đại Thừa*”. Đại Thừa của Đại Thừa là Hoa Nghiêm; do vậy, gọi là “*cụ đại tiên đạo*” (trọn đủ đạo của bậc Đại Tiên). Ở đây, [lời Sớ] đã nêu bày ý nghĩa của “*đại tiên đạo*”.

Đối với cách giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi cũng suy xét rất lâu. Chúng tôi giảng cạn kẽ cho đến phẩm sau, [đến phẩm ấy], hội thứ hai⁴⁷ sẽ viên mãn. Đến hội thứ ba là Thập Trụ, hội thứ tư là Thập Hạnh, từ đấy trở đi, chúng tôi sẽ giảng sơ lược đại ý, chẳng giảng chi tiết như vậy. Hiện thời, gần như là mỗi tiếng đồng hồ giảng một bài kệ. Từ nay trở đi, một tiếng đồng hồ có thể giảng mười bài kệ, hoặc hai mươi bài kệ, như vậy thì tốc độ tiến triển sẽ nhanh chóng. Tôi hy vọng là trong năm năm nữa, tối đa là bảy năm, bộ kinh Hoa Nghiêm này sẽ được giảng viên mãn! A! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1510

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ tám trong đoạn thứ hai, tức đoạn Xuất Gia Thọ Giới.

(Kinh) Chánh xuất gia thời, đương nguyện chúng sanh, đồng Phật xuất gia, cứu hộ nhất thiết.

(經) 正出家時。當願眾生。同佛出家。救護一切。

(Kinh: Khi đã xuất gia, nguyện cho chúng sanh, xuất gia giống Phật, cứu hộ hết thảy).

Trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư giải thích chẳng nhiều cho mấy, chỉ có hai câu:

(Sớ) Lạc phát phi y chi hậu, vi chánh xuất gia.

(疏) 落髮披衣之後，為正出家。

(Sớ: Sau khi xuống tóc, đắp y, là “thật sự xuất gia”).

Ý nghĩa của việc xuất gia đã được nói trong phần trước, có bốn loại Xuất. Thân lẫn tâm đều xuất: Xuất điền trạch gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia, xuất vô minh gia. Bốn thứ “gia” ấy đều xuất, bèn gọi là “chánh xuất gia”. Đây chính là phát tâm giống như chư Phật Như Lai. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện, “đương nguyện chúng sanh, đồng Phật xuất gia, cứu hộ nhất thiết” (nguyện cho chúng sanh, xuất gia giống như Phật, cứu hộ hết thảy). Nguyện này đã hoàn toàn tuyên thệ ý nghĩa và mục đích xuất gia.

Vì sao xuất gia? Nhằm cứu hộ (救護, cứu giúp, bảo vệ) hết thảy. Tại gia có thể cứu hộ hay không? Tại gia cũng có thể cứu hộ hết thảy; nhưng nếu muốn thực hiện sự cứu hộ hết thảy đến mức viên mãn thì xuất gia là một loại thị hiện rất tốt, khiến cho chúng sanh đạt được khả thị rất lớn từ hình tướng ấy. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia vào thuở đó, không chỉ là khi đó, mà chúng ta là những kẻ đời sau, tính cho đến hiện thời, đức Phật diệt độ, theo ghi chép của người Hoa, đã là 3.034 năm ([tính đến] năm 2005 là 3.033 năm, năm nay phải là đã 3.034 năm). Người thuộc ba ngàn năm sau, hễ đọc truyện Thích Ca Mâu Ni Phật, đều hết sức cảm động. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật không xuất gia, Ngài dùng thân phận quốc vương tại gia để hộ trì Phật pháp, cũng có thể khiến cho kẻ khác kính nể. Nhưng hàng phàm phu trong thế giới Sa Bà thấy quý vị là quốc vương, đại thần, hoặc trưởng giả giàu to, nếu quý vị cứu độ hết thảy chúng sanh, sẽ có bao nhiêu kẻ thường dân thấp cổ bé miệng chẳng dám tiếp xúc với quý vị. Dẫu tiếp xúc, cũng phải làm ra dáng vẻ [khúm núm], vâng giữ quy củ, chẳng dám thân cận, chẳng dám

nói nhiều! Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện xuất gia, tướng xuất gia là tướng bình đẳng. Ngài tiếp xúc đại chúng, đặc biệt là chúng sanh khổ nạn thuộc giới bình dân, họ trông thấy người xuất gia sẽ có thể sanh khởi một loại cảm tình thân thiết. Do vậy, hiệu quả cứu độ chúng sanh sẽ to lớn, hết sức thuận tiện! Đây là *“nhân đồng thủ tâm, tâm đồng thủ lý”* (người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Bồ Tát muốn cứu hộ hết thảy chúng sanh, ngẫm ra vẫn là dùng hình tướng xuất gia thì sẽ tốt đẹp. Hình tướng xuất gia có thể phổ độ hết thảy, lại còn là bình đẳng phổ độ hết thảy, người [xuất gia] ấy có thể làm được!

Chúng ta biết đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này. Nếu chúng ta thật sự muốn học Phật, phát tâm học Phật, có ý định học Phật, có đại nguyện học Phật, có đại trí, đại đức, đại năng học Phật thì mới phát tâm xuất gia. Trong lịch sử Trung Hoa, xác thực là như Huyền Trang đại sư khi được người khác hỏi vì sao Ngài xuất gia? [Ngài trả lời ngay] *“viễn thiệu Như Lai, cận quang đại pháp”* (xa là tiếp nối Như Lai, gần là khiến cho đại pháp được rạng rỡ). Cũng có chỗ chép là *“cận quang di giáo”* (近光遺教, gần là làm rạng rỡ di giáo của đức Phật). *“Xa”*: Nói đến thời gian cách biệt giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và chúng ta khá xa. Thời đại của Huyền Trang đại sư cũng cách Phật hơn một ngàn năm, gần đến hai ngàn năm. *“Thiệu”* (紹) là kế tục, thường nói là *“tục Phật huệ mạng”* (續佛慧命, nối tiếp huệ mạng của Phật). *“Tục Phật huệ mạng”* là *“viễn thiệu Như Lai”*, [tức là] kế thừa giáo huấn của đức Phật, phát huy rạng rỡ giáo huấn của đức Phật. Đây là [mục tiêu] *“gần”*. Giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui; đây chính là ý nghĩa của câu *“đồng Phật xuất gia”* (xuất gia giống như Phật). *“Đồng Phật xuất gia”* có ý nghĩa này!

Trước khi xuất gia, quý vị chẳng nhận biết Phật, làm sao có thể giống như Phật cho được? Vì thế, phải nhận biết! Anh của Huyền Trang đại sư xuất gia trước, đại khái là Ngài được huân tập, nhận biết Phật pháp đến một trình độ nhất định, cho nên Ngài mới phát tâm to tát ngần ấy. Cũng rất khó có, Ngài thật sự thành tựu. Chẳng sợ khổ sở, gian nan, Ngài sang Ấn Độ cầu học, ở xứ Ấn Độ mười bảy năm. Sau khi trở về, suốt đời theo đuổi công tác phiên dịch. Những bộ kinh do Huyền Trang đại sư đã dịch có phân lượng lớn nhất, hơn một ngàn quyển! Ngài xuất gia, đã hoàn toàn tương ứng với nguyện vọng xuất gia, Ngài đã làm được.

Nói thật ra, phải nên biết nguyện của Huyền Trang đại sư chính là nguyện vọng chung của tất cả người xuất gia đời sau. Quý vị xuất gia để làm gì? Xuất gia là vì chuyện này: Nối tiếp huệ mạng của Phật, hoằng

dương Phật pháp, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Vì chuyện này! Đây là hoàn toàn chánh xác. Muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui, trước hết, chính mình có lìa khổ hay không? Chính mình có đạt được vui sướng hay không? Nếu chính mình vẫn chẳng lìa khổ được vui, làm sao có thể dạy kẻ khác lìa khổ được vui? Chớ nên không biết sự thật này! Nguyên đã phát, xác thực là có chánh tri chánh kiến đối với Phật pháp, nhận biết chánh xác. Sau khi xuất gia, phải thật sự học tập.

Nhà Phật nói “*tu hành*”, nay chúng ta nói là “*học tập*”, có cùng một ý nghĩa, nhưng danh từ “*tu hành*” càng phù hợp khít khao hơn! “*Tu*” (修) là “*tu chánh*” (修正, uốn nắn, sửa đổi cho đúng), “*hành*” (行) là hành vi. Hành vi của chúng ta bất chánh, sai trái; phải sửa chữa hành vi sai lầm, đó là “*tu hành*”. Hành vi quá nhiều, vô lượng vô biên! Để dạy chúng ta, đức Phật đã quy nạp vô lượng vô biên hành vi thành ba loại lớn: Ngôn ngữ là hành vi thuộc về khẩu nghiệp; sự tạo tác nơi thân thể là hành vi thuộc về thân nghiệp, tức là nhất cử nhất động của quý vị; ý niệm, khởi tâm động niệm chính là hành vi nơi ý nghiệp. Ba loại hành vi lớn của quý vị có sai lầm, có lệch lạc. Vì sao nói quý vị có sai lầm, lệch lạc? Quý vị có phiền não, có ưu lự. Do đâu mà có những phiền não, ưu lự ấy? Từ hành vi sai lầm dẫn phát. Chúng ta nói đến quả báo, hễ có nhân, ắt có quả. Đã có quả, sẽ nhất định phải có nhân.

Trong kinh Phật thường nói đến ba khổ hay tám khổ. Do đâu mà phải luân hồi trong lục đạo tam đồ từ vô thủy tới nay? Đây là khổ, đều do tạo tác hết thảy các nghiệp bất thiện mà chiêu cảm. Nay đức Phật dạy chúng ta hãy sửa đổi các hành vi, [tức là thấy đều sửa đổi] các hành vi sai lầm. Như thế thì sẽ chẳng có chuyện gì, những quả báo khổ sẽ chẳng có. Do vậy, đối với khổ báo, chẳng thể giải quyết nơi quả báo, phải biết giải quyết từ cái nhân. Ví như chúng sanh gặp rất nhiều tai nạn, thế gian cũng khá lắm, có rất nhiều cơ cấu từ thiện chuyên môn cứu tế những người khổ nạn ấy. Họ chẳng có cái ăn, bèn tặng lương thực cho họ. Không có cái mặc, bèn tặng quần áo cho họ. Chẳng có chỗ ở, bèn dựng một số căn nhà để họ có thể an cư. Những người ấy dựa vào sự cứu tế để sống, nói chung là chẳng thể suốt đời sống bằng sự cứu tế. Đây là quả. Chẳng thể giải quyết vấn đề từ quả, phải biết giải quyết từ nhân. Vì sao họ nghèo túng? Vì sao tà tri tà kiến? Vì sao ngu si? Vì sao tạo tác ác nghiệp? Quý vị có thể suy nghĩ từ những điều trên đây, tìm ra cái nhân. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ giác ngộ. Giác ngộ là gì? Khiến cho họ biết hành vi của chính mình sai lầm, đây là giác ngộ. Sau

khi đã giác ngộ, họ mới tu hành, sửa đổi những hành vi sai lầm của chính mình. “Tu” là uốn nắn. Uốn nắn hành vi sai lầm của chính mình thì gọi là “*tu hành*”.

Vì lẽ ấy, đức Phật giảng kinh; kinh, luật, luận là ba loại lớn. Giới luật giúp quý vị uốn nắn ngôn ngữ, tạo tác, tức hành vi nơi thân và miệng. Giới luật là tiêu chuẩn. Kinh luận nhằm uốn nắn tư tưởng và kiến giải sai lầm. Chỉ cần tư tưởng và kiến giải chánh xác, ngôn ngữ, tạo tác sẽ tự nhiên chẳng có lầm lỗi, quý vị sẽ chẳng tạo nghiệp. Do không tạo nghiệp, sẽ chẳng có nghiệp cảm. Nghiệp cảm là tam đồ lục đạo mười pháp giới. Các hành vi thấy đều được sửa đổi, những thứ ấy đều hoàn toàn chẳng có. Đây là thật sự lìa khổ, thật sự được vui!

Vì thế, mục tiêu chung cực của “*cứu hộ nhất thiết*” là mong giúp cho hết thấy chúng sanh không chỉ thoát ly lục đạo, mà còn thoát ly mười pháp giới. Trong giáo pháp Đại Thừa, cũng nhất định phải dạy cho chúng sanh ai nấy đều khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh sẽ vượt thoát mười pháp giới; đây mới gọi là “*cứu hộ nhất thiết*”. Hai chữ “*nhất thiết*” (一切) là từ ngữ có ý nghĩa kép. Ý nghĩa được bao hàm trong ấy rất nhiều. Có thể giải thích [“*nhất thiết*”] là “*hết thấy chúng sanh*”, mà cũng có thể hiểu là “*hết thấy sự mê hoặc, điên đảo, hết thấy những tạo tác sai lầm của một chúng sanh*”, [nói kiểu nào] cũng đều hợp lý. Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian là vì chuyện này!

“*Vì*” là cách nói về phía bọn phàm phu chúng ta trong hiện tiền, đức Phật có ý niệm “*vì hết thấy chúng sanh*” hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng có! Về mặt Sự, Ngài thực hiện nghiêm túc hơn bất cứ ai khác, tròn trách nhiệm hơn bất cứ kẻ nào khác, nhưng trong tâm xác thực là chẳng có ý niệm ấy, chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta khó hiểu điều này! Không khởi tâm, không động niệm, Ngài thực hiện chuyện ấy bằng cách nào? Khởi tâm động niệm thì quý vị mong làm, sẽ làm chẳng viên mãn! Vì sao chẳng viên mãn? Vì quý vị có chướng ngại. Chẳng đoạn tập khí phiền não, bất luận làm chuyện tốt lành nào, cũng đều chẳng toàn vẹn mười phần! Chúng ta chú tâm tư duy quan sát, [sẽ thấy] đúng là như vậy, chẳng sai tí nào! Chúng ta thuộc địa vị phàm phu mong học Phật, [thế nhưng] học chẳng giống. Vì sao chẳng giống? Có nghĩa là Phật thì vô tâm, chúng ta là hữu tâm; hoặc nói cách khác, Phật vô niệm, chúng ta có ý niệm. Phật chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta khởi tâm động niệm. Không chỉ là khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, làm sao giống cho được!

Vào thời cổ, đại chúng trong đạo tràng, tự viện xác thực là phát tâm chẳng giống hiện thời! Người thời cổ phát tâm xuất gia, thật sự chẳng thể nói hoàn toàn là “*đồng Phật xuất gia*” (xuất gia giống như Phật), nhưng có mấy phần tương tự! Từ đầu đời Thanh trở về trước, người xuất gia xác thực có nguyện ấy, có tâm từ bi cứu hộ hết thảy. Về sau, dần dần biến chất, coi chuyện xuất gia như một nghề nghiệp, coi như một cái nghề để kiếm sống, sai mất rồi! Trong phần trước, tôi đã thừa trình cùng quý vị. Trước kia, xuất gia phải trải qua khảo thí, chẳng dễ dàng! Sau khi vua Thuận Trị phế bỏ [quy chế ấy], chẳng cần khảo thí, người nào cũng đều có thể xuất gia. Vì thế, tố chất của người xuất gia đọa lạc ngàn trọng, chẳng thể sánh bằng những vị đại đức xưa kia! Đúng ra, trong ấy đương nhiên cũng có những vị thật sự xuất gia, xuất gia giống như Phật, chẳng bị ô nhiễm, may mắn gặp gỡ chân thiện tri thức truyền thừa, họ đạt thành tựu, và cũng có thể ảnh hưởng xã hội, thật sự làm được chuyện cứu hộ hết thảy.

Cứu hộ hết thảy, không chỉ là phàm phu tăng, mà là chư Phật, Bồ Tát tái lai. Chúng ta cũng thường nghe nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Kẻ nào vô duyên? Có phải là kẻ suốt đời chẳng có cơ hội tiếp xúc Phật pháp? Đúng thế! Đó là vô duyên, suốt đời chẳng hề tiếp xúc. Nhưng quan trọng hơn, hằng ngày ở trong đạo tràng, hằng ngày ở trong Phật môn, cũng là mỗi ngày đều nghe kinh, nghe pháp, nhưng chẳng đoạn tập khí, chẳng thể y giáo phụng hành, chẳng có cách nào thực hiện giáo huấn của đức Phật. Đó cũng là vô duyên! Vì sao cũng là vô duyên? Nghiệp chướng sâu nặng, chướng ngại duyên phận của người ấy! Từ xưa tới nay, chuyện này quá nhiều. Không chỉ là sau khi đức Phật diệt độ, mà ngay trong khi đức Phật tại thế, hiện tượng này đã hiển hiện rành rành trước mắt!

Kinh điển đã ghi chép, thuở tại thế, đức Phật giảng kinh tại đại thành Xá Vệ trong một thời gian rất dài. Rất nhiều kinh điển được giảng tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên trong thành Xá Vệ. Một phần ba dân cư trong đại thành Xá Vệ đã từng thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là đã gặp mặt Thích Ca Mâu Ni Phật, từng nghe Ngài giảng kinh, hoặc là trong một đời đã từng gặp Phật một lần, tham gia pháp hội giảng kinh một hai lần. Một phần ba nữa biết có chuyện ấy, biết có Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chưa từng gặp mặt, trước nay cũng chưa hề đến nghe kinh. Còn có một phần ba nữa, căn bản là chẳng biết trong đại thành Xá Vệ có Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng hề nghe nói, [cho nên] chẳng biết! Quý vị thấy đó, thuở đức Phật tại thế, duyên [của chúng sanh trong cùng một thành mà còn] khác nhau. Vì thế, quyết chẳng phải là đã từng gặp Phật, nghe đức

Phật giảng kinh vài lần, bèn nói là “*có duyên phận*”. Chẳng phải vậy! Kẻ hữu duyên là người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng, đấy mới gọi là “*người hữu duyên*”!

Hiện thời, người tin Phật rất đông, nhưng người có thể lý giải giáo lý Phật pháp chẳng nhiều! Người có thể y giáo phụng hành càng ít hơn nữa! Quý vị cứ loại trừ từng tầng một, cuối cùng, người có duyên được đức Phật hóa độ chẳng được mấy người! Vì thế, bản thân chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, đối với bốn giai đoạn “*tín, giải, hành, chứng*”, chúng ta thuộc giai đoạn nào? Chỉ nói đến tín, tín có mê tín, chánh tín, và chân tín khác nhau. Đại khái, mê tín là nửa tin nửa ngờ. Quý vị chẳng thể nói kẻ ấy không tin, nhưng cũng chẳng thể nói kẻ ấy thật sự tin tưởng. Thông thường, tiến nhập Phật môn, đa số là mê tín mà tiến nhập, [nghĩa là] đối với Phật pháp chẳng biết gì hết, nhưng tin tưởng. Nghe người khác khuyên dạy bèn tin. Được lắm! Tiếp dẫn họ nhập môn, [như vậy] thì có thể được! Sau khi đã nhập môn, quý vị phải giải, phải nhận biết. Sau khi đã thật sự nhận biết, lòng tin của quý vị được gọi là chánh tín, chẳng phải là mê tín. Quý vị xác thực đã liễu giải, tin tưởng. Đấy là chánh tín, chưa chắc đã là chân tín.

Chân tín là gì? Chân tín là thật sự hành. Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, thật sự đoạn ác, hằng ngày kiểm điểm sai trái của chính mình! Vì thế, trong công khóa sớm tối, trước kia, tôi đã nói rất nhiều. Công khóa sáng có ý nghĩa gì? Nhắc nhở chính mình: Ngày hôm nay, ta phải nương theo giáo huấn của đức Phật, chớ nên phạm sai quấy. Ý nghĩa của khóa tụng buổi sáng là như vậy. Dụng ý của khóa tối là nghiêm túc phản tỉnh, ngày hôm nay ta đã làm chuyện gì sai quấy? Phản tỉnh ba nghiệp thân, khẩu, ý, khởi tâm động niệm có sai quấy hay không? Nói năng có sai quấy hay không? Thân thể có tạo tác sai quấy hay không? Khóa tối nhằm phản tỉnh, sửa lỗi; đó gọi là thật sự tu hành. Hôm nay đã phạm lỗi lầm, hy vọng ngày mai sẽ chẳng tái phạm nữa. Hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày sửa lỗi, người ấy là chân tín. Nếu bản thân chúng ta chẳng thể phản tỉnh hằng ngày, chẳng thể luôn luôn sửa lỗi, lòng tin ấy tối đa thuộc vào giai đoạn chánh tín. Chánh tín là gì? Quý vị chẳng mê tín, xác thực đã liễu giải, tôn kính Phật, Bồ Tát, tôn trọng kinh điển, có thể là rất thích học tập, nhưng quý vị chẳng làm được. Đấy là chánh tín, quý vị chẳng phải là mê tín. Quý vị chẳng làm được thì sẽ chẳng thật, làm được thì mới là thật.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phu nhân Vi Đề Hy, tức vị hoàng hậu ấy gặp cảnh biến hóa trong gia đình và quốc gia, nay chúng ta

nói là “*chánh biến*” (政變, đảo chánh). Con trai bất hiếu, hại chết cha để thừa kế ngôi vua; tuy chẳng sát hại mẹ, nhưng giam kín, hạn chế tự do của bà ta, gặp nạn lớn như thế đó. Cặp vợ chồng này là hộ pháp của đức Phật, mà cũng là đệ tử kiên thành của đức Phật. Khi gặp nạn, bà ta cầu đức Phật giúp đỡ. Đức Phật có thần thông, đến cấm cung thuyết pháp cho bà ta. Duyên khởi của mười sáu phép Quán và Thập Lục Quán Kinh là như thế đó. Đức Phật bảo bà ta, thật sự tu hành thì nhất định phải hội đủ điều kiện cơ bản. Điều kiện cơ bản ấy chính là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Chúng ta biết, Tịnh Nghiệp Tam Phước không chỉ là cơ sở để tu Tịnh Độ, mà là cơ sở chung của tất cả hết thảy Phật pháp Đại Tiểu Thừa! Thứ nhất là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, chúng ta có làm được hay không? Đấy hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp, mà là gì? Đấy chính là cơ sở quý vị ắt phải hội đủ để thật sự học Phật. Chúng ta có hiếu dưỡng cha mẹ hay không? Có phụng sự sư trưởng hay không? Nói theo ngôn ngữ Trung Hoa, phụng sự sư trưởng là “*tôn sư trọng đạo*”, còn Phật pháp nói là “*phụng sự sư trưởng*”. “*Từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”.

Nay đối với bốn câu ấy, chúng ta thực hiện điều thứ nhất [của Tịnh Nghiệp Tam Phước] bằng Đệ Tử Quy và kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Đệ Tử Quy là pháp thế gian. Làm người theo pháp thế gian mà còn không xong, làm sao có thể học Phật cho được? Vào trường học Phật, vẫn là có điều kiện. Tuy Phật độ chúng sanh, kẻ ác cũng được độ. Kẻ ác quay đầu, sám hối; kẻ ấy đã quay đầu, sẽ là thiện nhân, chuyển ác thành lành. Vốn bất hiếu với cha mẹ, đức Phật vừa nói, kẻ ấy biết hiếu thuận. Vốn chẳng tôn trọng sư trưởng, tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, kẻ ấy biết tôn trọng sư trưởng, biết tôn sư trọng đạo. Đã quay đầu, hễ quay đầu sẽ là bờ! Đấy là thật sự tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Người ấy không ngừng tiến cao hơn, cuối cùng đạt tới “*chuyển phàm thành thánh*”. Tiểu Thừa Tứ Quả là tiểu thánh, Đại Thừa Bồ Tát được gọi là đại thánh. Trong Đại Thừa, địa vị Tam Hiền được gọi là thánh nhân, địa vị Thập Địa được gọi là đại thánh. Tam Hiền gọi là Bồ Tát, Thập Địa được gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát được gọi là Đại Bồ Tát, là đại thánh. Do vậy, phải hiếu hoằng nguyện và chí hướng xuất gia của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta phải học tập, phải trông thấy [hoằng nguyện, chí hướng của các vị La Hán, Bồ Tát] bèn mong được bằng với các Ngài, phải nghiêm túc nỗ lực.

Thực hiện từ chỗ nào? Nhất định là phải thực hiện từ thân cận thiện tri thức, hãy học! Ai là thiện tri thức? Kinh điển là thiện tri thức. Tại Trung Hoa, nay chúng ta nói đến Đại Tạng Kinh, Đại Tạng Kinh là

chân thiện tri thức. Quý vị học tập từ trong ấy, lấy đâu ra sai lầm? Những điều được dạy trong kinh điển đều là Tánh Đức sẵn có trong tự tánh của mỗi người, vô lượng trí huệ, vô lượng đức tướng. Kinh điển giảng về mê, ngộ, nhân, quả rất thấu triệt! Đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, đạo lý, chân tướng sự thật, và diễn biến nhân quả của chúng, chẳng có điều gì không được nói đến, kể cả những phát hiện bởi khoa học cận đại, trong kinh giáo Đại Thừa thấy đều nói đến. Tuy ngôn ngữ văn tự chẳng nhiều, nếu quý vị đọc kỹ lưỡng, quan sát, tư duy, so sánh với những báo cáo của các khoa học gia hiện thời, [sẽ nhận thấy] nội dung [của kinh điển nhà Phật] còn phong phú, còn chính xác hơn! Đúng là ngắn gọn, quan trọng, tường tận, rõ ràng!

Ví như từ xưa tới nay, bao nhiêu triết gia, khoa học gia, và tôn giáo gia đã tìm tòi lẽ huyền bí sâu thẳm trong vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Do nguyên nhân gì mà có? Sâu la vạn tượng đến rốt cục là chuyện như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đúng là đơn giản, kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, giải thích rõ ràng, tâm hiện, thức biến! Đức Phật chẳng nói *“do thần (Thượng Đế, Thiên Chúa) tạo ra”*; vì thế, có những vị học giả phương Tây như tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) khẳng định Phật giáo là vô thần luận. Thế nhưng Phật giáo hoàn toàn chẳng bài xích những vị thần được sùng bái trong những tôn giáo khác. Phật giáo không bài xích, không phản đối, nhưng chính Phật giáo chẳng nói đến. *“Tạo hóa”* chính là tâm tánh. Do vậy, trong Phật môn thường nói: *“Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”* (Nếu người hiểu biết tâm, đại địa không tắc đất). Câu nói ấy có nghĩa là nếu quý vị thật sự minh tâm kiến tánh, đối với vạn sự vạn vật trong vũ trụ, hết thấy các đạo lý, các sự bí mật sâu thẳm, các diễn biến quý vị đều hiểu hoàn toàn!

Như thế nào thì mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhà Phật có phương pháp [xuất phát] từ Giới Định Huệ. Giới có nghĩa là gì? Giúp quý vị sửa đổi, bỏ đi những tập khí hành vi chẳng tốt lành từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng là chướng ngại, chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị (tâm thanh tịnh là Thiên Định), nó chướng ngại quý vị. Tâm thanh tịnh là chân tâm. Chân tâm bị chướng ngại, làm sao quý vị có thể giác ngộ cho được? Chân tâm khởi tác dụng sẽ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ất phải diệt trừ những chướng ngại ấy (chúng được gọi là *“nghiệp chướng”*), khiến cho chân tâm của quý vị hiện tiền. Đó gọi là *“do Giới đắc Định, do Định khai Huệ”*. Chân tâm khởi tác dụng, chính là trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh hiện tiền. Kinh Kim Cang đã nói rất

khéo: *“Tín tâm thanh tịnh, sẽ sanh Thật Tướng”*. Thật Tướng là Bát Nhã, vốn sẵn có trong tự tánh. Trí huệ ấy vừa khai, tất cả hết thấy tánh, tướng, Lý, Sự, nhân, quả trong vũ trụ thấy đều hiểu rõ, đấy mới gọi là *“phá mê khai ngộ”*, đấy mới là *“rốt ráo lia khổ được vui”*. Bồ Tát xuất gia tu hành chứng quả là vì lẽ này!

Do vậy, Tứ Hoàng Thệ Nguyễn đã nói trọn hết: *“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, tức là cứu hộ hết thấy. Nếu quý vị muốn cứu hộ hết thấy, trước hết, phải cứu chính mình. Muốn cứu chính mình, điều đầu tiên là đoạn phiền não, *“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*. Sau khi đã đoạn phiền não, quý vị sẽ thành tựu trí huệ, thành tựu học vấn, thành tựu năng lực, mới có thể giúp đỡ. *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*. Cuối cùng, còn phải đạt đến rốt ráo viên mãn, *“Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”*. Phật là gì? Là đọc sách, là cầu học. Cầu học thì nhất định phải đạt được học vị cao nhất. Phật đạo là học vị cao nhất, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quý vị cứu hộ hết thấy sẽ đạt được đại tự tại, chẳng có mảy may chướng ngại nào!

Xuất gia, phát đại nguyện này, đương nhiên là chính mình trọn đủ, cũng nguyện cho chúng sanh, hy vọng hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới đều có thể xuất gia giống như Phật. Ý nghĩa này [phải hiểu theo] nghĩa rộng, xuất gia giống như Phật chính là *“tâm xuất, thân không xuất”*, là tại gia Bồ Tát. Vì sao? Hết thấy chúng sanh chẳng thể rời khỏi xã hội, Bồ Tát phải tham dự các ngành nghề trong xã hội. Trong ngành nghề nào cũng đều có Bồ Tát, đều có Phật; vì thế, tại gia Bồ Tát đông đảo. Xuất gia Bồ Tát chuyên môn theo đuổi công tác giáo dục của đức Phật. Nếu chẳng chuyên môn theo đuổi công tác giáo dục của đức Phật, sẽ là *“tại gia xuất gia”*, tức là *“tâm xuất, thân không xuất”*, trong bất cứ nghề nghiệp nào cũng đều cầm đầu, đều dấy lên tác dụng làm khuôn phép, gương mẫu. Đó là gì? Chẳng vì lợi ích chính mình, mà nhằm tạo lợi ích cho xã hội, tạo lợi ích cho chúng sanh. Bất luận làm nghề gì, cũng đều có quan niệm này. Quý vị biết người ấy là Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu. Phàm phu sẽ vì chính mình, Bồ Tát vì xã hội, vì chúng sanh. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phần kinh văn tiếp theo, [xin xem] bài kệ thứ chín.

(Kinh) Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thiệu long Phật chủng, phát vô thượng ý.

(經)自歸於佛。當願眾生。紹隆佛種。發無上意。

(Kinh: Tự quy y Phật, nguyện cho chúng sanh, nối tiếp hưng thịnh dòng dõi Phật, phát ý vô thượng).

Tôi nghĩ đối với các đồng học, ba bài kệ chín, mười, và mười một hết sức quen thuộc, chính là Tam Quy Y. Bất quá, tổ sư đã sửa lại mấy chữ trong bài kệ này. “*Tự quy y Phật*” được sửa thành “[*tự*] quy y Phật”. “*Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng*”, Tam Quy Y. Câu ba và câu bốn trong bài kệ quy y Phật hiện thời rất ít dùng: “*Thiệu long Phật chủng, phát vô thượng ý*”. Quá nửa là sử dụng “*thế giải đại đạo, phát vô thượng tâm*”. Đương nhiên “*thế giải đại đạo*” cũng thật sự là “*thiệu long Phật chủng*”, nhưng tôi vẫn cảm thấy ý nghĩa “*thiệu long Phật chủng*” hay hơn. Vì sao? Tạo sự cảnh giác cao độ cho người hiện thời. Quý vị thấy trong Tam Thời Hệ Niệm của thiền sư Trung Phong, trong Tịnh Tông, Tam Thời Hệ Niệm được dùng để lợi ích kẻ dương lẫn người âm rất nhiều, trong Tam Thời Hệ Niệm của thiền sư Trung Phong sử dụng “*thiệu long Phật chủng, phát vô thượng tâm*”. Có thể thấy là tổ sư nhất định cũng thấu hiểu sâu xa câu này đã tạo sự cảnh giác rất lớn cho chúng ta. “*Thiệu*” (紹) là kế thừa, tiếp nối; “*long*” (隆) là phát huy rạng rỡ.

Trước hết, chúng ta phải nhận biết. Quý vị thấy quy y Phật, chẳng phải là “*đệ tử chúng con tên là... quy y Phật*” mà là “*tự quy y Phật*”, ý nghĩa này rất sâu. “*Tự*” (自) là bản thân chúng ta, Phật là gì? Phật là bản tánh của chính chúng ta, chẳng phải là Phật ở bên ngoài. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta quy y A Di Đà Phật, đã dạy rõ: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, đấy là gì? Quý vị phải hiểu đạo lý! Di Đà là tự tánh Di Đà, Thích Ca đương nhiên chẳng phải là ngoại lệ. Tự tánh Thích Ca, tự tánh Tỳ Lô Giá Na, chẳng có một pháp nào lìa khỏi tự tánh. Vì sao? Tâm hiện, thức biến. “*Quy*” (皈) là gì? “*Quy*” là quay đầu. Quay đầu là bờ, chúng ta đã mê mất tự tánh. Phật là Tự Tánh Giác. Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác, giác chứ không mê. Nay chúng ta đã mê, chính mình đã mê, hãy nhanh chóng quay đầu hướng về Tự Tánh Giác. Đấy là thật sự quy y, chẳng mê tín nữa!

Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Nếu quý vị quy y vị Phật ở ngoài tâm, sẽ biến thành ngoại đạo. Hai chữ “*ngoại đạo*” trong nhà Phật chẳng phải là chửi bới người khác, mà có nghĩa là “*cầu pháp ở ngoài tâm*”; đó là ngoại đạo. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài tâm

chẳng có Phật, ngoài tâm cũng chẳng có Tăng. *“Tâm hiện, thức biến”*, quý vị phải hiểu đạo lý này. Sau đấy, quý vị mới thật sự hiểu rõ câu nói này. Vì Tam Quy là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong Phật giáo. Hết thầy các pháp do mười phương ba đời hết thầy chư Phật, Bồ Tát đã nói, đều chẳng lìa khỏi ba nguyên tắc, cương lĩnh này. Quý vị thấy, vừa xuất gia bèn lập tức thọ Tam Quy, thầy truyền trao quý vị nguyên tắc và cương lĩnh học tập. Đây là mục tiêu và phương hướng tu học suốt một đời quý vị! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Vì thế, [Phật, Pháp, Tăng] được gọi là Tam Bảo.

Chúng ta đọc Đàn Kinh, thấy một ngàn bốn trăm năm trước, nói theo hiện thời thì là cách chúng ta một ngàn bốn trăm năm trước, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư truyền trao Tam Quy cho mọi người, Ngài chẳng dùng *“quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”*, chẳng dùng cách này. Ngài sử dụng cách nào? Ngài dùng *“quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh”*. Tôi đọc Đàn Kinh xong, nhìn vào lời phát thệ trong Tam Quy hiện thời, bèn liên tưởng vì sao Lục Tổ Huệ Năng đại sư phải dùng *“giác, chánh, tịnh”*, vì sao chẳng dùng lời phát thệ theo truyền thống là [quy y] Phật, Pháp, Tăng? Nhất định là có đạo lý trong ấy!

Vào thời đại của Huệ Năng đại sư, Phật pháp đã truyền sang Trung Hoa gần như là bảy trăm năm. Phật giáo chánh thức truyền sang Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Đông Hán, tức năm sáu mươi bảy Công Nguyên. Hán Minh Đế sai đặc sứ sang Ấn Độ thỉnh hai vị pháp sư Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đem kinh Phật và tượng Phật sang Trung Hoa. Trước đó, trong dân gian đã có [Phật giáo], đã có từ rất sớm, nhưng chẳng do quốc gia đề xướng. Vì thế, ảnh hưởng chẳng lớn. Quốc gia đề xướng, quốc gia khai thỉnh, ảnh hưởng bèn to lớn! Thời gian bảy trăm năm cũng khá dài, khẳng định là người thọ trì Tam Quy đã nảy sanh hiểu lầm. Hiện thời lại cách thuở đó hơn một ngàn năm, sự hiểu lầm càng ngày càng nghiêm trọng hơn, biến thành mê tín. Nghe nói *“quy y Phật”*, bèn nghĩ đến tượng Phật. Ngạn ngữ có câu: *“Nê Bồ Tát quá hà, tự thân nan bảo”* (Bồ Tát nặn bằng đất vượt sông, khó giữ nổi mình). Tượng ấy có thể phù hộ quý vị hay chẳng? Nhưng hiện thời, sự nảy sanh hiểu lầm như vậy rất phổ biến. Vì thế, lão nhân gia thay đổi danh từ, chẳng dùng cách nói *“Phật, Pháp, Tăng”*, mà đổi thành *“giác, chánh, tịnh”*, mọi người sẽ thấy rõ ràng hơn, minh bạch hơn, chẳng nảy sanh hiểu lầm. Quy y giác, sau đấy bèn giải thích, *“Phật là giác”*, giác chứ không mê, đấy là Phật. Do đó, *“tự quy y Phật”* là từ mê trở về Tự Tánh Giác. Cách nói như vậy rất minh bạch!

Nay chúng ta là tự tánh mê. Từ tự tánh mê trở về Tự Tánh Giác, đấy mới là thật sự quy y Phật. Ý nghĩa này hay lắm! Nhưng chúng ta chẳng giác được! Có ai chẳng mong giác, chẳng mong khai ngộ, chẳng mong đại triệt đại ngộ? Đại triệt đại ngộ là đại giác, nhưng chẳng giác được. Đối với nguyên nhân bất giác, phải biết Tự Tánh Giác vốn sẵn có. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: *“Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không!”* Bất giác là mê, vốn chẳng có mê, giác là vốn sẵn có. Nay vì sao quý vị bất giác, biến thành mê? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: *“Do một niệm bất giác, bèn có vô minh”*. Có vô minh, sẽ mê càng ngày càng nghiêm trọng. Sau khi đã mê, chẳng quay về được! *“Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô”*. *“Tam tế, lục thô”* là nói đến cội nguồn của các hiện tượng, tức sấm la vạn tượng trong vũ trụ, vạn sự vạn vật do đâu mà có, đã nói rõ ràng!

Vô minh là gì? Bất giác là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nói: Khởi tâm động niệm là vô minh, khởi tâm động niệm là bất giác. Giác tâm là bất động, thanh tịnh, tịch diệt, đó là giác tâm, chân tâm. Chân tâm bất động, vọng tâm là động, khởi tâm động niệm là động. Tuy hiện thời chúng ta khởi tâm động niệm, mỗi người chúng ta đều có chân tâm, chân tâm vẫn là “như như bất động” y như cũ, vọng tâm đang động. Tuy vọng tâm là động, hoàn toàn chẳng trở ngại chân tâm. Chân tâm của quý vị vẫn bất động. Vấn đề trong hiện thời là ở chỗ nào? Quý vị chẳng dùng chân tâm, mà dùng vọng tâm. Chân tâm chẳng làm chủ, vọng tâm nắm quyền. Cổ nhân đã có tỷ dụ rất hay, chân tâm là chủ nhân, vọng tâm là kẻ hầu trong nhà. Hiện thời thì sao? Chủ nhân chẳng ngó ngàng mọi việc, kẻ hầu làm chủ, phiền phức xuất hiện! Khi nào chủ nhân quan tâm mọi việc, người hầu nghe theo lệnh sai khiến, đó là *“bình thường”*. Kẻ hầu nghe theo lệnh sai khiến, chính là chư Phật Như Lai tùy loại hóa thân trong mười pháp giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng lãnh hội của họ”*, nghe theo lệnh đấy! Vị chủ nhân nắm quyền là chân tâm. Do vậy có thể biết, trong Nhất Chân pháp giới, chủ nhân nắm quyền, còn trong mười pháp giới đều là do kẻ hầu nắm quyền. Mười pháp giới càng lên cao hơn, quyền hành của kẻ hầu càng nhỏ đi, nhưng họ vẫn là người nắm quyền. Càng đi xuống, quyền hành của kẻ hầu càng lớn. Tỷ dụ này dễ hiểu!

Do vậy, đức Phật thường nhắc đến vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy là vọng tâm. Vọng tâm chia làm ba cấp. Vọng tâm là vô minh, là khởi tâm động niệm. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, thật sự không khởi tâm, không động niệm, chân tâm bèn nắm

quyền. Chân tâm nắm quyền, sẽ là Như Như Phật, bốn lai Phật (vị Phật vốn sẵn có)! Do đó, phải hiểu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là giả, vốn chẳng có. Trong chân tâm, chẳng có những thứ ấy. Những thứ ấy hoàn toàn hư vọng. Phật, Bồ Tát giác ngộ, Phật, Bồ Tát đã tìm thấy chân tâm, trở về tự giác, trở về Bốn Giác. Quý vị mong học Phật, mong giống như Phật, quý vị hãy đi theo phương hướng này, hướng theo mục tiêu này! Thế nhưng từ vô lượng kiếp đến nay, phàm phu lầm tưởng vọng tâm là chân tâm, nhận lầm mất rồi! Trong kinh Phật có tử dụ “*nhận tặc vi tử*” (ngỡ giặc là con). Quý vị chẳng biết nó là hư vọng, ngỡ nó là chân thật, sai mất rồi! Nó chẳng phải là chân thật, mà là hư vọng, điều này tạo thành tri kiến sai lầm. Dùng cái tâm này, chắc chắn là quý vị chẳng thể giải quyết vấn đề.

Hiện thời, đối với vấn đề động loạn trên toàn thế giới, nếu chẳng trở về tự tánh, hiện tượng rối loạn ấy, tướng suy vi ấy tất nhiên sẽ mỗi năm một nghiêm trọng hơn. Cứ tiếp tục, sẽ thật sự là “*tận thế*” như các tôn giáo phương Tây đã nói. Có thể tận thế hay không? Quan sát cẩn thận, lắng lòng tư duy, [sẽ thấy là] có thể, rất có thể. Nói đến chỗ này, ai nấy mới có tâm cảnh giác đôi chút. Chừng nào tận thế phát sanh? Chẳng ai biết. Nói theo tôn giáo, rốt cuộc tận thế phát sanh vào ngày nào, chỉ có Chúa biết! Họ nói trừu Chân Thần ra, thiên sứ cũng đều chẳng biết. Nhưng nếu như thế giới biến hóa, sẽ chẳng phải là đột nhiên, chẳng phải là thành linh biến đổi trong một ngày, mà sẽ là biến hóa dần dần. Biến đổi dần dần, nhất định là có điềm báo trước! Chẳng sai! Chỉ cần nhìn từ những điềm báo ấy, quý vị sẽ biết: Hiện thời, tận thế cách chúng ta ngày càng gần!

Tôi cũng thường khuyên dạy các đồng học. Quý vị hãy lắng lòng quan sát, cứ so sánh từng mười năm một, sẽ dễ dàng nhìn ra. Đối với mười năm, nhìn vào mười năm trong quá khứ, sẽ là hai mươi năm. Lại [nhìn vào] mười năm trong quá khứ trước đó nữa, sẽ là ba mươi năm trước đó. Lại nhìn vào mười năm trước đó, sẽ là bốn mươi năm trước. Quý vị cứ so sánh từng giai đoạn một như vậy, trước hết là nhìn vào trạng huống xã hội và cuộc sống của nhân dân, lại quan sát hết thấy các tạo tác nơi ba nghiệp của hết thấy chúng sanh, quý vị sẽ có thể rút ra một kết luận. Mười năm là một giai đoạn, mỗi giai đoạn sau chẳng bằng giai đoạn trước! Hiện tượng này rất đáng sợ! Nếu chẳng thể thay đổi, vẫn tiếp tục phát triển theo hướng này, mười năm sau, hai mươi năm sau, ba mươi năm sau, chúng tôi cũng chẳng dám nghĩ tận thế có hiện tiền hay không?

Nhân loại tạo tác bất thiện, ảnh hưởng đến sự biến hóa trong tự nhiên. Trong tôn giáo thường nói, mỗi tôn giáo đều nói như vậy, đã nói xong, còn khuyên mọi người, lòng người phải hướng thiện, phải sám hối, phải sửa lỗi, phải dùng lòng nhân từ để đãi người tiếp vật. “*Cho (bố thí) thì sẽ có phước hơn là nhận lãnh*”. Cơ Đốc giáo nói như vậy. Nếu [ai nấy] đều có thể tiếp nhận giáo dục tôn giáo, đều có thể tiếp nhận giáo dục nhân quả, chúng ta hồi tâm hướng thiện, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, chắc chắn sẽ hóa giải tai nạn tận thế. Dầu chẳng thể hóa giải hoàn toàn, nói chung là hóa giải từ một nửa trở lên! Thời gian [xảy ra] tận thế đương nhiên sẽ bị kéo chậm lại, điều này là khẳng định! Do vậy, giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều nào!

Khoa học kỹ thuật chẳng thể giải quyết vấn đề này. Quý vị thấy khoa học có thể giải quyết vấn đề động đất trong hiện thời hay không? Có thể giải quyết chuyện sóng thần hay không? Chẳng thể giải quyết!

Lớp vỏ địa cầu biến hóa, có thể giải quyết hay không? Hiện thời ai nấy đều biết, băng ở Nam Cực và Bắc Cực bị tan chảy, băng hà ở cao nguyên đã bị tan chảy. Các nhà khoa học cho biết, nếu băng ở Nam Cực và Bắc Cực hoàn toàn tan chảy, hiện thời tốc độ tan băng rất nhanh, mực nước biển tại vùng duyên hải sẽ dâng lên từ năm mươi mét cho đến bảy mươi mét. Nói cách khác, các đô thị vùng duyên hải trên khắp thế giới đều bị nước biển nhấn chìm! Điều này có nghĩa là chẳng có tai nạn chi khác, nước biển dâng cao, tràn ngập! Khối băng ở Nam Cực và Bắc Cực bị tan chảy, nước biển dâng cao, lục địa trên địa cầu bị thu nhỏ. Chiếu theo cách nói thông thường, tối thiểu là rút nhỏ một phần tư lục địa, cũng là hai mươi lăm phần trăm! Nói theo hiện thời, những chỗ thấp hơn năm mươi mét cho đến bảy mươi mét [so với mực nước biển] thấy đều bị nhấn chìm, chẳng có cách nào giải quyết. Các khoa học gia biết chuyện này, làm thế nào để có thể ngăn ngừa sự tan chảy của khối băng tại Bắc Cực và Nam Cực? Không khí ô nhiễm, nước ô nhiễm, hiện thời là một vấn đề hết sức nghiêm trọng và bức thiết, làm cách nào để giải quyết vấn đề này? Do vậy, trong kinh giáo, đức Phật thường nhắc nhở chúng ta phải giác ngộ. Giác ngộ là chớ nên tạo tác ác nghiệp nữa. Ý niệm bất thiện, tức là ý nghiệp của quý vị bị ô nhiễm. Ngôn ngữ bất thiện, tức là khẩu nghiệp bị ô nhiễm. Thân thể tạo tác bất thiện, chính là thân nghiệp bị ô nhiễm. Tam nghiệp đều bất thiện, càng mê càng sâu hơn.

Vì thế, chúng ta phải nhận thức rõ ràng câu “*tự quy ư Phật*” (自歸於佛) [trong bài kệ này], chớ nên hiểu lầm ý nghĩa, đừng mê tín! “*Đương nguyện chúng sanh, thiêu long Phật chủng*”: Trong phần trước

đã nói về xuất gia, xuất gia giống như Phật. “*Thiệu*” (紹) là kế thừa, tiếp nối huệ mạng của Phật. “*Phật chủng*” (佛種) là huệ mạng của chính mình. “*Phật chủng*” có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là tự tánh của chính mình. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh, có trọn đủ viên mãn chủng tử của mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Phật chủng. Phật chủng vĩnh hằng bất diệt. Phật chủng là gì? Phật Tánh! Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Phật Tánh là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh; đấy là Phật Tánh. Hết thảy chúng sanh thấy đều có! Hiện tại mê, mê chứ không giác. Trong kinh, đức Phật đã nói về điều này rất hay, vì sao mê? “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”, lời ấy đã giải thích rất minh bạch! Nếu chúng ta trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, Phật Tánh sẽ hiện tiền, Phật chủng sẽ hiện tiền. Phải hiểu đạo lý này, phải nghiêm túc thực hiện!

Thực hiện từ nơi đâu? Trước hết, thực hiện từ chỗ nông cạn, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chẳng chấp trước, quý vị có thể tùy duyên, sẽ tự tại! Ngay cả thân thể này cũng chẳng chấp trước, đối với Ngã cũng chẳng chấp trước, vô ngã! Hễ chấp trước, trật mất rồi! Thân tướng này là do Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp mà hiện thành một hình tướng như thế đó. Trong Tứ Đại và Ngũ Uẩn, quý vị chẳng thể tìm được Ngã! Quý vị tìm kiếm Ngã trong Tứ Đại và Ngũ Uẩn, trọn chẳng thể được, chứng tỏ chẳng có Ngã! Vì sao quý vị chấp trước những thứ ấy là Ngã? Vì chấp trước là Ngã, cho nên nầy sanh ích kỷ, tham, sân, si, mạn, vô lượng phiền não, vô lượng tội nghiệp trong ấy, sai mất rồi!

Thật sự học Phật, làm đệ tử đức Phật, quý vị phải giống như Phật, giống như Bồ Tát, bỏ sạch những thứ ấy! Sau khi đã bỏ sạch những thứ ấy, sẽ là A La Hán, tức Chánh Giác, là tiểu ngộ. Tuy chưa triệt ngộ, là tiểu ngộ, nhưng vì không còn chấp trước những thứ ấy, lục đạo sẽ chẳng có. Quý vị vào trong lục đạo, nhằm hành Bồ Tát đạo, hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo để giúp chúng sanh giác ngộ. Chính mình giác ngộ, nêu gương giác ngộ cho chúng sanh thấy. Tuy hình tướng giống như chúng sanh, nội tâm hoàn toàn khác hẳn. Hình tướng thì hòa quang đồng trần, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Hiện thân chẳng phải là hữu ý; hễ hữu ý hiện thân nào, [tức là] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị chẳng đoạn, [mà là] vô ý. Vô ý thì làm sao có thể hiện thân? Đúng là khó hiểu! May mắn là thí nghiệm của tiến sĩ Giang ở Nhật Bản đã tạo một chứng minh khoa học cho chúng ta. Chúng tôi thấy thí nghiệm ấy, bèn hoảng nhiên đại ngộ. Nước chẳng có tâm, vì sao nó có thể

tùy thuộc ý nghĩ của con người [mà chuyển biến]? Do đâu mà có nước? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Bản thể của nước là gì? Là Pháp Tánh. Pháp Tánh là Phật Tánh, Pháp Tánh là chân Phật, Pháp Tánh là Phật chủng, Pháp Tánh là chân tâm của chính mình. Xác thực thuận theo sự cảm của chúng sanh, chúng sanh khởi tâm động niệm, nước sẽ cảm ứng. Thiện niệm bèn có thiện ứng, ác niệm sẽ có ác ứng. Núi, sông, đại địa, toàn thể vũ trụ thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ, tùy tâm ứng lượng!

Từ chúng minh khoa học ấy, chúng tôi đã đoạn sạch nghi hoặc từ bao nhiêu năm qua. Trong giáo pháp Đại Thừa, cảnh giới ấy được gọi là *"bất tư nghị giải thoát cảnh giới"* (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn). Chúng ta cũng hiểu rõ *"bất tư nghị"* là gì? *"Tư"* (思) là tư duy, *"nghị"* (議) là nghị luận. Nghiên cứu, hay thảo luận đều chẳng thể, tự nhiên! Quý vị chỉ cần thêm tư duy vào, thêm nghiên cứu, thảo luận vào, sẽ chẳng thấy chân tướng; đấy là gì? Sẽ thành pháp thế gian! Thêm vào tư duy, nghị luận sẽ là pháp thế gian, là mê, người thế gian nói là Thế Trí Biện Thông, kinh Phật nói là Thế Trí Biện Thông. Thế Trí Biện Thông là một trong tám nạn. Là khỏi hết thấy tư duy, nghị luận, sẽ là *"bất tư nghị"*, chân tướng hiện tiền. Chân tướng mới có thể hiện tiền. Vì thế, từ sự kết tinh của nước, có thể thấy chân tướng, nhưng chân tướng [như chúng ta trông thấy chỉ là] cục bộ! Từ cục bộ, quý vị có thể suy ra toàn thể. Chúng ta có ý niệm bất đồng đối với nước, nó sẽ sanh ra phản ứng khác nhau. Đối với núi, sông, đại địa, đối với hết thấy chúng sanh, chắc chắn là không khác. Chúng ta có thiện niệm, toàn thể núi, sông, đại địa, hết thấy chúng sanh chắc chắn sẽ có phản ứng tốt đẹp. Chúng ta có ác niệm, chắc chắn là [chúng sẽ phản ứng] xấu hèn! Từ một pháp, quý vị có thể hiểu hết thấy các pháp. Người thế gian thường nói *"nghe một biết mười"*; ở đây, không chỉ biết mười, [mà là] nghe một biết hết thấy!

Chúng đắc bằng cách nào? Chẳng có gì khác, buông xuống! Buông xuống chấp trước, buông xuống phân biệt. Buông xuống chấp trước, quý vị là Chánh Giác, là A La Hán. Buông xuống phân biệt, quý vị là Bồ Tát, là Chánh Đẳng Chánh Giác. Buông xuống khởi tâm động niệm, quý vị là Phật, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi phương pháp là *"buông xuống, thấy thấu suốt"*. *"Thấy thấu suốt"* là gì? *"Thấy thấu suốt"* là hiểu rõ. Chẳng cần thông qua tư duy, chẳng cần trải qua tưởng tượng, mà tự nhiên hiểu rõ! Vì sao quý vị chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật? Chân tướng sự thật chính là *"Thật Tướng của các pháp"* như trong kinh Phật đã dạy. Vì sao quý vị chẳng hiểu rõ? Quý vị có

nghiệp chương, có chương ngại. Đối với ba loại lớn ấy, Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não là khởi tâm động niệm, chương ngại chân tâm của quý vị, chương ngại sự nhận biết chân tướng sự thật!

Trong đời này, chúng ta may mắn được làm thân người, được nghe Phật pháp, được gặp gỡ chánh giáo! Có nhiều đồng tham đạo hữu ngàn ấy cùng nhau học tập, khích lệ lẫn nhau, phải thật sự hành, phải thật sự phát tâm thiệu long Phật chủng. Đầu tiên là phải thiệu long Phật chủng của chính mình. Chính mình phải là thật tu, thật chứng; sau đấy mới hoằng dương rạng rỡ, thiệu long Phật chủng của Thích Ca Mâu Ni Phật, [khiến cho] chánh pháp tồn tại lâu dài [trong thế gian]. Giới thiệu tâm đắc học tập của chính mình đối với giáo huấn của đức Thế Tôn và giáo huấn của chư Bồ Tát, giới thiệu sự thọ dụng từ việc học tập của chính mình, giới thiệu với hết thảy chúng sanh trong thế gian, chia sẻ với mọi người. Đó gọi là hoằng pháp lợi sanh.

“Phát vô thượng ý”: “Phát” (發) là phát tâm, “ý” chính là tâm. Do vậy, tổ sư sửa thành *“phát vô thượng tâm”*, ý nghĩa hoàn toàn như nhau! Vô thượng tâm là pháp chứng đắc rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhất định phải lấy điều này làm mục tiêu chung cực. Do vậy, câu này rất trọng yếu, trọng yếu ở chỗ nào? Chẳng thể đắc chút ít, đã cho là đủ! Quý vị đạt được Chánh Giác, bèn cảm thấy rất thỏa mãn. Vượt thoát lục đạo, nhìn lại lục đạo, quý vị thấy rành mạch, rõ ràng Tánh, Tướng, Lý, Sự nhân quả của lục đạo. Đấy là A La Hán. Như kinh đã nói, quý vị có năng lực biết năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Thật sự có thể nói là thần thông quảng đại! Quý vị du hành đến nơi đâu, chẳng cần phương tiện giao thông. Nghĩ đến nơi đâu, sẽ liền đến nơi đó!

Chuyện này dường như là thần thoại! Chẳng phải là thần thoại, vì sao? A La Hán đã đột phá thời gian và không gian. Cũng có nghĩa là, Ngài chẳng có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Vì thế, năm trăm đời quá khứ và năm trăm đời vị lai ở ngay trước mắt. Chẳng có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Vì thế, Ngài có thể tùy theo cái tâm của chúng sanh mà ứng hiện phù hợp. A La Hán còn có cảnh giới này, hưởng hồ Bồ Tát? Hưởng hồ đức Phật? Đã đột phá thời gian và không gian, cảnh giới sống sẽ hoàn toàn chẳng giống chúng ta. Không gian sống của chúng ta quá nhỏ, chúng ta chẳng thể sánh bằng Ngài. Nếu lại so sánh các Ngài (các vị A La Hán) với Bồ Tát thì

[A La Hán] cũng chẳng thể sánh bằng. Do vậy, chớ nên ngừng nơi tiểu quả, chớ nên ngừng tại đó, nhất định là phải còn tiến cao hơn!

Nếu tiến cao hơn nữa, phải phát tâm, phát cái tâm giống như Phật, nguyện giống như Phật, sẽ tiến cao hơn. Tiến cao hơn thành Bồ Tát. Lại tiếp tục bỏ sạch phân biệt, chẳng phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Cái tâm chẳng phân biệt chính là bình đẳng. Không chấp trước, A La Hán chẳng chấp trước, tâm Ngài thanh tịnh. Ngài chỉ đạt được thanh tịnh, vẫn chưa đạt được bình đẳng. Bồ Tát đã đắc bình đẳng, chính là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đạt đến cảnh giới Bồ Tát, cũng phải sợ, sợ chính mình sẽ rất thỏa mãn. Hễ thỏa mãn, sẽ chẳng thể tăng tấn được! Quyết định chớ nên nẩy sanh ý niệm ấy, phải vĩnh viễn tăng tấn! Chúng ta biết Đại Thừa Bồ Tát có bốn mươi một địa vị. Bốn mươi một địa vị tính từ Thập Trụ, địa vị Thập Tín chẳng tính, [bởi lẽ], địa vị Thập Tín chẳng lìa khỏi mười pháp giới. Sơ Trụ đã vượt thoát mười pháp giới. Vì thế, phát vô thượng tâm rất quan trọng! Nếu chẳng phát vô thượng tâm, vị ấy sẽ chẳng thể tăng tấn. Nhất định phải phát, phải chứng đắc quả vị rất ráo viên mãn. Cũng có nghĩa là nơi tự tánh chớ nên có mảy may ô nhiễm, phải trừ sạch tất cả chướng ngại, tất cả ô nhiễm thì mới là viên mãn. Viên mãn, đạt đến Phật quả rất ráo, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vậy, khi quý vị phát tâm, nhất định sẽ cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phải phát cái tâm ấy, tâm ấy được gọi là đại Bồ Đề tâm. Nếu chỉ là Bồ Tát, quý vị phát Bồ Đề tâm, sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nhưng A La Hán chẳng phát Bồ Đề tâm, đạt đến Chánh Giác, chẳng phát Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là Đại Giác, Phật là Vô Thượng Giác. Hàm nghĩa trong mỗi câu đều rất sâu!

Quý vị phát cái tâm ấy, đạt đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Khi ấy, không chỉ là chẳng có phân biệt, chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Trong Nhất Chân pháp giới là pháp giới bình đẳng, vô thượng tâm còn có tác dụng hay chẳng? Có tác dụng! Tác dụng ấy chẳng thể nghĩ bàn, quý vị chẳng có cách nào suy tưởng, mà cũng chẳng thể thảo luận. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, sự tu hành của bậc Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới được gọi là *"vô công dụng đạo"*, nó khởi tác dụng ấy. Cũng có nghĩa là, ba đại A-tăng-kỳ kiếp nhằm đoạn sạch tập khí căn bản vô minh, một mực tăng tấn là do sức mạnh nào thao túng? Chính là ý niệm này! Cái ý niệm ấy ở nơi đây chẳng có, phát khởi nơi nhân địa, thì sẽ là như chúng ta là những kẻ mới học Phật trong hiện thời, khởi tâm động niệm, nguyện tâm kiên định. Trong tương lai, sau khi đã phá một phẩm vô minh, đoạn hết tập khí vô

minh, ý niệm đó sẽ tự nhiên sanh ra sức mạnh. Lý và Sự đều rất khó hiểu, phải rất chú tâm lãnh hội, sẽ mừng tượng hiểu được. Đối với cảnh giới thật sự, chẳng có cách nào, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng thể nghĩ bàn mà đức Phật cũng nói ra một chút cửa ngõ và đường lối ở đây nhằm hướng dẫn chúng ta. Từ sự hướng dẫn ấy, chúng ta có được đôi chút manh mối. Tin sâu chẳng ngờ manh mối ấy, nơi Bồ Đề đạo sẽ khởi tác dụng. A! Nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1511

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ mười của phần Xuất Gia Thọ Giới:

(Kinh) Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

(經)自歸於法。當願眾生。深入經藏。智慧如海。

(Kinh: Tự quy y Pháp, nguyện cho chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển).

Đây là điều thứ hai trong Tam Quy, “*quy y Pháp*”. Trong phần trước đã nói về quy y Phật, điều thứ hai là quy y Pháp. Pháp là Tự Tánh Pháp Bảo. Trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã dạy chúng ta, Phật có nghĩa là Giác, [“*tự quy y Phật*” là] tự quy y Giác. Điều thứ hai là quy y Chánh. Do vậy có thể biết, Pháp là chánh tri chánh kiến. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Tiêu chuẩn là Pháp Tánh. Vì thế, Pháp ở đây có ý nghĩa Pháp Tánh, có ý nghĩa Pháp Tướng. Tánh và Tướng là một Thể, đó gọi là “*Tánh, Tướng chẳng hai; Tánh và Tướng như một*”. Chỉ cần chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Pháp ấy chính là chánh pháp. Hễ thêm vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong Pháp ấy sẽ có thiện và ác. Phật pháp nói “*thiện, ác, vô ký*”, [do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước], sẽ xuất hiện những thứ ấy. Trong Pháp Tánh, thậm chí trong Pháp Tướng, thiện, ác, vô ký (không thiện, không ác) đều chẳng có. Do vậy, Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật*”. “*Vốn chẳng có một vật*” không có nghĩa là “*chẳng có Pháp Tánh, chẳng có Pháp Tướng*”. “*Vốn chẳng có một vật*” nghĩa là “*chẳng có hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Khi ấy, quý vị mới có thể thật sự kiến đạo, đâu đâu cũng là đạo, làm chuyện gì cũng thuận lợi!

Phàm phu chẳng thấy [Tánh] là do nguyên nhân nào? Vì phàm phu có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nhị Thừa tuy thấy đôi chút, nhưng mơ hồ. Tuy Nhị Thừa chẳng chấp trước, họ hãy còn có vọng tưởng và phân biệt. Bồ Tát thấy rõ ràng hơn Nhị Thừa, nhưng Bồ Tát chưa phá vô minh, chỉ đoạn phân biệt và chấp trước, có thể nói là [đã kiến tánh] khá rõ ràng. Các Ngài được gọi là Tương Tự Vị (相似位, địa vị tương tự), chẳng phải là Chân Thật Vị (địa vị chân thật). Có thể phá trừ một phẩm vô minh, quý vị sẽ thấy chân thật; đấy mới là thật sự “*tự quy y Pháp*”. Về sau, tổ sư đại đức đổi chữ U (於) thành Y (依); xét theo ý nghĩa thật sự, U hay hơn Y⁴⁸. Vì sao phải đổi thành Y? Thuận tiện cho bọn sơ học chúng ta, [dùng Y với hàm ý] chúng ta phải biết quay đầu, phải nương vào Pháp. Ý nghĩa được bao hàm trong chữ Pháp cũng rất rộng. Đối với kẻ sơ học, Pháp là gì? Pháp là giáo huấn của thánh nhân. Giáo huấn của thánh nhân nương vào Pháp Tánh; vì thế, gọi là Chánh Pháp. Ở đây, chúng ta phải lắng lòng lãnh hội.

Pháp vốn là chánh; con người thoát đầu, tánh vốn lành. Con người thoát đầu, tánh vốn giác. Con người thoát đầu, tánh vốn chánh. Con người thoát đầu, tánh vốn tịnh. Nay vì sao chẳng lành, chẳng giác, chẳng chánh, do nguyên nhân nào? Vô đoan (“*vô đoan*” (無端) là chẳng có nguyên nhân gì) dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, dấy lên những thứ như vậy! “*Vô đoan*” (vô có), chẳng có nguyên nhân, cho thấy điều gì? Nói rõ những thứ ấy là giả, chẳng thật. Hễ là thật, sẽ có khởi đầu, có kết thúc, có đầu, có cuối. [Những thứ ấy] chẳng có, tức là chẳng có đầu và cuối, chẳng có trong hay ngoài. Kinh điển dạy chúng ta, chân, vọng, giác, mê, chánh, tà, nhiễm, tịnh có phải là thật hay không? Kinh Kim Cang đã nói rất hay, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, nhưng nếu quý vị bất giác, chúng sẽ là thật sự có. Nếu quý vị giác, chúng vốn là không. Vì thế, giáo học của Phật pháp là thật, chẳng giả, nói đến chỗ rốt ráo!

Trong giai đoạn hiện tiền, chúng ta xác thực phải tự mình thừa nhận, chính mình là mê chứ không giác, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ không tịnh. Nói theo Tam Tự Kinh của Nho gia, chúng ta là ác, bất thiện. Từ xưa tới nay, có chẳng ít học giả của Trung Hoa và ngoại quốc cho rằng “con người tánh vốn tham lam”, [họ quan niệm] “tham, sân, si là bản tánh của loài người”, [tức là] tánh loài người vốn bất thiện! Họ nói cũng rất có lý, trên thực tế thì sao? Trên thực tế là sai lầm! Vẫn là đức Phật nói đúng. Chúng tôi quyết định chẳng có lòng thiên vị đối với Phật pháp [mà nhận định như vậy]. Quý vị phải lắng lòng quan sát, tư duy,

mới biết người nào nói đúng, kẻ nào nói sai! Vì sao đức Phật là đúng? Là hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng còn bàn cãi nữa! Là hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; khi ấy, tất cả hết thấy đối lập đều chẳng có. Đó là thật, chẳng phải là giả!

“Đối lập” là gì? Chúng tôi vừa mới nói, thiện và ác là đối lập, giác và mê là đối lập, chánh và tà là đối lập, nhiễm và tịnh là đối lập. Những thứ ấy chẳng phải là đối lập ư? Đây là hai pháp. Lục Tổ nói: *“Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”*. Quý vị lãnh hội từ chỗ này: Những gì do người thế gian đã nói chẳng là khỏi đối lập. Pháp do đức Như Lai đã nói chẳng có đối lập. Ở đây, đức Như Lai dạy chúng ta: Đối với giác và mê, giác và mê là một, chẳng hai. Đối với Pháp được nói ở đây, Pháp là [xét đến] tà và chánh, tà và chánh chẳng hai, tà và chánh như một, kẻ bình phàm chẳng hiểu đạo lý này. Mê là tà, ngộ là chánh, *“mê và ngộ chẳng hai”*, quý vị có thể hiểu lời này hay chẳng? Mê và ngộ là một, chẳng hai. Nếu quý vị thật sự thấu hiểu, chúc mừng quý vị, nhà Phật bảo là *“nhập pháp môn Bất Nhị”*. Ai đã nhập pháp môn Bất Nhị? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác đã phá vô minh!

Quý vị có hiểu vô minh là gì hay không? *“Hai”* là vô minh, *“chẳng hai”* thì vô minh đã bị phá. Đã phá vô minh thì mới thật sự đạt được đại tự tại, tâm thanh tịnh hiện tiền. Thiên Tông Nhị Tổ là Huệ Khả đại sư, trước khi khai ngộ, rất khó có! Ngài nghe nói có vị cao tăng Ấn Độ tại chùa Thiếu Lâm là Đạt Ma tổ sư. Tâm Nhị Tổ bất an, cầu Đạt Ma tổ sư an tâm cho Ngài. Lúc đó nhằm đúng mùa Đông, Đạt Ma tổ sư đang tĩnh tọa, Nhị Tổ đứng trong tuyết ở ngoài cửa. Trời đổ tuyết rất lớn, gần như tuyết ngập đến đầu gối, Nhị Tổ vẫn đứng ở đó, bất động. Thấy Đạt Ma tổ sư chẳng quan tâm tới mình, thế là Ngài chặt phăng cánh tay của chính mình, dâng cánh tay ấy cúng dường Đạt Ma tổ sư. Đạt Ma tổ sư mở mắt nhìn thấy Ngài như vậy, liền hỏi: “Sao ông phải khổ sở làm vậy? Ông đến đây để làm gì?” “Cầu đại sư an cái tâm cho con, tâm con bất an”. Đạt Ma tổ sư đáp: *“Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó cho ông”*. Quý vị thấy hiện thời có rất nhiều bức tượng tạc Đạt Ma tổ sư duỗi một bàn tay ra, đấy chính là sự biểu hiện của Ngài khi Huệ Khả cầu pháp.

Huệ Khả đại sư nghe câu nói ấy, hồi quang phản chiếu rất lâu, kinh chép là *“lương cửu”* (良久, khá lâu), thưa: *“Tìm tâm trọn chẳng thể được”*. Ngài thưa hỏi, [Tổ dạy] *“lấy cái tâm của ông ra đây, ta sẽ an nó cho ông”*, Ngài quay lại tìm kiếm, chẳng thấy, mới thưa: *“Tìm tâm trọn chẳng thể được”*, con tìm chẳng thấy! Đạt Ma tổ sư đáp bằng một câu: *“Dữ nhữ an tâm cánh”*, [nghĩa là] ta đã an cái tâm của ông xong rồi! Do

chính câu nói ấy, Huệ Khả đại sư đại triệt đại ngộ, Đạt Ma tổ sư bèn truyền y bát cho Ngài. Ngộ gì vậy? Trước khi ngộ là hai pháp, quý vị sẽ thấy có an và bất an, hai pháp mà! Do bất an, [cho nên] cầu an tâm. Tổ sư vừa điểm hóa, [ngài Huệ Khả] vừa quay đầu, [nhận biết] an và bất an chẳng hai, chúng là một, chẳng phải hai! Đây là như chúng tôi thường nói, *“hóa giải đối lập từ chỗ sâu thẳm trong nội tâm”*. Hễ hóa giải đối lập, sẽ chẳng có nghi lự, chẳng có mâu thuẫn; nói theo kiểu hiện thời, cũng là *“chẳng có xung đột”*. Đây là cảnh giới *“phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*; đây là chân pháp! Phật, Tổ dạy chúng ta *“tự quy y Pháp”*, ý nghĩa thật sự ở ngay chỗ này!

Hễ quay đầu, sẽ *“đương nguyện chúng sanh”*. Vì vậy, bản thân quý vị chẳng thể khế nhập, làm sao có thể giúp cho người khác khế nhập? Để khế nhập, cần phải huân tu trong một thời gian dài. Tu gì vậy? Tu buông xuống, tức là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây là tổng cương lĩnh. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước triển khai ra, sẽ là muôn sự muôn vật, trong là thân, tâm, ngoài là thế giới. Thân, tâm, thế giới thấy đều phải buông xuống. Buông xuống là gì? Không chấp trước. Buông xuống chấp trước, chẳng phân biệt. Buông xuống chấp trước, quý vị sẽ là A La Hán. Buông xuống phân biệt, quý vị sẽ là Quyền Giáo Bồ Tát. Buông xuống vọng tưởng, nay chúng ta gọi buông xuống vọng tưởng là [buông xuống] đối lập. Trong nội tâm có đối lập, hãy buông xuống, quý vị sẽ là Pháp Thân Bồ Tát, là Phần Chứng Phật! Sau khi chính mình đã khế nhập cảnh giới, cái tâm *“đương nguyện chúng sanh”* sẽ sanh khởi. Cái tâm ấy sẽ là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với mười phương hết thảy chư Phật.

“Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải”: Kinh tạng là cầu bến để đức Phật giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Nói theo phía Phật, sẽ là *“chẳng nói mà nói, nói mà chẳng nói”*, [đó là] ngôn giáo, còn thân giáo thì *“làm mà không làm, không làm mà làm”*. Quý vị có thể nghe hiểu hay chẳng? Đã nghe hiểu, [sẽ là] thật sự quy y. Nghe chẳng hiểu, [chỉ là] quy y trên hình thức, chẳng nhập cảnh giới. Kinh tạng do đâu mà có? Nay chúng ta gọi kinh tạng là Đại Tạng Kinh. Trong kinh điển chứa đựng những gì? Chính là câu kế tiếp: *“Trí huệ như hải”*, trong kinh tạng chứa đựng vô lượng trí huệ. Vô lượng trí huệ ở nơi đâu? Ở ngay trong kinh điển; vì thế, kinh điển được gọi là Pháp Bảo. Đức Phật chẳng trụ trong thế gian; khi đức Phật trụ thế, Phật Bảo là bậc nhất. Đức Phật chẳng trụ thế, trong Tam Bảo, Pháp Bảo là bậc nhất. Chúng ta tự

quy y Phật, dùng gì để chứng minh? Chúng ta tự quy y Tăng, cũng dùng gì để chứng minh? [Đều là] dùng kinh!

Kinh tạng, Phật Phật đạo đồng. “*Thập phương tam thế Phật, nhất lộ Niết Bàn môn*” (Mười phương ba đời Phật, một đường Niết Bàn môn). Kinh do đức Phật hiện tại nói và kinh do cổ Phật đã nói chẳng hai; kinh do vị lai chư Phật nói và kinh của vị Phật hiện tại chẳng khác, hoàn toàn tương đồng. Nói “*tương đồng*” ở chỗ này, chư vị phải ghi nhớ, có thể là lời lẽ không giống nhau, nói nhiều hay nói ít, nói dài hay nói ngắn, tức là xét theo hình thức, sẽ chẳng giống nhau. [Thế nhưng] nội dung nhất định là tương đồng, quyết định là một phương hướng, một mục tiêu, hướng dẫn quý vị về Tự Tánh Bát Nhã, tức Pháp Bảo. Thể của tự tánh Bát Nhã là Phật Bảo; tác dụng của Tự Tánh Bát Nhã, ta thường nói là “*đức dụng*” (徳用), chính là Pháp Bảo.

Do vậy, cổ đại đức, trong kinh Phật, đức Phật cũng dạy như vậy, những điều cổ đại đức đã nói đều căn cứ trên lời Phật. Trong mười pháp giới, chúng sanh pháp giới (mười pháp giới đều là chúng sanh), “*kinh tạng sở tại chi xứ, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần gìn giữ, bảo vệ*”. Dẫu chúng sanh ở nơi ấy tạo ác nghiệp, nhưng do có Phật, có thần hộ pháp, họ cũng sẽ không gặp nạn. Tai nạn lớn biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ hóa thành chẳng có! Dẫu chúng ta không đọc kinh tạng [vẫn có hiệu quả ấy]. Vì thế, đó là lý do vì sao đạo tràng phải thờ phụng Đại Tạng Kinh. Nếu có người đọc Đại Tạng Kinh, [thường gọi là] “*duyệt tạng*” (閲藏), có người học tập, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Dẫu chẳng có ai xem, chẳng ai đụng đến, [Đại Tạng Kinh] thờ ở đạo tràng, chỉ cần quý vị có tâm cung kính, điều này rất trọng yếu: Quý vị có tâm cung kính! Giống như chúng ta lạy Phật, đã lạy tượng Phật, trông thấy kinh điển, chúng ta cũng phải lạy kinh điển. Có thể có cái tâm cung kính ấy, sẽ được cảm ứng!

Trong những năm qua, chúng tôi có cơ duyên biếu tặng Đại Tạng Kinh, tặng cho toàn thể thế giới. Có người hỏi tôi: “Pháp sư ơi! Vì sao thầy phải làm như thế?” Vì thế gian quá nhiều tai nạn! Nơi nào thờ phụng [Đại Tạng Kinh], nơi ấy có phước báo, có duyên với Phật. Đồng thời, chúng ta biết tai nạn quá nhiều, hễ có tai nạn to lớn, kinh giáo nhà Phật thường bị hủy diệt; do vậy, sẽ bị thất truyền. Các vị đại đức từ xưa đã trọn hết nỗi khổ tâm để [toan tính] bảo tồn [kinh tạng] như thế nào hòng lưu truyền cho thế hệ sau. Chúng tôi đã thấy kinh được khắc trên đá ở Phòng Sơn, Bắc Kinh. Khi đó, tôi đến Bắc Kinh, cụ Triệu Phác Sơ kể

cho tôi nghe chuyện này, tôi rất kinh ngạc. Cụ sai người dùng xe riêng dẫn tôi đi xem. Xem xong, tôi hết sức cảm động. Bộ kinh đá ấy đời đời truyền thừa, tổng cộng đã được khắc trong suốt tám trăm năm, khắc từ đời này sang đời kia, mấy ngàn người tham dự công tác ấy. [Kinh được khắc nơi ấy là] Đại Tạng Kinh hoàn chỉnh, nội dung còn nhiều hơn tạng kinh [được lưu hành] trong hiện thời mấy bộ. Sau khi tôi thấy công trình to lớn ngần ấy, [thầm nghĩ] công trình ấy trọn chẳng kém Vạn Lý Trường Thành. Đó là trường thành trí huệ!

Hội Phật giáo Trung Hoa đã cho rập bản kinh đá ấy, in theo lối sao chụp thành một bộ. Điều đáng tiếc là cỡ chữ quá nhỏ, chẳng có cách nào duyệt đọc được. Vì thế, lúc đó, tôi đã kiến nghị với cục Tôn Giáo, có thể in cỡ chữ to hơn hay không, tối thiểu là [in theo lối] chữ Khải to cỡ một tấc. Đương nhiên là giá thành sẽ cao, nhưng [bản in ấy] sẽ biến thành bảo tạng. Tôi rất mong muốn in ra, có thể in một ngàn bộ. Bản thân tôi không cần, hoàn toàn tặng cho quốc gia. Dùng danh nghĩa quốc gia, dùng làm lễ vật để tặng cho mỗi quốc gia trên khắp thế giới tàng trữ. Hiện thời, chúng ta niệm niệm khẩn cầu hóa giải xung đột, xúc tiến thế giới an định, hòa bình. Đây là trọn hết một phần nỗ lực chân thật. Đáng tiếc là chuyện này gặp rất nhiều chướng ngại, mãi cho đến hiện thời, chẳng có cách nào làm được. Nhưng bản rập từ kinh khắc đá có sáu bộ, tức là có sáu bản rập từ kinh khắc đá. Hiện thời, kinh đá đã được đặt trở về chỗ cũ, bên ngoài cũng đã phong kín. Cổ nhân dùng phương pháp này, gọi là “*tàng chư danh sơn*” (藏諸名山, cất giữ trong các chỗ núi non nổi tiếng). Nhưng chúng ta cũng hiểu, nếu gặp lúc có một trận động đất, toàn bộ công sức mất sạch, đều bị hủy diệt! Vào thời cổ, chỉ đành dùng phương pháp ấy. Ngoài phương pháp ấy ra, chẳng có cách thứ hai nào, hy vọng những thứ ấy sẽ được lưu truyền hậu thế!

Phương pháp trong hiện tại là do khoa học kỹ thuật phát triển, thuật ấn loát phát triển, chúng ta có thể in với số lượng lớn, biểu tặng cả thế giới. Cách này chắc chắn sẽ có thể bảo tồn an toàn được! Vì chúng ta biết, trong thế gian có rất nhiều tai nạn, nhưng chẳng đến nỗi khắp thế giới đều bị hủy diệt hết, chẳng thể nào, sẽ luôn có những nơi tồn tại. Vì thế, từ thập niên tám mươi, hơn hai mươi năm qua, chúng tôi rất nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Thoạt đầu, chúng tôi mua Tạng Kinh, chỗ nào cần, chúng tôi sẽ biểu tặng. Về sau, chúng tôi đã có sức, hợp tác với xưởng ấn loát, in chung một ngàn bộ. Họ in sáu trăm bộ để bán, chúng tôi in bốn trăm bộ để biểu tặng. Tôi làm hai lần, tổng cộng là tám trăm bộ, in chung với người ta để giảm thấp giá thành. Về sau, bản thân chúng tôi đủ sức,

chẳng cần hợp tác với kẻ khác, chúng tôi tự in. Lần đầu tiên, in một ngàn bộ, vào năm 1999, tặng cho các nơi trên thế giới. Lần đó cũng rất khó có, chúng tôi tặng Trung Hoa năm trăm bộ, năm trăm bộ kia tặng cho hải ngoại.

Mấy năm nay, lại có rất nhiều đồng học phát tâm, tôi cũng hết sức hoan hỷ, in bốn ngàn bộ. Bốn ngàn bộ, năm ngoài một ngàn bộ, năm nay một ngàn bộ, sang năm còn có hai ngàn bộ. Một ngàn bộ năm ngoài cũng gần như đã tặng hết. Một ngàn bộ năm nay, chúng tôi phân phối: Đại Hàn một trăm bộ, Nhật Bản hai trăm bộ, nước Mỹ một trăm bộ, Âu châu ba trăm bộ. Indonesia hỏi xin hai trăm sáu mươi bộ, Mã Lai một trăm bộ. Đối với các nước thuộc vùng biển Nam như Việt Nam, Thái Lan, chúng tôi cũng tặng một trăm bộ. Đối với Trung Hoa Đại Lục, ban đầu chúng tôi chuẩn bị tặng sáu trăm bộ, cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy phép, không thể gửi về được. Bất quá, sang năm sau, hoặc năm sau nữa, chúng tôi hãy còn [Đại Tạng Kinh], giấy phép cấp trễ một chút cũng chẳng sao! Người học Phật chúng ta hiểu rất rõ ràng: Để hóa giải tai nạn, thật sự phải cấy vào oai thần của Phật, Bồ Tát, cấy vào long thiên thiện thần gia hộ. Đối với khu vực Hương Cảng này, chúng tôi tặng hai mươi sáu bộ. Có khá nhiều đạo tràng coi đó là của báu trấn tự! Hiện thời, trong Tam Bảo chẳng có Phật Bảo, Tăng Bảo cũng chẳng có, Pháp Bảo là chân thật, chẳng giả!

Đương nhiên, điều quan trọng nhất là “*thâm nhập*” như kinh đã dạy. Hiện thời, Pháp Bảo tồn tại. Để có được, chẳng khó, chúng tôi tính toán tổng cộng một lượt. Tổng cộng đã tặng (tính cả những bộ đã mua tặng, hay tự mình in để tặng) đến hơn sáu ngàn bộ. Đây là việc chúng tôi đã làm trong những năm qua, những kinh sách khác chẳng cần phải nói tới. Chỉ riêng Đại Tạng Kinh chúng tôi đã in tặng sáu ngàn bộ. Nói về phía chính mình, thâm nhập như thế nào? Có một bí quyết để thâm nhập kinh tạng, nhất định phải hiểu điều này! Nếu không, quý vị thấy kinh điển nhiều ngàn ấy, mênh mông như khói lan tỏa trên mặt biển, học từ chỗ nào đây? Vì thế, vào thời Tùy - Đường, Trung Hoa đã thành lập tông phái. Tông phái được hình thành là do những người chí đồng đạo hợp, chọn lấy một phần giáo huấn của đức Thế Tôn. Ví như nói lấy một phần trong mười phần, “*một phần*” tức là một phần mười, sẽ thuận tiện hơn. Nay chúng tôi in Đại Tạng Kinh, sách đóng bìa cứng gồm một trăm hai mươi tập. In lần này, tôi hết sức hoan hỷ, in đẹp đẽ hơn năm ngoài nhiều lắm! Các phương diện đóng sách, trang giấy, ấn loát, trang hoàng, đều có tiến bộ rất lớn, khiến cho kẻ khác trông thấy đều sanh tâm hoan hỷ. Lần

in vào năm 1999, chúng tôi dùng loại giấy Đạo Lâm⁴⁹, do trang giấy dày hơn một tí, mỗi bộ là một trăm sáu mươi tám tập. Hiện thời, chúng tôi chọn dùng loại giấy để in Kinh Thánh, trang giấy mỏng hơn, nhưng cả hai mặt [ánh sáng đều] chẳng xuyên qua được. Vì thế, quý vị đọc thấy rất thoải mái. Do dùng loại giấy mỏng [thường dùng] để in Kinh Thánh, bản in hiện thời gồm một trăm hai mươi quyển. *“Một phần mười”* là mười hai tập.

Điều này cho thấy, trong toàn thể Phật pháp, quý vị học theo một tông phái, hễ đã thông một tông phái, tất cả sẽ đều thông. Vì sao? Đều cùng hướng đến pháp môn Bất Nhị. Khi nào quý vị khế nhập Bất Nhị, toàn thể sẽ đều thông. Đây là bí quyết do các vị tổ sư đại đức đời đời truyền thừa. Như chúng ta thuộc loại căn cơ trung hạ, đối với một tông, kinh điển trong một tông cũng chẳng ít! Lấy Tịnh Độ Tông để nói, kinh điển của Tịnh Độ Tông ít nhất, năm kinh, một luận; nhưng trong kinh điển, đối với các kinh mà đức Phật nhắc đến Tịnh Độ, có đến hơn hai trăm bộ kinh. Các trước tác của lịch đại tổ sư nếu quý vị tập hợp lại, số lượng cũng khá đáng nể! Khi xưa, tại Đài Loan, cư sĩ Mao Lăng Vân (vị này cũng là bạn già của chúng tôi) đã biên tập Tịnh Độ Tùng Thư gồm hai mươi bốn tập, tức là in thành sách đóng bìa cứng gồm hai mươi bốn tập, phân lượng khá đáng kể. Đây là *“đạo để hành”* mà còn có điển tịch nhiều ngàn ấy, các tông phái khác chẳng cần phải nói nữa, nhiều hơn Tịnh Độ khá nhiều! Trong một đời này, chúng ta có thể học hết hay không? Rất khó!

Nhưng còn có biện pháp, chúng ta cũng thường nghe trong Phật môn có nói, tức là: *“Một kinh đã thông, hết thấy các kinh đều thông”*. Lời ấy hữu lý! Thuở trẻ, chúng tôi theo thầy Lý học Giáo. Thầy Lý rất chú trọng nguyên tắc sau đây: Cụ dạy dỗ học trò, quý vị chỉ có thể học một thứ, không thể học hai thứ. Học hai thứ, thầy sẽ chẳng dạy quý vị. Nhưng chúng tôi tuổi trẻ không hiểu chuyện, bộp chộp, hời hợt, [chỉ học] một thứ sẽ không thể thỏa lòng ham muốn hiểu biết. Thầy cũng biết, nhưng khi dạy học, thầy dạy từng thứ một. Học hoàn tất một môn, thầy công nhận quý vị đã có thể học hiểu rồi, [mới cho học thứ khác], tiêu chuẩn ấy (tiêu chuẩn để công nhận đã học thông hiểu) rất thấp, chẳng cao! Quý vị có thể lên bục giảng, giảng cho đến khi thầy gật đầu, cảm thấy chấp nhận được, quý vị sẽ có thể học sang bộ thứ hai. Tôi ở Đài Trung mười năm; trong mười năm, học năm bộ kinh. Tôi cũng thường nhắc đến chuyện này để các đồng học tham khảo. Tôi học bộ thứ nhất là kinh Tiểu Thừa (đúng là *“trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa”*), A Nan Vấn Sự Phật

Cát Hung Kinh. Bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tức quyển cuối cùng trong tám mươi quyển [của kinh Hoa Nghiêm]. Hiện thời [phẩm kinh này] có bản lưu hành riêng. Bộ thứ tư là học kinh Kim Cang. Học bộ cuối cùng to hơn đôi chút, tức là kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

Tôi ở Đài Trung mười năm, học năm bộ kinh, nền tảng Phật pháp của tôi là năm bộ kinh ấy. Đúng vậy, cổ đức nói chẳng sai, *“một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông”*. Tôi chưa học kinh Pháp Hoa, nhưng giảng đại ý Pháp Hoa, hình như là sáu mươi giờ. Kinh Hoa Nghiêm, tôi nghe thầy giảng một quyển, tức quyển thứ nhất. Nghe xong quyển thứ nhất, tôi đã hiểu, có thể giảng. Tôi giảng còn cặn kẽ hơn thầy, giảng đến mức từng câu từng chữ trong kinh vẫn đều tương ứng với cuộc sống của chúng ta. Giảng cho người hiện thời, kết hợp với cuộc sống trong xã hội hiện thời thì mới là hữu dụng. Nếu học mà chẳng có tác dụng gì, quý vị học nó để làm chi? Do vậy, *“thâm nhập kinh tạng”* hữu lý! Tuân thủ sự chỉ dạy của Phật, Bồ Tát, thầy, đấng chính là Giới Học, ta bèn theo một môn, thâm nhập một môn. Một môn thì cái tâm của quý vị sẽ định, quý vị thấy đó: *“Do Giới mà đắc Định”*. Hằng ngày tâm quý vị tưởng một bộ kinh, chẳng tạp, chuyên chú; lâu ngày, sẽ khai trí huệ, thông suốt rộng rang!

Một bộ kinh đã thông, đúng là bộ nào cũng đều thông. Bất luận rút ra một bộ kinh nào trong Đại Tạng Kinh, chẳng cần chuẩn bị, không cần thiết, quý vị đều có thể giảng chỗ nào cũng hợp đạo! Không chỉ là đối với kinh điển trong Phật môn quý vị chẳng bị chướng ngại, mà đối với những thứ thuộc về những tôn giáo khác, quý vị lấy ra cũng chẳng có chướng ngại, đều có thể giảng chỗ nào cũng hợp đạo. Lại thừa cùng chư vị, còn có điều kỳ diệu là đối với tất cả học thuật trong thế gian, hễ quý vị tiếp xúc, vừa nghe, vừa thấy, sẽ đều hiểu rõ. Lại còn thông hiểu ở mức độ sâu, rộng, thường vượt trội những kẻ bình phàm. Sau đấy mới hiểu, đúng là Pháp Bảo! Trí huệ ấy do đâu mà có? Trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh! Cũng có thể nói Pháp chính là Tam Học Giới Định Huệ, giác chánh tịnh Tam Bảo. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, phải hiểu phương pháp, phải nghiêm túc học tập.

Kể từ sau khi tôi học Phật, tuy hết sức ưa thích kinh Hoa Nghiêm, nhưng kinh Hoa Nghiêm quá dài, tôi chẳng có ý nghĩ học kinh Hoa Nghiêm để giảng cặn kẽ một lượt, chẳng có ý niệm ấy. Thuở ấy, tôi phát tâm chỉ giảng một quyển, quyển nào vậy? Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao. Quyển ấy chính là tinh hoa, là tổng kết của kinh Hoa

Nghiêm, có lời Sớ của Thanh Lương đại sư, có lời Sao của Tông Mật đại sư, là tài liệu tham khảo hết sức hay, tôi rất ưa thích. Nhưng giảng Hoa Nghiêm là do Hàn quán trưởng phó thác; lúc lâm chung, bà ta khái thỉnh một lần nữa. Chư vị hiểu nhân duyên này. Những năm qua, chúng tôi đã giảng hơn ba ngàn giờ; sau này, do kinh dài như thế, từ trong phần kinh này, tức là từ phẩm kinh này, trong phần trước chúng ta đã đọc thấy một trăm bốn mươi một nguyện. Một trăm bốn mươi một nguyện ấy nhằm biểu thị pháp. Một trăm nguyện đầu chính là Thập Tín. Thập Tín nhân với mười, tức là trong mỗi Tín đều có đủ mười Tín, [thành ra] một trăm. Nói cách khác, địa vị Thập Tín được giảng cặn kẽ. Địa vị Thập Tín là căn cơ. Từ đấy về sau, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị, đấy là toàn bộ Hoa Nghiêm hoàn chỉnh!

Do vậy, chúng tôi cũng nghĩ, đối với địa vị Thập Tín, chúng tôi giảng kỹ. Phía sau hãy còn một phẩm nữa. Đến phẩm Thập Trụ, chúng tôi sẽ không giảng từng câu từng chữ như vậy, mà sẽ giảng đại ý, giảng tinh hoa. Đối với kinh, nhất định là chúng tôi sẽ chiếu theo thứ tự trong kinh văn để đọc, nhưng giảng giải thì chọn lựa để giảng. Ví như sau khi chúng ta đã học xong mười bài kệ, [những bài kệ nào] dễ hiểu, mô tả sơ lược đôi chút là được rồi! Bài kệ nào có quan hệ mật thiết với chúng ta trong hiện tiền, sẽ giảng kỹ bài kệ ấy. Tôi phỏng đoán: Như vậy thì [để giảng hoàn tất] cả bộ kinh, sẽ không vượt quá bảy ngàn giờ, nay đã là ba ngàn giờ. Hy vọng từ nay trở đi, sẽ không vượt quá bốn ngàn giờ. Chúng ta dùng bảy ngàn giờ, “*bảy*” là con số viên mãn, để hoàn thành bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nhìn như vậy, đại khái là còn phải mất từ bốn năm đến năm năm; khoảng độ năm năm sẽ có thể giảng xong bộ kinh này. Nếu thân thể còn cho phép, tôi mong sẽ giảng kinh Pháp Hoa một lượt, giảng kinh Lăng Nghiêm một lượt, giảng năm kinh một luận Tịnh Độ một lượt, đại khái là như thế, tôi có thể ra đi. Lưu lại những thứ ấy cho hàng hậu học dùng làm tài liệu tham khảo.

Do vậy, nguyện này hết sức trọng yếu. “*Thâm nhập kinh tạng*”. Để thâm nhập kinh tạng, chúng ta có thể chọn một bộ kinh, thâm nhập một môn. Chuyện này dễ dàng, thật sự có hiệu quả. Trong tương lai, nếu có cơ duyên, tôi chẳng còn phải đi khắp nơi. Hai hội nghị trong năm nay là chuyện bất đắc dĩ, là những hội nghị rất quan trọng. Đại biểu tôn giáo từ mười sáu quốc gia đến họp tại Indonesia, dự đoán khoảng chừng một trăm năm mươi vị. Còn hội nghị kia là Trung Quốc lần đầu tiên đăng cai luận đàn Phật giáo thế giới. Trong quá khứ, chẳng có chuyện này. Tôn giáo tại Trung Hoa cũng muốn hướng đến thế giới. Đấy là chuyện tốt. Vì

thế, tôi nhận lời tham gia hai cuộc hội nghị ấy. Sau đấy, tôi chẳng muốn tham gia nữa, chuyên giảng Hoa Nghiêm, kinh này mới có thể viên mãn đúng thời hạn. Có thể có được một đạo tràng nhỏ rất tốt! Chẳng có đạo tràng nhỏ, ở chỗ này cũng được. Chúng tôi chẳng bị bất cứ chuyện gì quấy nhiễu, định tâm để học Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là Phật học khái luận, bao la vạn tượng, là Đại Tạng Kinh thu nhỏ. Tiên sinh Phương Đông Mỹ gọi kinh này là “Phật học khái luận”, rất hữu lý. Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta lại xem tiếp bài kế đó là bài kệ thứ mười một:

(Kinh) Tự quy ư Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

(經)自歸於僧。當願眾生。統理大眾。一切無礙。

(Kinh: Tự quy y Tăng, nguyện cho chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thảy vô ngại).

Bài kệ này được ứng dụng rộng nhất trong xã hội hiện thời. Nói thật ra, điều đáng tiếc là chẳng có ai biết! Vì sao nói là ứng dụng rộng nhất? Trước hết, phải nhận thức Tăng là gì? “Tăng” là đoàn thể, người xuất gia là một đoàn thể, gọi là Tăng đoàn. Tăng bao hàm ý nghĩa: Ất cần phải tuân thủ Lục Hòa Kính thì mới có thể gọi là Tăng. Nếu chẳng phải là Lục Hòa Kính, sẽ là một đoàn thể thông thường. [Đoàn thể] tu Lục Hòa Kính thì mới là Tăng đoàn. Trong phần trước, tôi đã nói cặn kẽ cùng quý vị về Lục Hòa Kính, rất quan trọng! Hiện thời, đoàn thể nầy sanh những khuyết điểm, đoàn thể nhỏ nhất là gia đình. Gia đình là một đoàn thể. Vợ chồng và con cái, tiểu gia đình trong hiện thời là hai thế hệ. Trong quá khứ, phần nhiều là “tam đại đồng đường” (三代同堂, ba thế hệ sống trong cùng một nhà), tức là cha mẹ, anh em (anh em và chính mình là một thế hệ), con cái, chúng ta nói là “đại gia đình”, tam đại đồng đường.

Trong gia đình tam đại đồng đường, người đông đảo. Nếu đông anh chị em, chị em gái đương nhiên là sẽ xuất giá. Khi anh em đông, anh em lại sanh ra con cái, [những đứa trẻ ấy] là anh chị em họ. Vì thế, một nhà có năm, sáu mươi người là chuyện thường thấy. Nhà bảy, tám chục người cũng chẳng ít! Nếu trong gia đình chẳng có quy củ, gia đình ấy sẽ rối loạn! Gia có gia quy, gia quy là gia giáo. Do vậy, người trong nhà ấy có thể đối xử hòa thuận. Từ xưa tới nay, Trung Hoa theo chế độ đại gia

đình, trong đại gia đình đoàn kết bằng cách nào? Luân thường. *“Phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa”* (Cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa). Trong đại gia đình, nhất định có một người là gia trưởng. Gia trưởng là *“quân”* (君, vua, người đứng đầu); đối với gia trưởng của đại gia đình, mọi người trong nhà đều là *“thần”* (臣, bầy tôi, thuộc hạ, cấp dưới). [Giữa quân và thần có] đạo nghĩa. *“Phụ phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự”* (Vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, lớn nhỏ có tôn ty trật tự), chẳng rối loạn tí nào! *“Bằng hữu hữu tín”* (Bạn bè với nhau có chữ tín), *“bằng hữu”* là đối với người ngoài. Người ngoài đều là bằng hữu, trong bốn biển đều là bạn bè. Quý vị nói chuyện này có quan trọng lắm hay không? Vì thế, chỉ có giáo dục mới có thể giải quyết vấn đề. Không dạy thì làm sao được?

“Tự quy y Tăng”: Chúng ta nói theo nghĩa rộng, nói rộng ra, tức là chúng ta phải quay đầu, phải nương theo một đoàn thể Lục Hòa Kính. Như thế sẽ *“đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại”*. Trong gia đình của quý vị, vị gia trưởng cầm đầu, dắt dìu cả nhà, chẳng bị chướng ngại. Hiện thời, tuy theo chế độ tiểu gia đình, nhưng công ty, hãng xưởng, cửa tiệm là đại gia đình. Đồng sự trưởng, tổng kinh lý của công ty, nếu quý vị phải quản lý nhân viên trong công ty, hãng xưởng, cửa tiệm, sẽ thực hiện hết thảy vô ngại! *“Vô ngại”* là nhân viên trong công ty ấy trên dưới chẳng xung đột, chẳng đối lập, chẳng lo ngại, mọi người có thể đối xử hòa thuận với nhau, hỗ trợ hợp tác. Đây chính là *“nhất thiết vô ngại”*. Mỗi nhân viên đều biết tự động, tự phát, thực hiện tốt đẹp công việc của chính mình, phối hợp với mọi người, hợp tác với nhau. Đây chính là điều mỗi người làm chủ nhân luôn mơ tưởng, mong cầu. Như thế nào thì mới có thể cầu được? Tự quy y Tăng, vấn đề bèn được giải quyết. Chỉ cần nương theo Lục Hòa Kính là được rồi!

Cơ sở của Lục Hòa Kính nhất định là dựa trên luân thường, đạo đức. Vì thế, xưa kia, mỗi người đã hưởng gia giáo từ bé. Người Hoa nói đến *“gia giáo”* (家教) thì gia giáo là dạy về Ngũ Luân và Ngũ Thường. Ngũ Luân như vừa mới nói [trong đoạn trên], Ngũ Thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. *“Nhân”* (仁) là nhân từ; nhân từ do đâu mà có? Nhân từ do *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân ái), đây chính là thân ái. Sự thân ái áp dụng vào cha mẹ là hiếu, áp dụng vào anh em là đễ (悌, thương yêu, nhường nhịn). Áp dụng vào bạn bè sẽ là nhân từ, nay chúng ta gọi là *“ái tâm”* (tâm yêu thương), ái tâm chân thành! *“Nghĩa”* (義) là hiếu người sống trong thế gian này, cố nhiên không thể vứt bỏ quyền lợi, nhưng điều quan trọng hơn là tận hết nghĩa vụ. Quý vị thuộc vào vị trí

nào, “nghĩa vụ” chính là công việc của quý vị. Quý vị phải nghiêm túc, thực hiện tốt đẹp công việc của chính mình. [Đó chính là] nghĩa vụ. Một công ty chia thành rất nhiều bộ môn, phân công hợp tác, quý vị đảm nhiệm chức vị gì, công tác của quý vị là gì, quý vị có làm tốt công việc của chính mình hay không, tận tâm tận lực làm cho tận thiện, tận mỹ. Đây chính là Nghĩa. Nếu quý vị chẳng tròn trách nhiệm, không nghiêm túc thực hiện, chẳng thể phối hợp với kẻ khác, quý vị là kẻ bất nghĩa. Chẳng thể hòa thuận với đại chúng, tức là quý vị bất nhân. Bất nhân, bất nghĩa, quý vị ở trong xã hội, chủ nhân nào sẽ chịu mướn, chịu dùng quý vị? Trong gia đình, sẽ chẳng có cách nào. Trong gia đình, người làm cha mẹ hoặc bề trên phải dạy [con em]. “*Khổng viết thành nhân, Mạnh viết thủ nghĩa*” (Khổng Tử bảo thành tựu điều nhân, Mạnh Tử dạy giữ gìn điều nghĩa). Hai chữ Nhân Nghĩa quan trọng dường ấy, đó là căn bản của đức hạnh.

“*Lễ*” (禮) là lễ tiết. Đệ Tử Quy là lễ tiết cơ bản nhất. Vun quén căn cội từ chỗ này! “*Trí*” (智) là lý trí, xử sự, đãi người tiếp vật chẳng thể xử sự theo tình cảm, phải dùng lý trí. Điều cuối cùng là phải giữ chữ Tín. Đây là đức hạnh cơ bản. Quý vị có Ngũ Luân, Ngũ Thường, “*thường*” là thường đạo (常道, đạo thường hằng) trong cuộc sống hằng ngày từ sáng đến tối, không thể nào chẳng có! Quý vị chẳng có [Ngũ Luân, Ngũ Thường], sẽ chẳng phải là người! Cổ nhân đã vạch rõ giới hạn sai biệt giữa con người và cầm thú ở chỗ này! Con người khác với cầm thú [ở chỗ] cầm thú chẳng hiểu luân lý, chẳng biết thái độ cơ bản để làm người. Ngũ Thường chính là thường đạo (đạo thường hằng). Có gia giáo tốt đẹp như vậy, dẫn thân vào làm việc trong xã hội, đức Phật dạy chúng ta Lục Hòa Kính, đương nhiên là chẳng có vấn đề gì. Có sao chẳng làm được?

Trong Kiến Hòa Đồng Giải, nói thật ra, quan trọng nhất vẫn là luân lý, đạo đức. Trong phần trước, chúng tôi đã nói, có cạn, có sâu, có rộng, có hẹp; Kiến Hòa Đồng Giải tuyệt đối chỉ có đức Phật mới có thể làm được. Pháp Thân Bồ Tát là Phật (Phần Chứng Phật), bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ và Diệu Giác Phật Quả xác thực là Kiến Hòa Đồng Giải. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thủy đều chẳng có, Lý và Sự hoàn toàn giải quyết. Đương nhiên là chúng sanh trong mười pháp giới chẳng thể làm được chuyện này. Đối với chúng sanh trong mười pháp giới, Kiến Hòa Đồng Giải của chúng ta nương vào gì? Nương vào Tam Quy, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. “Giác, chánh, tịnh” là Tánh Đức. Tuy chúng ta ở trong cảnh giới hiện tiền, “giác, chánh, tịnh” và “mê, tà, nhiễm” là đối lập, là hai, chẳng phải một,

đấy là lẽ đương nhiên. Nếu chúng ta nói đến pháp môn Bất Nhị, đấy chính là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt thoát mười pháp giới.

Hiện thời, chúng ta là hai, chẳng phải một. Trong “hai”, chúng ta phải chọn lựa, phải từ mê trở về giác, từ tà trở về chánh, từ nhiễm trở về tịnh; đấy là đúng, tiến cao hơn từng bước một. Giống như trong Hoa Nghiêm, từ địa vị Thập Tín tiến lên Thập Trụ, từ Thập Trụ lại lên tới Thập Hạnh, Thập Hạnh lại lên tới Thập Hồi Hướng, Thập Hồi Hướng lại lên tới Thập Địa, Thập Địa lại lên tới Đẳng Giác, Diệu Giác. Giống như đi học, tiến cao hơn từng giai đoạn một. Từ cạn tiến tới sâu, tiến tuần tự, đấy là kẻ căn tánh trung hạ trong Phật giáo, chúng ta phải hiểu rõ, phải thông hiểu. Quý vị đã hiểu đạo lý này, trong đoàn thể, quý vị nhất định sẽ có thể đối xử rất tốt đẹp với hết thầy đại chúng!

Đại sự bậc nhất trong thế gian này là có thể đối xử hòa thuận với hết thầy mọi người; đấy là đại học vấn. Quý vị thấy chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi, Thanh Văn đối xử với hết thầy chúng sanh chẳng bị chướng ngại. Vì sao? Phật và đại Bồ Tát chẳng cần phải bàn, các Ngài không khởi tâm, chẳng động niệm. Kém hơn một bậc là Thanh Văn, Duyên Giác, dẫu các Ngài còn có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Chẳng có chấp trước, sẽ dễ thực hiện, [tức là] có thể thực hiện Kiến Hòa Đồng Giải! Giữa người và người với nhau, chẳng thể cư xử tốt đẹp là vì không chịu nhường nhau, chấp trước thành kiến của chính mình, chẳng thể nhường kẻ khác mấy phần, nhất định cứ khăng khăng theo ý mình! Nói thật ra, kẻ bị hại là ai? Người khác bị hại tối đa là ba phần, họ chịu không nổi, bỏ việc ra đi, vẫn tìm được công việc ở chỗ khác. Chính mình bị hại bảy phần! Do vậy, người khác bị hại thì ít, chính mình bị hại to lớn! Nếu chư vị lảng lờ suy nghĩ cạn kẽ những đạo lý và sự thật này, sẽ thấy chẳng khó hiểu!

Người sống trên đời rất cuộc rỗng tuếch! Bất luận nghèo, giàu, sang, hèn, sanh ra đều bình đẳng, trong tương lai tử vong cũng là bình đẳng. Sang cả như thiên tử, chẳng thể nào không chết! Trong kinh, đức Phật đã nói hay quá: *“Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân”* (Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Hai câu ấy là lời cảnh cáo rất quan trọng, quý vị chớ nên không cảnh giác. Điều gì có thể mang theo? Nghiệp! Thiện nghiệp thì đời sau cảm ba thiện đạo, ác nghiệp thì đời sau cảm ba ác đạo. Quý vị mang theo thứ này! Trừ thứ ấy ra, thứ gì trên thế gian này cũng chẳng thể mang theo được! Hiểu rõ chân tướng sự thật này, vì sao người sống trên cõi đời chẳng làm lành? Chân thiện là gì? *“Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”*. Đấy là chân

thiện. Phải học Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đối với kẻ khác, chẳng có chuyện không thuận tiện, chẳng có chuyện không từ bi. Đây là giáo huấn chân thật của Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh trong chín pháp giới. Cảnh giới của quý vị chưa tăng tấn tới một mức độ nhất định, [Phật, Bồ Tát] sẽ dần dần từng bước nhắc nhở quý vị, dùng phương pháp này. Quý vị thấy các Ngài đích thân thị hiện cho quý vị nhìn vào, quý vị quan sát kỹ lưỡng sự thị hiện của các Ngài, [sẽ thấy] chẳng ngoài *“thấy thấu suốt, buông xuống”*. Đối với hết thảy người, sự, vật, đều xem hết sức đăm đăm, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng có vọng tưởng. Đây mới là *“quy u Tụ Tánh Tăng”* (trở về an trụ trong Tụ Tánh Tăng), bản tánh của quý vị vốn là như thế.

“Thống lý đại chúng” có thể nói theo nghĩa mở rộng là “đối xử với hết thảy đại chúng”. Hiện thời, do khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, toàn thể địa cầu đúng là biến thành người một nhà, cả địa cầu là một thôn. Hiện thời, cơ hội để người ta ra nước ngoài du lịch, ngắm cảnh, khảo sát càng ngày càng nhiều. Quý vị thường xuyên tiếp xúc với những quốc gia khác nhau, các sắc dân khác nhau, những nền văn hóa khác nhau, tín ngưỡng khác nhau. *“Thống lý đại chúng, hết thảy vô ngại”* trở thành rất quan trọng. Chúng ta làm thế nào để đối xử hòa thuận, làm thế nào để hóa giải những nổi bất đồng, đó gọi là *“tồn dị cầu đồng”* (giữ những điều khác biệt mà mong đạt tới sự hòa đồng). Đối với những chỗ khác biệt, phải hóa giải những chỗ sai khác, hoàn toàn tương đồng, đó mới là *“hết thảy vô ngại”*. Đối với những chỗ khác biệt, chúng ta không bàn tới, gạt sang một bên, chúng ta giữ lấy một bộ phận [tương đồng], đó là “vô ngại”, nhưng vẫn chưa phải là “hết thảy”.

“Hết thảy vô ngại” là thật, chẳng giả. Nếu quý vị hỏi vì sao là thật ư? Chính vì *“hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như vậy”*. Tổng kết toàn thể kinh Bát Nhã, tôi đã thừa bày cùng quý vị bao nhiêu lần! Đức Thế Tôn giảng Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, Bát Nhã là trung tâm của toàn thể Phật pháp. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Bát Nhã hai mươi hai năm, gần như chiếm hết một nửa thời gian. Bát Nhã giảng gì? Kết luận cuối cùng là *“hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*, đây chẳng phải là hết thảy đều vô ngại ư? Đây là nói đến tuyệt đối vô ngại, tự tánh vốn là như vậy. Tất cả hết thảy chướng ngại do đâu mà có? Đều là sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại Tánh Đức, chướng ngại vô ngại. Chúng ta đối với kẻ khác bất bình đẳng, chính

mình có cái tâm kiêu căng, ngã mạn, tự cho mình là đúng. Đó là vọng tâm, chướng ngại sự bình đẳng trong tự tánh, chướng ngại sự hòa thuận trong tự tánh.

Vì lẽ ấy, Lý và Sự của Tam Quy Y đều có thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, có thể giải quyết rất nhiều vấn đề cho chúng ta. Đặc biệt là trong xã hội hiện thời, ai nấy hằng ngày luôn bận tâm về những xung đột. Hóa giải xung đột bằng cách nào? Mỗi cá nhân đều cảm thấy “hóa giải xung đột” là chuyện rất quan trọng, cách hóa giải ra sao? Xung đột nói chẳng cùng! Nổi phiền toái trong hiện thời là cha con có xung đột. Hiện thời, sự xung đột giữa cha con đã nghiêm trọng đến mức độ nào? Trẻ nít đã phát sanh xung đột với cha mẹ. Đáng kinh hãi quá! Tôi thường nói với người khác, thầy đều là do dạy dỗ mà ra. Phật, Bồ Tát là do dạy dỗ mà thành; thiện nhân, quân tử là do dạy dỗ mà ra. Con cháu không ra gì cũng là do dạy dỗ mà ra. Xung đột vẫn là do dạy dỗ mà ra, tùy thuộc quý vị dạy dỗ như thế nào? Muốn thật sự hóa giải xung đột, quý vị phải dùng luân lý đạo đức để dạy bảo, [xung đột] sẽ chẳng có! Họ đã hiểu rõ, sẽ chẳng có [xung đột] nữa! Do vậy, phải dạy họ tư duy như thế nào, dạy họ thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật. Quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên, giữa con người và thiên địa quỷ thần, quý vị phải hiểu rõ! Sau đây mới biết cư xử như thế nào, quý vị mới thật sự hiểu Lục Hòa Kính.

Lục Hòa Kính là Tánh Đức, là thứ vốn sẵn có trong tự tánh của hết thảy chúng sanh, nay bị mê. Sau khi đã mê, quên tuốt Tánh Đức, tạo tác đủ mọi điều bất thiện, hại người, hại mình. Chớ nên không biết tỷ lệ “hại người, hại mình”! Hại người thì người ta chỉ bị tổn thương ba phần, hại mình đến bảy phần! Trong mười phần, quý vị ôm lòng dùng đủ mọi phương thức làm hại người ta, kẻ đó bị hại ba phần, chính mình bị hại bảy phần. Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, còn dám làm chuyện hại người nữa chẳng? Tôi nói bảy phần là sự thật! Vì cái tâm hại người, hành vi hại người [chính là] ác niệm, ác ngôn, ác hạnh, ba nghiệp đều ác! Quả báo trong tương lai của quý vị sẽ là ở trong tam đồ địa ngục; người khác bị hại chẳng có nghiệp nặng nề ngần ấy! Người bị hại nếu là đệ tử đức Phật, là đệ tử của thánh nhân, sẽ hiểu những đạo lý này. Quý vị tổn hại họ, họ chẳng oán hận, chẳng báo thù, họ chẳng có lầm lỗi. Họ tiếp nhận sự tổn hại ấy, sự tổn hại vừa khéo tiêu trừ nghiệp chướng cho họ, giúp họ tăng tấn. Đây là sự thật. Có một ví dụ rất hay, trong kinh Kim Cang có nhắc tới: Vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Câu chuyện này được chép tường tận trong kinh Đại Niết Bàn. Vua Ca Lợi hại Nhẫn Nhục tiên

nhân, [vị tiên nhân ấy là] Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có làm lỗi. Bồ Tát bị lăng nhục to lớn dường ấy, hứng chịu khổ nạn, bị tổn thương lớn ngần ấy, nhưng chẳng oán hận, chẳng báo thù, trái lại còn phát nguyện: *“Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ người đầu tiên!”* Trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy, đây là tướng trạng Bồ Tát tu Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn. Nói cách khác, vua Ca Lợi giúp Nhẫn Nhục tiên nhân đạt đến rốt ráo viên mãn. Chúng ta phải hiểu Lý và Sự này, phải nghiêm túc học tập.

Bị người khác lăng nhục, chẳng trả đũa, biết là gì? Biết đây là nghiệp chướng trong đời quá khứ. Người ấy có thái độ đối với ta không tốt, thấy ta đáng ghét, chẳng hoan hỷ, bất luận là ngôn ngữ hay thái độ đối với ta đều rất thô lỗ. Người học Phật chúng ta hãy nên phản tỉnh, hãy nên hồi quang phản chiếu, ta có dùng thái độ ấy đối với người khác hay không, phải biết điều này! Biết đối xử với ta bằng thái độ và ngôn ngữ như vậy, ta cảm thấy bất hảo, chúng ta chớ nên đối với người khác bằng thái độ và ngôn ngữ kiểu đó! Họ là thầy của ta, ta đã học từ họ. Ngoài ra, nếu quý vị có thể nghĩ, trong suốt cuộc đời của một người, thường nói là *“một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định trước”, “định trước”* chính là nhân duyên trong đời trước. Vì sao kẻ ấy không chửi người khác mà lại chửi ta? Vì sao chẳng hủy báng người khác mà hủy báng ta? Có thể là trong đời quá khứ ta đã từng hủy báng kẻ ấy, đối xử với kẻ ấy chẳng tốt đẹp, đời này chúng ta gặp gỡ nhau, kẻ ấy đáng nên đối xử với ta kiểu đó! Đã ăn miếng thì phải bị trả miếng, hoan hỷ tiếp nhận, một nét bút xóa sạch món nợ ấy, chẳng còn kết oán cừu nữa! Nếu quý vị chẳng hiểu đạo lý này, chẳng thể tiếp nhận, trong tâm còn ghim oán hận, vẫn muốn tìm cơ hội trả đũa, phiền phức to đùng! Đó là mê, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong. Đồi bên đều đau khổ, cần gì phải vậy?

Do đó, quý vị có thể quán như thế, đây là chánh xác, vấn đề sẽ hóa giải. Đã hóa giải, sẽ chẳng có chướng ngại. Không hóa giải, chướng ngại vĩnh viễn tồn tại, gặp duyên nó sẽ hiện tiền. Chẳng gặp duyên, nó sẽ ẩn tàng trong ấy. Vì thế, nhất định phải hóa giải. Hóa giải càng nhiều, tầng cấp của quý vị sẽ tăng lên càng cao. Tu hành là tu ở nơi đâu, người thật sự tu hành [sẽ tu] bằng cách xử sự, đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, tu ở ngay trong ấy. Vì thế, tôi cũng thường nhắc nhở các đồng học: Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ở chỗ nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới, khắp pháp giới hư không giới là một bộ kinh Hoa Nghiêm sống động! Chúng ta từ sáng sớm thức dậy cho đến đêm đi ngủ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đều đang tu hành trong ấy. Đoạn hết thầy ác,

tu hết thấy thiện, đối với người, đối với sự, đối với vật, thật sự tu, thật sự hành. Khởi đầu, quý vị làm như vậy, y giáo phụng hành, làm một khoảng thời gian, đã thuần thục, lại tăng tấn cao hơn từng bước một. Như thế nào? Chẳng chấp tướng. Đoạn ác mà chẳng chấp tướng đoạn ác, làm lành chẳng chấp tướng làm lành. Dần dần từ “hai” tăng tấn đến “chẳng hai”, quý vị sẽ vượt thoát mười pháp giới. Không chỉ là lục đạo, mà là vượt thoát mười pháp giới.

Chỉ cần quý vị chịu dụng công, quý vị mới đạt được pháp hỷ. “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Trong đời này, quý vị thường sanh tâm hoan hỷ, thật sự là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Khi tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, đã bảo: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, đây là pháp hỷ sung mãn. Nếu quý vị chẳng thật sự chịu hành, chẳng thật sự học, chẳng thật sự tăng tấn, làm sao có cảnh giới ấy cho được? Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đều khế nhập [cảnh giới ấy]. Những điều đã nói trong kinh là do đức Phật đã dạy, những điều được viết trong chú sớ là do đệ tử đức Phật nói, hoặc những vị cao tăng đại đức trong quá khứ nói ra. Nếu chúng ta chẳng học, hằng ngày đọc [kinh hoặc chú sớ], dường như hiểu được, cũng [có thể] giảng đến mức hoa trời rơi tán loạn, [nhưng chẳng hề] khế nhập! “Chẳng khế nhập” nhìn từ chỗ nào? Quý vị chẳng có pháp hỷ! Nói cách khác, cuộc sống của quý vị chẳng hạnh phúc, chẳng sung sướng, chẳng thật sự đạt được thọ dụng. Người thật sự thọ dụng thì mới biết cảm ơn.

Đời người hạnh phúc mỹ mãn, chẳng phải dễ, mấy ai có thể đạt được? [Chỉ là] một số cực ít! Quý vị là kẻ may mắn trong số người rất ít ấy, ai đã ban cho quý vị? Giáo huấn của thánh hiền đã ban cho ta, quý vị mới sanh tâm cảm ơn đối với chư Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền, cái tâm báo ơn mới có thể sanh khởi. Từ sự cảm tạ Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, cảm kích thầy. Sau đấy, khi đã thật sự quay lại, sẽ cảm tạ hết thấy chúng sanh. Vì sao? Chẳng do hết thấy chúng sanh hằng ngày đều rèn luyện ta, làm sao quý vị có thể thoát ra cho được? Tiếp xúc với hết thấy chúng sanh, có mặt thiện lẫn mặt ác. Đối với mặt thiện, quyết chẳng sanh tham luyến; đối với mặt ác, quyết chẳng sanh phiền não, tức là ngạo mạn, sân khuể, ghen tỵ, chướng ngại, chẳng sanh những thứ ấy! Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều có thể gìn giữ sự thanh tịnh và bình đẳng của chính mình, lý trí hiện tiền, chẳng xử sự theo tình cảm. Người ấy được gọi là chân tu, người ấy thật sự nương theo “*giác, chánh, tịnh*”.

Vì thế, quý vị thấy trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, “*thọ trì Tam Quy*” chẳng phải là điều thứ nhất, nó là điều thứ hai. Điều thứ nhất là điều kiện để thọ Tam Quy. Nếu quý vị chẳng hội đủ điều kiện để thọ Tam Quy, sẽ chẳng đạt được Tam Quy. Điều thứ nhất là “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng*”, [xét theo phương diện] luân lý đạo đức, cha mẹ là luân lý, sư trưởng là đạo đức. “*Từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, dẫn về kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là cơ sở của Phật môn. Nếu quý vị có đủ điều kiện này, có cơ sở như vậy, quý vị mới có tư cách thọ Tam Quy, học Ngũ Giới. Tam Quy há dễ dàng như vậy ư? Lúc nào, chỗ nào, niệm nào, cũng đều dấy lên [sự tỉnh giác] “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm*”, đó là Tam Quy. Niệm nào cũng đều nguyện cho hết thảy chúng sanh, “*thiệu long Phật chúng, phát vô thượng ý; thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải; thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại*”. “*Thống lý*” thông thường là nói về các vị lãnh đạo, các tầng lớp lãnh đạo; nay chúng ta mở rộng ý nghĩa ấy, đối xử với hết thảy đại chúng, đối đãi bình đẳng, đối xử hòa thuận, hết thảy vô ngại. Đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong học Phật, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiển Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, đều lấy những điều này làm nguyên tắc chỉ đạo.

Phàm là đệ tử Phật, nhất định phải niệm công khóa sáng tối. Khóa tụng sáng tối đơn giản nhất là Tam Quy Y. Năm xưa, tôi vừa mới thân cận Phật pháp, ở tại lều tranh của pháp sư Sám Vân, ở đó nửa năm. Trong lều tranh chỉ có năm người, ba vị xuất gia, pháp sư Sám Vân, pháp sư Bồ Diệu, và pháp sư Đạt Tông. Hai vị cư sĩ là lão cư sĩ Châu Kính Trụ (thuở ấy lão cư sĩ đã bảy mươi tuổi) và tôi. Dường như [khi đó] tôi ba mươi tuổi, hay ba mươi một tuổi, là kẻ trẻ tuổi nhất, cũng là người làm công quả trong lều tranh, chăm sóc các vị đại đức xuất gia và cụ Châu. Công khóa sáng tối trong lều tranh là Tam Quy Y, chẳng có gì khác, niệm Tam Quy. Sáng sớm cũng là như thế, buổi tối cũng là như thế, nhưng mọi người có công khóa cố định riêng, đọc kinh, hoặc lạy Phật. Pháp sư Sám Vân quy định cho chúng tôi, trong thời gian ấy, tôi mỗi ngày lạy Phật tám trăm lạy, sáng sớm thức dậy bèn lạy Phật ba trăm lạy.

Công khóa thì mỗi người hành riêng, chỉ có khi lạy Tam Quy là mọi người cùng hành. [Mọi người cùng nhau] niệm công khóa trong Phật đường, nhưng mỗi người hành công khóa riêng, đều không niệm ra tiếng. Mỗi người đọc kinh khác nhau, đọc ra tiếng sẽ quấy nhiễu người khác, rất kiên thành, rất cung kính. Trong Phật đường để một cái bồ đoàn, một cái bàn nhỏ rất bé để quý vị đặt kinh. Đọc kinh đều là quý đọc.

Thời gian đọc kinh, ngắn thì là nửa tiếng, dài thì là một tiếng. Sau khi đọc kinh xong, sẽ lạy Phật. Tốc độ lạy Phật mỗi người hoàn toàn khác nhau; vì thế, chẳng đánh kiềm chùy (chuông, khánh). Người già động tác chậm hơn, bọn trẻ tuổi chúng tôi lạy rất nhanh. Thuở ấy, pháp sư Đạt Tông lạy nhanh nhất. Mỗi ngày, Sư lạy một ngàn hai trăm lạy. Khi ấy, mỗi ngày tôi lễ tám trăm lạy. Sáng sớm lễ ba trăm lạy, buổi tối lễ ba trăm lạy, giữa trưa lễ hai trăm lạy, một ngày lễ tám trăm lạy. Công khóa sáng tối là Tam Quy. Cuộc sống trong lều tranh đơn giản, rất được thọ dụng. Pháp sư rất ít khi giảng khai thị, mỗi tuần có thể là chỉ giảng một, hai lần, giảng khai thị đôi chút, thông thường chẳng giảng! Cuộc sống ở vùng núi, năm người là một đoàn thể, cũng là một Tăng đoàn.

Từ đấy về sau, đã nhiều năm ngàn ấy, chúng tôi thấy bất luận là đoàn thể xuất gia hay đoàn thể tại gia, cho đến hiện thời nhìn vào những công ty, hãng xưởng, cửa hiệu trong xã hội, cuối cùng là gia đình của mọi người, đều thấy xuất hiện vấn đề, đều hy vọng có thể hóa giải. Chẳng biết biện pháp ở ngay trong kinh điển, ở ngay trong giáo huấn của thánh hiền. Hiện thời, khá nhiều hội nghị quốc tế đang thảo luận làm thế nào để hóa giải xung đột, tiêu trừ xung đột, xúc tiến an định, hòa bình. Đấy vẫn chưa phải là điều đáng để mong cầu. Nói chung, phải là cầu *“thống lý đại chúng, hết thấy vô ngại”*. Đức Phật nói một câu: *“Tự quy y Tăng”*, vấn đề được giải quyết. Quy nơi Tăng, quy nơi Lục Hòa Kính, trở về luân lý đạo đức.

Nay chúng ta tu hành, trước hết phải hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm trong danh từ ấy. *“Tu”* (修) là tu chánh (修正, sửa đổi cho đúng), *“hành”* (行) là hành vi. Hiện thời, hành vi của chúng ta sai quấy, tư tưởng và kiến giải sai lầm, ngôn ngữ, tạo tác sai lầm, sửa chữa những sai lầm, sẽ gọi là *“tu hành”*. Trong giai đoạn hiện tiền, nhất định là phải nương vào kinh luận, phải nương vào giáo huấn của cổ nhân; do vậy, thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng là giáo huấn của cổ nhân. Giáo dục luân lý đạo đức của Trung Hoa đã có lịch sử năm ngàn năm. Các bậc đại hiền, đại triết trải các đời đã dốc sức nỗ lực thực hiện, viết sách, lập thuyết, phát huy rạng rỡ luân lý đạo đức, có lợi cho hàng hậu học. Đối với kinh điển của tôn giáo, những vị đại đức trải các đời, bất luận tại gia hay xuất gia, cũng đều dốc sức cố gắng thực hiện, biên soạn khá nhiều chú sớ, luận thuyết, cũng nhằm phát huy rạng rỡ những thứ ấy hòng giúp đỡ chúng ta, hy vọng chúng ta thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, thật sự có thể y giáo tu hành; sau đấy mới có thể được hưởng pháp ích (lợi ích nơi pháp) sâu xa!

Chúng tôi báo cáo đơn giản về Tam Quy Y như vậy, Thanh Lương đại sư có chú giải, trong buổi học sau, chúng ta sẽ học tập tiếp. Trong quá khứ, tôi đã giảng Tam Quy vài lượt, có thâu hình lẫn thâu âm, giảng chẳng giống lần này, có thể dùng để tham khảo lẫn nhau. Lần này giảng theo ý nghĩa rất rộng, hoàn toàn áp dụng vào cuộc sống hiện thực. Cảm ơn mọi người.

---o0o---

Tập 1512

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ hai trong phần Xuất Gia Thọ Giới, xem từ bài kệ tụng thứ mười hai.

(Kinh) Thọ học giới thời, đương nguyện chúng sanh, thiện học u giới, bất tác chúng ác.

(經)受學戒時。當願眾生。善學於戒。不作眾惡。

(Kinh: Khi thọ học giới, nguyện cho chúng sanh, hãy khéo học giới, chẳng làm các ác).

Trước hết, chúng ta hãy xem lời chú giải của Thanh Lương đại sư, đoạn chú giải trong phần sau dành cho các bài kệ từ bài thứ chín cho đến bài thứ mười lăm, chúng ta đọc một đoạn.

(Sớ) Dư thất thọ học giới thời, sơ Tam Tỳ Quy, Phật tại chi nhật, tác ngũ thọ chi nhất.

(疏)餘七受學戒時，初三自歸，佛在之日，則五受之一。

(Sớ: Bảy bài kệ kia là khi thọ học giới, trước hết là Tam Tỳ Quy. Thuở đức Phật tại thế, Tam Tỳ Quy là một trong năm loại thọ).

Tam Tỳ Quy là một loại trong năm loại thọ. Năm loại thọ là gì? Trong lời Sao có giải thích, Thanh Lương đại sư đã nêu ra, thứ nhất “*thiện lai*”, thứ hai là “*thượng pháp*”, thứ ba là “*tam quy*”, thứ tư là “*bát kính*”, thứ năm là “*yết-ma*”. “*Thiện lai*” (善來) là lời tán thán, “quý vị đã đến, tốt lắm”! Lại còn là lời khích lệ. Nói đến Tam Quy, ở đây, Thanh Lương đại sư đã chú giải đơn giản:

(Sớ) Phật diệt chi hậu, thọ ngũ bát giới (thọ ngũ giới, thọ bát giới), tất y Tam Quy.

(疏)佛滅之後，受五八戒（受五戒、受八戒），必依三歸。

(Sớ: Sau khi đức Phật diệt độ, hễ thọ ngũ giới hoặc thọ bát giới, ắt phải dựa vào Tam Quy).

Ngũ Giới và Bát Giới đều là giới tại gia. Bát Giới chính là Bát Quan Trai Giới, tức là kẻ tại gia học Phật thọ giới của người xuất gia một ngày. [Thời hạn thọ trì] Bát Quan Trai Giới là một ngày, tức là để học theo lối sống của người xuất gia trong một ngày, bèn thọ Bát Quan Trai Giới. Trước khi thọ giới, nhất định là phải thọ Tam Tụ Quy, [đó chính là ý nghĩa của câu] “*tất y Tam Quy*” [trong lời Sớ]. Điều này cho thấy tầm quan trọng của Tam Tụ Quy; Tam Tụ Quy là căn bản.

Hết thấy Phật pháp, bất luận là Tiểu Thừa, Đại Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, ở Trung Hoa là Tông Môn, Giáo Hạ, chỉ cần là Phật pháp, nhất định phải nương vào Tam Quy. Tam Quy là cương lĩnh chỉ đạo tu học cao nhất trong Phật pháp. Bất luận pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều chẳng thể trái nghịch. Hễ trái nghịch, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, Tam Tụ Quy là tổng phương hướng, tổng mục tiêu, nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này.

(Sớ) Quy yếu tam giả.

(疏)歸要三者。

(Sớ: Quy y thì phải có ba điều).

Vì sao phải có ba?

(Sớ) Phiên bỉ ngoại đạo.

(疏)翻彼外道。

(Sớ: Từ bỏ những thứ ngoại đạo).

“*Ngoại đạo*” là nói thuở đức Thế Tôn tại thế, Ấn Độ có khá nhiều tôn giáo. Những tôn giáo ấy đều là cầu pháp ngoài tâm. Vì vậy, “*ngoại đạo*” không phải là coi rẻ người khác, chẳng phải là khinh dễ, [ý nghĩa] xác thực là “*cầu pháp ngoài tâm*”. Cầu pháp ngoài tâm thì sai mất rồi! Tri kiến bất chánh; phản diện của chánh là tà. Vì thế nói là: “*Tà sư, tà giáo, cập tà chúng*” (Tà sư, tà giáo và tà chúng), “*chúng*” (眾) là tín đồ!

Vì thế, Phật pháp phải đối trị trạng huống tôn giáo đương thời; do vậy, đức Phật nói “*quy y Phật*”, Phật là thiện sư (善師), [tức là] một vị thầy thật sự tốt lành. Kinh giáo là quy y Pháp. Pháp là chánh tri chánh kiến. Quy y Tăng, Tăng là đại chúng, là tăng đoàn. Tăng đoàn thanh tịnh,

chẳng có ô nhiễm. Đó gọi là “*phiên tà Tam Quy*”; vì thế, nó có dụng ý rất sâu. Kể đó là tỷ dụ.

(Sớ) Do như lương y, lương dược, cập khán bệnh nhân, phiền não bệnh dữ cố.

(疏)猶如良醫，良藥，及看病人，煩惱病愈故。

(Sớ: Ví như do thầy thuốc giỏi, thuốc hay, và kẻ chăm sóc người bệnh, mà bệnh phiền não được lành).

Đức Phật giống như một vị lương y, Pháp giống như thuốc hay, “*tín chúng*” giống như những người đến chăm sóc bệnh nhân. Gặp được thầy thuốc giỏi, thuốc hay như thế, uống thuốc vào, bệnh liền khỏi. Đây là lý do vì sao quy y cần đến ba ngôi [Tam Bảo], ở đây, Thanh Lương đại sư đã nêu ra đơn giản đôi chút. Tiếp đó là...

(Sớ) Vị dữ chúng sanh vi duyên niệm cố, Tam Bảo chi nghĩa, chí hạ đương thích.

(疏)為與眾生為緣念故，三寶之義，至下當釋。

(Sớ: Vì để làm duyên cho chúng sanh suy niệm, đối với ý nghĩa của Tam Bảo, cho đến phần sau sẽ giải thích).

Trong phần sau, sẽ còn giải thích ý nghĩa của Tam Bảo. Tam Quy nhằm làm duyên cho chúng sanh để suy niệm. Cái duyên ấy chính là Tăng Thượng Duyên, khiến cho quý vị thường niệm Tam Quy. Do vậy, trong Phật môn, bất luận tông phái nào, pháp môn nào, trong công khóa sáng tối, nhất định là có Tam Quy Y, đạo lý ở ngay chỗ này. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng Tam Quy rất cặn kẽ đến mấy lần, có băng thâu âm và thâu hình, còn có các đồng tu dựa theo đó để chép thành văn tự, tức sách Tam Quy Truyền Thọ, các đồng học mới học Phật có thể dùng những thứ ấy để tham khảo.

Tam Quy thì quan trọng nhất là quy y Tự Tánh Tam Bảo. Ngoài Tự Tánh Tam Bảo là Trụ Trì Tam Bảo. Hiện thời, tượng Phật là Trụ Trì Phật Bảo, kinh điển là Trụ Trì Pháp Bảo, người xuất gia là Trụ Trì Tăng Bảo; đây là hình tượng. Trong hình tượng chứa đựng ý nghĩa Tự Tánh Tam Bảo, điều này quan trọng. Hình tượng có rất cần thiết hay không? Hình tượng rất quan trọng! Chẳng có hình tượng, chúng ta sẽ quên băng, phàm phu hết sức dễ quên! Vì vậy, công đức lớn nhất của hình tượng là thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, chúng ta vừa trông thấy tượng

Phật, lập tức biết Tự Tánh Giác, ta phải từ mê hoặc, điên đảo quay về nương tựa Tự Tánh Giác. Đây là đúng.

Do vậy, đối với mê và ngộ, phải hiểu rõ ràng. Mê là gì? Hoa Nghiêm là đại pháp Nhất Thừa, đã dạy chúng ta quá nhiều! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, hễ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước bèn mê. Giác là gì? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị bèn giác. Phật và chúng sanh sai biệt ở ngay chỗ này! Nhưng chúng ta đã mê quá lâu, đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, mê quá sâu, tình trạng bệnh tật quá sâu, tuy nghe giáo huấn của đức Phật, chẳng thể chuyển ngay được! Vì thế, đức Phật có phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta trước hết hãy buông xuống chấp trước, rồi lại buông xuống phân biệt, cuối cùng sẽ lại buông xuống khởi tâm động niệm, từng tầng một! Đây là phương tiện.

Nếu trong hết thấy các pháp, chúng ta nói là hết thấy người, sự, vật, chẳng còn chấp trước, quý vị sẽ không bị luân hồi trong lục đạo, sẽ vượt thoát lục đạo. Nếu vẫn giữ chặt chấp trước, sẽ là chuyện rất phiền toái, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chấp trước quá lỗ, ngay cả đối với đạo dễ hành "*đối nghiệp vãng sanh Tịnh Độ*", trong khi lâm chung, sẽ có thể nảy sanh chướng ngại, quý vị chẳng vãng sanh được! Quý vị mới hiểu chấp trước, trong giáo pháp Đại Thừa thường gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não, thứ này chính là căn bản của sự luân hồi trong lục đạo. Nếu thật sự có thể buông xuống, có thể đoạn trừ, quý vị sẽ vượt thoát lục đạo, nhập tứ thánh pháp giới. A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, quý vị đến nơi đó, chẳng ở trong lục đạo. Những thứ sanh tử khổ não trong lục đạo như ba khổ, tám khổ, quý vị thấy đều chẳng có, lìa khổ được vui. "*Lìa*" là lìa ba khổ, tám khổ. Đức Phật thật sự có phương pháp giúp đỡ quý vị, quý vị phải tiếp nhận, phải chịu làm. Quý vị chẳng tiếp nhận, chẳng thể y giáo phụng hành, sẽ là vô dụng!

Nếu quý vị tiến hơn một bước nữa, buông xuống phân biệt, đối với hết thấy người, sự, vật, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng phân biệt. Tứ thánh pháp giới là bốn tầng cấp, là bốn chiều không gian bất đồng, quý vị vẫn một mực tiến cao hơn, lên tới tầng cao nhất, lại buông khởi tâm động niệm xuống, sẽ thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới mới là thật sự chứng quả, mới thật sự đạt đến vĩnh hằng, "*vĩnh hằng*" là điều chính mình vốn sẵn có. Thiên Tông Trung Hoa nói "*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*", quý vị thành Phật, vị Phật ấy là chân Phật, chẳng thể là giả Phật. Thấy đều lấy giữ giới làm cơ sở. Hiện thời, chúng ta chẳng buông xuống được, đức Phật dạy chúng ta phương

tiện thiện xảo, thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chỗ buông xuống mười ác nghiệp. Đức Phật dạy chúng ta đừng sát sanh, chúng ta phải nghiêm túc học tập. Từ nay trở đi, quyết chẳng còn tổn hại thân mạng của hết thảy chúng sanh. Ngài dạy chúng ta đừng trộm cắp, từ nay trở đi quyết chẳng có ý niệm mong chiếm tiện nghi của người khác.

Mười ác có báo ứng, trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy cặn kẽ. Sát sanh không chỉ có quả báo là đoản mạng, mà còn là oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng hết, chẳng xong. Trộm cắp, bất luận dùng thủ đoạn gì, chiếm tiện nghi của kẻ khác, cướp đoạt tài vật của người ta, quả báo sẽ là bần cùng, chẳng phát tài, bần cùng! Không chỉ là bị quả báo bần cùng, đời sau còn phải trả nợ. Không chỉ là kẻ tại gia bình phàm chẳng thể tránh khỏi chuyện này, hàng xuất gia cũng chẳng có thể tránh khỏi. Quý vị thấy trong giới kinh đức Phật đã dạy: *“Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn”* (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng giác ngộ, đeo lông, đội sừng đền). Quý vị xuất gia, cuộc sống của quý vị do mười phương cúng dường, chẳng cần phải bận tâm sản xuất, mọi người đến cúng dường quý vị. Vì sao cúng dường quý vị? Hy vọng quý vị tu hành chứng quả. Nếu quý vị tu hành không thể chứng quả, đời sau vẫn phải luân hồi, sẽ phải trả nợ. Đời này quý vị đã nhận cúng dường bao nhiêu, tương lai đều phải đền trả từng thứ một, chẳng sót một thứ nào! Quý vị nói xem có phiền phức hay chẳng? Chớ nên không biết điều này!

Nhất định phải đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong quá khứ, chúng tôi đã từng giảng giải cặn kẽ, hiện thời cũng đã in thành sách, vừa có đĩa CD, vừa có sách. Học Phật thì phải vun quén căn cội từ chỗ này! Tuy ở đây nói đến Ngũ Giới, Bát Giới, cơ sở của Ngũ Giới và Bát Giới là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu chẳng có Thập Thiện Nghiệp Đạo, chẳng có tư cách thọ Tam Quy, đương nhiên là càng chẳng có tư cách thọ Ngũ Giới và Bát Giới. Do vậy, Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của căn bản trong Phật pháp. Hiện thời, vì sao chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo? Người học Phật thấy đều coi nhẹ; do vậy, Tam Quy Ngũ Giới đều biến thành hữu danh vô thực. Đây là chuyện rất đáng đau lòng! Nhưng bản thân quý vị đã hiểu, chính mình giác ngộ, người khác không làm, Tăng đoàn cũng chẳng làm, cá nhân ta phải làm, cứu chính mình. Cứu người khác chẳng được thì trước hết phải cứu chính mình. Quyết định chẳng thể nói “họ đều không làm, ta làm để làm gì?” Điều này có nghĩa là họ đều đọa địa ngục, ta chẳng đọa trong địa ngục thì đi đâu! Chẳng phải là ý nghĩa ấy hay sao? [Nếu nghĩ như vậy], quý vị đã lầm mất rồi. Người khác

chẳng làm, ta phải nghiêm túc làm, nhất định phải tăng tấn chính mình, đấy là đúng.

Chúng ta hãy ngắm xem, vì sao chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp? Dưới đó còn có căn cội, đấy là như trong kinh Phật Tạng, đức Thế Tôn đã dạy: *“Đệ tử Phật không học Tiểu Thừa trước, sau đấy học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật”*. Do vậy mới biết: Căn cội của Thập Thiện Nghiệp Đạo là Tiểu Thừa. Hiện thời chúng ta chẳng học Tiểu Thừa. Trong các kinh Tiểu Thừa, trong quá khứ, tôi học Phật, bộ kinh thứ nhất được thầy dạy là Tiểu Thừa, tức là kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung. Trong kinh Tiểu Thừa, câu đầu tiên đức Phật dạy chúng ta: *“Thân cận minh sư thọ giới”*. *“Thọ giới”* (受戒) nghĩa là tiếp nhận sự răn dạy, giáo huấn. Điều kiện đầu tiên, quý vị học Phật nhất định phải theo một vị thầy tốt, tức minh sư. Vị ấy chẳng phải là tiếng tăm nổi như cồn, mà *“minh”* là chữ Minh trong *“quang minh”* (光明). Chúng ta hiểu: Vị thầy ấy hữu tu, hữu học, hữu chứng thì mới là minh sư.

Hiện thời, chẳng tìm thấy một vị thầy như vậy! Chẳng tìm thấy vị thầy hữu tu, hữu học, hữu chứng. Chứng quả là thánh nhân, trước kia, thật sự có [minh sư]. Theo giáo pháp Đại Thừa, [người đã] *“minh tâm kiến tánh”* trong Thiền Tông thì là minh sư; Giáo Hạ là đại khai viên giải, trong Tịnh Tông là người đã đắc nhất tâm bất loạn, đấy là minh sư. Hiện thời, chẳng tìm thấy. Chẳng tìm thấy thì bất đắc dĩ cầu một vị kém hơn. Trước kia, thầy tôi dạy phải tìm vị thầy như thế nào? Hữu học, hữu tu. Vị thầy ấy thật sự giải hạnh tương ứng. Tuy chẳng chứng đắc, chúng ta học theo Ngài, sẽ chẳng bị lạc lối! Nếu ngay cả một vị thầy như vậy chẳng có, nếu quý vị thật sự biết phát đại đạo tâm, hãy học theo cổ đại đức, như vậy thì được, cũng có thể thành tựu. Giống như Mạnh Tử học theo Khổng Tử, thật sự học thành công. Chỉ sợ quý vị chẳng chịu học! Ngẫu Ích đại sư học theo Liên Trì đại sư, học thành công, trở thành tổ sư suốt một đời. Trong pháp thế gian và Phật pháp, người sử dụng biện pháp này thành tựu chẳng ít!

Người thành tựu như vậy, có tinh thần tự kiểm chế chính mình vượt trội những kẻ bình phàm. Hằng ngày đọc sách của cổ nhân, giống như cụ Lý Bình Nam giới thiệu, dạy tôi học theo pháp sư Ấn Quang. Đọc Văn Sao của Ấn Quang đại sư, có thể hiểu ý nghĩa, vâng theo giáo pháp do chính mình đã lý giải để tu hành, thật sự hành! Học như vậy, sẽ đạt được mấy phần giống, từ tương tự đạt đến chân thật. Đấy là *“tự thực đệ tử”* của cổ đức. Giống như chúng ta học Hoa Nghiêm, trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy [kinh dạy về] đại sư và tiểu sư. Kinh Hoa Nghiêm là

đại sư do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng. Sớ Sao là tiểu sư, bản chú giải này giúp chúng ta lý giải, giúp chúng ta học tập, do Thanh Lương đại sư chú giải. Sau mỗi đoạn còn có phần Hợp Luận, do trưởng giả Lý Thông Huyền chú giải. Vì thế, Thanh Lương đại sư và Lý trưởng giả là tiểu sư. Chúng ta chẳng có ngày nào rời khỏi những vị ấy, học tập theo các Ngài, hy vọng chúng ta có thể chẳng hiểu sai lệch nghĩa thú trong kinh sách, y giáo tu hành. Thực hiện những gì chính mình đã thấu hiểu trong cuộc sống hằng ngày, tuân theo những gì kinh giáo đã dạy để sửa đổi những tập khí không tốt đẹp và sửa đổi những tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh trái nghịch với những điều kinh giáo đã dạy. Chúng ta là đệ tử Phật Thích Ca, là đệ tử của Tỳ Lô Giá Na Phật, là học trò của Thanh Lương đại sư, học trò của Lý trưởng giả, quý vị sẽ có thể thành tựu.

Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát hướng dẫn về Cực Lạc; do vậy, chỗ quy kết của kinh Hoa Nghiêm là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, cổ đại đức bảo Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ. Lời ấy nói chẳng sai tí nào! Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản của kinh Hoa Nghiêm, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Sự tu học của chúng ta bèn rất rõ ràng, rất minh bạch, thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ Đệ Tử Quy của Nho gia, vì sao? Nay chúng ta dùng thứ này để thay thế Tiểu Thừa. Đệ Tử Quy dễ học hơn kinh Tiểu Thừa, vì nó là sản vật bốn thổ của Trung Hoa, tự nhiên có phần nào cảm thấy thân thiết hơn! Ất phải thực hiện viên mãn từng câu từng chữ trong ba trăm sáu mươi câu ấy; sau đấy, học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng khó tí nào! Chớ nên không biết điều này! Do vậy, trong những năm qua, chúng tôi đề xướng học tập Đệ Tử Quy và học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo trên khắp thế giới. Đối với các đồng học xuất gia, tôi cố vũ họ học tập Sa Di Luật Nghi. Người khác có làm hay không, chẳng liên quan gì đến ta! Quý vị thật sự mong đạt thành tựu, nếu chẳng đặt cơ sở ở chỗ này, sẽ vĩnh viễn chẳng thực hiện được!

Đối với bài kệ này, Thanh Lương đại sư cũng có chú giải. Chúng ta đọc lời chú giải một lượt:

(Sớ) Thọ học giới giả, tức Thập Giới dã.

(疏)受學戒者，即十戒也。

(Sớ: Thọ học giới chính là mười giới).

Vì đây là xuất gia, mười giới của người xuất gia chính là Sa Di Luật Nghi.

(Sớ) Diệc thông Ngũ Giới.

(疏)亦通五戒。

(Sớ: Cũng thông Ngũ Giới).

Năm điều đầu trong Sa Di Luật Nghi chính là Ngũ Giới; do vậy, nó tương thông với Ngũ Giới.

(Sớ) Ưu Bà Tắc Giới Kinh vân.

(疏)優婆塞戒經云。

(Sớ: Ưu Bà Tắc Giới Kinh nói).

Ưu-bà-tắc (Upāsaka) là tại gia cư sĩ, đây là giới dành cho hàng cư sĩ tại gia.

(Sớ) Dục thọ Bồ Tát Giới, tiên ưng biến thọ Ngũ Giới, Thập Giới, nhị bách ngũ thập giới. Nhược ni tắc lục sự, cập ngũ bách giới.

(疏)欲受菩薩戒，先應遍受五戒、十戒、二百五十戒。若尼則六事，及五百戒。

(Sớ: Muốn thọ Bồ Tát Giới, trước hết hãy nên thọ trọn khắp Ngũ Giới, Thập Giới, hai trăm năm mươi giới. Nếu là ni thì thọ sáu sự⁵⁰ và năm trăm giới).

Đây là nói về người xuất gia. Quý vị xuất gia, nhất định là trước hết hãy thọ giới Sa Di. Xuất gia thì đương nhiên là mong làm tỳ-kheo, Bồ Tát, đã thọ đại giới viên mãn. Đó là từng tầng cấp một. Vào thời cổ, tam đàn đại giới chẳng phải là thọ một lượt, vì sau khi đã thọ, phải học! Ví như trước hết là thọ giới Sa Di; sau khi đã thọ giới Sa Di, có phải là thật sự đều làm được hay không? Thấy đều làm được, sư phụ mới chấp thuận cho quý vị thọ giới tỳ-kheo. Có thể thật sự thọ trì giới tỳ-kheo, cũng đều có thể thực hiện qua mọi hành vi trong cuộc sống, quý vị mới có tư cách thọ giới Bồ Tát. Do vậy, chia thành ba thời kỳ, chẳng phải là đồng thời!

Hiện thời, chỉ có thọ giới, chẳng chú trọng trì giới; do vậy, tam đàn đại giới thọ trong một lần. Quý vị có thể làm được hay không, vị sư phụ truyền giới chẳng nghe, chẳng hỏi đến! Đây là nguyên nhân khiến cho Phật pháp suy thoái, chúng ta chớ nên không biết. Thầy cũng dạy chúng tôi, hiện thời chuyện này đã trở thành phong tục, diễn biến thành một thứ tập quán, chỉ đành đến thọ. Sau khi đã thọ, chính mình nhất định

phải biết, quý vị là danh tự tỳ-kheo, danh tự Bồ Tát, chẳng thật! Nếu bản thân quý vị thật sự xưng là tỳ-kheo, xưng là Bồ Tát, sẽ là phạm giới đại vọng ngữ. Do tội lỗi phạm giới đại vọng ngữ, sẽ đọa A Tỳ địa ngục. Quý vị chẳng phải là Bồ Tát, thế mà bảo người khác “ta là Bồ Tát”. Chẳng phải là tỳ-kheo, quý vị bảo người khác “ta là tỳ-kheo”, chẳng thể được! Thật sự là Bồ Tát thì chẳng sao, có thể được! Thật sự là tỳ-kheo thì mới có thể xưng [là tỳ-kheo]!

Vì lẽ đó, vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, vị tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông chúng ta là Ngẫu Ích đại sư sau khi thọ giới, đã đối trước Phật, Bồ Tát thoái giới, đã nêu gương rất tốt đẹp, đã nêu khái thị rất hay cho chúng ta: Danh và thực chẳng phù hợp sẽ có tội! Năm xưa khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, thông thường là có những người dường như rất tôn kính tôi, gọi tôi là “Tịnh Không đại sư”. Ngay khi đó, tôi bảo người ấy: “Chớ nên! Không thể xưng hô như vậy! Vì sao? Đại sư là tiếng để gọi đức Phật. Ai có thể xưng là đại sư? Bậc minh tâm kiến tánh, còn trong Tịnh Độ Tông nhất định là bậc đã đắc Lý nhất tâm bất loạn, là Pháp Thân Bồ Tát thì có thể xưng đại sư”. Quý vị chẳng phá vô minh, chẳng chứng Pháp Thân, làm sao có thể gọi là đại sư cho được? Chớ nên tăng bốc quá lỗ. Quá lỗ, người thế gian chúng ta sẽ nói là “nói móc”, chàm chọc người ta! Ví như quý vị chẳng phải là Tổng Thống, người ta gặp mặt quý vị bèn cúi chào, gọi quý vị là “Tổng Thống tiên sinh”, họ nói kháy quý vị, chúng ta chớ nên không biết điều này! Vì thế, đối với cách xưng hô trong Phật môn, nói đùa bỡn sẽ khiến cho người khác hiểu lầm, tội lỗi cũng rất nghiêm trọng.

Hiện thời, thế giới này đang trong thời kỳ Mạt Pháp, những kẻ tự xưng là Bồ Tát rất nhiều, kẻ xưng là Phật cũng rất nhiều, [tự khoe] họ là Phật chi đó tái lai, là Bồ Tát chi đó tái lai, thường xuyên nghe thấy! Có người đến bảo tôi, kẻ nào đấy là Bồ Tát hay Phật tái lai, tôi nghe xong cười xòa. Bậc tái lai thật sự, chắc chắn chẳng bộc lộ thân phận! Hễ thân phận bị bộc lộ, sẽ ra đi; đó là thật, chẳng giả! Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là vị tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông, là A Di Đà Phật tái lai. Khi bị người khác biết thân phận, Ngài viên tịch ngay. Đấy là thật! Người khác đã biết, quý vị vẫn chẳng ra đi, giả trá! Bồ Đại hòa thượng chính là Di Lạc Bồ Tát, Ngài tự mình tuyên bố, bảo mọi người Ngài là Di Lạc Bồ Tát hóa thân đến cõi này. Nói xong, Ngài ra đi. Đó là thật! Trong truyện ký đã ghi chép rất nhiều. Tại Trung Hoa, Phật, Bồ Tát ứng hóa rất nhiều, [nhưng đều là] thân phận bị bộc lộ bèn ra đi. Thân phận bị bộc lộ mà vẫn không đi, sẽ biến thành tà thuyết mê hoặc người khác, khiến cho đại

chúng bị mê hoặc! Trong Phật pháp chẳng chấp nhận điều này! Đây là kiến thức thông thường, người thế gian không hiểu, người học Giáo chúng ta chớ nên không hiểu!

Họ có thể làm, chúng ta chớ nên làm, họ thì sao? Họ vô tri. Tuy vô tri chẳng có tội, họ phạm lỗi! Lỗi nhẹ hơn tội một tí! Đã biết như vậy mà vẫn làm, sẽ có tội nặng nề, quyết định chớ nên! Vì vậy, thông thường, trong cách xưng hô thông thường, gọi [người xuất gia] là “*pháp sư*” rất khách sáo! Nói thật ra, hai chữ “*pháp sư*” cũng chẳng dễ gánh vác! Trong Phật pháp, tiếng Phạn gọi là A Xà Lê. A Xà Lê dịch nghĩa sang tiếng Hán sẽ là Quĩ Phạm Sư, nay chúng ta dịch thành “*pháp sư*”. Pháp sư thì hành vi và ngôn luận của quý vị có thể nêu gương cho đại chúng trong xã hội mới có thể xưng là “*pháp sư*”. Xà Lê, pháp sư, cho đến Hòa Thượng, chư vị phải hiểu là những từ ngữ xưng hô thông dụng trong Phật môn, chẳng phân biệt tại gia hay xuất gia. Người tại gia tu hành rất khá, sự tu trì, ngôn luận, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của người ấy đều có thể làm gương cho người thế gian thì đều có thể gọi người ấy là Xà Lê, nay chúng tôi nói là đều có thể gọi là “*pháp sư*”. Nếu người ấy giáo hóa một phương, chủ trì đạo tràng, là tại gia cư sĩ chủ trì đạo tràng, giáo hóa một phương, người ấy chính là Hòa Thượng. Hòa Thượng là Thân Giáo Sư.

Lúc tôi mới đến Đài Trung, đến chỗ thầy Lý ở để bái phỏng, thấy tiên sinh Khổng Đức Thành tặng cho cụ một bức đại tự, lộng trong khung kính, treo ở trong phòng, đề Tuyết Lư Đại Hòa Thượng. Tuyết Lư (雪廬) là biệt hiệu của thầy Lý. Họ tôn xưng thầy Lý là Đại Hòa Thượng. Thầy cũng chẳng phải là người xuất gia, nhưng thầy thật sự là Đại Hòa Thượng. Tại Đài Trung, Ngài dựng liên xã. Đài Trung Liên Xã do lão nhân gia sáng lập, lãnh đạo đại chúng giảng kinh, niệm Phật, là đạo tràng chánh pháp. Gọi Ngài là Hòa Thượng, danh và thực tương xứng. Nhưng chính Ngài rất khiêm hư, tự mình chẳng dám xưng, người khác tôn kính, gọi Ngài như vậy. Đây là những người hiểu biết sâu xa. Vì thế, hàng tại gia hoằng pháp lợi sanh gọi là “*pháp sư*” thì chánh xác, có thể gọi theo kiểu ấy! Nhưng thông thường, thế tục quen gọi Ngài là “*lão cư sĩ*”. Như thế thì càng khiêm hư hơn. Những điều này đều thuộc loại Phật học thường thức, người học Phật ắt cần phải biết!

Suốt đời, Ngẫu Ích đại sư tự xưng là Bồ Tát Giới Sa Di. Vì sao Ngài tự xưng theo kiểu ấy? Bồ Tát Giới thì Ngài có thể làm được, tỳ-kheo giới Ngài cũng làm được, vì sao muốn thoái lui? Làm cho bọn người đời sau như chúng ta nhìn vào! Người sống trong thế gian này nhất định phải là

danh và thực tương xứng, chớ nên mạo danh, chớ mong hư danh, [nếu là giả danh, hoặc hư danh], sai mất rồi! Ý nghĩa quan trọng nhất là mong những kẻ đời sau như chúng ta [nhận biết] khiêm hư là đức hạnh. Đức hạnh và học vấn trong pháp thế gian và xuất thế gian đều được thành tựu bởi khiêm kính (khiêm hư, thành kính). Người càng tu hành, càng có học vấn, sẽ càng khiêm hư, đối đãi người khác bằng lòng thành kính, quyết định chẳng có ngạo mạn! Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Khổng Tử đã nói một câu. Ngài nói theo lối tỷ dụ: Giả thiết là có một người như thế này, *“kỳ nhân chi tài”* (tài năng của người ấy), có tài hoa như Châu Công. Châu Công là thánh nhân, trong tâm mục Khổng Tử, Ngài hâm mộ Châu Công nhất. Phu tử suốt đời tu hành, lấy Châu Công làm gương, rất mong học theo Châu Công. Ngài nói người ấy có tài năng tốt đẹp như Châu Công, có tài hoa như thế ấy, *“sử kiêu thả lận”* (nếu như kiêu căng lại còn keo kiệt), người ấy như thế nào? Ngạo mạn, keo kiệt. Phu tử nói: *“Kỳ dư tặc bất túc quán dã”* (Những điều khác chẳng cần phải xét tới nữa). Chẳng cần nói tới những thứ khác nữa, [tài hoa ấy] là giả trất, chẳng thật!

Nếu thật sự có tài và đức, khẳng định là người ấy khiêm hư, tuyệt đối sẽ chẳng ngạo mạn, chắc chắn là sẽ chẳng keo kiệt. Phu tử nhìn người, đó là lời tuyên bố về kinh nghiệm vậy. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta xử sự, đối đãi người tiếp vật, quý vị có tiêu chuẩn như vậy, khi tiếp xúc đại chúng, sẽ chẳng nhận biết người khác sai lầm! Đặc biệt là trong thời đại hiện thời, bề ngoài và nội tâm chẳng tương ứng. Bề ngoài trau chuốt, làm ra vẻ, khiến cho quý vị thoát nhìn, cảm thấy người ấy rất đáng tôn kính, sau lưng sẽ chẳng phải là như vậy. Tìm một người *“trong và ngoài như một”* rất khó. Đó là gì? Thật sự có tu dưỡng, thật sự có đức hạnh. Người thật sự có tu dưỡng, có đức hạnh, tôi cũng đã được thân cận mấy vị! Chẳng có ngày nào không đọc kinh, chẳng có ngày nào không phản tỉnh, sửa lỗi! Đây là người thật sự tu hành, hết sức khiêm hư, chẳng dám tự cho là đúng. Tiên sinh Phương Đông Mỹ, Chương Gia đại sư, thầy Lý Bình Nam, còn có một người tôi chưa được gặp mặt là cư sĩ Hạ Liên Cư. Tôi chưa gặp Ngài, nhưng đã gặp học trò của Ngài là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Những vị ấy là thiện tri thức thật sự, ở chung với các vị ấy, quan sát kỹ lưỡng, chúng ta sẽ học được rất nhiều điều!

Tiếp đó, chú giải ghi:

(Số) Thọ, vị thọ giới. Học, tức tùy giới. Nguyện trung, tức chỉ tác nhị tri.

(疏)受，謂受戒。學，即隨戒。願中，即止作二持。

(Sớ: Thọ là thọ giới. Học là tùy thuận giới. Trong lời nguyện đã nói đến Tác Trì và Chỉ Trì).

Tức là hai câu sau trong bài kệ này, “*thiền học ư giới, bất tác chúng ác*” (khéo học các giới, chẳng làm các điều ác). “*Thiền học ư giới*” là Tác Trì. “*Bất tác chúng ác*” là Chỉ Trì. Pháp thế gian và xuất thế gian đều lấy giới luật làm cơ sở, Nho gia không nói Giới, mà nói là Lễ, Phật pháp nói đến Giới. Danh từ khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Do vậy, tổ sư đại đức Trung Hoa thường nói: Trong Phật pháp, Thiền là Phật tâm, Giáo (giáo pháp trong kinh điển) là Phật ngôn, tức là ngôn ngữ của Phật, Giới là Phật hạnh, cũng là thân, khẩu, ý của Phật. Ngôn ngữ, cử chỉ của Phật đều là biểu hiện giới luật, biểu diễn, tức là biểu diễn giới luật. Quý vị thấy trọng yếu như thế đó! Thiền là tâm thanh tịnh, cũng là như chúng ta thường nói “*lìa vọng tưởng, lìa phân biệt, lìa chấp trước*”, đó đều là Thiền. Lìa vọng tưởng chính là Thiền cao cấp nhất, chẳng có vọng tưởng. Lìa phân biệt là Thiền bậc trung. Lìa chấp trước là Thiền bậc hạ. Thiền tâm là tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang đã định nghĩa Thiền rất hay: “*Bất thủ ư tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động). Lục Tổ dạy rõ ràng hơn, minh bạch hơn: “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, đấy là Thiền. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta vẫn tiếp tục xem bài kệ thứ mười hai.

(Kinh) Thọ học giới thời, đương nguyện chúng sanh, thiền học ư giới, bất tác chúng ác.

(經)受學戒時。當願眾生。善學於戒。不作眾惡。

(Kinh: Khi thọ học giới, nguyện cho chúng sanh, hãy khéo học giới, chẳng làm các ác).

Bài kệ này hết sức quan trọng, chính là điều cần thiết cấp bách mà chúng ta phải học tập trong hiện tiền. Trong phần trước, tôi đã thừa trình cùng chư vị đơn giản về chuyện thọ giới và trì giới. Năm xưa, Chương Gia đại sư bảo tôi, khi đó, tôi chỉ thọ Tam Quy, chứ Ngũ Giới còn chưa thọ. Lão nhân gia dạy tôi: “*Phật pháp trọng thực chất, không coi trọng hình thức*”. Đây là điều tôi được nghe trước hết, Giới là căn bản của Phật pháp. Vì thuở mới học, chúng tôi chỉ hâm mộ đạo lý trong kinh

luận. Phương tiên sinh dạy tôi, dùng cách nhìn triết học để xem xét kinh Phật, lão nhân gia bảo là *“triết học trong kinh Phật”*. Tôi nhập môn từ chỗ này, chịu ảnh hưởng của thầy Phương khoảng ba năm. Do vậy, tôi chẳng phải là nhập môn từ tôn giáo, mà là nhập môn từ học thuật. Về sau mới phát hiện, Phật giáo phong phú hơn triết học quá nhiều. Trong Phật giáo có triết học, còn có những thứ khác, gần như là không gì chẳng bao gồm, giống như một đại học hoàn chỉnh, triết học là một học hệ trong ấy! Sau khi đã hiểu, tôi hết sức cảm kích thầy. Nếu chẳng được thầy tiếp dẫn, chắc chắn là chúng tôi đã bỏ lỡ một đời này. Vì sao? Vì nghĩ Phật giáo là mê tín, chẳng tiếp xúc, phí ổng một đời!

Chương Gia đại sư bảo tôi, Giới là căn bản để học Phật. Nếu chẳng có Giới, sẽ là Phật học. Về sau, thầy Lý cũng nói về điều này: *“Chẳng có giới, chẳng tuân thủ giới, đấy là Phật học, chẳng phải là học Phật”*. Vì thế, học Phật và Phật học là hai chuyện, mới hiểu rõ ràng! Thầy Phương dạy tôi học theo kiểu Phật học. Sau khi đã theo Chương Gia đại sư, mới biết học Phật. Giới luật, không cần thiết phải thọ theo hình thức; nhưng đối với tam đàn đại giới, đương nhiên là phải nên thọ. Khi đó, chúng tôi vừa mới nhập môn, chẳng biết gì hết, [nếu thầy] bảo chúng tôi đi thọ giới, đương nhiên là chúng tôi sẽ chẳng tiếp nhận. Thầy có thiện xảo, thường dạy, nhà Phật nói: *“Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”* (Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa). Thầy có phương tiện môn, có thiện xảo. Thầy bảo tôi: “Anh hiểu một điều, tức là học được một điều. Thật sự làm được, anh đã đạt được điều giới ấy, đã đắc giới! Học hai điều, anh có thể làm được hai điều!” Học theo cách như vậy đó!

Ví như không sát sanh, không chỉ là chẳng thể giết người, mà muỗi, trùng, kiến đều chớ nên giết! Không chỉ là đừng nên giết, nếu khiến cho hết thảy chúng sanh vì ta mà dấy lên phiền não, cũng đều thuộc về ý niệm sát sanh! Chẳng đoạn ý niệm ấy, giới điều này chẳng thanh tịnh. Vì thế, mỗi giới điều đều được nói hết sức vi tế! Ví như nói tới giới trộm cắp, đương nhiên là quý vị chớ nên lấy trộm đồ vật của người khác. “Trộm” là không cho mà lấy. Món đồ ấy có chủ nhân, chủ nhân chẳng đồng ý, quý vị cứ lấy, hoặc đổi dời vị trí của nó, chủ nhân chẳng tìm thấy! Những điều này đều thuộc phạm vi của giới trộm cắp. Vi tế hơn là quý vị còn có ý niệm chiếm tiện nghi, chiếm tiện nghi của kẻ khác, chiếm tiện nghi của công chúng trong xã hội, chiếm tiện nghi của quốc gia. [Chiếm tiện nghi của] quốc gia là chẳng hạn như [chánh quyền] thu thuế, ta hy vọng đóng thuế ít hơn, nay gọi là *“kiếm lỗ hổng pháp luật”*, tận hết khả năng để đóng thuế ít hơn. Ý niệm ấy chính là cái tâm trộm cắp. Bất luận

quý vị có hành vi hay không, hễ có ý niệm ấy thì là tâm trộm cắp! Vì thế, trong giáo pháp đã nói hết sức vi tế. Có thể thật sự học tốt đẹp, sẽ có thể đạt tới thuần tịnh, thuần thiện. *“Thuần tịnh”* là tâm thanh tịnh, chân tâm; *“thuần thiện”* là đại từ bi. *“Thuần tịnh, thuần thiện”* là đại Bồ Đề tâm, chân tâm. Do vậy, từ trì giới, nghiêm trì giới luật, lâu ngày chày tháng, sẽ có thể ngộ nhập cảnh giới ấy. Nhân Giới đắc Định, Định là Thiền Định.

Pháp do Lục Tổ Huệ Năng đại sư truyền là từ sự ngộ nhập kinh Kim Cang, Ngài do được Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang mà khai ngộ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy ngài Tu Bồ Đề tiếp xúc với quảng đại quần chúng thì phải dùng tâm thái như thế nào, tức là *“chẳng giữ lấy tướng, như như bất động”*. Tâm thái ấy chính là Thiền Định rất sâu! Thiền Định khởi tác dụng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là Thiền Định. Đó gọi là *“Na Già thường tại Định, chẳng khi nào không định”*. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới, đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, tùy cơ thuyết pháp, chẳng lìa khỏi Định, chưa hề đánh mất Thiền Định. Đi, đứng, ngồi, nằm đều là Thiền! Trong Đàn Kinh, Lục Tổ càng nói dễ hiểu hơn, lão nhân gia bảo: *“Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm”*. *“Như như bất động”* là *“trong chẳng động tâm”*, *“chẳng giữ lấy tướng”* là *“ngoài chẳng chấp tướng”*. Điều này dễ hiểu! Mắt thấy sắc mà chẳng chấp sắc tướng. Tai nghe tiếng, chẳng chấp thanh tướng. Mũi ngửi hương, chẳng chấp hương tướng. Lưỡi nếm vị, chẳng chấp vị tướng! Chư vị ngẫm xem, há chẳng phải là quý vị đã buông xuống chấp trước, buông xuống phân biệt, buông xuống vọng tưởng ư? Đây là cảnh giới gì? [Cảnh giới của] Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai.

Điều này chỉ rõ chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, quý vị nhìn từ hình tướng, sẽ thấy chẳng khác gì chúng ta! Dáng vẻ sinh hoạt chẳng khác chúng ta cho mấy, cũng mặc áo, ăn cơm, hằng ngày cũng đi làm như vậy, sáng dậy, tối ngủ, chẳng khác chi hết! Bên trong hoàn toàn khác nhau: Phạm phu sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng có gì không chấp tướng! Chấp tướng thì đương nhiên là quý vị sẽ động tâm, động tâm gì vậy? Mừng, giận, buồn, vui, dấy động thất tình, ngũ dục. Quý vị đã động tâm, tham, sân, si, mạn. Tâm đã động; hễ động tâm bèn tạo nghiệp. Chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ không tạo nghiệp. Vì thế, thật sự là Phật, Bồ Tát ở trong thế gian, xác thực là các Ngài *“làm mà không làm, không làm mà làm”*, [đấy là] thân giáo. Ngôn giáo chính là thuyết pháp, thuyết mà không thuyết, không thuyết mà thuyết, tam luân thể không! Các Ngài biểu diễn, diễn tả như thế nào, chúng ta rất khó hiểu. Mấy năm gần đây, chúng ta đặc lực nhờ thí

nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, tôi trông thấy chuyện này, hoảng nhiên đại ngộ! Đây là gì? Tác dụng của tự tánh, tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm, đương nhiên là càng chẳng có phân biệt, chấp trước! Chúng sanh có cảm, sẽ tự nhiên phản ứng, chẳng có mảy may miễn cưỡng, chẳng có mảy may ý nghĩ nào trong ấy!

Vì thế, đức Phật đã vì chúng ta thị hiện, đối với những ngôn thuyết của đức Phật, chúng ta rất khó hiểu, đạo lý ở chỗ này! Nói theo bọn phàm phu chúng ta, Ngài vô tâm nói ra, chúng ta hữu tâm nghe! Vô tâm nói ra, bất luận là Ngài tạo tác cũng thế, mà ngôn thuyết cũng thế, chẳng có tà hay chánh, chẳng có thiện hay ác, chẳng có đúng hay sai, thậm chí chẳng có chân hay vọng, Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, giáo pháp Đại Thừa gọi đó là *“pháp môn Bất Nhị”*. Nay chúng ta học tập, chúng ta dùng *“có hai”* để học *“không hai”*! Học kiểu nào cũng chẳng giống! Tôi nói kiểu này, quý vị có lãnh hội hay chẳng? Chẳng dễ lãnh hội! Vì sao chẳng dễ lãnh hội? Vì trong đời này, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều sống trong thế giới tương đối, cũng tức là quý vị rớt vào hai, ba. Do vậy, quý vị chẳng hiểu nghĩa thú trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có cách nào liễu giải! Phật và Pháp Thân Bồ Tát trụ trong Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là cảnh giới bất nhị. Nay chúng ta khởi tâm động niệm, tức là *“hai”*. Chẳng khởi tâm động niệm thì là một, gọi là Nhất Chân. Chúng ta rất khó lý giải.

Ắt cần phải thật sự hành, dần dần tiếp cận. Thật sự làm gì? Thật sự buông xuống! Ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, lão nhân gia dạy tôi điều này. Đây là bí quyết. Từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai địa, tu như thế nào? Thấy thấu suốt, buông xuống! Buông xuống giúp thấy thấu suốt, thấy thấu suốt giúp buông xuống. Hai pháp này thành tựu lẫn nhau. Ngày nào thấy thấu suốt và buông xuống chẳng hai, quý vị sẽ chứng quả vị rốt ráo, phải thật sự hành! Khi ấy, tôi hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: *“Thực hiện từ chỗ nào?”* Lão nhân gia bảo tôi: *“Bồ Thí”*. Thực hiện từ bồ thí, bồ thí chính là buông xuống. Điều khó nhất đối với bọn phàm phu chúng ta là buông xuống, nhất định phải thực hiện từ chỗ này, thứ gì cũng đều có thể xả! Về sau, tôi nhập Phật môn, phát tâm suốt đời chuyên môn làm chuyện này, coi chuyện này là một đại sự bậc nhất tôi phải làm, nghiêm túc thực hiện trong đời này! Tôi cũng làm chẳng ít năm, dần dần thấu hiểu: *“Buông xuống”* chẳng phải là buông xuống những vật ngoài thân, mà quan trọng hơn là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này mới là quan trọng!

Trong cuộc sống hằng ngày, ta còn có chấp trước hay không? Hễ còn có chấp trước, quý vị vẫn chưa buông xuống. Buông xuống một phần, còn có một phần khác chẳng buông xuống, vẫn chưa được! Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nhất định là đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, thấy đều bố thí sạch. Bố thí sạch tham, sân, si, mạn, bố thí tiếng tăm, lợi dưỡng, bố thí ngũ dục, lục trần, bố thí thân, tâm, thế giới, chẳng còn chấp trước lục đạo luân hồi! Bố thí hết sạch thì quý vị mới có thể vượt thoát. Quý vị thấy cõi trời, nhân gian, hiện thời nhân gian chẳng dễ coi, cõi trời vẫn còn khá, nếu quý vị chẳng chịu buông xuống, hãy sanh trong thiên đạo. Trời có hai mươi tám tầng, mỗi tầng sau thù thắng hơn tầng trước. Chẳng thể triệt để buông xuống, sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Giới luật chẳng có gì khác, nhằm dạy quý vị buông xuống. Định là dạy quý vị buông xuống. Quý vị đã đắc Định, Huệ giúp quý vị thấy thấu suốt. Quý vị đã đắc Định, sẽ khai trí huệ. Do trí huệ nên mới liễu giải chân tướng sự thật. Liễu giải chân tướng sự thật, quý vị mới thật sự đạt được pháp hỷ, vui sướng, lìa khổ được vui. Nếu chẳng buông khổ xuống, khổ là lục đạo luân hồi, quý vị chẳng buông [khổ] xuống, lấy đâu ra vui? Tứ thánh pháp giới cũng phải buông xuống, quý vị mới đạt được sự vui sướng vĩnh hằng, tức là Nhất Chân pháp giới. Thật sự gia nhập câu lạc bộ của chư Phật Như Lai, cùng sống với chư Phật Như Lai.

Mỗi người học Phật chúng ta hâm mộ, mong mỗi chuyện này vô hạn, chúng ta có thể chứng đắc ngay trong một đời này hay không? Đức Phật đã trả lời khẳng định, vấn đề là bản thân quý vị có bằng lòng hay chẳng? Đã thế, đức Thế Tôn còn giới thiệu cho chúng ta một pháp môn “trì danh niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ”. Cổ đại đức gọi pháp môn này là pháp môn “*vạn người tu, vạn người đến*”. Nếu quý vị thật sự mong vãng sanh, chư vị phải biết, đó là cảnh giới của Phật. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là cảnh giới Phật, chẳng khác gì hàng Thập Trụ Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng. Cao hơn địa vị chúng ta đang nói ở đây! Nay chúng ta mới là [học tập] địa vị Thập Tín, Thập Tín còn chưa giảng xong! [Cảnh giới trong thế giới Cực Lạc tối thiểu là] cảnh giới của Thập Trụ Bồ Tát. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Tây Phương là cảnh giới Phật⁵¹; vì thế, Tịnh Tông được gọi là pháp môn thành tựu trong một đời, thành Phật trong một đời!

Vì lẽ này, kinh Vô Lượng Thọ vừa mở đầu, đức Phật đã dạy chúng ta “*thiện hộ tam nghiệp*” (khéo bảo vệ ba nghiệp), đây là dạy chúng ta phải nghiêm túc học tập. Ở đây, “*thiện hộ tam nghiệp*” là “*đương nguyện*

chúng sanh, thiện học ư giới, bất tác chúng ác” (nguyện cho chúng sanh khéo học các giới, chẳng làm các điều ác). Nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã xếp khẩu nghiệp hàng đầu, các kinh luận thông thường đều nói là *“thân, khẩu, ý”*, còn trong kinh Vô Lượng Thọ là *“khẩu, thân, ý”*. Quý vị phải suy nghĩ vì sao Ngài nói theo kiểu ấy? Khẩu nghiệp dễ phạm nhất, nhất là những người từ độ tuổi trung niên trở lên, đã dưỡng thành thói quen. Tu hành là tu từ chỗ nào? Tu từ khẩu nghiệp, cũng có nghĩa là chúng ta uốn nắn ngôn ngữ, sửa đổi thái độ ăn nói của chúng ta. Chuyện này chẳng dễ dàng! Nhất là người từ độ tuổi trung niên trở lên, sẽ chẳng có ai nói cho quý vị biết những lỗi lầm, tập khí của chính mình! Nói ra thì sao? Làm mất lòng quý vị, [vì thế], chẳng muốn nói với quý vị. Dẫu gặp một vị thầy, thầy cũng chẳng nói với quý vị. Thầy dạy trò, thường là có thể bảo ban khi trò từ hai mươi tuổi trở xuống, kinh nghiệm xã hội của quý vị còn chưa nhiều lắm, vẫn là một đứa trẻ, có thể dạy bảo quý vị được! Từ hai mươi tuổi trở lên, đã trưởng thành, thầy sẽ tôn trọng, chẳng nói lỗi của quý vị. Do đó, sau khi trưởng thành, suốt đời chỉ có hai người nói với quý vị: Một là cha mẹ, người thứ hai là vị thầy chân chánh, chẳng phải là thầy dạy bình phàm! Đã thế, quý vị thật sự chịu học, có thể tôn sư trọng đạo, y giáo phụng hành, thầy sẽ dạy quý vị.

Nếu quý vị chẳng thật sự tôn sư trọng đạo, không thể y giáo phụng hành, thầy sẽ không dạy quý vị. Vì sao? Nếu nói nhiều, tâm quý vị sẽ sanh phiền não, sẽ kết oán cừu với thầy. Thầy rất thông minh, trọn chẳng kết oán cừu với học trò. Tôi thân cận ba vị thầy, đều là như vậy. Cách các Ngài đối xử với học trò, tôi đều thấy rất rõ ràng. Trò nghe lời, y giáo phụng hành, thầy thật sự dạy, có đánh, có chửi, rất nghiêm ngặt. Đối với kẻ vâng dạ bề ngoài, đó gọi là *“duơng phụng, âm vi”* (bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối), sau lưng thì đối với giáo huấn của thầy trọn chẳng ưa thích, kính phục, thậm chí còn phê bình. Học trò kiểu đó, thầy chẳng dạy, đối xử rất khách sáo với những đứa học trò như vậy. Thầy Lý cũng từng bảo tôi, chớ nên kết oán cừu với kẻ khác! Chư vị ngẫm xem, đối với học trò mà có thái độ ấy, huống là đối với người ngoài!

Người sống trong cõi đời, suốt đời gặp chướng ngại rất nhiều. Đó gọi là *“chuyện chẳng vừa ý thường là tám, chín phần”*. Trong khá nhiều nỗi chướng ngại, nghiêm trọng nhất là vấn đề nhân sự, tức là sự cư xử giữa người và người với nhau. Giữa con người với nhau đều là duyên phận. Trong đời quá khứ có thiện duyên, sẽ cư xử rất tốt đẹp. Nhưng rốt cuộc thiện duyên lâu dài cỡ nào? Nếu thiện duyên ấy có thời gian rất ngắn, duyên đã hết, mỏng mảnh, thậm chí từ thiện duyên biến thành ác

duyên, [những trường hợp như vậy] quá nhiều! Đây là do nguyên nhân nào? Từ thiện duyên biến thành ác duyên, tức là bản thân chúng ta nhất định có chỗ nào đó chẳng buông xuống, khiến cho đối phương chẳng vừa ý, phải nghiêm túc phản tỉnh. Nếu phản tỉnh mà thấy chẳng có, chẳng có chỗ nào có lỗi đối với người ta, quý vị hãy biết là do túc nghiệp trong đời quá khứ, chắc chắn chẳng thể nói là “*không có nguyên nhân*”.

Nếu quý vị thật sự nghĩ thông suốt, nghĩ minh bạch, sẽ hoan hỷ tiếp nhận. Họ chửi ta cũng được, đánh ta cũng thế, hủy báng ta cũng thế, lăng nhục ta cũng thế, hãm hại ta cũng thế, thấy đều tiếp nhận, chẳng oán hận, chẳng oán trời, chẳng hờn người, chẳng trả thù. Vì sao? Tiêu nghiệp chướng! Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, há có lẽ nào chẳng làm chuyện sai quấy? Làm chuyện sai quấy quá nhiều! Do vậy, trong cảnh giới một đời này, phải biết sám hối thì mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị mới thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề. Chúng ta niệm Phật, đến khi lâm chung, chẳng có chướng ngại. Chuyện này quan trọng hơn bất cứ điều nào khác! Chướng ngại gì trong hiện tiền cũng đều chẳng quan trọng. Quý vị dùng tất cả công đức tích lũy để cầu lúc lâm chung chẳng bị chướng ngại, quyết định vãng sanh.

Xử sự, đãi người tiếp vật, qua kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta, năm xưa tôi thường nói, dường như tôi còn viết không ít, “*kinh luận ấn tri kiến, giới luật chánh thân ngữ*” (dùng kinh luận ấn chứng tri kiến, dùng giới luật để uốn nắn thân và ngữ). Giới luật là tiêu chuẩn cho ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta. Kinh luận uốn nắn tư tưởng và kiến giải của chúng ta. Giới luật uốn nắn ngôn ngữ và tạo tác. Đây là tác dụng của Tam Tạng trong kinh Phật. Do đó, kinh luận tuy nhiều, chúng chính là học vấn hữu dụng, quý vị học tập, nhất định sẽ đạt được lợi ích, chẳng phải là học rồi vô dụng! Trừ phi quý vị học mà chẳng mong dùng nó, đó là chuyện thuộc về bản thân quý vị, quyết chẳng phải là bốn ý của kinh luận.

Bài kệ tụng nói “*thiện học ư giới*” (hãy khéo học giới), chữ then chốt là Thiện. Nếu là học giới, vẫn chưa khó, “*thiện học*” sẽ chẳng dễ dàng! “*Thiện học*” là linh động. Đối với giới luật, quý vị nhất định phải hiểu đức Phật chế giới điều ấy có dụng ý và duyên khởi ở chỗ nào! Vì sao Ngài phải chế giới điều ấy? Giới điều ấy đã căn cứ trên lý luận như thế nào? Vận dụng giới điều ấy vào cuộc sống hằng ngày như thế nào? Cuộc sống, con người, thời gian, nơi chốn, sự việc thường xuyên biến hóa, chẳng giống nhau, thi hành giới luật cũng phải tùy thuộc vào sự biến hóa

của con người, sự việc, thời gian, nơi chốn; đó gọi là “*thiên học*”. Vì thế, trì giới là sống động, chẳng chết cứng!

Đây là “*khai, giá, trì, phạm*” được nói trong giới học, quý vị nhất định phải hiểu. Mỗi giới đều đều có khai duyên, khi nào cho phép khai giới. Khai giới chẳng phải là phạm giới, mà là vận dụng sống động. Đại khái, cái duyên để khai giới là trong điều kiện nào? Quan trọng nhất là lợi ích chúng sanh, mà chẳng phải là lợi ích chính mình. Lợi ích chúng sanh thì gọi là “*khai duyên*”. “*Giá*” (遮): Giá là ngăn cấm, quyết định chẳng thể phạm. Ví như sát giới, trong kinh Phật có thí dụ nói về chuyện khai duyên. Trong kinh, đức Phật đã nhắc đến chuyện này. Có một vị xuất gia đi theo một nhóm thương nhân, đáp thuyền ra hải ngoại. Nói theo cách hiện thời, đó là một đoàn thể buôn bán. Vị xuất gia ấy đi cùng đoàn thể đó, ngồi thuyền của bọn họ qua nơi khác.

Nhóm thương nhân ấy thu được rất nhiều tài sản, của báu. Trong ấy, có một thương nhân dấy lên ác niệm (có tất cả năm trăm thương nhân), muốn hại chết cả bốn trăm chín mươi chín người kia, nhằm mục đích gì? Một mình nuốt hết những tài vật ấy, phát lên ác niệm ấy. Vị xuất gia ấy đã chứng đắc A La Hán, có Tha Tâm Thông, biết kẻ ấy dấy lên ác niệm, ác niệm ấy khá phiền phức. Nếu hấn giết đồng bạn, bốn trăm chín mươi chín người, hấn sẽ đọa địa ngục. Cướp đoạt tài sản của nhiều người ngàn ấy, đó là giới trộm cắp. Quý vị thấy, đã phạm sát giới, lại phạm giới trộm cắp. Hấn muốn cướp đoạt tài vật của nhiều người ngàn ấy, đời sau phải trả nợ, đời nào mới có thể trả hết!

Nhưng hiện tiền, tà niệm của hấn rất sâu, rất nặng, chắc chắn là không thể nói toạc ra được. Nói toạc ra, trước hết hấn sẽ giết quý vị để diệt khẩu, có sao quý vị biết bí mật của hấn? Trước hết là phải giết chết quý vị để diệt khẩu. Ở đây, vị La Hán làm như thế nào? Nghĩ tới, nghĩ lui, chỉ có một phương pháp, giết chết hấn! Vì thế, vị La Hán giết kẻ ấy. Đó là gì? Đó là khai duyên, khai giới. Việc giết chóc này, xét theo Sự, đã cứu bốn trăm chín mươi chín vị thương nhân trên thuyền, cứu họ, mà cũng bảo toàn tài sản của họ. Kẻ động ác niệm ấy, giết hấn đi, hấn bị kẻ khác giết, hấn chẳng tạo tội. Tuy hấn dấy lên ý niệm, vẫn chưa khởi lên hiện hành, vẫn chưa làm. Vì thế, giết hấn đi, hấn sẽ chẳng đọa địa ngục. Hấn dấy lên ác niệm ấy, tội vẫn còn nhẹ, vì chưa khởi hiện hành. Vì thế, chuyện sát nhân này hoàn toàn là cứu người, không chỉ là cứu kẻ sống, mà kẻ chết cũng được cứu, hấn chẳng đọa địa ngục. Đây là “*thiên học u giới*” (khéo học nơi giới). Đức Phật đã nêu thí dụ cho chúng ta. Chuyện sát sanh này chẳng gọi là phá giới, mà gọi là khai giới. Nó có nhiều điều

kiện dường ấy, ắt cần phải làm như vậy, làm như vậy sẽ có lợi cho chúng sanh, quyết chẳng phải là lợi ích cho riêng mình, mà là lợi ích đại chúng.

Vì vậy, giới điều nhà Phật tuy nhiều, điều nào cũng đều có khai duyên. Khi chẳng có khai duyên, quyết định là cấm ngặt, ngay cả muỗi, trùng, kiến đều chẳng thể tổn thương. Muỗi đến chích thân quý vị, quý vị chịu bố thí cúng dường, liền để cho nó ăn no, nó tự nhiên sẽ bỏ đi. Quý vị chẳng muốn bố thí, cúng dường, đuổi nó đi là được rồi, chớ nên giết chết nó. Chuyện này quyết định chớ nên, chẳng có khai duyên, phải hiểu điều này! Những động vật nhỏ đều hiểu tình lý, chúng tôi đã thấy quá nhiều trường hợp. Đáng tiếc rất nhiều người không học Phật, chứ các đồng học học Phật đều biết. Trồng cây ăn quả, chim ăn trái cây, trái cây sắp chín, chim đến ăn sạch, họ chẳng có thu hoạch. Vì thế, dùng phương pháp gì? Nghĩ đủ mọi phương pháp để phòng chống, bắt giữ, hễ bắt được bèn giết chết. Vì thế người thông hiểu, sẽ thương lượng với những con chim, ước định với chúng nó. Ví như ở đây ta có một trăm cây ăn trái, “ta nhường cho người mười cây để ăn, chín mươi cây kia người chẳng thể động tới”. Được! Chim sẽ nghe lời, thật vậy. Chúng nó ăn tại mười cây kia, những cây khác không ăn, người học Phật mới hiểu. Dần dần, thiện tâm của quý vị cảm ứng chúng nó, trong tương lai chúng nó sẽ đến chỗ khác kiếm ăn, chẳng đến vườn quả của quý vị nữa!

Trồng rau, rau có rất nhiều côn trùng cắn phá. Năm xưa, chúng tôi ở trên núi Cổ Tấn⁵², tại vườn rau của ông Đan-tư-ly Lý Kim Hưu⁵³, khi tôi đến thăm, ông đã lập vườn rau ấy sáu năm. Ông ta kể, năm thứ nhất, rau đã trồng bị trùng ăn mất chín mươi lăm phần trăm. Ông ta chẳng dùng thuốc sát trùng, chẳng giết côn trùng, cũng chẳng thương lượng với chúng, mặc kệ cho chúng nó ăn. Năm thứ hai gần như là sáu, bảy chục phần trăm [rau bị cắn phá], chừa lại đôi chút. Tôi đến nơi đó vào năm thứ sáu, mỗi năm trùng một giảm bớt. Khi tôi đến đó vào năm thứ sáu, ông ta nói năm ấy gần như là có thể thu hoạch chín mươi phần trăm, trùng ăn mười phần trăm! Chẳng thương lượng với chúng! Nếu thương lượng với chúng, lượng rau có thể giữ lại sẽ nhiều hơn nữa! Do vậy có thể biết, những tiểu động vật thông hiểu tình lý. Quý vị chẳng hại chúng, chúng sẽ chẳng trả thù quý vị. Quý vị càng giết, trùng càng nhiều. Giết chẳng hết! Oan oan tương báo. Từ chỗ này, quý vị thấy hết sức rõ rệt, vì sao cứ muốn làm ác? Người sống trên cõi đời, nòng hậu một chút sẽ tốt hơn, dùng thiện tâm đối xử kẻ khác, dùng thiện tâm để cư xử với muôn loài!

Đời này nghèo nàn, khốn quẫn; bị nghèo nàn, khốn quẫn là do nghiệp báo của chính mình. Cải thiện bằng cách nào? Quý vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn, ở đây, chúng ta có băng âm và thâu hình [bài giảng] Liễu Phàm Tứ Huấn. Không thích nghe giảng, hãy nghe giảng bèn buồn ngủ, ở đây, chúng ta còn có phim truyền hình Liễu Phàm Tứ Huấn, do Mã Lai quay phim trong quá khứ. Quý vị xem thứ ấy, cả nhà cùng xem, quý vị học theo tiên sinh Liễu Phàm sửa đổi vận mạng, có thể học hiểu cách này, phước về sau sẽ vô cùng, đúng là *“trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Cầu của cải, nhất định được của cải. Cầu thông minh, trí huệ, nhất định đạt được thông minh, trí huệ. Cầu khỏe mạnh, sống lâu, nhất định được khỏe mạnh, sống lâu, chẳng có thứ gì không cầu được! Nếu quý vị hiểu đạo lý, đúng lý, đúng pháp để cầu, sẽ có thể đạt được! Nay lũ bình phàm chúng ta chẳng cầu được là do nguyên nhân nào? Không hiểu đạo lý, không hiểu phương pháp, cầu mù quáng. Lại còn trong khi cầu, luôn tạo tội nghiệp! Không chỉ là quý vị chẳng cầu được, mà còn chiết giảm chút phước ít ỏi trong mạng của chính mình!

Vì lẽ này, chúng ta phải toàn tâm toàn lực đề xướng giáo dục nhân quả, quý vị thật sự thông hiểu, há lẽ nào đời này chẳng vui sướng! Há lẽ nào chẳng hạnh phúc! Nay chúng ta mong giúp đỡ mọi người trên toàn thế giới, chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, chẳng phân biệt tôn giáo, đều hy vọng trong đời này, ai nấy đều có thể sống hạnh phúc mỹ mãn. Làm thế nào thì mới có thể đạt được? Giáo dục. Người Hoa có kinh nghiệm về chuyện này nhất. Bốn loại giáo dục, giáo dục gia đình (nói theo hình thức), giáo dục trong nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo. Dạy những thứ gì? Nội dung giáo dục gồm có bốn thứ, tức luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Mỗi loại giáo dục đều phải lấy những điều này làm chủ đề dạy dỗ, tức là luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Tôn giáo nói về giác ngộ. Phạm vi của giáo dục tôn giáo rất lớn. *“Thiện học ư giới, bất tác chúng ác”* (Hãy khéo học giới, chẳng làm các điều ác), bốn loại giáo dục ấy đều được bao gồm trong đó. Luân lý là căn cội, đạo đức là gốc, nhân quả là cành nhánh, tôn giáo là hoa quả. Chư vị phải chú tâm thấu hiểu!

Hiện thời, chúng ta đã đánh mất toàn bộ những thứ giáo dục ấy. Do vậy, xã hội động loạn, lòng người bất an. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đúng như kinh Địa Tạng đã dạy: *“Không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội”*. Hằng ngày tạo tội nghiệp, cứ mong cầu phước báo, làm sao có thể được? Trong đời quá khứ, tu một chút phước báo, rất dễ mất sạch phước báo. Vì sao? Tâm hạnh bất thiện, nên

[phước báo] bị chiết giảm! Chuyện này hết sức rõ rệt, quý vị chỉ cần lắng lòng quan sát những người chung quanh, hoặc là thân thích, bằng hữu, quý vị sẽ thấy rất rõ ràng. Nhìn vào chính mình thì chẳng thấy rõ lắm, chứ nhìn vào người khác, sẽ thấy rõ ràng. Sau khi đã thấy rõ ràng, hãy hồi quang phản chiếu, suy xét chính mình cặn kẽ, người ấy sẽ giác ngộ.

Sau khi đã giác ngộ, điều quan trọng nhất là khéo học các giới, giới sẽ được mở rộng. Đối với sự răn dạy của Phật, Bồ Tát, đối với sự răn dạy của thánh hiền thế gian và xuất thế gian, đều có thể dung hội, xuyên suốt, thực hiện trong cuộc sống, công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật của chính mình. Chẳng còn tạo ác nữa, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, vận mạng sẽ chuyển biến, sẽ thay đổi. Trong đời này, thật vậy, vào dịp Tết, chúng ta chúc phước mọi người, tôi thấy những tấm thiệp chúc Tết đều ghi *“tuế tuế bình an, niên niên như ý”* (năm nào cũng bình an, năm nào cũng như ý), hai câu chúc phước ấy có thật hay không? Nếu quý vị muốn biến điều ấy thành sự thật, phải biết cái nhân. Năm nào cũng bình an là gì? Chính là hai câu sau đây, *“chẳng làm các điều ác, năm nào cũng bình an. Khéo học nơi giới, mỗi năm như ý”*. Nhưng thông thường, chúng ta chẳng dùng hai câu nói ấy, [mà dùng hai câu khác], ý nghĩa giống hệt, càng dễ hiểu hơn, *“đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện”*. *“Chẳng làm các điều ác”* chính là *“bất tác chúng ác”*, quý vị sẽ năm nào cũng bình an. *“Vâng làm các điều lành”*, quý vị sẽ mỗi năm đều như ý. Hai ngày sau sẽ là ngày Giao Thừa của Tết ta; ở đây, tôi dùng hai câu này để chúc phước các vị đồng học, chân thành chúc phước. Hy vọng mọi người cùng nhau nỗ lực, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, khẳng định là sẽ đạt được bình an, như ý. Nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1513

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ mười ba, phần Xuất Gia Thọ Giới.

(Kinh) Thọ Xà Lê giáo, đương nguyện chúng sanh, cụ túc oai nghi, sở hành chân thật.

(經)受闍梨教。當願眾生。具足威儀。所行真實。

(Kinh: Tiếp nhận giáo huấn của bậc A Xà Lê, nguyện cho chúng sanh, trọn đủ oai nghi, hành trì chân thật).

Bài kệ trước là thọ giới, đây chính là đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát tỏ bày, phát nguyện làm đệ tử của đức Phật, theo Phật học tập. Đã phát đại nguyện, nhất định phải thực hiện, ai đến dạy quý vị? Phật, Bồ Tát chẳng đích thân đến dạy quý vị. Người dạy quý vị là thầy, ở đây gọi là Xà Lê, tức A Xà Lê. A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn của Ấn Độ phiên âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quỹ Phạm Sư (軌範師, vị thầy khuôn mẫu), Thanh Lương đại sư có chú giải:

(Sớ) Xà Lê giả, thủ vãn Chánh Hạnh, quỹ phạm giáo thọ. Cố vãn “cụ túc oai nghi”.

(疏)闍梨者，此云正行，軌範教授，故云具足威儀。

(Sớ: Xà Lê: Cõi này dịch là Chánh Hạnh, tức là vị thầy dạy bảo khuôn phép. Vì thế nói là “đầy đủ oai nghi”).

Tuy văn tự chẳng nhiều, đã giảng rất rõ ràng. Ở đây, chúng ta phải lưu ý, danh xưng Xà Lê có nghĩa là Chánh Hạnh. Nếu hạnh của chính vị ấy bất chánh, sẽ chẳng có cách nào nêu gương, làm khuôn phép cho người khác được! Trước hết là phải làm được; sau đấy, mới có thể dạy kẻ khác!

Giáo học là một công việc lâu dài. Không chỉ là một đời, một kiếp, cổ đại đức thường bảo: *“Sống đến già, học đến già, học chẳng xong!”* Trong Phật pháp, [tu học là quá trình kéo dài] từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. *“Từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai”* chắc chắn là chẳng thể hoàn thành trong một đời! Vì thế, học tập hết sức lâu dài, đời đời kiếp kiếp! Chúng ta thường nghe, *“tu hành phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể thành Phật”*. A-tăng-kỳ (Asamkhyeya) là một con số của Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Ương Số (無央數). Con số rất lớn, Vô Ương Số cũng chính là như chúng ta thường nói là *“chẳng có cách nào tính toán”*. Phải trải qua thời gian dài ngàn ấy! Chẳng phải là *“A-tăng-kỳ năm”*, [chẳng phải là] ba đại A-tăng-kỳ năm đâu nhé! Chẳng phải vậy, mà là Kiếp!

“Kiếp” (kalpa) là nói về đơn vị thời gian, có đại kiếp, trung kiếp, và tiểu kiếp; ở đây nói đến đại kiếp! Một đại kiếp lâu cỡ nào? Kinh Phật dạy: [Đó là thời gian để] thế giới này trải qua một lần “thành, trụ, hoại, không” thì gọi là một đại kiếp, tức là thế giới [lần lượt trải qua các giai đoạn] thành, trụ, hoại, không. [Thời gian cần thiết để hoàn tất một trong] bốn chữ “thành, trụ, hoại, không” được gọi là trung kiếp. Đối với Thành và Trụ, nay chúng ta đang thuộc trung kiếp thứ hai, tức là Trụ. Sau

[trung kiếp] Trụ, thế giới này sẽ hư hoại. Hư hoại mất một trung kiếp, sau đấy, sẽ hoàn toàn rỗng không. “*Không*” kéo dài một trung kiếp. Sau đấy, thế giới sẽ lại dần dần hình thành. Vĩnh viễn tuần hoàn “thành, trụ, hoại, không” chẳng ngừng! Bốn trung kiếp hợp thành một đại kiếp. Thế giới “thành, trụ, hoại, không” phải trải qua số lượng ba đại A-tăng-kỳ như vậy thì mới có thể tu hành thành Phật viên mãn! Thời gian đúng là quá dài; do đó, tu hành không phải là một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp tiếp tục thực hiện.

Do vậy có thể biết, dũng mãnh, tinh tấn chẳng phải là một đời, phải có hằng tâm (恆心, tâm thường hằng), phải có nghị lực, vĩnh hằng không ngừng. Trong kinh Dịch, điều này được diễn tả bằng câu: “*Tự cường bất tức*” (Tự dũng mãnh không ngừng). Chúng ta thấy cổ thư Trung Hoa ghi chép, Khổng phu tử vào lúc bảy mươi tuổi, vẫn mong sống thêm mấy năm, để làm gì? Học Dịch, [tức là học tập] kinh Dịch. Học Dịch sâu hơn, nhằm mục đích tránh khỏi lỗi lầm, khiến cho sự hành trì, đoạn ác tu thiện suốt đời có thể thực hiện viên mãn! Từ chuyện này, chúng ta có thể thể nghiệm thánh nhân đã “*tự cường*” không ngừng, trọn chẳng phải nghĩ “*đã già rồi, có thể chẳng cần học nữa!*”! Càng già, càng dụng công, càng nỗ lực, hy vọng có thể đoạn hết lầm lỗi của chính mình, đức hạnh có thể viên mãn. Đấy đều là nêu gương, làm khuôn mẫu cho chúng ta.

Vì thế, chẳng thể không đọc kinh sách, chẳng thể không tu sám hối. Đọc kinh sách nhằm mục đích nào? Nhằm mục đích kiểm điểm chính mình: Chúng ta đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, chúng ta có cách nghĩ sai lầm hay không? Có cách nhìn sai lầm hay không? Trong cuộc sống hằng ngày, ngôn ngữ và hành vi của chúng ta có sai quấy hay không? Kinh điển là một tấm gương. Hằng ngày, sáng sớm thức dậy, buổi tối đi ngủ, chúng ta đều soi gương, gột sạch những thứ dơ bẩn trên thân. Mọi người đều rất chú ý chuyện này. Nhưng quý vị làm thế nào để có thể phát hiện những lầm lỗi nơi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác? Cũng phải có một tấm kiếng. Tấm kiếng ấy chính là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền!

Kinh điển là một tấm kiếng, lịch sử là một tấm kiếng, chúng ta đọc hằng ngày, học hằng ngày, phản tỉnh hằng ngày, hằng ngày sửa lỗi, đổi mới. Tư tưởng, lời nói và việc làm của chính mình có thể nêu gương cho đại chúng trong xã hội, đấy mới là xứng danh Xà Lê, nay chúng ta gọi là Giáo Thọ (教授), hoặc thầy, trong Phật môn gọi là “*pháp sư*”. Pháp sư nhất định trọn đủ Chánh Hạnh. Nho gia nói Chánh Hạnh là “*thành ý, chánh tâm*”, tu thân, thành ý. Hễ chánh tâm, sẽ nhất định có thể tu thân.

Nhưng đối với vấn đề này, trước đó còn có cơ sở! Vì sao người đọc sách Khổng Tử trong hiện thời chẳng làm được “*thành ý, chánh tâm*”? Các đồng học học Phật chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, đấy là do nguyên nhân nào? Chúng ta phải tìm, tìm cho ra nguyên nhân; tiêu trừ nguyên nhân ấy, đấy mới là thật sự đạt được thọ dụng.

Nguyên nhân là do chúng ta chẳng được hưởng sự giáo dục cơ sở. Đối với giáo dục, hiện thời, ngay cả những chuyên gia, học giả ngoại quốc cũng thảo luận, tôi nghe họ nói, lứa tuổi để giáo dục quan trọng nhất là trước khi trẻ tròn năm tuổi. Đó là giáo dục vun quén căn cội. Nói kiểu ấy chánh xác! Trước lúc lên năm tuổi, kể như [dạy dỗ] dễ dàng, họ đã phát hiện, sau năm tuổi sẽ chẳng dễ dạy! [Phải dạy trẻ] trước khi nó được năm tuổi. Đối với chuyện này, các vị học giả, chuyên gia vẫn chưa nói cụ thể; tổ tiên chúng ta cao minh đến tột cùng. Họ không chỉ biết, mà còn sớm thực hiện! Họ đã làm được từ năm ngàn năm trước! Bắt đầu dạy từ khi nào? Năm tuổi trễ quá! Từ lúc đứa trẻ được sanh ra, đã bắt đầu dạy. Ai dạy nó? A Xà Lê dạy nó, A Xà Lê là ai? Cha mẹ. Trước mặt đứa trẻ, cha mẹ nói năng, cử chỉ toàn là chánh hạnh. Muôn ngàn phần đừng thấy đứa trẻ vừa mới sanh ra mấy ngày, [bèn nghĩ] nó chẳng hiểu gì! Đúng vậy! Vì nó không hiểu, đang học, nó nhìn theo người lớn. Nó mở mắt ra có thể thấy, lỗ tai bé bỏng của nó có thể nghe, những thứ ấy sẽ lưu lại ấn tượng. Vì thế, cha mẹ, người lớn ở trước mặt nó, một câu nói, một tiếng cười, nhất cử nhất động đều phải nên là chánh hạnh.

Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Nay chúng ta dùng Đệ Tử Quy làm tiêu chuẩn. Do vậy, Đệ Tử Quy chẳng phải là để dạy trẻ nít học, mà là để cho cha mẹ, người lớn trong nhà dùng những điều ấy làm tiêu chuẩn để dạy dỗ trẻ thơ bằng thân giáo. Đứa bé ấy từ lúc mới sanh ra, những gì nó được thấy, nghe, tiếp xúc, toàn là chánh hạnh, quý vị có biết ấn tượng ấy sâu đậm cỡ nào? Vì thế, ngàn ngữ thường nói: “*Tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân*” (Từ ba tuổi sẽ thấy được tính tình của một người vào lúc tám mươi, nhìn từ tính cách của một người lúc bảy tuổi sẽ biết tính cách suốt đời), đấy mới là hợp lý! Từ lúc lọt lòng cho đến khi ba tuổi, nó đã học suốt ba năm. Ba năm ấy là căn cội của nó, những gì nó được thấy, nghe, tiếp xúc đều là luân lý đạo đức, thuần chánh, chẳng tà vậy! Vì thế, đến lúc ba tuổi, năm tuổi, trẻ có năng lực phân biệt chánh, tà, thiện, ác, đúng, sai; nó có năng lực ấy! Nó biết cách làm này là đúng, cách kia là sai, nó hiểu biết!

Nhưng chư vị phải ghi nhớ, cách dạy dỗ truyền thống của tổ tiên đến thời Dân Quốc đã bị quốc gia bỏ sót. Thời Dân Quốc, vận mạng của

Trung Hoa bị thảm, toàn thể xã hội động loạn. Sau khi nhà Mãn Thanh diệt vong, quân phiệt cát cứ, kế đó là chiến tranh Trung Nhật, khiến cho xã hội loạn tưng phèo, ai nấy bận bịu kiếm sống, tất bật chạy loạn. Lứa tuổi tôi, khi nhỏ thì chạy loạn, chẳng được hưởng loại giáo dục ấy. Nhưng ở quê nhà, chúng tôi sống tại nông thôn. Người ở nông thôn thuần phác, vẫn còn được dính líu mấp mé đôi chút. Những kẻ nhỏ hơn tôi năm, sáu tuổi, ngay cả mấp mé cũng chẳng được hưởng, hoàn toàn không biết. Khi chúng tôi đi học vào lúc bé, học Tứ Thư trong từ đường, học giáo dục nhân quả từ Diêm Vương Điện trong miếu Thành Hoàng. Thuở ấy, trong Diêm Vương Điện, tượng Thập Điện Diêm Vương đều đắp bằng đất, đắp rất sống động. Sau khi để cho quý vị xem xong, người lớn sẽ dạy quý vị: “Trẻ nhỏ chớ nên làm chuyện xấu. Làm chuyện xấu thì trong tương lai sẽ bị quả báo như thế đó”. [Khắc họa] ấn tượng hết sức sâu đậm. Những điều này đều được tiếp nhận từ bé, thâm căn cố đế, đúng là ảnh hưởng suốt đời! Về sau, khôn lớn, bất luận ở nơi đâu, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến giáo huấn của cha mẹ, giáo huấn của thầy, sẽ nghĩ đến những tượng đắp hiển thị sự báo ứng trong Diêm Vương Điện của miếu Thành Hoàng, quý vị sẽ chẳng dám dấy lên một ác niệm, cũng chẳng dám làm chuyện xấu gì!

Vì thế, tôi thường nói: Người tốt là do dạy dỗ mà ra, thánh hiền cũng là do dạy dỗ mà ra, Phật, Bồ Tát vẫn là do dạy dỗ mà ra, tùy thuộc quý vị dạy theo kiểu nào! Kẻ ác cũng là do dạy dỗ mà ra! Hiện thời nói đến “phần tử khủng bố”, vẫn là do dạy dỗ mà ra! “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai quản dân chúng, giáo học làm đầu). Người Hoa hiểu giáo dục, giỏi về giáo dục. Quý vị hãy xem hai chữ Giáo Dục, phải tra trong Thuyết Văn Giải Tự⁵⁴ xem chữ ấy có nghĩa là gì, vì sao phải viết theo kiểu ấy? Quý vị hãy nghiên cứu kỹ lưỡng một phen. Giáo (教) có nghĩa là “*thượng hành hạ hiệu*” (上行下效, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo). Thế hệ trước làm như thế nào, thế hệ sau bắt chước. Vì thế, cha mẹ của quý vị làm theo kiểu nào, con cái sẽ bắt chước. Đấy chính là Giáo. Quý vị muốn dạy con tốt đẹp, bản thân quý vị phải làm cho chánh đáng, con sẽ học theo lẽ chánh đáng. Bản thân quý vị làm chuyện bất chánh, con cái sẽ học theo thói lệch lạc. Nó học những điều chánh đáng, nhất định sẽ vượt trội quý vị, còn làm tốt đẹp hơn quý vị. Nó học những thứ lệch lạc, nhất định sẽ tồi tệ hơn quý vị, “*thượng hành hạ hiệu*” mà! Trong gia đình là như thế, mà trong công ty, hãng xưởng, cửa tiệm cũng là như thế. Trong xã hội là như thế, trong quốc gia cũng là như thế, trên cả thế giới cũng chẳng có ngoại lệ! Hiện thời, xã hội trên toàn

thế giới động loạn, quý vị hiểu nguyên nhân xuất hiện từ đâu, do chẳng dạy dỗ tốt đẹp!

“Dục” (育) có nghĩa là gì? Dục là “*cứu thất nhi trưởng thiện*” (救失而長善, bổ cứu những sai sót, tăng trưởng điều thiện). “Thất” là “*quá thất*” (過失, sai lầm, khuyết điểm), người nào có thể chẳng phạm sai lầm? Hễ sai lầm thì phải giúp quý vị sửa sai. Sửa đổi thì gọi là “*cứu thất*” (救失). Quý vị cũng có thiện niệm và thiện hạnh. Thiện niệm và thiện hạnh thì phải hằng ngày tăng trưởng; ý niệm bất thiện, ngôn hạnh bất thiện hằng ngày phải sửa đổi; đó là Dục. Quý vị thấy ý nghĩa chánh yếu của hai chữ Giáo Dục hay quá! Nếu quý vị hiểu ý nghĩa của hai chữ ấy, mới hiểu tư tưởng và ngôn hạnh của chúng ta trong gia đình và trong xã hội quan trọng dường nào! Vì sao? Nó có thể ảnh hưởng người khác. Người khác nhìn vào quý vị, bắt chước làm theo, trách nhiệm của quý vị đối với xã hội rất nặng! Chẳng thể nói “ta làm chuyện xấu không có ai biết, chẳng mắc mớ ai”, [nghĩ như vậy] là sai mất rồi. Đặc biệt là có sức ảnh hưởng đối với xã hội, sức ảnh hưởng gì vậy? Trong gia đình, gia trưởng, cha mẹ, ông bà, chú bác, các vị bề trên của quý vị sẽ ảnh hưởng quý vị. Trong xã hội, những người thuộc các giai tầng lãnh đạo sẽ ảnh hưởng quý vị. Ví như trong một huyện thị, nhân dân cũng nhìn vào huyện thị trưởng, hữu ý hay vô ý đều học tập theo ông ta. Huyện thị trưởng cư xử chánh đáng, mọi người sẽ học theo lẽ chánh. Kẻ làm huyện thị trưởng bất chánh, mọi người sẽ đều học theo thói xấu. Nếu lên cao hơn nữa, sẽ là người lãnh đạo quốc gia!

Hiện thời, phạm vi ảnh hưởng còn to hơn nữa. Tôi thấy có ảnh hưởng lớn nhất đối với những kẻ trẻ tuổi trong xã hội, không gì hơn các minh tinh điện ảnh và những ngôi sao ca nhạc. Nhất cử nhất động của họ đều là khuôn mẫu cho bọn trẻ tuổi. Nếu họ cư xử chánh đáng, những kẻ trẻ tuổi sẽ học theo điều hay. Chúng ta chớ nên không biết điều này! Bất cứ một ai, chỗ cực kỳ vi tế là khởi tâm động niệm. Đừng nên nghĩ là một thiện niệm rất nhỏ, hay một ác niệm rất nhỏ [không quan trọng]! Đối với xã hội, đối với chúng sanh, [những niệm ấy] đều sanh ra ảnh hưởng. Hiện thời, khoa học phát triển, mọi người biết trên thế giới hiện thời luôn nói đến các luồng sóng, sóng điện từ (electromagnetic wave), sóng âm thanh, sóng ánh sáng. Quý vị có biết là tư tưởng cũng tạo thành sóng hay không? Một ý niệm thiện, sẽ tạo thành luồng sóng chánh hạnh; một ý niệm ác sẽ là luồng sóng tà hạnh. Quý vị có thể thấy làn sóng ấy không chỉ là có thể ảnh hưởng hữu hình chúng sanh, tức là sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc, quý vị có thể thấy, có thể nghe, quý vị chú tâm quan sát,

[sẽ thấy] người khác đã bị cảm nhiễm. Còn có những thứ mà sáu căn của chúng ta chẳng thể tiếp xúc, trong Phật pháp gọi là “*cửu pháp giới chúng sanh*” (chúng sanh trong chín pháp giới). Mười pháp giới, ngoại trừ chúng ta là nhân pháp giới, chúng ta có thể tiếp xúc, đối với chín pháp giới kia, sáu căn của chúng ta chẳng có năng lực tiếp xúc. Tuy chẳng tiếp xúc, có ảnh hưởng hay không? Có ảnh hưởng giống y hệt.

Trong tôn giáo, đã nói đến chuyện này rất nhiều. Ví như người Hoa thường nghe nói: Chúng ta dấy lên một thiện niệm, hoặc dấy lên một ác niệm, quý thần biết, Phật, Bồ Tát biết. Đấy là những vị thuộc những chiều không gian khác với chúng ta. Trong các tôn giáo khác cũng nói, trong suốt một đời, thiện niệm, thiện ngôn, thiện hạnh, hoặc là ác niệm, ác ngôn, ác hạnh của quý vị đều có quý thần ghi chép. Đến cuộc xét xử cuối cùng⁵⁵, những thứ ấy sẽ là chứng cứ. Thượng Đế thưởng thiện phạt ác dựa vào đâu? Dựa vào những hồ sơ tài liệu ấy! Hồ sơ tài liệu ghi chép từ đâu? Chính từ khởi tâm động niệm, sóng dao động mà! Những sóng dao động ấy trọn khắp pháp giới, hư không giới, lẽ đâu chẳng thể gây ảnh hưởng cho được? Xác thực là ảnh hưởng rất lớn, chớ nên không biết!

Do biết những chuyện này, cho nên thánh nhân dạy chúng ta “*thận độc*” (慎獨, thận trọng ngay khi chỉ có một mình), “*độc*” (獨) là một mình. Quý vị ở trong nhà, chẳng có ai trông thấy quý vị, vẫn phải rất cẩn thận, chớ nên tùy tiện, chớ nên qua loa. Vì sao? Có rất nhiều sinh vật ta không trông thấy. Chúng ta không thấy họ, họ thấy chúng ta, Chiều không gian của họ cao hơn chúng ta, họ có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng thấy họ. Nói theo Phật pháp, sẽ càng rõ rệt hơn. Phật pháp nói Lục Thông: Thiên Nhân Thông trông thấy chẳng bị chướng ngại, Thiên Nhĩ Thông nghe chẳng chướng ngại. Tha Tâm Thông, trong tâm của hết thảy chúng sanh nghĩ điều gì họ đều biết. Tha (他) là người khác. Khởi tâm động niệm trong lòng người khác họ đều biết, đó gọi là Tha Tâm Thông. Đức Phật dạy chúng ta, sáu loại thần thông là những năng lực vốn sẵn có trong tự tánh của hết thảy chúng sanh, chẳng lạ lùng tí nào, ai nấy đều có. Nay vì sao chúng ta chẳng có? Đức Phật bảo [nguyên nhân là vì] chúng ta đã mê tự tánh. Mê như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ngăn trở đức năng và trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh, khiến cho những thứ ấy chẳng thể hiện tiền. Kinh Hoa Nghiêm nói rất thấu triệt: Nếu chúng ta có thể buông xuống, trừ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta đều hiện tiền, chẳng có chút nào lạ lùng!

Do vậy, chư thiên có báo đắc Ngũ Thông, họ chẳng có Lưu Tận Thông, những thứ khác đều có. Vì sao họ có? Dục Giới Thiên tuy chẳng đoan dục, [dục vọng của] họ nhạt hơn chúng ta. Càng lên cao hơn, càng mỏng hơn, chướng ngại sẽ càng ít hơn! Chỉ cần quý vị nhạt bớt một phần, trí huệ và đức năng của quý vị sẽ thấu lộ một phần. Nhạt bớt hai phần, sẽ thấu lộ hai phần; đạt đến một mức độ nhất định, bản năng (本能, năng lực vốn có) của quý vị sẽ dần dần khôi phục. Chư thiên Dục Giới xác thực có Ngũ Thông, nhưng năng lực Ngũ Thông mỗi vị mỗi khác! Ví như đối với sáu tầng trời trong Dục Giới, tiến lên cao, mỗi tầng một cao hơn, càng tiến lên, đối với thất tình, ngũ dục sẽ càng nhạt mỏng hơn. Đến Sắc Giới, hoàn toàn chẳng có [thất tình, ngũ dục]. Vì thế, Sắc Giới đã hoàn toàn khống chế thất tình, ngũ dục. Trong A Lại Da có chủng tử tập khí, nhưng chúng chẳng thể dấy lên hiện hành, do công năng định lực và trí huệ của họ khống chế, chẳng để cho chúng nó dấy lên tác dụng. Năng lực của họ càng to hơn nữa, nắm món thần thông ấy càng to hơn nữa. Chúng ta biết Sắc Giới có mười tám tầng trời, Vô Sắc Giới có bốn tầng trời. Càng tiến lên cao hơn, đúng là “*thần thông quảng đại*” như chúng ta đã nói, họ biết hết.

Những vị ấy thần thông quảng đại, nói thật thà, chẳng sánh bằng người vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chư vị đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay. Quý vị thấy kinh Vô Lượng Thọ đã nói, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần nói đến phẩm vị, mà cũng chẳng bàn đến thời gian ở trong thế giới Cực Lạc dài hay ngắn, chẳng bàn tới! Nói cách khác, người ta chỉ cần sanh về thế giới Cực Lạc, dẫu là người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, [sẽ đều là] “*Thiên Nhân đồng thị*” (Thiên Nhân thấy thấu suốt), tức là đối với chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới, hư không giới, người ấy đều có thể trông thấy. “*Thiên Nhĩ triệt thính*” (Thiên Nhĩ nghe thấu suốt): Tất cả hết thảy các âm thanh trong khắp pháp giới, hư không giới, không có gì người ấy chẳng nghe được. “*Tha Tâm biến tri*” (Tha Tâm Thông biết trọn khắp), hết thảy chúng sanh khởi tâm động niệm, người ấy đều biết. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, năng lực sẵn có trong tự tánh gần như đều khôi phục, quyết chẳng phải là chư thiên trong hai mươi tám tầng trời mà hòng sánh bằng! Thua kém rất xa! Đây là do nguyên nhân gì? Chúng ta vãng sanh là đời nghiệp vãng sanh, bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì làm duyên, cái nhân là trí huệ và đức năng vốn sẵn có trong tự tánh bèn hiện tiền. Vì thế, pháp môn này thù thắng khôn sánh!

Hãy nên biết: Cõi trời và nhân gian trong thế gian này chẳng đáng để lưu luyện. Cõi trời còn chẳng có gì để lưu luyện, huống hồ nhân gian! Vì thế, người học Phật phải thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta khóa chặt mục tiêu nơi thế giới Cực Lạc. Trong một đời này, chẳng vãng sanh sẽ không được! Thứ gì trong thế gian này cũng đều chẳng lưu luyện, *“phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng”*. Bất luận tại gia hay xuất gia, hễ thật sự là đệ tử đức Phật thì phải buông xuống, phải thấy thấu suốt; nêu gương *“buông xuống, thấy thấu suốt”* cho đại chúng. Như vậy thì quý vị là A Xà Lê. Chúng ta dùng A Xà Lê theo ý nghĩa mở rộng, tức là *“người nêu gương tốt đẹp cho đại chúng trong xã hội”*. Bất luận là ai, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, hễ nêu gương tốt cho người khác thấy, người ta sẽ tự nhiên học tập theo quý vị. Quý vị thật sự là A Xà Lê! Tuy quý vị chẳng có danh hiệu A Xà Lê, nhưng quý vị là thật, chẳng giả! Chúng ta phải hiểu điều này, điều này thuộc về cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng chính là như trong Phật môn thường nói *“coi trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức”*. Người theo đuổi công tác dạy học, đây là có hình thức, bất luận tại gia hay xuất gia, hễ theo đuổi chuyện dạy học, [nếu có thể] *“học vi nhân sự, hành vi thế phàm”* (học thức đáng làm thầy người khác, hành vi đáng làm khuôn mẫu cho cõi đời), sẽ là bậc A Xà Lê. Nếu chẳng phải là kẻ theo đuổi công tác dạy học, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, quý vị đối với công việc thuộc về bốn phận của chính mình đều thực hiện rất đúng pháp, nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, quý vị chính là A Xà Lê. Dẫu chẳng có hình thức, nhưng quý vị là thật, chẳng giả. Quý vị làm rất giống, sẽ được Tam Bảo gia trì, quý vị rất giống một vị Phật, hoặc Bồ Tát tái lai. Ví như làm thương nhân, [sẽ là] thương nhân Bồ Tát. Quý vị là công nhân, sẽ là công nhân Bồ Tát. Bất luận làm nghề nghiệp gì, quý vị đều làm nghề ấy viên mãn nhất, Bồ Tát hóa thân mà! Làm một công nhân dọn vệ sinh, quý vị thấy người ấy sẽ hết sức nghiêm túc tròn trách nhiệm, chỗ người ấy dọn dẹp sẽ sạch bóng, chẳng nhiễm mảy trần! Là bậc Bồ Tát trong những công nhân dọn vệ sinh, đều là A Xà Lê thật sự.

“Thọ Xà Lê giáo” (Tiếp nhận sự dạy dỗ của bậc A Xà Lê): *“Giáo”* (教) là ảnh hưởng, [*“thọ Xà Lê giáo”* nghĩa là] chúng ta tiếp nhận sự giáo huấn của A Xà Lê. Hiện thời, nói theo phía các vị đồng học đã lâu ngày, giáo huấn của đức Phật chính là kinh điển. Kinh là do đức Phật dạy. Chú giải thì nay chúng ta chọn bản Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Thanh Lương đại sư là A Xà Lê của chúng ta. Chúng ta chọn bản Hợp Luận của Lý Trường Giả để tham khảo, Lý Trường Giả là A Xà Lê của chúng ta. Chúng tôi chọn tác phẩm để dùng trong việc giảng dạy là bộ Sớ Luận

Toản Yếu do thiền sư Cổ Sơn Đạo Bái biên soạn trong niên hiệu Càn Long. Thiền sư Đạo Bái là A Xà Lê của chúng ta. Chúng ta “*thọ Xà Lê giáo*”, kinh do đức Phật dạy, chú giải do Xà Lê dạy. Chúng ta tu Tịnh Độ, năm kinh một luận của Tịnh Độ do đức Phật dạy, lịch đại tổ sư chú giải là Xà Lê. Trong quá khứ, thầy Lý dạy tôi học theo pháp sư Ấn Quang, học Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, Ấn Quang Pháp Sư Toàn Tập; đấy chính là A Xà Lê. Chúng ta đọc tụng, tư duy, lý giải, y giáo phụng hành, đấy là “*thọ Xà Lê giáo*”.

“*Đương nguyện chúng sanh*”: Phải biết câu này có ý nghĩa sâu rộng không ngần mé. Ở đây là nói đến chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới, hư không giới, quý vị nói phạm vi to cỡ nào! Chẳng phải là trên quả địa cầu này, cũng chẳng phải là trong hệ Ngân Hà này của chúng ta, mà là chúng sanh thuộc mười pháp giới trong hết thảy các sát độ khắp pháp giới, hư không giới. Thật sự mở rộng tâm lượng, tâm lượng to lớn! Niệm niệm có tâm lượng to ngàn ấy, đấy chính là “*đại đạo tâm chúng sanh*” như cổ đại đức đã nói! Đại đạo tâm chúng sanh học Phật nhanh chóng; có điều kiện này, sẽ có thể học Hoa Nghiêm. Mở đầu bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã nói về bậc đương cơ của kinh này, tức mười loại người hội đủ điều kiện học Hoa Nghiêm. Trong đó, có một loại là đại đạo tâm chúng sanh. Tâm lượng của người ấy quá lớn, khởi tâm động niệm đều là khắp pháp giới, hư không giới. Người có tâm lượng như vậy tương ứng với Hoa Nghiêm. Niệm niệm lợi ích hết thảy chúng sanh; đã lợi ích hết thảy chúng sanh thì làm sao quý vị có thể hại chúng sanh cho được? Đương nhiên là tuyệt đối sẽ chẳng có ý niệm ấy, niệm nào cũng đều là thiện. Niệm thiện, ngôn từ sẽ thiện. Ngôn từ thiện, hạnh sẽ thiện. Đấy là “*cụ túc Xà Lê*”.

“*Cụ túc oai nghi, sở hành chân thật*” (Oai nghi đầy đủ, sở hành chân thật): Người Hoa gọi “*oai nghi*” là “*quy củ, phong độ, nhân phẩm*”, [những từ ngữ ấy] đều rất gần với điều này (oai nghi). Oai (威) là oai đức, Nghi (儀) là nghi biểu (儀表, phong thái biểu lộ đoan chánh); nói nông cạn hơn, rõ ràng hơn một tí, sẽ là “*quy củ*”. Trong giới luật, nói thật ra, [những điều khoản về] giới luật chẳng nhiều lắm, oai nghi nhiều. Đối với Sa Di, đức Phật dạy Sa Di, giới luật chỉ có mười điều, ngoài ra còn có hai mươi bốn môn oai nghi, tức là những quy củ trong cuộc sống hằng ngày. Nay chúng tôi khích lệ các đồng học, phải học bổ sung về nền giáo dục đặt vững căn cơ. Dùng gì để đặt vững căn cơ? Dùng Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là oai nghi. Giới là gì? Giáo huấn của Khổng phu tử là giới. “*Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân,*

hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn” (Là con em thì trong nhà hiếu thảo, ra ngoài bèn hòa thuận, nhường nhịn, cẩn trọng, giữ chữ Tín, thương yêu mọi người, thân cận bậc nhân từ. Nếu hãy còn có sức, bèn học văn chương). Đây là giới. Quý vị thấy người đời sau dựa trên các giới điều ấy, định ra khá nhiều quy củ nhằm thực hiện giới điều ấy trong thường nhật. Đó là *“oai nghi”*.

Vì thế, Đệ Tử Quy là giới luật và oai nghi của Nho gia, là căn bản để làm người, có như vậy thì mới giống người! Quý vị thật sự có thể làm được, như vậy quý vị là người thật sự, [tức là] thật sự thực hiện đạo làm người! Quý vị chẳng làm được, tuy có hình dáng con người, nhưng tư tưởng và hành vi của quý vị chẳng giống như người! Tư tưởng và hành vi chẳng giống người, trong tương lai chết rồi sẽ đi về đâu, chẳng phải là đã rất rõ rệt ư? Giống thứ gì, sẽ đi đến đó. Giống súc sanh bèn vào súc sanh đạo, giống ngựa quý bèn vào ngựa quý đạo, giống địa ngục bèn vào địa ngục đạo. Giống người, đời sau nhất định là quý vị vẫn làm thân người. Thậm chí đức hạnh của quý vị tăng tấn, đời sau sẽ được sanh lên trời!

“Sở hành chân thật”, Chân (真) là chân tánh, Thật (實) là Tánh Đức. Tư tưởng và ngôn hạnh đều tương ứng với trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh. Đây là Chân Thật. Trong Phật pháp là Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện. Thập Thiện là cơ sở; chẳng làm được Thập Thiện thì Tam Quy, Ngũ Giới sẽ là giả, hữu danh vô thực! Phải như thế nào để làm được Thập Thiện? Có cơ sở Đệ Tử Quy, Thập Thiện sẽ chẳng khó; đây gọi là *“Phật pháp kiến lập trên cơ sở thế pháp”*. Nếu quý vị chẳng phải là thiện nhân trong thế gian, sẽ chẳng thể nhập Phật môn. Nhập Phật môn, quý vị thấy mở kinh điển ra, nhất định sẽ thấy *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*. Thiện nam tử, thiện nữ nhân đầy đủ thiện pháp thế gian, [tức là] *“cụ túc thế thiện”* (trọn đủ những điều lành thế gian), sau đấy lại học Thập Thiện của Phật giáo, mới thật sự là *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, quý vị có thể thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới. Chúng tôi giảng bài kệ này tới đây!

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin mời mọi người ngồi xuống, xin xem tiếp bài kệ thứ mười bốn.

(Kinh) Thọ Hòa Thượng giáo, đương nguyện chúng sanh, nhập Vô Sanh trí, đáo vô y xứ.

(經)受和尚教。當願眾生。入無生智。到無依處。

(Kinh: Được Hòa Thượng dạy, nguyện cho chúng sanh, nhập trí Vô Sanh, đến chỗ vô y).

Trước hết, chúng ta xem chú giải của Thanh Lương đại sư:

(Sớ) Hòa Thượng, thử vân Thân Giáo, diệc vân Lực Sanh, đạo lực tự bỉ sanh cố, cố phiên vân. “Nhập Vô Sanh trí”, y chi đắc giới, cố phiên Vô Y.

(疏)和尚，此云親教，亦云力生，道力自彼生故，故翻云，入無生智，依之得戒，故翻無依。

(Sớ: “Hòa Thượng”, cõ này dịch là Thân Giáo, còn dịch là Lực Sanh, vì đạo lực sanh từ Ngài, nên dịch như vậy. “Nhập Vô Sanh trí”: Nương vào đó để đắc giới, nên dịch là Vô Y).

Hòa Thượng (Upādhyāya) là tiếng Phạn của Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Giáo Sư, dịch thành Thân Giáo Sư. Chúng ta thấy hai chữ này, có thể nghĩ đến ý nghĩa của chúng. Vị đích thân dạy bảo chúng ta, vị ấy được gọi là Hòa Thượng. Giống như thông thường, chúng ta cầu học, sẽ có thầy, còn có trợ giáo. Thầy là Hòa Thượng, trợ giáo là Xà Lê. Trong một ngôi trường, Hiệu Trưởng là Thân Giáo, vì sao? Chánh sách dạy học do ông ta chế định, quyết định; chương trình học do ông ta xếp đặt. Môn học nào sẽ mời ai đến dạy là do Hiệu Trưởng mời. Hiệu Trưởng mời vị thầy ấy đến giúp ông dạy học. Nói cách khác, họ đều là trợ giáo của Hiệu Trưởng, đến chấp hành kế hoạch dạy học của ông ta. Vì thế, đều thuộc loại Trợ Giáo. Do vậy có thể biết, đối với chuyện học hành trong nhà trường, Hiệu Trưởng là Hòa Thượng. Hòa Thượng không nhất định đứng lớp, ông ta mời A Xà Lê đứng lớp. Chư vị phải hiểu điều này! Thực hiện giáo dục tốt đẹp, quốc gia tưởng thưởng Hiệu Trưởng, ông ta đã thực hiện tốt đẹp, chẳng nói là vị giáo viên nào làm tốt đẹp, vị giáo sư nào làm tốt. Chẳng phải vậy! Quốc gia tưởng thưởng Hiệu Trưởng. Nếu chẳng thực hiện giáo dục tốt đẹp, kẻ bị trừng phạt cũng là Hiệu Trưởng. Quý vị phải hiểu điều này!

Vì thế, trong nhà trường, chúng ta được hưởng sự giáo dục tốt đẹp, người đầu tiên chúng ta cảm ơn chẳng phải là vị thầy dạy ta, mà là Hiệu Trưởng. Phải cảm kích ông ta, vị thầy dạy chúng ta do Hiệu Trưởng mời, chúng ta phải cảm kích người mời. Hòa Thượng và Xà Lê sai khác ở chỗ nào, chúng ta hiểu ngay. Xà Lê là vị thầy khôn phép, “học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, là các vị giáo sư trong các trường học. Thân Giáo

Sư là Hiệu Trưởng. Trong viện nghiên cứu, như các lớp Thạc Sĩ, lớp Tiến Sĩ, cũng có thể gọi vị giáo sư hướng dẫn là Hòa Thượng. Tuy ông ta chẳng chủ trì toàn thể chánh sách giáo dục, nhưng phụ trách chuyên môn nghiên cứu một khoa mục. Thường là khoa mục ấy do ông ta thiết kế, làm chủ, chỉ đạo. [Vì lẽ ấy], giáo sư hướng dẫn có thể gọi là Hòa Thượng.

Chư vị phải biết: Hòa Thượng không nhất định là người xuất gia. Hòa Thượng và A Xà Lê trong Phật môn, nay chúng ta thường gọi là “*pháp sư*”, cũng không nhất định là người xuất gia, người tại gia cũng có thể xưng hô như vậy. Chỉ có “*Sa Di, tỳ-kheo*”, những cách xưng hô ấy nhất định là người xuất gia. Chúng ta phải hiểu những kiến thức thông thường này! Phạm là người chủ trì giáo học thì mọi người gọi vị đó là Hòa Thượng, tại Ấn Độ đều gọi là Hòa Thượng. Do vậy, Hòa Thượng cũng chẳng phân biệt nam nữ. Ví như Hiệu Trưởng của một ngôi trường là nữ, bà ta được gọi là Hòa Thượng. Trong quá khứ, tôi cầu học ở Đài Trung, thầy chúng tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, là người tại gia, chúng tôi gọi Ngài là Hòa Thượng. Vì toàn bộ kế hoạch dạy học xác thực là do Ngài thiết kế, chỉ đạo. Ngài cũng có mấy vị trợ giáo, quá nửa những vị trợ giáo ấy là học trò của Ngài, đã theo Ngài học Phật nhiều năm. Như thuở trước, Từ Quang Đờ Thư Quán ở Đài Trung năm nào cũng đều tổ chức mấy khóa “*đại chuyên Phật học giảng tòa*” (khóa học Phật pháp dành cho sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp). Thời gian của Phật học giảng tòa tuy không dài, đều là nhằm dịp nghỉ Hè hay nghỉ Đông, sinh viên lợi dụng kỳ nghỉ để ghi danh tham dự. Ở Đài Loan, các trường đại học chuyên nghiệp đều có. Chương trình học gồm sáu môn, nội dung môn học do thầy thiết kế, sắp xếp. Môn học nào thì mời người nào đến dạy, do thầy mời. Thầy là Hòa Thượng. Quan hệ giữa học trò và người đảm nhiệm dạy học, tức dạy một môn học nào đó là A Xà Lê. Chúng ta phải phân định rất rõ ràng những điều này. Vì thế, Ngài (cụ Lý Bình Nam) là Thân Giáo Sư.

Một ý nghĩa khác nữa là Lực Sanh (力生). Hòa Thượng là từ ngữ phiên âm từ tiếng Phạn. Vì thế, có lúc trong kinh điển, chúng ta thấy chữ [Thượng (尚) trong] Hòa Thượng (和尚) được viết thành chữ Thượng (上) trong “*thượng hạ*” (上下), vẫn được! Nó là từ ngữ phiên âm, miễn đồng âm là được rồi. Do nó phiên âm từ tiếng Phạn, cho nên phải hiểu ý nghĩa! Lực Sanh là gì? Chúng ta học Phật, đối với Giới, Định, Huệ của chúng ta, Giới, Định, Huệ là đạo. Giới, Định, Huệ có sức. Giới có sức, tự nhiên là có thể đoạn ác, tu thiện. Định có sức, quyết định có thể khống

chế vọng tưởng. Nếu trí huệ có sức, quý vị sẽ có thể phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, quý vị có năng lực ấy. Đạo lực ấy do từ chỗ Hòa Thượng mà đạt được; do Ngài giáo huấn, chúng ta mới có năng lực, trí huệ, đức năng ấy. Trí huệ và đức năng sanh từ Ngài. Vì thế, Hòa Thượng còn được dịch là Lực Sanh. Ngài có năng lực giúp cho chúng ta sanh khởi đạo lực. Đây là ý nghĩa của hai chữ Hòa Thượng.

“Thọ Hòa Thượng giáo”: Tiếp nhận giáo huấn của thầy. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy *“đại sư, tiểu sư”*, đại sư là Phật, tiểu sư là Hòa Thượng. Hòa Thượng dạy chúng ta, bất luận là tư duy, ngôn ngữ, hay hành động, quyết định chẳng rời lìa kinh giáo; đây là một vị Hòa Thượng thật sự tốt đẹp. Vì sao? Phật là bậc giác ngộ triệt để rất ráo, có thể nói là chẳng có mảy may khiếm khuyết. Đây là điều thánh nhân thế gian chẳng làm được. Thánh nhân thế gian chẳng giác ngộ triệt để, còn có lầm lỗi! Bồ Tát đạt đến [địa vị] Đẳng Giác Bồ Tát có lầm lỗi hay không? Nói theo phía chúng ta, [các Ngài] tuyệt đối chẳng thể nào có lầm lỗi, nhưng nếu so sánh các Ngài với vị Phật đã đạt đến quả địa rất ráo, các Ngài vẫn chẳng bằng! Trong những phần trước, chúng tôi đã nói nhiều lần. Phật môn chỉ cần phá một phẩm vô minh, minh tâm kiến tánh, trong Thiền Tông nói là *“kiến tánh thành Phật”*. Vị Phật ấy là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Tiến lên cao hơn, hãy còn có bốn mươi hai địa vị [kể từ Sơ Trụ], bốn mươi hai địa vị ấy có phải là thật hay không? Thừa cùng chư vị, xác thực là chẳng có! Nhất Chân pháp giới là bình đẳng. Nếu còn có bốn mươi hai giai cấp, làm sao có thể nói là pháp bình đẳng cho được?

Chúng ta biết, nói theo kinh Hoa Nghiêm, chương ngại của chúng ta là gì? Ba loại lớn:

1) Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Có thể chẳng chấp trước hết thấy các pháp [thì sẽ không còn Kiến Tư phiền não].

2) Phân biệt là Trần Sa phiền não. Đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng phân biệt.

3) Cuối cùng là vọng tưởng. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm; đây là tầng sâu nhất. *“Phá một phẩm vô minh”* là gì? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng khởi tâm, không động niệm.

Thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ là phá sạch vô minh, vượt thoát mười pháp giới, người ấy đạt đến Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới toàn là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phải là bình đẳng ư? Sơ Trụ Bồ Tát vừa mới tiến nhập Nhất Chân pháp giới, chẳng khởi tâm, không động niệm. Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng khởi

tâm, không động niệm, cho đến quả vị rốt ráo vẫn là chẳng khởi tâm, không động niệm, lấy đâu ra sai biệt? Chẳng có! Pháp giới bình đẳng gọi là Nhất Chân, vì sao đức Phật lại nói bốn mươi một giai cấp? Có bốn mươi một giai cấp hay không? Có chứ! [Vậy thì] vì sao vừa rồi lại nói là chẳng có? Nói theo Tướng thì chẳng có, nói theo Lý thì có! Nơi Sự chẳng có, nơi Lý bèn có. Đây là chuyện như thế nào?

Trong phần trước, cổ đại đức đã dùng tỷ dụ để nói. Các Ngài dùng tỷ dụ khéo lắm. Ví như bình rượu, tức là cái bình để đựng rượu, đã đổ hết sạch rượu rồi, xác thực là chẳng có, bên trong cũng lau chùi rất sạch sẽ. Thật sự là chẳng có rượu, là bình rỗng tuếch. Khá nhiều cái bình rỗng tuếch để chung với nhau, đều là bình rỗng tuếch, có phải là bình đẳng hay không? Bình đẳng! Người thử, vẫn còn hương vị rượu. Cầm lấy cái bình kia ngửi, [hơi rượu] nhạt hơn một chút. Cái bình này mùi nồng hơn một chút. Lại ngửi cái bình kia, lại thấy nhạt hơn một chút. Nếu lấy cái bình khác, chẳng có mùi. Bình đều trống rỗng, chẳng có gì hết, bình đẳng mà, nhưng có hương vị. Đây là gì? Tập khí vô trí vô minh. Chưa đoạn tập khí vô trí vô minh, có trở ngại Sự hay không? Chẳng ngăn ngại Sự, rỗng không, thứ gì cũng đều chẳng có. Vì thế, nhìn từ sự tướng, Sơ Trụ Bồ Tát và quả địa rốt ráo bình đẳng, giống như hai cái bình, trống không, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng một cái khi ngửi chẳng có mùi, một cái khi ngửi hãy còn có mùi!

Bốn mươi hai giai cấp là nói theo kiểu như thế đó, quý vị đừng nghĩ chúng là thật. “Vị ấy là Sơ Trụ Bồ Tát, là Đẳng Giác Bồ Tát, là Thập Địa Bồ Tát”, [đấy chính là] sự phân biệt hư vọng của chúng sanh! Chuyện này chẳng thể nói là Có, mà cũng chẳng thể nói là Không. Nếu quý vị nói là Có, các Ngài thật sự bình đẳng, chẳng tìm thấy [có tầng cấp khác biệt]. Quý vị nói chẳng có, tập khí của mỗi cá nhân dày hay mỏng khác nhau! Do trong hết thảy mọi nơi, quý vị chẳng trông thấy tập khí. Tuy có tập khí, nhưng do công phu định lực quá sâu, [tập khí] chẳng dậy lên hiện hành, cũng có nghĩa là nó chẳng khởi tác dụng. Chẳng như phàm phu, do phàm phu tập khí nặng nề nên nó khởi tác dụng. Nói như vậy, quý vị bảo là Có thì trong Tông Môn nói là “chẳng có”, Giáo Hạ nói là “có”. Có và Chẳng Có không xung đột, đều có thể nói xuôi thuận. Có và Không chẳng hai, nhập pháp môn Bất Nhị. Pháp môn Bất Nhị là Nhất Chân pháp giới, Bất Nhị là Nhất Chân.

Do vậy, tiếp nhận sự dạy bảo của Hòa Thượng, “*đương nguyện chúng sanh, nhập Vô Sanh trí*”. “*Vô Sanh trí*” là trí huệ tự nhiên, là trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng đến từ bên ngoài, chẳng phải là do học

được. Chỉ cần diệt trừ chướng ngại của chính mình, trí huệ ấy sẽ hiện tiền. Giống như ánh sáng mặt trời vốn sẵn có. Hôm nay trời mưa, trời âm u, chẳng thấy mặt trời, đó là gì? Mặt trời bị các tầng mây che khuất. Tầng mây có dày hay mỏng. Càng dày, ánh sáng lộ ra càng ít. Mây càng mỏng, ánh sáng lộ ra càng nhiều. Điều này rất giống mười pháp giới, ba ác đạo trong mười pháp giới là chỗ mây dày nhất, trí huệ chẳng thấu lộ được! Trí huệ bèn biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng. Do vậy, trong kinh Đại Thừa thường nói: *"Phiền não tức Bồ Đề"*. Đã mê, trí huệ biến thành phiền não. Giác ngộ, phiền não biến thành trí huệ. Xác thực là nó có thể chuyển biến, là một Thể, là hai mặt của một Thể. Phàm và thánh chính là giác và mê. Phàm phu giác ngộ bèn thành thánh, đã mê gọi là phàm phu. Chúng ta cũng phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch sự thật này!

Hòa Thượng dạy dỗ, mục tiêu chung cực là kế nhập Vô Sanh Trí. Vô Sanh Trí cũng chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh, chẳng do từ bên ngoài mà có! Vì thế, trí huệ chẳng sanh, chính mình vốn sẵn có mà! Nếu chúng ta buông xuống chấp trước, trí huệ quang minh trong tự tánh sẽ lộ ra một phần, trí huệ chân thật, chẳng giả! Đây là cảnh giới của ai? A La Hán. A La Hán và Bích Chi Phật đều là cảnh giới này. Các Ngài đối với hết thảy người, sự, vật, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước, tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài đạt được Chánh Giác. Có Chánh Giác, đương nhiên là sẽ có chánh hạnh. Do vậy, Ngài được xếp vào bậc thánh nhân, chẳng phải là phàm phu. Lại tiến cao hơn, phân biệt cũng đoạn trừ, chẳng còn phân biệt hết thảy các pháp. *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, chẳng còn phân biệt, gần như là trí huệ trong tự tánh thấu lộ một nửa. Đây là hạng người nào? Bồ Tát, Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát.

Trong cảnh giới cao nhất, không chỉ là chẳng có phân biệt, đã buông xuống [phân biệt], mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có, vì sao? *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, có gì đáng để khởi tâm động niệm? Sáu căn giống như một tấm gương soi cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng; đây là Huệ. Chẳng khởi tâm, không động niệm là Định, tự tánh vốn định! Định và Huệ cùng vận dụng, vận dụng đồng thời. Đây là bậc Pháp Thân Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới. *"Dụng"* của Ngài là ở chỗ nào? Chúng sanh có cảm, Ngài sẽ có ứng. Tự tánh là Phật Tánh, là Pháp Tánh, tự nhiên cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng

sanh. Trong phần trước, chúng tôi đã nói, khởi tâm động niệm của chúng ta, dẫu là một ý niệm nhỏ bé đến mấy đi nữa, hoặc một ý niệm nhỏ nhặt chẳng đáng nói tới, thiện niệm hay ác niệm đều có cảm. Sóng điện từ và sóng ánh sáng chẳng thể sánh bằng sóng tư tưởng. Tốc độ của sóng điện từ hoặc sóng ánh sáng chẳng mau! Hiện thời, các khoa học gia đã đo lường, [nhận thấy] tốc độ của sóng điện từ và sóng ánh sáng không khác nhau cho lắm! Mỗi giây, chúng đi được ba mươi vạn cây số. Ánh sáng từ mặt trời chiếu đến địa cầu phải mất tám giây! Luồng sóng tư tưởng của chúng ta tuyệt diệu thay! Vừa động niệm, đã trọn khắp hư không pháp giới. Sóng điện từ quá ư là chậm so với nó, chẳng có cách nào so sánh được, chỉ cần một niệm, [sóng tư tưởng] đã trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, đối với toàn thể hư không pháp giới, Pháp Tánh và Pháp Tướng đều có thể tiếp nhận được, đều có cảm ứng.

Vì sao xã hội hiện thời biến thành nông nổi này? Do các nghiệp cảm vời! Chư vị đồng học nhất định phải biết, thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật và thế giới này của chúng ta chẳng khác nhau. Thế giới Cực Lạc của Tây Phương A Di Đà Phật và thế giới này cũng chẳng khác nhau. Vì sao thế giới của người ta tốt đẹp ngàn ấy, thế giới của chúng ta tệ hại như thế? Chẳng có gì khác! Người ở bên kia, chúng ta nói là “*cư dân*”, tâm tánh tốt đẹp; cư dân trong thế gian này tâm bất hảo. Chẳng phải là do hoàn cảnh bên ngoài! Hoàn cảnh biến đổi thuận theo lòng người. Các nhà Phong Thủy nói có lý lắm! Các nhà Phong Thủy nói: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước sống tại cuộc đất có phước, cuộc đất có phước dành cho người có phước ở). Lời này bao hàm ý nghĩa rất sâu. Chỉ cần quý vị có phước, chỗ quý vị cư trụ thấy đều có phước báo. Nếu quý vị chẳng có phước, [dẫu] cuộc đất ấy là phước địa, hễ quý vị sống tại đó, phước địa ấy dần dần biến thành xấu tệ! Đúng như Phật pháp đã nói: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Cảnh giới bên ngoài thuận theo ý niệm trong lòng người mà dấy lên sự biến hóa.

Hiện thời chúng ta, tôi thường nói là người hiện thời nói đến chuyện “*bảo vệ môi trường*”, trong khi giảng kinh, tôi đã từng nói rất nhiều lần: Đối với chuyện bảo vệ môi trường, toàn thể thế giới làm cách nào đi nữa, đều chẳng thu được hiệu quả. Vì sao chẳng thu được hiệu quả? Họ chẳng thực hiện từ căn bản, chỉ là dùng phương pháp ấy, sẽ chẳng được! Đau đầu chữa bệnh nơi đầu, đau chân, chữa bệnh nơi chân, chẳng thể trị lành bệnh. Như thế nào thì mới có thể bảo vệ môi trường tốt đẹp? Chỉ cần lòng người tốt đẹp! Chỉ cần lòng người tốt lành, toàn thể

núi, sông, đại địa, toàn thể thế giới thủy đều biến thành tốt lành, thật sự là mưa hòa, gió thuận. Chỉ có kinh Phật nói rõ ràng, thấu triệt đạo lý này!

Hết sức khó có, tiến sĩ Giang Bốn Thăng của Nhật Bản đã dùng phương pháp khoa học, chứng minh bằng thí nghiệm với nước. Tôi nghe tin tức này rất hoan hỷ; khi đó, tôi ở Úc, tìm người liên lạc với ông ta, mời ông ta sang Úc báo cáo. Ông ta chấp thuận, báo cáo mấy lượt tại Úc, rất cặn kẽ. Về sau, tôi sang thăm Đông Kinh (Tokyo), có đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta. Ông ta có vài nghiên cứu viên. Lần đầu tiên, tôi đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta, [họ đã thí nghiệm] cả tám năm. Xác thực chứng minh nước là khoáng vật, [thể mà có thể] chuyển biến thuận theo tâm người. Người ta đối với nước bằng thiện niệm, nó sẽ hiển lộ kết tinh rất đẹp. Người ta đối với nước bằng ác niệm, nó sẽ kết tinh hết sức xấu xí. Núi, sông, đại địa là khoáng vật. Cây cối, hoa cỏ là thực vật, thủy đều có cảm ứng. Quý vị đối với nó bằng thiện niệm, nó sẽ có thiện cảm. Quý vị có ác niệm đối với nó, nó sẽ có ác cảm. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tự mình làm thí nghiệm, chẳng sai tí nào!

Chúng tôi ở Úc Châu, đất đai rộng rãi. Vì thế, trồng rau trong sân. Tôi xin các chuyên gia nông nghiệp cung cấp hạt giống, có rất nhiều loại, mấy chục loại. Chúng tôi chẳng dùng phân hóa học, chẳng dùng thuốc sát trùng, rau mọc rất tươi tốt. Chúng tôi cho rau nghe Phật hiệu, nó có thể nghe. Phật hiệu là tối thiện; do vậy, nó mọc thật tươi tốt. Chúng tôi cho tất cả các tiểu động vật đều nghe Phật hiệu, đều nghe giảng kinh, đều nghe tán Phật. Do vậy, các tiểu động vật đều hợp tác. Cây ăn quả, các loài chim nhỏ có thể đến ăn, chúng tôi chuyên dành [một số cây] để nuôi các loài chim nhỏ. Chim tới chỗ chúng tôi kiếm ăn, những cây ăn quả của chúng tôi không một con nào đụng đến. Chúng tôi có những thứ chuyên dành cho chúng nó, chúng nó hiểu chuyện, quý vị phải trò chuyện với chúng nó. Không chỉ là quý vị có thể trò chuyện với động vật, mà thực vật cũng có thể trao đổi. Quý vị yêu thương chúng, chúng nó sẽ tăng trưởng hết sức tốt. Khi chúng tăng trưởng trọn vẹn, sẽ cúng dường quý vị. Khi đó, ở trên núi, vị thường trụ trên núi là pháp sư Ngô Khiêm. Có một hôm, pháp sư Ngô Khiêm nằm mộng thấy một quả dưa leo báo mộng. Nó nói nó đã tăng trưởng rất to, đáng nên hái, “cớ sao bà vẫn chẳng hái tôi?” Ngày hôm sau, bà ta ra vườn rau tìm, quả nhiên ẩn dưới đám lá có một quả dưa leo rất to! Mỗi lần hái dưa leo, bà ta chẳng hái nó, vì quá nhiều lá, chẳng thấy! Nó báo mộng, bảo bà ta đến hái, quả nhiên tìm được, màu nhiệm chẳng thể tả!

Chúng tôi gặp những chuyện ấy quá nhiều! Vì thế, quyết định chẳng sát sanh; đối với những tiểu động vật, muỗi, kiến, đều có thể cư xử hết sức tốt đẹp. Chúng tôi sống hòa thuận với chúng nó, đối đãi bình đẳng. Chúng ta thấy kiến, nhất định sẽ chấp tay “Bồ Tát kiến”, thấy muỗi, “Bồ Tát muỗi”. Cô Dương đã học hiểu. Mùa Hè muỗi rất nhiều, bà ta thương lượng với muỗi: “Các người có thể đốt ta vì các người cần phải ăn, ta cũng bằng lòng bố thí cho người. Các người đốt thân, lưng bàn tay [thì được], chứ đừng đốt trên mặt. Mặt bị đốt tùm lum khó coi lắm! Ngày mai chẳng tiện gặp người khác!” [Quả nhiên], chẳng có con muỗi nào đốt trên đầu, trên mặt. Có thể thương lượng! Nó ăn no sẽ bỏ đi. Quý vị chịu bố thí cho nó, nó lại chẳng tổn thương quý vị. Muỗi đốt rất đau, rất ngứa. Bà ta nói: “Không được rồi! Ta bố thí các người, các người có thể đừng làm cho ta bị đau, bị ngứa hay không?” Muỗi đốt bà ta, quả nhiên không đau, không ngứa! Chúng đều có linh tánh. Chúng tôi nói thông tục là “*tiểu động vật đều thông tình đạt lý*”. Chúng ta đưa ra điều kiện, chúng nó đều rất tuân thủ. Chúng ta đã sơ sót đối với thực vật và khoáng vật. Tiến sĩ Giang Bốn Thắng làm thí nghiệm, [chứng tỏ] khoáng vật giống như động vật. Chúng ta đối đãi chúng nó bằng thiện tâm, chúng nó đều trở nên hết sức tốt đẹp. Đối đãi chúng bằng ác niệm, nó sẽ trở nên rất xấu xí. Trở nên rất tốt đẹp, đất đai phì nhiêu, trồng thứ gì cũng đều dễ dàng. Quý vị nói “nơi này rất đáng ghét”, đất đai chỗ đó nhất định sẽ biến thành rất tệ!

Vì thế, nếu lòng người trong thế gian này thuần thiện, giống như những người sống trong thế giới Cực Lạc, núi, sông, đại địa sẽ chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, đúng là đẹp đẽ khôn xiết! Đấy chính là gì? Vô Sanh Trí. Vô Sanh Trí là Tánh Đức. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã dạy, các hiện tượng (現相, tướng biến hiện) trong toàn thể vũ trụ do đâu mà có? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm là Pháp Tánh, Pháp Tánh biến. Pháp Tánh biến thành hiện tượng, hiện tượng là Pháp Tánh, giống như “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Món đồ này làm bằng vàng, vàng ở chỗ nào? Món đồ là vàng. Quý vị làm cái nhẫn, nhẫn là vàng. Quý vị làm thành vòng đeo tay, vòng đeo tay là vàng. Pháp Tánh ở chỗ nào? Hết thấy các hiện tượng là Pháp Tánh, Pháp Tánh tự nhiên (là Tánh Đức của chúng), nó có thấy, nghe, hay, biết, nó có sắc, thanh, hương, vị.

Vì thế, tôi trò chuyện với tiến sĩ Giang Bốn Thắng, bảo ông ta. Ông ta vốn bài xích tôn giáo, vì [là một người] thuần nghiên cứu khoa học, sợ bị người khác chê ông ta mê tín. Tôi tiếp xúc ông ta, thoạt đầu vẫn là

dường như ông ta rất lo ngại. Sau này, tôi thuyết phục được ông ta, khiến ông ta tin tưởng. Tôi nói những điều ông đã thí nghiệm trong kinh Phật thấy đều có, nhưng có những điều kinh Phật đã dạy, ông còn hoàn toàn chưa thí nghiệm. Đối với thấy, nghe, hay, biết, ông đã thí nghiệm. Khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết, đấy là Tánh Đức! Nó còn có sắc, thanh, hương, vị, nay những thí nghiệm do ông đã làm chỉ có sắc, ông đã trông thấy, nhưng âm thanh ông chưa nghe, mùi hương ông chưa ngửi được, vị ông chưa nếm được. Nó có sắc, thanh, hương, vị, ông chỉ có sắc, chứ thanh, hương và vị vẫn chưa làm được. Ông phải tiếp tục nỗ lực, khẳng định là có. Những điều ấy đều được chứa đựng, ẩn tàng trong Vô Sanh Trí.

“Đáo vô y xứ” (Đến chỗ vô y): *“Vô y xứ”* là Pháp Tánh. Vô Sanh Trí là Tự Tánh Giác. *“Vô y xứ”* là trở về tự tánh. Đấy là nói đến điều chân thật rất ráo. Nếu quý vị có thể khế nhập đôi chút, hiểu rõ đạo lý này, [sẽ cảm nhận] toàn thể vũ trụ là chính mình. Quý vị có thể hiểu rõ, có thể khẳng định, đó chính là Pháp Thân. Quý vị chẳng còn chấp trước cái thân này là tự thân. Quý vị hiểu toàn thể vũ trụ là tự thân, là Pháp Thân, khó có lắm! Quý vị đã chứng đắc Pháp Thân. Người chứng đắc Pháp Thân bèn thành Phật, là Pháp Thân Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm gọi [người như vậy] là Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ và Pháp Thân Như Lai là một, không hai, là một ý nghĩa, chẳng còn nghĩ thân này là chính mình. Cái thân này có lìa khỏi Pháp Thân hay không? Chẳng có. Người chứng đắc Pháp Thân hoát nhiên giác ngộ toàn bộ thân thể là chính mình, chẳng phải là một tế bào trên cái thân là chính mình! Nay chúng ta là phàm phu, phàm phu trong lục đạo, giống như một tế bào trên Pháp Thân, là một tế bào trên cái thân, ngõ thứ ấy là chính mình, quên khuấy Pháp Thân thật sự. Ngày nào giác ngộ toàn thể vũ trụ là chính mình; vì thế nói: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*. Trong phần trước, chúng ta đã đọc: *“Nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên”* (Một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Trong giáo pháp Đại Thừa, những câu như vậy rất nhiều!

Do vậy, Phật giáo cao cấp nói *“vô y”*, mới nhập môn thì phải có y. Tam Quy Y, chúng ta phải y Phật, y Pháp, y Tăng. Phải ghi nhớ điều này: *“Phật là Tự Tánh Giác, Pháp là Tự Tánh Chánh, Tăng là Tự Tánh Thanh Tịnh”*. Tam Bảo bên ngoài còn gọi là Trụ Trì Tam Bảo, là hình tượng. Hình tượng ấy biểu thị ý nghĩa. Từ hình tượng bên ngoài, nếu quý vị quay về ý nghĩa, sẽ được thọ dụng. Vì vậy, trông thấy tượng Phật, bèn nghĩ đến Tự Tánh Giác, nhắc nhở chúng ta. Chẳng có tượng ấy, bọn phàm

phu nghiệp chương rất nặng, hết sức dễ quên, thường xuyên quên bẵng, chẳng dấy khởi được! Tượng Phật giúp chúng ta dấy khởi. Tượng Phật biểu thị Tánh Đức, tượng Bồ Tát biểu thị Tu Đức. Tánh và Tu chẳng hai. Tượng Phật biểu thị tự tánh vốn đủ, tượng Bồ Tát [biểu thị] tuy vốn trọn đủ [các đức năng trong tự tánh], nay đã bị mê mất, [vậy thì] hiện thời phải làm như thế nào để tìm lại nó? Đó gọi là Tu Đức. Ví như Địa Tạng Bồ Tát biểu thị “*hiếu thân, tôn sư*”, biểu thị hiếu đạo. Quý vị trông thấy [hình tượng của] Ngài, sẽ hiếu thuận với cha mẹ, biết tôn kính thầy, phải dùng lòng thành kính và khiêm hòa đối đãi hết thảy chúng sanh. Đây là pháp môn Địa Tạng, quý vị học hiểu, để Ngài hằng ngày nhắc nhở quý vị.

Quán Thế Âm Bồ Tát biểu thị đại từ đại bi. Thấy tượng Ngài, tâm từ bi của quý vị liền dấy khởi. Tâm từ bi là Tánh Đức, tâm hiếu thuận cũng là Tánh Đức, dùng những hình tượng ấy để dẫn phát Tánh Đức của chính mình. Mê tín ở chỗ nào? Văn Thù Bồ Tát biểu thị lý trí. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường xử sự theo tình cảm. Xử sự theo tình cảm, sẽ tạo tội nghiệp. Trông thấy tượng Văn Thù Bồ Tát, sẽ nghĩ “ta phải dùng lý trí, chớ nên dùng cảm tình”. Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị thực tiễn, thật sự làm. Tượng Bồ Tát biểu thị ý nghĩa này, chẳng có một tí mê tín nào! Vì thế, đây là một loại nghệ thuật giáo học, nói theo thuật ngữ trong nền giáo dục hiện thời, [hình tượng Phật, Bồ Tát] là “*giáo cụ*” (教具), tức là những công cụ để dạy học.

Đây là dùng phương pháp nghệ thuật khiến cho học trò hoan hỷ, yêu thích; do đó, sẽ thật sự học được. Đây là nghệ thuật dạy học cao cấp. Quý vị thấy mấy ngàn năm trước, Phật giáo đã hoàn toàn vận dụng [nghệ thuật ấy], người hiện thời chẳng biết, tưởng những thứ ấy là mê tín, tưởng là ngẫu tượng. Nói thật ra, rất nhiều người không biết nghĩa thú của sự biểu thị pháp trong Phật pháp. Vì sao không biết? Do chẳng đọc kinh! Hoàn thiện nhất trong sự biểu thị pháp là kinh Hoa Nghiêm, trong những phần trước, chúng tôi đã nói [điều này] rất nhiều. Đức Phật khiến cho quý vị trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, không gì chẳng phải là Phật pháp, đều khiến cho quý vị khai trí huệ, đều khiến cho quý vị trở về tự tánh. Nhập Vô Sanh Trí, trở về tự tánh, từ Pháp Tướng nhận thức Pháp Tánh, đạt đến chỗ Vô Y.

Giáo học hoàn thiện như vậy, giáo nghĩa cao sâu dường ấy, lại chẳng lìa khỏi cuộc sống thực tế. Nếu quý vị khéo học, xác thực là sẽ khiến cho quý vị trong đời này, thật sự hưởng thụ “*sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*” như Phương tiên sinh đã dạy tôi xưa kia. Nay chúng ta nói là “*hạnh phúc nhân sinh mỹ mãn*”, càng học càng vui sướng.

Đúng là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ! Đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, rốt cuộc quý vị hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ, tâm lượng sẽ mở rộng. Khắp pháp giới, hư không giới là tâm lượng của chính mình, tự nhiên quý vị có thể bao dung. Tự nhiên sanh khởi tâm từ bi đối với hết thảy chúng sanh. Từ bi là tâm yêu thương. Tâm yêu thương bình đẳng, tâm yêu thương thanh tịnh, tâm yêu thương chân thành, tự nhiên sẽ có thể chiếu cố người khác, chiếu cố hết thảy chúng sanh. Không chỉ là động vật, thực vật, mà ngay cả khoáng vật đều chiếu cố. Dùng thiện ý chân thành của quý vị để truyền đạt tin tức ấy, truyền đạt luồng sáng tâm ấy, khiến cho tất cả hết thảy hiện tượng, không có thứ gì chẳng đẹp đẽ, [thế giới này] sẽ là Hoa Tạng, là Cực Lạc. [Những thế giới đẹp đẽ ấy] do con người tạo ra, chẳng phải là vô duyên vô cớ nầy sanh biến hóa gì, chẳng hề có! Do con người tạo ra. Nói chung, thiện tâm, thiện ý là thật. Vì sao? Nó có thể biến! Pháp Tánh là cái có thể hiện. Vì thế, chúng ta khởi tâm động niệm bèn có thể biến (năng biến), cảnh giới bên ngoài là cái được biến (sở biến). Năng và Sở chẳng hai! Chúng tôi nói bài kệ này đến đây!

---o0o---

Tập 1514

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ hai là phần Xuất Gia Thọ Giới, xem từ bài kệ tụng cuối cùng [trong phần này].

(Kinh) Thọ Cụ Túc Giới, đương nguyện chúng sanh, cụ chư phương tiện, đắc tối thắng pháp.

(經)受具足戒。當願眾生。具諸方便。得最勝法。

(Kinh: Thọ giới Cụ Túc, nguyện cho chúng sanh, đủ các phương tiện, đắc pháp tối thắng).

Quy củ xuất gia, chúng ta nói là “*ngghi quy*” (儀規), phải là đến khi đã thọ Cụ Túc Giới thì mới coi như hoàn thành, viên mãn. Chư vị đồng học đều biết, xuất gia nhất định phải thọ tam đàn đại giới. Trước hết là thọ giới Sa Di, rồi thọ giới tỳ-kheo, cuối cùng là thọ Bồ Tát Giới. Đây là đã “*cụ túc*” (具足, đầy đủ), chẳng khiếm khuyết. Ở Trung Hoa, vào thời cổ, tam đàn đại giới chia thành thọ ba lượt, chẳng phải là đồng thời. Vì sao? Sau khi đã thọ, phải học, phải học tập, điều này quan trọng lắm! Nếu thọ mà chẳng làm được, ví như thọ giới Sa Di, đã thọ mà chẳng làm được, không chỉ là chẳng có tư cách thọ giới tỳ-kheo, mà ngay cả giới Sa Di

cũng biến thành hữu danh vô thực. Vì vậy, cách làm của các bậc đại đức vào thời cổ là chánh xác.

Thuở trước, khi tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, vừa mới tiếp xúc Phật pháp. Thầy tôi là Chương Gia đại sư dạy tôi *“học Phật thì nhất định phải trì giới”*. Giới là giáo huấn của đức Phật. Đã muốn học Phật, tức là học tập đức Phật, thờ Phật làm thầy. Quý vị thấy chúng ta xưng niệm *“nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”*. *“Bốn Sư”* (本師) là vị thầy căn bản nhất. Giống như một cội cây, gốc là căn bản, tất cả thân cây, cành, nhánh, lá, hoa, quả, đều sanh từ căn bản. Vì thế gọi là Bốn Sư. Tôn Ngài làm thầy, đương nhiên phải tiếp nhận giáo huấn của Ngài. Chẳng tiếp nhận giáo huấn của Ngài thì tôn Ngài làm thầy sẽ là hữu danh vô thực, chẳng phải là đệ tử thật sự của đức Phật.

Đức Phật chẳng trụ thế. Đức Phật chẳng đích thân truyền Tam Quy cho quý vị. Nay chúng ta thọ Tam Quy, đức Phật có thừa nhận hay không, rất có vấn đề! Dưới điều kiện nào thì thọ Tam Quy sẽ được đức Phật thừa nhận? Từ Tịnh Nghiệp Tam Phước, chúng ta có được tin tức, quý vị ắt phải trọn đủ *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”*. Quý vị trọn đủ điều kiện ấy, *“thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới”*, đức Phật sẽ thừa nhận quý vị. Trước khi đức Phật Thích Ca diệt độ, đối với trạng huống trong hậu thế, Ngài đã hiểu rõ ràng, minh bạch, đã sớm đặt định sẵn cho chúng ta. Chúng ta nương theo giáo huấn của Ngài, làm chẳng sai, sẽ chẳng khác được đức Phật đích thân truyền trao. Nếu không tuân thủ giáo huấn, sẽ là sai lầm, đức Phật chẳng thừa nhận. Chúng ta chớ nên không biết chuyện này!

Trong thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật chẳng thừa nhận, chúng ta có phải thọ giới hay không? Thầy Lý dạy tôi: *“Trên hình thức, vẫn nên đi thọ giới một phen!”* Vì sao? Tránh cho kẻ khác tạo khẩu nghiệp, hợp lý lắm! Quý vị chẳng thọ giới mà học giới, người khác sẽ hủy báng. Nhất là đối với những phần liên quan đến giới tỳ-kheo trong giới kinh, đức Phật bảo đại chúng: *“Người chưa thọ giới tỳ-kheo, không nên xem giới của tỳ-kheo”*, [tức là] chớ nên xem giới tỳ-kheo và giới tỳ-kheo-ni. Có phải là trong đó có bí mật hay không? Chẳng phải! Vì sao đức Phật chẳng cho phép quý vị xem? Sợ quý vị tạo khẩu nghiệp. Quý vị không xem, đối với người xuất gia rất tôn trọng, đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, quý vị rất tôn kính. Tôn kính là công đức, là tu phước. Nếu coi thường, hủy báng, sẽ là tạo tội nghiệp. Quý vị không xem giới luật, chẳng biết những vị ấy phạm làm lỗi gì, không biết mà! Sau khi đã xem giới luật, quý vị chỉ ra: *“Các vị xem đó, người xuất gia phạm giới điều này, giới điều kia cũng phạm*

luôn!” Chẳng có tâm cung kính đối với họ, tâm khinh mạn sanh khởi. Nhằm ngăn ngừa chuyện này, cho nên đức Phật mới chế định như thế. Do vậy có thể biết: Đức Phật từ bi, phương tiện, trong ấy, chắc chắn là chẳng có bí mật. Phật pháp chẳng có chuyện nào không thể nói với kẻ khác! Tuyệt đối chẳng có ẩn mật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Biết dụng ý của đức Phật ở chỗ nào, đối với Phật, chúng ta tự nhiên sanh lòng tôn kính khôn sánh: Ngài yêu thương, bảo vệ chúng sanh, chẳng bỏ sót một điều nhỏ nhặt nào!

Cách làm của cổ nhân là chánh xác. Ba lượt thọ giới chia thành ba thời kỳ. Tối thiểu là phải cách nhau một năm. Năm thứ nhất thọ giới Sa Di. Trong một năm ấy, có thật sự làm được hay không? Thật sự làm được, năm thứ hai sẽ thọ giới tỳ-kheo. Cũng dùng một năm thời gian để xét xem có phải là giới tỳ-kheo đều thực hiện hay không? Chẳng thực hiện, quý vị lại hành một năm nữa. Nếu thấy đều làm được, sau một năm nữa mới có thể thọ giới Bồ Tát, cách này tốt lắm! Chẳng giống như hiện thời, hiện thời là trong vòng một tháng, ba giới đàn đều thọ toàn bộ! [Người thọ giới] làm được hay không, vị thầy truyền giới chẳng hỏi đến! Làm kiểu này thua kém cổ đại đức, cổ đại đức cẩn thận hơn người hiện thời. Điều này cho thấy trạng huống thọ giới trong hiện thời chẳng giống xưa kia!

Chúng ta xem lời chú giải của Thanh Lương đại sư cho phần này.

(Sớ) Cụ Túc Giới ngôn, nghĩa hàm nhị chủng.

(疏)具足戒言，義含二種。

(Sớ: Nói đến Cụ Túc Giới, bao hàm hai thứ ý nghĩa).

Ở đây, có hai ý nghĩa.

(Sớ) Nhất, tắc đại tỳ-kheo giới. Nhị, tắc Bồ Tát giới, diệc chế ý địa, phương vị Cụ Túc.

(疏)一則大比丘戒，二則菩薩戒，亦制意地，方為具足。

(Sớ: Một là đại tỳ-kheo giới, hai là giới Bồ Tát, cũng phải chế ngự tâm ý thì mới là Cụ Túc).

Ở đây, trong “thọ Cụ Túc Giới” có hai ý nghĩa. Nói thật ra, hiện thời tại Trung Hoa, hai ý nghĩa ấy thấy đều đầy đủ. Giới tỳ-kheo là giới Tiểu Thừa. Giới Bồ Tát là giới Đại Thừa. Sự sai biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, nói thật ra là ở tâm lượng. Người Tiểu Thừa tâm lượng nhỏ, người Đại Thừa tâm lượng to. Người Tiểu Thừa rất câu nệ, cẩn trọng. Người

Đại Thừa cởi mở, xác thực là khác hẳn! Nhưng đối với kẻ sơ học, Tiểu Thừa có ưu điểm, có lợi điểm. Nói chung bằng một câu, trong truyền thống giáo học Trung Hoa, cũng hết sức coi trọng *“tu thân làm gốc”*, Tiểu Thừa chú trọng *“tu thân làm gốc”*. Sau khi đã tu thân rồi mới tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Phát huy rộng rãi điều ấy sẽ là Đại Thừa. Vì thế, trong kinh Phật Tạng, đức Phật đã đôi ba lần răn nhắc chúng ta: *“Trước là học Tiểu Thừa, sau là học Đại Thừa”*. Cũng là nói rõ: Trước hết phải tu thân, sau đấy mới có thể giáo hóa chúng sanh dưới gầm trời, trị quốc, bình thiên hạ. Dần dần mở rộng ra, đấy là chánh xác. Giáo huấn của đức Phật và truyền thống giáo học của Trung Hoa, xét theo phương diện này, hoàn toàn giống nhau!

Nay chúng ta nhìn vào Phật giáo trong và ngoài nước, các vị đồng học tại gia và xuất gia, đối với kinh giáo vẫn còn hứng thú tràn trề, đối với giới luật đều lắc đầu. Rất nhiều vị lão cư sĩ học Phật rất khá, nhưng còn có kiến giải sai lầm. Những vị đại pháp sư xuất gia tôi đã từng thân cận, ở chung với họ cũng nhiều năm, họ thường nói: “Những giới nho nhỏ có thể qua loa đôi chút, chẳng cần so đo!” Điều này có nghĩa là: “Thọ trì những giới trọng trong giới luật”. Giới tỳ-kheo có bốn giới trọng, “giết, trộm, dâm, dối” là bốn giới trọng, phải trì; những giới khác qua loa một chút, chẳng sao hết! Chúng tôi là kẻ mới học, tuổi trẻ, chỉ biết nghe, chẳng dám biện bác, chẳng dám lăm lòi! Học Phật lâu ngày, đọc kinh luận cũng khá nhiều, lại nhìn vào sự hành trì của các vị tổ sư đại đức từ xưa, từ đó, tỉnh ngộ: Nếu giới nho nhỏ có thể bỏ, Thích Ca Mâu Ni Phật lại cần gì phải nói? Cũng không cần phải chế định! Chẳng thế trì giới nho nhỏ, đại giới sẽ chẳng trông mong [giữ gìn] được. Những giới nho nhỏ ấy bảo vệ đại giới, bảo vệ căn bản giới, làm sao có thể bỏ cho được? *“Bỏ”* có nghĩa là tùy tiện đôi chút, qua loa đôi chút, chẳng cần chú trọng! Chẳng thể được!

Có thể giữ những giới nho nhỏ, sẽ chẳng phạm đại giới. Có như vậy thì quý vị mới có thể *“do Giới đắc Định, do Định khai Huệ”*, mới có thể đạt tới mục tiêu chế giới và giáo học của đức Phật, chúng ta mới có thể nhập cảnh giới Phật. Chẳng thế y giáo phụng hành, học Phật kiểu ấy chỉ có cái danh suông, chẳng được thọ dụng! Trong xã hội hiện thời, chúng ta thâm nhập quan sát, [sẽ thấy] hàng tại gia chẳng làm được Thập Thiện, nói chi là Tam Quy, Ngũ Giới! Xuất gia, thọ tam đàn đại giới viên mãn, [thế mà] Tam Quy, Ngũ Giới đều chẳng làm được. Không chỉ là Tam Quy và Ngũ Giới chẳng làm được; Thập Thiện cũng chẳng làm được. Vấn đề này hết sức nghiêm trọng! Phật pháp suy vi, suy ở chỗ nào? Suy ở chỗ

đệ tử Phật, tứ chúng tại gia và xuất gia chẳng trì giới, cho nên suy. Chẳng có Nho! Có sao chẳng có Nho? Kẻ học Nho chẳng tuân thủ lễ. Chẳng có Lễ, sẽ chẳng có Nho! Chẳng có Giới, sẽ chẳng có Phật! Hiện thời nói đến Nho, đến Phật, nói để nghe hơn một tí, sẽ là hữu danh vô thực. Đúng như vậy đó, chẳng giả tí nào!

Sách vở Nho và Phật lưu truyền trên thế gian, chúng ta đặc lực là do khoa học kỹ thuật phát triển, thuật ấn loát phát triển. Hiện thời, lưu truyền những sách vở ấy phí tổn thấp, rất thuận tiện, in với số lượng lớn để lưu thông. Đây là chuyện tốt đẹp. Bản thân chúng ta chẳng làm được, hy vọng lưu thông, có người có thể làm được, cũng là chuyện tốt, cũng là do lòng tốt, [chuyên làm] công việc lưu thông với một số lượng lớn. Nếu mong chính mình đạt được lợi ích chân thật, phải ghi nhớ, quyết định là phải y giáo phụng hành. Rất nhiều vị đồng học nói với tôi: “Tôi thật sự muốn làm, nhưng làm chẳng được!” Họ đều nói thật, chẳng phải là không muốn làm, thật sự mong làm, nhưng làm chẳng được! Do vậy, chúng ta mới lắng lòng, nghiêm túc quan sát, tư duy, “muốn làm nhưng chẳng làm được”, nguyên nhân ở chỗ nào? Nghiệp chướng quá nặng! Thông thường, trả lời bằng một câu: “Nghiệp chướng quá nặng, tập khí quá nặng!” Thế nhưng chúng ta phải hiểu, cổ nhân nghiệp chướng có nặng hay không, tập khí có nặng hay không? Chẳng khác gì chúng ta trong hiện thời, cũng nặng nề! Họ dùng phương pháp gì để đối trị, để giải quyết vấn đề này? Họ dùng giáo dục. Giáo dục nhất định là từ khi còn thơ bé, để dạy! Chẳng sợ nghiệp chướng và tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, chỉ cần trong đời này quý vị được hưởng sự giáo dục tốt đẹp, sẽ có năng lực khống chế.

Do vậy, từ đây, tôi mới nghĩ đến cách giáo học từ xưa. Dân tộc Trung Hoa coi trọng giáo dục nhất, trên cả thế giới chẳng tìm thấy một dân tộc coi trọng giáo dục như dân Trung Hoa! Giáo dục bắt đầu từ chỗ nào? Từ tuổi thơ bé, chú ý nhất vào ba năm [đầu đời]. Cha mẹ chiếu cố con thơ, suốt ba năm thời thời khắc khắc chẳng lìa bên thân, nêu gương tốt nhất bên cạnh đứa bé, thân giáo đấy. Họ thực hiện như thế nào? Như những gì đã nói trong Đệ Tử Quy hiện thời: Biểu hiện của cha mẹ trước đứa con thơ, ba thứ thân, ngữ, ý đều là dạy dỗ. Vì thế, sau này nó lớn lên, sẽ biết báo ân cha mẹ, ân đức ấy quá ư to tát! Cũng từ trước khi tròn ba tuổi, tức là từ lúc sanh ra cho đến khi đầy ba tuổi, cha mẹ đã đặt vững cơ sở thuần thiện thuần tịnh cho nó. Tuy có phiền não, tập khí từ đời quá khứ, vẫn có thể khống chế. Vì thế, ngôn ngữ Trung Hoa có câu: “*Giáo nhi anh hài, giáo phụ sơ lai*” (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ

mới về). Hai câu danh ngôn này chính là kiến lập khuôn phép, gương mẫu, có mối quan hệ rất lớn đối với thời tiết, nhân duyên, chớ nên sơ sót!

Do vậy, trải các đời, bất luận là xuất gia hay tại gia, đã có nhiều người thành tựu ngàn ấy. Chúng ta xem Cao Tăng Truyện, xem Cư Sĩ Truyện, xem Thiện Nữ Nhân Truyện, có nhiều người thành tựu ngàn ấy, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên! Hiện thời, chúng ta nảy sinh vấn đề ở chỗ nào? Nảy sinh vấn đề là do chúng ta đã sơ sót chuyện giáo dục cơ sở. Chúng ta được sanh ra, trưởng thành, trước khi tròn ba tuổi, chẳng được người già dạy dỗ như vậy, cha mẹ chẳng dạy; người lớn tuổi trong nhà chẳng dạy, đã hữu ý hay vô tình học theo thói xấu xa! Những điều được tiếp xúc, mắt thấy tai nghe, thiện ít, ác nhiều; do vậy, bèn học theo thói xấu! Nhất là trong xã hội hiện thời, tối đa là thiện được một phần mười, ác đến chín phần mười! Sau mười năm, hai mươi năm nữa, có thể là thiện chỉ được một phần trăm, ác đến chín mươi chín phần trăm, đáng kinh hãi quá! Bởi lẽ, đại chúng trong xã hội không thích nghe, không ưa nghe giáo huấn của thánh nhân, nghe chẳng lọt tai!

Nếu giáo huấn của thánh hiền bị tuyệt diệt trong thế gian này, chẳng có ai cần đến, các vấn đề trong thế giới này sẽ nghiêm trọng. Trong các tôn giáo ngoại quốc nói đến chuyện tận thế, khẳng định là có, quyết định chẳng phải là *"gió thổi qua hang trống"*. Vì thế, trong mấy năm gần đây, chúng tôi dốc nhiều công sức để xướng học tập Đệ Tử Quy. Học tập Đệ Tử Quy nhằm vun quén vững vàng căn cội. Nhà nào, không cần nhiều, chúng tôi chỉ hy vọng trên toàn thế giới có được mười nhà. Nhiều hơn, chẳng hy vọng, chỉ hy vọng trên cả thế giới có được mười gia đình giác ngộ. Kẻ làm mẹ thôi làm việc trong xã hội, toàn tâm toàn lực chăm nom con thơ của chính mình, thực hiện một trăm phần trăm Đệ Tử Quy. Bà ta bồi dưỡng một vị thánh nhân, bồi dưỡng một Châu Văn Vương, bồi dưỡng một Châu Công, bồi dưỡng một Khổng Tử, bồi dưỡng một vị Thích Ca Mâu Ni Phật. Có mười bà mẹ có thể bồi dưỡng mười vị thánh nhân, thế giới còn có cách cứu. Đây là niềm mong cầu của chúng tôi. Hy vọng người làm mẹ thật sự giác ngộ, chẳng cần tranh danh trục lợi với kẻ khác trong xã hội, hãy về nhà dưỡng dục thánh nhân!

Chuyện này hết sức vất vả, hãy toàn tâm toàn lực thực hiện. Dạy dỗ con thơ trong ba năm, dứt bặt hết thảy các duyên bất hảo. Trẻ thơ vào lúc ba, hai, một tuổi, vẫn chưa hiểu biết hoàn toàn, quý vị có thể khống chế toàn diện. Hai, ba tuổi, nó dần dần hiểu chuyện, nó muốn coi TV, quý vị không cho nó coi những tiết mục TV, có thể tìm những đĩa CD

của cổ thánh tiên hiền cho nó xem. Nội dung là luân lý đạo đức, nhân lành quả lành, nhân ác báo ác, quý vị dạy nó những thứ ấy, những thứ ấy chính là căn cơ của thánh học. Quý vị dạy nó như vậy, bản thân quý vị phải trở thành thánh hiền. Chính mình chẳng phải là thánh hiền, sẽ không thể dạy ra thánh hiền được! Trước hết, chính mình phải phát tâm mong thành thánh, thành hiền, ta hy vọng làm thánh nhân, ta hy vọng làm hiền nhân, ta hy vọng làm Phật, ta hy vọng làm Bồ Tát. Làm Phật, làm Bồ Tát chính là *“thọ Cụ Túc Giới”*, chẳng cần phải thọ tam đàn đại giới, [mà phải là đối với] những gì đức Phật đã răn dạy quý vị thầy đều làm được.

Nương theo sự chỉ đạo từ Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất để làm Phật, làm Bồ Tát. Hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy được thực hiện bằng Đệ Tử Quy. Từ tâm, Thập Thiện được thực hiện bằng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Đó là kinh. Chúng ta đã học từ đại sư, lại còn phải [dùng giáo huấn của] tiểu sư để bổ trợ. Ấn Quang đại sư giới thiệu ba bộ sách, Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, và An Sĩ Toàn Thư. Ba bộ sách ấy do tiểu sư, tức tổ Ấn Quang nói, trong các thứ thiện thư trong thiên hạ, ba thứ ấy là bậc nhất. Kẻ làm cha mẹ hằng ngày xem đọc, nghiên cứu, thảo luận, hai vợ chồng có thể cùng nhau nghiên cứu, thảo luận. Trong nhà lại có anh em trai, chị em gái, có cùng một chí, vun bồi thánh hiền trong thế hệ sau hòng cứu vớt xã hội, cứu vớt những chúng sanh khổ nạn trên địa cầu. Phải có hoài bão như vậy, phải có chí khí như vậy, thực hiện sự nghiệp vĩ đại không gì sánh bằng ấy! Ba mươi năm sau hoặc bốn mươi năm sau, thế giới này có thể tiến đến hòa bình, nhân dân mới thật sự sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn.

Đối với Bồ Tát Giới, kinh Phạm Võng là Đại Thừa Bồ Tát giới. Tại Trung Hoa, kinh Phạm Võng được các vị tổ sư đại đức từ thời cổ phán định là Nhất Thừa giáo. Nhất Thừa giáo là đạo thành Phật. Trong hết thảy các kinh, Nhất Thừa giáo được dịch sang tiếng Hán chỉ có ba bộ, bộ thứ nhất là Hoa Nghiêm, bộ thứ hai là Pháp Hoa, bộ thứ ba là Phạm Võng. Những thứ khác là giáo pháp Đại Thừa. Giáo pháp Đại Thừa nhằm học làm Bồ Tát, Nhất Thừa giáo là thành Phật, giống như lớp Tiến Sĩ. Giáo pháp Đại Thừa giống như lớp Thạc Sĩ. Giáo pháp Tiểu Thừa là môn học thông thường; khi tốt nghiệp sẽ có học vị là Học Sĩ (Cử Nhân).

Đối với Cụ Túc Giới được nói ở đây, quý vị thầy Thanh Lương đại sư trong lời chú giải nói là *“đại tỳ-kheo giới”*, chẳng phải là tỳ-kheo bình phàm! Là loại thông thường, sẽ chỉ nói là tỳ-kheo, chẳng thêm chữ Đại

vào đằng trước. Đại tỳ-kheo là Bồ Tát, thường nói là “*nội bí Bồ Đề tâm, ngoại hiện tỳ-kheo tướng*” (trong ẩn kín tâm Bồ Đề, ngoài hiện tướng tỳ-kheo). Nhìn từ bên ngoài thì là hình tướng tỳ-kheo xuất gia, bên trong là đại Bồ Đề tâm, đại Bồ Tát. Câu cuối cùng nói hay quá: “*Bồ Tát giới, diệt chế ý địa*” (Bồ Tát giới, cũng là chế ngự ý niệm), đây là chỗ khác với giới tỳ-kheo của Tiểu Thừa! Giới tỳ-kheo Tiểu Thừa khi kết tội thì định tội theo cách nào? Luận sự, chẳng luận tâm. Trong Tiểu Thừa, ví như sát sanh, kẻ ấy dấy ý niệm muốn giết người này, nhưng trên thực tế, kẻ đó chưa ra tay, người này cũng chưa bị giết, [như vậy thì] chẳng phạm giới. Ất cần phải là quý vị đã giết chết người ấy thì mới là phạm giới. Chứ quý vị có ý niệm ấy, chẳng phạm giới. Nhưng Đại Thừa Bồ Tát kết tội hoàn toàn tương phản với kiểu này, luận tâm, chẳng luận sự! Quý vị có ý niệm giết người, tức là đã phạm sát giới, chẳng cần biết có thực hiện nơi Sự hay không! Hễ có ý niệm ấy, chính là đã phá giới, [do vậy], giới Bồ Tát khó trì! Hễ Bồ Tát chẳng động niệm, chẳng có ý nghĩ ấy, dầu xác thực giết người, có tội hay không? Chẳng có tội! Coi như lỗi lầm, kết lỗi, chẳng kết tội! Vì quý vị chẳng có khởi tâm động niệm! Hễ khởi tâm động niệm, tuy chẳng giết người, vẫn có tội! Cách phán định của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau!

Vì thế, phải hiểu, Bồ Tát giới là khởi tâm động niệm, “*ý địa*” (意地) là khởi tâm động niệm. Đấy mới là thật sự đầy đủ, giới luật là viên mãn. Trộm cắp, xác thực là chẳng trộm, mà cũng chẳng ăn cắp; hễ dấy lên ý niệm muốn chiếm đoạt chút tiện nghi của kẻ khác, đã phạm vào giới trộm cắp; đối với hàng Bồ Tát, đã phạm giới trộm cắp! Bồ Tát [chú trọng] ở chỗ khởi tâm động niệm. Theo Tiểu Thừa, trộm cắp thì nhất định phải có hành vi lấy tài vật của người khác làm của mình, đấy mới được coi là trộm cắp! Dầu khởi tâm động niệm, nhưng chẳng có hành vi, sẽ chẳng phạm giới. Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Giới Tiểu Thừa tuy nhiều, nghiêm ngặt, dễ trì. Giới Đại Thừa tuy giới điều ít, chẳng dễ trì. Vì sao? Kết tội nơi khởi tâm động niệm! Vì sao Bồ Tát cao hơn Tiểu Thừa, đạo lý ở chỗ này.

Khi thọ Cụ Túc Giới, đấy là nói theo xưa kia, nhất là hàng đương cơ của bộ kinh này đều là Pháp Thân Bồ Tát, hoàn toàn thị hiện làm gương cho chúng sanh trong chín pháp giới, biểu diễn cho chúng ta thấy. “*Đương nguyện chúng sanh, cụ chư phương tiện, đắc tối thắng pháp*” (Nguyện cho chúng sanh, đủ các phương tiện, đắc pháp tối thắng), ý nghĩa được bao hàm trong hai câu này quá ư sâu xa. “*Đắc tối thắng pháp*” là phương pháp thù thắng nhất, không chỉ là chính mình, mà còn

chung cho hết thảy chúng sanh. Câu *“đương nguyện chúng sanh”* rõ ràng lắm! Hết thảy chúng sanh đều trọn đủ các phương tiện, đều đắc pháp tối thắng. Nhưng *“cụ chư phương tiện, đắc tối thắng pháp”* (đủ các phương tiện, đắc pháp tối thắng) tức là chính mình thọ Cụ Túc Giới, biểu diễn cho mọi người thấy.

Hiện thời, chúng ta thực hiện như thế nào? Học bằng cách nào? Chúng ta có thể biểu hiện viên mãn Đệ Tử Quy trong cuộc sống hằng ngày, tức là *“thọ Cụ Túc Giới”*, tăng tấn từng bước một. Đấy là gì? Trọn đủ giới pháp nhân thiên, tâm lượng chẳng lớn. Thực hiện viên mãn Đệ Tử Quy, mỗi câu trong ba trăm sáu mươi câu đều làm được, đó là nhân thừa Phật pháp. Nếu quý vị mở rộng tâm lượng, niệm nào cũng đều mong lợi ích chúng sanh, giúp chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh tích lũy công đức, giúp chúng sanh thi hành Đệ Tử Quy. Thi hành Đệ Tử Quy là tích lũy công đức, chính quý vị biểu diễn cho người khác thấy, ảnh hưởng người khác, giúp đỡ người khác đầy đủ các phương tiện. Sau khi đã thi hành Đệ Tử Quy, toàn thể vận mạng của họ thay đổi, chuyển bần cùng thành phú quý, chuyển ngu si thành trí huệ, chuyển ác thành thiện, chuyển phàm thành thánh, là thánh hiền trong thế gian, đắc pháp tối thắng!

Trong Phật môn thường nói: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), lời này là thật, chẳng giả! Nếu quý vị mong *“có cầu ắt ứng, tâm tưởng sự thành”*, quý vị phải hiểu đạo lý, lại còn phải hiểu phương pháp, đúng lý đúng pháp tu học, quý vị sẽ chứng minh hai câu ấy là lời thật, chẳng giả. Thuở ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, lúc mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, tôi nghe [hai câu ấy] hết sức hoan hỷ. Cuộc sống lúc ấy rất khổ sở, rất gian nan. Thầy dạy tôi: *“Khi anh có cầu, mà chẳng cầu được, có cầu mà chẳng ứng, đó là do nguyên nhân gì? Chính mình có nghiệp chướng, nghiệp chướng chướng ngại sự cảm ứng, cho nên chẳng cầu được! Khi ấy, làm như thế nào? Tìm ra nghiệp chướng, tiêu trừ nghiệp chướng, điều chúng ta cầu nguyện sẽ tự nhiên hiện tiền”*. Lão nhân gia nói rõ ràng, nói minh bạch. Có cầu chẳng ứng, ngàn muôn phần chớ nên oán trời, hờn người, chê Phật, Bồ Tát chẳng linh, sai mất rồi! Quý vị chẳng biết chính mình có nghiệp chướng, còn nói *“Phật, Bồ Tát chẳng linh”*, tội chồng thêm tội, nơi chướng ngại lại tăng thêm một tầng chướng ngại nữa, làm sao quý vị có thể *“có cầu ắt ứng”* cho được? Làm sao quý vị có thể *“tâm tưởng sự thành”* cho được?

Nếu đại sư chẳng giải thích cặn kẽ đạo lý này cho chúng tôi, chúng tôi chẳng biết, chẳng nghĩ thông suốt được! Nhìn vào hoàn cảnh chung

quanh, hễ người học Phật chẳng cầu được, luôn nói: “Phật, Bồ Tát chẳng linh”. Chúng ta chẳng thể tin tưởng, tức là tin vào chuyện ấy (Phật, Bồ Tát chẳng linh), chính mình bị thua thiệt. Chẳng biết lỗi ở chính mình, lầm lạc trách móc người khác. Ngay cả như Nho gia nói “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ” (có chuyện gì làm không được, hãy quay lại xét mình) cũng nhằm ý nghĩa này! Người niệm tụng hai câu này (“hữu cầu tất ứng, tâm tưởng sự thành”) rất nhiều, kẻ hiểu ý nghĩa chẳng nhiều, kẻ y giáo phụng hành càng ít! Vì thế, chúng ta đọc kinh, hiểu rõ, Bồ Tát tự mình làm được, sau đấy mới yên tâm dạy người khác, tuyệt đối chẳng có lầm lỗi. Chính mình đầy đủ các phương tiện, đặc pháp tối thắng; vì thế, tín tâm vẹn mười, dùng phương tiện thiện xảo để thành tựu người khác.

Sự nghiệp đáng khen ngợi nhất trong thế gian, sự nghiệp đáng được người khác tôn kính nhất là cứu độ chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát, đại thánh, đại hiền, đều theo đuổi sự nghiệp này, cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, chính mình đã làm được. Phật pháp “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”, đầy đủ vô lượng phương tiện, khiến cho hết thảy chúng sanh: Bản thân họ, gia đình, sự nghiệp, xã hội đều có thể đạt tới hạnh phúc mỹ mãn; đấy là “đặc pháp tối thắng”. Nay thời gian đã hết rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Hãy xem tiếp đoạn thứ ba kể đó:

(Sớ) Minh tựu tọa Thiền Quán thời nguyện.

(疏)明就坐禪觀時願。

(Sớ: Các nguyện nói về khi tọa Thiền Quán).

Đoạn thứ ba gồm bảy nguyện, nói về chuyện tọa Thiền Quán. Trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói rõ, trong bảy nguyện ấy, bốn nguyện đầu...

(Sớ) Vị tu phương tiện, thứ nhị chánh tu Chỉ Quán.

(疏)為修方便，次二正修止觀。

(Sớ: Nhằm tu phương tiện, hai nguyện kể đó là tu tập Chỉ Quán).

Nguyện cuối cùng là...

(Sớ) Tu hành sự nguyện.

(疏)修行事訖。

(Sớ: Chuyện tu hành đã xong).

Nói chung, tu học Phật pháp chẳng lìa khỏi Thiền, các đồng học chúng ta phải ghi nhớ điều này! Thiền được nói theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp! Vì hiện thời, ai nấy nghe chữ Thiền luôn nghĩ là *“tham Thiền đả tọa”*, pháp ấy thuộc về Thiền. Họ chẳng biết nghĩa rộng của Thiền! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, chẳng có môn nào không phải là tu Thiền. Sau Thiền, còn có thêm chữ Quán, nhằm nhắc nhở chúng ta, đây là nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp! Trong Tông Môn gọi là Thiền Định, trong Giáo Hạ gọi là Chỉ Quán. Quý vị thấy lời Sớ dùng Thiền, dùng Quán, Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều được bao gồm trọn vẹn.

Tại Trung Hoa, mười tông phái Đại Tiểu Thừa, ngoài Thiền Tông ra, chín tông phái kia đều được gọi chung là Giáo Hạ, [cho nên Phật pháp được nói chung là] Tông Môn Giáo Hạ. Vào thời cổ, chữ *“tôn giáo”* (宗教) trong Phật giáo chẳng giống như tôn giáo (Religion)⁵⁶ trong hiện thời! Tôn giáo [trong Phật giáo] là nói đến Tông Môn và Giáo Hạ, có ý nghĩa này, chẳng dính dáng gì đến chữ tôn giáo (Religion) trong hiện thời! Vì phương pháp tu học của chúng ta khác nhau, Tông Môn là *“ngộ hậu khởi tu”*, [nghĩa là] trước hết cầu khai ngộ, sau đấy mới tu hành. *“Tu hành”* là sửa đổi những hành vi sai lầm. Giáo Hạ có phương pháp khác hẳn. Họ tu hành chẳng cần cầu khai ngộ trước; trước tiên, họ học tập giáo lý, giáo nghĩa, sau đấy sẽ dần dần khai ngộ. Vì thế, Giáo Hạ là tiệm ngộ, dần dần, thông thả. Tông Môn nói *“đốn ngộ”*. Chúng tôi thường nói Tông Môn là lớp học dành cho những kẻ thiên tài, chẳng phải là lớp bình phàm, [mà dành cho] bậc thượng thượng căn, kẻ căn tánh trung hạ sẽ học Giáo, [Giáo Hạ] giống như trường học thông thường, còn Tông Môn là trường học đặc thù, là lớp học dành cho những bậc thiên tài! Căn tánh của đại đa số người bình phàm là căn tánh trung hạ; vì thế, nhập môn từ Giáo Hạ sẽ dễ dàng hơn, nhập môn từ Tông Môn rất khó khăn.

Ba vị thầy của tôi chưa hề gặp nhau, nhưng dạy tôi, ngôn ngữ gần như đều nhất trí, quý vị nói xem, tôi có thể chẳng tin tưởng hay sao? Ba vị thầy đều dạy tôi nhập môn từ Giáo, quyết định chẳng cần dính dáng đến Tông! Các Ngài hoàn toàn khẳng định bảo tôi: *“Tông môn dành cho bậc thượng thượng căn, anh chẳng phải là căn tánh thượng thượng căn. Nếu anh học Thiền, sẽ chẳng khai ngộ, chẳng phải là căn tánh ấy”*. Ba vị thầy đều nói [quả quyết như vậy], tôi chẳng thể không tin tưởng. Vì lúc tiếp xúc ban đầu, nói thật ra, trước khi tôi học Phật, có xem một quyển sách Phật, tức bản tiên chú⁵⁷ Lục Tổ Đàn Kinh của cư sĩ Đinh Phước Bảo,

tôi xem thấy rất thú vị. Quý vị thấy một quyển sách dày như vậy, khi đó, bản tôi đọc là loại sách khâu gáy bằng chỉ, thuộc loại bản in xưa. Tôi ở nhà một người bạn, nhằm kỳ nghỉ bèn ở nhà anh ta ba, bốn ngày. Trong thời gian ba, bốn ngày bèn xem tác phẩm ấy, càng xem càng thấy thú vị. Đọc xong quyển sách ấy, rất hứng thú. Vì thế, thầy từng hỏi tôi: “Anh đã xem sách Phật nào rồi?” Tôi liền kể về quyển sách ấy. Thầy bảo: “Rớ đến thứ ấy chẳng được đâu! Tuyệt đối chẳng hợp với căn tánh của anh!” Thầy Phương, Chương Gia đại sư, thầy Lý, ba vị đều nói như vậy!

Nhưng tôi đối với Đàn Kinh trọn chẳng giảm bớt hứng thú, bất quá tôi đối với Giáo bèn hết sức chú ý. Nhưng đối với Giáo, thầy Phương dạy tôi Hoa Nghiêm, phải coi trọng Hoa Nghiêm. Thầy nói Hoa Nghiêm là khái luận triết học trong kinh Phật. Thầy coi bộ kinh ấy thuộc vào tầng cấp đó, kinh ấy là khái luận triết học của kinh Phật, được biên soạn hết sức hay! Thầy nói các sách triết học trên thế giới chẳng có thứ nào có thể sánh bằng kinh Hoa Nghiêm! Kinh có lý luận, có phương pháp, cuối cùng có năm mươi ba lần tham học, tức là còn kèm thêm biểu diễn. Sách triết học trên toàn thế giới chẳng có quyển nào hoàn bị như vậy! Đây là khi tôi vừa mới tiếp xúc, thầy giới thiệu cho tôi. Vì thế, trong kinh điển nhà Phật, thầy giới thiệu bộ này. Thầy giới thiệu những kinh sách khác thuộc về Tướng Tông, tức Pháp Tướng Duy Thức. Thầy bảo: “Anh có thể học những thứ ấy, sẽ có lợi cho anh”. Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu bộ kinh của Pháp Tướng Tông. Khóa trình căn bản của Pháp Tướng Tông gồm có sáu bộ kinh, mười một bộ luận⁵⁸. Trong sáu kinh, mười một luận, Hoa Nghiêm là một trong sáu kinh. Vì Hoa Nghiêm bảo toàn thể vũ trụ là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Do vậy, Pháp Tướng Duy Thức Tông cũng lấy bộ kinh này làm khoa mục cơ bản của họ.

Do đó, tọa Thiền, tu Quán, sau khi đã thọ giới phải dụng công. Không chỉ là có lý luận, mà còn phải có thực tiễn, biến lý luận thành cuộc sống thì mới thật sự được thọ dụng. Nếu những gì đã học chẳng dùng được, chẳng có mấy may ý nghĩa nào, sẽ biến thành huyền học! Phật pháp chẳng phải là huyền học. Phật pháp là một môn học vấn hết sức thực tế, cổ nhân gọi [Phật pháp] là “*thật học*” (實學), tức là một môn học vấn thực tại, học rồi lập tức sử dụng ngay, học rồi phải áp dụng! Đã học bèn lập tức có lợi, thật sự chuyển biến cảnh giới, khiến cho tất cả phiền não, ưu lự, khổ nạn của quý vị đều bị hóa giải. Đây là một nhu cầu bức thiết cho xã hội hiện thời, nhưng chẳng có ai nói rõ ràng, nói minh bạch! Đây là một chuyện đáng tiếc nuôi khôn sánh!

Có một số ít người hữu duyên, mọi người cùng nhau thông qua mạng Internet, hoặc truyền hình vệ tinh, cùng nhau học tập, chẳng có ai không được thọ dụng. Có đồng học ở hải ngoại báo tin, tại Âu Mỹ có không ít đồng học hằng ngày muốn xem, hằng ngày muốn học. Họ nói nếu một ngày chẳng xem, chẳng học, chẳng biết sống ngày ấy như thế nào! Tôi tin tưởng lời ấy. Vì sao? Tôi cũng có cùng cảm giác với mọi người: Chỉ có học tập Phật pháp, thực hiện Phật pháp, sẽ có niềm vui trong ấy. Xác thực là như Phu Tử đã nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”* (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư?), pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là thật, chẳng giả! Do vậy, sau khi đã thọ giới, phải thật sự thực hiện!

“Tọa Thiền Quán”: Tọa là gì? Thiền là gì? Quán là gì? Phải hiểu rõ ba chữ ấy. Ba chữ ấy chính là trung tâm của Phật pháp. Đối với Tọa, dùng theo ý nghĩa, chẳng phải là hiểu theo mặt Sự, chẳng phải là bảo quý vị hằng ngày tĩnh tọa. Quý vị có cách nhìn như thế (tức hiểu Tọa là tĩnh tọa) thì đã hiểu sai ý nghĩa mất rồi. *“Tọa”* là gì? Chính là trong bốn thứ oai nghi của con người, tức là trong bốn tư thái, hành (行) là đi lại, trụ (住) là đứng bất động, tọa (坐) là ngồi xuống, ngọa (臥) là tối nằm ngủ trên giường. Quý vị thấy trong bốn tư thế đi, đứng, ngồi, nằm như thế ấy, ngồi là ổn định nhất. Nhất là ngồi xếp bằng tĩnh tọa, quý vị thấy dáng vẻ ấy, phía dưới lớn, phía trên nhỏ, giống như một quả núi, hết sức ổn định, mang ý nghĩa này, chẳng phải là thật sự ngồi! *“Tọa”* là bất động, thứ gì bất động? Tâm bất động, chẳng phải là thân. Tức là mong cho chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, hết thảy thời, hết thảy chỗ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn chẳng động tâm. Đó gọi là Tọa.

Thiền là gì? Thiền là chẳng chấp tướng. Chẳng chấp tướng bèn gọi là Thiền. Kinh Kim Cang dạy: *“Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động”*, *“như như bất động”* là Tọa; Tọa là Định, có ý nghĩa Định. Thiền là chẳng chấp tướng, chẳng giữ lấy tướng, đừng nên ghim tất cả cảnh giới bên ngoài vào lòng, cũng là như chúng ta nói *“buông xuống”*. *“Quán”* là hiểu rõ chân tướng sự thật. Quán là thấy thấu suốt. Thiền là buông xuống. Buông xuống và thấy thấu suốt là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Kinh Đại Thừa thường nói: *“Tịnh cực quang thông”*, [nghĩa là] tâm thanh tịnh đạt đến một mức độ nhất định, trí huệ sẽ hiện tiền. Trí huệ là Quán, hiểu rõ. Do vậy, *“hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*, đây là Quán. Quý vị đã hiểu rõ, có còn chấp trước hay không? Có còn phân biệt hay không? Có còn khởi tâm động niệm hay không? Đương nhiên là chẳng có, đó gọi là *“tọa Thiền Quán thời”*, đây chính là

thật sự dụng công. Phương pháp thì tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, phương pháp quá nhiều! Pháp môn dẫu nhiều đến mấy đi nữa, quý vị tu gì vậy? Chính là tu “*tọa Thiền Quán*”, ba chữ ấy đã gồm trọn toàn bộ sự tu hành trong Phật môn. Lại nói đơn giản hơn một chút, “*tọa Thiền Quán*” chẳng dễ hiểu, thay đổi danh từ, quý vị sẽ dễ hiểu hơn. Chương Gia đại sư dạy tôi, “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Quán là thấy thấu suốt, tọa Thiền là buông xuống. Dùng “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, chúng ta nghe thấy rất thuận tai, dường như chẳng khó hiểu, [chỉ là danh từ khác nhau], cùng một ý nghĩa!

Từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, tu gì vậy? Chính là tu những điều này. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt. Hai phương pháp ấy giúp đỡ lẫn nhau thành tựu, tuy một mà hai, tuy hai mà một, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Duyên phận của tôi xác thực là rất khó có, ngày đầu tiên gặp gỡ một vị xuất gia, Ngài liền đem phương pháp này truyền cho tôi. Thuở ấy, tôi vẫn không biết thực hiện từ chỗ nào, thỉnh giáo thầy, thầy dạy tôi: “Bố thí”. Hãy thực hiện từ bố thí! Thứ gì cũng đều có thể bố thí, đều phải nên bố thí. Bố Thí là xả, bố thí là thật sự thực hiện buông xuống, từ trong ra ngoài, trong và ngoài như nhau, quý vị mới có thể khai trí huệ. Vì sao? Xả trừ phiền não! Kẻ bình phàm chẳng thể xả là do gì? Keo tham, tập khí quá nặng! Chẳng đạt được bèn mong đạt được, tâm tham mà! Đã đạt được, chẳng chịu thí xả, không chịu buông xuống. Đấy chính là tập khí phiền não. Tập khí phiền não nặng nề, chướng ngại trí huệ và đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh, thủy đều bị chướng ngại.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta, hết thủy chúng sanh và chư Phật Như Lai trí huệ bình đẳng, đức năng bình đẳng, tướng hảo (người Hoa nói là “*phước báo*”) cũng là bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt. Vì sao [những thứ ấy ở nơi] Phật đều hiện ra. Trí huệ, đức năng, phước báo của đức Phật khiến cho kẻ khác hâm mộ, chúng ta cũng có, vì sao chẳng hiện ra, sống cuộc đời bần cùng, khổ nạn? Vì sao? Chúng ta đã mê mất tự tánh, bị phiền não khống chế. Quý vị chẳng lìa phiền não, làm sao Tánh Đức có thể hiện tiền? Vì thế, [cần phải] thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt là gì? Tự tánh vốn sẵn đủ, là thật, là vĩnh hằng. Vô lượng vô biên phiền não là giả, chẳng thật, sanh từ mê hoặc. Chỉ cần giác ngộ, phiền não sẽ chẳng có, quý vị phải thấy thấu suốt chuyện này! Dùng phương pháp gì để khôi phục Tánh Đức? Dùng tọa Thiền, cũng có nghĩa là dùng buông xuống, chẳng còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, chẳng còn khởi tâm động niệm, Tánh Đức sẽ khôi phục viên mãn. Vì vậy, Phật pháp nói “*có cầu ắt*

ứng, tâm tưởng sự thành”, nó chẳng phải là từ bên ngoài. [Nếu là] bên ngoài, quý vị có mong, cũng chẳng thể đạt được, chẳng thể thành tựu. Toàn là do tự tánh biến hiện, “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, làm sao có thể chẳng cầu được, há có lẽ ấy!

Do vậy, phải nhận biết rõ ràng ba chữ này, hiểu ý nghĩa của chúng, quý vị mới biết trong Phật môn tu gì? Chính là tu ba chữ này! Sau khi đã thọ giới, phải thật sự dụng công. Ba chữ này triển khai ra, sẽ là Phật pháp. Tại Trung Hoa, nói là mười tông phái, tức là vô lượng pháp môn. Bốn bài kệ đầu [trong phần này] nhằm dạy về phương tiện, chúng ta hãy xem Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta học tập như thế nào.

(Kinh) Nhược nhập đường vũ, đương nguyện chúng sanh, thăng vô thượng đường, an trụ bất động.

(經)若入堂宇。當願眾生。昇無上堂。安住不動。

(Kinh: Nếu vào điện đường, nguyện cho chúng sanh, lên nhà vô thượng, an trụ bất động).

“Đường” (堂), nhìn vào tên, bèn nghĩ tới ý nghĩa. “Đường vũ” (堂宇) là gì? Thiền đường, Niệm Phật Đường, giảng đường, phòng học, quý vị muốn đến đó tu hành. Cũng phải hiểu rõ hai chữ “tu hành”. “Tu” là sửa đổi, “hành” là hành vi. Hành vi của chúng ta có sai lầm, hãy sửa đổi hành vi cho đúng, đó gọi là “tu hành”. Bất luận là Thiền đường cũng thế, mà Niệm Phật Đường cũng thế, giảng đường cũng thế, đều gọi là đạo tràng tu hành, là nơi chốn để tu hành. Phương pháp tu hành dẫu nhiều đến mấy, quy nạp lại, chẳng ngoài bốn loại lớn. Loại thứ nhất là tu Thiền; loại thứ hai là Giáo Hạ, tu Chỉ Quán; loại thứ ba là trì chú, là pháp tu trong Mật Tông; loại thứ tư là trì giới, là pháp tu trong Luật Tông. Chẳng ngoài bốn loại lớn ấy. Niệm Phật thuộc loại nào? Niệm Phật thuộc loại Chỉ Quán, tức Giáo Hạ. Chỉ là ngưng lặng, buông xuống vọng tưởng, tạp niệm. Quán: Chúng ta quán một câu Phật hiệu. Cách niệm Phật như thế nào? Tâm phải chuyên chú nơi Phật hiệu. Trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, thân lạy Phật, lễ Phật. Buông xuống vọn duyên là Chỉ, nhất tâm xưng niệm là Quán. Trên hình thức thì có bốn loại, nhưng phương hướng và mục tiêu chẳng khác gì nhau, hoàn toàn là nhất trí, thấy đều là tu cái tâm thanh tịnh.

Tâm thanh tịnh là chân tâm. Kinh Kim Cang dạy: ***“Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng”*** (Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng). Thật Tướng là trí huệ. Tâm thanh tịnh đến một mức độ nhất định, trí huệ

sẽ hiện tiền. Nương theo phương pháp này để tu hành, đấy là Giới. Vì thế nói “*nương vào Giới để đắc Định, nương vào Định để khai Huệ*”. Tất cả bất luận là giảng đường, Thiền đường, Niệm Phật Đường, giới đường, hay giảng đường, đều là Chỉ Quán, phương hướng và mục tiêu nhất trí. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã diễn tả điều này là “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, chẳng khác gì nhau, đều nhằm thành tựu học nhân. Bài kệ này có ý nói quý vị tiến nhập nơi tu hành, đạo tràng của chúng ta tuy rất nhỏ, vẫn có hai “*đường*”. Một là giảng đường, hai là Niệm Phật Đường. Tầng chín là Niệm Phật Đường, tầng mười một là giảng đường. Tuy rất nhỏ, đều rất đúng pháp. Giảng đường hằng ngày giảng kinh, Niệm Phật Đường hằng ngày niệm Phật. Nhìn từ hình thức, được lắm chớ! Nhưng điều quan trọng nhất là hiệu quả, nghe giảng kinh hằng ngày trong giảng đường, có giác ngộ hay không? Điều này rất quan trọng. Đấy là thành tích. Thường xuyên nghe, giác ngộ, hiểu rõ. Sau khi đã giác ngộ, phải sửa đổi. Sửa đổi hết thấy những lỗi lầm nơi xử sự, đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày. Đấy là tu hành, tức là sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm!

Nếu hằng ngày nghe kinh, hoàn toàn chẳng đổ công dốc sức nghiêm túc sửa lỗi, đấy là chẳng tu hành. Tuy chẳng có hiệu quả, chẳng thể nói là không có điều tốt đẹp nào! Có một chút điều lợi, điều lợi gì vậy? Nghe kinh nhiều năm ngàn ấy, trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử Phật, tăng trưởng những chủng tử kinh giáo. Nhưng suốt đời này chẳng thực hiện, chẳng nghiêm túc hành trì, vẫn y hệt như cũ, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi. Niệm Phật, chẳng thể buông thân, tâm, thể giới xuống, sẽ chẳng thể vãng sanh, [chỉ là] kết duyên cùng A Di Đà Phật, đời sau gặp duyên, sẽ lại tiếp tục hành trì! Nay chúng ta ở trong Niệm Phật Đường, giảng đường, nghe kinh, niệm Phật, hãy còn có lòng hứng thú to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ cũng thích làm. Vì sao chẳng thể vãng sanh? Chẳng nghiêm túc thực hiện. Đời này vẫn giống hệt như quá khứ; vậy thì sẽ đợi đến đời sau hay đời sau nữa! Nếu đời này giác ngộ, ta phải thật sự hành, đừng nên lầm lẫn nữa! Đời này ta phải quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị rất dụng tâm nghe, rất nghiêm túc niệm, rất nghiêm túc buông xuống muôn duyên, vậy thì chúc mừng quý vị, khẳng định quý vị thành công trong đời này. Đúng là “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng có một ai không thành tựu! Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Vì thế, “*đường vũ*” là chỗ tu hành chân chánh, tức là giảng đường, Thiền đường, Niệm Phật Đường, giới đường.

Hằng ngày chúng ta đều bước vào đó, có phát nguyện này hay không? *“Đương nguyện chúng sanh, thăng vô thượng đường, an trụ bất động”* (Nguyện cho chúng sanh, lên nhà vô thượng, an trụ bất động). Hai câu sau này và những điều đã nói trong phần trước có cảnh giới hoàn toàn giống nhau, tức là chính mình có nguyện tâm ấy, chính mình phải nghiêm túc thực hiện thì mới có thể sanh ra ảnh hưởng. *“Vô thượng đường”* là nơi nào vậy? Chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là quả địa Như Lai rốt ráo! Nếu tâm nguyện của chúng ta an trụ nơi ấy, bất động, chẳng thoái chuyển, chẳng lay động, nhất tâm nhất ý chỉ mong làm Phật, đó là đúng. Nếu ai phát nguyện ấy, sẽ là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vì sao cầu sanh Tịnh Độ? Hy vọng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu Phật quả rốt ráo ngay trong một đời. Đây chính là *“thăng vô thượng đường, an trụ bất động”* đang nói ở đây! Đây mới là đại sự bậc nhất trong đời người. Những thứ khác đều là *“lông gà, vỏ tỏi”* (chuyện vụn vặt) chẳng đáng nhắc tới! Các thứ thị hiện nhằm làm cho người thế gian thấy. Người thế gian chẳng biết luân lý, chẳng biết đạo đức, chẳng có đạo nghĩa, mà cũng chẳng hiểu nhân quả; do vậy, vẫn phải thị hiện đủ thứ cho bọn họ. Đó là chuyện kèm theo, điều quan trọng nhất là phải cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chuyện này nói dễ dàng, thực hiện khó khăn khôn sánh! Dẫu khó khăn, chẳng thể không làm! Làm từ nơi đâu? Phật, Bồ Tát từ bi tột bậc, trong thời kỳ Mạt Pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật đã vì chúng ta mở ra pháp môn phương tiện *“đối nghiệp vãng sanh”*, giúp chúng ta thành tựu trong một đời, từ bi cùng cực! Nếu chẳng có pháp môn này, trong các buổi giảng trước kia, tôi thường đề cập, Phật đã nói giống với chúng ta. Có sao là nói giống? Nhử mồi! Quý vị làm không được, chẳng phải là [đức Phật] đã nói uống công ư? Có pháp môn này thì mới là từ bi chân thật. Nói ra đủ mọi pháp môn, khiến cho quý vị hâm mộ, nhưng thật sự làm không được; thế nhưng Ngài nói ra pháp môn này, quý vị liền biết ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, hãy còn có một môn Phật pháp *“thành tựu ngay trong một đời”*. Chúng ta mới hiểu: Niệm Phật cầu vãng sanh là *“thăng vô thượng đường”*. Hiện thời, điều quan trọng nhất là chúng ta đối với pháp môn này phải *“an trụ bất động”*, quý vị mới có thành tựu. Niệm Phật mà còn ưa chuộng pháp môn khác, đó là xen tạp! Xen tạp, công phu sẽ chẳng thuần, chính mình lỡ làng cơ duyên quá tốt đẹp trong một đời này, quá đáng tiếc!

Có đồng tu ở phương Bắc kể với tôi, ở phương Bắc thịnh hành luyện công, hỏi tôi: “Niệm Phật có thể luyện công hay không? Luyện công

có gây trở ngại cho niệm Phật hay không?” Chính quý vị hãy tự suy nghĩ, có trở ngại hay không? Nếu có trở ngại khiến cho quý vị phân tâm, tâm quý vị chẳng thể chuyên nhất, quý vị phải suy xét, rốt cuộc là học luyện công hay là học niệm Phật? Luyện công có chút hữu ích khiến cho thân thể khỏe mạnh, niệm Phật càng hữu ích cho sức khỏe. Vì sao? Quý vị đến hỏi tiến sĩ Giang Bốn Thắng của Nhật Bản, ông ta sẽ nói cho quý vị biết. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, những thứ khác đều chẳng có, mỗi tế bào, mỗi khí quan trên thân thể quý vị đều là hoàn mỹ nhất, cái thân thể ấy còn có thể chẳng khỏe mạnh ư? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường dạy: *“Cánh chuyển theo tâm”*. Tâm của quý vị biến thành A Di Đà Phật. A Di Đà Phật vô lượng quang thọ, A Di Đà Phật thân kim cang bất hoại, tâm đã là Phật tâm, lẽ nào thân chẳng phải là Phật thân? Quý vị hãy suy nghĩ đạo lý này! Còn có pháp môn nào có thể sánh bằng nó? Vì sao quý vị còn phải học chi khác? Đối với pháp môn này, quý vị chẳng có đủ tín tâm, vẫn còn mong tìm thứ khác để giúp đỡ, để phụ trợ. Sai mất rồi! Không cần thiết! Thứ gì cũng chẳng cần!

Vấn đề ở chỗ nào? Tín tâm! Tín tâm quyết định hết thảy. Quý vị có tín tâm đối với pháp nào, hãy thâm nhập một pháp môn ấy, chắc chắn sẽ có lợi ích. Lợi ích lớn hay nhỏ khác nhau, chẳng tương đồng. Lợi ích thù thắng khôn sánh, chẳng có gì sánh bằng, chính là pháp niệm Phật! Lời này chẳng phải do tôi nói, mà là mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều khuyên dạy trọn khắp hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, há còn có thể sai lầm được ư? Vì thế, pháp môn Niệm Phật mới thật sự là *“thăng vô thượng đường, an trụ bất động”*.

Nay chúng ta thừa nhận sự khiếm khuyết là [chúng ta] hiểu biết chẳng thấu triệt, nhận thức chẳng rõ ràng. Do vậy, thành ra như thế nào? Công phu chẳng đắc lực! Nếu quý vị nhận thức rõ ràng, hiểu biết thấu triệt, quý vị sẽ tự nhiên an trụ bất động. Ai có thể làm được? Ai cũng đều làm được! Pháp môn này *“vạn người tu, vạn người đến”* chẳng giả! Thầy Lý thường nói: *“Một vạn người niệm Phật, thật sự có thể vãng sanh là đôi ba người”*. Tức là hai, ba phần vạn! Nguyên nhân là gì? Chẳng thể trách A Di Đà Phật, chẳng thể trách Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể trách kinh điển, hãy trách ai? Trách chính mình! Chính mình đối với pháp môn này vẫn bán tín bán nghi y như cũ. Tôi nói chắc chắn không sai! Quý vị xác thực là bán tín bán nghi, chẳng hoàn toàn khẳng định. Vì sao? Hoàn toàn khẳng định, quý vị sẽ an trụ bất động.

Hiện thời, quý vị chẳng an trụ, nay vẫn còn dao động, vẫn mong học thứ này, vẫn muốn học thứ kia, sự nhận biết chẳng đủ sâu! Làm như

thế nào đây? Biện pháp hữu hiệu duy nhất là thâm nhập kinh tạng. Thâm nhập kinh tạng chẳng nhằm mục đích nào khác, không gì chẳng nhằm giúp cho chúng sanh phá mê khai ngộ. Sau khi đã phá mê khai ngộ, tự nhiên sẽ đoạn nghi sanh tín. Đây là lợi ích của kinh giáo. Chúng ta còn chưa buông nghi lự xuống, hiệu quả của kinh giáo chẳng sanh ra sức mạnh. Đó là gì? Nghe chưa đủ, chẳng nghiêm túc nghe. Sau khi đã nghe, chẳng lý giải thấu triệt, chẳng nghiêm túc thực hiện. Rất nhiều người nghe kinh, tôi nghe đồng học nói: “Sư phụ giảng kinh là giảng cho những người đó nghe, chẳng phải là giảng cho tôi nghe”. Vì thế, kẻ đó chẳng đạt được lợi ích. Ngõ chính mình thập toàn, thập mỹ, chẳng có khuyết điểm. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở chúng ta phải biết sửa đổi những tật xấu ấy như thế nào, [kẻ đó cũng tự nhủ]: “Đây chẳng phải là chuyện của ta, mà là của người khác, sư phụ giảng cho người khác nghe”. Vì sao người ấy chẳng giác ngộ? Cái tâm lý sai lầm ấy đã sanh ra chướng ngại nghiêm trọng.

Tôi học Phật đã năm mươi lăm năm, tôi đạt được lợi ích là do có quan niệm hoàn toàn chẳng giống chư vị đồng học. Tôi đọc kinh, [cảm nhận] đức Phật đã vì tôi mà nói [bộ kinh ấy]. Tôi đọc chú sớ của cổ nhân, các Ngài đã đặc biệt vì tôi mà giảng. Tôi nghe bất cứ ai giảng kinh, [đều cảm thấy] người ấy giảng cho tôi, dạy dỗ tôi. Tôi chưa từng có một ý niệm: “Đây là vì kẻ khác mà giảng”. Chưa hề nghe nói, chẳng có ý niệm ấy! Vì thế, tôi có thể sanh khởi cái tâm cảm ơn. Dẫu nghe người khác giảng một tiếng đồng hồ, tôi được lợi ích nhờ đó, tôi đều niệm niệm chẳng quên. Làm sao [dám nghĩ người nào đó đang giảng kinh] là giảng cho người khác được? Do vậy có thể biết: Có thể đạt được lợi ích chân thật hay không, quan niệm này quá quan trọng! Chư Phật Như Lai thị hiện trên thế gian, bất luận là quá khứ, hiện tại, hay tương lai, đều là vì ta, chẳng vì người khác!

Thầy dạy học, nói thật ra, thầy Phương dạy tôi, vì học trò chỉ có một mình tôi, đương nhiên là vì tôi. Chương Gia đại sư dạy tôi, học trò cũng là một mình tôi. Thầy Lý dạy học chẳng phải chỉ có mình tôi. Các bạn học cùng phòng học hoặc trong giảng đường đều rất đông. Tôi nghe thầy giáo huấn, tâm niệm: “*Thầy đang dạy mình, các đồng học nghe kè*”, tôi có quan niệm như vậy đó. Vì thế, tôi học được nhiều thứ hơn người khác, ngay cả các đồng học tại Đài Trung cũng hỏi tôi: “Ông học như thế nào mà thầy Lý luôn khen ngợi?” Tôi thưa: “Chẳng có gì khác, tôi từ bên ngoài tới, chẳng sống lâu dài tại Đài Trung; do vậy, tôi nắm rất chặt thời gian, tôi học tập rất nghiêm túc. Quý vị là người ở Đài Trung, ở lâu dài tại

Đài Trung. Học một năm chưa hiểu, sẽ còn có hai năm. Học hai năm chưa hiểu, sẽ còn có ba năm, cứ từ từ! Tôi chẳng có thời gian ấy; vì thế, tôi phải rất nghiêm túc, rất nỗ lực học tập. Tâm thái học tập khác nhau, quý vị sẽ đạt được những thứ khác nhau”. Hiện thời, “*thăng vô thương đường, an trụ bất động*” là then chốt để thành công hay thất bại trong cả một đời, hết sức trọng yếu. Chúng ta tiến nhập Niệm Phật Đường, tiến nhập giảng đường, đều phải có lòng cảnh giác này thì mới nên! Nay đã hết thời gian rồi, hôm nay tôi giảng tới đây!

---o0o---

Tập 1515

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần Tụ Tọa Thiền Quán, xem từ bài kệ tụng thứ hai.

(Kinh) Nhược phu sàng tòa, đương nguyện chúng sanh, khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng.

(經)若敷牀座。當願眾生。開敷善法。見真實相。

(Kinh: Nếu trải sàng tòa, nguyện cho chúng sanh, trải bày thiện pháp, thấy tướng chân thật).

Bốn nguyện trước nói về phương tiện tu hành; thật ra là nói về quy củ, tức là quy củ tiến nhập đạo tràng. Thấy nguyện này, chúng ta ắt cần phải hiểu, vào thời cổ, vì thuở ấy đức Thế Tôn giảng kinh này tại Ấn Độ. “*Sàng tòa*”: Có giường hay không? Có tòa hay không? Sàng tòa (牀座) là gì? Thuở đức Phật tại thế, các vị phải hiểu, Ngài sống cuộc đời “*giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây*”. Dưới cội cây, tìm một ít cỏ để trải, đấy chính là “*sàng tòa*” của Ngài! Thông thường, cái “*đệm*” cỏ ở phía dưới hơi mềm, phía trên lại trải một thứ giống như tấm mềm, thuật ngữ trong Phật môn là Ni-sur-đàn (Nisīdana), nay chúng ta gọi là Cụ (具, tức tọa cụ). Quý vị thấy hiện thời ở Trung Hoa, tấm Cụ vô dụng! [Thuở trước], nó dùng để trải sàng tòa. Hiện thời, Cụ được dùng để làm gì? Dùng phủ lên cái đệm quỳ để lạy Phật. Chư vị thấy các vị xuất gia người Hoa, trong các đại pháp hội, khi Hòa Thượng lạy Phật ở chính giữa, có mở tọa cụ ra để phủ lên trên cái đệm quỳ. Chư vị phải hiểu nó vốn chẳng dùng để trải lên cái đệm quỳ, mà là để trải trên cỏ hòng tĩnh tọa hoặc ngủ nghỉ.

Vào thời Xuân Thu⁵⁹ tại Trung Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, gần như chẳng khác thời Khổng Tử cho mấy. Đức Phật xuất thế sớm hơn Khổng Tử đôi chút. Khi đó, tại Trung Hoa cũng

chẳng có giường, mà cũng chẳng có ghế tựa, ghế dài như trong hiện thời, đều chẳng có. Vì thế, có khách đến thì phải trải đệm ngồi. Đó là [biểu lộ] sự tôn trọng đối với khách. Nếu là quý khách, hoặc người tuổi tác đã cao, nhằm đặc biệt tôn trọng, sẽ bày “trùng tịch” (重席), bày hai tầng, tức là xếp hai cái đệm ngồi [chồng lên nhau]. Hiện thời, chư vị đến Nhật Bản có thể thấy phong tục ấy; trong chùa miếu của Nhật hầy còn giữ. Vì thế, chúng tôi qua lại với người xuất gia Nhật Bản, đến thăm viếng, họ chẳng có sofa, chẳng có ghế dựa, đều là ngồi trên chiếu trải dưới đất, ngồi trên tấm Tatami⁶⁰. Họ bày đệm ngồi cho quý vị, [nếu như] đặc biệt cung kính, bèn chồng hai cái đệm lên, quý vị có thể thấy [như thế đó]. Hiện thời chẳng giống [xưa kia], nay đã có giường, bàn, ghế rất thoải mái. Ở đây, [“sàng tòa”] không phải là giường đệm. Quý vị đến giảng đường, đến giảng đường vì muốn nghe kinh, muốn dụng công. Vì thế, ở trong các điện đường hiện thời, trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng chư vị, giảng đường dành để nghe kinh, [để ngồi trong đó] cũng cần phải trải sàng tòa. “Cu” (tọa cụ) là do chính mình đem theo!

Trước kia, tại Trung Hoa, Niệm Phật Đường, Thiền đường, giới đường, cũng đều thuộc dạng kiến trúc trải tatami. Vì thế, Nhật Bản đã học từ Trung Hoa, [từ Trung Hoa] truyền qua đó. Hết sức khó có, họ còn giữ mãi cho đến hiện thời. Đây là chỗ chúng tôi cảm thấy đáng tôn kính nơi người Nhật, văn hóa truyền thống mấy ngàn năm vẫn được bảo tồn y như cũ. Đây là chính mình tự bày biện chỗ ngồi xong xuôi. Hiện thời, quý vị thấy Niệm Phật Đường ở lầu chín, dùng đệm quỳ, sắp đặt ngay ngắn. Quý vị đến đó, tìm chỗ ngồi, chẳng cần phải trải tòa. Xưa kia thì phải trải tòa, Niệm Phật Đường xưa kia cũng là như thế đó. Thiền đường, giảng đường đều trống rỗng, trong ấy chẳng có gì hết, chính quý vị phải mang đệm theo để lót.

Người xuất gia bước vào điện đường, cũng chẳng phải là quý vị đã xuống tóc, đã thọ giới liền có thể tiến nhập giảng đường, hoặc Niệm Phật Đường. Trong phần trước, [kinh Hoa Nghiêm đã gọi chung các loại “đường”] là “đường vũ” (堂宇, điện đường). Quy củ của người xuất gia là sau khi đã xuống tóc, sẽ học giới năm năm. Kẻ mới xuất gia chưa tròn năm năm, chẳng thể nhập đường. Vì sao? Nói theo kiểu hiện thời, quý vị phải làm công quả trong chốn thường trụ. Trước kia, làm công quả chẳng phải là tại gia cư sĩ. Tại gia cư sĩ [làm công quả] cũng có, họ tình nguyện đến, [nhưng là] thiếu số. Ai sẽ đảm nhiệm những công việc tạp vụ của thường trụ? Kẻ mới xuất gia; đây là chánh xác. Mới xuất gia, quý vị phục vụ thường trụ năm năm để tu phước! Ai cũng chẳng thể không

có phước, phước phải nhờ vào chính mình tu! Năm năm học Thập Thiện Nghiệp Đạo, học Tam Quy, Ngũ Giới, Sa Di Luật Nghi, học những thứ ấy, phải hoàn toàn thực hiện. Vì thường trụ phục vụ, thường trụ sẽ giao việc cho quý vị. Trước kia, một tự viện từng lâm lớn, đông người, có hai, ba ngàn người, nhỏ thì cũng là hai, ba trăm người! Một đạo tràng to ngàn ấy, đương nhiên là chuyện tạp vụ trong sinh hoạt rất nhiều. Khi mới xuất gia, [những vị chấp sự] sẽ phân chia công việc cho quý vị.

Như chúng ta đã thấy trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đến Hoàng Mai tham học. Quý vị thấy Ngũ Tổ giao công việc cho Ngài: Giã gạo, bửa củi trong phòng xay xát. Khi đó, trong tự viện cũng có hơn một ngàn người sống, hằng ngày ăn uống thì gạo cần phải xay. Sau khi đã xay, lại phải giã, giã cho sạch cám. Nhiên liệu là củi đốt, đại khái là Ngài không cần phải đi dẫn củi, đã có người chuyên môn dẫn củi. Sau khi củi được chuyển về, phải chẻ củi. Vì thế, công việc của Ngài là bửa củi, giã gạo. Chẳng phải là vừa xuất gia bèn có thể nghe kinh, có thể niệm Phật trong Niệm Phật Đường, hoặc tham Thiền trong Thiền đường, chẳng phải vậy! Những công việc của thường trụ do ai làm? Ai sẽ hầu hạ quý vị? Kê mới xuất gia phải hầu hạ người xuất gia đã lâu. Sau năm năm, họ mới có tư cách nhập đường. Đấy chính là đã thọ Cụ Túc Giới. Trong phần trước đã có nói, đều là đã thọ Cụ Túc Giới thì mới nhập đường.

“*Nhập đường*” thì trong các điện đường, có hai môn, một là Giải Môn, hai là Hạnh Môn. Hạnh Môn tuy nhiều, nhưng nói chung, chẳng ngoài tham Thiền và niệm Phật. Đấy chính là điện đường thuộc loại Hạnh Môn. Trong Giải Môn là giảng đường, giảng đường để nghe kinh, học Giáo. Chư vị phải biết tự, viện, am, đường là trường học, học trò phải đi học, thầy phải dạy. Vì thế, Niệm Phật Đường và Thiền đường đều có vị Đường Chủ lãnh chúng, [tức là người] hướng dẫn mọi người tu hành. Trong giảng đường có A Xà Lê giảng kinh, dạy học. Hằng ngày đều phải lên lớp, giải hạnh tương ứng! Trong đại tự viện, không chỉ có một giảng đường, mà là rất nhiều. Ví như trong chùa có hơn một ngàn người, mỗi cá nhân mong mỏi học những thứ khác nhau; do vậy, có rất nhiều giảng đường. Đảm nhiệm việc giáo học là vị Thủ Tọa Hòa Thượng. Thủ Tọa Hòa Thượng không chỉ có một vị. Tùy thuộc nhu cầu của đạo tràng, họ có thể thỉnh vài vị Thủ Tọa Hòa Thượng. Thủ Tọa Hòa Thượng là A Xà Lê, đảm nhiệm giáo học. Nếu có kẻ thích tham Thiền, trong đạo tràng ấy có Thiền đường, cũng có Niệm Phật Đường, họ có thể mời mấy vị Đường Chủ. Đó là [trách nhiệm] của vị Phương Trượng Hòa Thượng. Phương Trượng Hòa Thượng là Thân Giáo Sư. Trong phần trước, tôi đã thừa

cùng quý vị, bản thân Ngài không cần phải lên lớp, Ngài mời thầy. Tiếng Phạn gọi những vị thầy ấy là Xà Lê (Ācārya), người Hoa thường gọi họ là “*pháp sư*”.

Trái tào: Khi trái tào bèn phát nguyện, “*đương nguyện chúng sanh*”. Nguyện trong Hoa Nghiêm to lớn, đúng là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. “*Khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng*” (Trái bày thiện pháp, thấy tướng chân thật): Trái tào, mở tấm Ni-sư-đàn ra, “trái ra” biểu thị chúng ta phải phô bày “*thiện pháp*”. Thiện pháp là gì? Thiện pháp cũng có cấp bậc. Nói theo Phật pháp, sẽ là ngũ thừa, thiện pháp trong ngũ thừa khác nhau. Thiện pháp của nhân thừa là Ngũ Giới, Thập Thiện. Thiện pháp của thiên thừa là thượng phẩm Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Thiện pháp của Thanh Văn là Tứ Đế. Thiện pháp của Duyên Giác là Thập Nhị Nhân Duyên. Thiện pháp của Bồ Tát là Lục Độ vạn hạnh, khác nhau. Nhưng đoạn sau trong phần này nói “*kiến chân thật tướng*”, thấy tướng chân thật chính là cảnh giới nơi quả địa Như Lai, đã chứng đắc Thật Tướng của các pháp. Chúng ta có thể nói [“*chân thật tướng*”] là “thiện pháp tuyệt đối”. Thật Tướng của các pháp [chính là] chân tướng của hết thảy các pháp, [là] tướng chân thật. Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không. Pháp được gọi là “*diệu pháp*”, diệu ở chỗ nào? Không và Hữu bất nhị, Tánh và Tướng như một; đấy là diệu! Đấy mới gọi là “*kiến chân thật tướng*”.

Trạng huống sau khi đã thấy tướng chân thật là gì? Thừa cùng chư vị, quyết định là chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hễ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thấy tướng chân thật. Người thấy tướng chân thật, chắc chắn sẽ giữ tấm lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; đó là chân tâm. Hết thấy chư Phật và hết thấy chúng sanh đều bình đẳng trọn đủ; Phật có, hết thảy chúng sanh cũng có. Nhưng Phật có, Phật hiện tiền, Ngài thật sự khởi tác dụng. Chúng sanh tuy có, do đã mê, tuy có mà chẳng biết, sau khi đã mê, họ bèn dụng tâm sai lầm. Quý vị thấy Phật giác ngộ, Pháp Thân Bồ Tát giác ngộ, các Ngài dùng cái tâm chân thành; bọn phàm phu chúng ta mê hoặc, điên đảo, dùng cái tâm hư vọng. Pháp Thân Bồ Tát dùng cái tâm thanh tịnh, bọn phàm phu chúng ta dùng cái tâm ô nhiễm. Ô nhiễm là gì? Tham, sân, si là ô nhiễm, ích kỷ là ô nhiễm, tiếng tăm, lợi dưỡng là ô nhiễm, dùng cái tâm ô nhiễm! Người giác ngộ dùng cái tâm bình đẳng, kẻ mê dùng cái tâm cao thấp: “Ta luôn cao hơn kẻ khác, kẻ khác chẳng bằng ta!” Kiêu căng, ngạo mạn, đó là phàm phu. Bậc giác ngộ dùng cái tâm chánh giác, kẻ mê dùng

cái tâm mê hoặc. Bạc giác ngộ đại từ đại bi, kẻ mê thì ích kỷ, chẳng giống nhau! Dụng tâm khác nhau, quả báo chẳng giống nhau!

Do vậy, dụng tâm chánh đáng; quý vị thấy trong phẩm kinh này, khi Văn Thù Bồ Tát trả lời [Trí Thủ Bồ Tát], câu đầu tiên bèn nói: *“Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm”* (Nếu các vị Bồ Tát khéo dùng cái tâm). *“Khéo dùng cái tâm”* là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; đây là tổng cương lĩnh. Ứng dụng nơi sự tướng, trong cuộc sống hằng ngày, sẽ là một trăm bốn mươi một nguyện. Quý vị thấy người ta dùng cái tâm gì mà thấy tướng chân thật? Đã thấy tướng chân thật, quý vị còn có tà tri tà kiến hay không? Quý vị còn có sai quấy hay không? Chẳng có! Đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quyết định chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm; chúng ta hãy nên học tập điều này. Vì sao? Trở về tự tánh.

Vì sao các Ngài có thể, mà ta chẳng thể? Đối với chỗ này, phải sanh tâm hổ thẹn. Phải biết ta vốn cũng là Pháp Thân Bồ Tát, vốn cũng là Phật, có sao đọa lạc đến nỗi này? Đức Thế Tôn đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì sao đọa đến mức độ này? Do vì vọng tưởng, chấp trước, cho nên chẳng thể chứng đắc! Chúng ta học điều này như thế nào? Nay chỗ chúng ta ngồi không cần phải bày đệm, nhưng tối ngủ vẫn phải trải giường, vẫn phải kê gối, đây là tương tự [như “trải sàng tòa”], chúng ta cũng có thể phát nguyện này hay không? Vì thế, nhất cử nhất động của các Ngài, quý vị thấy các Ngài tiến vào giảng đường bèn phát nguyện, *“thăng vô thượng đường, an trụ bất động; khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng”* (lên nhà vô thượng, an trụ bất động, trải bày thiện pháp, thấy tướng chân thật). Niệm nào cũng tương ứng Bồ Đề đạo, niệm nào cũng chẳng lìa Bồ Đề đạo. Bồ Đề đạo là *“thành Phật chi đạo”*. Hoa Nghiêm là Nhất Thừa giáo, Nhất Thừa giáo là *“thành Phật chi đạo”*. Bài kệ thứ ba:

(Kinh) Chánh thân đoan tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ Đề tòa, tâm vô sở trước.

(經) 正身端坐。當願眾生。坐菩提座。心無所著。

(Kinh: Khi ngồi ngay ngắn, nguyện cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ Đề, tâm chẳng chấp trước).

Sau khi đã xếp đặt chỗ ngồi xong xuôi, hãy khéo ngồi xuống. Trong Thiền đường cũng là ngồi xuống như vậy, *“chánh thân đoan tọa”*, mà trong Niệm Phật Đường cũng là ngồi xuống như vậy. Giảng đường lại càng chẳng cần phải nói, ngồi sao cho đoan chánh. Trước hết bèn ngồi xuống. Khi ấy, trong tâm quý vị hãy quán tưởng *“tọa Bồ Đề tòa”* (ngồi tòa

Bồ Đề). Chúng ta ngồi ở chỗ này, phải tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, cũng dùng cỏ tươi để lót chỗ ngồi. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề trái chỗ ngồi bằng cỏ, nhưng chư thiên Tịnh Cư, đúng là chẳng giống chúng ta, chư thiên Tịnh Cư đều thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi trên tòa báu kim cương. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật trái một tầng cỏ, ngồi trên cái đệm cỏ ấy, cảnh giới khác nhau! Chư thiên Tịnh Cư là Tam Quả A Na Hàm, còn chưa chứng quả A La Hán. Các Ngài là thánh nhân, được gọi là Bất Hoàn, [có nghĩa là] “chẳng đến thế gian nữa”. Vì sao lần này lại đến? Do thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, chẳng có ai khái thỉnh. Vấn đề này nghiêm trọng! Nếu không có ai khái thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ nhập Niết Bàn! Họ trông thấy, thật sự phát tâm đại từ bi, thay cho người đòi khái thỉnh. Công đức ấy vô lượng vô biên! Nếu chẳng do họ khái thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ chẳng trụ thế.

Quý vị biết: Do được khái thỉnh như vậy, đức Thế Tôn trụ thế tám mươi năm, vì mọi người giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Cái duyên ấy do chư thiên Tịnh Cư đã kết cho chúng ta. Đức Thế Tôn giáo huấn chúng ta chẳng phải là do công đức khái thỉnh của chư thiên Tịnh Cư ư? Chúng ta cũng phải học, phải biết học chỗ này. Gặp bậc thiện tri thức thật sự, ở nơi đây chẳng có ai nhận biết, nếu quý vị nhận biết, thật sự liễu giải vị ấy, sẽ nhất định khái thỉnh vị ấy đến nơi đây giảng kinh, thuyết pháp. Người cả vùng này do nghe kinh, đắc độ, đều là do công đức khái thỉnh của quý vị. Các đồng học học Phật chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Nếu vị đại đức ấy, chúng tôi nói “*đại đức*”, không nói “*pháp sư*”, vì bao gồm tại gia cư sĩ. Tại gia cư sĩ thật sự hữu tu, hữu học, sự tu hành của vị ấy có thể làm gương cho chúng ta, học vấn của vị ấy đáng làm thầy chúng ta, thì sao? Chúng ta phải “*thỉnh Phật trụ thế*”, giữ vị ấy ở nơi đây, thỉnh vị ấy dạy dỗ chúng ta lâu dài ở nơi đây! Trong mười nguyện, Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy chúng ta “*thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế*” là do ý nghĩa này. Vì thế, người tại gia mà có đức hạnh như thế thì phải thỉnh!

Đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Mai Quang Hy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Dương Nhân Sơn, lão cư sĩ Âu Dương Cán Vô, chẳng ít vị đại đức. Trong sự cảm nhận của chúng tôi, những vị ấy đều là Phật, Bồ Tát hiện thân cư sĩ. Đáng nên dùng thân cư sĩ để độ, bèn hiện thân cư sĩ để thuyết pháp. Có cần thỉnh các vị ấy giảng kinh hay không? Cần chứ! Có cần thỉnh các vị ấy thường trụ ở nơi đây để giáo hóa chúng ta hay không? Cần! Do vậy, nhân duyên chín muồi, chớ nên bỏ qua chuyện này,

công đức to lớn. Nay chư vị đều hiểu, chúng ta lạy Lương Hoàng Sám, đả Phật thất, đả Thiên thất, làm một khóa Thủy Lục, công đức rất lớn. [Thế nhưng] tất cả hết thấy các pháp sự đều chẳng có công đức to bằng thỉnh pháp sư giảng kinh! Phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, [sẽ thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng đả Thiên thất, chẳng đả Phật thất, mà cũng chẳng làm pháp hội Thủy Lục. Lão nhân gia suốt đời giảng kinh, giáo học, đấy chẳng phải là đã bảo ban rất cặn kẽ ư? Những hoạt động Phật sự ấy đều do các vị tổ sư đại đức đời sau đề xướng. Quý vị thấy bất cứ loại hoạt động nào cũng đều căn cứ trên sự giáo hóa của kinh giáo nhà Phật, chẳng lìa khỏi.

Tông Môn, Giáo Hạ, tất cả các phương pháp tu hành đều căn cứ trên kinh luận. Các thứ pháp hội siêu độ đều là hội tập những giáo huấn trong các kinh luận. Tu pháp hội ấy, thường nói là “*minh dương lưỡng lợi*” (冥陽兩利, chốn âm ty và chốn dương gian đều được lợi ích). Không chỉ là chúng sanh trong cõi u minh được lợi ích, mà các đồng tu hiện diện ai nấy đều được lợi ích. Trước kia là như vậy, nay thì có vấn đề. Vấn đề ở chỗ nào? Hiện thời chỉ chú trọng hình thức, quên bẵng thực chất. Thực chất là gì? Ngay như khi chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm, đều có quỷ thần dựa vào thân thầy đồng để chuyển lời, mong tôi nói với các đồng học: “*Hễ làm Tam Thời Hệ Niệm thì phải nên “tùy văn nhập quán”, chúng sanh trong cõi u minh mới được lợi ích*”. Nếu chẳng biết tùy văn tác quán, lợi ích rất mỏng, chẳng đạt được lợi ích gì. Đấy là do người hiện thời làm pháp hội chẳng bằng cổ nhân. Vì sao? Cổ nhân xác thực tùy văn nhập quán, niệm đến chỗ nào, cảnh giới ấy thật sự hiện tiền; do vậy, có lợi ích. Bởi lẽ đó, nếu chúng ta làm pháp hội, ắt cần phải giảng tường tận nghi quy ấy một lượt. Vì sao? Khi làm pháp hội, niệm đến đâu, quý vị có thể quán tưởng, đó là “*tùy văn nhập quán*”. Do đó, trong những năm qua, chúng tôi đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, đã giảng về Tam Thời Hệ Niệm.

Đồng học tu Tịnh Độ, các vị hằng ngày thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ đã được giảng. Nhất định là trước hết nghe giảng, đã hiểu ý nghĩa, khi niệm sẽ khởi tác dụng. Chẳng hiểu ý nghĩa, khi quý vị niệm, công phu tốt nhất sẽ như thế nào? Khi niệm kinh, chẳng dấy vọng tưởng; đấy là Định, chẳng có cách nào tùy văn tác quán. Nếu quý vị nghiên cứu kinh này đã thông hiểu, khi quý vị đọc tụng kinh này, sẽ có Định, có Huệ. Huệ là Quán, tức Quán Huệ. Có Định và Huệ, sẽ có Giới trong ấy. Do vậy, quý vị niệm một tiếng đồng hồ, trong một tiếng đồng hồ ấy, đã tu đồng thời Tam Học Giới, Định, Huệ, đồng thời hoàn thành.

Đương nhiên là có công đức, bản thân quý vị được lợi ích, mà quý thần cũng được lợi ích. Vì thế, chúng ta tụng kinh, niệm Phật, hễ chẳng thể tương ứng với Tam Học Giới, Định, Huệ, công đức sẽ ít ỏi. Suy nghĩ sẽ biết, chẳng cần nghĩ tới ai khác, cứ nghĩ về chính mình: Niệm Phật, tọa Thiền, học tập kinh giáo mà vọng tưởng chẳng đoạn! Ra khỏi giảng đường, ra khỏi Phật đường, phiền não hiện tiền, tâm không thanh tịnh, chẳng thể gìn giữ!

Chúng ta niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, đại khái phải mất một tiếng đồng hồ. Trong một tiếng đồng hồ, tu cái tâm thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm đều buông xuống. Có thể giữ được cái tâm thanh tịnh bao lâu? Có thể giữ mười tiếng đồng hồ hay không? Mười tiếng đồng hồ chẳng được, có thể giữ năm tiếng đồng hồ hay không? Năm tiếng đồng hồ vẫn chẳng được; có thể giữ hai tiếng đồng hồ hay không? Quý vị cứ tiến dần dần. Đang trong lúc tụng kinh, tâm chẳng thanh tịnh, vẫn dấy lên vọng tưởng, quý vị làm sao giữ cái tâm thanh tịnh cho được? Từ chỗ này, sẽ biết bản thân chúng ta đạt được bao nhiêu lợi ích. Sau đấy, quý vị mới nghĩ quý thần có thể đạt được bao nhiêu lợi ích. Kinh Địa Tạng đã dạy rất hay: Trong Phật sự siêu độ, chính mình được lợi ích sáu phần bảy, quý thần được siêu độ chỉ được hưởng một phần bảy. Vì sao làm một thời Phật sự phải thỉnh bảy vị pháp sư? Bảy vị pháp sư, ví như niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, quý thần được siêu độ chỉ hưởng một bộ, tức một phần bảy. Do bảy người, họ mới được hưởng trọn phần. Người niệm kinh được sáu phần, họ được một phần. Do vậy, tùy văn nhập quán trọng yếu, bất luận tu học pháp môn nào, đây là đại tiền đề. Hiện thời, xác thực là người nói [chuyện này] chẳng nhiều, kẻ biết tới càng ít. Vì thế, tuy hằng ngày thực hiện công phu mà chẳng đắc lực!

Chúng ta cũng đã làm khá chu toàn chuyện này, nhưng đạo tràng vẫn cứ sơ sót y như cũ! Trong quá khứ, tôi đã từng nói, chẳng thể nói hoài. Nói hoài, người ta sẽ bảo tôi cứ lải nhải. Ví như làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, trước khi làm một tuần, nhất định phải đem nghi quy Tam Thời Hệ Niệm nghe một lượt! Hiện thời có đĩa CD, hãy nghe kỹ càng một lượt. Sau khi đã nghe xong, quý vị mới bắt đầu làm. Tâm cảnh của quý vị sẽ khác hẳn, niệm đến chỗ nào, biết ý nghĩa là gì. Vì thế, hiện thời xác thực là mỗi ngày phải nghe kinh, mỗi ngày phải niệm Phật. Kẻ sơ học công phu chưa đắc lực, phải đổ công sức nghe kinh nhiều hơn, ngõ hầu hiểu rành rẽ, hiểu rõ ràng. Kẻ công phu đã đắc lực bèn dụng công dốc sức niệm Phật nhiều hơn. Có còn phải nghe kinh hay không? Phải nghe! Vì sao? Làm Ảnh Hưởng Chúng. Người ta thấy quý vị tu rất khá, [sẽ nói]:

“Quý vị thấy người đó [tu hành tinh tấn như vậy mà còn] hằng ngày nghe kinh, ta tu hành chẳng nên thân, làm sao có thể chẳng nghe kinh cho được?” Ảnh hưởng người khác. Quý vị thật sự tu rất khá, tâm vô nhiễm, tuy ngồi nơi đó nghe kinh, trong tâm quý vị vẫn niệm Phật, Phật hiệu của quý vị chẳng gián đoạn, ngồi ở đó làm Ảnh Hưởng Chúng, đấy là Bồ Tát. Bồ Tát phát tâm, chỗ nào cũng đều giúp đỡ người khác. Chỗ nào cũng đều dẫn dắt kẻ khác!

Vì thế, “*chánh thân đoan tọa*”, quý vị ngồi vào chỗ của mình, bất luận hiện thời là Thiên đường, Niệm Phật Đường, hay giảng đường, đều có chỗ ngồi. Ngồi vào chỗ bèn “*đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ Đề tòa*” (nguyện cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ Đề). “*Bồ Đề tòa*” là tòa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*giác ngộ*”. Tâm chỉ cần giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, chỗ quý vị ngồi sẽ được gọi là “*Bồ Đề tòa*”, không nhất định phải tìm đến cội cây Bồ Đề. Bất cứ chỗ ngồi nào, nơi Bồ Tát ngồi sẽ là Bồ Đề tòa. Vì sao? Ngài có Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là gì? “*Tâm vô sở trước*” (Tâm chẳng chấp trước), tịnh chứ chẳng nhiễm, chánh chứ không tà, giác chứ không mê, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra cương lĩnh tu học. Đấy là tổng phương hướng, tổng mục tiêu, là nguyên tắc chỉ đạo chung! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiển Giáo hay Mật Giáo, đều chẳng thể lìa khỏi cương lĩnh này. Hễ lìa khỏi cương lĩnh này, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Tương ứng với cương lĩnh ấy, tòa ấy chính là Bồ Đề tòa, chỗ quý vị ở sẽ là “*vô thượng đường*”. Vô thượng đường ở chỗ nào? Chỗ Bồ Tát ở chính là vô thượng đường, chỗ Bồ Tát ngồi chính là Bồ Đề tòa. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này!

Trong giáo pháp Đại Thừa tu gì vậy? Tu “*tâm vô sở trước*” (tâm chẳng chấp trước). Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy rõ ràng dường ấy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”, câu nói ấy đã quá rõ ràng! Nếu nay tâm chúng ta chẳng chấp trước, chẳng phải là trí huệ và đức tướng giống như hết thấy chư Phật đều hiện tiền ư? Phật, Bồ Tát từ bi, từ bi đến tột bậc, chẳng hề giấu giếm mảy may! Nếu quý vị thật sự hiểu, đó gọi là “*ngay lập tức bèn đảm đương*”, quý vị hoàn toàn tiếp nhận, sẽ lập tức thành Phật. “*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (Buông dao mổ xuống, ngay lập tức thành Phật). Dao mổ là tỷ dụ, tỷ dụ điều gì vậy? Tỷ dụ vọng

tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần buông xuống những thứ ấy, sẽ ngồi tòa Bồ Đề. Vì sao chẳng buông xuống được? Nếu quý vị chẳng buông xuống được, Bồ Đề tâm sẽ vĩnh viễn chẳng thể hiện tiền, quý vị học Phật nổi gì!

Hai nguyện sau nói đến pháp tu tập của Bồ Tát. Nguyện thứ tư nói về Định, nguyện thứ năm nói về Quán. Quán là Huệ, chẳng có gì khác! Bốn điều trước thuộc về Giới, là quy củ, là tiền phương tiện. Quý vị nhìn vào sự tu học của họ, có phải là Tam Học Giới, Định, Huệ hay không? Nay chúng ta tu hành, chẳng lãnh ngộ nguyên tắc này! Chẳng tương ứng với nguyên tắc này, sẽ là như cổ nhân đã nói, lời lẽ rất khó nghe! *“Tu mà luyện đui!”* Tuy rất dụng công, công phu chẳng đặc lực. Công phu chẳng đặc lực thì phải biết là do quý vị chẳng đoạn tập khí phiền não, thành thử công phu chẳng đặc lực. Nếu công phu đặc lực, tập khí phiền não sẽ ngày một ít đi, trí huệ ngày một tăng trưởng. Đó gọi là *“phiền não khinh, trí huệ trưởng”* (phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng). Đây là trạng huống công phu đặc lực. Phiền não vẫn y như cũ, thậm chí phiền não còn tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng có. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Nếu quý vị hơi lưu ý, nơi nơi chốn chốn quý vị đều có thể trông thấy! Trong đạo tràng có người làm công quả, khi họ chẳng làm công quả, phiền não nhẹ nhàng, có chút trí huệ. Vừa làm công quả, phiền não hiện tiền, chẳng có trí huệ! Khi người ta chẳng có chuyện gì, tâm khá thanh tịnh, dễ dàng thanh tịnh. Do vậy, tu hành trong thời cổ, năm năm đầu học Giới! Sau đấy, tiến nhập các điện đường, họ sẽ buông xuống, làm đại chúng thanh tu! Kẻ học Giáo thì hằng ngày nghe kinh, nghiên cứu Giáo, chuyên chú nơi giáo lý, họ sẽ buông xuống trong giảng đường. Kẻ niệm Phật tu nhất tâm bất loạn. Kẻ tham Thiền bèn học *“tâm chẳng trụ vào đâu”*, công phu sẽ dần dần đi vào nề nếp. Hiện thời, chẳng dễ tìm được một hoàn cảnh như vậy, chẳng tìm thấy! Vì thế, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta nếu làm Niệm Phật Đường, đừng vượt quá hai mươi người, có lý lắm! Quý vị thật sự tu! Nếu đông người, sẽ trở thành náo nhiệt, chẳng thể thanh tịnh. Không vượt quá hai mươi người, chính là sự chỉ đạo cao minh nhất! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xem bài kế kế tiếp là bài thứ tư:

(Kinh) Kết già phu tọa, đương nguyện chúng sanh, thiện căn kiên cố, đắc bất động địa.

(經) 結跏趺坐。當願眾生。善根堅固。得不動地。

(Kinh: Khi ngồi xếp bằng, nguyện cho chúng sanh, thiện căn kiên cố, đạt bất động địa).

“Già phu” (跏趺) chính là “ngồi xếp bằng” như thế tục thường nói: Trước hết, ngồi xuống, sau đấy xếp chồng hai chân. Quý vị thấy tư thế ngồi này được nói rất cặn kẽ. Bài kệ trước là ngồi xuống, sau khi đã ngồi, lại khoanh chân xếp bằng. Nói thật ra, ngồi xếp bằng ổn thỏa nhất. Có thể ngồi trong một thời gian lâu, chẳng mệt. Diện tích phía dưới lớn, sẽ ngồi rất ổn, rất thoải mái. Tư thế ngồi này phải luyện tập từ lúc trẻ, chứ tuổi đã cao, xương đã cứng, huyết mạch chẳng lưu thông suốt, chẳng có trở ngại gì như khi còn trẻ. Vì thế, quý vị ngồi lâu sẽ bị tê. Nguyên nhân gây tê là do huyết mạch và huyết khí không thông, bị chèn ép! Tuổi càng trẻ, đùi còn mềm, ngồi thành thói quen, quý vị sẽ cảm thấy rất thoải mái! So với hiện thời chúng ta ngồi ghế tựa, buông hai chân xuống, gọi là “ngồi thông chân” thì thoải mái hơn nhiều. Do vậy, nhất định phải dưỡng thành thói quen. Người tuổi đã cao, chẳng có cách nào xếp bằng, cũng chớ nên miễn cưỡng. Xếp bằng thì có đơn bàn và song bàn⁶¹; đương nhiên là song bàn tốt nhất. Chẳng thể ngồi song bàn thì đơn bàn.

Tu hành, có thể nói là pháp thế gian hay xuất thế gian pháp đều cần tuổi trẻ, khi tu học phải còn trẻ. Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Hòa Thượng truyền y bát cho Ngài, Ngài thành vị tổ đời thứ sáu của Tông Môn. Khi ấy, Ngài chỉ hai mươi bốn tuổi, tuổi rất trẻ! Bất luận làm gì, chỉ có tuổi trẻ thì mới có thể lực, mới có tinh thần. Then chốt để thành hay bại là như trong phần mở đầu của phẩm kinh này, Văn Thù Bồ Tát đã dạy, “*thiện dụng kỳ tâm*” (khéo dùng cái tâm), quý vị sẽ thành công. Chẳng khéo dụng tâm, quý vị sẽ thất bại. Đúng vậy, câu nói ấy chính là chỗ then chốt. Đương nhiên là thành hay bại còn phải có trợ duyên, [duyên] cũng hết sức quan trọng là thầy. Thuở trẻ, gặp một vị thiện tri thức thật sự, quý vị sẽ có thể thành tựu trong đời này. Chẳng gặp chân thiện tri thức, sẽ rất khó khăn. Kinh tạng trong Phật pháp nhiều ngàn ấy, cổ nhân nói là “*hạo như yên hải*” (mênh mông như khói lan tỏa trên mặt biển), nhập môn từ chỗ nào? Do đó, phải có thiện tri thức chỉ đạo, điều này là then chốt. Trừ điều này ra, đương nhiên là trợ duyên từ các đồng tham đạo hữu và đạo tràng cũng hết sức trọng yếu, nhưng trong xã hội hiện tiền, điều này càng ngày càng khó!

Đồng thời, phải biết thắng duyên (勝緣, duyên thù thắng) chẳng còn mãi. Từ xưa tới nay là như thế! Quý vị phải nhận biết cơ duyên, phải nắm chắc cơ duyên, thời tiết nhân duyên chẳng lâu dài! Vì thế, quý vị phải nhận biết, phải có thể nắm chắc. Một ngày có nhân duyên của một ngày, một năm có nhân duyên của một năm, từ xưa đến nay, Trung Hoa hay ngoại quốc đều chẳng khác nhau! Thông thường là cái duyên tốt đẹp khoảng chừng ba năm, sau ba năm, có thể sẽ nảy sinh biến hóa. Chớ nên không biết điều này! Khổng phu tử đã nói: *“Nhân tồn chánh cử, nhân vong chánh tức”* (Người còn thì nền chánh trị chánh đáng được áp dụng, người mất thì sự cai trị tốt đẹp chấm dứt). *“Nhân”* ở đây chính là thiện tri thức. Thiện tri thức còn thì thiện duyên mới có thể duy trì. Thiện tri thức mất, duyên sẽ chẳng thể duy trì. Vì thế, chẳng thể không nắm chắc. Hãy nắm thật chặt, nghiêm túc nỗ lực học. Đã tìm được phương pháp và đường lối, dẫu lìa khỏi thiện tri thức, chính mình cũng biết hãy nên đi như thế nào.

Duyên phận giữa tôi và thầy Phương là thầy hướng dẫn tôi nhập môn, thời gian chẳng dài. Đã nhận biết Phật pháp, khi ấy gặp gỡ Chương Gia đại sư, tôi theo lão nhân gia ba năm, Ngài viên tịch, đã đi rồi. Trong ba năm ấy, chúng tôi gặp mặt mỗi tuần một lần. Đại khái, tôi tính thử, một năm được gặp Ngài từ bốn mươi lần cho đến năm mươi lần. Tiếp nhận giáo huấn của Ngài, mỗi lần gặp mặt khoảng chừng hai giờ, học trò chỉ có mình tôi. Sau khi thầy đã khuất núi một năm, lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi quen biết thầy Lý, cũng là vừa gặp mặt bèn rất hợp duyên. Thầy giảng kinh rất hay, càng nghe càng hoan hỷ. Đồng học cũng đều rất khá, rất đông, tôi thấy vậy hết sức hâm mộ. Họ đã theo thầy hơn mười năm, tôi là kẻ đến sau!

Khi đó, tôi đã nghĩ làm thế nào để có thể đuổi kịp họ, dấy lên ý niệm như thế đó. Gặp pháp sư Tâm Ngộ ở chùa Lâm Tế mời tôi xuất gia. Tôi nghĩ là cơ hội đã đến rồi. Dùng thân phận cư sĩ ở lại Đài Trung, thầy giao cho tôi công việc làm nhân viên quản lý Từ Quang Đồ Thư Quán. Đồ Thư Quán có tất cả ba người, trông nom sách vở và trông coi phòng đọc sách là hai người, người còn lại sẽ trông nom những việc linh tinh khác. Mỗi ngày làm việc tám giờ, buổi tối nghe thầy giảng kinh. Mỗi tuần ba lượt [nghe giảng], hai lần nghe kinh, một lần nghe giảng cổ văn. Khi đó, thầy giảng bộ Cổ Văn Quán Chỉ. Mỗi tuần có ba buổi học, tức là thứ Tư, thứ Sáu và Chủ Nhật, mỗi tuần học ba buổi. Thời gian còn lại dành cho quý vị tự học. Vì thế, có rất nhiều người nói: “Anh ở Đài Trung, cái được chẳng bù nổi cái mất!” Tôi hỏi: “Sao vậy?” “Anh thấy mỗi tuần chỉ học ba

giờ, anh đến học trong Phật Học Viện sẽ tốt hơn!” Tôi thưa cùng họ: “Xét theo năng lực của tôi, ba buổi học hết sức thích hợp. Vì sao? Tôi có thể tiêu hóa. Nếu mỗi ngày đều có lớp, tôi sẽ chẳng tiêu hóa được”. Kể bình phàm chẳng biết điều này!

Thầy dạy mọi người *“thâm nhập một môn, huân tu dài lâu”*. Ba buổi học, hai buổi do thầy dạy, buổi còn lại là do các vị đồng học luyện giảng, chúng tôi đều phải đến dự thính, đều phải đến nghe. Nghe xong, có thể phê bình, giúp họ cải tiến. Học được những phương pháp giảng kinh ấy. Nói thật ra, mỗi tuần thầy giảng kinh một lần, hai buổi học chỉ là một giờ, giờ kia dành để dịch sang tiếng Đài, tức là tiếng Mân Nam⁶². Do đó, hai tiếng đồng hồ, trên thực tế là một tiếng đồng hồ nghe kinh. Cổ văn giảng hai tiếng đồng hồ, không có phiên dịch. Đấy chính là ba giờ nghe giảng mỗi tuần⁶³. Do vậy, tôi nghe kinh, còn có trọn đủ thời gian để chuẩn bị. Thầy giảng bộ kinh nào, tham khảo tư liệu nào, tôi đều tìm kiếm. Pháp sư Trí Khai ở Hương Cảng đã giúp đỡ tôi rất nhiều, tài liệu tham khảo của tôi không thiếu khuyết, còn nhiều hơn thầy nữa! Tôi xem trước, xem những bản chú giải của các vị cổ đại đức, sau đấy nghe thầy giảng, nghe xem thầy giảng như thế nào! Ngạn ngữ có câu: *“Hành gia thính môn đạo, ngoại hành đích nhân thị khán nhiệt náo”* (Bậc thật sự thông hiểu sẽ nghe ra đường lối, kẻ lơ mơ ngoài rìa xem náo nhiệt). Kể như tôi hiểu một chút bí quyết! Cũng có nghĩa là do tôi đã xem trước nhiều tài liệu như thế, nếu tôi lên giảng đài để giảng kinh khi ấy, tôi sẽ giảng theo cách nào. Nghe xem cách giảng của thầy, [nhận biết] tôi thua kém chỗ nào, tôi học điều này!

Vì thế, thầy giảng một giờ, tôi tối thiểu phải dùng ba mươi giờ để làm công tác chuẩn bị cho việc nghe kinh. Sau khi tôi nghe thầy giảng kinh, ngày hôm sau phức giảng (複講), tức là nhắc lại những gì thầy đã giảng một lượt, tôi có thể giảng đến chín mươi lăm phần trăm! Có năng lực ấy, gần như là giảng giống hệt như thầy. Tôi không cần soạn bài giảng, không cần viết bút ký. Thuở trẻ, trí nhớ rất tốt, sức lý giải cũng tốt lắm. Tôi giảng còn hoạt bát, sinh động hơn thầy; do đó, tôi hết sức được thọ dụng bởi chương trình học ấy. Khi ấy, tôi có một người bạn thân là pháp sư Huệ Nhẫn. Sư lớn hơn tôi năm tuổi, cũng rất thông minh. Tôi rủ Sư cùng đến Đài Trung theo thầy Lý học Giáo. Dường như Sư ở nơi đó bốn tháng liền bỏ đi, chẳng chịu nổi! Sư nói: “Ở đây chẳng học được gì! Mỗi tuần lên lớp quá ít!” Sư trở lại Đài Bắc làm kinh sám. Chưa đầy một năm, Sư đã tạo lập đạo tràng, rất khó có, theo đuổi chuyện kinh sám để

kiếm tiền. Về sau, Sư sang Hương Cảng, hình như đã qua đời mấy năm trước! Rốt cuộc trắng tay!

Đây là gì? Thật sự có thiện tri thức, có đồng tham đạo hữu tốt đẹp, lại có đạo tràng để có thể thành tựu, [thế mà] chẳng chịu nắm lấy cơ hội, hết sức đáng tiếc! Thầy rất vui lòng dạy kẻ khác, quý vị chẳng chịu học, chẳng có cách nào cả! Vì thế, sau khi đã nhận biết cơ hội, quý vị phải định cái tâm, *“thiện căn kiên cố, đắc bất động địa”*. Ai nấy đều có thiện căn. Kẻ học Phật nào mà chẳng có thiện căn? Chẳng có thiện căn, quý vị sẽ chẳng ngồi ở nơi đây hai tiếng đồng hồ nổi! Có thể ngồi hai tiếng đồng hồ, chứng tỏ quý vị có thiện căn sâu dày! Nhưng như thế nào? Chẳng kiên cố! Hễ kiên cố, quý vị sẽ bất động. Học tập chưa thành tựu, quyết định chẳng lìa khỏi!

Tôi mong học bí quyết thầy sử dụng để biểu diễn trên giảng đài. Nói thật ra, tối đa là một tháng quý vị đã học hiểu bí quyết ấy. Tôi ở Đài Trung đại khái chẳng cần đến một tháng, hai tuần thôi! Vì thầy Lý có trước tác Nội Điển Giảng Tòa Chi Nghiên Cứu và Thực Dụng Giảng Diễn Thuật, kể như là hai bộ pháp bảo, trong vòng hai tuần, tôi đã học hiểu. Nhưng như thế nào? Học hiểu thì học hiểu vậy đó, lên giảng đài chẳng biết vận dụng như thế nào! Học tài liệu giảng dạy ấy giống như học Tôn Tử Binh Pháp⁶⁴, hai tháng là đã có thể thuộc nhuần như sách Tôn Tử Binh Pháp, nhưng trên chiến trường, sẽ không thể giao chiến nổi! Chỗ mấu chốt trong việc vận dụng là do nhất tâm. Vận dụng là sống động; vì thế, phải trường kỳ theo thầy quan sát, học tập, xem thầy vận dụng trên bục giảng như thế nào. Thầy chẳng có cách nào dạy quý vị điều này được, nó là sống động, phải cẩn thận quan sát trong một thời gian dài mới biết trên bục giảng, thầy tùy lòng vận dụng, đâu đâu cũng hợp lẽ, thuận lợi. Đây chẳng phải là công phu trong một sớm một chiều [mà hòng đạt được]!

Ở Đài Trung, tôi và các bạn học đều theo học với thầy Lý, nhưng không giống nhau. Họ học theo ngôn giáo của thầy, những điều thầy đã giảng họ đều ghi thành bút ký. Sau đấy, dựa theo đó để giảng. Tôi chẳng làm vậy, tôi không biên chép, chẳng cần phải ghi lại. Vì sao? Tài liệu chú sớ của cổ đức dùng để tham khảo quá nhiều, điều khẩn yếu là phương pháp, kỹ xảo; những thứ này sống động. Tôi ở nơi đó mười năm để học những điều này, hiểu rõ cách nghĩ và phương pháp của thầy. Thầy giảng giải, thích liệt kê những điểm đại cương, viết thành đại cương, tôi hoàn toàn có thể đọc hiểu.

Ở Đài Trung, tôi cũng đã có thí nghiệm một lần. Thầy giảng kinh Kim Cang, khi đó, tôi ở Đài Bắc. Tôi xin lão hòa thượng trong đạo tràng cho nghỉ phép để lại đến Đài Trung học Giáo, do luôn cảm thấy chính mình học chưa đủ. Coi như được lão hòa thượng chấp thuận, tôi đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh Kim Cang hơn một tháng. Chư vị phải biết, một tháng có bốn giờ, tôi chẳng được nghe bốn giờ đầu, chẳng được nghe đã bốn lần rồi! Tôi liền xin một vị đồng học là cư sĩ Châu Gia Lân, là một bạn học thân thiết, giảng bù lại cho tôi: “Những gì thầy đã giảng trong lần trước, xin ông nhắc lại cho tôi nghe một lượt”. Ông ta cũng rất từ bi đáp ứng. Khi giảng, rất trúc trắc, loạc choạc, do chiếu theo bút ký để giảng. Sau đấy, tôi nói: “Như vậy là được rồi, thầy có soạn sườn bài giảng, tôi có thể chiếu theo sườn bài để giảng một lượt. Các vị nghe thử xem tôi có giảng trật chỗ nào hay không?” Họ cũng đồng ý. Bảy người bạn học của tôi họp thành một lớp nhỏ, bảy người chúng tôi họp nhau lại để phức giảng một lần, mười năm như một ngày. Đồng tham đạo hữu chẳng dễ dàng, có [những vị thiện hữu như] Từ Tỉnh Dân, Châu Gia Lân.

Tôi giảng xong, bước xuống, mấy người họ hỏi: “Ông làm sao mà giảng giống hệt như thầy vậy?” Lần đầu tiên làm thí nghiệm. Tôi bảo họ: “Tôi theo thầy thời gian tuy chẳng dài, hai năm thôi! Nhưng tôi hiểu tư tưởng và phương pháp của thầy. Do đó, tôi nắm được đề cương của thầy, cơ bản là chẳng sai khác cho mấy!” Vì thế, tôi chẳng nghe [thầy giảng] bốn lần trước, [thế mà] tôi giảng cho họ nghe, họ ấn chứng cho tôi! Điều này có nghĩa là: Tuy có thiện căn, phải kiên cố, phải chẳng dao động thì mới có thể thành tựu. Thường xuyên thay đổi thầy, thường xuyên đổi khoa mục, thường xuyên đổi đạo tràng, rất khó thành tựu! Vì sao? Tâm quý vị chẳng định! Nếu chúng ta muốn thành tựu, từ bài kệ *“nhược kết già phu”* này, quý vị có thể thấu hiểu, phải định! Có thiện căn kiên cố rất sâu, có năng lực thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quyết định theo một vị thầy tới cùng thì mới có thể thành tựu.

Do vậy, đối với cách dạy trong Phật Học Viện, sau khi đến Đài Trung, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Về sau, có rất nhiều Phật Học Viện mời tôi đến dạy, tôi không đến. Vì sao? Gây lầm lạc cho con em người ta, học sinh chẳng được thọ dụng! Khóa trình trong Phật Học Viện giống như nhà trường [thế gian], phỏng theo [cách huấn luyện trong] nhà trường, tuy đều là giảng kinh Phật, nhưng khác hẳn! Ví như trong tiết học thứ nhất, thầy Giáp giảng kinh Di Đà. Tiết học thứ hai lại đổi thầy, giảng phẩm Phổ Môn. Kinh Di Đà trong tiết trước còn chưa lưu lại ấn tượng; tiết sau lại đổi thành phẩm Phổ Môn. Buổi học sau biến thành

phẩm Phổ Môn, tâm học sinh bị loạn. Như vậy thì ba năm tốt nghiệp, tốt nghiệp từ Phật Học Viện, thứ gì cũng chẳng hiểu. Thật sự dụng công, [chỉ là] đạt được một chút thường thức Phật pháp hời hợt bên ngoài! Làm sao có thể thọ dụng cho được?

Sau khi chúng tôi đến Đài Trung, mới biết phương pháp do thầy Lý sử dụng chính là biện pháp dạy học trong trường tư thục thời cổ. Tuy trong lớp có hơn hai mươi học trò, mỗi trò chỉ có thể học một bộ kinh, có thể chọn kinh khác nhau. Vì thế, mỗi đồng học chúng tôi chọn kinh, mỗi người học khác nhau, nhưng thầy dạy người khác, quý vị có thể nghe ké, thấy đều cùng nghe với nhau, nhưng mỗi người thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, chú trọng điều này! Thầy Lý bảo tôi: - Anh thấy hơn hai mươi vị đồng học, người phát tâm học bộ kinh này sẽ phải [lên bục] giảng. Ngày Chủ Nhật, người ấy phải phức giảng, phải giảng cho đại chúng nghe. Thính chúng đại khái gần như khoảng một trăm người, [do vậy người phức giảng] rất dụng công, chỉ sợ giảng không được! Các đồng học khác nghe ké, mọi người giúp người ấy ghi bút ký, vì mỗi người rất khó thể mong ghi lại [lời thầy giảng] hoàn chỉnh được! Chúng tôi cũng chưa học kỹ xảo tốc ký, nghe được bao nhiêu viết bấy nhiêu. Sau khi đã ghi chép, đều giao cho người ấy. Người ấy quay về tham khảo, soạn bài giảng. Các đồng học giúp đỡ người ấy!

Tôi đến cuối cùng, tên được xếp cuối cùng. Vì thế, chưa đến phiên tôi, tôi đã rời khỏi Đài Trung, xuất gia. Nhưng trí nhớ và sự lý giải của tôi đều mạnh hơn họ. Nghe một lần, tôi đã có thể phức giảng. Tôi ở Đài Trung một năm ba tháng, tức là mười lăm tháng, nghe thầy Lý dạy học, giảng mười ba bộ kinh. Đại khái, tốc độ tiến triển của thầy gần như là mỗi bộ kinh giảng một tháng. Một tháng là năm lần giảng, tôi học hiểu từ đó. Tôi vừa xuất gia bèn dạy tại Phật Học Viện. Học được mười ba bộ kinh tại Đài Trung bèn đi biểu diễn. Thành tích biểu diễn vẫn còn khá, còn được đại chúng hoan nghênh, nhưng trong tâm chính mình hiểu rõ ràng: Chẳng có bề sâu, chỉ có hời hợt bề ngoài. Do vậy, nhất định phải quay về. Thế nào đi nữa cũng phải quay về, về lại Đài Trung theo thầy một thời gian dài thì mới có thể thâm nhập. Thời gian ngắn ngủi chắc chắn sẽ không được! Vì thế, tôi trở về, thầy hoan hỷ. Đấy chính là kinh nghiệm tu học của bản thân tôi.

Hai chữ “*bất động*” chính là then chốt. Quý vị thấy trong sáu phương Phật từ kinh Di Đà, vị thứ nhất là A Súc Bệ Phật, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là Bất Động. Để thành tựu pháp thế gian lẫn Phật pháp, đấy là then chốt. Chỉ cần quý vị có thể bất động, tâm quý vị định lại ở nơi ấy,

lẽ nào chẳng thành công? Chúng ta lại nghĩ tới những vị tổ sư đại đức từ thời cổ, các Ngài dùng gì để thành tựu? Chính là “*đắc bất động địa*” (đạt địa vị bất động)! Vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư, là người sống vào thời Đông Tấn, khi đó cũng là thời loạn. Tại Lư Sơn ở Giang Tây, Ngài lập Niệm Phật Đường, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, nay gọi là chùa Đông Lâm, là nơi tu học của Viễn công đại sư. Tập hợp những vị đồng tu chí đồng đạo hợp, có tại gia, có xuất gia, một trăm hai mươi ba vị, ai nấy đều thành tựu! Một trăm hai mươi ba vị ấy đều là nam giới, chẳng có nữ giới, lấy Hồ Khê làm giới hạn, tâm đều định trong ấy. Kết giới, trọn chẳng ra ngoài giới tuyến. Vì thế, tâm họ định, do tâm chuyên, cho nên mới thành tựu. Nếu du hóa khắp nơi, tham phỏng khắp nơi, sẽ rất khó, chẳng thể thành tựu!

Mấy năm trước, tôi sang thăm Nhật Bản. Núi Tỳ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản là thánh địa Phật giáo, người địa phương gọi nơi ấy là “*mẹ của Phật giáo Nhật Bản*”. Nhật Bản có mười ba tông phái, mười ba vị tổ sư đều từ núi ấy mà ra. Tôi hỏi vị thầy Dương Gia trên núi: “Trong quá khứ, những vị tổ sư đại đức tu hành ở trên núi bao lâu? Ở trên núi bao lâu?” Sư cho biết, tối thiểu là từ mười sáu năm trở lên! Tôi nghe xong, hiểu rõ. Tôi lập Tịnh Tông Học Viện tại Úc, yêu cầu các đồng học: “Quý vị đến học viện học tập, tối thiểu là chín năm chẳng xuống núi, quý vị sẽ có thành tựu”. Khi đó, tôi nghĩ: “Thời gian chín năm có phải là dài quá hay chẳng?” Trong chín năm ấy, hai năm đầu để học những môn chuẩn bị, tức là học tập Đệ Tử Quy, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi. Trong những trước tác của cổ nhân thì có thiên sách Đồng Mông Dưỡng Chánh (bồi dưỡng những điều chánh đáng cho trẻ thơ) là thiên thứ nhất trong bộ Ngũ Chung Di Quy và Liễu Phàm Tứ Huấn, chọn đọc những thứ trọng yếu trong ấy, dùng hai năm để đặt vững cơ sở. Năm thứ ba, thứ tư và thứ năm, trong ba năm ấy, học tập năm kinh một luận của Tịnh Tông, quý vị đối với kinh sách của Tịnh Tông đều thân thuộc. Bốn năm cuối cùng, chuyên đổ công dốc sức nơi một môn. Quý vị chọn một môn trong năm kinh một luận, dùng thời gian bốn năm để học tập, như vậy thì sẽ có thể thành tựu. Nếu khắp nơi có người thỉnh, hễ được thỉnh liền đến đó, sẽ chẳng thể thành tựu! Quý vị chỉ kết pháp duyên với các nơi, khiến cho sự tu hành và giáo học của chính mình bị lỡ làng, sai mất rồi!

Họ thấy tôi, tôi suốt đời chẳng có đạo tràng. Vì thế, chỗ nào mời tôi giảng kinh, tôi sẽ đến, đấy là chuyện bất đắc dĩ. Họ chẳng thấy tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, tôi theo thầy Lý năm năm, năm năm cuối

tuân thủ nguyên tắc, hoàn toàn chẳng ở Đài Trung. Năm năm đầu là ở Đài Trung. Chẳng có thời gian dài ngắn ấy, sẽ chẳng được! Làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Người hiện thời ngày càng chẳng có kiên nhẫn, tỷ lệ thành tựu ngày càng hiếm hoi! Vì thế, tôi nói: “Cố nhiên là thiện căn sâu dày, nhưng chẳng kiên cố!” Xuất gia là như thế, mà tại gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tại gia có thể thành tựu hay không? Có thể chứ! Người thành tựu rất đông! Vì sao họ thành tựu? Một vị thầy, một pháp môn, một đạo tràng, tuyệt đối chẳng phải là đi lung tung. Đối với bất cứ đạo tràng nào và bất cứ pháp sư nào cũng đều tôn kính, nhưng chính mình học theo một vị thầy, một đạo tràng. Vì sao? Cái tâm sẽ định!

Có thắc mắc, có nghi hoặc, hãy hướng về thầy thỉnh giáo, chớ nên nghe lời kẻ khác. Dẫu là pháp sư, mỗi vị pháp sư học pháp môn khác nhau, tri kiến chẳng giống nhau. Quý vị theo học với một người, sẽ là một con đường. Theo học với hai người, sẽ là hai con đường. Theo học với ba người, trở thành ngã ba. Theo học với bốn người, trở thành ngã tư. Quý vị đi theo hướng nào? Chớ nên không hiểu đạo lý này! Vì sao trong Phật môn lại có tham học? Tham học là gì? Là chuyện sau khi đã tốt nghiệp. Kinh Hoa Nghiêm là khuôn mẫu: Thiện Tài đồng tử theo một vị thầy, tức Văn Thù Bồ Tát. Trong hội của Văn Thù Bồ Tát, Ngài thành tựu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Đắc bất động địa, thành tựu Căn Bản Trí. Nói theo kiểu hiện thời, Thiện Tài đã minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Làm thế nào để có thể bất động? Đoạn vọng tưởng, đoạn phân biệt, đoạn chấp trước. Đối trước cảnh giới sáu trần, sáu căn như như bất động, như kinh Kim Cang đã nói: *“Ngoài chẳng giữ lấy tướng, trong chẳng động tâm”*. Quý vị sẽ thành tựu nơi vị thầy ấy, tốt nghiệp. Sau khi đã tốt nghiệp, thầy sẽ bảo quý vị tham học. Vì sao? Tham học nhằm viên mãn Hậu Đắc Trí, cũng là vận dụng Căn Bản Trí vào công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày.

Kinh Bát Nhã dạy: *“Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết”*. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ là *“vô tri”*. *“Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”* là *“vô tri”*. Khởi tác dụng là gì? Chúng sanh ở nơi đâu có cảm, quý vị sẽ ứng, cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới. Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, phải nên nói pháp gì, quý vị liền nói pháp ấy. Không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, tham học đấy! Do vậy, trong phần sau [kinh Hoa Nghiêm] có năm mươi ba lần tham học. Chẳng đắc Căn Bản Trí, cũng có nghĩa là chẳng minh tâm kiến tánh, hoặc chúng ta nói cách khác, quý vị còn chưa buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước,

sẽ chẳng có tư cách tham học! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông xuống, thầy nhất định sẽ bảo quý vị đi tham học, tuyệt đối chẳng giữ quý vị. Nếu thầy giữ quý vị lại, sẽ có lỗi với quý vị! Nhất định khuyên quý vị đi tham học, nhằm thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Chúng ta đã thấy thể lệ này trong kinh Hoa Nghiêm.

Hiện thời nhằm thời kỳ Mạt Pháp, tiêu chuẩn hạ thấp. Trước kia phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều buông xuống, quý vị mới có tư cách đi tham học. Hiện thời, nói lỏng đến mức độ nào? Chẳng nói tới phân biệt và vọng tưởng, chỉ bàn đến chấp trước. Có thể nhạt bớt chấp trước đôi chút, trí huệ của quý vị cũng có thể nâng cao. Quý vị sẽ có năng lực phân biệt chân, vọng, có năng lực phân biệt tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác. Có năng lực ấy, thầy cũng cho phép quý vị đi tham học. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng bị hại. Quý vị thấy người khác tu trì, nghe người khác giảng kinh, trong tâm quý vị có sự phán đoán, biết kẻ ấy nói đúng hay trật, kẻ ấy làm đúng hay sai, hữu ích cho chính mình. Chúng ta học tập theo chỗ đúng của người ấy. Đối với chỗ chẳng đúng, sẽ tự hỏi: “Ta có phạm sai trái giống kẻ ấy hay không? Hễ ta cũng phạm sai trái, hãy nhanh chóng sửa đổi”. Đây là như Khổng Tử đã nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có một người là thầy ta). Đạo lý ở chỗ này, chính mình có thể thật sự được thọ dụng. Chẳng phải là tham học như Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học nhằm hoằng pháp lợi sanh, khác hẳn. Chúng ta tham học như vậy vẫn nhằm thành tựu chính mình!

Nhưng trong thế gian hiện thời, bất luận là tại gia hay xuất gia, đối với sự tu trì và ngôn luận của kẻ ấy, có nên phê bình hay không? Chớ nên! Phải biết điều này. Phê bình mà kẻ đó có thể tiếp nhận, có thể sửa đổi thì được, nhưng [người như vậy] quá ít. Người thế gian có tập khí kiêu căng, ngạo mạn, đấy là phiền não bầm sanh, phải thừa nhận điều này. Nói theo Phật pháp, quý vị thấy sau tham, sân, si là mạn. Trong giáo học của Nho gia, quý vị mở Lễ Ký ra, thiên thứ nhất nói: “*Ngạo bất khả trường*” (Chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo). Phu Tử thừa nhận, con người có ngạo mạn hay không? Có! Hy vọng quý vị đừng nên tăng trưởng lòng ngạo mạn nữa. [Đó là nói theo] pháp thế gian; trong Phật pháp, nhất định là phải đoạn trừ ngạo mạn. Vì sao? Quý vị chẳng mong thoát khỏi tam giới ư? Quý vị chẳng mong vãng sanh Tây Phương ư? Hễ có tâm ngạo mạn, sẽ chẳng thể vãng sanh.

Do vậy, tôi khích lệ đồng học, viết bốn chữ, Thành (誠) là chân thành, thành thật. Kính (敬): Đối với người, đối với sự, đối với vật, phải

cung kính, chân thành cung kính. Khiêm (謙): Khiêm hư. Hòa (和): Cư xử hòa thuận với hết thầy chúng sanh. “*Thành kính khiêm hòa*”: Khiêm nhằm đối trị ngạo mạn, phải khiêm hư, chớ nên ngạo mạn. Phải tôn trọng người khác, chính mình phải luôn nhún nhường, hạ mình, như vậy thì mới nên, quý vị mới có thể đạt được lợi ích! Nhưng điều này chẳng dễ học được, cũng là phải [học tập, vun bồi] từ nhỏ. Khéo dạy từ bé, cha mẹ dạy, thầy dạy, biết khiêm hư, biết lễ độ, nhường nhịn, chịu nhường người khác, biết buông xuống. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, tôi được thọ dụng suốt một đời. Người như vậy đúng là chẳng nhiều!

Quý vị phải nghe biết [những lời lẽ] khách sáo, người ta nói “*xin quý vị chỉ giáo, phê bình chỉ dạy*”, lời lẽ khách sáo đấy! Quý vị thật sự phê bình, chỉ dạy họ, ngay lập tức họ đổi sắc mặt, ta biết là rất khó tiếp nhận. Vì thế, chẳng phê bình, chẳng chỉ trích. Nhưng chính mình nhất định phải hồi quang phản chiếu, người khác là một tấm gương để soi chính mình. Chính mình chẳng dễ dàng phát hiện lầm lỗi của bản thân. Thấy người khác có lầm lỗi, hãy nên lập tức hồi quang phản chiếu, suy ngẫm chính mình có [những điều lầm lỗi ấy] hay không? Đó gọi là “*hữu tắc cải chi, vô tắc gia miển*” (hễ có thì sửa đổi, không có thì càng thêm gắng sức). Điều này khiến cho chính mình rất có thọ dụng. Đối với những kẻ làm chuyện sai trái, chúng ta phải có tấm lòng cảm kích; vì sao? Họ đã nhắc nhở chúng ta. Nếu ta không thấy, không nghe tình huống của họ, chính mình sẽ chẳng biết phản tỉnh, có lỗi mà chẳng biết sửa lỗi. May mắn là ta nghe, ta thấy [những sai quấy ấy], tự mình phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới. Vì thế, có lòng tôn kính, có lòng cảm ơn người khác. Đây là tốt đẹp. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

---o0o---

Tập 1516

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần Tọa Thiền Quán, xem từ bài kệ tụng thứ năm, tức đoạn thứ ba [trong phần ấy].

(Kinh) Tu hành ư Định, đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư.

(經)修行於定。當願眾生。以定伏心。究竟無餘。

(Kinh: Tu hành nơi Định, nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế tâm, rốt ráo chẳng sót).

Bốn bài kệ trước nói về “*tiền phương tiện*” trong sự tu học, cũng là những nghi thức, quy củ phải nên có trước khi tu học. Thứ nhất là tiến nhập điện đường; học kinh giáo là [tiến nhập] giảng đường. Tu hành nói chung chẳng ngoài Thiền đường, Niệm Phật Đường; tu pháp môn sám hối bèn có giới đường hoặc sám hối đường. Những tôn giáo khác cũng đều có. Trước hết, quý vị tiến nhập điện đường, do trong phần trước, tôi đã thưa trình cặn kẽ cùng quý vị, đức Phật tại thế (chúng ta gọi “*điện đường*” là “*đạo tràng*” cho dễ, để nói cho tiện), vì đức Phật thường ở dưới cội cây, ở trong núi rừng, đều là ngồi dưới đất, ngay cả chiếu cũng chẳng có! Đương nhiên là học trò nhất định sẽ chuẩn bị một tòa ngồi cho thầy. Tòa ngồi ấy là tìm một ít cỏ tranh gần đó, dùng cỏ trải thành cái đệm, để đức Phật ngồi trên cái đệm ấy, do cỏ xếp thành.

Người xuất gia mang theo tấm Ni-sư-đàn, giống như tọa cụ. Nói thật ra là “*ngọa cụ*” (臥具, những tấm vải để trải nằm và đắp), nhưng cũng có thể trải lên cỏ. Trải lên cỏ để xếp đặt chỗ ngồi. Sau khi xếp chỗ ngồi xong xuôi, ngồi ngay ngắn trên ấy. Đã ngồi xong, khoanh chân xếp bằng, gọi là “*kết già phu tọa*”. Trong kinh giáo, đức Phật dạy: “*Già phu tọa*” tức là ngồi khoanh tròn hai chân; tư thế ngồi ấy ổn định nhất, có thể khiến cho cái tâm của chính mình chẳng tán loạn. Ma vương trông thấy hình dạng ấy, tâm rất kinh hãi. Nói cách khác, ma chẳng đến quấy nhiễu. Thứ tư là biện định sự khác biệt với các tôn giáo khác, tư thế ngồi trong Phật môn chẳng giống các tôn giáo khác. Thứ năm là tâm dễ định, do cách ngồi như vậy, sẽ dễ định. Kẻ trẻ tuổi có thể làm thử xem. Đại khái là người từ bốn mươi tuổi trở lên, nếu chẳng ngồi đã thành thói quen, sẽ khá khó khăn.

Đây là các tiền phương tiện; mỗi cử động đều phát nguyện, đều quán tưởng, đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Đây chính là như trong phần trước Văn Thù Bồ Tát đã dạy: “*Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (Nếu Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, màu nhiệm). Trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị: Trong phẩm kinh này, bất quá là nêu lên mấy thí dụ, tổng cộng nói ra một trăm bốn mươi một nguyện, tức là nêu ra một trăm bốn mươi một thí dụ. Chúng ta là kẻ học tập phải hiểu, cổ nhân nói “*nghe một biết mười*”. Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động đều là thực hiện Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chẳng lìa khỏi cuộc sống của chúng ta, thậm chí nói là chẳng lìa khỏi khởi tâm động niệm. Học tập như vậy thì mới có thể kế nhập cảnh

giới Hoa Nghiêm. Nếu quý vị hỏi bản thân mình có kế nhập hay không ư? Hãy tự hỏi chính mình! Quý vị có hiểu rõ phẩm kinh Tịnh Hạnh này hay chẳng? Có thực hiện hay không? Nếu quý vị thật sự triệt để hiểu rõ, giải ngộ, có thể thực hiện nơi khởi tâm động niệm, quý vị thật sự chứng ngộ, đã kế nhập.

Chỗ khác biệt giữa chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát và chúng ta là quý vị thấy các Ngài khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động đều chẳng giống chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm là vọng tưởng, nhất cử nhất động là tạo nghiệp, quý vị nói điều này có đáng sợ lắm không? Thế giới hiện thời hỗn loạn dường ấy, người trong cả cõi đời, bất luận là tinh thần hay vật chất, chẳng thể nói là không có áp lực, mà còn có cảm giác nguy cơ nghiêm trọng. Những khổ nạn do đâu mà có? Do con người tạo ra, đều là do tâm hạnh bất thiện của chính mình cảm vờ. Trong thế gian này, xác thực là có chẳng ít những bậc có chí, những vị có lòng nhân, chuyên gia, học giả đang truy tìm phương pháp gì hòng có thể khiến cho xã hội khôi phục an định, hòa bình, có thể xử lý thỏa đáng khá nhiều vấn đề. Tôi nghe không ít, mà cũng thấy rất nhiều, có cảm xúc rất sâu “chẳng dễ gì thực hiện!” Cũng có nghĩa là chẳng làm được! Lý tưởng thì hay lắm, phương pháp khá lắm, nhưng chẳng thực hiện được! Lại nghiên cứu một phen, vì sao chẳng làm được? Chuyện này, nói theo ngôn ngữ Trung Hoa sẽ là “*giải linh hoàn nhu hệ linh nhân*” (để cởi chuông vẫn phải cần đến kẻ buộc chuông). Nói rõ hơn là mọi người chẳng tìm được căn nguyên ở chỗ nào, đức Phật đã tìm được. Căn nguyên là do mê mất tự tánh.

Cổ thánh tiên hiền Trung Hoa và ngoại quốc đã hiểu rõ; vì sao họ hiểu rõ? Tâm họ thanh tịnh, tâm họ định. Tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Chư vị đồng học đều hiểu, tu học trong Phật pháp là do Giới đắc Định, do Định khai trí huệ. Trí huệ hiện tiền, quý vị có thể chiếu kiến những vấn đề phức tạp ấy rành rẽ, rõ ràng. Để xử lý thì phải thực hiện từ căn bản; căn bản là gì? Giáo dục yêu thương, giáo dục luân lý đạo đức. Người có thể yêu thương chính mình, sẽ có thể yêu thương người khác, sẽ chẳng hại kẻ khác. Chẳng hại người khác, lẽ nào sẽ phát động chiến tranh? Lẽ nào sẽ gây ra những sự kiện khủng bố? Chẳng thể nào! Điều quan trọng nhất là chúng ta đã đánh mất cái tâm yêu thương. Chỉ cần có lòng yêu thương, chế độ gì, phương thức gì cũng đều tốt đẹp! Hiện thời là làm như thế nào để tìm lại cái tâm yêu thương? Chư vị phải hiểu tâm yêu thương là Tánh Đức; minh tâm kiến tánh sẽ tìm được cái tâm yêu thương.

Trong Phật môn không gọi là tâm yêu thương, mà gọi là tâm từ bi. Vì thế, chúng ta đều biết “phát tâm từ bi”, nhưng chẳng phát nổi! Quý vị phải hiểu vì sao không phát nổi? Chướng ngại ở chỗ nào? Do bị mê mất tự tánh. Mê mất tự tánh, tâm từ bi bị biến chất, biến thành gì? Ích kỷ, vọng tưởng, chấp trước, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình. Phải biết, tương phản với những ý niệm sai lầm ấy là đại từ đại bi. Sau khi chúng ta đã mê, tâm đại từ bi biến thành ô nhiễm nghiêm trọng, tà ác nghiêm trọng. Ô nhiễm và tà ác khởi tác dụng, bèn tạo ác nghiệp. Ác nghiệp khiến cho Nhất Chân pháp giới cũng bị bóp méo, biến thành tam đồ lục đạo. Chỉ có Phật, Bồ Tát nói thấu triệt, nói rõ ràng sự thật này! Chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, vừa học tập, vừa cẩn thận quan sát để cầu chứng. Đối với những điều đức Phật đã dạy, những gì chúng ta trông thấy, đích thân tiếp xúc, có tương ứng hay không? Nếu tương ứng, chúng ta sẽ tự nhiên tin nhận, phụng hành Phật pháp.

Hai bài kệ sau đó nói về tu hành. Hạnh Môn trong tu hành vô lượng vô biên, giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”. Quý vị thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong bốn mươi một nguyện này, hai điều đã bao gồm trọn hết. Vô lượng pháp môn quy nạp lại, chẳng ngoài một là Giải Môn, hai là Hạnh Môn. Quý vị thấy đối với hai điều ấy, ở đây là “*tu hành ư Định*”, đó là Hạnh Môn, xếp Hạnh Môn ra trước. “*Nhược tu ư Quán*” (Nếu như tu Quán) chính là Giải Môn. Giải Môn được xếp đằng sau. Điều này có nghĩa là gì? Nhằm bảo chúng ta, Phật pháp trọng Hạnh. Đương nhiên là Phật pháp cũng trọng Giải. Giải và Hạnh đều xem trọng, nhưng Hạnh đứng trước. Như vậy thì quý vị bèn liễu giải: Giáo học thì thầy dạy cũng xếp Hạnh hàng đầu; trò học, cũng xếp Hạnh hàng đầu. Phải hiểu ý nghĩa này. Ngay như Tông Môn, ngộ rồi mới tu, cũng xếp Hạnh Môn hàng đầu. Nếu không, sẽ như thế nào? Nếu không, họ sẽ chẳng thể khai ngộ. Tuy Giáo Hạ nghiên cứu kinh giáo, vẫn xếp Hạnh Môn làm đầu. Vì sao? Năm năm học giới.

Đối với người xuất gia, sau khi quý vị đã xuất gia, chẳng phải là ngay lập tức quý vị có thể tiến nhập đạo tràng. Năm năm xuất gia đầu tiên là học giới trong đạo tràng, học “*nghi quy*” (儀規) tức là học quy củ. Năm năm phục vụ đại chúng trong đạo tràng nhằm tu phước, phước huệ song tu! Quý vị thấy phước và huệ, cũng xếp phước đằng trước. Chẳng có phước, sẽ không được. Trước là tu phước, sau là tu huệ. Tu phước đến một mức độ nhất định, ngôn ngữ Trung Hoa cũng nói rất hay: “*Phước chí tâm linh*”, [hàm nghĩa] khi phước báo của quý vị hiện tiền,

người ta bỗng dưng cũng thông minh, cũng có trí huệ. Phước và huệ có mối quan hệ liên đới, Định và Quán cũng giống như thế!

Chúng ta quan sát từ truyền thống giáo học của Trung Hoa, quý vị thấy giáo dục tại Trung Hoa là sau khi trẻ nhỏ được sanh ra hai, ba ngày, đã bắt đầu dạy. Dạy gì vậy? *"Tu hành ư Định"*, học quy củ! Vì thế, trước mặt trẻ thơ, người lớn nói năng, cử chỉ, nhất định phải tránh những lầm lỗi, chẳng có lầm lỗi! Tuy trẻ thơ vừa mới lọt lòng, mở mắt, nó thấy, quý vị nói chuyện, nó sẽ nghe. Do thấy, nghe, nói theo thuật ngữ trong Phật môn, sẽ ghi lại ấn tượng trong A Lại Da Thức, nó đang học đấy! Hằng ngày thấy, hằng ngày nghe, toàn là những trạng huống tốt đẹp. Đấy là gì? Chính là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy do cha mẹ làm cho con thơ thấy. Đấy là sự giáo dục trước khi [trẻ nít] tròn ba tuổi, nó sẽ học hiểu những quy củ ấy. Đấy chính là giới luật, nhân Giới đấng Định, đều là khởi đầu từ giới luật. Đệ Tử Quy là giới căn bản, do cha mẹ dạy. Vì thế, trách nhiệm của người mẹ quá to, vì mẹ và con thơ gần gũi nhất, chẳng khác nào lia khỏi! Đã tròn ba tuổi rồi mới khỏi bồng ẵm, trẻ tự mình đi được. Chưa đầy ba tuổi, nó vẫn do mẹ bồng ẵm, mỗi lời nói, tiếng cười, nhất cử nhất động của mẹ, nó đều ghi nhớ. Vì thế, mẹ chính là Đệ Tử Quy sống động, trẻ thơ hoàn toàn học theo, vun quén căn cội thánh hiền!

Chư vị hãy ngắm xem, kẻ nào được giáo dục như vậy mà còn có thể làm chuyện xấu ư? Ba, bốn tuổi, nó có thể phân biệt tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, biết điều gì là tốt, điều nào là xấu, nó biết! Đưa căn tánh lanh lợi, năm, sáu tuổi đi học. Trước kia là vào trường tư thục, thầy giáo tư thục cũng thực hiện viên mãn Đệ Tử Quy. Khi ấy, thời gian thân cận thầy lâu dài, lời lẽ, cử chỉ của thầy đã tạo thêm ấn tượng sâu đậm cho trẻ. Trẻ trông thấy, cha mẹ làm như thế ấy, thầy cũng làm như thế ấy, [trẻ sẽ có] tín tâm kiên định.

Lúc ấy, trí nhớ tốt đẹp, trí nhớ mạnh mẽ, thầy dạy cho trẻ học thuộc lòng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Học thuộc nhuyễn như những giáo huấn ấy. Đứa trẻ ấy sống đến tám, chín mươi tuổi cũng chẳng thể quên mất. Tôi đã từng thấy [điều ấy nơi] thầy Lý, khi tôi theo học với thầy, cụ đã bảy mươi tuổi, tôi theo thầy mười năm. Tám, chín mươi tuổi mà khi viết văn, trích dẫn kinh điển, cụ chẳng cần tra cứu tài liệu tham khảo, đều nhớ rõ rành rành. Chúng tôi hỏi thầy: "Thưa thầy! Thầy có trí nhớ thật tốt". Cụ dạy: "Các anh có biết hay không? Do khi bé bị phạt quỳ trên miếng gạch mà được đấy chứ!" Thuở đó, thầy nghiêm ngặt lắm, đã bị quỳ còn phải quỳ trên miếng gạch. Đó là gì? Cho nhớ kỹ! "Chỗ này ta phải quỳ trên miếng gạch". Vì thế, đặc biệt dễ ghi nhớ. "Chỗ

này ta bị đánh vào lòng bàn tay”. Đánh gì vậy? Đánh vào trí nhớ! Phương pháp giáo dục của Trung Hoa khác hẳn! Hiện thời bảo “chẳng được trừng phạt trên thân thể”, chẳng biết là do phương thức ấy trò mới có thể ghi nhớ, thọ dụng suốt đời chẳng hết! Tuy bị thầy đánh, bị thầy phạt quỳ, quỳ trên miếng gạch, đến già vẫn cảm tạ thầy! Cảm ơn! Chẳng làm như vậy, quý vị sẽ học chẳng được! Khi ấy, cảm thấy khổ sở quá; về sau, sẽ là suốt đời cảm tạ thầy!

Gia trưởng cũng hiểu lý lẽ, hiểu chuyện. Lúc bé, tôi đi học cũng bị thầy đánh vào lòng bàn tay, cũng bị phạt quỳ, nhưng chưa phải quỳ trên gạch. Nghĩ tới chuyện quỳ trên gạch khổ sở lắm! Sau khi bị thầy xử phạt, về nhà, cha mẹ biết chuyện, hôm sau nhất định sẽ theo tôi đến trường, còn mang theo lễ vật để cảm tạ thầy. Chư vị hãy ngẫm xem, cha mẹ hợp tác với thầy, làm sao dám chẳng nghe lời thầy cho được? Giáo dục hiện thời hoàn toàn tương phản, nếu con cái ở trong trường bị thầy xử phạt, phán xử, quá lắm rồi! Ngày hôm sau, cha mẹ nhất định sẽ kiện cáo: “Giáo viên ấy chẳng xứng làm thầy, ngược đãi trẻ nít”. Vì thế, những vị thầy tốt đều lìa khỏi, chẳng muốn dạy dỗ; cũng có nghĩa là chẳng thể dạy! Gia trưởng chẳng mong cho con cái của chính mình nghiêm túc học tập những thứ ấy, nuông chiều quá lối! Làm sao có thể dạy bảo những đứa trẻ ấy cho được?

Vì thế, xưa kia xã hội an định. Nói theo đại thể, xã hội trong năm ngàn năm đã qua của Trung Hoa coi như an định. So sánh với Âu châu, và những quốc gia khác trên thế giới, họ động loạn, chúng ta an định. Tuy chúng ta vẫn có thay đổi triều đại, nhưng thời gian chẳng dài. Nhất là khi một chánh quyền mới được thành lập, nói theo sách cổ, sẽ chẳng quá năm năm bèn chế lễ, tạo nhạc, xã hội sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, nói thông thường, thời gian động loạn thường thấy nhất là từ ba năm đến năm năm, sẽ khôi phục trật tự bình thường. Có những lúc động loạn mười mấy năm, tuy có, nhưng chẳng nhiều cho mấy, chẳng thường thấy trong lịch sử, đều khôi phục rất nhanh chóng. Rốt cuộc, thời gian bình trị lâu dài, thời gian loạn lạc ngắn ngủi. Đây là so sánh giữa hai đảng, nói theo lối khái quát, [sẽ thấy] xã hội Trung Hoa an định, hòa bình.

Đây là gì? Giáo dục, dạy từ bé! Không biết chữ chẳng sao cả, người ta có năng lực phân biệt đúng, sai, thiện, ác. Xưa kia, giáo dục chẳng phát triển, cơ hội học hành hoàn toàn chẳng nhiều, nhưng đối với giáo dục cơ sở, người Hoa quyết định chẳng coi nhẹ, dạy dỗ từ bé! Hơn nữa, hễ là người lớn, gần như đều là có nghĩa vụ dạy bảo trẻ nhỏ, điều này rất khó

có! Chúng tôi sanh trưởng ở nông thôn, trẻ con nông thôn chơi đùa ngoài đồng, có khi phạm lầm lỗi, khi chơi đùa đã quên khuấy. Nhưng người lớn, bắt luận có phải là người quen hay không, [dẫu là] kẻ qua đường, thấy bọn trẻ chúng tôi chơi đùa chẳng tuân thủ quy củ, sẽ kêu chúng tôi lại giáo huấn. Nhưng khi bé, chúng tôi cũng ngoan ngoãn vâng theo. Người nhà biết chuyện sẽ cảm tạ, cảm ơn sự chỉ dạy của người ta. Phong khí xã hội [là như thế đó]! Mọi người đều biết nhi đồng là thế hệ kế tục, đều có trách nhiệm dạy bảo, chẳng cần biết có phải là trẻ nhỏ trong nhà quý vị hay không, có quen biết hay không, chẳng quan trọng! Thấy nó tốt đẹp, khen mấy câu, cổ vũ nó; hễ nó làm chuyện lầm lỗi, sẽ uốn nắn. Hiện thời, chẳng có phong khí ấy!

Những thứ ấy đều thuộc về Hạnh Môn, cốt lõi của Hạnh Môn là Định, nhà Phật nói là Thiền Định. Thiền Định có rất nhiều đẳng cấp. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Bồ Tát có đến năm mươi một địa vị, tức là đẳng cấp của Thiền Định có đến năm mươi một cấp bậc. Vô lượng pháp môn là những phương pháp để tu Thiền Định, đường lối khác nhau. Nhà Phật xác thực là *“từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”*. Từ bi là chân tâm, chân tâm là Thiền Định. Quý vị chẳng có Định, há có tâm từ bi? Định có nghĩa là gì? Định là gì? Kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động”*, đương nhiên đây là tầng lớp Thiền Định cao nhất, chẳng phải là [Thiền Định của] kẻ bình phàm. Người bình phàm sẽ là trước hết học Giới, trước hết học quy củ, học tuân thủ quy củ, học lễ phép, đối với người, đối với sự, đều nghiêm túc chịu trách nhiệm, tận tâm tận lực thực hiện tốt đẹp!

Cũng nên cho trẻ nhỏ tu Định, nhưng nó hoàn toàn chẳng biết Định là gì? Chuyên tâm chính là Định. Chơi đùa bèn chuyên tâm chơi đùa, chẳng cần phải suy nghĩ lung tung! Đi học, đưa căn tánh lanh lợi đại khái là bốn tuổi bèn đi học; đấy là đưa thông minh, trí nhớ rất tốt. Đưa căn tánh trung hạ, gần như là sáu, bảy tuổi mới đi học. Bốn, năm tuổi đều là căn tánh rất nhanh nhạy, nó có thể lý giải, có trí nhớ, thầy dạy nó thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn là tu Định. Ví như dạy nó Tam Tự Kinh, chuyên tâm học Tam Tự Kinh, quyết định chẳng thể đồng thời học những thứ khác, mà là chuyên chú nơi một môn. Đấy là học tập, học tập là tu Định.

Đọc thuộc lòng kinh văn là tu Quán, nhất tâm học tập là Định, quý vị thấy *“Định Huệ đẳng học”* (học Định và Huệ cân bằng) bắt đầu từ lớp vỡ lòng trong trường tư thục! Thầy xem xét trình độ của học trò, quan sát như thế nào? Dạy nó đọc mười lần, trong vòng mười lần mà có thể

thuộc; đây là thượng căn, [có thể thuộc lòng] trong vòng mười lượt. Lúc mới học, đại khái là thầy mỗi ngày dạy nó từ một trăm chữ cho đến hai trăm chữ. Bắt đầu dạy là dạy theo kiểu đó. Về sau, sẽ dần dần tăng thêm. Nhưng quý vị phải ghi nhớ, chẳng vượt quá mười lần là nó có thể thuộc rồi. Theo như lịch sử Trung Hoa ghi chép, những đứa trẻ có thiên phú, thật sự đáng gọi là “*thiên tài nhi đồng*”, một ngày có thể thuộc sáu, bảy trăm chữ, nghĩa là chẳng quá mười lần, đứa trẻ ấy đã có thể thuộc lòng. Mười lần mà chẳng thuộc được, thầy sẽ giảm bớt số chữ. Ví như thầy làm thí nghiệm, thí nghiệm thông thường là ba, bốn trăm chữ, chưa đến mười lần đã thuộc, lại tăng thêm; mười lần chẳng thuộc bèn giảm bớt. Kể căn tánh chậm lụt nhất, đại khái là học một trăm chữ, dạy quý vị chừng đó, quý vị có thể thuộc được. Sau khi đã thuộc, thầy bảo quý vị lớn tiếng đọc cho thuộc, xem sách cũng được, phải đọc một trăm lượt, đọc lớn tiếng rõ ràng. Một đằng là tâm quý vị chuyên chú. Chư vị phải hiểu, chuyên chú là Định. Niệm rành mạch, từng chữ rõ ràng, chẳng niệm sai, chẳng niệm sót chữ, đây là Huệ.

Chẳng cần cầu mong giải thích; do vậy, thầy chỉ dạy quý vị đọc, chẳng giảng giải! Tuy thầy chẳng giảng giải lời văn trong bài học, thầy kể chuyện xưa, trẻ nhỏ thích nghe kể chuyện. Những câu chuyện của thầy nói lên điều gì? Đại khái là luôn liên quan đến kinh văn; nói chung, chẳng lìa khỏi luân lý đạo đức. Trẻ nhỏ nghe xong, đúng là sẽ suốt đời chẳng quên mất. Bắt chước cổ nhân, làm thế nào để vận dụng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa bình vào cuộc sống của chính mình, thực hiện trong đối người, đối sự, đối vật, đều có thể làm được. Những thứ ấy chính là Tánh Đức. Do đó, giáo dục của Trung Hoa chẳng có gì khác, [chỉ là] tìm lại tự tánh của quý vị, chẳng thể lìa khỏi quá xa!

Tánh Đức là tiêu chuẩn tuyệt đối. Câu đầu tiên của Tam Tự Kinh đã nói rõ: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Đức Phật dạy người ta cũng giống như vậy. Điều thứ nhất là dạy quý vị “*hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh*”, chỉ rõ quý vị có Phật Tánh. Trong một đời này, chúng ta hằng ngày từ sáng đến tối, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải tương ứng với Phật Tánh. Đó là tốt. Phật Tánh là gì? Giới luật là Phật Tánh, kinh giáo là Phật Tánh. Kinh giáo là ngôn ngữ của Phật lưu lộ từ Phật Tánh. Giới luật là động tác trong xử sự, đối người, tiếp vật, hoàn toàn do tự tánh tự nhiên lưu lộ. Nay chúng ta học giới luật, dường như là chỗ nào cũng bị bó buộc. Chẳng phải vậy! Giới luật là bình thường, hiện thời chúng ta đã biến những điều bất bình thường thành thói quen. Nếu khôi phục những thứ bình thường, sẽ cảm

thấy chẳng quen thuộc! Đó là bình thường, chư Phật, Bồ Tát là như vậy. Chớ nên không hiểu điều này!

Vì lẽ này, giáo dục của thánh hiền chẳng có gì khác, [chỉ là] dạy chúng ta khôi phục sự bình thường. Đệ Tử Quy là bình thường, lễ của Nho gia là bình thường! Chỉ có kẻ buông lung, kẻ bất bình thường mới nói những điều này là chẳng bình thường! Thật ra, chính họ bất bình thường! Sau khi đã minh tâm kiến tánh, sẽ tự nhiên chẳng có mấy may bó buộc nào, quyết định tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của Phật pháp, là nguyên lý và nguyên tắc của tất cả hết thảy giới luật. Luật và pháp tắc dẫn nhiều đến mấy, chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Sau khi quý vị đã biết, quý vị mới có thể sanh tâm hoan hỷ, thật sự mong học, trở về tự tánh, trở về tự nhiên. Đây mới là thuần tịnh thuần thiện.

Nay chúng ta học Phật xuất hiện vấn đề, vấn đề là do chúng ta chẳng học những quy củ ấy từ bé, đã tiêm nhiễm những tập tánh bất thiện. Câu kệ tiếp trong Tam Tự Kinh là *“tánh tương cận, tập tương viễn”* (tánh thì gần giống như nhau, do huân tập mà khác xa nhau). *“Tánh tương cận”* hiểu như thế nào? Chẳng khác với Phật, Bồ Tát cho mấy! Phật, Bồ Tát là tự tánh hoàn toàn lưu lộ. Nếu chúng ta biết trở về tự tánh, sẽ chẳng khác Phật, Bồ Tát, [cho nên là] *“tương cận”*. Nếu không biết trở về tự tánh, sẽ tùy thuận tập khí phiền não, ngày càng xa cách Tánh Đức. Chúng ta có thể nói, dùng mười pháp giới để nói, tứ thánh pháp giới là gần với tánh, chúng sanh trong lục đạo do huân tập mà xa cách. Nhìn từ chỗ này, quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng, *“tập tương viễn”* (do huân tập mà xa cách). *“Tương viễn”* sẽ phiền phức! Chư vị biết chúng sanh trong lục đạo sanh tử luân hồi từ vô lượng kiếp đến nay chẳng thoát ra được, chẳng có lúc nào mong thoát ra được! Đó là chuyện khổ sở, khổ chẳng thể nói nổi. Mê quá sâu, mê quá nghiêm trọng. Vì thế, thánh nhân đã từ chỗ này mà hưng khởi sự giáo dục chúng sanh. Vì sao phải có giáo dục? *“Cấu bất giáo, tánh nãi thiên”* (Nếu chẳng dạy, tánh sẽ bị thay đổi), *“thiên”* (遷) là thay đổi, biến thiên. Vì thế, nhất định phải dạy!

Mục đích của việc dạy dỗ là gì? Trở về tự tánh! Do vậy, trong nền giáo dục truyền thống của Trung Hoa, trong nền giáo dục của Phật, Bồ Tát, những quan niệm cốt lõi chẳng hề biến đổi: Giúp cho hết thảy chúng sanh từ tập tánh trở về bản tánh. Nếu nói theo Nho gia, sẽ là từ bất thiện trở về bốn thiện, bản tánh vốn lành! *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Từ hết thảy bất thiện trở về bốn thiện; đây là giáo dục. Nói theo Phật pháp, sẽ là từ tập tánh trở về bản tánh.

Tông chỉ giáo dục hiện thời không nhắc tới điều này, hiện thời hoàn toàn nói theo tập tánh, chẳng biết có bản tánh, chẳng biết có bốn thiện. Cái thiện trong hiện thời là gì? Ích kỷ là thiện, tổn người lợi mình là thiện. Đây là điên đảo! Kinh Phật thường nói *“điên đảo làm loạn, là kẻ đáng thương xót”*.

Kể ra đời này chúng tôi hết sức may mắn, có thể thân cận những vị thầy tốt, có thể gặp gỡ chánh pháp, chính mình cũng khéo học, cả đời xác thực là như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói, sống *“hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng phải là địa vị cao, cũng chẳng phải là có của cải, chẳng liên quan những thứ ấy! Đó là sự vinh hoa, phú quý trong cõi đời, là mạng! Giáo dục thánh hiền nhằm cải tạo vận mạng, chẳng nhằm dạy quý vị cầu vinh hoa, phú quý. Vì sao? Quý vị có cái tâm cầu vinh hoa, phú quý; tâm ấy là tâm phiền não, là tâm tham! Cầu chẳng được, bèn sân hận, nói chung sẽ đọa lạc trong tham, sân, si. Hễ đọa lạc trong tham, sân, si, dẫu được vinh hoa, phú quý, quý vị chẳng lìa khỏi phiền não, cái tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, quý vị chẳng vui sướng. Trở về tự tánh, trở về bốn thiện, dẫu sống cuộc đời rất bần cùng, vui sướng lắm! Quý vị thấy Nhan Hồi chính là một tấm gương tốt nhất. Xác thực là đã *“học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?”* (học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư? Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) Sống cuộc đời gì vậy? Cuộc sống vui sướng chẳng liên quan đến cuộc sống vật chất; đây mới là thật sự tìm được cuộc sống chân thật.

Còn như địa vị, quyền thế, hãy tùy duyên. Hễ có duyên phận thì cũng phải làm. Nếu quý vị chẳng làm, sẽ có lỗi đối với người khác. Trong lịch sử Trung Hoa, Gia Cát Lượng là một thí dụ rất tốt. Gia Cát Lượng học tốt đẹp, trở về tự tánh, nhạt mỏng danh lợi. Lúc trẻ bèn tự mình cày cấy, ở trong lều tranh, gắng gượng sống qua ngày. Lưu Bị ba lượt đến viếng lều tranh, mời Gia Cát Lượng lìa núi. Duyên đã chín muồi, chẳng thể không đi. Đi để làm gì? Vì quốc gia phục vụ, vì nhân dân phục vụ. Vứt bỏ sự hoàn cảnh sống thoải mái và an lạc của chính mình để bận lòng [vì đại chúng]. Đây là nói *“hễ có duyên thì quý vị phải làm; chẳng có duyên đừng nên cầu”*. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, mà thánh nhân thế gian cũng dạy chúng ta *“tùy duyên, đừng phan duyên”*, quý vị sẽ tự tại. Kẻ mê mất tự tánh hằng ngày phan duyên, hằng ngày có cầu, tham lam chẳng chán, lẽ nào kẻ ấy chẳng khổ cho được? Quý vị đừng thấy kẻ ấy có tiền, có địa vị rất cao [mà ao ước], cuộc sống của kẻ ấy chẳng vui sướng đâu nhé! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ tiếp theo, tức là bài kệ thứ sáu:

(Kinh) Nhược tu ư Quán, đương nguyện chúng sanh, kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh.

(經)若修於觀。當願眾生。見如實理。永無乖諍。

(Kinh: Nếu tu tập Quán, nguyện cho chúng sanh, thấy lý như thật, vĩnh viễn không chống trái, tranh chấp).

Thiền Định còn gọi là Chỉ Quán. Định là Chỉ, Quán là Huệ, mà cũng là Chiếu, tức quán chiếu. Chỉ và Quán thường được coi là Thể và Dụng lẫn cho nhau. Chỉ là Thể, Quán là Dụng; Quán là Thể, Chỉ là Dụng; hai thứ này giúp nhau thành tựu. Tôi cũng đã thừa bầy cùng các đồng học: Lúc tôi mới học Phật, ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, Ngài đã truyền trao pháp môn này cho tôi, nhưng Ngài chẳng dùng danh từ Phật giáo. Khi đó, tôi vừa mới học Phật, [nếu Ngài] dùng danh từ Phật giáo, tôi sẽ chẳng hiểu được, Ngài giảng giải cũng rất mất công, phải tốn rất nhiều lời lẽ để giải thích những danh tướng ấy. Đây là chỗ cao minh của thầy, Ngài có thiện xảo phương tiện! Ngài cũng chẳng nói “Định, Quán”, cũng chẳng nói “Định, Huệ”, mà cũng chẳng nói “Chỉ Quán”. Ngài nói gì? “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Kẻ mới học vừa nghe liền hiểu ngay. “*Thấy thấu suốt*” là Quán môn, là trí huệ. “*Buông xuống*” là Định môn, Chỉ môn. Về sau, học Phật dần dần khế nhập cảnh giới, mới hiểu lão nhân gia đã dùng phương pháp quyền biến truyền trao phương pháp ấy cho tôi, “*thấy thấu suốt, buông xuống*”!

Vì sao tâm con người chẳng định? Quý vị chẳng buông xuống! Thật sự buông xuống, sẽ có Định. Quý vị thấy bài kệ thứ năm trong phần trước: “*Đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư*” (Nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế tâm, rốt ráo chẳng sót), câu này nói hay quá! A La Hán dùng Định để chế phục cái tâm, nhưng như thế nào? Hữu dư! Nghĩa là Ngài đã buông xuống đôi chút, hãy còn có cái chưa buông xuống, đó là “*hữu dư*”. Nay chúng ta học tập, nương theo Thập Thiện Nghiệp Đạo, buông xuống giết, trộm, dâm, nhưng nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu chẳng buông xuống; đó là “*hữu dư*”. “*Dĩ Định phục tâm*” (Dùng Định để chế ngự cái tâm), cái “*tâm*” ấy chính là vọng tâm. Theo cách nói của kinh Hoa Nghiêm, nói chung, [vọng tâm] sẽ là cái tâm chấp trước, tâm phân biệt, tâm vọng tưởng, kinh Hoa Nghiêm dạy như thế đó. Buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thể

gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, [sẽ là] A La Hán. A La Hán chẳng buông vọng tưởng và phân biệt xuống, nên là “*hữu dư*”, chẳng phải là “*vô dư*”. Bồ Tát cao hơn A La Hán, không chỉ là buông xuống chấp trước, mà phân biệt cũng buông xuống, do vọng tưởng chẳng buông xuống, vẫn là “*hữu dư*”. Pháp Thân Bồ Tát vọng tưởng cũng buông xuống, tức là khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Đấy gọi là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, vượt thoát mười pháp giới. Còn có dư hay không? Còn! Tập khí vô thí vô minh chẳng buông xuống.

Đến quả vị nào mới là vô dư? Phải đạt tới Phật quả rất ráo trong Viên Giác mới thật sự là vô dư. Tập khí vô thí vô minh thấy đều đoạn trừ, đó là công phu định lực như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy: Bát Địa Bồ Tát Thiền Định rất sâu, trông thấy các chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức. Bát Địa Bồ Tát trông thấy, Thiền Định sâu ngần ấy; vì thế, Bát Địa được gọi là Bất Động Địa. Nay người thế gian gọi chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức là “*ấn tượng*”, ấn tượng ở nơi đâu? Chẳng thể nói là không có! Những chuyện chúng ta đã làm từ năm ngoái, năm kia, hể nghĩ tới, dường như là ở ngay trước mặt, ấn tượng rất sâu đậm. Quý vị gặp kẻ khác, làm chuyện gì, hoặc đi du lịch bên ngoài, đi chơi xa, hể nói tới chuyện ấy, ấn tượng ngay lập tức nổi lên. Có thể thấy những thứ ấy rất cuộc ở chỗ nào? Đức Phật dạy, những ấn tượng ấy đều lưu trữ trong A Lại Da Thức. Vì thế, A Lại Da Thức được gọi là Tạng Thức, Tạng (藏) là cái kho.

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, có lúc ấn tượng rất nhạt mỏng. Hể nhạt mỏng, quý vị sẽ quên bẵng. Tuy quên bẵng, trong A Lại Da Thức đã có hồ sơ. Quý vị quên khuấy, nó chẳng quên khuấy. Đến lúc nào nhắc tới, quý vị nhớ lại những thứ ấy, đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Vì thế, đức Phật dạy mỗi chúng sanh, “*mỗi chúng sanh*” không chỉ là [nói riêng] loài người, mà còn bao gồm súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, hồ sơ tàng trữ trong A Lại Da Thức nhiều lắm. Đức Phật bảo: Nếu chúng có hình thể, nếu chúng là vật chất, vật chất dẫu nhỏ đến mấy đi nữa, giống như vi trần, trọn hết hư không đều chẳng thể chứa đựng được. Quý vị biết là chúng nhiều cỡ nào, phức tạp cỡ nào! Vì chúng chẳng phải là vật chất, chúng chẳng có hình tướng. Ai biết? Phật biết, Bồ Tát biết. Bồ Tát tuy biết, tức là Pháp Thân Bồ Tát tuy biết, cũng giống như chúng ta chẳng thấy. Đạt đến Bát Địa mới thấy. Từ Bát Địa trở lên, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, mấy địa vị ấy mới trông thấy!

Do vậy, chúng ta phải có công phu định lực. Công phu định lực không ngừng tăng cường sâu đậm hơn, sâu đậm hơn bằng cách nào? Buông xuống! Điều chúng ta phải làm trong hiện thời là quyết định phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, phải buông xuống lòng ích kỷ, phải buông xuống sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Tập khí ấy rất sâu, từ vô thủy kiếp tới nay, đối với sự tham nhiễm hưởng thụ ngũ dục, lục trần, nay chúng ta phải làm sao để nhạt mỏng chúng. Trước hết là nhạt mỏng, sau đấy, sẽ dần dần dưỡng thành thói quen tự nhiên, chẳng có hứng thú đối với nó thì mới có thể thật sự buông xuống. Quý vị buông xuống càng nhiều, cho thấy công phu định lực của quý vị càng sâu. Phải buông xuống tham, sân, si, mạn, tôi thường nói mười sáu chữ ấy. Mười sáu chữ ấy là nhập môn. Nhập môn gì vậy? Nhập tâm thanh tịnh, nhập tâm bình đẳng. *“Thanh tịnh, bình đẳng”* là Thiên Định; Định khởi tác dụng là trí huệ. Tiểu định, tiểu trí huệ; đại định, đại trí huệ. Đại định rất ráo vô dư chính là định thuộc về quả địa Như Lai, trí huệ ấy cũng là rất ráo vô dư, vô lượng vô biên.

Tu hành trong nhà Phật, vô lượng pháp môn nhằm tu gì vậy? Chính là tu chuyện này. Do Định bèn khai Huệ, Huệ là thấy thấu suốt; *“nhược tu ư Quán”* (nếu như tu Quán) được nói trong bài kệ này chính là *“thấy thấu suốt”*. Quý vị đã thấy thấu suốt những gì? Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. *“Kiến như thật lý”* (Thấy lý như thật): Thật (實) là chân tướng, chân thật! Vì sao lũ bình phàm chúng ta chẳng thấy? Trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”*. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não, trong ấy còn có Trần Sa phiền não, tức là phân biệt. Quý vị có những thứ ấy, Thật Tướng sẽ ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt, [thế mà] quý vị chẳng trông thấy! Thật Tướng là gì? Thật Tướng là tâm tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy, rốt cuộc vũ trụ là chuyện như thế nào? Vạn vật, chúng sanh và chính mình, những hiện tượng ấy rốt cuộc là chuyện như thế nào? Do đâu mà có? Vì sao có những hiện tượng ấy? Đức Phật đã nói rất rõ ràng chân tướng, tức là chân tướng của sự thật: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tâm là bản tánh. Tâm có thể hiện, đấy là bản năng (本性, năng lực sẵn có của tự tánh). Tự tánh có thể hiện.

Nhưng các hiện tượng trong vũ trụ biến hóa muôn ngàn. Đức Phật dạy, hễ đức Phật nói, sẽ đều nêu thí dụ để nói: [Đức Phật nói về] y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là nêu lên những thí dụ tiêu biểu, nói đại lược. Nói chi tiết, sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, chẳng phải là mười pháp giới. Do vậy, trong Hoa Nghiêm, *“mười”* biểu

thị ý nghĩa viên mãn, chẳng phải là một con số. Dùng “mười” để biểu thị sự viên mãn. Rồi cuộc có bao nhiêu? Đức Phật bảo “*chẳng thể nghĩ bàn*”, quý vị chẳng có cách nào suy tưởng, mà cũng chẳng có cách nào nói được, quá ư là nhiều! Quy nạp thành mười loại lớn. Những biến hóa ấy do đâu mà có? Do vọng tâm mà ra! Thức là vọng tâm, tức là chân tâm của quý vị sau khi đã mê bèn nảy sanh biến hóa. Trước khi đã mê, chẳng có biến hóa, chính là Nhất Chân. Sau khi đã mê mới nảy sanh biến hóa!

Mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới ở nơi đâu? Ngay trong hiện tiền, Nhất Chân cũng là ngay trong hiện tiền, mà mười pháp giới cũng ở ngay trong hiện tiền. Điều này rất khó hiểu. Nhất Chân là gì? [Nhất Chân là cảnh giới do] người giác ngộ trông thấy, mười pháp giới là do người mê trông thấy. [Nguyên nhân gây nên sai khác] là do giác hay mê. Giống như chúng ta đeo kính râm nhìn sắc tướng bên ngoài. Ta đeo kính đen, sẽ thấy bên ngoài xám xịt. Kẻ đeo mắt kính màu lục, sẽ thấy bên ngoài đều là màu lục. Còn có kẻ đeo mắt kính màu đỏ, sẽ thấy bên ngoài toàn là màu đỏ. Kẻ không đeo mắt kính sẽ thấy chân tướng, kẻ đeo mắt kính chẳng thấy chân tướng. Chân tướng và vọng tướng là một tướng, đều ở bên ngoài. Quý vị hãy lãnh hội từ tỷ dụ này: Chân và vọng chẳng hai, Tánh và Tướng như một, ở ngay trước mặt. Kẻ mê đáng gọi là “*ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ*”.

Ngộ là gì? Ngộ là trong tâm con người chẳng dấy lên một niệm. Dấy là ngộ. Hễ dấy niệm bèn mê. Ngày hôm qua, còn có một đồng học hỏi tôi, hỏi một câu. “*Mấy cái Không sẽ biến thành một duyên khởi?*” Hỏi tôi một câu như thế đó, [người ấy] đến hỏi tôi: *Mấy cái Không?* Phật pháp nói rất nhiều thứ Không, nói đến hai mươi pháp Không⁶⁵. Chúng ta thường nói là Tam Không, tức Nhân Không, Pháp Không, Câu Không. Ông ta hỏi “*do mấy thứ Không sẽ biến thành một duyên khởi?*” Tôi bảo ông ta:

- Nếu nói đến Chân Không, trong Chân Không chẳng có duyên khởi. Đã rỗng không, còn có duyên khởi chi nữa? Có duyên khởi, sẽ chẳng phải là Không! Duyên khởi do đâu mà có? Ông khởi tâm động niệm, nêu thắc mắc đến hỏi tôi, đó chính là duyên khởi, toàn là một niệm của chính đương sự. Một niệm giác, tâm thanh tịnh, chẳng có vấn đề gì! Quý vị hoàn toàn trông thấy hết thấy chân tướng trong vũ trụ. Vừa mới có một niệm sanh khởi, sẽ mê. Hễ mê thì gọi là “*duyên khởi*”.

Khi sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị động niệm. Khi quý vị chẳng động niệm; những gì mà sáu căn của quý vị tiếp xúc chẳng khác chư Phật Như Lai. Pháp Thân Bồ Tát là như thế đó, tôi

thường nói “*sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng động tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước*”, Ngài thấy hết thấy đều là Thật Tướng. Ngài đã thấy “*như thật lý*”, đó gọi là “*kiến tánh*”, tức là minh tâm kiến tánh. Vừa động một niệm, chẳng thấy tánh nữa, mà thấy tướng. Thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị, tướng bên ngoài bèn dấy lên biến hóa, Nhất Chân pháp giới liền biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Đức Phật giảng thật rõ ràng, thật đơn giản, thật minh bạch. Chúng ta gặp khó khăn là khó khăn ở chỗ nào? Chính là chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; khổ sở ở chỗ này! Đối với chuyện này, đức Phật chẳng làm gì được! Đức Phật chẳng có cách nào trừ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cho chúng ta được; Ngài chẳng có năng lực ấy! Nếu Ngài có năng lực ấy, chúng ta chẳng cần phải tu hành. Ngài đại từ, đại bi, đương nhiên là sẽ trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não cho chúng ta, chẳng phải là đã thành tựu ư? Bản thân quý vị đã mê, vẫn phải là do chính mình ngộ. Chuyện này ai cũng chẳng thể giúp đỡ được!

Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta là giúp ở chỗ nào? Nói rõ chân tướng sự thật, nêu ra những khuyết điểm của quý vị, dạy quý vị tu học như thế nào, trừ khử những khuyết điểm ấy như thế nào? Do tập khí ô nhiễm quá sâu, quá nghiêm trọng, tuyệt đối chẳng phải là sau khi quý vị đã nghe, sẽ ngay lập tức làm được, chẳng có hạng người ấy đâu nhé! Chúng ta thấy trong lịch sử, Huệ Năng đại sư được gọi là “*vừa nói liền khai ngộ*”, chúng quả, chúng ta trông thấy một màn [biểu diễn] như thế đó. Nhưng quý vị phải hiểu, quý vị chẳng thấy kinh nghiệm tu hành của Huệ Năng đại sư trong đời đời kiếp kiếp thuở quá khứ! [Do vậy], trong đời này, Ngài mới đơm bông, kết quả chín muồi! Mỗi cá nhân chúng ta và Ngài hoàn toàn chẳng khác gì nhau! Có sao chúng ta chẳng giống như Ngài “vừa được giảng liền đại ngộ”? Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, thời gian tu tập của chúng ta chẳng dài như Ngài; vì thế, Ngài đã chín muồi, chúng ta chẳng chín muồi! Giống như một cái cây kết trái, mỗi trái chín muồi trước hay sau khác nhau. Quý vị thấy người hái quả sẽ hái quả chín trước. Hôm nay đến dưới gốc cây xem mấy quả đã chín, quả còn chưa chín hãy cứ để đó. Ngày mai, ngày mốt lại đến xem, lại có mấy quả đã chín. Có ý nghĩa này!

Kẻ chưa chín muồi cũng rất mong thành tựu, có cách nào hay chẳng? Có chứ! Đức Phật đúng là từ bi đến tột bậc, dùng phương pháp gì? Đối nghiệp vãng sanh, cách này quá màu nhiệm! Sanh về Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta là phàm phu, chẳng đoạn một phẩm phiền não, đời

nghiệp vãng sanh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là thân phận gì? Thành tựu gì? Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói quá hay! [Ngài nói] nếu bảo quý vị là thánh nhân thì phiền não tập khí chẳng đoạn phẩm nào [nên chẳng thể gọi là thánh nhân được]! Bảo quý vị là phàm phu thì quý vị là bậc A Duy Việt Trí, chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Ngẫu Ích đại sư bảo: *“Nói là gì cũng đều chẳng được! Đây là do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà gia trì, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái dấu là kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư”*. Người trong thế giới Tây Phương thọ mạng dài, đức Phật vô lượng thọ, hễ sanh vào thế giới Cực Lạc, ai nấy đều là vô lượng thọ. Vì thế, chắc chắn sẽ chúng đắc quả vị viên mãn rất ráo trong một đời. Đây gọi là *“pháp môn thành tựu ngay trong một đời”*!

Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, cổ đại đức nói kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản của kinh Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản của kinh Hoa Nghiêm. Cổ đại đức đã coi ba bộ kinh ấy thành một bộ, có lý! Thành tựu cuối cùng là quy vào Tịnh Độ. Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Lại còn hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, thấy đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khí tượng đó tráng lệ ngàn ấy! Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng phản đối: “Ồ ồ, học trò của ta đông ngàn ấy, có sao các người dẫn họ đi hết, chẳng để lại một ai?” Bọn phàm phu như chúng ta sẽ chẳng chịu nổi! Vì sao? Có ganh tỵ, có chướng ngại. Phật chẳng có.

Vì sao dẫn dắt họ sang thế giới Cực Lạc? Đến thế giới Cực Lạc thành tựu mau chóng. Ở trong thế giới Hoa Tạng, thành tựu chậm chạp; chẳng phải là không có thành tựu, có thành tựu chứ! Ví như những vị Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, chúng một phần Pháp Thân, tu hành trong Hoa Tạng phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì mới đoạn hết tập khí vô minh. Nếu đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, các Ngài sang đó, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sang bên đó sẽ nhanh chóng! Vài ngày đã thành tựu, chẳng thể sánh bằng! Vì sao có những vị Bồ Tát chẳng đến đó? Các vị Bồ Tát ấy chẳng biết pháp môn này. Văn Thù, Phổ Hiền không chỉ nói cho họ biết, mà còn dẫn họ theo. Nếu chúng ta biết chân tướng sự thật này, quý vị mới biết pháp môn này thù thắng. Do vậy, chúng ta buông xuống muôn duyên, khẳng khái một mực tu pháp môn này, tôi và chư vị cùng học kinh Hoa Nghiêm, quý vị có hiểu hay không?

Chính là học Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta vẫn là Tịnh Độ Tông, chẳng phải là Hoa Nghiêm Tông.

Nếu đã hiểu rõ, đã minh bạch Lý, há còn có gì đáng để tranh giành? Thế gian này đúng như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, năm lần năm trăm năm sau khi lão nhân gia diệt độ, tức là sau hai ngàn năm trăm năm, nhằm thời đại của chúng ta, chính là thời đại gì vậy? Đấu tránh kiên cố (鬥諍堅固, đấu đá, cãi cọ kiên cố). Quý vị thấy toàn thế giới trong hiện thời là cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh, thấy đều đang tranh giành. Tranh gì vậy? Giáo pháp Đại Thừa đã nói hay quá: *"Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân"*! Quý vị tranh giành suốt cả đời kiểu nào đi nữa, tạo nghiệp, nhưng thứ gì cũng đều chẳng mang theo được, quý vị chẳng thể đạt được thứ gì! Quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật; hể liễu giải chân tướng sự thật, sẽ buông xuống muôn duyên, chẳng tranh nữa! *"Quai"* (乖) là trái nghịch chân tướng sự thật, trái nghịch Tánh Đức. Nói nông cạn hơn đôi chút, trong địa vị hiện thời của chúng ta, sẽ là trái nghịch luân lý đạo đức, trái nghịch nhân quả báo ứng. Đây là Quai, toàn bộ đều sai quấy!

Tôi có cơ duyên này, nói thật ra, đều là do Phật, Bồ Tát an bài. Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư bảo tôi: *"Cả đời anh đều do Phật, Bồ Tát thay anh an bài"*. Tôi nghe nói rất hoan hỷ, điều gì tôi cũng chẳng phải bận lòng, Phật, Bồ Tát đã thay tôi xếp đặt ổn thỏa rồi! Vì vậy, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, luôn có lòng cảm ơn. Thuận cảnh khích lệ tôi học tập; nghịch cảnh sẽ tiêu nghiệp chướng cho tôi. Trước nay chẳng oán trời, chẳng hờn người, luôn cảm ơn. Có cơ duyên là do người khác đến tìm tôi, chẳng phải là vì tôi tìm đến họ, tham dự một số hội nghị hòa bình quốc tế. Tôi tiếp xúc, xem nhiều, nghe nhiều, mới liễu giải nguyên lai xã hội hiện tại có nhiều vấn đề phức tạp ngàn ấy, quá ư là nhiều! Bao nhiêu vị chuyên gia, học giả mở cuộc họp hằng ngày, nhưng chẳng giải quyết được. Tôi hiểu vì sao chẳng thể giải quyết được: Chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lại nói nông cạn hơn một tí, sẽ là chẳng buông xuống ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng buông xuống hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chẳng buông xuống tham, sân, si, mạn!

Có những người đã buông xuống, buông xuống đôi chút, nhưng buông xuống chẳng triệt để, hãy còn thừa sót. Nhưng những vị đã buông xuống ấy, kiến giải cao minh hơn bình phàm, nêu ra những phương pháp cũng rất tốt, nhưng như thế nào? Chẳng làm được. Có ai nghe theo những phương pháp do quý vị đã nói? Nếu như là những người thật sự

giác ngộ, [sẽ suy nghĩ] làm thế nào để trừ khử chiến tranh. Nhất định là yêu cầu các quốc gia trên toàn thế giới hãy buông xuống các trang bị quân sự. Mỗi quốc gia đều chẳng cần quân đội nữa, [do vậy], sẽ chẳng thể có chiến tranh, mọi người đối xử hòa thuận với nhau. Ý kiến ấy khá lẩm, hay lẩm, nhưng quốc gia nào sẽ chịu nghe lời quý vị? Hy vọng kỹ thuật nguyên tử sẽ dùng vào mục đích hòa bình, chẳng dùng vào chiến tranh. Ai chịu nghe lời quý vị? Đó là lý tưởng, chẳng làm được! Vì thế, căn bản là ở chỗ nào? Căn bản là do chẳng thấy “*như thật lý*”! Như thật lý chính là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, chẳng thấy điều này! Hễ thấy điều này, vấn đề sẽ được giải quyết. Đó gọi là “*lý đắc tâm an*”. Sau khi đã thấy lý như thật, tâm quý vị mới an, mới chẳng dao động, cái tâm sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Chẳng thấy Lý, tư tưởng, kiến giải, quan niệm của quý vị toàn là do tập khí phiền não làm chủ. Nói cách khác, vĩnh viễn là chống trái, tranh cãi, chẳng phải là “vĩnh viễn không chống trái, không tranh cãi”. Vĩnh viễn chống trái, tranh cãi chẳng thể nào gián đoạn.

Thánh hiền lập định giáo dục, các chuyên gia học giả chẳng hiểu rõ, ngộ giáo dục của thánh hiền cũng là một thứ lý tưởng, chẳng thể thực hiện. Nhưng quý vị phải hiểu, giáo dục thánh hiền đã có quá khứ năm ngàn năm, đã thực hiện rồi. Vì thế, một vùng Trung Hoa an định lâu dài suốt năm ngàn năm. Tuy có những lúc động loạn, thay đổi triều đại, thời gian động loạn chẳng dài, thời gian an định vẫn khá dài. Chẳng tìm thấy những điều này trong những quốc gia và những khu vực khác. Hiện thời, xác thực là muốn hóa giải xung đột trên thế gian, khôi phục an định, hòa bình, tôi đề xuất nền giáo dục truyền thống, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, và giáo dục tôn giáo. Mục tiêu chung cực của bốn loại giáo dục ấy là giúp cho con người từ tập tánh trở về bản tánh. Mục tiêu chung cực là “*kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh*” (thấy lý như thật, vĩnh viễn không chống trái, tranh cãi). Quý vị thấy đấy chính là điều mà nhiều bậc có chí, nhiều vị có lòng nhân trên thế giới hằng ngày mong mỏi, hằng ngày cầu mong.

Ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta hai câu: “*Tu hành ư Định, nhược tu ư Quán*”. Định và Quán sẽ giải quyết. Định có thể hàng phục vọng tâm, Quán có thể chuyển biến vọng tâm thành chân tâm, giác ngộ. Đã giác ngộ, vọng vốn là chân. Hễ mê, chân biến thành vọng. Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thăng đã làm thí nghiệm với nước, quý vị giác ngộ, tâm yêu thương bèn hiện tiền. Đối với hết thủy vạn pháp, hết thủy người, sự, vật trong toàn thể vũ trụ, thuần là một lòng yêu thương, thuần một niềm

cảm tạ, tướng của nước sẽ biến thành đẹp đẽ, thù thắng ngàn ấy. Giác thì hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Khi mê, ích kỷ, tham, sân, si, mạn, nước kết tinh rất khó coi. Kết tinh đẹp đẽ là nước, mà kết tinh xấu xí vẫn là nước. Đẹp và xấu chẳng hai. Nước là khoáng vật. Từ điểm này, quý vị có thể hiểu toàn thể vũ trụ, khắp pháp giới, hư không giới, do một niệm thiện tâm của chúng ta, toàn thể vũ trụ hòa hài. Do một ác niệm của chúng ta, hết thảy chúng sanh đều dậy lên sự chống trái, tranh cãi!

Vì sao chẳng khiến cho thiện niệm được tiếp nối trong mỗi niệm? Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn đã nói rất hay, Ngài dạy thiện ý, thiện tâm, thiện hạnh của chúng ta phải liên tục trong mỗi niệm, vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Ngài lại còn bảo chúng ta, chớ nên có may mắn bất thiện xen tạp. Lời giáo huấn ấy nhằm dạy chúng ta thấy lý như thật, trở về Tánh Đức. Tánh Đức thuần tịnh thuần thiện, vĩnh viễn chẳng lìa luân lý, đạo đức, nhân quả, vĩnh viễn chẳng rời, vĩnh viễn chẳng có ý niệm cạnh tranh. Cạnh tranh còn chẳng có, đương nhiên là sẽ chẳng có đấu tranh, càng chẳng thể có chiến tranh. Như vậy thì mới có thể thật sự thực hiện thế giới hài hòa, vũ trụ hài hòa. Nếu chúng ta chẳng học tập sự giáo dục này, chẳng thể thực hiện sự giáo dục này, mà hy vọng hóa giải xung đột, tiêu trừ mâu thuẫn, sẽ vĩnh viễn chẳng thể làm được!

Vì thế, trong hiện thời, trên thế giới có phần tử khủng bố, tạo tác những hoạt động khủng bố, đây là trạng thái bệnh hoạn. Người đời phiền não nghiêm trọng dường ấy, tham, sân, si, mạn, trái nghịch luân lý, đạo đức. Trái nghịch luân lý, đạo đức chính là bất bình thường! Phương pháp trị liệu của chúng tôi (những thứ ấy đều là trạng thái bệnh hoạn) nhằm trị cả gốc lẫn ngọn. Trị đằng ngọn bèn dùng lòng khoan dung, tha thứ, [khiến cho] lương tâm của người ta phát hiện; chớ nên dùng lòng báo thù, chớ nên dùng các phương thức bất bình đẳng để đối đãi, chớ nên kỳ thị. Đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận, đây là trị đằng ngọn, chẳng phải là trị đằng gốc. Trị đằng gốc là gì? Trị tận gốc bằng giáo dục Đại Thừa. Phải giúp cho họ minh tâm kiến tánh, thấy lý như thật, ý niệm tranh chấp sẽ vĩnh viễn đoạn trừ, ngay cả cội gốc cũng bị dẹp trừ. Vì thế, ở phương Tây cũng có người thật sự thông hiểu, đã đề ra *“để giải quyết vấn đề trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có Đại Thừa Phật pháp và học thuyết Khổng Mạnh”*. Đại Thừa Phật pháp trị liệu từ căn bản, [kèm thêm] học thuyết Khổng Mạnh nhằm trị đằng gốc lẫn đằng ngọn, có lý lắm! Phương pháp trị đằng ngọn rất hữu dụng, hữu hiệu. Phương pháp trị tận gốc cũng được, nhưng vẫn còn thừa sót, chẳng thể rốt ráo; Đại Thừa Phật pháp mới thật sự là rốt ráo chẳng thừa sót!

Chúng ta có thể nhận biết như thế, mới biết con đường này là đúng, chẳng dễ dàng! Như cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, chúng ta có thể nói: Nhân duyên hiếm có khó gặp, tuyệt đối chẳng phải là trong mỗi đời khi được làm thân người quý vị đều có thể gặp gỡ! Chẳng dễ dàng! Nay chúng ta được làm thân người, nghe Phật pháp, lại có cơ duyên nghe Tịnh Tông, học Hoa Nghiêm, may mắn khôn sánh, hy hữu khôn sánh! Làm thế nào để thực hiện, để thật sự được thọ dụng? Nhất định là chớ quên trì giới! Niệm Phật thì niệm Phật là tu Định, tu Huệ, Định và Huệ đều thuộc trong niệm Phật. Hiện thời, người niệm Phật trong Niệm Phật Đường đông đảo, nhưng công phu chẳng thể đắc lực, là do nguyên nhân nào? Thiếu mất một thứ; [tức là] đối với Giới, Định, Huệ, do chẳng có Giới, hiệu quả của Định và Huệ bị chiết khấu rất lớn, hiệu quả chẳng rõ rệt. Học Giới từ chỗ nào? Nhất định là từ Đệ Tử Quy, từ Thập Thiện Nghiệp Đạo, sau đấy mới từ Tam Quy, Ngũ Giới. Các đồng học tại gia học những thứ ấy là được rồi!

Để giáo dục nhân quả, dùng phim truyền hình sẽ thuận tiện nhất. Đại khái là phim Liễu Phàm Tứ Huấn khoảng một, hai tháng nữa sẽ ra lò, chư vị đồng học có thể xem. Thời gian tối đa là hai tháng nữa. Chúng ta có thể chế thành đĩa CD với số lượng lớn, tổng cộng là hai mươi ba tập, giáo dục nhân quả đấy! Hy vọng mỗi vị đồng học sẽ đem [tài liệu] giáo dục nhân quả này về nhà, thay thế cho những tiết mục giải trí của TV. Tôi mong quý vị sẽ xem mỗi ngày, xem xong một lượt bèn xem lại từ đầu. Trong quá khứ, tôi đã khuyên các đồng học, khi đó là đọc sách, đọc ba trăm lần, quý vị mới thật sự liễu giải, thông đạt, quý vị sẽ y giáo phụng hành. Hiện thời, hai mươi ba tập phim truyền hình này, hy vọng mỗi đồng học có thể chiếu tối thiểu suốt một năm trong nhà. Tôi không nói số lần, hãy xem hằng ngày, xem bộ phim này suốt một năm. Sang năm, chúng ta còn có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, năm sau nữa sẽ có An Sĩ Toàn Thư, còn có Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, đều hết sức hay, có ích cho thân tâm chúng ta. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1517

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ ba, xem từ bài kệ tụng cuối cùng. Đoạn thứ ba là Tụ Tọa Thiền Quán (就坐禪觀). Bài kệ cuối cùng là...

(Kinh) Xả già phu tọa, đương nguyện chúng sanh, quán chư hành pháp, tất quy tán diệt.

(經)捨伽趺坐。當願眾生。觀諸行法。悉歸散滅。

(Kinh: Thôi ngồi xếp bằng, nguyện cho chúng sanh, quán các hành pháp, đều là tan diệt).

Trong bảy bài kệ tụng này, chúng ta thấy bốn bài kệ đầu nói về phương tiện tu hành, đều thuộc về giới luật. Hai bài thứ năm và thứ sáu là chánh tu, bài thứ năm nói về Hạnh Môn, tức Thiền Định; bài thứ sáu nói về Giải Môn, là trí huệ. Từ chỗ này, chư vị có thể thấu hiểu: Bảy bài tụng này đã nêu ra toàn bộ sự tu học trong Phật pháp, tức là Tam Học Giới Định Huệ. Phương tiện là Giới, “*tu hành ư Định*” (tu hành nơi Định) là Thiền Định, “*nhược tu ư Quán*” (nếu như tu Quán) là trí huệ, Tam Học Giới Định Huệ! Đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật là như thế, mà quá khứ, vị lai hết thảy chư Phật tu hành, chứng quả, giáo hóa chúng sanh, đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này!

Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Phật pháp bảo đây là Tánh Đức, “*pháp nhĩ như thị*”, “*pháp nhĩ*” (法爾) là tự nhiên như vậy, nó là như vậy đó, nó vốn là như thế đó! Chẳng có bất cứ lý do nào để có thể nói được. Nếu quý vị suy nghĩ [kiếm] một lý do cho nó, sẽ rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần rơi vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chân tướng sẽ ẩn lấp. Nói cách khác, quý vị chẳng thấy chân tướng sự thật. Điều này cũng có chỉ rõ “vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải xuất hiện trên thế gian?” Có lý do hay không? Thừa cùng chư vị, chẳng có lý do! Pháp Tánh vốn là như vậy! Đây mới là nói viên mãn, nói rốt ráo. Nếu quý vị nêu lý do, đưa ra lý do, sẽ có nhiều lý do lắm, đâm ra sẽ khiến cho vấn đề phức tạp. Vốn hết sức đơn giản, vì sao lại khiến cho nó phức tạp dường ấy? Kẻ thông minh quá nhiều, mỗi người đều muốn nghĩ ra một phương thức để giải thích!

Hôm nay, học đến bài kệ cuối cùng này, nếu chúng ta có thể thật sự thấu hiểu, sẽ hoảng nhiên đại ngộ! “*Xả tọa*” chính là buổi học đã xong, duỗi chân ra, rời khỏi giảng đường, [vì] buổi học đã kết thúc. “*Đương nguyện chúng sanh, quán chư hành pháp, tất quy tán diệt*” (Nguyện cho chúng sanh, quán các hành pháp, đều trở về chỗ tan diệt). Đây chẳng phải là như kinh Bát Nhã đã nói ư? “*Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Do vậy, quý vị suy tưởng như thế nào, nghiên cứu như thế nào, cũng đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là sự thật! Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Phàm những gì có hình*

tướng, đều là hư vọng". Triệt để buông xuống, Tam Học Giới Định Huệ trọn đủ viên mãn. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Tam Học Giới Định Huệ vốn sẵn có trong tự tánh, chỉ cần buông xuống muôn duyên, Tánh Đức tự nhiên hiện tiền. Do vậy, chẳng cần tu Tánh Đức, chư vị nhất định phải hiểu điều này! Đức Phật dạy chúng ta tu, đây là chuyện bất đắc dĩ, [bởi lẽ] chúng ta chẳng kiến tánh. Chẳng kiến tánh, quý vị phải nên tu thiện, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, hy vọng cuộc sống trong lục đạo sẽ tốt đẹp hơn đôi chút. Chuyện là như thế đó!

Giới Định Huệ đã thành tựu, nhất là Huệ, đã đạt tới một mức độ nhất định, sẽ minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Khi ấy, trí huệ Bát Nhã, vạn đức vạn năng, vô tận tướng hảo vốn sẵn có trong Tánh Đức thảy đều hiện tiền. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy đức Thế Tôn đã giảng rõ về y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng. Trong kinh Vãng Sanh, kinh Vãng Sanh tức là kinh luận của Tịnh Độ Tông, gồm năm kinh một luận, quý vị thấy đã miêu tả y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó là tự tánh vốn tự nhiên hiển hiện viên mãn như thế đó, chẳng do con người tạo tác. Hễ khởi tâm động niệm thì sai mất rồi! Do khởi tâm động niệm, Tánh Đức bị vụn vẹo, nảy sanh biến hóa. Tánh Đức thuần tịnh thuần thiện, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước!

Các thí nghiệm của những khoa học gia, như tiến sĩ Giang Bốn Thăng của Nhật Bản [chẳng hạn], có rất ráo hay không? Chẳng rất ráo! Vì sao chẳng rất ráo? Những thí nghiệm của họ chẳng vượt thoát mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, hiện tướng (現相, các tướng được biến hiện) thù thắng khôn sánh, họ (các nhà khoa học) vĩnh viễn chẳng thấy. Vì sao chẳng thấy? Những người làm thí nghiệm đều có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đối với Pháp Tánh và Pháp Tướng, quý vị chẳng thấy Pháp Tánh, những gì quý vị trông thấy chính là Pháp Tướng. Thể của Pháp Tướng là Pháp Tánh. Quý vị thấy: Do một ý niệm thiện của chúng ta, kết tinh của nước hết sức tốt đẹp, dễ nhìn. Do ý niệm ác, nó hiện tướng cũng rất xấu xí. Nó thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến; đây là "*duy thức sở biến*". Trong khi chúng ta chẳng có [ý niệm] thiện hay ác, nó sẽ hiện tướng gì? Dường như là nó cũng hiện tướng, nhưng chẳng có gì là đặc biệt tốt hay đặc biệt xấu. Đây là cảnh giới gì vậy? Vô minh! Không thoát khỏi mười pháp giới, sẽ chẳng phải là trí huệ chân thật! Trí huệ chân thật là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong Pháp Tướng chẳng hiện ra cảnh giới [chân thật] ấy! Nếu người thí nghiệm thật

sự có thể lia vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phá một phẩm vô minh, thấy một phần Pháp Thân, sẽ có thể thấy hình tướng của thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng ở ngay trong một giọt nước ấy! Chư vị đồng tu hãy nghĩ xem, có phải là đạo lý như vậy hay chăng? Đó gọi là Thật Tướng của các pháp, là chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, quý vị sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Phân biệt, chấp trước càng chẳng cần phải nói nữa. Khởi tâm động niệm đã chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vận dụng vào mười pháp giới có chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát và chúng ta ở cùng một chỗ, chúng ta ba người cũng thế, mà bốn người cũng thế, mỗi người một cảnh giới! Quý vị nói xem, có hai người nào mà cảnh giới giống nhau hay không? Chẳng có! Chắc chắn là tìm không ra! Đến khi nào cảnh giới của hai người sẽ giống nhau? Khi đã đạt đến *“dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư”* (dùng Định chế ngự cái tâm, rốt ráo chẳng thừa sót), chỉ có nơi quả địa rốt ráo [cảnh giới mới] là giống nhau. Đẳng Giác Bồ Tát thì khá gần giống, nhưng vẫn là bất đồng, vì sao? Chẳng phá một phẩm vô minh cuối cùng. Phẩm vô minh ấy chính là tập khí vô trí vô minh. Trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, chẳng đoạn tập khí! Lục đạo phàm phu chẳng có cách nào lý giải cảnh giới ấy; vì thế, đức Phật bảo là *“chẳng thể nghĩ bàn”*. Đức Phật nói câu này rất từ bi, quý vị có mong biết cảnh giới của Phật hay không? Nếu quý vị muốn biết cảnh giới của Phật, đức Phật dạy quý vị làm như thế nào thì mới có thể thấy? Quý vị đừng dùng tư tưởng, đừng dùng ngôn ngữ, quý vị sẽ biết. Hễ quý vị còn dùng tư tưởng, còn dùng ngôn ngữ, sẽ chẳng làm được, chắc chắn là quý vị chẳng đạt được! Đức Phật nói câu này minh bạch, nhưng người nghe thì sao? Người nghe hiểu lầm ý nghĩa: “Chẳng thể nghĩ bàn là không có cách nào suy nghĩ, chẳng có cách nào nói được”. Chúng ta hiểu lầm ý nghĩa theo kiểu đó, hiểu trật ý nghĩa mất rồi! Đức Phật bảo *“như thật”*, chính là [nói đến] Thật Tướng của các pháp. Làm sao mới thấy được? *“Chẳng thể nghĩ”* là chẳng thể khởi tâm động niệm; *“chẳng thể bàn”* là chớ nên phân biệt, chấp trước, chân tướng đã sáng tỏ! Nguyên lai là ở chỗ này. Đó gọi là *“điều gì cũng là đạo, đâu đâu cũng hiểu thấu nguồn cội”*. Tùy tiện lấy một pháp, không pháp nào chẳng phải là chân tướng!

Đây là nói về *“quán chư hành pháp”*, *“hành pháp”* là mười pháp giới. *“Tất giai tán diệt”* (Thảy đều tan diệt), đó là cảnh giới gì? Lại quay về Nhất Chân pháp giới. Nếu quý vị đối với hết thảy các hành pháp trong

mười pháp giới mà có phân biệt, có chấp trước, chẳng chịu buông xuống, y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới sẽ chẳng tan, chẳng diệt! Tuy chẳng tan diệt, sẽ là như thế nào? Vô thường! Quý vị thấy hữu tình chúng sanh, nay chúng ta nói là “động vật” có sanh, lão, bệnh, tử; vô tình chúng sanh, nay nói là thực vật và khoáng vật, thực vật có sanh, trụ, di, diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Đó là gì? Chính là vô thường. Trong ấy có ý nghĩa rất sâu, phải chú tâm lãnh hội. Lãnh hội một phần, sẽ có một phần thọ dụng, thọ dụng chân thật. Lãnh hội hai phần, sẽ được hai phần thọ dụng. Sự thọ dụng ấy là thật, chẳng giả!

Trong Phật pháp nói là *“pháp hỷ sung mãn”*, Khổng phu tử nói *“học nhi thời tập chi, bất diệt duyệt hồ?”* (học rồi thường xuyên tu tập, cũng chẳng vui sao?) Xưa kia, người đọc sách tại Trung Hoa thường nói *“Khổng Nhan chi lạc”*, [nghĩa là] trong cuộc sống, Khổng Tử và Nhan Hời có niềm vui sướng, mọi người rất tán thán, rất hâm mộ. Thế nhưng quý vị chẳng phải là Nhan Hời, chẳng phải là Khổng Tử, sẽ chẳng thể thấu hiểu cảnh giới ấy! Học theo Nhan Hời, học theo Khổng Tử, tại Trung Hoa, vào thời cổ, Mạnh Tử học giống nhất. Vì thế, Nho gia cũng dùng câu *“Khổng Mạnh chi đạo”* để thay thế cho câu ấy (câu *“Khổng Nhan chi lạc”*), có nghĩa là Mạnh Tử đã nhập cảnh giới của Khổng, Nhan. Trong Phật môn, có những vị tổ sư đại đức đã thật sự đạt được Giới Định Huệ, cũng có thể đạt tới [cảnh giới] *“phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*, Thiên Tông nói là *“minh tâm kiến tánh”*, Giáo Hạ nói là *“đại khai viên giải”*, Tịnh Độ nói là *“Lý nhất tâm bất loạn”*. Tuy danh từ khác nhau, nhưng cảnh giới như nhau, đều là lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm; lục căn đối trước cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Thật sự nhập cảnh giới này, họ đạt được niềm vui của chư Phật Như Lai. Niềm vui ấy vượt xa niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hời quá nhiều!

Chúng ta có thể nói *“Khổng Nhan chi lạc”* là thiên đạo, [là niềm vui của] thánh nhân thế gian. Niềm vui của chư Phật Như Lai đã đạt tới rất ráo. Nếu quý vị hỏi vì sao chúng tôi nói khẳng định như vậy ư? Chẳng có gì khác! Quý vị suy tưởng từ lý luận, [sẽ thấy] tất nhiên là như thế. Đoạn sạch tập khí vô thỉ vô minh, triệt để hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vạn vật trong vũ trụ, chúng sanh có cảm, sẽ tự nhiên có ứng. Giống như một chén nước, tôi dấy lên một ý niệm, người khác dấy lên một ý niệm, một chén nước đặt ở đây, nước phản ứng đối với [ý niệm

của] tôi và phản ứng đối với [ý niệm của] quý vị, phản ứng đối với [ý niệm của] người khác sẽ chẳng giống nhau! Cùng một nơi chốn, cùng một thời gian, do tâm ba người cảm khác nhau, cảnh giới phản ứng của nước sẽ chẳng giống nhau. Đây là chuyện như thế nào?

Tôi kể thêm một chuyện cho quý vị nghe nhé! Dường như là vào năm 1982, lão pháp sư Thánh Nhất⁶⁶ khi đó còn trẻ. Sư đại khái mới ngoài bốn mươi. Chuyện xảy ra từ hơn ba mươi năm trước. Sư kể với tôi, khi đó, Trung Quốc còn chưa hoàn toàn mở cửa, Sư và mấy vị đồng tham đạo hữu đến Triều Âm Động ở Phổ Đà sơn để bái yết Quán Âm Bồ Tát. Nghe nói sự cảm ứng ở chỗ ấy rất rõ rệt, tới đó lễ bái, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát hiện thân. Ba vị xuất gia, còn có một quan chức địa phương ở nơi đó đi theo họ, lạy ở cửa động nửa tiếng. Quán Âm Bồ Tát xuất hiện, ba người đều rất hoan hỷ, cùng thời gian, cùng địa điểm. Sau khi đã lạy nửa giờ, viên chức ấy thúc giục họ: “Thời gian quá lâu rồi, hãy nên rời đi!” Sau khi rời đi, họ hỏi nhau: “Thầy thấy Quán Âm Bồ Tát có hình dạng như thế nào?” Pháp sư Thánh Nhất thấy Quán Âm Bồ Tát đội mũ Tỳ Lô, thân kim sắc. Mũ Tỳ Lô là cái mũ giống như mũ Địa Tạng Bồ Tát đội, kim sắc. Một vị pháp sư khác thấy Ngài là Bạch Y Quán Âm, tức là giống như tượng tạc hoặc tượng vẽ Bạch Y Quán Âm mà chúng ta thường thấy. Mọi người rất quen thuộc hình tượng này. Còn có một vị pháp sư nữa thấy Ngài có hình tướng tỳ-kheo, là người xuất gia, có hình tướng tỳ-kheo xuất gia!

Ba người cùng lúc, cùng một chỗ, đều trông thấy [Bồ Tát], nhưng [hình tướng] chẳng giống nhau! Do nguyên nhân nào? Đều là “*có cảm bên có ứng*”, chúng sanh có cảm, Bồ Tát có ứng. Tâm thái cảm của quý vị khác nhau, sẽ ứng hiện tướng khác nhau! Trạng huống hoàn toàn giống như kết tinh trong thí nghiệm với nước như tôi đã nói! Cùng thời, cùng chỗ, một vọn người khởi tâm động niệm đối với chén nước, sẽ có một vọn thứ kết tinh khác nhau, quyết chẳng thể có hai kết tinh giống nhau! Tiến sĩ Giang Bồn Thắng kể với tôi điều này. Ông ta làm thí nghiệm mười năm, thí nghiệm mấy chục vọn lần, ông ta bảo “chưa từng phát hiện hai kết tinh hoàn toàn giống nhau”. Cùng một người, nhưng thời gian khác nhau, kết tinh cũng chẳng giống nhau. Vì sao? Cùng một người, nhưng ý niệm do khởi tâm động niệm khác nhau! Dầu là thiện niệm, mức độ thiện khác nhau. Vì thế, đối với những kết tinh đẹp đẽ, quý vị quan sát cận kề, [sẽ thấy là] đại đồng tiểu dị, không hoàn toàn giống nhau! Đây là vọn tâm trong mỗi niệm khác nhau, [có thể là] tương tự, chứ không giống hệt như nhau. Đến khi nào thì mới giống nhau? Như Lai quả địa,

đoạn sạch tập khí vô thỉ vô minh, khi ấy, sẽ giống nhau, sự hiển hiện (vì thế gọi là Nhất Chân) chẳng có biến hóa! Bất luận vào lúc nào, bất luận ở chỗ nào, đều thấy hoàn toàn như nhau, nên gọi là Nhất Chân.

Đây là trạng huống đại khái trong Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới, tôi cũng tận hết năng lực của chính mình để diễn tả nó. Do vậy, chúng ta có thể biết, từ xưa đến nay, có bao nhiêu người đã lạy Quán Âm Bồ Tát ở cửa động Triều Âm? Quá ư là nhiều. Những tướng do Quán Âm Bồ Tát thị hiện tuyệt đối sẽ chẳng thể là hai người thấy giống nhau được! Cùng là một người, như pháp sư Thánh Nhất [chẳng hạn], một ngày sau hoặc hai ngày sau, lại đến động Triều Âm lạy nửa tiếng, sẽ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giống như vậy hay chẳng? Khác nhau! Nơi chốn như nhau, nhưng thời gian khác nhau! Cho thấy điều gì? Cho thấy mười pháp giới (mười pháp giới đều gọi là *"thế pháp"*) vô thường. Nếu quý vị hỏi vì sao vô thường ư? Ý niệm của quý vị vô thường! Ý niệm vi tế, bọn phàm phu chúng ta chẳng cảm nhận được, dẫu là ý niệm của chính mình! [Phàm phu] chẳng cảm nhận được ý niệm của chính mình, làm sao quý vị có thể cảm nhận ý niệm của người khác cho được? Niệm trước, niệm sau, mỗi niệm chẳng tương đồng, mỗi niệm khác nhau. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm đều khác nhau, vô ký (chẳng thiện, chẳng ác) cũng chẳng giống nhau!

Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết trong đời người, cái đáng quý nhất, thù thắng nhất, quan trọng nhất chính là gì? Là cầu Định Huệ! Đây là tự tánh, Nho gia gọi là *"bốn thiện"*, còn trong Thiền Tông thì gọi là *"phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục"* (diện mạo vốn sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Quý vị có thể tìm được cái này, sẽ chẳng sống uổng phí đời này. Đời đời kiếp kiếp đều mê mất chính mình, nay tìm lại được chính mình, [mới biết] chúng sanh và chư Phật Như Lai chẳng khác nhau, là một, không hai, nhập pháp môn Bất Nhị. Ta và chư Phật chẳng hai, ta và chúng sanh chẳng hai, ta và vũ trụ chẳng hai, nhập pháp môn Bất Nhị! Đây gọi là minh tâm kiến tánh, là thế giới Hoa Tạng, hay thế giới Cực Lạc.

Do vậy, bài kệ cuối cùng này [nói về chuyện] đã rời khỏi chỗ ngồi. Bài kệ này mang ý nghĩa triệt để buông xuống. Thân, tâm, thế giới trọn chẳng thể được, [nếu] quý vị chẳng buông xuống được, sai mất rồi! *"Buông xuống"* chẳng phải là *"không cần"*. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói về buông xuống: Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, hãy buông xuống chấp trước, đừng chấp trước. Hãy buông xuống phân biệt. Hãy buông xuống khởi tâm động niệm. Trong kinh, đức

Phật đã nói hết sức rõ rệt: Buông xuống chấp trước, quý vị là A La Hán, chẳng có lục đạo. Tuy người ấy còn ở trong lục đạo, nhưng chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả của lục đạo, chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng, cát, hung, họa, phước, tham, sân, si, mạn, đã buông xuống! Lục đạo là gì? Nguyên lai, lục đạo là Thanh Văn pháp giới! Quý vị thấy cảnh giới chuyển theo tâm, chuyển theo ý niệm. Quý vị trụ trong Thanh Văn pháp giới, ở cùng một chỗ với đại chúng, họ trụ trong nhân pháp giới, còn quý vị trụ trong Thanh Văn pháp giới. Thanh Văn pháp giới và nhân pháp giới chẳng hai. Nếu quý vị tiến thêm bước nữa, phân biệt cũng buông xuống, sẽ trụ trong Bồ Tát pháp giới. Bồ Tát pháp giới và nhân đạo pháp giới cũng chẳng hai. Thiên Thai đại sư nói *“bách giới thiên như”* là do đạo lý này!

Nếu ngay cả khởi tâm động niệm quý vị cũng đoạn trừ, quý vị sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới, trụ trong thế giới Hoa Tạng. Người niệm Phật trụ trong thế giới Cực Lạc. Hoa Tạng, Cực Lạc và thế giới này của chúng ta chẳng hai! Chẳng hai mà hai, hai mà chẳng hai. Vì sao có hai? Dụng tâm khác nhau. Trong phẩm kinh này, vừa mở đầu, Văn Thù Bồ Tát đã dạy chúng ta: *“Thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức”* (Khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thắng công đức thù thắng, nhiệm mầu). Trong bảy bài kệ tụng này, sáu bài trước nói về Thắng, bài kệ cuối cùng nói về Diệu. Diệu (妙) là không chấp tướng, Diệu là buông xuống. Chẳng phải là buông xuống nơi Sự! Về Sự thì chẳng sai khác với chúng sanh, còn làm càng viên mãn, càng kiệt xuất, càng thù thắng hơn chúng sanh, nhưng chẳng chấp tướng. Chúng sanh dẫu làm thù thắng đến mấy đi nữa, chẳng diệu. Vì sao? Chấp tướng! Đối với *“ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng”* như kinh Kim Cang đã nói, họ chẳng xả trừ, chẳng biết những thứ ấy là hư vọng.

Tư tưởng của Lão Tử trong Đạo gia hết sức gần với Phật. Vừa mở đầu [bộ Đạo Đức Kinh], Lão Tử đã bảo: *“Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh”*, nêu bày ý nghĩa này. [Hai câu ấy có nghĩa là] đạo mà có thể tư duy, có thể tưởng tượng, có thể bàn luận, sẽ chẳng phải là đạo! Đạo là gì? Đạo là tự tánh, đạo là tâm thanh tịnh, trong chân tâm vốn chẳng có một vật! Vốn chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm, làm sao quý vị có thể suy tưởng nó cho được? Hễ suy tưởng, sẽ rớt vào phân biệt. Hễ quý vị nói, sẽ rớt vào chấp trước. Vì thế, đó chẳng phải là thường đạo. *“Thường”* (常) là vĩnh hằng bất biến, đấy là Thường. Mỗi cá nhân có cách nhìn khác nhau, mỗi cá nhân có cách nói khác nhau. Vì thế, trong thế gian này, có khá nhiều học giả, chuyên gia phát biểu khá nhiều ngôn luận, ai nấy có cách nhìn riêng, ai nấy có cách nghĩ riêng, đều

có cả một đồng đạo lý [để biện hộ cho quan điểm của riêng mình]. Lão Tử đã phê bình, thẩm định là “*phi thường đạo*” (chẳng phải là cái đạo vĩnh hằng bất biến), lời phê bình, nhận định chung của Ngài là “chẳng phải là đạo thường hằng”. Mọi người đều có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, “*thường đạo*” sẽ hiện tiền.

Chuyện này khó khăn, khó ở chỗ nào? Quý vị có muốn tướng cũng chẳng thể tướng nổi! Tướng chính là Tư (思), bất khả tư nghị! Chẳng thể tướng, chẳng thể nói. Diệu: Đúng là diệu ở chỗ này! Chẳng thể nghĩ ngợi, chẳng thể nói! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thuyết pháp bốn mươi chín năm, điều này cũng là diệu. Vì sao diệu? Nói bốn mươi chín năm, Ngài thật sự chẳng khởi tâm động niệm, diệu ở chỗ này! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chấp trước thì sao? Thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước. Đấy chính là “*Lý và Sự chẳng hai, Tự và Tha chẳng hai*”. Nhìn từ Tướng thì là hai, nhìn từ Tánh thì chẳng hai. Nhìn từ Sự thì là hai, nhìn từ Lý thì chẳng hai. Quán Huệ mới có thể giải quyết những vấn đề phức tạp chẳng có cùng tận trong xã hội hiện thời!

Xã hội này nơi nơi chốn chốn đầy áp đối lập, nghi ngờ, lo âu, mâu thuẫn, xung đột, đã đạt tới mức độ nghiêm trọng đáng sợ, chẳng có ai không bận tâm! Thậm chí còn có những chuyên gia, học giả nêu nghi vấn: “Nhân loại trên địa cầu có thể sống bình an đến hết thế kỷ này, tức thế kỷ hai mươi mốt hay không?” Cũng có nghĩa là [cho đến] năm 2100, có thể vượt qua một trăm năm ấy hay không? Sợ là bị hủy diệt! Lời lẽ này chẳng phải do những kẻ bình phàm nói ra. Chúng tôi nghe xong, có rất nhiều cảm xúc. Có thể cứu vãn thế giới này hay chẳng? Nếu chư vị khế nhập Đại Thừa, thâm nhập Hoa Nghiêm, tôi tin là quý vị sẽ hết sức lạc quan! Có cứu được hay chẳng? Được chứ! Lý luận và phương pháp trong giáo pháp Đại Thừa viên mãn khôn sánh, có năng lực ứng biến, có năng lực giúp đỡ các chúng sanh khổ nạn “*quay đầu là bờ*”. Nhưng một thứ tốt đẹp dường ấy thế mà chẳng có ai nhận biết, xác thực là hữu hiệu mà chẳng có ai dùng đến, chẳng có ai muốn dùng nó, vậy là chẳng có cách nào cả! Nhưng kẻ nào giác ngộ, hiểu rõ, kẻ ấy sẽ được cứu, nói theo tôn giáo, sẽ là “*được cứu vớt*”, còn nhà Phật nói là “*đắc độ*”.

Thế giới này có thành, trụ, hoại, không, người đắc độ có thể di dân sang một thế giới khác. Thế giới vô lượng vô biên, quý vị đến thế giới nào? Nhà Phật thường nói đến “*duyên phận*”. Duyên phận giống nhau, sẽ

cảm ứng đạo giao. Người có lòng yêu thương, có lòng từ bi, sẽ luôn tụ hội cùng những người có lòng yêu thương, có tâm từ bi, họ sẽ tụ hội với nhau. Đó gọi là *“vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân”* (vật tụ tập theo từng loài, con người chia thành từng nhóm). Những kẻ chí đồng đạo hợp tự nhiên sẽ tụ tập với nhau, cảm ứng mà! Nay chúng ta đã hiểu, những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta quyết định là thiện. Phật, Bồ Tát, nói theo cách hiện thời, là những bậc đã trở về tự tánh. Tự tánh là thuần tịnh, thuần thiện, những đường lối và phương hướng do các Ngài giới thiệu cho chúng ta chắc chắn là chánh xác. Chúng ta phải có tín tâm, nghiêm túc nỗ lực tu học theo giáo huấn của các Ngài, nhất định sẽ có thể đạt tới mục tiêu. Quý vị mong làm Phật, sẽ nhập cảnh giới của Phật, ở cùng một chỗ với chư Phật. Quý vị mong làm Bồ Tát, sẽ nhập cảnh giới của Bồ Tát, ở chung với các vị Bồ Tát. Xác thực là như Phật pháp đã nói, *“tâm tượng sự thành”*.

Đối với vũ trụ và nhân sinh, chúng ta có cách nhìn, cách nghĩ khác nhau, thừa cùng chư vị, trong tương lai có thể ở chung với nhau hay chẳng? Chẳng thể nào! Vợ chồng dẫu đắm thắm đến mấy, trong đời quá khứ có duyên phận, duyên phận có thời tiết, nhân duyên. Các vị ở chung với nhau, hoặc là mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm, chung quy phải chia tay. Sau khi chia tay, đời sau có thể tụ hội với nhau lần nữa hay chẳng? Chưa chắc! Vì sao? Hai người có cách nghĩ, cách nhìn chẳng hoàn toàn tương đồng, làm sao có thể sanh vào cùng một pháp giới cho được? Nhất là trong xã hội hiện đại, sẽ càng khó hơn; xã hội xưa kia còn dễ hơn đôi chút, chúng ta còn có thể tin tưởng. Vì sao? Từ bé đều đã được tiếp nhận giáo dục luân lý, đạo đức. Chồng biết suốt đời chung thủy với vợ, vợ biết suốt đời chung thủy với chồng. [Như vậy thì] đời sau còn có thể có duyên phận, chúng ta tin tưởng điều này! Nay thì chẳng có! Thời cổ, sự kiện ly hôn quá ít, rất hiếm nghe nói, được [sách vở] ghi lại rất ít. Nay thì ly hôn là chuyện như cơm bữa, quá đổi bình thường!

Đây là kết cấu gia đình có vấn đề. Gia đình là tổ chức cơ sở của xã hội, giống như tế bào trong thân thể con người, nó là tổ chức cơ bản. Tổ chức cơ bản bị phá hoại, nếu tế bào trên thân thể một người hư hoại quá nhiều, lẽ nào người ấy chẳng sanh bệnh? Do vậy có thể biết, muốn thật sự nói đến chuyện xã hội hài hòa, thế giới hài hòa, ngoại trừ dùng Nho và Phật (tức là nền giáo dục truyền thống về luân lý đạo đức, còn phải kể thêm giáo dục nhân quả), sẽ rất khó thực hiện! Ai nấy đều hiểu Đại Thừa, biết *“vạn pháp đều là Không, vô sở hữu, chẳng thể được”*, người

sống trên cõi đời hãy nên làm chuyện “bỏ mình vì người”, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng trái nghịch Tánh Đức. Đây là chánh xác, đây mới là thật sự có ý nghĩa, có giá trị, không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình. Quyết định chẳng thể làm chuyện tổn người lợi mình. Ý niệm tổn người lợi mình sẽ khiến cho chính mình bị đọa lạc. Kết quả của đọa lạc là ở trong ba ác đạo. Đây là sự thật! Nếu quý vị thừa nhận như thế, nếu quý vị đã chứng biết như thế, tín tâm của quý vị sẽ kiên định. Nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi giảng đoạn này tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp đoạn thứ tư.

(Sớ) Tương hành phi quải thời lục nguyện.

(疏)將行披挂時六願。

(Sớ: Sáu nguyện trong lúc chỉnh đốn y phục khi sắp đi ra ngoài).

Chúng ta nhìn vào tiêu đề này, cũng cảm thấy chẳng quen thuộc cho lắm. Nếu thay đổi cách nói, mọi người sẽ hiểu rất rõ ràng, người Hoa nói là “xuyên trước y thường” (穿著衣裳, mặc áo xống) [“phi quải thời”] là lúc mặc quần áo. Vì sao ở đây nói là “phi quải” (披挂, choàng, quấn)? Chư vị phải biết: Kinh điển từ tiếng Phạn của Ấn Độ dịch ra. Cho đến hiện thời, quý vị sang Ấn Độ, sẽ có thể thấy quần áo của người Ấn chẳng giống như chúng ta. Họ quấn một tấm vải trên thân [làm áo]. Phía dưới gọi là Thường (裳), tức “y thường” (衣裳, xiêm y, váy xống). Nay chúng ta gọi Thường là cái váy, tức là loại váy quấn quanh (xà-rông). Xà-rông thì phải dùng đai lưng buộc vào thân, nên gọi là Quải (挂). Y thì khoác trên thân; vì thế gọi là “phi quải” (披挂, choàng, quấn). Hoàn toàn chẳng giống Trung Hoa. Y phục của Trung Hoa phức tạp hơn họ. [Áo] phải may cắt sao cho có cổ áo, vạt áo, tay áo. Vì thế, phải “xuyên trước” (穿著, mặc), còn họ (người Ấn Độ) gọi là “phi quải”.

Tấm áo ca-sa của người xuất gia trong hiện thời, tấm áo này được gọi là Ca-sa (Kāśāya). Quý vị thấy tấm y này là một miếng vải, nhưng thu nhỏ lại, đại khái chỉ to bằng một phần ba tấm y của Ấn Độ. Y của Ấn Độ rất lớn bao bọc toàn thân, quấn quanh khắp thân. Khi làm việc, họ để lộ tay phải ra, “thiên đản hữu kiên” (偏袒右肩, để hở vai phải) hông làm lụng cho tiện. Nay chúng ta cũng [đắp y] để lộ vai phải. Vì thế, vai bên này thì vắt [hai mép y] chõng lên, để lộ tay phải ra; nhưng trong hiện thời, [để giữ cho hai mép tấm y chẳng tuột khỏi vai], chúng ta dùng cái

vòng móc. Cái vòng móc rất lâu về sau mới có. Tại Trung Hoa, vào thời Đường, vẫn chưa dùng vòng móc [để mặc y]; khi đó, chỉ dùng dây buộc. Dùng dây để buộc [hai mép y] cho khỏi tuột. Hiện thời, ở Nhật Bản có thể thấy, ở Đại Hàn cũng có thể thấy [cách đắp y bằng cách buộc dây]. Chỉ có Trung Hoa dùng vòng móc⁶⁷, đương nhiên là đỡ mất công hơn dùng dây buộc. Thế nhưng, hiện thời y ca-sa của Nhật Bản càng ngày càng đơn giản hơn. Y ca-sa hiện thời là một bức vải rất bé, rất ư là bé, vẫn có hình dáng giống như vậy, nhưng rút nhỏ⁶⁸. Thông thường, họ mặc đồ Tây, bỏ trong túi áo của Âu phục. Nếu có pháp hội, bèn lấy ra (giống như râu chuổi của chúng ta vậy) đeo lên cổ. Đó là một thứ mang tính chất tượng trưng, càng ngày càng đơn giản. Những sự biến hóa này, chúng ta đều phải biết. Đoạn này có tất cả sáu bài kệ nói về chuyện mặc áo. Xin xem bài thứ nhất.

(Kinh) Hạ túc trụ thời, đương nguyện chúng sanh, tâm đắc giải thoát, an trụ bất động.

(經)下足住時。當願眾生。心得解脫。安住不動。

(Kinh: Lúc đặt chân đứng, nguyện cho chúng sanh, tâm được giải thoát, an trụ bất động).

Phải xem [bài kệ này] tiếp nối ý nghĩa của kinh văn trong đoạn trước. Quý vị thấy phần trước là “*xả già phu tọa*” (thôi ngồi xếp bằng). “*Già phu*” (跏趺) là ngồi xếp bằng, “*xả già phu tọa*” là duỗi chân ra. Duỗi chân ra, bàn chân còn chưa chấm đất, còn chưa đứng lên, vẫn ngồi tại đó, chỉ duỗi chân ra. Bài kệ này tương ứng với khi đã đứng lên, “*hạ túc trụ thời*” (khi đặt chân xuống, đứng lên). “*Trụ*” (住) là đứng, [“*hạ túc trụ thời*” là] khi đã đứng lên. Khi làm xong một buổi công khóa, trong phần trước, tôi đã thưa cùng chư vị, trong công khóa có Giải Môn và Hạnh Môn. Xếp Hạnh Môn ra trước vì coi trọng Hạnh Môn.

Đạo tràng thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, phải hiểu ý nghĩa này. Vì sao nhất định phải thờ một vị Phật, hai vị Bồ Tát? Thông thường đều thờ phụng theo cách ấy, có ý nghĩa gì vậy? Biểu thị pháp. Phật biểu thị Lý, hoặc Tánh, Bồ Tát biểu thị Sự hay Hạnh. Lý là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước; do vậy, Phật chẳng thuyết pháp. Bồ Tát biểu thị từ Thể khởi Dụng. Dụng có sự biểu thị, có thuyết pháp, đấy là Dụng! Phật ứng hóa trong mười pháp giới, tức là [thị hiện] thân Bồ Tát; đấy là “*có thuyết*”. Trong Dụng, lại chia thành hai môn, một là Hạnh Môn, hai là Giải Hạnh; vì thế, dùng hai vị Bồ Tát để đại diện. Trong Tịnh Độ Tông, Quán Âm Bồ Tát biểu thị Hạnh Môn, ở đây

nói là Thiên Định, tức Hạnh Môn. Đại Thế Chí Bồ Tát biểu thị Giải Môn, giải hạnh tương ứng. Quý vị thấy Quán Âm Bồ Tát, nhìn từ phía chúng ta, đối diện với chúng ta, Ngài ở bên tay phải chúng ta, Đại Thế Chí Bồ Tát ở bên tay trái. Trung Hoa coi bên phải quan trọng hơn. Quý vị thấy viết câu đối, phía bên này là vế trên, phía bên kia là vế dưới. Nếu nói theo phương vị của A Di Đà Phật, bên tay trái của A Di Đà Phật là thượng, bên tay phải là hạ. Quán Âm Bồ Tát ở phía tay phải [của chúng ta, nghĩa là ở bên trái của A Di Đà Phật], tức là Hạnh Môn được xếp hàng đầu, Giải Môn được xếp vào thứ hai, chớ nên lầm lộn. Nếu vị trí của Quán Âm và Thế Chí đảo lộn, ý nghĩa biểu thị pháp đã bị điên đảo, ý nghĩa biểu thị pháp bị sai lầm. Điều này chỉ rõ Tịnh Tông trọng Hạnh, quyết định là Giải Hạnh tương ứng. Hoa Nghiêm Tam Thánh biểu thị pháp khác hẳn. Chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, thượng thủ là Văn Thù Bồ Tát, hạ thủ là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát là xét theo [địa vị của chúng ta], giống như cách xếp đặt trong Tịnh Độ Tông, Ngài có cùng vị trí với Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát có cùng vị trí với Quán Thế Âm Bồ Tát. Tay trái của Tỳ Lô Giá Na Phật là Văn Thù, bên tay phải là Phổ Hiền; đây là Giáo Hạ. Giáo Hạ xếp Giải Môn làm thượng thủ, Hạnh Môn đặt ở hạ thủ. Quý vị thấy kinh này vừa khởi đầu đã nói về Giải. Quý vị thấy đối với Thập Tín Bồ Tát, cho đến phẩm này mới nói đến Hạnh Môn. Phẩm Quang Minh Giác trong phần trước nói về Giải. Nhìn từ sự biểu thị pháp, quý vị sẽ hiểu: Đặt điều gì làm bậc nhất. Giáo Hạ xếp Giải làm bậc nhất, vì đã giải rồi mới bắt đầu tu. Tông Môn là đặt Hạnh vào bậc nhất, sau khi đã ngộ, sẽ đẩy lên giải. Đây là do chúng sanh căn tánh khác nhau, phương pháp giáo học sẽ chẳng nhất trí. Tịnh Độ Tông cũng xếp Hạnh hàng đầu, Hạnh Giải tương ứng.

Trong Niệm Phật Đường vốn chẳng giảng kinh, thật sự là một câu Phật hiệu, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sẽ quyết định vãng sanh. Vì sao nay trong Niệm Phật Đường chúng tôi phải đề xướng nghe kinh? Đạo lý ở chỗ nào? Căn tánh của người hiện thời chẳng bằng cổ nhân! Cổ nhân trung hậu, thật thà, khăng khăng một câu Phật hiệu, chẳng có vọng niệm, chẳng suy nghĩ tà vạy, thành tựu dễ dàng! Người hiện thời không được, căn tánh chẳng bằng cổ nhân, vọng tưởng nhiều, tạp niệm nhiều, tà tri tà kiến nhiều, hưởng hồ còn có những dụ dỗ, mê hoặc trong xã hội. Tâm họ tán loạn; do vậy, phải đề xướng kinh giáo. Kinh giáo giúp quý vị hiểu rõ Lý. Đặc biệt là Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm giảng cạn kẽ. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, thật sự thông hiểu thì mới có thể buông xuống, mới chẳng bị xã hội dụ dỗ, mê hoặc. Quý vị liễu giải càng sâu đậm thì mới có năng lực phân biệt chân, vọng, tà, chánh, thiện, ác, đúng, sai. Quý vị mới

có thể phân biệt! Nếu không, nghe kẻ khác nói, [sẽ nghĩ] “có lý lắm!”, chạy theo tri kiến của kẻ khác, điều này đáng sợ quá! [Nghe kẻ khác nói, cảm thấy] có lý lắm, nhưng có thấu triệt hay không? Có viên dung hay không? Điều này rất quan trọng! Chẳng thấu triệt, chẳng viên dung, nếu làm theo thì thoát đầu đường như hữu hiệu, sau một khoảng thời gian, sẽ bị biến chất, chẳng có cách nào duy trì ổn định trong một thời gian dài. Chuyện này trọng yếu lắm!

Từ xưa tới nay, có khá nhiều học giả, chuyên gia ngoại quốc rất bội phục xã hội Trung Hoa. Họ nói Trung Hoa trong quá khứ đã thực hiện đế chế rất thành công. Từ năm hai trăm lẻ mấy Công Nguyên, Hán Cao Tổ⁶⁹ thống nhất Trung Hoa mãi cho đến hiện thời, hơn hai ngàn năm. Chế độ của quốc gia bị biến đổi chưa đầy một trăm năm; trong quá khứ, toàn là đế chế. Có thể duy trì lâu dài ngàn ấy, người ngoại quốc cũng thấy rất rõ ràng: Nói chung, xã hội Trung Hoa là một xã hội hòa bình, an định. Hai ngàn năm qua đã dựa vào gì vậy? Người ngoại quốc chẳng hiểu, tưởng là nhờ vào phương cách và sách lược cai trị của đế vương. Cách nhìn ấy lệch lạc, liễu giải Trung Hoa phiến diện, chẳng đủ thấu triệt! Cũng khó trách được! Vì sao? Nói theo cách phổ biến hiện thời, “trong não của họ chẳng có tế bào này”, làm sao họ có thể nghĩ ra được!

Trung Hoa ổn định, củng cố dài lâu, an định, hòa bình, dựa vào đâu? Dựa vào giáo dục luân lý đạo đức. Luân lý đạo đức rất gần gũi, tương ứng với tự tánh. Hễ trái nghịch tự tánh, chắc chắn sẽ sanh ra rối loạn, có phiền phức. Tương ứng với tự tánh, sẽ chẳng có [những chuyện ấy]. Người ngoại quốc cũng hiểu cốt lõi trong giáo huấn của cổ thánh tiên hiền và các tôn giáo là yêu thương. Họ cũng phát hiện, thấu hiểu điều này! Vun bồi cái tâm yêu thương như thế nào? Họ chẳng biết, chẳng nói “tâm yêu thương là thiên tánh, tâm yêu thương là bản tánh, chẳng phải là tập tánh”. Người ngoại quốc rất ít nói tới điều này, [tức là nói tới] bản tánh. Mã Minh Bồ Tát bảo “*Bổn Giác vốn có*”, tâm yêu thương chính là “*Bổn Giác vốn có*”. Nói “*tánh loài người bất thiện*”, cái bất thiện chính là tập tánh, chẳng phải là bản tánh. Tôi cảm thấy cổ đại đế vương thống trị Trung Hoa chẳng phải bằng quyền thuật (權術, thuật cai trị, thuật cầm quyền), mà bằng tâm yêu thương, bằng đạo đức, bằng luân lý. Những thứ ấy đều là Tánh Đức, tương ứng với Tánh Đức thì mới có thể bình trị lâu dài. Trái nghịch Tánh Đức, dầu có thể thu được hiệu quả nhất thời, lâu sau sẽ nảy sanh vấn đề!

Đây là khi buông chân xuống để đứng lên, “*hạ túc trụ thời*”, “*trụ*” là đứng lên. “*Đương nguyện chúng sanh, tâm đắc giải thoát, an trụ bất*

động” (Nguyện cho chúng sanh, tâm được giải thoát, an trụ bất động). Phát nguyện như vậy. Từ nguyện này, có thể thấu hiểu, khởi tâm động niệm bèn [nghĩ đến] hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Tâm lượng ấy to cỡ nào! Vì thế, cổ nhân nói, không chỉ nói “*chẳng đọc Hoa Nghiêm, sẽ chẳng biết sự phú quý trong nhà Phật*”, mà còn bảo “*chẳng đọc Hoa Nghiêm, sẽ không biết tâm lượng to lớn của Phật, Bồ Tát*”. Dùng phương pháp gì để mở rộng tâm lượng của chúng ta? Bộ sách giáo khoa này đúng là sách giáo khoa tốt nhất từ khi có lịch sử đến nay. Thầy tôi nói, kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học của kinh Phật, là sách giáo khoa hay nhất trên thế giới, các thứ học thuật của phương Đông lẫn phương Tây đều chẳng thể sánh bằng! Kinh có lý luận viên mãn, có phương pháp chặt chẽ, còn kèm thêm biểu diễn, tìm đâu ra loại sách giáo khoa [giống như vậy]? Tôi theo lão nhân gia học Triết Học, Ngài giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Khi ấy, tôi còn chưa đọc sách này; từ lời giáo huấn của thầy, mới biết có một bộ sách tốt đẹp dường ấy! Khởi tâm động niệm chẳng phải là nói đến chính mình, chẳng phải là nói đến một đoàn thể. Một gia đình, một đoàn thể, một xã hội, một quốc gia, thậm chí nay chúng ta nói là toàn thể thế giới. Đó là “thế giới quan”. Kinh này nói theo “vũ trụ quan”, niệm nào cũng “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh), “*chúng sanh*” ở đây chính là chúng sanh trong hết thấy các cõi nước khắp pháp giới, hư không giới, chẳng sót một ai!

“*Tâm đắc giải thoát, an trụ bất động*” (Tâm được giải thoát, an trụ bất động), hai câu này xuất phát từ chỗ nào? Liên quan tới buổi học trước! “*Tâm đắc giải thoát*” là Giải Môn, “*an trụ bất động*” là Hạnh Môn. Đối với hai bài kệ thứ năm và thứ sáu trong phần trước, “*nhược tu u Quán*” (nếu như tu Quán), quý vị thấy “*đương nguyện chúng sanh, kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh*” (nguyện cho chúng sanh, thấy lý như thật, vĩnh viễn chẳng chống trái, tranh cãi), đấy chính là “*tâm đắc giải thoát*”. “*Tu hành u Định, đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư*” (Tu hành nơi Định, nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế ngự cái tâm, rốt ráo chẳng sót). Đấy là “*an trụ bất động*”. Phải áp dụng những gì đã học được trong các buổi học vào cuộc sống thực tế. Ở đây, chúng ta ắt phải ghi nhớ, Bồ Tát chính mình làm được, mới “*nguyện cho chúng sanh*”. Nếu chính mình chẳng làm được, nay chúng ta nói, lấy gì để giúp đỡ chúng sanh? Nói theo Phật pháp, chính mình chẳng làm được, lấy đâu ra công đức để hồi hướng cho người khác? Nay ta nói “*hồi hướng*” là “*chia sẻ với mọi người*”, đấy là công đức. Nhắc nhở đại chúng: “Tôi đã khế nhập, chân thật, chẳng hư dối. Nếu quý vị có thể làm như vậy, quý vị cũng có thể khế nhập”. Chính mình nêu gương tốt cho người

khác thấy. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân thuyết pháp trong mười pháp giới, biểu diễn cho chúng ta: “Trong vũ trụ, chỉ có chuyện này là thật, những thứ khác đều chẳng thật!” Quý vị thấy ý nghĩa này hay lắm, viên mãn lắm! Sau khi đứng lên, đương nhiên là sẽ rời khỏi giảng đường, tức là rời khỏi đạo tràng. Rời khỏi đạo tràng thì phải cất bước.

(Kinh) Nhược cử ư túc.

(經)若舉於足。

(Kinh: Nếu như cất bước).

Đấy là bắt đầu bước đi.

(Kinh) Đương nguyện chúng sanh, xuất sanh tử hải, cụ chúng thiện pháp.

(經)當願眾生。出生死海。具眾善法。

(Kinh: Nguyện cho chúng sanh, thoát biển sanh tử, đủ các pháp lành).

Đây là trong cuộc sống hằng ngày, tức là ngay trong hiện tiền. Nay chúng ta cùng nhau học tập phẩm Tịnh Hạnh, chúng ta có muốn áp dụng một trăm bốn mươi một nguyện này vào hiện tiền hay không? Nay chúng ta chẳng cần phải trải tòa để ngồi, hiện thời đã có ghế dựa. Trước khi chúng ta ngồi xuống, nhất định sẽ coi trước ghế có sạch hay không? Nếu không sạch, sẽ lau chùi nó để chính mình ngồi lên đó. Coi thử ghế có sạch hay không cũng giống như “trải tòa để ngồi”. Nhưng hiện thời, khi ngồi, chúng ta chẳng xếp bằng, phải hiểu ý nghĩa này! Khi chúng ta đứng lên, đã đứng lên thì chính là “hạ túc trụ thời” (khi buông chân xuống, đứng dậy). “Trụ” (住) là đứng lên. Buổi học đã xong, chúng ta ra khỏi giảng đường, “nhược cử túc thời, đương nguyện chúng sanh, xuất sanh tử hải” (nếu khi giờ chân, nguyện cho chúng sanh, thoát biển sanh tử). “Xuất sanh tử hải” là thoát khỏi lục đạo luân hồi, thoát khỏi mười pháp giới.

Trong lục đạo luân hồi, hai loại sanh tử đều có, [tức là] hai thứ sanh tử Biến Dịch Sanh Tử và Phần Đoạn Sanh Tử đều có. Tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật (“Phật” ở đây là Phật trong mười pháp giới), chẳng có Phần Đoạn Sanh Tử, nhưng có Biến Dịch Sanh Tử. Phần Đoạn Sanh Tử là nói về lục đạo. Nói tổng quát, ví như người đến đầu thai trong thế gian, sanh ra, đầu thai, từ lúc sanh ra mãi cho đến khi thọ mạng trong đời này đã hết, chết đi, đó là một giai đoạn. Một đời

ấy được gọi là một giai đoạn. Sau khi đã chết, kẻ ấy lại đầu thai, thuận theo nghiệp lực dẫn dắt mà sẽ đến đầu thai trong đường nào đó. Trong kinh, đức Phật đã nói rõ chuyện này: *“Cường giả tiên khiên”* [nghĩa là] nghiệp lực nào mạnh mẽ, sẽ dẫn [thần thức của người ấy] đi đầu thai trước. Nếu đời này thiện niệm của quý vị rất mạnh, thiện niệm vượt trội ác niệm, nhất định là quý vị sẽ đầu thai vào ba thiện đạo trước. Nhất định là như vậy. Nếu đời này làm người, ác niệm nhiều, thiện niệm ít, do ác niệm quá mạnh, đời sau quý vị sẽ đến đầu thai trong ba ác đạo. Cái nào mạnh sẽ lôi đi trước, dắt quý vị đi đầu thai. Từng giai đoạn như vậy được gọi là Phần Đoạn Sinh Tử (分段生死). Đây là nói theo nghĩa rộng.

Nếu nói theo nghĩa chân thật của đức Phật, thân thể này của chúng ta xác thực là Phần Đoạn Sinh Tử. Bản thân chúng ta có thể nhận biết hay không? Chẳng thể cảm nhận! Mỗi niệm đều là một đoạn, niệm niệm quá vi tế, chúng ta chẳng dễ hiểu! Chúng tôi nêu một thí dụ. Mỗi ngày coi như một giai đoạn. Ngày hôm qua là một ngày đã qua đi, có phải là đã “chết” mất rồi hay sao? Còn có thể quay lại hay không? Chẳng thể quay lại; đó là nói theo từng ngày một. Lại nói cận kề hơn một tí, mỗi ngày có hai mươi bốn giờ, một giờ đã trôi qua, giờ ấy có thể quay lại hay chẳng? Mỗi giờ có sáu mươi phút, một phút đã qua, tức là “đã chết”, chẳng thể quay lại được, từng đoạn một. Chia tới chỗ cực hạn, sẽ là sanh diệt trong từng sát-na. Liễu giải chân tướng sự thật này, vì thế, nói *“niệm niệm chẳng trụ”*. Đó là chân tướng, là Thật Tướng của các pháp. Không chỉ là loài người, mà tất cả hết thảy các pháp đều chẳng thường trụ, đều sanh diệt trong từng sát-na. Chúng ta thấy dường như con người có thể sống vài chục năm, trong thế gian có rất nhiều thứ có thể tồn tại mấy trăm năm, mấy ngàn năm, [nhưng thật ra], thảy đều là sanh diệt trong từng sát-na. Duyên thù thắng hơn một tí, sẽ là tướng tương tục (tướng tiếp nối), tuyệt đối chẳng phải là một tướng, mà là tướng liên tục. Ta ngày hôm qua chẳng phải là ta ngày hôm nay, ta ngày hôm nay chẳng phải là ta trong ngày mai. Nhưng người quán chiếu tinh vi, kín nhiệm như thế, nói thật ra, chẳng nhiều! Phải là người rất cẩn thận thì mới được, kẻ ơ hờ qua loa sẽ chẳng thể cảm nhận được!

Đức Phật dạy chúng ta những phương pháp hết sức đáng quý, khiến cho chúng ta quan sát cẩn thận, tuy chẳng thể triệt để liễu giải chân tướng của vũ trụ, nhưng có thể dần dần tiếp cận. Khởi đầu, tuy có thể hiểu một, hai phần; một, hai phần ấy đã khởi tác dụng rất lớn, có thể uốn nắn khá nhiều sai lầm cho chúng ta. Niệm nào cũng đều thoát khỏi biển sanh tử, đây là Chánh Giác tuyệt diệu. Sanh tử luân hồi trong lục

đạo thì hết thảy đều vô thường, có còn mong sanh tử nữa hay chẳng? Từ vô lượng kiếp đến nay, trong kinh, đức Phật đã nói quá nhiều lần: “*Sanh tử bì lao*” (生死疲勞, sanh tử mệt mỏi, nhọc nhằn), quá nhiều lần! Người giác ngộ hy vọng đời này sẽ là lần cuối cùng, đời sau chẳng còn luân hồi nữa! Bậc thật sự cao minh, thật sự giác ngộ, [sẽ cảm nhận]: “Ngày hôm nay đã qua, hãy nên đoạn sạch chuyện luân hồi trong lục đạo. Từ nay trở đi, ta sẽ không làm nữa”, [tức là] chẳng làm những chuyện thuộc về luân hồi, chẳng tạo nghiệp luân hồi. Như thế nào thì mới có thể chẳng tạo nghiệp luân hồi? Nếu xả trừ cái tâm luân hồi, sẽ không tạo nghiệp luân hồi! Tâm luân hồi là tâm gì vậy? Cái tâm chấp trước. Chấp trước kiên cố hết thảy vạn sự, vạn vật trong thế gian và xuất thế gian, đấy là tâm luân hồi. Trừ bỏ cái tâm luân hồi, sẽ chẳng tạo nghiệp luân hồi. Quý vị chẳng tạo nghiệp luân hồi, đời sau chắc chắn chẳng bị luân hồi!

Nếu chúng ta hỏi, nay chúng ta phải như thế nào thì mới chẳng tạo nghiệp luân hồi? Phật, Tổ đều dạy chúng ta: “*Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật*”. Quý vị thấy A Di Đà Phật có tương ứng với lục đạo hay không? Trong ba thiện đạo chẳng có A Di Đà Phật; trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật. Lại thừa cùng chư vị, trong tứ thánh pháp giới cũng chẳng có A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở nơi đâu? Trong Nhất Chân pháp giới, Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới. Chẳng phải là đã rõ ràng rồi hay sao? Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, buông xuống hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Vị đường chủ trong Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông xuống thân, tâm, thế giới, một bề chuyên niệm*”. Đấy là “*xuất sanh tử hải*” (thoát khỏi biển sanh tử), đấy là “*cụ chúng thiện pháp*” (trọn đủ các thứ thiện pháp). Do vậy, một câu Phật hiệu được gọi là “*vạn đức hồng danh*” vì nó trọn đủ hết thảy thiện pháp.

Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nhắc đến đạo lý này vài lượt. Vào thời đại Tùy - Đường, những vị cao tăng đại đức, kể cả những vị từ Nhật Bản, Đại Hàn đến tham học tại Trung Hoa. Các Ngài cũng từng dấy vọng tưởng, suy nghĩ điều gì? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng nhiều ngàn ấy, bộ kinh nào có thể đại biểu cho hết thảy các pháp, đại biểu cho hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, dùng bộ kinh ấy làm đại biểu. Kết quả là các vị tổ sư đại đức ấy gần như đều cùng thừa nhận, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do vậy, mọi người gọi kinh Hoa Nghiêm là “*kinh trung chi vương*” (vua trong các kinh), là “*căn bản pháp luân*”. Nói theo kiểu hiện thời, “*pháp luân*” là sách giáo khoa, [“*căn bản pháp luân*” có thể hiểu] là sách giáo khoa cơ bản. Mở kinh Hoa Nghiêm ra, vô lượng pháp

môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn nhiều ngàn ấy đều được cô đọng thành một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Gần như mọi người đều khẳng định điều này!

Đây là từ trong hết thảy các pháp môn, đã tìm được một đại biểu, còn có kinh điển nào đơn giản hơn nữa để có thể làm đại biểu cho kinh Hoa Nghiêm, [nội dung lại] bao gồm kinh Hoa Nghiêm hay không? Cứ truy tầm từng bộ một. Truy cứu kiểu đó, do phần cuối của kinh Hoa Nghiêm là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc được dạy trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà là Tiểu Bản, kinh A Di Đà là Tiểu Bản của kinh Hoa Nghiêm và là Tiểu Bản của kinh Vô Lượng Thọ, càng đơn giản hơn. Phần quan trọng nhất trong kinh Vô Lượng Thọ là đoạn kinh văn nào? Các vị tổ sư đại đức đã quy nạp, thay cho chúng ta tìm ra bốn mươi tám nguyện. Phần quan trọng nhất trong kinh Vô Lượng Thọ là bốn mươi tám nguyện. Trong bốn mươi tám nguyện, quan trọng nhất là nguyện nào? Tổ sư đại đức đã đề ra nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám nói gì vậy? *“Lâm mạng chung thời, thập niệm tất sanh”* (Khi lâm chung, do mười niệm ắt được vãng sanh).

Sau đây, quý vị mới hiểu, một câu *“Nam-mô A Di Đà Phật”* triển khai ra sẽ là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm lại triển khai thành hết thảy các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Tìm đến cuối cùng, A Di Đà Phật vốn là cốt lõi của toàn thể Phật pháp. Như vậy thì quý vị niệm một câu A Di Đà Phật chẳng phải là đã trọn đủ các thiện pháp ư? Chẳng sai tí nào! Nhưng nay chúng ta niệm Phật, chẳng biết niệm! Có sao chẳng biết niệm? Niệm một câu A Di Đà Phật mà vẫn xen tạp vọng tưởng, [tức là] chẳng biết niệm! Cổ đại đức dạy chẳng sai, nhất tâm xưng niệm. Kinh Vô Lượng Thọ nói là *“nhất hướng chuyên niệm”* (một bề chuyên niệm).

“Hướng” (向) là phương hướng, chớ nên xen tạp! Cổ đại đức dạy chúng ta, bí quyết của pháp môn Niệm Phật gồm có ba điều: Điều thứ nhất là chẳng hoài nghi, điều thứ hai là chẳng xen tạp, điều thứ ba là chẳng gián đoạn. Quý vị có thể làm được ba câu ấy, xác thực là đã đầy đủ vô lượng vô biên thiện pháp!

Ba câu ấy đều chẳng dễ dàng! Quý vị có nghi hoặc đối với pháp môn Niệm Phật hay không? Hễ có nghi, tín tâm chẳng thật! Làm sao biết quý vị có nghi? Quý vị chẳng buông xuống duyên thế gian, đó là nghi hoặc. Nếu thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi, bảo quý vị buông xuống thân, tâm, thế giới, [quý vị] sẽ thật sự buông xuống. Đây là chẳng có nghi hoặc, nhất tâm chuyên niệm. Trong thời cận đại, cách thời hiện đại chẳng xa, chưa đến nửa thế kỷ, lão pháp sư Đàm Hư có kể [một trường hợp]. Thầy của Ngài là lão hòa thượng Đế Nhàn. Lão hòa thượng Đế Nhàn có một đồ đệ làm “*oa lậu tượng*”, hễ nhắc đến [lão pháp sư Đàm Hư] thì Hương Cảng rất thân thuộc. Tôi nghe câu chuyện này từ băng thâu âm, ở Hương Cảng có đồng học (khi đó tôi ở Mỹ), họ gởi hai băng thâu âm cho tôi, [thâu lời] khai thị của pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất ở Hương Cảng. Lời khai thị gồm hai cuộn băng, một cuộn trong ấy có câu chuyện này!

“*Oa lậu tượng*” (鍋漏匠): Oa lậu tượng là gì? Hiện thời chẳng ai hiểu, tức là thợ vá nồi, vá bát. Những thứ giống như đồ sứ bị vỡ, còn có thể chấp vá lại để dùng, tái sử dụng! Hiện thời chẳng có chuyện này! Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, không chỉ là sản phẩm nhiều hơn trước, mà còn tiến bộ hơn trước rất nhiều. Số lượng cũng được gia tăng rất lớn, hễ bị hỏng đều vứt đi, chẳng cần nữa. Xưa kia chẳng phải vậy, vật tư hết sức thiếu thốn, nồi hoặc bát bị vỡ bèn chấp vá lại. Thuở bé, tôi đã thấy nghề này, công việc rất nhọc nhằn. Ông ta làm nghề ấy quá vất vả.

Do vậy, sau đó, tìm đến pháp sư Đế Nhàn. Ông ta và pháp sư Đế Nhàn trưởng thành từ bé trong cùng một thôn làng, đáng gọi là “bạn chơi với nhau thuở bé”. Cuộc sống quá vất vả, thấy Sư xuất gia được lắm, chẳng phải lo ăn, chẳng lo mặc; vì vậy, tính theo Sư xuất gia.

Pháp sư Đế Nhàn nói: “Không được! Ông xuất gia thì tuổi đã cao quá rồi, đã ngoài bốn mươi tuổi, chẳng biết chữ”. Sư bảo: “Nay ông học kinh giáo, do không biết chữ, ở trong chùa chiền học năm đường công khóa⁷⁰, cũng chẳng biết xướng niệm, quá ngốc nghếch, làm sao ông có thể xuất gia cho được?” Kết quả là tâm người ấy rất kiên định, cứ lẳng nhẳng không đi, Sư chẳng thể nào không đáp ứng. Cuối cùng, pháp sư Đế Nhàn bị ông ta ép không làm sao được, đành phải bàn điều kiện với ông ta. Sư bảo: “Thôi được rồi! Ông muốn xuất gia thì hết thảy đều phải nghe theo tôi”. Ông ta đáp: “Không thành vấn đề! Chuyện gì tôi cũng đều nghe theo thầy”. Sư mới cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, chẳng thể sống trong chùa miếu, vì đại chúng trong chùa miếu sẽ khinh dễ ông ta.

Nếu năm đường công khóa chẳng biết làm, làm sao có thể ở trong chùa miếu cho được?

Vì thế, [Sư đưa ông ta] đến vùng quê ở Ôn Châu. Khi đó, có rất nhiều ngôi chùa nhỏ chẳng có ai ở. Sư tìm một ngôi chùa nhỏ cho ông ta ở. Tìm quanh đó mấy vị hộ pháp, chăm lo cuộc sống cho ông ta. Ông ta sống rất đơn giản. Rất khó có, còn có một bà lão nấu cơm cho ông ta. Pháp sư Đế Nhàn dạy ông ta một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*”, bảo: “*Ông niệm câu này, hễ niệm một bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Chuyện gì cũng đều chẳng nghĩ tới, chuyên niệm một câu này*”. Ông ta thật sự nghe lời, ở trong ngôi chùa nhỏ ấy, suốt ba năm không ra khỏi cửa, niệm một câu A Di Đà Phật, niệm hơn ba năm, thật sự thành tựu. Ngày hôm ấy, bảo bà lão nấu cơm: “Ngày mai tôi phải vào thành, ngày mai bà không cần nấu cơm cho tôi”. Ông ta vào thành thăm bạn bè, còn có các thân thích bằng hữu, đi thăm họ, trên thực tế là giả biệt, ông ta cũng chẳng nói, đi thăm bạn bè thôi! Sau khi quay về, bảo bà lão: “Ngày mai bà chẳng cần nấu cơm cho tôi”. Bà lão nghĩ: “Hôm qua ông ta ra ngoài thăm bạn bè, chắc là ngày mai có bạn bè mời ông ta dùng cơm!”

Vì thế, cho đến giữa trưa hôm sau, bà vẫn đến chùa coi thử pháp sư có cơm ăn hay không? Kết quả là đến chùa tìm, gọi ông ta chẳng thấy ai trả lời, cuối cùng thấy ông ta đứng trong phòng, đứng sững tại đó, gọi thì không trả lời. Đến trước mặt coi kỹ, thấy đã chết, bà ta sợ ngậy người, chưa từng thấy có người đứng chết. Ông ta đứng mất! Lúc ấy mới vội vã báo cho mấy vị hộ pháp biết. Những người hộ pháp đến xem, cũng [cảm thấy] rất hiếm có, rất kinh ngạc, vội vàng sai người sang chùa Quán Tông báo tin cho lão pháp sư Đế Nhàn. Khi đó, cụ Đế Nhàn còn là Tri Khách Sư của chùa Quán Tông, vẫn chưa phải là Trụ Trì, chỉ là Tri Khách Sư tại chùa Quán Tông. Nghe tin ấy, Sư vội vã về quê. Đi và về mất ba ngày, quý vị thấy người đồ đệ ấy sau khi đã chết, đứng suốt ba ngày. Sau khi trông thấy, pháp sư Đế Nhàn rất hoan hỷ: “Ông chẳng phí công xuất gia! Thành tựu của ông, các vị phương trượng trụ trì từng lâm khắp Trung Hoa chẳng ai có thể sánh bằng!” Thật vậy, chẳng giả tí nào! Quý vị thấy niệm một câu Phật hiệu suốt ba năm, biết trước lúc mất, đứng sững vãng sanh, chẳng ngã bệnh. Ra đi tự tại dường ấy, tiêu sái dường ấy. Pháp sư Đế Nhàn lo liệu hậu sự cho ông ta.

Một câu A Di Đà Phật, “*cụ chúng thiện pháp*” (đủ các pháp lành), giống như ông ta thì mới được. Ông ta thật sự làm được, chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Do vậy, phương thức ấy của cụ Đế

Nhàn hay quá! Quý vị niệm mệt liền nghỉ, nghỉ đã khỏe lại tiếp tục niệm, chẳng phân chia ngày đêm. Bất cứ khi nào mệt bèn nghỉ ngơi khi ấy. Đã nghỉ ngơi xong lại tiếp tục niệm. Thời gian ba năm! Về sau, tôi đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, thấy trong ấy rất nhiều trường hợp [niệm Phật] từ ba năm đến năm năm bèn thành tựu. Đã từng có đồng tu hỏi tôi, có phải là thọ mạng của họ đã tới? Tôi nghĩ chẳng phải, há có chuyện phù hợp vừa khéo như thế? [Nếu bảo là do] thọ mạng đã tới, mấy người thì được, chẳng thể có nhiều người ngàn ấy! Chẳng phải là thọ mạng đã đến, mà là do công phu của họ thành tựu. Công phu đã thành tựu, chẳng cần thân thể này nữa, có thể ra đi trước thời hạn. Sanh tử tự tại mà! Họ chẳng lưu luyến thế gian này, hy vọng sớm có ngày vãng sanh. Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Do vậy, “*xuất sanh tử hải, cụ chúng thiện pháp*” (thoát biển sanh tử, đủ các pháp lành) chính là một câu hồng danh sáu chữ. Nay đã hết thời gian rồi!

---o0o---

Tập 1518

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần kệ tụng thuộc đoạn lớn thứ tư, Tương Hành Phi Quả (將行披挂, chỉnh đốn y phục lúc sắp ra đi), xem từ nguyện thứ ba.

(Kinh) Trước hạ quần thời, đương nguyện chúng sanh, phục chư thiện căn, cụ túc tà quý.

(經)著下裙時。當願眾生。服諸善根。具足慚愧。

(Kinh: Khi vấn cái xiêm, nguyện cho chúng sanh, mặc các thiện căn, trọn đủ hổ thẹn).

Đoạn này có tất cả sáu nguyện. Nói chung, sáu nguyện ấy là khi đã “*hạ tòa*” (下座, rời chỗ ngồi) bèn “*chỉnh y*” (整衣), tức là sửa sang y phục cho ngay ngắn. Ất cần phải biết điều này, đấy là tập tục thời cổ Ấn Độ, mà cũng là lễ phép, coi như là “*oai nghi*” như người Trung Hoa đã nói. “*Hạ tòa*” là nói theo Trung Hoa, vì Thiên Đường và Niệm Phật Đường tại Trung Hoa đều có chỗ ngồi. Trong giảng đường, đương nhiên cũng có bàn học, có ghế ngồi. Hơn nữa, trang phục của Trung Hoa chẳng giống Ấn Độ, dễ dàng hơn. Y phục của Ấn Độ, khi ngồi xuống và đứng lên, đều phải chỉnh trang y phục, vì họ quấn trên thân. “*Hạ quần*” (下裙) là bức vải quấn ở phía dưới. Chúng ta biết thời cổ gọi nó là “*y thường*” (衣裳, xiêm y, váy xống). “*Thường*” (裳) là cái váy. “*Khố*” (褲, quần dài):

Người Hoa bắt đầu chế ra “*khố tử*” (quần dài)⁷¹ khá muộn. Theo lịch sử Trung Hoa ghi chép, thời đại Xuân Thu vẫn toàn là vận “*y thường*”.

“*Trước hạ quần thời*”: Cái váy quần ở dưới do phải buộc đai, nên gọi là Quái. “*Phi quái*” (披挂, khoác, quần), “*quái*” là cái váy ở dưới. Trong Sớ Sao, Thanh Lương đại sư không chú giải nhiều, nhưng đã nêu rộng ý nghĩa.

(Sớ) Hạ y cái xú, cố nguyện đắc tàм quý.

(疏) 下衣蓋醜，故願得慚愧。

(Sớ: Hạ y che thứ xấu xa, nên nguyện “đạt được hổ thẹn”).

Quý vị thấy Ngài đã mở rộng ý nghĩa từ chỗ này! Người và động vật khác nhau. Con người luôn có tâm xấu hổ, thẹn thùng. Từ xấu hổ, tự nhiên sẽ có cái tâm “*tàm quý*”. Tàm (慚) là tự phản tỉnh. Nói thông thường, lương tâm cảm thấy có lỗi thì là Tàm. Quý (愧) là dư luận bên ngoài, cũng là như nay chúng ta nói “đại chúng bình phàm phê bình quý vị”. Quý vị làm việc thiện, đại chúng tán thán, tán dương quý vị. Đây là chuyện tốt. Quý vị làm chuyện sai quấy, tạo tội nghiệp, đại chúng trong xã hội chỉ trích, phê bình quý vị. Đó là Quý (thẹn). Đây gọi là thẹn với xã hội, thẹn với tổ tiên, thẹn với những người cùng hàng, bao gồm những ý nghĩa này. Nếu con người chẳng biết thẹn, sẽ còn xấu hơn súc sanh!

Hiện thời, xác thực là luân lý đạo đức trong toàn thể xã hội đã gần như tiêu mất! Có mấy ai trong hiện thời biết hổ thẹn? Trong Đại Thừa Phật pháp, Tàm Quý thuộc loại Thiện Tâm Sở theo cách phân loại trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Vô Tàm, Vô Quý thuộc về ba loại phiền não lớn. Ngoài căn bản phiền não, có Tùy Phiền Não. Tùy phiền não⁷² gồm Đại Tùy, Trung Tùy, và Tiểu Tùy, hai món ấy thuộc loại Trung Tùy, tức là Vô Tàm, Vô Quý. Vô Tàm thì làm bất cứ chuyện xấu nào, chẳng có lương tâm. Kẻ ấy chẳng biết lương tâm là gì, mà cũng chẳng sợ kẻ khác phê bình. Có nghĩa là kẻ ấy chẳng cần biết đến dư luận, “các người nói gì đi nữa, ta cứ làm chuyện của ta!” Người mà đã đến mức ấy, chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều chẳng có cách nào cứu quý vị! Ai có thể cứu? Ai có thể quay đầu? Kẻ còn có tâm hổ thẹn. Dẫu làm chuyện xấu, có khi nghĩ lại, vẫn bị lương tâm cắn rứt. Đây là tâm sở Tàm. Vẫn sợ dư luận bên ngoài phê bình, đó là tâm sở Quý. Do vậy khi mặc hạ y, váy hay quần đều thuộc loại hạ y, sẽ liên tưởng đến chuyện “*che chắn xấu xa*”, tức là đã biết thẹn!

Cổ nhân thường nói: *“Tri sĩ cận hồ dũng”* (Kẻ biết thẹn gần như là kẻ dũng mãnh). Người biết thẹn mới có thể mạnh mẽ dấy lên ý chí, mới có thể đội trời đạp đất. Chúng ta suy ngẫm đôi chút, nổi sĩ nhục lớn nhất trong đời người là gì? Chính là không hiểu rõ chân tướng Sự Lý, làm càn, làm quấy, tạo tác tội nghiệp, chiêu cảm khổ báo trong tam đồ. Đây là nổi sĩ nhục cực đại! Có lỗi với cha mẹ, có lỗi với tổ tiên, cô phụ cái thân người trong đời này! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói *“thân người khó được”*. Nếu đã nghe Phật pháp, vậy là có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với kinh giáo, tuy đã nghe mà chẳng nghiêm túc hành! Nay chúng ta hãy ngẫm xem, hãy suy ngẫm chính mình, lại nhìn vào hoàn cảnh chung quanh, có thể nói là *“toàn thể đều bị mê mất phương hướng”*. Nếu chúng ta chẳng huân tu kinh giáo một thời gian dài, đã sớm mê mất, chắc chắn sẽ chẳng khác người đời! Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần bày ra trước mắt, lẽ đâu chẳng động tâm cho được? Làm sao có thể chẳng tham cầu? Sau khi cái tâm keo kiệt, tham lam đã dấy lên, chắc chắn sẽ làm chuyện tổn người, lợi mình. Câu thành ngữ *“tổn người, lợi mình”*, nói thật ra, đã sai mất rồi, sai ở chỗ nào? Tổn người, chắc chắn sẽ bất lợi cho chính mình! Phải nói rõ ràng, nói minh bạch chân tướng sự thật khiến cho người ta giác ngộ.

Trong giáo huấn nhân quả thường nói, ngay cả ông Khải Tây (Edgar Cayce) của Mỹ cũng nói khẳng định: *“Những thứ phải cảm nhận trong một đời của bất cứ ai trên thế giới, chẳng có chuyện nào không liên quan đến hạnh nghiệp trong đời trước”*. Đây là nói đến nhân quả. Đã liên quan đến hạnh nghiệp trong đời trước, hết thảy những tạo tác trong kiếp này của chúng ta đương nhiên cũng liên quan đến đời sau. Phật pháp nói rất hay: *“Dục tri tiền thế nhân”*, [nghĩa là] nếu chúng ta muốn biết trong đời quá khứ đã tạo cái nhân gì, *“kim sanh thọ giả thị”*, [nghĩa là] những gì quý vị đã hứng chịu trong đời này, bất luận là hoàn cảnh nhân sự hay hoàn cảnh vật chất, những gì quý vị phải hứng chịu [trong đời này] là do đời trước quý vị đã gây tạo. *“Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”*, [nghĩa là] nếu quý vị muốn biết quả báo trong đời sau của mình sẽ như thế nào ư? Những gì quý vị đã nghĩ, đã làm trong đời này chính là cái nhân cho đời sau, quý vị sẽ hiểu ngay! Do vậy, tổn người làm sao [có thể] lợi mình cho được? Há có lẽ ấy! Thừa thật cùng quý vị, tổn người chắc chắn sẽ hại mình, chẳng đạt được mảy may lợi ích nào!

Như trong xã hội hiện thời, những chuyện gạt gẫm kẻ khác xuất hiện không cùng tận! Thứ gì cũng đều có đồ giả! Tôi nghe đồng học kể, trứng gà cũng có trứng giả, chẳng phải là chuyện đùa đâu nhé! Thức ăn

hiện thời đúng là chẳng đáng tin, sử dụng những chất hóa học, ăn vào sẽ khiến cho người ta bị bệnh, quý vị đã hại người rồi! Những thứ do quý vị bán ra, quý vị lấy tiền của người ta, mà đồ của quý vị giả trá, lừa gạt kẻ khác, khiến cho họ ngã bệnh, thậm chí mất mạng! Hạng người như vậy, đối với chuyện như vậy mà có thể nhẫn tâm làm ư? Nói thật ra, người hiện thời chỉ mong kiếm lời, chẳng suy xét hậu quả, chẳng tin nhân quả báo ứng, chẳng tin con người có đời sau! Đây là do điều gì tạo thành? Do thành tựu khoa học tạo thành. Con người tin tưởng khoa học, tin vào đời hiện tại, chẳng tin có đời sau. Vì thế, họ dám làm [những chuyện thương thiên bại lý, tàn nhẫn], nói thật ra là do không biết chân tướng của nhân sinh và vũ trụ!

Trong quá khứ, người Hoa tin vào giáo huấn của thánh hiền, tin tưởng luân lý đạo đức, tin tưởng “*thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo*”, lịch sử hơn hai ngàn năm đã ghi chép. Lắng lòng quan sát, tư duy thời đại hiện tại, quý vị sẽ thấy rất nhiều chuyện nhân quả báo ứng từ các tin tức, nhưng mọi người thấy xong bèn như thế nào? Chẳng hề động lòng! “Chuyện ấy rất kỳ lạ, chẳng thể nghĩ bàn”, thế là xong! Trọn chẳng suy nghĩ, xem xét đôi chút: “Nếu chúng ta gặp phải chuyện ấy, có nên làm hay chẳng?” Chẳng có ai suy nghĩ vấn đề ấy, chỉ nghĩ: “Khoa học chẳng có cách nào giải thích chuyện lạ lùng ấy!” Chúng tôi mong mọi những chuyện ấy được đăng tải nhiều hơn, nhưng các phương tiện thông tin cũng có rất nhiều hạn chế, chẳng muốn đăng tải. Vì sao? [Sợ bị chụp mũ] là tuyên truyền mê tín. Trên thực tế, chính họ mới là mê tín! Quý vị thấy những người làm việc thiện, thiện tâm làm việc thiện, quý vị quan sát cận kề, [sẽ thấy] họ vẫn thật sự có quả báo tốt lành. Kẻ không điều ác nào chẳng làm, quý vị hãy quan sát, dấu hấn vẫn có thể hưởng thụ một chút phước báo trong đời này, hãy quan sát con cháu của hấn. Hãy chú tâm quan sát sẽ thấy những chuyện ở ngay trước mắt; hãy đừng làm chuyện xấu!

Đối với chuyện phải coi trọng giáo dục nhân quả, Ấn Quang đại sư đã suốt đời cực lực tuyên dương, còn [coi là chuyện] quan trọng hơn tuyên dương Phật pháp. Ngài đặt chuyện tuyên dương nhân quả lên hàng đầu, coi chuyện tuyên dương Tịnh Độ là thứ nhì. Thuở trước, tức ba mươi năm trước, thấy lão pháp sư làm kiểu ấy, tôi cảm thấy lạ lùng. Một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông vì sao lại làm kiểu ấy? Suy nghĩ rất lâu mới thông suốt, mới hiểu dụng tâm của Ngài. Đó là bi tâm, rất tuyệt diệu! Để cứu vãn thế giới trong hiện thời, dùng bất cứ học thuật nào, dùng Nho hay dùng Phật đều chẳng kịp! Sự giáo dục ấy chính là “*thập niên thụ*

mộc, bách niên thụ nhân” (mười năm trồng cây, trăm năm trồng người)⁷³, làm chẳng kịp! Chỉ riêng nhân quả, quý vị thật sự hiểu rõ nhân quả, mới biết nhân quả đúng là đáng sợ. Thiện ác báo ứng như bóng theo hình!

Bản thân chúng ta mạng chẳng tốt, chẳng sao cả! Có thể sửa! *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Quý vị mong của cải, có thể đạt được. Mong công danh có thể đạt được. Liễu Phàm Tứ Huấn và Du Tịnh Ý Ngô Táo Thần Ký là những tấm gương tốt đẹp. Trong mạng của tiên sinh Liễu Phàm chẳng có của cải gì, mà cũng chẳng có công danh. Nay chúng ta gọi công danh là học vị (degree). Học vị của ông ta chỉ đạt tới Tú Tài, trong mạng chẳng có Cử Nhân, Tiến Sĩ lại càng chẳng cần phải nói đến. Tiến Sĩ thời cổ giống như học vị tiến sĩ (PhD) trong hiện thời. Cử Nhân giống như thạc sĩ (master), Tú Tài tương đương với học sĩ (bachelor). Trong ba học vị ấy, ông ta chỉ có học vị thứ nhất, chẳng coi là công danh được. Cử Nhân mới tính là có công danh, ông ta chẳng có học vị cao! Kết quả, ông ta thi Cử Nhân bèn đỗ, thi Tiến Sĩ cũng đậu, trong mạng chẳng có [thế mà vẫn đậu]! Thọ mạng chỉ có năm mươi ba tuổi, ông ta sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu hơn hai mươi năm. Đây là gì? Cải tạo vận mạng!

Dùng phương pháp gì? Quý vị thấy thiền sư Vân Cốc dạy ông ta, cũng như thiền sư Trung Phong dạy đại chúng, trong Liễu Phàm Tứ Huấn đều có ghi chép. Trước khi học Phật, tôi đọc quyển sách ấy, đại khái là trong vòng hai tháng, tôi đọc sách ấy ba mươi lần, hết sức cảm động. Ngẫm lại, những tật xấu của chính mình chẳng khác tiên sinh Liễu Phàm cho mấy, phước báo còn chẳng bằng ông ta. Mạng ông ta còn có Tú Tài, mạng tôi ngay cả Tú Tài cũng chẳng có. Ông ta tuy nghèo hèn, cuộc sống vẫn còn có thể duy trì được. Chuyện này tôi cũng chẳng bằng ông ta. Thọ mạng của ông ta còn được năm mươi ba tuổi, tôi chỉ có bốn mươi lăm tuổi, thua kém rất xa. Vì thế, tôi đọc xong, nghiêm túc phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới. Sau khi được nghe Phật pháp, tôi cũng chẳng mong cầu chi hết!

“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng” là do Chương Gia đại sư dạy tôi. Ngài dạy tôi để cầu thì có đạo lý để cầu, có phương pháp để cầu. Đúng lý, đúng pháp, chẳng có gì không cầu được! Quý vị thấy người ta cầu làm Phật mà còn có thể cầu được. Đó là chuyện khó khăn nhất, làm Phật mà còn có thể cầu được mà! Công danh, phú quý trong thế gian này, nói theo Phật pháp, thầy Lý thường nói, đó là chuyện *“lông gà, vớ tỏi”*, quá đơn giản! Chẳng có một ai không cầu được! Chúng tôi nói là *“cải tạo*

vận mạng”. Đây là những lợi ích rất nhỏ nhặt. Được của cải, được thông minh, trí huệ, được khỏe mạnh, sống lâu; đó là những lợi ích rất vặt vãnh! Làm thánh, làm hiền, làm Phật, làm Bồ Tát, đó là đại lợi ích; đáng tiếc là người thế gian chẳng có tầm nhìn ấy, chẳng có loại viễn kiến (tầm nhìn xa) ấy, chỉ thấy trước mắt!

Cầu những điều lợi nhỏ nhặt trước mắt như thế nào? Đức Phật dạy, chúng ta đã gieo cái nhân trong đời quá khứ, chính là cơ sở để cầu, bố thí! Do Tài Bố Thí được của cải. Do Pháp Bố Thí, được thông minh, trí huệ. Do Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Nếu quý vị mong đạt được, trước hết phải thí. Quý vị thấy một thuật ngữ thông thường của Trung Hoa là “xả, đắc”. Nói thật ra, đây là một thuật ngữ trong Phật môn, hiện thời lưu thông phổ biến khắp xã hội. Hễ quý vị có thể xả, sẽ đạt được. Quý vị chẳng thể xả, sẽ chẳng thể đạt được. Quý vị hoan hỷ xả, sẽ đạt được cũng rất dễ dàng. Khi quý vị xả mà [cảm thấy] rất khó chịu, đã xả rồi lại hối tiếc, có thể đạt được hay không? Có thể đạt được! Nhưng để đạt được, rất tốn công sức, chẳng đạt được lệ làng như vậy! Vì thế, quý vị dùng cái tâm như thế nào, dùng phương thức như thế nào để xả, trong tương lai, khi quý vị đạt được, cũng sẽ giống như vậy. Có kẻ kiếm tiền rất vất vả, đó là trước kia, khi thí xả đã rất khó chịu, xả rồi lại hối tiếc! Thấy người khác xả, chính mình sợ mất thể diện cho nên không thể chẳng xả, do tâm tình ấy, trong tương lai, chính mình sẽ kiếm tiền rất vất vả. Nếu xả rất nhanh chóng, xả rất hoan hỷ; về sau, kiếm tiền sẽ rất dễ dàng. Chuyện là như vậy đó, nghiệp nhân quả báo chẳng sai sót mảy may!

Thầy dạy cho tôi đạo lý và phương pháp này, tôi bèn nghiêm túc học tập. Nhưng khi học tập, tôi chẳng cầu quả báo, của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu, tôi đều chẳng cầu. Chúng tôi chỉ có một ý niệm, đây là chuyện phải nên làm. Chuyện tốt thì phải nên làm, phải nên giúp đỡ kẻ khác, phải nên giúp đỡ xã hội, tận tâm tận lực. Đời sau, chúng ta biết có Tịnh Độ, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có mảy may lưu luyến duyên trong cõi đời. Chúng ta đã hiểu, trong tương lai, khi vãng sanh sẽ tự tại. Nếu còn lưu luyến duyên trong cõi đời, ra đi sẽ rất vất vả! Ra đi rất vất vả, chuyện vãng sanh sẽ chẳng đáng trông cậy! Nói cách khác, quý vị chẳng nắm chắc vãng sanh!

Do vậy, phàm là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đúng là trước hết phải tự vấn lương tâm, có nên làm hay không. Những điều chẳng nên làm, quyết định chớ nên làm. Gây tổn thương, bất lợi cho người khác, quyết định chớ nên làm. Không chỉ là đối với người, mà đối với tiểu động vật cũng chẳng nên! Muỗi đốt quý vị một phát, không gì

chẳng phải là vì nó đói, muốn kiếm chút gì để ăn. Nó có phạm tội đáng chết hay không? Chẳng đáng tội chết! Chớ nên đập một phát cho nó chết tươi, chớ nên! Chớ nên dùng thuốc sát trùng để giết chúng, nó cũng là một mạng, nhất định phải tôn trọng sanh mạng của nó, yêu tiếc sanh mạng! Nay chúng ta chẳng mong kẻ khác tổn thương ta, ta cũng chẳng có quyền lợi tổn hại hết thảy chúng sanh. Nếu quý vị hành Bồ Tát đạo, hãy hoan hỷ, muỗn đến đốt quý vị, “ta cúng dường người”. Đây là tu bố thí. Trong hạnh nguyện Phổ Hiền có “*quảng tu cúng dường*”, vì sao quý vị chẳng bố thí cho nó? Chẳng bằng lòng bố thí, đuổi đi là được rồi. Chớ nên giết nó!

Quý vị phải có lòng cảnh giác như thế đó, ngay cả những loài tiểu động vật, dường như chúng đến gây tổn hại cho quý vị, đều dùng tâm từ bi đối xử với chúng, lẽ nào quý vị có thể hại người? Làm sao quý vị có thể có ý niệm và hành vi bất lợi đối với người khác? Chẳng thể nào! Chúng ta học những điều này, thấy đều thi hành trong cuộc sống, thấy đều thay đổi quan niệm và hành vi sống. Trong cuộc sống hằng ngày, những điều giống như sáu nguyện này đều thuộc về [những nguyện đã phát] khi mặc y phục. Mặc y phục cũng là biểu thị pháp. Từ sự biểu thị pháp, bèn phát ra đại nguyện tương ứng, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới “*phục chư thiện căn*” (mặc các căn lành). Dùng “*thiện căn*” làm y phục của chúng ta, dùng như lễ phục. Đây là Phật pháp và thánh giáo trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Dưới đây là nguyện thứ tư.

(Kinh) Chính y thúc đới, đương nguyện chúng sanh, kiểm thúc thiện căn, bất linh tán thất.

(經) 整衣束帶。當願眾生。檢束善根。不令散失。

(Kinh: Chính áo, buộc đai, nguyện cho chúng sanh, kèm giữ thiện căn, chẳng để thất lạc).

Quần áo hiện thời đã tiến bộ, chẳng cần dây buộc. Dùng gì? Khuy nút! Y phục thời cổ có dây buộc. Giống như y phục hiện thời của chúng ta, dùng các loại khóa móc. Trước kia, dùng dây buộc, xác thực là “*chính y thúc đới*” (chỉnh y, buộc đai), phải thắt đai cho chặt. Hiện thời, dùng khóa móc thuận tiện hơn dây buộc. Trước kia áo hải thanh (đại bào) chẳng có khuy nút, đều là buộc dây, bên trong là dây buộc, bên ngoài cũng là dây buộc. Hải thanh là lễ phục đời Hán, là áo dài rộng, tay áo to, dùng vào đời Hán, người xuất gia hiện thời vẫn mặc loại y phục này. Trường quái (áo dài), tiểu quái⁷⁴ là y phục đời Minh, nhưng đều có cái

tiến. Quần áo đời Minh cũng có dây buộc, nhưng hiện thời đều dùng nút áo thay thế, nhất định phải cài nút cho kỹ. Ở lưng thì có đai lưng, quần thì không chỉ lưng quần có dây rút, mà cửa quần cũng có dây thắt. Vớ cũng có dây buộc, giày cũng có dây buộc. “*Chỉnh y thức đới*” là nếu quý vị ăn vận chỉnh tề, buộc dây cẩn thận, người sẽ cảm thấy đặc biệt có tinh thần. Khi ấy, quý vị thấy, đó là Bồ Tát, tự nhiên sanh khởi hoằng nguyện tương ứng với Ngài.

“*Đương nguyện chúng sanh, kiểm thúc thiện căn*” (Nguyện cho chúng sanh, kiểm giữ thiện căn). Thiện căn là gì? Phải biết điều này! Trong kinh luận, đức Phật đã dạy, thiện căn của thế gian có ba, tức là tam thiện căn. Tất cả hết thấy các thiện pháp trong thế gian đều sanh từ ba thiện căn. Ba thiện căn ấy chính là vô tham, vô sân, vô si. Tất cả hết thấy các thiện căn theo pháp thế gian, thông thấu lục đạo, do ba thiện căn [sanh khởi]. Quý vị phải kiểm tra xem [chính mình] có [những thiện căn ấy] hay không? Phải buộc giữ những thiện căn ấy cẩn thận, chớ để chúng “*tán thất*” (thất lạc). Nay chúng ta hãy ngắm xem, [chính mình] có ba thiện căn ấy hay không? Chẳng có! Cái thay thế cho chúng là Tam Độc. Đối lập với ba thiện căn là Tam Độc, tức tham, sân, si. Tham, sân, si sanh ra tất cả hết thấy những thứ bất thiện trong thế gian. Chúng ta nói “*bất thiện*” là nói theo kiểu văn vẻ, chứ nếu nói khó nghe hơn một tí, sẽ là “ác độc”! Tất cả hết thấy những thứ ác độc trong thế gian đều sanh từ tham, sân, si. Quý vị nói xem, chúng có đáng sợ lắm không?

Đức Phật nói nghiệp nhân quả báo của mười pháp giới, nói theo nghiệp nhân, bất luận trong đường nào cũng đều là vô lượng nhân duyên, rất phức tạp. Tuy rất phức tạp, có điều nào quan trọng nhất hay không? Trong khá nhiều nhân duyên phức tạp ấy, cái nhân nào là nhân quan trọng nhất? Đức Phật bảo, tham là cái nhân của ngã quý đạo, tham tâm đọa ngã quý, tâm sân khuể đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Quả báo ba ác đạo do đâu mà ra? Do Tam Độc phiền não cảm ứng.

Người ta chẳng tin những thứ ấy, phải đợi khoa học chứng minh, hy vọng các khoa học gia nỗ lực. Nếu có thể phát triển tiến bộ, đột phá các chiều không gian, quý vị mới có thể thấy. Mười pháp giới, nói theo thuật ngữ của các nhà khoa học, sẽ là “*các chiều không gian khác nhau*”, giống như chúng ta xem TV, các băng tần khác nhau. Nay chúng ta chẳng có năng lực từ trong một màn hình mà xem tất cả các băng tần, chẳng có năng lực ấy! Người đã đột phá các chiều không gian, xác thực là không chỉ thấy tất cả các chiều không gian khác nhau, mà còn như thế nào? Chúng chẳng hỗn loạn, mỗi pháp giới đều thấy rất rõ ràng, rất minh

bạch! Trong Phật pháp nói là “*pháp giới*”, các nhà khoa học gọi là “*những chiều không gian khác nhau*”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, ai có thể thấy được? Từ A La Hán trở lên đều có thể thấy. Chư thiên có thần thông, chúng ta theo thói quen thường nói là “*thần thông*”, họ có thể thấy từ Dục Giới trở xuống, phía trên Dục Giới họ chẳng trông thấy. Từ Dục Giới trở xuống là nhân đạo, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, họ đều có thể trông thấy. Sau khi đã thấy, mới hiểu rõ là thật, chẳng giả. Hiện thời, không ít các thành phần trí thức bậc cao ở phương Tây cũng hiểu rõ chuyện lục đạo luân hồi. Những bài văn hoặc sách vở thảo luận về vấn đề này cũng khá nhiều! Gộp chung với sách vở phương Đông để xem, quý vị sẽ biết chuyện này chẳng phải là giả!

Nghiệp nhân của loài người là Ngũ Giới, Ngũ Thường, Nho gia bảo là “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”. Suốt đời khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng lìa tiêu chuẩn này, quý vị mới có thể được làm thân người. Từ chỗ này, chúng ta cũng có thể thấu hiểu [vì sao] cổ nhân nói “*nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (thoạt đầu, tánh của con người vốn lành). Nếu họ bất thiện, sẽ chẳng được làm thân người. Quý vị đã sanh vào nhân gian, được làm thân người, đời trước quý vị đã đều tu Ngũ Giới, đều biết “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*” thì quý vị mới có thể có thân người. Phật pháp gọi điều này là “*dẫn nghiệp*” (引業), [tức là cái nghiệp] dẫn dắt quý vị đầu thai vào loài người, được làm thân người. Còn như sau khi đã làm người, mỗi cá nhân phú quý, nghèo hèn khác nhau, có kẻ giàu có, có kẻ nghèo túng. Đây là do nguyên nhân nào? Mãn nghiệp (滿業) khác nhau. Mãn nghiệp là gì? Trong đời quá khứ, nói theo Phật pháp là “*bố thí*”, ba loại bố thí, tức Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí khác nhau, mỗi người khác nhau!

Nếu đối với ba loại ấy, quý vị đều rất hoan hỷ bố thí, trong đời này, vận mạng của quý vị thật tốt! Giàu to, lại có thông minh, trí huệ, lại được khỏe mạnh, sống lâu, do quý vị đã tu trong đời quá khứ. Còn như làm quan to, làm quốc vương, nay nói là người lãnh đạo quốc gia, cho đến người lãnh đạo quốc tế, là người lãnh đạo các tỉnh, huyện, thành phố, họ đã tu gì vậy? Nói theo giáo pháp Đại Thừa, quá nửa là họ đã tu trì trong tôn giáo, hành những điều lành như tôn giáo đã nói, có lý lắm! Đời trước đã tu trong Phật môn, đời này làm quan to, quên bẵng chuyện trong đời trước. Trong lịch sử Trung Hoa đã ghi chép rất nhiều [chuyện như vậy]. Những vị quý nhân quan to hiển đạt ấy đời trước đều là người xuất gia, rất đáng tiếc, họ chẳng cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, hễ chuyển thế, đời sau biến thành quý nhân. Người xuất gia hành Pháp Bố Thí khá

nhieu; vì thế, làm quý nhân, quá nửa rất có tài năng, có học vấn. Cuộc sống vật chất tạm ổn, hoàn toàn chẳng phải là hết sức dư dật. Tại gia cư sĩ tu hành trong Phật môn cũng giống như vậy! Người thuở trước tin tưởng những lời này; hiện thời, nếu quý vị nói cho kẻ bình phàm nghe, nhất định là họ sẽ lắc đầu: “Người mê tín quá đi!” Họ chẳng tin! Nếu quý vị lắng lòng chú tâm quan sát, tư duy, sẽ thấy đúng là có lý! Vì thế, chúng ta gìn giữ ba thiện căn quan trọng hơn bất cứ điều nào khác! Nguyện này dạy chúng ta “*kiểm thúc*”, nguyện trước dạy chúng ta “*phục chư thiện căn*” (mặc các căn lành), đều chẳng lìa khỏi ba thiện căn!

Trong pháp xuất thế, thiện căn của Bồ Tát chỉ có một điều: Tinh Tấn. Dũng mãnh tinh tấn. “*Tinh*” (精) là không xen tạp, “*Tấn*” (進) là chẳng thoái chuyển, chúng ta đều phải hiểu. Kinh này là pháp Bồ Tát, chẳng phải là pháp của bọn phàm phu chúng ta. Vì thế, thiện căn được nói ở đây đương nhiên là Tinh Tấn. Một trăm bốn mươi một nguyện này là pháp tu của Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát khởi tâm động niệm chẳng lìa một trăm bốn mươi một nguyện này. Chúng ta hạ thấp chuẩn mực, hạ thấp [cho phù hợp] với giai đoạn hiện thời của chúng ta, [cho nên] nói là ba thiện căn: Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng tham, chẳng sân, chẳng si; đó gọi là “*thật sự tu hành*”. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, những gì chẳng nên có thì không cầu, không giữ lấy. Những gì đáng nên có thì được, như là những thứ do công việc mang lại, sẽ là những thứ đáng đạt được. Còn những thứ tiền tài bất chánh chính là những thứ chớ nên có. Nhưng quý vị phải hiểu, thứ chẳng nên có mà quý vị đạt được, vẫn là do trong mạng quý vị có. Nếu trong mạng quý vị không có, tiền tài bất nghĩa quý vị cũng chẳng thể có được. Nhưng nếu quý vị giành được tiền tài bất nghĩa, sự giàu sang trong mạng quý vị sẽ bị suy giảm, hao tổn, bị chiết khấu!

Ví như trong đời này, tài sản trong mạng quý vị nhiều đến một ức, nói nhiều một chút; nhưng tâm hạnh của quý vị bất thiện, chỗ nào cũng mong chiếm tiện nghi của kẻ khác, tổn hại kẻ khác để chính mình đạt được lợi ích, của cải! Trong mạng quý vị [vốn có] một ức, kết quả là của cải do quý vị đạt được trong một đời tính ra đại khái chẳng được nhiều như vậy, đã bị chiết khấu. Thậm chí chiết khấu khá nhiều, biến thành [chỉ còn] hai, ba phần. Một ức trở thành hai ngàn vạn, ba ngàn vạn. Vì sao? Bị chiết giảm do dụng tâm bất thiện, nhất là tổn hại kẻ khác. Cộng, trừ, nhân, chia, trong đó, bị chia ra, chẳng phải là trừ bớt! Điều bất thiện nhỏ thì trừ đi, điều đại bất thiện thì chia ra. Ngược lại, do tiểu thiện được cộng thêm. Do đại thiện bèn nhân lên. Nếu quý vị hành đại thiện, có thể

bỏ mình vì người, một ức trong mạng của quý vị có thể biến thành hai ức, có thể biến thành ba ức, nhân lên đó mà! Do quý vị đã dấy khởi điều đại thiện.

Vì vậy, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham, đối với tài vật chẳng động tâm. Còn như làm chuyện tốt thì tùy duyên, tùy phận. Có duyên thì làm nhiều, chẳng có duyên bèn làm ít. Nếu gặp lúc chẳng có, bèn không làm, công đức của quý vị đều viên mãn. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: *“Phát ý viên thành, viên mãn công đức”*, tức là phát tâm, quý vị có ý niệm ấy. Tuy có ý niệm ấy, nhưng chẳng có sức, công đức của quý vị đã là viên mãn do quý vị có tâm. Đây là trong giáo pháp Đại Thừa. Đối với Đại Thừa, quý vị thấy trong giới kinh kết tội, *“luận tâm, chẳng luận sự”*. Quý vị có cái tâm ấy hay không? Sự là duyên phận. Duyên phận thì một là duyên phận của chính mình, hai là duyên phận của chúng sanh. Chúng sanh chẳng có phước báo, phước báo của quý vị bèn tặng cho họ, họ chẳng thể hưởng thụ. Ất cần phải là ta cũng có năng lực, mà chúng sanh cũng có phước. Đây là lý do vì sao Phật, Bồ Tát làm hết thủy công đức mà chẳng kể công? Quý vị phải hiểu đạo lý là ở chỗ này! Tuy ta tu được phần phước báo này, họ cũng có phước. Chứ nếu họ chẳng có phước, ta có phước thì chưa được. Họ chẳng thể nhận được! Đã là cả hai bên, còn có gì để kể công nữa?

Vì thế, nói chung là phải hiểu rành rẽ, hiểu minh bạch đạo lý này, niệm niệm chẳng quên vô tham, vô sân, vô si. Trở ngược lại, Tam Độc tham, sân, si đều chẳng thể được; trong cuộc sống, rất dễ dấy lên ý niệm ấy. Ý niệm dấy lên liền biết: Tham tâm là quý đạo. Hễ có một niệm sân khuể, sẽ biết là địa ngục đạo. Vậy thì có gì phải nổi nóng? Cần gì phải dấy tâm sân khuể? Chẳng phải là kẻ khác đọa địa ngục, mà là chính mình đọa địa ngục. Ngu si là chẳng hiểu chuyện, [sẽ đọa trong] súc sanh đạo, chớ nên làm! Chính đốn, buộc chặt xiêm y, quý vị thấy [Bồ Tát] bèn phát nguyện tương ứng, chúng ta phải nên học tập. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ thứ năm kể đó.

(Kinh) Nhược trước thương y, đương nguyện chúng sanh, hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn.

(經)若著上衣。當願眾生。獲勝善根。至法彼岸。

(Kinh: Nếu mặc y trên, nguyện cho chúng sanh, đạt thắng thiện căn, đến bờ pháp kia).

Đối với “*thượng y*”, Thanh Lương đại sư hoàn toàn dùng ý nghĩa trong ngôn ngữ của chúng ta để giải thích.

(Sớ) Tức sam áo chi bối.

(疏)即衫襖之輩。

(Sớ: Tức là những thứ như áo dài, áo khoác).

Những thứ này đều là phục trang Trung Hoa, là thượng y. Nguyện tương ứng với điều này là “*đương nguyện chúng sanh, hoạch thắng thiện căn*” (nguyện cho chúng sanh, đạt được thiện căn thù thắng). Hãy chú trọng chữ Thắng (勝). “*Thắng thiện căn*” đương nhiên chẳng phải là thiện căn thế gian, xác thực là Tinh Tấn. Hai chữ Tinh Tấn cũng chính là như trong quá khứ tổ sư đại đức đã thường dạy chúng ta: “*Thâm nhập một môn là Tinh, huân tu lâu dài là Tấn*”. Dùng tám chữ ấy để giải thích Tinh Tấn, không gì thích đáng hơn!

“*Chí pháp bỉ ngạn*”: “*Bỉ ngạn*” (Bờ kia) là Nhất Chân pháp giới, bờ này là mười pháp giới. Đây là bờ kia thật sự. “*Tương tự*” thì chẳng phải là thật, là gần giống. [Nếu nói theo khía cạnh “*tương tự*”], bờ này là luân hồi lục đạo, bờ kia là tứ thánh pháp giới; tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, [Phật]. Đó chẳng phải là tốt ráo, nhất định phải vượt thoát mười pháp giới thì mới là tốt ráo. Vượt thoát mười pháp giới, theo giáo pháp Đại Thừa, nhất định phải đoạn Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, phải đoạn sạch ba loại phiền não ấy, quý vị mới có thể “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đó là nói theo Thiền Tông, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”. Đại khai viên giải trong Giáo Hạ và minh tâm kiến tánh trong Tông Môn có cảnh giới giống như nhau, thuật ngữ khác nhau, đấy mới thật sự là “*chí pháp bỉ ngạn*” (đến bờ pháp kia).

“*Pháp*”, chúng ta có thể gọi nó là Pháp Vương. Thích Ca Mâu Ni là Phật, là Bồ Tát, là đạt đến bờ kia của Phật, kiến tánh thành Phật. Trong thời kỳ Mạt Pháp, thật sự là không ai có thể làm được. Trong thời kỳ Mạt Pháp, đừng nói là minh tâm kiến tánh, dẫu là chứng Sơ Quả hay Nhị Quả đều chẳng có! Nay chúng ta nhìn vào xã hội hiện tiền, quý vị sẽ biết vì sao chẳng có! Chẳng cần nói ra câu trả lời, hiện tượng trong toàn thể xã hội chính là câu trả lời rõ ràng, xác đáng. Quý vị có thể ở trong cảnh giới ấy mà không bị ô nhiễm, không bị quấy nhiễu, không bị ảnh hưởng hay chẳng? Quý vị sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng, sẽ bị hoàn cảnh quấy nhiễu, sẽ

bị hoàn cảnh ô nhiễm, làm sao quý vị có thể chứng quả cho được? Sơ Quả phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Ở trong hoàn cảnh ấy, quý vị chẳng có cách nào, chẳng làm được. Vì thế, hiện thời đầu tu hành tốt đẹp cách mấy, sẽ đi về đâu? Đòi sau thuộc trong hai đường trời người, Hạ Phẩm là được làm thân người, Thượng Phẩm sanh vào Dục Giới Thiên. Có thể sanh lên Sắc Giới Thiên hết sức hiếm có. Đây là trạng huống hiện thực, chúng ta chớ nên không hiểu rõ!

Sau khi đã hiểu rõ, sau đây mới biết còn có phương pháp có thể “*chí pháp bỉ ngạn*” (đến bờ pháp kia). Phương pháp ấy chính là đời nghiệp vãng sanh trong Tịnh Độ Tông. Trừ pháp môn ấy ra, sẽ chẳng có pháp môn thứ hai nào nữa! Hoa Nghiêm đến cuối cùng, chư vị đều biết, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là “*hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn*” (đạt được thiện căn thù thắng, đến bờ pháp kia). Có phải là “*thắng thiện căn*” hay không? Là thắng thiện căn, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Đó là đúng. Quý vị thấy “*nhất hướng chuyên niệm*”, “*nhất hướng*” là nhất tâm. “*Nhất hướng*” là một môn, thâm nhập một môn. “*Chuyên niệm*” là chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Quý vị nói có phải là “*thắng thiện căn*” hay không? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*chí pháp bỉ ngạn*”. Pháp vương ở bờ bên kia là A Di Đà Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã tán thán Phật Di Đà, ca ngợi Ngài là “*Phật trung chi vương, quang trung cực tôn*” (vua trong các vị Phật, là quang minh tôn quý nhất). Đây là tán thán đến tột cùng. Đức Thế Tôn tán thán chính là thay mặt mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai tán thán, chúng ta phải biết [điều này], chớ nên sơ sót!

Thời kỳ Mạt Pháp, nếu muốn thật sự đạt đến tám chữ ấy, tức là “*hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn*”, [chỉ có] pháp môn này, “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Tiếp theo tám chữ ấy, bốn câu gồm mười sáu chữ ấy đã độ trọn hết. Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa, [pháp môn Tịnh Độ] độ trọn hết chúng sanh trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp. Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thâm trọn vẹn lợi căn và độn căn. Phải nói rõ ràng, nói minh bạch. Không chỉ là nói rõ ràng, nói minh bạch, lại còn phải nêu gương tốt cho mọi người thấy. Đây là thật, chẳng giả! Đặc biệt là trong thời đại này, người vãng sanh phải thật sự dụng công, tấm gương tốt nhất là biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ! Giống như người đồ đệ làm thợ vá nồi của pháp sư Đệ Nhàn, cảm động kẻ khác như thế đó. Trong nửa thế kỷ này, trong vòng năm mươi năm, tôi đã thấy, nghe những người biết trước lúc mất, đứng

vãng sanh, ngồi vãng sanh, chính tôi biết mười mấy người. Đây là họ đã làm chứng cho chúng ta.

Tôi nhớ dường như phải là khi tôi mới xuất gia, đại khái là vào năm xuất gia thứ ba, tôi đến Phật Quang Sơn. Phật Quang Sơn lúc khai sơn chỉ có một Phật Học Viện. Trên núi toàn là cây cối, núi hoang mà! Họ lập Đông Phương Phật Giáo Học Viện, có hơn một trăm học sinh. Thời gian tôi ở trên núi không lâu, chỉ có mười tháng, tôi liền rời đi. Tôi có ấn tượng hết sức sâu đậm, có một buổi tối, trăng hết sức sáng, phía trước nơi ấy có một cái ao nhỏ. Về sau dùng làm ao phóng sanh, khi tôi ở đó thì còn chưa có [ao phóng sanh]. Chúng tôi ngồi bên bờ ao, buổi tối ăn cơm xong, có mấy vị đồng học ngồi đó thảo luận các vấn đề. Có một công nhân tiến đến, người công nhân ấy làm thuê dài hạn tại Phật Quang Sơn, họ có rất nhiều công trình. Người công nhân ấy ở trên núi suốt năm. Thấy những vị xuất gia chúng tôi [ngồi đó], ông ta đi đến, kể chuyện cho chúng tôi nghe, những chuyện ở quê nhà. Quê ông có một bà cụ, niệm Phật ba năm, đứng vãng sanh, khiến cho mọi người rất cảm động. Chuyện xảy ra rất gần thời điểm đó, mới hai năm trước, tại làng Tướng Quân ở Đài Nam. Về sau, tôi đến Cao Hùng giảng kinh, nói tới chuyện này, có người bảo tôi họ cũng biết, biết chuyện ấy là thật, chẳng giả. Người công nhân ấy là người làng Tướng Quân, chuyện ấy xảy ra trong thôn của họ.

Bà cụ là người hết sức thiện lương, hết sức trung hậu. Ông ta kể, ba năm trước, cụ cưới dâu. Con dâu học Phật, bà cụ thờ thần, đâm ra thần, Phật gì cũng đều lạy tuốt. Con dâu bèn khuyên cụ chuyên niệm A Di Đà Phật, đừng đi lễ bái khắp nơi. Quan hệ mẹ chồng con dâu vẫn khá lắm, bà cụ nghe lời con dâu, lập Phật đường trong nhà, hằng ngày niệm A Di Đà Phật. Ba năm sau, có một hôm (con trai và con dâu cụ đều rất hiếu thuận), cụ bảo con trai và con dâu hãy ăn cơm trước, khi đó là buổi tối: “Các con cứ ăn cơm trước, mẹ đi tắm, chẳng cần đợi mẹ!” Cụ đi tắm. Con trai và con dâu vẫn chờ cụ, rốt cuộc chờ rất lâu mà sao cụ vẫn không ra! Đến xem, phòng tắm không có ai, cụ thật sự tắm rửa xong, đã thay quần áo rồi. Kết quả là tìm thấy bà cụ đứng trước bàn thờ Phật, mặc áo hải thanh, trên tay cầm tràng hạt. Gọi thì cụ chẳng ừ hử chi hết, nhìn kỹ, cụ đã mất rồi, đứng mất! Người công nhân ấy bảo chúng tôi: “Niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào!” Bọn họ là hàng xóm láng giềng, đích thân đến xem. [Niệm Phật] ba năm, biết trước lúc mất! Cụ không nói với người nhà, sợ họ nhiễu loạn, “các con cứ ăn cơm, không cần lo cho ta”. Sau khi tắm gội, thật sự ra đi, chẳng giả tí nào! Đây là cụ niệm Phật trong

vòng ba năm, cụ thật sự nghe lời nàng dâu khuyên. *“Hoạch thắng thiện căn, chí pháp bỉ ngạn”* (đạt thiện căn thù thắng, đến bờ pháp kia). Còn như những người ngòai mắt, biết trước lúc mất, đều rất nhiều!

Thầy Lý vãng sanh, tuy chẳng bảo mọi người rõ ràng ngày nào, chẳng nghe nói, nhưng từ hai năm trước, cụ đã hé lộ tin tức cho mọi người. Khi đó, tôi giảng kinh ở Đài Bắc, trong khi giảng kinh [tại Đài Trung], lão nhân gia đã tuyên bố, khuyên mọi người hãy khéo dụng công, nghiêm túc học tập. Cụ bảo: *“Ta chỉ giảng kinh hai năm nữa”*, cụ nói như thế. Vài hôm sau, có mấy đồng học từ Đài Trung lên Đài Bắc tìm tôi, kể lại lời thầy, hỏi tôi: “Thầy nói vậy nghĩa là sao?” Tôi nghe xong, bảo họ: “Hai năm sau thầy sẽ ra đi, Ngài đã tuyên bố cho mọi người biết”. Quả nhiên, hai năm sau, cụ vãng sanh. Chẳng thể nói cụ không biết, cụ biết rõ, xác thực là cụ đã buông xuống muôn duyên!

Đài Trung tuy có nhiều sự nghiệp như vậy, cụ đã nói với tôi vài lần. Cụ bảo: “Anh ở Đài Trung đã nhiều năm như thế, kẻ khác không biết, chứ anh hiểu rất rõ ràng!” Cụ nói: *“Sau khi tôi đi rồi, sẽ chia năm xẻ bảy!”* Tôi nghe xong, gật đầu, cũng chẳng nói gì, tôi hiểu rất rõ. Thầy còn đó, họ duy trì một hình tượng đoàn kết, nhưng ai nấy đều có thành kiến, mà cũng chẳng ai phục ai! Đương nhiên là các sự nghiệp mỗi thứ đều độc lập, chẳng thể liên kết thành một thể, giống như cha đã khuất, con cái liền ra riêng. Chẳng phải là cùng một nhà, ở riêng, cũng là một hiện tượng bình thường!

Chúng tôi là người ngoài, tuy ở Đài Trung theo thầy tu học, ở Đài Trung chúng tôi chẳng có căn cội! Nói cách khác, chuyện gì cũng chẳng đến phần chúng tôi! Cũng may thầy cho tôi một bộ kinh Vô Lượng Thọ, tôi được một phần di sản như vậy, tức là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Quyển này chính là bộ kinh do lão nhân gia giảng vào thuở trước tại Đài Trung. Cụ đích thân chú giải, chú giải rất đơn giản, mi chú⁷⁵ viết bằng bút lông, chia rõ từng đoạn. Tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Sau khi được cụ cho chẳng bao lâu, tôi cũng rất mong giảng bộ kinh ấy, vì tôi đọc hiểu lời chú giải của cụ, tôi có thể lãnh hội. Tôi liền thưa với lão nhân gia: “Con giảng kinh này ở Đài Bắc có được hay không?” Cụ bảo chẳng được! Tôi hỏi: “Vì sao ạ?” Cụ dạy: “Anh quá trẻ! Vừa mới ra ràng. Kinh này bị tranh cãi rất nhiều. Chỉ sợ nếu kẻ khác bắt bẻ, anh sẽ chống đỡ không nổi!” Vì thế, bắt đắ dĩ, tôi sửa thành giảng kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm chẳng có tranh cãi. Tôi học kinh ấy ở Đài Trung ba năm, từng phức giảng một lần, thầy đồng ý.

Vì thế, đối với bản hội tập kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hạ Liên Cư, sau khi thầy Lý đã vãng sanh, tôi mới nghĩ: “Chưa ai từng thấy bản này của lão nhân gia, người biết đến chẳng nhiều!” Tôi cho in lại, in một vạn bản theo lối sao chụp, hồi hướng công đức ấy lên thầy. Sau khi bản này được lưu thông, khi ấy, tôi ở Mỹ, các đồng tu bên ấy trông thấy đều hết sức hoan hỷ, thỉnh tôi giảng. Vì thế, tôi giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ lần thứ nhất là ở Mỹ và giảng tại Ôn Ca Hoa (Vancouver) của Gia Nã Đại. Khi ấy, có giữ lại băng thâu âm, vẫn chưa có băng thâu hình, chỉ có băng thâu âm. Sau khi băng thâu âm được truyền về Đài Loan, đồng tu ở Đài Loan nghe xong cũng rất hoan hỷ, hy vọng tôi giảng nhiều hơn. Vì thế, trong những năm qua, kinh Vô Lượng Thọ đã được giảng tất cả mười lần. Lần này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một, chưa giảng xong, đại khái mới giảng gần được một nửa!

Nhắc tới chỗ này, hôm nay chúng tôi nói đến hai câu kinh văn này, mới nghĩ trong thời kỳ Mật Pháp, nương theo pháp môn này mới là thiện căn thật sự thù thắng. Đối với kinh này, đối với bản hội tập, chúng tôi chẳng hoài nghi. Khi học, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, y giáo phụng hành, cầu nguyện vãng sanh, ắt là có thể như nguyện. Đây là “*chí pháp bí ngạn*”. Huống hồ kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, tôi đối với pháp môn Tịnh Độ, hoàn toàn tiếp nhận chẳng hoài nghi, vẫn chẳng phải là ở trong hội của thầy Lý. Thầy Lý đã nhiều lần khuyên tôi, tôi chỉ có thể nói là “chẳng phản đối Tịnh Tông”, nhưng chẳng có ý nghĩ tu tập pháp môn này! Tôi thích kinh giáo. Do vậy, thầy Lý dạy tôi học giảng kinh, đó là điều tôi suốt đời cảm tạ thầy. Tôi tuân thủ giáo huấn của thầy, đi theo con đường này, suốt đời chẳng thay đổi phương hướng, suốt đời tuân theo quy củ của thầy, tức là đối với những quy củ trong việc giảng kinh, thu được quá nhiều lợi ích! Khi nào tôi thật sự quy y Tịnh Độ? Chính là trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm.

Thuở trước, tôi giảng Hoa Nghiêm ở Đài Bắc. Khi đó, chẳng có thâu hình, chẳng có những thiết bị ấy, còn quá sớm, còn chưa phải là Hoa Tạng Đồ Thư Quán, mà là Chí Liên tinh xá. Tôi nhớ dường như là vào năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm, mỗi tuần giảng ba lần. Tốc độ tiến triển cũng rất nhanh, nhanh hơn hiện thời khá nhiều! Tôi nhớ giảng cũng khá lâu, vì có lúc ra ngoại quốc, kinh phải ngưng lại, trở về lại tiếp tục giảng. Trước sau, giảng tất cả mười bảy năm, giảng được một nửa, Bát Thập Hoa Nghiêm giảng một nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng một nửa. Vì chúng tôi mỗi tuần giảng ba lượt, hai

buổi giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một buổi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng theo kiểu ấy!

Có một hôm, tôi bỗng dưng có nghi vấn: “Bậc thượng thủ Bồ Tát của đức Tỳ Lô Giá Na Phật trong hội Hoa Nghiêm là Văn Thù và Phổ Hiền, hai vị ấy học pháp môn gì?” Phần sau kinh Hoa Nghiêm còn chưa giảng đến, tôi liền đọc. Đọc đến phần sau, quả nhiên thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Điều này khiến tôi rất kinh ngạc. Không chỉ là hai vị ấy cầu sanh Tịnh Độ, còn hướng dẫn bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đều cầu sanh Tịnh Độ, chuyện này quá thù thắng! Sau đấy, xem lại phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, Thiện Tài tu pháp môn gì? Đương nhiên, Thiện Tài là đệ tử nhập thất, là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát. Thầy cầu sanh Tịnh Độ, Ngài là học trò hàng đầu, nói chung, sẽ không hành theo pháp môn thứ hai!

Tuy đã giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm được một nửa, nhưng sơ ý, sơ hờ, chẳng chú tâm quan sát! Xem lại cẩn thận, Thiện Tài đồng tử gặp vị thiện tri thức thứ nhất do Văn Thù Bồ Tát giới thiệu, tức là tỳ-kheo Đức Vân. [Thiện Tài] đến tham phỏng vị đầu tiên do Văn Thù Bồ Tát giới thiệu. Tỳ-kheo Đức Vân tu pháp môn gì? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn, người hiện thời chẳng dễ gì tu tập được. Đó là Ban Châu tam-muội, còn gọi là Phật Lập tam-muội. Nói Phật Lập dễ hiểu hơn! Kỳ hạn tu hành là lấy chín mươi ngày làm một kỳ. Trong chín mươi ngày, người tu hành, tức người niệm Phật, chẳng thể ngồi xuống, chẳng thể nằm, có thể đứng, có thể đi. Đây là Ban Châu tam-muội. Điều này rất khó, trong chín mươi ngày không ngủ nghỉ, không ngủ, không nghỉ, dững mãnh tinh tấn, thật sự là *“hoạch thắng thiện căn”* (đạt được thiện căn thù thắng). Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy tỳ-kheo Đức Vân tu pháp môn này, chuyên niệm Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ. Đây là vị thầy thứ nhất mà Thiện Tài gặp gỡ. Ấn Độ và Trung Hoa đều có lời nói này: *“Tiên nhập vi chủ”* (Điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ đóng vai trò chủ yếu). Vị thầy đầu tiên dạy quý vị, [những giáo huấn của vị ấy] sẽ là *“tiên nhập vi chủ”*.

Lại xem vị cuối cùng, tức là vị thứ năm mươi ba, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Thiện Tài tu gì? Niệm A Di Đà Phật. Trong khi tham phỏng, phải là quảng học đa văn (học rộng nghe nhiều). Bất cứ tông phái nào, bất cứ pháp môn nào, chẳng có gì Ngài không biết. Tuy thấy đều xem xét, học hỏi, Ngài có tu hay không? Chẳng có! Có sao biết là chẳng tu? Cuối cùng là *“luyến đức lễ từ”*, tức là cảm tạ, lễ bái, từ tạ ra đi. *“Từ”*

(辭) có nghĩa là chẳng tu pháp môn ấy. Ngài biết, hiểu rõ pháp môn ấy. Quý vị muốn tu, Ngài có thể dạy quý vị, nhưng bản thân Ngài chẳng tu! Cứ niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Tôi mới hiểu ra. Đã hiểu rõ chuyện này, mới khăng khăng một mực noi pháp môn Tịnh Độ, chẳng bàn cãi chi nữa, mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh. Lại suy tưởng căn tánh của chính mình, muốn tu những pháp khác đúng là khó khăn! Giáo Hạ thì phải đại khai viên giải, Tông Môn là minh tâm kiến tánh, quá khó! Trong quá khứ, thầy đã giảng giải, nhắc nhở tôi, thuở ấy, vẫn chưa thể hoàn toàn tiếp nhận, nay do suy nghĩ, đã hoàn toàn hiểu rõ, khăng khăng một mực quay lại niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Vì thế, tôi mới thấu hiểu pháp này được gọi là pháp khó tin, thật sự khó tin! Nếu tôi không có các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm làm cơ sở, rất khó tiếp nhận pháp môn này. Có thể nói là khi tôi còn trẻ, nếu tôi chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu minh bạch đạo lý này, mà khiến cho tôi dấy lên tín tâm đối với pháp này, sẽ chẳng thể được! Tôi bằng lòng nhận biết, liễu giải, nhưng tín tâm chẳng dễ gì sanh khởi! Lúc đi học, tôi học Cơ Đốc giáo hai năm, chẳng hề rửa tội. Tôi đến giáo đường đạo Hồi gần một năm hơn, rất tôn kính đạo ấy. Do chưa được tiếp xúc Phật môn; vì thế, tiếp xúc một thời gian rất dài, chính mình giảng kinh Hoa Nghiêm đến một nửa mới hoảng nhiên đại ngộ, chẳng dễ dàng! Lại xem bài kệ cuối cùng:

(Kinh) Trước tăng-già-lê, đương nguyện chúng sanh, nhập đệ nhất vị, đắc bất động pháp.

(經) 著僧伽黎。當願眾生。入第一位。得不動法。

(Kinh: Đắp tăng-già-lê, nguyện cho chúng sanh, nhập địa vị thứ nhất, đắc pháp bất động).

Chúng ta xem lời chú giải của Thanh Lương đại sư.

(Sớ) Tiền dĩ biện ca-sa.

(疏) 前已辨袈裟。

(Sớ: Trong phần trước đã biện định về y ca-sa).

“Tăng-già-lê” (Saṃghāti) là một loại y ca-sa, trong phần trước, đã có giới thiệu.

(Sớ) Cố thử trực vân Tăng-già-lê. Tăng-già-lê giá, nghĩa vân hòa hợp, tân giá nhị trùng, cố giả tứ trùng, yếu dĩ trùng thành, cố vân hòa hợp, tức thị tam y trung đệ nhất y cố.

(疏)故此直云僧伽黎，僧伽黎者，義云和合，新者二重，故者四重，要以重成，故云和合，即是三衣中第一衣故。

(Sớ: Vì vậy, ở đây nói thẳng về y Tăng-già-lê. Tăng-già-lê có nghĩa là “hòa hợp”. Cái mới thì may hai lớp, cái cũ thì may bốn lớp. Do phải may nhiều lớp nên nói là Hòa Hợp. Tức là loại y bậc nhất trong ba y vậy).

Ba y⁷⁶ của người xuất gia, y thứ nhất là Tăng-già-lê. Chúng ta thường gọi Tăng-già-lê là đại y, tức y hai mươi lăm điều. Hiện thời, người Hoa thường có thói quen gọi là “*nhị thập ngũ điều y*”. Hiện thời, chúng ta dùng loại y này, chính là y hai mươi lăm điều, gọi là Tăng-già-lê. Quý vị thấy theo chiều dọc, tấm y gồm hai mươi lăm điều, theo chiều ngang thì bốn mảnh dài, một mảnh ngắn. Quý vị thấy nó có hình thức ấy, nên thường gọi thông tục là Phước Điền Y, dùng các loại vải vụn may thành.

Chư vị phải hiểu, thời cổ xin một bát cơm dễ dàng, làm một chiếc y hết sức khó khăn. Y của người xuất gia do đâu mà có? Từ những thứ quần áo do người ta vứt đi, chẳng thể mặc nữa bèn vứt bỏ. Người xuất gia nhặt lấy những thứ “rác rưởi” ấy, khâu nhặt lại. Sau khi nhặt về, giặt sạch sẽ, những chỗ nào còn có thể dùng được, sẽ cắt thành từng miếng nhỏ, khâu chằm lại, làm thành y. Người ta chẳng thể bố thí cho quý vị một tấm vải toàn vẹn to như vậy! Do quý vị lượm lặt, nhất định là chất liệu không giống nhau, màu sắc cũng khác nhau. Sau khi khâu chằm xong, bèn đem nhuộm. Nhuộm thành màu cà-phê như vậy. Đấy chẳng phải là chánh sắc. Trong phần trước, đã có nói, ca-sa là nhiễm sắc, chẳng phải là chánh sắc. Vì lẽ này, bát cơm xin được cũng gọi là ca-sa. Y ca-sa do rất nhiều thứ lẫn lộn hợp lại. Y phục gồm năm thứ màu đỏ, vàng, xanh, trắng, đen hòa lẫn một chỗ; vì thế nó có ý nghĩa Hòa Hợp. Một bát cơm chẳng phải là do một nhà cho, xin từ vài nhà, người này cho một chút, người kia cho một tí, mùi vị gì cũng đều có, chua, ngọt, đắng, cay, mặn đều có. Vì thế gọi là “*ca-sa vị*”. Ca-sa có nghĩa là Tạp Nhiễm.

Trong ba y, đại y là lễ phục, y hai mươi lăm điều là lễ phục. Thông thường, đắp y bảy điều, gọi là “*thất y*”, áo quần mặc để làm việc có năm điều, gọi là “*ngũ y*”. Ngũ y mặc khi làm việc, thất y là y phục thông dụng, hai mươi lăm điều là đại lễ phục. Trong các loại hoạt động khánh điển trọng đại mới dùng loại này, tức là dùng y hai mươi lăm điều. Những Phật sự trong giảng đường sẽ là long trọng nhất; công việc cả đời của đức Thế Tôn là giảng kinh, thuyết pháp. Do vậy, trong trường hợp này, nhất định là chúng ta phải dùng đại y, tức y hai mươi lăm điều. Khi mới

học Phật, đối với từng miếng chằm trong loại y phục này, tôi không hiểu, thỉnh giáo lão hòa thượng. Lão hòa thượng bảo từng miếng chằm giống như các thửa ruộng để gieo trồng, nên gọi là Phước Điền Y. Nếu chúng sanh muốn gieo phước, hãy đến tu cúng dường trong Phật môn để gieo phước. [Vì thế gọi là] Phước Điền Y. Theo tập tục đều gọi như thế, cũng chẳng có ai có thể hiểu rõ!

Năm 1999, Trung Quốc kỷ niệm năm mươi năm lập quốc. Cuộc lễ ấy có quy mô rất lớn, cục tôn giáo mời tôi về nước dự lễ. Do vậy, lần ấy tôi sang Bắc Kinh, cục tôn giáo quốc gia tiếp đãi. Nhằm đúng lúc viện Bảo Tàng Lịch Sử triển lãm những thứ văn vật được khai quật từ Thanh Châu ở Sơn Đông, [những món văn vật ấy] thuộc về thời đại Nam Bắc Triều, đại khái là cách hiện thời một ngàn bảy trăm năm. Những món văn vật thuộc thời kỳ đầu của Phật giáo [Trung Hoa] được triển lãm tại đó. Diệp cục trưởng mời tôi, đồng thời mời Trương cục trưởng của cục Văn Vật, hai cục trưởng cùng đi xem với tôi. Tôi thấy trong ấy có ba bức tượng Tỳ Lô Giá Na Phật. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, [vị chủ giảng trong] Hoa Nghiêm là Tỳ Lô Giá Na Phật. Những tượng ấy khắc tạc hết sức trang nghiêm. Tôi nhìn kỹ, thấy trong chiếc y hai mươi lăm điều của các Ngài, mỗi miếng chằm đều có đồ họa. Xem kỹ, tầng trên là Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, đến chỗ dưới cùng là địa ngục pháp giới, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ! Từng miếng chằm biểu thị điều gì? Vô lượng pháp giới, vô lượng pháp giới ở trên cùng một cái y, là một Thể. Tôi ngộ ra đạo lý như thế đó, khắp pháp giới, hư không giới là một Pháp Thân.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*, đến lúc này tôi mới hiểu rõ! Do vậy, mỗi miếng chằm rộng như nhau, biểu thị sự bình đẳng. Nói theo mười pháp giới, một pháp giới hiển, chín pháp giới kia ẩn. Chỉ có ẩn hay hiển bất đồng, chẳng có sanh diệt; pháp giới xác thực là bất sanh, bất diệt. Đại y biểu thị pháp! Tăng-già-lê như thế, chúng ta bèn hiểu y bảy điều và y năm điều, không gì chẳng phải là như thế. Trong cái y hai mươi lăm điều, quý vị thấy rất rõ, ý nghĩa biểu thị pháp trong ấy hết sức rõ rệt. Y năm điều là cứ [mỗi điều gồm] một miếng dài [nối với] một miếng ngắn, [do vậy], số lượng các miếng chằm ít, ý nghĩa biểu thị pháp chẳng rõ rệt như y hai mươi lăm điều. Tôi hiểu đạo lý này! Tôi nói lần ấy sang Bắc Kinh chẳng uống công. Nếu chẳng đến thăm viện Bảo Tàng Lịch Sử lần đó, vẫn một mực chẳng hiểu tấm y này có ý nghĩa gì! Có thể thấy là Phật môn ngay cả đối với chuyện ăn mặc, thấy đều là giáo học, khiến cho quý vị thấy, nghe, tiếp xúc, không gì chẳng phải là Phật pháp, chẳng có pháp

nào không phải là Phật pháp. Vì thế, người khai ngộ nói: *“Sau khi đã ngộ, pháp nào cũng vốn là đạo, chuyện gì cũng xứng tâm vừa ý”*. Những gì quý vị đã thấy, nghe, tiếp xúc, không gì chẳng phải là đạo. Chúng tôi trông thấy hình ảnh ấy mới hiểu rõ!

Do vậy, phát nguyện tương ứng với điều ấy, *“đương nguyện chúng sanh, nhập đệ nhất vị, đắc bất động pháp”* (nguyện cho chúng sanh, nhập địa vị bậc nhất, đắc pháp bất động). *“Đệ nhất vị”* chính là quả địa Như Lai rất ráo. Đây là đệ nhất vị, Đẳng Giác Bồ Tát là địa vị thứ hai, Pháp Vân Địa Bồ Tát (Thập Địa Bồ Tát) là địa vị thứ ba. Đệ nhất vị là quả địa rất ráo! *“Đắc bất động pháp”*: Bất động pháp mới là pháp viên mãn rất ráo. Chúng ta đọc đến phần sáu phương Phật trong kinh Di Đà, tức là bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, lão nhân gia dịch ý. Bản kinh Di Đà của Huyền Trang đại sư là trực dịch, trong ấy là mười phương. La Thập đại sư tỉnh lược, chỉ nói sáu phương. Vị Phật đầu tiên ở phương Đông là A Súc Bệ Phật, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bất Động, bất động là căn bản. Bất động là gì? Pháp Tánh. Pháp Tánh còn gọi là Chân Như, cũng gọi là bản tánh, hoặc gọi là tự tánh. Đức Phật nói rất nhiều danh tướng. Vì sao nói nhiều như vậy? Khiến cho quý vị chẳng chấp trước, *“danh khả danh, phi thường danh”* (cái danh có thể gọi tên thì chẳng phải là cái danh thường hằng). Chớ nên chấp trước danh tự tướng, biết nó biểu thị điều gì là được rồi! Đây là phương tiện thuyết pháp và giáo học của đức Phật, chúng ta phải hiểu!

Chỉ có tự tánh là bất động. Ngoài tự tánh ra, thừa cùng chư vị, chẳng có một pháp nào là bất động. Ngay cả hư không cũng có sanh diệt, chẳng có pháp nào là bất động. Các nhà khoa học hiện thời nói, hiện tượng vật chất do đâu mà có? Từ trong Vô sanh ra Hữu! Vô là pháp bất động, nó có thể hiện tướng. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói vạn hữu trong vũ trụ là chuyện như thế nào? *“Duy tâm sở hiện”*, cái tâm ấy là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm, nó là Pháp Tánh. Pháp Tánh biến hiện, nó có thể hiện. Hiện những thứ ấy, chúng có thể nẩy sanh biến hóa. Biến hóa là tác dụng của thức, là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của hết thảy chúng sanh mà sanh ra biến hóa. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, *“duy thức sở biến”*. Đây là sự giải thích của giáo pháp Đại Thừa đối với khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sanh mạng. Căn cội của sanh mạng, căn cội sanh mạng của vạn vật trong vũ trụ chính là Pháp Tánh. Pháp Tánh chẳng phải là pháp duyên khởi. Pháp

Tánh chẳng có sanh diệt, chẳng có khởi đầu và kết thúc, chẳng có sự bắt đầu.

Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói Pháp Tánh là chuyện như thế nào? “*Pháp nhĩ như thị*” (法爾如是, pháp vốn là như thế). Nói theo kiểu hiện thời, sẽ tự nhiên là như vậy. Thật ra, “*tự nhiên là như vậy*” thì vẫn chẳng hay khéo bằng câu “*pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] vốn sẵn là như vậy. Nếu đối với điều này, quý vị thấy đáng nghi, dấy lên nghi vấn, đó gọi là vô minh. Hết thấy chúng sanh mê mất tự tánh, mê như thế nào? Dấy lên một niệm nghi tình trong ấy. Hễ có một niệm nghi bèn mê hoặc. Một niệm giác, chúng sanh bèn thành Phật. Mê chẳng phải là thật, vọng tâm đấy! Có thể phá mê hay không? Chẳng thể! Nếu quý vị phá mê, sẽ càng thêm mê hoặc. Đạt đến cảnh giới ấy, người tu hành thường nói: “*Thử xứ dụng bất đắc lực*” (Chỗ này chẳng thể dùng sức được). Hoàn toàn phải quy về tự nhiên, quý vị mới đại triệt đại ngộ. Muốn dùng một chút tâm, dấy lên một niệm, sai mất rồi, vĩnh viễn chẳng thấy!

Vì thế, quý vị chỉ cần buông xuống khởi tâm động niệm, sẽ vốn là [chân tâm]. Chẳng có pháp nào không phải! Người nào có thể buông xuống khởi tâm động niệm? Trước hết là có khởi tâm động niệm, sau đấy mới có phân biệt, mới có chấp trước. Đây là nói theo quá trình phát triển của mê. Nay chúng ta muốn quay đầu; hễ quay đầu, nhất định là trước hết đoạn chấp trước, sau đấy đoạn phân biệt, cuối cùng là đoạn khởi tâm động niệm. Quay đầu lại thì mới có thể trở về nguồn. Nay chúng ta còn có chấp trước nghiêm trọng đối với hết thấy các pháp, hồng bét! Phật pháp nói là “*ngộ môn đố tắc*” (悟門堵塞, đóng lấp cửa ngộ), chẳng tìm thấy bờ mé đâu cả! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây.

**Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm
Quyển II chung**

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”

---o0o---

HẾT

¹ Chữ Ẩn (隱) ở đây phải đọc như Ổn (穩) vì cổ văn thường dùng chữ Ẩn thay cho Ổn (theo lối giả tá).

² Tám thứ tà ở đây chính là tám điều tương phản với Bát Chánh Đạo.

-
- ³ Hai mươi hai căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỵ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, ngũ thọ căn (khô, lạc, hỷ, ưu, xả), tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.
- ⁴ Bản kinh Hoa Nghiêm do ngài Phật Đà Bạt Đà La (Giác Hiền) dịch vào đời Tấn, gồm sáu mươi quyển, nên thường gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm, hay Tấn Kinh. Nguyên bản tiếng Phạn được ngài Chi Pháp Lãnh mang từ Vu Điền (nay là huyện Hòa Điền, tỉnh Tân Cương) sang Trung Hoa. Bộ kinh này dịch vào khoảng năm Nghĩa Hy 14 (418) đời Đông Tấn tại chùa Đạo Tràng ở Dương Châu. Ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch từ Phạn sang Hán, pháp sư Pháp Nghiệp làm Bút Thọ, hai vị Huệ Nghiêm và Huệ Quán nhuận văn. Mãi cho đến năm Nguyên Hy thứ hai (420) mới dịch xong kinh này, nhưng đến năm Vĩnh Sơ thứ hai (421) triều đại Lưu Tống, bản dịch mới được giáo chánh hoàn tất. Kinh được chia thành ba mươi bốn phẩm. Về sau, vào năm Vĩnh Long nguyên niên (680) đời Đường, Tam Tạng pháp sư Địa Bà Ha La và Pháp Tạng giáo duyệt lần nữa, thấy phẩm Nhập Pháp Giới vẫn bị thiếu vài chỗ bèn bổ sung thêm tám, chín trang nữa, tạo thành bản Lục Thập Hoa Nghiêm như trong hiện thời.
- ⁵ Đây là một khái niệm trong Hoa Nghiêm Tông. Hàng Bố (行布) có nghĩa là xếp đặt theo thứ tự, tức là pháp tu tiệm tiến. Viên dung (圓融) là Đốn Giáo, chẳng hạn nói “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Hoặc từ Sơ Tín tu chứng Nhị Tín, Nhị Tín chứng Tam Tín v.v... Đó là Hàng Bố. Nói trong mỗi Tín có đủ chín Tín kia, đây là Viên Dung.
- ⁶ Xin đừng hiểu lầm “*đương nguyện chúng sanh*” hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì. Vì nếu hiểu như vậy, sẽ lại mâu thuẫn với lời giảng trong phần trước, “*đương nguyện chúng sanh*” thể hiện cái tâm Bồ Tát lợi tha, thể hiện cảnh giới của lời nguyện không ngăn mé v.v... Ở đây nói “không có ý nghĩa gì” nghĩa là câu này trong các nguyện đều có, chẳng có ý nghĩa riêng biệt nào đối với mỗi bài kệ như ba câu kia.
- ⁷ Câu này viết quá gọn, dễ dẫn đến hiểu lầm. Chúng tôi xin nói rườm rà như sau: Trong mỗi bài kệ, có sáu sự. Nói về hai sự đầu tiên thì sự thứ nhất là nói đến Nội, tức chủ thể phát nguyện. Ở đây, Thanh Lương đại sư lấy ngay bài kệ “*Bồ Tát tại gia*” để nói. Trong câu đầu tiên, Sự thuộc về nội, tức là hai chữ Bồ Tát trong câu đầu tiên là nói đến căn, thức v.v... của chính vị Bồ Tát ấy.
- ⁸ Chiêm Bồ (瞻葡) là cách phiên âm khác của chữ Campaka. Cách phiên âm phổ biến hơn là Chiêm Bạc (瞻蔔). Đây là một loại hoa thơm, cánh hoa giống như hoa Ngọc Lan, nhưng to hơn, màu vàng chanh, có mùi thơm ngát. Do đó, người ta thường gọi cây này là hoa Ngọc Lan Vàng.

⁹ Đại Thừa Bồ Tát tuy có tâm hạnh rộng rãi lợi tha, nhưng chưa đạt đến mức trọn khắp pháp giới, hư không giới như Phổ Hiền Bồ Tát. Vì vậy, tuy nói là có hạnh lợi tha, vẫn có chỗ không trọn vẹn. Do đó, mới nói là “*tuy nói là có, nhưng vẫn ẩn giấu cái không*”. “*Cái không*” ở đây chính là không thể độ trọn khắp hết thảy chúng sanh trong pháp giới hư không giới.

¹⁰ “*Pháp quyền*” là một quyển sách thường ghi bài kệ phó pháp do thầy trao cho trò. Thứ này thoát đầu là sự ấn chứng của thầy đối với sự giải ngộ của trò; về sau, chỉ còn hình thức. Gần như là sau này, khi trò đã đủ chứng chạc, đủ tuổi để đi làm trụ trì, hoặc giảng sư, thầy bèn trao cho một bài kệ “*phó pháp*” nhằm nêu bày ý nghĩa của pháp hiệu, thể hiện lòng kỳ vọng của thầy đối với trò, chứ không còn là sự ấn chứng trò đã thật sự chứng ngộ hoặc thầy trao truyền kinh nghiệm tâm đắc của chính mình như thuở trước.

¹¹ Chúng tôi ghi đúng như nguyên bản, câu này lẽ ra phải là “*tự quy y Pháp...*”

¹² Nguyên văn là “*tạp sái*” (雜耍), hay còn gọi là Tạp Kỹ, Tạp Nghệ, có nghĩa gốc là những trò biểu diễn tung hứng, đi trên dây, nhào lộn trên không trung, nhảy múa trên bàn chông, uốn dẻo, co rút thân mình, nuốt dao, nuốt lửa v.v.... Nếu hiểu theo nghĩa rộng, biểu diễn võ thuật của giới giang hồ (ta thường gọi là Sơn Đông mãi võ), ảo thuật, những màn hài hước đều được gọi chung là Tạp Nghệ.

¹³ Trần Hiểu Húc (1965-2007) là một diễn viên của Trung Hoa Đại Lục. Vai diễn thành công nhất của cô là Lâm Đại Ngọc trong bộ phim truyền hình Hồng Lâu Mộng (năm 1984). Năm 1998, cô sáng lập công ty quảng cáo Thế Bang rất thành công. Là một Phật tử thuần thành, trước khi mất vì chứng bệnh ung thư ngực ba tháng, cô đã xin xuất gia, pháp hiệu Diệu Chân vào ngày 23 tháng Hai năm 2007 tại Bách Quốc Hưng Long Tự ở Trường Xuân. Cô mất vào ngày 13 tháng Năm năm 2007. Sau đó, chồng cô là Hác Đồng cũng xuất gia.

¹⁴ Người Hoa thường gọi những giáo phái tin theo Chúa Jesus, nhưng không thuộc quyền quản hạt của tòa thánh La Mã (như Baptist, Tin Lành, Cơ Đốc Phục Lâm v.v...) là Cơ Đốc giáo, và dùng chữ Thiên Chúa giáo để chỉ Công Giáo La Mã. Đúng ra, Cơ Đốc giáo là từ ngữ chính thức để dịch chữ Christianity, tức là gọi chung các truyền thống tôn giáo tin vào kinh Thánh và Chúa Jesus, Công Giáo La Mã chỉ là một phái trong đó. Để tránh lầm lẫn, các sách vở trong giới học thuật thường gọi các giáo hội cải cách, không tuân phục tòa thánh La Mã là Cơ Đốc Tân Giáo, các giáo hội Chính Thống Giáo (Orthodox) thường được gọi chung là Đông Chánh Giáo (như

các giáo hội đạo Chúa tại Nga, Bulgaria, Tiệp Khắc, Hy Lạp, đảo Cypre, Syria, Phần Lan, Albania, Ai Cập, Trung Đông v.v...)

¹⁵ A Hoanh (阿訇) là từ ngữ người Hoa dùng để phiên âm chữ Akhund của tiếng Ba Tư (còn viết là Akhoond, Akhwand). Người Hoa còn phiên âm chữ này thành A Hành, A Oanh, A Hồng, hoặc Cáp Hoanh v.v... Akhund có nghĩa là giáo sư hoặc học giả. Người ta thường coi từ ngữ này tương đương với chữ Imam trong tiếng Ả Rập. Trong các đền thờ Hồi giáo, Akhoond hướng dẫn các nghi thức tôn giáo, đồng thời kiêm nhiệm vai trò giảng sư trong các trường Hồi Giáo (thường gọi là Howzeh hoặc Madrasa). Điều đáng ngạc nhiên là trong các sắc tộc theo đạo Hồi tại Trung Hoa (vùng Tân Cương) và A Phú Hãn, chữ Akhund là một danh xưng tôn quý, nhưng tại Iran, chữ Akhund thường dùng với nghĩa châm biếm, miệt thị những giáo sĩ đạo Hồi kém cỏi, thiếu học thức, thô lỗ, tục tằn, thiếu đạo đức.

¹⁶ “*Sâu hơn*” ở đây không có ý nghĩa là ý nghĩa sâu xa, mà là do trong cổ văn thường dùng các biện pháp tu từ, sử dụng nhiều điển tích, ẩn dụ, hoặc chú trọng quá nhiều đến âm điệu, thanh vận, cũng như quá ngắn gọn, quá súc tích, trở thành bí hiểm, dễ gây hiểu lầm.

¹⁷ Chữ Tướng (將) thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng (相) thứ hai chỉ thừa tướng, người đứng đầu các quan văn. “*Tướng tướng*” là từ ngữ thường được dùng để chỉ chung các địa vị cao sang trong giới quan lại.

¹⁸ Ngũ Tổ Giới chính là ngài Sư Giới, không rõ năm sinh và năm mất. Sư là bậc tông tượng trong tông Vân Môn nhà Thiền, sống vào đời Tống, trụ trì chùa Ngũ Tổ ở núi Ngũ Tổ tại Cận Châu (tỉnh Hồ Bắc), là người nối pháp của thiên sư Song Tuyên Sư Khoan. Do trụ tại chùa Ngũ Tổ, nên ngài Sư Giới thường được gọi là Ngũ Tổ Giới.

¹⁹ Theo Viên Giác Kinh Tu Chứng Nghi của ngài Tông Mật, Ngô Đạt quốc sư (809-882) là ngài Thích Tri Huyền, họ Trần, quê ở Mỹ Châu, tỉnh Tứ Xuyên. Xuất gia từ năm bảy tuổi (có thuyết nói là mười một tuổi), cầu thể độ với pháp sư Pháp Thái, được đặt pháp hiệu là Tri Huyền, tự Hậu Giác. Sư chú tâm nghiên cứu, học tập kinh Niết Bàn. Hai năm sau, do được thừa tướng Đỗ Nguyên Dĩnh thỉnh cầu, Sư thăng tòa tại chùa Đại Từ ở Tứ Xuyên, thuyết pháp cho đại chúng đông đến hơn một vạn người. Ai nấy nghe giảng đều tán thán khôn cùng. Năm mười bốn tuổi Ngài đã giảng kinh Niết Bàn cho hoàng đế, đại thần, văn võ bá quan, các vị tôn túc trong Phật môn đến nghe đều tấm tắc khen ngợi. Người đời gọi Ngài là Trần Bồ Tát. Sau đó, Sư theo luật sư Trinh Biện thọ Cụ Túc Giới, lại theo Tín pháp sư chùa An Quốc học Duy Thức. Do đức hạnh cao sâu, học vấn quảng bác, Sư được Đường Ý Tông ngưỡng mộ, tôn làm quốc sư. Năm Hàm Thông thứ

mười (869), vua Đường Ý Tông đích thân đem bảo tọa trầm hương đến chùa An Quốc biếu tặng ngài Tri Huyền. Bảo tọa cao đến hai trượng, thuần bằng gỗ đàn hương, lại dùng những sợi tơ bằng vàng trang trí, đồng thời vua còn ban tặng ngự hiệu Ngô Đạt quốc sư.

²⁰ Hòa Thượng Tịnh Không quê ở huyện Lô Giang, thuộc tỉnh An Huy. Hợp Phì là tỉnh lỵ của tỉnh An Huy. Hợp Phì còn có các tên gọi là Lô Châu, hoặc Lô Dương. Thành phố này đã tồn tại trên hai ngàn năm, và chính là quê hương của Bao Công. Đây là nơi xảy ra cuộc chiến đẫm máu giữa Trương Liêu (nhà Bắc Ngụy của Tào Tháo) và quân Đông Ngô. Trương Liêu chỉ có tám trăm kỵ binh mà đã đánh bại quân Đông Ngô đông đến hai trăm ngàn người. Đây cũng là nơi xảy ra nhiều cuộc chiến quyết liệt giữa quân Nam Tống và quân Kim. Hợp Phì nằm ở phía Nam tỉnh An Huy, bên bờ Sào Hồ. Hiện thời, huyện Lô Giang trực thuộc thành phố Hợp Phì.

²¹ Cấp số nhân (Geometric Series) là một chuỗi số, trong đó, mỗi số sau bằng số trước nhân với một hằng số. Chẳng hạn 1, 2, 4, 8, 16, 32... là một cấp số nhân. Sự sinh trưởng của vi trùng tuân theo cấp số nhân. Mỗi con vi trùng tự đứt làm đôi, sinh ra hai con mới. Mỗi con lại tự đứt thành đôi, trở thành bốn con mới v.v...

²² Indonesia công nhận năm tôn giáo là Hồi giáo, Thiên Chúa giáo (bao gồm Công Giáo và các hệ phái Tin Lành, Cơ Đốc v...), Phật giáo, Ấn giáo và Khổng giáo.

²³ Côn Khúc (昆曲) vốn là một loại thể hát tuồng phát xuất từ huyện Côn Sơn của Tô Châu từ cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Lối hát này về sau phổ biến khắp Tô Châu, Thượng Hải, Vô Tích. Nhiều điệu hát Côn Khúc đã được đưa vào Bình Kịch (Kinh Kịch). Diễn viên không chỉ hát mà còn phải múa, đồng thời biểu cảm (thường gọi chung là “vũ đạo”). Do lối hát này phức tạp, uyển chuyển, nên thường được gọi là “*bách hý chi mẫu*” (mẹ của trăm lối hát tuồng). Tùy theo cách phát âm và ngữ điệu của từng địa phương mà lại chia thành Bắc Khúc và Nam Khúc. Nói chung Côn Khúc dễ nghe và êm ái hơn các lối hát khác trong Kinh Kịch.

²⁴ Tử Khê (子契) là con trai của Đê Khốc (Cơ Tuấn), anh em cùng cha khác mẹ với vua Nghiêu. Ông có công giúp Đại Vũ trị thủy. Về sau, Tử Khê được vua Thuần phong cho đất Thương Khâu (nay là thành phố Thương Lạc, tỉnh Thiểm Tây). Ông còn được phong làm Hỏa Chánh (chức quan chuyên trông coi về việc duy trì lửa), kiêm thờ phụng Hỏa Tinh. Nơi thờ phụng, duy trì lửa thiêng được gọi là Quyết Bá Đài. Về sau, dân chúng coi ông và Chúc Dung là thần lửa.

²⁵ Tân Đài Tệ là tiền cho chánh quyền Tưởng Giới Thạch phát hành tại Đài Loan từ năm 1949 cho đến hiện thời. Đồng tiền này được phát hành nhằm

thay thế đồng tiền cũ bị mất giá nghiêm trọng sau khi chánh quyền Quốc Dân Đảng bị mất Hoa Lục, phải chạy sang Đài Loan.

²⁶ “*Ngũ công*” là cách người Hoa diễn tả năm điều quy định chánh yếu của tín đồ đạo Hồi, thường gọi là Arkna al-Islam (thường được dịch sát theo từng chữ là “các cột trụ trong đạo Hồi”), bao gồm Shahada (tuyên bố đức tin. Tín đồ đạo Hồi phải tuyên xưng “chỉ có một Chúa duy nhất là Allāh và chỉ có Muhammad là sứ giả của Chúa”), Salat (cầu nguyện, hướng về thánh địa Mecca cầu nguyện năm lần một ngày), Zakat (bố thí), Sawm (nhịn ăn trong mùa chay Ramadan, nhịn ăn để sám hối chuộc tội), và Hajji (hành hương đến thánh địa Mecca tối thiểu một lần trong đời). “*Ngũ điển*” là tên gọi khác của Ngũ Thường, tức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

²⁷ Chẳng hạn như Thiện Tài đến gặp kỹ nữ Bà Tu Mật Đa (vị thiện tri thức thứ hai mươi bảy).

²⁸ Thái Hòa Điện là điện lớn nhất trong hoàng cung của Bắc Kinh, xây dựng từ niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư (1406) đời Minh Thành Tổ, thoát đầu được gọi là Phụng Thiên Điện, đến đời Gia Tĩnh đổi thành Hoàng Cực Điện, sang thời Thuận Trị lại đổi thành Thái Hòa Điện. Thông thường, điện này còn được gọi là Kim Loan Điện. Đây là nơi tượng trưng cho quyền lực hoàng đế. Điện này dùng để cử hành những buổi đại điển như lễ tức vị của hoàng đế, sách lập hoàng hậu, trao kiếm lệnh cho nguyên soái xuất chinh, cũng như các điển lễ khác như lễ mừng sinh nhật nhà vua, lễ nguyên đán... Dưới đời Minh, đây là nơi thường xuyên để nhà vua thiết triều nghị sự. Đây cũng là nơi tổ chức thi Đình và xướng danh các sĩ tử thi đậu tiến sĩ (lễ Truyền Lô).

Trung Hòa Điện được xây dựng vào năm Vĩnh Lạc 18 (1420), thoát đầu gọi là Hoa Cái Điện. Sau khi xây dựng lại sau vụ hỏa hoạn mới đổi thành Trung Cực Điện, rồi lại đổi thành Trung Hòa dưới đời Thuận Trị nhà Thanh. Đây là nơi để hoàng đế tiếp nhận sự triều bái của các quan viên trước khi xa giá sang Thái Hòa Điện cử hành đại điển, cũng như nơi vua tạm nghỉ giữa các buổi lễ. Đây cũng là nơi hoàng đế xét duyệt các chi tiết về lễ nghi cùng với quan chức, phê duyệt ngọc điệp (ghi chép về gia phả của hoàng triều), phê duyệt các bản tấu chương nếu không làm việc tại ngự thư phòng. Nơi này cũng được sử dụng làm chỗ ban yến cho các vị đại thần trong các điển lễ. Dưới đời Thanh, cuộc thi Đình được chuyển sang điện Trung Hòa, nhưng lễ Truyền Lô vẫn cử hành tại điện Thái Hòa.

Bảo Hòa Điện cũng được xây vào năm Vĩnh Lạc 18, thoát đầu có tên là Cẩn Thân Điện, đến đời Gia Tĩnh đổi thành Kiến Cực Điện, và lại đổi tên thành Bảo Hòa Điện dưới thời Thuận Trị. Nơi này dùng để tiếp đãi, ban yến cho các ngoại phiên (các vương công thuộc Mông Cổ, Tây Tạng, Mãn

Châu), cũng như các vị đại thần từ nhị phẩm trở lên, xét duyệt các sự vụ do Tông Nhân Phủ đệ trình, cũng như tiếp kiến sứ bộ các nước vào châu.

²⁹ “*Tam cung lục viện*” là từ ngữ phiếm chỉ nơi ở của vợ cả và các vợ lẽ của nhà vua. Theo quy chế đời Thanh, chính giữa của “*nội đình*” tức khu vực trong cố cung nằm sau cửa Càn Thanh, bao gồm ba cung: Càn Thanh Cung (là nơi ở của vua, bao gồm tấm điện tức phòng ngủ, có ngự thư phòng để vua phê tấu chương, hoặc họp riêng với các vị cố vấn đại thần), Giao Thái Điện (công dụng chủ yếu là để các phi tần, nữ quan khánh chúc sinh nhật hoàng hậu), và Khôn Ninh Cung (tấm cung của hoàng hậu). Lục viện thật ra gồm mười hai viện (sáu viện ở phía Đông của nội đình gọi là Đông Cung, gồm Trai Cung, Cảnh Nhân Cung, Thừa Càn Cung, Cảnh Dương Cung, Vĩnh Hòa Cung), và sáu viện ở phía Tây (Tây Cung, bao gồm Trữ Tú Cung, Dục Khôn Cung, Vĩnh Thọ Cung, Trường Xuân Cung, Hàm Phước Cung và Trùng Hoa Cung).

Bảy mươi hai phi tần là quy chế đã có từ đời Đường, ngoài chánh cung hoàng hậu ra, các thê thiếp của hoàng đế bao gồm: Tứ phu nhân (Quý phi, Thục phi, Đức phi, Hiền phi), Cửu Tàn (Chiêu Nghi, Chiêu Dung, Chiêu Viện, Tu Nghi, Tu Dung, Tu Viện, Sung Nghi, Sung Dung, Sung Viện), hai mươi bảy thê phụ (gồm các tước vị Tiệp Du, Mỹ Nhân, và Tài Nhân, mỗi cấp gồm chín người), còn lại là các ngự thê. Về sau mở rộng thêm thành tám mươi một ngự thê, bao gồm các tước vị Bảo Lâm, Ngự Nữ, Thái Nữ (mỗi địa vị là hai mươi bảy người). Ngoài ra lại còn có các chức nữ quan chia thành Lục Thượng gồm Thượng Cung, Thượng Nghi, Thượng Phục, Thượng Thực, Thượng Tẩm, Thượng Công. Chẳng hạn như Thượng Phục lo chuẩn bị quần áo, đồ trang sức cho vua và các phi tần, may vá, trông coi người hầu giặt giũ v.v... Tuy vậy, nếu vừa mắt nhà vua, các nữ quan trong nội cung, bất kể cấp bậc nào, vẫn có thể được vua “ngự hạnh”.

³⁰ Hòa thượng Minh Sơn (茗山, 1914-2001), quê ở Tây Hương, huyện Diêm Thành, tỉnh Giang Tô. Xuất gia năm mười chín tuổi, thọ Cụ Túc năm hai mươi tuổi. Tốt nghiệp Phật học viện vào năm 1933. Trong suốt thời Kháng Nhật, Sư bôn ba lo liệu Phật sự tại Hồ Nam, luôn chú trọng bồi dưỡng giáo lý và đào tạo tăng tài. Kháng chiến thành công, Sư trở về Định Huệ ở Giang Tô lập Phật học viện. Sư từng đảm nhiệm chức vụ xử lý thường vụ của hội Phật Giáo Trung Quốc. Đời Sư từng gặp bao nỗi thăng trầm. Khi Cách Mạng Văn Hóa nổ ra, chánh quyền Trung Cộng đóng cửa chùa, đuổi tăng sĩ về nguyên quán. Sư đã sáu mươi tuổi, vẫn bị đi về nông thôn “hòa nhập quần chúng”, thực chất là đi lao động khổ sai tại vùng quê. Sư vẫn luôn hoan hỷ, an nhiên tự tại, sách tấn đồ chúng “*nông Thiên hợp nhất*”.

Do đạo đức cao tột, Sư đã từng được Vạn Phật Thánh Thành cung thỉnh chứng minh tam đàn đại giới vào năm 1989. Sư được các nơi như Đài Loan, Đông Kinh mời sang hoằng pháp diễn giảng nhiều lần.

³¹ Đây chính là bài kệ thứ bảy, vì bài kệ “*thượng thặng lâu các, đương nguyện chúng sanh, thặng chánh pháp lâu, triệt kiến nhất thiết*” là bài kệ thứ tám, ở sau bài kệ này (tức bài “*trước anh lạc thời*”). Ngày hôm trước, khi giảng, hòa thượng đã vô ý bỏ sót, cho nên hôm nay phải giảng lại.

³² Quân phiệt cát cứ (軍閥割據) là một giai đoạn rối ren trong lịch sử Trung Hoa kéo dài từ năm 1916 đến năm 1928 khi chính quyền Quốc Dân Đảng suy yếu, quyền lực chính trị bị những tay thủ lĩnh quân sự địa phương thao túng, lãnh thổ Trung Hoa bị chia năm xẻ bảy. Chủ yếu là các thế lực quân phiệt tại Tứ Xuyên, Sơn Tây, Thanh Hải, Ninh Hạ, Quảng Đông, Quảng Tây, Cam Túc, Vân Nam và Tân Cương. Giai đoạn này bắt đầu sau khi Viên Thế Khải chết, chính quyền trung ương quá suy yếu. Các thủ lĩnh quân sự do sẵn có quân đội trong tay đã đánh lẫn nhau. Trước đó, theo quy chế nhà Thanh, quân đội được chia thành Bát Kỳ, và mỗi địa phương đều có những nghĩa quân và dân quân cai quản bởi các tướng lĩnh do triều đình bổ nhiệm, hoặc do địa phương cử lên. Trong số đó, cánh quân mạnh nhất là quân Bắc Dương của Viên Thế Khải. Khi cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra, do không đủ sức mạnh, Tôn Dật Tiên phải thỏa thuận với Viên Thế Khải để cùng lật đổ nhà Thanh; đổi lại, Quốc Dân Đảng phải chấp nhận để Viên Thế Khải trở thành Tổng Thống. Sau khi Viên Thế Khải chết, do các thuộc hạ chống đối lẫn nhau, quân đội Bắc Dương nứt thành ba khối chính: Quân phiệt An Huy của Đoàn Kỳ Thụy, quân phiệt Trực Lệ của Phùng Quốc Chương, và bè phái Phụng Hệ của Trương Tác Lâm. Nội gương đó, các quân phiệt địa phương đua nhau nổi lên như Đường Kế Nghiêu, Tưởng Giới Thạch, Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ, Ngô Bội Phu, Tôn Truyền Phương, ngay cả nhóm Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai cũng là những loại quân phiệt (điều khác biệt là Mao và Chu đề xướng chủ nghĩa Cộng Sản). Tuy trên danh nghĩa Quân Phiệt đã bị trấn áp vào năm 1928, nạn quân phiệt cát cứ kéo dài dai dẳng cho đến khi phe Mao Trạch Đông toàn thắng, đuổi Tưởng Giới Thạch tháo chạy khỏi Hoa Lục.

³³ Trong bói toán, “*lưu niên*” (流年) là dự đoán vận hạn của một người trong mỗi năm.

³⁴ Lục địa Atlantis chỉ là truyền thuyết, không có bằng chứng nào chứng thực sự tồn tại của lục địa này, ngoại trừ những truyền thuyết từ thời cổ Hy Lạp do Plato đề xướng, cũng như những thuyết của phong trào New Age hiện thời. Chuyện tám bản đồ cho thấy những lục địa bị chìm xuống biển cũng thường là do những kẻ mạo danh khoa học bịa ra, nhất là trong phong

trào Nhân Điện tại Hoa Kỳ. Khi đọc những phần này, xin các liên hữu đừng chấp vào danh tướng rồi dấy lên nghi báng. Điều quan trọng mà hòa thượng muốn chia sẻ ở đây là “cảnh tùy tâm chuyển”, do con người ác nghiệp quá nặng, dẫn khởi hoàn cảnh sống bị xấu đi. Để đối phó với tai nạn, họa hại, kinh sợ, lo lắng suông vô ích, hãy nghiêm túc tu trì, chuẩn bị tâm thái không lưu luyến để khi xảy ra tai nạn, ta sẽ vãng sanh Cực Lạc không bị trở ngại!

³⁵ Theo quy chế từ đời Tần-Hán, cứ mười dặm đường bèn lập một cái đình, gọi là “trường đình”. Cứ năm dặm lập một cái đình thì gọi là “đoản đình”. Thoạt đầu, đình là chỗ dùng để tạm nghỉ cho cho những phu trạm chuyên lo chuyên vận công văn hỏa tốc (thường gọi là dịch trạm), cũng như là chỗ để họ đổi ngựa, ăn uống. Về sau, nơi ấy trở thành chỗ để chia tay nhau khi đưa tiễn. Dần dần, “*thập lý chi đình*” hay “*thập lý trường đình*” chỉ còn là từ ngữ phiếm chỉ chỗ chia tay sau khi đã tiễn chân một quãng đường.

³⁶ Theo kinh Chuyển Pháp Luân, mỗi giáo pháp của đức Phật được dạy theo ba tầng: Thị Chuyển (nêu bày cho thấy), Giáo Chuyển (giảng giải phương pháp, đạo lý, lý luận, đường hướng, thứ tự tu trì) và Tác Chứng Chuyển (đích thân nêu gương để làm chứng).

³⁷ Mục (牧) có nghĩa là chăn dắt gia súc, như trẻ chăn trâu thường được gọi là Mục Đồng (牧童). Do trong giáo thuyết của Thiên Chúa giáo, tín đồ giống như những con chiên (lamb, cừ non) của Chúa, giáo sĩ là người chăn dắt bầy chiên của Chúa, nên gọi là Mục Sư, hoặc gọi nôm na là “người chủ chiên”. Chữ Mục trong Linh Mục cũng có cùng ý nghĩa. Linh Mục (靈牧) có thể hiểu nôm na là người chăn dắt linh hồn của tín đồ. Tuy vậy, người Hoa thường gọi Linh Mục là Thần Phụ (神父), tức là cách dịch bóng bẩy chữ Pater trong tiếng La Tinh. Đôi khi họ còn dùng chữ Tế Sư (祭司, ta thường đọc thành “thầy tư tế”), hoặc Tế Sư (祭師), hay Tư Đạc (司鐸).

³⁸ Chúng tôi xin mạn phép nói thêm chỗ này: Quy y A Di Đà Phật ở đây là quay về nương tựa A Di Đà Phật, chấp nhận hành trì pháp môn Tịnh Độ để tấn tu. Chúng tôi đã thấy có những vị đồng tu nghe hòa thượng nói như vậy, đã chấp chặt văn tự, diễn tả sai lạc ý nghĩa này, bảo quy y Tam Bảo là phải quy y A Di Đà Phật, không quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, buộc các đệ tử đã quy y từ trước phải quy y lại với A Di Đà Phật, gây nên những xáo động không cần thiết. Bản thân hòa thượng đã nói rất rõ, rất minh bạch trong khi giảng về Tam Quy Y, quy y Phật là quy y Tự Tánh Giác, không phải là quy y một vị Phật cụ thể nào. Đó cũng là lý do Lục Tổ Huệ Năng dạy “quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh”. Khi hòa thượng nói “*chúng ta*

không chịu quy y A Di Đà Phật, chúng ta thích quy y Thích Ca Mâu Ni Phật”, Ngài có ý nói người ấy thích tu những pháp môn thông thường khác, cậy vào tự lực, chẳng tin vào tha lực, tức là tấn tu từng bậc, lần lượt chứng Sơ Quả, Nhị Quả v.v... chứ không hề có ý nói phải quy y Tam Bảo lại, cũng như chỉ trích những vị truyền thọ Tam Quy hiện thời là sai, phải quy y với A Di Đà Phật, không được quy y Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu hiểu như vậy, đã hoàn toàn trái nghịch tông chỉ “tôn sư trọng đạo” mất rồi. Họ lại còn hiểu quy y Phật là quy y một vị Phật ở bên ngoài, chẳng phải là quy y Tự Tánh Giác, chẳng phải là quy y tự tánh Di Đà, [hay nói cách khác], chẳng phải là quy y Pháp Thân của mười phương ba đời hết thấy chư Phật!

³⁹ Lục Quân tỳ-kheo là nhóm sáu tỳ-kheo kết bè lũ với nhau, thường làm những chuyện phá oai nghi nhằm tạo cơ hội cho đức Phật chế định giới luật. Các kinh luận chép tên họ của những người này hơi khác nhau (có lẽ do phiên âm hoặc dịch nghĩa nên thành sai khác). Theo Tỳ Nại Da Luật quyền mười một, tên của những người ấy là Xiển Đà (Nanda), Ô Ba Nan Đà (Upananda), A Thuyết Ca (Asvaka), Bồ Nại Bà Tổ Ca (Punavarsu), Xiển Đà (Chanda) và Ưu Đà Di (Udayin).

⁴⁰ Chương Gia đại sư (tên thật là Lobsang Pelden Tenpe Dronme, thường được người Hoa phiên âm là La Tang Ban Điện Đan Tất Dung Mai) là quốc sư của nhà Thanh, được nhà Thanh phong làm thủ lĩnh của toàn thể Phật giáo đồ Mông Cổ và Mãn Châu, với tước hiệu Quán Đảnh Phổ Thiện Quảng Từ Chương Gia Hộ Đồ Khắc Đồ. Khi Dân Quốc thành lập, tổng thống Từ Thế Xương tặng thêm phong hiệu Chiêu Nhân Xiển Hóa. Năm 1930, Sư được cử làm ủy viên của Mông Tạng Ủy Viên Hội trong chánh quyền Quốc Dân Đảng, rồi được cử làm ủy viên giám sát trung ương của Quốc Dân Đảng. Năm 1947, Sư làm đại biểu của Quốc Dân Đại Hội (Quốc Hội) khóa thứ nhất. Năm 1949, Sư được cử làm Tổng Thống Phủ Tư Chánh (tức là cố vấn thứ nhất của Tổng Thống). Sư còn kiêm nhiệm làm Lý Sự Trưởng (chủ tịch điều hành) Phật giáo Đài Loan cho đến khi mất vào năm 1957.

⁴¹ Nguyên văn là “bài kệ thứ sáu”, chúng tôi sửa thành bài kệ thứ năm cho hợp với chánh kinh.

⁴² Đây là cách phân loại trong lối chép sử truyền thống của Trung Hoa. Đối với mỗi triều đại, sử được chia thành hai phần: Bản Kỷ (本紀) là phần chép về tiểu sử của các vị hoàng đế thuộc triều đại ấy, Liệt Truyện (列傳) là phần chép về tiểu sử của các đại thần hoặc những nhân vật hữu danh thuộc triều đại ấy. Nội dung của Liệt Truyện rất phong phú, chia thành các tiểu loại như Thích Khách Truyện, Du Hiệp Truyện, Nho Tông Truyện (các bậc

nho gia đạo đức, gương mẫu), Khóc Lại Truyện (truyện về những viên quan hà khắc, độc ác), Nho Lâm Truyện (các nho sĩ nổi danh, có thành tựu về vang), Đạo Học Truyện, Lương Lại Truyện (những vị quan trung lương cần mẫn), Hãnh Thần Truyện (những quan lại được vua sủng ái, cậy thế lộng hành), Ngoại Thích Truyện (truyện về những người thông gia với hoàng tộc), Yêm Hoạn Truyện (chép về những thái giám nổi danh) v.v...

⁴³ Do từ ngoài biên cương phía Bắc Trung Hoa đổ vào Trung Nguyên, phải qua các cửa ải như Sơn Hải Quan, Nhạn Môn Quan, cho nên khi các sắc dân du mục ở phương Bắc như Mông Cổ, Tiên Ty, Hung Nô, Kim, Mãn Châu v.v... tiến vào Trung Hoa xâm chiếm lãnh thổ, lập ra các vương triều, đều gọi là “*nhập quan*” (vào trong quan ải).

⁴⁴ Nguyên văn là “*kiến quốc*” (建國), chính là ngày quốc khánh, nhằm kỷ niệm ngày thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Trung Cộng), tức ngày mồng Một tháng Mười năm 1949.

⁴⁵ Thanh Châu (青州) là một huyện của Sơn Đông. Thanh Châu là một địa phương đã có rất lâu đời, được xếp vào chín châu thời cổ, là nơi cư trú của các tộc người thuộc Đông Di vào thời nhà Hạ. Sau khi nhà Châu dẹp Trụ, đất này được phong cho Khương Thượng (Khương Tử Nha), thuộc vào lãnh thổ nước Tề. Kinh đô Lâm Truy của nước Tề cũng trực thuộc vùng này. Nơi này đã được chọn làm kinh đô khi Mộ Dung Đức chiếm cứ Sơn Đông, lập ra nhà Bắc Yên. Trải các triều đại, nơi này luôn là một thị trấn quan trọng nhất của vùng Sơn Đông, cho nên có rất nhiều di vật văn hóa có giá trị. Đặc biệt tại đây có Đền Sơn Thạch Quật; trong hang đá ấy có đến sáu trăm ba mươi tám tượng Phật bằng đá, chủ yếu là được tạo khắc vào đời Bắc Châu của Nam Bắc Triều, phần còn lại chủ yếu là được tạo tác vào đời Đường.

⁴⁶ Đại y có hai mươi lăm điều, tức là tương ứng với hai mươi lăm hữu trong tam giới.

⁴⁷ Theo cách phán giáo của tông Hiền Thủ, kinh Hoa Nghiêm được chia thành chín hội giảng ở bảy nơi khác nhau, nên thường gọi là “*thất xứ cửu hội*”:

1. Hội thứ nhất giảng tại Bồ Đề Đạo Tràng, bao gồm sáu phẩm đầu của kinh Hoa Nghiêm là Thế Chủ Diệu Nghiêm, Như Lai Hiện Tướng, Phổ Hiền Tam Muội, Thế Giới Thành Tựu, Hoa Tạng Thế Giới và Tỳ Lô Giá Na.
2. Hội thứ hai, giảng tại điện Phổ Quang Minh, bao gồm sáu phẩm, tức Như Lai Danh Hiệu, Tứ Thánh Đế, Quang Minh Giác, Bồ Tát Văn Minh, Tịnh Hạnh và Hiền Thủ.

-
3. Hội thứ ba, giảng tại Đao Lợi thiên cung, gồm sáu phẩm, tức Thăng Tu Di Sơn Đảnh, Tu Di Sơn Đảnh Kệ Tán, Thập Trụ, Phạm Hạnh, Sơ Phát Tâm Công Đức, và Minh Pháp.
 4. Hội thứ tư, giảng tại Dạ Ma thiên cung, gồm bốn phẩm là Thăng Dạ Ma Thiên Cung, Dạ Ma Cung Kệ Tán, Thập Hạnh, và Vô Tận Tạng.
 5. Hội thứ năm, giảng tại Đâu Suất thiên cung, gồm ba phẩm, tức Thăng Đâu Suất Thiên Cung, Đâu Suất Kệ Tán, và Thập Hồi Hương.
 6. Hội thứ sáu, giảng tại Tha Hóa thiên cung, gồm một phẩm, tức phẩm Thập Địa.
 7. Hội thứ bảy giảng tại điện Phổ Quang Minh, gồm mười một phẩm, tức Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn, A Tăng Kỳ, Thọ Lượng, Chư Bồ Tát Trụ Xứ, Phật Bất Tư Nghi, Như Lai Thập Thân Tướng Hải, Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức, Phổ Hiền Hạnh và Như Lai Xuất Hiện.
 8. Hội thứ tám, cũng giảng tại điện Phổ Quang Minh, gồm một phẩm, tức phẩm Ly Thế Gian.
 9. Hội thứ chín, giảng tại Trùng Các giảng đường (tức Thệ Đa Lâm, tức vườn Kỳ Đà, hay tinh xá Kỳ Hoàn), gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Pháp Giới.

⁴⁸ Ư có nghĩa là ở trong, còn Y là nương tựa.

⁴⁹ Giấy Đao Lâm (Dowling) là loại giấy thoát đầu do công ty Dowling của Anh chế tạo (có thuyết nói công ty Dowling ở Hương Cảng thuở đó chỉ mua lại giấy này từ các xưởng nhỏ hơn ở Âu châu và bán ra dưới thương hiệu Dowling). Về sau, tên gọi này thường để dùng loại giấy để in các loại sách với mục đích giữ được lâu dài, nhất là in các tranh ảnh, bản đồ, đặc biệt là các tranh in theo lối thạch bản (Lithography). Loại giấy này có độ trắng từ 70% trở lên, hấp thu mực in rất tốt, tạo thành nét chữ sắc rõ. Giấy để lâu không bị ố vàng, giòn gãy, vẫn giữ được màu mực in tươi tắn như mới.

⁵⁰ “Sáu sự” ở đây có thể hiểu là sáu pháp nhằm bảo vệ người nữ, tránh những điều dị nghị, cũng như ngăn che phạm giới. Thật ra, có sáu chánh pháp và sáu tùy pháp. Sáu chánh pháp là không được đi đường một mình, không được qua sông một mình, không được chạm vào thân người nam, không được ở chung với người nam, không được làm mai, không được che giấu tà-kheo-ni phạm tội. Do sáu tùy pháp hơi tế nhị, nên chúng tôi không dẫn ra ở đây.

⁵¹ “*Cảnh giới Phật*” được nói ở đây có thể hiểu là cảnh giới của Phần Chứng Phật. Bốn mươi một địa vị từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên đều được gọi là Phần Chứng Phật, tức Pháp Thân Bồ Tát.

⁵² Cỏ Tấn Sơn là cách người Hoa gọi núi Santubong (Gunung Santubong) thuộc tiểu bang Sarawak của Mã Lai, cách thủ phủ Kuching ba mươi lăm cây số. Do người Hoa gọi Kuching là Cỏ Tấn, nên cũng gọi hòn núi này là Cỏ Tấn Sơn.

⁵³ Lý Kim Hữu sinh năm 1955 là một thương gia Hoa Kiều rất thành công tại Mã Lai, sáng lập tập đoàn Lộc Dã chuyên đầu tư địa ốc. Đan-tu-ly (Tan Sri) là một tước hiệu vinh dự của Mã Lai để gọi những người được tặng thưởng Darjah Yang Mulia Pangkuan Negara (Đệ Nhị Đẳng Hộ Quốc Hữu Công Huân Chương) và Panglima Setia Mahkota (Hoàng Triều Tinh Trung Huân Chương). Những huân chương này được hoàng gia Mã Lai ban tặng cho những người có các thành tựu đóng góp lớn lao cho sự phát triển phồn vinh của đất nước.

⁵⁴ Thuyết Văn Giải Tự (說文解字) là một bộ sách do Hứa Thận biên soạn vào thời Đông Hán, thường được coi là một bộ từ điển đầu tiên về chữ Hán. Nội dung rất phong phú, phân tích kết cấu của từng chữ, ý nghĩa, cũng như cách cấu tạo chữ Hán. Hứa Thận đề xướng khái niệm Bộ Thủ, đề ra 540 bộ thủ, giải thích 9.353 chữ, phụ lục thêm 1.163 chữ thuộc loại Dị Thể. Ông cũng đề xướng lối phiên âm phản thiết (còn gọi là phiên thiết, tức là tách một chữ thành hai chữ để mô phỏng cách đọc. Chẳng hạn chữ Cỏ được phản thiết là “*Cư Lỗ thiết, âm Cô, thượng thanh*”). Nguyên tác đã bị thất truyền, nội dung còn lưu lại là do lấy từ trích dẫn của những tác giả khác. Bản lưu hành hiện thời do Từ Huyền giáo định, nhuận sắc vào năm Ung Hy thứ ba (986).

⁵⁵ Mạt Nhật Thẩm Phán (末日審判) là từ ngữ người Hoa dùng để dịch chữ Last Judgement hoặc Final Judgement, hoặc Yawm al-Qiyāmah trong tiếng Ả Rập. Đây là một khái niệm đặc thù trong các tôn giáo thuộc hệ thống Abrahamitic (các tôn giáo bắt nguồn từ sự thờ phụng Thượng Đế (Jehovah) tại vùng Trung Đông như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, các đạo Tin Lành, Phúc Âm, đạo Hồi) cũng như Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism). Theo niềm tin của họ, trong ngày đó, những người chết sẽ sống dậy, chịu sự xét xử cuối cùng của Thượng Đế, tùy theo hành vi của người ấy trong khi còn sống mà sẽ được ân thưởng hay bị đày đọa trong chốn hỏa ngục. Công Giáo và Chính Thống Giáo chia sẻ quan điểm: Mỗi cá nhân chết đi, sẽ được thiên sứ phán tội. Kẻ công chính sẽ được lên thiên đàng, kẻ có tội sẽ bị đọa vào luyện ngục (Purgatory) chờ đợi chúa Jesus trở lại thế gian (thường gọi là Second Coming, ta thường dịch là Cơ Đốc Phục Lâm, hoặc Gia Tô tái lâm). Khi đó, những kẻ ở trong luyện ngục sẽ được về Thiên Đàng.

⁵⁶ Theo từ điển bách khoa Britanica, từ ngữ tôn giáo (Religion) trong ngôn ngữ Âu Tây bắt nguồn từ chữ Religionem trong tiếng La Tinh, mang ý nghĩa “*tôn sùng Chúa, tuân phục Chúa, hoặc mối ràng buộc giữa con người và thần thánh*”.

⁵⁷ Tiên chú (箋注) là một cách gọi khác của chú giải. Thông thường tiên chú sẽ ngắn gọn hơn thể lệ chú giải theo hình thức số, số sao, hoặc hợp luận. Đa số những người đời sau, khi chú giải kinh sách, không dám dùng chữ Số, Sao hoặc Luận vì tự khiêm chẳng dám coi mình ngang hàng với chư vị tổ sư nên thường dùng chữ Tiên Chú, Chú Giải, Giải, Diễn Nghĩa, hoặc Giảng Nghĩa.

⁵⁸ Sáu kinh là kinh Hoa Nghiêm, Giải Thâm Mật, Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, Lăng Già và Hậu Nghiêm Kinh (tức kinh Đại Thừa Mật Nghiêm). Mười một bộ luận là Du Già Sư Địa Luận, Hiền Dương Thánh Giáo Luận, Tập Lượng Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Thập Địa Kinh Luận, Phân Biệt Du Già Luận, Quán Sở Duyên Duyên Luận, Duy Thức Nhị Thập Luận, Duy Thức Tam Thập Luận, Biện Trung Biên Luận, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Luận. Trong mười một bộ luận trên đây, Tập Lượng Luận đã thất truyền, Phân Biệt Du Già Luận chưa được dịch sang tiếng Hán. Do vậy, ngoài mười một bộ luận kể trên, các vị học Duy Thức tại Trung Hoa đặc biệt nghiên cứu thêm Bách Pháp Minh Môn Luận, Đại Thừa Ngũ Uẩn Luận, Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận, và nhất là Thành Duy Thức Luận.

⁵⁹ Xuân Thu là một giai đoạn rối ren trong lịch sử Trung Hoa kéo dài từ năm 770 trước Công Nguyên cho đến năm 476 trước Công Nguyên trong thời gian trị vì của nhà Đông Châu. Trong thời đại này, thiên tử nhà Châu thế lực suy yếu, hầu như chỉ là hư danh, chư hầu tranh hùng. Nổi bật nhất là năm vị vua chư hầu thay nhau đứng làm minh chủ, thống lãnh chư hầu, chinh phạt những nước chư hầu trái lệnh. Sử gọi họ là Xuân Thu Ngũ Bá, tức Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Vương. Tên gọi Xuân Thu dựa theo bộ lịch sử nước Lỗ do Khổng Tử san định. Các sử gia coi thời kỳ này bắt đầu kể từ khi Châu U Vương (Cơ Cung Niết) say mê mỹ nhân Bao Tự, toan giết trưởng tử là thái tử Cơ Nghi Cữu. Ông ngoại của Nghi Cữu là Thân Hầu bèn dẫn quân Khuyển Nhung xâm lăng, đốt phá Cảo Kinh, giết chết U Vương, đưa Nghi Cữu lên ngôi, tức Châu Bình Vương. Do kinh thành bị tàn phá nặng nề, Châu Bình Vương phải dời đô từ Cảo Kinh sang Thành Câu (Lạc Ấp, tức Lạc Dương ngày nay), Sử gọi là nhà Đông Châu. Nhà Châu mất dần thế lực, có khi chư hầu không thèm tiến cống. Giai đoạn rối ren này kết thúc khi ba họ quý tộc Hàn, Triệu, Ngụy diệt vua Tấn, chia nước Tấn thành ba nước Hàn, Triệu,

Ngụy, mở ra thời đại Chiến Quốc, tức thời đại bảy nước chư hầu lớn (Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên, Sở, Tần) đánh nhau tàn nhẫn, kịch liệt hơn nữa. Trong thời Xuân Thu, có đến ba mươi sáu vua chư hầu bị quân thần giết, hay bị địch quốc sát hại, năm mươi hai nước chư hầu bị diệt vong, hơn bốn trăm tám mươi cuộc chiến lớn nhỏ. Danh xưng của bộ sử Xuân Thu lại bắt nguồn từ cổ tục. Do Trung Hoa là nước nông nghiệp, những đại sự của triều đình thường được cử hành vào mùa Xuân hay mùa Thu để tránh thời vụ. Vì thế, những sự kiện lịch sử được ghi chép lại đều gọi là Xuân Thu Truyện.

⁶⁰ Tatami là cách phát âm của người Nhật đối với chữ 畳 (Điệp, nghĩa là cái đệm chông lên). Đây là một thứ thảm trải, bên bằng sợi rom, hoặc sợi cói, tuy hiện thời dùng thêm các vật liệu khác. Một tấm tatami có hình chữ nhật, chiều dài thường gấp đôi chiều rộng. Mép tatami thường được viền vải. Thông thường, trong nhà xây theo lối truyền thống, họ dùng các tấm tatami ghép lại để lót nền nhà. Hiện thời, do tiện bảo quản, chỉ có một hai phòng trong nhà là thiết kế theo lối trải nền bằng Tatami.

⁶¹ Song bàn (雙盤) là chân nọ đặt lên chân kia, cổ chân chéo nhau, giữa hai lòng bàn chân lên. Ta thường gọi là ngòai kiết già. Đơn bàn (單盤) là đặt chân này chông lên chân kia, không bắt chéo cổ chân, thường gọi là ngòai bán già.

⁶² Tiếng Mân Nam (Bân-lâm-gú) là một thứ tiếng địa phương được nói ở phía Nam tỉnh Phước Kiến, nhất là vùng duyên hải Phước Kiến, một phần tỉnh Chiết Giang và phía Đông tỉnh Quảng Đông. Thứ tiếng này chính là cơ sở để hình thành tiếng Đài ngữ (thường gọi là Hà Lạc ngữ hoặc Phước Lão ngữ. Tiếng Đài Loan (Tâi-oân-oē) chủ yếu là giọng Mân Nam ở vùng Tuyên Châu, Chương Châu, pha trộn với giọng Hạ Môn, cũng như một số từ vay mượn từ tiếng Nhật và các từ ngữ của các sắc dân thiểu số tại Đài Loan.

⁶³ Nói “mỗi tuần nghe giảng ba giờ” là vì mỗi tuần có hai buổi nghe giảng kinh, một buổi nghe giảng cổ văn. Giảng kinh thì như trên đã nói, chỉ có một tiếng đồng hồ giảng kinh thật sự cho cả hai buổi, vì mỗi buổi đã phải tốn nửa thời gian để dịch từ tiếng Phổ Thông (tiếng Quan Thoại, tiếng Bắc Kinh) sang tiếng Đài Loan. Ngay cả khi các đồng học luyện giảng kinh, vẫn dùng cách phiên dịch này. Chỉ có cổ văn là hoàn toàn do cụ Lý giảng suốt hai tiếng, cho nên tổng cộng, cả tuần chỉ thật sự giảng ba giờ.

⁶⁴ Tôn Tử Binh Pháp còn gọi là Vũ Kinh, Binh Kinh, Tôn Vũ Binh Pháp, Ngô Tôn Tử Binh Pháp, đôi khi chỉ gọi gọn là Tôn Tử, được coi là một bộ binh thư cổ nhất do Tôn Vũ người nước Ngô soạn vào thời Xuân Thu. Toàn thể bộ sách gồm có mười ba chương, được đánh giá rất cao vì những

nguyên tắc, chiến lược, cũng như sự vận dụng linh hoạt trong sách ấy. Có lẽ ngoài kinh Dịch, đây là một bộ cổ thư Trung Hoa được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất và được giới quân sự phương Tây quan tâm nghiên cứu nhiều nhất. Tuy vậy, giới học giả Trung Hoa và Nhật Bản vẫn có khá nhiều tranh luận quanh việc ai là tác giả thật sự của bộ sách này. Đa số chủ trương là Tôn Vũ, có những người khác như Tiền Mục, Tề Đằng Khiêm, Vũ Nội Nghĩa Hùng, Kim Đức Kiến, Phùng Hữu Lan, Vương Gia Tường đoán quyết tác giả phải là Tôn Tần. Có những người khác cho tác giả là một ẩn sĩ thời Chiến Quốc. Thậm chí có người như Mâu Đình quan niệm tác giả bộ binh thư này phải là Ngũ Tử Tư. Mãi cho đến năm 1972, khi phát hiện được cả Tôn Tử Binh Pháp và Tôn Tần Binh Thư trong một ngôi mộ cổ từ thời Đông Hán tại Sơn Đông, vấn đề tranh biện này mới chấm dứt, Tôn Tử Binh Pháp được công nhận là của Tôn Vũ.

Tôn Vũ (545-470 trước Công Nguyên), tên tự là Trường Khanh, là người nước Tề. Do loạn lạc, gia đình phải dời sang Cô Tô nước Ngô. Do quen biết thân tình với Ngũ Tử Tư, ông được Ngũ Tử Tư tiến cử lên Ngô vương Hạp Lư. Ông dâng lên mười ba chương binh pháp, Hạp Lư rất tán thưởng, phong cho làm thượng tướng quân rồi quân sư. Năm lần ông chỉ huy đều đại thắng, tên tuổi vang lừng. Sau đó, khi con Hạp Lư là Phù Sai lên nối ngôi cha, ngang ngược, đắm say tửu sắc, ông cáo quan trở về nước Tề, chuyên nghiên cứu binh pháp. Trước khi thoái ẩn, ông đã khuyên Ngũ Tử Tư cũng nên thoái ẩn, nhưng Ngũ Tử Tư không nghe đến nỗi về sau bị Phù Sai sát hại. Tương truyền Tôn Tần là cháu nội của Tôn Vũ, không rõ tên thật. Vì bị bạn học là Bàng Quyên ganh tài, vu oan giá họa, bị vua chặt hai chân nên mới gọi là Tôn Tần (Tần (臧) là hình phạt chặt đứt hai chân).

⁶⁵ Những khái niệm này phát xuất từ kinh Đại Bát Nhã, bao gồm:

1. Nội Không: Sáu căn không có tự tánh.
2. Ngoại Không: Sáu trần không có tự tánh.
3. Nội Ngoại Không: Căn, trần, thức đều không có tự tánh.
4. Không Không: Hết thấy các pháp đều Không, cái Không ấy cũng chẳng có tự tánh.
5. Đại Không: Các pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên đều không có tự tánh.
6. Tiểu Không: Các tướng Tứ Quả của Tiểu Thừa đều chẳng có.
7. Thắng Nghĩa Không: Lý đệ nhất nghĩa cũng là giả danh để diễn tả chân tánh, vốn không tịch.
8. Hữu Vi Không: Phiền não hoặc nghiệp trong tam giới đều là không, vốn chẳng có tướng hữu vi.
9. Vô Vi Không: Ba tướng sanh, trụ, diệt đều là không, vô vi vắng lặng.

-
10. Tất Cánh Không: Tướng của hết thấy các pháp hữu vi và vô vi đều là không.
 11. Vô Tế Không: Hết thấy các pháp diệt thì chẳng có kết thúc, sanh thì chẳng có khởi đầu, không thể nào đạt được.
 12. Tán Không: Hết thấy các pháp nhân duyên giả hợp mà thành, đều không có tướng hòa hợp, trọn chẳng thể được.
 13. Vô Biến Dị Không: Hết thấy các pháp vô thường, vô diệt, chẳng biến đổi, chẳng khác biệt, trọn chẳng thể được.
 14. Bồn Tánh Không: Hết thấy các pháp bồn tánh thanh tịnh, lìa tánh, lìa tướng.
 15. Tự Tướng Không: Pháp Ngũ Uẩn hư huyễn, chẳng thật.
 16. Cộng Tướng Không: Tướng đối lập của các pháp chẳng thường, chẳng diệt, trọn chẳng thể được.
 17. Nhất Thiết Pháp Không: Hết thấy các pháp bồn tánh vốn là không, trọn chẳng thể được.
 18. Bất Khả Đắc Không: Hết thấy các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng có sở hữu, trọn chẳng có tướng để có thể cầu.
 19. Vô Tánh Không: Hết thấy các pháp thấy đều hư giả, chẳng có thật tánh.
 20. Tự Tánh Không: Hết thấy các pháp, chẳng thường, chẳng diệt, tánh vốn tự không.

⁶⁶ Pháp sư Thánh Nhất (1922-2010), tự là Huyền Cơ, họ ngoài đời là Trần, người xứ Hòa Lý, Tân Hội (tỉnh Quảng Đông). Năm mười sáu tuổi, do thấy Sư thông tuệ, phước tướng trang nghiêm, một người chưởng quỹ trong tiệm bán gạo của thân phụ Sư đã tặng Sư bộ Phật Giáo Tùng Thư do cư sĩ Vương Nhất Đình biên soạn. Đọc xong, Sư sáng tối niệm Phật, chỉ ăn rau bên cạnh thịt. Hễ trông thấy kẻ ăn mày đến tiệm xin, Sư đều dạy họ niệm A Di Đà Phật, còn xúc gạo cho họ. Về sau, bị cha quở trách, Sư liền hốt gạo rơi vãi dưới đất, rửa sạch, phơi khô để thí cho người đến xin. Ngay cả khi phải gầy bàn tính để tính toán sổ sách, Sư cũng niệm Phật không ngớt. Khi Sư tròn mười chín tuổi, gặp cảnh tao loạn thời Trung Nhật Chiến Tranh, tiệm gạo phải đóng cửa, được phụ mẫu cho phép, Sư bèn xuất gia. Nhưng khi ấy đang thời loạn, không đạo tràng nào thu nạp, phải tìm kiếm khắp nơi. Cuối cùng đành phải nương nấu một đạo sĩ. Đạo sĩ chỉ chấp thuận cho niệm chú Đại Bi để kiếm tiền độ nhật. Có lần, đạo sĩ sai đi cắt cỏ, Sư chú tâm niệm chú, chợt nghe trong đồng cỏ tiếng niệm chú vang vang. Tìm khắp nơi không thấy ai, chợt ngộ âm thanh niệm chú do chính tâm mình hiển hiện. Vừa ngộ, âm thanh ấy bỗng dứt bật. Về sau, Sư được một vị ni giới thiệu đến y chỉ Chí Liên Tịnh Uyển nghe giảng kinh. Về sau, do nghe

ngài Hư Vân truyền giới tại chùa Nam Hoa ở Thiều Quan. Tìm đến nơi, ngài Hư Vân đã sang Trùng Khánh. Sư bèn xin nhập chúng giã gạo và lo trai soạn, đến năm sau mới được thọ Cụ Túc Giới. Khi ấy, Sư đã hai mươi hai tuổi. Sư y chỉ hòa thượng Phục Nhân, mãi cho đến khi ba mươi sáu tuổi, gặp ngài Hư Vân ở núi Vân Cư, được phó pháp, trở thành pháp tự đời thứ chín của tông Quy Ngưỡng.

⁶⁷ Thật ra, tùy theo tông phái mà y ca-sa sử dụng vòng móc hay không. Tông Chogye (Tào Khê) ở Đại Hàn đắp y cũng dùng vòng móc. Ca-sa của Việt Nam phần lớn sử dụng vòng móc. Ngay tại Nhật, tông Tào Động (Soto) thường dùng y không có móc, dây buộc rất phức tạp, khi mặc đòi hỏi phải xếp y khéo léo, nhưng tông Lâm Tế (Rinzai) đắp y gần giống như Trung Hoa, có vòng móc. Có những chi phái tuy vẫn có vòng, nhưng không dùng móc, mà dùng cách buộc dây rất phức tạp. Có những tông phái như Tịnh Độ Chân Tông hoặc Chân Ngôn Tông, y thường may bằng vải gấm hay lụa rực rỡ, nhưng kích thước chỉ nhỏ bằng một phần ba y của Trung Hoa, chỉ có dây đeo chéo lên vai, tấm y che một phần lưng và bụng, hoàn toàn không che vai. Họ mặc hậu (áo hải thanh) cũng có màu sắc rực rỡ, không tiếp màu với tấm y.

⁶⁸ Đúng ra, chỉ có Thiên Tông Nhật Bản dùng loại y này phổ biến nhất. Họ gọi nó là Rakusu (絡子, lạc tử). Rakusu có hình dáng một tấm ca-sa thu nhỏ, may giống như một cái túi, có quai để đeo quanh cổ. Một bức Rakusu thường có mười sáu miếng vải khâu lại thành một tấm, có viền mép. Mặt sau để trơn, thường ghi pháp danh của người thọ giới và tông phái, đôi khi thêm những biểu tượng của tông phái. Thông thường, Rakusu có màu đen dành cho tăng sĩ, và màu nâu dành cho những vị giảng sư (có thể không phải là người xuất gia). Tuy vậy, nhiều khi Rakusu thường làm bằng vải lụa hay gấm rực rỡ, thêm thùa rất phức tạp. Quai đeo bên phải của Rakusu có vòng móc. Theo truyền thuyết, Rakusu được truyền sang từ Trung Hoa khi Phật giáo bị vua Trung Hoa bức hại, tăng sĩ phải chế ra loại y như vậy để đeo giấu vào bên trong áo. Các tăng sĩ Nhật Bản đã đem loại này về Nhật Bản. Rakusu chủ yếu dùng khi tăng sĩ đi hóa duyên, hoặc giảng kinh. Họ vẫn mặc áo tràng, đeo Rakusu ra ngoài, nhưng khi cử hành những điển lễ quan trọng, hoặc tại tự viện, thường là đắp ca-sa thật sự. Hòa thượng nói đến những vị mặc Âu phục chỉ đeo Rakusu khi làm lễ chính là những người đã thọ giới tỳ-kheo, nhưng vẫn sống đời tại gia, nhất là những vị thuộc các tông Nhật Liên, Chân Ngôn Tông, Tịnh Độ Chân Tông... Trong truyền thống Nhật Bản, dường như ranh giới giữa tăng sĩ và người tại gia bị xóa nhòa. Đa số tăng sĩ có vợ, con, có tài sản riêng, tuy vẫn mặc y phục tu hành, cạo đầu. Riêng Tịnh Độ Chân Tông còn có loại Rakusu không có

vòng móc, gọi là Tề Oai Nghi (Igiboso). Có những tông phái như Nhật Liên Tông chẳng hạn, tăng sĩ không cạo đầu, ăn mặc chải chuốt như người tại gia, chỉ khi làm lễ mới đắp y. Còn khi thuyết pháp họ chỉ đeo Rakusu. Trong rất nhiều tự viện Chân Ngôn Tông và Nhật Liên Tông, nhiều khi các vị trưởng lão lại có hình thức tại gia, mặc âu phục, khoác y hậu ra ngoài, ngồi trên pháp tòa chủ pháp, trong khi những vị có hình tướng xuất gia lại ngồi thấp hơn, hoặc làm thị giả cho những vị “trưởng lão tại gia”. Ngoài ra, còn có một loại gọi “ca-sa” nữa dưới hình thức một dải vải đẹp mảnh, hai đầu có kết tua để cột lại, đeo lên cổ, thả trước ngực, dành cho những người thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chia thành:

1. Chiết Ngũ Điều (Origojyo) dài đến gần thắt lưng. Chiết Ngũ Điều để trơn hoặc thêu danh hiệu một vị Phật hoặc đề mục kinh Pháp Hoa như trong tông Thiên Thai. Đạo tràng Pháp Hoa và một số đạo tràng Tịnh Độ tại Việt Nam dùng loại này. Tại Nhật Bản, tăng sĩ thường đeo Chiết Ngũ Điều khi không đắp y.
2. Luân ca-sa (Wagesa) may thành một dải tròn.
3. Bán ca-sa (Hangesa) giống như chiết ngũ điều, nhưng chỉ có chiều dài bằng một nửa.

⁶⁹ Hán Cao Tổ tên thật là Lưu Bang (256 trước Công Nguyên - 195 trước Công Nguyên), xuất thân là một nông dân, quê ở huyện Phong, tỉnh Giang Tô. Cổ sử Trung Hoa tô vẽ ông là người mũi cao, râu rồng, diện mạo khôi ngô, trên đùi có 72 nốt ruồi. Tính tình Lưu Bang phóng khoáng, thích rượu và gái, nhưng biết nhẫn nhục và khoan dung khi cần thiết. Ông từng phải đi phu xây dựng cung điện ở Hàm Dương, và khi trông thấy xa giá, nghi trạng của Tần Thủy Hoàng, đã cảm khái: “Đại trượng phu phải sống như thế”. Sau đó, ông được cử làm đình trưởng ở Tứ Thượng, kết thân với những người như Hạ Hầu Anh, Tiêu Hà, Tào Tham. Về sau, ông được cất nhắc làm huyện lệnh đất Bái, nên thường được gọi là Bái Công. Truyền thuyết nói trong chuyến suất lãnh dân phu đi xây dựng lăng mộ cho Tần Thủy Hoàng ở Ly Sơn, ông đã chém chết một con mãng xà. Sau đó, có một bà già khóc lóc bên vệ đường. Có người hỏi, bà lão đáp: “Con trai tôi là con của Bạch Đế, đã bị con của Xích Đế chém chết” rồi biến mất. Do truyền thuyết này (có thể là do các mưu sĩ của Lưu Bang loan tin đồn), nhiều người tin Lưu Bang có chân mạng đế vương. Ông khởi nghĩa, tham dự quân khởi nghĩa chống Tần của Hạng Lương (dòng dõi danh tướng Hạng Yên của nước Sở), lập nhiều chiến công. Sở Hoài Vương đã ước hẹn, ai vào Quan Trung trước sẽ được phong vương. Lưu Bang vào Hàm Dương trước, nhưng Hạng Vũ (cháu Hạng Lương) sau khi diệt nhà Tần đã nuốt lời giao ước, sát hại Sở Hoài Vương, chia Quan Trung làm bốn phần, phong

cho Lưu Bang làm Hán Vương cai trị vùng Hán Trung (bao gồm Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Thiểm Tây hiện thời) với mục đích giam lỏng tại đó. Hạng Vũ lại phong Chương Hàm, Đổng E, và Tư Mã Hân làm Tam Tàn Vương để ngăn chặn Lưu Bang tiến về Đông. Nhờ Trương Lương tìm được đường khác, Lưu Bang đã dẫn quân đánh về phía Đông, tấn công quân Sở. Sau một thời gian dài đánh nhau dằng dai với quân Sở, cuối cùng, Lưu Bang chiến thắng, lên ngôi Hoàng Đế vào năm 202 trước Công Nguyên và lập ra nhà Hán (Sử thường gọi là Tiền Hán hoặc Tây Hán). Ở đây, Hòa Thượng đã nhớ nhầm là năm 200 Tây Lịch. Từ khi nhà Hán thành lập vào năm 200 trước Công Nguyên cho đến khi nhà Thanh bị lật đổ bởi cách mạng Tân Hợi (năm 1911), vương triều Trung Hoa kéo dài gần 2.100 năm.

⁷⁰ Ngũ đường công khóa có nhiều cách hiểu. Theo cách hiểu phổ biến nhất, ngũ đường công khóa là năm khóa tụng niệm chính trong tụng lâm bao gồm công phu sáng, công phu tối, sám hối, cùng với các bài tụng khi thọ trai hai thời. Có thuyết thì cho rằng ngũ đường công khóa là khóa sáng, khóa tối, khóa tụng niệm hai thời thọ trai và cúng ngọc. Có thuyết giải thích khác như sau: Buổi sáng gồm hai đường (chú Lăng Nghiêm là một đường, đường kia là Đại Bi và Thập Chú), buổi tối ba đường (kinh Di Đà là một đường, Đại Sám Hối Văn là một đường nữa, và Mông Sơn Thí Thực là đường thứ ba).

⁷¹ Trong tiếng Hán, Khố (褲) là cái quần có hai ống, thường hiểu là quần dài (trouser), trong khi Quần (裙) lại là cái váy, bao gồm tất cả các loại skirt, jupe như trong hiện thời, kể cả các loại sarong. Thuở trước, phụ nữ không mặc quần dài. Hồng Quần chính là loại váy của phụ nữ có nhiều nếp xếp. Khố là danh từ chung chỉ loại quần có hai ống. Do đó, khi nói rõ quần dài (bất luận bằng chất liệu gì) sẽ gọi là Trường Khố, quần đùi, quần short là Đoản Khố, quần jean là Ngưu Tử Khố, quần short may ống phồng dành cho các nữ sinh mặc khi tập thể dục gọi là Đẳng Lung Khố (quần đèn lồng), loại quần bó (leggings) sẽ gọi là Khẩn Thân Khố, hoặc Nội Tháp Khố, quần lót gọi là Tiết Khố hoặc Nội Khố v.v... Còn cái khố như người Thượng mặc sẽ gọi là Triền Yêu Đới (纏腰帶). Chữ này đôi khi cũng dùng để chỉ các loại đai nhằm bảo vệ lưng. Riêng loại khố như các võ sĩ sumo của Nhật mặc thì gọi là Quân (禪, fundoshi).

⁷² Tùy phiến não (Upakleśa) có nghĩa là các món phiến não phụ thuộc, ở ngoài căn bản phiến não. Chúng gồm có hai mươi món, chia thành ba loại: 1. Tiểu Tùy: Phẫn (giận dữ), Hận (căm hờn), Nảo (sâu khổ, bức bối), Phú (che giấu), Cuồng (đối trá), Siểm (nịnh bợ), Kiêu (kiêu căng), Hại (mang ý tưởng làm hại người khác), Tật (ghen ghét), Xan (keo kiệt).

2. Trung Tỳ: Vô Tàm, Vô Quý.

3. Đại Tỳ: Bất Tín, Giải Đãi, Hôn Trầm, Trạo Cừ, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, Oai Tri (hiểu biết lệch lạc).

⁷³ Đây là một thành ngữ phổ biến tại Trung Hoa, phát xuất từ chương Quyển Tu của sách Quán Tử. Nguyên văn: “*Nhất niên chi kế, mạc như thụ cốc. Thập niên chi kế, mạc như thụ mộc. Chung thân chi kế, mạc như thụ nhân. Nhất thụ nhất hoạch giả, cốc dã. Nhất thụ thập hoạch giả, mộc dã. Nhất thụ, bách hoạch giả, nhân dã*” (Kế một năm, không gì bằng trồng ngũ cốc. Kế mười năm, không gì bằng trồng người. Kế suốt đời, không gì bằng trồng người. Trồng một, thu hoạch một là ngũ cốc. Trồng một thu mười là trồng cây. Trồng một thu trăm là trồng người). Quán Tử là tác phẩm ghi lại những nhận định của Quán Trọng (tên tự là Di Ngô), thừa tướng của Tề Hoàn Công.

⁷⁴ Trường quải (長褂, còn gọi là “trường sam”, 長衫) thường là loại áo dài có cổ cao như áo dài của Việt Nam. Cổ áo thường được viền bằng vải khác màu quanh cổ, xẻ vạt, không chít eo, tay áo hẹp. Đó là y phục của người thế tục. Trường quải của người xuất gia thì áo cài chéo như kiểu áo hải thanh, có vạt con đê che hai bên eo, tay hẹp. Đầu thời Dân Quốc, người ta đã biến chế áo Kỳ Bào của nữ giới (y phục của người Mãn Châu) thành loại áo chít eo, tay ngắn hoặc sát nách, bó sát bên hông và đùi, xẻ vạt lên nửa đùi, cũng gọi là “*trường sam*”, thường được biết với tên gọi “*xường sám*” (theo cách phát âm chữ “trường sám” trong tiếng Quảng Đông, đôi khi còn gọi là “áo dài Thượng Hải”). Tiểu quải (小褂) là loại áo ngắn, có cổ cao, cài một bên, tay hẹp, ta thường gọi là áo xằm. Nam giới thì cài chính giữa, cũng có cổ cao, hai hàng khuy. Tiểu quải của người xuất gia thì cổ áo may dần nhiều lớp, xẻ ở giữa, ta thường gọi là áo La Hán. Có lẽ áo vạt hò, áo vạt khách là một sáng chế riêng của người Việt dành cho người xuất gia. Thời Mãn Thanh, họ chế ra một loại áo có cổ cao, nhưng sát nách, không tay, thường viền bằng vải lụa hay gấm, hoa văn rực rỡ, gọi là “*mã quải*”. Mã quải thường mặc ra ngoài trường quải. Trường quải thời Thanh thường bằng vải trơn hay các thứ vải quý có màu sáng, hoa văn chìm, không rực rỡ như mã quải.

⁷⁵ Mi chú (眉註): Chú thích ngắn gọn ngay trên đầu một đoạn văn.

⁷⁶ Theo chế định của Phật giáo nguyên thủy, người xuất gia có ba y (Ticīvara):

1. An Đà Hội (Antarvāsa): Tức là tám y che phần dưới thân thể.

2. Uất Đa La Tăng (Uttarāsaṅga): Thượng y, để che thân. Là thứ y để mặc thường ngày.

3. Tăng Già Lê (Samghāti): Tăng già lê là đại y, mặc khi đi khát thực, tụng kinh, giảng kinh, thuyết pháp.

Theo truyền thống Trung Hoa, ba y được hiểu hơi khác. An Đà Hội tức là Tác Vụ Y là loại y mặc khi làm lụng, thường hiểu là y năm điều. Uất Đa La Tăng là nhập chúng y, tức là loại y tối thiểu có bảy điều, mặc trong khi tham gia các sinh hoạt của đại chúng. Mỗi điều gồm hai miếng dài, một miếng ngắn, may ghép thành một điều. Như vậy là tám y này có tất cả hai mươi một miếng vải. Khi nói năm điều, bảy điều, hoặc hai mươi lăm điều, tức là nói theo chiều dọc của tám y. Chẳng hạn y năm điều thì mỗi điều là một miếng dài, một miếng ngắn ghép thành một điều, nên tám y có tất cả mười miếng vải. Y tăng-già-lê thật ra có nhiều loại:

1. Hạ phẩm gồm các loại y chín điều, mười một điều, mười ba điều. Mỗi điều gồm một miếng ngắn, hai miếng dài.

2. Trung phẩm gồm các loại mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều. Mỗi điều gồm ba miếng dài, một miếng ngắn.

3. Thượng phẩm gồm hai mươi một điều, hai mươi ba điều và hai mươi lăm điều. Mỗi điều gồm bốn miếng dài, một miếng ngắn.

Hiện thời, hễ nói đến tăng-già-lê thì hầu như chỉ sử dụng loại hai mươi lăm điều.